

Kinh tạng Pali

(Pali Nikaya)

HT. THÍCH MINH CHÂU

Việt dịch

Ấn bản năm 1991

Phân loại theo chủ đề:

CHON TÍN TOÀN

NIKAYA PHÂN LOẠI TÌM KIẾM KHÁC



Chịu trách nhiệm chính tả:

TÂM MINH ANH

Ấn bản điện tử 2018

MỤC LỤC

DẪN NHẬP	31
1 Kālāma - Chớ có tin - Kinh CÁC VỊ Ở KESAPUTTA – Tầng I, 336	36
2 Kankha Revata - Đệ nhất Tu thiên - Kinh CÁC VỊ TỶ KHEO 2 - Tầng I, 50.....	47
3 Khema - Gương tu tập cho Tỷ-kheo ni - Kinh MONG CẦU – Tầng II, 128.....	49
4 Khema - Tuyên bố chánh trí, nhưng không đề cập đến tự ngã - Kinh KHEMA – Tầng III, 131	51
5 Khemà - Gương tu tập cho Tỷ-kheo ni - Kinh HY CẦU – Tầng I, 163	54
6 Khemà - Đệ nhất Đại trí tuệ - Kinh NỮ ĐỆ TỬ TỶ KHEO NI - Tầng I, 54.....	56
7 Khen chê cần thận - Con người được sanh ra với búa trong miệng - Kinh Kokàlika – Tầng I, 329	58

- 8 Khen chê cẩn thận - Con người được sanh ra với
búa trong miệng - Kinh Tudu brahmà – Tương
I, 327 65
- 9 Khen chê cẩn thận - Con người được sanh ra với
búa trong miệng - Kinh TỶ KHEO KOKÀLIKA
– Tăng IV, 467 68
- 10 Khen chê cẩn thận - Kinh GANH TỊ – Tăng II,
536.....76
- 11 Khen chê cẩn thận - Kinh KHÔNG TÁN THÁN
TƯƠNG XÚNG – Tăng II, 736 80
- 12 Khen chê cẩn thận - Kinh MẤT GỐC – Tăng I,
552.....82
- 13 Khen chê cẩn thận - Kinh SÁT SANH – Tăng I,
546.....85
- 14 Khen chê cẩn thận - Kinh TRI KIẾN – Tăng II,
537.....87
- 15 Khen chê cẩn thận - Kinh TÁN THÁN – Tăng
I, 713 90
- 16 Khen chê cẩn thận - Kinh TÁN THÁN – Tăng
II, 534.....93

- 17 Khen chê cẩn thận - Kinh XAN THAM 1 – Tăng II, 738.....95
- 18 Khen mình chê người - Kinh SỢ HÃI VÀ KHIẾP ĐẢM – 4 Trung I, 41 99
- 19 Khen mình chê người - Kinh TƯ LƯỢNG - 15 Trung I, 219 116
- 20 Khen mình chê người - Phi Chân nhân pháp và Chân nhân pháp - Kinh CHÂN NHÂN – 113 Trung III, 175.....128
- 21 Khen mình chê người - ĐẠI Kinh XÓM NGỰA – 39 Trung I, 593 142
- 22 Khen mình, chê người - Không tự khen pháp mình, không huỷ báng pháp người - Kinh SANDAKA – 76 Trung II, 377 161
- 23 Khen mình, chê người - Không tự khen pháp mình, không đề cập tự ngã - Kinh TÀ MẠNG ĐỆ TỬ – Tăng I, 393.....183
- 24 Khi Bỏ-tát từ cõi trời Đâu suất... - Kinh HY HỮU VỊ TĂNG HỮU PHÁP – 123 Trung III, 317.....187
- 25 Khi Bỏ-tát từ cõi trời Đâu suất... - Kinh VI DIỆU 1 – Tăng II, 61 200

- 26 Khi Bồ-tát từ cõi trời Đâu suất... - Kinh ĐẠI
BÁT NIẾT BÀN – 16 Trường I, 539 203
- 27 Khi Bồ-tát từ cõi trời Đâu suất... - Kinh ĐẠI
BỒN – 14 Trường I, 431 357
- 28 Khi Bồ-tát từ cõi trời Đâu suất... - Kinh ĐỘNG
ĐẤT – Tăng III, 697 437
- 29 Khi mắt thấy sắc, không có đẹp ý, không có phật
ý, trú xả, chánh niệm tỉnh giác - Kinh VAPPA –
Tăng II, 196.....446
- 30 Khi mắt thấy sắc, không ưa thích - Kinh ĐÁNG
ĐƯỢC CUNG KÍNH 1 – Tăng III, 9 454
- 31 Khi mắt thấy sắc, tư tưởng hướng về và đến gần
sắc - Kinh SỞ Y XỨ – Tăng I, 310 456
- 32 Khi một ai đạt đến... vị ấy biết mọi vật là thanh
tịnh - Kinh BA LÊ – 24 Trường II, 269 466
- 33 Khi một niệm khởi lên thì thác sanh - Vô Tưởng
Thiên - Kinh BA LÊ – 24 Trường II, 269 514
- 34 Khi một niệm khởi lên thì thác sanh - Vô Tưởng
Thiên - Kinh PHẠM VĨNG – 1 Trường I, 11
.....562

- 35 Khi nào không phải nương tựa một ai - TIỂU
Kinh SACCAKA – 35 Trung I, 499.....641
- 36 Khi thân hoại mạng chung chứng được... - Kinh
NGƯỜI XÚNG ĐÁNG ĐƯỢC CUNG KÍNH –
Tăng III, 482 662
- 37 Khi thân hoại mạng chung chứng được... - Kinh
VỚI MỘT VÀI NỖ LỰC – Tăng II, 111 669
- 38 Khi thân hoại mạng chung chứng được... - Kinh
KHÔNG THƯỜNG XUYÊN – Tăng III, 292
.....673
- 39 Khinh an - 10 khinh an - Kinh Sống Một Mình
– Tương IV, 349 677
- 40 Khinh an - 6 khinh an - Kinh Tám Lần 1 –
Tương IV, Atthaka – Tương IV, 357 681
- 41 Khinh an - Thiên thứ tư thân hành được khinh
an - Kinh TRÁNH NẾ – Tăng I, 626 685
- 42 Khinh khi - Kinh QUYẾT ĐỊNH TÁNH VỀ
DIỆU PHÁP 1 – Tăng II, 595 688
- 43 Khinh rẻ - Kinh CHO LÀ KHINH – Tăng II, 578
.....693

- 44 Khiếp đảm và sợ hãi - Kinh SỢ HÃI VÀ KHIẾP ĐẢM – 4 Trung I, 41 696
- 45 Khiếp đảm và sợ hãi - Nếu có ước nguyện mong rằng - Kinh ƯỚC NGUYỆN – 6 Trung I, 79 713
- 46 Khoan đặt lòng tin tuyệt đối - Kinh CANKI – 95 Trung II, 715 721
- 47 Khujjuttar - Nữ cư sĩ đệ nhất Thanh văn - Kinh NỮ CƯ SĨ - Tăng I, 56 747
- 48 Khujjuttarà - Gương tu tập cho nữ cư sĩ - Kinh HY CẦU – Tăng I, 163 749
- 49 Khujjuttarà - Gương tu tập cho nữ cư sĩ - Kinh MONG CẦU – Tăng II, 128.....751
- 50 Khuyên người sắp mạng chung - Kinh CÓ LÒNG TỪ MÃN – Tăng II, 736 753
- 51 Khác nhau - Thân đồng, Tướng khác nhau - 7 thức trú - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567.....755
- 52 Khác nhau - Thân đồng, Tướng khác nhau - 7 thức trú - Kinh THỨC TRÚ – Tăng III, 332757

- 53 Khác nhau - Thân đồng, Tướng khác nhau - 7 thức trú và 2 xứ - Kinh ĐẠI DUYÊN – 15 Trường I, 511 759
- 54 Khác nhau - Thân đồng, Tướng khác nhau - 9 chỗ hữu tình cư trú - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567.....789
- 55 Khác nhau - Thân đồng, Tướng khác nhau - 9 chỗ hữu tình cư trú - Kinh CÁC LOÀI HỮU TÌNH – Tăng IV, 141 792
- 56 Khát vọng tu tập - 7 pháp đáng được tán thán - Kinh THỪ DIỆU SỰ 1 – Tăng III, 327.....795
- 57 Khát ái - Là con đường đưa đến thọ tập khởi - Kinh Vị Tỷ Kheo – Tương IV, 373 799
- 58 *Khát ái - dục khát ái, hữu khát ái, phi hữu khát ái - Kinh Phẩm Tâm Cầu – Tương V, 86.....801*
- 59 Khát ái - Đã nhờ lên cột trụ - Kinh VÍ DỤ CON RẮN – 22 Trung I, 295.....821
- 60 Khéo biết - Nay Ta khéo biết đv đời này - TIỂU Kinh NGƯỜI CHẶN BÒ - 34 Trung I, 493 851
- 61 Khéo thuyết - Vì sao nói Pháp được Thế Tôn khéo thuyết - Kinh NHỮNG TUYÊN BỐ VỀ PHÁP – Tăng IV, 285.....857

- 62 Khéo tích tập với trí tuệ - Kinh TRÍ TUỆ – Tăng IV, 142 862
- 63 Khéo tích tập với trí tuệ - Kinh TRỤ ĐÁ – Tăng IV, 143 864
- 64 Khích lệ người thân tu tập 4 niệm xứ - Kinh Thân Hữu – Tương V, 294 869
- 65 Khó tu, dễ tu - Bản tánh sanh ra quá nặng về tham ái - TIỂU Kinh PHÁP HÀNH – 45 Trung I, 669 871
- 66 Khó tu, dễ tu - Không có thần lực hay uy lực để ra lệnh... - Kinh CẤP THIẾT – Tăng I, 435.880
- 67 Khó tu, dễ tu - Tu bao lâu thì chứng đắc - Kinh BỒ ĐỀ VƯƠNG TỬ – 85 Trung II, 565 883
- 68 Khó tu, dễ tu - Tu nhanh, chậm, sướng khổ - Kinh SÀRIPUTTA VÀ MOGGALLĀNA – Tăng II, 109.....895
- 69 Khó tu, dễ tu - Tu tập nhanh chậm khác nhau ở chỗ nào - Kinh KANNAKATTHALA – 90 Trung II, 627 898
- 70 Khó tu, dễ tu - Tập khí khác nhau nên tu tập nhanh, chậm, sướng, khổ khác nhau - Kinh VỚI CHI TIẾT – Tăng II, 99 914

- 71 Khóc là sức mạnh của con nít - Kinh SỨC MẠNH 1 – Tăng III, 587.....920
- 72 Khói đen bay tìm thức của Tỷ kheo - Kinh Godhika – Tương I, 267 921
- 73 Khói đen bay tìm thức của Tỷ kheo - Kinh Vakkàli – Tương III, 216.....926
- 74 Khôn khéo - 5 thiện xảo - Kinh ĐƯA ĐẾN BIẾT – Tăng II, 633.....937
- 75 Khôn ngu - Con đường đưa đến khôn hay ngu - Kinh TIỂU NGHIỆP PHÂN BIỆT – 135 Trung III, 473 939
- 76 Không - Chứng đạt nội không - Kinh ĐẠI KHÔNG – 122 Trung III, 301.....948
- 77 Không - Không Tánh - Cứu cánh vô thượng thanh tịnh không tánh - Kinh TIỂU KHÔNG – 121 Trung III, 291.....964
- 78 Không - Tôn giả Sariputta phần lớn an trú với không trú - Kinh KHẮT THỰC THANH TỊNH – 151 Trung III, 655.....975
- 79 Không Lắng nghe là không có duyên - Kinh CÁC VẤN ĐỀ ĐƯỢC NÓI ĐẾN – Tăng I, 355 984

- 80 Không Phải Là Món Ăn Cho Các Giác Chi –
Tương V, 170.....990
- 81 Không Tánh - Cứu cánh vô thượng thanh tịnh
không tánh này - Kinh TIỂU KHÔNG – 121
Trung III, 291.....994
- 82 Không Tánh - Sự an trú của bậc Đại nhân - Kinh
KHẮT THỰC THANH TỊNH – 151 Trung III,
655.....1005
- 83 Không bao giờ thoả mãn - Kinh KHÔNG
THỎA MÃN – Tăng I, 473 1014
- 84 Không bao giờ vừa đủ - Kinh HATTHAKA –
Tăng I, 508.....1015
- 85 Không bao lâu nhập vào bất động - Kinh NGHE
PHÁP – Tăng II, 503 1018
- 86 Không bao lâu nhập vào bất động - Kinh NÓI
CHUYỆN – Tăng II, 504.....1020
- 87 Không bao lâu nhập vào bất động - Kinh RỪNG
– Tăng II, 505 1022
- 88 Không bao lâu sẽ nghĩ đến xuất gia - Kinh
HATTHISÀRIPUTTA – Tăng III, 183 1023

- 89 Không bao lâu thể nhập vào bất động - Kinh
BẤT ĐỘNG – Tăng II, 503.....1032
- 90 Không bao lâu đạt sự lớn mạnh.. - Kinh LỚN
MẠNH – Tăng III, 244.....1036
- 91 Không bao lâu đạt được lậu tận - Kinh BẢY
PHÁP – Tăng III, 395.....1037
- 92 Không bao lâu đạt đến lớn mạnh các thiện pháp
- Kinh NGƯỜI BUÔN BÁN 2 – Tăng I, 207
.....1038
- 93 Không bí mật, không che dấu - Kinh CHE GIẤU
– Tăng I, 516.....1041
- 94 Không bệnh lợi tối thượng - Kinh
MAGANDIYA – 75 Trung II, 353.....1043
- 95 Không chấp thủ Bát Niết bàn - Kinh SANH
THÚ CỦA LOÀI NGƯỜI – Tăng III, 371 1066
- 96 Không còn tái sinh nữa - Kinh DÂM DỤC –
Tăng III, 349 1076
- 97 Không còn tái sinh nữa - Kinh TAGAYÀ –
Tăng III, 688 1080
- 98 Không còn tái sinh nữa - Kinh TAPUSSA –
Tăng IV, 195 1085

- 99 Không có ai bằng trí tuệ của Ta - Kinh KASSAPA – 8 Trường I, 281 1104
- 100 Không có con mắt nào có thể thấy Phật sau khi Ngài nhập diệt - Kinh AGGIVACCHAGOTTA - 72 Trung II, 313 1131
- 101 Không có con mắt nào có thể thấy Phật sau khi Ngài nhập diệt - Kinh PHẠM VÕNG – 1 Trường I, 11 1144
- 102 Không có con mắt nào có thể thấy Phật sau khi Ngài nhập diệt - Kinh Thế Giới – Tương IV, 93 1223
- 103 Không có con mắt nào... - Ngay trong hiện tại, không tìm được... - Kinh Anuràdha – Tương III, 210.....1225
- 104 Không có gì còn lại để hiểu biết hơn nữa - Kinh TỰ HOAN HỖ – 28 Trường II, 415 1232
- 105 Không có gì sanh ra lại không bị tử vong - Kinh Tuổi Thọ – Tương I, 240 1261
- 106 Không có một đền ơn nào xứng đáng đv... - Kinh PHÂN BIỆT CÚNG DƯỜNG – 142 Trung III, 569.....1263

- 107 Không có người ngang bằng - Kinh NHƯ LAI –
Tăng I, 46 1276
- 108 Không có quả lớn - Kinh VAI THÔ BẰNG VỎ
CÂY – Tăng I, 446 1279
- 109 Không có thần lực hay uy lực nào để ra lệnh -
Kinh CẤP THIẾT – Tăng I, 435 1284
- 110 Không có thể... do đếm số năm - Kinh THÙ
DIỆU SỰ 1 – Tăng III, 327 1287
- 111 Không có tái sanh - Kinh MẶT TRỜI – Tăng
III, 418 1293
- 112 Không có tướng tượng điều đã thấy - Kinh
KÀLAKA – Tăng I, 594.....1302
- 113 Không có đôi khác... - Kinh CẦN PHẢI KHÍCH
LỆ – Tăng I, 402.....1305
- 114 Không có đôi khác... - Kinh Thân Hữu 1 –
Tương V, 535.....1308
- 115 Không có đời sau là Ác tà kiến - Kinh TỆ TÚC
– 23 Trường II, 217.....1314
- 116 Không cảm thọ xứ ấy - Kinh TÔN GIẢ
ÀNANDA – Tăng IV, 179 1366

- 117 Không cần xin phép, bỏ đi ngay - Kinh KHU
RỪNG - 17 Trung I, 239 1370
- 118 Không khen mình chê người - Kinh PHÚNG
TỤNG – 33 Trường II, 567 1378
- 119 Không làm ác, Làm việc lành.. - Kinh THÀNH
TRÌ – Tăng III, 426.....1381
- 120 Không muốn cũng được - Kinh TỶ KHEO
KÀLAKA – Tăng IV, 459 1392
- 121 Không muốn người ta biết - Kinh TÔN GIẢ
ANURUNDHA – Tăng III, 594 1400
- 122 Không nghĩ mình là bất cứ vật gì.. - Kinh CHÂN
NHÂN – 113 Trung III, 175 1413
- 123 Không nhân không duyên - Tà kiến này có hại
gì - Kinh SỞ Y XỨ – Tăng I, 310 1427
- 124 Không như thật rõ biết pháp này dự phần vào.. -
Kinh CHÚNG NHÂN – Tăng III, 235 1437
- 125 Không nên chế ngự ý, Hoàn toàn về mọi mặt -
Kinh Chế Ngự Tâm – Tương I, 37 1439
- 126 Không nên giao công việc - Kinh NGƯỜI TRI
PHẠM – Tăng II, 751 1440

- 127 Không nên hỏi như vậy - Kinh LỬA 2 – Tăng III, 334 1445
- 128 Không nên đo lường các hạng người - Kinh MIGASÀLÀ – Tăng IV, 421.....1454
- 129 Không nên đến gia đình này - Kinh GIA ĐÌNH – Tăng IV, 117 1465
- 130 Không nương tựa một ai - Khi nào - TIỂU Kinh SACCAKA – 35 Trung I, 499 1467
- 131 Không phòng hộ thân - dục tình phá hoại tâm vị ấy - Kinh CATUMA – 67 Trung II, 253 1488
- 132 Không phóng dật, niệm và Tâm hộ trì - Kinh HỘ TRÌ – Tăng II, 43 1503
- 133 Không phải do cầu xin mà được - Không có thần lực nào để... - Kinh CẤP THIẾT – Tăng I, 435 1505
- 134 Không phải do cầu xin mà được - Kinh KHẢ LẠC – Tăng II, 379 1508
- 135 Không phải do cầu xin mà được - Kinh Kinh TEVIJJA – 13 Trường I, 401.....1512

- 136 Không phải do cầu xin mà được - Kinh Người
Đất Phương Tây hay Người Đã Chết – Tương
IV, 488 1540
- 137 Không phải do cầu xin mà được - Kinh UTTIYA
– Tăng IV, 502 1545
- 138 Không phải là Tỷ kheo của Ta - Kinh KẼ LỪA
DỐI – Tăng I, 598.....1550
- 139 Không phải lời dạy của Thế Tôn - Kinh THÔNG
ĐIỆP – Tăng III, 479 1552
- 140 Không phải thời - 9 bất thời bất tiết - Kinh
PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567 1554
- 141 Không phải với cái hạ liệt có thể đạt được cái
cao thượng - Kinh Mười Lục – Tương II, 56
.....1557
- 142 Không sinh ra một nơi nào, một chỗ nào - Kinh
HÀNH SANH – 120 Trung III, 283.....1561
- 143 Không tham, không sân, chánh niệm, chánh
định - Kinh CÁC DU SĨ – Tăng I, 605 1569
- 144 Không tham, không sân, chánh niệm, chánh
định - Kinh PHÁP CÚ – Tăng I, 604 1574

- 145 Không thiên chấp tất cả pháp - Kinh NGŨ
NGŨC – Tăng III, 396.....1576
- 146 Không thoát được nữ tánh, nam tánh - Kinh HỆ
LỤY – Tăng III, 352.....1585
- 147 Không thể - 27 Sự kiện không thể xảy ra - Kinh
ĐA GIỚI – 115 Trung III, 217 1589
- 148 Không thể - Người đầy đủ tri kiến không thể... -
Kinh CHẤP NHẬN CÁC HÀNH LÀ
THƯỜNG CÒN – Tăng I, 58 1604
- 149 Không thể - Người đầy đủ tri kiến không thể... -
Kinh LÀM CHO SANH KHỎI – Tăng III, 254
.....1610
- 150 Không thể bước vào quyết định tánh - Kinh
CHƯỞNG NGẠI – Tăng III, 250.....1615
- 151 Không thể chứng Sơ thiên nếu.. - Kinh THIỀN
1 – Tăng III, 238 1617
- 152 Không thể chứng ngộ quả Alahán - Kinh
ALAHÁN QUẢ – Tăng III, 241 1619
- 153 Không thể chứng ngộ quả Alahán - Kinh
KHÔNG THỂ TĂNG TRƯỞNG – Tăng IV,
526.....1620

- 154 Không thể chứng ngộ quả Alahán - Kinh PHÁP
TỐI THƯỢNG – Tăng III, 246 1621
- 155 Không thể chứng ngộ thượng nhân pháp - Kinh
THƯỢNG NHÂN PHÁP – Tăng III, 242..1623
- 156 Không thể chứng ngộ vô thượng thanh lương -
Kinh MÁT LẠNH – Tăng III, 249.....1625
- 157 Không thể chứng được tri kiến vô thượng Bồ đề
- Kinh SÀLHA – Tăng II, 204.....1627
- 158 Không thể chứng được tri kiến đầy đủ - Kinh
CẦN PHẢI ĐOẠN TẬN – Tăng III, 253 ..1632
- 159 Không thể có 2 Đức Phật cùng một thời điểm -
Kinh ĐẠI ĐIỂN TÔN – 19 Trường II, 81 .1634
- 160 Không thể có sự kiện một người bất chánh có
thể... - TIỂU Kinh MÃN NGUYỆT – 110
Trung III, 145.....1683
- 161 Không thể có được bằng cách cầu xin - Kinh
KHẢ LẠC – Tăng II, 379.....1692
- 162 Không thể làm hành động gì mà - Kinh Con Mất
– Tương III, 369.....1696
- 163 Không thể mạng chung cho đến khi - Kinh
THIÊN SỨ – 130 Trung III, 425 1699

- 164 Không thể nghĩ bàn - Kinh
AGGIVACCHAGOTTA – 72 Trung II, 313
.....1717
- 165 Không thể nghĩ được - Kinh KHÔNG CÓ THỂ
NGHĨ ĐƯỢC – Tăng I, 706 1730
- 166 Không thể nhập vào chánh tánh - Kinh
CHUỐNG NGẠI – Tăng III, 250.....1732
- 167 Không thể nhập vào chánh tánh - Kinh KHÔNG
ƯA NGHE – Tăng III, 252.....1734
- 168 Không thể nhập vào chánh tánh - Kinh NGHIỆP
CHUỐNG – Tăng III, 251 1736
- 169 Không thể nhập vào chánh tánh - Kinh NGƯỜI
BỆNH – Tăng I, 214.....1738
- 170 Không thể nhập vào chánh tánh - Kinh QUYẾT
ĐỊNH TÁNH VỀ DIỆU PHÁP 1 – Tăng II, 595
.....1741
- 171 Không thể nhập vào chánh tánh - Kinh VÔ
THƯỜNG – Tăng III, 259.....1746
- 172 Không thể thêm bớt Chánh pháp, nếu thêm bớt
là THẤY MÀ KHÔNG THẤY - Kinh THANH
TỊNH – 29 Trường II, 441 1748

- 173 Không thể thấy Phật ... - Ngay trong hiện tại, không tìm được... - Kinh Anuràdha – Tương III, 210.....1787
- 174 Không thể thấy Phật sau Ngài nhập diệt - Kinh AGGIVACCHAGOTTA - 72 Trung II, 313 1794
- 175 Không thể thấy Phật sau Ngài nhập diệt - Kinh Thế Giới – Tương IV, 93 1807
- 176 Không thể thấy được Đức Phật - Kinh PHẠM VÕNG – 1 Trường I, 11 1809
- 177 Không thể thôi đoạ - Kinh KHÔNG THỂ RỜI XUỐNG – Tăng I, 623 1888
- 178 Không thể tiến bộ - 10 pháp - Kinh CÂU HỎI VỀ CHÁNH TRÍ – Tăng IV, 454.....1891
- 179 Không thể tiến bộ - Kinh ÀNANDA – Tăng IV, 444.....1896
- 180 Không thể tu tập 4nx - Kinh QUÁN 1 – Tăng III, 270 1898
- 181 Không thể đo lường - Kinh MIGASALA – Tăng III, 110 1900

- 182 Không thể đạt được chánh định - Kinh THIỀN ĐỊNH – Tăng II, 531 1907
- 183 Không thể đạt được sức mạnh trong thiền định - Kinh SỨC MẠNH – Tăng III, 237.....1909
- 184 Không thể đạt được địa vị chứng nhân - Kinh CHÚNG NHÂN – Tăng III, 235.....1911
- 185 Không thể đạt đến tận cùng thế giới - Kinh ROHITASSA 1 – Tăng I, 641 1913
- 186 Không thể đền ơn hết cho 3 hạng người - Kinh NHIỀU LỢI ÍCH – Tăng I, 219.....1920
- 187 Không trước sau mà cùng một lúc - Kinh NGƯỜI XỨNG ĐÁNG ĐƯỢC CUNG KÍNH – Tăng III, 482 1922
- 188 Không trước sau mà cùng một lúc - Kinh KHÔNG THƯỜNG XUYỀN – Tăng III, 292 1929
- 189 Không trả lời - TIỂU Kinh MALUNKYA – 63 Trung II, 193 1933
- 190 Không trả lời - Vì sao Thế Tôn không trả lời - Kinh POTTHAPADA – 9 Trường I, 311 ...1946

- 191 Không trả lời - Vì sao Vị nghe nhiều không khởi
lên nghi ngờ về... - Kinh KHÔNG TUYÊN BỐ
– Tăng III, 368 1985
- 192 Không tán thán, không huỷ báng, mà đem đôi
chiếu - Kinh CĂN CỨ ĐỊA – Tăng II, 1341990
- 193 Không tâm giải thoát - Kinh Godatta – Tương
IV, 464 1997
- 194 Không tâm giải thoát - ĐẠI Kinh PHƯƠNG
QUẢNG - 43 Trung I, 639 2002
- 195 Không tìm được dấu vết - Kinh VÍ DỤ CON
RẮN – 22 Trung I, 295.....2018
- 196 Không đáng quan tâm - Kinh KESI – Tăng II,
26.....2048
- 197 Không được ái mộ - Kinh CÁC PHÁP KHÔNG
ĐƯỢC ÁI MỘ 1 – Tăng III, 494.....2053
- 198 Không định, Vô tướng định, Vô nguyện định -
Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567 2057
- 199 Không định, Vô tướng định, Vô nguyện định -
Kinh ĐỊNH – Tăng I, 547.....2058
- 200 Không ưa thích các vị tu Thiền - Kinh
MAHÀCUNDA – Tăng III, 124 2060

201 Khả ái - Cái gì là khả ái ở đời Con mắt là khả ái... - Kinh Xúc Chạm Biết Rõ – Tương II, 191	2063
202 Khẩn cầu - Bờ bên kia, hãy lại đây - Kinh TEVIJJA – 13 Trường I, 401.....	2073
203 Khẩn na la - Nguyên nhân không nói lên tiếng người - Kinh PHẨM NGƯỜI – Tăng I, 144	2101
204 Khổ hạnh của Đức Bồ-tát - ĐẠI Kinh SACCAKA – 36 Trung I, 521.....	2102
205 Khổ hạnh của Đức Bồ-tát - ĐẠI Kinh SỰ TỬ HỒNG – 12 Trung I, 161.....	2130
206 Khởi nguyên của thế giới - Kinh BA LÊ – 24 Trường II, 269.....	2162
207 Khởi nguyên của thế giới - Kinh KHỞI THẾ NHÂN BỒN – 27 Trường II, 387	2210
208 Khởi nguyên của thế giới - Kinh PHẠM VĨNG – 1 Trường I, 11	2238
209 Khởi tâm - Kinh SỰ THÙ DIỆU – Tăng III, 295	2317

- 210 Khởi tâm tu như thế nào - Kinh ĐOẠN GIẢM
– 8 Trung I, 97 2319
- 211 Khởi điểm của hữu ái không thể nêu rõ - Kinh
HỮU ÁI – Tăng IV, 397.....2337
- 212 Khởi điểm của vô minh là không thể nêu rõ -
Kinh VÔ MINH – Tăng IV, 391 2339
- 213 Kim cang - Bạc Lậu tận Tâm ví như kim cang -
Kinh VẾT THƯỜNG LÀM MỦ – Tăng I, 220
.....2347
- 214 Kim chỉ nam trong mọi hành động - Kinh NÊN
HÀNH TRÌ KHÔNG NÊN HÀNH TRÌ – 114
Trung III, 191.....2349
- 215 Kim xí điều - Kinh Tương Ứng Kim Xí Điều –
Tương III, 399.....2376
- 216 Kimbila - 5 nguyên nhân diệu pháp biến mất -
Kinh KIMBILA – Tăng II, 707 2382
- 217 Kimbila - 6 nguyên nhân diệu pháp biến mất -
Kinh TÔN GIẢ KIMBILA – Tăng III, 97 .2384
- 218 Kimbila - 7 nguyên nhân diệu pháp biến mất -
Kinh KIMBILA – Tăng III, 394.....2386

- 219 Kinh Pháp Cú - Có pháp hơn bố thí, Pháp ấy là
Pháp cú - Kinh Lành Thay – Tương I, 49 ..2389
- 220 Kinh Pháp Cú - Kẻ ấy Ta mới gọi, Chánh danh
Balamon - Kinh VASETTA – 98 Trung II,
775.....2395
- 221 Kinh Pháp Cú - Thoát nạn quỷ nhờ nghe và hành
trì Pháp Cú - Kinh Piyankara - Tương I, 462
.....2411
- 222 Kinh Pháp cú - Chư Thiên thích nghe đọc tụng
Pháp cú - Kinh Tụng Học Kinh Điển Hay Pháp
– Tương I, 445 2413
- 223 Kinh Pháp cú - Nó mắng tôi đánh tôi - Kinh
TÙY PHIỀN NÃO – 128 Trung III, 379....2415
- 224 Kinh Pháp cú - Nếu được bạn hiền trí - Kinh
TÙY PHIỀN NÃO – 128 Trung III, 379....2434
- 225 Kinh Pháp cú - Pháp cú là những lời chỉ dạy của
Đức Phật - Kinh Vendu – Tương I, 120 2453
- 226 Kinh Pháp cú - Thắng trận sanh thù oán - Kinh
Hai Lời Nói Về Chiến Tranh – Tương I, 188
.....2454
- 227 Kinh hay quá - Kinh Khổ Pháp – Tương IV, 306
.....2460

228 Kinh này hay quá - Kinh Khổ Pháp - Tương IV, 306.....	2467
229 Kinh thật hay Kinh giả - Kinh PHÁP TÓM TẮT – Tăng III, 660	2474
230 Kinh thật hay Kinh giả - Kinh THÔNG ĐIỆP – Tăng III, 479	2476
231 Kisàgotami - Đệ nhất Mang thô y - Kinh NỮ ĐỆ TỬ TỶ KHEO NI - Tăng I, 54	2478
232 Kiên trì - Kinh SỨC MẠNH – Tăng III, 237	2480
233 Kiên trì khi hoạn nạn - Kinh TRƯỜNG HỢP – Tăng II, 177.....	2482
234 Kiến chí - Có Tuệ căn tăng thượng - Kinh CHỨNG THỰC VỚI THÂN – Tăng I, 210	2489
235 Kiến chí - Có dư y - Kinh TISSA – Tăng III, 379	2493
236 Kiến đáo - Định nghĩa - Kinh KITAGIRI – 70 Trung II, 291	2500
237 Kiến đắc - Kinh NÊN HÀNH TRÌ KHÔNG NÊN HÀNH TRÌ – 114 Trung III, 191	2520

238 Kiến định - 4 loại kiến định - Kinh TỰ HOAN HỖ – 28 Trường II, 415.....	2547
239 Kiếp - 4 vô lượng của kiếp - Kinh KIẾP – Tăng II, 85	2576
240 Kiếp - Có bao nhiêu kiếp đã qua, đã vượt qua - Kinh Các Đệ Tử – Tương II, 317	2577
241 Kiếp - Kinh TỪ 1 – Tăng II, 58.....	2581
242 Kiếp - Một kiếp dài như thế nào - Kinh Hộ Cải – Tương II, 316	2586
243 Kiếp - Một kiếp dài như thế nào - Kinh Núi – Tương II, 315	2588
244 Kiếp - Thời kiếp giảm - Kinh ĐẠI BỒN – 14 Trường I, 431	2590
245 Kiều-Trần-Như - Chắc chắn đã giác hiểu là... - Kinh Như Lai Thuyết 1 – Tương V, 610....	2670
246 Kiện tụng - Kinh PHẨM NGƯỜI – Tăng I, 144	2677
247 Kokàlika - Con người được sanh ra, Sanh với búa trong miệng - Kinh Kokàlika – Tương I, 329	2683

- 248 Kokàlika - Con người được sanh ra, Sanh với
búa trong miệng - Kinh Tudu brahmà – Tương
I, 327 2690
- 249 Kokàlika - Con người được sanh ra, Sanh với
búa trong miệng - Kinh TỶ KHEO KOKÀLIKA
– Tăng IV, 467 2693
- 250 Kondanna - Chuyển Pháp Luân - Kinh Như Lai
Thuyết 1 – Tương V, 610 2701
- 251 Kondanna - Chuyển Pháp Luân - Kinh Năm Vị
– Tương III, 125.....2710
- 252 Kondanna - Kinh Kondanna Kiều Trần Như –
Tương I, 425 2715
- 253 Kumara Kassapa - Đệ nhất Thuyết giảng vi diệu
- Kinh CÁC VỊ TỶ KHEO 3 - Tăng I, 51 ..2718
- 254 Kumarakassapa - Kinh GÒ MỐI - 23 Trung I,
323.....2720
- 255 Kunda Dhàna - Là vị đầu tiên nhận phiếu ăn cơm
- Kinh CÁC VỊ TỶ KHEO 3 - Tăng I, 51 ..2726
- 256 Kàludàyì - Đệ nhất Làm các gia đình hoan hỷ -
Kinh CÁC VỊ TỶ KHEO 4 - Tăng I, 52 2728

- 257 Kàlì - Nữ cư sĩ tối thắng Có lòng tịnh tín với lời
nghe đồn - Kinh NỮ CƯ SĨ - Tăng I, 56....2730
- 258 Kàtiyàni - Nữ cư sĩ đệ nhất Có lòng tịnh tín bất
động - Kinh NỮ CƯ SĨ - Tăng I, 56 2732
- 259 Kính Pháp - 8 Kính Pháp - Kinh
MAHÀPAJÀPATÌ GOTAMÌ – Tăng III, 649
.....2734
- 260 Ký tâm - 4 loại ký tâm - Kinh TỰ HOAN HỖ –
28 Trường II, 415.....2744
- 261 Kẻ ngu và người trí - Kinh HY CẦU – Tăng I,
163.....2773
- 262 Kẻ ngu và người trí - Kinh HÀNH ĐỘNG –
Tăng II, 297.....2779
- 263 Kẻ ngu và người trí - Kinh KẼ NGU – Tăng I,
155.....2781
- 264 Kẻ ngu và người trí - Kinh ĐA GIỚI – 115
Trung III, 217.....2788
- 265 Kẻ ngu và người trí - Kinh KHÔNG THIỆN –
Tăng I, 537 2804
- 266 Kẻ đạo tặc hạ liệt - Kinh VÍ DỤ CÁI CỬA – 21
Trung I, 277 2810

267	Kết luận một chiều - Kinh CANKI – 95 Trung II, 715.....	2828
268	Kết quả thiết thực của người tu - Kinh SAMÔN QUẢ – 2 Trường I, 93	2854
269	Kết tội ai - Kinh BUỘC TỘI – Tăng II, 627	2916
270	không nên đến gia đình này - Kinh GIA ĐÌNH – Tăng III, 287	2923
271	không đúng thời - Kinh KHÔNG PHẢI THỜI – Tăng III, 590	2924

DẪN NHẬP

1. Lời giới thiệu

- Sau khi nhận thấy tính thực tế, gần gũi, dễ hiểu và trí tuệ tuyệt diệu trong những bài kinh của bộ ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM do Hoà Thượng Thích Minh Châu dịch trực tiếp từ Kinh Tạng Pali, chúng tôi nhận thấy rằng những bộ kinh này là những thực tế tuyệt diệu trong cuộc sống và nếu những bài kinh này không được tiếp cận và áp dụng trong cộng đồng Phật tử thì thật là một thiệt thòi cho những người con của Phật.
- Ví như một người khi nếm được hương vị tuyệt vời của một chiếc bánh ngon, lòng nghĩ tới những người thân thương của mình và đem đến mời họ cùng ăn với mình, đó chính là tâm niệm của chúng tôi khi thực hiện công việc này. Chúng tôi với tấm lòng chân thành sâu sắc cầu mong cho mọi người cùng có thể tiếp cận được với Kinh Tạng Pali (kinh Nikaya) và tìm được chân đứng trong bộ kinh này.
- Vì vậy, nhằm giới thiệu bộ kinh Nikaya đến với cộng đồng Phật tử ở khắp nơi và nhằm giúp cho quý đạo hữu dễ dàng tiếp cận với kinh Nikaya nên trong phiên bản vi tính này chúng tôi đã mạo muội cẩn thận **đánh**

dầu, tô màu những điểm căn bản và trọng tâm trong các bài kinh để quý đọc giả có thể nhanh chóng nắm hiểu được nội dung, ý nghĩa và những điểm quan trọng của bài kinh. Công việc này đã được chúng tôi thực hiện dựa trên sự thấy biết và kinh nghiệm thực hành của bản thân, quý đạo hữu cố gắng đọc đi đọc lại và suy nghiệm kỹ từng lời kinh rồi đem áp dụng thực hành để có thể tự mình thành tựu Tuệ giác như Đức Phật đã chỉ dạy.

2. Lợi ích của việc nghiên cứu học hỏi bộ kinh này là gì?

- Đi thẳng vào lời dạy của Đức Phật, tiếp cận trực tiếp với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, tránh được sự truyền tải ý nghĩa giáo pháp có khi đúng, có khi lệch của các vị này vị kia, tránh được việc đến với đạo Phật nhưng nhìn nhận và hiểu biết đạo Phật thông qua lăng kính của người khác.
- Biết được với những sự kiện đã từng xảy ra trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế như: hoàn cảnh xã hội thời đó, đời sống thực tế của Đức Phật và các cuộc thuyết giảng Chánh Pháp của Ngài.
- Trí tuệ được mở rộng, biết được đôi phần về trí tuệ thâm sâu vi diệu của Đức Phật qua các bài thuyết

giảng của Ngài và qua các cuộc cật vấn, chất vấn của ngoại đạo.

- Được làm quen với các Pháp học và Pháp hành mà Đức Phật đã trình bày dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Học hỏi được nhiều cách tu tập, nhiều phương diện tu tập, không bị hạn chế bó buộc trong một phương diện tu tập theo một trường phái nào.*
- Có được một cái nhìn trực tiếp, trực diện đối với Chánh Pháp, giúp cho người tu tập không đi lệch ra ngoài Chánh Pháp, không làm uổng phí thời gian và công sức mà người tu tập đã bỏ ra để nghiên cứu tìm hiểu học hỏi và thực hành Phật Pháp, giúp cho nhiệt tình và ước nguyện của người tu học chân chánh được thành đạt, có kết quả tốt đẹp và lợi ích thiết thực ngay trong đời sống hiện tại.*
- Có được đầy đủ những phương tiện để thực hiện Pháp học và Pháp hành, biết rõ những gì mình cần phải làm trên con đường đi đến sự chấm dứt khổ đau.*
- Trong khi đọc, nghe, nghiên cứu, học hỏi các bản kinh thì tâm được an trú vào trong Chánh Tri Kiến, tham sân si được vắng mặt trong lúc ấy, tâm được an trú vào trong Chánh Pháp.*

- Ngay trong hiện tại gieo kết được những thiện duyên tốt lành đối với Chánh Pháp của Đức Phật, có thể thẳng tiến đến việc tu tập sự giải thoát sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Nhưng nếu ngay trong hiện tại không đạt được sự giải thoát thì những thiện duyên này sẽ giúp được cho các đời sau: khi được sanh ra, tâm luôn hướng về sự tìm cầu Chánh Pháp, yêu thích tìm kiếm những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật, và đồng thời tâm cũng luôn hướng về sự không ưa thích đối với các tà Pháp, tránh xa các tà thuyết không chân chánh, không có cảm xúc cảm tình đối với các tà đạo, tránh được các con đường tu tập sai lệch làm uổng phí công sức và tâm nguyện của người tu tập mà vẫn không đạt được sự giải thoát khổ đau.
- Trong quá trình học hỏi nghiên cứu cẩn thận các bản kinh này thì Chánh Tri Kiến đi đến thành tựu đầy đủ, Giới Hạnh đi đến thành tựu đầy đủ, ba kiết sử Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cầm Thủ được đoạn tận, chứng được Dự Lưu Quả, là bậc Dự Lưu, chỉ còn tái sanh tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, không còn bị đọa vào trong các đường ác sanh như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.
- Khi thân hoại mạng chung nếu bị thất niệm, tâm không được tỉnh giác, thì khi tái sanh đời sau, lúc đầu

*không nhớ được đạo pháp, nhưng sau đó sẽ có những nhân duyên đưa đến giúp cho tâm trí từ từ nhớ lại và tiếp tục tu tập trong vòng tối đa bảy lần tái sanh là sẽ đi đến sự chứng đạt được tâm hoàn toàn tịch lặng thoát ly sanh tử, thoát ly đau khổ, thoát khỏi mọi ràng buộc, phiền não đối với **năm thủ uẩn**.*

3. Lòng tri ân

- *Chúng ta, những người đến với đạo thoát ly sanh tử của Đức Phật sau khi Ngài nhập diệt đã trên 2500 năm, nhưng may mắn quá lớn cho chúng ta đó là việc chúng ta vẫn còn được thấy, được gặp, được học hỏi và được hành trì theo những bản kinh nguyên chất truyền thống của Đức Phật. Xin hạnh phúc tri ân sự may mắn này của mình và xin chân thành vô lượng cung kính tri ân Hòa Thượng Thích Minh Châu, người đã bỏ nhiều thời gian, nhiều tâm huyết để làm cho Chánh Pháp được sáng tỏ đối với những người con của Đức Phật tại Việt Nam.*
- *Xin chân thành cung kính cúi đầu tri ân Hoà Thượng - vị ân sư của Phật tử Việt Nam.*

Pháp quốc, ngày 05 tháng 07 năm 2014

Người trình bày - Chơn Tín Toàn

1 **Kālāma - Chớ có tin - Kinh CÁC VỊ Ở KESAPUTTA – Tăng I, 336**

CÁC VỊ Ở KESAPUTTA – *Tăng I, 336*

1. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn đang đi du hành giữa dân chúng Kosala, cùng với đại chúng Tỷ-kheo, đi đến một thị trấn của các người **Kālāma** tên là Kesaputta. Các người Kālāma ở Kesaputta được nghe: "Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích ca đã đến Kesaputta. Tiếng đồn tốt đẹp như sau được truyền đi về Sa-môn Gotama: "Ngài là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ...". Lành thay, nếu chúng tôi được yết kiến một vị A-la-hán như vậy".

2. Rồi các người Kālāma ở Kesaputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, có người đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có người nói lên với Thế Tôn những lời chào đón thăm hỏi, sau khi nói lên những lời chào đón thăm hỏi thân hữu rồi ngồi xuống một bên; có người chấp tay vái chào Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có người xưng tên và dòng họ rồi ngồi xuống một bên; có người im lặng rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các người Kālāma ở Kesaputta bạch Thế Tôn:

- Có một số Sa-môn, Bà-la-môn, bạch Thế Tôn, đi đến Kesaputta. Họ làm sáng tỏ, làm chói sáng quan điểm của mình, nhưng họ bài xích quan điểm người khác, khinh miệt, chê bai, xuyên tạc. Bạch Thế Tôn, và có một số Sa-môn, Bà-la-môn khác cũng đi đến Kesaputta, Họ làm sáng tỏ, làm chói sáng quan điểm của mình, nhưng họ bài xích quan điểm người khác, khinh miệt, chê bai, xuyên tạc. Đối với họ, bạch Thế Tôn, chúng con có những nghi ngờ, phân vân: "Trong những Tôn giả Sa-môn này, ai nói sự thật, ai nói láo?"

3- Đương nhiên, này các Kālāma, các Ông có những nghi ngờ! Đương nhiên, này các Kālāma, các Ông có những phân vân! Trong những trường hợp đáng nghi ngờ, các Ông đương nhiên khởi lên phân vân.

Này các Kālāma,

1. *Chớ có tin vì nghe truyền thuyết;*
2. *Chớ có tin vì theo truyền thống;*
3. *Chớ có tin vì nghe người ta nói;*
4. *Chớ có tin vì được Kinh Tạng truyền tụng;*
5. *Chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình;*
6. *Chớ có tin vì đúng theo một lập trường;*
7. *Chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện;*
8. *Chớ có tin vì phù hợp với định kiến;*

9. *Chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền;*
10. *Chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình.*

Nhưng này các Kālāma, khi nào tự mình biết rõ như sau: "Các pháp này là bất thiện - Các pháp này là có tội; Các pháp này bị các người có trí chỉ trích; Các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến bất hạnh khổ đau", thời này Kālāma, **hãy từ bỏ chúng!**

4. *Các Ông nghĩ thế nào, này Kālāma! Lòng tham khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh?*

- Bất hạnh, bạch Thế Tôn.

- Người này có tham, này các Kālāma, bị tham chinh phục, tâm bị xâm chiếm, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có làm cho người ấy bất hạnh đau khổ lâu dài hay không?

- Thừa có, bạch Thế Tôn.

5. *Các Ông nghĩ thế nào, này các Kālāma, lòng sân khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh?*

- Bất hạnh, bạch Thế Tôn.

- Người này có sân, này các Kālāma, bị sân chinh phục, tâm bị xâm chiếm, giết các sinh vật, lấy của

không cho, đi đến vợ người, nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có làm cho người ấy bất hạnh đau khổ lâu dài hay không?

- Thừa có, bạch Thế Tôn..

6. Các Ông nghĩ thế nào, này các Kālāma, lòng si khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

- Bất hạnh, bạch Thế Tôn.

- Người này có si, này các Kālāma, bị si chinh phục, tâm bị xâm chiếm, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có làm cho người ấy bất hạnh đau khổ lâu dài hay không?

- Thừa có, bạch Thế Tôn..

7. Các Ông nghĩ thế nào, này các Kālāma, các pháp này là thiện hay bất thiện?

- Là bất thiện, bạch Thế Tôn.

- Có tội hay không có tội?

- Có tội, bạch Thế Tôn.

- Bị người có trí quả trách hay không bị người có trí quả trách?

- Bị người có trí quả trách, bạch Thế Tôn.

- Nếu được thực hiện, được chấp nhận, có đưa đến bất hạnh đau khổ không? Hay ở đây, là như thế nào?

- Được thực hiện, được chấp nhận, bạch Thế Tôn, chúng đưa đến bất hạnh, đau khổ. Ở đây, đối với chúng con là vậy.

8- Như vậy, này các Kālāma, điều Ta vừa nói với các Ông: "Chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì nghe người ta nói; chớ có tin vì được Kinh Tạng truyền tụng; chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình; chớ có tin vì đúng theo một lập trường; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền; chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình". Nhưng này các Kālāma, khi nào tự mình biết rõ như sau: "Các pháp này là bất thiện - Các pháp này là có tội; Các pháp này bị các người có trí chỉ trích; Các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến bất hạnh, khổ đau", thời này Kālāma, hãy từ bỏ chúng! Điều đã được nói lên như vậy, chính do duyên như vậy được nói lên.

9. *Này các Kālāma, chớ có tin vì nghe truyền thuyết ... chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhưng này các Kālāma, khi nào tự mình biết rõ như sau: "Các pháp này là thiện - Các pháp này là không có tội; Các pháp này không bị các người có trí chỉ trích; Các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến hạnh phúc an lạc", thời này Kālāma, hãy đạt đến và an trú!*

10. Các Ông nghĩ thế nào, này các Kālāma, **không tham**, khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy, đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh lâu dài cho người ấy?

- Hạnh phúc, bạch Thế Tôn.

- Người này không tham, này các Kālāma, không bị tham chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật, không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có làm cho người ấy hạnh phúc an lạc lâu dài hay không?

- Thừa có, bạch Thế Tôn.

11. Các Ông nghĩ thế nào, này các Kālāma, **không sân**, khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

- Hạnh phúc, bạch Thế Tôn.

- Người này không sân, này các Kālāma, không bị sân chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật, không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có đem lại đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho người ấy hay không?

- Thừa có, bạch Thế Tôn..

12. Các Ông nghĩ thế nào, này các Kālāma, **không si** khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

- Hạnh phúc, bạch Thế Tôn.

- Người này không si, này các Kālāma, không bị si chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật, không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có đem lại hạnh phúc an lạc lâu dài cho người ấy hay không?

- Thừa có, bạch Thế Tôn.

13. Các Ông nghĩ thế nào, này các Kālāma, các pháp này là thiện hay bất thiện?

- Là thiện, bạch Thế Tôn.

- Các pháp này có tội hay không có tội?

- Không có tội, bạch Thế Tôn.

- Bị người có trí quả trách hay được người có trí tán thán?

- Được người trí tán thán, bạch Thế Tôn.

- Nếu được thực hiện, được chấp nhận, có đưa đến hạnh phúc an lạc không, hay ở đây, là như thế nào?

- Được thực hiện, được chấp nhận, bạch Thế Tôn, chúng đưa đến hạnh phúc, an lạc. Ở đây, đối với chúng con là vậy.

14. - Như vậy, này các Kālāma, điều Ta vừa nói với các Ông: "Chớ có tin vì nghe truyền thuyết; Chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì nghe người ta nói; chớ có tin vì được Kinh Tạng truyền tụng; chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình; chớ có tin vì đúng theo một lập trường; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền; chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình". Nhưng này các Kālāma, khi nào tự mình biết rõ như sau: "Các pháp này là thiện - Các pháp này là không có tội; Các pháp này được người có trí tán thán; Các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến hạnh phúc an lạc", thời này Kālāma, hãy chứng đạt và an trú! *Điều đã được nói lên như vậy, chính do duyên như vậy đã được nói lên.*

15. *Này các Kālāma, vị Thánh đệ tử nào ly tham, ly sân, ly si như vậy, tỉnh giác, chánh niệm, với tâm câu hữu với từ ... với tâm câu hữu với bi ... với tâm câu hữu với hỷ ... với tâm câu hữu với xả, biết mãn một phương, cũng vậy phương thứ hai; cũng vậy phương thứ ba; cũng vậy phương thứ tư; Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, đại hành, vô biên, không hận, không sân. Thánh đệ tử ấy, này các Kālāma, với tâm không oán như vậy, không sân như vậy, không*

*uế nhiễm như vậy, thanh tịnh như vậy, ngay trong hiện tại, người ấy đạt được **bốn sự an ủi**.*

16.

- *"Nếu có đời sau, nếu có kết quả dị thực các nghiệp thiện ác, sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ sanh lên cõi thiện, cõi trời, cõi đời này"; đây là an ủi thứ nhất vị ấy có được.*
- *"Nếu không có đời sau, nếu không có kết quả dị thực các nghiệp thiện ác, thời ở đây, ngay trong hiện tại, ta tự sống với tâm không oán, không sân, không phiền não, được an lạc"; đây là an ủi thứ hai vị ấy có được.*
- *"Nếu việc ác có làm, nhưng ta không có tâm ác đối với ai cả, và nếu ta không làm điều ác, sao ta có thể cảm thọ khổ đau được"; đây là an ủi thứ ba vị ấy có được.*
- *"Nếu việc ác không có làm, như vậy, cả hai phương diện (do ta làm vô ý hay cố ý), ta quán thấy ta hoàn toàn thanh tịnh"; đây là an ủi thứ tư vị ấy có được.*

Thánh đệ tử ấy, này các Kālāma, với tâm không oán như vậy, với tâm không sân như vậy, với tâm không uế nhiễm như vậy, với tâm thanh tịnh như vậy, ngay trong hiện tại, vị ấy có được bốn an ủi này.

17. - Sự việc là như vậy, bạch Thế Tôn! Sự việc là như vậy, bạch Thiện Thệ! Thánh đệ tử ấy, với tâm không oán như vậy, với tâm không sân như vậy, với tâm không uế nhiễm như vậy, với tâm thanh tịnh như vậy, ngay trong hiện tại, vị ấy có được bốn an ủi: "Nếu có đời sau, nếu có kết quả dị thực các nghiệp thiện ác, thời ở đây, sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ được sanh lên cõi thiện, cõi Trời, cõi đời này"; đây là an ủi thứ nhất vị ấy có được. "Nếu không có đời sau, nếu không có kết quả dị thực các nghiệp thiện ác, thời ở đây, ngay trong hiện tại, ta tự sống với tâm không oán, không sân, không phiền não, được an lạc"; đây là an ủi thứ hai vị ấy có được. "Nếu việc ác có làm, nhưng ta không có tâm ác đối với ai cả, và nếu ta không làm điều ác, sao ta có thể cảm thọ khổ đau được"; đây là an ủi thứ ba vị ấy có được. "Nếu việc ác không có làm, như vậy, cả hai phương diện (do ta làm vô ý hay cố ý), ta quán thấy ta hoàn toàn thanh tịnh"; đây là an ủi thứ tư vị ấy có được. Vị Thánh đệ tử ấy, bạch Thế Tôn, với tâm không oán như vậy, với tâm không sân như vậy, với tâm không uế nhiễm như vậy, với tâm thanh tịnh như vậy, ngay trong hiện tại, vị ấy đạt được bốn an ủi này.

Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn, ... bạch Thế Tôn, chúng con xin quy y Thế Tôn, quy y pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận chúng con làm

đệ tử cư sĩ.....từ nay cho đến mạng chung, chúng con
xin trọn đời quy ngưỡng.

2 Kankha Revata - Đệ nhất Tu thiền - Kinh CÁC VỊ TỶ KHEO 2 - Tăng I, 50

CÁC VỊ TỶ KHEO 2 – *Tăng I*, 50

1. Trong các đệ tử Tỷ-kheo của Ta, có thể dùng ý hóa thân, này các Tỷ-kheo, tôi thắng là **Cullapanthaka**.
2. Trong các vị thiện xảo về tâm thắng tiến (không phải vivaddha của nguyên bản), tôi thắng là **Cullapanthaka**.
3. Trong các vị thiện xảo về tướng thắng tiến... tôi thắng là **Mahàpanthaka**.
4. Trong các vị trú không có tranh luận... tôi thắng là **Subhuti**.
5. Trong các vị đáng được cúng dường... tôi thắng là **Subhuti**.
6. Trong các vị tu ở rừng... tôi thắng là **Revata Khadiravaniya**.

7. Trong các vị **tu Thiền**... tôi thắng là **Kankha Revata**.
8. Trong các vị **tinh cần tinh tấn**... tôi thắng là **Sono Koliviso**.
9. Trong các vị **khéo nói**... tôi thắng là **Sono Kutikanna**.
10. Trong các vị **nhận được đồ cúng dường**... tôi thắng là **Sivali**.
11. Trong các đệ tử Tỷ-kheo **có tín thắng giải**... tôi thắng là **Vakkali**.

3 Khema - Gương tu tập cho Tỷ-kheo ni - Kinh MONG CẦU – Tăng II, 128

MONG CẦU – Tăng II, 128

1.- Nay các Tỷ-kheo, **Tỷ-kheo** có lòng tin, nếu chơn chánh mong cầu, hãy mong cầu như sau: "*Mong ta sẽ được như **Sàriputta, Moggallàna***". Nay các Tỷ-kheo, **họ là cán cân, là đồ để đo lường các đệ tử Tỷ-kheo** của ta, tức là Sàriputta, Moggallàna.

2. Nay các Tỷ-kheo, **Tỷ-kheo-ni** có lòng tin, nếu chơn chánh mong cầu, hãy mong cầu như sau: "*Mong ta sẽ được như **Khema và Tỷ-kheo-ni Uppalavannà***". Nay các Tỷ-kheo, **họ là cán cân, là đồ để đo lường các đệ tử Tỷ-kheo-ni** của ta, tức là Khema và Uppalavannà.

3. Nay các Tỷ-kheo, **nam cư sĩ** có lòng tin, nếu chơn chánh mong cầu, hãy mong cầu như sau: "*Mong ta sẽ được như gia chủ **Citta, và Hatthaka** người **Alavì***". Nay các Tỷ-kheo, **họ là cán cân, là đồ để đo lường các đệ tử nam cư sĩ** của ta, tức là gia chủ Citta và Hatthaka người Alavì.

4. Nay các Tỷ-kheo, **nữ cư sĩ** có lòng tin, nếu chơn chánh mong cầu, hãy mong cầu như sau: "*Mong ta*

*sẽ được như nữ cư sĩ **Khujjuttarà** và **Velukantaki**, mẹ của Nandà".* Đây các Tỷ-kheo, họ là cán cân, là đồ để đo lường các đệ tử nữ cư sĩ của ta, tức là nữ cư sĩ Khujjuttarà và Velukantaki, mẹ của Nandà.

4 Khema - Tuyên bố chánh trí, nhưng không đề cập đến tự ngã - Kinh KHEMA – Tăng III, 131

KHEMA – Tăng III, 131

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvavatthi, Jetavana, tại khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Khema, Tôn giả Sumana trú ở Sàvavatthi, tại rừng Andha. Rồi Tôn giả Khema và Tôn giả Sumana đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Khema bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, Phạm hạnh đã thành, đã làm những việc phải làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã đoạn tận, chánh trí giải thoát. *Vị ấy không nghĩ rằng: "Có người tốt hơn ta" hay "Có người giống như ta" hay "Có người hạ liệt hơn ta".*

Tôn giả Khema nói như vậy, Bạc Đạo Sư chấp nhận. Rồi Tôn giả Khema nghĩ rằng: "Thế Tôn đã chấp nhận ta". Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Tôn giả Sumana, khi Tôn giả Khema ra đi không bao lâu, liền bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, Phạm hạnh đã thành, đã làm những việc phải làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã đoạn tận, chánh trí giải thoát. Vị ấy không nghĩ rằng: "Có người tốt hơn ta", hay "Có người giống như ta", hay "Có người hạ liệt hơn ta".

Tôn giả Sumana nói như vậy, bậc Đạo Sư chấp nhận. Rồi tôn giả Sumana nghĩ rằng: "Thế Tôn đã chấp nhận ta". Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

2. Rồi Thế Tôn, sau khi Tôn giả Khema và Tôn giả Sumana ra đi không bao lâu, liền bảo các Tỷ-kheo:

- Như vậy, này các Tỷ-kheo, các thiện nam tử nói lên chánh trí, có nói đến mục đích, **nhưng không đề cập đến tự ngã.**

Tuy vậy, ở đời một số kẻ ngu nói lên chánh trí một cách ngạo mạn đặc chí. Họ về sau rơi vào nguy hại.

*Không thắng, không hạ liệt,
Không ai đồng đẳng Ta,
Những tư tưởng như vậy
Không chi phối các vị.
Sanh khởi đã chấm dứt,
Phạm hạnh được viên thành,*

*Họ là bỏ kiết sử,
Hoàn toàn được giải thoát.*

5 Khemà - Gương tu tập cho Tỷ-kheo ni - Kinh HY CẦU – Tăng I, 163

HY CẦU – Tăng I, 163

1.- Tỷ-kheo có tín tâm, này các Tỷ-kheo, nếu hy cầu một cách chơn chánh, sẽ hy cầu như sau: "*Mong rằng ta sẽ như Sàriputta và Moggallàna*". Đây là cán cân, này các Tỷ-kheo, đây là đồ đo lường đối với các đệ tử Tỷ-kheo của Ta, tức là Sàriputta và Moggallàna.

2. Tỷ-kheo-ni có tín tâm, này các Tỷ-kheo, nếu hy cầu một cách chơn chánh, sẽ hy cầu như sau: "*Mong rằng ta sẽ như Tỷ-kheo-ni Khemà và Uppalavannà*". Đây là cán cân, này các Tỷ-kheo, đây là đồ đo lường đối với các đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta, tức là Tỷ-kheo-ni Khemà và Uppalavannà.

3. Cư sĩ có tín tâm, này các Tỷ-kheo, nếu hy cầu một cách chơn chánh, sẽ hy cầu như sau: "*Mong rằng ta sẽ như gia chủ Citta và Hatthaka ở Àlavì*". Đây là cán cân, này các Tỷ-kheo, đây là đồ đo lường đối với các đệ tử cư sĩ của Ta, tức là gia chủ Citta và Hatthaka ở Àlavì.

4. Nữ cư sĩ có tín tâm, này các Tỷ-kheo, nếu hy cầu một cách chơn chánh, sẽ hy cầu như sau: "*Mong rằng ta sẽ như nữ cư sĩ Khujjuttarà và Velukantakiyà, mẹ của Nanda*". Đây là cán cân, này các Tỷ-kheo, đây

là đồ đo lường đối với các đệ tử nữ cư sĩ của Ta, tức là nữ cư sĩ Khujjuttarà và Velukantakiyà, mẹ của Nanda.

6 Khemà - Đệ nhất Đại trí tuệ - Kinh NỮ ĐỆ TỬ TỶ KHEO NI - Tăng I, 54

NỮ ĐỆ TỬ TỶ KHEO NI – *Tăng I, 54*

1. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni đã **lâu ngày** của Ta, tôi thắng là **Màhàpàjapatì Gotamì**.
2. Trong các vị... **đại trí tuệ**, tôi thắng là **Khemà**.
3. Trong các vị... **đầy đủ thần thông**, tôi thắng là **Uppalavannà**.
4. Trong các vị... **trì Luật**, tôi thắng là **Patàcàrà**.
5. Trong các vị... **thuyết pháp**, tôi thắng là **Dhammadinnà**.
6. Trong các vị... **tu Thiền**, tôi thắng là **Nandà**.
7. Trong các vị... **tinh cần tinh tấn**, tôi thắng là **Sonà**.
8. Trong các vị... có **thiên nhãn**, tôi thắng là **Sakulà**.
9. Trong các vị... có **thắng trí mau lẹ**, tôi thắng là **Bhaddà Kundalakesà**.

10. Trong các vị... **nhớ đến các thời quá khứ**, tôi thắng là **Bhaddà Kapilànà**.
11. Trong các vị... đã chứng đạt **đại thắng trí**, tôi thắng là **Bhaddà Kaccana**.
12. Trong các vị... **mang thô y**, tôi thắng là **Kisàgotami**.
13. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta, đầy đủ **tin thắng giải**, này các Tỷ-kheo, tôi thắng là **Sigalàmàtā**.

7 Khen chê cẩn thận - Con người được sinh ra với búa trong miệng - Kinh Kokàlika – Tương I, 329

Kokàlika – Tương I, 329

1) Tại Sàvatthi.

2) Rồi **Tỷ-kheo Kokàlika** đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo Kokàlika bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, Sàriputta và Moggallàna là hạng ác dục. Họ bị ác dục chi phối.

4) Khi được nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Tỷ-kheo Kokàlika:

- Nay Kokàlika, chớ có nói như vậy. Nay Kokàlika, chớ có nói như vậy. Nay Kokàlika, hãy đặt tin tưởng vào Sàriputta và Moggallàna. Sàriputta và Moggallàna thật là hòa ái.

5) Lần thứ hai, Tỷ-kheo Kokàlika bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, dầu Thế Tôn đáng tin tưởng, rất đáng tin cậy; nhưng Sàriputta và Moggallàna là hạng ác dục. Họ bị ác dục chi phối.

6) Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Tỷ-kheo Kokàlika:

-- Này Kokàlika, chớ có nói như vậy. Này Kokàlika, chớ có nói như vậy. Này Kokàlika, hãy đặt tin tưởng vào Sàriputta và Moggallàna. Sàriputta và Moggallàna thật là hòa ái.

7) Lần thứ ba, Tỷ-kheo Kokàlika bạch Thế Tôn:

--.. Họ bị ác dục chi phối.

8) Lần thứ ba, Thế Tôn bảo Tỷ-kheo Kokàlika:

--.. Sariputta và Moggallàna thật là hòa ái.

9) Rồi Tỷ-kheo Kokàlika từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên phải hướng về Ngài, rồi ra đi.

10) Tỷ-kheo Kokàlika ra đi **không** được bao lâu, toàn thân mọc lên những mụn nhọt lớn bằng hột cải. Từ hột cải, chúng lớn lên bằng hột đậu xanh (mugga). Từ hột đậu xanh, chúng lớn lên bằng hột đậu lớn (kalàya). Từ hột đậu lớn, chúng lớn lên bằng rolatthi (hột cây jujube, cây táo?). Từ hột rolatthi, chúng lớn lên bằng hột kolama. Từ hột kolama,

chúng lớn lên bằng hột amala (a-ma-la quả). Từ quả amala, chúng lớn lên bằng quả beluva chưa chín. Từ quả beluva chưa chín, chúng lớn lên bằng quả billa. Từ hình lớn bằng quả billa, chúng nứt vỡ ra, chảy máu và mủ.

11) Rồi Tỷ-kheo Kokàlika do bệnh này bị mệnh chung. Bị mệnh chung, Tỷ-kheo Kokàlika sanh trong *địa ngục Sen hồng*, với tâm hận thù đối với Tôn giả Sàriputta và Moggallàna.

12) Rồi Phạm thiên Sahampati, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và đứng một bên.

13) Đứng một bên, Phạm thiên Sahampati bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokàlika đã mệnh chung. Bạch Thế Tôn, sau khi mệnh chung Tỷ-kheo Kokàlika phải sanh vào địa ngục Sen hồng với tâm hận thù đối với Tôn giả Sàriputta và Moggallàna.

14) Phạm thiên Sahampati nói như vậy. Sau khi nói xong, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ ấy.

15) Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã qua, liền bảo các Tỷ-kheo:

-- Này các Tỷ-kheo, hồi hôm, Phạm thiên Sahampati, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana đi đến Ta; sau khi đến, đánh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati bạch với Ta: "*Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokàlika đã mệnh chung. Và bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokàlika sau khi mệnh chung đã sanh vào địa ngục Sen hồng với tâm thù hận đối với Tôn giả Sàriputta và Moggallàna*". Này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati nói như vậy. Sau khi nói xong, đánh lễ Ta, thân phía hữu hướng về Ta, rồi biến mất tại chỗ.

16) Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, bao nhiêu lâu là tuổi thọ trong địa ngục Sen hồng?

17) -- Thật dài, này Tỷ-kheo, là tuổi thọ trong địa ngục Sen hồng. Không dễ gì tính được là bao nhiêu năm, bao nhiêu trăm năm, bao nhiêu ngàn năm, bao nhiêu trăm ngàn năm.

18) -- *Bạch Thế Tôn, có thể tính được chăng bằng một ví dụ?*

19) Thế Tôn đáp:

-- Có thể được, này Tỷ-kheo.

Này Tỷ-kheo, *ví như có một bao hạt đậu mè, nặng hai mươi khàrika, theo đo lường ở nước Kosala. Ví dụ sau một trăm năm, một người lấy ra một lần một hạt mè.*

1. Này Tỷ-kheo, còn mau hơn là bao hạt mè, nặng hai mươi khàrika ấy, theo đo lường của nước Kosala, đi đến tiêu hao, đi đến hao mòn do phương tiện ấy, so sánh (với tuổi thọ) ở địa ngục **Abhuta**.
2. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục **Abhuta** bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Nirabbuta**.
3. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục **Nirabbuta** bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Ababa**.
4. Này-Tỷ kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục **Ababa** bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Atata**.
5. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục **Atata** bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Ahaha**.
6. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục **Ahaha** bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Kumuda**.
7. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục **Kumuda** bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Sogandhika**.

8. *Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Sogandhika bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Uppala (Sen xanh)**.*
9. *Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Uppala bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Pundarika (Sen trắng)**.*
10. *Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Sen trắng bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Pudumà (Sen hồng)**.*

Này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Kokàlika sanh tại địa ngục Sen hồng với tâm hận thù đối với tôn giả Sàriputta và Moggallàna.

20) Thế Tôn nói như vậy. Sau khi nói như vậy, bậc Thiện Thệ lại nói thêm:

*Phàm con người đã sanh,
Sanh với búa trong miệng,
Kẻ ngu khi nói bậy,
Tự chặt đứt lấy thân.*

*Ai khen kẻ làm bậy,
Ai chê người làm hay,
Tự nhen nhúm bất hạnh,
Do nơi miệng của mình,
Chính do bất hạnh ấy,
Nên không được an lạc.*

*Nhỏ thay bất hạnh này,
Trong canh bạc rủi may,
Bị tan hoang tài sản,
Trong giờ phút đỏ đen.*

*Lớn hơn sự bất hạnh,
Hơn mọi bất hạnh khác,
Do tự mình gây nên,
Cho tự ngã của mình.*

*Ai đối xử ác ý,
Vớ chur Phật, Thiện Thệ,
Phải trải qua thời gian,
Trăm ngàn nhiều hơn nữa,
Ba mươi sáu và năm,
Trải thời gian thật dài.
Ai với lời và ý,
Phỉ báng bậc Hiền Thánh,
Dùng ác tâm chống đối,
Sẽ sa đọa địa ngục.*

8 Khen chê cẩn thận - Con người được sinh ra với búa trong miệng - Kinh Tudu brahmà – Tương I, 327

Tudu brahmà – *Tương I*, 327

1) Tại Sàvatthi.

2) Lúc bảy giờ Tỷ-kheo Kokàlika bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.

3) Rồi **Bích-chi Phạm thiên Tudu** khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Tỷ-kheo Kokàlika.

4) Sau khi đến, vị ấy đứng trên hư không, và nói với Tỷ-kheo Kokàlika:

-- Nay Kokàlika, hãy đặt tin tưởng vào Sàriputta và Moggallàna. Sàriputta và Moggallàna thật là hòa nhã.

5) -- Ông là ai, này Hiền giả?

6) -- Ta là Bích-chi Phạm thiên Tudu.

7) -- *Này Hiền giả, phải chăng Ông đã được Thế Tôn nói là đã chứng quả **Bất lai**. Vậy Ông đến ở đời này làm gì? Ông có thấy lỗi lầm của Ông như thế nào?*

*Phàm con người đã sanh,
Sanh với **bú** trong miệng,
Kẻ ngu khi nói bậy,
Tự chặt đứt lấy thân.*

*Ai khen kẻ làm bậy,
Ai chê người làm hay,
Tự nhen nhúm bất hạnh,
Do chính miệng của mình;
Chính do bất hạnh ấy,
Nên không được an lạc,*

*Nhỏ thay bất hạnh này,
Trong canh bạc (rủi may),
Bị tan hoang tài sản,
Trong giờ phút đỏ đen!*

*Lớn hơn, sự bất hạnh,
Hơn mọi bất hạnh khác,
Do tự mình gây nên,
Cho tự ngã của mình!*

*Ai đối xử ác ý,
Với chư Phật, Thiện Thệ,
Phải trải qua thời gian,*

*Trăm ngàn, nhiều hơn nữa,
Ba mươi sáu và năm,
Trải thời gian thật dài.
Ai với lời và ý,
Phỉ báng bậc Hiền Thánh,
Dùng ác tâm chống đối,
Sẽ sa đọa địa ngục.*

9 Khen chê cẩn thận - Con người được sinh ra với búa trong miệng - Kinh TỖ KHEO KOKÀLIKA – Tăng IV, 467

TỖ KHEO KOKÀLIKA – *Tăng IV, 467*

1. Bấy giờ có Tỳ-kheo Kokàlika đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, **Tôn giả Kokàlika** bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Sàriputta và Moggallàna là ác dục, bị ác dục chinh phục.

- Này Kokàlika, chớ có nói vậy! Này Kokàlika, chớ có nói vậy. Này Kokàlika, tâm hãy tịnh tín đối với Sàriputta và Moggallàna. Hiền thiện là Sàriputta và Moggallàna.

Lần thứ hai, Tỳ-kheo Kokàlika bạch Thế Tôn: "*Bạch Thế Tôn, dầu Thế Tôn có lòng tin và tin tưởng, đối với con Sàriputta và Moggallàna là ác dục, bị ác dục chinh phục.*"

- Này Kokàlika, chớ có nói vậy! Này Kokàlika, chớ có nói vậy. Này Kokàlika, tâm hãy tịnh tín đối với Sàriputta và Moggallàna. Hiền thiện là Sàriputta và Moggallàna.

Lần thứ ba, Tỷ-kheo Kokàlika bạch Thế Tôn: ... Hiền thiện là Sàriputta và Moggallàna.

2. Rồi Tỷ-kheo Kokàlika từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Thế Tôn rồi đi ra.

Tỷ-kheo Kokàlika ra đi không bao lâu, toàn thân của Tỷ-kheo Kokàlika nổi lên **những mụn to bằng hạt cải**; sau khi lớn bằng hạt cải, chúng lớn lên bằng **hột đậu**; sau khi lớn lên bằng hột đậu, chúng lớn lên bằng **hạt đậu lớn**; sau khi lớn bằng hột đậu lớn, chúng lớn lên bằng **hòn sỏi**; sau khi lớn bằng hòn sỏi Kolatthi, chúng lớn lên bằng **hột táo**; sau khi lớn lên bằng hột táo, chúng lớn lên bằng **trái Àmala**, chúng lớn lên bằng **trái dừa** (trái vilva); sau khi lớn lên bằng trái dừa vilva, chúng lớn lên bằng **trái billa** (trái dừa đã chín); sau khi lớn lên bằng trái billa, **chúng bị phá vỡ, mủ và máu chảy ra**. Tại đây, nó nằm trên lá chuối, như con cá ăn phải đồ độc.

3. Lúc ấy có **độc giác Phạm thiên Tudu** đi đến Tỷ-kheo Kokàlika, sau khi đến, đứng trên hư không và nói với Tỷ-kheo Kokàlika:

- Nay Kokàlika, hãy đặt tâm tịnh tín nơi Sàriputta và Moggallàna! Hiền thiện là Sàriputta và Moggallàna.

- Ông là ai?

- **Ta là độc giác Phạm thiên Tudu.**

- Thừa Hiền giả, có phải Hiền giả là người được Thế Tôn trả lời là đã **chứng Bất lai**? Sao người lại đến đây? Hãy xem như thế nào người đã lầm lạc trong vấn đề này.

Rồi độc giác Phạm thiên Tudu nói lên với Tỷ-kheo Kokàlika bài kệ này:

*-Con người được sanh ra,
Sanh với bú trong miệng,
Người ngu nói điều xấu,
Là tự chém vào mình.*

*-Ai khen người đáng chê,
Ai chê người đáng khen,
Đều chất chứa bất hạnh,
Do từ miệng tạo thành,
Và chính do bất hạnh,
Nên không được an lạc.*

*-Nhỏ thay, bất hạnh này,
Chính do cờ bạc sanh,
Khiến tài sản tiêu hao,*

-Bất hạnh này lớn hơn,

*Không những mất tất cả,
Lại mất cả tự mình,
Là người khởi ác ý
Đối với chư Thiện Thệ.*

*-Ai chỉ trích bậc Thánh,
Với lời, với ác ý,
Trải qua trăm ngàn thời,
Với ni-rab-bu-đa,
Còn thêm ba mươi sáu,
Với năm a-bu-đa,
Phải sanh vào địa ngục
Chịu khổ đau tại đây.*

4. Rồi Tỷ-kheo Kokàlika, do chứng bệnh ấy mệnh chung. Sau khi chết, Tỷ-kheo Kokàlika sanh vào địa ngục sen hồng vì tâm khởi ác ý đối với Sàriputta và Moggallàna.

Rồi Phạm thiên Sahampati, sau khi đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên, đứng một bên, Phạm thiên Sahampati bạch Thế Tôn: "***Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokàlika đã mệnh chung. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokàlika mệnh chung, phải sanh vào địa ngục sen hồng, vì tâm khởi ác ý đối với Sàriputta và Moggallàna***". Phạm thiên Sahampati nói như vậy. Nói như vậy xong, đánh lễ

Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Thế Tôn rồi biến mất tại chỗ.

5. Rồi Thế Tôn, sau khi đêm đã qua, bảo các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, đêm nay Phạm thiên Sahampati khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Ta; sau khi đến, đánh lễ Ta rồi đứng một bên, đứng một bên, này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati thưa với Ta: "*Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo, Kokàlika đã mệnh chung, phải sanh vào địa ngục sen hồng, vì tâm khởi ác ý đối với Sàripuuta và Moggallàna*". Nay các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati nói như vậy. Nói như vậy xong, đánh lễ Ta, thân phía hữu hướng về Ta rồi biến mất tại chỗ.

6. Khi nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, lâu dài bao nhiêu, là tuổi thọ ở địa ngục sen hồng?

- Nay Tỷ-kheo, tuổi thọ ở địa ngục sen hồng, rất khó mà tính được. Có chừng ấy năm, hay có chừng ấy trăm năm, hay có chừng ấy ngàn năm, hay có chừng ấy trăm ngàn năm.

- *Bạch Thế Tôn, có thể cho một ví dụ được chăng?*

- Có thể được, này Tỷ-kheo, một cỗ xe chở hai mươi cân kosala chở đầy hột mè. Rồi một người cứ sau một trăm năm, một trăm năm lấy lên một hột mè. Mau hơn này Tỷ-kheo là cỗ xe chở hai mươi cân kosala chở đầy hột mè, do phương pháp này, đi đến tận sạch, không còn gì nữa, cũng chưa đủ là **một Abbuda địa ngục**.

1. *Địa ngục **Abbuda**.*
2. *Ví như, hai mươi abbuda địa ngục là bằng một **Nirabbuda** địa ngục.*
3. *Ví như, hai mươi Nirabbuda địa ngục là bằng một **Ababà** địa ngục.*
4. *Ví như, hai mươi ababà địa ngục bằng một **Ahaha** địa ngục.*
5. *Ví như, hai mươi ahaha địa ngục là bằng một **Atato** địa ngục.*
6. *Ví như, hai mươi atato địa ngục bằng một **Kumodo** địa ngục.*
7. *Ví như, hai mươi kumodo địa ngục là bằng một **Sogandhika** địa ngục.*
8. *Ví như, hai mươi sogandhika địa ngục bằng một **Uppalako** địa ngục.*
9. *Ví như, hai mươi uppalako địa ngục bằng một **Pundarika** địa ngục.*

10. Ví như, hai mươi pundarika địa ngục bằng một **Paduma** địa ngục.

Này Tỷ kheo, Tỷ kheo Kokàlika phải sanh vào địa ngục Paduma (sen hồng), vì khởi lên ác ý đối với Sàriputta và Moggallàna.

Thế Tôn nói như vậy. Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*Con người được sanh ra
Sanh với **búa** trong miệng,
Người ngu nói điều xấu,
Là tự chém vào mình.*

*Ai khen người đáng chê,
Ai chê người đáng khen,
Đều chất chứa bất hạnh,
Do từ miệng tạo thành,
Và chính do bất hạnh,
Nên không được an lạc.*

*Nhỏ thay bất hạnh này,
Chính do cờ bạc sanh,
Khiến tài sản tiêu hao,*

*Bất hạnh này lớn hơn,
Không những mất tất cả,
Lại mất cả tự mình.*

*Là người khởi ác ý,
Đối với chư Thiện thế.*

*Ai chỉ trích bậc Thánh,
Vớ lời, vớ ác ý,
Trải qua trăm ngàn thời,
Vớ **Ni-rab-bu-da**,
Còn thêm ba mươi sáu,
Vớ năm **A-bu-đa**,
Phải sanh vào địa ngục,
Chịu khổ đau tại đấy.*

10 Khen chê cần thận - Kinh GANH TỊ – Tăng II, 536

GANH TỊ – Tăng II, 536

1. - Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

2. Thế nào là năm?

- Không suy xét, không thẩm sát, tán thán người không đáng được tán thán;
- Không suy xét, không thẩm sát, không tán thán người đáng được tán thán;
- Ganh tị;
- Xan tham;
- Bác bỏ các vật dụng tín thí.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

3. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng được sanh lên cõi Trời.

4. Thế nào là năm?

- **Có** suy xét, có thẩm sát, **không tán thán** người không đáng được tán thán;
- **Có** suy xét, có thẩm sát, **tán thán** người đáng được tán thán;
- Không có ganh tị;
- Không có xan tham;
- Không bác bỏ các vật tín thí.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng được sanh lên cõi Trời.

-

TRI KIẾN – *Tăng II, 537*

1. - Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

2. Thế nào là năm?

- **Không** suy xét, không thẩm sát, **tán thán** người không đáng được tán thán;
- **Không** suy xét, không thẩm sát, **không tán thán** người đáng được tán thán;
- Có tà kiến;
- Có tà tư duy;
- Bác bỏ các vật tín thí.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

3. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng được sanh lên cõi Trời.

Thế nào là năm?

- **Có** suy xét, có thâm sát, **không tán thán** người không đáng được tán thán;
- **Có** suy xét, có thâm sát, **tán thán** người đáng được tán thán;
- Có chánh tri kiến;
- Có chánh tư duy;
- Không bác bỏ các vật tín thí.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng được sanh lên cõi Trời.

LỜI NÓI – *Tăng* II, 538

...(Giống như kinh số #118) ở trên, chỉ có khác trong kinh này: **tà tinh tấn, tà niệm thế cho tà tri kiến, tà tư duy** và chánh tinh tấn, chánh niệm thế cho chánh tri kiến, chánh tư duy của kinh trước).

TINH TẤN – Tǎng II, 538

...(Giống như kinh số #118) ở trên, chỉ có khác trong kinh này: tà tinh tấn, tà niệm thế cho tà tri kiến, tà tư duy và chánh tinh tấn, chánh niệm thế cho chánh tri kiến, chánh tư duy của kinh trước).

11 Khen chê cẩn thận - Kinh KHÔNG TÁN THÁN TƯƠNG XÚNG – Tăng II, 736

KHÔNG TÁN THÁN TƯƠNG XÚNG – *Tăng II*, 736

1. - Thành tựu năm pháp, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

2. Thế nào là năm?

- Không có suy xét, không thẩm sát, tán thán người không đáng được tán thán;
- Không suy xét, không thẩm sát, không tán thán người đáng được tán thán;
- Không suy xét, không thẩm sát, đặt lòng tin (làm rõ ràng) vào những chỗ không đáng được tịnh tín;
- Không suy xét, không thẩm sát, không đặt lòng tin vào những chỗ đáng được tịnh tín;
- Làm rơi rớt các vật tín thí.

Do thành tựu năm pháp, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

3. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng sanh lên cõi trời.

4. Thế nào là năm?

- Có suy xét, có thẩm sát, không tán thán người không đáng được tán thán;
- Có suy xét, có thẩm sát, tán thán người đáng được tán thán;
- Có suy xét, có thẩm sát, không đặt lòng tin vào những chỗ không đáng được tịnh tín;
- Có suy xét, có thẩm sát, đặt lòng tin vào những chỗ đáng được tịnh tín;
- Không làm rơi rớt các vật tín thí.

Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng sanh lên cõi trời.

12 Khen chê cần thận - Kinh MẬT GỐC – Tăng I, 552

MẬT GỐC – Tăng I, 552

1. Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, **kẻ ngu**, không thông minh, không phải bậc Chân nhân, tự mình sử dụng như một kẻ mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị kẻ trí quả trách, và tạo nên nhiều điều vô phước. Thế nào là bốn?

- **Không** có suy xét, không có cứu xét, **tán thán** người không đáng tán thán;
- **Không** có suy xét, không có cứu xét, **không tán thán** người đáng được tán thán;
- Không có suy xét, không có cứu xét, tỏ bày sự **tín nhiệm** tại những chỗ không đáng tín nhiệm;
- Không có suy xét, không có cứu xét, tỏ bày sự **bất tín** nhiệm tại những chỗ đáng được tín nhiệm.

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu, không thông minh, không phải bậc Chân nhân, tự mình sử dụng như một kẻ mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị kẻ trí quả trách, và tạo nên nhiều điều vô phước.

2. Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, bậc Hiền trí, thông minh, là bậc Chân nhân, tự mình sử dụng như một người không mất gốc, không bị thương tích, không phạm tội, không bị kẻ trí quả trách, và tạo nên nhiều điều phước đức. Thế nào là bốn?

- Sau khi suy xét, sau khi cứu xét, không tán thán những người không đáng được tán thán;
- Sau khi suy xét, sau khi cứu xét, tán thán những người đáng được tán thán;
- Sau khi suy xét, sau khi cứu xét, tỏ bày sự bất tín nhiệm tại những chỗ không đáng được tín nhiệm;
- Sau khi suy xét, sau khi cứu xét, tỏ bày sự tín nhiệm tại những chỗ đáng được tín nhiệm.

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, bậc Hiền trí, thông minh, là bậc Chân nhân, tự mình sử dụng như một người không mất gốc, không bị thương tích, không phạm tội, không bị kẻ trí quả trách và tạo nên nhiều điều phước đức.

*Ai khen người đáng chê
Ai chê người đáng khen
Kẻ ấy với miệng lưỡi
Chứa chấp điều bất hạnh
Do vì bất hạnh ấy*

Không tìm được an lạc.

*Nhỏ nhen không đáng kể
Là loại bất hạnh này
Bất hạnh do cò bạc
Phá hoại các tài sản*

*Lớn hơn, lớn hơn nhiều
Là loại bất hạnh này
Cho tất cả mọi người
Và cả với riêng mình
Những ai với ác ý
Đối với bậc Thiện thế
Trải qua một trăm ngàn
Thời **Nirabbudà**
Và cộng ba mươi sáu
Với năm **Abbudà**
Bị sanh vào địa ngục
Trong suốt thời gian ấy
Nếu mắng nhiếc bậc Thánh
Với lời, ý, nguyện ác.*

13 Khen chê cần thận - Kinh SÁT SANH – Tăng I, 546

SÁT SANH – Tăng I, 546

❖ **Đầy đủ ba pháp, này các Tỷ-kheo, tương xứng như vậy, bị rơi vào địa ngục. Thế nào là ba?**

- **Tự mình sát sanh,**
- **Khích lệ** người khác sát sanh,
- **Tùy hỷ** sự sát sanh.

Đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, tương xứng như vậy, bị rơi vào địa ngục.

❖ **Đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, tương xứng như vậy được sanh thiên giới. Thế nào là ba?**

- Tự mình từ bỏ sát sanh,
- Khích lệ người khác từ bỏ sát sanh,
- Tùy hỷ sự từ bỏ sát sanh.

Đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, tương xứng như vậy, được sanh thiên giới.

LẤY CỬA KHÔNG CHO – Tăng I, 547

(Giống như kinh trên, chỉ khác đây là *lấy của không cho*) ...

TÀ HẠNH TRONG DỤC VỌNG – Tăng I, 547

(Giống như kinh trên, chỉ khác đây là *tà hạnh trong dục vọng*) ...

156-162 ...

... (Giống như kinh trên, chỉ khác tuần tự các pháp sau này: *nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham, san, tà kiến*) ...

14 Khen chê cẩn thận - Kinh TRI KIẾN – Tăng II, 537

TRI KIẾN – Tăng II, 537

1. - Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

2. Thế nào là năm?

- **Không** suy xét, không thẩm sát, **tán thán** người không đáng được tán thán;
- **Không** suy xét, không thẩm sát, **không tán thán** người đáng được tán thán;
- Có tà kiến;
- Có tà tư duy;
- Bác bỏ các vật tín thí.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

3. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng được sanh lên cõi Trời.

Thế nào là năm?

- **Có** suy xét, có thẩm sát, **không tán thán** người không đáng được tán thán;
- **Có** suy xét, có thẩm sát, **tán thán** người đáng được tán thán;
- Có chánh tri kiến;
- Có chánh tư duy;
- Không bác bỏ các vật tín thí.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng được sanh lên cõi Trời.

LỜI NÓI – *Tăng II, 538*

...(Giống như kinh số #118) ở trên, chỉ có khác trong kinh này: **tà tinh tấn, tà niệm thế cho tà tri kiến, tà tư duy** và chánh tinh tấn, chánh niệm thế cho chánh tri kiến, chánh tư duy của kinh trước).

TINH TẤN – *Tăng II, 538*

...(Giống như kinh số #118) ở trên, chỉ có khác trong kinh này: **tà tinh tấn, tà niệm thế cho tà tri kiến, tà tư duy** và chánh tinh tấn, chánh niệm thế cho chánh tri kiến, chánh tư duy của kinh trước).

15 Khen chê cẩn thận - Kinh TÁN THÁN – Tăng I, 713

TÁN THÁN – Tăng I, 713

1. - Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là bốn?

- **Không** suy tư, không thẩm sát, **tán thán** người không xứng đáng được tán thán;
- **Không** suy tư, không thẩm sát, **không tán thán** người xứng đáng được tán thán;
- Không suy tư, không thẩm sát, tự cảm thấy **tin tưởng** đối với những chỗ không đáng tin tưởng
- Không suy tư, không thẩm sát, tự cảm thấy **không tin tưởng** đối với những chỗ đáng tin tưởng.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

2. Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi Trời.

- **Có** suy tư, có thẩm sát, **không tán thán** người không xứng đáng được tán thán;

- Có suy tư, có thẩm sát, tán thán người xứng đáng được tán thán;
- Có suy tư, có thẩm sát, tự cảm thấy không tin tưởng đối với những chỗ không xứng đáng được tin tưởng;
- Có suy tư, có thẩm sát, tự cảm thấy tin tưởng đối với những chỗ đáng tin tưởng.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi Trời.

PHẦN NỘ – *Tăng I, 714*

(Như kinh trên, (83), chỉ khác về bốn pháp:

- **Tôn trọng** phần nộ, không tôn trọng **diệu pháp**;
- Tôn trọng gièm pha, không tôn trọng diệu pháp;
- Tôn trọng lợi dưỡng, không tôn trọng diệu pháp;
- Tôn trọng cung kính, không tôn trọng diệu pháp).

16 Khen chê cẩn thận - Kinh TÁN THÁN – Tăng II, 534

TÁN THÁN – Tăng II, 534

1. - Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni tương xứng như vậy bị rơi vào địa ngục.

2. Thế nào là năm?

- Không suy xét, không thẩm sát, tán thán người không đáng được tán thán;
- Không suy xét, không thẩm sát, không tán thán người đáng được tán thán;
- Không suy xét, không thẩm sát, đặt lòng tin vào những chỗ không đáng được tịnh tín;
- Không suy xét, không thẩm sát, không đặt lòng tin vào những chỗ đáng được tịnh tín;
- Bác bỏ các vật dụng tín thí.

Do thành tựu năm pháp này, Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

3. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni tương xứng như vậy được sanh lên cõi Trời.

Thế nào là năm?

- Có suy xét, có thẩm sát, không tán thán người không đáng được tán thán;
- Có suy xét, có thẩm sát, tán thán người đáng được tán thán;
- Có suy xét, có thẩm sát, không đặt lòng tin vào những chỗ không đáng được tịnh tín;
- Có suy xét, có thẩm sát, đặt lòng tin vào những chỗ đáng được tịnh tín;
- Không bác bỏ các vật dụng tín thí.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng được sanh lên cõi Trời.

17 Khen chê cần thận - Kinh XAN THAM 1 – Tăng II, 738

XAN THAM 1 – Tăng II, 738

1. - Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

2. Thế nào là năm?

- **Không** suy xét, không thẩm sát, **tán thán** người không đáng được tán thán;
- **Không** suy xét, không thẩm sát, **không tán thán** người đáng được tán thán;
- Xan tham trú xứ, tham đắm trú xứ;
- Xan tham gia đình, tham đắm gia đình;
- Làm cho rơi rớt các vật tín thí.

Thành tựu năm pháp, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

3. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng sanh lên cõi trời.

4. Thế nào là năm?

- **Có** suy xét, có thẩm sát, **không tán thán** người không đáng được tán thán;

- Có suy xét, có thẩm sát, **tán thán** người đáng được tán thán;
- Không xan tham trú xứ, không tham đắm trú xứ;
- Không xan tham gia đình, không tham đắm gia đình;
- Không làm cho rơi rớt các vật tín thí.

Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng sanh lên cõi trời.

XAN THAM 2 – Tăng II, 739

(Nhu kinh trước #237, bỏ "tham đắm trú xứ", bỏ "tham đắm gia đình", thay thế "làm cho rơi rớt vật thí" bằng "xan tham lợi dưỡng". Phần sau có những thay đổi cần thiết.)

XAN THAM 3 – Tăng II, 739

1. - Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.
2. Thế nào là năm?

- Xan tham chỗ ở,
- Xan tham gia đình,
- Xan tham lợi dưỡng,
- Xan tham tán thán,
- Làm cho các vật tín thí rơi rớt.

Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

3. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng sanh lên cõi trời.

4. Thế nào là năm?

- Không xan tham chỗ ở,
- Không xan tham gia đình,
- Không xan tham lợi dưỡng,
- Không xan tham tán thán,
- Không làm cho vật tín thí rơi rớt.

Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng sanh lên cõi trời.

XAN THAM 4 – Tăng II, 739

(Hoàn toàn giống như kinh #239, chỉ khác pháp thứ năm là "xan tham pháp", thế cho "làm cho vật tín thí rơi rớt".)

18 Khen mình chê người - Kinh SỢ HÃI VÀ KHIẾP ĐẢM – 4 Trung I, 41

KINH SỢ HÃI VÀ KHIẾP ĐẢM (*Bhayabherava sutta*)

– Bài kinh số 4 – *Trung I*, 41

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Rồi Bà-la-môn Janussoni đến chỗ Thế Tôn ở, khi đến xong, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Janussoni bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, có những Thiện nam tử, vì lòng tin Tôn giả Gotama, đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Đối với những vị này, Tôn giả Gotama là vị lãnh đạo. Đối với những vị này, Tôn giả Gotama giúp ích rất nhiều. Đối với những vị này, Tôn giả Gotama là vị khích lệ sách tấn. Các vị này chấp nhận tuân theo quan điểm của Tôn giả Gotama.

– Nay Bà-la-môn, thật sự là vậy. Nay Bà-la-

môn, thật sự là vậy. Đây Bà-la-môn, có những Thiện nam tử, vì lòng tin nơi Ta, đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Ta là vị lãnh đạo của họ. Ta đã giúp ích rất nhiều cho họ. Ta là vị khích lệ sách tấn cho họ. Và các vị này chấp nhận tuân theo quan điểm của Ta.

– Tôn giả Gotama, thật khó kham nhẫn những trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu! Thật khó khăn đời sống viễn ly! Thật khó thưởng thức đời sống độc cư! Con nghĩ rằng rừng núi làm rối loạn tâm trí vị Tỷ-kheo chưa chứng Thiền định.

– Đây Bà-la-môn, thật sự là vậy. Đây Bà-la-môn, thật sự là vậy. Đây Bà-la-môn, thật khó kham nhẫn những trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu! Thật khó khăn, đời sống viễn ly! Thật khó thưởng thức đời sống độc cư! Ta nghĩ rằng rừng núi làm rối loạn tâm trí vị Tỷ-kheo chưa chứng Thiền định.

– Đây Bà-la-môn, xưa kia khi Ta chưa chứng ngộ chánh đẳng giác, khi còn là Bồ-tát, Ta nghĩ như sau: "Thật khó kham nhẫn những trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu! Thật khó khăn, đời sống viễn ly! Thật khó thưởng thức đời sống độc cư! Ta nghĩ rằng rừng núi làm rối loạn tâm trí vị Tỷ-kheo chưa chứng Thiền định!" Đây Bà-la-môn, rồi Ta suy

nghe: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, **thân nghiệp không thanh tịnh**, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, **do nguyên nhân** nhiễm trước, **thân nghiệp không thanh tịnh**, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. **Ta không có thân nghiệp không thanh tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Thân nghiệp Ta thanh tịnh. Ta là một trong những bậc Thánh, với thân nghiệp thanh tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu**". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát thân nghiệp hoàn toàn thanh tịnh này, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Nay Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn, hay Bà-la-môn nào, có **khẩu nghiệp** không thanh tịnh... (như trên)... có **ý nghiệp** không thanh tịnh... (như trên)... có **mạng sống** không thanh tịnh sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước **mạng sống** không thanh tịnh, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có mạng sống không thanh tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. **Mạng sống Ta thanh tịnh. Ta là một trong những bậc Thánh, với mạng sống thanh tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi**

hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát mạng sống hoàn toàn thanh tịnh này, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Nay Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào *tham dục, có ái dục cường liệt*, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước tham dục, có ái dục cường liệt, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có tham dục, ái dục cường liệt, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Ta không có tham dục, Ta là một trong những bậc Thánh, không có tham dục, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta không có tham dục như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Nay Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có *tâm sân hận ác ý*, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước, có tâm sân hận ác ý, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có tâm sân hận, ác ý, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Ta có

từ tâm. Ta là một trong những bậc Thánh có từ tâm, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta có từ tâm như vậy, Ta cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Nay Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào *bị hôn trầm thụy miên chi phối*, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước bị hôn trầm thụy miên chi phối, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không bị hôn trầm thụy miên chi phối, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta không có hôn trầm thụy miên. Ta là một trong những bậc Thánh không có hôn trầm thụy miên, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta không có hôn trầm thụy miên như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Nay Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào *dao động*, tâm không an tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước bị dao động, tâm không an tịnh, những

Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có dao động, tâm không phải không an tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta không có dao động, tâm được an tịnh. Ta là một trong những bậc Thánh không có dao động, tâm được an tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát tâm Ta được an tịnh như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Nay Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào *ngghi hoặc, do dự*, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước nghi hoặc, do dự, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có nghi hoặc, do dự, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta diệt trừ được do dự. Ta là một trong những bậc Thánh diệt trừ được nghi hoặc, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát tâm Ta diệt trừ được nghi hoặc như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Nay Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy

nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào *khen mình, chê người* sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước khen mình, chê người, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có khen mình, chê người, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta không có khen mình, không có chê người, Ta là một trong những bậc Thánh không có khen mình, không có chê người, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát tâm Ta không có khen mình, không có chê người như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Nay Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào *run rẩy, sợ hãi* sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước run rẩy, sợ hãi, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có run rẩy, sợ hãi, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta không có lông tóc dựng ngược, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta không có lông tóc dựng ngược, Ta là một trong những bậc Thánh, không có lông tóc dựng ngược

như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào *ham muốn lợi dưỡng, cung kính, danh vọng*, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước ham muốn lợi dưỡng, cung kính, danh vọng, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có ham muốn lợi dưỡng, cung kính, danh vọng, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta là người ít dục. Ta là một trong những bậc Thánh ít dục, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Này Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta là người ít dục như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào *biếng nhác, kém tinh tấn*, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước biếng nhác, kém tinh tấn, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có biếng nhác, kém tinh tấn, sống tại các trú xứ xa vắng, trong

rừng núi hoang vu. Ta siêng năng, tinh tấn. Ta là một trong những bậc Thánh siêng năng, tinh tấn, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta siêng năng, tinh tấn như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Nay Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào *thất niệm, không tỉnh giác*, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước thất niệm, không tỉnh giác, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có thất niệm, không phải không tỉnh giác, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta an trú niệm. Ta là một trong những bậc Thánh an trú niệm, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta quán sát Ta an trú niệm như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Nay Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào *không định tĩnh, tâm bị tán loạn*, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước không định tĩnh, tâm bị tán loạn, những

Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta được định tĩnh, tâm không bị tán loạn sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta thành tựu định tâm. Ta là một trong những bậc Thánh thành tựu định tâm, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta thành tựu định tâm như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Nay Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào *liệt tuệ, đần độn*, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Do nguyên nhân nhiễm trước liệt tuệ, đần độn, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có liệt tuệ, đần độn, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta thành tựu trí tuệ. Ta là một trong những bậc Thánh thành tựu trí tuệ, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta thành tựu trí tuệ như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Nay Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "*Trong những đêm được biết đến, được xác định, đêm mười bốn, đêm mười lăm, đêm*

mông tám mỗi nửa tháng, trong những đêm như vậy, Ta hãy đến ở tại các trú xứ hãi hùng, lông tóc dựng ngược, như tự miếu tại các thảo viên, tự miếu tại các rừng núi, tự miếu tại các cây cối, để Ta có thể thấy sự sợ hãi khiếp đảm ấy".

Này Bà-la-môn, sau một thời gian, trong những đêm được biết đến, được xác định, đêm mười bốn, đêm mười lăm, đêm mông tám mỗi nửa tháng, trong những đêm như vậy, Ta đến ở tại các trú xứ hãi hùng, lông tóc dựng ngược như vậy, như tự miếu tại các thảo viên, tự miếu tại các rừng núi, tự miếu tại các cây cối. Này Bà-la-môn, trong khi ta ở tại các chỗ ấy, một con thú có thể đến, hay một con công làm rơi một cành cây, hay gió làm rung động các lá rơi; Ta khởi lên ý nghĩ: "*Nay sự sợ hãi khiếp đảm ấy đã đến!*". Này Bà-la-môn, rồi Ta suy nghĩ: "*Sao Ta ở đây, chỉ để mong đợi sự sợ hãi khiếp đảm chó không gì khác? Trong bất cứ hành vi cử chỉ nào của Ta mà sợ hãi khiếp đảm ấy đến, trong hành vi cử chỉ ấy, Ta hãy trừ diệt sợ hãi khiếp đảm ấy*".

- Này Bà-la-môn *trong khi Ta đi kinh hành* qua lại mà sợ hãi khiếp đảm ấy đến, thì này Bà-la-môn, Ta không đứng, Ta không ngồi, Ta không nằm, nhưng Ta trừ diệt sợ hãi khiếp đảm ấy trong khi Ta đi kinh hành qua lại.

- Nay Bà-la-môn, *trong khi Ta đang đứng* mà sợ hãi khiếp đảm ấy đến, thì nay Bà-la-môn, Ta không kinh hành qua lại, Ta không ngồi, Ta không nằm, nhưng Ta trừ diệt sợ hãi khiếp đảm ấy trong khi Ta đang đứng.
- Nay Bà-la-môn, *trong khi Ta đang ngồi* mà sợ hãi khiếp đảm ấy đến, thì nay Bà-la-môn, Ta không nằm, Ta không đứng, Ta không kinh hành qua lại, nhưng Ta trừ diệt sợ hãi khiếp đảm ấy trong khi Ta đang ngồi.
- Nay Bà-la-môn, *trong khi Ta đang nằm* mà sợ hãi khiếp đảm ấy đến, thì nay Bà-la-môn, Ta không ngồi, Ta không đứng, Ta không kinh hành qua lại, nhưng Ta trừ diệt sợ hãi khiếp đảm ấy trong khi Ta đang nằm.

Này Bà-la-môn, có một số Sa-môn, Bà-la-môn nghĩ rằng ngày giống như đêm, nghĩ rằng đêm giống như ngày. Như vậy, Ta nói rằng những Sa-môn, Bà-la-môn ấy sống trong si ám.

Này Bà-la-môn, Ta nghĩ rằng đêm là đêm, nghĩ rằng ngày là ngày. Nay Bà-la-môn, ai nói một cách chơn chánh sẽ nói như sau: "Vị hữu tình nào không có si ám, sinh ra ở đời vì hạnh phúc cho muôn loài, vì an lạc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời

và loài Người. Vị ấy khi nói một cách chân chánh về Ta sẽ nói như sau: *"Là vị hữu tình không có si ám, sinh ra ở đời vì hạnh phúc cho muôn loài, vì an lạc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người"*.

Này Bà-la-môn, Ta tinh cần, tinh tấn, không lười biếng. Ta an trú chánh niệm, không có loạn, thân được khinh an, không có dao động, tâm được định tĩnh, chuyên nhất. Này Bà-la-môn, Ta ly dục, ly các ác pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Diệt tầm, diệt tứ, Ta chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, Ta chứng và an trú Thiền thứ ba. Xả lạc và xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, Ta chứng và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến túc mạng trí. Ta nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi

đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Ta nhớ rằng: "Tại chỗ kia, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, các món ăn như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, Ta được sanh ra tại chỗ này. Tại chỗ này, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, các món ăn như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ này, Ta được sanh ra ở đây". Như vậy Ta nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Nay Bà-la-môn, **trong đêm canh đầu Ta chứng được minh thứ nhất, vô minh diệt, minh sanh**; bóng tối diệt, ánh sáng sanh, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, **Ta dẫn tâm, hướng tâm đến sanh tử trí về chúng sanh**. Ta với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và sự chết của chúng sanh. Ta tuệ tri rằng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh làm những ác hạnh về thân, ác hạnh về lời nói, ác hạnh về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến,

tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào thành tựu những thiện hạnh về thân, thành tựu những thiện hạnh về lời nói, thành tựu những thiện hạnh về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến, những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi Trời, trên đời này. Như vậy với thiên nhân thuần tịnh siêu nhân, Ta thấy sự sống chết của chúng sanh. Ta tuệ tri rằng, chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Ngày Bà-la-môn, **trong đêm canh giữa, Ta chứng được minh thứ hai, vô minh diệt, minh sanh;** bóng tối diệt, ánh sáng sanh, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, **Ta dẫn tâm, hướng tâm đến lậu tận trí.** Ta thắng tri như thật: "Đây là khổ", thắng tri như thật: "Đây là nguyên nhân của khổ", thắng tri như thật: "Đây là khổ diệt", thắng tri như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", thắng tri như thật: "Đây là những lậu hoặc", thắng tri như thật: "Đây là nguyên nhân các lậu hoặc", thắng tri như thật: "Đây

là các lậu hoặc diệt", thắng tri như thật: "Đây là con đường đưa đến các lậu hoặc diệt". Nhờ biết như vậy, nhờ thấy như vậy, tâm của Ta thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên trí hiểu biết: Ta đã giải thoát. Ta đã thắng tri: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". Nay Bà-la-môn, **trong đêm canh ba, Ta chứng được minh thứ ba, vô minh diệt, minh sanh**; bóng tối diệt, ánh sáng sanh, trong khi Ta sống không phóng dật nhiệt tâm tinh cần.

Nay Bà-la-môn, Ông có thể có tư tưởng như sau: "Nay Sa-môn Gotama chưa diệt trừ tham, chưa diệt trừ sân, chưa diệt trừ si, nên sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, chớ có hiểu như vậy. Do Ta quán sát hai mục đích mà Ta sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu: **Tự thấy sự hiện tại lạc trú và vì lòng thương tưởng chúng sanh trong tương lai**.

– Chúng sanh trong tương lai được Tôn giả Gotama thương tưởng, vì Tôn giả là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Như người dựng đứng lại những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị

lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử; từ này trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

19 Khen mình chê người - Kinh TỰ LƯỢNG - 15 Trung I, 219

KINH TỰ LƯỢNG (Anumanasuttam)

– Bài kinh số 15 – *Trung I*, 219

Như vậy tôi nghe:

Một thời, Tôn giả Mahamoggallana sống giữa những người thuộc dòng họ Bhagga, tại núi Sumsumaragira, rừng Bhesakala, vườn Lộc Uyển. Ở đây, Tôn giả Mahamoggallana (Đại Mục-kiền-liên) gọi các Tỷ-kheo:

"– Chư Hiền Tỷ-kheo.

"– Thưa Hiền giả.

Những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahamoggallana. Tôn giả Mahamoggallana nói như sau:

– Chư Hiền, nếu Tỷ-kheo thỉnh nguyện: "*Mong rằng chư Tôn giả nói với tôi, mong rằng tôi được chư*

Tôn giả nói!" Nhưng nếu vị ấy là một người khó nói, đầy đủ những tánh khiến người ấy trở thành khó nói, khó kham nhẫn, không cung kính đón nhận khi được giảng dạy thì các vị đồng phạm hạnh nghĩ rằng, Tỷ-kheo ấy không đáng nói đến, nghĩ rằng Tỷ-kheo ấy không đáng được giáo huấn, nghĩ rằng không nên đặt lòng tin vào người ấy.

Chư Hiền, thế nào là những tánh khiến người ấy trở thành khó nói?

- Chư Hiền, ở đây, vị Tỷ-kheo có **ác dục, bị ác dục chi phối**; chư Hiền, Tỷ-kheo có ác dục, bị ác dục chi phối, như vậy là một tánh khiến trở thành khó nói.
- Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo **khen mình chê người**; chư Hiền, Tỷ-kheo khen mình chê người, như vậy là một tánh khiến trở thành khó nói.
- Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo **phẫn nộ, bị phẫn nộ chi phối**; chư Hiền, Tỷ-kheo phẫn nộ, bị phẫn nộ chi phối như vậy là một tánh khiến trở thành khó nói.
- Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo **phẫn nộ, vì phẫn nộ làm nhân trở thành người có hiềm hận**; chư Hiền, Tỷ-kheo phẫn nộ, vì phẫn nộ làm nhân trở thành người có hiềm hận, như vậy là... khó nói.

- Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo **phần nộ, vì phần nộ làm nhân trở thành cố chấp**; chư Hiền, Tỷ-kheo phần nộ, vì phần nộ làm nhân trở thành cố chấp như vậy là... khó nói.
- Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo **phần nộ, thốt ra những lời liên hệ đến phần nộ...**
- Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo **bị buộc tội trở lại chống đối vị đã buộc tội mình...**
- Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo **bị buộc tội trở lại chỉ trích vị đã buộc tội mình...**
- Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo **bị buộc tội trở lại chất vấn vị đã buộc tội mình...**
- Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo **bị buộc tội tránh né vấn đề với một vấn đề khác, trả lời ra ngoài vấn đề, để lộ phần nộ, sân hận và bất mãn của mình...**
- Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo **bị buộc tội không giải thích thỏa mãn hành động của mình cho vị buộc tội...**
- Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo **hư ngụy và não hại...**
- Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo **tật đổ và xan tham...**
- Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo **lừa đảo và lường gạt...**
- Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo **ngoan mê và quá**

mạn...

- Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo **chấp trước thế tục, cô chấp tư kiến, tánh khó hành xả**; chư Hiền, Tỷ-kheo chấp trước thế tục, cô chấp tư kiến, tánh khó hành xả, như vậy là một tánh trở thành khó nói.

Chư Hiền, như vậy được gọi là những tánh khiến trở thành khó nói.

Chư Hiền, nếu Tỷ-kheo **không** thỉnh nguyện: "*Mong rằng chư Tôn giả nói với tôi, mong rằng tôi được chư Tôn giả nói!*"; Và nếu vì ấy là một người dễ nói, đầy đủ những đức tánh khiến người ấy trở thành dễ nói, kham nhẫn, cung kính đón nhận khi được nghe giảng dạy, thì các vị đồng phạm hạnh nghĩ rằng, Tỷ-kheo ấy đáng được nói đến, nghĩ rằng Tỷ-kheo ấy đáng được giáo huấn, nghĩ rằng nên đặt lòng tin vào người ấy.

Chư Hiền, thế nào là những đức tánh khiến người ấy trở thành dễ nói?

- Chư Hiền, ở đây Tỷ-kheo **không có ác dục, không bị ác dục chi phối**; chư Hiền, Tỷ-kheo không có ác dục, không bị ác dục chi phối, như vậy là một đức tánh khiến trở thành dễ nói.
- Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo **không khen mình chê**

người; chư Hiền, Tỷ-kheo không khen mình chê người... dễ nói.

- Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo không phần nộ, không bị phần nộ chi phối...
- Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo không phần nộ, không vì phần nộ làm nhân trở thành người hiềm hận...
- Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo không phần nộ, không vì phần nộ làm nhân trở thành cố chấp...
- Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo không phần nộ, không vì phần nộ thốt ra những lời liên hệ đến phần nộ...
- Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo bị buộc tội, không trở lại chống đối vị đã buộc tội mình...
- Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo bị buộc tội không trở lại chỉ trích vị đã khiển trách mình...
- Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo bị buộc tội không trở lại chất vấn vị đã buộc tội mình...
- Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo bị buộc tội, không tránh né vấn đề với một vấn đề khác, trả lời ra ngoài vấn đề, để lộ phần nộ, sân hận và bất mãn của mình...
- Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo bị buộc tội, giải thích thỏa mãn hành động của mình cho vị buộc tội...

- Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo không hư nguy và nã hại...
- Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo không tật đồ và xan tham...
- Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo không khi cuồng và lường gạt...
- Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo không ngoan mê và quá mạn...
- Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo không chấp trước thế tục, cố chấp tư kiến, tánh dễ hành xả, chư Hiền, Tỷ-kheo không chấp trước thế tục, không cố chấp tư kiến, tánh dễ hành xả, như vậy là một đức tánh trở thành dễ nói.

Chư Hiền, như vậy được gọi là những đức tánh khiến trở thành dễ nói.

Chư Hiền, ở đây Tỷ-kheo cần phải **tự lượng tự ngã với tự ngã** như sau:

- *"Người này có ác dục, bị ác dục chi phối nên ta không ưa người ấy, không thích người ấy. Và nếu ta có ác dục, bị ác dục chi phối, các người khác sẽ không ưa ta, không thích ta". Chư Hiền, Tỷ-kheo khi biết vậy cần phải phát tâm như sau: "Ta sẽ không có ác dục, sẽ không bị ác dục chi phối".*

- "Người này khen mình chê người, nên ta không ưa người ấy, không thích người ấy. Và nếu ta khen mình chê người, các người khác sẽ không ưa ta, sẽ không thích ta". Chư Hiền, Tỷ-kheo khi biết vậy, cần phải phát tâm như sau: "Ta sẽ không khen mình chê người".
- Người này có phần nộ, bị phần nộ chi phối, nên ta không ưa người ấy... Ta sẽ không phần nộ, không bị phần nộ chi phối";
- "Người này phần nộ, vì vị phần nộ làm nhân trở thành người hiềm hận nên ta không ưa người ấy... Ta sẽ không phần nộ, không vì phần nộ làm nhân trở thành người hiềm hận";
- "Người này phần nộ, vì phần nộ làm nhân trở thành cố chấp nên ta không ưa người ấy... Ta sẽ không phần nộ, không vì phần nộ làm nhân trở thành cố chấp";
- "Người này phần nộ, thốt ra những lời liên hệ đến phần nộ nên Ta không ưa người ấy... Ta sẽ không phần nộ, không thốt ra những lời liên hệ đến phần nộ";
- "Người này bị buộc tội, trở lại chống đối vị đã buộc tội mình, nên Ta không ưa người ấy... Ta có bị buộc tội, sẽ không trở lại chống đối vị buộc tội mình";

- "Người này bị buộc tội, trở lại chất vấn vị đã buộc tội mình, nên ta không ưa người ấy... Ta có bị buộc tội, sẽ không trở lại chất vấn vị đã buộc tội mình";
- "Người này bị buộc tội, tránh né vấn đề với một vấn đề khác, trả lời ra ngoài vấn đề, để lộ phần nộ, sân hận, bất mãn của mình, nên ta không ưa người ấy... Ta bị buộc tội sẽ không tránh né vấn đề với một vấn đề khác, không trả lời ra ngoài vấn đề, và không để lộ phần nộ, sân hận bất mãn của mình";
- "Người này bị buộc tội, không giải thích thỏa mãn hành động của mình cho vị buộc tội biết nên ta không ưa người ấy... Ta bị buộc tội, sẽ giải thích thỏa mãn hành động của mình cho vị buộc tội biết";
- "Người này hư nguy và não hại nên Ta không ưa người ấy... Ta sẽ không hư nguy và não hại";
- "Người này tật đố và xan tham nên ta không ưa người ấy... Ta sẽ không tật đố và xan tham";
- "Người này khi cuống và lường gạt nên ta không ưa người ấy... Ta sẽ không khi cuống và lường gạt";
- "Người này ngoan mê và quá mạn nên ta không ưa người ấy... Ta sẽ không ngoan mê và quá mạn";

- "Người này chấp trước thế tục, cố chấp tư kiến, tánh khó hành xả nên ta không ưa người ấy, không thích người ấy. Và nếu ta chấp trước thế tục, cố chấp tư kiến, tánh khó hành xả, các người khác sẽ không ưa ta, không thích ta". Chư Hiền, Tỷ-kheo khi biết vậy, cần phải phát tâm như sau: "Ta sẽ không chấp trước thế tục, không cố chấp tư kiến, tánh dễ hành xả".

Chư Hiền, ở đây, Tỷ-kheo cần phải **quán sát tự ngã với tự ngã** như sau:

- "*Không biết ta có ác dực, có bị ác dực chi phối không?*" Chư Hiền, nếu Tỷ-kheo quán sát và biết rằng: "Ta có ác dực và bị ác dực chi phối", thì chư Hiền, Tỷ-kheo ấy cần phải tinh tấn đoạn trừ các ác, bất thiện pháp ấy. Chư Hiền, nếu Tỷ-kheo quán sát và biết rằng: "Ta không có ác dực, không bị ác dực chi phối", thì chư Hiền, Tỷ-kheo ấy phải sống với tâm niệm hoan hỷ, ngày đêm tu học các thiện pháp.
- Lại nữa, chư Hiền, Tỷ-kheo phải quán sát tự ngã với tự ngã như sau: "Không biết ta có khen mình chê người hay không?..."
- Lại nữa... không biết ta có phần nộ, bị phần nộ chi phối không?...

- Lại nữa... không biết ta có phần nộ, vì phần nộ làm nhân, trở thành có hiềm hận không?...
- Lại nữa... không biết ta có phần nộ làm nhân, trở thành người cố chấp không?...
- Lại nữa,... không biết ta có phần nộ, thốt ra những lời liên hệ đến phần nộ không?...
- Lại nữa... Ta bị buộc tội, không biết ta có trở lại chống đối vị đã buộc tội ta không?...
- Lại nữa... Ta bị buộc tội, không biết ta có trở lại chất vấn vị đã buộc tội ta không?...
- Lại nữa... Ta bị buộc tội, không biết ta có tránh né vấn đề với một vấn đề khác, trả lời ra ngoài vấn đề, để lộ phần nộ, sân hận, bất mãn của ta không?...
- Và lại nữa... Ta bị buộc tội, không biết ta có giải thích thỏa mãn hành động của ta cho vị buộc tội biết không?...
- Lại nữa, không biết ta có hư ngụy và náo hại không? ...
- Lại nữa, không biết ta có tật đố và xan tham không?...
- Lại nữa, không biết ta có khi cuống và lòng gạt không?...

- Lại nữa... không biết ta có ngoan mê và quá mạn không?....
- Lại nữa, chư Hiền, ở đây Tỷ-kheo cần phải quán sát tự ngã như sau: "Không biết ta có chấp trước thế tục, cố chấp tư kiến, tánh khó hành xả không?" Chư Hiền, nếu Tỷ-kheo quán sát và biết rằng: "Ta có chấp trước thế tục, cố chấp tư kiến, tánh khó hành xả", thì chư Hiền, Tỷ-kheo ấy cần phải tinh tấn đoạn trừ những ác, bất thiện pháp ấy. Chư Hiền, nếu Tỷ-kheo quán sát và biết rằng: "Ta không chấp trước thế tục, không cố chấp tư kiến, tánh dễ hành xả", thì chư Hiền, Tỷ-kheo ấy phải sống với tâm niệm hoan hỷ, ngày đêm tu học thiện pháp.

Chư Hiền, nếu trong khi quán sát, Tỷ-kheo thấy rõ rằng tất cả các ác, bất thiện pháp chưa được đoạn trừ trong nội tâm, thì chư Hiền, Tỷ-kheo ấy cần phải tinh tấn đoạn trừ các ác, bất thiện pháp ấy.

Chư Hiền, nếu Tỷ-kheo trong khi quán sát thấy rõ rằng tất cả các ác, bất thiện pháp đã được đoạn trừ trong nội tâm, thì chư Hiền, Tỷ-kheo ấy phải sống với tâm niệm hoan hỷ, ngày đêm tu học thiện pháp.

Chư Hiền, ví như một phụ nữ hay một đàn ông trẻ tuổi, trong tuổi thanh xuân, tánh ưa trang điểm,

tự quán sát mặt mày của mình trong một tấm kính sạch sẽ và trong suốt, hay trong một bát nước trong sáng. Nếu người ấy thấy bụi bặm hay cấu uế trên mặt mình, thì người ấy tinh tấn đoạn trừ bụi bặm hay cấu uế ấy. Nếu người ấy không thấy bụi bặm hay cấu uế trên mặt mình, thì người ấy sẽ hoan hỷ nghĩ rằng: "Thật sự ta được điều tốt đẹp; thật sự ta được thanh tịnh".

Cũng vậy chư Hiền, nếu trong khi quán sát, Tỷ-kheo thấy rõ rằng tất cả các ác, bất thiện pháp chưa đoạn trừ ở nội tâm, thì chư Hiền, Tỷ-kheo ấy cần phải tinh tấn đoạn trừ các ác, bất thiện pháp ấy. Chư Hiền, nếu Tỷ-kheo trong khi quán sát thấy rõ rằng các ác, bất thiện pháp đã đoạn trừ ở nội tâm, thì chư Hiền, Tỷ-kheo ấy phải sống với tâm niệm hoan hỷ, ngày đêm tu học thiện pháp.

Tôn giả Mahamoggallana thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời dạy của Tôn giả Mahamoggallana.

20 Khen mình chê người - Phi Chân nhân pháp và Chân nhân pháp - Kinh CHÂN NHÂN – 113 Trung III, 175

KINH CHÂN NHÂN (Sappurisa sutam)

– Bài kinh số 113 – Trung III, 17

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, Jetavana, tại tịnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo"

– "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– "Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về Chân nhân pháp và phi Chân nhân pháp. Các Ông hãy nghe và suy nghiệm kỹ Ta sẽ giảng"

– "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

– *Này các Tỷ-kheo, thế nào là phi Chân nhân pháp?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân **xuất gia từ một gia đình cao sang**. Người ấy suy nghĩ như sau: "*Ta xuất gia từ một gia đình cao sang. Còn các Tỷ-kheo, này không xuất gia từ một gia đình cao sang*". Vì người ấy thuộc gia đình cao sang nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và này các Tỷ-kheo, người Chân nhân suy nghĩ như sau: "*Không phải vì thuộc một gia đình cao sang mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người xuất gia, không phải từ một gia đình cao sang, và người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán*". Người ấy sau khi **lấy đạo lộ (patipadam) làm chánh yếu (antaram?) không khen mình chê người** vì tự mình thuộc vào gia đình cao sang. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, một người phi Chân nhân **xuất gia từ một gia đình.... (như trên).... xuất gia từ một gia đình đại phú.. (như trên)... xuất gia từ một gia đình quý phái**. Người ấy suy nghĩ như

sau: *"Ta xuất gia từ một gia đình quý phái, còn các Tỷ-kheo này không xuất gia từ một gia đình quý phái"*. Vì người ấy thuộc gia đình quý phái, nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và này các Tỷ-kheo, người Chân nhân suy nghĩ như sau: *"Không phải vì thuộc về một gia đình quý phái mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người xuất gia không phải từ một gia đình quý phái và người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán"*. *Người ấy được sau khi lấy đạo lộ làm chính yếu không khen mình chê người* vì tự mình thuộc vào gia đình quý phái. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân **được nhiều người biết**, có danh xưng. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta được nhiều người biết, có danh xưng, còn các Tỷ-kheo này được ít người biết đến, không được trọng vọng"*. Vì người ấy tự mình được nhiều người biết đến nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và này các Tỷ-kheo, người Chân Nhân suy nghĩ như sau: *"Không phải vì mình được nhiều người biết đến mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay sân pháp đi*

đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người xuất gia không được nhiều người biết, không có danh xưng, và người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán". Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chính yếu, không khen mình chê người vì tự mình được nhiều người biết và danh xưng. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân **được các vật (cúng dường)** như y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh. Người ấy suy nghĩ như sau: "*Ta nhận được các vật (cúng dường) như y phục, các đồ ăn khát thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh, còn các Tỷ-kheo này không nhận được y phục, các đồ ăn khát thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh*". Vì người ấy thâm nhận được như vậy nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo là phi Chân nhân pháp. Và này các Tỷ-kheo, người Chân nhân suy nghĩ như sau: "*Không phải vì tự mình nhận được các vật (cúng dường như) y phục, các đồ ăn khát thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người xuất gia không nhận được các vật (cúng dường như) y phục, các đồ ăn khát thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh và người*

ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp hành, trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán".

Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người tự mình được thâm nhận như vậy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo có người phi Chân nhân là **người nghe nhiều**. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta là người nghe nhiều, còn các Tỷ-kheo này không nghe nhiều"*.

Người ấy do được nghe nhiều nên khen mình chê người. Như vậy này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và này các Tỷ-kheo, Người Chân nhân suy nghĩ như sau: *"Không phải vì nghe nhiều mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu có người không nghe nhiều và người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán".*

Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người, vì tự mình được nghe nhiều. Như vậy này các Tỷ-kheo là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân là **bậc trì luật**. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta là bậc trì luật, còn các Tỷ-kheo này không là bậc trì"*

luật". Do tự mình trì luật, người ấy khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo là phi Chân nhân pháp. Và này các Tỷ-kheo, người Chân nhân suy nghĩ như sau: *"Không phải vì tự mình là bậc trì luật mà các tham pháp đi đến đoạn trừ hay các sân pháp đi đến đoạn trừ hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu có người không phải là bậc trì luật, những người này hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán"*. Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình là bậc trì luật. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân là **người thuyết pháp**. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta là người thuyết pháp, còn các Tỷ-kheo này không phải là người thuyết pháp"*. Vì tự mình là người thuyết pháp, nên người ấy khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: *"Không phải do tự mình là bậc thuyết pháp mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không phải là người thuyết pháp, nhưng hành trì đúng pháp, và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây người ấy được"*

kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán". Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình là bậc thuyết pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân là **người theo hạnh sống ở rừng núi**. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta là người theo hạnh sống ở rừng núi, còn các Tỷ-kheo này không theo hạnh sống ở rừng núi"*. Người ấy vì tự mình theo hạnh sống ở rừng núi nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: *"Không phải vì tự mình theo hạnh sống ở rừng núi mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không theo hạnh sống ở rừng núi nhưng hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán"*. Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu không khen mình chê người vì tự mình theo hạnh sống ở rừng núi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân theo **hạnh mặc phẩn tảo y**. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta là người theo hạnh mặc phẩn tảo y. Còn*

các Tỷ-kheo này không là người theo hạnh mặc phẩn tảo y". Người này do tự mình theo hạnh mặc phẩn tảo y nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: *"Không phải vì tự mình theo hạnh mặc phẩn tảo y mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không theo hạnh mặc phẩn tảo y nhưng người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy tán thán"*. Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình mặc phẩn tảo y. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân là **người theo hạnh khát thực**. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta theo hạnh khát thực, còn các Tỷ-kheo này không theo hạnh khát thực"*. Người ấy, do tự mình theo hạnh khát thực nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân này các Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: *"Không phải vì tự mình theo hạnh khát thực mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không theo hạnh khát thực nhưng người*

ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán".

Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người, vì tự mình theo hạnh khát thực. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, một người phi Chân nhân theo **hạnh sống dưới gốc cây**. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta là người theo hạnh sống dưới gốc cây, còn các Tỷ-kheo này không theo hạnh sống dưới gốc cây"*. Người ấy do tự mình theo hạnh sống dưới gốc cây nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: *"Không phải vì tự mình theo hạnh sống dưới gốc cây mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không theo hạnh sống dưới gốc cây, nhưng người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh và hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán"*. Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình theo hạnh sống dưới gốc cây. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân **theo hạnh sống tại nghĩa địa.. (như trên)... theo hạnh sống ngoài trời.. (như trên)... theo hạnh thường ngồi (không nằm)... (như trên)... Theo hạnh ngồi tại chỗ mời... (như trên)... theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi.** Người ấy suy nghĩ như sau: "*Ta theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi, còn các Tỷ-kheo này không theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi*". Do tự mình theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: "*Không phải vì mình theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không theo hạnh chỉ ăn một lần nhưng hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán*". Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình sống chỉ ăn một lần ngồi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân ly dục, ly bất thiện pháp, **chứng và trú sơ Thiền**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Người ấy suy nghĩ như sau: "*Ta là người*

chúng được sơ Thiên, các người Tỷ-kheo này không chúng được sơ Thiên". Người ấy do tự mình chúng được sơ Thiên nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: *"Định sơ Thiên, tự tánh là vô tham ái, Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này, thế khác, thời tự tánh liền đổi khác"*. Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chánh yếu, không khen mình chê người vì chúng được định sơ Thiên. Như vậy, này các Tỷ-kheo là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân pháp diệt tâm và tứ, chúng và trú Thiên thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm không tứ, nội tĩnh nhứt tâm.. Thiên thứ ba.. chúng và trú thiên thứ tư. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta chúng đắc định Thiên thứ tư. Còn các Tỷ-kheo này không chúng đắc định Thiên thứ tư"*. Người ấy vì chúng đắc định Thiên thứ tư ấy nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: *"Định Thiên thứ tư, tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này, thế khác, thời tự tánh liền đổi khác"*. Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chánh yếu, không khen mình chê người vì chúng đắc định Thiên thứ tư. Như vậy, này các Tỷ-

kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân vượt lên mọi sắc tướng, diệt trừ mọi chương ngại tướng, không tác ý đối với dị tướng, người ấy nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chúng và trú Không vô biên xứ. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta chúng được định Không vô biên xứ, còn các Tỷ-kheo này không chúng được định Không vô biên xứ". Người ấy, vì chúng được định Không vô biên xứ ấy, nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: *"Định Không vô biên xứ này, tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ như thế này, thế khác, thời tự tánh liền đổi khác"*. Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chính yếu, không khen mình chê người vì chúng được định Không vô biên xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân, vượt lên Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên" chúng và trú Thức vô biên xứ. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta chúng được định Thức Vô biên xứ, còn các Tỷ-kheo này không chúng được định Thức vô biên xứ". Người ấy vì chúng được định Thức vô biên xứ ấy nên khen mình chê người. Như

vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: *"Định Thức vô biên xứ tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này, thế khác, thời tự tánh liền đổi khác"*. Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chính yếu, không khen mình chê người vì chúng được định Thức vô biên xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân vượt lên một cách hoàn toàn Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có sở hữu" chúng và trú Vô sở hữu xứ. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta chúng được định Vô sở hữu xứ còn, các Tỷ-kheo này không chúng được định Vô sở hữu xứ". Người ấy, vì chúng được định Vô sở hữu xứ ấy, nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: *"Định Vô sở hữu xứ tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này, thế khác, thời tự tánh liền đổi khác"*. Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chánh yếu, không khen mình chê người vì chúng được định Vô sở hữu xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân vượt lên Vô sở hữu xứ, chúng và trú Phi tưởng

phi phi tướng xứ. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta chúng được định Phi tướng phi phi tướng xứ, còn các Tỷ-kheo này không chúng được định Phi tướng phi phi tướng xứ". Người ấy vì chúng được định Phi tướng phi phi tướng xứ ấy nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: *"Định Phi tướng phi phi tướng xứ tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này thế khác thời tự tánh liền đối khác"*. Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chánh yếu, không khen mình chê người vì định Phi tướng phi phi tướng xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người Chân nhân sau khi vượt lên Phi tướng phi phi tướng xứ, chúng và trú Diệt thọ tướng định sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc của vị này được đoạn trừ. Này các Tỷ-kheo, **Tỷ-kheo này không nghĩ mình là bất cứ vật gì, không nghĩ đến bất cứ chỗ nào, không nghĩ đến bất cứ vì sự việc gì.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

21 Khen mình chê người - ĐẠI KINH XÓM NGỰA – 39 Trung I, 593

ĐẠI KINH XÓM NGỰA (Mahassapura sutam)

– Bài kinh số 39 – *Trung I*, 593

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở giữa dân chúng Anga (Ương- già), tại một xã ấp của dân chúng Anga, tên là Assapura. Lúc bấy giờ Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– **Sa-môn! Sa-môn!** Này các Tỷ-kheo, dân chúng biết các Ông là vậy. Và nếu các Ông được hỏi: "Các Ông là ai!" Các Ông phải tự nhận: "Chúng tôi là Sa-môn".

Này các Tỷ-kheo, các Ông đã được danh xưng

như vậy, đã tự nhận là như vậy, thì này, các Tỷ-kheo, các Ông phải tự tu tập như sau: "***Chúng ta sẽ tho trì và thực hành những pháp tác thành Sa-môn, những pháp tác thành Bà-la-môn. Như vậy, danh xưng này của chúng ta mới chân chánh và sự tự nhận này của chúng ta mới như thật.*** Và những đồ cúng dường mà chúng ta thọ hưởng như y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh mới có được kết quả lớn, lợi ích lớn cho chúng ta. Và chúng ta xuất gia không thành vô dụng, có kết quả, có thành tích".

Này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp tác thành Sa-môn, và các pháp tác thành Bà-la-môn?

"***Chúng ta sẽ thành tựu tầm quý***", như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông phải tu tập. Này các Tỷ-kheo, các Ông có thể khởi lên ý kiến: "Chúng ta đã thành tựu tầm quý đến mức độ này, như vậy là vừa đủ; đến mức độ này, như vậy đã làm xong. Chúng ta đã đạt được mục đích Sa-môn hạnh. Chúng ta không có gì phải làm hơn nữa". Và cho đến mức độ ấy, các Ông có thể tự ***thỏa mãn***. Này các Tỷ-kheo, ***Ta khuyên cáo các Ông***. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố cho các Ông: ***Khi các Ông hướng đến mục đích Sa-môn hạnh, chớ có từ bỏ mục đích này, khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.***

Này các Tỷ-kheo, thế nào là công việc đáng phải làm hơn nữa? "Thân hành chúng ta phải được thanh tịnh, minh chánh, cởi mở, không có tỳ vết, che giấu. Nhưng chúng ta không vì thân hành thanh tịnh ấy, khen mình, chê người". Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải tu tập. Này các Tỷ-kheo, các Ông có thể khởi lên ý kiến: "Chúng ta đã thành tựu tầm quý, thân hành chúng ta thanh tịnh, đến mức độ này, như vậy là vừa đủ; đến mức độ này, như vậy đã làm xong. Chúng ta đã đạt được mục đích Sa-môn hạnh. Chúng ta không có gì phải làm hơn nữa". Và cho đến mức độ ấy, các Ông có thể tự thỏa mãn. Này các Tỷ-kheo, Ta khuyến cáo các Ông. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố cho các ông: Khi các Ông hướng đến mục đích Sa-môn hạnh, chớ có từ bỏ mục đích này, khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là công việc đáng phải làm hơn nữa? "Khẩu hành chúng ta phải được thanh tịnh, minh chánh, cởi mở, không có tỳ vết, che giấu. Nhưng chúng ta không vì khẩu hành thanh tịnh ấy, khen mình, chê người". Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải tu tập. Này các Tỷ-kheo, các Ông có thể khởi lên ý kiến: "Chúng ta đã thành tựu tầm quý, thân hành chúng ta thanh tịnh, khẩu hành thanh tịnh, đến mức độ này, như vậy là vừa đủ; đến mức độ này, như vậy đã làm xong. Chúng ta đã đạt được

mục đích Sa-môn hạnh. Chúng ta không có gì phải làm hơn nữa". Và cho đến mức độ ấy, các Ông có thể tự thỏa mãn. Nay các Tỷ-kheo, Ta khuyên cáo các Ông... (như trên)... khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là công việc đáng phải làm hơn nữa? "Ý hành chúng ta phải được thanh tịnh, minh chánh, cởi mở, không có tỳ vết, che giấu. Nhưng chúng ta không vì ý hành thanh tịnh ấy, khen mình, chê người". Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải tu tập. Nay các Tỷ-kheo, các Ông có thể khởi lên ý kiến: "Chúng ta đã thành tựu tám quý, thân hành chúng ta thanh tịnh, khẩu hành thanh tịnh, và ý hành thanh tịnh, đến mức độ này, như vậy là vừa đủ... (như trên)...". Và cho đến mức độ ấy, các Ông có thể tự thỏa mãn. Nay các Tỷ-kheo, Ta khuyên cáo các Ông... (như trên)... khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là công việc đáng phải làm hơn nữa? "Sanh mạng chúng ta phải được thanh tịnh, minh chánh, cởi mở, không có tỳ vết, che giấu. Nhưng chúng ta không vì sanh mạng thanh tịnh ấy, khen mình, chê người". Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải tu tập. Nay các Tỷ-kheo, các Ông có thể khởi lên ý kiến: "Chúng ta đã thành tựu tám

quý, thân hành chúng ta thanh tịnh, khẩu hành thanh tịnh, ý hành thanh tịnh, sanh mạng thanh tịnh. Đến mức độ này như vậy là vừa đủ... (như trên)..." . Và cho đến mức độ ấy, các Ông có thể tự thỏa mãn. Nay các Tỷ-kheo, Ta khuyên cáo các Ông... (như trên)... đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là các công việc đáng phải làm hơn nữa? **"Chúng ta phải hộ trì các căn.** Khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến con mắt không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, chúng ta sẽ tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu, bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, chúng ta sẽ tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn". Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải tu tập. Nay các Tỷ-kheo, các Ông có thể khởi lên ý kiến: "Chúng ta đã thành tựu tám quý, thân hành chúng ta thanh tịnh, khẩu hành thanh tịnh, ý hành thanh tịnh, sanh mạng thanh tịnh, và các căn đã được hộ trì, đến mức độ này, như vậy là vừa đủ... (như

trên)...". Và cho đến mức độ ấy, các Ông có thể tự thỏa mãn. Nay các Tỷ-kheo, Ta khuyên cáo các Ông... (như trên)... khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là các công việc đáng phải làm hơn nữa? **"Chúng ta phải biết tiết độ trong ăn uống, với chánh tư duy, chúng ta thọ thực, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được sống lâu và được bảo dưỡng, để (thân này) khỏi bị thương hại, để hỗ trợ phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy chúng ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên cảm thọ mới, và chúng ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an ổn"**. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải tu tập. Nhưng này các Tỷ-kheo, các Ông có thể khởi lên ý kiến: "Chúng ta đã thành tựu tâm quý, thân hành chúng ta thanh tịnh, khẩu hành thanh tịnh, ý hành thanh tịnh, sanh mạng thanh tịnh và các căn đã được hộ trì, ăn uống có tiết độ, đến mức độ này, như vậy là vừa đủ... (như trên)...". Và cho đến mức độ ấy, các Ông có thể tự thỏa mãn. Nay các Tỷ-kheo, Ta khuyên cáo các Ông... (như trên)... khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là các công việc đáng

phải làm hơn nữa? "Chúng ta phải chú tâm cảnh giác. Ban ngày đi kinh hành (hay) trong lúc ngồi, chúng ta phải tẩy sạch tâm tư khỏi các pháp chướng ngại. Ban đêm canh một đi kinh hành (hay) trong lúc ngồi, chúng ta phải tẩy sạch tâm tư khỏi các pháp chướng ngại. Ban đêm canh giữa, chúng ta phải nằm dằng nằm con sư tử, nghiêng bên hông tay phải, một chân đặt trên chân kia, chánh niệm tỉnh giác, tâm nghĩ đến lúc thức dậy lại. Ban đêm canh đầu thức dậy, đi kinh hành (hay) trong lúc ngồi, chúng ta phải tẩy sạch tâm tư khỏi các pháp chướng ngại". Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải tu tập. Nhưng này các Tỷ-kheo, các Ông có thể khởi lên ý kiến: "Chúng ta đã thành tựu tầm quý, thân hành chúng ta thanh tịnh, khẩu hành thanh tịnh, ý hành thanh tịnh, sanh mạng thanh tịnh, các căn đã được hộ trì, ăn uống có tiết độ, chú tâm cảnh giác, đến mức độ này, như vậy là vừa đủ... (như trên)...". Và cho đến mức độ ấy, các Ông có thể tự thỏa mãn. Này các Tỷ-kheo, Ta khuyến cáo các Ông... (như trên)... khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là các công việc đáng phải làm hơn nữa? "Chúng ta phải chánh niệm tỉnh giác, khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác, khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác, khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác, khi mang y kép, bình bát,

thương y đều tỉnh giác, khi ăn uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác, khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác, khi đi đứng, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác". Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải tu tập. Nhưng này các Tỷ-kheo, các Ông có thể khởi lên ý kiến: "Chúng ta đã thành tựu tầm quý, thân hành chúng ta thanh tịnh, khẩu hành thanh tịnh, ý hành thanh tịnh, sanh mạng thanh tịnh, các căn đã được hộ trì, ăn uống có tiết độ, chú tâm cảnh giác, chánh niệm tỉnh giác, đến mức độ này, như vậy là vừa đủ... (như trên)...". **Và cho đến mức độ ấy, các Ông có thể tự thỏa mãn. Này các Tỷ-kheo, Ta khuyên cáo các Ông...** (như trên)... khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là các công việc đáng phải làm hơn nữa? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch, như khu rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đồng rơm. Sau khi đi khát thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết già, lưng thẳng, và an trú chánh niệm trước mặt. Vị ấy **từ bỏ tham ái** ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái. **Từ bỏ sân hận**, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. **Từ bỏ hôn trầm thụy miên**, vị ấy sống thoát ly hôn trầm và thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh

sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên. **Từ bỏ trạo cử hồi quá**, vị ấy sống không trạo cử hồi tiếc, nội tâm trầm lắng, gột rửa tâm hết trạo cử hồi tiếc. **Từ bỏ nghi ngờ**, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

- ⇒ Nay các Tỷ-kheo, như một **người mắc nợ** liền làm các nghề nghiệp. Những nghề này được phát đạt, người ấy không những trả được nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng vợ. Người ấy nghĩ: "Ta trước kia mắc nợ nên làm các nghề nghiệp. Những nghề này được phát đạt, ta không những trả được những nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng vợ". Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.
- ⇒ Nay các Tỷ-kheo, như một **người bị bệnh**, đau đớn, trầm trọng, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu. Sau một thời gian, người ấy khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục. Người ấy nghĩ: "Ta trước kia bị bệnh, đau đớn trầm trọng, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu. Nay ta khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục". Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.
- ⇒ Nay các Tỷ-kheo, như một **người bị nhốt trong ngục**. Người ấy sau một thời gian được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, tài sản không bị giảm tổn. Người

ấy nghĩ: "Ta trước kia bị nhốt trong ngục, nay ta được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, tài sản không bị giảm tổn. "Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

⇒ Đây các Tỷ-kheo, như một người nô lệ, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại. Người ấy sau một thời gian thoát khỏi cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, một người thoát khỏi cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, một người giải thoát, được tự do đi lại. Người ấy nghĩ: "Ta trước kia bị cảnh nô lệ, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại. Nay ta thoát khỏi cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, một người giải thoát, được tự do đi lại". Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

⇒ Đây các Tỷ-kheo, như một người giàu có, nhiều tài sản, đang đi qua bãi sa mạc. Người ấy sau một thời gian đã đi khỏi bãi sa mạc ấy, đến đầu làng, yên ổn, không có nguy hiểm, tài sản không bị tổn giảm. Người ấy nghĩ: "Ta trước kia giàu có, nhiều tài sản, đi qua bãi sa mạc. Nay ta đã đi qua khỏi bãi sa mạc ấy, yên ổn, không có nguy hiểm, tài sản không bị tổn giảm". Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

Cũng vậy này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tự mình,

quán năm triền cái chưa xả ly, như món nợ, như bệnh hoạn, như ngục tù, như cảnh nô lệ, như con đường qua sa mạc. Nay các Tỷ-kheo, cũng như không mắc nợ, không bị bệnh tật được khỏi tù tội, được tự do, đến được đất lành yên ổn. Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo quán năm triền cái khi chúng được diệt trừ.

Sau khi đã đoạn trừ năm triền cái này, những triền cái làm ô nhiễm tâm tư, làm yếu ớt trí tuệ, vị ấy ly dục, ly ác, bất thiện pháp chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Vị ấy thấm nhuần, tắm ướn, làm cho sung mãn, tràn đầy thân này với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không có hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. *Này các Tỷ-kheo, như một người hầu tắm lão luyện, hay đệ tử người hầu tắm, sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước, cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướn, trào trộn với nước ướn, thấm ướn cả trong lẫn ngoài với nước, nhưng không chảy thành giọt.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướn, làm cho sung mãn, tràn đầy thân này với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo diệt tâm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc

do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Vị ấy thấm nhuần, tắm ước, làm cho sung mãn, tràn đầy thân này với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh thấm nhuần. *Này các Tỷ-kheo, ví như một hồ nước, nước từ trong dâng lên, phương Đông không có lỗ nước chảy ra, phương Tây không có lỗ nước chảy ra, phương Bắc không có lỗ nước chảy ra, phương Nam không có lỗ nước chảy ra, và thỉnh thoảng trời mưa lớn. Suối nước mát từ hồ nước ấy phun ra, thấm nhuần, tắm ước, làm cho sung mãn, tràn đầy hồ nước ấy, với nước mát lạnh, không một chỗ nào của hồ nước ấy không được nước mát lạnh thấm nhuần.* Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị ấy thấm nhuần, tắm ước, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh thấm nhuần.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là "xả niệm lạc trú", chứng và trú Thiền thứ ba. Vị ấy thấm nhuần, tắm ước, làm cho sung mãn, tràn đầy thân này với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần. *Này các Tỷ-kheo, ví như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng, hồ sen trắng, có*

những sen xanh, sen hồng hay sen trắng. Những bông sen ấy sanh trong nước, lớn lên trong nước, không vượt khỏi nước, nuôi sống dưới nước, từ đầu ngọn cho đến gốc rễ đều thấm nhuần, tắm ướt, tràn đầy thấu suốt bởi nước mát lạnh ấy, không một chỗ nào của toàn thể sen xanh, sen hồng hay sen trắng không được nước mát lạnh ấy thấm nhuần. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân này với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Vị ấy thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần. *Này các Tỷ-kheo, ví như một người ngồi, dùng tấm vải trắng trùm đầu, không một chỗ nào trên toàn thân không được vải trắng ấy che thấu.* Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị ấy ngồi thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh trong sáng, không

cầu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, vị ấy dẫn tâm, **hướng tâm đến Túc mạng minh**. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sinh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây". Như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. *Này các Tỷ-kheo, ví như một người đi từ làng mình đến làng khác, từ làng ấy đi đến một làng khác nữa, và từ làng này lại trở về làng của mình, người ấy nghĩ: "Ta từ làng của mình đi đến làng kia, nơi đây, ta đã đứng như thế này, đã ngồi như thế này, đã nói như thế này, đã yên lặng như thế này. Từ nơi làng nọ, ta đã trở về làng của ta"*. Như vậy, này các Tỷ-kheo, với tâm định tĩnh, thuần tịnh trong sáng, không cầu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm

đến, Túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời... (như trên)... Như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, vị ấy dẫn tâm, **hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh.** Vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh làm những ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, cõi Trời, trên đời này. Như vậy, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. *Này các Tỷ-kheo,*

ví như có hai nhà có cửa, và ở đây, một người có mắt đứng ở giữa, người này có thể thấy các người (khác) đi vào nhà, đi ra, đi qua, đi lại. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang... đều do hạnh nghiệp của họ.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, vị ấy dẫn tâm, **hướng tâm đến Lưu tận trí**. Vị ấy biết như thật: **"Đây là khổ"**, biết như thật: **"Đây là Nguyên nhân của Khổ"**, biết như thật: **"Đây là sự Diệt khổ"**, biết như thật: **"Đây là con đường đưa đến diệt khổ"**, biết như thật: **"Đây là những lậu hoặc"**, biết như thật: **"Đây là nguyên nhân của các lậu hoặc"**, biết như thật: **"Đây là sự đoạn trừ các lậu hoặc"**, biết như thật: **"Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc"**. **Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu.** Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: **"Ta đã giải thoát"**. Vị ấy tuệ tri: **"Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm xong, sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa"**. *Này các Tỷ-kheo, ví như tại dãy núi lớn có một hồ nước, thuần tịnh, trong sáng,*

không cầu nhiễm, một người có mắt, đứng trên bờ sẽ thấy con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá bơi qua lại hay đứng một chỗ. Vị ấy nghĩ: "Đây là hồ nước thuần tịnh, trong sáng, không cầu nhiễm. Đây là những con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá đang bơi qua lại hay đứng yên một chỗ". Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết như thật: "Đây là khổ... biết như thật: "Đây là Con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc!" Nhờ hiểu biết như vậy, nhờ nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát, vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần phải làm đã làm xong, sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa".

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy được gọi là Sa-môn, là Bà-la-môn, là vị đã tẩy sạch sẽ, là vị đã biết và hiểu rõ, là bậc có học, là bậc Thánh, là bậc A-la-hán.

- Này các Tỷ-kheo, như thế nào, Tỷ-kheo là Sa-môn? - Vị này đã làm cho dừng lại các ác, các pháp bất thiện, những pháp này ô nhiễm, đưa đến tái sanh, đáng sợ hãi, đem lại khổ quả, đưa đến sanh, già, chết trong tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là Sa-môn.

- Và này các Tỷ-kheo, như thế nào Tỷ-kheo là **Bà-la-môn?** - **Vị này đã tản xuất ra ngoài các ác**, các pháp bất thiện, những pháp này ô nhiễm, đưa đến tái sanh, đáng sợ hãi, đem lại khổ quả, đưa đến sanh già, chết trong tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là Bà-la-môn.
- Và này các Tỷ-kheo, như thế nào Tỷ-kheo **đã tắm sạch sẽ?** - **Vị này đã tắm gội sạch sẽ các ác**, các pháp bất thiện... đưa đến sanh, già, chết trong tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã tắm sạch sẽ.
- Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo đã **biết và hiểu rõ?** - **Vị này đã biết và hiểu rõ các ác**, các pháp bất thiện... đưa đến sanh, già, chết trong tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã biết rõ.
- Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là **Tỷ-kheo có học?** - **Vị này đã tiêu diệt các ác, các pháp bất thiện**... đưa đến sanh, già, chết trong tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có học.
- Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo được gọi là **bậc Thánh?** - **Vị này đã làm cho xa lìa** các ác pháp bất thiện... đưa đến sanh, già, chết trong tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo được gọi là bậc Thánh.

- Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo được gọi là **bậc A-la-hán? - Vị này đã làm cho xa lìa các ác, các pháp bất thiện... đưa đến sanh, già, chết trong tương lai**. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

22 Khen mình, chê người - Không tự khen pháp mình, không huỷ báng pháp người - Kinh SANDAKA – 76 Trung II, 377

KINH SANDAKA (Sandaka sutta)

– Bài kinh số 76 – Trung II, 377

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Kosambi (Kiều-thưởng-di), tại tu viện Ghosita (Cù-sư-la). Lúc bấy giờ, du sĩ Sandaka trú ở hang Pilakka với đại chúng du sĩ, khoảng độ năm trăm du sĩ. Rồi Tôn giả Ananda, vào buổi chiều, từ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, và nói với các Tỷ-kheo:

– Chư Hiền, chúng ta hãy đi đến Devakatasobbha để xem hang.

– Thừa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ananda. Rồi Tôn giả Ananda với một số đông Tỷ-kheo đi đến

Devakatasobbha. Lúc bảy giờ, du sĩ Sandaka ngồi với đại chúng du sĩ đang lớn tiếng, cao tiếng, to tiếng bàn luận nhiều vấn đề phù phiếm như câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, các câu chuyện hải hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về đồ mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị trấn, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, câu chuyện về hiện trạng của thế giới, hiện trạng của đại dương, câu chuyện về hiện hữu và không hiện hữu. Du sĩ Sandaka thấy Tôn giả Ananda từ xa đi đến, thấy vậy liền khuyến cáo chúng của mình:

– Các Tôn giả hãy nhỏ tiếng! Các Tôn giả hãy lặng tiếng! Nay đệ tử của Sa-môn Gotama, Sa-môn Ananda đang đến. Khi nào các đệ tử của Sa-môn Gotama trú ở Kosambi, thời Sa-môn Ananda này là một vị trong những vị ấy. Các Tôn giả ấy ưa mến trầm lặng, tu tập trong trầm lặng, tán thán trầm lặng, nếu biết chúng này trầm lặng, có thể ghé tại đây.

Rồi các du sĩ ấy đều im lặng. Tôn giả Ananda đến chỗ du sĩ Sandaka. Du sĩ Sandaka thưa với Tôn giả Ananda:

– Hãy đến, Tôn giả Ananda! Thiện lai, Tôn giả Ananda! Đã lâu Tôn giả Ananda mới tạo cơ hội này, nghĩa là đến đây. Tôn giả Ananda hãy ngồi, đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn.

Tôn giả Ananda ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Du sĩ Sandaka lấy một ghế thấp khác rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Ananda nói với du sĩ Sandaka đang ngồi một bên:

– Nay Sandaka, nay các vị hội họp nhau ở đây, đang bàn vấn đề gì? Và câu chuyện gì giữa các vị bị gián đoạn?

– Tôn giả Ananda, hãy gác một bên vấn đề chúng tôi đang hội họp bàn luận. Lát nữa Tôn giả Ananda nghe lại cũng không khó khăn gì. Lành thay, nếu được Tôn giả Ananda thuyết cho pháp thoại vì Đạo sư của mình.

– Vậy này Sandaka, hãy nghe và khéo tác ý, tôi sẽ giảng:

– Thưa vâng, Tôn giả.

Du sĩ Sandaka vâng đáp Tôn giả Ananda. Tôn giả Ananda nói như sau:

– Nay Sandaka, **bốn pháp phi phạm hạnh** trú này, do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, Bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, và **bốn pháp bất an phạm hạnh** cũng được tuyên bố. Ở đây, người có trí không thể tự mình sống Phạm hạnh và nếu sống, **thời không thể thành đạt (chánh) đạo, pháp và (chí) thiện.**

❖ *Tôn giả Ananda, **bốn pháp phi phạm hạnh** trú do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, và ở đây người có trí không thể tự mình sống Phạm hạnh, và nếu sống, thời không thể thành đạt (chánh) đạo, pháp và (chí) thiện; bốn pháp phi phạm hạnh trú ấy là gì?*

– Ở đây, nay Sandaka, có vị Đạo sư có thuyết lý như sau, có quan điểm như sau: "Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thực các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có mẹ, không có cha, không có loại hóa sanh, ở đời không có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, sau khi đã tự mình giác ngộ với thắng trí tuyên bố về đời này và đời sau. Con người này do bốn đại hợp thành, khi mệnh

chung, địa đại quy nhập địa giới, thủy đại quy nhập thủy giới, hỏa đại quy nhập hỏa giới, phong đại quy nhập phong giới, các căn nhập vào hư không. (Bốn) người, gánh quan tài với người nằm trong quan tài là năm gánh người chết mang đi, đến chỗ hỏa táng và thốt ra những lời kể lể, đặc tánh của người chết. Các xương thành màu xám như chim bồ câu, và những vật cứng dường trở thành tro bụi. Chỉ có người ngu mới tán dương bổ thí, lời nói của họ trống không, giả dối, vô ích khi họ chấp thuyết "có sự hiện hữu (Atthikavada)". Kẻ ngu cũng như người trí, sau khi thân hoại mạng chung sẽ đoạn diệt, tiêu thất, không còn tồn tại sau khi chết".

➔ Ở đây, này Sandaka, **người có trí suy tư như sau**:

"Vị Tôn sư này, thuyết lý như vậy, quan điểm như vậy: "Không có bổ thí, không có lễ hy sinh... (như trên)... Không còn tồn tại sau khi chết". *Nếu vị Tôn sư này nói đúng sự thật, thời cái gì đã làm ở đây không phải ta làm, cái gì được sống ở đây không phải ta sống, nhưng cả hai chúng ta ở đây đều đồng đẳng khi chứng Sa-môn quả, và ta không có nói: "Cả hai chúng ta, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ bị đoạn diệt, tiêu thất, sẽ không hiện hữu sau khi chết". Thật sự là quá độ hạnh lửa thế, trọc đầu, tinh tấn ngồi chỗ hỏ, nhổ lông tóc của vị Tôn sư này; trong khi ta sống trong gia đình được con*

cái bao bọc doanh vây, thọ dụng chiêm-đàn Kasi, mang dùng vòng hoa, hương liệu phấn sáp, hưởng thọ vàng bạc, và trong đời sau ta sẽ đồng đẳng với vị Tôn sư này về chỗ thọ sanh. Như vậy, ta biết gì, thấy gì mà ta sẽ sống Phạm hạnh dưới vị Đạo sư này? **Vị ấy sau khi biết phi phạm hạnh trú này, yếm ly hạnh ấy và bỏ đi.**

⇒ Như vậy, này Sandaka là phi phạm hạnh trú thứ nhất, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố và ở đây người có trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy, và nếu sống, thì không thể thành đạt (chánh) đạo, pháp và (chí) thiện.

Lại nữa, này Sandaka, ở đây có vị Đạo sư có thuyết lý như sau, có quan điểm như sau: **"Tự làm hay khiến người làm,** chém giết hay khiến người chém giết, đốt nấu hay khiến người đốt nấu, gây phiền muộn, hay khiến người gây phiền muộn, gây áo não hay khiến người gây áo não, tự mình gây sợ hãi hay khiến người gây sợ hãi, sát sanh, lấy của không cho, phá cửa nhà mà vào, cướp đoạt, đánh cướp một nhà lẻ loi, chặn đường cướp giựt, tư thông vợ người, nói láo, hành động **như vậy không có tội ác**". Nếu lấy một bánh xe sắc bén giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất này, làm thành một đồng thịt, thành

một chồng thịt, cũng không vì vậy mà có tội ác, gây ra tội ác. Nếu đi trên bờ phía Nam sông Hằng giết hại, tàn sát, chém giết, khiến người chém giết, đốt nấu, khiến người đốt nấu, cũng không vì vậy có tội ác, gây ra tội ác. Nếu đi trên bờ phía Bắc sông Hằng bỏ thí, khiến người bỏ thí, tế lễ, khiến người tế lễ, cũng không vì vậy có phước báo, tạo nên phước báo. Bỏ thí, tự điều phục, tự chế ngự, nói thật không có công đức, không tạo nên công đức".

Ở đây, này Sandaka, người có trí suy tư như sau: "Vị Tôn sư này, có thuyết lý như vậy, có quan điểm như vậy: "Tự làm, khiến người làm... (như trên)... không tạo nên công đức". Nếu vị Tôn sư này nói đúng sự thật, thời cái gì đã làm ở đây không phải ta làm, cái gì được sống ở đây không phải ta sống; nhưng cả hai chúng ta ở đây đều đồng đẳng khi chúng Sa-môn quả, và ta không có nói: "Hành động cả hai (chúng ta) không tạo ra tội ác". Thật sự là quá độ... (như trên)... mà ta sẽ sống Phạm hạnh dưới vị Đạo sư này?" Vị ấy sau khi biết phi phạm hạnh trú này, yếm ly hạnh ấy và bỏ đi.

⇒ Như vậy, này Sandaka là phi phạm hạnh trú thứ hai, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã tuyên bố và ở đây người có trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy,

và nếu sống, thời không thể thành đạt (chánh) đạo, pháp và (chí) thiện.

Lại nữa, này Sandaka, ở đây, có vị Đạo sư có thuyết lý như vậy, có quan điểm như vậy: "Không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô; không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình sẽ bị nhiễm ô". Không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh, không nhân không duyên, các loài hữu tình sẽ được thanh tịnh. Không có lực, không có tinh tấn, không có nhân lực, không có cố gắng của người. Tất cả loài hữu tình, tất cả chúng sanh, tất cả sanh loại, tất cả sinh mạng đều không tự tại, không lực, không tinh tấn. Họ bị dắt dẫn chi phối bởi định mệnh, bởi sự trùng hợp, bởi tự tánh. Họ hưởng thọ khổ lạc, y theo sáu sanh loại".

Ở đây, này Sandaka, người có trí suy tư như sau: "Vị Tôn sư này có thuyết lý như vậy, có quan điểm như vậy: "Không có nhân, không có duyên... (như trên)... họ hưởng thọ khổ lạc, y theo sáu sanh loại". Nếu vị Tôn sư này nói đúng sự thật, thời cái gì đã làm ở đây không phải ta làm, cái gì được sống ở đây không phải ta sống, nhưng cả hai chúng ta ở đây đều đồng đẳng khi chúng Sa-môn quả, và ta không có nói: "Cả hai chúng tôi, không có nhân, không có duyên sẽ được thanh tịnh". Thật sự là quá độ... (như

trên)... mà ta sẽ sống theo hạnh ấy dưới vị Đạo sư này?" Vị ấy sau khi biết phi phạm hạnh trú này, yếm ly hạnh ấy và bỏ đi.

⇒ Như vậy, này Sandaka là phi phạm hạnh trú thứ ba, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, và ở đây người có trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy, và nếu sống thì không thể thành đạt (chánh) đạo, pháp và (chí) thiện.

Lại nữa, này Sandaka, ở đây có vị Đạo sư có thuyết lý như vậy, có quan điểm như vậy: "Có bảy thân này không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động, không chuyển biến, không xâm hại nhau. Chúng không thể ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau, hoặc cả khổ và lạc. Thế nào là bảy? Địa thân, thủy thân, hỏa thân, phong thân, khổ, lạc, và thứ bảy là man. Bảy thân này không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động, không chuyển biến, không xâm hại nhau. Chúng không thể ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau, hoặc cả khổ và lạc. Ở đây, không có người giết hại hoặc người bị giết hại, người nghe hoặc

người nói, người biết hoặc người khiến cho biết, khi có một ai dùng lưỡi kiếm sắc bén chém đầu, thời không ai tước đoạt sanh mạng của ai cả, lưỡi kiếm chỉ rơi vào giữa bảy thân mà thôi. Có tất cả là 14 trăm ngàn chủng loại thác sanh, lại có thêm 60 một trăm và 6 một trăm. Có 5 một trăm loại nghiệp và có 5 nghiệp (theo 5 căn), lại có 3 nghiệp (về thân, khẩu, ý), lại có toàn nghiệp (thân và khẩu), bán nghiệp (ý), có 62 đạo, 62 trung kiếp, 6 giai cấp, 8 nhân địa; 4900 sanh nghiệp, 4900 kẻ du hành, 4900 chỗ ở của loài Naga, 2000 căn, 3000 cảnh địa ngục, 36 trần giới, 7 tướng thai, 7 vô tướng thai, 7 tiết thai (sanh từ đốt, hay ly hệ thai?) 7 loài Thiên, 7 loài Người, 7 loài Quỷ, 7 hồ nước, 7 pavutas (núi hay hồ nhỏ), 7000 pavutas, 700 papatas (vực thẳm), 7 mộng, 700 mộng có 8.400.000 đại kiếp, trong thời gian ấy kẻ ngu và người trí, sau khi lưu chuyển, luân hồi, sẽ trừ tận khổ đau. Không có lời nguyện: "Với giới này, với giới cấm này, với khổ hạnh này, hay với Phạm hạnh này, tôi sẽ làm cho chín muồi những nghiệp chưa được thuần thực, hoặc trừ diệt những nghiệp đã được thuần thực, bởi những nhân thọ liên tục không thể đo lường, khổ và lạc với những vật đo lường, trong luân hồi không có tăng giảm, không có cao thấp. Ví như cuộn chỉ được tung ra sẽ được kéo dài đến một mức độ nào đó. Cũng như vậy, kẻ ngu và người trí, sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ chấm dứt khổ đau".

Ở đây, này Sandaka, **người có trí suy tư như sau**: "Vị Tôn sư này có lý thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: "Có bảy thân này... (như trên)... sẽ chấm dứt khổ đau". Nếu vị Tôn sư này nói đúng sự thật, thời cái gì đã làm ở đây không phải ta làm, cái gì được sống ở đây không phải ta sống, nhưng cả hai chúng ta ở đây đều đồng đẳng khi chứng Sa-môn quả, và ta không có nói: "Cả hai chúng tôi, sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ chấm dứt khổ đau". Thật sự là quá độ hạnh lỏa thể, trọc đầu, tinh tấn ngồi chỗ hỏ, nhổ lông tóc của vị Tôn sư này, trong khi ta sống trong gia đình, được con cái bao bọc đoanh vây, thọ dụng chiên-đàn Kasi, mang dùng vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, hưởng thọ vàng bạc, và trong đời sau ta sẽ đồng đẳng với vị Tôn sư này về chỗ thọ sanh. Như vậy ta biết gì, ta thấy gì mà ta sẽ sống theo hạnh ấy với vị Đạo sư này?" **Vị ấy sau khi biết phi phạm hạnh trú này, yếm ly theo hạnh ấy và bỏ đi.**

⇒ Như vậy, này Sandaka là phi phạm hạnh trú thứ tư, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, và ở đây người có trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy, và nếu sống, thời không thể thành đạt (chánh) đạo, pháp, và (chí) thiện.

Này Sandaka, bốn phi phạm hạnh trú này được

Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, và ở đây, người có trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy, và nếu sống, thời không thể thành đạt (chánh) lý, pháp, và (chí) thiện.

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Ananda! Thật hy hữu thay, Tôn giả Ananda! Bốn phi phạm hạnh trú này đã được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố là phi phạm hạnh trú, và ở đây, người có trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy, và nếu sống, thời không thể thành đạt (chánh) lý, pháp, và (chí) thiện.

❖ *Tôn giả Ananda, thế nào là **bốn pháp bất an phạm hạnh** được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, và ở đây người có trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy, và nếu sống, thời không thể thành đạt (chánh) đạo, pháp, và (chí) thiện?*

⇒ Ở đây, này Sandaka, **có bậc Đạo sư nhưt thiết tri nhưt thiết kiến**, tự xem đã chứng được tri kiến hoàn toàn: "Khi ta đi, ta đứng, ta ngủ và ta thức, tri, kiến được an trú ở trong ta, liên tục, không gián đoạn". Vị ấy đi vào một nhà trống, không nhận được đồ ăn khát thực, và con chó cắn vị ấy, vị ấy gặp voi dữ, gặp người dữ, gặp bò dữ, và vị

ấy hỏi tên và họ một người đàn bà, một người đàn ông, và hỏi tên những con đường của làng, của thị trấn. Vị ấy được hỏi: "Sao như thế này?", và trả lời: "Ta phải vào một nhà trồng, do vậy ta đã vào; ta phải không nhận được đồ ăn khát thực, do vậy ta đã không nhận được đồ ăn khát thực. (Có người) phải bị chó cắn, do vậy ta đã bị chó cắn. (Có người) phải gặp voi dữ, do vậy ta đã gặp; phải gặp ngựa dữ, do vậy ta đã gặp, phải gặp bò dữ, do vậy ta đã gặp. Có người phải hỏi tên và họ một người đàn bà, một người đàn ông, do vậy ta đã hỏi. (Có người) phải hỏi tên những con đường của làng, của thị trấn, do vậy ta đã hỏi".

➔ Ở đây, này Sandaka, **người có trí suy tư như sau:**
"Vị Tôn sư này là nhất thiết tri, nhất thiết kiến... (như trên)... do vậy ta đã hỏi". **Vị ấy sau khi biết:**
"Hạnh này là bất an", nên yếm ly hạnh ấy và bỏ đi.

Này Sandaka, đây là Bất an phạm hạnh thứ nhất, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, và ở đây người có trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy, và nếu sống thì không thể thành đạt (chánh) đạo, pháp và (chí) thiện.

⇒ Lại nữa, này Sandaka, ở đây, có vị Đạo sư y cứ truyền thuyết, (xem) truyền thuyết là chân thật, vị này thuyết pháp theo truyền thuyết, theo tương truyền và truyền thống, theo uy tín (Thánh) tạng. Này Sandaka, nếu vị Đạo sư y cứ truyền thuyết, xem truyền thuyết là chân thật, vị ấy (có phần) khéo nhớ, (có phần) không khéo nhớ, (khi thì) như thế này, (khi thì) như thế khác.

Ở đây, này Sandaka, **người có trí suy tư**: "Vị Tôn sư này y cứ truyền thuyết, xem truyền thuyết là chân thật, vị này thuyết pháp theo truyền thuyết, theo tương truyền và truyền thống, theo uy tín (Thánh) tạng. Nếu vị Đạo sư y cứ truyền thuyết, xem truyền thuyết là chân thật, vị ấy (có phần) khéo nhớ, (có phần) không khéo nhớ, (khi thì) như thế này, (khi thì) như thế khác. **Vị ấy sau khi biết: "Hạnh này là bất an", nên yếm ly hạnh ấy và bỏ đi.**

Này Sandaka, đây là bất an phạm hạnh thứ hai, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, và ở đây người có trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy, và nếu sống, thì không thể thành đạt (chánh) đạo, pháp, và (chí) thiện.

⇒ Lại nữa, này Sandaka, ở đây có vị Đạo sư là nhà

lý luận, là nhà suy luận. Do sự đả phá của lý luận và y cứ theo suy luận, vị này thuyết pháp theo nguyên tắc tự mình sáng tác. Nay Sandaka, nếu vị Đạo sư là nhà lý luận, là nhà suy luận, vị ấy (có phần) khéo lý luận, (có phần) không khéo lý luận, (khi thì) như thế này, (khi thì) như thế khác.

Ở đây, nay Sandaka, **người có trí suy nghĩ**: "Vị Tôn sư này là nhà lý luận, là nhà suy luận. Do sự đả phá của lý luận và y cứ theo suy luận, vị này thuyết pháp theo nguyên tắc tự mình sáng tác. Nếu vị Đạo sư là nhà lý luận, là nhà suy luận, vị ấy (có phần) khéo lý luận, (có phần) không khéo lý luận, (khi thì) như thế này, (khi thì) như thế khác. Vị ấy sau khi biết: "Hạnh này là bất an" nên yếm ly hạnh ấy và bỏ đi.

Nay Sandaka đây là bất an phạm hạnh thứ ba, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, và ở đây người có trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy, và nếu sống thì không thể thành đạt (chánh) lý, pháp, và (chí) thiện.

⇒ Lại nữa, nay Sandaka, ở đây có **vị Đạo sư là người đần độn**, là người ngu si. Vì đần độn ngu si, khi được hỏi về vấn đề này, vấn đề khác, vị ấy dùng

những lời nguy biện trườn uốn như con lươn:
"Theo tôi không phải như vậy, theo tôi không phải
như kia, theo tôi không khác như thế, theo tôi
không phải như thế, theo tôi không không phải
như thế".

Ở đây, này Sandaka **người có trí suy tư**: "Vị
Tôn sư này là người đàn độn, là người ngu si... (như
trên)... theo tôi không phải như thế". Vị ấy sau khi
biết: "Hạnh này là bất an", nên yểm ly hạnh ấy và bỏ
đi.

Này Sandaka, đây là bất an phạm hạnh thứ tư,
được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán,
Chánh Đăng Giác tuyên bố, và ở đây người có trí
không thể tự mình sống theo hạnh ấy và nếu sống thì
không thể thành đạt (chánh) đạo, pháp và (chí) thiện.

Này Sandaka, bốn bất an phạm hạnh này được
Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh
Đăng Giác tuyên bố, và ở đây **người có trí không
thể tự mình sống theo hạnh ấy, và nếu sống thì
không thể thành đạt (chánh) lý, pháp và (chí)
thiện.**

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Ananda! Thật hy
hữu thay, Tôn giả Ananda! Bốn pháp bất an phạm
hạnh này đã được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả,

bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố là bất an phạm hạnh, và ở đây người trí không thể tự mình sống theo hạnh ấy, và nếu sống thì không thể thành đạt (chánh) lý, pháp, và (chí) thiện.

❖ *Thưa Tôn giả Ananda, vị Đạo sư ấy dạy những gì, tuyên bố những gì, mà ở đây, người có trí có thể tự mình sống Phạm hạnh, và khi sống, có thể thành đạt (chánh) lý, pháp, và (chí) thiện?*

– Ở đây, này Sandaka, Như Lai xuất hiện ở đời, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Như Lai sau khi riêng tự chứng ngộ với thượng trí... lại tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ... Ngài truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh. Người gia trưởng hay con người gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp (hạ tiện) nghe pháp ấy... (như Kinh Kandaraka của tập này, tr. 20 – tr. 25). **Sau khi trừ bỏ năm triền cái này, các pháp làm tâm cấu uế, làm trí tuệ trở thành yếu ớt vị ấy ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Sơ thiền**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tâm, với tứ.

Này Sandaka, nếu một đệ tử chứng được ưu thắng đặc thù như vậy dưới một vị Đạo sư, thời ở đây

người có trí có thể tự mình sống Phạm hạnh, và khi sống có thể thành đạt (chánh) lý, pháp, và (chí) thiện.

Lại nữa, này Sandaka, vị Tỷ-kheo diệt tầm và tứ... Nhị thiền... Tam thiền... chứng đạt và an trú Tứ thiền. Này Sandaka, nếu một đệ tử chiếm được ưu thắng đặc thù như vậy dưới một Đạo sư... (như trên)... (chánh) lý, pháp, và (chí) thiện".

Với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc bất động như vậy, vị ấy, hướng tâm đến túc mạng trí. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời... như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. *Này Sandaka, nếu một đệ tử chiếm được ưu thắng đặc thù như vậy dưới một vị Đạo sư... (như trên)... (chánh) lý, pháp, và (chí) thiện.*

Với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị ấy hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh... đều do hạnh nghiệp của họ. *Này*

Sandaka nếu một đệ tử chứng được ưu thắng đặc thù như vậy dưới một vị Đạo sư... (như trên)... (chánh) đạo, pháp và (chí) thiện.

Với tâm định tĩnh thanh tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị ấy hướng tâm đến lậu tận trí. Vị ấy như thật biết: "Đây là Khổ"... vị ấy như thật biết: "Đây là con đường đưa đến lậu hoặc diệt". Vị ấy do biết vậy, do thấy vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã diệt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm; sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa". *Này Sandaka, nếu một đệ tử chứng được ưu thắng đặc thù như vậy dưới một Đạo sư nào, thời ở đây người có trí có thể tự mình sống Phạm hạnh, và khi sống có thể thành đạt (chánh) đạo, pháp, và (chí) thiện.*

❖ *Nhưng, thưa Tôn giả Ananda, một Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, đã giải thoát nhờ chánh trí, vì Tỷ-kheo ấy có thể thọ dụng các dục vọng không?*

– Nay Sandaka, vị Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, đã giải thoát nhờ chánh trí, **vị ấy không thể vi phạm năm điều:**

- ➔ Vị Tỷ-kheo các lậu đã tận **không có thể cố ý sát hại mạng sống** chúng sanh;
- ➔ Vị Tỷ-kheo các lậu đã tận **không có thể lấy của không cho**, được gọi là ăn trộm;
- ➔ Vị Tỷ-kheo các lậu đã tận **không có thể hành dâm dục**;
- ➔ Vị Tỷ-kheo các lậu đã tận **không có thể cố ý nói láo**;
- ➔ Vị Tỷ-kheo các lậu đã tận **không có thể hưởng thọ các dục đối với các vật được tàng trữ như trước khi còn tại gia**.

Nay Sandaka, một vị Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, đã giải thoát nhờ chánh trí, vị ấy không có thể vi phạm năm điều này.

❖ *Thưa Tôn giả Ananda, vị Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã*

thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, đã giải thoát nhờ chánh trí, khi vị ấy đi, đứng, ngủ và thức, có phải tri kiến vị ấy được an trú một cách liên tục, không gián đoạn: "Các lậu hoặc của ta đã được đoạn tận"?

– Nay Sandaka, tôi sẽ cho Ông một ví dụ, nhờ ví dụ ở đây, một số người có trí sẽ biết ý nghĩa câu nói. *Ví như, này Sandaka, một người tay chân bị chặt; khi người ấy đi, đứng, ngủ và thức, tay chân bị chặt một cách liên tục, không gián đoạn, và khi người ấy suy tư về vấn đề này, người ấy biết: "Tay chân của ta bị chặt".*

Cũng vậy, này Sandaka, vị Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, đã giải thoát nhờ chánh trí, khi vị ấy đi, đứng, ngủ và thức, các lậu hoặc được đoạn tận một cách liên tục, không gián đoạn, và khi vị ấy suy tư về vấn đề này, vị ấy biết: "Các lậu hoặc ta đã được đoạn tận".

– Nhưng thưa Tôn giả Ananda, có bao nhiêu vị lãnh đạo tối thắng trong pháp và luật này?

– Nay Sandaka, không phải chỉ có một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm, mà còn nhiều vị

lãnh đạo tối thắng hơn nữa trong pháp và luật này.

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Ananda! Thật hy hữu thay, Tôn giả Ananda! **Không có sự tự tán thán pháp của mình, không có sự hủy báng pháp của người khác, nhưng cả hai sự thuyết pháp với các hành trì** (ayatane) và rất nhiều vị lãnh đạo tối thắng như vậy đã được thấy (ở đây). Còn các tà mạn ngoại đạo này là những đứa con của người mẹ không con, họ tự tán thán khen mình chê người, và họ chỉ có ba vị lãnh đạo tối thắng, tức là Nanda Vaccha, Kisa Sankicca và Makkhali Gosala.

Rồi du sĩ Sandaka nói với đồ chúng của mình:

– Chư Tôn giả, hãy đi và sống Phạm hạnh dưới Sa-môn Gotama, tuy rằng nay không có dễ gì cho chúng ta từ bỏ quyền lợi, tôn kính và danh tiếng.

Như vậy du sĩ Sandaka đã đưa đồ chúng của mình sống Phạm hạnh dưới Sa-môn Gotama.

23 Khen mình, chê người - Không tự khen pháp mình, không đề cập tự ngã - Kinh TÀ MẠNG ĐỆ TỬ – Tăng I, 393

TÀ MẠNG ĐỆ TỬ – Tăng I, 393

1. Một thời, Tôn giả Ànanda trú ở Kosambi, tại khu vườn Ghosità

Rồi một tà mạng đệ tử gia chủ đi đến Tôn giả Ànanda; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Ànanda rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, tà mạng đệ tử gia chủ nói với Tôn giả Ànanda:

- Thưa Tôn giả Ànanda, pháp của những ai được khéo thuyết? Những ai khéo hành trì ở đời? Những ai khéo vượt qua ở đời?

- Vậy này Gia chủ, về vấn đề này Ta sẽ hỏi Ông. Ông kham nhẫn thế nào, hãy trả lời như vậy.

Ông nghĩ thế nào, này Gia chủ, những ai thuyết pháp để đoạn tận tham, thuyết pháp để đoạn tận sân, thuyết pháp để đoạn tận si, pháp có được các vị ấy khéo thuyết hay không? Hay ở đây, Ông nghĩ thế nào?

- Thừa Tôn giả, ai thuyết pháp để đoạn tận tham, thuyết pháp để đoạn tận sân, thuyết pháp để đoạn tận si, pháp được vị ấy khéo thuyết. Và ở đây, tôi nghĩ như vậy.

2. - Ông nghĩ thế nào, này Gia chủ, những ai thực hành đoạn tham, thực hành đoạn sân, thực hành đoạn si, những vị ấy có khéo thực hành ở đời hay không? Hay ở đây, Ông nghĩ thế nào?

- Thừa Tôn giả, những ai thực hành đoạn tham, thực hành đoạn sân, thực hành đoạn si, những vị ấy khéo thực hành ở đời. Và ở đây, tôi nghĩ như vậy.

3. - Ông nghĩ thế nào, này Gia chủ, với những ai tham được đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây tala, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; với những ai, sân được đoạn tận ... với những ai, si được đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây tala, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; Những vị ấy có khéo vượt qua ở đời hay không? Hay ở đây, Ông nghĩ thế nào?

- Thừa Tôn giả, với những ai tham được đoạn tận, ... với những ai, sân được đoạn tận ... với những ai, si được đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây tala, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; Những vị ấy khéo vượt qua ở đời. Và ở đây, tôi nghĩ như vậy.

4- Như vậy, Ông đã trả lời như sau: "Thưa Tôn giả, những ai thuyết pháp để đoạn tận tham, thuyết pháp để đoạn tận sân, thuyết pháp để đoạn tận si, pháp được các vị ấy khéo thuyết."

Và Ông đã trả lời như sau: "Thưa Tôn giả, những ai đã thực hành đoạn tận tham ... đoạn tận sân ... đoạn tận si, những vị ấy đã khéo thực hành ở đời".

Và Ông đã trả lời như sau: "Thưa Tôn giả, những ai đã đoạn tận tham, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây tala, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Những ai đã đoạn tận sân ... Những ai đã đoạn tận si, đã cắt đứt từ gốc rễ ... làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Những vị ấy khéo vượt qua ở đời".

- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả! *Ở đây sẽ không có tự khen pháp của mình, không có chê trách pháp của người khác, chỉ có thuyết pháp trong giới xứ, chỉ nói đến mục đích mà không đề cập đến tự ngã.*

5. Thưa Tôn giả, Tôn giả thuyết pháp để đoạn tận tham, thuyết pháp để đoạn tận sân, thuyết pháp để đoạn tận si, và thưa Tôn giả, pháp được Tôn giả khéo thuyết.

- Thưa Tôn giả Ànanda, Tôn giả thực hành đoạn tận tham, ... đoạn tận sân, ... Tôn giả thực hành đoạn tận si, Tôn giả đã khéo thực hành ở đời.

- Thừa Tôn giả Ānanda, **tham đã được Tôn giả đoạn tận**, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây tala, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai ... sân đã được Tôn giả đoạn tận ... si đã được Tôn giả đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây tala, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai, Tôn giả đã khéo vượt qua ở đời.

6. Thật vi diệu thay, thừa Tôn giả! Thật vi diệu thay, thừa Tôn giả! Thừa Tôn giả, người như dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống ... Thừa Tôn giả Ānanda, con nay xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và chúng Tăng. Mong Tôn giả Ānanda nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng!

24 Khi Bồ-tát từ cõi trời Đâu suất... - Kinh HY HỮU VỊ TĂNG HỮU PHÁP – 123 Trung III, 317

KINH HY HỮU VỊ TĂNG HỮU PHÁP (**Acchariyabbhutadhamma sutam**)

– Bài kinh số 123 – Trung III, 317

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà-lâm), tại tịnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Rồi một số rất đông Tỷ-kheo, sau buổi ăn, sau khi đi khát thực về, đang ngồi tụ họp trong thị giả đường (upatthanasala), **câu chuyện này được khởi lên giữa chúng Tăng:**

– "Thật hy hữu thay chư Hiền! Thật vị tăng hữu thay chư Hiền, là đại thần thông lực, đại uy lực của Như Lai! Vì Ngài biết được chư Phật quá khứ, đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các hý luận, đã đoạn các chương đạo, đã chấm dứt luân hồi, đã thoát ly mọi khổ: "Chư Thế Tôn ấy sanh tánh như vậy, danh tánh như vậy, tộc tánh như vậy... giới hạnh như vậy... pháp hạnh như vậy... tuệ hạnh như vậy.. trú hạnh như

vậy... chư Thế Tôn ấy giải thoát như vậy".

Khi được nghe nói như vậy, Tôn giả Ananda nói với các Tỷ-kheo ấy: "Thật hy hữu thay chư Hiền, Như Lai được đầy đủ các pháp hy hữu! Thật vị tăng hữu thay chư Hiền, Như Lai được đầy đủ các pháp vị tăng hữu!"

Và câu chuyện giữa các Tỷ-kheo ấy bị gián đoạn. Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến thị giả đường, sau khi đến, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, nay các Ông ngồi nói chuyện gì? Câu chuyện gì giữa các Ông bị gián đoạn?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con sau buổi ăn, sau khi đi khát thực trở về, chúng con ngồi tụ họp tại thị giả đường, câu chuyện sau đây được khởi lên: "Hy hữu thay, chư Hiền... (như trên)... chư Thế Tôn ấy được giải thoát như vậy". Khi được nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, Tôn giả Ananda nói với chúng con như sau: "Thật hy hữu thay... Như Lai được đầy đủ các pháp hy hữu! Thật vị tăng hữu thay... Như Lai được đầy đủ các pháp vị tăng hữu!" Câu chuyện này giữa chúng con, bạch Thế Tôn, bị gián đoạn. Rồi Thế

Tôn đến.

Thế Tôn bảo Tôn giả Ananda:

– Do vậy, này Ananda, hãy nói lên nhiều nữa, những đặc tánh hy hữu, vị tăng hữu của Như Lai.

1. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Chánh niệm tỉnh giác, này Ananda, Bồ-tát sanh trong Thiên chúng (Kaya) "Tusita"". Vì rằng, bạch Thế Tôn, chánh niệm tỉnh giác Bồ-tát sanh trong Thiên chúng Tusita, con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.
2. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Chánh niệm tỉnh giác, này Ananda, Bồ-tát an trú trong Thiên chúng Tusita"". Vì rằng, bạch Thế Tôn, chánh niệm tỉnh giác, Bồ-tát an trú trong Thiên chúng Tusita, con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.
3. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Chánh niệm tỉnh giác, này Ananda, Bồ-tát an trú tại Thiên chúng Tusita cho đến trọn thọ mạng"". Vì rằng, bạch

Thế Tôn, chánh niệm tỉnh giác, Bồ-tát an trú tại Thiên chúng Tusita cho đến trọn thọ mạng, con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

4. Bạch Thế Tôn, con tận mắt nghe, con tận mắt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Chánh niệm, tỉnh giác này Ananda, Bồ-tát sau khi từ Thiên chúng Tusita mạng chung, nhập vào mẫu thai". Vì rằng, bạch Thế Tôn, chánh niệm tỉnh giác, Bồ-tát sau khi từ Thiên chúng Tusita mạng chung, nhập vào mẫu thai, con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.
5. Bạch Thế Tôn, con tận mắt nghe, con tận mắt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Khi Bồ-tát nhập vào mẫu thai, này Ananda, khi ấy **một hào quang vô lượng**, thần diệu, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có các thế giới ở trên chư Thiên, thế giới của các Ma vương và Phạm thiên và thế giới ở dưới gồm các vị Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người. Cho đến các thế giới ở giữa các thế giới, tối tăm, u ám không có nền tảng, những cảnh giới mà mặt trăng mặt trời với đại thần lực, với đại oai lực như vậy cũng không thể

chiếu thấu, trong những cảnh giới ấy, một hào quang vô lượng, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra. Và các chúng sanh sống tại những chỗ ấy nhờ hào quang ấy mới thấy nhau và nói: "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây". Và mười ngàn thế giới này chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và hào quang vô lượng, thần diệu, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra ở thế giới". Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn".

6. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "**Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, này Ananda, bốn vị Thiên tử đến canh gác bốn phương trời và nói: "Không cho một ai, người hay không phải loài người được phiền nhiễu Bồ-tát, hay mẹ vị Bồ-tát"**". Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn".
7. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "**Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, này Ananda, mẹ Bồ-tát giữ giới một cách hồn nhiên, không sát sanh, không trộm**".

cấp, không tà dâm, không nói láo, không uống các thứ rượu nấu, rượu lên chất men".

Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu. là một vị tăng hữu của Thế Tôn.

8. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, này Ananda, mẹ Bồ-tát không khởi dục tâm đối với một nam nhân nào, và mẹ Bồ-tát không bị xâm phạm bởi bất kỳ người đàn ông nào có nhiễm tâm". Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.
9. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, này Ananda, mẹ vị Bồ-tát tận hưởng năm dục công đức đầy đủ, tận hưởng trọn năm dục công đức". Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.
10. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, này Ananda, mẹ vị Bồ-tát không bị một bệnh tật gì. Bà sống với tâm hoan hỷ,

với tâm khoan khoái. Bà thấy trong bào thai của mình vị Bồ-tát đầy đủ mọi bộ phận và chân tay.

Này Ananda, ví như viên ngọc lưu ly, thanh tịnh, thuần nhất, có tám cạnh, khéo cắt, khéo dũa, trong sáng, không tỳ vết, hoàn hảo trong mọi phương diện. Rồi một sợi dây được xuyên qua viên ngọc ấy, dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng lợt. Nếu có người có mắt để viên ngọc trên bàn tay của mình, người ấy sẽ thấy rõ ràng: "Đây là viên ngọc lưu ly, thanh tịnh, thuần nhất, có tám cạnh, khéo cắt, khéo dũa, trong sáng, không tỳ vết, hoàn hảo trong mọi phương diện. Đây là sợi dây xuyên qua, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng lợt". Cũng vậy, này Ananda, khi Bồ-tát nhập mẫu thai, mẹ Bồ-tát không bị một bệnh tật gì. Bà sống với tâm hoan hỷ, với thân khoan khoái. Bà thấy trong bào thai của mình vị Bồ-tát đầy đủ bộ phận và chân tay". Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

11. Bạch Thế Tôn con tận mắt nghe, con tận mắt ghi nhớ từ Thế Tôn: **"Sau khi sanh Bồ-tát bảy ngày, này Ananda, mẹ Bồ-tát**

mệnh chung và sanh lên cõi trời Đâu suất".

Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

12. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: **"Trong khi các người đàn bà khác, này Ananda, mang bào thai trong bụng chín tháng hay mười tháng rồi mới sanh, mẹ vị Bồ-tát sanh Bồ-tát không phải như vậy. Mẹ vị Bồ-tát mang Bồ-tát trong bụng mười tháng rồi mới sanh"**. Vì rằng, bạch Thế Tôn.. con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

13. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: **"Trong khi các người đàn bà khác, này Ananda, hoặc ngồi hoặc nằm mà sanh con, mẹ vị Bồ-tát sanh Bồ-tát không phải như vậy. Mẹ vị Bồ-tát đứng mà sanh Bồ-tát"**. Vì rằng bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

14. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: **"Khi Bồ-tát từ**

bụng mẹ sanh ra, này Ananda, chư Thiên đỡ lấy Ngài trước, sau mới đến loài người". Vì rằng, bạch Thế Tôn ... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn là một hy hữu, một vi tăng hữu của Thế Tôn.

15. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: **"Khi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, này Ananda, Bồ-tát không đứng đến đất. Có bốn Thiên tử đỡ lấy Ngài, đặt Ngài trước bà mẹ và thưa: "Hoàng hậu hãy hoan hỷ! Hoàng Hậu sanh một bậc vĩ nhân".** Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vi tăng hữu của Thế Tôn.

16. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: **"Khi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, này Ananda, Ngài sanh ra thanh tịnh, không bị nhiễm ô bởi nước nhớt nào, không bị nhiễm ô bởi loại mủ nào, không bị nhiễm ô bởi loại máu nào, không bị nhiễm ô bởi bất cứ vật bất tịnh nào, thanh tịnh, trong sạch.** *Này Ananda, ví như một viên ngọc ma-ni bảo châu đặt trên một tấm vải Ba-la-nại. Viên ngọc không làm nhiễm ô tấm vải Ba-la-nại, tấm vải Ba-la-nại cũng không*

làm nhiễm ô hòn ngọc. Vì sao vậy? Vì cả hai đều thanh tịnh. Cũng vậy, này Ananda, khi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, Ngài sanh ra thanh tịnh, không bị nhiễm ô bởi nước nhót nào, không bị nhiễm ô bởi loại mủ nào, không bị nhiễm ô bởi loại máu nào, không bị nhiễm ô bởi bất cứ sự vật bất tịnh nào, thanh tịnh, trong sạch". Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

17. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: **"Khi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, này Ananda, hai dòng nước từ hư không hiện ra, một dòng lạnh, một dòng nóng. Hai dòng nước ấy tắm rửa sạch sẽ cho Bồ-tát và cho bà mẹ"**. Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

18. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: **"Bồ-tát khi sanh ra, này Ananda, Ngài đứng vững, thẳng bằng trên hai chân, mặt hướng phía Bắc, bước đi bảy bước, một long trắng được che lên. Ngài nhìn khắp cả mọi phương lên**

tiếng như con ngư vương, thốt ra lời như sau: "Ta là bậc tối thượng ở trên đời! Ta là bậc tối tôn ở trên đời! Ta là bậc cao nhất ở trên đời! Nay là đời sống cuối cùng, không còn phải tái sinh ở đời này nữa". Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

19. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: **"Khi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, này Ananda, khi ấy một hào quang vô lượng thần diệu, thắp xa oai lực của chư Thiên, hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có các thế giới trên chư Thiên, thế giới của các Ma vương và Phạm thiên, và thế giới ở dưới gồm các Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người. Cho đến các cảnh giới giữa các thế giới, tối tăm, u ám, không có nền tảng, những cảnh giới mà mặt trăng mặt trời với đại thần lực, đại oai lực như vậy cũng không thể chiếu thấu, trong những cảnh giới ấy một hào quang vô lượng, thắp xa oai lực chư Thiên hiện ra. Và các chúng sanh sống tại các chỗ ấy, nhờ hào quang ấy mới thấy nhau mà nói: "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây". Và mười ngàn thế giới này**

chuyển động, rung động, chuyển động mạnh.
Và hào quang vô lượng thần diệu, thắng xa
oai lực của chư Thiên hiện ra ở thế giới. Vì
rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này,
bạch Thế Tôn là một hy hữu, một vị tăng hữu
của Thế Tôn.

– Do vậy, này Ananda, hãy thọ trì sự việc này là
một hy hữu, một vị tăng hữu của Như Lai. Ở đây,
này Ananda, **các cảm thọ** khởi lên nơi Thế Tôn được
biết đến; được biết đến, chúng an trú; được biết đến,
chúng đi đến biến hoại; **các tướng** được biết đến; **các**
tâm khởi lên được biết đến; được biết đến, chúng an
trú; được biết đến, chúng đi đến biến hoại. **Này**
Ananda, hãy thọ trì việc này là một hy hữu, một
vị tăng hữu của Như Lai.

– Vì rằng, bạch Thế Tôn, các cảm thọ khởi lên
nơi Thế Tôn được biết đến; được biết đến, chúng an
trú; được biết đến, chúng đi đến biến hoại; các tướng
được biết đến; các tâm khởi lên được biết đến; được
biết đến, chúng an trú; được biết đến, chúng đi đến
biến hoại. Bạch Thế Tôn, con thọ trì sự việc này là
một hy hữu, một vị tăng hữu của Như Lai.

Tôn giả Ananda, nói như vậy. Bậc Đạo Sư chấp
nhận. Các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả

Ananda nói.

25 Khi Bồ-tát từ cõi trời Đâu suất... - Kinh VI DIỆU 1 – Tăng II, 61

VI DIỆU 1 – Tăng II, 61

❖ **Này các Tỷ-kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán, xuất hiện, có bốn pháp vi diệu chưa từng có xuất hiện.** Thế nào là bốn?

Này các Tỷ-kheo, khi Bồ-tát từ bỏ thân ở cõi trời Đâu-suất, chánh niệm, tỉnh giác, **nhập vào mẫu thai, khi ấy, một hào quang vô lượng, thân diệu, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra cùng khắp thế giới,** gồm có thế giới của chư Thiên, thế giới Ma vương và Phạm thiên, quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người. Cho đến những thế giới ở chạng giữa bất hạnh, không có nền tảng, tối tăm u ám, tại đây, mặt trăng, mặt trời với đại thần lực, đại oai đức như vậy cũng không thể chiếu thấu ánh sáng. Trong những cảnh giới ấy, một hào quang vô lượng, thân diệu thắng xa uy lực chư Thiên hiện ra. Và các chúng sanh, sanh tại đây, nhờ hào quang ấy mới thấy nhau và nói: "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây". Này các Tỷ-kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ nhất xuất hiện.

2. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, khi Bồ-tát chánh niệm tỉnh giác, **từ bụng mẹ sanh ra**, khi ấy, một hào quang vô lượng, thần diệu, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có thế giới của chư Thiên, thế giới Ma vương và Phạm thiên, quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, cho đến những thế giới ở chạng giữa bất hạnh, không có nền tảng, tối tăm u ám, tại đây, mặt trăng, mặt trời với đại thần lực, đại oai đức như vậy cũng không thể chiếu thấu ánh sáng. Trong những cảnh giới ấy, một hào quang vô lượng, thâm diệu thắng xa uy lực chư Thiên hiện ra. Và các chúng sanh, sanh tại đây, nhờ hào quang ấy mới thấy nhau và nói: "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây". Này các Tỷ-kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ hai xuất hiện.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, khi Như Lai **chứng ngộ được vô thượng Chánh Đẳng Giác**, khi ấy trong thế giới chư Thiên ... (như kinh 127,2) ... "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây". Này các Tỷ-kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ ba xuất hiện.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, khi Như Lai **chuyển bánh xe pháp vô thượng**, khi ấy trong thế giới chư

Thiên.. (như kinh số 127,2 ...)"Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây". Nay các Tỷ-kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tư xuất hiện.

Nay các Tỷ-kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện, có bốn pháp vi diệu chưa từng có này xuất hiện.

26 Khi Bồ-tát từ cõi trời Đâu suất... - Kinh ĐẠI BÁT NIẾT BÀN – 16 Trường I, 539

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN
(*MAHA PARINIBBANA SUTTA*)
– Bài kinh số 16 – Trường I, 539

I

1. Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở tại Ràjagaha (Vương Xá), trên núi Gijjhakùta (Linh Thú). Lúc bấy giờ, Ajàtasattu Vedehiputta (A-xà-thế, con bà Vi-đề-hi, vua nước Magadha, muốn chinh phục dân Vajjì (Bạc-kỳ). Vua tự nói: "Ta quyết chinh phạt dân Vajjì này, dầu chúng có uy quyền, có hùng mạnh; ta quyết làm cỏ dân Vajjì; ta sẽ tiêu diệt dân Vajjì; ta sẽ làm cho dân Vajjì bị hoại vong".

2. Rồi Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha nói với Bà-la-môn Vassakara (Vũ Xá), đại thần nước Magadha:

- Nay Bà-la-môn, hãy đi đến Thế Tôn, và nhân danh ta, cúi đầu đánh lễ chân Ngài, vãn an. Ngài có thiếu

bệnh, thiếu não, khinh an, khỏe mạnh, lạc trú: "Bạch Thế Tôn, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, vãn an Ngài có thiếu bệnh, thiếu não, khinh an, lạc trú". Và khanh bạch tiếp: "Bạch Thế Tôn, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha muốn chinh phục dân Vajjì, vua tự nói: "Ta quyết chinh phạt dân Vajjì này, dầu chúng có uy quyền, có hùng mạnh; ta quyết làm cỏ dân Vajjì; ta sẽ tiêu diệt dân Vajjì; ta sẽ làm cho dân Vajjì bị hoại vong". Thế Tôn trả lời khanh thế nào, hãy ghi nhớ kỹ và nói lại ta biết. Các bậc Thế Tôn không bao giờ nói lời hư vọng.

- Đại vương, xin vâng!

3. Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Magadha vâng theo lời dạy của Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha cho thắng những cỗ xe thù thắng, tự mình cỡi lên một chiếc, cùng với các cỗ xe ấy đi ra khỏi Rājagaha (Vương Xá), đến tại núi Linh Thứu, đi xe đến chỗ còn dùng xe được, rồi xuống xe đi bộ đến chỗ Thế Tôn, khi đến liền nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao với Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Magadha, bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước

Magadha cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Gotama, vắn an ngài có thiếu bệnh, thiếu nã, khinh an, khỏe mạnh, lạc trú. Tôn giả Gotama, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha muốn chinh phục dân xứ Vajjì. Vua tự nói: "Ta quyết chinh phạt dân Vajjì này, dầu chúng có uy quyền, có hùng mạnh, ta quyết làm cỏ dân Vajjì, ta sẽ tiêu diệt dân Vajjì, ta sẽ làm cho dân Vajjì bị hoại vọng".

4. Lúc bấy giờ, Tôn giả Ananda đứng quạt sau lưng Thế Tôn. Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

→ *Này Ananda, Ngươi có nghe dân Vajjì thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau không?*

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau.

- Này Ananda, khi nào dân Vajjì thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau, thời này Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

→ *Này Ananda, Ngươi có nghe dân Vajjì tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm việc trong niệm đoàn kết không?*

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm

việc trong niệm đoàn kết.

- Nay Ananda, khi nào nghe dân Vajjì *tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm việc trong niệm đoàn kết*, nay Ananda dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

→ *Nay Ananda, Người có nghe dân Vajjì không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjì như đã ban hành thời xưa không?*

- Bạch Thế Tôn, con nghe dân Vajjì không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjì như đã ban hành thuở xưa.

- Nay Ananda, khi nào dân Vajjì, *không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống* của dân Vajjì như đã ban hành thuở xưa thời, nay Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

→ *Nay Ananda, Người có nghe dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc trưởng*

lão Vajjì và nghe theo lời dạy của những vị này không?

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajjì và nghe theo lời dạy của những vị này.

- Nay Ananda, khi nào dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajjì và nghe theo lời dạy của những vị này, thời dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

→ *Này Ananda, Ngươi có nghe dân Vajjì không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjì phải sống với mình không?*

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjì phải sống với mình.

- Nay Ananda, khi nào Vajjì không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjì phải sống với mình thời, này Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

→ *Này Ananda, Ngươi có nghe dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjì ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ*

phế các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp không?

- Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjì ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phế các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp.

- Nay Ananda, khi nào dân Vajjì tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjì ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phế các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp, thời này Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

→ *Nay Ananda, Người có nghe dân Vajjì bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjì khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc không?*

- Bạch Thế Tôn, con nghe dân Vajjì bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjì khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc.

- Nay Ananda, khi nào dân Vajjì bảo hộ, che chở,

ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjì khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc, thời này Ananda, dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

5. Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Magadha:

- Nay Bà-la-môn, một thời Ta sống ở Vesàlì tại tự miếu Sàrandada, **Ta dạy cho dân Vajjì bảy pháp bất thối này**. Nay Bà-la-môn, khi nào bảy pháp bất thối được duy trì giữa dân Vajjì, khi nào dân Vajjì được giảng dạy bảy pháp bất thối này, thời Bà-la-môn, **dân Vajjì sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.**

Khi được nói vậy, Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Magadha bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, nếu dân Vajjì chỉ hội đủ một pháp bất thối này, thời dân Vajjì nhất định được cường thịnh, không bị suy giảm, huống nữa là đủ cả bảy pháp bất thối. Tôn giả Gotama, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha không thể đánh bại dân Vajjì ở chiến trận trừ phi dùng ngoại giao hay kế ly gián. Tôn giả Gotama, nay chúng con phải đi, chúng con có nhiều việc và có nhiều bổn phận.

- Nay Bà-la-môn, Người hãy làm những gì Người nghĩ là hợp thời.

Bà-la-môn Vassakara, vị đại thần nước Magadha hoan hỷ, tán thán lời dạy của Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy và từ biệt.

6. Khi Bà-la-môn Vassakara đi chưa bao lâu, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đi và tập hợp tại giảng đường tất cả những vị Tỷ-kheo sống gần Ràjagaha (Vương Xá).

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng theo lời dạy Thế Tôn, đi tập hợp tất cả những vị Tỷ-kheo sống gần Vương Xá rồi đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài, đứng một bên và bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Tăng đã tu họp. Bạch Thế Tôn, Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là hợp thời.

Rồi Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến giảng đường, ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn và nói với các vị Tỷ-kheo:

► **Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bảy pháp bất thối.
Hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ giảng.**

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Những vị Tỷ-kheo ấy trả lời Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

1. Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo thường hay tu học và tu học đồng đẳng với nhau, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
2. Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tu học trong niềm đoàn kết, giải tán trong niềm đoàn kết, và làm việc Tăng sự trong niềm đoàn kết, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
3. Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với những học giới được ban hành, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
4. Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tôn sùng, kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc

Tỷ-kheo thượng tọa những vị này là những vị giàu kinh nghiệm, niên cao lập trường, bậc cha của chúng Tăng, bậc thầy của chúng Tăng và nghe theo lời dạy của những vị này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

5. Đây các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không bị chi phối bởi tham ái, tham ái này tác thành một đời sống khác, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
6. Đây các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo thích sống những chỗ nhàn tịnh, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
7. Đây các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tự thân an trú chánh niệm, khiến các bạn đồng tu thiện chí chưa đến muốn đến ở, và các bạn đồng tu thiện chí đã đến ở, được sống an lạc, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào **bảy pháp bất thối** này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các

Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

7. Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng *bảy pháp bất thối khác*, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ nói.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Những vị Tỷ-kheo đáp ứng Thế Tôn. Thế Tôn nói:

1. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích làm thế sự, không hoan hỷ làm thế sự, không đam mê làm thế sự, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
2. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích phiếm luận, không hoan hỷ phiếm luận, không đam mê phiếm luận, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
3. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích ngủ nghỉ, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
4. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo

không ưa thích quần tụ, không hoan hỷ quần tụ, không đam mê quần tụ, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

5. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không có ác dục vọng, không bị chi phối bởi ác dục vọng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
6. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không bận bẻ ác dục vọng, không thân tín ác dục vọng, không cộng hành với ác dục vọng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
7. Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không dừng ở nửa chừng, giữa sự đạt đến những quả vị thấp kém và những quả vị thù thắng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Nay các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

8. Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng *bảy pháp bất thối khác*, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ nói.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Những vị Tỷ-kheo ấy đáp ứng Thế Tôn. Thế Tôn nói:

- Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo *có tín tâm, có tà, có quý, có nghe nhiều, có tinh tấn, có chánh niệm, có trí tuệ*, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

9. Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng *bảy pháp bất thối khác*, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ nói.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Chư Tỷ-kheo đáp ứng. Thế Tôn nói:

- Nay các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo *tu tập niệm giác chi, tu tập trạch pháp giác chi, tu tập tinh tấn giác chi, tu tập hỷ giác chi, tu tập khinh an giác*

chi, tu tập định giác chi, tu tập xả giác chi, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

10. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bảy pháp bất thối khác, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ nói.

- Xin vâng bạch Thế Tôn!

Những vị Tỷ-kheo ấy đáp ứng Thế Tôn. Thế Tôn nói:

- Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tu tập vô thường tưởng, tu tập vô ngã tưởng, tu tập bất tịnh tưởng, tu tập nguy hiểm tưởng, tu tập xả ly tưởng, tu tập vô tham tưởng, tu tập diệt tưởng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị

suy giảm.

11. Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng sáu pháp bất thối, hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ giảng.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Những vị Tỷ-kheo ấy đáp ứng Thế Tôn. Thế Tôn nói:

1. Nay các, Tỷ-kheo khi nào các vị Tỷ-kheo đôi với các vị đồng tu phạm hạnh, tại chỗ đông người và vắng người, gìn giữ thân nghiệp từ hòa, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
2. Nay các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo đôi với các vị đồng tu phạm hạnh, tại chỗ đông người và vắng người, gìn giữ khẩu nghiệp từ hòa...
3. ... gìn giữ ý nghiệp từ hòa tại chỗ đông người và vắng người, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
4. Nay các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo phân phối không thiên vị, chung thọ hưởng với các bạn giới đức đồng tu, mọi lợi dưỡng chơn

chánh, hợp pháp, cho đến những vật thọ lãnh trong bát khát thực, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

5. Nay các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo sống với các bạn đồng tu, tại chỗ đông người, và vắng người, trong sự thọ trì những giới luật, đúng với Sa-môn hạnh, những giới luật không bị gãy vụn, không bị sút mẻ, không bị tỳ vết, không bị uestrước, những giới luật đưa đến giải thoát, được người có trí tán thán, không bị ô nhiễm bởi mục đích sai lạc, những giới luật hướng đến định tâm, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.
6. Nay các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo sống với các bạn đồng tu, tại chỗ đông người và vắng người, trong sự thọ trì những tri kiến đúng với Sa-môn hạnh, những thánh tri kiến đưa đến giải thoát, hướng đến sự diệt tận khổ đau cho những ai thiết hành theo, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Nay các Tỷ-kheo, khi nào sáu pháp bất thời này

được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được dạy sáu pháp bất thời này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

12. Trong thời gian Thế Tôn ở Vương Xá tại núi Linh Thứu, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo: **"Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu"**.

13. Thế Tôn ở Vương Xá cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, rồi Ngài gọi tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, chúng ta hãy đi đến Ambalatthikà.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda đáp ứng Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Ambalatthikà.

14. Tại Ambalatthikà, Thế Tôn thân trú tại nhà nghỉ mát của vua. Trong thời gian Thế Tôn ở Ambalatthikà, tại nhà nghỉ mát của vua, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

15. Thế Tôn ở Ambalatthikà cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, rồi Ngài bảo tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Nalandà.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Nalandà. Tại đây, Thế Tôn ở Pavarikambavana (Ba Ba Lợi Âm Bà Lâm).

16. Tôn giả Sàriputta (Xá Lợi Phất) đến tại chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Tôn giả Sàriputta bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về

phương diện chánh giác.

- Nay Sàriputta, lời nói của Người thật là đại ngôn, thật là gan dạ. Người thật đã rống tiếng rống con sư tử: "Con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện chánh giác".

Nay Sàriputta, có phải Người đã biết tất cả những Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở quá khứ, Người đã biết tâm những Vị này nói với tâm của Người: "Những Thế Tôn này ở quá khứ có giới đức như vậy, có thiền định như vậy, có trí tuệ như vậy, có hạnh trú như vậy, có giải thoát như vậy"?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Sàriputta, có phải Người đã biết tất cả những Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở tương lai, Người đã biết tâm những vị này với tâm của Người: "Những Thế Tôn này ở tương lai có giới đức như vậy, có thiền định như vậy, có trí tuệ như vậy, có hạnh trú như vậy, có giải thoát như vậy"?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Sàriputta, có phải Người biết Ta là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở hiện tại, Người đã biết tâm Ta với tâm của Người. "Thế Tôn có giới đức như vậy, có thiền định như vậy, có trí tuệ như vậy, có hạnh trú như vậy, có giải thoát như vậy"?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Sàriputta, như vậy Người không có tha tâm thông đối với các vị Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở quá khứ, tương lai và hiện tại. Như vậy, này Sàriputta, vì sao Người lại thốt ra những lời đại ngôn, lời nói gan dạ, rống lên tiếng rống con sư tử: "Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện chánh giác"?

17. Bạch Thế Tôn, con không có tha tâm thông đối với các vị Ứng Cúng, Chánh Biến Tri ở quá khứ, tương lai và hiện tại. **Nhưng con biết truyền thống về chánh pháp.**

Bạch Thế Tôn, như vị vua có một thành trì tại Biên cảnh, thành này có hào lũy kiên cố, có thành quách tháp canh kiên cố và chỉ có một cửa ra vào. Tại đây có một người gác cửa thông minh, biệt tài và nhiều

kinh nghiệm, không cho vào các người lạ mặt, chỉ cho vào những người quen mặt. Người này trong khi đi tuần trên con đường chạy vòng quanh thành trì ấy có thể không thấy các chỗ nối hay khe hở của tường, cho đến chỗ một con mèo có thể lọt ra được, nhưng người ấy chỉ cần biết rằng các sinh vật to lớn vào hay ra thành trì này tất cả đều đi vào hay đi ra bởi cửa này.

- Bạch Thế Tôn, cũng vậy con biết truyền thống về chánh pháp.
- Bạch Thế Tôn, tất cả các vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong quá khứ, tất cả vị Thế Tôn này đã **diệt trừ Năm Triền cái**, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yếu ớt, đã **an trú tâm vào Bốn Niệm xứ**, đã chân chánh **tu tập Bảy Giác chi**, đã **chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Giác**.
- Bạch Thế Tôn, tất cả các vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong tương lai, tất cả Thế Tôn này đã diệt trừ Năm Triền cái, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yếu ớt, đã an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, đã chân chánh tu tập Bảy Giác chi, đã chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Giác.
- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hiện tại đã diệt trừ Năm Triền Cái, những nhiễm tâm khiến cho trí

tuệ yết ớt, đã an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, đã chân chánh tu tập Bảy Giác chi, đã chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Giác.

18. Trong thời gian Thế Tôn ở tại Nalanda, rừng Pavarikamba, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo.

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

19. Thế Tôn ở Nalanda cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, rồi gọi tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Pàtaligàma.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Pàtaligàma.

20. Lúc bấy giờ, các cư sĩ ở Pàtaligàma được nghe Thế Tôn đã đến làng Pàtaligàma. Các cư sĩ ở Pàtaligàma đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi

xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các cư sĩ ở Pàtaligàma bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn hãy đến ở tại nhà nghỉ mát của chúng con". Thế Tôn im lặng nhận lời.

21. Các cư sĩ ở Pàtaligàma được biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân phía hữu hướng về Ngài và từ biệt. Các cư sĩ này đi đến nghỉ mát, rải cát khắp tất cả sàn nhà, sắp đặt chỗ ngồi, đặt ghè nước, chuẩn bị dầu đèn rồi đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài và đứng một bên, các cư sĩ ở Pàtaligàma bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, tất cả nhà nghỉ mát đã được rải cát, các chỗ ngồi đã được sắp đặt, ghè nước đã đặt sẵn, dầu đèn đã được chuẩn bị. Bạch Thế Tôn, Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là phải thời.

22. Rồi Thế Tôn đắp y, cầm y bát, cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến nhà nghỉ mát, sau khi đến liền rửa chân bước vào nhà, ngồi xuống, lưng dựa vào bức tường ở giữa, mặt hướng về phía Đông. Chúng Tỷ-kheo sau khi rửa chân, bước vào nhà ngồi xuống, lưng dựa vào bức tường phía Đông, hướng mặt phía Tây, đối diện Thế Tôn.

23. Thế Tôn nói với các cư sĩ ở Pataligama:

- Nay các Gia chủ, có năm sự nguy hiểm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật. Thế nào là năm?

- Ở đây, nay các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật sẽ bị tiêu hao tiền của rất nhiều vì sống phóng dật. Đó là điều nguy hiểm thứ nhất cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.
- Lại nữa, nay các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật bị tiếng dữ đồn xa. Đó là điều nguy hiểm thứ hai cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.
- Lại nữa, nay các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật khi vào hội chúng nào, hoặc Sát Đế Ly, hoặc Bà-la-môn, hoặc gia chủ, hoặc Sa-môn, người ấy đi vào với tâm thần sợ hãi, bối rối. Đó là điều nguy hiểm thứ ba cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.
- Lại nữa, nay các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật sẽ chết với tâm hồn rối loạn. Đó là điều nguy hiểm thứ tư cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.
- Lại nữa, nay các Gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật sau khi thân hoại mạng chung, sẽ bị sanh vào khổ cảnh, ác thú, đọa xứ,

địa ngục. Đó là điều nguy hiểm thứ năm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

Này các gia chủ, đó là năm điều nguy hiểm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật.

24. Này các Gia chủ có *năm sự lợi ích cho những ai giữ giới, sống theo giới luật. Thế nào là năm?*

- Ở đây, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sẽ có tiền của dồi dào rất nhiều vì sống không phóng dật. Đó là sự lợi ích thứ nhất cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.
- Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật được tiếng tốt đồn xa. Đó là sự lợi ích thứ hai cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.
- Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật khi đi vào hội chúng nào, hoặc Sát Đế Ly, hoặc Bà-la-môn, hoặc gia chủ, hoặc Sa-môn, người ấy đi vào với tâm thần không sợ hãi, không bối rối. Đó là sự lợi ích thứ ba cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.
- Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sẽ chết với tâm hồn không rối

loan. Đó là sự lợi ích thứ tư cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

- Lại nữa, này các Gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh vào thiện thú, thiên giới. Đó là sự lợi ích thứ năm cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

25. Thế Tôn giảng pháp cho những cư sĩ ở Pàtaligàma cho đến khuya, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ rồi bảo các cư sĩ ấy:

- Này các Gia chủ, đêm đã khuya, nay các Ngươi hãy làm những gì các Ngươi nghĩ là phải thời.
- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Các người cư sĩ của Pàtaligàma vâng lời Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài từ tạ ra về. Thế Tôn, sau khi các cư sĩ ở Pàtaligàma đi không bao lâu, liền trở vào phòng riêng.

26. Lúc bấy giờ Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xứ Magadha đang dựng thành trì để ngăn chặn dân Vajjì. Một số rất lớn các thiên thần tu học hàng ngàn tại các trú địa ở Pàtaligàma.

- Chỗ nào có thiên thần có đại oai lực tụ họp, các vị này **khiến tâm** các vua chúa, các đại thần có đại oai lực, hướng đến sự xây dựng các trú xá.
- Tại chỗ nào các thiên thần bậc trung tụ họp, các vị này khiến tâm các vua chúa, các đại thần bậc trung hướng đến sự xây dựng các trú xá.
- Tại chỗ nào các thiên thần bậc hạ đẳng tụ họp, các vị này khiến tâm các vua chúa, các đại thần bậc hạ đẳng hướng đến sự xây dựng các trú xá.

27. Thế Tôn với thiên nhĩ, thanh tịnh, siêu nhân thấy hàng ngàn các thiên thần tụ họp tại các trú địa ở Pàtaligàma, Thế Tôn thức dậy khi đêm chưa tàn và nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, ai đang xây dựng thành trì ở Pataligama?
- Sunidha và Vassakara, bạch Thế Tôn, hai vị đại thần xứ Magadha, đang xây dựng thành trì ở Pataligama để ngăn chặn dân Vajjì.

28. Này Ananda, thật giống như đã hỏi ý kiến các vị thiên thần ở cõi trời Ba mươi ba, các đại thần ở Magadha, Sunidha và Vassakara đang xây thành trì ở Pataligama để ngăn chặn dân Vajjì.

- Nay Ananda ở đây với thiên nhân, thanh tịnh, siêu nhân Ta thấy hàng ngàn thiên thần tụ họp tại các trú địa ở Pataligama.
- Chỗ nào có thiên thần có đại oai lực tụ họp, các vị ấy **khuyến tâm** các vua chúa, các đại thần có đại oai lực, hướng đến sự xây dựng các trú xá.
- Chỗ nào các thiên thần bậc trung tụ họp, các vị ấy khuyến tâm các vua chúa, các đại thần bậc trung hướng đến sự xây dựng các trú xá.
- Chỗ nào các thiên thần bậc hạ đẳng tụ họp, các vị này khuyến tâm các vua chúa, các đại thần bậc hạ đẳng hướng đến sự xây dựng các trú xá.
- Nay Ananda, chỗ nào các vị Ariyans an trú, chỗ nào các nhà thương mãi qua lại, chỗ ấy sẽ thiết lập một thành thị bậc nhất tên gọi là Pàtaliputta, một trung tâm thương mãi.
- Nhưng nay Ananda, Pàtaliputta **sẽ bị ba hiểm nạn** về lửa, về nước hay chia rẽ bất hòa.

29. Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần nước Magadha, đến tại chỗ Thế Tôn ở, khi đến xong liền nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao rồi đứng một bên. Sau khi đứng một bên, vị đại thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakara bạch Thế Tôn:

"Mong Thế Tôn nhận lời mời dùng cơm tại nhà chúng con hôm nay cùng với đại chúng Tỷ-kheo". Thế Tôn im lặng nhận lời.

30. Hai vị đại thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakara sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời liền đi về nhà ở, cho soạn tại nhà của mình các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm, rồi cử người đến tin Thế Tôn: "Tôn giả Gotama, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng".

Rồi Thế Tôn buổi sáng đắp y, mang theo y bát cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến trú sở của hai vị đại thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakara, sau khi đi đến liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi hai vị thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakara tự tay mời chúng Tỷ-kheo với Thế Tôn là thượng thủ, các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm. Sau khi Thế Tôn dùng cơm xong và cất tay khỏi bình bát, Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xứ Magadha liền lấy chiếc ghế thấp khác và ngồi xuống một bên.

31. Sau khi Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xứ Magadha đã ngồi xuống một bên, Thế Tôn đọc bài kệ cảm tạ:

Tại chỗ nào người sáng suốt lấy làm chỗ trú xứ.

Hãy nuôi dưỡng người giữ giới và người phạm hạnh.

Và san sẽ công đức với Chư Thiên trú tại chỗ ấy.

Được tôn kính, chúng sẽ tôn kính lại.

Được trọng vọng, chúng sẽ trọng vọng lại.

Chúng sẽ mến thương người ấy như người mẹ thương mến con.

Và những ai được thiên thần thân mến luôn luôn được thấy may mắn.

Sau khi Thế Tôn tán thán Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xứ Magadha với bài kệ này, Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy và ra về.

32. Sunidha và Vassakara, hai vị đại thần xứ Magadha đi sau lưng Thế Tôn và nói:

- "Hôm nay Sa-môn Gotama đi ra cửa nào cửa ấy sẽ được đặt tên là Gotama; Sa-môn Gotama lội qua sông từ bến nào, bến ấy sẽ được đặt tên là Gotama. Và cửa Sa-môn Gotama đi ra được đặt tên là cửa Gotama".

33. Rồi Thế Tôn đi đến sông Ganga (sông Hằng). Lúc bây giờ, sông Gangà tràn ngập nước đến bờ đến

nổi con quạ có thể uống được. Có người đang đi tìm thuyền, có người đang đi tìm phao, có người cột bè để qua bờ bên kia. Thế Tôn mau lẹ như người lực sĩ đuổi cánh tay được co lại hay co cánh tay đã đuổi ra, biến mất từ bờ bên này và hiện ra trên bờ bên kia với chúng Tỷ-kheo.

34. Thế Tôn thấy những người kia, người đang đi tìm thuyền, người đang đi tìm phao, người đang đi cột bè để qua bờ bên kia. Thế Tôn hiểu được ý nghĩa của cảnh này, lúc ấy bèn ứng khẩu lời cảm khái:

"Những ai làm cầu vượt biển trùng dương, bỏ lại đất sũng đầm ao, trong khi người phàm phu đang cột bè.

Những người ấy thật là những vị trí tuệ được giải thoát".

II

1. Rồi Thế Tôn gọi tôn giả Ananda: "Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Kotigàma".

- "Xin vâng, bạch Thế Tôn". Tôn giả Ananda đáp ứng Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Kotigàma. Tại đây, Thế Tôn ở tại Kotigàma.

2. Thế Tôn nói với các vị Tỷ-kheo:

- **Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Bốn Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi. Bốn Thánh đế ấy là gì?**

- Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.
- Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Tập Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.
- Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Diệt Thánh đế... Khổ Diệt Đạo Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.

Này các Tỷ-kheo **khi Khổ Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu**, khi Khổ Tập Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, khi Khổ Diệt Đạo Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, **thời hữu ái được diệt trừ, sự dắt dẫn đến một đời sống được đoạn tuyệt, nay không còn hậu hữu nữa.**

3. Thế Tôn thuyết như vậy, Thiện Thệ lại nói thêm:

- Chính vì không thấy như thật Bốn Thánh đế nên có sự luân chuyển lâu ngày trong nhiều đời. Khi những sự thực này được nhận thức, nguyên nhân của một đời sống khác được trừ diệt, khi khổ căn được đoạn trừ, sẽ không còn một đời sống khác nữa.

4. Trong thời gian Thế Tôn ở Kotigàma, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

5. Thế Tôn, sau khi ở Kotigàma cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Nàdikà.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Nàdikà, tại ngôi nhà

gạch (Ginjakàvasatha).

6. Rồi Tôn giả Ananda đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Sàlada mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?
- Tỷ-kheo ni Nandà mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?
- Bạch Thế Tôn, cư sĩ Sudatta mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?
- Bạch Thế Tôn, nữ cư sĩ Sujàtā mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?
- Bạch Thế Tôn, cư sĩ Kakudha mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?
- Bạch Thế Tôn, cư sĩ Kàlinga... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Nikata... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Katissabha... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Tuttha... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Santuttha..., Bạch Thế Tôn

cư sĩ Bhadda... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Subhadda đã mệnh chung tại Nàdikà đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào?

7. Nay Ananda, Tỷ-kheo Sàlada diệt tận các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

- Nay Ananda, Tỷ-kheo ni Nandà đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, hóa sanh (thiên giới) và từ đó nhập Niết Bàn không còn trở lại đời này nữa.
- Nay Ananda, cư sĩ Sudatta, diệt trừ ba kiết sử làm giảm thiểu tham, sân, si, chứng quả Nhút lai sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau.
- Nay Ananda, nữ cư sĩ Sujatà diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, nhứt định không còn đọa vào ác đạo, đạt đến Chánh giác.
- Nay Ananda, cư sĩ Kakudha đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, hóa sanh (thiên giới), và từ đó nhập Niết Bàn không còn trở lại đời này nữa.
- Nay Ananda, cư sĩ Kalinga... Nay Ananda cư sĩ Nikata... Nay Ananda, cư sĩ Katissabha...

Này Ananda, cư sĩ Tuttha... Này Ananda, cư sĩ Santuttha... Này Ananda, cư sĩ Bhadada... Này Ananda, cư sĩ Subhadda đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh (thiên giới), và từ đó nhập Niết Bàn không còn trở lại đời này nữa.

- Này Ananda, hơn năm mươi cư sĩ mệnh chung tại Nàdikà, đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, hóa sanh (thiên giới) và từ đó nhập Niết Bàn không còn trở lại đời này nữa.
- Này Ananda, hơn chín mươi tín nam nữ cư sĩ mệnh chung tại Nàdikà, diệt trừ ba kiết sử, làm giảm thiểu tham, sân, si, chứng quả Nhứt lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau.
- Này Ananda, hơn năm trăm cư sĩ, mệnh chung tại Nàdikà, diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, nhứt định không còn đọa vào ác đạo, đạt đến Chánh giác.

8. Này Ananda, thật không có gì lạ, vấn đề con người phải mệnh chung. Nhưng mỗi lần có người mệnh chung lại đến hỏi Như Lai về vấn đề này thời Ananda, như vậy làm phiền nhiều Như Lai. Này Ananda, vì vậy ta sẽ giảng Pháp kính (Gương chánh pháp) để Thánh đệ tử, sau khi chứng đạt

pháp nghĩa này, nếu muốn, sẽ tự tuyên bố về mình như sau: "Đối với ta, sẽ không còn địa ngục, sẽ không còn tái sinh cõi bàng sanh, nga quỷ, đọa xứ, ác thú. Ta đã chứng quả Dự lưu, nhứt định không đọa ác đạo, sẽ đạt Chánh giác".

9. Nay Ananda, **Pháp kính** ấy là gì mà Thánh đệ tử, sau khi chứng đạt pháp nghĩa này, nếu muốn, sẽ tự tuyên bố về mình như sau: "Đối với ta, sẽ không còn địa ngục, sẽ không còn tái sinh cõi bàng sanh, nga quỷ, đọa xứ, ác thú. Ta đã chứng quả Dự lưu, nhứt định không đọa ác đạo, sẽ đạt Chánh giác"?

- Nay Ananda, **vị Thánh đệ tử có chánh tín đối với đức Phật:** "Thế Tôn là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn".
- **Vị ấy có chánh tín đối với chánh pháp:** "Chánh pháp được Thế Tôn khéo giảng dạy, thiết thực, vượt ngoài thời gian chi phối, đến đê mà thấy, có khả năng giải thoát, được kẻ trí tự mình thâm hiểu".
- **Vị ấy có chánh tín đối với chúng Tăng:** "Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chân chánh tu

hành, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chân trực tu hành, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chân trí tu hành, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chân tịnh tu hành, tức là bốn đôi tám vị. Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn đáng được nghênh đón, đáng được cúng dường, đáng được chiêm ngưỡng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở trên đời.

- **Cu tức giới hạnh**, được bậc Thánh mến chuộng, được viên mãn không mảy mún, được vẹn toàn không sút mẻ, không tỳ vết, không ô nhiễm, những giới hạnh đưa đến giải thoát, được người trí tán thán, không bị ảnh hưởng bởi đời sau. Hướng dẫn đến thiên định".

Này Ananda, **chính Pháp kính này mà Thánh đệ tử sau khi chứng đạt pháp nghĩa này, nếu muốn sẽ tự tuyên bố về mình như sau:** "Đối với ta, sẽ không còn địa ngục, sẽ không còn tái sinh cõi bàng sanh, naga quỷ, đọa xứ, ác thú. Ta đã chứng quả Dự lưu, nhứt định không đọa ác đạo, sẽ đạt chánh giác".

10. Khi Thế Tôn ở Nàdikà, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ... Tức là dục

lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

11. Rồi Thế Tôn, sau khi ở Nàdikà cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, chúng ta hãy đi đến Vesàli.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Vesàli. Ở đây, Thế Tôn trú tại vườn Ambapàli.

12. Thế Tôn bảo các vị Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, các Người phải sống an trú chánh niệm, tỉnh giác. Đó là lời dạy của Ta cho các Người.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo an trú chánh niệm? Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với thân, quán thân, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi ở trên đời, đối với các cảm thọ... đối với tâm... đối với các pháp, quán pháp, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi ở trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là chánh niệm.

13. *Này các Tỷ-kheo thế nào là Tỷ-kheo tỉnh giác?*
Này các Tỷ-kheo, ở đây Tỷ Kheo tỉnh giác khi đi tới, đi lui, tỉnh giác khi ngó tới, ngó lui; tỉnh giác khi co tay, duỗi tay, tỉnh giác khi mang áo sanghati (tăng già lê) mang bát, mang y, tỉnh giác khi ăn, khi uống, khi nhai, khi nếm, tỉnh giác khi đại tiện, tiểu tiện; tỉnh giác khi đi; khi đứng, khi ngồi, khi nằm, khi thức, khi nói, khi im lặng. Này các Tỷ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống tỉnh giác. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phải sống an trú chánh niệm, tỉnh giác. Đó là lời dạy của Ta cho các Người.

14. Lúc bảy giờ dâm nữ Ambapàli được nghe: "Thế Tôn đã đến Vesàli và ở tại vườn xoài của ta". Dâm nữ Ambapàli liền cho thắng các cỗ xe thù thắng, tự leo lên một chiếc, cùng với các cỗ xe thù thắng xuất phát ra khỏi Vesàli và đi đến vườn xoài. Nàng cỡi xe cho đến chỗ còn có thể cỡi xe được, rồi xuống xe đi bộ đến tại chỗ Thế Tôn, khi đến liền đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên, Thế Tôn thuyết pháp cho dâm nữ Ambapàli đang ngồi một bên, giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ.

Dâm nữ Ambapàli sau khi được Thế Tôn giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, liền bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn ngày mai nhận lời mời dùng cơm của chúng con với chúng Tỷ-kheo.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Dâm nữ Ambapali được biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân bên phải hướng về đức Phật và từ biệt.

15. Các người Licchavi ở Vesàli được nghe: "Thế Tôn đến Vesàli hiện ở vườn Ambapàli", liền cho thắt các cỗ xe thù thắng leo lên xe rồi xuất phát ra khỏi Vesàli với những cỗ xe ấy. Có những vị Licchavi toàn xanh, màu sắc xanh, mặc vải màu xanh, mang đồ trang sức màu xanh. Có những vị Licchavi toàn vàng, màu sắc vàng, mặc vải màu vàng, mang đồ trang sức màu vàng. Có những vị Licchavi toàn đỏ, màu sắc đỏ, mặc vải màu đỏ, mang đồ trang sức màu đỏ. Có những vị Licchavi toàn trắng, màu sắc trắng, mặc vải màu trắng, mang đồ trang sức màu trắng.

16. Lúc bấy giờ dâm nữ Ambapàli đánh xe va chạm với các thanh niên Licchavi, trục xe chạm với trục xe, bánh xe chạm với bánh xe, gọng xe chạm với gọng xe. Các Licchavi nói với dâm nữ Ambapàli:

- Này Ambapàli, tại sao nàng lại đánh xe va chạm với các thanh niên Licchavi, trục xe chạm với trục xe, bánh xe chạm với bánh xe, gọng xe chạm với

gọng xe?

- Nay quý Công tử của tôi, tôi vừa mới mời Thế Tôn cùng chúng Tỷ-kheo ngày mai đến dùng cơm.

- Nay Ambapàli, hãy nhường cho chúng ta bữa cơm ấy đổi lấy một trăm ngàn.

- Dầu quý Công tử có cho tôi cả thành Vesàli cùng với các đất phụ thuộc, tôi cũng không nhường bữa cơm quan trọng này.

Các vị Licchavi này tức tối búng ngón tay và nói:

- Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này đả thắng! Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này phồng tay trên. Và các vị Licchavi này cùng đi đến vườn Ambapàli.

17. Thế Tôn xa thấy các vị Licchavi liền nói với các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo nếu có vị Tỷ-kheo nào chưa thấy các chư Thiên ở cõi **Tam thập tam thiên**, hãy ngó chúng Licchavi, hãy nhìn chúng Licchavi. Này các Tỷ-kheo chúng Licchavi cũng giống như chúng Tam thập tam thiên".

18. Các vị Licchavi ấy cỡi xe cho đến chỗ còn có thể cỡi xe được, rồi xuống xe đi bộ đến tại chỗ Thế Tôn, khi đến, liền đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

Thế Tôn thuyết pháp cho những vị Licchavi đang ngồi một bên, giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ.

Các vị Licchavi sau khi được Thế Tôn giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ liền bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn ngày mai nhận lời mời dùng cơm của chúng con với chúng Tỷ-kheo.

- Nay các Licchavi, ngày mai Ta đã nhận lời mời dùng cơm của dân nữ Ambapàli rồi.

Các vị Licchavi này tức tối búng ngón tay và nói: "Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này đả thắng! Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này phồng tay trên..."

Rồi những vị Licchavi này, hoan hỷ tán thán lời dạy Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân bên hữu hướng về đức Phật và từ biệt.

19. Lúc bấy giờ dân nữ Ambapali, đêm vừa tàn canh, liền cho sửa soạn tại vườn của mình các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm và cho báo tin Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng". Thế Tôn buổi sáng đắp y, đem theo y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đến tại túc xá của dân nữ

Ambapàli, sau khi đến liền ngồi xuống chỗ đã soạn sẵn. Rồi dâm nữ Ambapàli tự tay thân hành mời chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị thượng thủ, dùng các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm.

Khi Thế Tôn dùng xong, tay đã rời bát, dâm nữ Ambapàli lấy một ghế thấp khác và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, dâm nữ Ambapàli bạch Thế Tôn: "**Bạch Thế Tôn, con xin cúng dường ngôi vườn này cho chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị thượng thủ**".

Thế Tôn nhận lãnh khu vườn. Thế Tôn thuyết pháp cho dâm nữ Ambapàli, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, rồi đứng dậy ra về.

20. Trong thời gian Thế Tôn ở Vesàli, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

21. Rồi Thế Tôn, sau khi ở Vesàli cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, chúng ta hãy đi đến làng Baluvà.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến làng Baluvà. Và Thế Tôn trú tại làng này.

22. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ Kheo hãy an cư trong mùa mưa xung quanh Vesàli tại chỗ có bạn bè quen thuộc và thân tín. Còn Ta sẽ an cư ở đây, tại làng Baluvà.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Những Tỷ Kheo này vâng đáp Thế Tôn và tìm chỗ an cư mùa mưa xung quanh Vesàli tại chỗ có bạn bè quyến thuộc và thân tín. Còn Thế Tôn an cư tại làng Baluvà.

23. Trong khi Thế Tôn an cư trong mùa mưa, một cơn bệnh trầm trọng khởi lên, rất đau đớn, gần như muốn chết. **Nhưng Thế Tôn giữ tâm chánh niệm, tỉnh giác, chịu đựng cơn đau ấy, không một chút ta thán.** Thế Tôn tự nghĩ: *"Thật không hợp lẽ nếu Ta diệt độ mà không có một lời với các đệ tử hầu cận Ta, không từ biệt chúng Tỷ-kheo. Vậy Ta hãy lấy sức*

ting tấn, nhiếp phục cơn bệnh này, duy trì mạng căn và tiếp tục sống". Và Thế Tôn với sức tinh tấn, nhiếp phục bệnh ấy duy trì mạng căn.

24. Rồi Thế Tôn lành bệnh. Sau khi lành bệnh không bao lâu, đức Phật rời khỏi tịnh xá và ngồi trên ghế đã soạn sẵn, trong bóng mát của ngôi tịnh xá. Lúc bấy giờ tôn giả Ananda đến tại chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con được thấy Thế Tôn khỏe mạnh. Bạch Thế Tôn, con được thấy Thế Tôn kham nhẫn, bạch Thế Tôn, thấy Thế Tôn bệnh hoạn, thân con cảm thấy yếu ớt như lau sậy, mắt con mờ mịt không thấy rõ phương hướng, dầu cho, bạch Thế Tôn, con được một chút an ủi rằng, Thế Tôn sẽ không diệt độ, nếu Ngài chưa có lời di giáo lại cho chúng Tỷ-kheo.

25. Nay Ananda, chúng Tỷ-kheo còn mong mỗi gì nữa ở Ta! Nay Ananda, Ta đã giảng Chánh pháp, không có phân biệt trong ngoài (mật giáo và không phải mật giáo), vì nay Ananda, đối với các Pháp, Như Lai không bao giờ là vị Đạo sư còn nắm tay (còn giữ lại một ít mật giáo chưa giảng dạy).

- Nay Ananda, những ai nghĩ rằng: "Như Lai là

vị cầm đầu chúng Tỷ-kheo"; hay "chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Như Lai" thời này Ananda, người ấy sẽ có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo.

- Nay Ananda, **Như Lai không nghĩ rằng**: "Ta là vị cầm đầu chúng Tỷ-kheo; hay "chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Ta" thời nay Ananda, làm sao Như Lai lại có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo?"

- Nay Ananda, Ta nay đã già, đã thành bậc trưởng thượng, đã đến tuổi lâm chung, đã đến **tám mươi tuổi**. Nay Ananda, như cỗ xe đã già mòn, sở dĩ còn chạy được là nhờ dây thừng chẳng chứt, cũng vậy thân Như Lai được duy trì sự sống giống như chính nhờ chống đỡ dây chẳng.

- Nay Ananda, chỉ trong khi Như Lai không tác ý đến tất cả tướng, với sự diệt trừ một số cảm thọ, chứng và an trú **vô tướng tâm định**, chính khi ấy thân Như Lai được thoải mái.

26. Vậy nên, nay Ananda, **hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một gì khác. Dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ**

nương tựa, chớ nương tựa một gì khác.

Này Ananda, thế nào là vị Tỷ-kheo hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác?

Này Ananda, ở đời, vị Tỷ-kheo, đối với thân quán thân, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi trên đời; đối với các cảm thọ... đối với tâm... đối với các pháp, quán pháp, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi trên đời.

Này Ananda, như vậy vị Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác.

Này Ananda, **những ai sau khi Ta diệt độ, tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa vào một pháp gì khác, những vị ấy, Này Ananda là những vị tối thượng trong hàng Tỷ-kheo của Ta, nếu những vị ấy tha thiết học hỏi.**

III

1. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, đem theo y bát, vào Vesàli để khát thực. Sau khi khát thực ở Vesàli, ăn xong và trên đường khát thực trở về Ngài nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy lấy tọa cụ. Ta muốn đi đến điện thờ Càpàla, để nghỉ trưa.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, lấy tọa cụ và đi theo sau lưng Thế Tôn.

2. Thế Tôn đi đến điện thờ Càpàla, khi đến Ngài ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Tôn giả Ananda đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda đang ngồi một bên:

- Này Ananda, khả ái thay Vesàli, khả ái thay điện thờ Udena, khả ái thay điện thờ Gotamaka, khả ái thay điện thờ Sàttambaka, khả ái thay điện thờ Bahuputta, khả ái thay điện thờ Sàrandada, khả ái thay điện thờ Càpàla.

3. Này Ananda, những ai đã tu **bốn thần túc**, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền

vững, điều luyện, thiện xảo, thời nếu muốn người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.

Này Ananda, nay **Như Lai đã tu bốn thần túc**, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo. Này Ananda, nếu muốn Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.

4. Nhưng Tôn giả Ananda **không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Thế Tôn**, Tôn giả không thỉnh cầu Thế Tôn: "*Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp. Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người*". Vì tâm tôn giả bị Ma vương ám ảnh.

5. Lần thứ hai Thế Tôn... lần thứ ba Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, khả ái thay Vesàli, khả ái thay điện thờ Udena, khả ái thay điện thờ Gotamaka, khả ái thay điện thờ Sattambaka, khả ái thay điện thờ Bahuputta, khả ái thay điện thờ Sàrandada, khả ái thay điện thờ Cápàla!" Này Ananda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật

chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Nay Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo. Nay Ananda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.

Nhưng tôn giả Ananda không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Thế Tôn, Tôn giả không thỉnh cầu Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". Vì tâm của tôn giả bị Ác ma ám ảnh.

6. Rồi Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Nay Ananda hãy đi và làm những gì Ngươi nghĩ là phải thời.
- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân bên hữu hướng về Thế Tôn và đi ra.

7. Tôn giả Ananda đi ra chưa bao lâu, Ác ma liền đến chỗ Thế Tôn, khi đến xong liền đứng một bên. Sau khi đứng một bên, Ác ma nói với Thế Tôn.

- Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói:

*"Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào **những Tỷ-kheo của Ta** chưa trở thành những vị đệ tử chân chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chân chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích, và giải thích rõ ràng Chánh pháp, khi có tà đạo khởi lên chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu".*

8. Bạch Thế Tôn, nay những Tỷ-kheo của Thế Tôn, đã trở thành những vị đệ tử chân chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp và tùy pháp, sống chân chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp, khi có tà đạo khởi lên đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, đã có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu. Như vậy,

nay Thế Tôn, hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ!

Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "*Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo ni của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật... khi nào những nam cư sĩ của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách, và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu*". Bạch Thế Tôn, nay những nam cư sĩ của Thế Tôn đã trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, đầy đủ Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, và có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ.

Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "*Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những nữ cư sĩ của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì, Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách, và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá chánh pháp một cách thần diệu*". Bạch Thế Tôn, nay những nữ cư sĩ của Thế Tôn đã trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách, và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên, đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ.

Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "*Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào phạm hạnh Ta giảng dạy chưa thành tựu, thịnh đạt, phổ biến,*

quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài người". Bạch Thế Tôn, nay phạm hạnh Thế Tôn giảng dạy đã được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài người. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ.

9. Khi được nói vậy Thế Tôn nói với Ác ma: ***"Này Ác ma hãy yên tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ"***.

10. Và tại điện thờ Cápàla, **Thế Tôn chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ thọ, hành** (không duy trì mạng sống lâu hơn nữa). Khi Thế Tôn từ bỏ, không duy trì mạng sống thêm nữa, thời đại địa chấn động, ghê rợn, tóc lông dựng ngược, sấm trời vang dậy. Thế Tôn nhận hiểu ý nghĩa của sự kiện ấy, liền thốt câu kệ cảm khái như sau:

***Mạng sống có hạn hay vô hạn,
Tu sĩ từ bỏ, không kéo dài.
Nội tâm chuyên nhất trú thiền định.
Như tháo áo giáp đang mang mặc.***

11. Lúc bấy giờ, tôn giả Ananda suy nghĩ: "Thật là kỳ diệu! Thật là hy hữu! Đại địa chấn động, đại địa

rung động như vậy, ghê rợn, tóc lông dựng ngược và sấm trời vang dậy. Do nhân gì, do duyên gì, đại địa chấn động như vậy?".

12. Rồi tôn giả Ananda đến tại chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Khi ngồi xuống một bên, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

→ *Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu! Bạch Thế Tôn thật là hy hữu! Đại địa chấn động, đại địa rung động như vậy, ghê rợn, tóc lông dựng ngược và sấm trời vang dậy. Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, đại địa chấn động như vậy?*

13. - Này Ananda, **có tám nhân, có tám duyên khiến đại địa chấn động**. Thế nào là tám?

Này Ananda, đại địa này thiết lập trên nước, nước ở trên gió và gió ở tại hư không. Này Ananda, đến thời đại phong khởi lên, gió lớn khi thổi làm nổi sóng nước, và khi nước nổi sóng thì quả đất rung động. Đó là nhân thứ nhất, duyên thứ nhất, đại địa chấn động.

14. Lại nữa này Ananda, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn có thần thông, tâm được chế ngự, hay hàng chư Thiên có đại thần thông, có đại uy lực; những vị này quán địa tánh có hạn, quán thủy tánh vô lượng, vì ấy

có thể khiến quả đất này rung động, chuyển động mạnh. Đó là nhân thứ hai, duyên thứ hai khiến đại địa chấn động.

15. Lại nữa, này Ananda, khi vị Bồ-tát ở cõi Tusita (Đâu suất) từ bỏ thân, chánh niệm, tỉnh giác, nhập vào mẫu thai, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ ba, duyên thứ ba khiến đại địa chấn động.

16. Lại nữa, này Ananda, khi vị Bồ-tát, chánh niệm, tỉnh giác, ra khỏi mẫu thai, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ tư, duyên thứ tư khiến đại địa chấn động.

17. Lại nữa, này Ananda, khi Như Lai chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, khi ấy quả đất rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ năm, duyên thứ năm khiến đại địa chấn động.

18. Lại nữa, này Ananda, khi Như Lai chuyển bánh xe Pháp, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ sáu, duyên thứ sáu, khiến đại địa chấn động.

19. Lại nữa, này Ananda, khi Như Lai, chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ, không duy trì mạng sống, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh.

Đó là nhân thứ bảy, duyên thứ bảy, khiến đại địa chấn động.

20. Lại nữa, này Ananda, **khí Như Lai nhập vô dư y Niết Bàn**, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ tám duyên thứ tám, khiến đại địa chấn động.

Này Ananda, do tám nhân này, tám duyên này, khiến đại địa chấn động.

21. Này Ananda, **có tám chúng**. Thế nào là tám?

- Chúng Sát-đế-Ly,
- Chúng Bà-la-môn,
- Chúng Cư sĩ,
- Chúng Sa-môn,
- Chúng Bốn Thiên vương,
- Chúng Tam thập tam thiên,
- Chúng Ma,
- Chúng Phạm thiên.

22. Này Ananda, **Ta nhớ lại Ta đã đến chúng Sát-đế-ly hơn một trăm lần**. Tại đây trước khi Ta ngồi, trước khi Ta nói chuyện, và trước khi cuộc đối thoại

bắt đầu, dung sắc của chúng Sát-đế-ly như thế nào, dung sắc của Ta cũng như vậy; giọng nói chúng như thế nào, giọng nói của Ta cũng như vậy. Và với bài pháp thoại, Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ. Khi Ta đang nói, chúng không biết: "Kẻ nói ấy là ai, là chư Thiên chăng, là Người chăng?" sau khi Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ với bài pháp thoại, Ta biến mất. Khi Ta biến mất, chúng không biết: "Kẻ biến mất ấy là ai, là chư Thiên chăng, là Người chăng?".

23. Nay Ananda. Ta nhớ lại Ta đã đến chúng Bà-la-môn hơn một trăm lần... chúng Cư sĩ... chúng Sa-môn... chúng Bốn Thiên vương... chúng Tam thập tam thiên... chúng Ma... chúng Phạm thiên hơn trăm lần, tại đây trước khi Ta ngồi, trước khi Ta nói chuyện và trước khi cuộc đối thoại bắt đầu dung sắc của chúng Phạm thiên như thế nào, dung sắc của Ta cũng vậy; giọng nói của chúng như thế nào, giọng nói của Ta cũng vậy. Và với bài pháp thoại, Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ. Khi Ta đang nói, chúng không biết: "Kẻ nói ấy là ai, là chư Thiên chăng, là Người chăng?" Sau khi Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, Ta biến mất. Khi Ta biến mất, chúng không biết: "Kẻ biến mất đó là ai, là chư Thiên chăng, là

Người chẳng? " Này Ananda, như vậy là tám chúng.

24. Này Ananda, có tám thắng xứ. Thế nào là tám?

25. Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc, có hạn lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ nhất.

26. Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ hai.

27. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc có hạn lượng đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ ba.

28. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ tư.

29. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh - như bông gai màu xanh, tướng sắc

xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh - như lụa Ba-la-nại, cả hai mặt láng trơn, màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh ánh sáng xanh. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ năm.

30. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, sắc màu vàng, tướng màu vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng - như bông Kanikàra màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng - như lụa sa Balanại, cả hai mặt láng trơn màu vàng, tướng sắc vàng hình sắc vàng - như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ sáu.

31. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng sắc đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ - như bông bandhujivaka màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ - như lụa sa Balanại, cả hai mặt láng trơn màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ tướng sắc đỏ, hình sắc đỏ,

ánh sáng đỏ, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ bảy.

32. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng - như sao mai Osadhi màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng - như lụa sa Balanai, cả hai mặt láng trơn màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng. Như vậy vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy", đó là thắng xứ thứ tám. Đây Ananda như vậy là tám thắng xứ.

33. Đây Ananda, có tám giải thoát. Thế nào là tám?

- Tự mình có sắc, thấy các sắc; đó là sự giải thoát thứ nhất.
- Quán tưởng nội sắc là vô sắc, thấy các ngoại sắc; đó là sự giải thoát thứ hai.
- Quán tưởng (sắc là) tịnh, chú tâm trên suy tưởng ấy; đó là sự giải thoát thứ ba.
- Vượt khỏi hoàn toàn sắc tướng, diệt trừ các tướng hữu đối, không tác ý đến những tướng

khác biệt, với suy tư "hư không là vô biên", chứng và trú **Không vô biên xứ**; đó là sự giải thoát thứ tư.

- Vượt khỏi hoàn toàn Không vô biên xứ, với suy tư "thức là vô biên", chứng và trú **Thức vô biên xứ**; đó là giải thoát thứ năm.
- Vượt khỏi hoàn toàn Thức vô biên xứ, với suy tư "không có vật gì", chứng và trú **Vô sở hữu xứ**; đó là sự giải thoát thứ sáu.
- Vượt khỏi hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú **Phi tướng phi phi tướng xứ**; đó là sự giải thoát thứ bảy.
- Vượt khỏi hoàn toàn Phi tướng phi phi tướng xứ, chứng và trú **Diệt thọ tướng**; đó là sự giải thoát thứ tám.

Này Ananda, như vậy là tám giải thoát.

34. Này Ananda, **một thời Ta ở tại Uruvelà, trên bờ sông Nerañjara, dưới gốc cây Ajapàlanigrodha khi Ta mới thành đạo.** Này Ananda, lúc bảy giờ Ấc ma đến tại chỗ Ta ở, khi đến xong liền đứng một bên. Này Ananda, sau khi đứng một bên, Ấc ma nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ".

35. Nay Ananda, khi được nói vậy, Ta nói với Ác ma:

- "**Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo của Ta** chưa thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và Tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu.

Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo ni của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu.

Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những nam cư sĩ của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn

chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý chưa có thể tuyên bố diễn giảng trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá chánh pháp thần diệu.

Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những nữ cư sĩ của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý chưa có thể tuyên bố diễn giảng trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá chánh pháp thần diệu.

Này Ác ma, Ta không diệt độ khi nào phạm hạnh mà Ta giảng dạy chưa được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài Người.

36. Này Ananda, hôm nay tại điện thờ Cápàla, Ác ma đến Ta, sau khi đến liền đứng một bên. Này

Ananda, Ác ma đứng một bên nói với Ta như sau:

"Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chân chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp thần diệu". Bạch Thế Tôn, nay những Tỷ-kheo của Thế Tôn đã trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thành tựu Chánh pháp và tùy pháp, sống chân chánh, sống theo Chánh pháp, sau khi học hỏi giáo lý đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tách và giải thích rõ ràng Chánh pháp, khi có tà đạo khởi lên, đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, đã có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ.

Bạch Thế Tôn đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo ni của Ta...; khi nào những cư sĩ của Ta...; khi nào phạm hạnh Ta giảng dạy chưa được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài Người". Bạch Thế Tôn, nay phạm hạnh Thế Tôn giảng dạy đã được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn nghĩa là được khéo giảng dạy cho loài Người. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ".

37. Khi được nói vậy, Ta nói với Ác ma:

"Này Ác ma, hãy an tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay Như Lai sẽ diệt độ".

Này Ananda, hôm nay tại điện thờ Cápàla, Như Lai chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ thọ, hành (không duy trì mạng sống lâu hơn nữa).

38. Khi được nói vậy, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc cho

loài Trời và loài Người.

- Thôi đi, này Ananda, đừng có thỉnh cầu Như Lai nữa. Này Ananda, nay thỉnh cầu Như Lai không còn kịp thời.

39. Lần thứ hai, tôn giả Ananda... Lần thứ ba, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người.

- Này Ananda, Ngươi có tin sự giác ngộ Thế Tôn không?

- Bạch Thế Tôn, con có tin!

- Vậy, này Ananda, sao Ngươi lại làm phiền Như Lai đến ba lần.

40. - Bạch Thế Tôn, chính con được tận mắt, đích thân nghe Thế Tôn dạy như sau: "Này Ananda, **những ai đã tu bốn thần túc**, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu muốn, người ấy có thể sống đến

một kiếp, hay phần kiếp còn lại. Nay Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc... Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại".

- Nay Ananda, Người có tin tưởng không?

- Bạch Thế Tôn, con có tin tưởng!

- Nay Ananda, **như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người, đã không nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Như Lai, Người không thỉnh cầu Thế Tôn:** "*Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người*". Nay Ananda, **nếu Người thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời.** Nay Ananda như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người.

41. Nay Ananda, một thời Ta ở tại Vương Xá, núi Linh Thứu (Gijjha Kuta). Tại đây Ta nói với Ananda: "*Này Ananda, khả ái thay thành Vương Xá! Khả ái thay núi Linh Thứu! Nay Ananda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu*

người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp, hay phần kiếp còn lại. Nay Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thân túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo. Nay Ananda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại". **Dầu vậy, nay Ananda, Người không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Thế Tôn. Người không thỉnh cầu Thế Tôn:** "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". Nay Ananda, nếu Người cầu thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Nay Ananda, như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người".

42. Nay Ananda, một thời Ta ở thành Vương Xá, tại Nigrodhàràma... Ta cũng ở thành Vương Xá tại Corapapàta... Ta cũng ở thành Vương Xá, hang Sattapanni trên núi Vebhàra... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại hang đá Kàla, trên núi Isigili... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại khu rừng Sita trong hang đá Sappasondika... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại Tapodàràma... Ta cũng ở thành Vương Xá, Trúc

Lâm, hồ Kalandaka... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại rừng Jìvakambavana... Ta cũng ở thành Vương Xá tại Maddakucchi ở Lộc Uyển.

43. *Này Ananda, tại đây Ta nói: "Này Ananda, khả ái thay thành Vương Xá, khả ái thay núi Linh Thứu, khả ái thay Nigrodhàràma, khả ái thay Corapapàta, khả ái thay hang Sattapanni trên núi Vebhara, khả ái thay hang đá Kàla trên núi Isigili, khả ái thay hang đá Sappasondika trong rừng Sita, khả ái thay suối nước nóng Tapodàràma, khả ái thay hồ con sóc ở tại Trúc Lâm, khả ái thay rừng Jìvakambavana, khả ái thay vườn Nai ở tại Maddakucchi"!*

44. *"Này Ananda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp, hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo. Này Ananda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại".*

Dầu vậy, này Ananda, Người không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Thế Tôn. Người không thỉnh cầu Thế Tôn:
"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho

chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". **Này Ananda, nếu Người cầu thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Này Ananda, như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người".**

45. Này Ananda, một thời Ta ở Vesàli tại điện thờ Udena.

Tại đây, này Ananda, Ta cũng nói. "Này Ananda, khả ái thay Vesàli, khả ái thay điện thờ Udena. Này Ananda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại". **Dẫu vậy, này Ananda, Người không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Như Lai, Người không thỉnh cầu Như Lai: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời,**

vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". **Này Ananda, nếu Người cầu thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Này Ananda, như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người.**

46. Này Ananda, một thời Ta ở thành Vesàli tại điện thờ Gotamaka... ta cũng ở thành Vesàli tại điện thờ Sattambaka... Ta cũng ở thành Vesàli tại điện thờ Bahuputta... Ta cũng ở thành Vesàli tại điện thờ Sàrandada...

47. Này Ananda, **hôm nay tại điện thờ Càpàla, Ta nói với người:** "Này Ananda, khả ái thay Vesàli, khả ái thay điện thờ Udena, khả ái thay điện thờ Gotamaka, khả ái thay điện thờ Sattamba, khả ái thay điện thờ Buhuputta, khả ái thay điện thờ Sàrandada, khả ái thay đền Càpàla. Này Ananda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo thời, nếu muốn, người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điều luyện, thiện xảo. Này Ananda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại". **Dầu vậy,**

này Ananda, Người không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tượng quá rõ ràng của Như Lai, Người không thỉnh cầu Thế Tôn: "*Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người*". **Này Ananda, nếu Người cầu thỉnh Như Lai; Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhưng đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Này Ananda, như vậy là lỗi của Người, như vậy là khuyết điểm của Người.**

48. Này Ananda, phải chăng ngay từ ban đầu Ta đã từng tuyên bố rằng mọi vật ưu ái, thân tình đều phải bị thay đổi, trở về hư không, biến dịch?

Này Ananda, làm sao có thể được như vậy: Những gì sanh khởi, tồn tại, hữu vi, chịu sự biến hoại mà lại mong khởi có sự biến diệt? Thật không có sự trạng ấy.

Này Ananda, những gì Như Lai đã từ bỏ, dứt khoát, xả ly, phóng xả, khước từ, chính là thọ, hành. Như Lai đã nói và nói một cách dứt khoát: "*Không lâu, Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ*". Nói rằng Như

Lại vì muốn sống mà phản lại lời tuyên bố trên, thời thật không có sự trượng ấy.

Này Ananda, chúng ta hãy đi đến giảng đường Kùtagàra tại rừng Đại Lâm.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

49. Rồi Thế Tôn cùng tôn giả Ananda đi đến giảng đường Kùtagàra vườn Đại Lâm, khi đi đến, Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy đi mời tất cả Tỷ-kheo sống ở gần Vesàli tụ họp tại giảng đường này.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, đi mời tất cả vị Tỷ-kheo sống ở gần Vesàli tụ họp tại giảng đường, rồi đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, chúng Tỷ-kheo đã tụ họp. Bạch Thế Tôn, Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là hợp thời.

50. Thế Tôn liền đi đến giảng đường và ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với các vị Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, nay những pháp do Ta chứng ngộ và giảng dạy cho các Ngươi, các Ngươi phải khéo học hỏi, thực chứng tu tập và truyền rộng để phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người.

→ Nay các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp do Ta chứng ngộ và giảng dạy, các Ngươi phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền rộng để cho phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người?

Chính là Bốn Niệm xứ, Bốn Chánh cần, Bốn Thần túc, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Bồ-đề phần, Tám Thánh đạo phần. Nay các Tỷ-kheo, chính những pháp này do Ta chứng ngộ và giảng dạy, mà các Ngươi phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền rộng để phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương

**tướng của đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc
cho loài Trời và loài Người.**

51. Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

**- Nay các Tỷ-kheo, đây là lời Ta nhắn nhủ các
Người. Các hành là vô thường. Hãy tinh tấn lên
để tự giải thoát, không lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau
ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ.**

Đó là lời Thế Tôn dạy. Sau khi nói vậy, Thiện Thệ
lại nói thêm:

***Ta đã già, dư mạng chẳng còn
bao,
Từ biệt các Người, Ta đi một
mình.
Tự mình làm sở y cho chính
mình,
Hãy tinh tấn, chánh niệm, giữ
giới luật,
Nhiếp thức ý chí, bảo hộ tự tâm.
Ai tinh tấn trong pháp và luật này
Sẽ diệt sanh tử, chấm dứt khổ
đau.***

IV

1. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y, đem theo y bát, vào Vesàli để khát thực. Sau khi khát thực ở Vesàli, ăn xong và trên đường khát thực trở về, **Thế Tôn nhìn Vesàli với cái nhìn của con voi chúa rồi nói với tôn giả Ananda:**

- **Này Ananda, lần này là lần cuối cùng, Như Lai nhìn Vesàli.** Này Ananda, chúng ta hãy đi đến làng Bhandagàma.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn . Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Bhandagàma. Tại đây, Thế Tôn ở tại Bhandagàma.

2. Rồi Thế Tôn nói với Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt bốn Pháp mà Ta và các Người lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử. Thế nào là bốn?

- Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ không chứng đạt **Thánh Giới** mà Ta và các **Người lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử.**

- Nay các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt **Thánh Định** mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử.
- Nay các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt **Thánh Tuệ** mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử.
- Nay các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt **Thánh giải thoát** mà Ta và các Ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử.

Nay các Tỷ-kheo, khi Thánh Giới được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh Định được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh Tuệ được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh giải thoát được giác ngộ, được chứng đạt, **thời tham ái một đời sống tương lai được trừ diệt, những gì đưa đến một đời sống mới được dứt sạch, nay không còn một đời sống nào nữa.**

3. Đó là lời Thế Tôn dạy. Sau khi nói vậy, Thiện Thệ lại nói thêm:

Giới, Định, Tuệ và Giải thoát vô thượng

*Gotama danh xưng đã chứng ngộ.
Đấng Giác Ngộ giảng pháp chúng
Tỷ-kheo.
Đạo Sư diệt khổ, pháp nhãn, tịnh
lạc.*

4. Trong thời gian Thế Tôn ở tại Bhandagàma, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ, Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

5. Rồi Thế Tôn, sau khi ở Bhandagàma cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Hatthigam... Ambagama... Jambugama..., hãy đi đến Bhoganagara.

6. - Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Bhoganagara.

7. Tại đây, Thế Tôn ở Bhoganagara tại đền Ananda, Ngài nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bốn Đại giáo pháp, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Các Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, Thế Tôn giảng như sau:

8. - Nay các Tỷ-kheo, có thể có Tỷ-kheo nói: "*Này Hiền giả, **tôi tự thân nghe từ miệng Thế Tôn**, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư*".

→ Nay các Tỷ-kheo, các Người không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, cần phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật.

→ Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật thì các Người có thể kết luận: "*Chắc chắn những lời này **không phải là lời Thế Tôn**, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai*".

lầm". Và này các Tỷ-kheo, các Ngươi hãy từ bỏ chúng.

→ Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các Ngươi có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này phải là lời dạy của Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh". Này các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ nhất, các Ngươi hãy thọ trì.

9. Này các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nói: "*Tại trú xứ kia, có Tăng chúng ở với các vị Thượng tọa, với các Thủ chúng. Tôi tự thân nghe từ miệng Tăng chúng, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư*".

- Này các Tỷ-kheo, các Ngươi không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật.
- Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, và nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật thời các Ngươi có thể kết

luận: "Chắc chắn những lời này không phải là lời Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm". Và này các Tỷ-kheo, các Ngươi hãy từ bỏ chúng.

- Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với luật, thời các người có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này phải là lời dạy của Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh". Này các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ hai, các Ngươi hãy thọ trì.

10. Này các Tỷ-kheo, có thể có vị Tỷ-kheo nói: "*Tại trú xứ kia có nhiều Tỷ-kheo Thượng tọa ở, những vị này là bậc đa văn, gìn giữ truyền thống, trì pháp, trì luật, trì pháp yếu. **Tôi tự thân nghe từ miệng những vị Thượng tọa** ấy, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư*".

- Này các Tỷ-kheo, các Ngươi không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật.

- Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, và nếu không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật thì các người có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này không phải là lời Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm". Và này các Tỷ-kheo, các Người hãy từ bỏ chúng.
- Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật, và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thì các Người có thể kết luận: "Chắc chắn những lời ấy phải là lời dạy của Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh". Này các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ ba, các Người hãy thọ trì.

11. Này các Tỷ-kheo, có thể có Tỷ-kheo nói: "*Tại trú xứ kia, có một vị Thượng tọa, vị này là bậc đa văn, gìn giữ truyền thống, trì pháp, trì luật, trì pháp yếu. **Tôi tự thân nghe từ Thượng tọa**, tự thân lãnh thọ; như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư*".

- Này các Tỷ-kheo, các Người không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, cần phải được học hỏi kỹ

lưỡng và đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật.

- Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, và nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật, thời các người có thể kết luận: "*Chắc chắn những lời này không phải là lời của Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm*". Và này các Tỷ-kheo, các Người hãy từ bỏ chúng.
- Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật, và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các người có thể kết luận: "*Chắc chắn những lời ấy phải là lời dạy của Thế Tôn và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh*". Này các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ tư, các Người hãy thọ trì.

Này các Tỷ-kheo, bốn đại giáo pháp này, các Người hãy thọ trì.

12. Trong khi Thế Tôn ở tại Bhoganagara, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo:

- Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ, Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn.

Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu (tri kiến lậu), vô minh lậu.

13. Rồi Thế Tôn, sau khi ở tại Bhoganagara cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, chúng ta sẽ đi đến Pàvā.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

Và Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Pàvā, tại vườn xoài của **Cunda, một người thợ sắt.**

14. Thợ sắt Cunda nghe: "Nay Thế Tôn đã đến Pàvā và hiện đang ở trong vườn xoài của ta". Rồi thợ sắt Cunda đến tại chỗ Thế Tôn, khi đến xong liền đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Và Thế Tôn thuyết pháp cho thợ sắt Cunda đang ngồi một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ.

15. Và thợ sắt Cunda, sau khi được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoa hỷ, liền bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời mời của con ngày mai đến dùng cơm với

chúng Tỷ-kheo". Thế Tôn im lặng nhận lời.

16. Thợ sắt Cunda, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân phía hữu hướng về Ngài và từ biệt.

17. Và thợ sắt Cunda, sau khi đêm đã mãn, liền cho sửa soạn tại nhà các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm và nhiều thứ Sùkara-maddave (một loại mộc nhĩ), và báo tin cho Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng".

18. Và Thế Tôn buổi sáng đắp y, mang theo y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đến nhà thợ sắt Cunda, khi đến xong liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi. Thế Tôn nói với thợ sắt Cunda:

- Này Cunda, **loại mộc nhĩ đã soạn sẵn, hãy dọn cho ta. Còn các món ăn khác đã soạn sẵn, loại cứng và loại mềm, hãy dọn cho chúng Tỷ-kheo.**

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Thợ sắt Cunda vâng lời Thế Tôn, dọn cho Thế Tôn các món mộc nhĩ đã soạn sẵn, và dọn cho chúng Tỷ-kheo các món ăn khác, loại cứng và loại mềm.

19. Rồi Thế Tôn nói với thợ sắt Cunda:

- Này Cunda, món ăn mộc nhĩ còn lại, Người hãy đem chôn vào một lỗ. Này Cunda, Ta không thấy một ai ở cõi Trời, cõi Người, ở Ma giới, ở Phạm thiên giới, không một người nào trong chúng Sa-môn và chúng Bà-la-môn, giữa những Thiên, Nhân, ăn món mộc nhĩ này mà có thể tiêu hóa được, trừ Như Lai.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Thợ sắt Cunda vâng theo Thế Tôn, đem chôn món ăn mộc nhĩ còn lại vào một lỗ, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho thợ sắt Cunda đang ngồi xuống một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

20. Sau khi dùng cơm của thợ sắt Cunda, Thế Tôn bị nhiễm bệnh nặng, bệnh lý huyết, đau đớn gần như đến chết, và Thế Tôn chánh niệm tĩnh giác, nhẫn nại, chịu đựng cơn bệnh.

Rồi Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Kusinàra.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

*Tôi nghe: Sau khi dùng cơm tại nhà thợ
sắt Cunda.*

*Con bệnh khốc liệt bỗng khởi lên, gần
như chết đến nơi.*

Sau khi dùng món ăn loại mộc nhĩ.

Kịch bệnh khởi lên nơi bậc Đạo Sư.

*Điều phục bệnh hoạn, Thế Tôn dạy rằng:
"Ta đi đến thành Kusinàra".*

21. Rồi Thế Tôn bước xuống đường, đến một gốc cây và nói với Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy xếp tư áo Sanghàti. Ta cảm thấy mệt mỏi và muốn ngồi nghỉ, này Ananda.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn và xếp tư áo Sanghàti lại.

22. Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, và nói với Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy đem nước cho Ta. Này Ananda,

Ta nay đang khát và muốn uống nước.

Khi được nói vậy, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, vừa mới có khoảng năm trăm cỗ xe chạy qua. Do bánh xe khuấy lên, nước trở thành nông cạn, khuấy động và vẩn đục. Bạch Thế Tôn, sông Kakutthà không xa ở đây, nước thuần tịnh, dễ chịu, mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái. Tại đó, Thế Tôn có thể uống nước và làm dịu mát chân tay.

23. Lần thứ hai, Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đem nước uống cho Ta. Nay Ananda, Ta nay đang khát và muốn uống nước.

Lần thứ hai tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, vừa mới có khoảng năm trăm cỗ xe chạy qua. Do bánh xe khuấy lên, nước trở thành nông cạn, khuấy động và vẩn đục. Bạch Thế Tôn, sông Kakutthà không xa ở đây, nước thuần tịnh, dễ chịu, mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái. Tại đó, Thế Tôn có thể uống nước và làm dịu mát chân tay.

24. Lần thứ ba, Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đem nước uống cho Ta. Nay

Ananda, Ta nay đang khát và muốn uống nước.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, lấy bát và đi đến con sông nhỏ. **Con sông đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục, khi tôn giả Ananda đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lạng, không vẩn đục.**

25. Tôn giả Ananda tự nghĩ: "Thật kỳ diệu thay, thật hy hữu thay thần túc và uy lực của Như Lai. Con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục này, khi ta đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lạng và không vẩn đục". Sau khi dùng bát lấy nước, tôn giả Ananda đến chỗ Thế Tôn và bạch với Ngài:

- Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu! Bạch Thế Tôn thật là hy hữu. Bạch Thế Tôn, con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục này, khi con đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lạng và không vẩn đục. Xin thỉnh Thế Tôn dùng nước. Xin thỉnh Thiện Thệ dùng nước!

Và Thế Tôn uống nước.

26. Lúc bấy giờ, Pukkusa, dòng họ Mallà, đệ tử của ngài Alàra Kàlāma đang đi trên con đường từ

Kusinàra đến Pàvā.

Pukkusa, dòng họ Mallā thấy Thế Tôn ngồi dưới gốc cây, liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Pukkusa, dòng họ Mallā, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn thật là hy hữu, trạng thái trầm tĩnh của một vị xuất gia!

27. Bạch Thế Tôn, thuở xưa, ngài Alàra Kàlāma đang đi trên đường. Rồi ngài bước xuống đường và ngồi xuống một gốc cây, không xa con đường để nghỉ trưa. Bạch Thế Tôn, lúc ấy có khoảng năm trăm cỗ xe đi ngang qua gần ngài Alàra Kàlāma. Bạch Thế Tôn, có một người đi theo sau lưng đoàn xe ấy, đến chỗ ngài Alàra Kàlāma và nói với ngài:

- "Tôn giả có thấy khoảng năm trăm cỗ xe vừa đi qua không?"

- "Này Hiền giả, ta không thấy".

- "Tôn giả có nghe tiếng không?"

- "Này Hiền giả, ta không nghe tiếng".

- "Có phải Tôn giả đang ngủ không?"

- "Này Hiền giả, không phải ta đang ngủ".
- "VẬY có phải Tôn giả đang thức tỉnh?"
- "Này Hiền giả, ta đang thức tỉnh".
- "Tôn giả đang thức tỉnh nhưng không thấy khoảng năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe thấy tiếng. Bạch Tôn giả, cái áo của Tôn giả cũng bị lấm bụi".
- "Này Hiền giả, phải, áo ta bị lấm bụi".

Bạch Thế Tôn, người ấy liền tự nghĩ: "Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu sự trầm tĩnh của vị xuất gia. Trong khi giác tỉnh, còn thức nhưng không thấy năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe tiếng". Sau khi tỏ sự thâm tín đối với ngài Alàra Kàlàma, vị ấy từ biệt.

28. - Này Pukkusa, nhà người nghĩ thế nào? **Cái gì khó làm hơn, cái gì khó thực hiện hơn?** Một người trong khi giác tỉnh, còn thức mà không thấy năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe tiếng. **Hay một người đang giác tỉnh, còn thức, trong khi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, trong khi điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, mà không thấy, cũng không nghe tiếng?**

29. - Bạch Thế Tôn, nói gì đến năm trăm cỗ xe này, cho đến hoặc sáu trăm, hoặc bảy trăm, hoặc tám trăm, hoặc chín trăm, hoặc một ngàn, cho đến **trăm ngàn cỗ xe, cũng không thể so sánh được**. Thật khó làm hơn, khó thực hiện hơn, một người đang giác tỉnh, còn thức, trong khi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, trong khi điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, mà không thấy cũng không nghe tiếng.

30. - Nay Pukkusa, một thời, **Ta ở Atumà, tại nhà đập lúa**. Lúc bảy giờ trời mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có **hai anh em nông phu, và bốn con bò đực bị sét đánh chết**. Nay Pukkusa, một số đông người từ Atumà đi ra đến tại chỗ hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết...

31. Nay Pukkusa, lúc bảy giờ Ta từ nhà đập lúa đi ra và đi qua đi lại ngoài trời, trước cửa nhà đập lúa, Nay Pukkusa, có một người từ nơi đám đông ấy đi ra, đến chờ Ta, đánh lễ và đứng một bên. Và Ta nói với người ấy đang đứng một bên:

32: - "Này Hiền giả, vì sao có số đông người tụ họp như vậy?"

- Bạch Thế Tôn vừa rồi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có

hai anh em nông phu, và bốn con bò đực bị sét đánh chết. Do vậy mà có số đông người ấy tụ họp tại đây. Bạch Thế Tôn, lúc ấy Ngài ở tại chỗ nào?"

- "Này Hiền giả, lúc ấy Ta ở tại đây".

- "Bạch Thế Tôn, Ngài không thấy gì cả sao?"

- "Này Hiền giả, Ta không thấy gì".

- "Bạch Thế Tôn, Ngài không nghe tiếng gì cả sao?"

- "Này Hiền giả, Ta không nghe tiếng gì".

- "Bạch Thế Tôn, có phải Ngài đang ngủ, phải không?"

- "Này Hiền giả, không phải ta đang ngủ".

- "Bạch Thế Tôn, có phải Ngài đang tỉnh thức phải không?"

- "Này Hiền giả, phải".

- "Bạch Thế Tôn, Ngài đang tỉnh thức, nhưng trong khi trời mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết, nhưng Ngài không thấy,

cũng không nghe gì".

- Nay Hiền giả, phải như vậy".

33. Nay Pukkusa, người ấy liên tục nghĩ: *"Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu sự trầm lặng của vị xuất gia, khi thức tỉnh, đầu có mưa tầm tã ào ào, điện quang chói lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết mà không thấy gì, không nghe gì hết"*. Sau khi nói lên lòng tin tưởng ở nơi Ta, người ấy đánh lễ Ta, thân phía hữu hướng về phía Ta và từ biệt.

34. Khi được nói vậy, Pukkusa, dòng họ Mallà bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, sự tin tưởng của con đối với ngài Alàra Kàlāma, *nay con đem rải rắc trước luồng gió lớn, nay con đem thả trôi vào dòng nước cuốn*.

- Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn! Hy hữu thay bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và Tỷ-kheo Tăng. Mong Thế

Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

35. Rồi Pukkusa, dòng họ Mallà nói với một người khác: **"Này bạn, hãy đem đến một cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc"**. - "Tôn giả, xin vâng". Người ấy vâng lời Pukkusa, dòng họ Mallà và đem đến một cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc.

Rồi Pukkusa, dòng họ Mallà đem dâng một cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc ấy cho Thế Tôn và nói:

- Bạch Thế Tôn, cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc. Mong Thế Tôn vì thương xót con mà thu nhận cho.

- Này Pukkusa, hãy đắp cho Ta một áo và đắp cho Ananda một áo.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Pukkusa, dòng họ Mallà vâng lời Thế Tôn, đắp một áo cho Ngài và đắp một áo cho tôn giả Ananda.

36. Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho Pukkusa, người dòng họ Mallà, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến

tâm hoan hỷ. Và Pukkusa, người dòng họ Mallà, sau khi được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Thế Tôn và từ biệt.

37. Khi Pukkusa, dòng họ Mallà đi chưa được bao lâu, tôn giả Ananda đem cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc này **đặt trên thân Thế Tôn**, và khi cặp áo này được đặt trên thân Thế Tôn, **màu sắc sáng chói của áo như bị lu mờ đi**. Và Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn thật là hy hữu, sự thanh tịnh và sáng chói màu da của Như Lai! Bạch Thế Tôn, khi con đặt trên thân Thế Tôn, cặp áo màu kim sắc vàng chói và sẵn sàng để mặc này, màu sắc sáng chói của áo như bị lu mờ đi.

- Thật vậy, này Ananda. Này Ananda, **có hai trường hợp, màu da của Như Lai hết sức thanh tịnh và sáng chói**. Thế nào là hai?

◎ Này Ananda, trong đêm Như Lai chứng vô thượng Chánh Đẳng Giác

◎ Và trong đêm Như Lai sắp diệt độ, nhập Niết-bàn giới, không còn dư y sanh tử nữa.

Này Ananda, đó là hai trường hợp, màu da của Như Lai hết sức thanh tịnh và sáng chói.

38. **Này Ananda, hôm nay khi canh cuối cùng đã mãn, tại Upavattana ở Kusinàrà, trong rừng Sàla của dòng họ Mallà, giữa hai cây sàla song thọ, Như Lai sẽ diệt độ.** Này Ananda, chúng ta hãy đi đến sông Kakutthà.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn:

*Cặp áo kim sắc này.
Pukkusa mang đến.
Đắp áo kim sắc này,
Da Đạo Sư sáng chói.*

39. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến con sông Kakutthà, **xuống sông tắm và uống nước rồi lội qua bờ bên kia, đi đến rừng xoài** và tại đây, nói với đại đức Cundaka:

- Này Cundaka, hãy xếp áo Sanghàti làm bốn cho Ta. Này Cundaka, Ta nay mệt mỏi, muốn nằm nghỉ.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Đại đức Cundaka vâng lời Thế Tôn và xếp áo Sanghàti làm bốn.

40. Rồi Thế Tôn nằm xuống phía hông bên mặt như dáng điệu con sư tử, hai chân để trên nhau, chánh niệm, tỉnh giác, suy tư, với ý niệm ngồi dậy lại khi phải thời. Và đại đức Cundaka ngồi phía trước Thế Tôn.

41. Đức Phật tự đi đến
Con sông Kakutthà.
Con sông chảy trong sáng.
Mát lạnh và thanh tịnh.
Vị Đạo Sư mỗi một
Đi dần xuống mé sông.
Như Lai đáng Vô Thượng
Ngự trị ở trên đời
Tắm xong, uống nước xong,
Lội qua bên kia sông.
Bậc Đạo Sư đi trước,
Giữa Tăng chúng Tỷ-kheo,
Vừa đi vừa diễn giảng.
Chánh pháp thật vi diệu.
Rồi bậc Đại Sĩ đến,
Tại khu vực rừng xoài.
Cho gọi vị Tỷ-kheo,
Tên họ Cundaka:

"Hãy gấp tư áo lại,
Trai áo cho ta nằm.
Nghe dạy, Cundaka
Lập tức vâng lời dạy,
Gấp tư và traí áo,
Một cách thật mau lẹ.
Bậc Đạo Sư nằm xuống
Thân mình thật mệt mỏi.
Tại đây Cundaka,
Ngồi ngay phía trước mặt.

42. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, rất có thể có người làm cho
thọ sát Cunda hối hận: "Này Hiền giả Cunda, thật
không lợi ích gì cho Ngươi, thật là tai hại cho
Ngươi, vì Như Lai dùng bữa ăn cuối cùng từ Ngươi
cúng dường và nhập diệt".

Này Ananda, cần phải làm tiêu tan sự hối
hận ấy của thọ sát Cunda: "Này Hiền giả, thật là
công đức cho bạn, vì được Như Lai dùng bữa ăn
cuối cùng từ bạn cúng dường, và nhập diệt.

Này Hiền giả Cunda, tôi tự thân nghe, tự
thân lãnh thọ lời nói này của Thế Tôn: "Có hai sự
cúng dường ăn uống đồng một quả báo, đồng một
địa thực quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự
cúng dường ăn uống khác? Thế nào là hai?

- Một là bữa ăn trước khi Như Lai chứng vô

thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,

- *Hai là bữa ăn trước khi Như Lai diệt độ Niết-bàn giới, không còn di hưởng sanh tử.*

Hai bữa ăn này đồng một quả báo, đồng một dị thực quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự cúng dường ăn uống khác.

- *Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng tuổi thọ;*
- *Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng sắc đẹp;*
- *Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng an lạc;*
- *Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng danh tiếng;*
- *Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng cõi trời,*
- *Nhờ hành động này, đại đức Cunda sẽ được hưởng uy quyền".*

Này Ananda, cần phải làm cho thợ sắt Cunda tiêu tan hối hận.

43. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa này, liền thốt lời cảm khái như sau:

*Công đức người bố thí,
Luôn luôn được tăng trưởng,
Trừ được tâm hận thù.
Không chất chứa, chế ngự,
Kẻ chí thiện từ bỏ.
Mọi ác hạnh bất thiện,
Diệt trừ tham, sân, si.
Tâm giải thoát thanh tịnh.*

V

1. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, chúng ta hãy đi qua bờ bên kia sông Hirannavati, đến ở Kusinàrà - Upavatama - rừng Sàlà của dòng họ Malla.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn, cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến bên kia sông Hirannavati, tại Kusinàrà Upavattana, rừng Sàlà của dòng họ Malla, khi đi đến nơi liền nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy trải chỗ nằm, đầu hướng về phía Bắc giữa hai cây sàlā song thọ: nay Ananda, Ta nay mệt mỏi, muốn nằm nghỉ.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, trải chỗ nằm, đầu hướng về phía Bắc giữa hai cây sàlā song thọ. Và Thế Tôn nằm xuống, về phía hông bên phải, như dáng nằm con sư tử, hai chân để lên nhau chánh niệm và giác tỉnh.

2. Lúc bảy giờ, cây sàlā song thọ **trở hoa trái mùa, tràn đầy cành lá.**

- Những đóa hoa này rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường Ngài.

- Những thiên hoa Mandàrava từ trên hư không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường Ngài.

- Bột trời chiên đàn từ trên hư không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường Ngài,

- Nhạc trời trên hư không trôi dạt để cúng dường Như Lai.

- Thiên ca trên hư không vang lên để cúng dường Như Lai.

3. Rồi Như Lai nói với tôn giả Ananda:

- Này Ananada, các cây sàlā song thọ tự nhiên trở hoa trái mùa tràn đầy cành lá, những đóa hoa này rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường. Những thiên hoa Mandārava từ trên hư không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường. Bọt trời chiên đàn từ trên hư không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường. Nhạc trời trên hư không trỗi dậy để cúng dường Như Lai. Thiên ca trên hư không vang lên để cúng dường Như Lai.

→ Nhưng, này Ananda, **như vậy không phải kính trọng, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường hay lễ kính Như Lai.**

→ Này Ananda, nếu có Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, cư sĩ nam hay cư sĩ nữ nào **thành tựu Chánh pháp và Tùy pháp, sống chơn chánh trong Chánh pháp, hành trì đúng Chánh pháp,** **thời người ấy kính trọng, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường Như Lai với sự cúng dường tối thương.**

→ Do vậy, này Ananda, hãy thành tựu Chánh pháp và Tùy pháp, sống chơn chánh trong Chánh pháp và hành trì đúng Chánh pháp. Này Ananda, các Người phải học tập như vậy.

4. Lúc bảy giờ, tôn giả Upavàna đứng trước mặt Thế Tôn và quạt Ngài. Thế Tôn liền quở trách tôn giả Upavàna: ***"Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta."***

Tôn giả Ananda, liền tự suy nghĩ: "Đại đức Upavàna này là thị giả sống gần và hầu cận Thế Tôn đã lâu ngày. Nay Thế Tôn trong giờ phút cuối cùng lại quở trách đại đức Upavàna: "Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta". Do nhơn gì, do duyên gì, Thế Tôn quở trách đại đức Upavàna: "Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt ta"?"

5. Rồi tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Đại đức Upavàna này là thị giả, sống gần và hầu cận Thế Tôn đã lâu ngày. Nay Thế Tôn trong giờ phút cuối cùng lại quở trách đại đức Upavàna: "Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta." Do nhơn gì, do duyên gì, Thế Tôn quở trách đại đức Upavàna: "Này Tỷ-kheo hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta"?"

- Nay Ananda, **rất đông các vị Thiên thần ở mười phương thế giới** tụ hội để chiêm ngưỡng Như Lai. Nay Ananda, cho đến mười hai do tuần xung quanh Kusinàrà, Upavattana, rừng Sàlà thuộc dòng họ Mallà, **không có một chỗ nào, nhỏ cho đến đầu một sợi tóc có thể chích được mà không đầy những Thiên thần có uy lực tụ họp.**

Nay Ananda, **các vị Thiên Thần đang than phiền:**
*"Chúng ta từ rất xa đến chiêm ngưỡng Như Lai. Thật rất là hy hữu, các Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời, và tối hôm nay, trong canh cuối cùng, Như Lai sẽ nhập diệt. Và nay **Tỷ-kheo có oai lực này** lại đứng ngang trước Thế Tôn, khiến chúng ta không thể chiêm ngưỡng Như Lai trong giờ phút cuối cùng".* Nay Ananda, các chư Thiên than phiền như vậy.

6. - Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đang nghĩ đến hạng chư Thiên nào?

- Nay Ananda, có hạng **chư Thiên ở trên hư không nhưng có tâm tư thế tục**, những vị này khóc than, với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than thân bỏ ngoài dưới đất, lăn lộn qua lại: ***"Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên***

đời quá sớm".

- Nay Ananda, có hạng Thiên thần ở trên đất với tâm tư thế tục những vị này khóc than với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than thân nằm nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: "Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thế nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm".
- Có chư Thiên đã diệt trừ ái dục, những vị này bình thản, tỉnh giác chịu đựng, với tâm suy tư: "Các hành là vô thường, làm sao sự kiện có thể khác được?".

7. - Bạch Thế Tôn, thuở trước các Tỷ-kheo sau khi thọ an cư, từ các địa phương đến chiêm ngưỡng Như Lai, chúng con được sự lợi ích tiếp kiến, hầu cận những Tỷ-kheo tu hành điều luyện. Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn nhập diệt, chúng con sẽ không được sự lợi ích **tiếp kiến, hầu cận những Tỷ-kheo tu hành điều luyện.**

8. - Nay Ananda, **có bốn Thánh tích kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính. Thế nào là bốn?**

◎ **"Đây là chỗ Như Lai đản sanh"** . Nay Ananda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải

chiêm ngưỡng và tôn kính.

◎ **"Đây là chỗ Như Lai chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Giác"**, này Ananda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

◎ **"Đây là chỗ Như Lai chuyển Pháp luân vô thượng"**, này Ananda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

◎ **"Đây là chỗ Như Lai diệt độ, nhập Vô dư y Niết-bàn"**, này Ananda, đó là Thánh tích, kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

Này Ananda, đó là bốn Thánh tích, kẻ thiện tín cư sĩ cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính.

Này Ananda, các thiện tín Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ sẽ đến với niềm suy tư: "Đây là chỗ Như Lai đản sanh", "Đây là chỗ Như Lai chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác", "Đây là chỗ Như Lai chuyển Pháp luân vô thượng", "Đây là chỗ Như Lai diệt độ, Nhập Vô dư y Niết-bàn".

➔ **Này Ananda, và những ai, trong khi chiêm bái những Thánh tích mà từ trần với tâm thâm tín hoan hỷ, thời những vị ấy, sau khi thân hoại mạng**

chung sẽ được sanh cõi thiện thú, cảnh giới chư Thiên.

9. - Bạch Thế Tôn, chúng con phải cư xử với phái nữ như thế nào?

- Nay Ananda, **chớ có thấy chúng.**

- Bạch Thế Tôn, nếu phải thấy chúng, thời phải như thế nào?

- Nay Ananda, **chớ có nói chuyện** với chúng.

- Bạch Thế Tôn, nếu phải nói chuyện với chúng, thời phải như thế nào?

- Nay Ananda, **phải an trú chánh niệm.**

10. - Bạch Thế Tôn, chúng con phải xử sự **thân xá-lợi Như Lai** như thế nào?

→ Nay Ananda, các Người đừng có lo lắng vấn đề cung kính thân xá-lợi của Như Lai.

→ Nay Ananda, **các Người hãy nỗ lực, hãy tinh tấn hướng về tự độ, sống không phóng dật, cần mẫn, chuyên hướng về tự độ.**

→ Này Ananda, có những học giả Sát-đế-ly, những học giả Bà-la-môn, những học giả gia chủ thâm tín Như Lai, những vị này sẽ lo cho sự cung kính cúng dường thân xá-lợi của Như Lai.

11. - Bạch Thế Tôn, cần phải xử sự **thân Như Lai** như thế nào?

- Này Ananda, xử sự thân Chuyển luân Thánh Vương như thế nào, hãy xử sự thân xá-lợi Như Lai như vậy.

- Bạch Thế Tôn, người ta xử sự thân chuyển luân Thánh vương như thế nào?

- Này Ananda, thân của Chuyển luân Thánh vương được vắn tròn với vải mới.
- Sau khi vắn vải mới xong, lại được vắn thêm với vải gai bện.
- Sau khi vắn vải gai bện, lại vắn thêm với vải mới, và tiếp tục như vậy cho đến năm trăm lớp cả hai loại vải.
- Rồi thân được đặt vào trong một hòm dầu bằng sắt, hòm sắt này được một hòm sắt khác đậy

kín.

- Xong một giàn hỏa gồm mọi loại hương được xây dựng lên, thân của vị Chuyển luân Thánh vương được đem thiêu trên giàn hỏa này và tại ngã tư đường, tháp của vị Chuyển luân Thánh vương được xây dựng lên.
- Nay Ananda, đó là **pháp táng thân vị Chuyển luân Thánh vương**.

→ Nay Ananda, pháp táng thân vị Chuyển luân Thánh vương như thế nào, pháp táng thân Thế Tôn cũng như vậy.

→ Tháp của Như Lai phải được dựng lên tại ngã tư đường.

→ Và những ai đem tại chỗ ấy vòng hoa, hương, hay hương bột nhiều màu, đánh lễ tháp, hay khởi tâm hoan hỷ (khi đứng trước mặt tháp), thời những người ấy sẽ được lợi ích, hạnh phúc lâu dài.

12. Nay Ananda, **bốn hạng người sau này đáng được xây tháp**. Thế nào là bốn?

- Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xứng

đáng xây tháp.

- **Độc Giác Phật** xứng đáng xây tháp.
- **Đệ tử Thanh Văn** của Như Lai xứng đáng xây tháp.
- **Chuyển luân Thánh vương** xứng đáng xây tháp.

Này Ananda, vì lý do gì, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xứng đáng xây tháp? Này Ananda, **tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến:** "Đây là tháp của Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri." Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, chúng sẽ sanh lên thiện thú, cảnh giới chư Thiên. Này Ananda, vì lý do này, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xứng đáng xây tháp.

Này Ananda, vì lý do gì, bậc Độc Giác Phật xứng đáng xây tháp? Này Ananda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến: **"Đây là tháp của Thế Tôn Độc Giác Phật"**. "Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, chúng sẽ được sanh thiện thú, cảnh giới chư Thiên. Này Ananda, vì lý do này, bậc Độc Giác Phật xứng đáng xây tháp.

Này Ananda, vì lý do gì, đệ tử Thanh Văn của Như Lai xứng đáng xây tháp? Này Ananda,

tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến: " Đây là tháp đệ tử Thanh Văn của Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri." Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, chúng sẽ được sanh thiện thú, cảnh giới chư Thiên. Nay Ananda, vì lý do này, đệ tử Thanh Văn của Như Lai xứng đáng xây tháp .

Này Ananda, vì lý do gì, Chuyển luân Thánh vương xứng đáng xây tháp? Nay Ananda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến: " Đây là tháp của vị Pháp vương trị vì đúng pháp ". Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, chúng sẽ được sanh thiện thú, cảnh giới chư Thiên. Nay Ananda, vì lý do này, Chuyển luân Thánh vương xứng đáng xây tháp.

Này Ananda, đó là bốn hạng người xứng đáng xây tháp.

13. Rồi tôn giả Ananda đi vào trong tịnh xá, dựa trên cột cửa và đứng khóc: "*Ta nay vẫn còn là kẻ hữu học, còn phải tự lo tu tập. Nay bậc Đạo Sư của ta sắp diệt độ, còn ai thương tưởng ta nữa! "*

Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, Ananda ở tại đâu?

- Bạch Thế Tôn, tôn giả Ananda đi vào trong tịnh xá, dựa trên cột cửa và đứng khóc: "Ta nay vẫn còn là kẻ hữu học, còn phải tự lo tu tập. Nay bậc Đạo Sư của ta sắp diệt độ, còn ai thương tưởng ta nữa! "

Thế Tôn liền nói với một Tỷ-kheo:

- Nay Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta, nói với Ananda: " Nay Hiền giả Ananda, bậc Đạo Sư mọi Hiền giả."

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Vị Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, đi đến chỗ tôn giả Ananda, sau khi đến, liền nói với tôn giả: "Này Hiền giả Ananda, bậc Đạo Sư cho gọi Hiền giả." - "Thưa vâng, Hiền giả. " Tôn giả Ananda vâng lời vị Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

14. Thế Tôn nói với tôn giả Ananda đang ngồi một bên:

→ Thôi vừa rồi, Ananda, chớ có buồn rầu, chớ có khóc than.

→ Nay Ananda, Ta đã tuyên bố trước với Người rằng mọi vật ái luyến, tốt đẹp đều phải sanh

biệt, tử biệt và dị biệt.

→ Nay Ananda làm sao được có sự kiện này: "Các pháp sanh, trú, hữu vi, biến hoại đừng có bị tiêu diệt? " Không thể có sự kiện như vậy được.

→ Nay Ananda, đã lâu ngày, Người đối với Như Lai, với thân nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai; vô lượng với khẩu nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai; vô lượng với ý nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai, vô lượng.

→ Nay Ananda, Người là người tác thành công đức. **Hãy cố gắng tinh tấn lên, Người sẽ chứng bậc Vô lậu, không bao lâu đâu.**

15. Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, những vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong thời quá khứ, những bậc Thế Tôn này đều có những thị giả tối thắng như Ananda của Ta.

- Nay Tỷ-kheo, những vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thời vị lai, những bậc Thế Tôn này cũng sẽ có những thị giả tối thắng như Ananda của Ta vậy.

- Nay các Tỷ-kheo, Ananda là người có trí và hiểu rõ: "*Nay đúng thời để các Tỷ-kheo yết kiến Thế Tôn, nay đúng thời để các Tỷ-kheo ni, nay đúng thời để các nam cư sĩ, nay đúng thời để các nữ cư sĩ, nay đúng thời để các vua chúa, để các đại thần, để các ngoại đạo sư, để các đệ tử các ngoại đạo sư yết kiến Thế Tôn!*"

16. Nay các Tỷ-kheo, Ananda có bốn đức tánh kỳ cựu, hy hữu. Thế nào là bốn?

- Nay các Tỷ-kheo, nếu có chúng Tỷ-kheo đến yết kiến Ananda, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì được yết kiến Ananda, và nếu Ananda thuyết pháp chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài thuyết pháp, và nếu Ananda làm thỉnh thời, nay các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo ấy sẽ thất vọng.
- Nay các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo ni..., chúng nam cư sĩ... chúng nữ cư sĩ đến yết kiến Ananda, chúng ấy sẽ được hoan hỷ, vì được yết kiến Ananda, và nếu Ananda thuyết pháp, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài thuyết pháp và nếu Ananda làm thỉnh thời nay các Tỷ-kheo, chúng nữ cư sĩ ấy sẽ thất vọng.

Nay các Tỷ-kheo, vị Chuyển luân Thánh vương có

bốn đức tánh kỳ diệu, hy hữu.

Này các Tỷ-kheo, nếu có chúng Sát-đế-ly... chúng Bà-la-môn... chúng gia chủ... chúng Sa-môn đến yết kiến vị Chuyển luân Thánh vương, chúng sẽ được hoan hỷ vì được yết kiến vị Chuyển luân Thánh vương và nếu vị Chuyển luân Thánh vương nói chuyện, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài nói chuyện, và nếu vị Chuyển luân Thánh vương làm thỉnh thời chúng Sa-môn ấy sẽ thất vọng.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ananda có bốn đức tánh kỳ diệu, hy hữu. Nếu có chúng Tỷ-kheo... chúng Tỷ-kheo ni... chúng nam cư sĩ... chúng nữ cư sĩ đến yết kiến Ananda, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì được yết kiến Ananda, và nếu Ananda thuyết pháp chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài thuyết pháp, và nếu Ananda làm thỉnh, thời này các Tỷ-kheo chúng nữ cư sĩ ấy sẽ thất vọng.

Này các Tỷ-kheo, Ananda có bốn đức tánh kỳ diệu, hy hữu như vậy.

17. Khi được nói vậy, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có diệt độ tại đô thị nhỏ bé này, tại đô thị hoang vu này, tại đô thị phụ thuộc này. Bạch Thế Tôn, có những đô thị khác to

lớn hơn như Campà (Chiêm-bà), Ràjagaha (Vương Xá), Sàvatthi (Xá-vệ), Sàketa (Sa-kỳ), Kosambi (Kiêu-thương-di), Bārāṇasī (Ba-la-nại). Thế Tôn hãy diệt độ tại chỗ ấy. Tại chỗ ấy, có đại chúng Sát-đế-ly, có đại chúng Bà-la-môn, có đại chúng gia chủ rất tin tưởng Như Lai, các vị này sẽ cúng dường thân xá-lợi Như Lai.

- Nay Ananda, chớ có nói như vậy, nay Ananda, chớ có nói đô thị này nhỏ bé, đô thị này hoang vu, đô thị này phụ thuộc.

18. Nay Ananda, thuở xưa có vị vua tên là Mahasudassana (Đại Thiên Kiến). Vị này là Chuyển luân vương, trị vì như pháp, là vị pháp vương, thống lãnh bốn thiên hạ, chinh phục hộ trì quốc dân, đầy đủ bảy báu. Nay Ananda, đô thị Kusinàrà này là kinh đô của vua Mahasudassana, tên là Kusàvatì (Câu-xá-bà-đề), phía Đông và phía Tây rộng đến mười hai do tuần, phía Bắc và phía Nam rộng đến bảy do tuần.

Nay Ananda, kinh đô Kusàvatì này rất phồn thịnh, phú cường, dân cư đông đúc, dân chúng sung mãn, thực phẩm phong phú. Nay Ananda, cũng như kinh đô Alakamanda của chư thiên rất phồn thịnh, phú cường dân cư đông đúc, Thiên chúng sung mãn, thực phẩm phong phú, cũng vậy nay Ananda, kinh đô

Kusàvati này cũng rất phồn thịnh, phú cường, dân cư đông đúc, nhân chúng sung mãn.

Này Ananda, kinh đô Kusàvati này, ngày đêm vang dậy chín loại tiếng, tức là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng trống lớn, tiếng trống nhỏ, tiếng tỳ bà, tiếng hát, tiếng xập xỏa, tiếng chuông và tiếng thứ mười là lời kêu gọi: " Hãy uống đi, hãy ăn đi ".

19. Này Ananda, hãy đi vào Kusinàrà và nói với dân Mallà Kusinàrà: "*Này các Vàsetthà, đêm nay, vào canh cuối cùng, Như Lai sẽ diệt độ*".

- Này Vàsetthà, các Người hãy đến. Này Vàsetthà, các Người hãy đến. Về sau chớ có hối hận: "*Như Lai đã diệt độ tại làng vườn chúng ta mà chúng ta không được chiêm ngưỡng Như Lai*".

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, đáp y, đem theo y bát và cùng một vị khác làm bạn đồng hành đi vào Kusinàrà.

20. Lúc bấy giờ, dân Mallà ở Kusinàrà đang tụ họp tại giảng đường vì một vài cộng sự. Tôn giả Ananda đến tại giảng đường của dân Mallà ở Kusinàrà. Sau khi đến, tôn giả liền nói với dân Mallà ở Kusinàrà:

- Nay Vasetthà, đêm nay, vào canh cuối cùng Như Lai sẽ diệt độ, Nay Vasetthà, các Người hãy đến. Nay Vasetthà, các Người hãy đến. Về sau chớ có hối hận: " Như Lai đã diệt độ tại làng vườn chúng ta mà chúng ta không được chiêm ngưỡng Như Lai ".

21. Dân Mallà cùng với con trai, con gái và vợ, khi nghe tôn giả Ananda nói như vậy, liền đau đớn, sầu muộn, tâm tư khổ não. Kẻ thì khóc than với đầu bù tóc rối, kẻ thì khóc than với cánh tay duỗi cao, kẻ thì khóc than thân bỏ nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: " Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ".

Và dân Mallà cùng với con trai, con gái và vợ đau đớn, sầu muộn, tâm tư khổ não, đi đến Upavattana, khu rừng Sàlà của dòng họ Mallà và đến chỗ tôn giả Ananda.

22. Tôn giả Ananda tự nghĩ: "Nếu ta để dân Mallà ở Kusinàrà đánh lễ Thế Tôn từng người một, thời đêm sẽ tàn trước khi Thế Tôn được tất cả dân Mallà đánh lễ. Vậy ta hãy để dân Mallà ở Kusinàrà đánh lễ theo từng gia tộc ".

- Bạch Thế Tôn, gia tộc Mallà này với vợ con, đồ chúng, bần bè đến cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn.

Và tôn giả Ananda, theo phương tiện này trong canh một, khiến dân Mallà ở Kusinàrà đánh lễ Thế Tôn.

23. Lúc bảy giờ, du sĩ ngoại đạo Subhadda ở tại Kusinàrà. Du sĩ ngoại đạo Subhadda được nghe: " Tội nay canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ ".

Và du sĩ ngoại đạo Subhadda suy nghĩ: " Ta nghe các du sĩ ngoại đạo niên cao lập lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: " Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện ra đời thật là hy hữu. Và đêm nay, vào canh cuối cùng Sa-môn Gotama sẽ diệt độ ". Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm ta. Ta tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp và giải được nghi vấn cho ta ".

24. Rồi du sĩ ngoại đạo Subhadda đi đến Upavattana, khu rừng Sàla của dân Mallà, đến tại chỗ tôn giả Ananda và thưa với tôn giả:

- Hiền giả Ananda, tôi nghe các du sĩ ngoại đạo, niên cao lập lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: " Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện ra đời thật là hy hữu, và đêm nay, vào canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ ". Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm tôi. Tôi tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp và giải được nghi vấn cho tôi. Hiền giả Ananda, hãy cho phép tôi được yết kiến Sa-môn Gotama.

Khi được nói vậy, tôn giả Ananda nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda:

- Thôi đi Hiền giả Subhadda, chớ có phiền nhiễu Như Lai. Thế Tôn đang mệt.

Lần thứ hai, du sĩ ngoại đạo Subhadda ... Lần thứ ba, du sĩ ngoại đạo Subhadda nói với tôn giả Ananda:

- Hiền giả Ananda, tôi nghe các du sĩ ngoại đạo, niên cạo lạc lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: " Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện ra đời thật là hy hữu, và đêm nay, vào canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ ". Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm tôi. Tôi tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp và giải được nghi vấn cho tôi. Hiền giả Ananda, hãy cho phép tôi được yết kiến Sa-môn Gotama.

Lần thứ ba, tôn giả Ananda nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda:

- Thôi đi Hiền giả Subhadda, chớ có phiền nhiễu Như Lai. Thế Tôn đang mệt.

25. Thế Tôn nghe được câu chuyện của tôn giả Ananda với du sĩ ngoại đạo Subhadda, Ngài liền nói với tôn giả Ananda:

- Thôi Ananda, chớ có ngăn trở Subhadda, Ananda, hãy để cho Subhadda được phép yết kiến Như Lai. Những gì Subhadda hỏi Ta là hỏi để hiểu biết chớ không phải để phiền nhiễu Ta. Và những gì ta trả lời các câu hỏi, Subhadda sẽ hiểu ý nghĩa một cách mau lẹ.

Tôn giả Ananda liền nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda:

- Nay Hiền giả Subhadda, hãy vào. Thế Tôn đã cho phép Hiền giả.

26. Rồi du sĩ ngoại đạo Subhadda đến chỗ Thế Tôn, nói lên những lời chúc tụng hỏi thăm xã giao, rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi một bên, du sĩ ngoại đạo Subhadda bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, có những Sa-môn, Bà-la-môn là những vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, như các ngài Pàrana Kassapa, Makkhali Gosàla, Ajita Kesakambali, Pakadha Kaccàyana, Sanjaya Belatthiputta, Nigantha Nàthaputta, tất cả những vị này có phải là giác ngộ như các vị đã tự cho như vậy, hay tất cả chưa giác ngộ, hay một số đã giác ngộ và một số chưa giác ngộ?

- Thôi Subhadda, hãy để vấn đề này yên một bên: "Tất cả những vị này có phải là đã giác ngộ như các vị đã tự cho như vậy, hay tất cả chưa giác ngộ, hay một số đã giác ngộ và một số chưa giác ngộ ". Nay Subhadda, Ta sẽ thuyết pháp cho Người. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn!

Du sĩ ngoại đạo Subhadda vâng lời Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

27. -

- ◎ *Này Subhadda, trong pháp luật nào **không có Bát Thánh đạo**, thời ở đây **không có** (đệ nhất) Sa-môn, ở đây cũng không có đệ nhị Sa-môn, cũng không có đệ tam Sa-môn, cũng không có đệ tứ Sa-môn.*
- ◎ *Này Subhadda trong pháp luật nào **có Bát Thánh đạo** thời **ở đây có** (đệ nhất) Sa-môn, cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, ở đây cũng có đệ tứ Sa-môn.*
- ◎ *Này Subhadda, **chính trong pháp luật này có Bát Thánh Đạo**, thời này Subhadda, ở đây có đệ nhất Sa-môn, ở đây cũng có đệ nhị Sa-*

môn, cũng có đệ tam Sa-môn, cũng có đệ tứ Sa-môn. Những hệ thống ngoại đạo khác đều không có những Sa-môn.

◎ *Này Subhadda, nếu những vị Tỷ-kheo này sống chơn chánh, thời đời này không vắng những vị A-la-hán.*

*Này Subhadda, năm hai mươi chín,
Ta xuất gia hướng tìm chân thiện đạo.
Trải năm mươi năm với thêm một năm
Từ khi xuất gia, này Subhadda,
Ta là du sĩ tu Trí, tu Đức.*

Ngoài lãnh vực này, không có Sa-môn (đệ nhất); cũng không có Sa-môn đệ nhị, cũng không có Sa-môn đệ tam, cũng không có Sa-môn đệ tứ. Những hệ thống ngoại đạo khác đều không có những Sa-môn. Này Subhadda, nếu những Tỷ-kheo sống chơn chánh, thì đời này không vắng những vị A-la-hán.

28. Khi được nói vậy, du sĩ ngoại đạo Subhadda bạch Thế Tôn:

- Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào

trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong con được xuất gia với Thế Tôn. Con xin thọ đại giới.

- Nay Subhadda, ai trước kia là ngoại đạo, nay muốn xuất gia muốn thọ đại giới trong Pháp, Luật này phải sống bốn tháng biệt trú. Sau khi sống bốn tháng biệt trú, các vị Tỷ-kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo. Nhưng Ta nhận thấy cá tánh con người sai biệt nhau.

29. - Bạch Thế Tôn, nếu những người xưa kia là ngoại đạo nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong Pháp và Luật này phải sống bốn tháng biệt trú. Sau khi sống bốn tháng biệt trú, các vị Tỷ-kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới, thời con sẽ xin sống biệt trú bốn năm, sau khi sống biệt trú bốn năm, nếu các vị Tỷ-kheo đồng ý, hãy cho con xuất gia, cho con thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo.

Và Thế Tôn nói với tôn giả Ananda:

- Nay Ananada, hãy xuất gia cho Subhadda.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn.

30. Du sĩ ngoại đạo Subhadda nói với tôn giả Ananda:

- Thật là lợi ích, thưa Tôn giả Ananda, thật là thiện lợi, thưa Tôn giả Ananda, được thọ lễ quán đánh làm đệ tử trước mặt bậc Đạo Sư!

Và du sĩ ngoại đạo Subhadda được xuất gia được thọ đại giới với Thế Tôn. Thọ đại giới không bao lâu, đại đức Subhadda ở một mình, an tịnh, không phóng dật, tinh tấn, sống nhiệt tâm, cần mẫn. Và không bao lâu, vị này chứng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Đó là vô thượng phạm hạnh ngay trong hiện tại, tự giác chứng và an trú. Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa.

Và đại đức Subhadda trở thành một A-la-hán nữa.

Đại đức là vị đệ tử cuối cùng được Thế Tôn thọ độ.

VI

1. Lúc bấy giờ, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, nếu trong các Ngươi có người nghĩ rằng: "Lời nói của bậc Đạo sư không còn nữa. Chúng ta không có Đạo sư (giáo chủ)". **Này Ananda, chớ có những tư tưởng như vậy. Này Ananda, Pháp và Luật, Ta đã giảng dạy và trình bày, sau khi Ta diệt độ, chính Pháp và Luật ấy sẽ là Đạo Sư của các Ngươi.**

2. Này Ananda, nay các vị Tỷ-kheo xưng hô với nhau là Hiền giả. Sau khi Ta diệt độ, chớ có xưng hô như vậy.

- Này Ananda, vị Tỷ-kheo niên lão hãy gọi vị Tỷ-kheo niên thiếu, hoặc **bằng tên, hoặc bằng họ, hoặc bằng tiếng Hiền giả.**

- Vị Tỷ-kheo niên thiếu, hãy gọi vị Tỷ-kheo niên lão là **Thượng tọa (Bhante) hay Đại đức.**

3. Này Ananda, **nếu chúng Tăng muốn, sau khi Ta diệt độ có thể hủy bỏ những học giới nhỏ nhặt chi tiết.**

4. Này Ananda, sau khi Ta diệt độ, hãy hành tội

Phạm đàn (Brahmadanda) đối với Tỷ-kheo Channa.

- Bạch Thế Tôn, thế nào là Phạm Đàn?

- Nay Ananda, Tỷ-kheo Channa muốn nói gì thì nói. Chúng Tỷ-kheo sẽ không nói, sẽ không giảng dạy, sẽ không giáo giới Tỷ-kheo Channa.

5. Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nào nghi ngờ hay phân vân gì về đức Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp, thời này các Tỷ-kheo các Người hãy hỏi đi. Sau chớ có hối tiếc: "Bậc Đạo Sư có mặt trước chúng ta mà chúng ta không tận mặt hỏi Thế Tôn".

Khi được nói vậy, các Tỷ-kheo ấy im lặng. Một lần thứ hai, Thế Tôn... . Một lần thứ ba, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, nếu có một Tỷ-kheo có nghi ngờ hay phân vân gì về đức Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp, thời này các Tỷ-kheo, các Người hãy hỏi đi. Sau chớ có hối tiếc: "Bậc Đạo Sư có mặt trước chúng ta mà chúng ta không tận mặt hỏi Thế Tôn".

Lần thứ ba, các Tỷ-kheo ấy giữ im lặng.

Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, nếu có vị nào vì lòng kính trọng bậc Đạo Sư mà không hỏi, thời này các Tỷ-kheo, giữa bạn đồng tu, hãy hỏi nhau.

Khi được nói vậy, những vị Tỷ-kheo ấy giữ im lặng.

6. Rồi tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thật kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn, thật hy hữu thay! Bạch Thế Tôn, con tin rằng trong chúng Tỷ-kheo này, không có một Tỷ-kheo nào có nghi ngờ hay phân vân gì đối với Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp.

- Nay Ananda, Người có tín nhiệm nên nói vậy. Nhưng ở đây, này Ananda, Như Lai biết rằng trong chúng Tỷ-kheo này, không có một Tỷ-kheo nào có nghi ngờ hay phân vân gì đối với Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp. Nay Ananda, **trong năm trăm Tỷ-kheo này, Tỷ-kheo thấp nhất đã chứng được quả Dự lưu**, không còn đọa lạc, chắc chắn hướng đến Chánh giác.

7. Và Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

**- Nay các Tỷ-kheo, nay Ta khuyên dạy các Người:
"Các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn, chớ
có phóng dật ".**

Đó là lời cuối cùng của Như Lai.

8.

- Rồi Thế Tôn nhập định Sơ thiền.
- Xuất Sơ thiền, Ngài nhập Nhị thiền.
- Xuất Nhị thiền Ngài nhập Tam thiền.
- Xuất Tam thiền, Ngài nhập Tứ thiền.
- Xuất Tứ thiền, Ngài nhập định Không vô biên xứ.
- Xuất Không vô biên xứ, Ngài nhập định Thức vô biên xứ.
- Xuất Thức vô biên xứ, Ngài nhập định Vô sở hữu xứ.
- Xuất Vô Sở hữu xứ, Ngài nhập định Phi tưởng phi phi tưởng xứ.
- Xuất Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ngài nhập Diệt thọ tưởng định.

Khi ấy tôn giả Ananda nói với tôn giả Anuruddha:

- Thừa Tôn giả, Thế Tôn đã diệt độ.
- Nay Hiền giả Ananda, Thế Tôn chưa diệt độ. Ngài mới nhập Diệt thọ tướng định.

9.

- Rồi xuất Diệt thọ tướng định. Ngài nhập Phi tướng phi phi tướng xứ định.
- Xuất Phi tướng phi phi tướng xứ, Ngài nhập Vô sở hữu xứ định.
- Xuất Vô sở hữu xứ, Ngài nhập Thức vô biên xứ định.
- Xuất thức Vô biên xứ, Ngài nhập Hư không vô biên xứ định.
- Xuất Hư không vô biên xứ, Ngài nhập định Tứ thiên.
- Xuất Tứ thiên, Ngài nhập định Tam thiên.
- Xuất Tam thiên, Ngài nhập định Nhị thiên.
- Xuất Nhị thiên, Ngài nhập định Sơ thiên.
- Xuất Sơ thiên, Ngài nhập định Nhị thiên.
- Xuất Nhị thiên, Ngài nhập định Tam thiên.
- Xuất Tam thiên, Ngài nhập định Tứ thiên.

- Xuất Tứ thiên, Ngài lập tức diệt độ.

10. Khi Thế Tôn diệt độ, cùng với sự diệt độ, **đại địa chấn động khùng khiếp, râu tóc dựng ngược, sấm trời vang động.**

Khi Thế Tôn diệt độ, Phạm thiên Sahampati, cùng lúc Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này.

*Chúng sanh ở trên đời,
Từ bỏ **thân ngũ uẩn**
Bậc đạo sư cũng vậy,
Đáng Tuyệt luân trên đời.
Bậc Đại hùng Giác ngộ
Như Lai đã diệt độ.*

Khi Thế Tôn diệt độ, Thiên chủ Sakka, cùng lúc Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này:

*Các hành là vô thường,
Có sanh phải có diệt
Đã sanh, chúng phải diệt,
Nhiếp chúng là an lạc.*

Khi Thế Tôn diệt độ, Tôn giả Anuruddha, cùng lúc Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này:

Không phải thở ra vào

*Chính tâm trú chánh định
Không tham ái tịch tịnh
Tu sĩ hướng diệt độ
Chính tâm tịnh bất động
Nhẫn chịu mọi cảm thọ
Như đèn sáng bị tắt
Tâm giải thoát hoàn toàn.*

Khi Thế Tôn diệt độ, Tôn giả Ananda, cùng lúc Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này:

*Thật kinh khủng bàng hoàng,
Thật râu tóc dựng ngược,
Khi Bạc Toàn thiện năng,
Bạc Giác ngộ nhập diệt.*

Khi Thế Tôn diệt độ, những Tỷ-kheo chưa giải thoát tham ái, có vị thì khóc than với cánh tay duỗi cao, có vị thì khóc than, thân nằm nhoài dưới đất, lẫn lộn qua lại: "**Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, *Pháp nhẫn biến mất ở trên đời quá sớm***".

Còn những Tỷ-kheo đã diệt trừ tham ái, những vị này an trú chánh niệm tỉnh giác, nhẫn nại, suy tư: "**Các hành là vô thường, làm sao tránh khỏi sự kiện ấy.**"

11. Lúc bấy giờ, Tôn giả Anuruddha nói với các Tỷ kheo:

- Thôi các Hiền giả, chớ có sầu não, chớ có khóc than. Nay các Hiền giả, phải chăng Thế Tôn đã tuyên bố ngay từ ban đầu rằng: **Mọi vật ưu ái thân tình đều phải sanh biệt, tử biệt và dị biệt.**

Này các Hiền giả, làm sao có thể được như vậy: **“ Những gì sanh, tồn tại, hữu vi, chịu sự biến hoại mà lại mong khỏi có sự biến dịch? Thật không có sự trạng ấy ”.** Nay các Hiền giả, chính chư Thiên đang trách đó.

- Thừa Tôn giả Anuruddha, Tôn giả đang nghĩ đến hạng chư Thiên nào?

- Hiền giả Ananda, có hạng chư Thiên ở trên hư không nhưng có tâm tư thế tục, những vị này khóc than với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than thân bỏ nhòai dưới đất, lẫn lộn qua lại: " Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ".
- Hiền giả Ananda, có hạng chư Thiên ở trên đất với tâm tư thế tục, những vị này khóc than với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao,

khóc than thân bỏ nhòai dưới đất, lăn lộn qua lại: " Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ".

- Còn những chư Thiên diệt trừ ái dục, những vị này chánh niệm tỉnh giác, chịu đựng với tâm suy tư: “ Các hành là vô thường, làm sao có thể khác được? ”.

12. Tôn giả Anuruddha và Tôn giả Ananda luận bàn về Chánh pháp suốt cả đêm còn lại. Rồi tôn giả Anuruddha nói với tôn giả Ananda:

- Hiền giả Ananda, hãy vào thành Kusinàrà và nói với dân Mallà ở Kusinàrà: “ Nay Vàsetthà, Thế Tôn đã diệt độ, hãy làm những gì các Người nghĩ phải làm.”

- Tôn giả, xin vâng!

Tôn giả Ananda vâng lời tôn giả Anuruddha, buổi sáng đắp y, đem theo y bát, cùng một thị giả, vào thành Kusinàrà.

Lúc bấy giờ, dân Mallà ở Kusinàrà đang tụ họp tại giảng đường vì một vài công vụ. Tôn giả Ananda đến tại giảng đường của dân Mallà ở Kusinàrà, sau khi

đến liền nói với dân Mallà ở Kusinàrà: “ Này Vàsetthà, Thế Tôn đã diệt độ, hãy làm những gì các Người nghĩ phải làm.”

Dân Mallà cùng với con trai, con gái và vợ, khi nghe tôn giả Ananda nói như vậy, liền đau đớn, sầu muộn, tâm tư khổ não. Kẻ thì khóc than với đầu bù tóc rối, kẻ thì khóc than với cánh tay duỗi cao, kẻ thì khóc than thân bỏ nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: " Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ".

13. Rồi dân Mallà ở Kusinàrà ra lệnh cho những người làm: “ Các Người hãy gom góp hương, tràng hoa và tất cả nhạc khí ở Kusinàrà.”

Rồi dân Kusinàrà đem theo hương, tràng hoa, tất cả nhạc khí và năm trăm cuộn vải đi đến Upavattana, tại rừng Sàlà của giòng họ Mallà, đến tại chỗ thân xá- lợi của Thế Tôn, rồi chúng ở lại cả ngày tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá - lợi Thế Tôn với các **điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương, làm những bảo cái bằng vải và tràng hoa Mandala.**

Rồi dân Mallà ở Kusinàrà suy nghĩ: “ Hôm nay, nếu thiêu thân xá - lợi Thế Tôn thời quá sớm. Ngày mai, chúng ta sẽ làm lễ thiêu thân xá - lợi của Thế Tôn.”

Rồi dân Mallà ở Kusinàrà, cả ngày thứ hai, tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá - lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương, làm những bảo cái bằng vải và tràng hoa Malanda, ngày thứ ba cũng như vậy, ngày thứ tư cũng như vậy, ngày thứ năm cũng như vậy. Ngày thứ sáu cũng như vậy.

14. Đến ngày thứ bảy, dân Mallà ở Kusinàrà suy nghĩ: *“Chúng ta đã tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá - lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương, nay chúng ta hãy chớ thân xá - lợi Thế Tôn ra ngoài thành về phía Nam và làm lễ thiêu thân tại chỗ ấy.”*

Lúc bảy giờ tám vị tộc trưởng Mallà gọi đầu, mặc áo mới với ý định khiêng nổi thân xá - lợi Như Lai nhưng không nổi được. Các vị Mallà ở Kusinàrà bạch Tôn giả Anuruddha:

- Bạch Tôn giả, do nhân gì, do duyên gì, tám vị tộc trưởng Mallà này gọi đầu, mặc áo mới với ý định khiêng nổi thân xá - lợi Như Lai, nhưng không nổi được?

- Nay Vasetthà, vì ý định của các Người khác, ý định của chư Thiên khác.

15. – Bạch Tôn giả, ý định của chư Thiên là gì?

- Nay các Vasetthà, ý định của các Người như sau:
“ Chúng ta đã tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá- lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương. Nay chúng ta hãy chớ thân xá-lợi Thế Tôn ra ngoài thành về phía Nam và làm lễ thiêu thân tại chỗ ấy.”

Nay các Vasetthà, ý định của chư Thiên như sau:
“Chúng ta đã tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường thân xá- lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương của chư Thiên, nay chúng ta hãy khiêng thân xá- lợi Thế Tôn về hướng Bắc đến phía Bắc của thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Bắc, hãy khiêng qua trung tâm của thành, rồi hướng về phía Đông, khiêng đến phía Đông của thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Đông, hãy khiêng đến phía Đông của thành, tại đền của dân Mallà tên là Makuta- bandhana, và chúng ta sẽ thiêu thân Thế Tôn tại chỗ ấy.”

- Bạch Tôn giả, ý định của chư Thiên thế nào, ý định của chúng con cũng như vậy.

16. Lúc ấy, khắp cả Kusinàrà cho đến đóng bụi, đóng rác, được rải la liệt lên đến đầu gối toàn hoa Mandaràva. Rồi chư Thiên và các dân Mallà ở Kusinàrà, sau khi đã tôn trọng, cung kính, đánh lễ,

cúng dường thân xá lợi Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương của chư Thiên và loài Người, liền khiêng thân xá lợi Thế Tôn về phía Bắc của Thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Bắc, liền khiêng qua Trung tâm của thành, rồi hướng về phía Đông, khiêng đến phía Đông của thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Đông, liền khiêng đến phía Đông của thành, tại đền của dân Mallà tên là Makuta-bandhana và đặt thân xá lợi của Thế Tôn tại chỗ ấy.

17. Rồi dân Mallà bạch tôn giả Ananda:

- Bạch Tôn giả Ananda, chúng con nay phải xử sự như thế nào đối với thân xá lợi Như Lai?

- Nay các Vasetthà, xử sự thân Chuyển luân Thánh vương như thế nào, hãy xử sự thân xá lợi Như Lai như vậy.

- Bạch Tôn giả Ananda, xử sự thân Chuyển luân Thánh vương phải như thế nào?

- Nay các Vasetthà:

- Thân Chuyển luân Thánh vương được vắn tròn với vải mới.
- Sau khi vắn vải mới, lại được vắn thêm với vải

gai bện.

- Sau khi vắn với vải gai bện, lại vắn thêm với vải mới và tiếp tục như vậy cho đến năm trăm lớp cả hai loại vải.
 - Rồi thân được đặt trong một hòm dầu bằng sắt, hòm sắt này được một hòm sắt khác đậy kín.
 - Xong một giàn hỏa gồm mọi loại hương được xây dựng lên, thân vị Chuyển luân Thánh vương được đem thiêu trên giàn hỏa này,
 - Và tại ngã tư đường, tháp vị Chuyển luân Thánh vương này được xây dựng lên.
- Nay các Vasetthà, đó là pháp táng thân của vị Chuyển luân Thánh vương.

→ Nay các Vasetthà, pháp táng thân của vị Chuyển luân Thánh vương như thế nào, pháp táng thân của Thế Tôn cũng như vậy.

Tháp của Như Lai phải được dựng lên tại ngã tư đường. Và những ai đem đến tại chỗ ấy vòng hoa, hương, hay hương bột nhiều màu, đánh lễ tháp hay khởi tâm hoan hỷ (khi đứng trước mặt tháp) , thời những người ấy sẽ được lợi ích, hạnh phúc lâu dài.

18. Và các người Mallà ở Kusinàrà sai những người làm công:

- Hãy đem lại tất cả vải gai bện của Mallà .

Rồi những người Mallà ở Kusinàrà vắn tròn thân Thế Tôn với vải mới. Sau khi vắn vải mới xong, lại vắn thêm với vải gai bện. Sau khi vắn với vải gai bện lại vắn thêm với vải mới và tiếp tục như vậy cho đến năm trăm lớp cả hai loại vải. Rồi đặt thân Như Lai vào trong một hòm dầu bằng sắt, đẩy hòm sắt này vào một hòm sắt khác, dựng lên một giàn hỏa gồm mọi loại hương và đặt thân Thế Tôn trên giàn hỏa.

19. Lúc bấy giờ, **Tôn giả Mahà Kassapa** đang đi giữa đường từ Pàvā đến Kusinàrà với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Rồi Tôn giả Mahà Kassapa bước xuống đường và đến ngồi tại một gốc cây.

Lúc bấy giờ có một tà mạng ngoại đạo lấy một hoa Mandàrava ở Kusinàrà và đang đi trên một con đường đến Pàvā.

Tôn giả Mahà Kassapa thấy tà mạng ngoại đạo đi từ đằng xa đến. Thấy vậy, tôn giả liền hỏi tà mạng ngoại đạo ấy:

- Này Hiền giả, Hiền giả có biết bậc Đạo sư chúng tôi không?

- Nay Hiền giả, tôi có biết. Sa-môn Gotama đã diệt độ cách hôm nay một tuần. Từ chỗ ấy, tôi được hoa Mandàrava này.

Lúc ấy những Tỷ-kheo chưa giải thoát tham ái, có vị thì khóc than với cánh tay duỗi cao, có vị thì khóc than, thân nằm nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: " Thệ Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm ". Còn những Tỷ-kheo đã diệt trừ tham ái, những vị này an trú chánh niệm, tỉnh giác, nhẩn nại suy tư: " Các hành là vô thường, làm sao tránh khỏi sự kiện ấy? ".

20. Lúc bấy giờ, **Subhadda được xuất gia khi đã lớn tuổi đang ngồi trong hội chúng này**. Subhadda được xuất gia khi đã lớn tuổi nói với những Tỷ-kheo ấy:

- Thôi các Hiền giả, chớ có sầu não, chớ có khóc than. Chúng ta đã được thoát khỏi hoàn toàn vị Đại Sa-môn ấy, chúng ta đã bị phiền nhiễu quấy rầy với những lời: "***Làm như thế này không hợp với các Ngươi. Làm như thế này hợp với các Ngươi***". Nay những gì chúng ta muốn, chúng ta làm, những gì chúng ta không muốn, chúng ta không làm.

Tôn giả Mahà Kassapa mới nói với các vị Tỷ-kheo:

- Thôi các Hiền giả, chớ có sầu não, chớ có khóc than. Nay các Hiền giả, phải chăng Thế Tôn đã tuyên bố ngay từ ban đầu rằng mọi vật ưu ái thân tình đều phải bị sanh biệt, tử biệt và dị biệt. Nay các Hiền giả, làm sao có thể được như vậy: Những gì sanh, tồn tại, hữu vi, chịu sự biến hoại mà lại mong khỏi có sự biến dịch? Thật không có sự trượng ấy.

21. Lúc bấy giờ **bốn vị tộc trưởng Mallà gọi đầu, mặc áo mới với ý định châm lửa thiêu giàn hỏa Thế Tôn nhưng châm lửa không cháy.**

Các vị Mallà ở Kusinàrà bạch tôn giả Anuruddha:

- Bạch Tôn giả, do nhân gì, do duyên gì, bốn vị tộc trưởng Mallà này gọi đầu, mặc áo mới với ý định châm lửa thiêu giàn hỏa Thế Tôn, nhưng châm lửa không cháy?

- Nay các Vàsetthà, ý định của chư Thiên khác.

- Bạch Tôn giả, ý định của chư Thiên như thế nào?

- Nay các vàsetthà, ý định của chư Thiên như sau:
" Tôn giả Mahà Kassapa nay đang đi giữa đường giữa Pàvā và Kusinàrà cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. **Giàn hỏa Thế Tôn chỉ được đốt cháy khi tôn giả Mahà Kassapa cúi đầu dẫn**

lễ Thế Tôn "

- Bạch Tôn giả, ý định chư Thiên như thế nào, hãy làm y như vậy.

22. Rồi Tôn giả Mahà Kassapa đến tại đền Makuta Bandhana của những vị Mallà tại giàn hỏa Thế Tôn, khi đến xong liền choàng áo phía một bên vai, chấp tay, đi nhiều phía tay phải xung quanh giàn hỏa ba lần, cúi mở chân ra và cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn.

Năm trăm vị Tỷ-kheo ấy choàng áo phía một bên vai, chấp tay, đi nhiều qua phía tay phải xung quanh giàn hỏa ba lần và cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn.

Và khi tôn giả Mahà Kassapa và năm trăm vị Tỷ-kheo đánh lễ xong, **thời giàn hỏa Thế Tôn tự bắt lửa cháy.**

23. Khi thân Thế Tôn đã cháy, từ da ngoài cho đến da mỏng, thịt, dây gân hay nước giữa các khớp xương, **thấy đều cháy sạch, không có tro, không có than, chỉ có xương xá lợi còn lại.**

Như sanh tô hay dầu bị cháy, tất cả đều cháy sạch không có tro, không có than. Cũng vậy khi thân Thế Tôn cháy, từ da ngoài cho đến da mỏng, thịt, dây gân

hay nước giữa khớp xương, tất cả đều cháy sạch, không có tro, không có than, chỉ có xương xá lợi còn lại. Và năm trăm tầng lớp vảy gai bên, cả hai lớp trong nhất và lớp ngoài nhất đều bị cháy thiêu.

Khi thân Thế Tôn bị thiêu cháy xong, một dòng nước từ hư không chảy xuống tưới tắt giàn hỏa Thế Tôn, và một dòng nước từ kho nước (hay từ cây sàlā) phun lên tưới tắt giàn hỏa Thế Tôn, và các người Mallā ở Kusinàrà dùng nước với mọi loại hương tưới tắt giàn hỏa Thế Tôn.

Rồi các người Mallā xứ Kusinàrà đặt xá lợi Thế Tôn trong giăng đường, dùng cây thương làm hàng rào, dùng cây cung làm bức thành xung quanh và **trong bảy ngày** tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường với các điệu múa, hát, nhạc, vòng hoa, hương.

24.

1. Vua nước Magadha tên là Ajàtasattu Vedehiputta nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà. Vua liền gửi một sứ giả đến các người Mallā ở Kusinàrà " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, ta cũng là người Sát-đế-ly. Ta cũng xứng đáng được một phần xá lợi Thế Tôn, ta cũng dựng tháp và tổ chức nghi lễ đối với xá lợi Thế Tôn ".

2. Những người Licchavi ở Vesali nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà liền gởi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được phần xá lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng dựng tháp và tổ chức nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn ".
3. Các người Sakyà ở Kapilavatthu nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà, liền gởi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần xá lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ với xá-lợi Thế Tôn ".
4. Những người Buli ở Allakappa nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà, liền gởi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần xá-lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá lợi Thế Tôn ".
5. Những người Koli ở Rāmagāma nghe tin Thế

Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà , liền gọi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần xá lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá lợi Thế Tôn."

6. Bà-la-môn Vethadìpaka nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinàrà, liền gọi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, tôi là người Bà-la-môn. Tôi cũng xứng đáng được một phần xá lợi Thế Tôn. Tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn ".

7. Các người Mallà ở Pàvà nghe tin Thế Tôn đã diệt độ liền gửi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà: " Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần xá-lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn ".

25. Khi được nói vậy các người Mallà ở Kusinàrà liền tuyên bố giữa đại chúng:

- Thế Tôn đã diệt độ tại làng vườn của chúng tôi,

chúng tôi sẽ không cho phần xá lợi nào của Thế Tôn.

Khi nghe vậy. **Bà-la-môn Dona** nói với chúng:

*Tôn giả, hãy nghe lời tôi nói!
Phật dạy chúng ta phải kham nhẫn.
Thật không tốt nếu có tranh giành.
Khi chia xá lợi bậc Thượng nhân.
Chúng ta hãy đoàn kết nhất tâm,
Hoan hỷ chia xá lợi tám phần.
Chúng ta hãy dựng tháp mọi phương,
Đại chúng mười phương tin Pháp
nhẫn...*

- Nay Tôn giả Bà-la-môn, Ngài hãy phân chia xá lợi ra tám phần đồng đều.

- Xin vâng, các Tôn giả.

Bà-la-môn Dona vâng lời hội chúng ấy, phân chia xá-lợi Thế Tôn thành tám phần đồng đều rồi thưa hội chúng:

- Các Tôn giả, hãy cho tôi cái bình dùng để đồng chia xá-lợi này. Tôi sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ cho cái bình.

Và hội chúng ấy tặng Bà-la-môn Dona cái bình.

26. Và người Moriyà ở Pippalivana nghe tin Thế Tôn đã diệt độ liền gởi một sứ giả đến các người Mallà ở Kusinàrà:

- "Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được hưởng một phần xá lợi Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá-lợi Thế Tôn ".

- " Nay không còn phần xá-lợi Thế Tôn nào. Xá-lợi Thế Tôn đã được phân chia, hãy lấy tro còn lại ". **Rồi các vị này lấy than tro còn lại.**

27. Và vua nước Magadha tên là Ajàtasattu, con bà Videhi xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Vương Xá và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Licchavi ở Vesàli cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Vesàli và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Sakya ở Kapilavatthu cũng xây dựng trên xá-lợi Thế Tôn tại Kapilavatthu và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Buli ở Allakappa cũng xây dựng tháp trên xá lợi Thế Tôn tại Allakappa và tổ chức lễ cúng

dường.

Những người Koli ở Ràmagama cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Ràmagama và tổ chức lễ cúng dường.

Bà-la-môn Vethadìpaka cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Vethadìpa và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Mallà ở Pàvā cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Pàvā và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Malla ở Kusinàrà cũng xây dựng tháp trên xá-lợi Thế Tôn tại Kusinàrà và tổ chức lễ cúng dường.

Bà-la-môn Dona cũng xây dựng tháp trên bình (dùng để đựng chia xá-lợi) và tổ chức lễ cúng dường.

Những người Moriyà ở Pipphalivana cũng xây dựng tháp trên những than tro và tổ chức lễ cúng dường.

Như vậy có tám tháp xá-lợi, tháp thứ chín trên bình (dùng để đựng chia xá-lợi) và tháp thứ mười trên tro (xá-lợi).

Đó là truyền thống thời xưa như vậy.

28. *Đấng Pháp Nhãn Vô Thượng*
Xá-lợi phân tám phần.
Bảy phần được cúng dường.
Tại Jambudìpa.
Một phần Long vương cúng.
Tại Ràmagàma.
Một rằng Phật được cúng,
Tại cõi Tam Thiên giới,
Một tại Gandhàra,
Một tại Kalinga.
Một rằng, vua Long vương.
Tự mình riêng cúng dường.
Quả đất được chói sáng,
Với hào quang xá-lợi,
Với lễ vật cúng dường.
Hạng thượng phẩm, thượng đẳng.
Xá-lợi đấng Pháp Nhãn.
Như vậy được cúng dường,
Bởi những bậc tôn trọng
Cung kính lễ cúng dường,
Bởi những bậc tôn trọng
Cúng kính lễ cúng dường.
Bởi Thiên, Long, Nhơn chủ,
Bởi bậc Tối thượng nhơn.
Các Người hãy chấp tay,
Cung kính lễ cúng dường.
Khó thay sự chiêm ngưỡng.

*Tôn nhan bậc Như Lai.
Trải nhiều nhiều trăm kiếp,
May lắm được một lần.*

27 Khi Bò-tát từ cõi trời Đâu suất... - Kinh ĐẠI BỒN – 14 Trường I, 431

KINH ĐẠI BỒN
(*MAHA PADANA SUTTA*)
– Bài kinh số 14 – Trường I, 431
I

1. Như vậy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở tại nước Sāvatthi (Xá-vệ) rừng Jeta (Kỳ-đà), vườn ông Anāthapindika (Cấp Cô Độc), trong am thất cây Kareri (Hoa Lâm). Lúc bấy giờ, số đông các Tỷ-kheo đi khát thực về, sau khi dùng bữa xong, cùng ngồi và tụ họp lại Hoa Lâm viên đường, pháp thoại thuộc về tiền thân được khởi lên: "Đây là tiền thân, đây là tiền thân".

2. Thế Tôn, với thiên nhĩ thanh tịnh vượt quá loài người nghe được câu chuyện này giữa các Tỷ-kheo. Rồi Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Hoa Lâm viên đường. Khi đến xong, Ngài ngồi trên ghế đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn hỏi các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, câu chuyện gì, các người đang ngồi bàn? Câu chuyện gì đã bị gián đoạn giữa các người?

Khi được nói vậy, những Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, chúng con đi khát thực về, sau khi dùng bữa xong, cùng ngồi và tụ họp tại Hoa Lâm viên đường, pháp thoại về tiền thân được khởi lên: "Đây là tiền thân, đây là tiền thân". Bạch Thế Tôn, đó là câu chuyện đang được bàn đến giữa chúng con thời Thế Tôn đến.

3. - Nay các Tỷ-kheo, các người có muốn nghe pháp thoại thuộc về tiền thân không?

- Bạch Thế Tôn, thật là đúng thời; bạch Thiện Thệ, thật là đúng thời để Thế Tôn giảng pháp thoại thuộc về tiền thân. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

- Vậy nay các Tỷ-kheo, các người hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

- Dạ vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo này đáp lời Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

4. - Nay các Tỷ-kheo, **chín mươi một kiếp** về trước, Thế Tôn Vipassī (Tỳ-bà-thi), bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.

- Nay các Tỷ-kheo, **ba mươi một kiếp** về trước, Thế Tôn Sikhĩ (Thi-khĩ) bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.
- Nay các Tỷ-kheo, **cũng trong ba mươi một kiếp ấy**, Thế Tôn Vessabhũ (Tỳ-xá-bà) bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.
- Nay các Tỷ-kheo **cũng trong hiện kiếp ấy**, Thế Tôn Kakusandha (Câu-lâu-tôn) bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.
- Nay các Tỷ-kheo, **cũng trong hiện kiếp ấy**, Thế Tôn Konāgamana (Câu-na-hàm) bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.
- Nay các Tỷ-kheo, **cũng trong hiện kiếp ấy**, Thế Tôn Kassapa (Ca-diếp) bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.
- Nay các Tỷ-kheo, **cũng trong hiện kiếp ấy**, nay Ta, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.

5. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassĩ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác sanh thuộc **chủng tánh Sát-đế-lý**, sanh trong giai cấp Sát-đế-lý.

- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhĩ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thuộc **chủng tánh Sát-đế-lý**,

sinh trong giai cấp Sát-đế-ly.

- Đây các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thuộc chủng tánh Sát-đế-ly, sinh trong giai cấp Sát-đế-ly.
- Đây các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thuộc chủng tánh Bà-la-môn, sinh trong giai cấp Bà-la-môn .
- Đây các Tỷ-kheo, Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc chủng tánh Bà-la-môn, sinh trong giai cấp Bà-la-môn.
- Đây các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc chủng tánh Bà-la-môn, sinh trong giai cấp Bà-la-môn .
- Đây các Tỷ-kheo, nay Ta là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc chủng tánh Sát-đế-ly, sinh trong giai cấp Sát-đế-ly.

6. Đây các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondanna (Câu-ly-nhã).

- Đây các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondanna.

- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondanna.
- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kassapa.
- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Konagamara, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kassapa.
- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kassapa.
- Nay các Tỷ-kheo, nay Ta là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thuộc **danh tánh Gotama (Cù-đàm)**.

7. Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassī bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, **tuổi thọ loài người là tám vạn năm.**

- Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là **bảy vạn năm.**
- Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn

Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là **sáu vạn năm**.

- Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là **bốn vạn năm**.
- Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là **ba vạn năm**.
- Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ của loài người là **hai vạn năm**.
- Nay các Tỷ-kheo, nay tuổi thọ của Ta không bao nhiêu, ít ỏi, tuổi thọ loài người khoảng **một trăm năm hay hơn một chút**.

8. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, **giác ngộ dưới gốc cây pātali** (bà-bà-la).

- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, **giác ngộ dưới gốc cây pundarika** (phân-đà-ly).
- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, **giác ngộ dưới gốc**

cây sirīsa (thi-lợi-sa).

- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Konāḅgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây udumbara (ô-tam-bà-la).
- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây nigrodha (ni-câu-luật-đà).
- Nay các Tỷ-kheo, nay Ta là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giác ngộ dưới gốc cây assattha (bát-đa-la).

9. Nay các Tỷ-kheo, **hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử** của Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tên là Khanda (Kiển-trà) và Tissa (Đề-xá).

- Nay các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tên là Abhibhū (A-tỳ-phù) và Sambhava (Tam-bà-bà).
- Nay các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tên là Sona (Phù-du) và Uttara (Uất-đa-la).
- Nay các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử

của Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Vidhūra (Tỳ-lâu) và Sanjīva (Tát-ni).

- Đây các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Konāgamaṇa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Bhiyyosa (Thư-bà-na) và Uttara (Uất-đa-la).
- Đây các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Tissa (Đề-xá) và Bhāradvāja (Bà-la-bà).
- Đây các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Ta là Sāriputta (Xá-lợi-phất) và Moggallāna (Mục-kiền-liên).

10. Đây các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội: một Tăng hội sáu mươi tám triệu Tỷ-kheo, một Tăng hội mười vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo. Đây các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassī bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lậu-tận.

- Đây các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng

hội: một Tăng hội mười vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội bảy vạn Tỷ-kheo. Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Sikhĩ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lưu tậ.

- Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vessabhũ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội: một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội bảy vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội sáu vạn Tỷ-kheo. Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vessabhũ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lưu tậ.
- Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội bốn vạn Tỷ-kheo. Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lưu tậ.
- Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội ba vạn Tỷ-kheo. Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lưu tậ.

- Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội hai vạn Tỷ-kheo. Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc A-la-hán .
- Nay các Tỷ kheo, nay trong thời của Ta có một Tăng hội một ngàn hai trăm năm mươi Tỷ-kheo, tất cả đều là bậc Lưu tậ.

11. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Asoka (A-dục), vị này là vị thị giả đệ nhất.

- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhī bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Khemankara (Nhân Hành), vị này là vị thị giả đệ nhất.
- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Upasannaka (Tịch Diệt) vị này là vị thị giả đệ nhất.
- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Buddhija (Thiện Giác), vị này là thị

giả đệ nhất.

- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Sotthija (An Hòa), vị này là vị thị giả đệ nhất.
- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kassapa bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Sabbamitta (Thiên Hữu), vị này là vị thị giả đệ nhất.
- Nay các Tỷ-kheo, nay Ta có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Ānanda (A-nan), vị này là vị thị giả đệ nhất.

12. Nay các Tỷ-kheo, phụ vương của Thế Tôn Vipassī bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Bandhumā (Bàn-đầu); mẫu hậu tên là Bandhumatī (Bàn-đầu-bà-đề). Kinh thành của vua Bandhumā tên là Bandhumatī.

- Nay các Tỷ-kheo, phụ vương Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Aruna (Minh Tướng); mẫu hậu tên là Pabhāvatī (Quang Huy); kinh thành của vua Aruna tên là Pabhāvatī.

- Nay các Tỷ-kheo, phụ vương Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Suppatīta (Thiện Đẳng), mẫu hậu tên là Yasavati (Xứng Giới); kinh thành của vua Suppatita tên là Anopama (Vô Dụ).
- Nay các Tỷ-kheo, phụ thân Bà-la-môn của Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tên là Aggidatta (Tự Đắc); mẫu thân Bà-la-môn tên là Visākhā (Thiện Chi). Nay các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ vua trị vì tên là Khema (An Hòa); kinh thành vua Khema tên là Khemavatī (An Hòa).
- Nay các Tỷ-kheo, phụ thân Bà-la-môn của Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Yannadatta (Đạt Đức) mẫu thân Bà-la-môn tên là Uttarā (Thiện Thắng; Nay các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ, vua trị vì tên là Sobha (Thanh Tịnh); kinh thành của vua Sobha tên là Sobhavatī (Thanh Tịnh).
- Nay các Tỷ-kheo, phụ thân Bà-la-môn của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Brahmadatta (Phạm Thi) mẫu thân Bà-la-môn tên là Dhanavatī (Tài Chủ). Nay các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ vua trị vì tên là Kikī (Hấp Tỳ); kinh thành vua Kikī là Baranasī (Ba-la-

nại).

- Đây các Tỷ-kheo, nay phụ vương của Ta tên là Suddhodana (Tịnh Phạn); mẫu hậu của Ta tên là Mãyã (Ma-da); kinh thành tên là Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ).

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Giảng xong Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tịnh xá.

13. Thế Tôn đi ra chẳng bao lâu cuộc đàm thoại sau đây khởi lên giữa những Tỷ-kheo ấy:

- Đây các Hiền giả, thật hy hữu thay! **Này các liên giả, thật kỳ diệu thay, đại thần lực, đại oai lực của Như Lai!** Như Lai nhớ được chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh của những vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy".

Này các Hiền giả, quý vị nghĩ như thế nào? **Có phải**

Như Lai khéo chứng đạt pháp giới như vậy, và nhờ chứng đạt pháp giới này, Như Lai nhớ chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết Bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy? **Hay là chư Thiên mách bảo Như Lai và nhờ sự mách bảo này**, Như Lai nhớ được các đức Phật quá khứ, các vị này đã nhập Niết bàn đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát như thế này?"

Như vậy là cuộc đàm thoại đang khởi lên giữa những Tỷ-kheo ấy.

14. Bảy giờ Thê Tôn, vào buổi chiều tối, sau khi xuất định, liền đến Hoa Lâm viên đường, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi xong, Thê Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, nay các Người ngồi luận bàn vấn đề gì? Đề tài gì đã được luận bàn giữa các Người?

Khi được hỏi vậy, các Tỷ-kheo ấy bạch Thê Tôn:

- Bạch Thê Tôn, Thê Tôn đi ra chẳng bao lâu, cuộc đàm thoại sau đây đã khởi lên giữa chúng con: "Này các Hiền giả, thật hy hữu thay! Này các hiền giả thật kỳ diệu thay đại thần lực, đại oai lực của Như Lai! Như Lai nhớ được chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết Bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh của những vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thê Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy". *Này các Hiền giả, quý vị nghĩ như thế nào? Có phải Như Lai khéo chứng đạt pháp giới như vậy, và nhờ chứng đạt pháp giới này,*

Như Lai nhớ chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy?" *Hay là chư Thiên mách bảo Như Lai và nhờ sự mách bảo này, Như Lai nhớ được các đức Phật quá khứ, các vị này đã nhập Niết bàn* đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát như thế này?" Bạch Thế Tôn, như vậy là vấn đề bàn luận giữa chúng con, khi Thế Tôn đến.

15. - Nay các Tỷ-kheo, **như vậy là pháp giới ấy được khéo chứng đạt bởi Như Lai, và nhờ chứng**

đạt pháp giới này, Như Lai nhớ được chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết Bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh của những vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy".

Này các Hiền giả, quý vị nghĩ như thế nào? Có phải Như Lai khéo chứng đạt pháp giới như vậy, và nhờ chứng đạt pháp giới này, Như Lai nhớ chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy".

Này các Tỷ-kheo, vậy hãy nghe và suy nghiệm kỹ,

Ta sẽ giảng.

- Thừa vâng, Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, Thế Tôn giảng như sau:

16. - Nay các Tỷ-kheo, **cách đây chín mươi một kiếp về trước**, Thế Tôn Vipassī bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc chủng tánh Sát-đế-ly, sanh trong giai cấp Sát-đế-ly. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondanna. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ đến tám vạn năm. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây Patali (Ba-ba-la). Nay các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Khanda (Kiển-trà) và Tissa (Đề-xá). Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội: một Tăng hội sáu mươi tám vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội mười vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Asoka (A-dục), vị

này là vị thị giả đệ nhất. Đây các Tỷ-kheo, Phụ Vương Thế Tôn Tỷ-bà-thi, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Bandhumā (Bàn-đầu), mẫu hậu tên là Bandhumatī (Bàn-đầu-bà-đề), kinh thành của Bandhumā tên là Bandhumatī.

17. Đây các Tỷ-kheo, **pháp nhĩ là như vậy, Bô-tát Vipassī**, sau khi từ giả cảnh giới Đâu-suất thiên, **chánh niệm tỉnh giác** nhập vào mẫu thai. Đây các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy.

Khi Bô-tát Vipassī từ giả cảnh giới Đâu-suất thiên, chánh niệm tỉnh giác nhập vào mẫu thai, **khí ấy một hào quang vô lượng, thân diêu**, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có các thế giới ở trên chư Thiên, thế giới của các Ma vương và Phạm thiên và thế giới ở dưới gồm các vị Sa-môn, Bà-la-môn, các vị hoàng tử và dân chúng. (1). Cho đến các cảnh giới ở giữa các thế giới, không có nền tảng, tối tăm, u ám, những cảnh giới mà mặt trăng mặt trời với đại thần lực, đại oai đức như vậy cũng không thể chiếu thấu, trong những cảnh giới ấy một hào quang vô lượng, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra. Và các chúng sanh sống tại những chỗ ấy, nhờ hào quang ấy mới thấy nhau và nói: "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây". Và **mười ngàn thế giới** chuyển động, rung động, chuyển động

mạnh. Và hào quang vô lượng, thần diệu ấy, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra ở thế giới. Pháp nhĩ là như vậy.

(1) Sadevamanussaya. Có chỗ dịch: chư Thiên và loài người.

Này các Tỷ-kheo, **pháp nhĩ là như vậy**. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, **bốn vị Thiên tử** đứng canh gác bốn phương trời và nói: *"Không cho một ai, người hay không phải loài người, được hãm hại vị Bồ-tát. Pháp nhĩ là như vậy"*.

18. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, me vị Bồ-tát giữ giới một cách hõn nhiên, không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói láo, không uống các thứ rượu men, rượu nấu. Pháp nhĩ là như vậy.

19. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, me vị Bồ-tát không khởi dục tâm đối với một nam nhân nào, và không vi phạm tiết hạnh với bất kỳ người đàn ông nào dầu người này có tâm ái nhiễm đối với bà. Pháp nhĩ là gì vậy.

20. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, me vị Bồ-tát có được năm món dục lạc đầy đủ, tận hưởng, trọn hưởng năm món dục

lạc ấy. Pháp nhĩ là như vậy.

21. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, mẹ vị Bồ-tát không bị một bệnh tật gì. Bà sống với tâm hoan hỷ, với thân khoan khoái. Bà thấy trong bào thai của mình vị Bồ-tát đầy đủ mọi bộ phận và chân tay.

Này các Tỷ-kheo, ví như viên ngọc lưu ly, thanh tịnh, thuần nhất, có tám cạnh, khéo cắt, khéo giữa, trong sáng, không tỳ vết, hoàn hảo trong mọi phương diện. Rồi một sợi dây được xuyên qua viên ngọc ấy, dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng lợt. Nếu có người có mắt để viên ngọc trên bàn tay của mình, người ấy sẽ thấy rõ ràng: "Đây là viên ngọc lưu ly, thanh tịnh thuần nhất, có tám cạnh, khéo cắt khéo giữa, trong sáng, không tỳ vết, hoàn hảo trong mọi phương diện. Đây là sợi dây xuyên qua, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng lợt". Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, mẹ vị Bồ-tát không một bệnh tật gì. Bà sống với tâm hoan hỷ, với thân khoan khoái. Bà thấy trong bào thai của mình vị Bồ-tát đầy đủ mọi bộ phận và chân tay. Pháp nhĩ là như vậy.

22. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Sau khi sanh vị Bồ-tát bảy ngày, mẹ vị Bồ-tát mệnh chung

và sanh lên cảnh trời Đâu suất. Pháp nhĩ là như vậy.

23. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Trong khi các người đàn bà khác mang bầu thai trong bụng chín tháng hay mười tháng rồi mới sanh, mẹ vị Bồ-tát sanh vị Bồ-tát không phải như vậy. Me vị Bồ-tát mang vị Bồ-tát trong bụng mười tháng trời mới sanh. Pháp nhĩ là như vậy.

24. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Trong khi các người đàn bà khác, hoặc ngồi, hoặc nằm mà sanh con, mẹ vị Bồ-tát sanh vị Bồ-tát không phải như vậy. Me vị Bồ-tát đứng mà sanh vị Bồ-tát. Pháp nhĩ là như vậy.

25. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, chư Thiên đỡ lấy Ngài trước, sau mới đến loài người. Pháp nhĩ là như vậy.

26. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, vị Bồ-tát không đụng đến đất. Có bốn Thiên tử đỡ lấy Ngài, đặt Ngài trước bà mẹ và thưa: "Hoàng hậu hãy hoan hỷ. Hoàng hậu sanh một bậc vĩ nhân". Pháp nhĩ là như vậy.

27. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, Ngài sanh ra thanh tịnh, không bị nhiễm ô bởi nước nhót nào, không bị nhiễm

ô bởi loại mủ nào, không bị nhiễm ô bởi loại máu nào, không bị nhiễm ô bởi bất cứ vật bất tịnh nào, thanh tịnh, trong sạch. Pháp nhĩ là như vậy.

Này các Tỷ-kheo, như viên ngọc ma-ni bảo châu đặt trên một tấm vải Ba-la-nại. Hòn ngọc không làm nhiễm ô tấm vải Ba-la-nại, tấm vải Ba-la-nại cũng không làm nhiễm ô hòn ngọc. Vì sao vậy? Vì cả hai đều thanh tịnh. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, Ngài sanh ra thanh tịnh, không bị nhiễm ô bởi nước nhót nào, không bị nhiễm ô bởi loại mủ nào, không bị nhiễm ô bởi loại máu nào, không bị nhiễm ô bởi bất cứ sự vật bất tịnh nào, thanh tịnh, trong sạch. Pháp nhĩ là như vậy.

28. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, hai dòng nước từ hư không hiện ra, một dòng lạnh, một dòng nóng. Hai dòng nước ấy tắm rửa sạch sẽ cho vị Bồ-tát và cho bà mẹ. Pháp nhĩ là như vậy.

29. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Vì Bồ-tát khi sanh ra, Ngài đứng vững, thẳng bằng trên hai chân, mặt hướng phía Bắc, bước đi bảy bước, một long trắng được che trên. Ngài nhìn khắp cả mọi phương, lớn tiếng như con ngưu vương, thốt ra lời như sau: "Ta là bậc tối thượng ở trên đời! Ta

là bậc tối tôn ở trên đời. Ta là bậc cao nhất ở trên đời. Nay là đời sống cuối cùng, không còn phải tái sinh ở đời này nữa". Pháp nhĩ là như vậy.

30. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, khi ấy một hào quang vô lượng thần diệu, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có các thế giới trên chư Thiên, thế giới của các Ma vương và Phạm thiên, và thế giới ở dưới gồm các vị Sa-môn, Bà-la-môn, các vị hoàng tử và dân chúng. Cho đến các cảnh giới ở giữa các thế giới, không có nền tảng, tối tăm, u ám, những cảnh giới mà mặt trăng, mặt trời với đại thần lực, đại oai đức như vậy cũng không thể chiếu thấu, trong những cảnh giới ấy, một hào quang vô lượng, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra. Và các chúng sanh sống tại những chỗ ấy, nhờ hào quang ấy mới thấy nhau mà nói: "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây". Và mười ngàn thế giới chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và hào quang vô lượng thần diệu ấy thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra ở thế giới. Pháp nhĩ là như vậy.

31. Nay các Tỷ-kheo, **khi hoàng tử Vipassī sinh ra, vua Bandhumā được báo tin:** "Đại vương đã được sinh một hoàng tử". Nay các Tỷ-kheo, khi thấy hoàng tử xong, vua Bandhumā liền cho mời các vị

Bà-la-môn đoán tướng và nói: "Này các Hiền giả, hãy xem tướng cho Hoàng tử". Này các Tỷ-kheo, khi xem tướng Hoàng tử Vipassī xong, các vị Bà-la-môn đoán tướng tâu với vua Bandhumā: *"Đại vương hãy hân hoan; Đại vương đã sinh một bậc vĩ nhân! May mắn thay cho Đại vương, đại hạnh thay cho Đại vương đã được một Hoàng tử như vậy sanh trong gia đình. Tâu Đại vương, Hoàng tử này có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân. Ai có đủ ba mươi hai tướng tốt này sẽ chọn hai con đường này thôi, không có con đường nào khác. Nếu sống tại gia đình, vị này sẽ trở thành vua Chuyển luân Thánh vương, dùng chánh pháp trị nước, bình định bốn phương, đem lại an toàn cho quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu trở thành vật sở hữu của vị này, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, gia chủ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Vị này có đến hơn một ngàn thái tử, những bậc anh hùng, lực sĩ, chinh phục quân thù. Vị này chinh phục cõi đất này cho đến hải biên và trị nước với chánh pháp, không dùng trượng, không dùng đao. Nếu vị này từ bỏ gia đình, xuất gia sống không gia đình, vị này sẽ thành bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vén lui màn vô minh che đời".*

32. "Đại vương, ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân là gì mà Hoàng tử nếu đầy đủ những tướng tốt

này sẽ chọn đi hai con đường, không có con đường nào khác. Nếu sống tại gia đình, vị này sẽ trở thành vua Chuyển luân Thánh vương dùng chánh pháp trị nước, bình định bốn phương, đem lại an toàn cho quốc lộ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu trở thành vật sở hữu của vị này, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Vị này có đến hơn một ngàn thái tử, những bậc anh hùng, lực sĩ, chinh phục quân thù. Vị này chinh phục cõi đất này cho đến hải biên và trị nước với chánh pháp, không dùng trượng, không dùng đao. Nếu vị này từ bỏ gia đình, xuất gia sống không gia đình, vị này sẽ thành bậc A-la-hán. Chánh Đẳng Giác, vén lui màn vô minh che đời?

1. "Đại vương, Hoàng tử này có lòng bàn chân bằng phẳng, tướng này được xem là tướng tốt của bậc Đại nhân.
2. "Đại vương, dưới hai bàn chân của Hoàng tử này, có hiện ra hình bánh xe, với ngàn tăm xe, với trục xe, vành xe, với các bộ phận hoàn toàn đầy đủ, tướng này được xem là tướng của bậc Đại nhân.
3. "Đại vương, Hoàng tử này có gót chân thon dài... (như trước)

4. "Đại vương, Hoàng tử này có ngón tay, ngón chân dài...
5. "Đại vương, Hoàng tử này có tay chân mềm mại...
6. "Đại vương, Hoàng tử này có tay chân có màn da lưới...
7. "Đại vương, Hoàng tử này có mắt cá tròn như con sò...
8. "Đại vương, Hoàng tử này có ống chân như con dê rừng...
9. "Đại vương, Hoàng tử này đứng thẳng, không co lưng xuống, có thể rời từ đầu gối với hai bàn tay...
10. "Đại vương, Hoàng tử này có tướng mã âm tàng...
11. "Đại vương, Hoàng tử này có màu da như đồng, màu sắc như vàng...
12. "Đại vương, Hoàng tử này có da trơn mượt khiến bụi không thể bám dính vào...
13. "Đại vương, Hoàng tử này có lông da mọc từ lông một, mỗi lỗ chân lông có một lông...

14. "Đại vương, Hoàng tử này có lông mọc xoáy tròn thẳng lên, mỗi sợi lông đều vậy, màu xanh đậm như thuốc bôi mắt, xoáy lên từng xoáy tròn nhỏ, và xoáy về hướng mặt..."
15. "Đại vương, Hoàng tử này có thân hình cao thẳng..."
16. "Đại vương, Hoàng tử này có bảy chỗ tròn đầy..."
17. "Đại vương, Hoàng tử này có nửa thân trước như con sư tử..."
18. "Đại vương, Hoàng tử này không có lỗ khuyết giữa hai vai..."
19. "Đại vương, Hoàng tử này có thân thể cân đối như cây bàng (nigrodha: ni-câu-luật). Bề cao của thân ngang bằng bề dài của hai tay sải rộng, bề dài của hai tay sải rộng ngang bằng bề cao của thân..."
20. "Đại vương, Hoàng tử này có bán thân trên vuông tròn..."
21. "Đại vương, Hoàng tử này có vị giác hết sức sắc bén..."
22. "Đại vương, Hoàng tử này có quai hàm như con

sư tử. .

23. "Đại vương, Hoàng tử này có bốn mươi răng...
24. "Đại vương, Hoàng tử này có răng đều đặn...
25. "Đại vương, Hoàng tử này có răng không khuyết hở...
26. "Đại vương, Hoàng tử này có răng cửa (thái xỉ) tron lảng...
27. "Đại vương, Hoàng tử này có tướng lưỡi rộng dài...
28. "Đại vương, Hoàng tử này có giọng nói tuyệt diệu như tiếng chim ca-lăng-tần-già (Karavika)...
29. "Đại vương, Hoàng tử này có hai mắt màu xanh đậm...
30. "Đại vương, Hoàng tử này có lông mi con bò cái...
31. "Đại vương, Hoàng tử này giữa hai lông mày, có sợi lông trắng mọc lên, mịn màng như bông nhẹ.
32. "Đại vương, Hoàng tử này có nhục kế trên đầu,

tướng này được xem là tướng tốt của bậc Đại nhân...

33. "Đại vương, Hoàng tử có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân, với ba mươi hai tướng tốt này, Hoàng tử sẽ chọn đi hai con đường, không có con đường nào khác. Nếu sống tại gia đình, Hoàng tử sẽ trở thành vua Chuyển luân Thánh vương, đem lại an toàn cho quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu trở thành sở hữu của Ngài, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, và thứ bảy là tướng quân báu. Vị này có đến hơn một ngàn thái tử, những bậc anh hùng, lực sĩ, chinh phục quân thù. Vị này chinh phục quả đất này cho đến hải biên và trị nước với chánh pháp, không dùng trượng, không dùng đao. Nếu Hoàng tử từ bỏ gia đình, xuất gia sống không gia đình, Hoàng tử sẽ thành bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vén lui màn vô minh che đời".

Này các Tỷ-kheo, Vua Bandhumã ra lệnh cúng dường các vị Bà-la-môn đoán tướng ấy, các áo vải mới và làm thỏa mãn mọi sự đòi hỏi ước muốn.

34. Này các Tỷ-kheo, rồi vua Bandhumã cho nuôi những người vú cho hoàng tử Vipassī. Người cho bú, người tắm, người lo bông ằm, người mang trên nách. Này các Tỷ-kheo, một lọng trắng ngày đêm được che

trên hoàng tử Vipassī, và lệnh được truyền ra: "Không được để lạnh hay nóng, cỏ, bụi, hay sương làm phiền hoàng tử". Hoàng tử Vipassī được mọi người âu yếm. Đây các Tỷ-kheo, cũng như hoa sen xanh, hoa sen hồng, hay hoa sen trắng được mọi người yêu thích. Cũng vậy, đây các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassī được mọi người âu yếm, gần như được ẵm từ nách này qua nách người khác.

35. Đây các Tỷ-kheo, khi hoàng tử Vipassī được sinh ra, hoàng tử phát âm rất là tuyệt diệu, âm vận điều hòa, dịu ngọt và hấp dẫn. Đây các Tỷ-kheo, giống như con chim ca-lăng-tân-già sinh trong núi Hy-mã-lạp sơn, giọng chim rất là tuyệt diệu, âm vận điều hòa, dịu ngọt và hấp dẫn. Cũng vậy đây các Tỷ-kheo, Hoàng Tử Vipassī phát âm rất là tuyệt diệu, âm vận điều hòa, dịu ngọt và hấp dẫn.

36. Đây các Tỷ-kheo, khi hoàng tử Vipassī sanh ra, Thiên nhân hiện ra với Ngài, do nghiệp báo sanh, và nhờ Thiên nhân ấy, Ngài có thể nhìn khắp chung quanh đến một do tuần, ban ngày cũng như ban đêm.

37. Đây các Tỷ-kheo, khi hoàng tử Vipassī sanh ra, Ngài nhìn thẳng sự vật với cặp mắt không nhấp nháy, như hàng chur Thiên ở Tam thập tam thiên. Vì hoàng tử Vipassī nhìn không nhấp nháy, nên đây các Tỷ-

kheo, hoàng tử Vipassī được gọi tên là "**Vipassī Vipassī**", "**Vì đã nhìn thấy**". Nay các Tỷ-kheo, khi vua Bandhumā ngồi xử kiện, vua cho đặt hoàng tử Vipassī ngồi bên nách mình để xử kiện. Nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassī ngồi bên nách vua cha như vậy và chú tâm quan sát phương thức xử kiện đến nỗi tự mình cũng có thể phán đoán xử kiện. Nay các Tỷ-kheo, do hoàng tử Vipassī "có thể quan sát và xử kiện đúng luật pháp" và danh từ "Vipassī Vipassī" càng được dùng để đặt tên cho Ngài.

38. Nay các Tỷ-kheo, **rồi vua Bandhumā cho xây dựng ba tòa lầu đài** cho hoàng tử Vipassī, một cho **mùa mưa**, một cho **mùa đông**, một cho **mùa lạnh**, và năm món dục lạc đều được chuẩn bị đầy đủ. Nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassī sống bốn tháng mưa trong lầu đài dành cho mùa mưa, được hầu hạ vui với các nữ nhạc sĩ, và không một lần nào, Ngài bước xuống khỏi lầu.

II

1. - Nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassī, sau thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, cho gọi người đánh xe: "Này khanh, hãy cho thắng các cỗ xe thù thắng, chúng ta sẽ đi đến vườn ngự uyển để xem phong cảnh" - "Thưa vâng, Hoàng Tử". Nay các Tỷ-

kheo, người đánh xe vâng lời hoàng tử Vipassì, cho thắng các cỗ xe thù thắng rồi bạch hoàng tử Vipassì: "Tâu Hoàng tử, các cỗ xe thù thắng đã thắng xong. Hãy làm những gì Hoàng tử xem là hợp thời".

Này các Tỷ-kheo, lúc bảy giờ hoàng tử Vipassì leo lên cỗ xe thù thắng và cùng với các cỗ xe thù thắng khác, tiến đến vườn ngự uyển.

2. Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì trên đường đi đến vườn ngự uyển, thấy một người già nua, lưng còm như nóc nhà, chống gậy, vừa đi vừa run rẩy, khổ não, không còn đâu là tuổi trẻ. Thấy vậy hoàng tử hỏi người đánh xe:

- *"Này khanh, người đó là ai vậy? Sao thân người đó không giống các người khác?"*
- "Tâu Hoàng tử, người đó là một người được gọi là già vậy".
- "Này khanh, sao người ấy được gọi là một người già?"
- "Tâu Hoàng tử, người ấy gọi là già vì nay người ấy sống không bao lâu nữa".
- "Này khanh, vậy rồi Ta có bị già không, một

người chưa qua tuổi già?"

- "Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta tất cả sẽ bị già nua, dẫu chúng ta chưa qua tuổi già!"
- "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy là vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung".
- "Thưa vâng, Hoàng tử".

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng theo lời hoàng tử, cho đánh xe trở về cung. Này các Tỷ-kheo, **hoàng tử Vipassì về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ. "Sĩ nhục thay, cái gọi là sanh. Và ai sanh ra cũng phải già yếu như vậy!"**.

3. Này các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà cho gọi người đánh xe và hỏi: "Này khanh, Hoàng tử có vui vẻ không, tại vườn ngự uyển? "Này khanh, Hoàng tử có hoan hỷ không, tại vườn ngự uyển?"

- "Tâu Đại vương, Hoàng tử không có vui vẻ tại vườn ngự uyển. Tâu Đại vương, Hoàng tử không có hoan hỷ, tại vườn ngự uyển"

- "Này khanh, khi đến vườn ngự uyển, Hoàng tử đã thấy gì?"

- "Tâu đại vương, Hoàng tử trong khi đi đến vườn ngự uyển, thấy một người già nua, lưng còm như nóc nhà, chống gậy vừa đi vừa run rẩy, khổ não không còn đâu là tuổi trẻ. Thấy vậy, Hoàng tử hỏi con: "Này khanh, người đó là ai vậy? Sao tóc người đó không giống các người khác? Sao thân người đó không giống các người khác?" - "Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là vậy" - "Này khanh, sao người ấy được gọi là người già? - "Tâu Hoàng tử, người ấy gọi là già, vì nay người ấy sống không bao lâu nữa". - "Này khanh, vậy rồi Ta có phải bị già không, một người chưa qua tuổi già?" - "Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta tất cả sẽ bị già nua, dầu chúng ta chưa qua tuổi già" - "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung". - "Thưa vâng, Hoàng Tử!". Tâu Đại vương, con vâng lời Hoàng tử Vipassì, cho đánh xe trở về cung. Tâu Đại vương, Hoàng tử trở về cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ. "Sĩ nhục thay, cái gọi là sanh. Và ai sanh ra cũng phải già yếu như vậy".

4. Này các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà suy nghĩ: "**Không thể để** cho hoàng tử Vipassì từ chối không trị vì. Không thể để cho Hoàng tử Vipassì xuất gia. Không thể để cho lời của các vị Bà-la-môn đoán tướng trở thành sự thật".

Này các Tỷ-kheo, rồi vua Bandhumà lại sắp đặt cho hoàng tử Vipassì đầy đủ năm món dục lạc nhiều hơn nữa, để hoàng tử Vipassì có thể trị vì, để hoàng tử Vipassì khỏi phải xuất gia, để cho lời các vị Bà-la-môn đoán tướng không trúng sự thật. Và, này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì sống tận hưởng đầy đủ sung túc năm món dục lạc.

5. Này các Tỷ-kheo hoàng tử Vipassì, sau thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm cho gọi người đánh xe... (như trước).

6. Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì, khi đang đi đến vườn ngự uyển, **thấy một người bệnh hoạn, khổ não, nguy kịch**, bò lết trong tiểu tiện, đại tiện của mình, cần có người khác nâng đỡ, cần có người khác dìu dắt. Thấy vậy, hoàng tử hỏi người đánh xe:

- "Này khanh, người này đã làm gì, mà mắt của nó không giống mắt của những người khác, giọng nói của nó không giống giọng nói của những người khác?"
- "Tâu Hoàng tử, đó là một người được gọi là một người bệnh vậy".
- "Này khanh, sao người ấy được gọi là một

người bệnh?"

- "Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là một người bệnh vì người ấy chưa thoát khỏi căn bệnh của mình"
- "Này khanh, **vậy rồi ta có bị bệnh không, một người chưa bị bệnh?"**
- "Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, tất cả chúng ta sẽ bị bệnh tật, dầu chúng ta chưa bị bệnh tật".
- "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung".
- "Thưa vâng, Hoàng tử".

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng theo lời hoàng tử cho đánh xe trở về cung. Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: **"Sỉ nhục thay, cái gọi là sanh! Và ai sanh ra, cũng phải già, cũng phải bệnh!"**

7. Này các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà cho gọi người đánh xe và hỏi: "Này khanh, Hoàng tử có vui vẻ không tại vườn ngự uyển? Hoàng tử có hoan hỷ không tại vườn ngự uyển?" - "Tâu Đại vương, Hoàng

tử không có vui vẻ tại vườn ngự uyển. Tâu Đại vương, Hoàng tử không có hoan hỷ tại vườn ngự uyển" - "Này khanh, khi đi đến vườn ngự uyển, Hoàng tử đã thấy gì?" - "Tâu Đại vương, Hoàng tử trong khi đến vườn ngự uyển thấy một người bệnh hoạn, khổ não, nguy kịch, bò lết trong tiểu tiện, đại tiện của mình, cần có người khác nâng đỡ, cần có người khác dìu dắt. Thấy vậy, Hoàng tử hỏi con: "Này khanh, người đó đã làm gì mà mắt của nó không giống mắt của người khác, giọng nói của nó không giống giọng nói của những người khác?" - "Tâu Hoàng tử, đó là một người được gọi là một người bệnh vậy". - "Này khanh, sao người ấy được gọi là một người bệnh?" - "Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là người bệnh, vì người ấy chưa khỏi căn bệnh của mình!" - "Này khanh, vậy rồi ta có bị bệnh không, một người chưa bị bệnh?" - "Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, tất cả chúng ta sẽ bị bệnh tật, dầu chúng ta chưa bị bệnh tật". - "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy vừa rồi! Hãy cho đánh xe trở về cung". - "Thưa vâng, Hoàng tử". Con vâng theo lời Hoàng tử cho đánh xe trở về cung. Tâu Đại vương, Hoàng tử về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: "Sỉ nhục thay, cái gọi là sanh! Và ai sanh ra, cũng phải già, cũng phải bệnh!".

- Này các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà suy nghĩ:

"Không thể để" cho Hoàng tử Vipassì từ chối không trị vì! Không thể để cho Hoàng tử Vipassì xuất gia! Không thể để cho lời của các vị Bà-la-môn đoán tướng trở thành sự thật". Nay các Tỷ-kheo, rồi vua Bandhuma, lại sắp đặt cho hoàng tử Vipassì đầy đủ năm món dục lạc nhiều hơn nữa, để hoàng tử Vipassì có thể trị vì, để hoàng tử Vipassì không thể xuất gia, để cho lời các vị Bà-la-môn đoán tướng không trúng sự thật. Và nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì sống tận hưởng, đầy đủ, sung túc năm món dục lạc.

9. Nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì, sau thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, cho gọi người đánh xe: "Này khanh, hãy cho thắng các cỗ xe thù thắng, chúng ta sẽ đi đến vườn ngự uyển để xem phong cảnh". - "Thưa vâng, Hoàng tử".

Nay các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng lời hoàng tử Vipassì, cho thắng các cỗ xe thù thắng rồi bạch hoàng tử Vipassì: "Tâu hoàng tử, các cỗ xe thù thắng đã thắng xong. Hãy làm những gì Hoàng tử xem là hợp thời".

Nay các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ hoàng tử Vipassì leo lên cỗ xe thù thắng và cùng với các cỗ xe thù thắng khác, tiến đến vườn ngự uyển.

10. - Nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì trên đường

đi đến vườn ngự uyển, **thấy một số đông người, mặc sắc phục khác nhau, và đang dựng một dàn hỏa táng.** Thấy vậy, hoàng tử hỏi người đánh xe:

- "Này khanh, vì sao đám đông người ấy mặc sắc phục khác nhau và đang dựng một dàn hỏa táng?"
- "Tâu Hoàng tử, vì có một người vừa mới mệnh chung"
- "Này khanh, vậy người hãy đánh xe đến gần người vừa mới mệnh chung!"
- "Thưa vâng, tâu Hoàng tử."

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng theo lời hoàng tử, cho đánh xe đến người vừa mới mệnh chung. Này các Tỷ-kheo, khi thấy thân người chết, hoàng tử Vipassì hỏi:

- "Này khanh, sao người ấy được gọi là người đã chết?"
- "Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là người đã chết vì nay bà mẹ, ông cha, các người bà con ruột thịt khác không thấy người ấy nữa; và người ấy cũng không thấy bà mẹ, ông cha hay những người bà con ruột thịt khác!"

- "Này khanh, vậy Ta chưa chết, rồi có bị chết không? Phụ vương, Mẫu hậu hay những người bà con ruột thịt khác sẽ không thấy Ta chăng, và Ta sẽ không thấy Phụ vương, Mẫu hậu hay những bà con ruột thịt chăng?"
- "Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta tuy nay chưa chết nhưng rồi sẽ cũng bị chết. Phụ vương, Mẫu hậu hay các người bà con ruột thịt khác sẽ không thấy Hoàng Tử, và Hoàng tử sẽ không thấy Phụ vương, Mẫu hậu hay các người bà con ruột thịt khác".
- "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung".
- "Thưa vâng, Hoàng tử".

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng lời hoàng tử, cho đánh xe trở về cung. Này các Tỷ-kheo, **hoàng tử Vipassì về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: "Sĩ nhục thay cái gọi là sanh! Và ai sanh ra cũng phải già, cũng phải bệnh, cũng phải chết như vậy!"**.

11. Này các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà cho gọi người đánh xe và hỏi: "Này khanh, Hoàng tử có vui vẻ không, tại vườn ngự uyển? Hoàng tử có hoan hỷ

không, tại vườn ngự uyển?" - "Tâu Đại vương, Hoàng tử không có vui vẻ tại vườn ngự uyển. Hoàng tử không có hoan hỷ tại vườn ngự uyển". - "Này khanh đi đến vườn ngự uyển, Hoàng tử đã thấy gì?" - "Tâu Đại vương, Hoàng tử trong khi đang đi đến vườn ngự uyển, thấy một số đông người, mặc sắc phục khác nhau và đang dựng một dàn hỏa táng. Thấy vậy Hoàng tử hỏi con: "Này khanh, vì sao đám đông người ấy, mặc sắc phục khác nhau và đang dựng một dàn hỏa táng?" - "Tâu Hoàng tử, vì có một người mới mệnh chung". - "Này khanh, vậy người hãy đánh xe lại gần người vừa mới mệnh chung". - "Thưa vâng, tâu Hoàng tử". Con vâng theo lời Hoàng tử, cho đánh xe đến gần người vừa mới mệnh chung. Khi thấy thân chết, Hoàng tử hỏi con: "Này khanh, sao người ấy được gọi là người đã chết?" - "Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là người đã chết, vì nay bà mẹ, ông cha hay những bà con ruột thịt khác không thấy người ấy nữa! Và người ấy cũng không thấy bà mẹ, ông cha hay những người bà con ruột thịt khác". - "Này khanh, vậy Ta chưa chết rồi có bị chết không? Phụ vương, Mẫu hậu hay những người bà con ruột thịt khác sẽ không thấy Ta chăng? Và Ta sẽ không thấy Phụ vương, Mẫu hậu hay những người bà con ruột thịt khác chăng?" - "Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta tuy nay chưa chết nhưng rồi cũng sẽ bị chết. Phụ vương, Mẫu hậu hay những

người bà con ruột thịt khác sẽ không thấy hoàng tử, và hoàng tử sẽ không thấy Phụ vương, Mẫu hậu hay các người bà con ruột thịt khác" - "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung". - "Thưa vâng, Hoàng tử". Con vâng theo lời hoàng tử Vipassì cho đánh xe trở về cung. Hoàng tử về trong cung đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: "Sỉ nhục thay cái gọi là sanh! Và ai sanh ra cũng phải già, cũng phải bệnh, cũng phải chết như vậy!".

12. Nay các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà suy nghĩ: "Không thể để cho hoàng tử Vipassì từ chối không trị vì! Không thể để cho hoàng tử Vipassì xuất gia. Không thể để cho lời các vị Bà-la-môn đoán tướng trở thành sự thật".

- Này các Tỷ-kheo, rồi vua Bandhumà lại sắp đặt cho hoàng tử Vipassì đầy đủ năm món dục lạc nhiều hơn nữa, để hoàng tử Vipassì có thể trị vì, để hoàng tử Vipassì không thể xuất gia, để cho lời các vị Bà-la-môn đoán tướng không đúng sự thật. Và này các Tỷ-kheo, Hoàng tử Vipassì sống tận hưởng, đầy đủ, sung túc năm món dục lạc.

13. Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì, sau thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm cho gọi

người đánh xe: "Này khanh, hãy cho thắng các cỗ xe thù thắng, chúng ta sẽ đi đến vườn ngự uyển để xem phong cảnh". - "Thưa vâng, Hoàng tử".

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng lời hoàng tử Vipassì, cho thắng các cỗ xe thù thắng rồi bạch hoàng tử Vipassì: "Tâu Hoàng tử, các cỗ xe thù thắng đã thắng xong. Hãy làm những gì Hoàng tử xem là hợp thời".

Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ hoàng tử Vipassì leo lên cỗ xe thù thắng và cùng với các cỗ xe thù thắng khác, tiến đến vườn ngự uyển.

14. Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì trên đường đi đến ngự uyển thấy một vị xuất gia, đầu trơn, đắp áo cà sa. Thấy vậy, hoàng tử hỏi người đánh xe:

- "Này khanh, người này đã làm gì, mà đầu người ấy lại khác đầu của những người khác, và áo của người ấy cũng khác áo của những người khác?"
- "Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là người xuất gia!"
- "Này khanh, sao người ấy được gọi là người xuất gia?"

- "Tâu Hoàng tử, xuất gia nghĩa là khéo tu phạm hạnh, khéo tu tịnh hạnh, khéo hành thiện nghiệp, khéo hành công đức nghiệp, khéo giữ không hại chúng sanh, khéo có lòng từ đối với chúng sanh!"
- "Này khanh, hãy đánh xe đến gần vị xuất gia".
- "Thưa vâng, Hoàng tử".

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng theo lời hoàng tử Vipassì, đánh xe đến gần người xuất gia. Này các Tỷ-kheo, rồi hoàng tử Vipassì hỏi vị xuất gia:

- "Thưa Hiền giả, Ngài đã làm gì, mà đầu của Ngài không giống những người khác, và áo của Ngài không giống các người khác?"
- "Thưa Hoàng tử, tôi là một người xuất gia!"
- "Thưa Hiền giả, thế nào gọi là người xuất gia?"
- "Thưa Hoàng tử, tôi là người được gọi là xuất gia, vì tôi khéo tu phạm hạnh, khéo tu tịnh hạnh, khéo hành thiện nghiệp, khéo hành công đức nghiệp, khéo giữ không hại chúng sanh, khéo có lòng từ đối với chúng sanh".
- "Thưa Hiền giả, lành thay hạnh xuất gia của

Ngài, lành thay khéo tu phạm hạnh, khéo tu tịnh hạnh, khéo hành thiện nghiệp, khéo hành công đức nghiệp, khéo giữ không hại chúng sanh, khéo có lòng từ đối với chúng sanh".

15. Này các Tỷ-kheo, rồi hoàng tử Vipassì bảo người đánh xe:

- "Này khanh, hãy lấy xe này và cho đánh xe về cung. Còn Ta ở nơi đây, sẽ cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình".

- "Thưa vâng, Hoàng tử".

Người đánh xe vâng lời hoàng tử Vipassì lấy xe và đánh xe về cung. Còn hoàng tử Vipassì, chính tại chỗ ấy, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

16. Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ, tại kinh đô Bandhumatì có một đại chúng tám vạn bốn ngàn người nghe tin: "*Hoàng tử Vipassì đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình*". Khi nghe tin, các vị ấy suy nghĩ: "*Pháp luật như vậy không phải tầm thường, xuất gia như vậy không phải tầm thường, vì hoàng tử Vipassì trong pháp luật ấy đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất*

gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình". Nay hoàng tử Vipassì đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình tại sao chúng ta lại không?"

Này các Tỷ-kheo, rồi đại chúng tám vạn bốn ngàn người ấy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, dưới sự lãnh đạo của Bồ-tát Vipassì. Rồi Bồ-tát Vipassì cùng với đồ chúng, du hành, đi ngang qua những làng, thị xã và đô thị.

17. Này các Tỷ-kheo, *trong khi yên lặng tịnh cư, Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Sao Ta lại sống bị bao vây bởi đồ chúng này. Tốt hơn là Ta sống một mình, lánh xa đồ chúng này!"*

Này các Tỷ-kheo, sau một thời gian Bồ-tát Vipassì sống một mình, lánh xa đồ chúng, tám vạn bốn ngàn vị xuất gia này đi một ngả, Bồ-tát Vipassì đi một ngả.

18. Này các Tỷ-kheo, *trong khi yên lặng tịnh cư tại chỗ thanh vắng, Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Thế giới này thật rơi vào cảnh khổ não, phải sanh rồi già, rồi chết, rồi từ bỏ thế giới này để tái sanh thế giới khác. Không một ai biết một con đường giải thoát khỏi sự đau khổ này, thoát khỏi già và chết".*

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ:
"Cái gì có mặt, già chết mới có mặt? Do duyên gì, già chết sanh?". Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, **sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây**: "Do **sanh** có mặt, nên già, chết có mặt. Do duyên sanh, nên già chết sanh".

- Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ:
"Cái gì có mặt, sanh mới có mặt? Do duyên gì, sanh phát khởi?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, **sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sanh minh kiến sau đây**: "Do **hữu** có mặt nên sanh mới có mặt. Do duyên hữu, nên sanh phát khởi".
- Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ:
"Cái gì có mặt, hữu mới có mặt? Do duyên gì, hữu phát sanh?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **thủ** có mặt nên hữu mới có mặt. Do duyên thủ, hữu phát sanh".
- Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ:
"Cái gì có mặt, thủ mới có mặt? Do duyên gì, thủ phát sanh?". Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **ái** có mặt, thủ mới phát sanh".

- Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, ái mới có mặt. Do duyên gì, ái phát sanh?" Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **thọ** có mặt, ái mới có mặt. Do duyên thọ, ái phát sanh".
- Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, thọ mới có mặt. Do duyên gì, thọ mới phát sanh?" Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **xúc** có mặt, thọ mới có mặt. Do duyên xúc, thọ mới phát sanh".
- Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, xúc mới có mặt. Do duyên gì, xúc mới phát sanh?" Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **lục nhập** có mặt, xúc mới có mặt. Do duyên lục nhập, xúc mới phát sanh".
- Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, lục nhập mới có mặt. Do duyên gì, lục nhập mới phát sanh?" Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ pháp sanh minh kiến sau đây: "Do **danh**

sắc có mặt, lục nhập mới có mặt. Do duyên danh sắc, lục nhập mới phát sanh".

- Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, danh sắc mới có mặt? Do duyên gì, danh sắc mới phát sanh?" Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ pháp sanh minh kiến sau đây: "Do **thức** có mặt, danh sắc có mới có mặt. Do duyên thức, danh sắc mới phát sanh".
- Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, thức mới có mặt. Do duyên gì, thức mới phát sanh?" Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ pháp sanh minh kiến sau đây: "Do **danh sắc** có mặt, thức mới có mặt. Do duyên danh sắc, thức mới phát sanh".

19. Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ như sau: **"Thức này xoay trở lui lại, từ nơi danh sắc, không vượt khỏi danh sắc. Chỉ như thế này, con người được sanh ra hay trở thành già, hay bị chết, hay từ biệt cõi này, hay sanh lại ở cõi khác, nghĩa là do duyên danh sắc, thức sanh; do duyên thức, danh sắc sanh; do duyên danh sắc, lục nhập sanh; do duyên lục nhập, xúc sanh; do duyên xúc, thọ sanh; do duyên thọ, ái sanh; do duyên ái, thủ**

sanh; do duyên thủ, hữu sanh; do duyên hữu, sanh sanh; do duyên sanh, lão, tử, sầu bi, khổ ưu não sanh. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này".

→ "Tập khởi, tập khởi". Nay các Tỷ-kheo, từ nơi Bồ-tát Vipassì, khởi sanh pháp nhân từ trước chưa từng được nghe, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, ánh sáng sanh.

20. Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: **"Do cái gì không có mặt, già chết không có mặt? Cái gì diệt, già chết diệt?"** Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, **sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây:** "Do **sanh** không có mặt, già chết không có mặt, do sanh diệt, già chết diệt".

Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, sanh không có mặt? Cái gì diệt, sanh diệt?" Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, **sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây:** "Do **hữu** không có mặt, sanh không có mặt, do hữu diệt, sanh diệt".

Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, hữu không có mặt? Cái gì diệt, hữu diệt?". Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến

sau đây: "Do **thủ** không có mặt, hữu không có mặt, do thủ diệt, hữu diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, thủ không có mặt? Cái gì diệt, thủ diệt?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **ái** không có mặt, thủ không có mặt, do ái diệt, thủ diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, ái không có mặt? Cái gì diệt, ái diệt?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **tho** không có mặt, ái không có mặt, do thọ diệt, ái diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, thọ không có mặt? Cái gì diệt, thọ diệt?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **xúc** không có mặt, thọ không có mặt, do xúc diệt, thọ diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, xúc không có mặt? Cái gì diệt, xúc diệt?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến

sau đây: "Do **lục nhập** không có mặt, xúc không có mặt, do lục nhập diệt, xúc diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì có mặt, lục nhập không có mặt? Cái gì diệt, lục nhập diệt". Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **đanh sắc** không có mặt, lục nhập không có mặt, do đanh sắc diệt, lục nhập diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, đanh sắc không có mặt? Cái gì diệt đanh sắc diệt?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ pháp sanh minh kiến sau đây: "Do **thức** không có mặt, đanh sắc không có mặt, do thức diệt, đanh sắc diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì không có mặt, thức không có mặt? Do cái gì diệt, thức diệt?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ pháp sanh minh kiến sau đây: "Do **đanh sắc** không có mặt, thức không có mặt, do đanh sắc diệt, thức diệt".

21. Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "**Ôi, Ta đã chứng được con đường đưa đến Bồ-đề, nhờ pháp tu quán. Nghĩa là, do đanh sắc diệt, thức diệt; do thức diệt, đanh sắc diệt; do đanh sắc**

diệt, lục nhập diệt; do lục nhập diệt, xúc diệt; do xúc diệt, thọ diệt, do thọ diệt, ái diệt; do ái diệt, thủ diệt; do thủ diệt, hữu diệt; do hữu diệt, sanh diệt; do sanh diệt, già, chết, ưu, bi, khổ, sầu, não diệt. Như vậy, toàn bộ khổ uẩn diệt".

→ "Diệt, diệt". Nay các Tỷ-kheo, từ nơi Bồ-tát Vipassì, khởi sanh pháp nhãn từ trước chưa từng được nghe, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, ánh sáng sanh.

22. Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, **sau một thời gian sống quán sự sanh diệt trong năm uẩn:**

"Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc diệt. Đây là thọ, đây là thọ tập khởi, đây là thọ diệt. Đây là tưởng, đây là tưởng tập khởi, đây là tưởng diệt. Đây là hành, đây là hành tập khởi, đây là hành diệt! Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức diệt".

Và đối với Ngài, sau khi **sống quán pháp sanh diệt trong năm thủ uẩn**, chẳng bao lâu các lậu hoặc được tiêu trừ và Ngài được giải thoát.

III.

1. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác liền suy nghĩ: "Nay Ta hãy thuyết pháp".

Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác suy nghĩ: "Pháp này do Ta chứng được, thật là sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, cao thượng, siêu lý luận, vi diệu, chỉ người trí mới hiểu thấu. Còn quần chúng này thì ưu ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục. Đối với quần chúng ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục, thật khó mà thấy được định lý ida-paccayata paticca samuppàda: **Y tánh duyên khởi pháp**; thật khó mà thấy được định lý tất cả hành là tịch tịnh, tất cả sanh y được trừ bỏ, ái được đoạn tận, ly dục, ái diệt, Niết-bàn. Nếu nay Ta thuyết pháp mà các người khác không hiểu Ta, thời như vậy thật khổ não cho Ta!"

2. Này các Tỷ-kheo, với Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, những bài kệ bất khả tư nghì, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên:

Sao nay Ta lại nói lên chánh pháp mà Ta đã chứng ngộ rất khó khăn.

Pháp này khó mà chứng ngộ với những ai bị tham sân chi phối.

Những ai bị ái nhiễm và vô minh bao phủ rất khó thấy pháp này.

Một pháp đi ngược dòng, vi diệu, thâm sâu, khó thấy, vi tế.

Này các Tỷ-kheo, với những lời như vậy, suy tư trên vấn đề, tâm của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, **hướng về vô vi, thụ động, không muốn thuyết pháp**. Khi bấy giờ, một trong các vị Đại Phạm thiên, khi biết được tư tưởng của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, nhờ tư tưởng của mình, liền suy nghĩ: **"Than ôi, thế giới sẽ bị tiêu diệt, thế giới sẽ bị hoại vong, nếu tâm của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, hướng về vô vi, thụ động, không muốn thuyết pháp!"**

3. Này các Tỷ-kheo, vị Đại Phạm thiên ấy, như một nhà lực sĩ đuổi thẳng cánh tay đã co lại, hay co lại cánh tay đuổi thẳng, cũng vậy vị ấy biến mất từ thế giới Phạm thiên và hiện ra trước mặt Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Này các Tỷ-kheo, rồi vị Đại Phạm thiên đáp thượng y trên một bên vai, quỳ đầu gối bên phải trên mặt đất, chấp tay hướng về Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác và bạch rằng: **"Bach Thế Tôn, hãy thuyết pháp! Bạch Thiên Thê, hãy thuyết pháp! Có những chúng sanh ít bị bụi trần che phủ sẽ bị nguy hại nếu không được nghe chánh pháp. (Nếu được nghe), những vị này có thể thâm hiểu chánh pháp".**

4. Này các Tỷ-kheo, được nghe nói vậy, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nói với vị

Đại Phạm thiên: "Này Phạm thiên, Ta đã suy nghĩ như sau: "Pháp này do Ta chứng được, thật là sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, cao thượng, siêu lý luận, vi diệu, chỉ có người trí mới hiểu thấu. Còn quần chúng này thì ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục. Đối với quần chúng ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục, thật khó mà thấy được định lý y tánh duyên khởi pháp; thật khó mà thấy được định lý tất cả hành là tịch tịnh, tất cả sanh y được trừ bỏ, ái được đoạn tận, ly dục, ái diệt, Niết-bàn. Nếu nay Ta thuyết pháp mà các người khác không hiểu Ta, thời như vậy thật mệt mỏi cho Ta, thời như vậy thật khổ não cho Ta". Này Phạm thiên, khi ấy những bài kệ bất khả tư nghì, từ trước chưa từng nghe khởi lên nơi Ta:

Sao nay Ta lại nói lên chánh pháp mà Ta đã chứng ngộ rất khó khăn?

Pháp này khó mà chứng ngộ với những ai bị tham sân chi phối.

Những ai bị ái nhiễm và vô minh bao phủ rất khó mà thấy được pháp này.

Một pháp đi ngược dòng, vi diệu, thâm sâu, khó thấy, vi tế.

Này Phạm thiên, với những lời như vậy, suy tư trên vấn đề, tâm của Ta hướng về vô vi thụ động,

không muốn thuyết pháp.

5. Này các Tỷ-kheo, lần thứ hai vị Đại Phạm thiên ấy... (như trên)...

6. Này các Tỷ-kheo, lần thứ ba, vị Đại Phạm thiên ấy bạch Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác: "Bạch Thế Tôn, hãy thuyết pháp! Bạch Thiện Thệ, hãy thuyết pháp! Có những chúng sanh ít bị bụi trần che phủ sẽ bị nguy hại nếu không được nghe chánh pháp, những vị này có thể thâm hiểu chánh pháp!"

Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác biết được lời khuyên thỉnh của vị Phạm Thiên, vì lòng từ bi đối với chúng sanh, nhìn đời với Phật nhãn. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nhìn đời với Phật nhãn, thấy có hạng chúng sanh nhiễm ít bụi đời, nhiễm nhiều bụi đời, có hạng lợi căn độn căn, có hạng tánh thuận tánh nghịch, có hạng dễ dạy khó dạy, và một số ít thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác và sự nguy hiểm của những hành động lỗi lầm.

Như trong hồ sen xanh, sen hồng hay sen trắng, có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, không

vượt lên khỏi mặt nước, được nuôi dưỡng dưới nước; có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước lớn lên dưới nước, sống vươn lên tới mặt nước, có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước lớn lên dưới nước vươn lên khỏi mặt nước, không bị nước làm đắm ướt. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, nhìn quanh thế giới với Phật nhãn. Ngài thấy có hạng chúng sanh nhiễm ít bụi đời, nhiễm nhiều bụi đời, có hạng lợi căn độn căn, có hạng tánh thuận tánh nghịch, có hạng dễ dạy khó dạy, một số ít thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác và sự nguy hiểm của những hành động lỗi lầm.

7. Rồi vị Đại Phạm thiên, với tâm mình biết được tâm tư của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, liền nói với Ngài, bài kệ sau đây:

Như con người đứng trên đỉnh núi nhìn quanh dân chúng phía dưới.

Cũng vậy Ngài Sumedha lên lầu chánh pháp, bậc biến nhãn, thoát ly sáu muộn.

Nhìn xuống quần chúng, âu lo sáu muộn bị sanh già áp bức.

Hãy đứng lên, bậc anh hùng, bậc chiến thắng

ở chiến trường!

Vị trưởng đoàn lễ khách, đáng thoát ly mọi nợ nần!

Thế Tôn hãy đi khắp thế giới hoằng dương chánh pháp.

Có người nhờ được nghe, sẽ thâm hiểu diệu nghĩa!

Này các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trả lời vị Đại Phạm thiên với bài kệ sau đây:

Cửa bất diệt đã được mở rộng,

Hỡi những ai được nghe, hãy từ bỏ tà kiến của mình.

Vì nghĩ đến mệt mỏi hoài công, này Phạm Thiên.

Ta không muốn giảng Chánh pháp vì diệu cho loài người!

Này các Tỷ-kheo, rồi vị Đại Phạm thiên với ý nghĩ: "Ta đã là người mở đường cho Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuyết pháp", rồi đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài và biến mất tại chỗ.

8. Nay các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác suy nghĩ: *"Ta thuyết pháp cho ai trước tiên? Ai sẽ mau hiểu chánh pháp này?"*

Nay các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác suy nghĩ: "Nay vương tử Khanda (Kiến-trà) và con vương sư Tissa (Đề-xá) trú ở kinh đô Bandhumatì (Bàn-đầu-bà-đề) là bậc tri thức đa văn, sáng suốt, đã từ lâu sống ít nhiễm ô bởi bụi đời. Nay ta hãy thuyết pháp cho vương tử Khanda và con vương sư Tissa trước tiên, hai vị này sẽ sớm thâm hiểu chánh pháp này".

Rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác như một nhà lực sĩ đuổi thẳng cánh tay đã co lại, hay co lại cánh tay đuổi thẳng, biến mất từ cây Bồ đề, hiện ra tại vườn Lộc Uyển Khenma, kinh đô Bhadhumatì.

9. Nay các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác gọi người giữ vườn:

- "Này bạn, hãy vào kinh đô Bandhumatì, nhắn với vương tử Khanda và con vương sư Tissa rằng Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã đến kinh đô Bandhumatì, hiện trú ở Lộc Uyển Khema và muốn gặp hai vị!"

- "Thưa vâng, bạch Thế Tôn".

Này các Tỷ-kheo, người giữ vườn vâng theo lời dạy của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vào kinh đô Bandhumatì và thưa với vương tử Khanda và con vương sư Tissa: "Thưa quý vị, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã đến kinh đô Bandhumatì và hiện ở Lộc Uyển Khema. Ngài muốn gặp quý vị!"

10. Này các Tỷ-kheo, Vương tử Khanda và con vương sư Tissa cho thắt những cỗ xe thù thắng, tự mình leo lên một cỗ xe thù thắng rồi cùng với các cỗ xe thù thắng khác, cho xe ra khỏi kinh thành Bandhumatì, đi đến Lộc Uyển Khema, đi xe cho đến chỗ còn đi xe được, rồi xuống xe đi bộ đến trước Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Khi đến nơi, hai vị này đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

11. Rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuần thục thuyết pháp, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục vọng, và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết được tâm trí của hai vị này đã thuần thục, nhu thuận, thoát ly triền cái, cao thượng và an tịnh, Ngài bèn thuyết pháp thoại

mà được chư Phật đề cao, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như tấm vải thuần tịnh không có tỳ vết, rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy, vương tử Khanda và con vương sư Tissa, chính tại chỗ ngồi này chúng được Pháp nhãn xa trần ly cấu: **"Phàm pháp gì đã sanh rồi cũng phải diệt"**.

12. Hai vị này đã thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự, diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ người khác đối với đạo pháp của đức Bôn Sư, liền bạch Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác:

"Thật di diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Bạch Thế Tôn, nay chúng con quy y Thế Tôn và quy y Pháp. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được xuất gia với Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được thọ đại giới".

13. Nay các Tỷ-kheo, vương tử Khanda và con vương sư Tissa được xuất gia với Thế Tôn Vipassì,

bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, được thọ đại giới. Rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng dạy hai vị này, khuyến khích làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, nêu rõ sự nguy hiểm, sự ha liệt, sự nhiễm ô của các pháp hữu vi và sự lợi ích của Niết-bàn. Và hai vị nay nhờ Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng dạy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, **không bao lâu tâm trí không còn chấp thủ, được giải thoát khỏi các lậu hoặc.**

14. Nay các Tỷ-kheo, trong khi kinh thành Bandhumatì có đại chúng khoảng tám vạn bốn ngàn vị được nghe: "Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã đến kinh thành Bandhumatì và ở tại Lộc Uyển Khema. Vương tử Khanda và con vương sư Tissa đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình với Thế Tôn, Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác".

Khi nghe vậy, các vị này tự nghĩ: "*Chắc chắn, pháp luật này không thể tâm thường, sự xuất gia này không thể tâm thường, vì vương tử Khanda và con vương sư Tissa đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vương tử Khanda và con vương sư Tissa đã cạo bỏ râu tóc,*

đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình với Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Tại sao chúng ta lại không làm vậy?"

Này các Tỷ-kheo, rồi đại chúng ấy gồm khoảng **tám vạn bốn ngàn** vị đi ra khỏi kinh thành Bandhumatì đến Lộc Uyển Khema, chỗ Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ở, Khi đến nơi, các vị này đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

15. Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác **thuận thứ thuyết pháp**, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục vọng và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết được tâm trí của các vị này đã thuần thực, nhu thuận, thoát ly triền cái, cao thượng và an tịnh, Ngài bèn thuyết pháp thoại mà chư Phật đã đề cao, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như tám vải thuần tịnh, không có tỳ vết rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy tám vạn bốn ngàn vị này, chính tại chỗ ngồi này, chúng được pháp nhãn xa trần ly cấu: "Phàm pháp gì đã sanh rồi cũng phải diệt".

16. Những vị này đã thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ người khác đối với đạo pháp của đức Bổn Sư, liền bạch Thế Tôn

Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác: "Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn, Như người dựng đứng lại, những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, nay chúng con quy y Thế Tôn và quy y Pháp. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được xuất gia với Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được thọ đại giới!".

17. Nay các Tỷ-kheo, tám vạn bốn ngàn vị này được xuất gia với Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác, được thọ đại giới. Rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác giảng dạy những vị này, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, nêu rõ sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của các pháp hữu vi và sự lợi ích của Niết Bàn. Và những vị này, nhờ Thế Tôn Vipassì bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác giảng dạy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, không bao lâu tâm trí không còn chấp chủ, được giải thoát khỏi các lậu hoặc.

18. Nay các Tỷ-kheo, nay tám vạn bốn ngàn các vị

xuất gia từ trước, được nghe: "Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã đến kinh thành Bandhumatì, ở tại Lộc Uyển Khema và thuyết pháp". Nay các Tỷ-kheo, tám vạn bốn ngàn vị xuất gia này, đi đến Lộc Uyển Khema, chỗ Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ở. Khi đến nơi, các vị này đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

19. Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuận thứ thuyết pháp, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục vọng và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết được tâm trí của các vị này đã thuần thực, nhu thuận, thoát ly triền cái, cao thượng và an tịnh, Ngài bèn thuyết pháp thoại mà chư Phật đã đề cao, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như tám vải thuần tịnh, không có tỳ vết, rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy tám vạn bốn ngàn vị xuất gia này, chính tại chỗ ngồi này, chứng được pháp nhãn xa trần ly cấu: "Phàm pháp gì đã sanh ra rồi cũng phải diệt".

20. Những vị này đã thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ người khác đối với đạo pháp của đức Bổn Sư, liền bạch Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác: "Thật vi

diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, Bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Bạch Thế Tôn, nay chúng con quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y Tăng. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được xuất gia với Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được thọ đại giới!".

21. Nay các Tỷ-kheo, tám vạn bốn ngàn vị xuất gia với Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác được thọ đại giới. Rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng dạy những vị này, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, nêu rõ sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của các pháp hữu vi và sự lợi ích của Niết Bàn. Và những vị này nhờ Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng dạy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, không bao lâu tâm trí không còn chấp chủ, được giải thoát khỏi các lậu hoặc.

22. Nay các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ đại chúng Tỷ-kheo khoảng **sáu trăm tám mươi vạn vị** trú tại kinh đô

Bandhumatì. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, trong khi yên lặng tịnh cư đã suy nghĩ như sau: "Nay đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị trú tại kinh thành Bandhumatì. **Sao Ta lại không khuyến dạy các vị Tỷ-kheo ấy: "Này các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp,** vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Nay các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa văn đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ đời sống phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe chánh pháp sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu chánh pháp. **Cứ sáu năm,** hãy đến tại kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bốn".

23. Nay các Tỷ-kheo, một vị Đại Phạm thiên khác, với tâm tư của mình biết được tâm tư của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Như một vị lực sĩ duỗi cánh tay co lại hay co lại cánh tay đã duỗi ra, vị này biến mất ở cõi Phạm thiên và hiện ra trước mặt Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Nay các Tỷ kheo, lúc bấy giờ vị Đại Phạm thiên, đắp thượng y trên một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh

Đẳng Giác và bạch Ngài:

- "Nhu vậy là phải, bạch Thế Tôn! Nhu vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy khuyên dạy đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị ở kinh đô Bandhumati: "Này các Tỷ-kheo hãy đi cùng khắp, vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa văn đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe chánh pháp sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu chánh pháp". Bạch Thế Tôn, chúng con sẽ làm như các vị Tỷ-kheo. Sau sáu năm, các vị này đến kinh đô Bandhumati để tụng đọc giới bốn".

Này các Tỷ-kheo, Đại Phạm thiên thuyết như vậy. Sau khi nói xong, vị này đánh lễ Thế Tôn Vipassi, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, lưng bên hữu hướng về Ngài và biến mất tại chỗ.

24. Này các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassi, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vào buổi chiều xuất định

đứng dậy và nói với các vị Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, trong khi Ta yên lặng tịnh cư tại chỗ thanh vắng, ý nghĩ sau đây khởi lên: "Nay đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị trú tại kinh thành Bandhamatì. Sao Ta lại không khuyến dạy các Tỷ-kheo ấy: "Này các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa lý đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ đời sống phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe chánh pháp sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu chánh pháp. Cứ sau sáu năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumati để tụng đọc giới bốn".

25. Nay các Tỷ-kheo, một Đại Phạm thiên khác với tâm tư của mình, biết được tâm tư của Ta. Như một vị lực sĩ đuổi cánh tay đã co lại hay co lại cánh tay đã đuổi ra, vị này biến mất ở cõi Phạm thiên và hiện ra trước mắt Ta. Nay các Tỷ-kheo, vị Đại Phạm thiên, đắp thượng y trên một bên vai, chấp tay hướng đến Ta và bạch với ta: "Như vậy là phải, Bạch Thế Tôn! Như vậy là phải. Bạch Thiện Thệ! Bạch Thế

Tôn! Thế Tôn hãy khuyến dạy đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị ở kinh đô Bandhumatì: "Này các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp, vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa lý đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe chánh pháp, sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu chánh pháp. Bạch Thế Tôn, chúng con sẽ làm như các Tỷ-kheo. Sau sáu năm các vị này sẽ đến kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bốn". Này các Tỷ-kheo, vị Đại Phạm thiên thuyết như vậy. Sau khi nói xong, vị này đánh lễ Ta, lưng bên hữu hướng về Ta và biến mất tại chỗ.

26. Này các Tỷ-kheo, Ta khuyến dạy các người: "Này các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp, vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa lý đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ đời sống phạm

hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít
nhiễm bụi đời, nếu không được nghe giảng chánh
pháp sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu
chánh pháp. Cứ sau sáu năm, hãy đến tại kinh đô
Bandhumatì để tụng đọc giới bốn".

Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy, một phần lớn
trong ngày ấy đã lên đường đi khắp quốc độ.

27. Này các Tỷ-kheo, lúc bảy giờ tại Jambudīpa
(Diêm phù đề) có tám vạn bốn ngàn túc xá. **Khi một
năm vừa mãn, chư Thiên tuyên bố:** "Này Hiền giả,
một năm vừa mãn, nay còn lại năm năm. Sau năm
năm, hãy đến tại kinh đô Bandhamatì để tụng đọc
giới bốn!"

Hai năm đã mãn, chư Thiên tuyên bố: "Này Hiền giả,
hai năm vừa mãn, nay còn lại bốn năm. Sau bốn năm,
hãy đến tại kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới
bốn!"

Ba năm đã mãn, chư Thiên tuyên bố: "Này Hiền giả,
ba năm đã mãn, nay còn lại ba năm. Sau ba năm, hãy
đến tại kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bốn!"

Bốn năm đã mãn, chư Thiên tuyên bố: "Này Hiền
giả, bốn năm đã mãn, nay còn hai năm. Sau hai năm,
hãy đến kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bốn!"

Năm năm đã mãn, chư Thiên tuyên bố: "Này Hiền giả, năm năm đã mãn, nay còn lại một năm. Sau một năm, hãy đến tại đô Bandhumati để tụng đọc giới bốn!"

Sáu năm đã mãn, chư Thiên tuyên bố: "Này Hiền giả, sáu năm đã mãn. Nay đã đến ngày đi đến kinh đô Bandhumati để tụng đọc giới bốn".

Này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy, một số vị với thần lực của mình, một số với thần lực của chư Thiên trong ngày ấy đã đi đến kinh đô Bandhumati để tụng đọc giới bốn.

28. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, giữa chúng Tỷ-kheo, tụng đọc giới bốn này:

"Chư Phật dạy Niết-bàn là đệ nhất.

"Nhẫn nhục, khổ hạnh, kham nhẫn, là đệ nhất.

"Người xuất gia hại người xuất gia khác.

"Hại người khác như vậy không xứng gọi là Sa-môn.

"Mọi điều ác không làm, hướng tâm các thiện nghiệp.

"Giữ tâm trí thanh tịnh, chính lời chư Phật dạy.

"Không chỉ trích, không đánh đập, giữ mình trong giới bổn.

"Ăn uống có tiết độ, ngủ nghỉ riêng một mình.

"Hướng tâm đến cao khiết, chính lời chư Phật dạy".

29. Nay các Tỷ-kheo, một thời ta ở tại Ukkhattha (Úc-Già La), trong rừng Subhaga, dưới gốc cây ta-la vương. Nay các Tỷ-kheo, trong khi Ta an lặng tĩnh cư, tư tưởng sau đây khởi lên: "Có một trú xứ, một loại chúng sanh rất dễ đến mà Ta từ trước không đến ở trong một thời gian khá lâu! Đó là chư Thiên **Suddhàvāsa (Tịnh Cư thiên)**. Vậy nay Ta hãy đến chư Thiên ở **Tịnh Cư thiên!**".

Này các Tỷ-kheo, như một lực sĩ duỗi cánh tay đã co lại, hay co lại cánh tay đã duỗi ra, Ta biến mất ở Ukkattha, trong rừng Subhaga, dưới gốc cây Ta-La vương và hiện ra trước chư Thiên ở Tịnh Cư thiên. Trong đại chúng chư Thiên ấy một số vài ngàn chư Thiên đến chỗ Ta ở, đánh lễ Ta và đứng một bên, chư Thiên ấy đã nói với Ta như sau:

- "Này Hiền giả, nay đã được chín mươi một kiếp, từ khi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác sanh, thuộc chủng tánh Sát Đế Ly. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondanna (Câu-Ly-Nhã). Này Hiền giả, trong thời Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây Pàtali (Ba-ba-la). Này Hiền giả, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Khanda (Kiền-trà) và Tissa (Đề-xá). Này Hiền giả, trong thời Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội, một Tăng hội sáu trăm tám mươi vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội mười vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, có vị thị giả Tỷ-kheo tên Asoka (A-dục), vị này là vị thị giả đệ nhất. Này Hiền giả, phụ vương Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tên là Bandhuma, mẫu hậu tên là Bandhumatì (Bàn-đầu-bà-đề). Kinh thành của vua Bandhuma tên là Bandhumatì. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất thế tục như thế này, xuất gia như thế

này, tinh tấn như thế này, giác ngộ như thế này, chuyển pháp luân như thế này. Này Hiền giả, **chúng con là những người đã tu phạm hạnh với Thế Tôn Vipassì**, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã diệt trừ dục vọng và đã sanh ra tại chỗ này".

30. Này các Tỷ-kheo, lại trong đại chúng chư Thiên ấy, một số vài ngàn chư Thiên...

... một số vài trăm chư Thiên đến chỗ Ta ở, đánh lễ Ta và đứng một bên. Này các Tỷ-kheo, sau khi đứng một bên, chư Thiên ấy đã nói với Ta:

- "Này Hiền giả, trong hiện kiếp này, Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nay ra đời. Này Hiền giả, Thế Tôn, thuộc chủng tánh Sát-đế-ly, thuộc gia tộc Sát-đế-ly. Này Hiền giả, Thế Tôn thuộc **danh tánh Gotama (Cù-đàm)**. Này Hiền giả, Thế Tôn tuổi thọ không bao nhiêu, ít ỏi, tuổi thọ loài người khoảng một trăm năm hay hơn một chút. Này Hiền giả, Thế Tôn giác ngộ dưới gốc cây assattha (bát-đa-la). Này Hiền giả, Thế Tôn có hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử tên là Sàriputta và Moggallàna (Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên). Này Hiền giả, Thế Tôn có một Tăng hội một ngàn hai trăm năm mươi

vị. Nay Hiền giả, Tăng hội này của Thế Tôn gồm toàn những vị đã diệt trừ lậu hoặc. Nay Hiền giả, Thế Tôn có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Ànanda (A-nan), vị này là thị giả đệ nhất. Nay Hiền giả, phụ vương của Thế Tôn tên là Suddhodana (Tịnh Phạn), Hoàng hậu là Màya (Ma-gia) kinh đô là Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ). Nay Hiền giả, Thế Tôn xuất thế tục như thế này, xuất gia như thế này, tinh tấn như thế này, giác ngộ như thế này, chuyển pháp luân như thế này. Nay Hiền giả, **chúng tôi là những người đã tu phạm hạnh với Thế Tôn**, đã diệt trừ dục vọng và đã sanh ra tại chỗ này".

31. Nay các Tỷ-kheo, rồi Ta cùng với **chư Thiên Avihà (Vô Nhiệt thiên)** đến **chư Thiên Atappà (Vô Phiền thiên)**. Nay các Tỷ-kheo, rồi cùng với chư Thiên Avihà và chư Thiên Atappà đến **chư Thiên Sudassà (Thiện Kiến thiên)**. Nay các Tỷ-kheo, rồi Ta cùng với chư Thiên Avihà, chư Thiên Atappà và chư Thiên Sudassà đến **chư Thiên Sudassi (Thiện Hiên thiên)**.

Nay các Tỷ-kheo, rồi Ta cùng với chư Thiên Avihà, chư Thiên Atappà, chư Thiên Sudassà và chư Thiên Sudassi đến **chư Thiên Akanitthà (Sắc Cứu Kính thiên)**. Nay các Tỷ-kheo, lại trong Đại chúng chư

Thiên ấy, một số vài ngàn chư Thiên đến chỗ Ta ở, đánh lễ Ta và đứng một bên. Nay các Tỷ-kheo, sau khi đứng một bên, chư Thiên ấy đã nói với Ta như sau: "Này Hiền giả, nay đã được chín mươi một kiếp, từ khi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời... (như số 29)".

32. Nay các Tỷ-kheo, lại trong đại chúng chư Thiên ấy, một số vài ngàn chư Thiên (như trước) một số vài trăm chư Thiên đến chỗ Ta ở, đánh lễ Ta và đứng một bên. Nay các Tỷ-kheo, sau khi đứng một bên, chư Thiên ấy đã nói với Ta như sau: "Này Hiền giả, trong Hiền kiếp này đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nay ra đời... (như số 30)".

33. Nay các Tỷ-kheo, **như vậy Như Lai khéo chứng đạt pháp giới này, Như Lai nhớ chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết-bàn,** đã đoạn các chương đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn này, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy".

Thế Tôn thuyết pháp như vậy. Các vị Tỷ-kheo ấy
hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

28 Khi Bò-tát từ cõi trời Đâu suất... - Kinh ĐỘNG ĐẤT – Tăng III, 697

ĐỘNG ĐẤT – Tăng III, 697

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesàli, tại Đại Lâm, ở ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, đem theo y và bát, vào Vesàli để khát thực. Sau khi đi khát thực, ăn xong và trên đường khát thực trở về, Ngài nói với Tôn giả Ànanda:

2. - Nay Ànanda, hãy lấy tọa cụ, chúng ta sẽ đi đến Càpàla để nghỉ trưa.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ànanda vâng đáp Thế Tôn, lấy tọa cụ và đi theo sau lưng Thế Tôn.

3. Thế Tôn đi đến Càpàla, sau khi đến, Ngài ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Ànanda:

4. - Nay Ànanda, khả ái thay Vesàli! Khả ái thay đền Udena! Khả ái thay đền Gotamaka! Khả ái thay đền Bahuputtaka! Khả ái thay đền Sattamba! Khả ái thay đền Sàrandada! Khả ái thay đền Càpàla!

- *Này Ànanda, những ai đã tu tập **bốn thần túc**, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, kiên trì, tích tập, khéo thực hành, nếu muốn, này Ànanda, người ấy có thể sống một kiếp hay một phần kiếp còn lại.*
- *Này Ànanda, Như Lai đã tu tập bốn thần túc, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, kiên trì, tích tập, khéo thực hành. Này Ànanda, nếu muốn Như Lai có thể sống một kiếp hay một phần kiếp còn lại.*

Như vậy, Tôn giả Ànanda không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng của Thế Tôn, sự hiện tượng quá rõ ràng của Thế Tôn, Tôn giả không thỉnh cầu Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài người", vì tâm của Tôn giả bị Ma vương ám ảnh.

5. Lần thứ hai Thế Tôn ... lần thứ ba, Thế Tôn nói với Tôn giả Ànanda:

6. - Này Ànanda, khả ái thay Vesàli! Khả ái thay đền Udena! Khả ái thay đền Gotamaka! Khả ái thay đền Bahuputtaka! Khả ái thay đền Sattamba! Khả ái thay đền Sàrandada! Khả ái thay đền Càpàla! Này Ànanda, những ai đã tu tập bốn thần túc, làm cho

sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, kiên trì, tích tập, khéo thực hành, nếu muốn, này Ànanda, người ấy có thể sống một kiếp hay một phần kiếp còn lại. Này Ànanda, Như Lai đã tu tập bốn thần túc, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, kiên trì, tích tập, khéo thực hành. Này Ànanda, nếu muốn Như Lai có thể sống một kiếp hay một phần kiếp còn lại.

Như vậy, Tôn giả Ànanda không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng của Thế Tôn, sự hiện tượng quá rõ ràng của Thế Tôn, Tôn giả không thỉnh cầu Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài người ", vì tâm của Tôn giả bị Ma vương ám ảnh.

7. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ànanda:

- Này Ànanda, hãy đi và làm những gì Thầy nghĩ là phải thời.
- Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ànanda vâng lời Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Ngài, thân bên hữu hướng về Thế Tôn rồi ra đi, ngồi xuống một góc cây, không xa Thế Tôn.

8. Rồi Tôn giả Ànanda ra đi chưa bao lâu, Ác ma nói với Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ. Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ cho đến khi nào những Tỷ-kheo của Ta chưa trở thành những đệ tử tinh thông, có huân luyện, có tin tưởng, đạt được an ổn khỏi khổ ách, nghe nhiều, thọ trì pháp, thực hành pháp và tùy pháp, sở hành chơn chánh, hành trì theo pháp; sau khi học hỏi như bậc Sư trưởng của mình, chưa tuyên bố, thuyết giảng trình bày xác định, khai minh, phân tích, và giải thích rõ ràng chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể bác bỏ, hàng phục với chánh pháp, chưa có thể thuyết pháp thần diệu".

Bạch Thế Tôn, nay những Tỷ-kheo của Thế Tôn đã trở thành đệ tử tinh thông, có huân luyện, có tin tưởng, đạt được an ổn khỏi khổ ách, nghe nhiều, thọ trì pháp, thực hành pháp và tùy pháp, sở hành chơn chánh, hành trì theo pháp; sau khi học hỏi như bậc Sư trưởng của mình, chưa tuyên bố, thuyết giảng trình bày xác định, khai minh, phân tích, và giải thích rõ ràng chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, đã có thể bác bỏ, hàng phục với chánh pháp, có thể thuyết pháp thần diệu". Bạch Thế Tôn Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy

diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ cho đến khi nào những Tỷ-kheo của Ta chưa trở thành những đệ tử tinh thông, có huân luyện, có tin tưởng ... khi nào những nam cư sĩ của Ta chưa trở thành ..., ... khi nào những nữ cư sĩ của Ta chưa trở thành những đệ tử tinh thông, có huân luyện, có tin tưởng, đạt được an ổn khỏi khổ ách, nghe nhiều, thọ trì pháp, thực hành pháp và tùy pháp, sở hành chơn chánh, hành trì theo pháp; sau khi học hỏi như bậc Sư trưởng của mình, chưa tuyên bố, thuyết giảng trình bày xác định, khai minh, phân tích, và giải thích rõ ràng chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể bác bỏ, hàng phục với chánh pháp, chưa có thể thuyết pháp thần diệu".

Bạch Thế Tôn, nay những cư sĩ của Thế Tôn đã trở thành đệ tử tinh thông, có huân luyện, có tin tưởng, đạt được an ổn khỏi khổ ách, nghe nhiều, thọ trì pháp, thực hành pháp và tùy pháp, sở hành chơn chánh, hành trì theo pháp; sau khi học hỏi như bậc Sư trưởng của mình, chưa tuyên bố, thuyết giảng trình bày xác định, khai minh, phân tích, và giải thích rõ ràng chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, đã có thể bác bỏ, hàng phục với chánh pháp, có thể thuyết pháp thần diệu".

Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ! Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ! Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào Phạm hạnh Ta giảng dạy chưa thịnh đạt, phát triển, quảng bá, biến mãn, phổ biến, khéo thuyết giảng cho chư Thiên và loài Người".

Nay bạch Thế Tôn, Phạm hạnh Thế Tôn giảng dạy được thịnh đạt, phát triển, quảng bá, biến mãn, phổ biến, khéo thuyết giảng cho chư Thiên và loài Người. Nay Thế Tôn hãy diệt độ! Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ!

- Này Ác ma hãy yên tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ!

9. Và tại đền Càpàla, Thế Tôn chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ thọ hành (không duy trì mạng sống lâu hơn nữa). Khi Thế Tôn từ bỏ thọ hành, thời đại địa chấn động ghê rợn, tóc lông dựng ngược, sấm trời vang dậy. Lúc bấy giờ, Thế Tôn hiểu ý nghĩa sự kiện này, liền thốt ra lời cảm hứng như sau:

*Mạng sống có hạn hay vô hạn
Tu sĩ từ bỏ không kéo dài
Nội tâm an lạc, trú Thiên định*

Như thoát áo giáp tự ngã mang

10. Lúc bấy giờ, Tôn giả Ānanda suy nghĩ: "Thật là lớn, đất chấn động này. Thật là to lớn, đất chấn động này, đại địa chấn động ghê rợn, tóc lông dựng ngược và sấm trời vang dậy. Do nhân gì, do duyên gì, đại địa chấn động hiển lộ như vậy? "

Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn:

- Thật là lớn, đất chấn động này. Thật là to lớn, đất chấn động này, đại địa chấn động ghê rợn, tóc lông dựng ngược và sấm trời vang dậy. Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, đại địa chấn động hiển lộ như vậy?

11. - *Này Ānanda, có tám nhân, có tám duyên, khiến đại địa chấn động.*

Thế nào là tám?

12. Này Ānanda, đại địa này thiết lập trên nước, nước ở trên gió và gió ở trên hư không. Này Ānanda, đến thời gió lớn khởi lên, khi gió lớn thổi lên nước rung động, và khi nước rung động thì quả đất rung động.

Đó là nhân thứ nhất, duyên thứ nhất, đại địa chấn động.

13. Lại nữa, này Ànanda, có Sa-môn hay Bà-la-môn có thần thông, tâm được tự tại, hay hàng chư Thiên có đại thần thông, có đại uy lực, những vị này tu tập địa tướng có hạn, thủy tướng vô lượng, vì vậy có thể khiến quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Này Ànanda, đó là nhân thứ hai, duyên thứ hai, khiến đại địa chấn động.

14. Lại nữa, này Ànanda, *khi Bồ-tát từ bỏ thân chư Thiên Tusitā (Đâu-xuất), chánh niệm, tỉnh giác, nhập vào mẫu thai*, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Này Ànanda, đó là nhân thứ ba, duyên thứ ba, khiến đại địa chấn động.

15. Lại nữa, này Ànanda, *khi Bồ-tát, chánh niệm, tỉnh giác, ra khỏi mẫu thai*, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Này Ànanda, đó là nhân thứ tư, duyên thứ tư, khiến đại địa chấn động.

16. Lại nữa, này Ànanda, *khi Như Lai chứng ngộ Vô thượng Chánh Đẳng Giác*, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Này Ànanda, đó là nhân thứ năm, duyên thứ năm, khiến đại địa chấn động.

17. Lại nữa, này Ànanda, *khi Như Lai chuyển bánh xe Pháp*, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Này Ànanda, đó là nhân thứ sáu, duyên thứ sáu, khiến đại địa chấn động.

18. Lại nữa, này Ànanda, *khi Như Lai chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ không duy trì mạng sống (thọ hành)*; khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Này Ànanda, đó là nhân thứ bảy, duyên thứ bảy, khiến đại địa chấn động.

19. Lại nữa, này Ànanda, *khi Như Lai nhập Vô dư Niết-bàn*, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Này Ànanda, đó là nhân thứ tám, duyên thứ tám, khiến đại địa chấn động.

Này Ànanda, có tám nhân này, tám duyên này khiến đại địa chấn động.

29 Khi mắt thấy sắc, không có đẹp ý, không có phật ý, trú xả, chánh niệm tỉnh giác - Kinh VAPPA – Tăng II, 196

VAPPA – Tăng II, 196

1. Một thời, Thế Tôn ở giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu khu vườn Nigrodha. Rồi thích tử Vappa, đệ tử của Nigantha đi đến Tôn giả Mahàmoggalàna; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Mahàmoggalàna rồi ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahàmoggallàna nói với thích tử Vappa, đệ tử của Nigantha đang ngồi một bên:

*- Ở đây, này Vappa, có thể có người với **thân** chế ngự, với **lời** chế ngự, với **ý** chế ngự, **vô minh** được viễn ly, **minh** được sanh khởi. Ông có thấy người ấy, do một nhân duyên nào, các lậu hoặc khiến họ **cảm thọ đau khổ** có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai?*

- Thừa Tôn giả, con có thể thấy trường hợp ấy. Ở đây thừa Tôn giả, do ác nghiệp tạo ra về trước chưa đưa đến quả dị thực, do một nhân duyên ấy, các lậu hoặc khiến họ cảm thọ đau khổ có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai.

Và câu chuyện này giữa Tôn giả Mahàmoggallàna và Thích tử Vappa, đệ tử của Niganthà bị bỏ dở.

2. Rồi Thế Tôn vào buổi chiều từ Thiền Tĩnh đứng dậy đi đến hội trường; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Ngồi xuống, Thế Tôn nói với Tôn giả Mahàmoggallàna:

- Nay Mahàmoggallàna, câu chuyện gì được nói đến, khi các Ông ngồi tụ họp ở đây? Và câu chuyện giữa các Ông chưa được nói xong?

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con nói với Thích tử Vappa, đệ tử của Nigantha: "Ở đây, này Vappa, có thể có người với thân chế ngự, với lời chế ngự, với ý chế ngự, vô minh được viễn ly, minh được sanh khởi. Ông có thấy người ấy, do một nhân duyên nào, các lậu hoặc khiến họ cảm thọ đau khổ có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai?" Bạch Thế Tôn, khi người nói như vậy, Thích tử Vappa, đệ tử của Nigantha nói với con như sau: "Thưa Tôn giả, con có thể thấy trường hợp ấy. Ở đây thưa Tôn giả, do ác nghiệp tạo ra về trước chưa đưa đến quả dị thực, do một nhân duyên ấy, các lậu hoặc khiến họ cảm thọ đau khổ có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai!". Bạch Thế Tôn, ở đây là câu chuyện giữa Thích Tử Vappa, đệ tử của Nigantha và chúng con, câu chuyện bị bỏ dở khi Thế Tôn đến!

3. Rồi Thế Tôn nói với Thích tử Vappa, đệ tử của Nigantha:

- Nay Vappa, nếu Ông có thể chấp nhận điều Ông có thể chấp nhận, và có thể bác bỏ điều đáng được bác bỏ, và trong trường hợp Ông không có thể biết được ý nghĩa lời nói của Ta, nếu Ông hỏi ta thêm về vấn đề ấy: "Bạch Thế Tôn, lời nói này, ý nghĩa là gì?", thì có thể có cuộc nói chuyện giữa chúng ta.

- Bạch Thế Tôn, con có thể chấp nhận điều con có thể chấp nhận, và có thể bác bỏ điều đáng được bác bỏ, và trong trường hợp con không có thể biết được ý nghĩa lời nói của Thế Tôn, con sẽ hỏi Thế Tôn thêm về vấn đề ấy: "Bạch Thế Tôn, lời nói này, ý nghĩa là gì?", mong rằng ở đây có cuộc nói chuyện giữa chúng ta.

4.- Ý Ông nghĩ thế nào, này Vappa? Nếu do nhân duyên thân khởi động, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não khởi lên; với người chế ngự được thân khởi động, như vậy, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não ấy không có nơi người ấy nữa. Người ấy không làm **nghiệp** mới, còn hành động trước của người ấy, do cảm xúc thường xuyên được chấm dứt; **con đường đưa đến sự héo mòn các phiền não là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.**

Này Vappa, Ông có thấy trường hợp ấy, do nhân duyên này, các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

5. - Ý Ông nghĩ thế nào, này Vappa? **Nếu do nhân duyên lời khởi động**, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não khởi lên; với người chế ngự được lời khởi động, như vậy, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não ấy không có nơi người ấy nữa. Người ấy không làm nghiệp mới, còn hành động trước của người ấy, do cảm xúc thường xuyên được chấm dứt; con đường đưa đến sự héo mòn các phiền não là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Này Vappa, Ông có thấy trường hợp ấy, do nhân duyên này, các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

6.- Ý Ông nghĩ thế nào, này Vappa? **Nếu do nhân duyên ý khởi động**, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não khởi lên; với người chế ngự được ý khởi động, như vậy, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não ấy không có nơi người ấy nữa. Người ấy không làm nghiệp mới, **còn**

hành động trước của người ấy, do cảm xúc thường xuyên được chấm dứt; con đường đưa đến sự héo mòn các phiền não là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Này Vappa, Ông có thấy trường hợp ấy, do nhân duyên này, các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

7.- Ý Ông nghĩ thế nào, này Vappa? Đối với các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não ấy ***do duyên vô minh khởi lên,*** vô minh được ly tham, minh được khởi lên, như vậy, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não ấy không có với người ấy nữa. Người ấy không làm nghiệp mới, còn hành động trước của người ấy, ***do cảm xúc thường xuyên được chấm dứt; con đường đưa đến sự héo mòn các phiền não là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.***

Này Vappa, Ông có thấy trường hợp ấy, do nhân duyên này, các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

8.- Như vậy, này Vappa, với vị Tỷ-kheo có tâm được chơn chánh giải thoát, sáu an trú thường hằng được chứng đắc. Vị ấy, khi mắt thấy sắc, không có ý đẹp, không có phật ý, trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Khi tai nghe tiếng..., khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc ... khi ý thức tri pháp, không có ý đẹp, không có phật ý, trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân, vị ấy quán tri: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân". Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng, vị ấy quán tri: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng". Vị ấy quán tri: "Sau khi thân hoại mạng chung, ở đây tất cả các cảm thọ không còn có hỷ lạc, sẽ trở thành vắng lạnh".

9. Ví như, này Vappa, duyên một thân cây, bóng cây hiện ra. Rồi có người đến cầm các cuốc và cái giỏ, chặt thân cây ấy ở nơi rễ. Sau khi chặt ở nơi rễ, người ấy đào cái mương. Sau khi đào cái mương, người ấy nhổ lên các rễ lớn cho đến các rễ con và rễ phụ. Rồi người ấy chặt cây ấy thành từng khúc, người ấy bửa. Sau khi bửa, người ấy chẻ thành từng miếng nhỏ. Sau khi chẻ thành từng miếng nhỏ, người ấy phơi giữa gió và nắng, người ấy lấy lửa đốt. Sau khi lấy lửa đốt, người ấy vun thành đống tro. Sau khi người ấy vun thành đống tro, người ấy sàng tro giữa gió lớn, hay để tro ấy vào dòng nước mạnh cho nước

cuốn đi. Như vậy, này Vappa, do duyên thân cây nên có bóng cây. Bóng cây ấy, rễ bị chắm đứt, làm thành như thân cây tala, làm cho không thể tái sanh trong tương lai, không thể sống lại được.

Cũng vậy, này Vappa, vị Tỷ-kheo có tâm được chơn chánh giải thoát, sáu an trú thường hằng được chứng đắc. Vị ấy, khi mắt thấy sắc, không có ý đẹp, không có phật ý, trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Khi tai nghe tiếng..., khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc ... khi ý thức tri pháp, không có ý đẹp, không có phật ý, trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân, vị ấy biết: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân". Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng, vị ấy biết: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng". Vị ấy biết: "Sau khi thân hoại mạng chung, ở đây tất cả các cảm thọ không còn hỷ lạc, sẽ trở thành vắng lạnh".

10. Khi được nói như vậy, Thích tử Vappa, đệ tử của Nigantha bạch Thế Tôn:

- Ví như, bạch Thế Tôn, một người mong ước được tài sản, lo nuôi dưỡng tài sản của mình, nhưng không được tăng trưởng gì, trái lại chỉ được mệt nhọc và dự phần vào phiền muộn. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, con cầu mong được lợi ích khi con hầu hạ kẻ ngu

Nigantha này. Con đã không được lợi ích gì, trái lại con chỉ được mệt nhọc và dự phần vào phiền muộn. Bắt đầu từ hôm này, bạch Thế Tôn, với lòng tin gì con đã có với kẻ ngu Nigantha, con sẽ sàng lòng tin ấy giữa gió lớn, hay để lòng tin ấy vào dòng nước lạnh cho nước cuốn đi.

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

30 Khi mắt thấy sắc, không ưa thích - Kinh ĐÁNG ĐƯỢC CUNG KÍNH 1 – Tăng III, 9

ĐÁNG ĐƯỢC CUNG KÍNH 1 – *Tăng III, 9*

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại khu vườn ông Anàthapindika. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". - "Thưa vâng, bạch Thế Tôn".

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau:

2. - Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời. Thế nào là sáu?

3. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi **mắt** thấy sắc, không có ưa thích, không có ghét bỏ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác; khi **tai** nghe tiếng... khi **mũi** ngửi hương... khi **lưỡi** nếm vị... khi **thân** cảm xúc... khi **ý** biết pháp, không có ưa thích, không có ghét bỏ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng

được cúng dường, đáng được chấp tay, là vô thượng
phước điền ở đời.

Thế Tôn thuyết như vậy. Các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ,
tín thọ lời Thế Tôn dạy.

31 Khi mắt thấy sắc, tư tưởng hướng về và đến gần sắc - Kinh SỞ Y XỨ – Tăng I, 310

SỞ Y XỨ – Tăng I, 310

1. *Này các Tỷ-kheo, có ba y xứ này của ngoại đạo, dầu có bị các bậc Hiền giả cật vấn, nạn vấn lý do, thảo luận, vẫn kiên trì trong quan điểm truyền thống về vô vi (không hành động).*

Thế nào là ba?

- Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn thuyết như sau, chấp kiến như sau: "*Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do nhân nghiệp quá khứ*".
- Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, thuyết pháp như sau, chấp kiến như sau: "*Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do nhân một tạo hóa tạo ra*".
- Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, thuyết pháp như sau, chấp kiến như sau: "*Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ*

hay không khổ, không lạc, tất cả đều do không nhân, không duyên".

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn, thuyết như sau, chấp kiến như sau: *"Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do nhân nghiệp quá khứ"*. **Đối với các vị ấy, Ta đến và nói:** "Chư Tôn giả, có thật chẳng, Chư Tôn giả có thuyết như sau, chấp kiến như sau: "Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do nhân nghiệp quá khứ? "".

Được Ta hỏi Như vậy, họ trả lời: "Thưa phải, có như vậy".

*Ta nói với họ như sau: "Như vậy, thời theo các Tôn giả, do nhân **nghiệp quá khứ**, sẽ trở thành người sát sanh; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người lấy của không cho; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người không Phạm hạnh; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người nói láo; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người nói hai lưỡi; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người ác khẩu; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người nói lời phù phiếm; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người tham lam; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người tâm sân; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người theo tà kiến"*.

Nhưng này các Tỷ-kheo, với những ai trở lại dựa vào nghiệp quá khứ là lý do kiên thực, với những người ấy sẽ không có ước muốn, không có tinh tấn, không có "Đây là việc phải làm", hay "Đây là việc không nên làm". Như vậy, sự cần thiết cần phải làm hay không cần phải làm không được tìm thấy là chân thực, là đáng tin cậy, thời danh từ Sa-môn không thể áp dụng đúng pháp cho các Ông được, vì các Ông sống thất niệm và với các căn không hộ trì.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là sự chỉ trích đúng pháp thứ nhất của Ta đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn có thuyết như vậy, có chấp kiến như vậy.

3. Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn, thuyết như sau, chấp kiến như sau: "Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do nhân một tạo hóa tạo ra". Ta đến họ và nói: "Chư Tôn giả, có thật chẳng, Chư Tôn giả có thuyết như sau, có chấp kiến như sau: "Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do nhân một tạo hóa tạo ra? " ".

Được Ta hỏi vậy, họ trả lời: "Thưa phải, có như vậy".

*Ta nói với họ như sau: "Như vậy, thời theo các Tôn giả, do nhân **một vị tạo hóa** tạo ra, sẽ trở thành người sát sanh ... Do nhân một vị tạo hóa tạo ra, sẽ trở thành người theo tà kiến".*

Nhưng này các Tỷ-kheo, với những ai trở lại dựa vào vị tạo hóa tạo ra là lý do kiên thực, với những người ấy sẽ không có ước muốn, không có tinh tấn, không có "Đây là việc phải làm", hay "Đây là việc không nên làm". Như vậy, sự cần thiết cần phải làm hay không cần phải làm, không được tìm thấy là chân thực, là đáng tin cậy, thời danh từ Sa-môn không thể áp dụng đúng pháp cho các Ông được, vì các Ông sống thất niệm và với các căn không hộ trì.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là sự chỉ trích đúng pháp thứ hai của Ta đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn có thuyết như vậy, có chấp kiến như vậy.

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn, thuyết như sau, chấp kiến như sau: "Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do không nhân không duyên". Ta đến họ và nói: "Chư Tôn giả, có thật chẳng, Chư Tôn giả có thuyết như sau, có chấp kiến như sau: “ Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do không nhân, không duyên? ” ”.

Được Ta hỏi như vậy, họ trả lời: "Thưa phải, có như vậy".

Ta nói với họ như sau: "Như vậy, thời theo các Tôn giả, do không nhân không duyên, sẽ trở thành

người sát sanh ... Do không nhân không duyên, sẽ trở thành người theo tà kiến".

Nhưng này các Tỷ-kheo, với những ai trở lại dựa vào không nhân, không duyên là lý do kiên thực, với những người ấy, sẽ không có ước muốn, không có tinh tấn, không có "Đây là việc phải làm", hay "Đây là việc không phải làm". Như vậy, sự cần thiết cần phải làm hay không cần phải làm, không được tìm thấy là chân thực, là đáng tin cậy, thời danh từ Sa-môn không thể áp dụng đúng pháp cho các Ông được, vì các Ông sống thất niệm và với các căn không hộ trì.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là sự chỉ trích đúng pháp thứ ba của Ta đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn có thuyết như vậy, có chấp kiến như vậy.

Này các Tỷ-kheo, đây là ba y xứ của ngoại đạo, dù có được các bậc Tôn giả cất vắn, nạn vắn lý do thảo luận, vẫn kiên trì trong quan điểm truyền thống về vô vi (không hành động).

5. Và này các Tỷ-kheo, đây là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội

lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quở trách?

- **Sáu giới này**, là pháp Ta thuyết giảng, không bị... quở trách.
- **Sáu xúc xú này**, là pháp Ta thuyết giảng, không bị... quở trách.
- **Mười tám ý cận hành này**, là pháp Ta thuyết giảng, không bị quở trách
- **Bốn Thánh đế này**, là pháp Ta thuyết giảng, không bị... quở trách.

6. Sáu giới này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng... không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quở trách, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến?

- Này các Tỷ-kheo, có sáu giới này: địa giới, thủy giới, phong giới, hỏa giới, không giới, thức giới.
- Sáu giới này, này các Tỷ-kheo, là pháp được Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quở trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên này đã được nói đến.

7. Có sáu xúc xú này, này các Tỷ-kheo, là pháp ta thuyết giảng ... không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn

có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên nào đã được nói đến?

- Nay các Tỷ-kheo, có sáu xúc xú này: **nhãn xúc xú, nhĩ xúc xú, tỷ xúc xú, thiệt xúc xú, thân xúc xú, ý xúc xú.**
- Có sáu xúc xú này, này các Tỷ-kheo, được Ta thuyết giảng..... không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên này đã được nói đến.

8. Có **mười tám ý cận hành** này, này các Tỷ-kheo, là pháp được Ta thuyết giảng... không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên nào đã được nói đến?

- Khi con mắt thấy sắc, **tư tưởng hướng về và đến gần sắc, làm y xú cho hỷ**, hướng về và đến gần sắc, làm y xú cho **ưu**, hướng về và đến gần sắc, làm y xú cho **xả**.
- Khi tai nghe tiếng, tư tưởng hướng về và đến gần tiếng, làm y xú cho hỷ, hướng về và đến gần tiếng, làm y xú cho ưu, hướng về và đến gần tiếng, làm y xú cho xả. Khi mũi ngửi hương ... khi lưỡi nếm vị ... khi thân cảm xúc ... khi ý nhận thức pháp, tư tưởng hướng về và đến gần pháp, làm y xú cho hỷ, hướng về và đến gần pháp, làm y xú cho ưu, hướng về và đến gần pháp, làm y xú cho xả.

- Có mười tám ý cận hành này, này các Tỷ-kheo, được Ta thuyết giảng ... không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên này đã được nói đến.

9. **Bốn Thánh đế** này, này các Tỷ-kheo, là pháp được Ta thuyết giảng ... không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên nào đã được nói đến?

→ **Do chấp thủ Sáu giới, nên có Nhập thai.**

→ **Do có nhập thai, nên có Danh sắc.**

→ **Do duyên danh sắc, nên có Sáu xứ.**

→ **Do duyên sáu xứ, nên có xúc.**

→ **Do duyên xúc, nên có thọ.**

→ Với người có cảm thọ, này các Tỷ-kheo, Ta nêu rõ: "Đây là Khổ", Ta nêu rõ: "Đây là Khổ tập", Ta nêu rõ: "Đây là Khổ diệt", Ta nêu rõ: "Đây là con Đường đưa đến Khổ diệt".

• Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Khổ Thánh đế?

- Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu não là khổ. Điều mong cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ. Này các Tỷ-kheo, đây là Khổ Thánh đế.

• Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ tập?

- Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên sắc, danh sắc duyên sáu xứ, sáu xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ tập.
- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ diệt?
 - Do vô minh diệt không có tàn dư, nên các hành diệt.
 - Do hành diệt, nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não đều diệt. Như vậy là sự đoạn diệt toàn bộ của khổ uẩn này. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ diệt.
- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về con Đường đưa đến Khổ diệt?
 - Đây là Thánh đạo Tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh

định. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về con Đường đưa đến Khổ diệt.

Bốn Thánh đế này, này các Tỷ-kheo, do Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không có uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên này được nói đến.

32 Khi một ai đạt đến... vị ấy biết mọi vật là thanh tịnh - Kinh BA LÊ – 24 Trường II, 269

KINH BA LÊ
– Bài kinh số 24 – Trường II, 269

1. Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở giữa bộ lạc Malla (Mạt la), tại Anupiya (A dật di), một thành của bộ lạc Mallà. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đắp y vào buổi sáng, cầm y bát vào thành Anupiya để khát thực. Rồi Thế Tôn tự nghĩ: "Thật là quá sớm để vào thành Anupiya khát thực. Ta hãy đến tịnh xá của du sĩ Bhaggava và thăm vị này." Thế Tôn liền đi đến tịnh xá du sĩ Bhaggava.

2. Rồi du sĩ Bhaggava bạch Thế Tôn:

- Thế Tôn hãy đến gần! Xin chào đón Thế Tôn. Đã lâu, Thế Tôn mới có dịp đến đây. Mời Thế Tôn ngồi, đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn!

Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, và du sĩ Bhaggava lấy một ghế ngồi khác thấp hơn rồi ngồi

xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, du sĩ Bhaggava bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, ngày xưa và nhiều ngày xưa nữa, Sunakkhatta (Thiện Tịnh) thuộc bộ lạc Licchavi (Ly xa tử) đến con và nói như sau: "Này Bhaggava, nay tôi từ bỏ Thế Tôn! Nay tôi không sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn nữa." Bạch Thế Tôn, sự việc có phải như Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi nói hay không?

- Này Bhaggava, sự việc thật như Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi đã nói:

3. Này Bhaggava, thuở xưa và rất xa xưa, Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi đến thăm Ta. Sau khi đến, đánh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Này Bhaggava, Sumakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi bạch với Ta: "Bạch Thế Tôn, nay con xin từ bỏ Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, nay con không sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn nữa."

Này Bhaggava, khi nghe nói vậy, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi:

"- Này Sunakkhatta, Ta có nói với Người: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây sống dưới sự chỉ dẫn của Ta" chẳng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Hay Người có nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn" chăng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Này Sunakkhatta, Ta không nói: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn của Ta", và Người cũng không nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn". **Này kẻ ngu kia, như vậy thời Người là ai và Ta là ai mà Người nói chuyện từ bỏ? Này kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của Người như vậy là thế nào!**

4. "- Bạch Thế Tôn, nhưng Thế Tôn không khiến cho con chúng được các pháp thương nhân thần thông.

"- Này Sunakkhatta, Ta có nói với Người: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn của Ta! Ta sẽ khiến cho Người chúng được các pháp thương nhân thần thông" chăng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Người có nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống

dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn. Thế Tôn sẽ khiến cho con chúng được các pháp thượng nhân thần thông" chẳng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Này Sunakkhatta, Ta không nói với Người: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn chủ Ta, Ta sẽ khiến cho Người chúng được các pháp thượng nhân thần thông; Người cũng không nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn, và Thế Tôn sẽ khiến cho con chúng được các pháp thượng nhân thần thông." **Này kẻ ngu kia, như vậy thời Người là ai và Ta là ai mà Người nói chuyện từ bỏ.**

Này Sunakkhatta, **Người nghĩ thế nào? Các pháp thượng nhân thần thông có thực hiện hay không thực hiện, nhưng mục đích mà Ta thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, có phải như vậy không?**

"- Bạch Thế Tôn, các pháp thượng nhân thần thông có thực hiện hay không thực hiện, nhưng mục đích mà Thế Tôn thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, chính thật là như vậy!

"- Này Sunakkhatta, các pháp thượng nhân thần thông có thực hiện hay không thực hiện, nhưng mục đích mà Ta thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau. Này Sunakkhatta! như vậy thời các pháp thượng nhân thần thông là gì mà cần phải thực chứng? Này kẻ ngu kia, hãy thấy lỗi lầm của Người như vậy là như thế nào!

5. "- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không giải thích cho con khởi nguyên của thế giới.

"- Này Sunakkhatta, Ta có nói với Người: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn của Ta. Ta sẽ giải thích cho Người khởi nguyên của Thế giới" chẳng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Này Sunakkhatta, Người có nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn, rồi Thế Tôn sẽ giải thích cho con khởi nguyên của thế giới" chẳng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Này Sunakkhatta, như vậy Ta không nói với Ngươi: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn của Ta. Ta sẽ giải thích cho Ngươi khởi nguyên của thế giới." Ngươi cũng không nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn, rồi Thế Tôn sẽ giải thích cho con khởi nguyên của thế giới." Này kẻ ngu kia, sự kiện là như vậy, thời Ngươi là ai và Ta là ai mà Ngươi nói chuyện từ bỏ?

Này Sunakkhatta, **Ngươi nghĩ thế nào? Khởi nguyên của thế giới có giải thích hay không giải thích, nhưng mục đích mà Ta thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, có phải như vậy không?**

"- Bạch Thế Tôn, khởi nguyên của thế giới có giải thích hay không giải thích, mục đích mà Thế Tôn thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, chính thật là như vậy.

"- Này Sunakkhatta, khởi nguyên của thế giới có giải thích hay không giải thích, mục đích của Thế Tôn thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau. Này Sunakkhatta, **như vậy thời giải thích về khởi nguyên thế giới có ích lợi gì cho Ngươi?** Này kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của

Người như vậy là thế nào!

6. "- Này Sunakkhatta, dưới nhiều phương diện Người đã nói lời tán thán Ta tại làng Vajji: "Như vậy, Thế Tôn là bậc A la hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn." Này Sunakkhatta, như vậy dưới nhiều phương diện, Người đã nói lời tán thán Ta tại làng Vajji.

"Này Sunakkhatta, dưới nhiều phương diện, Người nói lời tán thán Pháp tại làng Vajji: "Chánh pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, thiết thực hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, chỉ người có trí mới thâm hiểu." Này Sunakkhatta, như vậy dưới nhiều phương diện, Người tán thán Chánh pháp tại làng Vajji.

"Này Sunakkhatta, dưới nhiều phương diện, Người đã tán thán Tăng tại làng Vajji: "Chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về chánh chơn, chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về Chánh trực, chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về khuôn phép, chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về chánh hạnh, tức là bốn đôi tám chúng. Chư Tăng đệ tử của Thế Tôn này đáng được kính trọng, đáng được cung kính, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay cúi chào, vì là

phước điền tối thượng ở đời". Nay Sunakkhatta, như vậy dưới nhiều phương diện, Người tán thán Tăng tại làng Vajji.

"Này Sunakkhatta, Ta nói cho Người biết; này Sunakkhatta Ta tin cho Người biết; sẽ có lời luận bàn về Người như sau: *"Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi không thể sống phạm hạnh dưới sự hướng dẫn của Sa môn Gotama. Vì không kham nổi, nên từ bỏ tu học trở về với đời sống thấp kém"*. Nay Sunakkhatta, sẽ có lời luận bàn về Người như vậy.

Này Bhaggava, như vậy Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi dầu được Ta nói vậy, từ bỏ pháp luật này, như người phải rớt vào đọa xứ, địa ngục.

7. Nay Bhaggava, một thời Ta ở bộ lạc Bumu, tại thị trấn của bộ lạc Bumu tên là Uttaraka. Nay Bhaggava, rồi buổi sáng Ta đắp y, cầm y bát cùng với Sa di Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi theo sau, vào thị trấn Uttaraka khát thực. Lúc bấy giờ, **lỏa thể Korakkhattiya, tu theo hạnh chó** đi bốn chân, bò lết trên đất, lấy miệng mà ăn đồ cứng hay đồ ăn mềm.

Này Bahaggava, Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi thấy lỏa thể Korakkhattiya tu theo hạnh chó, đi bốn

chân, bò lết trên đất, lấy miệng ăn đồ cứng hay đồ ăn mềm.

Này Bhaggava, Ta biết được tâm tư của Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi với tâm tư của Ta và Ta nói với ông ta như sau:

"- Này kẻ ngu kia, có phải Người vẫn tự nhận Người là Thích Tử không?"

"- Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn lại nói: "Này kẻ ngu kia, có phải Người tự nhận Người là Thích Tử không"?"

"- Này Sunakkhatta, có phải Người, sau khi thấy lõa thể Korakkhattiya tu theo hạnh chó, đi bốn chân bò lết trên đất, lấy miệng mà ăn đồ ăn cứng hay đồ ăn mềm, liền suy nghĩ: "Thật tốt đẹp thay vị A la hán Sa môn đi bốn chân, bò lết trên đất, lấy miệng mà ăn đồ ăn cứng hay đồ ăn mềm"?"

"- Bạch Thế Tôn có vậy. Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn lại ganh ghét với một vị A la hán?"

"- Này kẻ ngu kia, Ta đâu có ganh ghét với một vị A la hán? Chính Người tự sinh ác tà kiến ấy, hãy bỏ nó đi. Chớ để tự mình lâu ngày bị khổ đau thiệt hại.

Này Sunakkhatta, loa thể Korakkhattiya mà Người nghĩ là tốt đẹp, là vị Sa môn, **sau bảy ngày sẽ bị trúng thực mà chết**, sau khi chết sẽ tái sinh thuộc loại Kàlakanjā, một trong loại Asura thấp kém nhất. Sau khi chết, nó sẽ bị quăng trong nghĩa địa đặt trên đồng cỏ Bìrana. Này Sunakkhatta, **nếu Người muốn, hãy đến hỏi loa thể Korakkhattiya như sau**: "Này bạn Korakkhattiya, bạn có biết bạn thác sanh cảnh giới nào không?" Này Sunakkhatta, sự kiện này có thể xảy ra, loa thể Korakkhatta ấy có thể trả lời với Người: "Này bạn Sunakkhatta, tôi biết cảnh giới thác sanh của tôi. Tôi sẽ thác sanh thuộc loại Kàlakanjā, một trong loại Asura thấp kém nhất".

8. Này Bhaggava, Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi, đi đến loa thể Korakkhattiya và nói:

" - Này bạn Korakkhattiya, Sa-môn Gotama có nói như sau: "Loa thể Korakkhattiya sau bảy ngày trúng thực mà chết, sau khi chết sẽ tái sinh thuộc loại Kàlakanjā, một trong loại Asura thấp kém nhất. Sau khi chết, ông ta sẽ bị quăng trong nghĩa địa, đặt trên đồng cỏ Birana". **Này Bạn Korakkhattiya, vậy Bạn hãy ăn cho có tiết độ, vậy Bạn hãy uống cho có tiết độ, để lời nói của Sa môn Gotama trở thành nói láo.**"

Này Bhaggava, **vì không tin tưởng Như Lai,**

Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đếm từng ngày một cho đến bảy ngày. Nhưng này Bhaggava, lửa thể Korakkhattiya sau bảy ngày bị trúng thực mà chết. Sau khi chết, bị tái sinh thuộc loại Kàlakanjā, một trong loại Asura thấp kém nhất. Sau khi chết, ông ta bị quăng trong nghĩa địa, đặt trên đồng cỏ Birana.

9. Này Bhaggava, Sunakkhatta được nghe: "Lửa thể Korakkhattiya bị trúng thực chết, quăng trong nghĩa địa, đặt trên đồng cỏ Birana." Này Bhaggava, Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi liền đi đến đồng cỏ Birana tại nghĩa địa, đến lửa thể Korakkhattiya, lấy tay đánh ba lần và hỏi:

"- Này bạn Korakkhattiya, Bạn có biết cảnh giới thác sanh của Bạn không?"

Này Bhaggava, lửa thể Korakkhattiya lấy tay xoa lưng và ngồi dậy:

"- Này bạn Sunakkhatta, tôi biết cảnh giới thác sanh của tôi. Tôi thác sanh thuộc loại Kàlakanjā, một trong loại Asura thấp kém nhất." Sau khi nói xong, ông ta ngã ngửa xuống.

10. Này Bhaggava, rồi Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đến Ta, đánh lễ và ngồi xuống một bên. Này Bhaggava, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ lạc

Licchavi đang ngồi một bên:

"- Nay Sunakkhatta, Người nghĩ thế nào? Điều Ta nói với Người về lửa thể Korakkhattiya, có phải sự việc xảy ra như Ta nói không, hay là khác?

"- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã nói với con về lửa thể Korakkhattiya như thế nào, sự việc xảy ra như Thế Tôn nói, không phải khác!

"- Nay Sunakkhatta, Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện có phải không?

"- Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, chắc chắn là pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện.

"- Vậy này kẻ ngu kia, như vậy là pháp thượng nhân thần thông đã được Ta thực hiện, thế mà Người nói: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không thực hiện pháp thượng nhân thần thông cho con." Nay kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của Người như vậy là thế nào!"

Này Bhaggava, như vậy Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi được Ta nói như vậy, từ bỏ pháp luật này, như người phải rơi vào đọa xứ, địa ngục.

11. Nay Bhaggava, một thời, Ta trú tại Vesàli (Tỳ xá ly), rừng Đại Lâm, ở Trùng Các giảng đường. Lúc bấy giờ, **lỏa thể Kandaramasuka** ở tại Vesàli được sự cúng dường tối thượng, được xưng danh tối thượng tại làng Vajji. **Vị này có phát nguyện tuân theo bảy giới hạnh:**

- "Trọn đời, ta theo hạnh lỏa thể, không mặc quần áo;
- Trọn đời, ta sống phạm hạnh, không có hành dâm;
- Trọn đời ta tự nuôi sống với rượu và thịt, không phải với cháo cơm;
- Ta không bao giờ đi quá tháp Udana phía Đông thành Vesàli;
- Ta không bao giờ đi quá tháp Gotamaka, phía Nam thành Vesàli;
- Ta không bao giờ đi quá tháp Sattamba, phía Tây thành Vesà;
- Ta không bao giờ đi quá tháp Bahuputta, phía Bắc thành Vesàli."

Vị này, nhờ tuân theo bảy giới hạnh này mà được sự cúng dường tối thượng, được danh xưng tối thượng tại làng Vajji.

12. Nay Bhaggava, rồi Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đi đến lỏa thể Kandaramasuka và hỏi câu hỏi; lỏa thể Kandaramasuka khi bị hỏi như vậy, không theo dõi câu hỏi, vì không theo dõi, nên tỏ ra tức tối, giận dữ, phật ý. Nay Bhaggava, rồi Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi suy nghĩ: *"Chúng ta có thể trở thành chống đối vị A-la-hán Sa-môn tốt đẹp này. Hãy giữ đừng có gì xảy ra khiến chúng ta có thể bắt lợi đau khổ lâu đời."*

13. Nay Bhaggava, rồi Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đi đến Ta, đánh lễ và ngồi xuống một bên. Nay Bhaggava, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đang ngồi một bên:

- Nay kẻ ngu kia, Ngươi vẫn tự nhận Ngươi là Thích tử không?

- Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn lại nói với con như vậy: Nay kẻ ngu kia, Ngươi vẫn tự nhận Ngươi là Thích tử không?

- Nay Sunakkhatta, có phải Ngươi đã đi đến lỏa thể Kandaramasuka và hỏi câu hỏi? Lỏa thể Kandaramasuka khi được Ngươi hỏi như vậy, không theo dõi câu hỏi; vì không theo dõi nên tỏ ra tức tối, giận dữ, phật ý. Rồi tự nghĩ: "Chúng ta có thể trở thành chống đối vị A la hán, Sa môn tốt đẹp này. Hãy

giữ đừng có có gì xảy ra khiến chúng có thể bất lợi đau khổ lâu đời!

- Bạch Thế Tôn có vậy. Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn lại ganh ghét với một vị A la hán?

- Nay kẻ ngu kia, **Ta đâu có ganh ghét với một vị A la hán! Chính Người tự sanh ác tà kiến ấy, hãy từ bỏ nó đi.** Chớ để mình lâu ngày bị thiệt hại đau khổ!

Này Sunakkhatta, lũa thể Kandaramasuka mà Người nghĩ là vị A la hán, là vị Sa môn tốt đẹp, không bao lâu sẽ sống mặc áo và lập gia đình, sẽ ăn cơm cháo, sẽ đi vượt quá các tháp ở Vesàli và sẽ chết mất hết cả danh xưng.

Này Bhaggava, lũa thể Kandaramasuka, không bao lâu sống mặc áo và lập gia đình, ăn dùng cơm cháo, đi vượt quá các tháp ở Vesàli và bị chết mất hết cả danh xưng.

14. Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi được nghe tin lũa thể Kandaramasuka không bao lâu sống mặc áo và lập gia đình, ăn dùng cơm cháo, đi vượt quá các tháp ở Vesàli và bị chết mất hết danh xưng. Này Bhaggava, rồi Sunakkhatta đi đến chỗ Ta ở, sau khi đến đánh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Này Bhaggava, và Ta nói với Sunakkhatta thuộc bộ lạc

Licchavi đang ngồi một bên:

- Đây Sunakkhatta, Người nghĩ thế nào? Điều Ta nói với Người về lửa thể Kandaramasuka có phải sự việc xảy ra như Ta nói không, hay là khác?

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã nói với con về lửa thể Kandaramasuka như thế nào, sự việc xảy ra như Thế Tôn nói, không phải khác.

- Đây Sunakkhatta, Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải là pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện, có phải không?

- Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, chắc chắn là pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện.

- Vậy này kẻ ngu kia, như vậy là pháp thượng nhân thần thông đã được Ta thực hiện, thế mà Người nói: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không thực hiện pháp thượng nhân thần thông cho con." Đây kẻ ngu kia, hãy thấy rõ sự lỗi lầm của Người như vậy là như thế nào"!

Này Bhaggava, như vậy Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi được Ta nói như vậy, từ bỏ luật này, như người phải rơi vào đọa xứ địa ngục.

15. Nay Bhaggava, một thời Ta trú ở Vesàli, rừng Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường. Lúc bấy giờ, **lỏa thể Patikaputta** sống ở Vesàli, được cúng dường tối thượng, được danh xưng tối thượng ở làng Vajji. Trong các buổi họp ở Vesàli, ông ta thường tuyên bố như sau:

"Sa môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí. Người có trí có thể trình bày pháp thượng nhân thân thông của mình, nhờ trí lực của mình. Nếu Sa môn Gotama chịu đi nửa đường, ta chịu đi nửa đường. Và hai chúng ta có thể thực hiện pháp thượng nhân thân thông ở tại đây. Nếu Sa môn Gotama thực hiện một pháp thượng nhân thân thông, thời ta sẽ thực hiện hai pháp. Nếu Sa môn Gotama thực hiện bốn pháp thượng nhân thân thông, thời ta sẽ thực hiện tám pháp. Như vậy Sa môn Gotama thực hiện bao nhiêu pháp thân thông thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần."

16. Nay Bhaggava, Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đã đến Ta, sau khi đến, đánh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi bạch với Ta:

"- Bạch Thế Tôn,ỏa thể Patikaputta (Ba kê tử) sống

ở Vesàli, được cúng dường tối thượng, được danh xưng tối thượng ở làng Vajji. Trong buổi họp ở Vesàli, thường tuyên bố như sau: *"Sa môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí. Người có trí có thể trình bày pháp thượng nhân thần thông nhờ trí lực của mình. Nếu Sa môn Gotama chịu đi nửa đường, ta chịu đi nửa đường. Và hai chúng ta có thể thực hiện pháp thần thông ở tại đây. Nếu Sa môn Gotama có thể thực hiện một pháp thượng nhân thần thông... thì ta sẽ thực hiện gấp hai lần."*

Này Bhaggava, khi nghe nói vậy, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi:

"- Này Sunakkhatta, lỡ thể Patikaputta không có thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ bỏ lời ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ta sẽ bị bể tan."

17. "- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thận trọng lời nói! Thiến Thế hãy thận trọng lời nói!

"- Này Sunakkhatta, tại sao Ngươi lại nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thận trọng lời nói"?

"- Bạch Thế Tôn, lời nói này đã được Thế Tôn tuyên

bỏ một cách cực đoan: "Lõa thể Patikaputta không có thể đến gặp mặt Ta, nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp Ta mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu ông ấy sẽ bị bể tan"! Bạch Thế Tôn, **lõa thể Patikaputta có thể đến gặp mặt Thế Tôn với một hóa thân khác, và như vậy Thế Tôn trở thành nói không thật!**

18. "- Nay Sunakkhatta, **Như Lai có bao giờ nói lời nói nào có hai nghĩa không?**

"- Bạch Thế Tôn, có phải do tự tâm phán xét mà Thế Tôn đã được biết về Patikaputta: "Lõa thể Patikaputta không có thể đến gặp mặt Ta, nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan". Hay là có vị Thiên thần nào đã báo tin cho Như Lai biết: "Bạch Thế Tôn, lõa thể Patikaputta không có thể... đầu của ông ấy sẽ bị bể tan!"

"- Nay Sunakkhatta, chính tự tâm phán xét mà ta đã biết về lõa thể Patikaputta: "Lõa thể Patikaputta không có thể đến gặp mặt Ta... đầu của ông ấy sẽ bị

bể tan." Và cũng có vị Thiên thần đã báo tin cho Ta biết: "Lỏa thể Pàtikaputta không có thể đến gặp mặt Thế Tôn... đầu ông ấy sẽ bị bể tan". **Vị tướng quân ở bộ lạc Licchavi tên là Ajita, khi mệnh chung vào ngày kia đã được sanh vào Tam thập tam thiên.** Rồi vị ấy đến bạch với Ta: "Bạch Thế Tôn, lỏa thể Pàtikaputta không có tầm quý! Bạch Thế Tôn, lỏa thể Pàtikaputta không nói sự thật! Bạch Thế Tôn, lỏa thể Pàtikaputta đã nói về con, ở giữa làng Vajji như sau: *"Tướng quân ở bộ lạc Licchavi tên là Ajita sẽ thác sanh vào Đại địa ngục,"* Bạch Thế Tôn, con không thác sanh vào Đại địa ngục, Bạch Thế Tôn, con được sanh vào cõi Tam thập tam thiên! Bạch Thế Tôn, lỏa thể Pàtikaputta không có tầm quý. Bạch Thế Tôn, lỏa thể Pàtikaputta không nói sự thật! Bạch Thế Tôn, lỏa thể Pàtikaputta không có thể đến gặp mặt Sa môn Gotama... đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

Này Sunakkhatta, như vậy chính tự tâm phán xét mà Ta biết về lỏa thể Pàtikaputta. Lỏa thể Pàtikaputta không có thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan. Và một vị thiên Thần đã báo tin cho ta biết: "Bạch Thế Tôn, lỏa thể Pàtikaputta không có thể đến gặp mặt

Thế Tôn nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Thế Tôn mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

"Này Sunakkhatta, sau khi Ta đi khát thực ở Vesàli, ăn xong và khát thực trở về, Ta sẽ đến tại vườn Pàtikaputta để nghỉ trưa. Này Sunakkhatta, nếu Ngươi muốn, hãy tin cho ông ấy biết."

19. Này Bhaggava, rồi Ta đắp y vào buổi sáng, cầm y bát vào thành Vesàli để khát thực. Sau khi đi khát thực, ăn xong và đi khát thực trở về, Ta đi đến vườn của Pàtikaputta để nghỉ trưa. Này Bhaggava, Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi vội vàng vào thành Vesàli, đến những Licchava có danh tiếng và báo tin cho những vị ấy biết: "- Này Hiền giả, Thế Tôn sau khi khát thực, ăn xong và đi khát thực trở về, đã đi đến vườn của Pàtikaputta để nghỉ trưa! Mong quý vị hãy đến! Mong quý vị hãy đến! Sẽ có biểu diễn pháp thượng nhân thân thông giữa các vị Sa môn thiện xảo."

Này Bhaggava, các Licchavi có danh tiếng suy nghĩ như sau: "Sẽ có biểu diễn pháp thượng nhân thân thông giữa các vị Sa môn thiện xảo. Vậy chúng ta

hãy đi đến đó."

Và chỗ nào có những Bà la môn có địa vị, những gia chủ giàu sang, các Bà la môn, Bà la môn ngoại đạo có danh tiếng, ông ta đi đến các vị này và báo tin cho biết: "- Này Hiền giả, Thế Tôn sau khi đi khát thực, ăn xong và đi khát thực trở về, đã đi đến vườn của Pàtikaputta để nghỉ trưa. Mong quý vị hãy đến! Mong quý vị hãy đến! Sẽ có biểu diễn pháp thượng nhân thần thông giữa các vị Sa môn thiện xảo."

Này Bhaggava, các Sa môn, Bà la môn ngoại đạo có danh tiếng suy nghĩ: "Sẽ có biểu diễn pháp thượng nhân thần thông giữa các vị Sa môn thiện xảo. Vậy chúng ta hãy đi đến đó."

Này Bhaggava, rồi các Licchavi có danh tiếng, các Bà la môn có địa vị, các Gia chủ giàu sang, các Sa môn, Bà la môn ngoại đạo có danh tiếng cùng đi đến vườn của Pàtikaputta. Này Bhaggava, như vậy Hội chúng này lên đến hàng trăm hàng ngàn người.

20. Này Bhaggava, lỏa thể Pàtikaputta được nghe: "Các Licchavi danh tiếng đã đến, các Bà la môn có địa vị, các gia chủ giàu sang, các Sa môn, Bà la môn ngoại đạo có danh tiếng cũng đã đến, còn Sa môn Gotama thì ngồi nghỉ trưa tại vườn của ta." Khi nghe vậy ông ấy hoảng sợ, run rẩy, lông tóc dựng ngược.

Này Bhaggava, **lõa thê Pàtikaputta hoảng sợ, run rẩy, lông tóc dựng ngược, liền đi đến vườn các du sĩ Tindukkhànu.**

Này Bhaggava, Hội chúng ấy được nghe: "Lõa thê Pàtikaputta hoảng sợ, run rẩy, lông tóc dựng ngược đã đi đến vườn các du sĩ Tindukkhànu." Này Bhaggava, Hội chúng liền cho gọi một người và bảo:

"- Này bạn hãy đi đến vườn các du sĩ Tindukkhànu, gặp lõa thê Pàtikaputta và nói như sau: "Này bạn Pàtikaputta hãy đến. Các Licchavi danh tiếng đã đến, các Bà la môn có địa vị, các Gia chủ giàu sang, các Sa môn, Bà la môn ngoại đạo có danh tiếng cũng đã đến. Sa môn Gotama đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Này Hiền giả Pàtikaputta, lời nói sau đây được Hiền giả nói tại Hội chúng ở Vesàli: "Sa môn là người có trí, ta cũng là người có trí. Người có trí có thể trình bày pháp thượng nhân thần thông nhờ trí lực của mình. Nếu Sa môn Gotama chịu đi nửa đường, ta chịu đi nửa đường. Và hai chúng ta có thể thực hiện pháp thượng nhân thần thông ở tại đây. Nếu Sa môn Gotama thực hiện một pháp thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện hai pháp. Nếu Sa môn Gotama thực hiện hai pháp thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện bốn pháp. Nếu Sa môn Gotama thực hiện bốn pháp thượng nhân thần thông,

thời ta sẽ thực hiện tám pháp. Như vậy Sa môn Gotama thực hiện bao nhiêu pháp thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần. "Này Hiền giả Pàtikaputta, hãy chịu đi nửa đường. Sa môn Gotama đã đi hết tất cả nửa đường rồi và đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả!".

21. Này Bhaggava, người ấy vâng theo lời Hội chúng ấy, đi đến vườn các du sĩ Tindukkhanu, gặp lõa thể Pàtikaputta, sau khi gặp xong, liền thưa:

"- Này bạn Pàtikaputta, hãy đi đến. Các Licchavi danh tiếng... Sa môn Gotama đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Này Hiền giả Pàtikaputta, lời nói sau được Hiền giả nói tại Hội chúng ở Vesàli: "Sa môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí... ta sẽ thực hiện gấp hai lần". Này Hiền giả Pàtikaputta, hãy chịu đi nửa đường, Sa môn Gotama đã đi hết tất cả nửa đường và ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả."

Này Bhaggava, khi nghe nói vậy, lõa thể Pàtikaputta trả lời:

"- Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến". Nhưng ông ấy như trườn bò qua lại tại chỗ, không thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi. Này Bhaggava, người ấy nói với lõa thể Pàtikaputta:

"- Nay Hiền giả Pàtikaputta sao lại như vậy? Hình như mông của Hiền giả dính liền vào ghế, hay ghế dính liền vào mông của Hiền giả?"

"- Nay Bạn, tôi sẽ đến; nay Bạn, tôi sẽ đến." Tuy nói vậy nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi.

Này Bhaggava, được nói vậy, lã thẽ Pàtikaputta tuy nói: "Nay Bạn, tôi sẽ đến; nay Bạn, tôi sẽ đến"; nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ không có thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi.

22. Nay Bhaggava, khi người ấy biết được lã thẽ Pàtikaputta này đã bị thảm bại, tuy nói: "Nay Bạn, tôi sẽ đến; nay Bạn, tôi sẽ đến", lại trườn bò qua lại tại chỗ, không thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi, liền đến Hội chúng ấy báo tin:

"- Lã thẽ Pàtikaputta đã thảm bại, tuy nói: "Nay Bạn, tôi sẽ đến; nay Bạn, tôi sẽ đến", lại trườn bò qua lại, không thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi."

Này Bhaggava, **khi nghe vậy Ta nói Hội chúng:**

"- Nay các Hiền giả, lã thẽ Pàtikaputta không có thể đến gặp mặt Ta, nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông

ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

II

1. Này Bhaggava, một vị đại thần Licchavi, từ chỗ ngồi đứng dậy, nói với Hội chúng ấy:

"- Các Hiền giả hãy chờ một lát, để tôi đi, xem có thể đưa lỏa thể Pàtikaputta đến Hội chúng này không?"

Này Bhaggava, rồi vị đại thần Licchavi ấy đi đến vườn các du sĩ Tindukkhànu, gặp mặt lỏa thể Pàtikaputta và nói với ông ấy:

"- Này bạn Pàtikaputta hãy đến! Các Licchavi danh tiếng đã đến, và các Bà la môn có địa vị, các Gia chủ giàu sang, các Sa môn, Ba la môn ngoại đạo có danh tiếng cũng đã đến; còn Sa môn Gotama đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Này Hiền giả Pàtikaputta, Hiền giả đã tuyên bố giữa Hội chúng Vesàli: "Sa môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí... thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần". Này

Hiền giả Pàtikaputta, hãy chịu đi nửa đường. Sa môn Gotama đã đi hết tất cả nửa đường rồi và đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Nay Hiền giả Pàtikaputta, Sa môn Gotama đã nói với Hội chúng về Hiền giả như sau: "Lỗa thể Pàtikaputta không có thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy... ông ấy có thể đến gặp mặt Thế Tôn thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan". Nay Hiền giả Pàtikaputta hãy đến! Nếu Hiền giả đến, chúng tôi sẽ làm cho Hiền giả thắng và làm cho Sa môn Gotama thất bại."

2. Nay Bhaggava, khi được nghe nói vậy, lỗa thể Pàtikaputta, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng trườn bò qua lại tại chỗ không thể từ chỗ ngồi đứng dậy. Nay Bhaggava, vị đại thần Licchavi liền nói với lỗa thể Pàtikaputta:

"- Nay Hiền giả Pàtikaputta, sao lại vậy? Hình như móng của Hiền giả dính liền vào ghế, hay ghế dính liền vào móng của Hiền giả. Tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng Hiền giả trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Nay Bhaggava, khi được nói vậy, lỗa thể Pàtikaputta tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể

từ chỗ ngồi đứng dậy.

3. Nay Bhaggava, khi vị đại thần Licchavi biết được lửa thể Pàtikaputta này đã bị thảm bại, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy, liền đến Hội chúng ấy báo tin:

"- Lửa thể Pàtikaputta đã thảm bại, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Nay Bhaggava, khi nghe nói vậy, Ta nói với Hội chúng ấy:

"- Nay các Hiền giả, lửa thể Pàtikaputta, nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy... thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan. Nếu quý vị Licchavi nghĩ rằng: "Chúng ta hãy cột lửa thể Pàtikaputta với dây thùng, và dùng bò kéo ông ấy lại đây, Pàtikaputta sẽ bứt đứt dây thùng ấy. Lửa thể Pàtikaputta không có thể, nếu không từ bỏ lời nói ấy..." Nếu ông ấy nghĩ rằng: "Ta không từ bỏ lời nói ấy...", thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

4. Nay Bhaggava, lúc ấy Jàliya, đệ tử của Dàrupatti, từ chỗ ngồi đứng dậy và nói với Hội chúng ấy:

"- Các Hiền giả hãy chờ một lát, để tôi đi xem có thể đưa lửa thề Pàtikaputta đến Hội chúng này hay không?"

Này Bhggava, rồi Jàliya, đệ tử của Dàrupatti đi đến vườn các du sĩ Tindukkhànu, gặp mặt lửa thề Pàtikaputta và nói với ông ấy:

"- Này bạn Pàtikaputta hãy đến. Các Licchavi danh tiếng đã đến... Sa môn Gotama nay đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Này Hiền giả Pàtikaputta, Hiền giả đã tuyên bố giữa Hội chúng Vesàli như sau: "Sa môn Gotama là người có trí... thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần." Này Hiền giả Pàtikaputta, hãy chịu đi nửa đường. Sa môn Gotama đã đi hết tất cả nửa đường rồi và đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Này Hiền giả Pàtikaputta, Sa môn Gotama đã nói với Hội chúng về Hiền giả như sau: "Lửa thề Pàtikaputta nếu không từ bỏ lời nói ấy... Nếu ông ấy nghĩ rằng: "Ta không bỏ lời nói ấy... có thể đến gặp mặt Sa môn Gotama...", thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan". Nếu quý vị Licchavi nghĩ rằng: "Chúng ta hãy cột lửa thề Pàtikaputta với dây thùng, và dùng bò kéo ông ấy lại đây", Pàtikaputta sẽ bứt đứt dây thùng ấy. Lửa thề Pàtikaputta không có thể, nếu không từ bỏ lời nói ấy... đầu của ông ấy sẽ bị bể tan".

Này Hiền giả Pàtikaputta hãy đến. **Nếu Hiền giả đến, chúng tôi sẽ làm cho Hiền giả thắng, và làm cho Sa môn Gotama thất bại."**

5. Này Bhaggava, khi được nghe nói vậy, lỏa thê Pàtikaputta, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy. Này Bhaggava, Jàliya, đệ tử của Dàrupatti nói với lỏa thê Pàtikaputta:

"- Này Hiền giả Pàtikaputta sao lại vậy? Hình như mông của Hiền giả dính liền vào ghế, hay ghế dính vào mông của Hiền giả. Tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng Hiền giả trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Này Bhaggava, được nói vậy, lỏa thê Pàtikaputta, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng Hiền giả trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Này Bhaggava, được nói vậy, lỏa thê Pàtikaputta, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", lại trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Này Bhaggava, khi Jàliya, đệ tử của Dàrupatti biết được lỏa thê Pàtikaputta nay đã bị thảm bại, tuy nói:

"Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", lại trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy, liền nói với ông ấy:

"- Này Hiền giả Pàtikaputta, **thuở xưa con sư tử vua các loài thú** suy nghĩ: "Ta hãy y cứ vào một khu rừng để xây dựng sào huyệt. Sau khi xây dựng sào huyệt, vào buổi chiều ta sẽ ra khỏi sào huyệt, duỗi chân cho khỏe, rồi nhìn khắp bốn phương và ba lần rống tiếng rống con sư tử. Sau khi rống tiếng rống con sư tử, ta sẽ đi đến chỗ các thú qua lại, tìm giết những con thú tốt đẹp nhất, ăn các loại thịt mềm mại rồi trở về sào huyệt lại".

"Này Hiền giả, con sư tử ấy y cứ vào một khu rừng để xây dựng sào huyệt, vào buổi chiều ra khỏi sào huyệt, duỗi chân cho khỏe, rồi nhìn khắp bốn phương và ba lần rống tiếng rống con sư tử. Sau khi rống tiếng rống con sư tử, nó đi đến chỗ các thú qua lại, tìm giết những con thú tốt đẹp nhất, ăn các loại thịt mềm mại rồi trở về sào huyệt lại.

7. "Này Hiền giả Pàtikaputta, **có con chó rừng già kiêu ngạo và mạnh mẽ, thường sống bằng đồ ăn thừa của con sư tử, vua các loài thú. Con chó rừng ấy suy nghĩ: "Ta là ai, và con sư tử, vua các loài thú là ai? Ta hãy y cứ vào một khu rừng để xây dựng sào huyệt.**

Sau khi xây dựng sào huyết, vào buổi chiều ta sẽ ra khỏi sào huyết, đuổi chân cho khỏe, rồi nhìn khắp bốn phương và ba lần rống tiếng rống con sư tử. Sau khi rống tiếng rống con sư tử, ta sẽ đi đến chỗ các thú qua lại, tìm giết những con thú tốt đẹp nhất, ăn các loại thịt mềm mại, rồi trở về sào huyết lại."

"Này Hiền giả, con chó rừng kia ý cứ vào một khu rừng để xây dựng sào huyết, đuổi chân cho khỏe, rồi nhìn khắp bốn phương và định ba lần rống tiếng rống con sư tử. **Nhưng nó chỉ kêu lên tiếng loại chó rừng, tiếng sủa loại chó rừng. Ai có thể so sánh tiếng sủa con chó rừng đê tiện với tiếng rống con sư tử?**

"Cũng vậy, này Hiền giả Pàtikaputta, Hiền giả sống dựa trên uy tín của bậc Thiện Thệ, ăn uống đồ tàn thực của bậc Thiện Thệ, thế mà tự nghĩ có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác. Bọn Pàtikaputta đê tiện là ai, lại có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác?"

8. Này Bhaggava, Jàliya, đệ tử của Dàrupati dầu có dùng ví dụ ấy cũng không thể khiến lõa thể Pàtikaputta rời khỏi chỗ ngồi, liền nói với ông ấy:

Chó rừng nhìn tự thân,

*Tự nghĩ là sư tử.
Nó sủa tiếng chó rùng,
Loại chó rùng dê tiện.
Chó rùng sủa là ai?
Ai rống tiếng sư tử?*

"Cũng vậy, này Hiền giả Pàtikaputta, Hiền giả sống dựa trên uy tín của bậc Thiện Thệ, ăn uống đồ tàn thực của bậc Thiện Thệ, thế mà nghĩ có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác. Bọn Pàtikaputta dê tiện là ai, lại có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác?"

10. Này Bhaggava, Jàliya, đệ tử của Dàrupatti, dầu có dùng ví dụ ấy cũng không có thể khiến lỏa thê Pàtikaputta rời khỏi chỗ ngồi, liền nói với ông ấy:

*Ăn cóc, chuột kho thóc,
Ăn xác quăng nghĩa địa,
Sống Đại lâm, Không lâm,
Tự nghĩ là vua thú.
Nó sủa tiếng chó rùng,
Loại chó rùng dê tiện.
Chó rùng sủa là ai?
Ai rống tiếng sư tử?*

"Cũng vậy này Hiền giả Pàtikaputta, Hiền giả sống

dựa trên uy tín của bậc Thiện Thệ, ăn uống đồ tàn thực của bậc Thiện Thệ, thế mà tự nghĩ có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác. Bọn Pàtikaputta đê tiện là ai, lại có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác?"

11. Nay Bhaggava, Jàliya, đệ tử của Dàrupatti, dầu có dùng ví dụ ấy, cũng không thể khiến lỏa thê Pàtikaputta rời khỏi chỗ ngồi, liền về Hội chúng ấy và báo tin:

"- Lỏa thê Pàtikaputta đã thảm bại, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

12. Nay Bhaggava, khi nghe nói vậy, **Ta nói với hội chúng ấy:**

"- Nay các Hiền giả, lỏa thê Pàtikaputta, nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thì không có thể đến gặp mặt Ta được. Nếu ông ấy nghĩ rằng: "Ta tuy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, có thể đến gặp mặt Sa môn Gotama được", thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan. **Nếu quý vị Licchavi nghĩ rằng: "Chúng ta hãy cột lỏa thê Pàtikaputta với dây thùng**

và dùng bò kéo ông ấy lại đây". Pàtikaputta sẽ bứt đứt dây thừng ấy. Lỡ thể Pàtikaputta không có thể không từ bỏ lời nói ấy... có thể đến gặp mặt Ta được. Nếu ông ấy nghĩ rằng: "Ta có thể không từ bỏ lời nói ấy... có thể đến gặp mặt Sa môn Gotama được", thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

13. Nay Bhaggava, rồi Ta giảng dạy cho hội chúng ấy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với bài thuyết pháp. Sau khi giảng dạy cho hội chúng ấy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với bài thuyết pháp, Ta khiến cho họ giải thoát đại kiết sử, cứu vớt tám vạn bốn ngàn chúng sanh thoát khỏi đại họa xứ, Ta nhập thiền quang giới tam muội, bay lên hư không cao đến bảy cây ta la, phóng hào quang cao đến hơn bảy cây ta la, khiến cho cháy sáng, rực sáng và Ta hiện ra tại Trùng Các giảng đường ở Đại Lâm.

Này Bhaggava, rồi Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đến Ta, đánh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, này Bhaggava, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đang ngồi một bên:

"- Này Sunakkhatta, Ngươi nghĩ thế nào? Có phải điều Ta nói cho Ngươi về lỗi thể Pàtikaputta, đã

được thực hiện đúng như vậy, không có gì khác?

"- Bạch Thế Tôn, điều Thế Tôn nói cho con về lửa thể Pàtikaputta đã được thực hiện đúng như vậy, không có gì khác.

"- Nay Sunakkhatta, Ngươi nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thì có phải pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện hay không được thực hiện?"

"- Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, thì pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện, không phải không thực hiện.

- "Này kẻ ngu kia, như vậy là pháp thượng nhân thần thông đã được Ta thực hiện, thế mà Ngươi lại nói: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không thực hiện pháp thượng nhân thần thông." Này kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của Ngươi như vậy là như thế nào!"

Này Bhaggava, như vậy Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi dầu được Ta nói vậy, từ bỏ pháp luật này, như người phải rơi vào đọa xứ, địa ngục.

14. Này Bhaggava, **Ta biết về khởi nguyên thế giới, Ta còn biết hơn thế nữa. Và khi Ta biết như vậy,**

Ta không có chấp trước. Vì không có chấp trước, Ta tự thân thấu hiểu được sự an tịnh ấy; chính nhờ chứng ngộ sự an tịnh này mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi.

→ Nay Bhaggava, có những vị Sa môn, Bà la môn tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do Tự Tại thiên (Issara) tạo ra, do Phạm thiên (Brahma) tạo ra. Ta đến những vị ấy và nói:

"- Có phải chư Tôn giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do Tự tại thiên tạo ra, do Phạm thiên tạo ra?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy trả lời:

"- Vâng!"

Ta nói với quý vị ấy:

"- Sao chư Tôn giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do Tự tại thiên tạo ra, do Phạm thiên tạo ra?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy không thể trả lời được. **Không thể trả lời được, quý vị ấy hỏi lại Ta, và được hỏi vậy, Ta trả lời như sau:**

15. "- Chư Hiền giả, có một thời, đến một giai đoạn nào đó, sau một thời gian rất lâu, **thế giới này chuyển hoại**. Trong khi thế giới chuyển hoại, phần lớn các loài hữu tình chuyển sanh qua **Àbhassara (Quang Âm thiên)** ở tại đây, những loài hữu tình nào **do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không**, sống trong sự quang vinh và sống như vậy trong một thời gian khá dài.

Chư Hiền giả, có một thời, đến một giai đoạn nào đó, sau một thời gian rất lâu, **thế giới này chuyển thành**, Phạm cung được hiện ra nhưng trống không.

- Lúc bấy giờ, một loài hữu tình, hoặc thọ mạng đã tận, hay phước báo đã tận, **mạng chung từ Quang Âm thiên sanh qua Phạm cung trống không ấy**. Vị ấy ở tại đấy, do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy trong một thời gian khá dài.
- Vị này, tại chỗ ấy, sau khi sống lâu một mình như vậy, **khởi ý chán nản, không hoan hỷ và có kỳ vọng**: "Mong sao có các loài hữu tình khác cũng đến tại chỗ này!"
- Lúc bấy giờ, **các loài hữu tình khác, hoặc thọ**

mạng đã tận, hay phước báo đã tận, bị mệnh chung và từ thân Quang Âm thiên sanh qua Phạm cung trống không để làm bạn với vị hữu tình kia. Các loại hữu tình này ở đây cũng có ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy trong một thời gian khá dài.

16. "Lúc bấy giờ, này các Hiền giả, **vị hữu tình sanh qua đầu tiên nghĩ rằng:** "Ta là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Những loài hữu tình ấy do chính ta hóa sanh. Tại sao vậy? Vì chính do ta khởi niệm: Mong sao các loài hữu tình khác cũng đến tại chỗ này! Chính do sở nguyện của ta mà những loại hữu tình ấy đến tại chỗ này".

Các loài hữu tình đến sau cùng nghĩ như thế này: "Vị ấy là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đáng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên này hoá sanh. Vì chúng ta thấy vị này sanh trước ở đây rồi, còn chúng

ta thì sanh sau".

17. "Này các Hiền giả, vị hữu tình sanh ra đầu tiên ấy, sống được lâu hơn, sắc tướng tốt đẹp hơn, và được nhiều uy quyền hơn. Còn các loài hữu tình sanh sau thì sống ngắn hơn, sắc tướng ít tốt đẹp hơn, và được ít uy quyền hơn.

Này các Hiền giả, *sự tình này có thể xảy ra. Một trong các loài hữu tình ấy, sau khi từ bỏ thân kia lại thác sanh đến cõi này.* Khi đến cõi này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. *Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ tới đời sống ấy.* Vị ấy nói rằng: "*Vị kia là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đáng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng Tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh. Vị ấy là thường hằng, kiên cố, thường trú, không biến chuyển, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh đến tại chỗ này. Chúng ta là vô thường, không kiên cố, yếu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này!*"

Này các Hiền giả, như vậy quý vị tuyên bố về khởi

nguyên thể giới theo truyền thống là do Tự Tại thiên tạo ra, là do Phạm thiên tạo ra...?"

Các vị ấy nói như sau: "- Nay Tôn giả Gotama, chúng tôi có nghe đúng như Tôn giả Gotama nói: "

Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên thể giới... mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi."

18. Này Bhaggava:

→ Một số Sa môn, Bà la môn tuyên bố về khởi nguyên thể giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi dục lạc. Ta đến những vị ấy và nói:

"- Có phải chư Tôn giả tuyên bố về khởi nguyên thể giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc vì dục lạc?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy trả lời: "- Vâng."

Ta nói với quý vị ấy: "- Sao chư Hiền giả lại tuyên bố về khởi nguyên thể giới truyền thống, là do nhiễm hoặc bởi dục lạc?"

Được Ta hỏi như vậy, quý vị ấy không thể trả lời được. Không thể trả lời được, quý vị ấy hỏi lại Ta, và được hỏi vậy, Ta trả lời như sau:

"- Nay các Hiền giả, có những hạng **chư Thiên gọi là Khiddàpadosikà (bị nhiễm hoặc bởi dục lạc)**. Những vị này sống lâu ngày, mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì sống lâu ngày, mê say trong hý tiểu dục lạc, nên bị thất niệm. Do thất niệm, chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân thể của họ.

Sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình kia khi thác sanh, từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến chỗ này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống quá khứ ấy chớ không nhớ xa hơn đời sống ấy. Vị ấy nói: *"Những vị Thiên không bị nhiễm hoặc vì dục lạc, họ sống lâu ngày không mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì sống lâu ngày không mê say trong hý tiểu dục lạc, nên không bị thất niệm. Nhờ không thất niệm, nên Chư thiên ấy không thác sanh, không từ bỏ thân thể của họ, sống thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta đã bị nhiễm hoặc bởi dục lạc, sống lâu ngày mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì chúng ta sống lâu ngày mê say trong hý tiểu dục lạc nên bị thất niệm. Do thất niệm, chúng ta từ bỏ thân thể này, sống vô thường, không*

kiên cố, yếu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến chỗ này". Nay các Tôn giả, như vậy quý vị tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc vì dục lạc có phải không?"

Các vị ấy nói như sau:

"- Nay Tôn giả Gotama, chúng tôi có nghe đúng như Tôn giả Gotama đã nói: "...

Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên thế giới,... mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi".

19.

→ Nay Bhaggava, một số Sa môn, Bà la môn tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi tâm trí. Ta đến những vị ấy và nói:

"- Có phải chư Tôn giả tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi tâm trí?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy trả lời: - "Vâng".

Ta nói với quý vị ấy: "- Sao chư Tôn giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi tâm trí?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy không thể trả lời được. Không thể trả lời được, quý vị ấy hỏi lại Ta, và được hỏi vậy, Ta trả lời như sau:

"- Chư Hiền giả, có những hạng **chư Thiên** gọi là **Manopadosikà (nhiễm hoặc bởi tâm trí)**. Họ sống lâu ngày, nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau. Vì sống lâu ngày, nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của họ oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí oán ghét lẫn nhau, nên thân họ mệt mỏi, tâm họ mệt mỏi. Các hạng chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân này của họ.

Các Hiền giả, sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình kia, khi thác sanh, từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến cõi này. Khi sanh đến cõi này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống ấy. Vị ấy nói rằng: "*Chư Thiên không bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, họ sống lâu ngày không bị nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của họ không oán ghét nhau. Vì tâm trí họ không oán ghét nhau, nên thân họ không mệt mỏi, tâm họ không mệt mỏi. Hạng chư Thiên ấy không thác sanh từ bỏ thân thể của họ, sống thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau,*

nên tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau, nên thân mệt mỏi và tâm mệt mỏi. Chúng thác sanh, từ bỏ thân này, sống vô thường không kiên cố, yếu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này". Như vậy, này các Hiền giả, quý vị tuyên bố về khởi nguyên của thế giới theo truyền thống là do bị nhiễm hoặc bởi tâm trí."

Họ trả lời như sau:

"- Này Tôn giả Gotama, chúng tôi có nghe đúng như Tôn giả Gotama đã nói: "

Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên của thế giới... mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi."

20.

→ Này Bhaggava, một số Sa môn, Bà la môn tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô nhân sanh. Ta đến những vị ấy và nói:

"- Có phải chư Tôn giả tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô nhân sanh?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy trả lời: "- Vâng".

Ta nói với quý vị ấy: "- Sao chư Tôn giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô nhân sanh?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy không thể trả lời được. Không thể trả lời được, quý vị ấy hỏi lại Ta, và được hỏi vậy, Ta trả lời như sau:

"- Chư Hiền giả, có những **chư Thiên gọi là Vô tướng hữu tình**. Khi một tướng niệm khởi lên, thời chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân chư Thiên của mình.

Chư Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra. Một trong loài hữu tình ấy, khi thác sanh, từ bỏ thân chư Thiên ấy của mình, lại sanh đến cõi này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhiệt tâm... **nên tâm nhập định**. Vị ấy nhớ đến khi tướng niệm phát sanh, chớ không nhớ xa hơn nữa. Vị ấy nói: "**Bản ngã về thế giới do vô nhân sanh. Tại sao vậy? Vì rằng: Tôi trước kia không có, nay có. Từ nơi trạng thái không có, tôi trở thành loại hữu tình**". Như vậy, này các Tôn giả, quý vị tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô nhân sanh có phải như vậy không?"

Họ trả lời: "- Này Hiền giả Gotama, chúng tôi có

nghe đúng như Tôn giả Gotama đã nói: "

Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên thế giới, Ta còn biết hơn thế nữa. Và khi Ta biết như vậy, Ta không có chấp trước. Vì không chấp trước, Ta tự thân thấu hiểu được sự an tịnh ấy. Chính nhờ chứng ngộ sự an tịnh này mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi".

21. Này Bhaggava, Ta tuyên bố như vậy, Ta quan niệm như vậy. Nhưng một số Sa-môn, Bà-la-môn lại bài xích Ta một cách không thật, trống không, hư nguy, giả dối: "Sa môn Gotama và các vị Tỷ kheo là điên đảo. Sa môn Gotama đã tuyên bố: "*Khi một ai đạt đến thanh tịnh, giải thoát, khi ấy vị ấy biết mọi vật là bất tịnh*". Nhưng này Bhaggava, Ta không có nói như vậy: "*Khi một ai đạt đến thanh tịnh, giải thoát, khi ấy vị ấy biết mọi vật là bất tịnh*".

Này Bhaggava, *Ta nói như sau: "Khi một ai đạt đến thanh tịnh, giải thoát, khi ấy vị ấy biết mọi vật là thanh tịnh"*

- Bạch Thế Tôn, chính họ là điên đảo khi họ chỉ trích Thế Tôn và các Tỷ kheo là điên đảo. Con tin tưởng hoan hỷ đối với Thế Tôn khiến con tin rằng Thế Tôn có thể dạy cho con đến thanh tịnh giải thoát.

- Nay Bhaggava, thật khó cho Người khi Người theo các kiến giải sai khác, kham nhẫn các sự việc sai khác, theo dõi những mục tiêu sai khác, đeo đuổi những mục đích sai khác, được huấn luyện theo các phương pháp sai khác để có thể đạt được **thanh tịnh, giải thoát**. Nay Bhaggava, **hãy đặt nặng lòng tin ở nơi Ta, hãy khéo gìn giữ lòng tin tưởng ấy.**

- Bạch Thế Tôn, nếu thật khó cho con, khi con theo các kiến giải sai khác, kham nhẫn các sự việc sai khác, theo dõi những mục tiêu sai khác, đeo đuổi những mục đích sai khác, được huấn luyện theo các phương pháp sai khác, để có thể đạt được thanh tịnh giải thoát, thời Bạch Thế Tôn, **ít nhất con cũng đặt nặng lòng tin vào Thế Tôn, và con sẽ khéo gìn giữ lòng tin tưởng ấy.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, du sĩ Bhaggava hoan hỷ tín thọ lời dạy Thế Tôn.

33 Khi một niệm khởi lên thì thác sanh - Vô Tướng Thiên - Kinh BA LÊ – 24 Trường II, 269

KINH BA LÊ
– Bài kinh số 24 – Trường II, 269

1. Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở giữa bộ lạc Malla (Mạt la), tại Anupiya (A dật di), một thành của bộ lạc Mallà. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đắp y vào buổi sáng, cầm y bát vào thành Anupiya để khát thực. Rồi Thế Tôn tự nghĩ: "Thật là quá sớm để vào thành Anupiya khát thực. Ta hãy đến tịnh xá của du sĩ Bhaggava và thăm vị này." Thế Tôn liền đi đến tịnh xá du sĩ Bhaggava.

2. Rồi du sĩ Bhaggava bạch Thế Tôn:

- Thế Tôn hãy đến gần! Xin chào đón Thế Tôn. Đã lâu, Thế Tôn mới có dịp đến đây. Mời Thế Tôn ngồi, đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn!

Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, và du sĩ Bhaggava lấy một ghế ngồi khác thấp hơn rồi ngồi

xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, du sĩ Bhaggava bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, ngày xưa và nhiều ngày xưa nữa, Sunakkhatta (Thiện Tịnh) thuộc bộ lạc Licchavi (Ly xa tử) đến con và nói như sau: "Này Bhaggava, nay tôi từ bỏ Thế Tôn! Nay tôi không sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn nữa." Bạch Thế Tôn, sự việc có phải như Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi nói hay không?

- Này Bhaggava, sự việc thật như Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi đã nói:

3. Này Bhaggava, thuở xưa và rất xa xưa, Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi đến thăm Ta. Sau khi đến, đánh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Này Bhaggava, Sumakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi bạch với Ta: "Bạch Thế Tôn, nay con xin từ bỏ Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, nay con không sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn nữa."

Này Bhaggava, khi nghe nói vậy, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi:

"- Này Sunakkhatta, Ta có nói với Người: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây sống dưới sự chỉ dẫn của Ta" chẳng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Hay Người có nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn" chẳng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Này Sunakkhatta, Ta không nói: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn của Ta", và Người cũng không nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn". **Này kẻ ngu kia, như vậy thời Người là ai và Ta là ai mà Người nói chuyện từ bỏ? Này kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của Người như vậy là thế nào!**

4. "- Bạch Thế Tôn, nhưng Thế Tôn không khiến cho con chúng được các pháp thương nhân thần thông.

"- Này Sunakkhatta, Ta có nói với Người: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn của Ta! Ta sẽ khiến cho Người chúng được các pháp thương nhân thần thông" chẳng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Người có nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống

dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn. Thế Tôn sẽ khiến cho con chúng được các pháp thượng nhân thần thông" chẳng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Này Sunakkhatta, Ta không nói với Người: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn chủ Ta, Ta sẽ khiến cho Người chúng được các pháp thượng nhân thần thông; Người cũng không nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn, và Thế Tôn sẽ khiến cho con chúng được các pháp thượng nhân thần thông." **Này kẻ ngu kia, như vậy thời Người là ai và Ta là ai mà Người nói chuyện từ bỏ.**

Này Sunakkhatta, **Người nghĩ thế nào? Các pháp thượng nhân thần thông có thực hiện hay không thực hiện, nhưng mục đích mà Ta thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, có phải như vậy không?**

"- Bạch Thế Tôn, các pháp thượng nhân thần thông có thực hiện hay không thực hiện, nhưng mục đích mà Thế Tôn thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, chính thật là như vậy!

"- Này Sunakkhatta, các pháp thượng nhân thần thông có thực hiện hay không thực hiện, nhưng mục đích mà Ta thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau. Này Sunakkhatta! như vậy thời các pháp thượng nhân thần thông là gì mà cần phải thực chứng? Này kẻ ngu kia, hãy thấy lỗi lầm của Người như vậy là như thế nào!

5. "- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không giải thích cho con khởi nguyên của thế giới.

"- Này Sunakkhatta, Ta có nói với Người: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn của Ta. Ta sẽ giải thích cho Người khởi nguyên của Thế giới" chẳng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Này Sunakkhatta, Người có nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn, rồi Thế Tôn sẽ giải thích cho con khởi nguyên của thế giới" chẳng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Này Sunakkhatta, như vậy Ta không nói với Người: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn của Ta. Ta sẽ giải thích cho Người khởi nguyên của thế giới." Người cũng không nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn, rồi Thế Tôn sẽ giải thích cho con khởi nguyên của thế giới." Này kẻ ngu kia, sự kiện là như vậy, thời Người là ai và Ta là ai mà Người nói chuyện từ bỏ?

Này Sunakkhatta, **Người nghĩ thế nào? Khởi nguyên của thế giới có giải thích hay không giải thích, nhưng mục đích mà Ta thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, có phải như vậy không?**

"- Bạch Thế Tôn, khởi nguyên của thế giới có giải thích hay không giải thích, mục đích mà Thế Tôn thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, chính thật là như vậy.

"- Này Sunakkhatta, khởi nguyên của thế giới có giải thích hay không giải thích, mục đích của Thế Tôn thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau. Này Sunakkhatta, **như vậy thời giải thích về khởi nguyên thế giới có ích lợi gì cho Người?** Này kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của

Người như vậy là thế nào!

6. "- Nay Sunakkhatta, dưới nhiều phương diện Người đã nói lời tán thán Ta tại làng Vajji: "Như vậy, Thế Tôn là bậc A la hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn." Nay Sunakkhatta, như vậy dưới nhiều phương diện, Người đã nói lời tán thán Ta tại làng Vajji.

"Nay Sunakkhatta, dưới nhiều phương diện, Người nói lời tán thán Pháp tại làng Vajji: "Chánh pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, thiết thực hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, chỉ người có trí mới thâm hiểu." Nay Sunakkhatta, như vậy dưới nhiều phương diện, Người tán thán Chánh pháp tại làng Vajji.

"Nay Sunakkhatta, dưới nhiều phương diện, Người đã tán thán Tăng tại làng Vajji: "Chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về chánh chơn, chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về Chánh trực, chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về khuôn phép, chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về chánh hạnh, tức là bốn đôi tám chúng. Chư Tăng đệ tử của Thế Tôn này đáng được kính trọng, đáng được cung kính, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay cúi chào, vì là

phước điền tối thượng ở đời". Nay Sunakkhatta, như vậy dưới nhiều phương diện, Người tán thán Tăng tại làng Vajji.

"Này Sunakkhatta, Ta nói cho Người biết; này Sunakkhatta Ta tin cho Người biết; sẽ có lời luận bàn về Người như sau: *"Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi không thể sống phạm hạnh dưới sự hướng dẫn của Sa môn Gotama. Vì không kham nổi, nên từ bỏ tu học trở về với đời sống thấp kém"*. Nay Sunakkhatta, sẽ có lời luận bàn về Người như vậy.

Này Bhaggava, như vậy Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi dầu được Ta nói vậy, từ bỏ pháp luật này, như người phải rớt vào đọa xứ, địa ngục.

7. Nay Bhaggava, một thời Ta ở bộ lạc Bumu, tại thị trấn của bộ lạc Bumu tên là Uttaraka. Nay Bhaggava, rồi buổi sáng Ta đắp y, cầm y bát cùng với Sa di Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi theo sau, vào thị trấn Uttaraka khát thực. Lúc bấy giờ, **lỏa thể Korakkhattiya, tu theo hạnh chó** đi bốn chân, bò lết trên đất, lấy miệng mà ăn đồ cứng hay đồ ăn mềm.

Này Bahaggava, Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi thấy lỏa thể Korakkhattiya tu theo hạnh chó, đi bốn

chân, bò lết trên đất, lấy miệng ăn đồ cứng hay đồ ăn mềm.

Này Bhaggava, Ta biết được tâm tư của Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi với tâm tư của Ta và Ta nói với ông ta như sau:

"- Này kẻ ngu kia, có phải Người vẫn tự nhận Người là Thích Tử không?"

"- Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn lại nói: "Này kẻ ngu kia, có phải Người tự nhận Người là Thích Tử không"?"

"- Này Sunakkhatta, có phải Người, sau khi thấy lỏa thể Korakkhattiya tu theo hạnh chó, đi bốn chân bò lết trên đất, lấy miệng mà ăn đồ ăn cứng hay đồ ăn mềm, liền suy nghĩ: "Thật tốt đẹp thay vị A la hán Sa môn đi bốn chân, bò lết trên đất, lấy miệng mà ăn đồ ăn cứng hay đồ ăn mềm"?"

"- Bạch Thế Tôn có vậy. Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn lại ganh ghét với một vị A la hán?"

"- Này kẻ ngu kia, Ta đâu có ganh ghét với một vị A la hán? Chính Người tự sinh ác tà kiến ấy, hãy bỏ nó đi. Chớ để tự mình lâu ngày bị khổ đau thiệt hại."

Này Sunakkhatta, loa thể Korakkhattiya mà Người nghĩ là tốt đẹp, là vị Sa môn, **sau bảy ngày sẽ bị trúng thực mà chết**, sau khi chết sẽ tái sinh thuộc loại Kàlakanjā, một trong loại Asura thấp kém nhất. Sau khi chết, nó sẽ bị quăng trong nghĩa địa đặt trên đồng cỏ Bìrana. Này Sunakkhatta, **nếu Người muốn, hãy đến hỏi loa thể Korakkhattiya như sau**: "Này bạn Korakkhattiya, bạn có biết bạn thác sanh cảnh giới nào không?" Này Sunakkhatta, sự kiện này có thể xảy ra, loa thể Korakkhatta ấy có thể trả lời với Người: "Này bạn Sunakkhatta, tôi biết cảnh giới thác sanh của tôi. Tôi sẽ thác sanh thuộc loại Kàlakanjā, một trong loại Asura thấp kém nhất".

8. Này Bhaggava, Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi, đi đến loa thể Korakkhattiya và nói:

" - Này bạn Korakkhattiya, Sa-môn Gotama có nói như sau: "Loa thể Korakkhattiya sau bảy ngày trúng thực mà chết, sau khi chết sẽ tái sinh thuộc loại Kàlakanjā, một trong loại Asura thấp kém nhất. Sau khi chết, ông ta sẽ bị quăng trong nghĩa địa, đặt trên đồng cỏ Birana". **Này Bạn Korakkhattiya, vậy Bạn hãy ăn cho có tiết độ, vậy Bạn hãy uống cho có tiết độ, để lời nói của Sa môn Gotama trở thành nói láo.**"

Này Bhaggava, **vì không tin tưởng Như Lai,**

Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đếm từng ngày một cho đến bảy ngày. Nhưng này Bhaggava, lửa thể Korakkhattiya sau bảy ngày bị trúng thực mà chết. Sau khi chết, bị tái sinh thuộc loại Kàlakanjā, một trong loại Asura thấp kém nhất. Sau khi chết, ông ta bị quăng trong nghĩa địa, đặt trên đồng cỏ Birana.

9. Này Bhaggava, Sunakkhatta được nghe: "Lửa thể Korakkhattiya bị trúng thực chết, quăng trong nghĩa địa, đặt trên đồng cỏ Birana." Này Bhaggava, Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi liền đi đến đồng cỏ Birana tại nghĩa địa, đến lửa thể Korakkhattiya, lấy tay đánh ba lần và hỏi:

"- Này bạn Korakkhattiya, Bạn có biết cảnh giới thác sanh của Bạn không?"

Này Bhaggava, lửa thể Korakkhattiya lấy tay xoa lưng và ngồi dậy:

"- Này bạn Sunakkhatta, tôi biết cảnh giới thác sanh của tôi. Tôi thác sanh thuộc loại Kàlakanjā, một trong loại Asura thấp kém nhất." Sau khi nói xong, ông ta ngã ngựa xuống.

10. Này Bhaggava, rồi Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đến Ta, đánh lễ và ngồi xuống một bên. Này Bhaggava, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ lạc

Licchavi đang ngồi một bên:

"- Này Sunakkhatta, Người nghĩ thế nào? Điều Ta nói với Người về lửa thể Korakkhattiya, có phải sự việc xảy ra như Ta nói không, hay là khác?

"- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã nói với con về lửa thể Korakkhattiya như thế nào, sự việc xảy ra như Thế Tôn nói, không phải khác!

"- Này Sunakkhatta, Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện có phải không?

"- Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, chắc chắn là pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện.

"- Vậy này kẻ ngu kia, như vậy là pháp thượng nhân thần thông đã được Ta thực hiện, thế mà Người nói: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không thực hiện pháp thượng nhân thần thông cho con." Này kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của Người như vậy là thế nào!"

Này Bhaggava, như vậy Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi được Ta nói như vậy, từ bỏ pháp luật này, như người phải rơi vào đọa xứ, địa ngục.

11. Nay Bhaggava, một thời, Ta trú tại Vesàli (Tỳ xá ly), rừng Đại Lâm, ở Trùng Các giảng đường. Lúc bấy giờ, **lỏa thể Kandaramasuka** ở tại Vesàli được sự cúng dường tối thượng, được xưng danh tối thượng tại làng Vajji. **Vị này có phát nguyện tuân theo bảy giới hạnh:**

- "Trọn đời, ta theo hạnh lỏa thể, không mặc quần áo;
- Trọn đời, ta sống phạm hạnh, không có hành dâm;
- Trọn đời ta tự nuôi sống với rượu và thịt, không phải với cháo cơm;
- Ta không bao giờ đi quá tháp Udana phía Đông thành Vesàli;
- Ta không bao giờ đi quá tháp Gotamaka, phía Nam thành Vesàli;
- Ta không bao giờ đi quá tháp Sattamba, phía Tây thành Vesà;
- Ta không bao giờ đi quá tháp Bahuputta, phía Bắc thành Vesàli."

Vị này, nhờ tuân theo bảy giới hạnh này mà được sự cúng dường tối thượng, được danh xưng tối thượng tại làng Vajji.

12. Nay Bhaggava, rồi Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đi đến lỏa thể Kandaramasuka và hỏi câu hỏi; lỏa thể Kandaramasuka khi bị hỏi như vậy, không theo dõi câu hỏi, vì không theo dõi, nên tỏ ra tức tối, giận dữ, phật ý. Nay Bhaggava, rồi Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi suy nghĩ: *"Chúng ta có thể trở thành chống đối vị A-la-hán Sa-môn tốt đẹp này. Hãy giữ đừng có gì xảy ra khiến chúng ta có thể bắt lợi đau khổ lâu đời."*

13. Nay Bhaggava, rồi Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đi đến Ta, đánh lễ và ngồi xuống một bên. Nay Bhaggava, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đang ngồi một bên:

- Nay kẻ ngu kia, Ngươi vẫn tự nhận Ngươi là Thích tử không?

- Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn lại nói với con như vậy: Nay kẻ ngu kia, Ngươi vẫn tự nhận Ngươi là Thích tử không?

- Nay Sunakkhatta, có phải Ngươi đã đi đến lỏa thể Kandaramasuka và hỏi câu hỏi? Lỏa thể Kandaramasuka khi được Ngươi hỏi như vậy, không theo dõi câu hỏi; vì không theo dõi nên tỏ ra tức tối, giận dữ, phật ý. Rồi tự nghĩ: "Chúng ta có thể trở thành chống đối vị A la hán, Sa môn tốt đẹp này. Hãy

giữ đừng có có gì xảy ra khiến chúng có thể bất lợi đau khổ lâu đời!

- Bạch Thế Tôn có vậy. Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn lại ganh ghét với một vị A la hán?

- Này kẻ ngu kia, **Ta đâu có ganh ghét với một vị A la hán! Chính Người tự sanh ác tà kiến ấy, hãy từ bỏ nó đi.** Chớ để mình lâu ngày bị thiệt hại đau khổ!

Này Sunakkhatta, lửa thể Kandaramasuka mà Người nghĩ là vị A la hán, là vị Sa môn tốt đẹp, không bao lâu sẽ sống mặc áo và lập gia đình, sẽ ăn cơm cháo, sẽ đi vượt quá các tháp ở Vesàli và sẽ chết mất hết cả danh xưng.

Này Bhaggava, lửa thể Kandaramasuka, không bao lâu sống mặc áo và lập gia đình, ăn dùng cơm cháo, đi vượt quá các tháp ở Vesàli và bị chết mất hết cả danh xưng.

14. Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi được nghe tin lửa thể Kandaramasuka không bao lâu sống mặc áo và lập gia đình, ăn dùng cơm cháo, đi vượt quá các tháp ở Vesàli và bị chết mất hết danh xưng. Này Bhaggava, rồi Sunakkhatta đi đến chỗ Ta ở, sau khi đến đánh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Này Bhaggava, và Ta nói với Sunakkhatta thuộc bộ lạc

Licchavi đang ngồi một bên:

- Đây Sunakkhatta, Người nghĩ thế nào? Điều Ta nói với Người về lửa thể Kandaramasuka có phải sự việc xảy ra như Ta nói không, hay là khác?

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã nói với con về lửa thể Kandaramasuka như thế nào, sự việc xảy ra như Thế Tôn nói, không phải khác.

- Đây Sunakkhatta, Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải là pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện, có phải không?

- Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, chắc chắn là pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện.

- Vậy này kẻ ngu kia, như vậy là pháp thượng nhân thần thông đã được Ta thực hiện, thế mà Người nói: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không thực hiện pháp thượng nhân thần thông cho con." Đây kẻ ngu kia, hãy thấy rõ sự lỗi lầm của Người như vậy là như thế nào"!

Này Bhaggava, như vậy Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi được Ta nói như vậy, từ bỏ luật này, như người phải rơi vào đọa xứ địa ngục.

15. Nay Bhaggava, một thời Ta trú ở Vesàli, rừng Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường. Lúc bấy giờ, **lỏa thể Patikaputta** sống ở Vesàli, được cúng dường tối thượng, được danh xưng tối thượng ở làng Vajji. Trong các buổi họp ở Vesàli, ông ta thường tuyên bố như sau:

"Sa môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí. Người có trí có thể trình bày pháp thượng nhân thần thông của mình, nhờ trí lực của mình. Nếu Sa môn Gotama chịu đi nửa đường, ta chịu đi nửa đường. Và hai chúng ta có thể thực hiện pháp thượng nhân thần thông ở tại đây. Nếu Sa môn Gotama thực hiện một pháp thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện hai pháp. Nếu Sa môn Gotama thực hiện bốn pháp thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện tám pháp. Như vậy Sa môn Gotama thực hiện bao nhiêu pháp thần thông thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần."

16. Nay Bhaggava, Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đã đến Ta, sau khi đến, đánh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi bạch với Ta:

"- Bạch Thế Tôn,ỏa thể Patikaputta (Ba kê tử) sống

ở Vesàli, được cúng dường tối thượng, được danh xưng tối thượng ở làng Vajji. Trong buổi họp ở Vesàli, thường tuyên bố như sau: *"Sa môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí. Người có trí có thể trình bày pháp thượng nhân thần thông nhờ trí lực của mình. Nếu Sa môn Gotama chịu đi nửa đường, ta chịu đi nửa đường. Và hai chúng ta có thể thực hiện pháp thần thông ở tại đây. Nếu Sa môn Gotama có thể thực hiện một pháp thượng nhân thần thông... thì ta sẽ thực hiện gấp hai lần."*

Này Bhaggava, khi nghe nói vậy, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi:

"- Này Sunakkhatta, lỡ thể Patikaputta không có thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ bỏ lời ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ta sẽ bị bể tan."

17. "- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thận trọng lời nói! Thiến Thế hãy thận trọng lời nói!

"- Này Sunakkhatta, tại sao Ngươi lại nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thận trọng lời nói"?

"- Bạch Thế Tôn, lời nói này đã được Thế Tôn tuyên

bỏ một cách cực đoan: "Lõa thể Patikaputta không có thể đến gặp mặt Ta, nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp Ta mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu ông ấy sẽ bị bẻ tan"! Bạch Thế Tôn, **lõa thể Patikaputta có thể đến gặp mặt Thế Tôn với một hóa thân khác, và như vậy Thế Tôn trở thành nói không thật!**

18. "- Nay Sunakkhatta, **Như Lai có bao giờ nói lời nói nào có hai nghĩa không?**

"- Bạch Thế Tôn, có phải do tự tâm phán xét mà Thế Tôn đã được biết về Patikaputta: "Lõa thể Patikaputta không có thể đến gặp mặt Ta, nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ấy sẽ bị bẻ tan". Hay là có vị Thiên thần nào đã báo tin cho Như Lai biết: "Bạch Thế Tôn, lõa thể Patikaputta không có thể... đầu của ông ấy sẽ bị bẻ tan!"

"- Nay Sunakkhatta, chính tự tâm phán xét mà ta đã biết về lõa thể Patikaputta: "Lõa thể Patikaputta không có thể đến gặp mặt Ta... đầu của ông ấy sẽ bị

bể tan." Và cũng có vị Thiên thần đã báo tin cho Ta biết: "Lỏa thể Pàtikaputta không có thể đến gặp mặt Thế Tôn... đầu ông ấy sẽ bị bể tan". **Vị tướng quân ở bộ lạc Licchavi tên là Ajita, khi mệnh chung vào ngày kia đã được sanh vào Tam thập tam thiên.** Rồi vị ấy đến bạch với Ta: "Bạch Thế Tôn, lỏa thể Pàtikaputta không có tầm quý! Bạch Thế Tôn, lỏa thể Pàtikaputta không nói sự thật! Bạch Thế Tôn, lỏa thể Pàtikaputta đã nói về con, ở giữa làng Vajji như sau: *"Tướng quân ở bộ lạc Licchavi tên là Ajita sẽ thác sanh vào Đại địa ngục,"* **Bạch Thế Tôn, con không thác sanh vào Đại địa ngục, Bạch Thế Tôn, con được sanh vào cõi Tam thập tam thiên! Bạch Thế Tôn, lỏa thể Pàtikaputta không có tầm quý.** Bạch Thế Tôn, lỏa thể Pàtikaputta không nói sự thật! Bạch Thế Tôn, lỏa thể Pàtikaputta không có thể đến gặp mặt Sa môn Gotama... đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

Này Sunakkhatta, như vậy chính tự tâm phán xét mà Ta biết về lỏa thể Pàtikaputta. Lỏa thể Pàtikaputta không có thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan. Và một vị thiên Thần đã báo tin cho ta biết: "Bạch Thế Tôn, lỏa thể Pàtikaputta không có thể đến gặp mặt

Thế Tôn nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Thế Tôn mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

"Này Sunakkhatta, sau khi Ta đi khát thực ở Vesàli, ăn xong và khát thực trở về, Ta sẽ đến tại vườn Pàtikaputta để nghỉ trưa. Này Sunakkhatta, nếu Ngươi muốn, hãy tin cho ông ấy biết."

19. Này Bhaggava, rồi Ta đắp y vào buổi sáng, cầm y bát vào thành Vesàli để khát thực. Sau khi đi khát thực, ăn xong và đi khát thực trở về, Ta đi đến vườn của Pàtikaputta để nghỉ trưa. Này Bhaggava, Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi vội vàng vào thành Vesàli, đến những Licchava có danh tiếng và báo tin cho những vị ấy biết: "- Này Hiền giả, Thế Tôn sau khi khát thực, ăn xong và đi khát thực trở về, đã đi đến vườn của Pàtikaputta để nghỉ trưa! Mong quý vị hãy đến! Mong quý vị hãy đến! Sẽ có biểu diễn pháp thượng nhân thân thông giữa các vị Sa môn thiện xảo."

Này Bhaggava, các Licchavi có danh tiếng suy nghĩ như sau: "Sẽ có biểu diễn pháp thượng nhân thân thông giữa các vị Sa môn thiện xảo. Vậy chúng ta

hãy đi đến đó."

Và chỗ nào có những Bà la môn có địa vị, những gia chủ giàu sang, các Bà la môn, Bà la môn ngoại đạo có danh tiếng, ông ta đi đến các vị này và báo tin cho biết: "- Này Hiền giả, Thế Tôn sau khi đi khát thực, ăn xong và đi khát thực trở về, đã đi đến vườn của Pàtikaputta để nghỉ trưa. Mong quý vị hãy đến! Mong quý vị hãy đến! Sẽ có biểu diễn pháp thượng nhân thần thông giữa các vị Sa môn thiện xảo."

Này Bhaggava, các Sa môn, Bà la môn ngoại đạo có danh tiếng suy nghĩ: "Sẽ có biểu diễn pháp thượng nhân thần thông giữa các vị Sa môn thiện xảo. Vậy chúng ta hãy đi đến đó."

Này Bhaggava, rồi các Licchavi có danh tiếng, các Bà la môn có địa vị, các Gia chủ giàu sang, các Sa môn, Bà la môn ngoại đạo có danh tiếng cùng đi đến vườn của Pàtikaputta. Này Bhaggava, như vậy Hội chúng này lên đến hàng trăm hàng ngàn người.

20. Này Bhaggava, lỏa thể Pàtikaputta được nghe: "Các Licchavi danh tiếng đã đến, các Bà la môn có địa vị, các gia chủ giàu sang, các Sa môn, Bà la môn ngoại đạo có danh tiếng cũng đã đến, còn Sa môn Gotama thì ngồi nghỉ trưa tại vườn của ta." Khi nghe vậy ông ấy hoảng sợ, run rẩy, lông tóc dựng ngược.

Này Bhaggava, **lỗa thê Pàtikaputta hoảng sợ, run rẩy, lông tóc dựng ngược, liền đi đến vườn các du sĩ Tindukkhànu.**

Này Bhaggava, Hội chúng ấy được nghe: "Lỗa thê Pàtikaputta hoảng sợ, run rẩy, lông tóc dựng ngược đã đi đến vườn các du sĩ Tindukkhànu." Này Bhaggava, Hội chúng liền cho gọi một người và bảo:

"- Này bạn hãy đi đến vườn các du sĩ Tindukkhànu, gặp lỗa thê Pàtikaputta và nói như sau: "Này bạn Pàtikaputta hãy đến. Các Licchavi danh tiếng đã đến, các Bà la môn có địa vị, các Gia chủ giàu sang, các Sa môn, Bà la môn ngoại đạo có danh tiếng cũng đã đến. Sa môn Gotama đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Này Hiền giả Pàtikaputta, lời nói sau đây được Hiền giả nói tại Hội chúng ở Vesàli: "Sa môn là người có trí, ta cũng là người có trí. Người có trí có thể trình bày pháp thượng nhân thần thông nhờ trí lực của mình. Nếu Sa môn Gotama chịu đi nửa đường, ta chịu đi nửa đường. Và hai chúng ta có thể thực hiện pháp thượng nhân thần thông ở tại đây. Nếu Sa môn Gotama thực hiện một pháp thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện hai pháp. Nếu Sa môn Gotama thực hiện hai pháp thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện bốn pháp. Nếu Sa môn Gotama thực hiện bốn pháp thượng nhân thần thông,

thời ta sẽ thực hiện tám pháp. Như vậy Sa môn Gotama thực hiện bao nhiêu pháp thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần. "Này Hiền giả Pàtikaputta, hãy chịu đi nửa đường. Sa môn Gotama đã đi hết tất cả nửa đường rồi và đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả!".

21. Này Bhaggava, người ấy vâng theo lời Hội chúng ấy, đi đến vườn các du sĩ Tindukkhanu, gặp lõa thể Pàtikaputta, sau khi gặp xong, liền thưa:

"- Này bạn Pàtikaputta, hãy đi đến. Các Licchavi danh tiếng... Sa môn Gotama đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Này Hiền giả Pàtikaputta, lời nói sau được Hiền giả nói tại Hội chúng ở Vesàli: "Sa môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí... ta sẽ thực hiện gấp hai lần". Này Hiền giả Pàtikaputta, hãy chịu đi nửa đường, Sa môn Gotama đã đi hết tất cả nửa đường và ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả."

Này Bhaggava, khi nghe nói vậy, lõa thể Pàtikaputta trả lời:

"- Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến". Nhưng ông ấy như trườn bò qua lại tại chỗ, không thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi. Này Bhaggava, người ấy nói với lõa thể Pàtikaputta:

"- Nay Hiền giả Pàtikaputta sao lại như vậy? Hình như mông của Hiền giả dính liền vào ghế, hay ghế dính liền vào mông của Hiền giả?"

"- Nay Bạn, tôi sẽ đến; nay Bạn, tôi sẽ đến." Tuy nói vậy nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi.

Này Bhaggava, được nói vậy, lã thẽ Pàtikaputta tuy nói: "Nay Bạn, tôi sẽ đến; nay Bạn, tôi sẽ đến"; nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ không có thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi.

22. Này Bhaggava, khi người ấy biết được lã thẽ Pàtikaputta này đã bị thảm bại, tuy nói: "Nay Bạn, tôi sẽ đến; nay Bạn, tôi sẽ đến", lại trườn bò qua lại tại chỗ, không thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi, liền đến Hội chúng ấy báo tin:

"- Lã thẽ Pàtikaputta đã thảm bại, tuy nói: "Nay Bạn, tôi sẽ đến; nay Bạn, tôi sẽ đến", lại trườn bò qua lại, không thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi."

Này Bhaggava, **khi nghe vậy Ta nói Hội chúng:**

"- Nay các Hiền giả, lã thẽ Pàtikaputta không có thể đến gặp mặt Ta, nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông

ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

II

1. Này Bhaggava, một vị đại thần Licchavi, từ chỗ ngồi đứng dậy, nói với Hội chúng ấy:

"- Các Hiền giả hãy chờ một lát, để tôi đi, xem có thể đưa lỏa thể Pàtikaputta đến Hội chúng này không?"

Này Bhaggava, rồi vị đại thần Licchavi ấy đi đến vườn các du sĩ Tindukkhànu, gặp mặt lỏa thể Pàtikaputta và nói với ông ấy:

"- Này bạn Pàtikaputta hãy đến! Các Licchavi danh tiếng đã đến, và các Bà la môn có địa vị, các Gia chủ giàu sang, các Sa môn, Ba la môn ngoại đạo có danh tiếng cũng đã đến; còn Sa môn Gotama đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Này Hiền giả Pàtikaputta, Hiền giả đã tuyên bố giữa Hội chúng Vesàli: "Sa môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí... thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần". Này

Hiền giả Pàtikaputta, hãy chịu đi nửa đường. Sa môn Gotama đã đi hết tất cả nửa đường rồi và đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Nay Hiền giả Pàtikaputta, Sa môn Gotama đã nói với Hội chúng về Hiền giả như sau: "Lỗa thể Pàtikaputta không có thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy... ông ấy có thể đến gặp mặt Thế Tôn thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan". Nay Hiền giả Pàtikaputta hãy đến! Nếu Hiền giả đến, chúng tôi sẽ làm cho Hiền giả thắng và làm cho Sa môn Gotama thất bại."

2. Nay Bhaggava, khi được nghe nói vậy, lỗa thể Pàtikaputta, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng trườn bò qua lại tại chỗ không thể từ chỗ ngồi đứng dậy. Nay Bhaggava, vị đại thần Licchavi liền nói với lỗa thể Pàtikaputta:

"- Nay Hiền giả Pàtikaputta, sao lại vậy? Hình như móng của Hiền giả dính liền vào ghế, hay ghế dính liền vào móng của Hiền giả. Tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng Hiền giả trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Nay Bhaggava, khi được nói vậy, lỗa thể Pàtikaputta tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể

từ chỗ ngồi đứng dậy.

3. Nay Bhaggava, khi vị đại thần Licchavi biết được lỏa thể Pàtikaputta này đã bị thảm bại, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy, liền đến Hội chúng ấy báo tin:

"- Lỏa thể Pàtikaputta đã thảm bại, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Nay Bhaggava, khi nghe nói vậy, Ta nói với Hội chúng ấy:

"- Nay các Hiền giả, lỏa thể Pàtikaputta, nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy... thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan. Nếu quý vị Licchavi nghĩ rằng: "Chúng ta hãy cột lỏa thể Pàtikaputta với dây thùng, và dùng bò kéo ông ấy lại đây, Pàtikaputta sẽ bứt đứt dây thùng ấy. Lỏa thể Pàtikaputta không có thể, nếu không từ bỏ lời nói ấy..." Nếu ông ấy nghĩ rằng: "Ta không từ bỏ lời nói ấy...", thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

4. Nay Bhaggava, lúc ấy Jàliya, đệ tử của Dàrupatti, từ chỗ ngồi đứng dậy và nói với Hội chúng ấy:

"- Các Hiền giả hãy chờ một lát, để tôi đi xem có thể đưa lửa thề Pàtikaputta đến Hội chúng này hay không?"

Này Bhggava, rồi Jàliya, đệ tử của Dàrupatti đi đến vườn các du sĩ Tindukkhànu, gặp mặt lửa thề Pàtikaputta và nói với ông ấy:

"- Này bạn Pàtikaputta hãy đến. Các Licchavi danh tiếng đã đến... Sa môn Gotama nay đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Này Hiền giả Pàtikaputta, Hiền giả đã tuyên bố giữa Hội chúng Vesàli như sau: "Sa môn Gotama là người có trí... thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần." Này Hiền giả Pàtikaputta, hãy chịu đi nửa đường. Sa môn Gotama đã đi hết tất cả nửa đường rồi và đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Này Hiền giả Pàtikaputta, Sa môn Gotama đã nói với Hội chúng về Hiền giả như sau: "Lửa thề Pàtikaputta nếu không từ bỏ lời nói ấy... Nếu ông ấy nghĩ rằng: "Ta không bỏ lời nói ấy... có thể đến gặp mặt Sa môn Gotama...", thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan". Nếu quý vị Licchavi nghĩ rằng: "Chúng ta hãy cột lửa thề Pàtikaputta với dây thùng, và dùng bò kéo ông ấy lại đây", Pàtikaputta sẽ bứt đứt dây thùng ấy. Lửa thề Pàtikaputta không có thể, nếu không từ bỏ lời nói ấy... đầu của ông ấy sẽ bị bể tan".

Này Hiền giả Pàtikaputta hãy đến. **Nếu Hiền giả đến, chúng tôi sẽ làm cho Hiền giả thắng, và làm cho Sa môn Gotama thất bại."**

5. Này Bhaggava, khi được nghe nói vậy, lỏa thê Pàtikaputta, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy. Này Bhaggava, Jàliya, đệ tử của Dàrupatti nói với lỏa thê Pàtikaputta:

"- Này Hiền giả Pàtikaputta sao lại vậy? Hình như mông của Hiền giả dính liền vào ghế, hay ghế dính vào mông của Hiền giả. Tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng Hiền giả trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Này Bhaggava, được nói vậy, lỏa thê Pàtikaputta, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng Hiền giả trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Này Bhaggava, được nói vậy, lỏa thê Pàtikaputta, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", lại trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Này Bhaggava, khi Jàliya, đệ tử của Dàrupatti biết được lỏa thê Pàtikaputta nay đã bị thảm bại, tuy nói:

"Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", lại trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy, liền nói với ông ấy:

"- Này Hiền giả Pàtikaputta, **thuở xưa con sư tử vua các loài thú** suy nghĩ: "Ta hãy y cứ vào một khu rừng để xây dựng sào huyệt. Sau khi xây dựng sào huyệt, vào buổi chiều ta sẽ ra khỏi sào huyệt, duỗi chân cho khỏe, rồi nhìn khắp bốn phương và ba lần rống tiếng rống con sư tử. Sau khi rống tiếng rống con sư tử, ta sẽ đi đến chỗ các thú qua lại, tìm giết những con thú tốt đẹp nhất, ăn các loại thịt mềm mại rồi trở về sào huyệt lại".

"Này Hiền giả, con sư tử ấy y cứ vào một khu rừng để xây dựng sào huyệt, vào buổi chiều ra khỏi sào huyệt, duỗi chân cho khỏe, rồi nhìn khắp bốn phương và ba lần rống tiếng rống con sư tử. Sau khi rống tiếng rống con sư tử, nó đi đến chỗ các thú qua lại, tìm giết những con thú tốt đẹp nhất, ăn các loại thịt mềm mại rồi trở về sào huyệt lại.

7. "Này Hiền giả Pàtikaputta, **có con chó rừng già kiêu ngạo và mạnh mẽ, thường sống bằng đồ ăn thừa của con sư tử, vua các loài thú. Con chó rừng ấy suy nghĩ: "Ta là ai, và con sư tử, vua các loài thú là ai? Ta hãy y cứ vào một khu rừng để xây dựng sào huyệt.**

Sau khi xây dựng sào huyết, vào buổi chiều ta sẽ ra khỏi sào huyết, đuổi chân cho khỏe, rồi nhìn khắp bốn phương và ba lần rống tiếng rống con sư tử. Sau khi rống tiếng rống con sư tử, ta sẽ đi đến chỗ các thú qua lại, tìm giết những con thú tốt đẹp nhất, ăn các loại thịt mềm mại, rồi trở về sào huyết lại."

"Này Hiền giả, con chó rừng kia ý cứ vào một khu rừng để xây dựng sào huyết, đuổi chân cho khỏe, rồi nhìn khắp bốn phương và định ba lần rống tiếng rống con sư tử. **Nhưng nó chỉ kêu lên tiếng loại chó rừng, tiếng sủa loại chó rừng. Ai có thể so sánh tiếng sủa con chó rừng đê tiện với tiếng rống con sư tử?**

"Cũng vậy, này Hiền giả Pàtikaputta, Hiền giả sống dựa trên uy tín của bậc Thiện Thệ, ăn uống đồ tàn thực của bậc Thiện Thệ, thế mà tự nghĩ có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác. Bọn Pàtikaputta đê tiện là ai, lại có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác?"

8. Này Bhaggava, Jàliya, đệ tử của Dàrupati dầu có dùng ví dụ ấy cũng không thể khiến lõa thể Pàtikaputta rời khỏi chỗ ngồi, liền nói với ông ấy:

Chó rừng nhìn tự thân,

*Tự nghĩ là sư tử.
Nó sủa tiếng chó rùng,
Loại chó rùng dê tiện.
Chó rùng sủa là ai?
Ai rống tiếng sư tử?*

"Cũng vậy, này Hiền giả Pàtikaputta, Hiền giả sống dựa trên uy tín của bậc Thiện Thệ, ăn uống đồ tàn thực của bậc Thiện Thệ, thế mà nghĩ có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác. Bọn Pàtikaputta dê tiện là ai, lại có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác?"

10. Này Bhaggava, Jàliya, đệ tử của Dàrupatti, dầu có dùng ví dụ ấy cũng không có thể khiến lỏa thê Pàtikaputta rời khỏi chỗ ngồi, liền nói với ông ấy:

*Ăn cóc, chuột kho thóc,
Ăn xác quăng nghĩa địa,
Sống Đại lâm, Không lâm,
Tự nghĩ là vua thú.
Nó sủa tiếng chó rùng,
Loại chó rùng dê tiện.
Chó rùng sủa là ai?
Ai rống tiếng sư tử?*

"Cũng vậy này Hiền giả Pàtikaputta, Hiền giả sống

dựa trên uy tín của bậc Thiện Thệ, ăn uống đồ tàn thực của bậc Thiện Thệ, thế mà tự nghĩ có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác. Bọn Pàtikaputta đề tiện là ai, lại có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác?"

11. Nay Bhaggava, Jàliya, đệ tử của Dàrupatti, dầu có dùng ví dụ ấy, cũng không thể khiến lỏa thể Pàtikaputta rời khỏi chỗ ngồi, liền về Hội chúng ấy và báo tin:

"- Lỏa thể Pàtikaputta đã thảm bại, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

12. Nay Bhaggava, khi nghe nói vậy, **Ta nói với hội chúng ấy:**

"- Nay các Hiền giả, lỏa thể Pàtikaputta, nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thì không có thể đến gặp mặt Ta được. Nếu ông ấy nghĩ rằng: "Ta tuy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, có thể đến gặp mặt Sa môn Gotama được", thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan. **Nếu quý vị Licchavi nghĩ rằng: "Chúng ta hãy cột lỏa thể Pàtikaputta với dây thùng**

và dùng bò kéo ông ấy lại đây". Pàtikaputta sẽ bứt đứt dây thừng ấy. Lỡ thể Pàtikaputta không có thể không từ bỏ lời nói ấy... có thể đến gặp mặt Ta được. Nếu ông ấy nghĩ rằng: "Ta có thể không từ bỏ lời nói ấy... có thể đến gặp mặt Sa môn Gotama được", thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

13. Nay Bhaggava, rồi Ta giảng dạy cho hội chúng ấy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với bài thuyết pháp. Sau khi giảng dạy cho hội chúng ấy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với bài thuyết pháp, Ta khiến cho họ giải thoát đại kiết sử, cứu vớt tám vạn bốn ngàn chúng sanh thoát khỏi đại họa xứ, Ta nhập thiền quang giới tam muội, bay lên hư không cao đến bảy cây ta la, phóng hào quang cao đến hơn bảy cây ta la, khiến cho cháy sáng, rực sáng và Ta hiện ra tại Trùng Các giảng đường ở Đại Lâm.

Này Bhaggava, rồi Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đến Ta, đánh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, này Bhaggava, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đang ngồi một bên:

"- Này Sunakkhatta, Ngươi nghĩ thế nào? Có phải điều Ta nói cho Ngươi về lỡ thể Pàtikaputta, đã

được thực hiện đúng như vậy, không có gì khác?

"- Bạch Thế Tôn, điều Thế Tôn nói cho con về lửa thể Pàtikaputta đã được thực hiện đúng như vậy, không có gì khác.

"- Nay Sunakkhatta, Ngươi nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thì có phải pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện hay không được thực hiện?

"- Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, thì pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện, không phải không thực hiện.

- "Này kẻ ngu kia, như vậy là pháp thượng nhân thần thông đã được Ta thực hiện, thế mà Ngươi lại nói: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không thực hiện pháp thượng nhân thần thông." Này kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của Ngươi như vậy là như thế nào!"

Này Bhaggava, như vậy Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi dầu được Ta nói vậy, từ bỏ pháp luật này, như người phải rơi vào đọa xứ, địa ngục.

14. Này Bhaggava, **Ta biết về khởi nguyên thế giới, Ta còn biết hơn thế nữa. Và khi Ta biết như vậy,**

Ta không có chấp trước. Vì không có chấp trước, Ta tự thân thấu hiểu được sự an tịnh ấy; chính nhờ chứng ngộ sự an tịnh này mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi.

→ Nay Bhaggava, có những vị Sa môn, Bà la môn tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do Tự Tại thiên (Issara) tạo ra, do Phạm thiên (Brahma) tạo ra. Ta đến những vị ấy và nói:

"- Có phải chư Tôn giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do Tự tại thiên tạo ra, do Phạm thiên tạo ra?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy trả lời:

"- Vâng!"

Ta nói với quý vị ấy:

"- Sao chư Tôn giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do Tự tại thiên tạo ra, do Phạm thiên tạo ra?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy không thể trả lời được. **Không thể trả lời được, quý vị ấy hỏi lại Ta, và được hỏi vậy, Ta trả lời như sau:**

15. "- Chư Hiền giả, có một thời, đến một giai đoạn nào đó, sau một thời gian rất lâu, **thế giới này chuyển hoại**. Trong khi thế giới chuyển hoại, phần lớn các loài hữu tình chuyển sanh qua **Àbhassara (Quang Âm thiên)** ở tại đây, những loài hữu tình nào **do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không**, sống trong sự quang vinh và sống như vậy trong một thời gian khá dài.

Chư Hiền giả, có một thời, đến một giai đoạn nào đó, sau một thời gian rất lâu, **thế giới này chuyển thành**, Phạm cung được hiện ra nhưng trống không.

- Lúc bấy giờ, một loài hữu tình, hoặc thọ mạng đã tận, hay phước báo đã tận, **mạng chung từ Quang Âm thiên sanh qua Phạm cung trống không ấy**. Vị ấy ở tại đấy, do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy trong một thời gian khá dài.
- Vị này, tại chỗ ấy, sau khi sống lâu một mình như vậy, khởi ý chán nản, không hoan hỷ và có kỳ vọng: "Mong sao có các loài hữu tình khác cũng đến tại chỗ này!"
- Lúc bấy giờ, **các loài hữu tình khác, hoặc thọ**

mạng đã tận, hay phước báo đã tận, bị mệnh chung và từ thân Quang Âm thiên sanh qua Phạm cung trống không để làm bạn với vị hữu tình kia. Các loại hữu tình này ở đây cũng có ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy trong một thời gian khá dài.

16. "Lúc bấy giờ, này các Hiền giả, **vị hữu tình sanh qua đầu tiên nghĩ rằng:** "Ta là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Những loài hữu tình ấy do chính ta hóa sanh. Tại sao vậy? Vì chính do ta khởi niệm: Mong sao các loài hữu tình khác cũng đến tại chỗ này! Chính do sở nguyện của ta mà những loại hữu tình ấy đến tại chỗ này".

Các loài hữu tình đến sau cùng nghĩ như thế này: "Vị ấy là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đáng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên này hoá sanh. Vì chúng ta thấy vị này sanh trước ở đây rồi, còn chúng

ta thì sanh sau".

17. "Này các Hiền giả, vị hữu tình sanh ra đầu tiên ấy, sống được lâu hơn, sắc tướng tốt đẹp hơn, và được nhiều uy quyền hơn. Còn các loài hữu tình sanh sau thì sống ngắn hơn, sắc tướng ít tốt đẹp hơn, và được ít uy quyền hơn.

Này các Hiền giả, *sự tình này có thể xảy ra. Một trong các loài hữu tình ấy, sau khi từ bỏ thân kia lại thác sanh đến cõi này.* Khi đến cõi này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. *Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ tới đời sống ấy.* Vị ấy nói rằng: "*Vị kia là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đáng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng Tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh. Vị ấy là thường hằng, kiên cố, thường trú, không biến chuyển, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh đến tại chỗ này. Chúng ta là vô thường, không kiên cố, yếu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này!*"

Này các Hiền giả, như vậy quý vị tuyên bố về khởi

nguyên thể giới theo truyền thống là do Tự Tại thiên tạo ra, là do Phạm thiên tạo ra...?"

Các vị ấy nói như sau: "- Nay Tôn giả Gotama, chúng tôi có nghe đúng như Tôn giả Gotama nói: "

Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên thể giới... mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi."

18. Này Bhaggava:

→ Một số Sa môn, Bà la môn tuyên bố về khởi nguyên thể giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi dục lạc. Ta đến những vị ấy và nói:

"- Có phải chư Tôn giả tuyên bố về khởi nguyên thể giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc vì dục lạc?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy trả lời: "- Vâng."

Ta nói với quý vị ấy: "- Sao chư Hiền giả lại tuyên bố về khởi nguyên thể giới truyền thống, là do nhiễm hoặc bởi dục lạc?"

Được Ta hỏi như vậy, quý vị ấy không thể trả lời được. Không thể trả lời được, quý vị ấy hỏi lại Ta, và được hỏi vậy, Ta trả lời như sau:

"- Nay các Hiền giả, có những hạng **chư Thiên gọi là Khiddàpadosikà (bị nhiễm hoặc bởi dục lạc)**. Những vị này sống lâu ngày, mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì sống lâu ngày, mê say trong hý tiểu dục lạc, nên bị thất niệm. Do thất niệm, chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân thể của họ.

Sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình kia khi thác sanh, từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến chỗ này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống quá khứ ấy chớ không nhớ xa hơn đời sống ấy. Vị ấy nói: *"Những vị Thiên không bị nhiễm hoặc vì dục lạc, họ sống lâu ngày không mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì sống lâu ngày không mê say trong hý tiểu dục lạc, nên không bị thất niệm. Nhờ không thất niệm, nên Chư thiên ấy không thác sanh, không từ bỏ thân thể của họ, sống thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta đã bị nhiễm hoặc bởi dục lạc, sống lâu ngày mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì chúng ta sống lâu ngày mê say trong hý tiểu dục lạc nên bị thất niệm. Do thất niệm, chúng ta từ bỏ thân thể này, sống vô thường, không*

kiên cố, yếu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến chỗ này". Nay các Tôn giả, như vậy quý vị tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc vì dục lạc có phải không?"

Các vị ấy nói như sau:

"- Nay Tôn giả Gotama, chúng tôi có nghe đúng như Tôn giả Gotama đã nói: "...

Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên thế giới,... mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi".

19.

→ Nay Bhaggava, một số Sa môn, Bà la môn tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi tâm trí. Ta đến những vị ấy và nói:

"- Có phải chư Tôn giả tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi tâm trí?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy trả lời: - "Vâng".

Ta nói với quý vị ấy: "- Sao chư Tôn giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi tâm trí?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy không thể trả lời được. Không thể trả lời được, quý vị ấy hỏi lại Ta, và được hỏi vậy, Ta trả lời như sau:

"- Chư Hiền giả, có những hạng **chư Thiên** gọi là **Manopadosikà (nhiễm hoặc bởi tâm trí)**. Họ sống lâu ngày, nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau. Vì sống lâu ngày, nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của họ oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí oán ghét lẫn nhau, nên thân họ mệt mỏi, tâm họ mệt mỏi. Các hạng **chư Thiên** ấy thác sanh, từ bỏ thân này của họ.

Các Hiền giả, sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình kia, khi thác sanh, từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến cõi này. Khi sanh đến cõi này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống ấy. Vị ấy nói rằng: "*Chư Thiên không bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, họ sống lâu ngày không bị nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của họ không oán ghét nhau. Vì tâm trí họ không oán ghét nhau, nên thân họ không mệt mỏi, tâm họ không mệt mỏi. Hạng chư Thiên ấy không thác sanh từ bỏ thân thể của họ, sống thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau,*

nên tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau, nên thân mệt mỏi và tâm mệt mỏi. Chúng thác sanh, từ bỏ thân này, sống vô thường không kiên cố, yếu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này". Như vậy, này các Hiền giả, quý vị tuyên bố về khởi nguyên của thế giới theo truyền thống là do bị nhiễm hoặc bởi tâm trí."

Họ trả lời như sau:

"- Này Tôn giả Gotama, chúng tôi có nghe đúng như Tôn giả Gotama đã nói: "

Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên của thế giới... mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi."

20.

→ Này Bhaggava, một số Sa môn, Bà la môn tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô nhân sanh. Ta đến những vị ấy và nói:

"- Có phải chư Tôn giả tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô nhân sanh?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy trả lời: "- Vâng".

Ta nói với quý vị ấy: "- Sao chư Tôn giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô nhân sanh?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy không thể trả lời được. Không thể trả lời được, quý vị ấy hỏi lại Ta, và được hỏi vậy, Ta trả lời như sau:

"- Chư Hiền giả, có những **chư Thiên gọi là Vô tướng hữu tình**. Khi một tướng niệm khởi lên, thời chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân chư Thiên của mình.

Chư Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra. Một trong loài hữu tình ấy, khi thác sanh, từ bỏ thân chư Thiên ấy của mình, lại sanh đến cõi này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhiệt tâm... **nên tâm nhập định**. Vị ấy nhớ đến khi tướng niệm phát sanh, chớ không nhớ xa hơn nữa. Vị ấy nói: "**Bản ngã về thế giới do vô nhân sanh. Tại sao vậy? Vì rằng: Tôi trước kia không có, nay có. Từ nơi trạng thái không có, tôi trở thành loại hữu tình**". Như vậy, này các Tôn giả, quý vị tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô nhân sanh có phải như vậy không?"

Họ trả lời: "- Này Hiền giả Gotama, chúng tôi có

nghe đúng như Tôn giả Gotama đã nói: "

Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên thế giới, Ta còn biết hơn thế nữa. Và khi Ta biết như vậy, Ta không có chấp trước. Vì không chấp trước, Ta tự thân thấu hiểu được sự an tịnh ấy. Chính nhờ chứng ngộ sự an tịnh này mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi".

21. Này Bhaggava, Ta tuyên bố như vậy, Ta quan niệm như vậy. Nhưng một số Sa-môn, Bà-la-môn lại bài xích Ta một cách không thật, trống không, hư nguy, giả dối: "Sa môn Gotama và các vị Tỷ kheo là điên đảo. Sa môn Gotama đã tuyên bố: "*Khi một ai đạt đến thanh tịnh, giải thoát, khi ấy vị ấy biết mọi vật là bất tịnh*". Nhưng này Bhaggava, Ta không có nói như vậy: "*Khi một ai đạt đến thanh tịnh, giải thoát, khi ấy vị ấy biết mọi vật là bất tịnh*."

Này Bhaggava, *Ta nói như sau: "Khi một ai đạt đến thanh tịnh, giải thoát, khi ấy vị ấy biết mọi vật là thanh tịnh"*

- Bạch Thế Tôn, chính họ là điên đảo khi họ chỉ trích Thế Tôn và các Tỷ kheo là điên đảo. Con tin tưởng hoan hỷ đối với Thế Tôn khiến con tin rằng Thế Tôn có thể dạy cho con đến thanh tịnh giải thoát.

- Nay Bhaggava, thật khó cho Người khi Người theo các kiến giải sai khác, kham nhẫn các sự việc sai khác, theo dõi những mục tiêu sai khác, đeo đuổi những mục đích sai khác, được huấn luyện theo các phương pháp sai khác để có thể đạt được **thanh tịnh, giải thoát**. Nay Bhaggava, **hãy đặt nặng lòng tin ở nơi Ta, hãy khéo gìn giữ lòng tin tưởng ấy.**

- Bạch Thế Tôn, nếu thật khó cho con, khi con theo các kiến giải sai khác, kham nhẫn các sự việc sai khác, theo dõi những mục tiêu sai khác, đeo đuổi những mục đích sai khác, được huấn luyện theo các phương pháp sai khác, để có thể đạt được thanh tịnh giải thoát, thì Bạch Thế Tôn, **ít nhất con cũng đặt nặng lòng tin vào Thế Tôn, và con sẽ khéo gìn giữ lòng tin tưởng ấy.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, du sĩ Bhaggava hoan hỷ tín thọ lời dạy Thế Tôn.

34 Khi một niệm khởi lên thì thác sanh - Vô Tướng Thiên - Kinh PHẠM VÕNG – 1 Trường I, 11

KINH PHẠM VÕNG – Bài kinh số 1 – Trường I, 11

1. Như vậy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn đang đi trên con đường giữa Ràjagaha (Vương Xá) và Nalandà cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Lúc bấy giờ có Suppiya du sĩ ngoại đạo cũng đi trên con đường giữa Ràjagaha và Nalandà cùng với đệ tử, thanh niên Brahmadata. Suppiya, du sĩ ngoại đạo dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng, còn đệ tử của du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadata, lại dùng vô số phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy cả hai thầy trò nói những lời hoàn toàn tương phản nhau trong khi đi sau lưng đức Phật và chúng Tỷ-kheo.

2. Rồi Thế Tôn đến nghỉ một đêm tại Ambalatthikà, nhà nghỉ mát của vua, cùng với chúng Tỷ-kheo. Suppiya, du sĩ ngoại đạo cũng đến nghỉ một đêm tại Ambalatthikà, nhà nghỉ mát của vua, cùng với đệ tử,

thanh niên Brahmadata. Tại đây, du sĩ ngoại đạo Suppiya cũng dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng, còn người đệ tử của du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadata, lại dùng vô số phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy cả hai thầy trò nói những lời tương phản nhau trong khi đi sau lưng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo.

3. Và khi đêm vừa mới tàn, một số lớn chư Tăng, sau khi thức dậy, đã ngồi họp tại một gian nhà hình tròn và câu chuyện sau đây được bàn đến giữa chư Tăng:

- Nay các Hiền giả, thật kỳ diệu thay! Nay các Hiền giả, thật hy hữu thay! Thế Tôn, đáng Toàn Tri, Toàn Kiến, đáng A-la-hán, bậc Chánh Đẳng Giác, đã thấu hiểu sự xu hướng sai khác của chúng sanh. Suppiya, kẻ du sĩ ngoại đạo này dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng. Còn đệ tử du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadata lại dùng vô số phương tiện, tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy cả hai thầy trò đã nói những lời hoàn toàn tương phản trong khi đi sau lưng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo.

4. Lúc bảy giờ Thế Tôn được biết câu chuyện đang bàn giữa chư Tăng, liền đến tại gian nhà hình tròn và

ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi xuống, Thế Tôn nói với các vị Tỷ-Kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, câu chuyện gì được bàn đến trong khi các người ngồi họp tại chỗ này? Vấn đề gì đã được bỏ dở chưa nói xong?

Nghe nói như vậy, các Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn! Tại đây, khi đêm vừa mới tàn, chúng con sau khi dậy, ngồi họp tại nơi gian nhà hình tròn và giữa chúng con, câu chuyện sau đây được bàn đến: "Này các Hiền giả, thật kỳ diệu thay! ... (xem số 3). . Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo". Bạch Thế Tôn, đó là câu chuyện đang bàn đến nửa chừng của chúng con khi Thế Tôn đến!

5. - Nay các Tỷ-kheo, nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, các người chớ có vì vậy sanh lòng công phần, tức tối, tâm sanh phiền muộn. Nay các Tỷ-kheo, nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, và nếu các người sanh lòng công phần, tức tối, tâm sanh phiền muộn, thời như vậy sẽ có hại cho các người. Nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, và nếu các người công phần và phiền muộn, thời các người có thể biết được lời nói của những kẻ ấy là đúng hay sai lạc chăng?

- Bạch Thế Tôn, không thể được!

- Nay các Tỷ-kheo, khi có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, các người phải nói rõ những điểm không đúng sự thật là không đúng sự thật: - "Nhu thế này, điểm này không đúng sự thật; như thế này, điểm này không chính xác; việc này không có giữa chúng tôi; việc này không xảy ra giữa chúng tôi".

6. Nay các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán Ta, tán thán Pháp, hay tán thán Tăng, thời các người không nên hoan hỷ, vui mừng, tâm không nên thích thú. Nay các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán ta, tán thán Pháp hay tán thán Tăng, mà nếu các người hoan hỷ, vui mừng và thích thú thời sẽ có hại cho các người. Nay các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán Ta, tán thán Pháp hay tán thán Tăng, thời các người hãy công nhận những gì đúng sự thật là đúng sự thật: "Nhu thế này, điểm này đúng sự thật, như thế này, điểm này chính xác, việc này có giữa chúng tôi, việc này đã xảy ra giữa chúng tôi".

7. Nay các Tỷ-kheo, thật chỉ thuộc các vấn đề không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phạm phụ tán thán Như Lai.

❖ *Nay các Tỷ-kheo, thế nào là những vấn đề*

không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phạm phư tán thán Như Lai?

8. Sa-môn Gotama từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. - Này các Tỷ-kheo, **đó là lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.**

- Sa-môn Gotama từ bỏ lấy của không cho, tránh xa sự lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, sự sống thanh tịnh không có trộm cướp. - Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.
- Sa-môn Gotama từ bỏ tà hạnh, tịnh tu phạm hạnh, sống giải thoát, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.

9. Sa-môn Gotama từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ nơi sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lừa gạt, không phản lại lời hứa đối với đời. Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.

- Sa-môn Gotama từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói

hai lưỡi; nghe điều gì ở chỗ này, không đi nói đến chỗ kia để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy Sa-môn Gotama sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ đã hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

- Nay các Tỷ-kheo, Sa-môn Gotama từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác, những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người, Sa-môn Gotama nói những lời như vậy. Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.
- Nay các Tỷ-kheo, Sa-môn Gotama từ bỏ lời nói ỷ ngữ, tránh xa lời nói ỷ ngữ, nói đúng thời, nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. - Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

10. Sa-môn Gotama không làm hại đến các hạt giống và các loại cây cỏ;

- Sa-môn Gotama dùng mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ không ăn ban đêm, từ bỏ không ăn phi thời.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không dùng giường cao và giường lớn.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận vàng và bạc.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận các hạt giống.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận thịt sống.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận đàn bà, con gái.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận nô tỳ gái và trai.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận cừu và dê.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận gia cầm và heo.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái.

- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận ruộng nương đất đai.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không phái người môi giới hoặc tự mình làm môi giới.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không buôn bán.
- Sa-môn Gotama từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường.
- Sa-môn Gotama từ bỏ các tà hạnh, như hối lộ, gian trá, lừa đảo.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá.
- - Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

Xong Tiêu giới.

11. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống làm hại các hạt giống và cây cối. Như các hạt giống từ rễ sanh, hạt giống từ ngành cây sanh, hạt giống từ đất sanh, hạt giống từ chiết cây sanh và thứ năm là hạt giống từ hạt giống sanh. Còn Sa-môn Gotama thì không làm hại hột giống hay cây cối nào. - Nay các

Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

12. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cất chứa và thọ hưởng các đồ vật. Như cất chứa các món ăn, cất chứa các đồ uống, cất chứa vải, cất chứa xe cộ, cất chứa các đồ nằm, cất chứa các hương liệu, cất chứa các mỹ vị. **Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không cất chứa các vật trên.** - Này các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

13. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống theo các du hí không chân chánh như múa, hát, nhạc, kịch, ngâm vịnh, nhịp tay, tung chú, đánh trống, diễn các tuồng thần tiên, mĩ võ, đấu voi, đấu ngựa, đấu trâu, đấu bò đực, đấu dê, đấu cừu, đấu gà, đấu chim cun cút, đấu gậy, đấu quyền, đấu vật, đánh giặc giả, dàn trận, thao dượt, diễn binh. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ các loại du hí không chân chánh như trên. - Này các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

14. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống đánh bài và theo các trò giải trí như cờ tám hình vuông, cờ mười hình vuông, cờ trên không, trò chơi

trên đất, chỉ bước vào những ô có quyền bước, trò chơi quăng thẻ rồi chụp nhưng không cho sụp đồng thẻ, chơi súc sắc, chơi khăng, lấy tay làm viết, chơi banh, chơi thổi kèn bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ, chơi đoán chữ viết thiếu trên không hay trên lưng, chơi đoán tư tưởng, chơi bắt chước bộ điệu. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ đánh bài và các loại giải trí như trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

15. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn sống dùng các giường cao và giường lớn như ghế bành, ghế dài, nệm trải giường bằng len, vải trải giường nhiều tấm nhiều màu, chăn len trắng, chăn len thêu bông, nệm bông, nệm thêu hình các con thú, mền bằng lông thú cả hai phía, mền bằng lông thú một phía, mền có đính ngọc, mền bằng lụa, tấm thảm lớn có thể chứa mười sáu người múa, nệm voi, nệm ngựa, nệm xe, nệm bằng da sơn dương khâu lại với nhau, nệm bằng da con sơn dương gọi là kadali, tấm khảm với lều che phía trên, ghế dài có đầu gối chân màu đỏ. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không dùng các giường cao và giường lớn như trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

16. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã

dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn sống dùng các đồ trang sức và mỹ phẩm. Như thoa dầu, đấm bóp, tắm, đập tay chân cho mềm dẻo, gương, kem đánh mặt, vòng hoa và phấn son, phấn mặt, sáp mặt, vòng tay, tóc giả trên đầu, gậy cầm tay, ống thuốc, guơm, **lọng**, dép thêu, khăn đầu, ngọc, **phất trần**, vải trắng có viền tua dài. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không dùng các loại trang sức và mỹ phẩm như trên. Nay các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

17. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống nói những câu chuyện vô ích, tầm thường như câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, các câu chuyện hời hững, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về vải mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị tứ, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về đàn ông, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, câu chuyện về hiện trạng của thế giới, hiện

trạng của đại dương, câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu. Còn Sa-môn Gotama từ bỏ không nói những câu chuyện vô ích, tâm thường kể trên. -
Này các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

18. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống bàn luận tranh chấp, như nói: "Người không biết pháp và luật này, tôi biết pháp và luật này. Sao người có thể biết pháp và luật này? Người đã phạm vào tà kiến, tôi mới thật đúng chánh kiến; lời nói của tôi mới tương ưng, lời nói của người không tương ưng; lời nói của người không tương ưng, những điều đáng nói trước người lại nói sau, những điều đáng nói sau người lại nói trước, chủ kiến của người đã bị bài bác; câu nói của người đã bị thách đấu; người đã bị thuyết bại. Hãy đến mà giải vây lời nói ấy; nếu có thể được, gắng thoát ra khỏi lời bí". Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những cuộc biện luận tranh chấp đã kể trên. -
Này các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

19. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cho đưa các tin tức, hoặc tự đứng làm môi giới, như cho các vua, cho các đại thần của vua, cho các vị Sát-

đề-ly, cho các vị Bà-la-môn, cho các gia chủ, cho các thanh niên và nói rằng: "Hãy đi đến chỗ ấy, hãy đi lại chỗ kia; mang cái này lại, đem cái này đến chỗ kia". Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không cho đưa các tin tức và tự đứng làm môi giới. Như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

20. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống lừa đảo, nói lời siểm nịnh, gợi ý, dèm pha, lấy lợi cầu lợi. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không lừa đảo và siểm nịnh như trên. Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

Xong Trung giới.

21. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà hạnh như xem tướng tay chân, chiêm tướng, triêu tướng, mộng tướng, thân tướng, dấu chuột cắn, té lửa, té muỗi, dùng miệng phun hột cải v. v... vào lửa, té vỏ lúa, té tấm, té gạo, té thực tô, té dầu, té máu, khoa xem chi tiết, khoa xem địa lý, khoa xem mộng, khoa cầu thần ban phước, khoa cầu ma quỷ, khoa dùng bùa chú khi ở trong nhà bằng đất, khoa rắn, khoa thuốc độc, khoa

bồ cạp, khoa chim, khoa chim quạ, khoa đoán số mạng, khoa ngựa tên bắn, khoa biết tiếng nói của chim. Còn Sa-môn Gotama thì tránh xa những tà hạnh kể trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

22. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn nuôi sống mình bằng những tà mạng như xem tướng các hòn ngọc, tướng que gậy, tướng áo quần, tướng gươm kiếm, tướng mũi tên, tướng cây cung, tướng vũ khí, tướng đàn bà, tướng đàn ông, tướng thiếu niên, tướng thiếu nữ, tướng đầy tớ nam, tướng đầy tớ nữ, tướng voi, tướng ngựa, tướng trâu, tướng bò đực, tướng bò cái, tướng dê, tướng cừu, tướng gia cầm, tướng chim cun cút, tướng con các kè, tướng vật tai dài, tướng ma, tướng thú vật. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những tà mạng kể trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

23. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước: Vua sẽ tiến quân, vua sẽ lui quân; vua bản xứ sẽ tấn công, vua ngoại bang sẽ triệt thoái; vua ngoại bang sẽ tấn công, vua bản xứ sẽ triệt thoái; vua bản xứ sẽ thắng trận, vua ngoại bang sẽ bại trận; vua ngoại bang sẽ

thắng trận, vua bản xứ sẽ bại trận. Như vậy sẽ có sự thắng trận cho phe bên này, sẽ có sự thất bại cho phe bên kia. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những tà mạng kể trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

24. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước sẽ có nguyệt thực, sẽ có nhật thực, sẽ có tinh thực; mặt trăng, mặt trời sẽ đi đúng chánh đạo, mặt trăng, mặt trời sẽ đi ngoài chánh đạo, các tinh tú sẽ đi đúng chánh đạo, các tinh tú sẽ đi ngoài chánh đạo, sẽ có sao băng, sẽ có lửa cháy các phương hướng, sẽ có động đất, sẽ có sấm trời, mặt trăng, mặt trời, các sao sẽ mọc, sẽ lặn, sẽ mờ, sẽ sáng, nguyệt thực sẽ có kết quả như thế này, nhật thực sẽ có kết quả như thế này, tinh thực sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, các tinh tú đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, các tinh tú đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, sao băng sẽ có kết quả như thế này, lửa cháy các phương hướng sẽ có kết quả như thế này, động đất sẽ có những kết quả như thế này, sấm trời sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng, mặt trời, các sao mọc, lặn, mờ, sáng, sẽ có kết quả như thế này. Còn Sa-môn Gotama thì tránh xa, không tự nuôi

sống bằng những tà mạng kể trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

25. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước sẽ có nhiều mưa, sẽ có đại hạn, sẽ được mùa, sẽ mất mùa, sẽ được an ổn, sẽ có hiểm họa, sẽ có bệnh, sẽ không có bệnh, hay làm các nghề như đếm trên ngón tay, kế toán, cộng số lớn, làm thư, làm theo thế tình. Còn Sa-môn Gotama tránh xa các tà hạnh kể trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

26. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng. Như sắp đặt ngày lành để rước dâu hay rể, lựa ngày giờ tốt để hòa giải, lựa ngày giờ tốt để chia rẽ, lựa ngày giờ tốt để đòi nợ, lựa ngày giờ tốt để mượn hay tiêu tiền, dùng bùa chú để giúp người được may mắn, dùng bùa chú để khiến người bị rủi ro, dùng bùa chú để phá thai, dùng bùa chú làm cồng lười, dùng bùa chú khiến quai hàm không cử động, dùng bùa chú khiến cho người phải bỏ tay xuống, dùng bùa chú khiến cho tai bị điếc, hỏi gương soi, hỏi phù đồng, thiếu nữ, hỏi thiên thần để biết họa phước, thờ mặt trời, thờ đại địa, phun ra lửa, cầu Siri thần tài. Còn Sa-môn Gotama tránh xa các

tà mạng kể trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

27. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như dùng các ảo thuật để được yên ổn, để khỏi làm các điều đã hứa, để được che chở khi ở trong nhà đất, để dương được thịnh, để làm người liệt dương, để tìm đất tốt làm nhà, để cầu phúc cho nhà mới, lễ rửa miệng, lễ hy sinh, làm cho mưa, làm cho xỏ, bài tiết các nhơ bẩn về phía trên, bài tiết các nhơ bẩn về phía dưới, tẩy tịnh trong đầu, thoa dầu trong tai, nhỏ thuốc mắt, cho thuốc qua lỗ mũi, xúc thuốc mắt, thoa dầu cho mắt, chữa bệnh đau mắt, làm thầy thuốc mổ xẻ, chữa bệnh cho con nít, cho uống thuốc làm bằng các loại rễ cây, ngăn ngừa công hiệu của thuốc. Còn Sa-môn Gotama tránh xa các tà mạng kể trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

Nay các Tỷ-kheo, đây là những vấn đề không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phạm phu dùng để tán thán Như Lai.

Xong Đại giới.

28. Nay các Tỷ-kheo, lại có những pháp khác, sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị chỉ những người trí mới nhận hiểu. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

☐ Nay các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, không thể nhận hiểu bởi luận lý suông, tế nhị, chỉ những người trí mới có thể nhận hiểu. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết, và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến?

29. Nay các Tỷ-kheo có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, **chấp kiến về QUÁ KHỨ TỐI SƠ**, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều sở kiến sai khác, với mười tám luận chấp. Và y chỉ theo gì, căn cứ theo gì, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy luận bàn về phía quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng ra nhiều sở kiến sai khác với mười tám luận chấp?

30. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn,

chủ trương Thường trú luận, chấp rằng: "Bản ngã về thế giới là thường còn" với **bốn luận chấp**. Và *những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường trú luận, và chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp?*

31. Nay các Tỷ-kheo, ở đời này có Sa-môn hay Bà-la-môn, **nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định; khi tâm nhập định, vì ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, trăm đời, ngàn đời, trăm ngàn đời, vô số trăm đời, vô số ngàn đời, vô số trăm ngàn đời,** nhớ rằng: "*Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ, khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ kia chết đi tôi được sanh tại chỗ này*". Như vậy người ấy nhớ nhiều đời quá khứ, với những đặc điểm và những chi tiết. **Người ấy nói rằng: "Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá; còn những loại hữu tình kia thời lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường**

trú. Tại sao vậy? Vì rằng tôi do nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm... còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú".

Này các Tỷ-kheo đó là lập trường thứ nhất, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số những vị Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, và chấp rằng bản ngã và thế giới là thường còn.

32. Trường hợp thứ hai, có những Sa-môn, Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường trú luận, và chấp rằng bản ngã và thế giới là thường còn?

Này các Tỷ-kheo, ở đời này có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định, khi tâm nhập định, vì ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như một thành kiếp hoại kiếp, hai thành kiếp hoại kiếp, ba thành kiếp hoại kiếp, mười thành kiếp hoại kiếp nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này... còn những loại hữu tình kia lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy

chúng vẫn thường trú".

Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ hai, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận và chấp rằng, bản ngã và thế giới thường còn.

33. Trường hợp thứ ba, những Sa-môn hay Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường trú luận, và cho rằng bản ngã và thế giới là thường còn?

Này các Tỷ-kheo, ở đời này có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như mười thành kiếp hoại kiếp, hai mươi thành kiếp hoại kiếp, ba mươi thành kiếp hoại kiếp, bốn mươi thành kiếp hoại kiếp, năm mươi thành kiếp hoại kiếp; nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy, chết đi, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Từ chỗ ấy, chết đi, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế

này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ kia chết đi, tôi được sinh tại chỗ này". Như vậy người ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói: "Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vũng chắc như đỉnh núi, như trụ đá; còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sinh lại, tuy vậy, chúng vẫn thường trú. Tại sao vậy? Vì rằng tôi nhờ nhiệt tâm... nên tâm nhập định như vậy. Khi tâm nhập định như vậy, tôi nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như mười thành kiếp, hoại kiếp... bốn mươi thành kiếp hoại kiếp". Nhớ rằng: "Khi được sinh tại chỗ ấy, tôi sống với tên như thế này... tôi được sinh tại chỗ này". Như vậy người ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói: "Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vũng chắc như đỉnh núi, trụ đá... còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển, luân hồi, chết đi sinh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú".

Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ ba, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới thường còn.

34. Trường hợp thứ tư, những Sa-môn, Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường trú luận, và chấp bản ngã và thế giới thường còn?

Này các Tỷ-kheo, ở đời có Sa-môn hay Bà-la-môn, là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ của suy luận, và sự tùy thuận theo thẩm sát, vị này tuyên bố như thế này: "Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá, còn những loại hữu tình kia thời lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường còn".

Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ tư, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn.

35. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn, với bốn luận chấp. Nếu có những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương Thường trú luận, chấp rằng: "Bản ngã và thế giới là thường còn", chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

36. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai biết như vậy, Ngài lại biết hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri

ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm chứng được tịch tịnh. Ngài như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ biết vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

37. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy, Như Lai đã thắng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

TỤNG PHẨM THỨ NHẤT

1. Này các Tỷ-kheo, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương **một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác**, với **bốn luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô

thường đối với một hạng hữu tình khác, với bốn luận chấp?

2. Nay các Tỷ-kheo, có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, thế giới này chuyển hoại. Trong khi thế giới chuyển hoại, các loại hữu tình phần lớn sanh qua cõi Àbhassara (Quang Âm thiên). Ở tại đây, những loại chúng sanh này do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy một thời gian khá dài.

3. Nay các Tỷ-kheo, có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, thế giới này chuyển thành. Trong khi thế giới này chuyển thành, Phạm cung được hiện ra, nhưng trống không. Lúc bấy giờ, một hữu tình, hoặc thọ mạng đã tận, hay phước báo đã tận, mạng chung từ Quang Âm thiên, sanh qua Phạm cung trống rỗng ấy. Vị ấy ở tại đây, do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy trong một thời gian khá dài.

4. Vị này, tại chỗ ấy, sau khi sống lâu một mình như vậy, khởi ý chán nản, không hoan hỷ và có kỳ vọng: "Mong sao có các loài hữu tình khác, cũng đến tại chỗ này!" Lúc bấy giờ, các loài hữu tình khác, hoặc

thọ mạng đã tận, hay phước báo đã tận, bị mệnh chung và từ thân Quang Âm thiên, sanh qua Phạm cung để làm bạn với vị hữu tình kia. Những loại hữu tình ở đây cũng do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy, trong một thời gian khá dài.

5. Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, vị hữu tình đầu tiên sanh qua nghĩ rằng: "Ta là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Những loài hữu tình ấy do chính ta sanh ra. Tại sao vậy? **Vì chính do ta khởi niệm:** Mong sao các loài hữu tình khác cũng đến tại chỗ này - Chính do sở nguyện của ta mà những loài hữu tình ấy đến tại chỗ này". Các loài hữu tình đến sau cũng nghĩ như thế này: "Vị ấy là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đáng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên này hóa sanh. Vì sao vậy? **Vì ta đã thấy vị này sanh trước ở đây rồi. Còn chúng ta thì sanh sau**".

6. Này các Tỷ-kheo, vị hữu tình sanh ra đầu tiên ấy

sống được lâu hơn, sắc tướng tốt đẹp hơn và được nhiều uy quyền hơn. Còn các loài hữu tình sanh sau thì sống ngắn hơn, sắc tướng ít tốt đẹp hơn và được ít uy quyền hơn. **Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình ấy, sau khi từ bỏ thân kia lại thác sanh đến cõi này. Khi đến cõi này, vị ấy xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.** Sau khi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ tới đời sống quá khứ ấy, chớ không nhớ xa hơn đời sống ấy. Vị ấy nói rằng: "Vị kia là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đáng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự Tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh. Vị ấy là thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh đến tại chỗ này. Chúng ta là vô thường, không kiên cố, yếu thọ và chịu sự biến dịch".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn

đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

7. Trường hợp thứ hai, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác?

Này các Tỷ-kheo, có những hạng chư Thiên gọi là Khiddàpadosikà (bị nhiễm hoặc bởi dục lạc). Những vị này sống lâu ngày, mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì sống lâu ngày, mê say trong hý tiểu dục lạc, nên bị thất niệm. Do thất niệm, các chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân thể của chúng.

8. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình kia khi thác sanh từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến chỗ này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống quá khứ ấy, chớ không nhớ xa hơn đời sống ấy.

9. Vị ấy nói rằng: "Những chư Thiên không bị nhiễm

hoặc bởi dục lạc, chúng sống lâu ngày không mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì sống lâu ngày không mê say trong hý tiểu dục lạc, nên không bị thất niệm. Nhờ không thất niệm, nên những chư Thiên ấy không thác sanh từ bỏ thân thể của chúng, sống thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta đã bị nhiễm hoặc bởi dục lạc, sống lâu ngày mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì chúng ta sống lâu ngày mê say trong hý tiểu dục lạc, nên bị thất niệm. Do thất niệm, chúng ta từ bỏ thân thể này, sống vô thường, không kiên cố, yếu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình, và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

10. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với một hạng hữu tình, và vô thường đối với một hạng hữu tình khác?

Này các Tỷ-kheo, có những hạng chư Thiên gọi là Manopadosikà (bị nhiễm hoặc bởi tâm trí). Chúng sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau. Vì sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của chúng oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí oán ghét lẫn nhau, nên thân chúng mệt mỏi, tâm chúng mệt mỏi. Các hạng chư Thiên ấy thác sanh từ bỏ thân thể này của chúng.

11. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong các vị hữu tình kia, khi thác sanh từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến cõi này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống quá khứ ấy, nhưng không nhớ xa hơn đời sống ấy.

12. Vị ấy nói rằng: "Những vị chư Thiên không bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, chúng sống lâu ngày không nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau. Vì sống lâu ngày không nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của chúng không oán ghét nhau. Vì tâm trí chúng không oán ghét nhau, nên thân chúng không mệt mỏi, tâm chúng không mệt mỏi. Những hàng chư Thiên ấy không thác sanh từ bỏ thân thể của chúng, sống

thường hằng kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi". Còn chúng ta bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, nên tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau, nên thân mệt mỏi và tâm mệt mỏi. Chúng ta thác sanh, từ bỏ thân này, sống vô thường không kiên cố, yếu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ ba, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

13. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

Này các Tỷ-kheo, có Sa-môn, hay Bà-la-môn là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia rẽ biện bác của suy luận và sự tùy thuộc theo thẩm sát, vị này tuyên bố như thế này: "Cái gọi là mắt, là tai, là mũi,

là lõi, là thân, cái bản ngã ấy vô thường, không kiên cố, không thường trú, bị chuyển biến. Cái gọi là tâm, là ý, là thức, cái bản ngã ấy là thường còn, bất biến, thường trú, không bị chuyển biến, thường hằng như vậy mãi mãi".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ tư, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình, và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

14. Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn, Bà-la-môn này chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn, chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

15. Này các Tỷ-kheo, Như Lai biết rằng: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy, Ngài

lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ biết vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

16. Này các Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên, **chấp thế giới là Hữu biên Vô biên** với **bốn luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp?

17. Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, **vị ấy sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là hữu biên**. Vị ấy nói rằng: "Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng chung

quanh. Vì sao vậy? Vì tôi, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi sống với tư tưởng thế giới là hữu biên. Do đó tôi biết rằng thế giới này là hữu biên, có một đường vòng chung quanh".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên và vô biên.

18. Trường hợp thứ hai, có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên và vô biên?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn, Bà-la-môn, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, **vị ấy sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là vô biên.** Vị ấy nói: "Thế giới này là vô biên, không có giới hạn". Những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng xung quanh", những vị ấy nói không đúng sự thật. Thế giới này là vô biên, không có giới hạn. Tại sao vậy? Vì tôi nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức

niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi sống với tư tưởng thế giới là vô biên. Do đó tôi biết: "Thế giới này là vô biên, không có giới hạn".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên.

19. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là hữu biên về phía trên, phía dưới và thế giới là Vô biên về phía bề ngang. Vị ấy nói: "Thế giới này là hữu biên và vô biên". Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng xung quanh, thì những vị ấy nói không đúng sự thật". Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này là vô biên không có giới hạn thì những vị ấy nói không đúng sự thật. Thế giới này vừa là hữu biên, vừa là vô biên. Tại sao vậy? Vì rằng, tôi nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ

không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi sống ở trong đời với tư tưởng, thế giới là hữu biên về phía trên, phía dưới, và thế giới là vô biên về phía bề ngang. Do vậy tôi biết: "Thế giới này vừa là hữu biên vừa là vô biên".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ ba, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên.

20. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ biện bác của suy luận và sự tùy thuận theo thẩm sát, vị này tuyên bố như sau: "Thế giới này không phải là hữu biên, cũng không phải là vô biên. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này là hữu biên có giới hạn xung quanh", những vị ấy nói không đúng sự thật. Lại những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này là vô biên không có giới hạn" những vị ấy cũng nói không đúng sự thật. Lại những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này vừa là hữu biên vừa là vô biên", những vị ấy cũng nói

không đúng sự thật. Thế giới này cũng không phải là hữu biên, cũng không phải là vô biên.

21. Đây các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này **chủ trương Hữu biên Vô biên luận với bốn luận chấp**. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên, chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

22. Đây các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những

pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

23. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn **chủ trương Ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uồn như con lươn với bốn luận chấp.** Và những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uồn như con lươn với bốn luận chấp?

24. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn không như thật biết "Đây là thiện" không như thật biết "Đây là bất thiện". Vị ấy nghĩ: Tôi không như thật biết: "Đây là thiện", không như thật biết: "Đây là bất thiện" và nếu tôi trả lời: "Đây là thiện" hoặc tôi trả lời: "Đây là bất thiện", thời dục, tham, sân hoặc hận, khởi lên nơi tôi. Nếu dục, tham, sân hoặc hận, khởi lên nơi tôi, như vậy tôi có thể bị sai lầm. Nếu tôi sai lầm thì tôi bị phiền muộn. Nếu tôi bị phiền muộn sẽ thành một chướng ngại cho tôi - Như vậy, vì sợ sai lầm, vì chán ghét sai lầm, nên vị ấy không trả lời: "Đây là thiện", cũng không trả lời: "Đây là bất thiện". Khi hỏi đến vấn đề này hay vấn

đề khác, vị ấy dùng lời ngụy biện trườn uốn như con lươn: "Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn.

25. Trường hợp thứ hai, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương Ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn? (1)

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn, không như thật biết "Đây là thiện", không như thật biết "Đây là bất thiện". Vị ấy nghĩ: Tôi không như thật biết: "Đây là thiện", không như thật biết: "Đây là bất thiện". Vì tôi không như thật biết: "Đây là thiện", không như thật biết "Đây là bất thiện". Và nếu tôi trả lời: "Đây là thiện" hoặc tôi trả lời: "Đây là bất thiện", thời dục, tham, sân hoặc hận, khởi lên nơi tôi. Nếu dục, tham, sân hoặc hận khởi lên nơi tôi, như vậy tôi có thể chấp thủ. Nếu tôi chấp thủ, thì tôi bị

phiền muộn. Nếu tôi bị phiền muộn, thời thành một chướng ngại cho tôi.

- Như vậy, vì sợ chấp thủ, vì chán ghét chấp thủ, nên vị ấy không trả lời: "Đây là thiện", cũng không trả lời: "Đây là bất thiện". Khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, vị ấy dùng lời ngụy biện trườn uốn như con lươn: "Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế". Nay các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận, khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn.

(1) Hỏi một đường đáp một ngã (trườn uốn như con lươn).

26. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn?

- Nay các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn không như thật biết "Đây là thiện", không như thật biết "Đây là bất thiện". Vị ấy nghĩ: Tôi không như

thật biết: "Đây là thiện", không như thật biết: "Đây là bất thiện". Vì tôi không như thật biết "Đây là thiện", không như thật biết "Đây là bất thiện" và nếu tôi trả lời: "Đây là thiện" hoặc trả lời: "Đây là bất thiện", có những Sa-môn, Bà-la-môn, bác học, tế nhị, nghị luận biện tài, biện bác như chia rẽ sợi tóc, những vị này đi chỗ này chỗ kia, như muốn đả phá các tà kiến với trí tuệ của chúng, chúng có thể đo tài, chất vấn và cật nạn tôi. Nếu chúng đo tài, chất vấn, cật nạn tôi, tôi có thể không giải đáp được cho chúng. Nếu tôi không giải đáp được cho chúng, thì tôi bị phiền muộn. Nếu tôi bị phiền muộn thì thành một chướng ngại cho tôi - Như vậy, vì sợ bị thử thách, vì chán ghét thử thách, nên vị ấy không trả lời: "Đây là thiện", cũng không trả lời: "Đây là bất thiện". Khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, vị ấy dùng lời nguy biện trườn uốn như con lươn: "Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế". - Đây các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ ba, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, chủ trương nguy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn.

27. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương nguy biện

luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn?

- Nay các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn, Bà-la-môn **đần độn ngu si**. Vị này, vì đần độn ngu si, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, liền dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn: "Anh hỏi tôi có một thế giới khác hay không?" Nếu tôi nghĩ "Có một thế giới khác", tôi có thể trả lời với anh: "Có một thế giới khác". Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế. Nếu anh hỏi tôi: "Không có một thế giới khác phải không?" Nếu tôi nghĩ: "Không có một thế giới khác", tôi có thể trả lời với anh: "Không có một thế giới khác". Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế. Nếu anh hỏi tôi "Không có một thế giới khác phải không?" (... như trên...) "Cũng có và cũng không có một thế giới khác?", "Cũng không có và cũng không không có một thế giới khác?", "Có loại hữu tình hóa sanh?", "Không có loại hữu tình hóa sanh?" , "Cũng có và cũng không có loại hữu tình hóa sanh?", "Cũng không có và cũng không không có loại hữu tình hóa sanh?", "Có kết quả dị thực của các nghiệp thiện và

ác?", "Không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện và ác?", "Cũng có và cũng không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện và ác?", "Cũng không có và cũng không không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện và ác?", "Như Lai có tồn tại sau khi chết?", "Như Lai không có tồn tại sau khi chết?", "Như Lai có và không có tồn tại sau khi chết?", "Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết?". Anh hỏi tôi như vậy. Nếu tôi nghĩ: "Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết". Tôi có thể trả lời: "Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết". Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế.

-Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ tư, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương nguy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn.

28. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương nguy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Nếu có những Sa-môn

hay Bà-la-môn nào chủ trương nguy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn, chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

29. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa. Và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, nay các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, nay các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

30. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn

chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với **hai luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh?

31. Nay các Tỷ-kheo, có những chư Thiên gọi là Vô tướng hữu tình. Khi một tướng niệm khởi lên, thời chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân chư Thiên của mình. Nay các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong loài hữu tình ấy, khi thác sanh từ bỏ thân chư Thiên ấy của mình, lại sanh đến cõi này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Vị ấy nhớ đến khi tướng niệm phát sanh, chớ không nhớ xa hơn nữa. Vị ấy nói: "Bản ngã và thế giới do vô nhân sanh. Tại sao vậy? Vì rằng tôi trước kia không có, nay tôi có. Từ nơi trạng thái không có, tôi trở thành loài hữu tình".

Nay các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh.

32. Trường hợp thứ hai, những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn là nhà biện luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ biện bác của suy luận và sự tùy thuận theo thẩm sát, vị ấy tuyên bố: "Bản ngã và thế giới vô nhân sanh".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh.

33. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh, chúng sẽ chấp cả hai luận chấp trên hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

34. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy, Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy.

Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

35. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn **luận bàn về quá khứ tối sơ**, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp trên. Này các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn hoặc Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác, chúng sẽ chấp cả **mười tám luận chấp** trên hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

36. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến cõi thú như vậy, sẽ tác thành những

định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa. Và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. **Và chính những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.**

37. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn **LUẬN BÀN VỀ TƯƠNG LAI**, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với **bốn mươi bốn luận chấp**. *Và những vị Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai đề xướng nhiều ý kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp?*

38. Nay các Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn **chủ trương hữu tướng sau khi chết, chấp bản ngã có tướng sau khi chết** với **mười sáu luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết, với mười sáu luận chấp?

- Những vị này chủ trương: "Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết có tướng".
- Chúng chủ trương: "Bản ngã có sắc và cũng không có sắc ...",
- "Bản ngã cũng không có sắc và cũng không không có sắc ...",
- "Bản ngã là hữu biên...",
- "Bản ngã là vô biên ...",
- "Bản ngã là hữu biên và vô biên",
- "Bản ngã cũng không hữu biên và cũng không vô biên ...",
- "Bản ngã là nhất tướng ...",
- "Bản ngã là dị tướng ...".
- "Bản ngã là thiếu tướng ...",
- "Bản ngã là vô lượng tướng ...",
- "Bản ngã là thuần lạc ...",

- "Bản ngã là thuần khổ ...",
- "Bản ngã là khổ lạc".
- Chúng chủ trương: "Bản ngã là không khổ không lạc, không có bệnh, sau khi chết có tướng".

39. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này chủ trương hữu tướng sau khi chết, chấp bản ngã có tướng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn này chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết, chúng sẽ chấp cả mười sáu luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

40. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy, Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, nay các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

→ Những pháp ấy, nay các Tỷ-kheo, là những pháp

sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý sông, té nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

TỤNG PHẨM THỨ HAI

1. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, **chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết** với tám luận chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận chấp?

2. Những vị này chủ trương:

- "Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết không có tướng",
- "Bản ngã không có sắc ...",
- "Bản ngã có sắc và cũng không có sắc ...",

- "Bản ngã không có sắc và cũng không không có sắc ...",
- "Là hữu biên ...", "Là vô biên ...",
- "Là hữu biên và vô biên ...".
- Các vị này chấp bản ngã là phi hữu biên và phi vô biên, không có bệnh, sau khi chết không có tướng.

3. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này **chủ trương Vô tướng luận sau khi chết**, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với **tám luận chấp**.
 - Nay các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết, chúng sẽ chấp cả tám luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, **ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.**

4. Nay các Tỷ-kheo. Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly

của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

→ Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý sông, té nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy nhưng ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

5. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn **chủ trương Phi Hữu tướng Phi Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng** với **tám luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Phi Hữu tướng Phi Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng với tám luận chấp?

6. Những vị này chấp:

- "Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết phi hữu tướng phi vô tướng... ",
- "Bản ngã là vô sắc... ",
- "Bản ngã có sắc và cũng không có sắc... ",

- "Bản ngã là phi hữu sắc và cũng phi vô sắc... ",
- "Bản ngã là hữu biên... ",
- "Bản ngã là vô biên... ",
- "Bản ngã là hữu biên và vô biên... ".

7. Những vị này chấp rằng: **Bản ngã là phi hữu biên và cũng phi vô biên, không có bệnh**, sau khi chết phi hữu tướng phi vô tướng, với **tám luận chấp**. Nay các Tỷ-kheo, nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào, chủ trương phi hữu tướng phi vô tướng, chúng sẽ chấp cả tám luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

8. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến những cỗi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. **Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh.** Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vi ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, nay các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

→ Những pháp ấy, nay các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu,

vượt ngoài tầm của luận lý sông, té nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

9. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, **chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, sự tiêu thất, sự hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chấp trước sự đoạn diệt, sự tiêu thất, sự hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp?

10. Này các Tỷ-kheo, có Sa-môn hoặc Bà-la-môn chủ trương lý thuyết và ý kiến: "Vì bản ngã này có sắc, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh ra, khi thân hoại bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã này như thế hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy một số người chủ trương sự đoạn diệt, sự tiêu thất và sự hủy hoại của loài hữu tình.

11. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn

diệt. Lại còn một bản ngã khác có thiên tánh, có sắc, thuộc dục giới, ăn các đồ ăn đoàn thực. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thể hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

12. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác có thiên tánh, có sắc, do ý tạo thành, mọi chi tiết tay chân lớn nhỏ đều đầy đủ, không khuyết một căn nào. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thể hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

13. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả sắc tướng, diệt trừ các tướng chống đối, không ức niệm

các dị tướng, nhận hiểu hư không là vô biên. - Đạt đến không vô biên xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thể hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

14. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả không vô biên xứ, nhận hiểu: Thức là vô biên. - Đạt đến Thức vô biên xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thể hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

15. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả Thức vô biên xứ, nhận hiểu: không có sở hữu. - Đạt đến Vô sở hữu xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy

khi thân hoại bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thể hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

16. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thể không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả Vô sở hữu xứ, nhận hiệu: Đây là tịch tịnh, đây là mỹ diệu. - Đạt đến Phi tướng Phi phi tướng xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thể hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

17. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, **chủ trương Đoạn diệt luận**, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu thất, hủy hoại của loài hữu tình với **bảy luận chấp**. Này các Tỷ-kheo, nếu có những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu thất, hủy hoại của loài hữu tình, chúng chấp cả bảy luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

18. Này các Tỷ-kheo. Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy, Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

→ Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết: và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

19. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn **chủ trương HIỆN TẠI NIẾT BÀN LUẬN**, chấp trước sự **tối thượng hiện tại Niết Bàn** của loài hữu tình với **năm luân chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-

môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hiện tại Niết bàn luận, chấp sự tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp?

20. Nay các Tỷ-kheo, có Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương và quan niệm: "Khi nào bản ngã này tận hưởng, **sung mãn năm món dục lạc**, như thế bản ngã ấy đạt đến tối thượng Niết Bàn của loài hữu tình".

21. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng Niết Bàn. Vì có sao? Vì rằng tính của dục lạc và vô thường, khổ, biến dịch. Vì tánh của chúng là biến dịch, chuyển hóa, nên ưu, bi, khổ, muộn, não phát sanh. Khi nào bản ngã ấy ly các dục lạc, ly các ác pháp, đạt đến và an trú vào **đê nhất thiên**; thiên định này có tầm, có tứ, có hỷ và có lạc, do ly dục sanh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn". Như vậy có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình.

22. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn. Vì có sao? Vì ở đây thiên định ấy có tầm, có tứ nên gọi là thô tháo. Khi

nào bản ngã ấy có tầm và tứ, đạt đến và an trú **đệ nhị thiên**. Thiên định này nội tâm yên tĩnh, trí chuyên nhất cảnh, không tầm, không tứ, hỷ lạc do định sanh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn". Như vậy có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình.

23. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn. Vì có sao? Vì ở đây tâm trí có hỷ và bị kích động nên gọi là thô tháo. Khi nào bản ngã ấy không tham hỷ, trú xả, chánh niệm, chánh trí, thân hưởng lạc mà các bậc thánh gọi là Hỷ niệm lạc trú - đạt đến và an trú **đệ tam thiên**". Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn. Như vậy, có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết Bàn. Như vậy, có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình.

24. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết bàn. Vì có sao? Vì ở đây tâm thọ lạc nên gọi là thô tháo. Khi nào bản ngã ấy xả lạc và xả khổ, diệt trừ hỷ và ưu về trước, đạt đến và an trú vào **đệ tứ thiên**. Thiên này không khổ,

không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn". Như vậy có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình.

25. **Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương Hiện tại Niết-bàn luận, chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp.** Này các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương Hiện tại Niết-bàn luận, chấp sự tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình, những vị này sẽ chấp cả năm luận chấp trên, hay một trong năm luận chấp trên, ngoài ra không còn một luận chấp nào khác nữa.

26. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy sẽ đưa đến những cỗi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn không có chấp thủ.

→ Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp

sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý sông, té nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

27. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, sẽ đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác. Chúng sẽ chấp bốn mươi bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

28. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của

chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

29. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy luận bàn về quá khứ tối sơ và luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với **sáu mươi hai luận chấp**. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác. Những vị ấy sẽ chấp sáu mươi hai luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

30. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến những cỗi thú như vậy, sẽ tác thành những định mệnh như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

31. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết, và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

32. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường trú với bốn luận chấp. **Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.**

33. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. **Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.**

34. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

35. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện truôn uôn như con lươn với bốn luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

36. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

37. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá

khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

38. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã có tướng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

39. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

40. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tướng Phi Vô tướng sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng sau khi chết với tám luận chấp. *Chủ trương ấy là kinh*

nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

41. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. *Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.*

42. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hiện tại Niết Bàn luận, chấp trước sự hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. *Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.*

43. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. *Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích*

thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

44. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. *Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.*

45. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường trú với bốn luận chấp. **Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).**

46. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. **Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).**

47. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

48. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi là do sự xúc chạm (của các căn).

49. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

50. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y chỉ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

51. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã có tướng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

52. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

53. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tướng Phi Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

54. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Đoạn biệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

55. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hiện tại Niết bàn luận, chấp trước sự hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

56. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát

khởi do sự xúc chạm (của các căn).

57. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

58. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp. **Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.**

59. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới, là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

60. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế

giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

61. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uồn như con lươn với bốn luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

62. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

63. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y chỉ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

64. Đây các Tỷ-kheo , ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã có tướng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ

trương trên, nếu không có cảm xúc.

65. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

66. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tướng Phi Vô tướng sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng sau khi chết với tám luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

67. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương, trên, nếu không có cảm xúc.

68. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hiện tại Niết Bàn luận, chấp trước sự hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

69. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-

la-môn, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

70. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

71. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận; những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Ngụy biện luận; những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Vô nhân luận; những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu tưởng luận sau khi chết, những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô

tưởng luận sau khi chết; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tưởng Phi Vô tưởng sau khi chết; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Đoạn diệt luận; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương hiện tại Niết Bàn luận; những Sa-môn, Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ; những Sa-môn, Bà-la-môn luận bàn về tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ vào quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. **Tất cả những vị này có những cảm thọ (những chủ trương trên) do sự xúc chạm qua sáu xúc xứ.**

Do duyên với những cảm thọ mà tham ái phát khởi; do duyên tham ái, thủ phát khởi; do duyên thủ, hữu phát khởi; do duyên hữu, sanh phát khởi, do duyên sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não phát khởi. Nay các Tỷ-kheo, khi Tỷ-kheo như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu chỗ xuất xứ, vị ấy sẽ có một sự hiểu biết vượt ra ngoài những điều trên.

72. Nay các Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn nào luận bàn về quá khứ tối sơ, hay luận bàn về tương lai, hay luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ vào quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến

sai khác tất cả **những vị này đều bị bao trùm bởi lưới của sáu mươi hai luận chấp này, dầu chúng nhảy vọt lên, chúng vẫn bị hạn cuộc bao phủ ở nơi đây.**

Này các Tỷ-kheo, cũng ví như người đánh cá lành nghề hay người học đánh cá vung lưới trên mặt hồ nước nhỏ có mắt sít sao. Người ấy nghĩ: "Những con cá lớn ở trong hồ nước nhỏ này, tất cả chúng đều bị bao phủ trong tấm lưới này, dầu chúng có nhảy vọt lên, chúng vẫn bị hạn cuộc bao phủ ở nơi đây". Cũng như vậy này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào, luận bàn về quá khứ tối sơ, hay luận bàn về tương lai, hay luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác, tất cả những vị này đều bị bao phủ trong lưới của sáu mươi hai luận chấp này; dầu có nhảy vọt lên, những vị này vẫn bị hạn cuộc bao phủ ở nơi đây.

73. **Này các Tỷ-kheo, thân của Như Lai còn tồn tại, những cái khiến đưa đến đời sống khác đã bị chấm dứt. Khi thân của vị này còn tồn tại thời chư Thiên và loài Người còn có thể thấy thân ấy. Khi thân hoại mạng chung, thời chư Thiên và loài Người không thể thấy được.**

Này các Tỷ-kheo, như nhánh có một chùm xoài bị chặt đứt, tất cả trái xoài dính với nhánh ấy đều bị chung một số phận với nhánh kia. Cũng như vậy này các Tỷ-kheo, thân của Như Lai còn tồn tại, nhưng cái khiến đưa đến một đời sống khác đã bị chặt đứt. Khi thân của vị này còn tồn tại thời chư Thiên và loài Người có thể thấy thân ấy. Khi thân hoại mạng chung thời chư Thiên và loài Người không thể thấy được.

74. Khi nghe nói vậy, đại đức Ananda bạch đức Thế Tôn:

- Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn! Hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Pháp môn này gọi là gì, bạch Thế Tôn?

- Này Ananda, pháp môn này gọi là "Lợi Vông", hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "Pháp Vông", hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "Phạm Vông", hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "Kiếm Vông", hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "Vô thượng Chiến thắng", hãy như vậy mà phụng trì.

Thế Tôn thuyết như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi kinh này được truyền thuyết, một ngàn thế giới đều rung động.

35 Khi nào không phải nương tựa một ai

- TIỂU KINH SACCAKA – 35 Trung I, 499

TIỂU KINH SACCAKA (Culasaccaka sutta)

– Bài kinh số 35 – *Trung I*, 499

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở tại Vesali, rừng Đại Lâm, tại giảng đường Trùng Các. Lúc bấy giờ Niganthaputta Saccaka ở tại Vesali tánh ưa luận chiến, biện luận thiện xảo, được số đông tôn kính. Vị này thường xuyên bố cho hội chúng ở Vesali: "Ta không thấy một Sa-môn hay một Bà-la-môn nào, là vị Hội chủ, là vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội, dầu tự cho là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, khi đối thoại với ta, không ai là không run sợ, không hoảng sợ, không khiếp sợ, không ai là không toát mồ hôi nách. Dầu ta có đối thoại với một cột trụ vô tình, cột trụ ấy khi đối thoại với ta cũng run sợ, cũng hoảng sợ, cũng khiếp sợ, huống nữa là một người thường".

Rồi Tôn giả Assaji vào buổi sáng đắp y, cầm bát vào Vesali để khát thực. Niganthaputta Saccaka, thường hay ngao du thiên hạ, thấy Tôn giả Assaji từ xa đi lại. Sau khi thấy, Niganthaputta Saccaka liền đến gần Tôn giả Assaji, nói lên những lời hỏi thăm, chào đón, xã giao rồi đứng một bên. Sau khi đứng một bên, Niganthaputta Saccaka nói với Tôn giả Assaji:

– Nay Tôn giả Assaji, Sa-môn Gotama huấn luyện đệ tử như thế nào? Và có những bộ môn nào mà phần lớn Sa-môn Gotama giảng dạy được dành cho đệ tử?

– Nay Aggivessana, như thế này, Thế Tôn huấn luyện đệ tử. Với những bộ môn như thế này, phần lớn Sa-môn Gotama giảng dạy được dành cho đệ tử: "Này các Tỷ-kheo, sắc là vô thường, thọ là vô thường, tưởng là vô thường, hành là vô thường, thức là vô thường. Này các Tỷ-kheo, sắc là vô ngã, thọ là vô ngã, tưởng là vô ngã, hành là vô ngã, thức là vô ngã. Tất cả hành là vô thường, tất cả pháp là vô ngã". Như vậy này Aggivessana, Thế Tôn huấn luyện các đệ tử. Như vậy là các bộ môn mà phần lớn Thế Tôn giảng dạy được dành cho đệ tử.

– Nay Tôn giả Assaji, thật sự chúng tôi đã thất

vọng khi nghe Sa-môn Gotama thuyết giảng như vậy. Rất có thể chúng tôi sẽ gặp Tôn giả Gotama một thời nào đó và tại một chỗ nào đó. Rất có thể sẽ có một cuộc thảo luận. Rất có thể chúng tôi sẽ đoạn trừ ác tà kiến ấy.

Lúc bấy giờ, có khoảng độ năm trăm vị Licchavi tập hợp tại giảng đường vì một vài công vụ. Rồi Niganthaputta Saccaka đến chỗ các Licchavi ấy, sau khi đến, liền nói các vị ấy như sau:

– Hãy đến, các Tôn giả Licchavi; hãy đến các Tôn giả Licchavi. Hôm nay sẽ có cuộc đàm luận giữa Sa-môn Gotama với ta. Nếu Sa-môn Gotama đứng đối thoại với ta như Tỷ-kheo Assaji, một vị đệ tử danh tiếng của ông ta đã làm, thì như một lực sĩ tay nắm chặt lông một con cừu có lông dài, có thể kéo tới, dặc lui, vằn quanh; cũng vậy, ta dùng lời nói, kéo tới, dặc lui, vằn quanh Sa-môn Gotama. Cũng như một người lực sĩ nấu rượu, sau khi nhận chìm một thùng rượu lớn xuống hồ nước sâu, nắm một góc thùng có thể kéo tới, dặc lui, vằn quanh; cũng vậy, ta dùng lời nói, kéo tới, dặc lui, vằn quanh Sa-môn Gotama. Và cũng như một lực sĩ nghiện rượu, sống phóng đãng, sau khi nắm góc một cái sàng, lắc qua lắc lại, lắc xoay quanh. Cũng vậy, ta sẽ dùng lời nói, lắc qua lắc lại, lắc xoay quanh Sa-môn Gotama. Và

cũng như một con voi lớn sáu mươi tuổi, sau khi lặn xuống một hồ nước sâu, lại chơi trò phun nước; cũng vậy, ta nghĩ ta sẽ chơi trò chơi phun nước với Sa-môn Gotama. Hãy đến, các Tôn giả Licchavi. Hãy đến các Tôn giả Licchavi. Hôm nay sẽ có cuộc đàm luận giữa Sa-môn Gotama với ta.

Một số Licchavi nói như sau:

– Làm sao Sa-môn Gotama có thể luận thắng Niganthaputta Saccaka? Niganthaputta Saccaka sẽ luận thắng Sa-môn Gotama.

Một số Licchavi lại nói như sau:

– Làm sao chỉ là Niganthaputta Saccaka lại có thể luận thắng Thế Tôn? Thế Tôn sẽ luận thắng Niganthaputta Saccaka.

Rồi Niganthaputta Saccaka với khoảng năm trăm Licchavi vây quanh, cùng đi đến Đại Lâm, giảng đường Trùng Các.

Lúc bấy giờ một số đông các Tỷ-kheo đang đi qua lại giữa trời. Niganthaputta Saccaka đến các Tỷ-kheo, sau khi đến, liền nói với các vị ấy:

– Chư Tôn giả, nay Tôn giả Gotama ở đâu?

Chúng tôi muốn yết kiến Tôn giả Gotama.

– Nayy Aggivessana, Thế Tôn sau khi đi sâu vào rừng Đại Lâm, đang ngồi dưới một gốc cây để nghỉ trưa.

Rồi Niganthaputta Saccaka cùng với đại chúng Licchavi, sau khi đi sâu vào rừng Đại Lâm, đến tại chỗ Thế Tôn. Sau khi đến Niganthaputta Saccaka nói lên với Thế Tôn những lời chúc tụng, hỏi thăm xã giao rồi ngồi xuống một bên. Một số Licchavi đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số Licchavi nói lên với Thế Tôn những lời chúc tụng, hỏi thăm xã giao rồi ngồi xuống một bên; một số Licchavi chấp tay vái Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số Licchavi xưng tên họ của mình rồi ngồi xuống một bên; một số Licchavi im lặng ngồi xuống một bên.

Niganthaputta Saccaka sau khi ngồi xuống một bên nói với Thế Tôn:

– Tôi muốn hỏi Tôn giả Gotama một vấn đề, nếu Tôn giả Gotama cho phép tôi được hỏi.

– Nayy Aggivessana, hãy hỏi như Ông muốn.

– Tôn giả Gotama huấn luyện đệ tử như thế nào?

Những bộ môn nào mà phần lớn Sa-môn Gotama giảng dạy được dành cho đệ tử?

– Nay Aggivessana, như thế này Ta huấn luyện đệ tử. Với những bộ môn này, **phần lớn Ta giảng dạy được dành cho đệ tử: "Này các Tỷ-kheo, sắc là vô thường, thọ là vô thường, tưởng là vô thường, hành là vô thường, thức là vô thường. Này các Tỷ-kheo, sắc là vô ngã, thọ là vô ngã, tưởng là vô ngã, hành là vô ngã, thức là vô ngã. Tất cả hành là vô thường, tất cả pháp là vô ngã".** Như vậy này Aggivessana, Ta huấn luyện các đệ tử. Các bộ môn như vậy, phần lớn ta giảng dạy được dành cho đệ tử.

– Nay Tôn giả Gotama, tôi có một ví dụ.

Thế Tôn nói:

– Nay Aggivessana, hãy nói lên ví dụ ấy.

– Như các hột giống, các cây cỏ này được lớn lên, được trưởng thành, được hưng thịnh là vì tất cả chúng đều y cứ vào đất, nương tựa vào đất. Nhờ vậy các hột giống, các cây cỏ này được lớn lên, được trưởng thành, được hưng thịnh. Tôn giả Gotama, như các công nghiệp nặng nhọc này được tạo tác, tất cả chúng đều y cứ vào đất, nương tựa vào đất. Nhờ vậy, các công nghiệp nặng nhọc này được tạo tác. **Cũng**

vậy, này Tôn giả Gotama, như người này mà tự ngã là sắc, nhờ nương tựa sắc làm thiện sự hay ác sự; như người này mà tự ngã là thọ, nhờ nương tựa thọ làm thiện sự hay ác sự; như người này mà tự ngã là tưởng, nhờ nương tựa tưởng làm thiện sự hay ác sự; như người này mà tự ngã là các hành, nhờ nương tựa các hành làm thiện sự hay ác sự; như người này mà tự ngã là thức, nhờ nương tựa thức làm thiện sự hay ác sự.

– Này Aggivessana, như vậy có phải ông nói: "Sắc là tự ngã của ta, thọ là tự ngã của ta, tưởng là tự ngã của ta, hành là tự ngã của ta, thức là tự ngã của ta"?

– Tôn giả Gotama, như vậy tôi nói: "Sắc là tự ngã của ta, thọ là tự ngã của ta, tưởng là tự ngã của ta, hành là tự ngã của ta, thức là tự ngã của ta". Và như đại chúng này cũng vậy.

– Này Aggivessana, đại chúng này có quan hệ gì với Ông? Này Aggivessana, hãy giải thích lời nói của Ông.

– Tôn giả Gotama, như vậy tôi nói: "Sắc là tự ngã của ta, thọ là tự ngã của ta, tưởng là tự ngã của ta, hành là tự ngã của ta, thức là tự ngã của ta".

– Nay Aggivessana, Ta sẽ hỏi Ông trở lại về vấn đề này. Ông có thể trả lời nếu Ông muốn. Nay Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Một vị vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, như vua Pasenadi nước Kosala, vua Ajatasattu con bà Vedehi nước Magadha, vua này có quyền hành trong quốc gia của mình, muốn giết những ai đáng bị giết, muốn tước đoạt những ai đáng bị tước đoạt, muốn tàn sát những ai đáng bị tàn sát không?

– Tôn giả Gotama, một vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, như vua Pasenadi nước Kosala, vua Ajatasattu, con bà Vedehi nước Magadha, vua này có quyền hành trong quốc gia của mình, muốn giết những ai đáng bị giết, muốn tước đoạt những ai đáng bị tước đoạt, muốn tàn sát những ai đáng bị tàn sát. Nay Tôn giả Gotama, cho đến các giáo đoàn, các đoàn thể, như các Vajji, các Malla, vẫn có quyền hành trong quốc gia của mình, muốn giết những ai đáng bị giết, muốn tước đoạt những ai đáng bị tước đoạt, muốn tàn sát những ai đáng bị tàn sát, còn nói gì một vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, như vua Pasenadi nước Kosala, vua Ajatasattu con bà Vedehi nước Magadha. Nay Tôn giả Gotama, vị ấy có quyền hành ấy và xứng đáng có quyền hành ấy.

– Nay Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như

Ông nói: "Sắc là tự ngã của ta", Ông có quyền hành gì đối với sắc ấy và có nói được rằng: "Sắc của tôi như thế này, sắc của tôi không phải như thế này" không?

Được nói vậy Niganthaputta Saccaka giữ im lặng. Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Niganthaputta Saccaka:

– Nay Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như Ông nói: "Sắc là tự ngã của ta", Ông có quyền hành gì đối với sắc ấy và có nói được rằng: "Sắc của tôi phải như thế này, sắc của tôi không phải như thế này" không?

– Lần thứ hai, Niganthaputta Saccaka vẫn giữ im lặng.

Rồi Thế Tôn nói với Niganthaputta Saccaka:

– Nay Aggivessana, nay Ông phải trả lời. Nay không phải lúc Ông giữ im lặng nữa. Nay Aggivessana, ai được Như Lai hỏi đến lần thứ ba một câu hỏi hợp lý mà không trả lời, thời đầu của người ấy sẽ bị bẻ ra làm bảy mảnh tại chỗ.

Lúc bấy giờ **thần Dạ xoa Vajirapani (Kim Cang Thủ)** đang cầm một chùy sắt to lớn, cháy đỏ, sáng

chói, đứng trên không trên đầu Niganthaputta Saccaka với ý định: "Nếu Thế Tôn hỏi đến câu hỏi thứ ba, một câu hỏi hợp lý mà Niganthaputta Saccaka không trả lời, thì ta sẽ đánh bể đầu nó ra làm bảy mảnh". Chỉ có Thế Tôn và Niganthaputta Saccaka mới thấy thần Dạ xoa Vajirapani. Niganthaputta Saccaka sợ hãi, hoảng hốt, lông tóc dựng, ngược, chỉ tìm thấy sự che chở nơi Thế Tôn, chỉ tìm thấy sự an ổn nơi Thế Tôn, chỉ tìm thấy sự nương tựa nơi Thế Tôn, liền bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama hãy hỏi tôi, tôi sẽ trả lời.

– Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như Ông nói: "Sắc là tự ngã của ta", thì Ông có quyền hành gì đối với sắc ấy và có nói được rằng: "Sắc của tôi phải như thế này, sắc của tôi không phải như thế này" không?

– Thừa không, Tôn giả Gotama.

– Hãy suy nghiệm kỹ, này Aggivessana. Sau khi suy nghiệm kỹ, này Aggivessana, Ông hãy trả lời. Lời nói cuối của Ông không phù hợp lời nói đầu của Ông, lời nói đầu của Ông không phù hợp lời nói cuối của Ông. Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như Ông nói: "Thọ là tự ngã của ta", Ông có quyền hành gì đối với thọ ấy và có nói được, rằng: "Thọ của tôi

phải như thế này, thọ của tôi không phải như thế này" không?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Hãy suy nghiệm kỹ, này Aggivessana. Sau khi suy nghiệm kỹ, này Aggivessana, Ông hãy trả lời. Lời nói cuối của Ông không phù hợp lời nói đầu của Ông, lời nói đầu của Ông không phù hợp lời nói cuối của Ông. Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như Ông nói: "Tuởng là tự ngã của ta", Ông có quyền hành gì đối với tuởng ấy và có nói được rằng: "Tuởng của tôi phải như thế này, tuởng của tôi không phải như thế này" không?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Hãy suy nghiệm kỹ, này Aggivessana. Sau khi suy nghiệm kỹ, này Aggivessana, Ông hãy trả lời. Lời nói cuối của Ông không phù hợp lời nói đầu của Ông, lời nói đầu của Ông không phù hợp lời nói cuối của Ông. Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như Ông nói: "Các hành là tự ngã của ta", Ông quyền hành gì đối với tự ngã ấy và có nói được rằng: "Các hành của tôi phải như thế này, các hành của tôi không phải như thế này" không?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Hãy suy nghiệm kỹ, này Aggivessana. Sau khi suy nghiệm kỹ, này Aggivessana, Ông hãy trả lời. Lời nói cuối của Ông không phù hợp lời nói đầu của Ông, lời nói đầu của Ông không phù hợp lời nói cuối của Ông. Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như Ông nói: "Thức là tự ngã của ta", Ông quyền hành gì đối với tự ngã ấy và có nói được rằng: "Thức của tôi phải như thế này, thức của tôi không phải như thế này" không?

- Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Hãy suy nghiệm kỹ, này Aggivessana. Sau khi suy nghiệm kỹ, này Aggivessana, Ông hãy trả lời. Lời nói cuối của Ông không phù hợp lời nói đầu của Ông, lời nói đầu của Ông không phù hợp lời nói cuối của Ông.

Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?

– Vô thường, Tôn giả Gotama.

– Cái gì vô thường thì cái ấy là khổ hay lạc?

– Là khổ, Tôn giả Gotama.

– Cái gì vô thường, khổ, biến hoại; có hợp lý

chẳng khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thừa không, Tôn giả Gotama.

– Nay Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Thọ... (như trên)... tưởng... (như trên)... các hành... (như trên)... Nay Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Thức là thường hay vô thường?

– Vô thường, Tôn giả Gotama.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, Tôn giả Gotama.

– Cái gì vô thường, khổ, biến hoại; có hợp lý chẳng khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thừa không, Tôn giả Gotama.

– Nay Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Ai ái luyến khổ, chấp trước khổ, tham đắm khổ, quán khổ và nói: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi". Người ấy có thể liễu tri cái khổ của tự mình hay có thể sống trừ diệt khổ không?

– Làm sao có thể được, Tôn giả Gotama? Không thể như vậy, Tôn giả Gotama.

– Nay Aggivessana, như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây, đi chỗ này chỗ kia tìm kiếm lõi cây. Người ấy cầm một cái búa sắc bén, đi vào rừng. Người ấy có thể thấy ở đây thân một cây chuối lớn thẳng đứng, còn trẻ, không có khúc đốt. Người ấy có thể chặt gốc cây ấy. Sau khi chặt gốc cây, người ấy chặt ngọn cây. Sau khi chặt ngọn cây, người ấy có thể lột ra các lá cuộn tròn. Nhưng khi lột ra các lá cuộn tròn, người ấy không tìm được giác cây, còn nói gì đến lõi cây.

Cũng vậy này Aggivessana, khi được Ta hỏi, Ta cật vấn, Ta chất vấn về những lời của Ông, Ông đã tự tỏ ra trống rỗng, trống không, thất bại. Nhưng này Aggivessana, những lời nói mà Ông tuyên bố cho hội chúng ở Vesali: *"Ta không thấy một Sa-môn hay Bà-la-môn nào, là vị Hội chủ, là vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội, dầu có tự cho là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, khi đối thoại với Ta, không ai là không run sợ, không hoảng sợ, không khiếp sợ, không ai là không bị toát mồ hôi nách. Dầu Ta có đối thoại với một cột trụ vô tình, cột trụ ấy khi đối thoại với ta cũng run sợ, cũng hoảng sợ, cũng khiếp sợ, huống nữa là một người thường"*. Nhưng chính

từ nơi trán của Ông, này một người thường. Nhưng chính từ nơi trán của ông, này Aggivessana, những giọt mồ hôi đang chảy xuống, sau khi thấm qua thượng y, đang rơi xuống đất. Còn Ta, này Aggivessana, nay không có mồ hôi nào trên thân Ta.

Rồi Thế Tôn để lộ kim thân cho Hội chúng ấy thấy. Khi nghe nói vậy, Niganthaputta Saccaka im lặng, hỏ then, thụt vai, cúi đầu, ngồi bàng hoàng, không nói một lời.

Rồi Dummukha, một người con Licchavi, biết được Niganthaputta Saccaka im lặng, hỏ then, thụt vai, cúi đầu, ngồi bàng hoàng, không nói một lời, liền bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con có một ví dụ.

Thế Tôn nói:

– Này Dummukha, hãy nói lên ví dụ ấy.

– Bạch Thế Tôn, như một hồ sen không xa làng hay thị trấn bao nhiêu, ở đây có con cua. Bạch Thế Tôn, rồi một số đông con trai hay con gái đi ra khỏi làng hay thị trấn ấy, đến tại hồ sen kia, sau khi đến, lặn xuống hồ nước ấy bắt con cua lên và đặt nó trên đất khô. Bạch Thế Tôn, **khi con cua này thò ra cái**

càng nào, thì các đũa con trai hay con gái ấy, với cái gậy hay miếng sành, chặt, bẻ gãy và đập nát cái càng ấy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con của ấy bị chặt, bị bẻ gãy, bị đập nát tất cả càng, không thể lợi xuống hồ sen ấy như trước.

Cũng vậy, bạch Thế Tôn, mọi khúc thuyết, gian kế, tranh luận của Niganthaputta Saccaka đã bị Thế Tôn chặt đứt, bẻ gãy, đập tan. Và nay, bạch Thế Tôn, Niganthaputta Saccaka, không thể đến gặp Thế Tôn, chớ đừng nói là có ý định đàm luận.

Khi được nghe nói vậy, Niganthaputta Saccaka nói với Licchavi Dummukha:

– Ông hãy ngừng nói, Dummukha! Ông hãy ngừng nói, Dummukha! Chúng tôi không đàm luận với Ông. Chúng tôi đang đàm luận với Tôn giả Gotama. Tôn giả Gotama, hãy để yên những lời nói của chúng tôi và lời nói của các Sa-môn, Bà-la-môn khác. Tôi nghĩ cuộc đàm luận vô bổ này thật đáng hối tiếc! *Cho đến mức độ nào, một đệ tử Thanh văn của Tôn giả Gotama trở thành tuân phụng giáo điển, chấp nhận giảng huấn, nghỉ ngơi được đoạn trừ, do dự được diệt tận, thành tựu vô úy, sống trong giáo hội Bốn Sư, khỏi phải nương tựa vào ai?*

– Ở đây, này Aggivessana, đệ tử Thanh văn của

Ta, đối với mọi **sắc** pháp, quá khứ, tương lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, thấy như thật với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Đối với mọi **cảm thọ**... đối với mọi **tướng**... đối với mọi **hành**... đối với mọi **thức**, quá khứ, tương lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, thấy như thật với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Cho đến mức độ như vậy, này Aggivessana, một đệ tử Thanh văn của Ta trở thành tuân phụng giáo điển, chấp nhận giảng huấn, nghi ngờ được đoạn trừ, do dự được diệt tận, thành tựu vô úy, sống trong giáo hội Bốn Sư, khỏi phải nương tựa một ai.

– Cho đến mức độ nào, này Tôn giả Gotama, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, các mục tiêu đạt, hữu kiết sử đã đoạn trừ, được chánh trí giải thoát?

– Ở đây, này Aggivessana, Tỷ-kheo đối với bất cứ sắc pháp nào, quá khứ, tương lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả các sắc pháp, sau khi như thật quán sát với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải

là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", chúng được vô chấp thủ giải thoát. Đối với bất cứ thọ nào... bất cứ tưởng nào... bất cứ hành nào... đối với bất cứ thức nào, quá khứ, tương lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả các thức, sau khi như thật quán sát với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", **chúng được vô chấp thủ giải thoát**. Cho đến mức độ này, này Aggivessana, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm đã đặt gánh nặng xuống, các mục tiêu đã đạt, hữu kiết sử đã đoạn trừ, được chánh trí giải thoát. *Với tâm giải thoát như vậy, này Aggivessana, Tỷ-kheo thành tựu ba pháp vô thượng: Kiến vô thượng, Đạo vô thượng, Giải thoát vô thượng.* **Được giải thoát như vậy, này Aggivessana, vì ấy chỉ kính lễ, tôn trọng, dẫn lễ, cúng dường Như Lai:** "Thế Tôn đã giác ngộ, Ngài thuyết pháp để giác ngộ. Thế Tôn đã điều phục, Ngài thuyết pháp để điều phục. Thế Tôn đã tịch tĩnh, Ngài thuyết pháp để tịch tĩnh. Thế Tôn đã vượt qua, Ngài thuyết pháp để vượt qua. Thế Tôn đã chứng Niết-bàn, Ngài thuyết pháp để chứng Niết-bàn".

Được nghe nói vậy, Niganthaputta bạch với Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, chúng tôi thật là lỗ mãng, chúng tôi thật là khinh suất. Chúng tôi đã dám nghĩ dùng lời nói để luận chiến với Tôn giả Gotama! Nay Tôn giả Gotama, **rất có thể còn có sự an toàn cho một người chiến đấu với con voi điên, nhưng không thể có sự an toàn cho một người chiến đấu chống Tôn giả Gotama!** Nay Tôn giả Gotama, rất có thể còn có sự an toàn cho một người chiến đấu chống đám lửa hừng, nhưng không thể có sự an toàn cho một người chiến đấu chống Tôn giả Gotama! Nay Tôn giả Gotama, rất có thể còn có sự an toàn cho một người chiến đấu với con rắn độc dữ tợn, nhưng không thể có sự an toàn cho một người chiến đấu với Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, chúng tôi thật là lỗ mãng, chúng tôi thật là khinh suất. Chúng tôi đã dám nghĩ, dùng lời nói để luận chiến với Tôn giả Gotama! Mong Tôn giả Gotama nhận lời, ngày mai dùng bữa ăn của tôi cùng với chúng Tỷ-kheo!

Thế Tôn im lặng nhận lời.

Rồi Niganthaputta Saccaka, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, liền nói với các Licchavi:

– Các Tôn giả Licchavi hãy nghe tôi. Sa-môn Gotama ngày mai được mời ăn với chúng Tỷ-kheo. Hãy đem đến cho tôi những gì quý vị nghĩ là hợp

thời.

Rồi những Licchavi ấy, sau khi đêm ấy đã mãn cho đem đến Niganthaputta Saccaka khoảng năm trăm phần com cúng dường nấu với sữa. Rồi Niganthaputta Saccaka, tại vườn của mình, cho soạn các món ăn thịnh soạn, loại cứng và loại mềm, rồi cho báo tin giờ cho Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, nay đã đến giờ. Com đã sửa soạn xong.

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến khu vườn của Niganthaputta Saccaka, sau khi đến, Ngài ngồi trên chỗ đã soạn sẵn cùng với chúng Tỷ-kheo. Rồi Niganthaputta Saccaka, tự tay hầu hạ các món ăn thịnh soạn loại cứng và loại mềm cho chúng Tỷ-kheo, cầm đầu là đức Phật. Rồi Niganthaputta sau khi biết Thế Tôn dùng bữa ăn đã xong, tay đã rời khỏi bát, liền lấy một chiếc ghế thấp khác và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Niganthaputta Saccaka bạch Thế Tôn:

– Nay Tôn giả Gotama, trong cuộc bố thí này, nếu có công đức và công đức địa, mong rằng những vị bố thí sẽ được hưởng hạnh phúc.

– Nay Aggivessana, sẽ có (công đức) cho những

người bố thí, đối với người đáng được cúng dường như Ông, dầu Ông không phải là không có tham, không phải là không có sân, không phải là không có si; sẽ có (công đức) cho Ông, này Aggivessana, đối với người đáng được cúng dường như Ta, và **Ta là người không có tham, không có sân, không có si.**

36 Khi thân hoại mạng chung chứng được... - Kinh NGƯỜI XỨNG ĐÁNG ĐƯỢC CUNG KÍNH – Tăng III, 482

NGƯỜI XỨNG ĐÁNG ĐƯỢC CUNG KÍNH – Tăng III, 482

1. - Nay các Tỷ-kheo, có bảy hạng người này, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời. Thế nào là bảy?

2. Ở đời, này các Tỷ-kheo, có hạng người sống *tùy quán vô thường trên con mắt, tưởng vô thường, cảm thọ vô thường, trong tất cả thời, liên tục, không có gián đoạn, với tâm thắng giải, với tuệ thể nhập*. Vị ấy, *với sự đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát*. Nay các Tỷ-kheo, đây là hạng người thứ nhất đáng được cung kính ... là phước điền vô thượng ở đời.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có hạng người sống tùy quán vô thường trên con mắt, tưởng vô thường, cảm thọ vô thường, trong tất cả thời, liên tục, không có gián đoạn, với tâm thắng giải, với tuệ thể nhập. Với vị ấy, *sự chấm dứt các lậu hoặc và sự chấm dứt sanh*

mang xảy đến một lần, không trước không sau. Đây các Tỷ-kheo, đây là hạng người thứ hai đáng được cung kính ... là phước điền vô thượng ở đời.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có hạng người sống tùy quán vô thường trên con mắt, tướng vô thường, cảm thọ vô thường, trong tất cả thời, liên tục, không có gián đoạn, với tâm thẳng giải, với tuệ thể nhập. Vi ấy sau khi diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Trung gian Bát-Niết-bàn.

... chứng được Tôn hạp Bát Niết-bàn

... chứng được Vô hành Bát-Niết-bàn

... chứng được Hữu hành Bát-Niết-bàn

... chứng được thượng lưu, đạt được Sắc cứu cánh.

Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người thứ bảy đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời.

Này các Tỷ-kheo, bảy hạng người này đáng được cung kính ... là ruộng phước vô thượng ở đời.

CÁC NGƯỜI KHÁC ĐÁNG ĐƯỢC CUNG KÍNH –Tăng III, 484

1. - Nay các Tỷ-kheo, có bảy hạng người này, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời. Thế nào là bảy?

2. Ở đây, có hạng người sống tùy quán trên

... tùy quán khổ trên con mắt, tưởng khổ, cảm thọ khổ, trong tất cả thời, liên tục, không có gián đoạn, với tâm thẳng giải, với tuệ thể nhập. Vị ấy với sự đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, chứng ngộ...

... tùy quán vô ngã trên con mắt

... tùy quán diệt tận trên con mắt

... tùy quán hoại diệt trên con mắt

... tùy quán ly tham trên con mắt

... tùy quán đoạn diệt trên con mắt

... tùy quán từ bỏ trên con mắt

*... trên tai ... trên mũi ... trên lưỡi ... trên thân ...
trên ý*

Ở đây, có hạng người sống tùy quán ... *trên các sắc*
... trên các tiếng ... trên các hương ... trên các vị ...
trên các xúc ... trên các pháp

Ở đây, có hạng người sống tùy quán ... *trên nhãn*
thức ... trên thân thức ... trên ý thức

Ở đây, có hạng người sống tùy quán ... *trên nhãn xúc*
... trên nhĩ xúc ... trên tỷ xúc.. trên thiệt xúc ... trên
thân xúc ... trên ý xúc

Ở đây, có hạng người sống tùy quán ... *trên thọ do*
nhãn xúc sanh ... trên thọ do nhĩ xúc sanh ... trên thọ
do tỷ xúc sanh ... trên thọ do thiệt xúc sanh ... trên
thọ do thân xúc sanh ... trên thọ do ý xúc sanh

Ở đây, có hạng người sống tùy quán ... *trên sắc*
tưởng ... trên thanh tưởng ... trên hương tưởng ...
trên vị tưởng ... trên xúc tưởng ... trên pháp tưởng

Ở đây, có hạng người sống tùy quán ... *trên sắc tư*
... trên thanh tư ... trên hương tư ... trên vị tư ... trên
xúc tư ... trên pháp tư

Ở đây, có hạng người sống tùy quán ... *trên sắc ái* ...
trên thanh ái ... trên hương ái ... trên vị ái ... trên xúc
ái ... trên pháp ái

Ở đây, có hạng người sống tùy quán ... *trên sắc*
tâm... *trên thanh tâm ... trên hương tâm ... trên vị*
tâm ... trên xúc tâm ... trên pháp tâm

Ở đây, có hạng người sống tùy quán ... *trên sắc tứ*
... trên thanh tứ ... trên hương tứ ... trên vị tứ ... trên
xúc tứ ... trên pháp tứ

Ở đây, có hạng người sống tùy quán ... *trên sắc uẩn*
... trên thọ uẩn ... trên tưởng uẩn ... trên hành uẩn
... sống tùy quán vô thường trên thức uẩn

... sống tùy quán khổ...

... sống tùy quán vô ngã...

... sống tùy quán diệt tận...

... sống tùy quán hoại diệt...

... sống tùy quán ly tham...

... sống tùy quán đoạn diệt...

... sống tùy quán từ bỏ...

Ở đây, có hạng người sống tùy quán từ bỏ, tưởng từ bỏ, cảm thọ từ bỏ, trong tất cả thời, liên tục, không có gián đoạn, với tâm thẳng giải, với tuệ thể nhập. Vì vậy, với sự đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Đây các Tỷ-kheo, đây là hạng người thứ nhất đáng được cung kính ... là phước điền vô thượng ở đời.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có hạng người sống tùy quán từ bỏ, tưởng từ bỏ, cảm thọ từ bỏ, trong tất cả thời, liên tục, không có gián đoạn, với tâm thẳng giải, với tuệ thể nhập . Với vì vậy, sự chấm dứt các lậu hoặc và sự chấm dứt sanh mạng xảy đến một lần, không trước không sau. Đây các Tỷ-kheo, đây là hạng người thứ hai đáng được cung kính ... là phước điền vô thượng ở đời.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có hạng người sống tùy quán từ bỏ, tưởng từ bỏ, cảm thọ từ bỏ, trong tất cả thời, liên tục, không có gián đoạn, với tâm thẳng giải, với tuệ thể nhập. Vì vậy sau khi diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Trung gian Bát-Niết-bàn

... chứng được Tổn hại Bát Niết-bàn

... chứng được Vô hành Bát-Niết-bàn

... chúng được Hữu hành Bát-Niết-bàn

... chúng được thượng lưu, đạt được Sắc cứu cánh.

Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người thứ bảy đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời.

Này các Tỷ-kheo, bảy hạng người này đáng được cung kính ... là ruộng phước vô thượng ở đời.

37 Khi thân hoại mạng chung chứng được... - Kinh VỚI MỘT VÀI NỖ LỰC – Tăng II, 111

VỚI MỘT VÀI NỖ LỰC – Tăng II, 111

1. - Nay các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là bốn?

- ➔ Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có hạng người ngay trong hiện tại chứng được **Hữu hành Niết-bàn**.
- ➔ Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có hạng người khi thân hoại mạng chung, chứng được Hữu hành Niết-bàn.
- ➔ Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có hạng người ngay trong hiện tại chứng được **Vô hành Niết-bàn**.
- ➔ Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có hạng người khi thân hoại mạng chung, chứng được Vô hành Niết-bàn.

2. Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người ngay trong hiện tại chứng được **Hữu hành Niết-bàn**?

- Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống **quán bất tịnh trên thân**, với tướng nhàm chán đối với các món ăn, với tướng không hoan hỷ đối

với tất cả thế giới, quán vô thường đối với tất cả hành, với tướng, chết, khéo an trú nội tâm.

- Vị ấy sống y cứ trên năm hữu học lực, tức là tín lực ... tuệ lực.
- Với vị ấy, năm căn này hiện khởi rất dồi dào, tức là tín căn ... tuệ căn. Vị ấy, do năm căn này hiện ra rất dồi dào, ngay trong hiện tại, chúng được Hữu hành Niết-bàn.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người sau khi thân hoại mạng chung, chúng được Hữu hành Niết-bàn?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống quán bất tịnh trên thân ... với tướng chết, khéo an trú trên nội tâm.
- Vị ấy sống y cứ trên năm hữu học lực, tức là tín lực ... tuệ lực.
- Với vị ấy, năm căn này hiện khởi mềm yếu, tức là tín căn ... tuệ căn. Vị ấy, do năm căn này hiện ra mềm yếu, khi thân hoại mạng chung, vị ấy chúng được Hữu hành Niết-bàn.

*4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người ngay trong hiện tại chúng được **Vô hành Niết-bàn**?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly pháp bất thiện, chứng đạt và an trú **Thiền thứ nhất ... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư**.
- Vị ấy sống y cứ trên năm hữu học lực, tức là tín lực ... tuệ lực.
- Với vị ấy, năm căn này *hiện khởi* **dồi dào**, tức là tín căn ... tuệ căn. Do năm căn này dồi dào, vị ấy ngay trong hiện tại, chứng được Vô hành Niết-bàn.

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người sau khi thân hoại mạng chung, chứng được Vô hành Niết-bàn?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly pháp bất thiện ... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư.
- Vị ấy sống y cứ trên năm hữu học lực, tức là tín lực ... tuệ lực.
- Với vị ấy, năm căn này khởi lên **mềm yếu**, tức là tín căn ... tuệ căn. Do năm căn này mềm yếu, vị ấy khi thân hoại mạng chung, chứng được Vô hành Niết-bàn.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời.

38 Khi thân hoại mạng chung chứng được... - Kinh KHÔNG THƯỜNG XUYÊN – Tăng III, 292

KHÔNG THƯỜNG XUYÊN – Tăng III, 292

1. - Có bảy hạng người này, này các Tỷ-kheo, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời.

2. Thế nào là bảy?

Ở đây, có bảy hạng người sống: Tùy quán vô thường trong tất cả hành, Tưởng vô thường, Cảm thọ vô thường; trong tất cả thời, liên tục, không có gián đoạn, với tâm thẳng giải với tuệ thể nhập. *Vị ấy, với sự đoạn diệt các lậu hoặc...* sau khi chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Đây là bảy hạng người thứ nhất đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có bảy hạng người sống tùy quán vô thường... với tuệ thể nhập. *Với vị ấy, sự chấm dứt các lậu hoặc và sự chấm dứt sinh mạng xảy đến một lần, không trước không sau*. Đây

là hạng người thứ hai, này các Tỷ-kheo... vô thượng ở đời.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người sống tùy quán vô thường... với tuệ thể nhập. *Vị ấy, sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, chứng được Trung gian Niết-bàn...*

...chứng được Tôn hạp Niết-bàn...

...chứng được Vô hành Niết-bàn...

...chứng được Hữu hành Niết-bàn...

...chứng được Thượng lưu, đạt được Sắc cứu cánh.
Đây là hạng người thứ bảy, này các Tỷ-kheo, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời.

Bảy hạng người này, này các Tỷ-kheo, đáng được cung kính... vô thượng ở đời.

KHỔ – VÔ NGÃ – TỊCH TỊNH – *Tăng III, 293*

1. - Có bảy hạng người này, này các Tỷ-kheo, đáng được cung kính... ở đời. Thế nào là bảy?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người sống: tùy quán khổ trong tất cả các hành... sống tùy quán vô ngã trong tất cả các pháp... sống tùy quán lạc trong Niết-bàn, tưởng lạc, cảm thọ lạc trong tất cả thời, liên tục, không có gián đoạn, với tâm thẳng giải, với tuệ thể nhập. **Vì ấy với sự đoạn diệt các lậu hoặc...** sau khi chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Đây là hạng người thứ nhất đáng được cung kính... là ruộng phước vô thượng ở đời.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người sống tùy quán khổ trong tất cả hành... sống tùy quán vô ngã trong tất cả pháp... quán lạc trong Niết-bàn, tưởng lạc cảm thọ lạc, trong tất cả thời, liên tục, không có gián đoạn, với tâm thẳng giải, với tuệ thể nhập. **Với vì ấy, sự chấm dứt các lậu hoặc và sự chấm dứt sinh mạng xảy đến một lần, không trước không sau.** Đây là hạng người thứ hai đáng được cung kính... là ruộng phước vô thượng ở đời.

4. Lại nữa , này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người sống tùy quán... quán lạc trong Niết-bàn, tưởng lạc, cảm thọ lạc trong tất cả thời, liên tục, không có gián đoạn, với tâm thẳng giải, với tuệ thể nhập. **Vì ấy với sự đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, chứng được Trung gian Niết-bàn...,**

...chứng được Tồn hại Niết-bàn...

...chúng được Vô hành Niết-bàn...

...chúng được Hữu hành Niết-bàn...

....chúng được Thượng lưu, đạt được Sắc cứu cánh.

Đây là hạng người thứ bảy, này các Tỷ-kheo, đáng được cung kính... là ruộng phước vô thượng ở đời.

Này các Tỷ-kheo, đây là bảy hạng người ở đời đáng được cung kính... là ruộng phước vô thượng ở đời.

39 Kinh an - 10 kinh an - Kinh Sống Một Mình
– Tương IV, 349

Sống Một Mình – *Tương IV, 349*

1) ...

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Ở đây, bạch Thế Tôn, khi con sống một mình, Thiền tịnh, tâm tư như sau được khởi lên: "Thế Tôn dạy có ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ". Ba thọ này được Thế Tôn thuyết dạy. Nhưng Thế Tôn lại nói: "Phàm cái gì được cảm thọ, cái ấy nằm trong đau khổ". Do liên hệ đến cái gì, lời nói này được Thế Tôn nói lên: "Phàm cái gì được cảm thọ, cái ấy nằm trong đau khổ"?

4) -- Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Này Tỷ-kheo, Ta nói rằng có ba thọ này: lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Ba thọ này được Ta nói đến. Nhưng này Tỷ-kheo, Ta lại nói: "**Phàm cái gì được cảm thọ, cái ấy nằm trong đau khổ**". Chính vì liên hệ đến tánh vô thường của các hành mà lời ấy được Ta nói lên: "**Phàm cái gì được cảm thọ, cái ấy nằm trong**

đau khổ". Chính vì liên hệ đến tánh đoạn tận, tánh tiêu vong, tánh ly tham, tánh đoạn diệt, tánh biến hoại của các hành mà lời ấy được Ta nói lên: "Phàm cái gì được cảm thọ, cái ấy nằm trong đau khổ".

5) Nhưng này Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng sự đoạn diệt các hành là tuần tự:

1. Khi chứng được Thiền thứ nhứt, **lời nói** được đoạn diệt;
2. Khi chứng Thiền thứ hai, **tâm tứ** được đoạn diệt;
3. Khi chứng Thiền thứ ba, **hỷ** được đoạn diệt;
4. Khi chứng Thiền thứ tư, **hơi thở vô, hơi thở ra** được đoạn diệt;
5. Khi chứng Không vô biên xứ, **sắc tưởng** được đoạn diệt;
6. Khi chứng Thức vô biên xứ, **Không vô biên xứ tưởng** được đoạn diệt;
7. Khi chứng Vô sở hữu xứ, **Thức vô biên xứ tưởng** được đoạn diệt;
8. Khi chứng Phi tướng phi phi tướng xứ, **Vô sở hữu xứ tưởng** được đoạn diệt;
9. Khi chứng Diệt thọ tướng định, **tưởng và thọ** được đoạn diệt.

10. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, **tham** được đoạn diệt, **sân** được đoạn diệt, **si** được đoạn diệt.

6) Nay các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng **sự tịnh chỉ các hành là tuần tự**;

- Khi chứng Thiền thứ nhất, lời nói được tịnh chỉ;
- Khi chứng Thiền thứ hai, tâm tứ được tịnh chỉ...
- ... Khi chứng Diệt thọ tướng định, tướng và thọ được tịnh chỉ.
- Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tham được tịnh chỉ, sân được tịnh chỉ, si được tịnh chỉ.

7) Nay các Tỷ-kheo, có **mười khinh an** này:

1. Khi chứng Thiền thứ nhất, lời nói được khinh an;
2. Khi chứng Thiền thứ hai, tâm tứ được khinh an;
3. Khi chứng Thiền thứ ba, hỷ được khinh an;
4. Khi chứng Thiền thứ tư, hơi thở vô, hơi thở ra được khinh an;
5. Khi chứng Không vô biên xứ, sắc tướng được khinh an;
6. Khi chứng Thức vô biên xứ, Không vô biên xứ tướng được đoạn diệt;

7. Khi chúng Vô sở hữu xứ, Thức vô biên xứ tướng được khinh an;
8. Khi chúng Phi tướng phi phi tướng xứ, Vô sở hữu xứ tướng được khinh an;
9. Khi chúng Diệt thọ tướng định, tướng và thọ được khinh an.
10. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tham được khinh an, sân được khinh an, si được khinh an.

40 **Khinh an - 6 khinh an - Kinh Tám Lần** **1 – Tương IV, Atthaka – Tương IV, 357**

Tám Lần – Atthaka – *Tương IV*, 357

1) ...

2) Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, thế nào là các thọ? Thế nào là thọ tập khởi? Thế nào là thọ đoạn diệt? Thế nào là con đường đưa đến thọ đoạn diệt? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là sự nguy hiểm của thọ? Thế nào là sự xuất ly của thọ?

4) -- Nay các Tỷ-kheo,

- Có ba thọ này: lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là các thọ.
- Do xúc tập khởi nên thọ tập khởi.
- Do xúc đoạn diệt nên thọ đoạn diệt.

- Con đường Thánh đạo Tám ngành này là con đường đưa đến thọ đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định.
- Do duyên thọ khởi lên lạc hỷ gì, đây là vị ngọt của thọ.
- Tánh vô thường, khổ, chịu sự biến hoại của thọ là sự nguy hiểm của thọ.
- Sự nhiếp phục dục tham, sự đoạn tận dục tham đối với thọ là sự xuất ly của thọ.

5) Nay các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng **sự đoạn diệt của thọ là tuần tự.**

- Khi chúng được Thiền thứ nhứt, **lời nói** được đoạn diệt;
- Khi chúng Thiền thứ hại, **tâm tứ** được đoạn diệt;
- Khi chúng Thiền thứ ba, **hỷ** được đoạn diệt;
- Khi chúng Thiền thứ tư, **hơi thở vô, hơi thở ra** được đoạn diệt;
- Khi chúng Không vô biên xứ, **sắc tưởng** được đoạn diệt;
- Khi chúng Thức vô biên xứ, **Không vô biên xứ tưởng** được đoạn diệt;
- Khi chúng Vô sở hữu xứ, **Thức vô biên xứ tưởng** được đoạn diệt;
- Khi chúng Phi tưởng phi phi tưởng xứ, **Vô sở hữu xứ tưởng** được đoạn diệt;

- Khi chúng Diệt thọ tướng định, **tướng và thọ** được đoạn diệt.
- Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, **tham** được đoạn diệt, **sân** được đoạn diệt, **si** được đoạn diệt.

6) Rồi, này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng **tịnh chỉ các hành là tuần tự.**

- Khi chứng Thiền thứ nhất, các lời nói được tịnh chỉ...
- Đối với Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, tham được tịnh chỉ, sân được tịnh chỉ, si được tịnh chỉ.

7) Này các Tỷ-kheo, có **sáu khinh an.**

- Khi chứng Thiền thứ nhất, lời nói được khinh an.
- Khi chứng Thiền thứ hai, tầm và tứ được khinh an.
- Khi chứng Thiền thứ ba, hỷ được khinh an.
- Khi chứng Thiền thứ tư, hơi thở vô, hơi thở ra được khinh an.
- Khi chứng Diệt thọ tướng định, tướng và thọ được khinh an.
- Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tham được khinh an, sân được khinh an, si được khinh an.

41 **Khinh an - Thiên thứ tư thân hành được khinh an - Kinh TRÁNH NÉ – Tăng I, 626**

TRÁNH NÉ – *Tăng I, 626*

1. - **Tỷ-kheo trừ khử sự thật cá nhân, đã từ bỏ
hoàn toàn các tầm cầu hay thân hành được khinh
an, vị ấy được gọi là vị độc hành.**

*Và này các Tỷ-kheo thế nào là Tỷ-kheo đã trừ khử sự
thật cá nhân?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với các sự thật cá nhân phổ thông của các Sa-môn, Bà-la-môn nói chung, ví như thế giới là thường còn, hay thế giới là không thường còn, hay thế giới là có giới hạn, hay thế giới là không giới hạn, sinh mạng và thân này là một, hay sinh mạng và thân này là khác, Như Lai sau khi chết có tồn tại, hay Như Lai sau khi chết không tồn tại, hay Như Lai sau khi chết có tồn tại và không tồn tại, hay Như Lai sau khi chết không có tồn tại và không không tồn tại. Tỷ-kheo đối với tất cả các sự thật cá nhân ấy đã trừ khử, đã xả bỏ, đã nhổ ra, đã giải thoát, đã đoạn

tận, đã từ bỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo trừ khử sự thật cá nhân.

2. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đã từ bỏ hoàn toàn các tầm cầu?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo, **đục tầm cầu** được đoạn tận, **hữu** tầm cầu được đoạn tận, **Phạm hạnh** tầm cầu được khinh an. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đã từ bỏ hoàn toàn các tầm cầu.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo thân hành được khinh an?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **xả lạc, xả khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư**, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như vậy này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo thân hành được khinh an.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo độc cư?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo **ngã mạn được đoạn tận**, được cắt đứt từ gốc rễ, được làm như thân cây ta-la, được khiến cho không thể hiện hữu, khiến cho không thể sanh khởi trong tương lai.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo độc cư, Tỷ-kheo trừ khử sự thật cá nhân, này các Tỷ-kheo, đã từ bỏ hoàn toàn các tâm cầu, hay thân hành được khinh an, vị ấy được gọi là vị độc hành.

*5. Dục và hữu tâm cầu,
Cùng Phạm hạnh tâm cầu,
Chấp thủ sự thật này,
Chỗ kiến xứ chất chứa,
Ai không thích mọi tham,
Giải thoát được ái diệt,
Các tâm cầu từ bỏ,
Kiến xứ được nhỏ lên,
Tỷ kheo ấy an tịnh,
Thật chánh niệm khinh an,
Không bị ai chiến bại,
Minh kiến được kiêu mạn,
Vị ấy được danh xưng,
Bậc Giác ngộ độc cư.*

42 **Khinh khi - Kinh QUYẾT ĐỊNH TÁNH VỀ DIỆU PHÁP 1 – Tăng II, 595**

QUYẾT ĐỊNH TÁNH VỀ DIỆU PHÁP 1 – *Tăng* II, 595

1. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một người nghe diệu pháp không có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

2. Thế nào là năm?

- Khinh lời thuyết giảng,
- Khinh người thuyết giảng,
- Khinh tự mình,
- Nghe pháp với tâm tán loạn,
- Không nhứt tâm và không như lý tác ý.

Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, người nghe diệu pháp không có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

3. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một người nghe diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

4. Thế nào là năm?

- Không khinh lời thuyết giảng,
- Không khinh người thuyết giảng,
- Không khinh tự mình,
- Nghe pháp với tâm không tán loạn,
- Nhứt tâm và như lý tác ý.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, người nghe diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

QUYẾT ĐỊNH TÁNH VỀ DIỆU PHÁP 2 – Tăng II, 596

1. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một người nghe diệu pháp không có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

2. Thế nào là năm?

- Khinh lời thuyết giảng,
- Khinh người thuyết giảng,
- Khinh tự mình,
- Ác tuệ, đần độn, cầm điếc,
- Không tác ý hiểu biết đối với những vấn đề không hiểu biết.

3. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một người nghe diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

4. Thế nào là năm?

- Không khinh lời thuyết giảng,
- Không khinh người thuyết giảng,
- Không khinh tự mình,
- Có trí tuệ, không đần độn, không câm điếc,
- Tác ý hiểu biết đối với những vấn đề không hiểu biết.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, người nghe diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

QUYẾT ĐỊNH TÁNH VỀ DIỆU PHÁP 3 – Tăng II, 597

1. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một người nghe diệu pháp không có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

2. Thế nào là năm?

- Nghe pháp với tâm chê bai, với tâm bị chê bai ám ảnh;
- Nghe pháp với tâm cật nạn, tìm tòi khuyết điểm;
- Trong khi pháp giảng, tâm bị choáng váng, bị chai sạn;
- Ác tuệ, đần độn, câm điếc,
- Không tác ý hiểu biết đối với những vấn đề không hiểu biết.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một người nghe diệu pháp không có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

3. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một người nghe diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

4. Thế nào là năm?

- Nghe pháp với tâm không chê bai, không bị chê bai ám ảnh;
- Nghe pháp với tâm không cật nạn, không tìm tòi khuyết điểm;
- Trong khi pháp giảng, tâm không bị choáng váng, không bị chai sạn;
- Có trí tuệ, không đần độn, không câm điếc,

- Tác ý hiểu biết đối với những vấn đề không hiểu biết.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, người nghe diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

43 **Khinh rẽ - Kinh CHO LÀ KHINH – Tăng II, 578**

CHO LÀ KHINH – *Tăng II, 578*

1. - **Năm hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời.**

2. Thế nào là năm?

- Sau khi cho, khinh rẽ;
- Sau khi cùng sống, khinh rẽ;
- Miệng nuốt tất cả;
- Người không vững chắc;
- Người ám độn ngu si.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người sau khi cho, khinh miệt?

3. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người cho người khác các đồ nhu yếu như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. **Vị ấy suy nghĩ: "Ta là người cho, người này là người nhận". Sau khi cho, vị ấy khinh rẽ (người nhận).** Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người sau khi cho, khinh rẽ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người sau khi sống chung, khinh rẽ?

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người cùng sống với người, hai hay ba năm. **Do sống với người ấy, vị ấy khinh rẽ người ấy.** Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người sau khi sống chung, khinh rẽ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người miệng nuốt tất cả?

5. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người **khi nghe người ta tán thán hay chỉ trích người khác, liền mau mắn thích thú.** Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người miệng nuốt tất cả.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người không vững chắc?

6. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người **có lòng tin nhỏ bé**, có lòng tín ngưỡng nhỏ bé, có lòng ái mộ nhỏ bé, có tịnh tín nhỏ bé. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người không vững chắc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người ám độn ngu si?

7. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người **không biết các pháp thiện, bất thiện, không biết các pháp tội, không tội**, không biết các pháp hạ liệt, thù thắng, không biết

các pháp dự phần đen trắng. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người ám độn ngu si.

Năm hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời.

44 Khiếp đảm và sợ hãi - Kinh SỢ HÃI VÀ KHIẾP ĐẢM – 4 Trung I, 41

KINH SỢ HÃI VÀ KHIẾP ĐẢM (*Bhayabherava sutta*)

– Bài kinh số 4 – *Trung I*, 41

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Rồi Bà-la-môn Janussoni đến chỗ Thế Tôn ở, khi đến xong, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Janussoni bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, có những Thiện nam tử, vì lòng tin Tôn giả Gotama, đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Đối với những vị này, Tôn giả Gotama là vị lãnh đạo. Đối với những vị này, Tôn giả Gotama giúp ích rất nhiều. Đối với những vị này, Tôn giả Gotama là vị khích lệ sách tấn. Các vị này chấp nhận tuân theo quan điểm của Tôn giả Gotama.

– Nay Bà-la-môn, thật sự là vậy. Nay Bà-la-

môn, thật sự là vậy. Đây Bà-la-môn, có những Thiện nam tử, vì lòng tin nơi Ta, đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Ta là vị lãnh đạo của họ. Ta đã giúp ích rất nhiều cho họ. Ta là vị khích lệ sách tấn cho họ. Và các vị này chấp nhận tuân theo quan điểm của Ta.

– Tôn giả Gotama, **thật khó kham nhẫn những trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu! Thật khó khăn đời sống viễn ly! Thật khó thưởng thức đời sống độc cư! Con nghĩ rằng rừng núi làm rối loạn tâm trí vị Tỷ-kheo chưa chứng Thiền định.**

– Đây Bà-la-môn, thật sự là vậy. Đây Bà-la-môn, thật sự là vậy. Đây Bà-la-môn, thật khó kham nhẫn những trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu! Thật khó khăn, đời sống viễn ly! Thật khó thưởng thức đời sống độc cư! Ta nghĩ rằng rừng núi làm rối loạn tâm trí vị Tỷ-kheo chưa chứng Thiền định.

– Đây Bà-la-môn, xưa kia khi Ta chưa chứng ngộ chánh đẳng giác, khi còn là Bồ-tát, Ta nghĩ như sau: "Thật khó kham nhẫn những trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu! Thật khó khăn, đời sống viễn ly! Thật khó thưởng thức đời sống độc cư! Ta nghĩ rằng rừng núi làm rối loạn tâm trí vị Tỷ-kheo chưa chứng Thiền định!" Đây Bà-la-môn, rồi Ta suy

nghe: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, **thân nghiệp không thanh tịnh**, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước, thân nghiệp không thanh tịnh, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có thân nghiệp không thanh tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Thân nghiệp Ta thanh tịnh. Ta là một trong những bậc Thánh, với thân nghiệp thanh tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát thân nghiệp hoàn toàn thanh tịnh này, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Nay Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn, hay Bà-la-môn nào, có **khẩu nghiệp** không thanh tịnh... (như trên)... có **ý nghiệp** không thanh tịnh... (như trên)... có **mạng sống** không thanh tịnh sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước mạng sống không thanh tịnh, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có mạng sống không thanh tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Mạng sống Ta thanh tịnh. Ta là một trong những bậc Thánh, với mạng sống thanh tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi

hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát mạng sống hoàn toàn thanh tịnh này, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Nay Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào *tham dục, có ái dục cường liệt*, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước tham dục, có ái dục cường liệt, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có tham dục, ái dục cường liệt, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Ta không có tham dục, Ta là một trong những bậc Thánh, không có tham dục, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta không có tham dục như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Nay Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có *tâm sân hận ác ý*, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước, có tâm sân hận ác ý, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có tâm sân hận, ác ý, sống tại các trú xứ xa vắng trong rừng núi hoang vu. Ta có

từ tâm. Ta là một trong những bậc Thánh có từ tâm, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta có từ tâm như vậy, Ta cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Nay Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào *bị hôn trầm thụy miên chi phối*, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước bị hôn trầm thụy miên chi phối, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không bị hôn trầm thụy miên chi phối, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta không có hôn trầm thụy miên. Ta là một trong những bậc Thánh không có hôn trầm thụy miên, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta không có hôn trầm thụy miên như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Nay Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào *dao động*, tâm không an tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước bị dao động, tâm không an tịnh, những

Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có dao động, tâm không phải không an tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta không có dao động, tâm được an tịnh. Ta là một trong những bậc Thánh không có dao động, tâm được an tịnh, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát tâm Ta được an tịnh như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào *ngghi hoặc, do dự*, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước nghi hoặc, do dự, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có nghi hoặc, do dự, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta diệt trừ được do dự. Ta là một trong những bậc Thánh diệt trừ được nghi hoặc, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát tâm Ta diệt trừ được nghi hoặc như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy

nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào *khen mình, chê người* sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước khen mình, chê người, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có khen mình, chê người, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta không có khen mình, không có chê người, Ta là một trong những bậc Thánh không có khen mình, không có chê người, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát tâm Ta không có khen mình, không có chê người như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Nay Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào *run rẩy, sợ hãi* sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước run rẩy, sợ hãi, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có run rẩy, sợ hãi, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta không có lông tóc dựng ngược, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta không có lông tóc dựng ngược, Ta là một trong những bậc Thánh, không có lông tóc dựng ngược

như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào *ham muốn lợi dưỡng, cung kính, danh vọng*, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước ham muốn lợi dưỡng, cung kính, danh vọng, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có ham muốn lợi dưỡng, cung kính, danh vọng, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta là người ít dục. Ta là một trong những bậc Thánh ít dục, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Này Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta là người ít dục như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Này Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào *biếng nhác, kém tinh tấn*, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước biếng nhác, kém tinh tấn, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có biếng nhác, kém tinh tấn, sống tại các trú xứ xa vắng, trong

rừng núi hoang vu. Ta siêng năng, tinh tấn. Ta là một trong những bậc Thánh siêng năng, tinh tấn, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta siêng năng, tinh tấn như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Nay Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào *thất niệm, không tỉnh giác*, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước thất niệm, không tỉnh giác, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có thất niệm, không phải không tỉnh giác, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta an trú niệm. Ta là một trong những bậc Thánh an trú niệm, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta quán sát Ta an trú niệm như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Nay Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào *không định tĩnh, tâm bị tán loạn*, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu, do nguyên nhân nhiễm trước không định tĩnh, tâm bị tán loạn, những

Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta được định tĩnh, tâm không bị tán loạn sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta thành tựu định tâm. Ta là một trong những bậc Thánh thành tựu định tâm, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta thành tựu định tâm như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Nay Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào *liệt tuệ, đần độn*, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Do nguyên nhân nhiễm trước liệt tuệ, đần độn, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chắc chắn làm cho sợ hãi, khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Ta không có liệt tuệ, đần độn, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu. Ta thành tựu trí tuệ. Ta là một trong những bậc Thánh thành tựu trí tuệ, sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta thành tựu trí tuệ như vậy, tự cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi.

Nay Bà-la-môn, tùy thuộc vấn đề này, Ta suy nghĩ như sau: "*Trong những đêm được biết đến, được xác định, đêm mười bốn, đêm mười lăm, đêm*

mông tám mỗi nửa tháng, trong những đêm như vậy, Ta hãy đến ở tại các trú xứ hãi hùng, lông tóc dựng ngược, như tự miếu tại các thảo viên, tự miếu tại các rừng núi, tự miếu tại các cây cối, để Ta có thể thấy sự sợ hãi khiếp đảm ấy".

Này Bà-la-môn, sau một thời gian, trong những đêm được biết đến, được xác định, đêm mười bốn, đêm mười lăm, đêm mông tám mỗi nửa tháng, trong những đêm như vậy, Ta đến ở tại các trú xứ hãi hùng, lông tóc dựng ngược như vậy, như tự miếu tại các thảo viên, tự miếu tại các rừng núi, tự miếu tại các cây cối. Này Bà-la-môn, trong khi ta ở tại các chỗ ấy, một con thú có thể đến, hay một con công làm rơi một cành cây, hay gió làm rung động các lá rơi; Ta khởi lên ý nghĩ: "*Nay sự sợ hãi khiếp đảm ấy đã đến!*". Này Bà-la-môn, rồi Ta suy nghĩ: "*Sao Ta ở đây, chỉ để mong đợi sự sợ hãi khiếp đảm chó không gì khác? Trong bất cứ hành vi cử chỉ nào của Ta mà sợ hãi khiếp đảm ấy đến, trong hành vi cử chỉ ấy, Ta hãy trừ diệt sợ hãi khiếp đảm ấy*".

- Này Bà-la-môn *trong khi Ta đi kinh hành* qua lại mà sợ hãi khiếp đảm ấy đến, thì này Bà-la-môn, Ta không đứng, Ta không ngồi, Ta không nằm, nhưng Ta trừ diệt sợ hãi khiếp đảm ấy trong khi Ta đi kinh hành qua lại.

- Nay Bà-la-môn, *trong khi Ta đang đứng* mà sợ hãi khiếp đảm ấy đến, thì nay Bà-la-môn, Ta không kinh hành qua lại, Ta không ngồi, Ta không nằm, nhưng Ta trừ diệt sợ hãi khiếp đảm ấy trong khi Ta đang đứng.
- Nay Bà-la-môn, *trong khi Ta đang ngồi* mà sợ hãi khiếp đảm ấy đến, thì nay Bà-la-môn, Ta không nằm, Ta không đứng, Ta không kinh hành qua lại, nhưng Ta trừ diệt sợ hãi khiếp đảm ấy trong khi Ta đang ngồi.
- Nay Bà-la-môn, *trong khi Ta đang nằm* mà sợ hãi khiếp đảm ấy đến, thì nay Bà-la-môn, Ta không ngồi, Ta không đứng, Ta không kinh hành qua lại, nhưng Ta trừ diệt sợ hãi khiếp đảm ấy trong khi Ta đang nằm.

Này Bà-la-môn, có một số Sa-môn, Bà-la-môn nghĩ rằng ngày giống như đêm, nghĩ rằng đêm giống như ngày. Như vậy, Ta nói rằng những Sa-môn, Bà-la-môn ấy sống trong si ám.

Này Bà-la-môn, Ta nghĩ rằng đêm là đêm, nghĩ rằng ngày là ngày. Nay Bà-la-môn, ai nói một cách chơn chánh sẽ nói như sau: "Vị hữu tình nào không có si ám, sinh ra ở đời vì hạnh phúc cho muôn loài, vì an lạc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời

và loài Người. Vị ấy khi nói một cách chân chánh về Ta sẽ nói như sau: *"Là vị hữu tình không có si ám, sinh ra ở đời vì hạnh phúc cho muôn loài, vì an lạc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người"*.

Này Bà-la-môn, Ta tinh cần, tinh tấn, không lười biếng. Ta an trú chánh niệm, không có loạn, thân được khinh an, không có dao động, tâm được định tĩnh, chuyên nhất. Này Bà-la-môn, Ta ly dục, ly các ác pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Diệt tầm, diệt tứ, Ta chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, Ta chứng và an trú Thiền thứ ba. Xả lạc và xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, Ta chứng và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến túc mạng trí. Ta nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi

đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Ta nhớ rằng: "Tại chỗ kia, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, các món ăn như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, Ta được sanh ra tại chỗ này. Tại chỗ này, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, các món ăn như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ này, Ta được sanh ra ở đây". Như vậy Ta nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Nay Bà-la-môn, trong đêm canh đầu Ta chứng được minh thứ nhất, vô minh diệt, minh sanh; bóng tối diệt, ánh sáng sanh, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến sanh tử trí về chúng sanh. Ta với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và sự chết của chúng sanh. Ta tuệ tri rằng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh làm những ác hạnh về thân, ác hạnh về lời nói, ác hạnh về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến,

tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào thành tựu những thiện hạnh về thân, thành tựu những thiện hạnh về lời nói, thành tựu những thiện hạnh về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến, những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi Trời, trên đời này. Như vậy với thiên nhân thuần tịnh siêu nhân, Ta thấy sự sống chết của chúng sanh. Ta tuệ tri rằng, chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. **Này Bà-la-môn, trong đêm canh giữa, Ta chứng được minh thứ hai, vô minh diệt, minh sanh; bóng tối diệt, ánh sáng sanh, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.**

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, **Ta dẫn tâm, hướng tâm đến lậu tận trí.** Ta thắng tri như thật: "Đây là khổ", thắng tri như thật: "Đây là nguyên nhân của khổ", thắng tri như thật: "Đây là khổ diệt", thắng tri như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", thắng tri như thật: "Đây là những lậu hoặc", thắng tri như thật: "Đây là nguyên nhân các lậu hoặc", thắng tri như thật: "Đây

là các lậu hoặc diệt", thắng tri như thật: "Đây là con đường đưa đến các lậu hoặc diệt". Nhờ biết như vậy, nhờ thấy như vậy, tâm của Ta thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên trí hiểu biết: Ta đã giải thoát. Ta đã thắng tri: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". Nay Bà-la-môn, **trong đêm canh ba, Ta chứng được minh thứ ba, vô minh diệt, minh sanh**; bóng tối diệt, ánh sáng sanh, trong khi Ta sống không phóng dật nhiệt tâm tinh cần.

Nay Bà-la-môn, Ông có thể có tư tưởng như sau: "Nay Sa-môn Gotama chưa diệt trừ tham, chưa diệt trừ sân, chưa diệt trừ si, nên sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu". Nay Bà-la-môn, chớ có hiểu như vậy. Do Ta quán sát hai mục đích mà Ta sống tại các trú xứ xa vắng, trong rừng núi hoang vu: **Tự thấy sự hiện tại lạc trú và vì lòng thương tưởng chúng sanh trong tương lai**.

– Chúng sanh trong tương lai được Tôn giả Gotama thương tưởng, vì Tôn giả là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Như người dựng đứng lại những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị

lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử; từ này trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

45 Khiếp đảm và sợ hãi - Nếu có ước nguyện mong rằng - Kinh ƯỚC NGUYỆN – 6 Trung I, 79

KINH ƯỚC NGUYỆN
(**Akankheyya sutam**)
– Bài kinh số 6 – *Trung I*, 79

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo".

- "Bạch Thế Tôn", những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

– Các Tỷ-kheo, **hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ với sự phòng hộ của giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chơn chánh lãnh thọ và học tập các học giới.**

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện:
"Mong rằng ta được các đồng phạm hạnh thương mến, yêu quý, cung kính và tôn trọng!", Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn Thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện:
"Mong rằng ta được các vật dụng như y phục, các món ăn khát thực, sàng tọa và các dược phẩm trị bệnh!", Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn Thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo có ước nguyện: *"Mong rằng ta nay hưởng thọ các vật dụng như y phục, các món ăn khát thực, sàng tọa và các dược phẩm trị bệnh! Mong rằng hành động của những vị tạo ra các vật dụng ấy được quả báo lớn, được lợi ích lớn!"*, Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện:
"Mong rằng những bà con huyết thống với ta, khi họ chết và mệnh chung, nghĩ (đến ta) với tâm hoan hỷ (và nhờ vậy) được quả báo lớn, lợi ích lớn!", Tỷ-

kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện:
"Mong rằng ta nhiếp phục lạc và bất lạc, chớ không phải bất lạc nhiếp phục ta. Mong rằng ta sống luôn luôn nhiếp phục bất lạc được khởi lên!", Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện:
"Mong rằng ta nhiếp phục khiếp đảm và sợ hãi, chớ không phải khiếp đảm và sợ hãi nhiếp phục ta! Mong rằng ta sống luôn luôn nhiếp phục khiếp đảm và sợ hãi được khởi lên!", Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện:
"Mong rằng, tùy theo ý muốn, không có khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức, ta chứng được bốn Thiền, thuộc tầng thượng tâm, hiện tại lạc trú!", Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện:
"Có những giải thoát tịch tĩnh, siêu thoát Sắc giới, thuộc Vô sắc giới. Mong rằng ta có thể cảm xúc với thân và sống an trú trong cảnh giới ấy!", Tỷ-kheo ấy

phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện:
"Mong rằng ta trừ diệt ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, không còn bị đọa lạc, chắc chắn hướng đến Chánh giác!", Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện:
"Mong rằng trừ diệt ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si, ta chứng được Nhứt Lai, chỉ phải trở lại đời một lần nữa để đoạn tận khổ đau!", Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện:
"Mong rằng, trừ diệt năm hạ phần kiết sử, ta được hóa sanh, chứng được Niết-bàn ngay tại cảnh giới ấy, không còn trở lui thế giới này nữa!", Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện:
"Mong rằng ta chứng được các loại thần thông! Một thân ta hiện ra nhiều thân, nhiều thân ta hiện ra một thân; ta hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua thành, qua núi như đi ngang hư không, ta độn thổ

trời lên ngang qua đất liền như ở trong nước; ta đi trên nước không chìm như trên đất liền; ta ngồi kiết già đi trên hư không như con chim; với bàn tay, ta chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; ta có thể, thân ta có thần thông bay cho đến Phạm Thiên!", Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (Như trên)...các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "*Mong rằng, với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, ta có thể nghe hai loại tiếng, chư Thiên và loài Người, ở xa hay ở gần!*", Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "*Mong rằng với tâm của ta, ta biết được tâm của các chúng sanh và loài Người. Tâm có tham, ta biết tâm có tham. Tâm không tham, ta biết tâm không tham. Tâm có sân, ta biết tâm có sân. Tâm không sân, ta biết tâm không sân. Tâm có si, ta biết tâm có si. Tâm không si, ta biết tâm không si. Tâm chuyên chú, ta biết tâm chuyên chú. Tâm tán loạn, ta biết tâm tán loạn. Tâm đại hành, ta biết tâm đại hành. Tâm không đại hành, ta biết tâm không đại hành. Tâm chưa vô thượng, ta biết tâm chưa vô thượng. Tâm vô thượng, ta biết tâm vô thượng. Tâm Thiền định, ta biết tâm*

Thiền định. Tâm không Thiền định, ta biết tâm không Thiền định. Tâm giải thoát, ta biết tâm giải thoát. Tâm không giải thoát, ta biết tâm không giải thoát!" Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: *"Mong rằng ta nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp, ta nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, thọ mạng đến mức như thế này, Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, thọ mạng đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây!"*, Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... (như trên)... các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng với *thiên nhãn thuần tịnh*, siêu nhân, ta thấy sự sống và sự chết của chúng sanh. Ta biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người

đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng. Các Tôn giả, chúng sanh nào làm những ác hạnh về thân, về lời và về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn các Tôn giả, chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, về lời và về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi Trời, trên đời này. Như vậy, ta với thiên nhân thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh, ta biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ!", Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn Thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: **"Với sự diệt trừ các lậu hoặc, sau khi tự tri tự chứng, ta chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát không có lậu hoặc!",** Tỷ-kheo ấy **phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn Thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịnh.**

Này các Tỷ-kheo, **hãy sống đầy đủ giới hạnh**, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ với sự phòng hộ của giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chơn chánh lãnh thọ và tu học các học giới. Như vậy, phàm đã nói gì, chính duyên ở đây mà nói vậy.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

46 Khoan đặt lòng tin tuyệt đối - Kinh CANKI – 95 Trung II, 715

KINH CANKI (Canki sutta)

– Bài kinh số 95 – Trung II, 715

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn du hành trong nước Kosala cùng với Đại chúng Tỷ-kheo, và đi đến một làng Bà-la-môn của dân chúng Kosala, tên là Opasada. Thế Tôn trú tại Opasada, tại rừng chư Thiên (Devavana), rừng cây sala (salavana), phía Bắc làng Opasada. Lúc bấy giờ, **Bà-la-môn Canki trú ở Opasada**, một chỗ dân cư đông đúc, cây cỏ, ao nước, lúa gạo phì nhiêu, một vương địa do vua Pasenadi, vua nước Kosala cấp, một ân tứ của vua, một tịnh ấp. Các Bà-la-môn gia chủ ở Opasada được nghe: "Sa-môn Gotama... (như kinh Ratthapala, số 82, trang 497-498 thay chữ Thullakotthita bằng chữ Opasada)... được yết kiến một vị A-la-hán như vậy". Rồi các Bà-la-môn gia chủ ở Opasada, từng đoàn, từng đoàn lũ lượt đi ra khỏi Opasada và đi đến ngõ phía Bắc, rừng chư Thiên, rừng cây sala. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn

Canki đi lên trên lầu để nghỉ trưa. Bà-la-môn Canki thấy các Bà-la-môn gia chủ ở Opasada từng đoàn, từng đoàn lũ lượt đi ra khỏi Opasada và đi đến ngõ phía Bắc rừng chư Thiên, rừng cây sala. Thấy vậy, Bà-la-môn Canki bèn gọi người gác cửa:

– Này người Gác cửa, vì sao các Bà-la-môn gia chủ ở Opasada từng đoàn, từng đoàn lũ lượt đi ra khỏi Opasada và đi đến ngõ phía Bắc, rừng chư Thiên, rừng cây sala như vậy?

– Thưa Tôn giả Canki, có Sa-môn Gotama, dòng họ Thích-ca, xuất gia từ gia tộc Thích-ca đang du hành trong nước Kosala... (như kinh Ratthapala số 82, trang 497) Phật, Thế Tôn. Nay những người ấy đi đến yết kiến Tôn giả Gotama.

– Này người Gác cửa, hãy đi đến các Bà-la-môn gia chủ ở Opasada, khi đến nơi, hãy nói với những Bà-la-môn gia chủ: "Bà-la-môn Canki có nói: "Này các Hiền giả, hãy chờ đợi. Bà-la-môn Canki sẽ tự thân hành đến yết kiến Sa-môn Gotama".

Lúc bấy giờ, có khoảng năm trăm Bà-la-môn, từ nhiều địa phương khác nhau, đến tại Opasada vì một vài công vụ. Những Bà-la-môn nghe: "Bà-la-môn Canki sẽ đi yết kiến Sa-môn Gotama". Những Bà-la-môn ấy đến Bà-la-môn Canki, khi đến xong, liền

thưa với Bà-la-môn Canki:

– Có phải Tôn giả Canki sẽ đến yết kiến Sa-môn Gotama?

– Này các Hiền giả, đó là ý định của ta. Ta sẽ đến yết kiến Sa-môn Gotama.

– Tôn giả Canki, chớ có đến yết kiến Sa-môn Gotama. Thật không xứng đáng cho tôn giả Canki đến yết kiến Sa-môn Gotama; trái lại, thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến Tôn giả Canki. Lại nữa, Tôn giả Canki thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ không bị một vết nhơ nào, không bị một dèm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Vì Tôn giả Canki thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một chỉ trích nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Canki đến yết kiến Sa-môn Gotama; trái lại, thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến Bà-la-môn Canki.

Lại nữa, Tôn giả Canki là nhà giàu có, đại phú, sung túc... (như trên)... Lại nữa, Tôn giả Canki là nhà phúng tụng, nhà trì chú, thông hiểu ba tập Veda với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử

truyền thống là thứ năm, thông hiểu ngữ pháp và văn phạm, biện tài về Thuận thế luận và Đại nhân tướng. Tôn giả Canki đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng người, với màu da thù thắng, khôi ngô tuấn tú, cử chỉ trang nhã, dáng điệu cao thượng. Tôn giả Canki có giới hạnh, trưởng thành trong giới hạnh, thành tựu sự trưởng thành trong giới hạnh. Tôn giả Canki thiện ngôn, dùng lời thiện ngôn, nói lời tao nhã, ý nghĩa minh bạch, giọng nói không bập bẹ phều phào, giải thích nghĩa lý minh xác. Tôn giả Canki là bậc Tôn sư của hàng Tôn sư nhiều người, dạy ba trăm thanh niên Bà-la-môn tụng đọc chú thuật. Tôn giả Candi được vua Pasenadi xứ Kosala kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng. Tôn giả Canki được Bà-la-môn Pokkarasati kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng. Tôn giả Canki sống ở Opasada, một địa phương dân chúng đông đúc, cỏ cây, ao nước phì nhiêu, lúa gạo sung túc, một vương lãnh địa, một tịnh thí địa, một ân tứ của vua Pasenadi nước Kosala. Vì rằng Tôn giả Canki sống ở Opasada... (như trên)... Do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Canki đến yết kiến Sa-môn Gotama; trái lại, thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến Tôn giả Canki.

Nghe nói vậy, Bà-la-môn Canki nói với những vị Bà-la-môn ấy:

– Các Hiền giả hãy nghe ta giải thích, vì sao thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Sa-môn Gotama; trái lại, thật không xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến chúng ta.

- Nay các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một dèm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Do điểm này thật không xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến chúng ta, trái lại, thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Sa-môn Gotama.
- Nay các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia, từ bỏ rất nhiều vàng bạc, bỏ cả loại đang chôn dưới đất lẫn loại trên mặt đất.
- Nay các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama trong tuổi thanh niên, tóc còn đen nhánh, trong tuổi trẻ đẹp của thời niên thiếu, đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.
- Nay các Hiền giả, thật vậy Sa-môn Gotama, dầu song thân không đồng ý, khóc than, nước mắt thấm ướt cả mặt, vẫn cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.
- Nay các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama

đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người với màu da thù thắng, khôi ngô tuấn tú, cử chỉ trang nhã, dáng điệu cao thượng.

- Nay các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama có giới hạnh, gìn giữ giới hạnh của bậc Thánh, có thiện đức, đầy đủ thiện đức.
- Nay các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama thiện ngôn, dùng lời thiện ngôn, nói lời tao nhã, ý nghĩa minh bạch, giọng nói không bập bẹ, phều phào, giải thích nghĩa lý minh xác.
- Nay các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama là bậc Tôn sư các hàng Tôn sư của nhiều người.
- Nay các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama đã diệt trừ tham dục, đã diệt được mọi xao động của tâm.
- Nay các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama chủ trương về nghiệp, chủ trương về hành động, đặt trọng tâm vào chí thiện khi thuyết pháp với chúng Bà-la-môn.
- Nay các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia từ chủng tộc cao quý, từ dòng họ Sát-đế-ly thanh tịnh.
- Nay các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia từ chủng tộc khá giả, đại phú, tài sản sung mãn.

- Nay các Hiền giả, thật vậy, dân chúng bằng ngàn vượt biển (bằng qua nhiều địa phương, bằng qua nhiều quốc độ) đến hỏi đạo Sa-môn Gotama.
- Nay các Hiền giả, thật vậy, có hàng ngàn Thiên nhân đến quy y Sa-môn Gotama.
- Nay các Hiền giả, thật vậy, tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: "Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn".
- Nay các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân.
- Nay các Hiền giả, thật vậy, vua Seniya Bimbisara nước Magadha, cùng với vương tử, cung phi, thị tòng đều quy y Sa-môn Gotama.
- Nay các Hiền giả, thật vậy, vua Pasenadi nước Kosala, cùng với vương tử, cung phi, thị tòng đều quy y Sa-môn Gotama.
- Nay các Hiền giả, thật vậy, Bà-la-môn Pokkharasati cùng với các con, vợ, thị giả đều quy y Sa-môn Gotama.
- Nay các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama đã đến Opasada, nay đang ở tại Opasada về phía

Bắc Opasada, trong rừng chư Thiên, rừng cây sala. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đến ruộng làng chúng ta đều là khách của chúng ta. Đối với khách, chúng ta phải kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng.

Này các Hiền giả, nay Sa-môn Gotama đã đến Opasada, hiện ở tại Opasada, về phía Bắc Opasada, trong rừng chư Thiên, rừng cây sala. Như vậy Sa-môn Gotama là khách của chúng ta. Và đã là khách, chúng ta phải kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng. Do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Gotama đến yết kiến chúng ta, trái lại, thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Tôn giả Gotama.

Này các Hiền giả, đó là những ưu điểm mà ta được biết về Tôn giả Gotama. Tôn giả Gotama không phải có chừng ấy ưu điểm mà thôi. Tôn giả Gotama có đến vô lượng ưu điểm.

Này các Hiền giả, chỉ với một ưu điểm thôi, thật không xứng đáng cho Tôn giả Gotama đến yết kiến chúng ta; thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Tôn giả Gotama. Vậy tất cả chúng ta hãy đi đến yết kiến Tôn giả Gotama.

Rồi Bà-la-môn Canki, cùng với đại chúng Bà-

la-môn đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những người chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.

Lúc bấy giờ Thế Tôn đang ngồi và nói lên với những Bà-la-môn trưởng thượng những lời thân hữu về vấn đề này, vấn đề khác. Khi ấy có thanh niên Bà-la-môn tên Kapathika, trẻ tuổi, đầu cao tọc, mới có mười sáu tuổi, từ khi sanh, thông hiểu ba tập Veda với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm, thông hiểu ngữ pháp và văn phạm, biệt tài về Thuận thế luận và Đại nhân tướng, thanh niên này đang ngồi giữa hội chúng ấy. Thanh niên này thỉnh thoảng cắt đứt cuộc đàm luận giữa Thế Tôn và các vị Bà-la-môn trưởng thượng. Rồi Thế Tôn khiển trách thanh niên Bà-la-môn Kapathika:

– Hiền giả Bharadvaja, chớ có cắt ngang cuộc đàm luận của các Bà-la-môn trưởng thượng. Hiền giả Bharadvaja hãy chờ cho đến khi câu chuyện chấm dứt.

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Canki bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, chớ có khiển trách thanh niên

Bà-la-môn Kapathika. Thanh niên Bà-la-môn Kapathika là Thiện nam tử. Thanh niên Bà-la-môn Kapathika là bậc đa văn. Thanh niên Bà-la-môn Kapathika phát ngôn thiện xảo. Và thanh niên Bà-la-môn Kapathika là bậc có trí. Và thanh niên Bà-la-môn Kapathika có thể đàm luận với Tôn giả Gotama trong vấn đề này.

Thế Tôn nghĩ như sau: "Thật sự thanh niên Bà-la-môn Kapathika này đã thông hiểu ba tập Veda, và các Bà-la-môn tôn trọng người này". Và thanh niên Bà-la-môn Kapathika nghĩ như sau: "*Khi nào Sa-môn Gotama lấy mắt nhìn con mắt ta, ta sẽ hỏi Sa-môn Gotama*".

Rồi Thế Tôn với tâm tư của mình biết được tâm tư của thanh niên Bà-la-môn Kapathika liền lấy mắt nhìn thanh niên Bà-la-môn Kapathika. Thanh niên Bà-la-môn Kapathika suy nghĩ: "Sa-môn Gotama chăm chú nhìn ta, vậy ta hãy hỏi Sa-môn Gotama một câu hỏi". Rồi thanh niên Bà-la-môn Kapathika bạch Thế Tôn:

— *Thưa Tôn giả Gotama, câu chú thuật (mantapadam) của các cổ Bà-la-môn y cứ tiếng đồn, truyền thống và Thánh tạng. Và ở đây, các vị Bà-la-môn chắc chắn đi đến kết luận: "Chỉ đây là sự thật,*

ngoài ra đều là sai lầm". Ở đây, Tôn giả Gotama đã nói gì?

– Nhưng này Bharadvaja, có một Bà-la-môn nào giữa các vị Bà-la-môn đã nói như sau: "Tôi biết việc này, tôi thấy việc này. Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm".

– Thừa không, Tôn giả Gotama.

– Nhưng này Bharadvaja, có một vị Tôn sư nào của các vị Bà-la-môn, cho đến vị Tôn sư của các vị Tôn sư trở lui cho đến bảy đời, các vị Đại Tôn sư đã nói như sau: "Tôi biết việc này, tôi thấy việc này. Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm".?

– Thừa không, Tôn giả Gotama.

– Nhưng này Bharadvaja, thuở xưa những vị ân sĩ giữa các Bà-la-môn, những tác giả các chú thuật, những nhà tụng tán các chú thuật, đã hát, đã nói lên, đã sưu tầm những Thánh cú mà nay những Bà-la-môn hiện tại cũng hát lên, nói lên, đọc lên giống như các vị trước đã làm. Như là Atthaka, Vamaka, Vamadeva, Vessamitta, Yamataggi, Angirasa, Bharadvaja, Vasettha, Kassapa, Bhagu, những vị ấy đã nói như sau: "Tôi biết việc này, tôi thấy việc này. Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm".?

– Thừa không, Tôn giả Gotama.

– Như vậy này Bharadvaja, không có một Bà-la-môn nào nói như vậy với một Bà-la-môn: "Tôi biết việc này, tôi thấy việc này. Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm". Không có một vị Tôn sư nào của các vị Bà-la-môn, một vị Đại Tôn sư, cho đến bảy đời, vị Đại Tôn sư đã nói như sau: "Tôi biết việc này, tôi thấy việc này. Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm".

Thuở xưa những vị ẩn sĩ, giữa các Bà-la-môn, những tác giả các chú thuật, những nhà tụng tán các chú thuật, đã hát, đã nói lên, đã sưu tầm những Thánh cú và nay, những Bà-la-môn hiện tại cũng đã hát lên, nói lên giống như các vị trước đã làm. Như là Attaka, Vamaka, Vamadeva, Vessamitta, Yamataggi, Angirasa, Bharadvaja, Vasettha, Kassapa, Bhagu, những vị ấy không có nói như sau: "Chúng tôi biết việc này, chúng tôi thấy việc này. Chỉ có đây là sự thật, ngoài ta đều là sai lầm".

Ví như này, Bharadvaja, một chuỗi người mù ôm lưng nhau, người trước không thấy, người giữa cũng không thấy, người cuối cùng cũng không thấy.

Cũng vậy, này Bharadvaja. Ta nghĩ rằng, lời nói của các Bà-la-môn cũng giống như chuỗi người

mù: người trước không thấy, người giữa cũng không thấy, người cuối cùng cũng không thấy.

☞ *Này Bharadvaja, Ông nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, có phải lòng tin của các vị Bà-la-môn trở thành không có căn cứ?*

– Thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn không phải chỉ dựa trên lòng tin, các Bà-la-môn ở đây còn dựa trên điều nghe (tùy văn: anussava).

– Trước hết, này Bharadvaja, Ông đi đến lòng tin, nay Ông nói đến tùy văn.

➤ Này Bharadvaja, **năm pháp này có hai quả báo ngay trong hiện tại.** Thế nào là năm? Tín, tùy hỷ, tùy văn, cần nhắc suy tư các lý do, và chấp nhận quan điểm. Này Bharadvaja, năm pháp này có hai quả báo ngay trong hiện tại.

- Tuy vậy, này Bharadvaja, có điều được khéo tin tưởng, có thể là trống không, trống rỗng, hư vọng. Trái lại, có điều không được khéo tin tưởng, có thể là thật, chân, không thay đổi.

- Lại nữa này Bharadvaja, có điều được khéo tùy hỷ... (như trên)

- ... được khéo tùy văn... (như trên)

- ... được khéo cân nhắc suy tư... (như trên)
- ... được khéo chấp nhận có thể là trống không, trống rỗng, hư vọng. Trái lại, có điều không được khéo chấp nhận có thể là thật, chân, không thay đổi.

⇒ Hộ trì chân lý, này Bharadvaja không đủ để một người có trí đi đến kết luận một chiều là: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm"

❖ Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cho đến mức độ nào là hộ trì chân lý? Cho đến mức độ nào, chân lý được hộ trì? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama về **hộ trì chân lý**.

– Này Bharadvaja, nếu có người có lòng tin và nói: "Đây là lòng tin của tôi", người ấy hộ trì chân lý. Nhưng người ấy không đi đến kết luận một chiều: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm". Cho đến như vậy, này Bharadvaja, là sự hộ trì chân lý. Cho đến như vậy, chân lý được hộ trì. Và cho đến như vậy, chúng tôi chủ trương hộ trì chân lý. Nhưng ở đây, chưa phải là giác ngộ chân lý.

Này Bharadvaja, nếu có người có lòng tùy hỷ...

Này Bharadvaja, nếu có người có lòng tùy văn...

Này Bharadvaja, nếu có người có sự cân nhắc suy tư các lý do...

Này Bharadvaja, nếu có người chấp nhận một quan điểm và nói: "Đây là sự chấp nhận quan điểm của tôi", người ấy hộ trì chân lý. Nhưng người ấy không đi đến kết luận một chiều: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra là sai lầm". Cho đến như vậy, này Bharadvaja, là hộ trì chân lý. Cho đến như vậy, này Bharadvaja, chúng tôi chủ trương hộ trì và cho đến như vậy, này Bharadvaja, chúng tôi chủ trương hộ trì chân lý. Nhưng ở đây chưa phải sự giác ngộ chân lý.

– Cho đến như vậy, thưa Tôn giả Gotama là hộ trì chân lý. Cho đến như vậy, thưa Tôn giả Gotama, chân lý được hộ trì. Cho đến như vậy, thưa Tôn giả Gotama chúng con nhìn thấy hộ trì chân lý.

❖ *Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cho đến mức độ nào là giác ngộ chân lý? Cho đến mức độ nào chân lý được giác ngộ? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama về giác ngộ chân lý?*

– Ở đây, này Bharadvaja, Tỷ-kheo sống gần một làng hay một thị trấn. Một gia chủ hay con trai một gia chủ **đi đến vị ấy và tìm hiểu vị ấy trong ba pháp**, tức là tham pháp, sân pháp, si pháp.

Người này nghĩ rằng: "Không hiểu vị Tôn giả ấy có tham ái hay không", do những tham ái này, tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy," hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài". Trong khi xem xét vị ấy, người này biết như sau:

- "Vị Tôn giả ấy không có những tham pháp, do những tham pháp này tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy"; hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài.
- Thân hành của vị ấy là như vậy, khẩu hành là như vậy, là hành động của một người không có lòng tham.
- Còn Tôn giả ấy thuyết pháp, pháp ấy thâm sâu, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, thù thắng, vượt ngoài luận lý suông, tế nhị, được người trí chấp nhận; pháp ấy không thể do một người có lòng tham khéo giảng".

Sau khi xem xét vị ấy và thấy vị ấy trong sạch không có những tham pháp, người kia lại xem xét thêm vị ấy về các sân pháp: "Không hiểu vị Tôn giả

ấy có sân pháp hay không, do những sân pháp này, tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy", hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài". Trong khi xem xét vị ấy, người này biết như sau:

- "Tôn giả ấy không có những sân pháp, do những sân pháp này, tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy", hay xui khiến người khác có những hành động, khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài.
- Thân hành của vị ấy là như vậy, khẩu hành là như vậy, là hành động của một người không có lòng sân.
- Còn Tôn giả ấy thuyết pháp, pháp ấy thâm sâu, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, thù thắng, vượt ngoài luận lý suông, tế nhị, được người trí chấp nhận, pháp ấy không thể do một người có lòng sân khéo giảng".

Sau khi xem xét vị ấy và thấy vị ấy trong sạch, không có những sân pháp, người kia lại xem xét thêm vị ấy về các si pháp: "Không hiểu tôn giả ấy có si

pháp hay không, do những si pháp này, tâm của vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết, vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy", hay xui khiến người khác có hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài". Trong khi xem xét vị ấy, người này biết như sau:

- "Tôn giả ấy không có những si pháp, do những si pháp này, tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết, vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy, vẫn nói: "Tôi thấy", hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài.
- Thân hành của vị ấy là như vậy, khẩu hành là như vậy, là hành động của một người không có lòng si.
- Còn Tôn giả ấy thuyết pháp, pháp ấy thâm sâu, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, thù thắng, vượt ngoài luận lý suông, tế nhị, được người trí chấp nhận, pháp ấy không thể do một người có lòng si khéo giảng".

Sau khi xem xét vị ấy và thấy vị ấy trong sạch, không có những si pháp, người này sanh lòng tin đối với vị ấy.

- Với lòng tin sanh, người này đến gần,
- Khi đến gần liền thân cận giao thiệp,
- Do thân cận giao thiệp, nên lóng tai,
- Do lóng tai, người ấy nghe pháp,
- Sau khi nghe, liền thọ trì pháp,
- Rồi tìm hiểu ý nghĩa các pháp được thọ trì;
- Trong khi tìm hiểu ý nghĩa, các pháp được hoan hỷ chấp nhận;
- Khi các pháp được hoan hỷ chấp nhận, ước muốn sanh,
- Khi ước muốn sanh, liền cố gắng,
- Sau khi cố gắng liền cân nhắc,
- Sau khi cân nhắc, người ấy tinh cần.
- Trong khi tinh cần, người ấy tự thân chứng ngộ tối thượng chân lý, và khi thể nhập chân lý ấy với trí tuệ, người ấy thấy.

Cho đến mức độ này, này Bharadvaja là sự giác ngộ chân lý, cho đến mức độ này, chân lý được giác ngộ, và cho đến mức độ này, chúng tôi chủ trương sự giác ngộ chân lý, nhưng như vậy chưa phải là chứng đạt chân lý.

– Cho đến như vậy, thưa Tôn giả Gotama, là

giác ngộ chân lý, cho đến như vậy, chân lý được giác ngộ, và cho đến như vậy chúng con thấy giác ngộ chân lý.

❖ *Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cho đến mức độ nào là chúng đạt được chân lý, cho đến mức độ nào chân lý được chứng đạt. Chúng con hỏi Tôn giả Gotama về sự chứng đạt chân lý.*

– Này Bharadvaja, **chính nhờ luyện tập, tu tập và hành tập nhiều lần, chân lý mới được chứng đạt.** Cho đến như vậy, này Bharadvaja, là chúng đạt chân lý, cho đến như vậy, chân lý được chứng đạt, cho đến như vậy, chúng tôi chủ trương sự chứng đạt chân lý.

– Cho đến như vậy, thưa Tôn giả Gotama, là chúng đạt chân lý, cho đến như vậy chân lý được chứng đạt, và cho đến như vậy, chúng con thấy chúng đạt chân lý.

❖ *Nhưng trong sự chứng đạt chân lý, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự chứng đạt chân lý, pháp nào được hành trì nhiều?*

– Trong sự **chứng đạt chân lý**, này Bharadvaja, **tinh cần được hành trì nhiều.** Nếu không tinh cần (theo đuổi) chân lý thì không thể chứng đạt chân lý.

Nhưng nếu tinh cần thì chứng đạt được chân lý. Do vậy, trong sự chứng đạt chân lý, tinh cần được hành trì nhiều.

– Trong sự tinh cần, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự tinh cần, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong sự tinh cần, này Bharadvaja, sự cân nhắc được hành trì nhiều. Nếu không cân nhắc thì không thể tinh cần (theo đuổi) chân lý. Nếu có cân nhắc sẽ được tinh cần; do vậy, trong sự tinh cần, cân nhắc được hành trì nhiều.

– Trong sự cân nhắc, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự cân nhắc, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong sự cân nhắc, này Bharadvaja, cố gắng được hành trì nhiều. Nếu không cố gắng thì không thể cân nhắc. Nhưng nếu có cố gắng thì có cân nhắc; do vậy trong sự cân nhắc, thì cố gắng được hành trì nhiều.

– Trong sự cố gắng, Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả

Gotama, trong sự cố gắng, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong sự cố gắng này Bharadvaja, ước muốn được hành trì nhiều. Nếu ước muốn đối với chân lý ấy không khởi lên thì không có cố gắng. Vì ước muốn có khởi lên nên có cố gắng, do vậy, trong sự cố gắng, ước muốn được hành trì nhiều.

– *Trong ước muốn, thưa Tôn giả Gotama pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con muốn hỏi Tôn giả Gotama, trong ước muốn, pháp nào được hành trì nhiều.*

– Trong ước muốn, này Bharadvaja, hoan hỷ chấp nhận pháp được hành trì nhiều. Nếu không hoan hỷ chấp nhận pháp thì ước muốn không khởi lên. Vì có hoan hỷ chấp nhận pháp nên ước muốn khởi lên; do vậy, trong ước muốn, hoan hỷ chấp nhận pháp được hành trì nhiều.

– *Nhưng trong sự hoan hỷ chấp nhận pháp, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự hoan hỷ chấp nhận pháp, pháp nào được hành trì nhiều.*

– Trong sự hoan hỷ chấp nhận pháp, này Bharadvaja, tìm hiểu ý nghĩa được hành trì nhiều.

Nếu không tìm hiểu ý nghĩa thì không hoan hỷ chấp nhận pháp. Và vì có tìm hiểu ý nghĩa nên có sự chấp nhận pháp; do vậy, trong sự hoan hỷ chấp nhận pháp, tìm hiểu ý nghĩa được hành trì nhiều.

– *Nhưng trong sự tìm hiểu ý nghĩa, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự tìm hiểu ý nghĩa, pháp nào được hành trì nhiều.*

– Trong sự tìm hiểu ý nghĩa, này Bharadvaja, **thọ trì pháp** được hành trì nhiều. Nếu không có thọ trì pháp thì không tìm hiểu ý nghĩa. Và vì có thọ trì pháp, nên có tìm hiểu ý nghĩa; do vậy, trong sự tìm hiểu ý nghĩa, thọ trì pháp được hành trì nhiều.

– *Trong sự thọ trì pháp, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Trong sự thọ trì pháp, chúng con hỏi Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều.*

– Trong sự thọ trì pháp, này Bharadvaja, **nghe pháp** được hành trì nhiều. Nếu không nghe pháp thì không có thọ trì pháp. Và do có nghe pháp nên có thọ trì pháp; do vậy, trong sự thọ trì pháp, nghe pháp được hành trì nhiều.

– *Trong sự nghe pháp, thưa Tôn giả Gotama,*

pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự nghe pháp, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong sự nghe pháp, này Bharadvaja, **lóng tai** được hành trì nhiều. Nếu không có lông tai thì không có nghe pháp. Và vì có lông tai nên có nghe pháp; do vậy, trong sự nghe pháp, lông tai được hành trì nhiều.

– Trong sự lông tai, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự lông tai, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong sự lông tai, này Bharadvaja, **thân cận giao thiệp** được hành trì nhiều. Nếu không có thân cận giao thiệp thì không có lông tai. Vì có thân cận giao thiệp nên có lông tai; do vậy, trong sự lông tai, thân cận giao thiệp được hành trì nhiều.

– Trong sự thân cận giao thiệp, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự thân cận giao thiệp, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong sự thân cận giao thiệp, này Bharadvaja, **đi đến gần** được hành trì nhiều. Nếu không đi đến gần thì không có thân cận giao thiệp. Và vì có đi đến

gần nên có thân cận giao thiệp; do vậy, trong sự thân cận giao thiệp, đi đến gần được hành trì nhiều.

– Trong sự đi đến gần, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự đi đến gần, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong sự đi đến gần, này Bharadvaja, lòng tin được hành trì nhiều. Nếu lòng tin không sanh thì không đi đến gần. Và vì lòng tin không sanh nên có đi đến gần; do vậy, trong sự đi đến gần, lòng tin được hành trì nhiều.

– Chúng con đã hỏi Tôn giả Gotama về hộ trì chân lý. Tôn giả Gotama đã trả lời về hộ trì chân lý. Chúng con tùy hỷ và chấp nhận, và do vậy, chúng con hoan hỷ.

Chúng con đã hỏi Tôn giả Gotama về giác ngộ chân lý. Tôn giả Gotama đã trả lời về giác ngộ chân lý. Chúng con đã tùy hỷ và chấp nhận; do vậy, chúng con hoan hỷ.

Chúng con đã hỏi Tôn giả Gotama về chứng đạt chân lý. Tôn giả Gotama đã trả lời về chứng đạt chân lý. Chúng con tùy hỷ và chấp nhận; do vậy, chúng con hoan hỷ.

Trong sự chứng đạt chân lý, chúng con hỏi Tôn giả Gotama về pháp nào được hành trì nhiều. Trong sự chứng đạt chân lý, Tôn giả Gotama đã trả lời pháp nào được hành trì nhiều. Chúng con tùy hỷ và chấp nhận; do vậy, chúng con hoan hỷ.

Chúng con đã hỏi Tôn giả Gotama về bất cứ điều gì, Tôn giả Gotama đã trả lời các điều ấy. Chúng con tùy hỷ và chấp nhận; do vậy, chúng con hoan hỷ.

Thưa Tôn giả Gotama, xưa kia chúng con biết (sự phân biệt) như sau: "Và ai là những Sa-môn trọc đầu, tiện nô, hắc nô, sanh từ gót chân của Phạm thiên (?) và ai là những người hiểu biết Chánh Pháp". **Thật sự Tôn giả Gotama đã làm sống dậy nơi con lòng ái kính Sa-môn đối với các Sa-môn, lòng tin kính Sa-môn đối với các Sa-môn.**

Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! ... (như trên)... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

47 Khujjuttar - Nữ cư sĩ đệ nhất Thanh văn - Kinh NỮ CƯ SĨ - Tăng I, 56

NỮ CƯ SĨ – Tăng I, 56

1. Trong các vị đệ tử nữ cư sĩ của Ta, này các Tỷ-kheo, người đi đến quy y đầu tiên là **Sujàtā Senànidhità**.
2. Trong các vị... bồ thí, tôi thắng là **Visàkhā Migàramàtā**.
3. Trong các vị... nghe nhiều, tôi thắng là **Khujjuttar**.
4. Trong các vị... trú từ tâm, tôi thắng là **Sàmvàti**.
5. Trong các vị... tu Thiền, tôi thắng là **Uttarā Nandamàtā**.
6. Trong các vị... bồ thí các món ăn thượng vị, tôi thắng là **Suppavāsā Koliyadhita**.
7. Trong các vị... săn sóc người bệnh, tôi thắng là nữ cư sĩ **Suppiyā**.

8. Trong các vị... có lòng tịnh tín bất động, tôi thắng là **Kàtiyàni**.
9. Trong các vị... nói chuyện một cách thân mật, tôi thắng là nữ gia chủ **Nakulamàtā**.
10. Trong các vị nữ cư sĩ đệ tử của Ta, này các Tỷ-kheo, có lòng tịnh tín đối với lời nghe đồn, tôi thắng là **Kālī**, nữ cư sĩ ở Kulagharikā.

48 Khujjuttarà - Gương tu tập cho nữ cư sĩ - Kinh HY CẦU – Tăng I, 163

HY CẦU – Tăng I, 163

- 1.- **Tỷ-kheo** có tín tâm, này các Tỷ-kheo, nếu hy cầu một cách chơn chánh, sẽ hy cầu như sau: "*Mong rằng ta sẽ như **Sàriputta** và **Moggallàna***". Đây là cán cân, này các Tỷ-kheo, đây là đồ đo lường đối với các đệ tử Tỷ-kheo của Ta, tức là Sàriputta và Moggallàna.
2. **Tỷ-kheo-ni** có tín tâm, này các Tỷ-kheo, nếu hy cầu một cách chơn chánh, sẽ hy cầu như sau: "*Mong rằng ta sẽ như Tỷ-kheo-ni **Khemà** và **Uppalavannà***". Đây là cán cân, này các Tỷ-kheo, đây là đồ đo lường đối với các đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta, tức là Tỷ-kheo-ni Khemà và Uppalavannà.
3. **Cư sĩ** có tín tâm, này các Tỷ-kheo, nếu hy cầu một cách chơn chánh, sẽ hy cầu như sau: "*Mong rằng ta sẽ như gia chủ **Citta** và **Hatthaka ở Àlavì***". Đây là cán cân, này các Tỷ-kheo, đây là đồ đo lường đối với các đệ tử cư sĩ của Ta, tức là gia chủ Citta và Hatthaka ở Àlavì.
4. **Nữ cư sĩ** có tín tâm, này các Tỷ-kheo, nếu hy cầu một cách chơn chánh, sẽ hy cầu như sau: "*Mong rằng ta sẽ như nữ cư sĩ **Khujjuttarà** và **Velukantakiyà**, mẹ của Nanda*". Đây là cán cân, này các Tỷ-kheo, đây

là đồ đo lường đối với các đệ tử nữ cư sĩ của Ta, tức là nữ cư sĩ Khujjuttarà và Velukantakiyà, mẹ của Nanda.

49 Khujjuttarà - Gương tu tập cho nữ cư sĩ - Kinh MONG CẦU – Tăng II, 128

MONG CẦU – Tăng II, 128

1.- Nay các Tỷ-kheo, **Tỷ-kheo** có lòng tin, nếu chơn chánh mong cầu, hãy mong cầu như sau: "*Mong ta sẽ được như **Sàriputta, Moggallàna***". Nay các Tỷ-kheo, **họ là cán cân, là đồ để đo lường các đệ tử Tỷ-kheo** của ta, tức là Sàriputta, Moggallàna.

2. Nay các Tỷ-kheo, **Tỷ-kheo-ni** có lòng tin, nếu chơn chánh mong cầu, hãy mong cầu như sau: "*Mong ta sẽ được như **Khema và Tỷ-kheo-ni Uppalavannà***". Nay các Tỷ-kheo, **họ là cán cân, là đồ để đo lường các đệ tử Tỷ-kheo-ni** của ta, tức là Khema và Uppalavannà.

3. Nay các Tỷ-kheo, **nam cư sĩ** có lòng tin, nếu chơn chánh mong cầu, hãy mong cầu như sau: "*Mong ta sẽ được như **gia chủ Citta, và Hatthaka người Alavì***". Nay các Tỷ-kheo, **họ là cán cân, là đồ để đo lường các đệ tử nam cư sĩ** của ta, tức là gia chủ Citta và Hatthaka người Alavì.

4. Nay các Tỷ-kheo, **nữ cư sĩ** có lòng tin, nếu chơn chánh mong cầu, hãy mong cầu như sau: "*Mong ta*

*sẽ được như nữ cư sĩ **Khujjuttarà** và **Velukantaki**, mẹ của Nandà".* Nay các Tỷ-kheo, họ là cán cân, là đồ để đo lường các đệ tử nữ cư sĩ của ta, tức là nữ cư sĩ Khujjuttarà và Velukantaki, mẹ của Nandà.

50 **Khuyên người sắp mạng chung - Kinh CÓ LÒNG TỪ MÃN – Tăng II, 736**

CÓ LÒNG TỪ MÃN – *Tăng II, 736*

1. - Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trú tại chỗ có lòng từ mẫn đối với các gia chủ.

2. Thế nào là năm?

- Khích lệ tăng thượng giới;
- Khiến chúng sống theo gương pháp;
- Khi đến thăm người bệnh, an trú niệm cho người bệnh như sau: "**Các vị hãy an trú niệm vào hướng đến quả A-la-hán**";
- Khi đại chúng Tỷ-kheo đi đến từ nhiều địa phương khác nhau, vị ấy nói với các gia chủ đi đến như sau: "Nay đại chúng Tỷ-kheo đã đến từ nhiều địa phương khác nhau. Các vị hãy làm các phước đức. Nay là thời làm các phước đức";
- Họ có cúng dường các món ăn gì, hoặc thô hoặc tế, tự mình thọ dụng, không làm cho của tín thí rơi rớt.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trú tại chỗ có lòng từ mẫn đối với các gia chủ.

51 Khác nhau - Thân đồng, Tướng khác nhau - 7 thức trú - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567

KINH PHÚNG TỤNG
– Bài kinh số 33 – Trường II, 567
(Trích đoạn)

1. Bảy thức trú:

- Đây các Hiền giả, có các loại hữu tình, *thân sai biệt và tướng sai biệt*, như loài Người, một số chư Thiên và một số thuộc đọa xứ. Đó là loại thức trú thứ nhất.
- Đây các Hiền giả, có những loài hữu tình *thân sai biệt nhưng tướng đồng loại*, như các vị **Phạm Chúng thiên** vừa mới sanh lần đầu tiên (hay do tu sơ thiên). Đó là loại thức trú thứ hai.
- Đây các Hiền giả, có những loài hữu tình, *thân đồng loại, nhưng tướng sai biệt*, như chư **Quang Âm thiên**. Đó là loại thức trú thứ ba.

- Đây các Hiền giả, có những loại hữu tình *thân đồng loại và tướng đồng loại*, như chư Thiên **Biến Tịnh thiên**. Đó là loại thức trú thứ tư.
- Đây các Hiền giả, có những loại hữu tình, vượt khỏi mọi tướng về sắc, điều phục mọi tướng về thân, không tác ý đến các tướng sai biệt, chứng Không vô biên xứ: "Hư không là vô biên". Đó là loại thức trú thứ năm.
- Đây các Hiền giả, có những loại hữu tình, vượt khỏi hoàn toàn hư không vô biên xứ, chứng Thức vô biên xứ: "Thức là vô biên". Đó là loại thức trú thứ sáu.
- Đây các Hiền giả có những loại hữu tình vượt khỏi hoàn toàn Thức vô biên xứ, chứng Vô sở hữu xứ: "Không có vật gì cả". Đó là loại thức trú thứ bảy.

52 Khác nhau - Thân đồng, Tướng khác nhau - 7 thức trú - Kinh THỨC TRÚ – Tăng III, 332

THỨC TRÚ – Tăng III, 332

1. - Nay các Tỷ-kheo, **có bảy thức trú này**. Thế nào là bảy?

- Có các loài hữu tình, nay các Tỷ-kheo, *thân khác, tướng khác* như loài Người, một số Thiên nhân, một số các loài ở trong đọa xứ. Đây là thức trú thứ nhất.
- Có các loài hữu tình, nay các Tỷ-kheo, *thân khác nhau, tướng là một*, như **Phạm chúng thiên** được sanh nhờ chúng sơ Thiên. Đây là thức trú thứ hai.
- Có các loài hữu tình, nay các Tỷ-kheo, *thân là một, tướng khác nhau*, như **chư Thiên Quang Âm**. Đây là thức trú thứ ba.
- Có các loài hữu tình, nay các Tỷ-kheo, *thân là một, tướng là một*, như **chư Thiên Biến Tịnh**. Đây là thức trú thứ tư.
- Có các loài hữu tính, nay các Tỷ-kheo, vượt hoàn toàn các sắc tướng, chấm dứt các chương ngại tướng, không tác ý sai biệt tướng, đạt đến Không

[vô biên xứ](#), biết rằng: "Hư không là vô biên". Đây là thức trú thứ năm.

- Có các loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, vượt hoàn toàn Không vô biên xứ, đạt đến [Thức vô biên xứ](#), biết rằng: "Thức là vô biên". Đây là thức trú thứ sáu.
- Có các loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, vượt hoàn toàn Thức vô biên xứ, đạt đến [Vô sở hữu xứ](#), biết rằng: "Không có vật gì". Đây là thức trú thứ bảy.

Này các Tỷ-kheo, có bảy thức trú này.

53 Khác nhau - Thân đồng, Tướng khác nhau - 7 thức trú và 2 xứ - Kinh ĐẠI DUYÊN – 15 Trường I, 511

KINH ĐẠI DUYÊN
(MAHA NIDANA SUTTA)
– Bài kinh số 15 – Trường I, 511

1. Như vậy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trụ tại bộ lạc Kuru (Câu-lâu), ở ấp Kuru tên là Kammassadhamma (Kiếm-ma-sắt-đàn). Tôn giả Ananda (A Nan) đến tại chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, giáo pháp Duyên khởi này thâm thúy, thật sự thâm thúy, và giáo pháp này đối với con hết sức minh bạch rõ ràng.

*- Nay Ananda, chớ có nói vậy! Nay Ananda chớ có nói vậy! Nay Ananda, giáo pháp Duyên khởi này thâm thúy, thật sự thâm thúy. Nay Ananda, **chính vì không giác ngộ, không thâm hiểu giáo pháp này mà chúng sanh hiện tại bị rối loạn như một ổ kén,***

rối ren như một ống chỉ, giống như cỏ munja và lau sậy babaja (ba-ba-la), không thể nào ra khỏi khổ xứ, ác thú, đọa xứ, sanh tử.

2. Nay Ananda, nếu có ai hỏi: "**Già và chết** do duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Già và chết do duyên gì?" Hãy đáp: "Già và chết do duyên **sanh**".

- Nay Ananda, nếu có ai hỏi: "Sanh có duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Sanh do duyên gì?" Hãy đáp: "Sanh do duyên **hữu**".
- Nay Ananda, nếu có ai hỏi: "Hữu có do duyên nào không? Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Hữu do duyên gì?" Hãy đáp: "Hữu do duyên **thủ**".
- Nay Ananda, nếu có ai hỏi: "Thủ có do duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Thủ do duyên gì?" Hãy đáp: "Thủ do duyên **ái**".
- ~~- Nay Ananda, nếu có ai hỏi: "Sanh có duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Sanh do duyên gì?" Hãy đáp: "Sanh do duyên **hữu**".~~
- ~~- Nay Ananda, nếu có ai hỏi: "Hữu có do duyên nào không? Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Hữu do duyên gì?" Hãy đáp: "Hữu do duyên **thủ**".~~

~~(2 đoạn này dư)????~~

- Nay Ananda, nếu có ai hỏi: "Ái có duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Ái do duyên gì?" Hãy đáp: "Ái do duyên **thọ**".
- Nay Ananda, nếu có ai hỏi: "Thọ có do duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Thọ do duyên gì?" Hãy đáp: "Thọ do duyên **xúc**".
- Nay Ananda, nếu có ai hỏi: "Xúc có do duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Xúc do duyên gì?" Hãy đáp: "Xúc do duyên danh sắc"???? (Xúc do duyên Sáu nhập)
- (Thiếu Sáu nhập do duyên Danh sắc)????
- Nay Ananda, nếu có ai hỏi: "Danh sắc có duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Danh sắc do duyên gì?" Hãy đáp: "**Danh sắc do duyên thức**".
- Nay Ananda, nếu có ai hỏi: "Thức có do duyên nào không?" Hãy đáp: "Có". Nếu có hỏi: "Thức do duyên gì?" Hãy đáp: "**Thức do duyên danh sắc**".

3. Nay Ananda, như vậy do duyên danh sắc, thức sanh; do duyên thức, danh sắc sanh; do duyên danh

sắc, xúc sanh, (~~??? do duyên danh sắc, lục nhập sanh; do duyên lục nhập, xúc sanh~~); do duyên xúc, thọ sanh; do duyên thọ; ái sanh; do duyên ái, thủ sanh; do duyên thủ, hữu sanh; do duyên hữu, sanh sanh; do duyên sanh, lão tử sanh, do duyên lão tử, sầu, bi, khổ, ưu não sanh. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn tập khởi.

4. Trước đã nói: "Do duyên sanh; lão tử sanh". Nay Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên sanh; lão tử sanh?"

→ Nay Ananda, **nếu sanh không có bất cứ loại nào**, bất cứ chỗ nào, như chư Thiên hay Thiên giới, Càn-thát-bà hay Càn-thát-bà-giới, Dạ-xoa hay Dạ Xoa giới. Quỷ thần hay Quỷ thần giới, loài Người hay Nhân giới, loại bốn chân hay tứ túc giới, loài chim hay điều giới, loài trùng xà hay trùng xà giới. Nay Ananda, *nếu không có sanh cho tất cả, do sanh diệt, thời lão tử có thể hiện hữu không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, như vậy là non, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là non duyên của lão tử, tức là sanh.

5. Trước đã nói: "Do duyên hữu, sanh sanh ra". Nay

Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên hữu, sanh sanh ra?"

→ Đây Ananda, **nếu hữu không có bất cứ loại nào, giới nào, bất cứ chỗ nào xứ nào, như dục hữu, sắc hữu hay vô sắc hữu.** *Nếu không có hữu cho tất cả, do hữu diệt, thời sanh có thể hiện hữu không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Đây Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của sanh, tức là hữu.

6. Trước đã nói: "Do duyên thủ, hữu sanh". Đây Ananda, phải hiểu như thế nào câu hỏi: "Do duyên thủ, hữu sanh?"

→ Đây Ananda, **nếu thủ không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, như dục thủ, kiến thủ, giới cầm thủ hay ngã chấp thủ.** *Nếu không có thủ cho tất cả, do thủ diệt, thời hữu có thể hiện hữu không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Đây Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên,

nư vậy là tập khởi, nư vậy là nhơn duyên của hữu, tức là thủ.

7. Trước đã nói: "Do duyên ái, thủ sanh". Nay Ananda, phải hiểu nư thế nào câu nói: "Do duyên ái, thủ sanh".

→ Nay Ananda, nếu ái không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nư sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái hay pháp ái. *Nếu không có ái cho tất cả, do ái diệt thời thủ có thể hiện hữu không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, nư vậy là nhơn, nư vậy là duyên, nư vậy là tập khởi, nư vậy là nhơn duyên của thủ, tức là ái.

8. Trước đã nói: "Do duyên thọ, ái sanh".

→ Nay Ananda, nếu thọ không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nư nhãn xúc sở sanh thọ, nhĩ xúc sở sanh thọ, tỷ xúc sở sanh thọ, thiệt xúc sở sanh thọ, tỷ xúc sở sanh thọ, ý xúc sở sanh thọ. *Nếu không có thọ cho tất cả, nếu thọ diệt thời ái có thể hiện hữu không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của ái, tức là thọ.

9. Nay Ananda, như vậy do duyên **thọ**, **ái** sanh;

- Do duyên ái, **tìm cầu** sanh;
- Do duyên tìm cầu, **lợi** sanh;
- Do duyên lợi, **quyết định** (sở dụng của lợi) sanh;
- Do duyên quyết định, **tham dục** sanh;
- Do duyên tham dục, **đam trước** sanh;
- Do duyên đam trước, **chấp thủ** sanh;
- Do duyên chấp thủ, **hà tiện** sanh;
- Do duyên hà tiện, **thủ hộ** sanh;
- Do duyên thủ hộ, **phát sanh một số ác, bất thiện pháp như chấp trượng, chấp kiếm, tranh đấu, tranh luận, đấu khẩu, khẩu chiến, ác khẩu, vọng ngữ.**

10. Trước đã nói: "Do duyên thủ hộ, phát sanh một số ác, bất thiện pháp, như chấp trượng, chấp kiếm,

tranh đấu, tranh luận, đấu khẩu, khẩu chiến, ác khẩu, vọng ngữ". *Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên thủ hộ, phát sanh một số ác, bất thiện pháp, như chấp trọng, chấp kiếm, tranh đấu, tranh luận, đấu khẩu, khẩu chiến, ác khẩu, vọng ngữ"?*

→ *Này Ananda, nếu thủ hộ không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu không có thủ hộ cho tất cả, nếu thủ hộ diệt, thời một số ác, bất thiện pháp như chấp trọng, chấp kiếm, tranh đấu, tranh luận, đấu khẩu, khẩu chiến, ác khẩu, vọng ngữ có thể hiện hữu được không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của một số ác, bất thiện pháp như chấp trọng, chấp kiếm, tranh đấu, tranh luận, đấu khẩu, khẩu chiến, ác khẩu, vọng ngữ, tức là thủ hộ.

11. Trước đã nói: "**Do duyên hà tiện, thủ hộ sanh**". Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên hà tiện thủ hộ sanh"?

→ *Này Ananda, nếu hà tiện không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu không có hà tiện, cho tất cả, nếu hà tiện diệt thời thủ hộ có thể hiện*

hữu không?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của thủ hộ, tức là hà tiện.

12. Trước đã nói: "**Do duyên chấp thủ, hà tiện sanh**". Nay Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên chấp thủ, hà tiện sanh"?

→ Nay Ananda, ***nếu chấp thủ không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu không chấp thủ cho tất cả, nếu chấp thủ diệt thời hà tiện có thể hiện hữu được không?***

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của hà tiện, tức là chấp thủ.

13. Trước đã nói: "**Do duyên đam trước, chấp thủ sanh**". Nay Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên đam trước, chấp thủ sanh"?

→ Nay Ananda, ***nếu đam trước không có bất cứ***

***loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu không có đam
trước cho tất cả, nếu đam trước diệt thời chấp
thủ có thể hiện hữu được không?***

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên,
như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của chấp
thủ, tức là đam mê.

14. Trước đã nói: "**Do duyên tham dục, đam trước
sanh**". Nay Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói:
"Do duyên tham dục, đam trước sanh"?

→ Nay Ananda, ***nếu tham dục không có bất cứ
loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu không có tham
dục cho tất cả, nếu tham dục diệt, thời đam
trước có thể hiện hữu được không?***

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên,
như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của đam
trước, tức là tham dục.

15. Trước đã nói: "**Do duyên quyết định, tham dục
sanh**". Nay Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói:
"Do duyên quyết định tham dục sanh"?

→ Đây Ananda, ***nếu quyết định không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu không có quyết định cho tất cả, nếu quyết định diệt, thời tham dục có thể hiện hữu được không?***

- Bạch Thế Tôn, không!

- Đây Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của tham dục tức là quyết định.

16. Trước đã nói: "**Do duyên lợi, quyết định sanh**". Đây Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên lợi quyết định sanh"?

→ Đây Ananda, ***nếu lợi không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu lợi không có cho tất cả, nếu lợi diệt thời quyết định có thể hiện hữu được không?***

- Bạch Thế Tôn, không!

- Đây Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của quyết định, tức là lợi.

17. Trước đã nói: "**Do duyên tìm cầu, lợi sanh**". Đây Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên

tìm cầu, lợi sanh"?

→ Này Ananda, ***nếu tìm cầu không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu tìm cầu không có cho tất cả, nếu tìm cầu diệt, thời lợi có thể hiện hữu được không?***

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của lợi, tức là tầm cầu.

18. Trước đã nói: "**Do duyên ái, tìm cầu sanh**". Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên ái, tầm cầu sanh"?

→ Này Ananda, ***nếu không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu ái không có cho tất cả, nếu ái diệt thời, tầm cầu có thể hiện hữu được không?***

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của tầm cầu, tức là ái.

Này Ananda, như vậy hai phương diện (của ái) tuy hai nhưng hòa hợp thành một, nhờ thọ (làm duyên sanh).

19. Trước đã nói: "**Do duyên xúc, thọ sanh**". Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên xúc, thọ sanh"?

→ Này Ananda, *nếu xúc không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, như nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc, nếu xúc không có cho tất cả, nếu xúc diệt, thời thọ có thể hiện hữu không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của thọ, tức là xúc.

20. Trước đã nói: "**Do duyên danh sắc, xúc sanh**". Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên danh sắc, xúc sanh"?

→ Này Ananda, nếu những hình, những sắc, những tướng, những mao, **nhờ đó mà danh thân và sắc thân thi thiết**; nếu những hình, những sắc, những tướng, những mao ấy không

có, thời danh mục xúc trong sắc thân có thể hiện hữu được không?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, những hình, những sắc, những tướng, những mạo ấy nhờ đó mà sắc thân được thi thiết, *nếu những hình, những sắc, những tướng, những mạo ấy không có, thời hữu đối xúc trong danh thân có thể hiện hữu được không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, những hình, những sắc, những tướng, những mạo nhờ đó mà danh thân và sắc thân được thi thiết, *nếu những hình, những sắc, những tướng, những mạo ấy không có, thời danh mục xúc hay hữu đối xúc có thể hiện hữu được không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, những hình, những sắc, những tướng, những mạo nhờ đó mà danh sắc được thi thiết, *nếu những hình, những sắc, những tướng, những mạo ấy không có thì xúc có thể hiện hữu được không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

Do vậy, này Ananda, như vậy là nhơn, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhơn duyên của xúc, tức là danh sắc.

21. Trước đã nói: "Do duyên thức, danh sắc sanh". Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên thức, danh sắc sanh"?

→ Này Ananda, *nếu thức không đi vào trong bụng* của người mẹ, thời danh sắc có thể hình thành trong bụng bà mẹ không?

- Bạch Thế Tôn, không!

→ Này Ananda, *nếu thức đi vào trong bụng bà mẹ rồi bị tiêu diệt*, thời danh sắc có thể hình thành trạng thái này, trạng thái khác không?

- Bạch Thế Tôn, không!

→ Này Ananda, *nếu thức bị đoạn trừ trong đũa con nít*, hoặc là đồng nam hay đồng nữ, thời danh sắc có thể lớn hơn, trưởng thành và thành mãn được không?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Do vậy, này Ananda, như vậy là nhơn, như

vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là
nhơn duyên của danh sắc, tức là thức.

22. Trước đã nói: "**Do duyên danh sắc, thức sanh**".
Này Ananda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do
duyen sanh sắc thức sanh"?

→ Này Ananda, ***nếu thức không an trú được
trong danh sắc, thời trong tương lai, có thể
hiện hữu sự hình thành của sanh, lão, tử,
khô tập không?***

- Bạch Thế Tôn, không!

- Do vậy, này Ananda, như vậy là nhơn, như
vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là
nhơn duyên của thức, tức là danh sắc.

- **Này Ananda, trong giới hạn con người
được sanh, con người được già, con người
được chết, con người được diệt, hay con
người được tái sanh, trong giới hạn ấy là
danh mục đạo, trong giới hạn ấy là ngôn ngữ
đạo, trong giới hạn ấy là thi thiết đạo, trong
giới hạn ấy là tuệ giới, trong giới hạn ấy là
lưu chuyển luân hồi hiện hữu trạng thái này
trạng thái khác nghĩa là **danh sắc và thức.****

23. **Này Ananda, có bao nhiêu lời tuyên bố về ngã?**

- Này Ananda, hoặc ngã được tuyên bố là có sắc và hạn lượng trong câu: "Ngã của tôi **có sắc và hạn lượng**".
- Này Ananda, hoặc ngã được tuyên bố là có sắc và vô lượng trong câu: "Ngã của tôi **có sắc và vô lượng**".
- Này Ananda, hoặc ngã được tuyên bố là không có sắc và có hạn lượng trong câu: "Ngã của tôi **không có sắc và có hạn lượng**".
- Này Ananda, hoặc ngã được tuyên bố là không có sắc và vô lượng trong câu: "Ngã của tôi **không có sắc và vô lượng**".

24. Này Ananda, có người tuyên bố ngã có sắc và có hạn lượng trong hiện tại, người này tuyên bố hoặc ngã có sắc và có hạn lượng trong tương lai. Hoặc như thế này: "Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy". Này Ananda, sự việc là như vậy thời **lời tuyên bố về tà kiến ngã có sắc và có hạn lượng** như vậy là quá đủ rồi.

Này Ananda, có người tuyên bố ngã có sắc và vô lượng người này tuyên bố hoặc ngã có sắc và vô

lượng trong hiện tại, hoặc ngã có sắc và vô lượng trong tương lai. Hoặc như thế này: "Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy". Nay Ananda, sự việc là như vậy thời lời tuyên bố về **tà kiến ngã có sắc và vô lượng** như vậy là quá đủ rồi.

Này Ananda, có người tuyên bố ngã không có sắc và có hạn lượng, người này tuyên bố hoặc ngã không có sắc và có hạn lượng trong hiện tại hoặc ngã không có sắc và có hạn lượng trong tương lai... hoặc ngã không có sắc và vô lượng trong tương lai. Hoặc như thế này: "Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy". Nay Ananda, sự việc là như vậy thời lời tuyên bố về tà kiến ngã có sắc và vô lượng như vậy là quá đủ rồi. Nay Ananda, như vậy, là có bấy nhiêu lời tuyên bố về ngã.

25. **Này Ananda, có bao nhiêu lời không tuyên bố về ngã?**

- Nay Ananda, hoặc ngã không được tuyên bố là có sắc và có hạn lượng trong câu: "Ngã của tôi có sắc và có hạn lượng".
- Nay Ananda, hoặc ngã không được tuyên bố là có sắc và vô lượng trong câu: "Ngã của tôi có sắc và vô lượng".

- Nay Ananda, hoặc ngã không được tuyên bố là không có sắc và có hạn lượng trong câu: "Ngã của tôi không có sắc và có hạn lượng".
- Nay Ananda, hoặc ngã không được tuyên bố là không có sắc và vô lượng trong câu: "Ngã của tôi không có sắc và vô lượng".

26. Nay Ananda, có người không tuyên bố ngã có sắc và có hạn lượng, người này không tuyên bố, hoặc ngã có sắc và có hạn lượng trong hiện tại, hoặc ngã có sắc và có hạn lượng trong tương lai. Hoặc không như thế này: "Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy". Nay Ananda, sự việc là như vậy thời **lời không tuyên bố về tà kiến ngã có sắc và có hạn lượng** như vậy là quá đủ rồi.

Nay Ananda, có người không tuyên bố ngã có sắc và vô lượng, người này không tuyên bố hoặc ngã có sắc và vô lượng trong hiện tại, hoặc ngã có sắc và vô lượng trong tương lai. Hoặc không như thế này. "Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy". Nay Ananda, sự việc là như vậy thời lời không tuyên bố về tà kiến ngã có sắc và vô lượng như vậy là quá đủ rồi.

Nay Ananda, có người không tuyên bố ngã không có sắc và có hạn lượng, người này tuyên bố, hoặc ngã

không có sắc và có hạn lượng trong hiện tại, hoặc ngã không có sắc và có hạn lượng trong tương lai. Hoặc không như thế này: "Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy". Này Ananda, sự việc là như vậy thời lời không tuyên bố về tà kiến ngã không có sắc và có hạn lượng như vậy là quá đủ rồi.

Này Ananda, có người không tuyên bố ngã không có sắc và vô lượng, người này không tuyên bố ngã không có sắc và vô lượng trong hiện tại, hoặc ngã không có sắc và vô lượng trong tương lai. Hoặc không như thế này: "Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy". Này Ananda, sự việc là như vậy thời lời không tuyên bố về tà kiến ngã có sắc và vô lượng như vậy là quá đủ rồi.

Này Ananda, như vậy là có bấy nhiêu lời không tuyên bố về ngã.

27. *Này Ananda, dưới bao nhiêu hình thức, ngã được quan niệm?*

- Này Ananda, ngã được quan niệm như thọ trong câu: "*Ngã của tôi là thọ*". Hay trái lại: "*Ngã của tôi không phải là thọ, ngã của tôi không có cảm thọ*".

- Nay Ananda, hoặc ngã được quan niệm như trong câu: *"Ngã của tôi không phải là thọ, cũng không phải là không có cảm thọ; ngã của tôi có cảm thọ, ngã của tôi có khả năng cảm thọ"*. Như vậy, nay Ananda, ngã được quan niệm.

28. Nay Ananda, **ai nói: "ngã của tôi là thọ"**. *Người ấy cần được trả lời: "Này Hiền giả, có ba loại cảm thọ, lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Trong ba loại thọ này, loại nào ông xem là ngã?"*

- Nay Ananda, **khi cảm giác một lạc thọ, chúng ta không cảm giác một khổ thọ, không cảm giác một bất khổ bất lạc thọ, khi ấy chỉ cảm giác một lạc thọ thôi.**
- Nay Ananda, khi cảm giác một khổ thọ, chúng ta không cảm giác một lạc thọ, không cảm giác một bất khổ bất lạc thọ, khi ấy chỉ cảm giác một khổ thọ thôi.
- Nay Ananda, khi cảm giác một bất khổ bất lạc thọ, chúng ta không cảm giác một lạc thọ, không cảm giác một khổ thọ, khi ấy chỉ cảm giác một bất khổ bất lạc thọ thôi.

29. Lại nữa, nay Ananda, lạc thọ là vô thường, hữu vi, là pháp duyên khởi, là pháp biến hoại, là pháp

đoạn diệt, là pháp ly dục, là pháp diệt tận.

- Nay Ananda, khổ thọ là **vô thường, hữu vi, là pháp duyên khởi, là pháp đoạn hoại, là pháp đoạn diệt, là pháp ly dục, là pháp diệt tận.**
- Nay Ananda, bất khổ bất lạc thọ là vô thường, hữu vi, là pháp duyên khởi, là pháp đoạn hoại, là pháp đoạn diệt, là pháp ly dục, là pháp diệt tận.

◎ Khi cảm giác một lạc thọ mà nói rằng: "Đó là ngã của tôi", thời khi lạc thọ ấy diệt mất người ấy cũng nghĩ rằng: "Ngã của tôi cũng diệt".

◎ Khi cảm giác một khổ thọ mà nói rằng: "Đó là ngã của tôi", thời khi khổ thọ ấy diệt mất người ấy cũng nghĩ rằng: "Ngã của tôi cũng diệt".

◎ Khi cảm giác một bất khổ bất lạc thọ mà nói rằng: "Đó là ngã của tôi", thời khi bất khổ bất lạc thọ ấy diệt mất, người ấy cũng nghĩ rằng: "Ngã của tôi cũng diệt".

Vậy những ai nói rằng: "Ngã của tôi là thọ", người ấy sẽ xem ngã của mình như một cái gì trong hiện tại, cái gì ấy là vô thường, lạc khổ xen lẫn, là pháp sanh diệt. Do vậy, nay Ananda, không thể chấp nhận quan niệm "Ngã của tôi là thọ".

30. Nay Ananda, **ai nói như sau: "Ngã của tôi**

không phải là thọ, ngã của tôi không có cảm thọ".
Người ấy cần được trả lời: "Này Hiền giả, chỗ nào không có một cảm thọ gì cả, chỗ ấy có thể xem là "Tôi có" được không?"

- Bạch Thế Tôn, không!

- Do vậy, này Ananda, **không thể chấp nhận quan niệm** "Ngã của tôi không phải là thọ, ngã của tôi không có cảm thọ".

31. Này Ananda, **ai nói như sau: "Ngã của tôi không phải là thọ, ngã của tôi không phải không có cảm thọ, ngã của tôi có cảm thọ, ngã của tôi có khả năng cảm thọ".** *Người ấy cần được trả lời: "Này Hiền giả nếu tất cả mọi loại cảm thọ đều đoạn diệt hoàn toàn, khi không còn một loại cảm thọ nào cả, khi thọ đã tận diệt, thời ở tại chỗ ấy, có thể nói: "Tôi là như vậy" chăng?"*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Do vậy, này Ananda, **không thể chấp nhận quan niệm** "Ngã của tôi không phải là thọ, ngã của tôi không phải không có cảm thọ; ngã của tôi có cảm thọ, ngã của tôi có khả năng cảm thọ".

32. Này Ananda, **khi có một vị Tỷ-kheo không**

quan niệm ngã là thọ, không quan niệm ngã không phải thọ, không quan niệm: "Ngã của tôi là thọ, ngã của tôi có khả năng cảm thọ", **khi ấy vị này sẽ không chấp trước một điều gì ở trên đời, vì không chấp trước nên không sợ hãi; vì không sợ hãi nên hoàn toàn tự mình tịch diệt**. Vị ấy biết sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, sau đời này không còn đời nào khác nữa.

Này Ananda, **với vị Tỷ-kheo có tâm giải thoát như vậy, nếu có ai nói vị Tỷ-kheo ấy có tà kiến như sau**: "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết" **thời thật hoàn toàn phi lý**. Hoặc có tà kiến như sau: "Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết", thời thật hoàn toàn phi lý. Hoặc có tà kiến như sau: "Nhu Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết", thời thật hoàn toàn phi lý. Hoặc có tà kiến như sau: "Nhu Lai không có tồn tại và không không có tồn tại sau khi chết", thời thật hoàn toàn phi lý. **Tại sao vậy? Này Ananda, ví dầu có bao nhiêu danh mục, bao nhiêu danh mục đạo, dầu có bao nhiêu ngôn ngữ, bao nhiêu ngôn ngữ đạo, dầu có bao nhiêu thi thiết, bao nhiêu thi thiết đạo, dầu có bao nhiêu trí tuệ, bao nhiêu trí tuệ giới, dầu có bao nhiêu luân chuyển, bao nhiêu vận hành, với thắng trí hiểu biết tất cả, vị Tỷ-kheo được giải thoát**. Với vị Tỷ-kheo thắng trí giải thoát như vậy mà nói rằng vị Tỷ-kheo ấy không biết, không thấy, thời thật là

một sự phi lý.

33. Nay Ananda, có bảy trú xứ của thức và hai xứ.
Thế nào là bảy?

- Nay Ananda, có những loại hữu tình, *thân dị loại và tướng dị loại*, như loài Người, một số chư Thiên và một số trong địa ngục. Đó là trú xứ thứ nhất của thức.
- Nay Ananda, có những loại hữu tình, *thân dị loại nhưng tướng nhất loại*, như các vị **Phạm Chúng thiên** được sanh vào cõi ấy, nhờ sơ Thiền. Đó là trú xứ thứ hai của thức.
- Nay Ananda, có những loại hữu tình, *thân nhất loại nhưng tướng dị loại*, như các vị **Quang Âm thiên (Abhassarà)**. Đó là trú xứ thứ ba của thức.
- Nay Ananda, có những loại hữu tình, *thân nhất loại và tướng cũng nhất loại*, như các vị **Biến Tịnh thiên (Subhakinna)**. Đó là trú xứ thứ tư của thức.
- Nay Ananda, có những loại hữu tình, vượt ra khỏi tất cả sắc tướng, đoạn trừ tất cả hữu đối tượng, không suy tư đến mọi dị loại tướng, chỉ có tướng "Hư không là vô biên", được sanh vào cõi Hư

Không vô biên xứ. Đó là trú xứ thứ năm của thức.

- Nay Ananda, có những loại hữu tình hoàn toàn vượt ra khỏi Không vô biên xứ, chỉ có tướng "Thức là vô biên", được sanh vào cõi **Thức vô biên xứ**. Đó là trú xứ thứ sáu của thức.
- Nay Ananda, có những loại hữu tình, hoàn toàn vượt ra khỏi Thức vô biên xứ, chỉ có tướng "Vô sở hữu", được sanh vào cõi **Vô sở hữu xứ**. Đó là trú xứ thứ bảy của thức.
- Hai xứ là **Vô tướng hữu tình xứ và Phi tướng phi phi tướng xứ.**

34. Nay Ananda, trong thức trú xứ thứ nhất có thân dị loại và tướng dị loại này, như loài Người, một số chư Thiên và một số hữu tình trong địa ngục. *Này Ananda nếu có ai hiểu được trú xứ này, hiểu được sự tập khởi, hiểu được sự đoạn diệt, hiểu được vị ngọt, hiểu được sự nguy hiểm và hiểu được sự xuất ly của trú xứ này, một vị như vậy có thể còn hoan hỷ ưa thích trú xứ này không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

... (như trước)...

- Nay Ananda, trong thức trú xứ thứ bảy, hoàn toàn

vượt ra khỏi Thức vô biên xứ, chỉ có tướng "Vô sở hữu", được sanh vào cõi Vô sở hữu xứ. *Này Ananda nếu có ai hiểu được trú xứ này, hiểu được sự tập khởi, hiểu được sự đoạn diệt, hiểu được sự tập khởi, hiểu được sự đoạn diệt, hiểu được vị ngọt, hiểu được sự nguy hiểm và hiểu được sự xuất ly của trú xứ này, một vị như vậy có thể còn hoan hỷ ưa thích trú xứ này không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, với Vô tướng hữu tình xứ này, này Ananda, *nếu có ai hiểu được trú xứ này, hiểu được sự tập khởi, hiểu được sự đoạn diệt, hiểu được vị ngọt, hiểu được sự nguy hiểm và hiểu được sự xuất ly của trú xứ này, một vị như vậy có thể còn hoan hỷ ưa thích trú xứ này không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Này Ananda, với Phi tướng phi phi tướng xứ này, này Ananda, *nếu có ai hiểu được trú xứ này, hiểu được sự tập khởi, hiểu được sự đoạn diệt, hiểu được vị ngọt, hiểu được sự nguy hiểm và hiểu được sự xuất ly của trú xứ này, một vị như vậy có thể còn hoan hỷ ưa thích trú xứ này không?*

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Ananda, **bởi bảy thức trú xứ và hai xứ này,** nếu có vị Tỷ-kheo đã như chơn hiểu được tập khởi, đoạn trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm, xuất ly của chúng, nhờ không còn chấp thủ, vị này được giải thoát. Nay Ananda, **vị Tỷ-kheo như vậy được gọi là Tuệ giải thoát.**

35. *Nay Ananda, **có tám giải thoát.** Thế nào là tám?*

1. Tự mình có sắc, thấy các sắc pháp. Đó là giải thoát thứ nhất.
2. Không biết tự mình có sắc, thấy các sắc ngoài tự thân. Đó là giải thoát thứ hai.
3. Tâm mạnh hướng đến thanh tịnh. Đó là giải thoát thứ ba.
4. Hoàn toàn vượt khỏi mọi sắc tướng, đoạn diệt mọi hữu đối tượng, không suy tư đến mọi tướng dị biệt, với tư tưởng: "Hư không là vô biên", chứng và an trú Hư không vô biên xứ. Đó là giải thoát thứ tư.
5. Hoàn toàn vượt khỏi Hư không vô biên xứ, với tư tưởng: "Thức là vô biên", chứng và an trú Thức vô biên xứ. Đó là giải thoát thứ năm.
6. Hoàn toàn vượt khỏi Thức vô biên xứ, với tư

tướng: "Vô sở hữu" chứng và an trú Vô sở hữu xứ. Đó là giải thoát thứ sáu.

7. Hoàn toàn vượt khỏi Vô sở hữu xứ, chứng và an trú Phi tướng phi phi tướng xứ. Đó là giải thoát thứ bảy.
8. Vượt khỏi hoàn toàn Phi tướng phi phi tướng xứ, chứng và an trú Diệt thọ tướng định. Đó là giải thoát thứ tám. Nay Ananda, như vậy là tám giải thoát.

36. Nay Ananda, khi một vị Tỷ-kheo thuận thứ thể nhập tám giải thoát này, có thể nhập và có thể xuất khỏi bất cứ giải thoát nào khi nào mình muốn, chỗ nào mình muốn và dài bao lâu mình muốn - và với các lậu hoặc được đoạn trừ, vị Tỷ-kheo chứng và an trú trong tám giải thoát và tuệ giải thoát, không còn lậu hoặc ngay trong thời hiện tại, tự mình thấu đạt và chứng ngộ. Nay Ananda, không còn có một Câu giải thoát nào khác cao hơn và thù thắng hơn Câu giải thoát này.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

54 Khác nhau - Thân đồng, Tướng khác nhau - 9 chỗ hữu tình cư trú - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567

KINH PHÚNG TỤNG

– Bài kinh số 33 – Trường II, 567
(Trích đoạn)

1. Chín chỗ an trú của loài hữu tình:

- Này các Hiền giả, có những loài hữu tình, *thân sai biệt, tướng sai biệt*, như loài **Người**, một số chư Thiên, một số ở tại các đạo xứ. Đó là hữu tình trú xứ thứ nhất.
- Này các Hiền giả, có những loài hữu tình, *thân sai biệt, tướng đồng nhất*, như **Phạm Chúng thiên** khi mới tái sanh. Đó là hữu tình trú xứ thứ hai.
- Này các Hiền giả, có loài hữu tình, *thân đồng nhất, tướng sai biệt* như chư **Quang Âm thiên**. Đó là hữu tình trú xứ thứ ba.
- Này các Hiền giả, có loài hữu tình, *thân*

đồng nhất, tướng đồng nhất như chư **Tịnh Cư thiên**. Đó là hữu tình trú xứ thứ tư.

- Đây các Hiền giả, có những loài hữu tình không có tướng, không có thọ, như chư **Vô Tướng thiên**. Đó là hữu tình trú xứ thứ năm.
- Đây các Hiền giả, có những loài hữu tình vượt khỏi sắc tướng một cách hoàn toàn, diệt trừ các sân tướng, không có tác ý sai biệt tướng, chúng được Hư không vô biên xứ: "Hư không là vô biên". Đó là hữu tình trú xứ thứ sáu.
- Đây các Hiền giả, có những loài hữu tình vượt khỏi Hư không vô biên xứ một cách hoàn toàn, chúng Thức vô biên xứ: "Thức là vô biên". Đó là hữu tình trú xứ thứ bảy.
- Đây các Hiền giả, có những loài hữu tình vượt khỏi Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, chúng Vô sở hữu xứ: "Không có gì tất cả". Đó là hữu tình trú xứ thứ tám.
- Đây các Hiền giả, có những loài hữu tình

vượt khỏi Vô sở hữu xứ một cách hoàn
toàn, chúng Phi tưởng phi phi tưởng xứ.
Đó là hữu tình trú xứ thứ chín.

55 Khác nhau - Thân đồng, Tướng khác nhau - 9 chỗ hữu tình cư trú - Kinh CÁC LOÀI HỮU TÌNH – Tăng IV, 141

CÁC LOÀI HỮU TÌNH – Tăng IV, 141

1. - *Này các Tỷ-kheo, có chín chỗ cư trú của loài hữu tình.*

2. Thế nào là chín?

Này các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình, *thân sai biệt, tướng sai biệt*, như loài **Người**, một số chư Thiên, một số ở các đạo xứ. Đó là hữu tình trú xứ thứ nhất.

3. Này các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình, *thân sai biệt, tướng đồng nhất*, chư **Phạm Chúng thiên**, khi mới tái sanh. Đó là hữu tình trú xứ thứ hai.

4. Này các Tỷ-kheo, có loại hữu tình, *thân đồng nhất, tướng sai biệt* như **Quang Âm thiên**. Đó là hữu tình trú xứ thứ ba.

5. Nay các Tỷ-kheo, có loài hữu tình, *thân đồng nhất, tướng đồng nhất*, như **Tịnh Cư thiên**. Đó là hữu tình trú xứ thứ tư.

6. Nay các Tỷ-kheo, có những loại hữu tình *không có tướng, không có thọ* như **Vô Tướng thiên**. Đó là hữu tình trú xứ thứ năm.

7. Nay các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình vượt khỏi sắc tướng một cách hoàn toàn, diệt trừ các đối ngại tướng, không có tác ý sai biệt tướng, nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng được *Không vô biên xứ*. Đó là hữu tình trú xứ thứ sáu.

8. Nay các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình, vượt khỏi hư Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng được *Thức vô biên xứ*. Đó là hữu tình trú xứ thứ bảy.

9. Nay các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình vượt khỏi Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, nghĩ rằng: "Không có gì tất cả", chứng được *Vô sở hữu xứ*. Đó là hữu tình trú xứ thứ tám.

10. Nay các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình vượt khỏi Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng *Phi tướng phi phi tướng xứ*. Đó là hữu tình trú xứ thứ chín.

Này các Tỷ-kheo, đây là chín chỗ cư trú của các loài hữu tình.

56 Khát vọng tu tập - 7 pháp đáng được tán thán - Kinh THÙ DIỆU SỰ 1 – Tăng III, 327

THÙ DIỆU SỰ 1 – *Tăng III, 327*

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthì, tại Jetavana, trong khu vườn ông Ànathapindika. Bấy giờ Tôn giả Sàriputta vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sàvavatthì để khát thực. Tôn giả Sàriputta suy nghĩ như sau: "Thật là quá sớm để đi khát thực ở Sàvatthì, vậy ta hãy đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo". Rồi Tôn giả Sàriputta đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo, sau khi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo, sau khi đến, nói lên với các du sĩ ngoại đạo những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

2. Lúc bấy giờ, các du sĩ ngoại đạo ấy đang ngồi tụ họp và câu chuyện sau đây được khởi lên: "*Này chư Hiền, ai sống mười hai năm hành trì Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh, thật là vừa đủ để nói: "Vị Tỷ-kheo đáng được tán thán".*" Rồi Tôn giả Sàriputta không tùy hỷ, không chỉ trích lời nói của các du sĩ ngoại đạo ấy; không tùy hỷ, không chỉ trích, từ chỗ ngồi

đứng dậy và ra đi với ý nghĩ: "Ta sẽ rõ biết ý nghĩa này từ Thế Tôn".

3. Rồi Tôn giả Sàriputta, sau khi khát thực ở Sàvatthi xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sàriputta bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, vào buổi sáng, con đắp y, cầm y bát, đi vào Sàvatthi để khát thực. Rồi bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Thật là quá sớm để đi khát thực ở Sàvatthi, vậy ta hãy đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo". Rồi bạch Thế Tôn, con đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo; sau khi đến, nói lên với các du sĩ ngoại đạo ấy những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi, con ngồi xuống một bên. Lúc bấy giờ, bạch Thế Tôn, các du sĩ ngoại đạo ấy đang ngồi tụ họp và câu chuyện sau đây được khởi lên: "Này chư Hiền, ai sống mười hai năm hành trì Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh, thật là vừa đủ để nói: "Vị Tỷ-kheo đáng được tán thán". Rồi bạch Thế Tôn, con không tùy hỷ, không chỉ trích lời nói của các du sĩ ngoại đạo ấy; không tùy hỷ, không chỉ trích, con từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi với ý nghĩ: "Ta sẽ rõ biết ý nghĩa này từ Thế Tôn".

- Bạch Thế Tôn, trong Pháp và Luật này, có thể nêu rõ một Tỷ-kheo đáng được tán thán, hoàn toàn do đếm số năm chăng?

- Nay Sàriputta, trong Pháp, và Luật này, không có thể nêu rõ một Tỷ-kheo đáng được tán thán, hoàn toàn do đếm số năm. Bấy sự thù diệu này, này Sàriputta, sau khi với thắng trí, Ta tự chứng ngộ, chứng đạt, an trú, và tuyên thuyết. Thế nào là bấy?

4. Ở đây, này Sàriputta,

- Tỷ-kheo **tha thiết hành trì học pháp** và trong tương lai khát vọng hành trì học pháp;
- Tha thiết **quán pháp** và trong tương lai khát vọng quán pháp;
- Tha thiết **niếp phục lòng dục** và trong tương lai khát vọng nhiếp phục lòng dục;
- Tha thiết **Thiền tịnh**, trong tương lai khát vọng Thiền tịnh;
- Tha thiết tinh cần tinh tấn và trong tương lai khát vọng tinh cần tinh tấn;
- Tha thiết **niệm tuệ** và trong tương lai khát vọng niệm tuệ;
- Tha thiết **thể nhập tri kiến** và trong tương lai khát vọng thể nhập tri kiến.

Này Sàriputta, bảy thù diệu sự này được Ta tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt, an trú và tuyên thuyết.

5. Thành tựu bảy thù diệu sự này, này Sàriputta, Tỷ-kheo, nếu trong mười hai năm hành trì Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh, thật là vừa đủ để nói: "Vị Tỷ-kheo đáng được tán thán!".

Nếu trong hai mươi bốn năm hành trì Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh, thật là vừa đủ để nói: "Vị Tỷ-kheo đáng được tán thán!".

Nếu trong ba mươi sáu năm hành trì Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh, thật là vừa đủ để nói: "Vị Tỷ-kheo đáng được tán thán!".

Nếu trong bốn mươi tám năm hành trì Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh, thật là vừa đủ để nói: "Vị Tỷ-kheo đáng được tán thán!".

57 Khát ái - Là con đường đưa đến thọ tập khởi - Kinh Vị Tỷ Kheo – Tương IV, 373

Vị Tỷ Kheo – Tương IV, 373

1) ...

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi một bên, Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

-- *Bạch Thế Tôn, thế nào là thọ? Thế nào là thọ tập khởi? Thế nào là con đường đưa đến thọ tập khởi? Thế nào là thọ đoạn diệt? Thế nào là con đường đưa đến thọ đoạn diệt? Thế nào là vi ngọt của thọ? Thế nào là sự nguy hiểm của thọ? Thế nào là sự xuất ly của thọ?*

4) -- Này Tỷ-kheo,

- Có ba thọ này: lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Này Tỷ-kheo, đây gọi là ba thọ.
- Do **xúc** tập khởi nên thọ tập khởi.
- **Khát ái** là con đường đưa đến thọ tập khởi.
- Do **xúc** đoạn diệt nên thọ đoạn diệt.

- Con đường **Thánh đạo Tám ngành** này là con đường đưa đến thọ đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định.
- Do duyên thọ khởi lên lạc hỷ nào, đó là vị ngọt của thọ.
- Tánh vô thường, khổ, chịu sự biến hoại của thọ là sự nguy hiểm của thọ.
- Sự nhiếp phục dục và tham, sự đoạn tận dục và tham là sự xuất ly của thọ.

Thánh Đạo Tám Ngành này được tu tập với mục đích
đoạn tận:

1. Ba **tâm cầu**: dục tâm cầu, hữu tâm cầu, phạm hạnh tâm cầu.
2. Ba **kiêu mạn**: tôi hơn, tôi bằng, tôi thua.
3. Ba **lậu hoặc**: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.
4. Ba **hữu**: dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu.
5. Ba **khổ tánh**: khổ khổ tánh, hành khổ tánh, hoại khổ tánh.
6. Ba **hoang vu**: tham hoang vu, sân hoang vu, si hoang vu.
7. Ba **cấu nhiễm**: tham cấu nhiễm, sân cấu nhiễm, si cấu nhiễm.
8. Ba **dao động**: tham dao động, sân dao động, si dao động.
9. Ba **thọ**: lạc thọ, khổ thọ, thọ không khổ không lạc.
10. Ba **khát ái**: dục khát ái, hữu khát ái, phi hữu khát ái.
11. Bốn **bộc lưu**: dục bộc lưu, hữu bộc lưu, kiến bộc lưu, vô minh bộc lưu.
12. Bốn **ách phược**: dục ách phược, hữu ách phược, kiến ách phược, vô minh ách phược.
13. Bốn **chấp thủ**: dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ.
14. Bốn **hệ phược**: tham thân hệ phược, sân thân hệ phược, giới cấm thủ thân hệ phược, chấp đây là sự thực thân hệ phược.

15. Bảy **tùy miên**: **dục** tham tùy miên, **hận** tùy miên, **kiến** tùy miên, **ngại** tùy miên, **mạn** tùy miên, **hữu** tham tùy miên, **vô minh** tùy miên.

16. Năm **dục công đức**:

17. Năm **triền cái**:

18. Năm **uẩn**:

19. Năm **hạ phần kiết sử**:

20. Năm **thượng phần kiết sử**:

Phẩm Tâm Cầu – Tương V, 86

Thắng Trí – Tương V, 86

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có ba loại tâm cầu. Thế nào là ba?

- Tâm cầu về **dục**,
- Tâm cầu về **hữu**,
- Tâm cầu về **Phạm hạnh**.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba tâm cầu.
Chính do thắng trí ba tâm cầu này mà Thánh đạo tám ngành này được tu tập.

Thế nào là Thánh đạo tám ngành được tu tập?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Chính do thắng tri ba tầm cầu này mà *Thánh đạo Tám ngành* này được tu tập.

4-5) ... Tu tập chánh định, với cứu cánh là đoạn tận tham, với cứu cánh là đoạn tận sân, với cứu cánh là đoạn tận si.

6-7) ... Tu tập chánh định, thể nhập vào bất tử, với mục đích là bất tử, với cứu cánh là bất tử.

8-9) ... Tu tập chánh định, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

Liễu Tri – *Tương V*, 87 (Parinnà)

10-17) -- Này các Tỷ-kheo, có ba loại tầm cầu. Thế nào là ba?

- Tầm cầu về **dục**,
- Tầm cầu về **hữu**,
- Tầm cầu về **Phạm hạnh**.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba tâm cầu.
Chính vì liễu tri ba tâm cầu này mà Thánh đạo Tám ngành được tu tập.

Đoạn Diệt – *Tương V*, 87 (Parikkaya)

18-25) -- Này các Tỷ-kheo, có ba loại tâm cầu. Thế nào là ba

- Tâm cầu **dục**,
- Tâm cầu **hữu**,
- Tâm cầu **Phạm hạnh**.

Chính vì mục đích đoạn tận ba tâm cầu này mà Thánh đạo Tám ngành được tu tập.

Đoạn Tận – *Tương V*, 87 (Pahàna)

26-33) -- Này các Tỷ-kheo, có ba tâm cầu này. Thế nào là ba?

- Tâm cầu **dục**,
- Tâm cầu **hữu**,
- Tâm cầu **Phạm hạnh**.

Chính vì mục đích đoạn tận ba tầm cầu này mà Thánh đạo Tám ngành được tu tập.

Kiêu Mạn – Tương V, 88 (Vidhà)

1) ... Sàvatthi...

2-33) -- Nay các Tỷ-kheo, có ba kiêu mạn. Thế nào là ba?

- Kiêu mạn: "Tôi hơn";
- Kiêu mạn: "Tôi bằng";
- Kiêu mạn: "Tôi thua".

Nay các Tỷ-kheo, đó là ba kiêu mạn này. **Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba kiêu mạn này mà Thánh đạo Tám ngành được tu tập.**

Thế nào là Thánh đạo Tám ngành được tu tập?

Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến... tu tập chánh định **liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.** Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba kiêu mạn này mà Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

Lậu Hoặc – Tương V, 88

1) ...

2-33) -- Nay các Tỷ-kheo, có ba lậu hoặc này. Thế nào là ba?

- Dục lậu,
- Hữu lậu,
- Vô minh lậu.

Nay các Tỷ-kheo, đó là ba lậu hoặc này. **Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận *ba lậu hoặc* này mà Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.**

Hữu – Tương V, 89

1) ...

2-33) -- Nay các Tỷ-kheo, có ba hữu này. Thế nào là ba?

- Dục hữu,
- Sắc hữu,
- Vô sắc hữu.

Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ***ba hữu*** này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

Khổ Tánh – *Tương V*, 89 (Dukkhatà)

1) ...

2-33) -- Này các Tỷ-kheo, có ba khổ tánh này. Thế nào là ba?

- Khổ khổ tánh,
- Hành khổ tánh,
- Hoại khổ tánh.

Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ***ba khổ tánh*** này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

Hoang Vu – *Tương V*, 89 (Khilà)

1) ...

2-33) -- Này các Tỷ-kheo, có ba hoang vu này. Thế nào là ba?

- Tham hoang vu,
- Sân hoang vu,
- Si hoang vu.

Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận *ba hoang vu* này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

Cấu Nhiễm – *Tương V*, 90 (Malam)

1) ...

2-33) -- Này các Tỷ-kheo, có ba cấu nhiễm này. Thế nào là ba?

- Tham cấu nhiễm,
- Sân cấu nhiễm,
- Si cấu nhiễm.

Này các Tỷ-kheo, đó là ba cấu nhiễm này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba cấu nhiễm này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

Dao Động – *Tương V*, 90

1) ...

2-33) -- Nay các Tỷ-kheo, có ba dao động này. Thế nào là ba?

- Tham giao động,
- Sân dao động,
- Si dao động.

Nay các Tỷ-kheo, đó là ba dao động này. **Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận *ba dao động* này, nay các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.**

Thọ – *Tương V*, 91

1) ...

2-33) -- Nay các Tỷ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba?

- Lạc thọ,
- Kkhô² thọ,
- Phi khô² phi lạc thọ.

Nay các Tỷ-kheo, đó là ba thọ này. **Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận *ba thọ* này,**

này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

Khát Ái – *Tương V*, 91 (Tanhà)

1) ...

2-3) -- Nay các Tỷ-kheo, có ba khát ái này. Thế nào là ba?

- Dục khát ái,
- Hữu khát ái,
- Phi hữu khát ái.

Nay các Tỷ-kheo, đó là ba khát ái này. **Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba khát ái này, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.**

Thế nào là Thánh đạo Tám ngành cần phải tu tập?

Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly... tu tập chánh định **liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, liên hệ đến đoạn tận, hướng đến từ bỏ.**

Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba khát ái này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

Khát Ái – *Twong* V, 92 (Tasinà hay Tanhà)

1-2-3) ...

4-33) -- Này các Tỷ-kheo, có ba khát ái này. Thế nào là ba?

- Dục khát ái,
- Hữu khát ái,
- Phi hữu khát ái.

Này các Tỷ-kheo, đó là ba khát ái này. **Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận ba khát ái này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.**

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly... tu tập chánh định **liên hệ đến viễn ly**, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ... tu tập chánh định **với cứu cánh là đoạn tận tham**, với cứu cánh là đoạn tận sân, với cứu cánh là đoạn tận si... tu tập chánh định **với**

mục đích là thể nhập bất tử, với mục đích là bất tử, với cứu cánh là bất tử... tu tập chánh định **thiên về Niết-bàn**, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn...

Chính vì mục đích thắng tri... liễu tri... đoạn diệt... đoạn tận ba khát ái này, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

VIII. Phẩm Bộc Lưu

1) Tất cả đều nhân duyên ở Sàvatthi...

Bộc Lưu – *Tương V, 93 (Ogha).*

1) ...

2) -- Nay các Tỷ-kheo, có bốn bộc lưu này. Thế nào là bốn?

- Dục bộc lưu,
- Hữu bộc lưu,
- Kiến bộc lưu,
- Vô minh bộc lưu.

Này các Tỷ-kheo, đó là bốn bậc lưu này. Chính vì mục đích muốn thắng tri, muốn liễu tri, muốn đoạn diệt, muốn đoạn tận *bốn bậc lưu* này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

3-33) (Như đoạn về Tầm cầu...)

Ách Phược – *Tương V, 93 (Yogo)*

1) ...

2-33) -- Này các Tỷ-kheo, có bốn ách phược này. Thế nào là bốn?

- Dục ách phược,
- Hữu ách phược,
- Kiến ách phược,
- Vô minh ách phược.

Này các Tỷ-kheo, đó là bốn ách phược này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận *bốn ách phược* này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

Chấp Thủ – *Tương V, 94*

1) ...

2-33) -- Này các Tỷ-kheo, có bốn chấp thủ. Thế nào là bốn?

- Dục thủ,
- Kiến thủ,
- Giới cấm thủ,
- Ngã luận thủ.

Này các Tỷ-kheo, đó là bốn chấp thủ này. **Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận bốn chấp thủ này, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.**

Hệ Phược – *Tương V, 94 (Ganthà)*

1) ...

2-33) -- Này các Tỷ-kheo, có bốn hệ phược này. Thế nào là bốn?

- Tham thân hệ phược,
- Sân thân hệ phược,
- Giới cấm thủ thân hệ phược,
- Chấp đây là sự thực thân hệ phược.

Này các Tỷ-kheo, đó là bốn hệ phược này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận *bốn hệ phược* này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập.

Tùy Miên – Tương V, 94

1) ...

2-33) -- Này các Tỷ-kheo, có bảy tùy miên này. Thế nào là bảy?

- Dục tham tùy miên (kàmaràgànusaya),
- Hận tùy miên,
- Kiến tùy miên,
- Nghi tùy miên,
- Mạn tùy miên,
- Hữu tham tùy miên (bhavaràgànusaya),
- Vô minh tùy miên.

Này các Tỷ-kheo, đó là bảy tùy miên này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận *bảy tùy miên* này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

Dục Công Đức – *Tương V, 95*

1) ...

2-33) -- Này các Tỷ-kheo, có năm dục công đức. Thế nào là năm?

- Các sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn.
- Các tiếng do tai nhận thức...
- Các hương do mũi nhận thức...
- Các vị do lưỡi nhận thức...
- Các xúc do thân nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn.

Này các Tỷ-kheo, đó là năm dục công đức này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận **năm dục công đức** này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này phải được tu tập.

Các Triền Cái – *Tương V, 95*

1) ...

2-33) -- Này các Tỷ-kheo, có năm triền cái này. Thế nào là năm?

- Dục tham triền cái (kàmacchandaniivaranà),
- Sân triền cái,
- Hôn trầm thùy miên triền cái,
- Trạo hồi triền cái,
- Nghi triền cái.

Này các Tỷ-kheo, đó là năm triền cái này. **Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm triền cái này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.**

Uẩn – *Tương V*, 96

1) ...

2-33) -- Này các Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Tức là:

- Sắc thủ uẩn,
- Thọ thủ uẩn,
- Tưởng thủ uẩn,
- Hành thủ uẩn,
- Thức thủ uẩn.

Này các Tỷ-kheo, đó là năm thủ uẩn này. **Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm**

thủ uẩn này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

Hạ Phần Kiết Sử – *Tương V*, 96

1) ...

2-33) -- Này các Tỷ-kheo, có năm hạ phần kiết sử này. Thế nào là năm?

- Thân kiến,
- Nghi,
- Giới cấm thủ,
- Dục tham,
- Sân.

Này các Tỷ-kheo, đó là năm hạ phần kiết sử này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận *năm hạ phần kiết sử* này, Thánh đạo tám ngành này cần phải tu tập.

Thượng Phần Kiết Sử – *Tương V*, 97

1) ...

2) -- Có năm thượng phần kiết sử này, này các Tỷ-kheo. Thế nào là năm?

- Sắc tham,
- Vô sắc tham,
- Mạn,
- Trạo cử,
- Vô minh.

Này các Tỷ-kheo, đó là năm thượng phần kiết sử này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

Thế nào là Thánh đạo Tám ngành cần phải tu tập?

3-17) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

Ví như, này các Tỷ-kheo, con sông Hằng...

18) Này các Tỷ-kheo, có năm thượng phần kiết sử. Thế nào là năm? Sắc tham, vô sắc tham, mạn, trạo

cử, vô minh. Nay các Tỷ-kheo, đó là năm thượng phần kiết sử này. Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập. Thế nào là Thánh đạo Tám ngành cần phải tu tập?

19-33) Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến... tu tập chánh định với cứu cánh là đoạn tận tham, với cứu cánh là đoạn tận sân, với cứu cánh là đoạn tận si... thể nhập vào bất tử, hướng đến bất tử, với cứu cánh là bất tử... thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn.

Chính vì mục đích thắng tri, liễu tri, đoạn diệt, đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, nay các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.

59 Khát ái - Đã nhổ lên cột trụ - Kinh VÍ DỤ CON RẮN – 22 Trung I, 295

KINH VÍ DỤ CON RẮN (*Alaggadupamasuttam*)

– Bài kinh số 22 – *Trung I*, 295

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, *Tỷ-kheo tên là Arittha*, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khởi lên ác tà kiến như sau: "*Theo như ta hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, khi thọ dụng những pháp được Thế Tôn gọi là chương ngại pháp, thật sự không có chương ngại gì*".

Một số đông Tỷ-kheo nghe như sau: "Tỷ-kheo tên Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như ta hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, khi thọ dụng những pháp được Thế Tôn gọi là chương ngại pháp, thật sự không có chương ngại gì". Rồi những Tỷ-kheo ấy đi đến chỗ Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khi đến xong, liền nói với Tỷ-kheo Arittha, xưa làm

nghe huấn luyện chim ưng như sau:

– Nay Hiền giả Arittha, có đúng sự thật rằng, Hiền giả khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu... thật sự không có chương ngại gì"?

– Thật sự là vậy, chư Hiền. Theo như tôi hiểu... không có chương ngại gì.

Rồi những Tỷ-kheo ấy muốn Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng từ bỏ ác tà kiến ấy, liền cất vấn, nạn vấn lý do, thảo luận:

- "Hiền giả Arittha, chớ nói như vậy, chớ xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không có nói như vậy. Hiền giả Arittha, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn thuyết chương đạo pháp. Và những ai thọ dụng chúng tự đủ bị chương ngại. Thế Tôn đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, náo nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như khúc xương... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như một miếng thịt... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như bó thuốc cỏ khô... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như hồ than hừng... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như cơn mộng... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như vật dụng cho mượn... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như trái cây... Thế Tôn đã thuyết các dục vọng được

ví như lò thít... Thế Tôn đã thuyết các dục vọng được ví như gậy nhọn... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như đầu rắn, vui ít khổ nhiều, náo nhiễu và do vậy, nguy hiểm càng nhiều hơn".

Tỷ-kheo Arittha xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, dầu được các Tỷ-kheo ấy cật vấn, chất vấn thảo luận, vẫn nói lên ác tà kiến ấy, cứng đầu, chấp chặt, nắm chặt tà kiến ấy: "Thật sự là vậy, theo như tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng... không có chương ngại gì".

Vì các Tỷ-kheo không thể làm cho Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, từ bỏ ác tà kiến ấy, nên họ đến chỗ Thế Tôn ở, khi đến xong, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, những Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng... không có chương ngại gì". Bạch Thế Tôn, chúng con nghe: "Tỷ-kheo tên Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng... không có chương ngại gì". Bạch Thế Tôn, rồi chúng con đi đến chỗ Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khi đến xong, liền nói với Tỷ-

kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng:

"– Này Hiền giả Arittha, có đúng sự thật chẳng? Hiền giả khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu... thật sự không có chương ngại gì".

Bạch Thế Tôn, khi nghe nói vậy, Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, nói với chúng con như sau:

"– Thật sự là vậy. Chư Hiền, theo như tôi hiểu... thật sự không có chương ngại gì.

Bạch Thế Tôn, chúng con muốn khiến Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, từ bỏ ác tà kiến ấy, liền cất ván, nạn ván lý do, thảo luận:

– "Hiền giả Arittha, chớ nói như vậy! Chớ xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không có nói như vậy, Hiền giả Arittha, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn, thuyết chương đạo pháp. Và những ai thọ dụng chúng, tự đủ bị chương ngại. Thế Tôn đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như khúc xương... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, não nhiều, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn.

Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, đầu được chúng con cất ván, nạn ván lý do, thảo luận, vẫn nói lên ác tà kiến ấy, cứng đầu, chấp chặt, nắm chặt tà kiến ấy: "Thật sự là vậy, theo tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng... không có chướng ngại gì". Bạch Thế Tôn, vì chúng con không thể làm cho Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, từ bỏ ác tà kiến ấy, nên chúng con đến hỏi Thế Tôn ý nghĩa này.

Rồi Thế Tôn cho gọi một Tỷ-kheo khác:

– Nay Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta gọi Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng rằng: "Hiền giả Arittha, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả".

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, đến chỗ Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, sau khi đến, liền nói với Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng:

– Hiền giả Arittha, bậc Đạo sư gọi Hiền giả.

– Thừa vâng, Hiền giả.

Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim

ung, đáp lời Tỷ-kheo ấy, đi đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ung, đang ngồi xuống một bên:

– *Này Arittha, có thật chẳng, Ông khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu... thật sự không có chướng ngại gì"?*

– Thật sự là vậy, bạch Thế Tôn. Theo như con hiểu, thật sự không có chướng ngại gì.

– *Này kẻ ngu si kia, sao Ông lại hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy? Này kẻ ngu si kia, có phải chẳng, Ta đã dùng nhiều pháp môn thuyết chướng đạo pháp. Và những ai thọ dụng chúng từ đủ bị chướng ngại?*

– *Ta đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, nã nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Ta đã thuyết các dục được ví như khúc xương... Ta đã thuyết các dục được ví như miếng thịt... được ví như bó đuốc cỏ khô... được ví như hố than hồng... được ví như cơn mộng... được ví như vật dụng cho mượn... được ví như trái cây... được ví như lò thịt... được ví như gậy nhọn... Ta đã thuyết các dục được ví như đầu rắn, vui ít, khổ*

nhieu, nảo nhieu, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn.

- Và này kẻ ngu si kia, không những Ông xuyên tạc Ta, vì Ông đã tự chấp thủ sai lạc, Ông tự phá hoại Ông và tạo nên nhiều tổn đức. Này kẻ ngu si kia, và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh và đau khổ lâu dài cho Ông.*

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Chư Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng này có thể khởi lên tia lửa sáng gì trong pháp luật này không?

– Bạch Thế Tôn, làm sao có thể được! Không thể được, bạch Thế Tôn.

Được nói vậy, Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, im lặng, hổ thẹn, thụt vai, cúi đầu, lo âu, câm miệng. Rồi Thế Tôn, sau khi biết được Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng đang im lặng, hổ thẹn, thụt vai, cúi đầu, lo âu, câm miệng, bèn nói với Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng:

– Này kẻ ngu si kia, người ta sẽ được biết Ông

qua ác tà kiến của chính Ông. Ở đây, Ta sẽ hỏi các Tỷ-kheo.

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Chư Tỷ-kheo, các Ông có hiểu pháp Ta thuyết giảng, giống như Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng này, không những đã xuyên tạc Ta vì đã tự chấp thủ sai lạc, mà còn tự phá hoại mình và gây nên nhiều tổn đức?

– Bạch Thế Tôn, không. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn thuyết chương đạo pháp; và những ai thọ dụng chúng, tự đủ bị chương ngại. Thế Tôn đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn, Thế Tôn đã thuyết các dục ví như khúc xương... (như trên)... Thế Tôn đã thuyết các dục ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, não nhiều và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn.

– Lành thay, chư Tỷ-kheo! Lành thay, chư Tỷ-kheo!

Các Ông hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy. Chư Tỷ-kheo, Ta đã dùng nhiều pháp môn thuyết chương đạo pháp, và những ai thọ dụng chúng, tự đủ bị chương ngại. Ta đã thuyết các dục vui ít, khổ

nhiều, nãu nhiều, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Ta đã thuyết các dục ví như khúc xương... (như trên)... Ta đã thuyết các dục ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, nãu nhiều, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Nhưng Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, không những xuyên tạc Ta vì đã tự chấp thủ sai lạc mà còn tự phá hoại mình và tạo nên nhiều tổn đức, *và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh, đau khổ lâu ngày cho kẻ ngu si ấy*. Thật sự, này các Tỷ-kheo, **sự kiện này không xảy ra, người ta có thể thọ dụng các dục ngoài các dục, ngoài các dục tưởng, ngoài các dục tâm.**

Chư Tỷ-kheo, ở đây có một số người ngu si học pháp, như Kinh, Ứng tụng, Giải thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị ngữ, Bồn sanh, Vị tăng hữu pháp, Phương quảng. *Sau khi học các pháp này, họ không quán sát ý nghĩa những pháp ấy với trí tuệ. Những pháp ấy, vì ý nghĩa không được trí tuệ quán sát, nên không trở thành rõ ràng. Họ học các pháp chỉ vì lợi ích, muốn chỉ trích người khác, chỉ vì lợi ích, muốn khoái khẩu biện luận, và họ không đạt được mục tiêu mà sự học pháp hướng đến. Những pháp ấy vì nắm giữ sai lạc nên đưa họ đến bất hạnh, đau khổ lâu dài. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì nắm giữ sai lạc các pháp.*

Chư Tỷ-kheo, ví như một người ưa muốn rắn nước, tìm cầu rắn nước, đi khắp chỗ để tìm rắn nước. Người đó thấy một con rắn nước lớn, và người đó bắt con rắn ấy ở lưng hay ở đuôi. Con rắn ấy có thể quay lại cắn người đó nơi tay, nơi cánh tay hay ở một phần nào khác của cơ thể, và người đó có thể do nhân này mà bị chết hay bị đau khổ gần như chết. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, vì nắm bắt con rắn một cách sai lạc. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, ở đây, một số người ngu si học pháp... Chư Tỷ-kheo, vì sự chấp thủ các pháp sai lạc.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, một số Thiện nam tử học pháp, như Kinh, Ứng tụng, Giải thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị ngữ, Bồn sanh, Vị tăng hữu pháp, Phương quảng. **Sau khi học các pháp này, họ quán sát ý nghĩa những pháp ấy với trí tuệ. Những pháp ấy, vì ý nghĩa được trí tuệ quán sát, nên trở thành rõ ràng. Họ học pháp không vì lợi ích, muốn chỉ trích người khác, không vì lợi ích, muốn khoái khẩu biện luận, và họ đạt được mục tiêu mà sự học pháp hướng đến. Những pháp ấy, vì khéo nắm giữ, nên đưa họ đến hạnh phúc, an lạc lâu dài. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì khéo nắm giữ các pháp.**

Chư Tỷ-kheo, ví như một người ưa muốn rắn nước, tìm cầu rắn nước đi khắp chỗ để tìm rắn nước.

Người đó thấy một con rắn nước lớn. Người đó có thể khéo đề con rắn nước với cây gậy có nạng. Sau khi khéo đề với cây gậy có nạng, người đó có thể khéo nắm giữ cổ rắn. Chư Tỷ-kheo, dầu cho con rắn nước ấy có thể cuốn thân nó xung quanh tay, hay cánh tay, hay một thân phần nào khác, người đó cũng không vì nhân duyên ấy đi đến chỗ chết hay đến sự đau khổ gần như chết. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, vì khéo nắm giữ con rắn nước vậy. Cũng vậy, chư Tỷ-kheo, ở đây, một số Thiện nam tử học pháp... chư Tỷ-kheo, vì khéo nắm giữ các pháp vậy. Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy hiểu rõ ý nghĩa lời Ta thuyết giảng và thọ trì như vậy. Nếu có ai không hiểu rõ ý nghĩa lời Ta thuyết giảng thì ở nơi đây, các Ông hãy hỏi Ta hay hỏi những bậc Tỷ-kheo trí thức.

Chư Tỷ-kheo, **Ta sẽ giảng pháp cho các Ông, ví như chiếc bè để vượt qua, không phải để nắm giữ lấy.** Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

– Này các Tỷ-kheo, ví như có người đang đi trên con đường lớn dài, đến một vùng nước rộng, bờ bên này nguy hiểm và hãi hùng, bờ bên kia an ổn và

không kinh hãi, nhưng không có thuyền để vượt qua hay không có cầu bắc qua từ bờ này đến bờ kia. Người đó tự suy nghĩ: *"Đây là vùng nước rộng, bờ bên này nguy hiểm và hãi hùng, bờ bên kia an ổn và không kinh hãi, nhưng không có thuyền để vượt qua hay không có cầu bắc qua từ bờ này đến bờ kia. Nay ta hãy thu góp cỏ, cây, nhánh, lá, cột lại thành chiếc bè, và dựa trên chiếc bè này, tinh tấn dùng tay chân, có thể vượt qua bờ bên kia một cách an toàn"*. Chư Tỷ-kheo, rồi người đó thu góp cỏ, cây, nhánh, lá cột lại thành chiếc bè, và nhờ chiếc bè này, tinh tấn dùng tay chân vượt qua bờ bên kia một cách an toàn. Khi qua bờ bên kia rồi, Người đó suy nghĩ: *"Chiếc bè này lợi ích nhiều cho ta, nhờ chiếc bè này, ta tinh tấn dùng tay chân để vượt qua bờ bên kia một cách an toàn. Nay ta hãy đội chiếc bè này trên đầu hay vác nó trên vai, và đi đến chỗ nào ta muốn"*. Chư Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Chư Tỷ-kheo, **nếu người đó làm như vậy, thì có làm đúng với sở dụng của chiếc bè chăng?**

– Bạch Thế Tôn, không.

– **Chư Tỷ-kheo, người đó phải làm thế nào cho đúng sở dụng của chiếc bè?** Ở đây, chư Tỷ-kheo, người đó sau khi vượt qua bờ bên kia, có thể suy nghĩ: ***"Chiếc bè này lợi ích nhiều cho ta. Nhờ chiếc***

bè này, ta tinh tấn dùng tay chân **đã vượt qua** bờ bên kia một cách an toàn. Nay ta hãy kéo chiếc bè này lên trên bờ đất khô, hay nhận chìm xuống nước, và đi đến chỗ nào ta muốn". Chư Tỷ-kheo, làm như vậy, người đó làm đúng sử dụng chiếc bè ấy. Cũng vậy, này chư Tỷ-kheo, Ta thuyết pháp như chiếc bè để vượt qua, không phải để nắm giữ lấy. Chư Tỷ-kheo, các Ông cần hiểu ví dụ cái bè... **Chánh pháp còn phải bỏ đi, huống nữa là phi pháp.**

Này các Tỷ-kheo, có **sáu kiến xứ**. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có kẻ vô văn phạm phu, không đi đến yết kiến các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đi đến yết kiến các bậc Chơn nhơn, không thuần thực pháp các bậc Chơn nhơn, không tu tập pháp các bậc Chơn nhơn, xem **sắc** pháp: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", xem **cảm thọ**: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", xem **tưởng**: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", xem các **hành**: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", xem cái gì **được thấy, được nghe, được cảm xúc, được ý thức, được đạt tới, được tìm cầu, được ý suy tư**: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái

này là tự ngã của tôi", và bất cứ kiến xứ nào đều nói rằng: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết, tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển, tôi sẽ, trú như thế này cho đến mãi mãi", xem như vậy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi".

Và này chư Tỷ-kheo, có vị Đa văn Thánh đệ tử đi đến yết kiến các bậc Thánh, thuần thực các pháp bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đi đến yết kiến các bậc Chơn nhơn, thuần thực pháp các bậc Chơn nhơn, tu tập pháp các bậc Chơn nhơn, xem sắc pháp: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", xem cảm thọ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", xem tưởng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", xem các hành: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", xem cái gì được thấy, được nghe, được cảm xúc, được ý thức, được đạt tới, được tìm cầu, được ý suy tư: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", và bất cứ kiến xứ nào đều nói rằng: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển, tôi sẽ trú như thế này cho đến mãi mãi",

xem như vậy là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".
Vị này do quán sát như vậy, đối với sự vật chẳng thật có nên không có lo âu, phiền muộn.

Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn:

– Có thể có cái gì không thực có ở ngoài, có thể gây lo âu phiền muộn?

Thế Tôn đáp:

– Có thể có, này Tỷ-kheo, ở đây, có người nghĩ như sau: "Cái gì chắc chắn đã là của tôi, nay chắc chắn không còn là của tôi. Cái gì chắc chắn có thể là của tôi, chắc chắn tôi không được cái ấy". Người đó sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đấm ngực, đi đến bất tỉnh. Này Tỷ-kheo, như vậy, có cái không thực có ở ngoài, có thể gây lo âu, phiền muộn.

– Bạch Thế Tôn, có thể có cái gì không thực có ở ngoài, có thể không gây lo âu phiền muộn?

Thế Tôn đáp:

– Có thể có, này Tỷ-kheo, ở đây, này Tỷ-kheo, có người không nghĩ như sau: "Cái gì chắc chắn đã

là của tôi, nay chắc chắn không còn là của tôi. Cái gì chắc chắn có thể là của tôi, chắc chắn tôi không được cái ấy". Người đó không sầu muộn, than vãn, khóc lóc, không đắm ngực, không đi đến bất tỉnh. Như vậy, này Tỷ-kheo, có cái không thực có ở ngoài, không gây lo âu phiền muộn.

– Bạch Thế Tôn, có thể có cái gì không thực có ở trong có thể gây ra lo âu phiền muộn?

Thế Tôn đáp:

– Có thể có, này Tỷ-kheo, ở đây, này Tỷ-kheo, có người có (tà) kiến như sau: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết, tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú không biến chuyển. Tôi sẽ trú như thế này cho đến mãi mãi". Người này nghe Như Lai hay đệ tử Như Lai thuyết pháp để bạt trừ tất cả kiến xứ, cố chấp, thiên chấp, thiên kiến, tùy miên, sự tịnh chỉ mọi hành động, sự từ bỏ mọi sanh y, sự diệt trừ khát ái đưa đến ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Người đó có thể nghĩ như sau: "Chắc chắn ta sẽ bị đoạn diệt, chắc chắn ta sẽ bị hoại diệt, chắc chắn ta sẽ không tồn tại". Người đó sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đắm ngực, đi đến bất tỉnh. Này Tỷ-kheo, như vậy là có cái không thực có ở trong có thể gây ra lo âu phiền muộn.

– *Bạch Thế Tôn, có thể có cái gì không thực có ở trong, không gây ra lo âu, phiền muộn?*

Thế Tôn đáp:

– Có thể có, này Tỷ-kheo, ở đây, có người không có (tà) kiến như sau: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết, tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển, tôi sẽ trú như thế này cho đến mãi mãi". Người này nghe Như Lai hay đệ tử Như Lai thuyết pháp để bạt trừ tất cả kiến xứ, cố chấp, thiên chấp, thiên kiến, tùy miên, sự tịnh chi mọi hành động, sự từ bỏ mọi sanh y, sự diệt trừ khát ái để đưa đến ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Vị ấy không nghĩ như sau: "Chắc chắn ta sẽ bị đoạn diệt, chắc chắn ta sẽ bị hoại diệt, chắc chắn ta sẽ không tồn tại". Vị ấy không sầu muộn, than vãn, khóc lóc; vị ấy không đăm ngực, không đi đến bất tỉnh. Này các Tỷ-kheo, như vậy là có cái không thực có ở trong, không gây ra lo âu, phiền muộn.

*Này các Tỷ-kheo, các Ông có thể **nắm giữ một vật sở hữu** gì, và vật sở hữu được nắm giữ ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển, có thể trú như thế này mãi mãi không?*

Chư Tỷ-kheo, các Ông có thể thấy một vật sở hữu nào được nắm giữ và vật sở hữu được nắm giữ

ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chuyển biến, có thể trú như thế này mãi mãi không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy một vật sở hữu được nắm giữ nào, mà vật sở hữu được nắm giữ ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chuyển biến, có thể trú như thế này mãi mãi.

Này các Tỷ-kheo, các Ông có thể chấp thủ **Ngã luận thủ** nào mà Ngã luận thủ ấy được chấp thủ như vậy lại không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Ngã luận thủ nào mà Ngã luận thủ ấy được chấp thủ như vậy lại không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

– Bạch Thế Tôn không.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy Ngã luận thủ nào mà Ngã luận thủ ấy được chấp thủ như vậy lại không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

Này các Tỷ-kheo, các Ông có **kiến y** nào, mà kiến y ấy được y chỉ như vậy lại không khởi lên sầu,

bì, khổ, ưu, não không?

Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy kiến y nào, mà kiến y ấy được y chỉ như vậy lại không khởi lên sâu, bì, khổ, ưu, não không?

– Bạch Thế Tôn, không

– Lành thay, này các Tỷ-kheo! Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy một kiến y nào, mà kiến y ấy được y chỉ như vậy, lại không khởi lên sâu, bì, khổ, ưu, não.

Chư Tỷ-kheo, nếu có ngã thời có ngã sở thuộc của tôi không?

– Bạch Thế Tôn, có.

Chư Tỷ-kheo, nếu có ngã sở thuộc, thời có ngã của tôi không?

– Bạch Thế Tôn, có.

– Chư Tỷ-kheo, nếu ngã và ngã sở thuộc không thể được chấp nhận là thường còn, thường hằng, thì kiến xứ này: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết tôi sẽ thành thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển tôi sẽ trú như thế này cho đến

mãi mãi". *Này các Tỷ-kheo, kiến xứ ấy là hoàn toàn, triệt để chẳng ngu si không?*

– Bạch Thế Tôn, làm sao có thể hoàn toàn, triệt để chẳng ngu si được!

– *Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?*

– Bạch Thế Tôn, vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Bạch Thế Tôn, khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thì có hợp lý chẳng khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Chư Tỷ-kheo, **cảm thọ** là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, là vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Bạch Thế Tôn, là khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại thì có hợp lý chăng khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi... tự ngã của tôi"?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Chư Tỷ-kheo, **tướng** là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, vô thường.

– Cái gì vô thường...?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Chư Tỷ-kheo, **các hành** là thường hay vô thường...

- Chư Tỷ-kheo, **thức** là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Bạch Thế Tôn, khổ.

– Cái gì vô thường, khổ thì có hợp lý chăng, khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là

tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Do vậy, này các Tỷ-kheo, **bất cứ sắc pháp nào, quá khứ, tương lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả sắc pháp là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là của tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", cần phải như thật quán với chánh trí tuệ.** Bất cứ cảm thọ nào... Bất cứ tưởng nào... Bất cứ hành nào... Bất cứ thức nào, quá khứ, vị lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả thức là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", cần phải như thật quán với chánh trí tuệ.

Chư Tỷ-kheo, nhờ thấy vậy, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tưởng, yếm ly đối với hành, yếm ly đối với thức. Do yếm ly nên ly tham. Do ly tham, nên được giải thoát. Trong sự giải thoát có trí khởi lên, biết được đã giải thoát. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lui tại đây với một đời sống khác".

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là vị đã vất bỏ đi các chướng ngại vật, là vị đã lấp đầy các

thông hào, là vị đã nhổ lên cột trụ, là vị đã mở tung các lều khóa, là bậc Thánh đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ lụy.

Và thế nào là Tỷ-kheo *đã vất bỏ đi các chương ngại?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, là đã đoạn trừ **vô minh**, cắt tận gốc rễ, làm cho như cây ta-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sinh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã vất bỏ đi các chương ngại.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo *đã lấp đầy các thông hào?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ **tái sinh và sự luân chuyển sanh tử**, đã cắt tận gốc rễ, làm cho như cây ta-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sinh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã lấp đầy thông hào.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo *đã nhổ lên cột trụ?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ

khát ái, đã cắt tận gốc rễ, làm cho như cây ta-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sinh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã nhổ lên cột trụ.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo *đã mở tung các lều khóa?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ **năm hạ phần kiết sử**, đã cắt tận gốc rễ, làm cho như cây ta-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sinh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã mở tung các lều khóa.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo bậc Thánh, *đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ lụy?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ **ngã mạn**, đã cắt tận gốc rễ, làm cho như cây ta-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sinh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là vị Tỷ-kheo bậc Thánh, đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ lụy.

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã giải thoát như vậy, thì chư Thiên ở Đệ thích Thiên giới, Phạm thiên giới, Sanh chủ giới sẽ **không tìm được dấu vết của Tỷ-**

kheo ấy, nếu nghĩ rằng: "Y ở đây, có thức của Như Lai". Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, **Ta nói ngay ở hiện tại, một Như Lai không thể tìm thấy dấu vết**".

Chư Tỷ-kheo, Ta nói như vậy, thuyết như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn **xuyên tạc** Ta một cách phi chơn, hồ đồ, hư vọng, không thực: "*Sa-môn Gotama chủ trương chủ nghĩa hư vô, đề cao đoạn diệt, hủy diệt, sự tiêu diệt các hữu tình*". Nhưng này các Tỷ-kheo, Ta không là như vậy, Ta không nói như vậy, Ta không như các Sa-môn, Bà-la-môn ấy đã xuyên tạc một cách phi chơn, hồ đồ, hư vọng, không thật: "*Sa-môn Gotama chủ trương chủ nghĩa hư vô, đề cao đoạn diệt, hủy diệt, sự tiêu diệt các hữu tình*". **Chư Tỷ-kheo, xưa cũng như nay, Ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ.**

– Chư Tỷ-kheo, nếu ở đây những người khác nhiếc mắng, phỉ báng, làm cho Như Lai tức giận, thì này các Tỷ-kheo, ở đây, Như Lai không có sân hận, không có bất mãn, tâm không phần nộ.

– Chư Tỷ-kheo, nếu ở đây, những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Như Lai, thì này các Tỷ-kheo, ở đây Như Lai không có hoan hỷ, sung sướng, Tâm không thích thú.

- Chư Tỷ-kheo, nếu những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Như Lai, thì này các Tỷ-kheo, ở đây Như Lai suy nghĩ: "**Đây là điều xưa kia đã từng biết rõ: ở đây là trách nhiệm Ta phải làm**".

⇒ Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác nhiếc mắng, phỉ báng, làm cho các Ông tức giận, ở đây các Ông chớ có sân hận, bất mãn, **tâm chớ khởi phần nộ**.

⇒ Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái cúng dường các Ông, thì ở đây, các Ông chớ có hoan hỷ, sung sướng, **tâm chớ sanh thích thú**.

⇒ Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái cúng dường các Ông, thì ở đây, các Ông hãy suy nghĩ: "**Đây là điều xưa kia đã từng biết rõ, đây là những trách nhiệm ta phải làm**".

⇒ Do vậy, này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông, các Ông hãy từ bỏ. Các Ông từ bỏ, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.

Chư Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông?

- Chư Tỷ-kheo, **sắc** không phải của các Ông, hãy từ bỏ sắc. Các Ông từ bỏ sắc sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.
- Chư Tỷ-kheo, **thọ** không phải của các Ông, hãy từ bỏ thọ. Các Ông từ bỏ thọ sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.
- Chư Tỷ-kheo, **tướng** không phải của các Ông, hãy từ bỏ tướng. Các Ông từ bỏ tướng sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.
- Chư Tỷ-kheo, **các hành** không phải của các Ông, hãy từ bỏ các hành. Các Ông từ bỏ các hành sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.
- Chư Tỷ-kheo, **thức** không phải của các Ông, hãy từ bỏ thức. Các Ông từ bỏ thức sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.

Chư Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Trong rừng Jetavana này, nếu có người thâu lượm cỏ, cây, nhánh, lá rồi đốt hay làm với chúng tùy theo ý muốn. Các Ông có nghĩ chẳng? Người ấy thâu lượm chúng ta, đốt chúng ta hay làm với chúng ta tùy theo ý muốn?

– Bạch Thế Tôn, không. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, vì nó không phải tự ngã hay không phải sở thuộc của ngã.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông, các Ông hãy từ bỏ. Các Ông từ bỏ sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông. Chư Tỷ-kheo, và cái gì không phải của các Ông? Chư Tỷ-kheo, sắc không phải của các Ông, hãy từ bỏ sắc. Các Ông từ bỏ sắc sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông. Chư Tỷ-kheo, thọ... (như trên)... Chư Tỷ-kheo tưởng... (như trên)... Chư Tỷ-kheo, hành... Chư Tỷ-kheo, thức không phải của các Ông, hãy từ bỏ thức. Các Ông từ bỏ thức sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.

Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng, làm cho tỏ lộ, làm cho khai thông, làm cho khai thị, được loại trừ các vải quần cũ.

➤ Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng, làm tỏ lộ, làm cho khai thông, làm cho khai thị, được loại trừ các vải quần cũ, nên những vị Tỷ-kheo, là **bậc A-la-hán**, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, việc nên làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, lý tưởng đã thành đạt, hữu kiết sử đã đoạn trừ, được giải thoát nhờ chánh trí, **vòng luân chuyển (sanh**

tử) của những vị này không thể chỉ bày. Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ.

- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng, được loại trừ các vãi quần cũ, nên những Tỷ-kheo nào đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, thì những vị này thành các **vị hóa sanh**, nhập diệt tại đây, không còn phải trở lui vào đời này nữa. Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ.
- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ, nên những Tỷ-kheo nào đã đoạn trừ ba kiết sử, đã làm cho muội lược tham sân si, thì tất cả những vị ấy thành **bậc Nhất lai**, chỉ đến đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau. Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ.
- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ, nên những Tỷ-kheo nào đoạn trừ ba kiết sử, thì tất cả những vị ấy trở thành **bậc Dư lưu**, không còn bị đọa lạc ác thú, quyết định hướng đến chánh giác. Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ.

- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được ta khéo giảng... được loại trừ các vấp quẩn cũ, nên những Tỷ-kheo nào là những vị tùy pháp hành, tùy tín hành, thì tất cả những vị này **sẽ hướng về chánh giác**, chư Tỷ-kheo, như vậy pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ khỏi các vấp quẩn cũ.
- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng, làm cho tỏ lộ, làm cho khai thông, làm cho khai thị, được loại trừ các vấp quẩn cũ, nên những vị nào **chỉ đủ lòng tin nơi Ta, chỉ đủ lòng thương mến đối với Ta, thì tất cả những vị ấy được hướng về chư Thiên.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Những Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

**60 Khéo biết - Nay Ta khéo biết đv đời
này - TIÊU Kinh NGƯỜI CHĂN BÒ -
34 Trung I, 493**

**TIÊU KINH NGƯỜI CHĂN BÒ
(Culagopalaka sutttam)**

– Bài kinh số 34 – *Trung I*, 493

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở giữa các bộ lạc Vajji (Bạt-kỳ) tại Ukkacela, trên bờ sông Hằng. Tại đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo.

– Nay các Tỷ-kheo.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

– Ngày xưa, này các Tỷ-kheo, tại Magadha có người chăn bò vô trí, vào cuối tháng mùa mưa, trong mùa gặt hái, không quan sát bờ bên này sông Hằng, không quan sát bờ bên kia sông Hằng, đuổi đàn bò

qua bờ bên kia tại Suvideha, tại chỗ không có thể lợi qua được. Nay các Tỷ-kheo, những con bò xô nhau tụ lại giữa dòng sông Hằng và gặp tai nạn tại nơi đây. Vì có sao? Nay các Tỷ-kheo, vì người chăn bò ở Magadha là vô trí, vào cuối tháng mùa mưa, trong mùa gặt hái, không quán sát bờ bên này sông Hằng, không quán sát bờ bên kia sông Hằng, đuổi đàn bò qua bờ bên kia tại Suvideha, tại chỗ không thể lợi qua được.

Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, có những Sa-môn hay Bà-la-môn không khéo biết đời này, không khéo biết đời sau, không khéo biết ma giới không khéo biết phi ma giới, không khéo biết tử thân giới, không khéo biết phi tử thân giới, những ai nghĩ rằng cần phải nghe, cần phải tin những vị này, thì họ sẽ gặp bất hạnh đau khổ lâu dài.

Ngày xưa, nay các Tỷ-kheo, tại Magadha có người chăn bò có trí, vào cuối tháng mùa mưa, trong mùa gặt hái, sau khi quán sát bờ bên này sông Hằng, sau khi quán sát bờ bên kia sông Hằng, đuổi đàn bò qua bờ bên kia tại Suvideha, tại chỗ có thể lợi qua được. Người đó đuổi đi đầu những con bò đực già, những con đầu đàn. Những con này sau khi lợi cắt ngang dòng sông Hằng, qua bờ bên kia một cách an toàn. Rồi người đó đưa qua những con bò đực lớn

mạnh, những con bò đực có được huấn luyện. Những con này sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, qua bờ bên kia một cách an toàn. Rồi người đó đuổi qua những con bò đực con, lớn, những con bò cái con, lớn. Những con này sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, qua bờ bên kia một cách an toàn. Rồi người đó đuổi qua những con bò con nhỏ, những con bò con còn bú. Những con này sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, qua bờ bên kia một cách an toàn. Nay các Tỷ-kheo thời xưa ấy có con bò con nhỏ mới sanh, con bò này nhờ chạy theo con bò mẹ, vừa chạy, vừa kêu, sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, cũng qua bờ bên kia một cách an toàn. Vì sao? Nay các Tỷ-kheo, vì người chăn bò ở Magadha là người có trí, vào cuối tháng mùa mưa, trong mùa gặt hái, sau khi quán sát bờ bên này sông Hằng, sau khi quán sát bờ bên kia sông Hằng, đuổi đàn bò qua bờ bên kia tại Suvideha, tại chỗ có thể lội qua được.

Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, có những Sa-môn hay Bà-la-môn khéo biết đối với đời này, khéo biết đối với đời sau, khéo biết ma giới, khéo biết phi ma giới, khéo biết tử thần giới, khéo biết phi tử thần giới. Những ai nghĩ rằng, cần phải nghe, cần phải tin những vị này, thì họ sẽ được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

Này các Tỷ-kheo, ví như những con bò đực già, đầu đàn, chúng đã lội cắt ngang dòng sông Hằng và qua bờ bên kia một cách an toàn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo là **những bậc A-la-hán**, đã đoạn trừ các lậu hoặc, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, các hữu kiết sử đã hoàn toàn bị đoạn diệt, đã được giải thoát nhờ chánh trí. Những vị này, sau khi lội cắt ngang dòng sông của Ma vương, đã qua bờ bên kia một cách an toàn.

Này các Tỷ-kheo, ví như *những con bò đực lớn mạnh, những con bò đực có huấn luyện*, sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, qua bờ bên kia một cách an toàn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo **sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử**, được hóa sanh, ở tại đầy nhập Niết-bàn, không còn phải trở lại thế giới này nữa. Những vị ấy, sau khi lội cắt ngang dòng sông Ma vương sẽ qua bờ bên kia một cách an toàn.

Ví như, này các Tỷ-kheo, *những con bò đực con, lớn, những con bò cái con, lớn*, những con này sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, đã qua bờ bên kia một cách an toàn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo đã **diệt trừ ba kiết sử, làm giảm thiểu tham, sân, si, chứng quả Nhất lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa, sẽ diệt tận khổ đau**. Những vị ấy,

sau khi lội cắt ngang dòng sông Ma vương sẽ qua bờ bên kia một cách an toàn.

Ví như, này các Tỷ-kheo, *những con bò con, nhỏ, những con bò con còn bú*, những con này sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, đã qua bờ bên kia một cách an toàn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo **diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu**, nhất định không còn đọa vào ác đạo, đạt đến chánh giác. Những vị này lội cắt ngang dòng sông Ma vương và sẽ qua bờ bên kia một cách an toàn.

Ví như, này các Tỷ-kheo, *con bò con còn nhỏ, mới sanh*, con bò này nhờ chạy theo con bò mẹ, vừa chạy, vừa kêu, sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, đã qua bờ bên kia một cách an toàn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo **tùy pháp hành, tùy tín hành**, những vị này sau khi lội cắt ngang dòng sông của Ma vương sẽ qua bờ bên kia một cách an toàn.

Này các Tỷ-kheo, **nay Ta khéo biết đối với đời này, khéo biết đối với đời sau, khéo biết đối với ma giới, khéo biết đối với phi ma giới, khéo biết đối với tử thần giới, khéo biết đối với phi tử thần giới. Những ai nghĩ rằng, cần phải nghe, cần phải tin nơi Ta, thì họ sẽ được hạnh phúc, an lạc lâu dài.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Sau khi Thiện

Thế nói vậy, bậc Đạo Sư lại nói thêm bài kệ như sau:

*Đời này và đời sau,
Bậc Trí khéo trình bày,
Cảnh giới Ma đạt được,
Cảnh Tử Thần không đạt.
Bậc Chánh Giác, Trí Giả,
Biết rõ mọi thế giới,
Cửa bất tử rộng mở,
Đạt an ổn Niết-bàn.
Dòng Ma bị chặt ngang,
Nát tan và hư hoại,
Hãy sống sung mãn hỷ,
Đạt an ổn Niết-bàn,
(Này các Tỷ-kheo).*

61 Khéo thuyết - Vì sao nói Pháp được Thế Tôn khéo thuyết - Kinh NHỮNG TUYÊN BỐ VỀ PHÁP – Tăng IV, 285

NHỮNG TUYÊN BỐ VỀ PHÁP – *Tăng IV, 285*

1. Bây giờ có Tôn giả Ànanda đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ànanda, đang ngồi xuống một bên:

2. - Này Ànanda, **phàm những pháp nào đưa đến sự chứng ngộ với thắng trí, các tuyên bố về giáo lý, này Ànanda, ở đây, Ta vô úy tự nhận thuyết pháp về chúng**, về chúng như thế ấy, như thế ấy khiến cho người nào như vậy, như vậy thật hành; nếu là có, sẽ biết là có; nếu là không có, sẽ biết là không có; nếu là hạ liệt, sẽ biết là hạ liệt; nếu là thù thắng sẽ biết là thù thắng; nếu là có trên, sẽ biết là có trên; nếu là vô thượng, sẽ biết là vô thượng. Vì rằng, cái gì người ấy có thể biết, có thể thấy, có thể chứng ngộ, người đó sẽ biết được, sẽ thấy được, sẽ chứng ngộ, người đó sẽ biết được, sẽ thấy được, sẽ chứng ngộ được, sự kiện này có xảy ra.

Này Ànanda, **cái này là vô thượng đối với các trí, chính là như thật trí đối với vấn đề này hay vấn đề khác.**

Và này Ànanda, **do vậy Ta tuyên bố rằng ngoài trí này, không có một trí nào khác cao thượng hơn, thù thắng hơn.**

Này Ànanda, có **mười Như Lai lực** này của Như Lai, chính nhờ thành tựu những lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống tiếng rống con sư tử giữa các hội chúng và chuyển Phạm luân. Thế nào là mười?

3. Ở đây, này Ananda, Như Lai như thật biết **xứ là xứ, phi xứ là phi xứ**. Như vậy là Như Lai lực của Như Lai. Như vậy, chính nhờ Như Lai lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống lên tiếng rống con sư tử trong các hội chúng và chuyển Phạm luân.

4. Lại nữa, này Ananda, Như Lai như thật rõ biết **quả báo tùy thuộc sở do, tùy theo sở nhân của các hành nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại**. Này Ànanda, Như Lai như thật rõ biết... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

5. Lại nữa, này Ànanda, Như Lai như thật rõ biết con đường đưa đến tất cả sanh thú. Này Ànanda, Như Lai như thật rõ biết... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

6. Lại nữa, này Ànanda, Như Lai như thật rõ biết thế giới với nhiều giới, nhiều sai biệt. Này Ananda, Như Lai như thật rõ biết... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

7. Lại nữa, này Ananda, Như Lai thật rõ biết chí hướng sai biệt của các loài chúng sanh. Này Ànanda, Như Lai như thật rõ biết... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

8. Lại nữa, này Ànanda, Như Lai như thật rõ biết những căn thương hạ của các loài chúng sanh, loài Người. Này Ànanda, Như Lai như thật rõ biết... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

9. Lại nữa, này Ànanda, Như Lai như thật rõ biết sự tap nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi của các Thiên chúng về Thiên, về giải thoát, về định. Này Ànanda, Như Lai như thật rõ biết... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

10. Lại nữa, này Ànanda, Như Lai nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời... như vật Như lai nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với

các nét đại dương và các nét đại cương và các chi tiết. Nay Ànanda, Như Lai như thật rõ biết... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

11. Lại nữa, nay Ananda, Như Lai với thiên nhân thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Ngài biết rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Nay Ànanda, Như Lai như thật rõ biết... (như trên)... và Phạm luân.

12. Lại nữa, nay Ananda, Như Lai nhờ đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Nay Ànanda, Như Lai nhờ đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính nhờ Như Lai lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống tiếng rống con sư tử trong các hội chúng và chuyển Phạm luân.

- Nay Ànanda, đây là những Như Lai lực của Như Lai, chính nhờ thành tựu những lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống tiếng rống con sư tử giữa các hội chúng và chuyển Phạm luân.

62 Khéo tích tập với trí tuệ - Kinh TRÍ TUỆ – Tăng IV, 142

TRÍ TUỆ – Tăng IV, 142

1. - *Này các Tỷ-kheo, khi nào tâm Tỷ-kheo được khéo tích tập với trí tuệ, thời thật hợp lý cho Tỷ-kheo ấy nói như sau: "Ta rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".*

2. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **tâm Tỷ-kheo được khéo tích tập**?

1. "**Ly tham** là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với trí tuệ.
2. "**Ly sân** là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với trí tuệ.
3. "**Ly si** là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với trí tuệ.
4. "**Tánh không có tham** là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với trí tuệ.
5. "**Tánh không có sân** là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với trí tuệ.
6. "**Tánh không có si** là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với trí tuệ.

7. **"Tánh không chuyển hướng về dục hữu là tâm của ta"**, như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với trí tuệ.
8. **"Tánh không chuyển hướng về sắc hữu là tâm của ta"**, như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với trí tuệ.
9. **"Tánh không chuyển hướng về vô sắc hữu là tâm của ta"**, như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, khi nào tâm Tỷ-kheo được khéo tích tập với trí tuệ, thời thật hợp lý cho Tỷ-kheo ấy nói như sau: "Ta rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

63 Khéo tích tập với trí tuệ - Kinh TRỤ ĐÁ – Tăng IV, 143

TRỤ ĐÁ – Tăng IV, 143

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời, Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Candikàputta trú ở Ràjagaha (Vương Xá) tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Tại đây, Tôn giả Candikàputta gọi các Tỷ-kheo, nói rằng:

- Nay các Hiền giả, Devadatta thuyết pháp cho các Tỷ-kheo như sau: "Thưa các Hiền giả, khi nào tâm vị Tỷ-kheo được khéo tích tập với trí tuệ, thời thật hợp lý cho Tỷ-kheo ấy trả lời như sau: "Ta rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên là đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"".

2. Được nói vậy, Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Candikàputta:

- Nay Hiền giả Candikàputta, Devadatta không có thuyết pháp cho các Tỷ-kheo như sau: "Thưa các Hiền giả, khi nào tâm Tỷ-kheo được khéo tích tập với trí tuệ thời thật hợp lý cho Tỷ-kheo ấy trả lời như

sau: Ta rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa ".

Này Hiền giả Candikàputta, Devadatta thuyết pháp cho các Tỷ-kheo như sau: "Thưa các Hiền giả, khi nào tâm vị Tỷ-kheo được khéo tích tập với tâm ý thời thật hợp lý cho Tỷ-kheo ấy trả lời như sau: Ta rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

3. Lần thứ hai... Lần thứ ba, Tôn giả Candikàputta bảo các Tỷ-kheo nói rằng:

- Thưa các Hiền giả, Devadatta thuyết pháp cho các Tỷ-kheo như sau: "Khi nào tâm Tỷ-kheo được khéo tích tập với trí tuệ thời thật hợp lý cho vị Tỷ-kheo ấy trả lời như sau: "Ta rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"".

Lần thứ ba, Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Candikàputta:

- Này Hiền giả Candikàputta, Devadatta không có thuyết pháp cho các Tỷ-kheo như sau: "Thưa các Hiền giả, khi nào tâm Tỷ-kheo được khéo tích tập với trí tuệ thời thật hợp lý cho Tỷ-kheo ấy trả lời như

sau: "Ta rõ biết: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa".

Này Hiền giả Candikàputta. Devadatta thuyết pháp cho các Tỷ-kheo như sau: "Thưa các Hiền giả, khi nào tâm vị Tỷ-kheo được khéo tích tập với tâm ý thời thật hợp lý cho Tỷ-kheo ấy trả lời như sau: Ta rõ biết: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa".

4. - *Và như thế nào, này Hiền giả, tâm vị Tỷ-kheo được khéo tích tập với tâm ý?*

1. "Ly tham là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với tâm ý.
2. "Ly sân là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với tâm ý.
3. "Ly si là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với tâm ý.
4. "**Tánh không có tham** là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với tâm ý.
5. "**Tánh không có sân** là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với tâm ý.
6. "**Tánh không có si** là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với tâm ý.
7. "**Tánh không chuyển hướng về dục hữu** là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với tâm ý.

8. "*Tánh không chuyển hướng về sắc hữu là tâm của ta*", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với tâm ý.
9. "*Tánh không chuyển hướng về vô sắc hữu là tâm của ta*", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với tâm ý.

5. Như vậy, này Hiền giả, với Tỷ-kheo có tâm chánh giải thoát như vậy, nếu các **sắc** do mắt nhận thức mạnh mẽ đi vào giới vực của con mắt, các sắc không chinh phục tâm vị ấy, tâm được an trú, không bị tạp nhiễm, không bị lay động. Vị ấy tùy quán sự diệt tận của chúng.

Nếu các **tiếng** do tai nhận thức mạnh mẽ đi vào giới vực của lỗ tai... nếu các **hương** do mũi nhận thức mạnh mẽ đi vào giới vực của lỗ mũi... nếu các **vị** do lưỡi nhận thức mạnh mẽ đi vào giới vực của lưỡi... nếu các **xúc** do thân nhận thức mạnh mẽ đi vào giới vực của thân... Nếu các **pháp** do ý nhận thức mạnh mẽ đi vào giới vực của ý, các pháp không chinh phục, tâm vị ấy, tâm được an trú, không bị tạp nhiễm, không bị lay động. Vị ấy tùy quán sự diệt tận của chúng.

Ví như, này Hiền giả, một trụ đá cao mười sáu khuỷu tay, tám khuỷu tay chôn sâu xuống đất, tám khuỷu tay nổi lên trên, nếu từ phương Đông, mưa to gió lớn

đến, không làm rung động, không làm chuyển động, không làm chuyển động mạnh trụ đá ấy; nếu từ phương Tây... nếu từ phương Bắc... nếu từ phương Nam, mưa to gió lớn đến, không làm rung động, không làm chuyển động, không làm chuyển động mạnh trụ đá ấy. Vì sao? Này Hiền giả, vì trụ đá được đào sâu, được chôn sâu.

Cũng vậy, này Hiền giả, với Tỷ-kheo có tâm chánh giải thoát như vậy, nếu các sắc do mắt nhận thức mạnh mẽ đi vào giới vực của con mắt, các sắc không chinh phục tâm của vị ấy, tâm được an trú không bị tạp nhiễm, không bị lay động. Vị ấy tùy quán sự diệt tận của chúng.

Nếu các tiếng do tai nhận thức... nếu các pháp do ý nhận thức mạnh mẽ đi vào giới vực của ý, các pháp không chinh phục tâm vị ấy, tâm được an trú, không bị tạp nhiễm, không bị lay động. Vị ấy tùy quán sự diệt tận của chúng.

64 Khích lệ người thân tu tập 4 niệm xứ - Kinh Thân Hữu – Tương V, 294

Thân Hữu – Tương V, 294

1) Tại Sàvatthi...

2) -- Này các Tỷ-kheo, *những ai mà các Ông có lòng lân mẫn, những ai mà các Ông nghĩ rằng cần phải nghe theo, các bạn bè, hay thân hữu hay bà con, hay huyết thống; này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải khích lệ các người ấy, hướng dẫn, an trú các người ấy trong sự tu tập bốn niệm xứ.* Thế nào là bốn?

3) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân... quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, niệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

4) Này các Tỷ-kheo, những ai mà các Ông có lòng lân mẫn, những ai mà các Ông nghĩ rằng cần phải nghe theo, các bạn bè, hay thân hữu, hay bà con, huyết thống; này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải khích lệ các người ấy, hướng dẫn, an trú các người ấy trong sự tu tập bốn niệm xứ.

65 Khó tu, dễ tu - Bản tánh sanh ra quá nặng về tham ái - TIỂU KINH PHÁP HÀNH – 45 Trung I, 669

**TIỂU KINH PHÁP HÀNH
(Culadhammasamadana sutta)**

– Bài kinh số 45 – *Trung I*, 669

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi, tại Jetavana, tỉnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Những vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

– Này các Tỷ-kheo, có bốn loại pháp hành này. Thế nào là bốn?

- Có loại pháp hành **hiện tại lạc, tương lai quả**

báo khổ.

- Có loại pháp hành **hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ.**
- Có loại pháp hành **hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc.**
- Có loại pháp hành **hiện tại lạc, và tương lai quả báo cũng lạc.**

Này các Tỷ-kheo, thế nào là loại pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ?

Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn thuyết như sau, có sở kiến như sau: "Không có lỗi trong các dục". Những vị này đắm mình trong các dục, hoan lạc với các cô gái lang thang có tóc quấn trên đầu. Họ nói như sau: "Làm sao các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn kia thấy sự sợ hãi tương lai của các dục, nói đến sự đoạn trừ các dục, nêu lên sự hiểu biết về các dục. Khoái lạc thay, sự xúc chạm với bàn tay có lông mịn của các cô gái lang thang trẻ trung này!"

Sau khi đắm mình trong các dục, khi thân hoại mạng chung, các vị ấy phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Ở đây, họ cảm thọ những cảm giác đau khổ, thống khổ, khóc lệt. Họ nói như sau: "Các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn này thấy sự sợ hãi tương lai của các dục, nói đến sự đoạn trừ các dục, nêu lên

sự hiểu biết về các dục. Nhưng chúng ta, do các dục này làm nhân, do các dục này làm duyên, phải cảm thọ những cảm giác đau khổ, thống khổ, khóc liệt".

Này các Tỷ-kheo, ví như vào cuối tháng mùa nóng, một bẹ hột giống cây leo nứt ra và này các Tỷ-kheo, một hột giống cây leo rơi dưới gốc một cây sala. Này các Tỷ-kheo, các vị thần ở trên cây sala ấy lo sợ, run sợ, và hoảng sợ. Bạn bè thân hữu, bà con huyết thống các vị thần trên cây sala ấy, thần vườn, thần rừng, thần cây, thần các đước thảo, cỏ, rừng hội họp lại, an ủi như sau: "Này Tôn giả, chớ có sợ hãi! Này Tôn giả, chớ có sợ hãi! Vì hạt giống ấy, con không tước có thể nuốt, con nai có thể ăn, lửa rừng có thể đốt, người làm rừng có thể nhặt đi, các loài mối có thể ăn, hay hạt giống có thể nảy mầm". Nhưng này các Tỷ-kheo, hạt giống ấy, con không tước không nuốt, con nai không ăn, lửa rừng không đốt, người làm rừng không nhặt đi, các loài mối không ăn, và hạt giống có thể nảy mầm. Được mưa lớn nhờ các làn mây đúng mùa, hạt giống ấy được lớn lên, và một dây leo trẻ, mềm mại, có lông, chậm chậm mọc lên và bám dính cây sala ấy. Này các Tỷ-kheo, các vị thần trên cây sala ấy suy nghĩ như sau: "Không hiểu vì sao các Tôn giả bạn bè thân hữu, bà con huyết thống ấy, các thần vườn, thần rừng, thần cây, các vị thần trên các đước thảo, cỏ, rừng, thấy

sự sợ hãi tương lai trong hột giống, hội họp lại, an ủi như sau: "Này Tôn giả, chớ có sợ hãi! Này Tôn giả chớ có sợ hãi! Vì hột giống ấy, con khổng tước có thể nuốt, con nai có thể ăn, lửa rừng có thể đốt, những người làm rừng có thể chặt đi, các loài mối có thể ăn, hay hạt giống có thể không nảy mầm". Khoái lạc thay sự xúc chạm của cây leo trẻ trung mềm mại, có lông đang bám vào!" Cây leo ấy có thể bao trùm cây sala ấy, sau khi bao trùm, liền làm thành một tàn che trên cây ấy, và ở dưới khởi lên cả một lùm cây rậm rạp. Khi ở dưới khởi lên cả một lùm cây rậm rạp, các cành lớn của cây sala ấy có thể bị bóp nghẹt. Rồi này các Tỷ-kheo, các thần trú trên cây sa la ấy suy như sau: "Chính vì thấy sự sợ hãi tương lai này, trong hột giống cây leo ấy mà những Tôn giả, bạn bè thân hữu, bà con huyết thống ấy, các thần vườn, thần rừng, thần cây, các vị thần ở trên các dược thảo, cỏ, rừng, đã hội họp lại và an ủi như sau: "Này Tôn giả chớ có sợ hãi! Này Tôn giả, chớ sợ hãi! Vì hạt giống ấy, con khổng tước có thể nuốt, con nai có thể ăn, lửa rừng có thể đốt, những người làm rừng có thể chặt đi, các loài mối có thể ăn, hay hạt giống có thể không nảy mầm". Và nay ta, vì nguyên nhân hạt giống cây leo, cảm thọ những cảm giác đau khổ, thống khổ, khốc liệt".

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn,

Bà-la-môn thuyết như sau, có sở kiến như sau: "Không có lỗi trong các dục". Những vị này đắm mình trong các dục, họ hoan lạc với các cô gái lang thang có tóc quấn trên đầu. Họ nói như sau: "Làm sao các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy thấy sự sợ hãi tương lai của các dục, nói đến sự đoạn trừ các dục, nêu lên sự hiểu biết về các dục. Khoái lạc thay, sự xúc chạm với bàn tay có lông mịn của cô gái lang thang trẻ trung này!" Sau khi đắm mình trong các dục, khi thân hoại mạng chung, họ phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Ở đây, họ cảm thọ những cảm giác đau khổ, thống khổ, khốc liệt. Họ nói như sau: "Các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy thấy sự sợ hãi tương lai của các dục, nói đến sự đoạn trừ các dục, nêu lên sự hiểu biết về các dục. Nhưng chúng ta, vì nhân các dục này, vì duyên các dục này, phải cảm thọ những cảm giác đau khổ, thống khổ, khốc liệt". Nay các Tỷ-kheo, như vậy gọi là pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp hành hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sống lỏa thể, sống phóng túng, không theo lễ nghi, liêm tay cho sạch, đi khát thực không chịu bước tới, đi khát thực không chịu đứng lại, không nhận đồ ăn mang đến,

không nhận đồ ăn đặc biệt nấu cho mình, không nhận mời đi ăn, không nhận đồ ăn từ nơi nôi chảo, không nhận đồ ăn đặt tại ngưỡng cửa, không nhận đồ ăn đặt giữa những cây gậy, không nhận đồ ăn đặt giữa những cối giã gạo, không nhận đồ ăn từ hai người đang ăn, không nhận đồ ăn từ người đàn bà có thai, không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang cho con bú, không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang giao cấu, không nhận đồ ăn đi quyên, không nhận đồ ăn tại chỗ có chó đứng, không nhận đồ ăn tại chỗ có ruồi bu, không ăn cá, ăn thịt, không uống rượu nấu, rượu men, cháo cám.

Vị ấy chỉ nhận ăn tại một nhà, chỉ nhận ăn một miếng, hay vị ấy chỉ nhận ăn tại hai nhà, chỉ nhận ăn hai miếng, hay vị ấy chỉ nhận ăn tại bảy nhà, vị ấy chỉ nhận ăn bảy miếng.

Vị ấy nuôi sống chỉ với một bát, nuôi sống chỉ với hai bát, nuôi sống chỉ với bảy bát. Vị ấy chỉ ăn một ngày một bữa, hai ngày một bữa, bảy ngày một bữa. Như vậy vị ấy sống theo hạnh tiết chế ăn uống cho đến nửa tháng mới ăn một lần.

Vị ấy chỉ ăn cỏ lúa để sống, lúa tặc, gạo lức, ăn hột cải nivara, ăn da vụn, ăn cám, uống nước bột gạo, ăn bột vùng, ăn cỏ, ăn phân bò, ăn trái cây, ăn rễ cây

trong rừng, ăn trái cây rụng để sống.

Vị ấy mặc vải gai thô, mặc vải gai thô lẫn với các vải khác, mặc vải tấm liệm quăng đi, mặc vải phẩn tảo y, mặc vỏ cây tikitaka làm áo, mặc da con sơn dương đen, mặc áo bện từng mảnh da con sơn dương đen, mặc áo bằng cỏ cát tường, mặc áo vỏ cây, mặc áo bằng tấm gỗ nhỏ, mặc áo bằng tóc bện lại thành mền, mặc áo bằng đuôi ngựa bện lại, mặc áo bằng lông cú.

Vị ấy là người sống nhờ râu tóc, là người tập tục sống nhờ râu tóc, là người theo hạnh thường đứng không dùng chỗ ngồi, là người ngồi chờ hỏ, sống theo hạnh ngồi chờ hỏ một cách tinh tấn, là người dùng gai làm giường, thường ngủ nằm trên giường gai, sống dùng ván gỗ làm giường, sống nằm trên đất trần, thường nằm ngủ một bên hông, sống để bụi và nhóp che dấu thân mình, sống và ngủ ngoài trời, theo hạnh bạ đâu nằm đấy, sống ăn các uế vật, theo hạnh ăn các uế vật, sống không uống nước lạnh, theo hạnh không uống nước lạnh, sống một đêm tắm ba lần, theo hạnh xuống nước tắm (để gột sạch tội lỗi). Như vậy, vị ấy sống theo hạnh hành hạ xác thân dưới nhiều hình thức như vậy. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là pháp

hành hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự tánh sanh ra quá nặng về tham ái, luôn luôn cảm thọ những cảm giác khổ ưu do tham ái sanh; có người tự tánh sanh ra quá nặng về sân hận, luôn luôn cảm thọ những cảm giác khổ ưu do sân hận sanh; có người tự tánh sanh ra quá nặng về si mê, luôn luôn cảm thọ những cảm giác khổ ưu do si mê sanh. Với khổ và với ưu, với mặt đầy nước mắt và khóc than, vị ấy sống theo phạm hạnh, hoàn toàn đầy đủ trong sạch. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp hành hiện tại lạc và tương lai quả báo cũng lạc?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự tánh sanh ra không quá nặng về tham ái, không luôn luôn cảm thọ những cảm giác khổ ưu do tham ái sanh; có người tự tánh sanh ra không quá nặng về sân hận, không luôn luôn cảm thọ những cảm giác khổ ưu do sân hận sanh; có người tự tánh sanh ra không quá nặng về si

mê, không luôn luôn cảm thọ những cảm giác khổ
ưu do si mê sanh.

- Vị ấy ly dục, ly các pháp bất thiện chứng và trú **Thiền thứ nhất**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ;
- Diệt tầm và tứ, chứng và trú **Thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm;
- Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú **Thiền thứ ba**;
- Xả lạc và xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú **Thiền thứ tư**, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, được sanh thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Như vậy này các Tỷ-kheo, được gọi là pháp hành hiện tại lạc và tương lai quả báo cũng lạc. Đây các Tỷ-kheo, như vậy là bốn loại pháp hành.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

66 Khó tu, dễ tu - Không có thần lực hay uy lực để ra lệnh... - Kinh CẤP THIẾT – Tăng I, 435

CẤP THIẾT – Tăng I, 435

1. - **Này các Tỷ-kheo, có ba việc cấp thiết này, người nông phu gia chủ cần phải làm.** Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người nông phu gia chủ mau lẹ khéo cày thửa ruộng, khéo bừa thửa ruộng, sau khi mau lẹ khéo cày thửa ruộng, khéo bừa thửa ruộng, liền mau lẹ gieo hạt giống, sau khi mau lẹ gieo hạt giống, liền mau lẹ cho nước vô, cho nước ra. Này các Tỷ-kheo, đây là ba việc cấp thiết mà người nông phu gia chủ cần phải làm.

Người nông phu gia chủ ấy, này các Tỷ-kheo, không có thần lực hay không có uy lực (để ra lệnh): "Hôm nay lúa của ta được mọc lên, ngày mai chúng sẽ trở hạt, ngày kế tiếp chúng sẽ chín".

Nhưng chính theo thời gian của người nông phu gia chủ, các cây lúa do sự hướng dẫn của thời tiết được mọc lên, được trở hạt và được chín.

2. **Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có ba công việc cấp thiết này Tỷ-kheo cần phải làm.** Thế nào là ba?

- *Chấp hành tăng thượng giới học,*
- *Chấp hành tăng thượng tâm học,*
- *Chấp hành tăng thượng tuệ học.*

Ba công việc cấp thiết này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải làm.

- Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy, **không có thần lực hay không có uy lực (để ra lệnh):** "Hôm nay, tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ, ngày mai cũng vậy, ngày kế tiếp cũng vậy".
- Nhưng này các Tỷ-kheo, chính do thời gian Tỷ-kheo ấy sử dụng để học tập tăng thượng **giới**, để học tập tăng thượng **tâm**, để học tập tăng thượng **tuệ**, mà tâm được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau:

- "Sắc bén là **ước muốn** của ta để chấp hành tăng thượng giới học.
- Sắc bén là **ước muốn** của ta để chấp hành tăng thượng tâm học.
- Sắc bén là **ước muốn** của ta để chấp hành tăng thượng tuệ học".

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải học tập.

**67 Khó tu, dễ tu - Tu bao lâu thì chứng
đắc - Kinh BỒ ĐỀ VƯƠNG TỬ – 85
Trung II, 565**

**KINH BỒ ĐỀ VƯƠNG TỬ
(Bodhirajakumara sutta)**

– Bài kinh số 85 – Trung II, 565

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn sống giữa dân chúng Bhagga, tại Sunsumaragira, rừng Bhesakala, vườn Lộc Uyển. Lúc bấy giờ, vương tử Bodhi có một ngôi lâu đài tên Kokanada dựng lên không bao lâu và chưa được một Sa-môn, một Bà-la-môn hay một hạng người nào ở cả. Rồi vương tử Bodhi gọi thanh niên Sanjikaputta và nói:

– Này Sanjikaputta, hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến, hãy nhân danh ta cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi Thế Tôn có ít bệnh, ít não, khinh an, lạc trú, và thưa: "Bạch Thế Tôn, vương tử Bodhi cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm Thế Tôn có ít bệnh, ít não, khinh an, lạc trú, và bạch như sau: Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời mời của vương tử Bodhi,

ngày mai dùng cơm cùng với chúng Tỷ-kheo".

– Thừa vâng, Tôn giả.

Thanh niên Sanjikaputta vâng đáp vương tử Bodhi, đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Và sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Thanh niên Sanjikaputta đang ngồi một bên và bạch Thế Tôn:

– Thừa Tôn giả Gotama, vương tử Bodhi cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Gotama, hỏi thăm có ít bệnh, ít não, khinh an, lạc trú và thưa như sau: "Mong Tôn giả Gotama nhận lời mời của vương tử Bodhi, ngày mai dùng cơm cùng với chúng Tỷ-kheo".

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi thanh niên Sanjikaputta, sau khi biết được Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến vương tử Bodhi, sau khi đến, thưa với vương tử Bodhi:

– Chúng tôi đã nhân danh Tôn giả, bạch lên Thế Tôn Gotama như sau: "Thừa Tôn giả Gotama, vương tử Bodhi cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Gotama, hỏi thăm có ít bệnh, ít não, khinh an, lạc trú, và thưa như sau: "Mong Tôn giả Gotama nhận lời mời của vương

tử Bodhi, ngày mai dùng cơm cùng với chúng Tỷ-kheo". Và Sa-môn Gotama đã nhận lời.

Rồi vương tử Bodhi, sau khi đêm ấy đã mãn, tại trú xá của mình cho sửa soạn các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm, và cho trải vải trắng lâu đài Kokanada cho đến tầm cấp thấp nhất (pacchima), rồi gọi thanh niên Sanjikaputta:

– Này Thanh niên Sanjikaputta, hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến, hãy báo giờ cho Thế Tôn được biết: "Bạch Thế Tôn, đã đến giờ, cơm đã sẵn sàng".

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi đến trú xá của vương tử Bodhi. Lúc bảy giờ, vương tử Bodhi chờ đón Thế Tôn đến, đang đứng ở cửa ngoài. Vương tử Bodhi thấy Thế Tôn từ xa đi đến, sau khi thấy, liền tiến đến đón, đánh lễ Thế Tôn, đi đầu hướng dẫn đến lâu đài Kokanada. Rồi Thế Tôn đứng sát vào tầm cấp thấp nhất. Vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy bước lên trên vải, Thiện Thệ hãy bước lên trên vải, để con được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

Được nghe nói vậy, Thế Tôn im lặng. Lần thứ hai, vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy bước lên trên vải, Thiện Thệ hãy bước lên trên vải, để cho con được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

Lần thứ hai, Thế Tôn im lặng. Lần thứ ba, vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ... (như trên)... an lạc lâu dài.

Rồi Thế Tôn nhìn Tôn giả Ananda. Tôn giả Ananda thưa với vương tử Bodhi:

– Thưa vương tử, hãy cho cuộn lại tấm vải, Thế Tôn không có đi bộ trên vải, Như Lai còn nghĩ đến những người thấp kém.

Rồi vương tử Bodhi cho cuộn lại tấm vải, cho sửa soạn các chỗ ngồi tại tầng trên lầu Kokanada. Rồi Thế Tôn bước lên lầu đài Kokanada, và ngồi trên ghế đã soạn sẵn với chúng Tỷ-kheo. Rồi vương tử Bodhi tự tay mời chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị cầm đầu và làm cho thỏa mãn với các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm. Vương tử Bodhi, khí Thế Tôn ăn xong, tay đã rời khỏi bát, liền lấy một ghế thấp và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con nghĩ như sau: "Lạc được

chúng đắc không phải do lạc, lạc được chúng đắc do khổ".

– Nay Vương tử, trước khi giác ngộ, thành bậc Chánh Đẳng Giác, khi còn là vị Bồ Tát, Ta nghĩ như sau: "Lạc được chúng đắc không phải do lạc, lạc được chúng đắc do khổ. Và Ta, nay Vương tử, sau một thời gian, khi còn niên thiếu, non trẻ, tóc đen nhánh..., (như Tập I, Kinh Thánh Cầu, từ trang 367 đến trang 373, thay thế "Này các Tỷ-kheo" với "Này Vương tử"...)... và nghĩ: "Thật là vừa đủ để tinh tấn".

Nhưng nay Vương tử, có thí dụ khởi lên nơi Ta..., (như Tập I, Đại Kinh Saccaka, từ trang 529 đến trang 543, thay thế "Này Aggivesana" với "Này Vương tử"...)... sống nhiệt tâm, tinh cần".

Rồi nay Vương tử, Ta suy nghĩ như sau: "Pháp này do Ta chứng được thật thâm sâu... (như Tập I, Kinh Thánh Cầu từ 374 đến trang 386, thay thế "Này các Tỷ-kheo" với "Này Vương tử"... Sáu người sống, với các đồ ăn mà hai Tỷ Kheo này khát thực đem về. Như vậy, nay Vương tử, chúng năm vị Tỷ-kheo được Ta giáo giới như vậy, giáo huấn như vậy, không bao lâu chúng được với thượng trí ngay trong hiện tại, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà con cháu các lương gia xuất gia, từ

bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến.

Khi được nói vậy, vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:

– **Độ bao lâu, bạch Thế Tôn, một vị Tỷ-kheo chấp nhận Như Lai là vị lãnh đạo, chứng được mục đích tối cao... (như trên)... và an trú?**

– Này Vương tử, ở đây, Ta sẽ hỏi Vương tử. Tùy theo Vương tử có thể kham nhẫn, Vương tử hãy trả lời. Này vương tử, Vương tử nghĩ thế nào? Vương tử có thiện xảo trong nghề cưỡi voi và trong kỹ thuật dùng câu móc không?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn, con thiện xảo trong nghề cưỡi voi và kỹ thuật dùng câu móc.

❖ Này Vương tử, Vương tử nghĩ thế nào? Ở đây **có người đến và nói:** "Vương tử Bodhi biết kỹ thuật cưỡi voi và dùng câu móc. Tôi sẽ học kỹ thuật cưỡi voi và dùng câu móc với Vương tử".

- Nếu người ấy không có lòng tin, thời những gì lòng tin có thể đạt được, người ấy không thể đạt được.
- Nếu người ấy hiều bệnh, thời những gì ít bệnh

có thể đạt được, người ấy không thể đạt được.

- Nếu người ấy gian trá, xảo trá, thời những gì không gian trá, không xảo trá có thể đạt được, người ấy không đạt được.
- Nếu người ấy biếng nhác, thời những gì tinh tấn, cần mẫn có thể đạt được, người ấy không đạt được.
- Nếu người ấy có liệt tuê, thời những gì trí tuệ có thể đạt được, người ấy không đạt được.

→ *Này Vương tử, Vương tử nghĩ thế nào? Người ấy có thể học kỹ thuật cỡi voi và dùng câu móc với Vương tử không?*

– Bạch Thế Tôn, người ấy, dầu thành tựu chỉ một đức tánh, người ấy cũng không có thể học kỹ thuật cỡi voi và dùng câu móc với con; huống chi (nếu người ấy thành tựu) cả năm đức tánh!

❖ *Này Vương tử, Vương tử nghĩ thế nào? Ở đây, có người đến và nói: "Vương tử Bodhi biết kỹ thuật cỡi voi và dùng câu móc. Tôi sẽ học kỹ thuật cỡi voi và dùng câu móc với Vương tử".*

- Nếu người ấy có lòng tin, thời những gì lòng tin có thể đạt được, người ấy đạt được.
- Nếu người ấy ít bệnh, thời những gì ít bệnh có

thể đạt được, người ấy đạt được.

- Nếu người ấy không gian trá, không xảo trá, thời những gì không gian trá, không xảo trá có thể đạt được, người ấy đạt được.
- Nếu người ấy tinh tấn, cần mẫn, thời những gì tinh tấn, cần mẫn có thể đạt được, người ấy đạt được.
- Nếu người ấy có trí tuệ, thời những gì trí tuệ có thể đạt được, người ấy đạt được.

→ *Này Vương tử, Vương tử nghĩ thế nào? Người ấy có thể học kỹ thuật cỡi voi và dùng câu móc với Vương tử không?*

– Bạch Thế Tôn, người ấy, dầu cho thành tựu chỉ một đức tánh, cũng có thể học kỹ thuật cỡi voi và dùng câu móc với con; huống chi (nếu người ấy thành tựu) cả năm đức tánh.

– Cũng vậy, này Vương tử, **có năm tinh tấn chi này**. Thế nào là năm?

- Ở đây, này Vương tử, vị Tỷ-kheo có lòng tin, tin tưởng sự giác ngộ của Như Lai. Ngài là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư,

Phật, Thế Tôn.

- Vị ấy ít bệnh, ít não, với bộ tiêu hóa được điều hòa, không quá lạnh, không quá nóng, trung bình, hợp với tinh tấn.
- Vị ấy không gian trá, xảo trá, tự mình xử sự như chơn đối với bậc Đạo sư, đối với các vị có trí hay đối với các vị đồng Phạm hạnh.
- Vị ấy sống tinh cần, tinh tấn từ bỏ các bất thiện pháp, làm cho khởi lên các thiện pháp, kiên cố, kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp.
- Vị ấy có trí tuệ thành tựu trí tuệ về sự sanh diệt (của các pháp), với sự thể nhập bậc Thánh đưa đến sự chơn chánh đoạn diệt khổ đau.

Này Vương Tử, như vậy là năm tinh cần chi. Này Vương tử, vị Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này, chấp nhận Như Lai là bậc lãnh đạo, sau khi đã tự chứng tri với thượng trí ngay trong hiện tại vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà vì mục đích này các Thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, và vị ấy có thể chứng ngộ, chứng đạt và an trú trong bảy năm.

Này Vương tử, đừng nói chi bảy năm, một vị Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chi này... (như

trên)... và an trú sáu năm... (như trên)... năm năm, bốn năm, ba năm, hai năm, một năm. Nay Vương tử, đừng nói chỉ một năm, một Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chỉ này... (như trên)... và an trú bảy tháng.

Nay Vương tử, đừng nói chỉ bảy tháng, một Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chỉ này... (như trên)... và an trú ngay trong sáu tháng... (như trên)... trong năm tháng, bốn tháng, ba tháng, hai tháng, một tháng, nửa tháng.

Nay Vương tử, đừng nói chỉ nửa tháng, một Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chỉ này... (như trên)... và an trú trong bảy đêm ngày. Nay Vương tử, đừng nói chỉ bảy đêm ngày, Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chỉ này sáu đêm ngày... (như trên)... năm đêm ngày, bốn đêm ngày, ba đêm ngày, hai đêm ngày, một đêm ngày.

Nay Vương tử, **đừng nói chỉ một đêm ngày**, một Tỷ-kheo thành tựu năm tinh cần chỉ này, chấp nhận Như Lai là bậc lãnh đạo, nếu được giảng dạy buổi chiều thời chúng được sự thù thắng buổi sáng, nếu được giảng dạy buổi sáng, thời sẽ chúng được sự thù thắng buổi chiều.

Khi được nghe nói vậy, Vương tử Bodhi bạch Thế Tôn:

– Ôi, thật là Phậ! Ôi, thật là Phậ! Ôi, thật là khéo thuyết pháp thay! Nếu được giảng dạy buổi chiều thời chúng được sự thù thắng buổi sáng, nếu được giảng dạy buổi sáng thời chúng được sự thù thắng buổi chiều.

Khi nghe nói vậy, thanh niên Sanjikaputta thưa với Vương tử Bodhi:

– Như vậy, Tôn giả Bodhi này đã nói: "Ôi, thật là Phậ! Ôi, thật là Phậ! Ôi, thật là khéo thuyết pháp thay! " Nhưng Vương tử không nói thêm: "Tôi quy y Tôn giả Gotama này, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng".

– Này Sanjikaputta, chớ có nói như vậy! Này Sanjikaputta, chớ có nói như vậy!

Này Sanjikaputta, mặt trước mặt đối diện với mẫu thân của ta, ta tự nghe như sau: "Một thời, này Sanjikaputta, Thế Tôn trú ở Kosambi, tại tu viện Ghosita. Mẫu thân ta đang mang thai, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, mẫu thân ta bạch với Thế Tôn: "*Bạch Thế Tôn, đưa con này của con, dù là con trai hay con gái, cũng xin quy y với Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận nó làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, nó trọn đời*

quy ngưỡng".

Lại một thời, này Sanjikaputta, Thế Tôn trú giữa dân chúng Bhagga, tại Sumsumaragira, rừng Bhesakala, vườn Lộc Uyển. Rồi **người vú của ta, ẵm ta bên hông**, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, người vú của ta bạch Thế Tôn: "*Bạch Thế Tôn, vương tử Bodhi nay xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận vương tử này làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, xin trọn đời quy ngưỡng*".

Và nay, này Sanjikaputta, lần thứ ba ta quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. "*Mong Thế Tôn nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng*".

68 Khó tu, dễ tu - Tu nhanh, chậm, sướng khổ - Kinh SÀRIPUTTA VÀ MOGGALLÀNA – Tăng II, 109

SÀRIPUTTA VÀ MOGGALLÀNA – *Tăng II*, 109

1. Rồi Tôn giả Sàriputta đi đến Tôn giả Moggallàna, sau khi đến, nói lên với Tôn giả Moggallàna những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Moggallàna:

- Nay Hiền giả **Moggallàna**, có bốn đạo hành này. Thế nào là bốn?

- Đạo hành khổ, thắng trí chậm;
- Đạo hành khổ, thắng trí nhanh;
- Đạo hành lạc, thắng trí chậm;
- Đạo hành lạc, thắng trí nhanh.

Nay Hiền giả, có bốn đạo hành này.

2. Trong bốn đạo hành này, nay Hiền giả, đạo hành nào do đi đến đạo hành này, tâm của Hiền giả được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ?

- Nay Hiền giả Sàriputta, có bốn đạo hành này. Thế nào là bốn? Đạo hành khổ, thắng trí chậm; Đạo hành khổ, thắng trí nhanh; Đạo hành lạc, thắng trí chậm; Đạo hành lạc, thắng trí nhanh. Nay Hiền giả, có bốn đạo hành này. Trong bốn đạo hành này, nay Hiền giả, **đạo hành khổ, thắng trí nhanh**. Do đi đến đạo hành này, tâm của tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

MOGGALLÀNA VÀ SÀRIPUTTA – Tăng II, 110

1. Tôn giả Moggallàna đi đến Tôn giả Sàriputta ...
Ngồi xuống một bên, Tôn giả Moggallàna nói với Tôn giả Sàriputta:

- Nay Hiền giả Sàriputta, có bốn đạo hành này. Thế nào là bốn? ... Nay Hiền giả, có bốn đạo hành này.

2. Trong bốn đạo hành này, nay Hiền giả, đạo hành nào do đi đến đạo hành này, tâm của Hiền giả được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ?

- Nay Hiền giả Moggallàna, có bốn đạo hành này. Thế nào là bốn? Đạo hành khổ, thắng trí chậm; Đạo hành khổ, thắng trí nhanh; Đạo hành lạc, thắng trí chậm; Đạo hành lạc, thắng trí nhanh.

Này Hiền giả, trong bốn đạo hành này, **đạo hành lạc, thắng trí nhanh**. Do đi đến đạo hành này, tâm của tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

69 Khó tu, dễ tu - Tu tập nhanh chậm khác nhau ở chỗ nào - Kinh KANNAKATTHALA – 90 Trung II, 627

KINH KANNAKATTHALA
– Bài kinh số 90 – Trung II, 627

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú tại Ujunna, gần vườn Lộc Uyển ở Kannakatthala. Lúc bấy giờ vua Pasenadi nước Kosala đi đến Ujunna có công việc. Rồi **vua Pasenadi nước Kosala** bảo một người:

– Đến đây, này Người kia. Hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nhân danh ta, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và hỏi thăm có ít bệnh, ít não, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú và thừa như sau: "Bạch Thế Tôn, vua Pasenadi nước Kosala cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có ít bệnh, ít não, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú không và thừa như sau: "**Bạch Thế Tôn, hôm nay vua Pasenadi nước Kosala, sau buổi ăn sáng, sẽ đến yết kiến Thế Tôn**".

– Thừa vâng, tâu Đại vương.

Người ấy vâng đáp vua Pasenadi nước Kosala, đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, người ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, vua Pasenadi nước Kosala cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có ít bệnh, ít não, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú không và thưa như sau: "Bạch Thế Tôn, hôm nay vua Pasenadi nước Kosala, sau buổi ăn sáng, sẽ đến yết kiến Thế Tôn".

Hai chị em Soma và Sakula được nghe: "Hôm nay vua Pasenadi nước Kosala sau buổi ăn sáng, sẽ đến yết kiến Thế Tôn". Rồi hai chị em Soma và Sakula đi đến vua Pasenadi nước Kosala tại phòng ăn, và thưa như sau:

– Tâu Đại vương, hãy nhân danh chúng thiếp cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có được ít bệnh, ít não, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú không và thưa giúp: "Bạch Thế Tôn, chị em Soma và Sakula cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có được ít bệnh, ít não, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú không".

Rồi vua Pasenadi nước Kosala sau buổi ăn sáng

đi đến Thế Tôn, sau khi đánh lễ Thế Tôn rồi, ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, hai chị em Soma và Sakula cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm Thế Tôn có được ít bệnh, ít não, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú không.

– Thưa Đại vương, vì sao hai chị em Soma và Sakula lại không có thể nhờ một vị đưa tin khác?

– Bạch Thế Tôn, hai chị em Soma và Sakula có nghe: "Hôm nay vua Pasenadi nước Kosala sau buổi ăn sáng, sẽ yết kiến Thế Tôn". Rồi hai chị em Soma và Sakula đi đến con tại phòng ăn và thưa như sau: "Tâu Đại vương, hãy nhân danh chúng thiếp cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có được ít bệnh, ít não, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú không và thưa: "Bạch Thế Tôn, hai chị Soma và Sakula cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm (Thế Tôn), có được ít bệnh, ít não, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú không".

– Thưa Đại vương, mong rằng hai chị em Soma và Sakula được hạnh phúc!

Rồi vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con có nghe như sau: "Sa-môn Gotama có nói: "Không có một Sa-môn hay một Bà-la-môn nào toàn tri, toàn kiến, có thể tự cho là chúng được tri kiến viên mãn; sự tình như vậy không thể xảy ra". Bạch Thế Tôn, những ai nói như sau: "Sa-môn Gotama có nói: "Không có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào toàn tri, toàn kiến có thể cho là chúng được tri kiến viên mãn; sự tình như vậy không thể xảy ra", bạch Thế Tôn, có phải những vị ấy nói lời Thế Tôn nói, họ không xuyên tạc Thế Tôn, không đúng như thật; họ giải thích pháp đúng pháp và những ai nói hợp pháp, đúng pháp sẽ không có cơ hội để chỉ trích hay không?

– Thừa Đại vương, những ai nói như sau: "Sa-môn Gotama có nói: *"Không có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào toàn tri, toàn kiến, có thể cho là chúng được tri kiến viên mãn; sự tình như vậy không thể xảy ra"*, những vị nói như vậy không nói đúng lời Ta nói, và họ xuyên tạc Ta một cách hư ngụy, không đúng sự thật.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala nói với tướng quân Vidudabha:

– Nay Tướng quân, ai đã đem vấn đề này vào trong nội cung?

– Tâu Đại vương, Bà-la-môn Sanjaya, thuộc dòng họ Akasa.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala cho gọi một người:

– Đến đây, này Người kia, hãy nhân danh ta, bảo với Bà-la-môn Sanjaya thuộc dòng họ Akasa: "Thưa Tôn giả, vua Pasenadi nước Kosala cho gọi Tôn giả".

– Thưa vâng, tâu Đại vương.

Người ấy vâng đáp vua Pasenadi nước Kosala, đi đến Bà-la-môn Sanjaya thuộc dòng họ Akasa, sau khi đến, liền thưa với Bà-la-môn Sanjaya, thuộc dòng họ Akasa: "Thưa Tôn giả, vua Pasenadi nước Kosala cho gọi Tôn giả".

Rồi vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, rất có thể những điều Thế Tôn nói về một vấn đề khác, được người ta gán vào một vấn đề khác. Bạch Thế Tôn, liên hệ vấn đề gì Thế Tôn tự xem là nói những lời nói ấy?

– Thưa Đại vương, Ta tự xem là đã nói những lời như sau: "Không có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào có thể trong một lúc, biết hoàn toàn và thấy hoàn

toàn, không thể có sự tình như vậy".

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuyết có nhân duyên (heturupam). Bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuyết liên hệ đến nhân duyên (saheturupam) và nói như sau: "Không có một Sa-môn nào hay Bà-la-môn nào có thể trong một lúc, biết hoàn toàn và thấy hoàn toàn, không thể có sự tình như vậy". *Bạch Thế Tôn, có bốn giai cấp này: Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá và Thủ-đà. Bạch Thế Tôn, giữa bốn giai cấp này có những khác biệt nào, sai biệt nào?*

– Thưa Đại vương, có bốn giai cấp này: Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá và Thủ-đà. Thưa Đại vương, giữa bốn giai cấp này, hai giai cấp Sát-đế-ly và Bà-la-môn được xem là tối thượng về xung hô; hai giai cấp kia từ chỗ ngồi đứng đây, chấp tay và giúp đỡ họ các công việc.

– Bạch Thế Tôn, con không hỏi về hiện tại. Bạch Thế Tôn, con hỏi về tương lai. Bạch Thế Tôn, có bốn giai cấp này: Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá và Thủ-đà. Bạch Thế Tôn, trong bốn giai cấp này, có những khác biệt nào, sai biệt nào?

– Thưa Đại vương, có năm tinh cần chi này. Thế nào là năm?

- Ở đây, thừa Đại vương, Tỷ-kheo có lòng tin, tin tưởng sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.
- Vị ấy ít bệnh, ít nã, sự tiêu hóa được điều hòa, không lạnh quá, không nóng quá, trung bình, hợp với tinh tấn.
- Vị ấy không gian trá, không xảo trá, nêu rõ tự mình như chơn đối với bậc Đạo sư, đối với các vị sáng suốt hay đối với các đồng Phạm hạnh.
- Vị ấy sống siêng năng, tinh tấn, từ bỏ các ác pháp, thành tựu các thiện pháp, kiên cố, kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đối với thiện pháp.
- Vị ấy có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sự sanh diệt các pháp, với sự thể nhập của các bậc Thánh, đưa đến chơn chánh đoạn diệt các khổ đau".

Thừa Đại vương có bốn giai cấp này: Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà. Và nếu các giai cấp này thành tựu năm tinh cần chi này, như vậy sẽ đưa đến hạnh phúc, an lạc lâu dài cho họ.

– *Bạch Thế Tôn, có bốn giai cấp này: Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà. Nếu những vị này thành*

tự năm tinh cần chi này, bạch Thế Tôn, ở đây có sự khác biệt gì, có sự sai biệt gì?

– Thưa Đại vương, ở đây, Ta nói đến sự sai biệt trong tinh cần.

Ví như, thưa Đại vương, giữa những con voi đáng được điều phục, hay những con ngựa đáng được điều phục, hay những con bò đáng được điều phục, có hai con voi, hai con ngựa, hay hai con bò được khéo điều phục, được khéo huấn luyện, và có hai con voi, hai con ngựa, hay hai con bò không được khéo điều phục, không được khéo huấn luyện. Thưa Đại Vương, Đại vương nghĩ thế nào? Hai con voi, hai con ngựa, hay hai con bò được khéo điều phục, được khéo huấn luyện, có phải chúng được điều phục, đạt được khả năng điều phục (dantakaranam), chúng được điều phục, đạt được vị trí điều phục (dantabhumi)?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Còn hai con voi, hai con ngựa, hay hai con bò không được khéo điều phục kia, không được khéo huấn luyện kia, không được điều phục mà chúng đạt được khả năng điều phục, không được điều phục mà chúng đạt được vị trí điều phục như hai con voi, hai con ngựa, hay hai con bò được khéo điều phục kia,

được khéo huấn luyện kia?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, thưa Đại vương, những gì đạt được do lòng tin, do ít bệnh tật, do không gian trá, không dối trá, do tinh cần tinh tấn, do trí tuệ, cũng sẽ do bất tín, do nhiều bệnh tật, do xảo trá, do dối trá đạt được, sự tình như vậy không thể xảy ra.

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuyết có nhân duyên (heturupam), Thế Tôn thuyết liên hệ đến nhân duyên. Bạch Thế Tôn, có bốn giai cấp này: Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà. Và nếu các vị này thành tựu năm tinh cần chi này, nếu họ chân chánh tinh cần, thì bạch Thế Tôn, có thể có sự khác biệt nào, có thể có sự sai biệt nào giữa các vị này không?

– Thừa Đại vương, **Ta nói không có sự khác biệt gì về phương diện giải thoát đối với giải thoát.**

Ví như, thưa Đại vương, một người đem củi khô từ cây sala lại và nhen lửa, lửa sẽ hiện ra. Và một người khác đem củi khô từ cây sala lại và nhen lửa, lửa sẽ hiện ra. Rồi có một người khác đem củi khô từ cây xoài lại và nhen lửa, lửa sẽ hiện ra. Rồi có một người khác đem củi khô từ cây udumbara (cây sung?) lại và nhen lửa, lửa sẽ hiện ra. Thừa Đại

vwang, Đại vương nghĩ thế nào? Vì rằng các loại củi dùng để nhen lửa sai khác, vậy có những sai khác gì, giữa ngọn lửa với ngọn lửa, giữa màu sắc với màu sắc, giữa ánh sáng với ánh sáng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, thưa Đại vương, với sức nóng do tinh tấn tạo nên, do tinh cần nhen nhúm lên, ở đây, Ta nói không có một sự sai biệt gì về giải thoát đối với giải thoát.

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuyết có nhân duyên, Thế Tôn thuyết liên hệ đến nhân duyên. Bạch Thế Tôn, nhưng có chư Thiên không?

– Thưa Đại vương, sao Đại vương có thể nói: "Bạch Thế Tôn, nhưng có chư Thiên không?"

– Bạch Thế Tôn, không biết chư Thiên ấy có sanh lại tại đây không hay không sanh lại tại đây?

– Thưa Đại vương, chư Thiên nào có não hai tâm, sanh lại tại đây; chư Thiên nào không có não hai tâm, không sanh lại tại đây.

Khi được nghe nói vậy, tướng quân Vidudabha bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, chư Thiên có não hại tâm, sanh lại tại đây có thể đánh đuổi hay trục xuất chư Thiên không có não hại tâm, không sanh lại tại đây không?

Tôn giả Ananda khởi lên ý nghĩ như sau: "Tướng quân Vidudabha này là con vua Pasenadi nước Kosala, ta là con Thế Tôn. Nay đã đến thời người con nói chuyện với người con". Rồi Tôn giả Ananda nói với tướng quân Vidudabha:

– Nay Tướng quân, nay ở đây, tôi sẽ hỏi lại Tướng quân vấn đề này. Nếu có thể được, Tướng quân hãy trả lời. Nay Tướng quân, Tướng quân nghĩ thế nào? Xa rộng cho đến lãnh thổ của vua Pasenadi nước Kosala, và tại chỗ của vua Pasenadi nước Kosala ngự trị, trị vì; tại chỗ ấy, vua Pasenadi nước Kosala có thể đánh đuổi hay trục xuất vị Sa-môn hay Bà-la-môn có công đức tu hành hay không có công đức tu hành, có sống Phạm hạnh hay không sống Phạm hạnh ra khỏi chỗ ấy không?

– Thưa Tôn giả, xa rộng cho đến lãnh thổ của vua Pasenadi nước Kosala và chỗ nào vua Pasenadi nước Kosala ngự trị, trị vì; tại chỗ ấy, vua Pasenadi nước Kosala có thể đánh đuổi hay trục xuất vị Sa-môn hay Bà-la-môn có công đức tu hành, hay không có công đức tu hành, có sống Phạm hạnh hay không

sống Phạm hạnh ra khỏi chỗ ấy.

– *Thưa Tướng quân, Tướng quân nghĩ thế nào? Xa rộng ra ngoài lãnh thổ của vua Pasenadi nước Kosala, và tại chỗ của vua Pasenadi nước Kosala không ngự trị, không trị vì; tại chỗ ấy, vua Pasenadi nước Kosala có thể đánh đuổi hay trục xuất vị Sa-môn hay Bà-la-môn có công đức tu hành hay không có công đức tu hành, có sống Phạm hạnh hay không sống Phạm hạnh ra khỏi chỗ ấy không?*

– Thưa Tôn giả, xa rộng ra ngoài lãnh thổ của vua Pasenadi nước Kosala, và tại chỗ của vua Pasenadi nước Kosala không ngự trị, không trị vì; tại chỗ ấy, vua Pasenadi nước Kosala không có thể đánh đuổi... (như trên)... ra khỏi chỗ ấy.

– *Thưa Tướng quân, Tướng quân có nghe nói đến chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba không?*

– Thưa vâng, Tôn giả. Chúng tôi có nghe nói đến chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba. Và ở đây, vua Pasenadi nước Kosala cũng nghe có nói đến chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba.

– *Này Tướng quân, Ông nghĩ thế nào? Vua Pasenadi nước Kosala có thể đánh đuổi hay trục xuất chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba ra khỏi chỗ ấy được*

không?

– Thưa Tôn giả, vua Pasenadi nước Kosala không thể thấy chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba, làm sao vua lại có thể đánh đuổi hay trục xuất chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba ra khỏi chỗ ấy?

– Cũng vậy, này Tướng quân, chư Thiên có não hại tâm, sanh lại tại đây, không có thể thấy được chư Thiên không có não hại tâm, không sanh lại tại đây, làm sao lại có thể đánh đuổi hay trục xuất chư Thiên không có não hại tâm, không sanh lại tại đây ra khỏi chỗ ấy được?

Rồi vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo ấy tên gọi là gì?

– Thưa Đại vương, tên là Ananda!

– Thật hân hoan thay! Thật hoan hỷ thay! Tôn giả Ananda thuyết có nhân duyên, Ananda thuyết liên hệ đến nhân duyên. *Bạch Thế Tôn, có Phạm thiên không?*

– Thưa Đại vương, sao Đại vương có thể nói như vậy: "Bạch Thế Tôn, có Phạm thiên không?".

– Bạch Thế Tôn, Phạm thiên có sanh lại tại đây hay không sanh lại tại đây?

– Thưa Đại vương, nếu Phạm thiên có nào hại tâm thì Phạm thiên ấy có sanh lại tại đây. Nếu không có nào hại tâm, thời Phạm thiên ấy không sanh lại tại đây.

Rồi một người khác tâu với vua Pasenadi nước Kosala:

– Tâu Đại vương, Bà-la-môn Sanjaya, thuộc dòng họ Akasa đã đến.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala nói với Bà-la-môn Sanjaya, thuộc dòng họ Akasa:

– Này Bà-la-môn, ai phổ biến câu chuyện này trong nội cung?

– Tâu Đại vương, tướng quân Vidudabha.

Tướng quân Vidudabha lại nói:

– Tâu Đại vương, chính Bà-la-môn Sanjaya, thuộc dòng họ Akasa.

Rồi có một người tâu với vua Pasenadi nước

Kosala:

– Tàu Đại vương, nay đã đến thời dừng xe.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, chúng con đã hỏi Thế Tôn về nhất thiết trí. Thế Tôn đã trả lời về nhất thiết trí. Câu trả lời ấy làm cho chúng con thoải mái, được chúng con chấp nhận, nên chúng con hoan hỷ.

Bạch Thế Tôn, chúng con đã hỏi Thế Tôn về sự thanh tịnh của bốn giai cấp. Thế Tôn đã trả lời cho chúng con về sự thanh tịnh của bốn giai cấp. Câu trả lời ấy làm cho chúng con thoải mái, được chúng con chấp nhận, nên chúng con hoan hỷ.

Bạch Thế Tôn, chúng con hỏi Thế Tôn về chư Thiên (Adhideve) và Thế Tôn đã trả lời về chư Thiên. Câu trả lời ấy làm cho chúng con thoải mái, được chúng con chấp nhận nên chúng con hoan hỷ.

Bạch Thế Tôn, chúng con hỏi Thế Tôn về Phạm thiên và Thế Tôn đã trả lời về Phạm thiên. Câu trả lời ấy làm cho chúng con thoải mái, được chúng con chấp nhận nên làm chúng con hoan hỷ.

Bạch Thế Tôn, và những điều gì chúng con hỏi

Thế Tôn, vấn đề ấy Thế Tôn đã trả lời, và câu trả lời ấy làm cho chúng con thoải mái, được chúng con chấp nhận nên chúng con hoan hỷ.

Bạch Thế Tôn, nay chúng con phải đi. Chúng con có nhiều công việc, có nhiều phận sự phải làm.

– Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

70 Khó tu, dễ tu - Tập khí khác nhau nên tu tập nhanh, chậm, sướng, khổ khác nhau - Kinh VỚI CHI TIẾT – Tăng II, 99

VỚI CHI TIẾT – Tăng II, 99

1. - Nay các Tỷ-kheo, có bốn đạo hành này. Thế nào là bốn?

- Đạo hành khổ, thắng trí chậm;
- Đạo hành khổ, thắng trí nhanh;
- Đạo hành lạc, thắng trí chậm;
- Đạo hành lạc, thắng trí nhanh.

Nay các Tỷ-kheo, thế nào là đạo hành khổ, thắng trí chậm?

- Ở đây, có người **bản tánh tham dục** rất cường thịnh, luôn luôn cảm thọ khổ ưu do tham dục sanh; bản tánh **sân** rất cường thịnh, luôn luôn cảm thọ khổ ưu do sân hận sanh; bản tánh **si** rất cường thịnh, luôn luôn cảm thọ khổ ưu do si sanh.
- Với người ấy, năm căn này hiện ra rất mềm yếu, tức là **tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn**. Do năm căn này mềm yếu, người ấy đạt được **Vô**

gián định một cách chậm chạp để đoạn diệt các lậu hoặc. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành khổ, thắng trí chậm.

3. Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là đạo hành khổ, thắng trí nhanh?

- Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có người bản tánh tham dục rất cường thịnh ... luôn luôn cảm thọ khổ ưu do si sanh.
- Với người ấy, năm căn này hiện ra hết sức dồi dào, tức là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Do năm căn này hết sức dồi dào, người ấy đạt được Vô gián định một cách mau chóng để đoạn diệt các lậu hoặc. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành khổ, thắng trí nhanh.

4. Nay các Tỷ-kheo, thế nào là đạo hành lạc, thắng trí chậm?

- Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có người bản tánh tham dục không có cường thịnh, thường không có cảm thọ khổ ưu do tham dục sanh; bản tánh sân không có cường thịnh, thường không có cảm thọ khổ ưu do sân sanh; bản tánh si không có cường thịnh, thường không có cảm thọ khổ ưu do si sanh.
- Với người ấy, năm căn này hiện ra rất mềm yếu, tức là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn.

Do năm căn này mềm yếu, người ấy đạt được Vô gián định một cách chậm chạp để đoạn diệt các lậu hoặc. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành lạc, thắng trí chậm.

5. *Này các Tỷ-kheo, thế nào là đạo hành lạc, thắng trí nhanh?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người bản tánh **tham dục** không có cường thịnh, thường không có cảm thọ khổ ưu do tham dục sanh; bản tánh **sân** không có cường thịnh, thường không có cảm thọ khổ ưu do sân sanh; bản tánh **si** không có cường thịnh, thường không có cảm thọ khổ ưu do si sanh.
- Với người ấy, năm căn này hiện ra rất dồi dào, tức là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Do năm căn này dồi dào, người ấy đạt được Vô gián định một cách nhanh chóng để đoạn diệt các lậu hoặc. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành lạc, thắng trí nhanh. Đây các Tỷ-kheo, có bốn đạo hành này.

BÁT TỊNH – 102tc2

1.- Này các Tỷ-kheo, có bốn đạo hành này. Thế nào là bốn?

- Đạo hành khổ, thắng trí chậm;
- Đạo hành khổ, thắng trí nhanh;
- Đạo hành lạc, thắng trí chậm;
- Đạo hành lạc, thắng trí nhanh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đạo hành khổ, thắng trí chậm?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống quán bất tịnh trên thân, với tướng nhằm chán đối với các món ăn, với tướng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới, quán vô thường đối với tất cả hành, với tướng, chết, khéo an trú nội tâm.
- Vị ấy sống y cứ trên năm hữu học lực, tức là tín lực, tâm lực, quý lực, tấn lực, tuệ lực. Với vị ấy, năm căn này hiện ra rất mềm yếu, tức là tín căn ... tuệ căn. Vị ấy, do năm căn này hiện ra rất mềm yếu, đạt được Vô gián định một cách chậm chạp để đoạn diệt các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành khổ, thắng trí chậm.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đạo hành khổ, thắng trí nhanh?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống quán bất tịnh trên thân, với tướng nhằm chán đối với các món ăn, với tướng không hoan hỷ đối với tất cả

thế giới, quán vô thường đối với tất cả hành, với tướng, chết, khéo an trú nội tâm.

- Vị ấy sống y cứ trên năm hữu học lực, tức là tín lực ... tuệ lực. Với vị ấy, năm căn này hiện khởi rất dồi dào, tức là tín căn ... tuệ căn. Vị ấy, do năm căn này hiện ra rất dồi dào, chứng được Vô gián định một cách nhanh chóng để đoạn diệt các lậu hoặc. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành khổ, thắng trí nhanh.

4. Đây các Tỷ-kheo, thế nào là đạo hành lạc, thắng trí chậm?

Ở đây, đây các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly pháp bất thiện ... chứng và trú **Thiền thứ nhất**; làm cho tịnh chỉ tâm và tứ ... chứng và trú Thiền thứ hai; ly hỷ trú xả ... chứng và trú Thiền thứ ba ... xả lạc, xả khổ, chấm dứt khổ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Vị ấy sống y cứ trên năm hữu học lực, tức là tín lực ... tuệ lực. Với vị ấy, năm căn này hiện khởi rất mềm yếu, tức là tín căn ... tuệ căn. Vị ấy, do năm căn mềm yếu này, đạt được **Vô gián định** một cách chậm chạp để đoạn diệt các lậu hoặc. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành lạc, thắng trí chậm.

5. Nay các Tỷ-kheo, thế nào là đạo hành lạc, thắng trí nhanh?

Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly pháp bất thiện ... chúng và trú **Thiền thứ nhất** ... chúng và trú Thiền thứ hai ... chúng và trú Thiền thứ ba ... chúng và trú Thiền thứ tư ... Vị ấy sống y cứ trên năm hữu học lực này, tức là tín lực ... tuệ lực.

Với vị ấy, năm căn này hiện khởi rất dồi dào, tức là tín căn ... tuệ căn. Do năm căn mềm rất dồi dào này, vị ấy chứng đạt **Vô gián định** một cách nhanh chóng để đoạn diệt các lậu hoặc. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành lạc, thắng trí nhanh.

Nay các Tỷ-kheo, có bốn đạo hành này.

71 Khóc là sức mạnh của con nít - Kinh SỨC MẠNH 1 – Tăng III, 587

SỨC MẠNH 1 – Tăng III, 587

1.- Này các Tỷ-kheo, có tám sức mạnh này. Thế nào là tám?

2. Này các Tỷ-kheo,

- Sức mạnh của con nít là khóc.
- Sức mạnh của con đàn bà là phấn nộ.
- Sức mạnh của người ăn trộm là vũ khí.
- Sức mạnh của các vua chúa là uy quyền.
- Sức mạnh của kẻ ngu là áp đảo.
- Sức mạnh của bậc Hiền trí là cảm hóa.
- Sức mạnh của vị nghe nhiều là thẩm sát.
- Sức mạnh của Sa-môn, Bà-la-môn là nhẫn nhục.

Này các Tỷ-kheo, đây là tám sức mạnh.

72 Khói đen bay tìm thức của Tỷ kheo - Kinh Godhika – Tương I, 267

Godhika – Tương I, 267

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Rājagaha, Veluvana, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Godhika trú ở sườn núi Isigili, tại Kàlasilā.

3) Rồi **Tôn giả Godhika** sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, chứng được nhất thời tâm giải thoát. Rồi Tôn giả Godhika **lại thối thất** nhất thời tâm giải thoát ấy.

4) Lần thứ hai, Tôn giả Godhika sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần và chứng được nhất thời tâm giải thoát. Và lần thứ hai, Tôn giả Godhika lại thối thất nhất thời tâm giải thoát ấy.

5) Lần thứ ba, Tôn giả Godhika sống... tâm giải thoát ấy.

6) Lần thứ tư, Tôn giả Godhika sống... tâm giải thoát ấy.

7) Lần thứ năm, Tôn giả Godhika sống... tâm giải thoát ấy.

8) Lần thứ sáu, Tôn giả Godhika sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, chứng được nhất thời tâm giải thoát. Lần thứ sáu, Tôn giả Godhika cũng thối thất nhất thời tâm giải thoát ấy.

9) *Lần thứ bảy, Tôn giả Godhika sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, **chứng được** nhất thời tâm giải thoát.*

10) *Rồi Tôn giả Godhika suy nghĩ: "Cho đến lần thứ sáu, ta bị thối thất nhất thời tâm giải thoát. **Vậy nay ta hãy đem lại con dao**".*

11) Rồi **Ác ma** biết được tâm tư của Tôn giả Godhika, liền đi đến Thế Tôn; sau khi đến nói lên bài kệ với Thế Tôn:

*Ôi, bậc Đại Anh hùng!
Ôi, bậc Đại Trí tuệ!
Ngài chói sáng hào quang,
Thần lực và danh xưng.
Ngài vượt qua tất cả,
Mọi sân hận hãi hùng.
Con chân thành đánh lễ,
Dưới chân bậc Pháp nhãn.*

*Ôi, bậc Đại Anh hùng!
Bậc Chinh phục tử thần!
Đệ tử Ngài muốn chết,
Đang suy nghĩ đến chết.
Ôi, bậc Chối Hào quang!
Hãy ngăn chặn vị ấy.
Làm sao, bậc Thế Tôn,
Vị đệ tử của Ngài,
Hoan hỷ trong giáo lý,
Lại không chứng hữu học,
Còn muốn đoạt mạng sống?
Ôi, danh vọng thế gian!*

12) Lúc bấy giờ, Tôn giả Godhika đã đem lại và sử dụng con dao.

13) Rồi Thế Tôn được biết: "Đây là Ác ma", liền nói lên bài kệ với Ác ma:

*Như vậy là sở hành,
Của bậc Đại Anh hùng,
Không còn nuôi ước vọng
Tạo thêm dòng sinh mạng,
Đoạn tận ái, ái căn,
Godhika nhập diệt.*

14) Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, chúng ta hãy đi đến sườn núi Isigili, Kàlasilà, tại chỗ thiện nam tử Godhika đã đem lại và sử dụng con dao.

15) - Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

16) Rồi Thế Tôn cùng với một số đông Tỷ-kheo đi đến sườn núi Isigili, Kàlasilà, và Thế Tôn thấy từ đằng xa, Tôn giả Godhika đang nằm trên giường, với hai vai mở rộng (bị thương hay co quắp lại).

17) Lúc bấy giờ **một làn khói đen tối đi về phía Đông**, đi về phía Tây, đi về phía Bắc, đi về phía Nam, đi về phía Trên, đi về phía Dưới.

18) Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, các Ông có thấy làn khói đen tối ấy đi về phía Đông, đi về phía Tây, đi về phía Bắc, đi về phía Nam, đi về phía Trên, đi về phía Dưới không?

- Bạch Thế Tôn, chúng con có thấy như vậy.

19) Nay các Tỷ-kheo, **đó là Ác ma đang đi theo dõi thức của thiện nam tử Godhika: "Thức của thiện nam tử Godhika được an trú ở đâu?". Và nay các Tỷ-kheo,**

thiện nam tử Godhika đã nhập diệt, với thức không an trú ở đâu cả.

20) Rồi **Ác ma** tay cầm đòn thất huyền cầm màu **vàng**, đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên bài kệ:

*Trên, dưới và bề ngang,
Bốn phương, các phương giữa,
Ta tìm, nhưng không gặp,
Godhika đi đâu.*

(Thế Tôn):

*21) **Vị Anh hùng kiên chí,**
Thường Thiền lạc, Thiền tư,
Ngày đêm đầy nhiệt tình,
Nhưng sự sống, không tham,
Chiến thắng quân thần chết,
Tái sanh không đi đến,
Chinh phục **ái, ái căn,**
Godhika nhập diệt.*

*22) Còn kẻ bị sâu muộn,
Từ nách rơi huyền cầm,
Dạ-xoa bị thất vọng,
Liên biến mất tại chỗ.*

73 Khói đen bay tìm thức của Tỷ kheo - Kinh Vakkàli – Tương III, 216

Vakkàli – Tương III, 216

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Vakkali trú tại nhà một thợ gốm, đang bị bệnh, đau đốn, trầm trọng.

3) Rồi Tôn giả Vakkali gọi những người thị giả:

- Đến đây, các Hiền giả! Hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nhân danh ta cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và thưa: "Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Vakkali bị bệnh, đau đốn, trầm trọng; (Vakkali) cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và thưa: 'Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn vì lòng từ mẫn hãy đi đến Tỷ-kheo Vakkali.'"

4) Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Vakkali, đi đến Thế Tôn; sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống

một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Tỷ-kheo Vakkali, bạch Thế Tôn, bị bệnh, đau đốn trầm trọng. Vì ấy cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và có thưa như sau: "Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn vì lòng từ mẫn hãy đi đến Tỷ-kheo Vakkali".

5) Thế Tôn im lặng nhận lời.

6) Rồi Thế Tôn đắp y, cầm y bát, đi đến Tỷ-kheo Vakkali.

7) Tôn giả Vakkali thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thấy vậy liền cố gắng từ giường ngồi dậy.

8) Thế Tôn nói với Tôn giả Vakkali:

- Thôi Vakkali, Ông chớ có cố gắng từ giường ngồi dậy. Có chỗ ngồi đã soạn sẵn, Ta sẽ ngồi trên chỗ ngồi ấy.

Rồi Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ ngồi đã soạn sẵn.

9) Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Vakkali:

- Ông có kham nhẫn được không? Ông có chịu đựng được không? Có phải khổ thọ tổn giảm, không tăng

trưởng? Có phải có những dấu hiệu tổn giảm, không phải tăng trưởng?

- Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn! Con không có thể chịu đựng! Khổ thọ kịch liệt tăng trưởng nơi con, không có tổn giảm. Có những dấu hiệu tăng trưởng, không có tổn giảm.

10) *Này Vakkali, Ông có gì **phân vân, hối hận** không?*

- Bạch Thế Tôn, thật sự con có nhiều phân vân, có nhiều hối hận!

11) *Này Vakkali, Ông có gì **tự trách mình về giới luật** không?*

- Bạch Thế Tôn, con không có gì tự trách mình về giới luật.

12) *Này Vakkali, nếu Ông không có gì tự trách mình về giới luật, vậy Ông có gì phân vân, có gì hối hận?*

- Đã từ lâu, bạch Thế Tôn, con muốn đến để được thấy Thế Tôn. Nhưng thân con không đủ sức mạnh để được đến thấy Thế Tôn.

13) *-Thôi vờ rồi, này Vakkali, **có gì đáng thấy** đối với cái thân hôi hám này. Này Vakkali, ai thấy Pháp,*

người ấy thấy Ta. Ai thấy Ta, người ấy thấy Pháp.
Này Vakkali, đang thấy Pháp, là thấy Ta. Đang thấy
Ta, là thấy Pháp.

14) Này Vakkali, Ông nghĩ thế nào, **sắc** là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, là khô hay là lặc?

- Là khô, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi quán cái ấy là: " Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi "?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

- **Thọ... Tưởng... Các hành... Thức** là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường là khô hay lặc?

- Là khô, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi quán cái ấy là: " Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

15-16) - Do thấy vậy, bậc Thánh đệ tử nhàm chán đối với **sắc**... đối với **thọ**... đối với **tưởng**... đối với các **hành**... nhàm chán đối với **thức**. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "***Ta đã được giải thoát***". Vị ấy biết rõ: "***Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa***".

17) Rồi Thế Tôn, sau khi giáo giới cho Tôn giả Vakkali với bài giáo giới này, từ chỗ ngồi đứng dậy và đi đến núi Gijjhakùta (Linh Thứu).

18) Rồi Tôn giả Vakkali, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, liền gọi các thị giả:

- Hãy đến ta, này chư Hiền, hãy nhắc cái giường ta và đi đến tảng đá đen (kàlasilā), tại sườn núi Isigili (hang của Tiên nhân). Làm sao người như ta, lại nghĩ đến mệnh chung trong một căn nhà?

19) -Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Vakkali, nhắc chiếc giường với Tôn giả Vakkali đi đến tảng đá đen, tại sườn núi Isigili.

20) Thế Tôn, đêm ấy và ngày còn lại, trú tại núi Gijjhakùta.

21) Rồi **hai vị Thiên**, trong khi đêm đã gần tàn, với nhan sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng núi Gijjhakùta, đi đến Thế Tôn... liền đứng một bên.

22) Đứng một bên, một vị Thiên bạch Thế Tôn:

- Tỷ-kheo Vakkali, bạch Thế Tôn, đang có ý nghĩ muốn giải thoát.

23) Vị Thiên khác bạch Thế Tôn:

- Vị ấy muốn giải thoát, **chắc chắn được khéo giải thoát.**

24) Chư Thiên ấy nói như vậy xong; sau khi nói vậy, liền đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, rồi biến mất tại chỗ.

25) Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã qua, liền gọi các Tỷ-kheo:

- Hãy đến, này các Tỷ-kheo. Hãy đi đến Tỷ-kheo Vakkali; sau khi đến, nói với Tỷ-kheo Vakkali như sau: "Này Hiền giả Vakkali, hãy nghe lời nói của hai vị Thiên nói với Thế Tôn. Này Hiền giả, đêm nay, hai vị Thiên, sau khi đêm đã gần tàn, với nhan sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Gijjhakùta, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, này Hiền giả, một vị Thiên bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Vakkali đang có ý nghĩ muốn giải thoát". Vị Thiên khác bạch Thế Tôn: "Vị ấy muốn giải thoát, chắc chắn được khéo giải thoát". Và Hiền giả Vakkali, Thế Tôn nói với Hiền giả như sau: "Này Vakkali, chớ có sợ! Này Vakkali, chớ có sợ! **Cái chết của Ông sẽ không phải là ác hạnh, sự mệnh chung không phải ác hạnh!**"

26) -Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến Tôn giả Vakkali; sau khi đến, thưa với Tôn giả Vakkali:

- Này Hiền giả Vakkali, hãy nghe lời nói của Thế Tôn và hai vị Thiên.

27) Rồi Tôn giả Vakkali gọi các vị thị giả:

- Hãy đến, này chư Hiền! Hãy nhắc tôi ra khỏi giường. Làm sao một người như tôi, có thể nghỉ ngơi trên chỗ ngồi cao để nghe Thế Tôn giảng dạy.

28) -Thưa vâng, này Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Vakkali, nhắc Tôn giả Vakkali ra khỏi giường.

29) - Này Hiền giả, đêm nay, hai vị Thiên, sau khi đêm đã gần tàn... đứng một bên. Đứng một bên, này Hiền giả, một vị Thiên bạch Thế Tôn: "Tỷ-kheo Vakkali, bạch Thế Tôn, đang nghĩ đến tự giải thoát". Vị Thiên kia bạch Thế Tôn: "Vị ấy, bạch Thế Tôn, muốn giải thoát sẽ được khéo giải thoát". Và Thế Tôn, này Hiền giả Vakkali, nói với Hiền giả như sau: "Chớ có sợ, này Vakkali! Chớ có sợ, này Vakkali! Cái chết của Ông không phải là ác hạnh, sự mệnh chung không phải là ác hạnh!"

30) - Vậy này chư Hiền, hãy nhân danh ta cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và thưa: "Tỷ-kheo Vakkali, bạch Thế Tôn, bị bệnh, đau đớn, bệnh trầm trọng! Vị ấy cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, và nói như sau: "Sắc là vô thường, bạch Thế Tôn. Con không có ngờ gì vấn đề này, bạch Thế Tôn! Cái gì vô thường là khổ, con không có nghi ngờ gì vấn đề này. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, ở đây con không có

lòng dục, lòng tham, lòng ái. Con không có nghi ngờ gì vấn đề này. **Thọ** là vô thường, bạch Thế Tôn, con không có nghi ngờ gì vấn đề này. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, ở đây con không có lòng dục, lòng tham, lòng ái. Con không có nghi ngờ gì vấn đề này. **Tưởng** là vô thường... Các **hành** là vô thường... **Thức** là vô thường, bạch Thế Tôn, con không có nghi ngờ gì về vấn đề này. Cái gì vô thường là khổ, con không có nghi ngờ gì vấn đề này. Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, ở đây con không có lòng dục, lòng tham, lòng ái. **Con không có nghi ngờ gì về vấn đề này."**

31) -Thưa vâng, này Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Vakkali rồi ra đi.

32) **Tôn giả Vakkali, khi các Tỷ-kheo ấy đi không bao lâu liền đem lại con dao.**

33) Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Tỷ-kheo Vakkali, bạch Thế Tôn, bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh. Vì ấy cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, và nói như sau: "Sắc là vô thường, bạch Thế Tôn, con không có nghi ngờ gì về vấn đề này. Cái gì vô

thường là khô, con không có nghi ngờ gì về vấn đề này. Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, ở đây con không có lòng dục, lòng tham, lòng ái. Con không có nghi ngờ gì về vấn đề này. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức là vô thường, bạch Thế Tôn, con không có nghi ngờ gì về vấn đề này. Cái gì vô thường là khô, con không có nghi ngờ gì về vấn đề này. Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, ở đây con không có lòng dục, lòng tham, lòng ái. Con không có nghi ngờ gì về vấn đề này".

34) Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, chúng ta hãy đi đến Isigili, chỗ tảng đá đen. Ở đây, Thiện gia nam tử đem lại con dao.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

35) Thế Tôn cùng với số đông Tỷ-kheo đi đến Isigili, chỗ tảng đá đen.

36) Và ở đằng xa, Thế Tôn thấy Tôn giả Vakkali nằm trên giường, với vai co quắp lại.

37) Lúc bấy giờ, **một đám khói đen, một luồng ám khí đi về phía Đông, đi về phía Tây, đi về phía Bắc,**

đi về phía Nam, đi về phía trên, đi về phía dưới, đi về phía bốn góc.

38) Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, các Ông có thấy đám khói đen ấy, luồng ám khí ấy đi về phía Đông... đi về phía bốn góc không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

39) - Đó là Ác ma, này các Tỷ-kheo, đang đi tìm **thức** của Thiện nam tử Vakkali và nói: "**Thức** của Thiện nam tử Vakkali an trú tại chỗ nào?"

40) **Nhưng này các Tỷ-kheo, với thức không an trú tại một chỗ nào, Thiện nam tử Vakkali đã nhập Niết-bàn một cách hoàn toàn!**

74 Khôn khéo - 5 thiện xảo - Kinh ĐUA ĐẾN BIẾT – Tăng II, 633

ĐUA ĐẾN BIẾT – *Tăng II, 633*

1. Rồi Tôn giả Ànanda đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sàriputta những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ànanda thưa với Tôn giả Sàriputta:

2. - Cho đến như thế nào, thưa Hiền giả Sàriputta, Tỷ-kheo mau chóng đi đến hiểu biết đối với thiện pháp, sự nắm giữ của vị ấy là khéo nắm giữ, nắm giữ nhiều và không quên điều đã nắm giữ?

- Tôn giả Ànanda là vị nghe nhiều, mong Tôn giả Ànanda hãy nói lên.

- Vậy thưa Hiền giả Sàriputta, hãy khéo tác ý, tôi sẽ nói.

- Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Sàriputta vâng đáp Tôn giả Ànanda. Tôn giả Ànanda nói như sau:

3. Ở đây, thưa Hiền giả Sàriputta, có Tỷ-kheo thiện xảo về ý nghĩa, thiện xảo về pháp, thiện xảo về văn cú, thiện xảo về địa phương ngữ, thiện xảo về liên hệ trước sau. Cho đến như vậy, thưa Hiền giả Sàriputta, Tỷ-kheo mau chóng đi đến hiểu biết đối với các thiện pháp, sự nắm giữ của vị ấy là khéo nắm giữ, nắm giữ nhiều, và không quên điều đã nắm giữ.

- Thật là vi diệu, thưa Hiền giả! Thật là hy hữu, thưa Hiền giả! Khó nói thay, điều này được Tôn giả Ànanda nói lên. Chúng tôi tin rằng Tôn giả Ànanda thành tựu năm pháp này. Tôn giả Ànanda thiện xảo về nghĩa, thiện xảo về pháp, thiện xảo về văn cú, thiện xảo về địa phương ngữ, thiện xảo về liên hệ trước sau.

75 Khôn ngu - Con đường đưa đến khôn hay ngu - Kinh TIỂU NGHIỆP PHÂN BIỆT – 135 Trung III, 473

KINH TIỂU NGHIỆP PHÂN BIỆT (**Culakammavibhanga sutttam**)

– Bài kinh số 135 – Trung III, 473

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ) Jetavana (Kỳ-đà-lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Rồi thanh niên Subha Todeyyaputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thanh niên Subha Todeyyaputta bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì giữa loài Người với nhau, khi họ là loài Người, lại thấy có người liệt, có người ưu?

Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi thấy có người đoản thọ, có người trường thọ; chúng tôi thấy có

người hiều bệnh, có người ít bệnh; chúng tôi thấy có người xấu sắc, có người đẹp sắc; chúng tôi thấy có người quyền thế nhỏ, có người quyền thế lớn; chúng tôi thấy có người tài sản nhỏ, có người tài sản lớn; chúng tôi thấy có người thuộc gia đình hạ liệt, có người thuộc gia đình cao quý; chúng tôi thấy có người trí tuệ yếu kém, có người có đầy đủ trí tuệ.

Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì, giữa loài Người với nhau, khi họ là loài Người, lại thấy có người liệt, có người ưu?

– Đây Thanh niên, các loài hữu tình là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa, nghiệp phân chia các loài hữu tình; nghĩa là có liệt, có ưu.

– Tôi không hiểu nghĩa một cách rộng rãi điều mà Tôn giả Gotama nói một cách vắn tắt, không có giải nghĩa rộng rãi. Lành thay nếu Tôn giả Gotama thuyết pháp cho tôi để tôi có thể hiểu nghĩa một cách rộng rãi điều mà Tôn giả Gotama nói một cách vắn tắt, không có giải nghĩa rộng rãi.

– Vậy này Thanh niên, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói:

– Thừa vâng, Tôn giả.

Thanh niên Subha Todeyyaputta vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, sát sanh, tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đả thương, tâm không từ bi đối với các loại chúng sanh. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, nếu được đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy phải đoản mạng. Con đường ấy đưa đến đoản mạng, này Thanh niên, tức là sát sanh, tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đả thương, tâm không từ bi đối với các loài hữu tình.

Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay đàn ông, từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời. Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào

thiện thú, Thiên giới, ở đời, nếu người ấy đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy được trường thọ. Con đường ấy đưa đến trường thọ, này Thanh niên, tức là từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình.

Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, **tánh hay não hại các loài hữu tình, với tay, hay với cục đất, hay với cây gậy, hay với cây đao**. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, nếu người ấy đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy phải bị nhiều bệnh hoạn. Con đường ấy đưa đến nhiều bệnh hoạn, này Thanh niên, tức là tánh hay não hại các loài hữu tình với tay, hay với cục đất, hay với cây gậy, hay với cây đao.

Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, **tánh không hay não hại** các loài hữu tình, với tay, hay với cục đất, hay với cây gậy, hay với cây đao. Do nghiệp ấy thành đạt như vậy.. thiện thú... người ấy được ít bệnh hoạn. Con đường

ấy đưa đến ít bệnh hoạn... tánh không nào hại... hay với cây đao.

Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, **phần nộ, nhiều phật ý, bị nói đến một chút thời bất bình, phần nộ**, sân hận, chống đối, và tỏ lộ phần nộ, sân hận, bất mãn. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy... cỗi dũ.. xấu sắc. Con đường ấy đưa đến xấu sắc, này Thanh niên, tức là phần nộ... bất mãn.

Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, **không phần nộ, không nhiều phật ý**, dầu cho bị nói đến nhiều, cũng không bất bình, phần nộ, sân hận, chống đối, và không tỏ lộ phần nộ, sân hận, bất mãn. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy.... thiện thú... đẹp sắc (pasadika: hoan hỷ) Con đường ấy đưa đến đẹp sắc, này Thanh niên, tức là không phần nộ... không bất mãn.

Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, **tật đố, đối với người khác được quyền lợi, được tôn trọng, cung kính, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường, sanh tật đố, sanh tâm, ôm ấp tâm tật đố**. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy.. ác thú.. quyền thế nhỏ. Con đường ấy đưa đến quyền thế nhỏ, này thanh niên, tức là tật đố.. ôm ấp tâm tật đố.

Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, **không có tật đố**, đối với những người khác được quyền lợi, được tôn trọng, cung kính, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường, không sanh tật đố, sanh tâm, ôm ấp tâm tật đố. Do nghiệp ấy ... thiện thú ... quyền thế lớn. Con đường ấy đưa đến quyền thế lớn, này Thanh niên, tức là không tật đố ... không ôm ấp tật đố.

Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, **không bố thí cho Sa-môn** hay Bà-la-môn, đồ ăn uống, y phục, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, ngọa cụ, nhà cửa, đèn đuốc. Do nghiệp ấy.. đọa xứ... tài sản nhỏ. Con đường ấy đưa đến tài sản nhỏ... ngọa cụ, nhà cửa, đèn đuốc.

Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông **có bố thí** cho Sa-môn hay cho Bà-la-môn các đồ ăn uống... ngọa cụ, nhà cửa, đèn đuốc. Do nghiệp ấy... thiện thú.. nhiều tài sản. Con đường ấy đưa đến nhiều tài sản ... ngọa cụ, nhà cửa, đèn đuốc.

Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông **ngạo nghễ, kiêu mạn, không đánh lễ những người đáng đánh lễ**, không đứng dậy đối với người đáng đứng dậy, không mời ngồi những người

đáng mời ngồi, không nhường chỗ đi cho những người đáng được nhường chỗ đi, không tôn trọng những người đáng tôn trọng, không cung kính những người đáng cung kính, không cúng dường những người đáng cúng dường. Do nghiệp ấy.. đọa xứ... thuộc gia đình hạ liệt. Con đường ấy đưa đến gia đình hạ liệt.. không cúng dường những người đáng cúng dường.

Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, không có ngạo nghễ quá mạn, đánh lể những người đáng đánh lể... cúng dường những người đáng cúng dường. Do nghiệp ấy.. thiện thú... vào gia đình cao quý. Con đường ấy đưa đến gia đình cao quý.. cúng dường những người đáng cúng dường.

Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi đi đến Sa-môn hay Bà-la-môn, không hỏi: "Thưa Tôn giả, thế nào là thiện? Thế nào là bất thiện?" Thế nào là phạm tội? Thế nào là không phạm tội? Thế nào là cần phải thực hành? Thế nào là không cần phải thực hành? Tôi đã làm gì để phải không lợi ích và đau khổ lâu dài? Hay tôi đã làm gì để được lợi ích và an lạc lâu dài? Do nghiệp ấy... đọa xứ... trí tuệ yếu kém. Con đường ấy đưa đến trí tuệ yếu kém... lợi ích, hạnh phúc lâu dài?"

Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi đến Sa-môn hay Bà-la-môn, **có hỏi**: "Thưa Tôn giả, thế nào là thiện? Thế nào là bất thiện... lợi ích, an lạc lâu dài? Do nghiệp ấy... thiện thú... đầy đủ trí tuệ. Con đường ấy đưa đến đầy đủ trí tuệ.. lợi ích, an lạc lâu dài".

Ở đây, này Thanh niên, con đường đưa đến đoản thọ, dẫn đến đoản thọ; con đường đưa đến trường thọ, dẫn đến trường thọ; con đường đưa đến nhiều bệnh, dẫn đến nhiều bệnh; con đường đưa đến ít bệnh, dẫn đến ít bệnh; con đường đưa đến xấu sắc, dẫn đến xấu sắc; con đường đưa đến đẹp sắc, dẫn đến đẹp sắc; con đường đưa đến quyền thế nhỏ, dẫn đến quyền thế nhỏ; con đường đưa đến quyền thế lớn, dẫn đến quyền thế lớn; con đường đưa đến tài sản nhỏ, dẫn đến tài sản nhỏ; con đường đưa đến tài sản lớn, dẫn đến tài sản lớn; con đường đưa đến gia đình hạ liệt, dẫn đến gia đình hạ liệt; con đường đưa đến gia đình cao quý, dẫn đến gia đình cao quý, con đường đưa đến trí tuệ yếu kém, dẫn đến trí tuệ yếu kém; con đường đưa đến đầy đủ trí tuệ, dẫn đến trí tuệ đầy đủ.

Này Thanh niên, các loài hữu tình là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm

tự, nghiệp phân chia các loài hữu tình; nghĩa là có liệt, có ưu.

Khi nghe nói vậy, thanh niên Subha Todeyyaputta nói với Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Thừa Tôn giả Gotama, ví như có người dựng đứng.. có thể thấy sắc. Cũng vậy, (Chánh) pháp được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

76 Không - Chứng đạt nội không - Kinh ĐẠI KHÔNG – 122 Trung III, 301

KINH ĐẠI KHÔNG (Mahasunnata sutam)

– Bài kinh số 122 – Trung III, 301

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú giữa các dòng họ Sakka (Thích-ca), tại Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), ở tu viện Nigrodha (Ni-câu-luật Thọ Viên). Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Kapilavatthu để khát thực. Sau khi đi khát thực ở Kapilavatthu, ăn xong, trên đường đi khát thực trở về, Thế Tôn đi đến trú xứ của Thích-ca Kalakhemaka để ở ban ngày. Lúc bấy giờ, tại tu viện của Thích-ca Kalakhemaka, có sắp đặt rất nhiều sàng tọa. Thế Tôn thấy rất nhiều sàng tọa tại trú xứ của Thích-ca Kalakhemaka, thấy vậy Thế Tôn suy nghĩ: "Rất nhiều sàng tọa được sắp đặt tại tu viện của Thích-ca Kalakhemaka. Không biết ở đây có rất nhiều Tỷ-kheo ở không?"

Lúc bấy giờ Tôn giả Ananda cùng với rất nhiều vị Tỷ-kheo đang làm y (civarakamma) ở trú xứ của

Thích-ca Ghataya.

Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ Thiên tịnh độ cư đứng dậy, đi đến trú xứ của Thích-ca Ghataya, sau khi đến liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn bảo Tôn giả Ananda:

– Nay Ananda, có rất nhiều sàng tọa được sắp đặt tại trú xứ của Thích-ca Kalakhemaka. Không biết có nhiều Tỷ-kheo trú ở đây không.

– Bạch Thế Tôn, có rất nhiều sàng tọa được sắp đặt ở trú xứ của Thích-ca Kalakhemaka; có rất nhiều Tỷ-kheo trú tại chỗ ấy. Bạch Thế Tôn, nay là thời chúng con làm y.

→ Nay Ananda, một Tỷ-kheo không chói sáng nếu thích thú trong hội chúng của mình, nếu hân hoan trong hội chúng của mình, nếu hoan hỷ trong hội chúng của mình, nếu thích thú trong hội chúng của người, nếu hân hoan trong hội chúng của người, nếu hoan hỷ trong hội chúng của người.

→ Nay Ananda, nếu Tỷ-kheo nào thích thú trong hội chúng của mình, hân hoan trong hội chúng của mình, hoan hỷ trong hội chúng của mình, thích thú trong hội chúng của người, hân hoan

trong hội chúng của người, hoan hỷ trong hội chúng của người, có thể là một vị chứng đắc tùy theo ý muốn, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, viễn ly lạc, độc cư lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc; sự kiện như vậy không xảy ra.

→ Nhưng này Ananda, Tỷ-kheo nào sống một mình, xa lánh tụ hội, thời vị ấy có hy vọng chứng đắc tùy theo ý muốn, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, viễn ly lạc, độc cư lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc; sự kiện như vậy có thể xảy ra.

→ Này Ananda, nếu Tỷ-kheo nào thích thú trong hội chúng của mình, hân hoan trong hội chúng của mình, hoan hỷ trong hội chúng của mình, thích thú trong hội chúng của người, hân hoan trong hội chúng của người, hoan hỷ trong hội chúng của người sẽ chứng đắc và an trú với tâm giải thoát có hạn kỳ và thoải mái hay không có hạn kỳ và bất động; sự kiện như vậy không xảy ra.

→ Nhưng này Ananda, Tỷ-kheo nào sống một mình, xa lánh tụ hội, thời vị ấy có hy vọng sẽ chứng đắc và an trú với tâm giải thoát có hạn

kỳ và thoái mái, hay không có hạn kỳ và bất động; sự kiện như vậy có xảy ra.

→ **Này Ananda, Ta không quán thấy một sắc pháp nào trong ấy có hoan hỷ, trong ấy có hoan lạc, chịu sự biến dịch, chịu sự đổi khác mà không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.**

→ Nhưng sự (an) trú này, này Ananda, đã được Như Lai hoàn toàn giác ngộ, tức là sau khi không tác ý với tất cả tướng, chứng đắc và (an) trú nội không. Và nếu, này Ananda, trong khi Như Lai an trú trong an trú này, nếu có những Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, quốc vương, đại thần, ngoại đạo, ngoại đạo đệ tử đến yết kiến, trong khi ấy, này Ananda, Như Lai với tâm hướng đến viễn ly, thiên về viễn ly, nặng về viễn ly, sống độc cư, hoan hỷ trong ly dục, làm cho đoạn tận tất cả các pháp dựa trên các lậu hoặc an trú, nói lên tại chỗ ấy những lời thuần túy liên hệ đến khích lệ.

→ **Do vậy, này Ananda, nếu Tỷ-kheo ước vọng: "Sau khi chứng đạt nội không, ta sẽ an trú", vị Tỷ-kheo ấy, này Ananda, cần phải an chỉ, an tọa, chuyên nhất và an định nội tâm.**

❖ *Và này Ananda, như thế nào Tỷ-kheo an chỉ, an*

tọa, chuyên nhất và an định nội tâm?

Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Sơ thiền, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tứ. Diệt tâm và tứ, chứng và trú Nhị thiền, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm, không tứ, nội tĩnh nhứt tâm... Tam thiền... chứng và trú Tứ thiền. Như vậy, này Ananda, Tỷ-kheo an chỉ, an tọa, chuyên nhất và an định nội tâm.

Vị ấy tác ý nội không. Trong khi **vị ấy tác ý nội không, tâm không thích thú**, không tịnh tín, không an trú, không hướng đến nội không. Sự kiện là như vậy, này Ananda, Tỷ-kheo biết như sau: "Trong khi ta tác ý nội không, tâm không thích thú, không tịnh tín, không an trú, không hướng đến nội không". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Vị ấy tác ý ngoại không. Vị ấy tác ý nội ngoại không. Vị ấy tác ý bất động. Trong khi **vị ấy tác ý bất động thời tâm không thích thú**, không tịnh tín, không an trú, không hướng đến bất động". Sự kiện là như vậy, này Ananda, Tỷ-kheo biết như sau: "Trong khi ta tác ý bất động, tâm không thích thú, không tịnh tín, không an trú, không hướng đến bất động". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy. Này Ananda, Tỷ-kheo

ấy cần phải an trú, an tọa, chuyên nhất, và an định nội tâm trên định tướng (samadhinimitte) đã đề cập về trước ấy.

Vị ấy tác ý nội không. Trong khi vị ấy **tác ý nội không, tâm thích thú**, tịnh tín, an trú, hướng đến nội không. Sự kiện là như vậy, này Ananda, Tỷ-kheo biết như sau: "Trong khi ta tác ý nội không, tâm thích thú, tịnh tín, an trú, hướng đến nội không". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Vị ấy tác ý ngoại không. Vị ấy tác ý nội ngoại không. Vị ấy tác ý bất động. Trong khi vị ấy **tác ý bất động, tâm thích thú**, tịnh tín, an trú hướng đến bất động. Sự kiện là như vậy, này Ananda, vị Tỷ-kheo biết như sau: "Trong khi ta tác ý bất động, tâm thích thú, tịnh tín, an trú, hướng đến bất động". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, nếu Tỷ-kheo ấy đang an trú trong an trú này, tâm vị ấy hướng đến đi kinh hành, vị ấy đi kinh hành (cankamati), và nghĩ rằng: **"Trong khi ta đang đi kinh hành, thời tham và ưu, các ác bất thiện pháp không có chảy vào"**. Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, nếu Tỷ-kheo đang an trú trong an trú này, tâm vị ấy hướng đến đứng lại, vị ấy đứng lại

và nghĩ rằng: "*Trong khi ta **đang đứng** lại, thời tham và u, các ác bất thiện pháp không có chảy vào*". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, nếu trong khi Tỷ-kheo ấy an trú trong sự an trú này, tâm vị ấy hướng đến ngò, vị ấy ngò và nghĩ rằng: "*Trong khi ta **đang ngò**, tham và u, các ác bất thiện pháp không có chảy vào*". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, nếu trong khi Tỷ-kheo ấy an trú trong sự an trú này, tâm vị ấy hướng đến nằm, vị ấy nằm và nghĩ rằng: "*Trong khi ta **đang nằm**, thời tham và u, các ác bất thiện pháp không chảy vào*". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, nếu trong khi Tỷ-kheo ấy an trú trong sự an trú này, **tâm vị ấy hướng đến nói**, vị ấy suy nghĩ như sau: "*Ta sẽ không nói những câu chuyên hạ liệt, đê tiện, thuộc phạm phu*, không thuộc bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến yếm ly, ly dục, đoạn tiết, an tịnh, thắng trí, giác ngộ. Niết-bàn, như quốc vương luận, đạo tặc luận, đại thần luận, quân luận, bố úy luận, chiến tranh luận, thực vật luận, ẩm liệu luận, y phục luận, ngoại cụ luận, hoan man luận, hương liệu luận, thân thích luận, xa thừa luận, thôn luận, thị trấn luận, đô thị

luận, quốc độ luận, nữ luận, anh hùng luận, hạng trung luận, thủy bình xứ luận, tiên linh luận, sai biệt luận, thế giới luận, hải thuyết luận, hữu vô hữu luận. Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy. Nhưng này Ananda, đối với những lời nói nào khắc khổ, khai tâm, đưa đến nhứt hướng yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, như thiểu dục luận, tri túc luận, độc cư luận, bất chúng hội luận, tinh cần luận, giới luận, định luận, tuệ luận, giải thoát luận, giải thoát tri kiến luận, vị ấy nghĩ: "Ta sẽ nói các luận như vậy". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, nếu Tỷ-kheo ấy trong khi an trú với sự an trú này, tâm hướng đến suy tầm (vitakka), vì ấy suy nghĩ: "Đối với những suy tầm hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không thuộc bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, như là dục tầm, sân tầm, hại tầm, ta sẽ không suy nghĩ các loại suy tầm ấy". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Nhưng này Ananda, đối với những suy tầm này, thuộc bậc Thánh, có khả năng cầu tiến, hướng dẫn (người suy nghĩ các suy tầm ấy) đến sự đoạn trừ hoàn toàn đau khổ, như là ly dục tầm, vô sân tầm, bất hại

tâm, vị ấy nghĩ: "Ta sẽ suy tư các loại suy tâm này". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

❖ **Này Ananda, có năm dục trưởng dưỡng này.**
Thế nào là năm?

— Các sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức; các hương do mũi nhận thức; các vị do lưỡi nhận thức; các xúc do thân nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này Ananda, có năm dục trưởng dưỡng này. Từ đây Tỷ-kheo cần phải thường quán sát tự tâm như sau: **"Trong tâm ta, có khởi lên tâm hành gì với xứ (ayatana) này hay xứ khác của năm dục trưởng dưỡng?"**.

➔ Này Ananda, nếu Tỷ-kheo trong khi quán sát như vậy, tuệ tri rằng: **"Trong tâm ta, có khởi lên tâm hành với xứ này hay xứ khác của năm dục trưởng dưỡng"**. Sự kiện là như vậy, Tỷ-kheo tuệ tri như sau: **"Dục ái (chandaraga) này đối với năm dục trưởng dưỡng đối với ta, chưa đoạn diệt được"**. Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

➔ Nay Ananda, nếu Tỷ-kheo trong khi quán sát như vậy, tuệ tri rằng: "*Trong tâm ta, **không có** khởi lên tâm hành với xứ này hay xứ khác của năm dục trưởng dưỡng*". Sự kiện là như vậy, Tỷ-kheo tuệ tri như sau: "*Dục tham này đối với năm dục trưởng dưỡng đối với ta, đã được đoạn diệt*". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

❖ **Này Ananda, có năm thủ uẩn.**

– Ở đây, Tỷ-kheo cần phải đoạn tận chúng, khi vi ấy tùy quán sự sanh diệt. Đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự đoạn diệt của sắc. Đây là thọ, đây là sự tập khởi của thọ, đây là sự đoạn diệt của thọ. Đây là tưởng... Đây là hành... Đây là thức, đây là sự tập khởi của thức, đây là sự đoạn diệt của thức.

➔ Trong khi vị ấy an trú, tùy quán sự sanh diệt của năm thủ uẩn này, **nếu có ngã mạn nào (asmimmano) (khởi lên) đối với năm thủ uẩn, ngã mạn ấy được đoạn tận**. Sự kiện là như vậy, nay Ananda, Tỷ-kheo tuệ tri như sau: "*Phàm có ngã mạn nào đối với năm thủ uẩn (khởi lên) nơi ta, ta đã đoạn tận ngã mạn ấy*". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy. Những pháp này, nay Ananda, thuần nhất liên hệ đến thiện, đều

thuộc hiền, Thánh, siêu thế, vượt ngoài tầm của ác ma.

– Nay Ananda, Ông nghĩ thế nào? Vì thấy lý do gì, một Thanh văn Đề tử tự nghĩ là xứng đáng (hợp lý) để đi theo một Đạo sư đầu cho bị hất hủi?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp dựa Thế Tôn làm căn bản, hướng Thế Tôn làm lãnh đạo, nương tựa Thế Tôn làm y cứ. Bạch Thế Tôn, tốt lành thay nếu Thế Tôn thuyết giảng cho ý nghĩa này. Sau khi được nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ hành trì.

– Nay Ananda, thật không xứng đáng cho một đệ tử bám sát theo vị đạo sư, nếu vì lý do được nghe giải thích khế kinh và phúng tụng. Vì có sao? Trong một thời gian lâu dài, các pháp đã được các Ông nghe, thọ trì, đọc lớn tiếng, suy tư với ý, khéo thấu hiểu với chánh trí. Nhưng nay Ananda, đối với những lời nói nào, khắc khổ, khai tâm đưa đến nhất hướng viễn ly, ly tham, đoạn diệt an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn như là thiếu dục luận, tri túc luận, độc cư luận, bất chúng hội luận, tinh cần luận, giới luận, định luận, tuệ luận, giải thoát luận, giải thoát tri kiến luận. Nay Ananda, do nhân duyên những loại thuyết luận như vậy, thật xứng đáng cho một Thanh văn đệ tử bám sát vị Đạo sư đầu cho bị hất hủi. Sự

kiện là như vậy, này Ananda, thời có sự phiền lụy (upaddava) cho vị Đạo sư; sự kiện là như vậy, thời có sự phiền lụy do đệ tử; sự kiện là như vậy, thời có sự phiền lụy cho các vị tu Phạm hạnh.

Và này Ananda, như thế nào là sự phiền lụy cho vị Đạo sư? Ở đây, này Ananda, có Đạo sư lựa một trú xứ (senasanam) xa vắng trong rừng, dưới gốc cây, trên sườn núi, chỗ hoang vu, trong hang núi, tại bãi tha ma, tại khu rừng, ngoài trời hay trên một đồng rơm. Trong khi vị ấy sống viễn ly như vậy, các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh. Được các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh, vị ấy khởi lên nhiễm tâm, rơi vào dục vọng, khởi lên tham ái, trở lui lại đời sống sung túc. Như vậy, này Ananda, được gọi là sự phiền lụy của Đạo sư. Vì sự phiền lụy của Đạo sư, các ác bất thiện pháp, tạp nhiễm, dẫn đến tái sanh, đáng sợ hãi, đưa đến khổ quả dẫn đến sanh, già, chết trong tương lai, các pháp ấy tấn công vị ấy. Như vậy, này Ananda, là sự phiền lụy của Đạo sư.

Này Ananda, thế nào là sự phiền lụy của đệ tử? Này Ananda, đệ tử của một Đạo sư, bắt chước đời sống viễn ly của Đạo sư mình, lựa một trú xứ xa vắng, trong rừng, dưới gốc cây, trên sườn núi, chỗ hoang vu, trong hang núi, tại bãi tha ma, tại khu rừng,

ngoài trời hay trên một đồng rơm. Trong khi vị ấy sống viễn ly như vậy, các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân với quốc dân bao vây xung quanh. Được các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh, vị ấy khởi lên niềm tâm, rơi vào dục vọng, khởi lên tham ái, trở lui lại đời sống sung túc. Như vậy, này Ananda, được gọi là sự phiền lụy của đệ tử. Vì sự phiền lụy của đệ tử, các ác bất thiện pháp, tạp nhiễm, dẫn đến tái sanh, đáng sợ hãi, đưa đến khổ quả, dẫn đến sanh, già, chết trong tương lai; các pháp ấy tấn công vị ấy. Như vậy, này Ananda, là sự phiền lụy của đệ tử.

Và này Ananda, như thế nào là sự phiền lụy của các vị tu Phạm hạnh? Ở đây, này Ananda, Như Lai xuất hiện ở đời, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài lựa một trú xứ xa vắng, trong rừng, dưới gốc cây, trên sườn núi, chỗ hoang vu, trong hang núi, tại bãi tha ma, tại khu rừng, ngoài trời hay trên một đồng rơm. Trong khi Ngài sống viễn ly như vậy, các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh. Được các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh, Ngài không khởi lên niềm tâm, không rơi vào dục vọng, không khởi lên tham ái, không trở lui

lại đời sống sung túc.

Nhưng này Ananda, vị đệ tử của bậc Đạo sư chủ tâm theo (hạnh) viễn ly của bậc Đạo sư, bắt chước (theo hạnh ấy) lựa một trú xứ xa vắng, trong rừng, dưới gốc cây, trên sườn núi, chỗ hoang vu, trong hang núi, tại bãi tha ma, tại khu rừng, ngoài trời, trên một đồng rơm. Trong khi vị ấy sống viễn ly như vậy, các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh. Được các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh, vị ấy khởi lên niềm tâm, rơi vào dục vọng, khởi lên tham ái, trở lại đời sống sung túc. Như vậy, này Ananda, được gọi là sự phiền lụy của các vị tu Phạm hạnh. Vì sự phiền lụy của Phạm hạnh, các ác bất thiện pháp, tập nhiễm, dẫn đến tái sanh đáng sợ hãi, đưa đến khổ quả, dẫn đến sanh, già, chết trong tương lai, các pháp ấy tấn công vị ấy. *Như vậy, này Ananda, là sự phiền lụy của các vị tu Phạm hạnh.*

Nhưng này Ananda, sự phiền lụy của các vị tu Phạm hạnh là nhiều quả khổ hơn, nhiều quả não hơn đối với phiền lụy của Đạo sư này và phiền lụy của đệ tử này, hơn nữa nó dẫn đến đọa lạc.

❖ **Do vậy, này Ananda, hãy đối xử với Ta, với tâm thân hữu, không với tâm thù nghịch, và như**

vậy các Ông sẽ được hạnh phúc an lạc lâu dài.

Và như thế nào là các đệ tử đối xử với Đạo sư với tâm thù nghịch, không với tâm thân hữu? Ở đây, này Ananda, vị Đạo sư ấy với lòng từ mẫn thuyết pháp cho các đệ tử, mong cầu hạnh phúc cho họ, vì lòng từ mẫn nói rằng: "Đây là hạnh phúc cho các Ông, đây là an lạc cho các Ông". Nhưng các đệ tử của vị ấy không chịu nghe theo, không chịu lắng tai, chú tâm vào hướng khác (annan), ngược lại, họ đi xa lời giảng dạy của vị Đạo sư. Như vậy, này Ananda, là các đệ tử đối xử với bậc Đạo sư, với tâm thù nghịch, không với tâm thân hữu.

Và như thế nào, này Ananda, là các đệ tử đối xử với bậc Đạo sư, với tâm thân hữu, không với tâm thù nghịch? Ở đây, này Ananda, vị Đạo sư với lòng từ mẫn thuyết pháp cho các đệ tử, tìm cầu hạnh phúc cho họ, vì lòng từ mẫn nói rằng: "Đây là hạnh phúc cho các Ông, đây là an lạc cho các Ông". Các đệ tử của vị ấy chịu nghe theo, chịu lắng tai, không chú tâm vào hướng khác, và không ngược lại đi xa lời dạy của bậc Đạo sư. Như vậy, này Ananda, là các đệ tử đối xử với bậc Đạo sư, với tâm thân hữu, không phải với tâm thù nghịch.

Do vậy, này Ananda, hãy đối xử với Ta, với tâm

thân hữu, chớ với tâm thù nghịch và như vậy sẽ là hạnh phúc, là an lạc lâu dài cho các Ông. Ta không sách tấn các Ông như người thợ gốm đối với các đồ gốm chưa nung, chưa được nung chín. Ta sẽ nói hết lời chỉ trích này đến lời chỉ trích khác, hết lời tán thán này đến lời tán thán khác. **Cái gì là lỗi cây, cái ấy sẽ đứng vững tồn tại.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

77 Không - Không Tánh - Cứu cánh vô thượng thanh tịnh không tánh - Kinh TIÊU KHÔNG – 121 Trung III, 291

KINH TIÊU KHÔNG

(Culasunnata sutam)

– Bài kinh số 121 – Trung III, 291

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), tại Pubbarama (Đông Viên), lâu đài của Migaramatu (Lộc Mẫu). Rồi Tôn giả Ananda, vào buổi chiều, từ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

– Một thời, bạch Thế Tôn, Thế Tôn trú giữa các Sakka (Thích-ca). Nagaraka là tên một thị trấn của các Sakka. Tại đây, bạch Thế Tôn, con được nghe trước mặt Thế Tôn, con được ghi nhớ trước mặt (Thế Tôn) như sau: "**Này Ananda, Ta nhờ an trú không, nên nay an trú rất nhiều**". Phải chăng, bạch Thế Tôn, điều con đã nghe là nghe đúng, ghi nhớ đúng, tác ý đúng, thọ trì đúng?

– Thật vậy, này Ananda, điều Ông đã nghe là nghe đúng, ghi nhớ đúng, tác ý đúng, thọ trì đúng. Thuở xưa và nay, này Ananda, **Ta nhờ an trú không, nên nay an trú rất nhiều.**

Ví như lâu đài Lộc Mẫu này không có voi, bò, ngựa, ngựa cái, không có vàng và bạc, không có đàn bà, đàn ông tụ hội, và chỉ có một cái không phải không, tức là sự nhất trí (ekattam) do duyên chúng Tỷ-kheo.

❖ Cũng vậy, này Ananda, Tỷ-kheo không tác ý thôn tượng, không tác ý nhơn tượng, chỉ tác ý sự nhất trí, do duyên lâm tượng. Tâm của vị ấy được thích thú hân hoan, an trú, hướng đến lâm tượng.

- Vị ấy tuệ tri như sau: "Các ưu phiền do duyên thôn tượng không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên nhơn tượng không có mặt ở đây. Và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên lâm tượng".
- Vị ấy tuệ tri: "Loại tượng này không có thôn tượng".
- Vị ấy tuệ tri: "Loại tượng này không có nhơn tượng". Và chỉ có một cái này không phải không, tức là sự nhất trí (ekattam) do duyên lâm tượng".

- Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây, vị ấy tuệ tri: "Cái kia có, cái này có". Như vậy, này Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.
- ❖ Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không tác ý nhân tướng, không tác ý lâm tướng, chỉ tác ý sự nhất trí do duyên địa tướng. Tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến địa tướng. *Ví như, này Ananda, tám da con bò được căng thẳng trên một trăm cọc gỗ, đặc tánh tám da được đoạn trừ (vigatavasika?)*. Cũng vậy, này Ananda, Tỷ-kheo, không tác ý đối với tất cả vật gì trên đất này: đất khô và vùng lầy, sông và vùng lầy, các cây có thân và có gai, núi và đất bằng, vị ấy tác ý sự nhất trí do duyên địa tướng. Tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến địa tướng.
- Vị ấy tuệ tri như sau: "Các ưu phiền do duyên nhân tướng không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên lâm tướng không có mặt ở đây. Và chỉ có một ưu phiền này, sự nhất trí do duyên địa tướng".
- Vị ấy tuệ tri: "Loại tướng này không có nhưn tướng".

- Vị ấy tuệ tri: "Loại tướng này không có lâm tướng, và chỉ có một cái này không phải không, tức là sự nhất trí do duyên địa tướng".
 - Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy tuệ tri: "Cái kia có, cái này có". Nay Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.
- ❖ Lại nữa, nay Ananda, Tỷ-kheo không tác ý lâm tướng, không tác ý địa tướng, tác ý sự nhất trí do duyên Không vô biên xứ. Tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến Không vô biên xứ.
- Vị ấy tuệ tri như sau: "Các ưu phiền, do duyên lâm tướng không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên địa tướng không có mặt ở đây. Và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên Không vô biên xứ tướng".
 - Vị ấy tuệ tri: "Loại tướng này không có lâm tướng".
 - Vị ấy tuệ tri: "Loại tướng này không có địa tướng, và chỉ có một cái này không phải không,

tức là sự nhất trí do duyên Không vô biên xứ tướng".

- Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy biết: "Cái kia có, cái này có". Nay Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.

❖ Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo không tác ý địa tướng, không tác ý Không vô biên xứ tướng, **chỉ tác ý sự nhất trí do duyên Thức vô biên xứ**. Tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến Thức vô biên xứ.

- Vị ấy tuệ tri như sau: "Các ưu phiền do duyên địa tướng không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên Không vô biên xứ tướng không có mặt ở đây. Và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên Thức vô biên xứ tướng".
- Vị ấy tuệ tri: "Loại tướng này không có địa tướng".
- Vị ấy tuệ tri: "Loại tướng này không có Không vô biên xứ tướng, và chỉ có một cái này không phải không, tức là sự nhất trí do duyên Thức vô

biên xứ tướng".

- Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy tuệ tri: "Cái kia có, cái này có". Nay Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.

❖ Lại nữa, nay Ananda, Tỷ-kheo không tác ý Không vô biên xứ tướng, không tác ý Thức vô biên xứ tướng, chỉ tác ý sự nhất trí do duyên Vô sở hữu xứ tướng. Tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến Vô sở hữu xứ.

- Vị ấy tuệ tri như sau: "Các ưu phiền do duyên Không vô biên xứ tướng không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên Thức vô biên xứ tướng không có mặt ở đây. Và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên Vô sở hữu xứ tướng".
- Vị ấy tuệ tri: "Loại tướng này không có Không vô biên xứ tướng".
- Vị ấy tuệ tri: "Loại tướng này không có Thức vô biên xứ tướng, và chỉ có một cái này không phải không, tức là sự nhất trí do duyên Vô sở hữu xứ tướng".

- Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây, vị ấy tuệ tri: "Cái kia có, cái này có". Nay Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.
- ❖ Lại nữa, nay Ananda, Tỷ-kheo không tác ý Thức vô biên xứ tướng, không tác ý Vô sở hữu xứ tướng, chỉ tác ý sự nhất trí do duyên Phi tướng phi phi tướng xứ. Tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến Phi tướng phi phi tướng xứ.
- Vị ấy biết như sau: "Các ưu phiền do duyên Thức vô biên xứ tướng không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên Vô sở hữu xứ tướng không có mặt ở đây. Và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên Phi tướng phi phi tướng xứ tướng.
- Vị ấy tuệ tri: "Loại tướng này không có Thức vô biên xứ tướng".
- Vị ấy tuệ tri: "Loại tướng này không có Vô sở hữu xứ tướng, và chỉ có một cái này không phải không, tức là sự nhất trí do duyên Phi tướng phi phi tướng xứ tướng".
- Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy

là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây, vị ấy tuệ tri: "Cái kia có, cái này có". Nay Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.

❖ Lại nữa, nay Ananda, Tỷ-kheo không tác ý Vô sở hữu xứ tướng, không có tác ý Phi tướng phi phi tướng xứ, tác ý sự nhất trí do duyên Vô tướng tâm định. Tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến Vô tướng tâm định.

- Vị ấy tuệ tri như sau: "Các ưu phiền do duyên Vô sở hữu xứ tướng không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên Phi tướng phi phi tướng xứ không có mặt ở đây. **Và chỉ có một ưu phiền này, tức là sáu nhập duyên mạng, duyên với thân này**".
- Vị ấy tuệ tri: "Loại tướng này không có Vô sở hữu xứ tướng".
- Vị ấy tuệ tri: "Loại tướng này không có Phi tướng phi phi tướng xứ tướng. Và chỉ có một cái này không phải không, tức là sáu nhập duyên mạng, duyên với thân này".
- Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây

vị ấy tuệ tri: "Cái kia có, cái này có". Nay Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.

❖ Lại nữa, này Ananda, vị Tỷ-kheo không tác ý Vô sở hữu xứ tưởng, không tác ý Phi tướng phi phi tướng xứ tưởng, tác ý sự nhứt trí do duyên Vô tướng tâm định. Tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến Vô tướng tâm định.

– Vị ấy tuệ tri như sau: ***"Vô tướng tâm định này thuộc hữu vi, do tâm tư tạo nên. Phàm cái gì thuộc hữu vi, do tâm tư tạo nên, cái ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt"***, vị ấy tuệ tri như vậy.

– Do vị ấy tuệ tri như vậy, thấy như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu. Trong sự giải thoát, là sự hiểu biết (nana) rằng đã được giải thoát. Vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn phải trở lại trạng thái này nữa".

– Vị ấy tuệ tri: "Các ưu phiền do duyên dục lậu không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên hữu

lậu không có mặt có ở đây; các ưu phiền do duyên vô minh lậu không có mặt ở đây. **Và chỉ ở một ưu phiền này, tức là sáu nhập duyên mạng, duyên với thân này**".

- Vị ấy tuệ tri: "Loại tướng này không có dục lậu".
- Vị ấy tuệ tri: "Loại tướng này không có hữu lậu".
- Vị ấy tuệ tri: "Loại tướng này không có vô minh lậu. Và chỉ có một cái này không phải không, tức là sáu nhập duyên mạng, duyên với thân này".
- Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy biết: "Cái kia có, cái này có". Nay Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, Không tánh.

Này Ananda, phàm có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong quá khứ sau khi chứng đạt, đã an trú **cứu cánh vô thượng thanh tịnh Không tánh (Sunnatam), tất cả các vị ấy sau khi chứng đạt đều chỉ an trú cứu cánh vô thượng thanh tịnh Không tánh này**.

Này Ananda, phàm có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong tương lai, sau khi chứng đạt sẽ an trú cứu cánh vô thượng thanh tịnh Không tánh, tất cả các vị ấy sau khi chứng đạt đều sẽ an trú cứu cánh vô thượng thanh tịnh Không tánh này.

Này Ananda, phàm có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong hiện tại, sau khi chứng đạt và an trú cứu cánh vô thượng thanh tịnh Không tánh, tất cả các vị ấy sau khi chứng đạt nếu an trú cứu cánh vô thượng thanh tịnh Không tánh này.

Do vậy, này Ananda, sau khi chứng đạt Ta sẽ an trú cứu cánh vô thượng thanh tịnh Không tánh. Như vậy, này Ananda, các Ông cần phải học tập.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

78 Không - Tôn giả Sariputta phần lớn an trú với không trú - Kinh KHẮT THỰC THANH TỊNH – 151 Trung III, 655

KINH KHẮT THỰC THANH TỊNH
(Pindapataparisuddhi suttam)
– Bài kinh số 151 – Trung III, 655

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Rajagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc lâm), tại chỗ nuôi dưỡng sóc (Kalandakanivapa). Rồi Tôn giả Sariputta vào buổi chiều, từ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Sariputta đang ngồi một bên:

– Nay Sariputta, các căn của Ông rất sáng suốt, sắc da của Ông thanh tịnh trong sáng. Nay Sariputta, Ông nay đang phần lớn an trú với loại an trú nào?

– Bạch Thế Tôn, con nay đang phần lớn an trú với không trú.

– Lành thay, lành thay! Nay Sariputta, Ông nay đang phần lớn an trú với sự an trú của bậc Đại nhân. Nay Sariputta, **sự an trú của bậc Đại nhân tức là không tánh.**

➤ Do vậy, này Sariputta, nếu Tỷ-kheo ước mong rằng:: "Mong rằng tôi nay phần lớn an trú với sự an trú không tánh", thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy tư như sau: "*Trên con đường ta đã đi vào làng để khát thực, tại trú xứ ta đã đi khát thực, và trên con đường từ làng ta đi khát thực trở về, tại chỗ ấy, đối với các sắc do mắt nhận thức, có khởi lên ở nơi ta dục, tham, sân, si, hay hận tâm không?*"

– Nay Sariputta, nếu Tỷ-kheo sau khi tư duy biết rằng: "Trên con đường ta đã đi vào làng để khát thực, tại trú xứ ta đã đi khát thực và trên con đường từ làng ta đi khát thực trở về, đối với các sắc do mắt nhận thức, **có khởi lên** nơi ta dục, tham, sân, si hay hận tâm", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy phải tinh tấn đoạn tận các ác bất thiện pháp ấy.

– Nhưng này Sariputta, nếu Tỷ-kheo trong khi suy tư được biết như sau: "Trên con đường ta đã đi.. ta đi khát thực trở về, đối với các sắc do

mắt nhận thức, không có khởi lên nơi dục, tham, sân, si hay hận tâm", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy phải an trú với hỷ và hân hoan, ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Trên con đường ta đã đi... , ta đi khát thực trở về đối với các tiếng do tai nhận thức, ... đối với các hương do mũi nhận thức, ... đối với các vị do lưỡi nhận thức, ... đối với các xúc do thân nhận thức, ... đối với các pháp do ý nhận thức, có khởi lên dục, tham, sân, si hay hận tâm không?"

Này Sariputta, nếu Tỷ-kheo trong khi suy tư biết được như sau: "Trên con đường ta đã đi... , ta đi khát thực trở về, đối với các pháp do ý nhận thức, có khởi lên nơi ta dục, tham, sân, si, hay hận tâm", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy phải tinh tấn đoạn tận các ác bất thiện pháp ấy.

Nhưng này Sariputta, nếu Tỷ-kheo trong khi suy tư được biết như sau: "Trên con đường ta đã đi... ta đi khát thực trở về, đối với các pháp do ý nhận thức, không có khởi lên nơi ta dục, tham, sân, si hay hận tâm", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy phải an trú với hỷ và hân hoan ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

➤ *Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Ta đã đoạn tận năm dục trưởng dưỡng chưa?"*

- Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo, trong khi suy tư được biết như sau: "Ta chưa đoạn tận năm dục trưởng dưỡng", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy phải tinh tấn đoạn tận năm dục trưởng dưỡng.
- Nhưng nếu, này Sariputta, Tỷ-kheo trong khi suy tư được biết như sau: "Ta đã đoạn tận năm dục trưởng dưỡng", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy phải an trú với hỷ và hân hoan ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

➤ *Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Ta đã đoạn tận năm triền cái chưa?"*

Nếu, này Sariputta, trong khi suy tư, Tỷ-kheo được biết như sau: "Ta chưa đoạn tận năm triền cái", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy phải tinh tấn đoạn tận năm triền cái.

Nhưng nếu, này Sariputta, Tỷ-kheo trong khi suy tư được biết như sau: "Ta đã đoạn tận năm triền cái", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy phải an trú với hỷ và hân hoan ngày đêm tu học trong các thiện

pháp.

➤ *Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Ta có liễu tri năm thủ uẩn chưa?"*

Này Sariputta, nếu trong khi suy tư, Tỷ-kheo được biết như sau: "Ta chưa có liễu tri năm thủ uẩn", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy cần phải tinh tấn liễu tri năm thủ uẩn.

Nhưng nếu, này Sariputta, trong khi suy tư, Tỷ-kheo ấy được biết như sau: "Ta đã liễu tri năm thủ uẩn", thời này Sariputta, vị Tỷ-kheo ấy phải an trú với hỷ và hân hoan ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

➤ *Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Ta đã tu tập bốn niệm xứ chưa?"*

– Này Sariputta, nếu trong khi suy tư, Tỷ-kheo được biết: "Ta chưa tu tập bốn niệm xứ", thời này Sariputta, vị Tỷ-kheo cần phải tinh tấn tu tập bốn niệm xứ.

– Nhưng nếu, này Sariputta, trong khi suy tư Tỷ-kheo được biết như sau: "Ta đã tu tập bốn niệm xứ", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy cần phải an trú với hỷ và hân hoan ngày đêm tu học

trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư: "Ta đã tu tập **bốn chánh cần** chưa? " Nếu... cần phải tinh tấn tu tập bốn chánh cần. Nhưng nếu... trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư: "Ta đã tu tập **bốn như ý túc** chưa?" Nếu... cần phải tinh tấn tu tập bốn như ý túc. Nhưng nếu... trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư: "Ta đã tu tập **năm căn** chưa?" Nếu... cần phải tinh tấn tu tập năm căn. Nhưng nếu... trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư: "Ta đã tu tập **năm lực** chưa?" Nếu... phải tinh tấn tu tập năm lực . Nhưng nếu... trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư: "Ta đã tu tập **bảy giác chi** chưa?" Nếu... cần phải tinh tấn tu tập bảy giác chi. Nhưng nếu... trong các thiện pháp.

➤ *Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Ta đã tu tập **Thánh đạo Tám ngành***

chưa?"

- Nếu Tỷ-kheo, này Sariputta, trong khi suy tư được biết như sau: "Ta chưa tu tập Thánh đạo Tám ngành, " thời này Sariputta Tỷ-kheo ấy cần phải tinh tấn tu tập Thánh đạo Tám ngành.
- Nhưng nếu, này Sariputta, Tỷ-kheo trong khi suy tư được biết như sau: "Ta đã tu tập Thánh đạo Tám ngành, " thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy cần phải an trú trong hỷ và hân hoan, ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

➤ ***Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Ta đã tu tập **chỉ và quán** chưa? "***

- Nếu Tỷ-kheo, này Sariputta, trong khi suy tư được biết như sau: "Ta chưa tu tập chỉ và quán ", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy cần phải tinh tấn tu tập chỉ và quán.
- Nhưng nếu, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi suy tư được biết như sau: "Ta đã tu tập chỉ và quán ", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy cần phải an trú với hỷ và hân hoan, ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

➤ ***Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư***

nghư sau: "Ta đã chứng ngộ minh và giải thoát chưa? "

- Nếu Tỷ-kheo, này Sariputta, trong khi suy tư được biết như sau: "Ta chưa chứng ngộ minh và giải thoát", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy cần phải tinh tấn tu tập minh và giải thoát.
- Nhưng nếu, này Sariputta, Tỷ-kheo trong khi suy tư được biết như sau: "Ta đã chứng ngộ minh và giải thoát ", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy cần phải an trú với hỷ và hân hoan ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

- Đây Sariputta, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ đã làm cho khát thực được thanh tịnh, tất cả những vị ấy đã làm cho khát thực được thanh tịnh bằng cách suy tư, suy tư như vậy.
- Đây Sariputta, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời gian tương lai sẽ làm cho khát thực được thanh tịnh, tất cả những vị ấy sẽ làm cho khát thực được thanh tịnh, bằng cách suy tư, suy tư như vậy.
- Và đây Sariputta, những Sa-môn, Bà-la-môn nào trong thời hiện tại, làm cho khát thực được thanh tịnh, tất cả những vị ấy đã làm cho khát thực được

thanh tịnh, bằng cách suy tư, suy tư như vậy.

Vậy này Sariputta, các Ông **cần phải học tập như sau: "Sau khi suy tư, suy tư, chúng ta sẽ làm cho khát thực được thanh tịnh"**. Này Sariputta, các Ông phải tu tập như vậy.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Sariputta hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

79 Không Lắng nghe là không có duyên - Kinh CÁC VẤN ĐỀ ĐƯỢC NÓI ĐẾN – Tăng I, 355

CÁC VẤN ĐỀ ĐƯỢC NÓI ĐẾN – Tăng I, 355

1. - Nay các Tỷ-kheo, có ba vấn đề này được nói đến.
Thế nào là ba?

- Có thể nói về quá khứ, nói rằng: "Như vậy đã xảy ra trong thời quá khứ."
- Có thể nói về tương lai, nói rằng: "Như vậy sẽ xảy ra trong thời tương lai".
- Có thể nói về hiện tại, nói rằng: "Như vậy đang xảy ra trong thời hiện tại".

2. Với sự **thảo luận**, một người có thể biết được là có khả năng nói chuyện hay không có khả năng.

Nếu người nào, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu:

- *Không trả lời một cách dứt khoát một câu hỏi cần phải trả lời dứt khoát,*
- *Không trả lời một cách phân tích một câu hỏi cần phải trả lời một cách phân tích,*

- *Không trả lời với một câu hỏi ngược lại một câu hỏi cần phải trả lời với một câu hỏi ngược lại,*
- *Không có gạt qua một bên một câu hỏi cần phải gạt qua một bên.*

→ Như vậy, này các Tỷ-kheo, một người như vậy không có khả năng để thảo luận.

Nếu người nào, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu:

- *Trả lời dứt khoát một câu hỏi cần phải trả lời dứt khoát,*
- *Trả lời một cách phân tích một câu hỏi cần phải trả lời một cách phân tích,*
- *Trả lời với một câu hỏi ngược lại một câu hỏi cần phải trả lời với một câu hỏi ngược lại,*
- *Gạt qua một bên một câu hỏi cần phải gạt qua một bên.*

→ Như vậy, này các Tỷ-kheo, một người như vậy có khả năng để thảo luận.

3. Với sự **thảo luận**, một người có thể biết được là có khả năng thảo luận hay không có khả năng thảo luận.

Nếu một người, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu,:

- *Không xác nhận là đúng hay không đúng,*

- *Không xác nhận là một giả thuyết,*
- *Không xác nhận là quan điểm của bậc trí, không xác nhận là sở hành thường làm.*

→ Nếu là như vậy, này các Tỷ-kheo, người ấy không có khả năng thảo luận.

Nếu một người, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu,

- *Xác nhận là đúng hay không đúng,*
- *Xác nhận là một giả thuyết,*
- *Xác nhận là quan điểm của bậc trí, xác nhận là sở hành thường làm.*

→ Nếu là như vậy, này các Tỷ-kheo, người ấy có khả năng thảo luận.

4. Với sự thảo luận, một người có thể biết được là có khả năng thảo luận hay không có khả năng thảo luận.

Nếu một người này, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu,

- *Tránh câu hỏi ấy với một câu hỏi khác,*
- *Hướng câu chuyện ra ngoài (vấn đề),*
- *Bày tỏ sự phẫn nộ, sân, hận, bất mãn.*

→ Nếu là như vậy, này các Tỷ-kheo, người này không có khả năng thảo luận.

Nếu một người, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu,

- *Không tránh câu hỏi ấy với một câu hỏi khác,*
- *Không hướng câu chuyện ra ngoài (vấn đề),*
- *Không bày tỏ sự phẫn nộ, sân, hận, bất mãn.*

→ Nếu là như vậy, này các Tỷ-kheo, người này có khả năng thảo luận.

5. Với sự thảo luận, một người có thể biết được là có khả năng thảo luận hay không có khả năng thảo luận.

- Nếu một người, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu, lại **mắng chửi, đánh đập, nhạo báng, chụp lấy chỗ sơ hở**. Nếu là như vậy, này các Tỷ-kheo, người này có không khả năng thảo luận.
- Nếu một người, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu, **không mắng chửi, không đánh đập, không nhạo báng, không chụp lấy chỗ sơ hở**. Nếu là như vậy, này các Tỷ-kheo, người này có khả năng thảo luận.

6. Với sự thảo luận, có thể biết được một người có duyên hay không có duyên.

- **Không có lông tai, là không có duyên.**
- **Có lông tai là có duyên.**

Người có duyên thắng tri một pháp, biến tri một pháp, từ bỏ một pháp, chứng đắc một pháp. Do thắng tri một pháp, biến tri một pháp, từ bỏ một pháp, chứng đắc một pháp, vị ấy cảm thấy chánh giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là lợi ích của thảo luận, như vậy là lợi ích của đàm luận, như vậy là lợi ích có duyên, như vậy là lợi ích nghe lời khuyên, tức là tâm giải thoát không có chấp thủ.

**7. Nói chuyện với hiềm thù,
Thiên chấp và kiêu mạn,
Nghịch lại đức bậc Thánh,
Bối mớ lỗi lầm nhau;
Thích nghe nói xấu người,
Người lầm, người bối rối,
Người bị thua, bị hại.
Bậc Thánh không làm vậy.**

**Nếu muốn cùng đàm luận,
Bậc hiền biết thời gian,
Câu chuyện của bậc Thánh,
Liên hệ pháp, pháp nghĩa,
Người có trí nói chuyện,
Không hiềm thù, kiêu mạn,
Với tâm không chấp trước,
Không hiềm hận, độc đoán,
Không để tâm lơ đãng,
Nói lên với chánh trí.**

*Hoan hỷ lời khéo nói,
Không vui lời vụng về,
Không học cách chỉ trích,
Không chụp sơ hở người,
Không nhieếc mắng, đánh đập,
Không nói lời vu vơ,
Lời nói của bậc Thánh,
Vừa dạy, vừa hoan hỷ.
Như vậy bậc Thánh nói,
Như vậy Thánh luận đàm,
Bậc trí biết rõ vậy,
Nói lời thật khiêm tốn.*

80 Không Phải Là Món Ăn Cho Các Giác Chi – Tương V, 170

Không Phải Là Món Ăn Cho Các Giác Chi – *Tương*
V, 170

20) -- Và này các Tỷ-kheo, *cái gì không phải là món ăn khiến cho **niệm giác chi** chưa sanh được sanh khởi, hay niệm giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn?*

Này các Tỷ-kheo, có **các pháp trú xứ cho niệm giác chi**. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải món ăn khiến niệm giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay niệm giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

21) Và này các Tỷ-kheo, *cái gì không phải là món ăn khiến cho **trạch pháp giác chi** chưa sanh được sanh khởi, hay trạch pháp giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn?*

Này các Tỷ-kheo, có **các pháp thiện và bất thiện, có tội và không có tội, liệt và thắng, dự phần vào đen và trắng**. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải là món ăn khiến cho trạch pháp giác chi chưa sanh được sanh khởi,

hay trạch pháp giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

22) Và này các Tỷ-kheo, *cái gì không phải là món ăn khiến cho **tinh tấn giác chi** chưa sanh được sanh khởi, hay tinh tấn giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn?*

Này các Tỷ-kheo, **có phát cần giới, tinh cần giới, đồng mãn giới**. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải là món ăn khiến cho tinh tấn giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay tinh tấn giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

23) Và này các Tỷ-kheo, *cái gì không phải là món ăn khiến cho **hỷ giác chi** chưa sanh được sanh khởi, hay hỷ giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn?*

Này các Tỷ-kheo, **có những pháp trú xứ cho hỷ giác chi**. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải là món ăn khiến cho hỷ giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay hỷ giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

24) Và này các Tỷ-kheo, *cái gì không phải là món ăn khiến cho **khinh an giác chi** chưa sanh được sanh*

khởi, hay khinh an giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn?

Này các Tỷ-kheo, **có thân khinh an, tâm khinh an**. Ở đây, nếu phi như lý tác ý, làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải món ăn khiến cho khinh an giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay khinh an giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

25) Và này các Tỷ-kheo, *cái gì không phải món ăn khiến cho **định giác chi** chưa sanh được sanh khởi, hay định giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn?*

Này các Tỷ-kheo, có **tịnh chỉ tướng, bất loạn tướng**. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải món ăn khiến cho định giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay định giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

26) Và này các Tỷ-kheo, *cái gì không phải món ăn khiến cho **xả giác chi** chưa sanh được sanh khởi, hay xả giác chi đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn?*

Này các Tỷ-kheo, có **các pháp trú xứ cho xả giác chi**. Ở đây, nếu phi như lý tác ý được làm cho sung mãn, thời chính cái này không phải món ăn khiến cho xả

giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay xả giác chi
đã sanh được tu tập, được làm cho viên mãn.

81 Không Tánh - Cứu cánh vô thượng thanh tịnh không tánh này - Kinh TIÊU KHÔNG – 121 Trung III, 291

KINH TIÊU KHÔNG

(Culasunnata sutam)

– Bài kinh số 121 – Trung III, 291

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), tại Pubbarama (Đông Viên), lâu đài của Migaramatu (Lộc Mẫu). Rồi Tôn giả Ananda, vào buổi chiều, từ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

– Một thời, bạch Thế Tôn, Thế Tôn trú giữa các Sakka (Thích-ca). Nagaraka là tên một thị trấn của các Sakka. Tại đây, bạch Thế Tôn, con được nghe trước mặt Thế Tôn, con được ghi nhớ trước mặt (Thế Tôn) như sau: "**Này Ananda, Ta nhờ an trú không, nên nay an trú rất nhiều**". Phải chăng, bạch Thế Tôn, điều con đã nghe là nghe đúng, ghi nhớ đúng, tác ý đúng, thọ trì đúng?

– Thật vậy, này Ananda, điều Ông đã nghe là nghe đúng, ghi nhớ đúng, tác ý đúng, thọ trì đúng. Thuở xưa và nay, này Ananda, **Ta nhờ an trú không, nên nay an trú rất nhiều.**

Ví như lâu đài Lộc Mẫu này không có voi, bò, ngựa, ngựa cái, không có vàng và bạc, không có đàn bà, đàn ông tụ hội, và chỉ có một cái không phải không, tức là sự nhất trí (ekattam) do duyên chúng Tỷ-kheo.

❖ Cũng vậy, này Ananda, Tỷ-kheo không tác ý thôn tượng, không tác ý nhơn tượng, chỉ tác ý sự nhất trí, do duyên lâm tượng. Tâm của vị ấy được thích thú hân hoan, an trú, hướng đến lâm tượng.

- Vị ấy tuệ tri như sau: "Các ưu phiền do duyên thôn tượng không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên nhơn tượng không có mặt ở đây. Và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên lâm tượng".
- Vị ấy tuệ tri: "Loại tượng này không có thôn tượng".
- Vị ấy tuệ tri: "Loại tượng này không có nhơn tượng". Và chỉ có một cái này không phải không, tức là sự nhất trí (ekattam) do duyên lâm tượng".

- Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây, vị ấy tuệ tri: "Cái kia có, cái này có". Như vậy, này Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.
- ❖ Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không tác ý nhân tướng, không tác ý lâm tướng, chỉ tác ý sự nhất trí do duyên địa tướng. Tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến địa tướng. *Ví như, này Ananda, tám da con bò được căng thẳng trên một trăm cọc gỗ, đặc tánh tám da được đoạn trừ (vigatavasika?)*. Cũng vậy, này Ananda, Tỷ-kheo, không tác ý đối với tất cả vật gì trên đất này: đất khô và vùng lầy, sông và vùng lầy, các cây có thân và có gai, núi và đất bằng, vị ấy tác ý sự nhất trí do duyên địa tướng. Tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến địa tướng.
- Vị ấy tuệ tri như sau: "Các ưu phiền do duyên nhân tướng không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên lâm tướng không có mặt ở đây. Và chỉ có một ưu phiền này, sự nhất trí do duyên địa tướng".
- Vị ấy tuệ tri: "Loại tướng này không có nhưn tướng".

- Vị ấy tuệ tri: "Loại tướng này không có lâm tướng, và chỉ có một cái này không phải không, tức là sự nhất trí do duyên địa tướng".
 - Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy tuệ tri: "Cái kia có, cái này có". Nay Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.
- ❖ Lại nữa, nay Ananda, Tỷ-kheo không tác ý lâm tướng, không tác ý địa tướng, tác ý sự nhất trí do duyên Không vô biên xứ. Tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến Không vô biên xứ.
- Vị ấy tuệ tri như sau: "Các ưu phiền, do duyên lâm tướng không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên địa tướng không có mặt ở đây. Và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên Không vô biên xứ tướng".
 - Vị ấy tuệ tri: "Loại tướng này không có lâm tướng".
 - Vị ấy tuệ tri: "Loại tướng này không có địa tướng, và chỉ có một cái này không phải không,

tức là sự nhất trí do duyên Không vô biên xứ tướng".

- Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy biết: "Cái kia có, cái này có". Nay Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.

❖ Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo không tác ý địa tướng, không tác ý Không vô biên xứ tướng, **chỉ tác ý sự nhất trí do duyên Thức vô biên xứ**. Tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến Thức vô biên xứ.

- Vị ấy tuệ tri như sau: "Các ưu phiền do duyên địa tướng không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên Không vô biên xứ tướng không có mặt ở đây. Và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên Thức vô biên xứ tướng".
- Vị ấy tuệ tri: "Loại tướng này không có địa tướng".
- Vị ấy tuệ tri: "Loại tướng này không có Không vô biên xứ tướng, và chỉ có một cái này không phải không, tức là sự nhất trí do duyên Thức vô

biên xứ tướng".

- Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy tuệ tri: "Cái kia có, cái này có". Nay Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.

❖ Lại nữa, nay Ananda, Tỷ-kheo không tác ý Không vô biên xứ tướng, không tác ý Thức vô biên xứ tướng, chỉ tác ý sự nhất trí do duyên Vô sở hữu xứ tướng. Tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến Vô sở hữu xứ.

- Vị ấy tuệ tri như sau: "Các ưu phiền do duyên Không vô biên xứ tướng không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên Thức vô biên xứ tướng không có mặt ở đây. Và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên Vô sở hữu xứ tướng".
- Vị ấy tuệ tri: "Loại tướng này không có Không vô biên xứ tướng".
- Vị ấy tuệ tri: "Loại tướng này không có Thức vô biên xứ tướng, và chỉ có một cái này không phải không, tức là sự nhất trí do duyên Vô sở hữu xứ tướng".

- Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây, vị ấy tuệ tri: "Cái kia có, cái này có". Đây Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.

❖ Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo không tác ý Thức vô biên xứ tướng, không tác ý Vô sở hữu xứ tướng, chỉ tác ý sự nhất trí do duyên Phi tướng phi phi tướng xứ. Tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến Phi tướng phi phi tướng xứ.

- Vị ấy biết như sau: "Các ưu phiền do duyên Thức vô biên xứ tướng không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên Vô sở hữu xứ tướng không có mặt ở đây. Và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên Phi tướng phi phi tướng xứ tướng.
- Vị ấy tuệ tri: "Loại tướng này không có Thức vô biên xứ tướng".
- Vị ấy tuệ tri: "Loại tướng này không có Vô sở hữu xứ tướng, và chỉ có một cái này không phải không, tức là sự nhất trí do duyên Phi tướng phi phi tướng xứ tướng".
- Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy

là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây, vị ấy tuệ tri: "Cái kia có, cái này có". Nay Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.

❖ Lại nữa, nay Ananda, Tỷ-kheo không tác ý Vô sở hữu xứ tướng, không có tác ý Phi tướng phi phi tướng xứ, tác ý sự nhất trí do duyên Vô tướng tâm định. Tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến Vô tướng tâm định.

- Vị ấy tuệ tri như sau: "Các ưu phiền do duyên Vô sở hữu xứ tướng không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên Phi tướng phi phi tướng xứ không có mặt ở đây. **Và chỉ có một ưu phiền này, tức là sáu nhập duyên mạng, duyên với thân này**".
- Vị ấy tuệ tri: "Loại tướng này không có Vô sở hữu xứ tướng".
- Vị ấy tuệ tri: "Loại tướng này không có Phi tướng phi phi tướng xứ tướng. Và chỉ có một cái này không phải không, tức là sáu nhập duyên mạng, duyên với thân này".
- Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây

vị ấy tuệ tri: "Cái kia có, cái này có". Nay Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.

❖ Lại nữa, này Ananda, vị Tỷ-kheo không tác ý Vô sở hữu xứ tướng, không tác ý Phi tướng phi phi tướng xứ tướng, tác ý sự nhứt trí do duyên Vô tướng tâm định. Tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến Vô tướng tâm định.

– Vị ấy tuệ tri như sau: ***"Vô tướng tâm định này thuộc hữu vi, do tâm tư tạo nên. Phàm cái gì thuộc hữu vi, do tâm tư tạo nên, cái ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt"***, vị ấy tuệ tri như vậy.

– Do vị ấy tuệ tri như vậy, thấy như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu. Trong sự giải thoát, là sự hiểu biết (nana) rằng đã được giải thoát. Vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn phải trở lại trạng thái này nữa".

– Vị ấy tuệ tri: "Các ưu phiền do duyên dục lậu không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên hữu

lậu không có mặt có ở đây; các ưu phiền do duyên vô minh lậu không có mặt ở đây. **Và chỉ ở một ưu phiền này, tức là sáu nhập duyên mạng, duyên với thân này**".

- Vị ấy tuệ tri: "Loại tướng này không có dục lậu".
- Vị ấy tuệ tri: "Loại tướng này không có hữu lậu".
- Vị ấy tuệ tri: "Loại tướng này không có vô minh lậu. Và chỉ có một cái này không phải không, tức là sáu nhập duyên mạng, duyên với thân này".
- Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy biết: "Cái kia có, cái này có". Nay Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, Không tánh.

Này Ananda, phàm có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong quá khứ sau khi chứng đạt, đã an trú **cứu cánh vô thượng thanh tịnh Không tánh (Sunnatam), tất cả các vị ấy sau khi chứng đạt đều chỉ an trú cứu cánh vô thượng thanh tịnh Không tánh này**.

Này Ananda, phàm có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong tương lai, sau khi chứng đạt sẽ an trú cứu cánh vô thượng thanh tịnh Không tánh, tất cả các vị ấy sau khi chứng đạt đều sẽ an trú cứu cánh vô thượng thanh tịnh Không tánh này.

Này Ananda, phàm có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong hiện tại, sau khi chứng đạt và an trú cứu cánh vô thượng thanh tịnh Không tánh, tất cả các vị ấy sau khi chứng đạt nếu an trú cứu cánh vô thượng thanh tịnh Không tánh này.

Do vậy, này Ananda, sau khi chứng đạt Ta sẽ an trú cứu cánh vô thượng thanh tịnh Không tánh. Như vậy, này Ananda, các Ông cần phải học tập.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

82 Không Tánh - Sự an trú của bậc Đại nhân - Kinh KHẮT THỰC THANH TỊNH – 151 Trung III, 655

KINH KHẮT THỰC THANH TỊNH

(Pindapataparisuddhi sutam)

– Bài kinh số 151 – Trung III, 655

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Rajagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc lâm), tại chỗ nuôi dưỡng sóc (Kalandakanivapa). Rồi Tôn giả Sariputta vào buổi chiều, từ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Sariputta đang ngồi một bên:

– Nay Sariputta, các căn của Ông rất sáng suốt, sắc da của Ông thanh tịnh trong sáng. Nay Sariputta, Ông nay đang phần lớn an trú với loại an trú nào?

– Bạch Thế Tôn, con nay đang phần lớn an trú với **không trú**.

– Lành thay, lành thay! Này Sariputta, Ông nay đang phần lớn an trú với sự an trú của bậc Đại nhân. Này Sariputta, **sự an trú của bậc Đại nhân tức là không tánh.**

➤ Do vậy, này Sariputta, nếu Tỷ-kheo ước mong rằng:: "Mong rằng tôi nay phần lớn an trú với sự an trú không tánh", thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy tư như sau: *"Trên con đường ta đã đi vào làng để khát thực, tại trú xứ ta đã đi khát thực, và trên con đường từ làng ta đi khát thực trở về, tại chỗ ấy, đối với các sắc do mắt nhận thức, có khởi lên ở nơi ta dục, tham, sân, si, hay hận tâm không?"*

– Này Sariputta, nếu Tỷ-kheo sau khi tư duy biết rằng: "Trên con đường ta đã đi vào làng để khát thực, tại trú xứ ta đã đi khát thực và trên con đường từ làng ta đi khát thực trở về, đối với các sắc do mắt nhận thức, **có khởi lên** nơi ta dục, tham, sân, si hay hận tâm", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy phải tinh tấn đoạn tận các ác bất thiện pháp ấy.

– Nhưng này Sariputta, nếu Tỷ-kheo trong khi suy tư được biết như sau: "Trên con đường ta đã đi.. ta đi khát thực trở về, đối với các sắc do

mắt nhận thức, không có khởi lên nơi dục, tham, sân, si hay hận tâm", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy phải an trú với hỷ và hân hoan, ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Trên con đường ta đã đi... , ta đi khát thực trở về đối với các tiếng do tai nhận thức, ... đối với các hương do mũi nhận thức, ... đối với các vị do lưỡi nhận thức, ... đối với các xúc do thân nhận thức, ... đối với các pháp do ý nhận thức, có khởi lên dục, tham, sân, si hay hận tâm không?"

Này Sariputta, nếu Tỷ-kheo trong khi suy tư biết được như sau: "Trên con đường ta đã đi... , ta đi khát thực trở về, đối với các pháp do ý nhận thức, có khởi lên nơi ta dục, tham, sân, si, hay hận tâm", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy phải tinh tấn đoạn tận các ác bất thiện pháp ấy.

Nhưng này Sariputta, nếu Tỷ-kheo trong khi suy tư được biết như sau: "Trên con đường ta đã đi... ta đi khát thực trở về, đối với các pháp do ý nhận thức, không có khởi lên nơi ta dục, tham, sân, si hay hận tâm", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy phải an trú với hỷ và hân hoan ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

➤ *Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Ta đã đoạn tận năm dục trưởng dưỡng chưa?"*

- Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo, trong khi suy tư được biết như sau: "Ta chưa đoạn tận năm dục trưởng dưỡng", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy phải tinh tấn đoạn tận năm dục trưởng dưỡng.
- Nhưng nếu, này Sariputta, Tỷ-kheo trong khi suy tư được biết như sau: "Ta đã đoạn tận năm dục trưởng dưỡng", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy phải an trú với hỷ và hân hoan ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

➤ *Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Ta đã đoạn tận năm triền cái chưa?"*

Nếu, này Sariputta, trong khi suy tư, Tỷ-kheo được biết như sau: "Ta chưa đoạn tận năm triền cái", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy phải tinh tấn đoạn tận năm triền cái.

Nhưng nếu, này Sariputta, Tỷ-kheo trong khi suy tư được biết như sau: "Ta đã đoạn tận năm triền cái", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy phải an trú với hỷ và hân hoan ngày đêm tu học trong các thiện

pháp.

➤ *Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Ta có liễu tri năm thủ uẩn chưa?"*

Này Sariputta, nếu trong khi suy tư, Tỷ-kheo được biết như sau: "Ta chưa có liễu tri năm thủ uẩn", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy cần phải tinh tấn liễu tri năm thủ uẩn.

Nhưng nếu, này Sariputta, trong khi suy tư, Tỷ-kheo ấy được biết như sau: "Ta đã liễu tri năm thủ uẩn", thời này Sariputta, vị Tỷ-kheo ấy phải an trú với hỷ và hân hoan ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

➤ *Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Ta đã tu tập bốn niệm xứ chưa?"*

– Này Sariputta, nếu trong khi suy tư, Tỷ-kheo được biết: "Ta chưa tu tập bốn niệm xứ", thời này Sariputta, vị Tỷ-kheo cần phải tinh tấn tu tập bốn niệm xứ.

– Nhưng nếu, này Sariputta, trong khi suy tư Tỷ-kheo được biết như sau: "Ta đã tu tập bốn niệm xứ", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy cần phải an trú với hỷ và hân hoan ngày đêm tu học

trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư: "Ta đã tu tập **bốn chánh cần** chưa? " Nếu... cần phải tinh tấn tu tập bốn chánh cần. Nhưng nếu... trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư: "Ta đã tu tập **bốn như ý túc** chưa?" Nếu... cần phải tinh tấn tu tập bốn như ý túc. Nhưng nếu... trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư: "Ta đã tu tập **năm căn** chưa?" Nếu... cần phải tinh tấn tu tập năm căn. Nhưng nếu... trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư: "Ta đã tu tập **năm lực** chưa?" Nếu... phải tinh tấn tu tập năm lực . Nhưng nếu... trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư: "Ta đã tu tập **bảy giác chi** chưa?" Nếu... cần phải tinh tấn tu tập bảy giác chi. Nhưng nếu... trong các thiện pháp.

➤ *Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Ta đã tu tập **Thánh đạo Tám ngành***

chưa?"

- Nếu Tỷ-kheo, này Sariputta, trong khi suy tư được biết như sau: "Ta chưa tu tập Thánh đạo Tám ngành, " thời này Sariputta Tỷ-kheo ấy cần phải tinh tấn tu tập Thánh đạo Tám ngành.
- Nhưng nếu, này Sariputta, Tỷ-kheo trong khi suy tư được biết như sau: "Ta đã tu tập Thánh đạo Tám ngành, " thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy cần phải an trú trong hỷ và hân hoan, ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

➤ ***Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Ta đã tu tập **chỉ và quán** chưa? "***

- Nếu Tỷ-kheo, này Sariputta, trong khi suy tư được biết như sau: "Ta chưa tu tập chỉ và quán ", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy cần phải tinh tấn tu tập chỉ và quán.
- Nhưng nếu, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi suy tư được biết như sau: "Ta đã tu tập chỉ và quán ", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy cần phải an trú với hỷ và hân hoan, ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

➤ ***Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư***

như sau: "Ta đã chứng ngộ minh và giải thoát chưa? "

- Nếu Tỷ-kheo, này Sariputta, trong khi suy tư được biết như sau: "Ta chưa chứng ngộ minh và giải thoát", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy cần phải tinh tấn tu tập minh và giải thoát.
- Nhưng nếu, này Sariputta, Tỷ-kheo trong khi suy tư được biết như sau: "Ta đã chứng ngộ minh và giải thoát ", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy cần phải an trú với hỷ và hân hoan ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

- Ngày Sariputta, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ đã làm cho khát thực được thanh tịnh, tất cả những vị ấy đã làm cho khát thực được thanh tịnh bằng cách suy tư, suy tư như vậy.
- Ngày Sariputta, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời gian tương lai sẽ làm cho khát thực được thanh tịnh, tất cả những vị ấy sẽ làm cho khát thực được thanh tịnh, bằng cách suy tư, suy tư như vậy.
- Và ngày Sariputta, những Sa-môn, Bà-la-môn nào trong thời hiện tại, làm cho khát thực được thanh tịnh, tất cả những vị ấy đã làm cho khát thực được

thanh tịnh, bằng cách suy tư, suy tư như vậy.

Vậy này Sariputta, các Ông **cần phải học tập như sau: "Sau khi suy tư, suy tư, chúng ta sẽ làm cho khát thực được thanh tịnh"**. Này Sariputta, các Ông phải tu tập như vậy.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Sariputta hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

83 Không bao giờ thỏa mãn - Kinh KHÔNG THỎA MÃN – Tăng I, 473

KHÔNG THỎA MÃN – *Tăng I, 473*

- ❖ Đây các Tỷ-kheo, hưởng thọ ba sự ở đời, không bao giờ thỏa mãn. Thế nào là ba?
 - Hưởng thọ ngủ nghỉ, không bao giờ thỏa mãn.
 - Hưởng thọ rượu men rượu nấu, không bao giờ thỏa mãn.
 - Hưởng thọ sự dâm dục giao hợp, không bao giờ thỏa mãn.

84 Không bao giờ vừa đủ - Kinh HATTHAKA – Tăng I, 508

HATTHAKA – Tăng I, 508

1. Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetanava, khu vườn của Anàthapindika.

Rồi [Thiên tử Hatthaka](#), sau khi đêm đã gần tàn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetanava đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, vị ấy nghĩ: "Ta sẽ đứng thẳng trước Thế Tôn", nhưng vì ấy chìm xuống, lún xuống, không có thể đứng thẳng. Ví như thực tô hay dầu đổ trên cát, chìm xuống, lún xuống, không thể giữ lại. Cũng vậy, Thiên tử Hatthaka nghĩ rằng: "Ta sẽ đứng thẳng trước mặt Thế Tôn", nhưng vì ấy chìm xuống, lún xuống, không thể đứng thẳng.

2. Rồi Thế Tôn nói với Thiên tử Hatthaka:

- Này Hatthaka, hãy hóa thành một tự thể thô xấu.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Thiên tử Hatthaka vâng đáp Thế Tôn sau khi hóa thành một tự thể thô xấu, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Thế Tôn nói với Thiên tử Hatthaka đang đứng một bên:

- Nay Hatthaka, các pháp được diễn tiến trước kia, khi Ông còn làm người, các pháp ấy hiện nay còn diễn tiến đối với Ông không?

- Bạch Thế Tôn, các pháp được diễn tiến trước kia, khi con còn làm người, các pháp ấy hiện nay có được diễn tiến đối với con. Và bạch Thế Tôn, có các pháp không được diễn tiến trước kia, khi con còn làm người, các pháp ấy có được diễn tiến hiện nay đối với con. Ví như, bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn sống, được các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-Ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, các vua chúa, các đại thần của vua, các ngoại đạo, các đệ tử ngoại đạo đoanh vây. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, con sống được các Thiên tử đoanh vây. Từ xa, bạch Thế Tôn, các Thiên tử đi đến, nghĩ rằng: "Chúng ta hãy đến nghe pháp từ Thiên tử Hatthaka".

Có ba pháp, bạch Thế Tôn, con cảm thấy không bao giờ vừa đủ, con chết con vẫn còn ân hận luyến tiếc. Thế nào là ba?

- Bạch Thế Tôn, con cảm thấy không bao giờ vừa đủ được thấy Thế Tôn, con chết con vẫn còn ân hận luyến tiếc.
- Bạch Thế Tôn, con cảm thấy không bao giờ vừa đủ được nghe Diệu pháp, con chết con vẫn còn ân hận luyến tiếc.

- *Bạch Thế Tôn, con cảm thấy không bao giờ vừa đủ được phục vụ hầu hạ chúng Tăng, con chết con vẫn còn ân hận luyến tiếc.*

Có ba pháp này, bạch Thế Tôn, con cảm thấy không bao giờ vừa đủ. Con chết con vẫn còn ân hận luyến tiếc.

*Con thấy không vừa đủ
Khi được gặp Thế Tôn
Được phục vụ chúng Tăng
Được lắng nghe Diệu pháp
Học tập tăng thượng giới
Thích thú nghe Diệu pháp
Do đối với ba pháp
Cảm thấy không vừa đủ
Thiên tử Hatthaka
Được sanh Vô phiền thiên.*

85 Không bao lâu nhập vào bất động - Kinh NGHE PHÁP – Tăng II, 503

NGHE PHÁP – Tăng II, 503

1. - Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo thực hành **Niệm hơi thở vô hơi thở ra, không bao lâu thể nhập vào bất động.**

2. Thế nào là năm?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **muốn không có nhiều**, công việc không có nhiều, nuôi sống dễ dàng, khéo tri túc với những nhu yếu ở đời,
- **Ăn uống ít**, không chuyên lo về bao tử;
- **Ít thụ miên, chuyên chú trong giác tỉnh;**
- **Nghe nhiều**, thọ trì nhiều, tích lũy điều đã nghe; các pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, tán thán Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh, các pháp ấy, Tỷ-kheo đã nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ nhờ đọc nhiều lần, chuyên ý quán sát, khéo thành tựu nhờ chánh kiến;
- **Quán sát tâm như đã được giải thoát.**

Thánh tự năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thực hành Niệm hơi thở vô hơi thở ra, không bao lâu thể nhập vào bất động.

86 Không bao lâu nhập vào bất động - Kinh NÓI CHUYỆN – Tăng II, 504

NÓI CHUYỆN – Tăng II, 504

1. - Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập **Niệm hơi thở vô hơi thở ra, không bao lâu thể nhập vào bất động.**

2. Thế nào là năm?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **muốn không có nhiều**, việc làm không có nhiều, nuôi sống dễ dàng, khéo tri túc với những nhu yếu ở đời;
- **Ăn uống ít**, không chuyên lo về bao tử;
- **Ít thụy miên**, chuyên chú vào giác tỉnh;
- Đối với các **câu chuyện nghiêm trang, khai tâm**, như câu chuyện về ít dục, câu chuyện về tri túc, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về không hội hợp, câu chuyện về tinh cần tinh tấn, câu chuyện về giới, câu chuyện về định, câu chuyện về tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát tri kiến, các câu chuyện ấy, vị ấy có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức;
- **Vị ấy quán sát tâm như đã được giải thoát.**

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo tu tập Niệm hơi thở vô hơi thở ra, không bao lâu thể nhập vào bất động.

87 Không bao lâu nhập vào bất động - Kinh RỪNG – Tăng II, 505

RỪNG – Tăng II, 505

1. - Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm cho sung mãn **Niệm hơi thở vô hơi thở ra, không bao lâu thể nhập vào bất động.**

2. Thế nào là năm?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **muốn không có nhiều**, việc làm không có nhiều, nuôi sống dễ dàng, khéo tri túc với những nhu yếu ở đời;
- **Ăn uống ít**, không chuyên lo về bao tử,
- **Ít thùy miên**, chuyên chú vào giác tỉnh;
- **Sống ở trong rừng, sống tại các sàng tọa xa vắng;**
- **Quán sát tâm như đã được giải thoát.**

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo làm cho sung mãn Niệm hơi thở vô hơi thở ra, không bao lâu thể nhập vào bất động.

88 Không bao lâu sẽ nghĩ đến xuất gia - Kinh HATTHISÀRIPUTTA – Tăng III, 183

HATTHISÀRIPUTTA – *Tăng* III, 183

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở Bārāṇasī tại Isipatana, vườn Lộc Uyển. Lúc bấy giờ, nhiều vị Tỷ-kheo trưởng lão, sau buổi ăn, sau khi đi khát thực trở về, ngồi tụ họp tại ngôi nhà hình tròn và thuyết về Thắng pháp luận. Tại đấy, Tôn giả Hatthisàriputta, trong khi các tỷ-kheo trưởng lão đang thuyết về *Thắng pháp luận*, lại nói xen vào chặng giữa.

Rồi Tôn giả Mahàkotthita nói với Tôn giả Hatthisàriputta:

- Tôn giả Citta Hatthisàriputta, trong khi các tỷ-kheo trưởng lão đang thuyết về Thắng pháp luận, chớ có nói xen vào chặng giữa! Tôn giả Citta hãy chờ cho đến cuối câu chuyện.

Được nghe nói vậy, các Tỷ-kheo bạn bè của Tôn giả Citta Hatthisàriputta nói với Tôn giả Mahàkotthita:

- Tôn giả Kotthita chớ có bắt măn Tôn giả Citta Hatthisàriputta! Tôn giả Citta Hatthisàriputta là bậc

Hiền trí. Tôn giả Citta Hatthisàriputta có thể nói chuyện về Thắng pháp luận với các Tỷ-kheo trưởng lão và thật rất khó lòng cho các Hiền giả để biết được tâm tư của người khác.

2. - Ở đây, thưa các Hiền giả, có hàng người, khi còn sống gần vị Bôn sư hay sống gần một vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò y chỉ sư, trong khi ấy, là người nhu hòa nhất trong những người nhu hòa, là người khiêm tốn nhất trong những người khiêm tốn, là người an tĩnh nhất trong những người an tĩnh. Khi người ấy rời khỏi bậc Đạo Sư, rời khỏi các vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò y chỉ sư, vị ấy sống giao thiệp với các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo-ni, với các nam cư sĩ, nữ cư sĩ, với các vua chúa, các đại thần của vua, với các ngoại đạo, các đệ tử ngoại đạo. Do vì ấy sống giao thiệp, phóng túng, thô lỗ, đam mê nói chuyện, tham ái tấn công tâm vị ấy. Vì ấy, với tâm bị tham ái tấn công, liền từ bỏ học pháp và hoàn tục.

Ví như, này các Hiền giả, một con bò ăn lúa, bị dây cột lại, hay bị nhốt trong chuồng. Này Hiền giả, nếu có ai nói như sau: "Con bò ăn lúa này sẽ không bao giờ đi xuống ruộng lúa nữa", nói như vậy, thưa các Hiền Giả, là nói một cách chơn chánh không?

- Thưa không, thưa Hiền giả, sự kiện này, thưa Hiền giả, có xảy ra: Con bò ăn lúa ấy, sau khi bứt dây, hay phá sập chuồng, có thể xuống ruộng lúa nữa.

Cũng vậy, này các Hiền giả, ở đây, một số người khi còn sống gần vị Bôn Sur, hay sống gần một vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò y chỉ sư, trong khi ấy, là người nhu hòa nhất trong những người nhu hòa, là người khiêm tốn nhất trong những người khiêm tốn, là người an tịnh nhất trong những người an tịnh. Khi người ấy rời khỏi bậc Đạo Sư, rời khỏi vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò y chỉ sư, vị ấy sống giao thiệp với các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo-ni, với các nam cư sĩ, nữ cư sĩ, với các vua chúa, các đại thần của vua, với các ngoại đạo, các đệ tử ngoại đạo. Do vị ấy sống giao thiệp, phóng túng, thô lỗ, đam mê nói chuyện, tham ái tấn công tâm vị ấy. Vị ấy, với tâm bị tham ái tấn công, liền từ bỏ học pháp và hoàn tục.

3. Ví như có hàng người ly dục..., chứng và trú sơ Thiên. Với tư tưởng: "Ta đã được sơ Thiên", vị ấy sống giao thiệp với các Tỷ-kheo... từ bỏ học pháp và hoàn tục.

Ví như, này các Hiền giả, một cơn mưa to lớn xảy ra tại ngã tư đường, khiến cho bụi bặm biến mất và bùn hiện ra. Này các Hiền giả, nếu có ai nói như sau: "Nay tại ngã tư đường này, bụi sẽ không hiện ra nữa". Người ấy nói như vậy có nói một cách chơn chánh không?

- Thưa không, thưa Hiền giả. Sự kiện này có xảy ra, thưa Hiền giả: "Tại ngã tư đường này, có người đi

qua, hay có trâu bò đi qua, hay gió và nóng có thể làm cho khô khí ẩm ướt và bụi sẽ hiện ra trở lại.

- Cũng như vậy, thưa các Hiền giả, ở đây có hạng người ly dục... chứng và trú Thiền thứ nhất. Vị ấy, với ý nghĩa: "Ta đã chứng sơ thiền", sống giao thiệp với các Tỷ-kheo... từ bỏ học pháp và hoàn tục.

4. Ở đây, này các Hiền giả, có hạng người làm cho tịnh chỉ tâm và tứ... chứng và trú Thiền thứ hai. Vị ấy, với ý nghĩa: "Ta đã chứng được Thiền thứ hai", giao thiệp với các Tỷ-kheo... từ bỏ học pháp và hoàn tục.

Ví như, thưa các Hiền giả, một hồ nước lớn gần một làng hay thị trấn. Tại đây, một cơn mưa to xảy đến, khiến cho các loài sò ốc, các đá sỏi biến mất. Thưa các Hiền giả, nếu có ai nói như sau: "Nay tại hồ nước này, các loại sò ốc, các đá sỏi sẽ không xuất hiện ra nữa". Người ấy nói như vậy có nói một cách chơn chánh không?

- Thưa không, thưa Hiền giả. Sự kiện này có xảy ra, thưa Hiền giả: Tại hồ nước này, loài Người có thể uống, hay loài trâu bò có thể uống, hay gió và sức nóng có thể làm cho khô khí ẩm ướt, và các loài sò ốc, các đá sỏi có thể xuất hiện ra lại.

- Cũng vậy, thưa các Hiền giả, ở đây có hạng người làm cho tịnh chỉ tâm và tứ... chứng và trú Thiền thứ hai. Vị ấy với ý nghĩ: "Ta đã chứng được Thiền thứ

hai", giao thiệp với các Tỷ-kheo... từ bỏ học pháp và hoàn tục.

5. Ở đây, thừa các Hiền giả, có hạng người từ bỏ hỷ... chúng và trú Thiền thứ ba. Vì ấy với ý nghĩ: "Ta đã chứng được Thiền thứ ba", giao thiệp với các Tỷ-kheo... từ bỏ học pháp và hoàn tục.

Ví như, thừa các Hiền giả, có người đã ăn đồ ăn thượng vị, không ưa thích các đồ ăn hôm qua để lại. Thừa các Hiền giả, nếu ai nói như sau: "Nay người này không còn ưa thích đồ ăn nữa", thừa các Hiền giả, người ấy nói như vậy có nói một cách chơn chánh không?

- Thừa không, thừa Hiền giả. Sự kiện có xảy ra: Người này, thừa Hiền giả, khi ăn đồ ăn thượng vị, cho đến khi nào chất dinh dưỡng còn tồn tại trong thân, cho đến khi ấy, không có một món ăn nào khác sẽ làm vị ấy ưa thích. Cho đến khi chất dinh dưỡng tiêu mất, khi ấy món ăn có thể làm cho vị ấy ưa thích.

- Cũng vậy, này các Hiền giả, ở đây có hạng người từ bỏ hỷ... chúng và trú Thiền thứ ba, vì ấy với ý nghĩ: "Ta đã chứng được Thiền thứ ba", giao thiệp với các Tỷ-kheo... từ bỏ học pháp và hoàn tục.

6. Ví như, này các Hiền giả, có hạng người từ bỏ lạc, từ bỏ khổ... chúng đạt và an trú Thiền thứ tư. Vì ấy với ý nghĩ: "Ta đã chứng được Thiền thứ tư", giao thiệp với các Tỷ-kheo... từ bỏ học pháp và hoàn tục.

Ví như, này các Hiền giả, một hồ nước trong khe núi, không có gió, không có sóng. Rồi thưa các Hiền giả, nếu có ai nói như sau: "Nay trong hồ nước này sẽ không hiện ra sóng nữa", người ấy, thưa các Hiền giả, có nói một cách chơn chánh không?

- Thưa không, thưa Hiền giả. Sự kiện này có thể xảy ra: Nếu từ phương Đông, mưa to gió lớn đến, mưa to gió lớn ấy làm cho hồ nước ấy khởi sóng; nếu từ phương Tây... nếu từ phương Bắc... nếu từ phương Nam, mưa to gió lớn đến, mưa to gió lớn ấy làm cho hồ nước ấy khởi sóng.

- Cũng vậy, này các Hiền giả, ở đây có hạng người từ bỏ lạc, từ bỏ khổ... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Vì ấy với ý nghĩ: "Ta đã chứng được Thiền thứ tư", giao thiệp với Tỷ-kheo... từ bỏ học pháp và hoàn tục.

7. Ở đây, này các Hiền giả, có hạng người không tác ý tất cả các tướng, chứng đạt và an trú vô tướng tâm định. Vì ấy, với ý nghĩ: "Ta đã chứng đạt được vô tướng tâm định", sống giao thiệp với các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo-ni, với các nam cư sĩ, nữ cư sĩ, với các vua chúa, đại thần các vua chúa, với các ngoại đạo, các đệ tử ngoại đạo. Do vì ấy sống giao thiệp, phóng túng, thô lỗ, đam mê nói chuyện, nên tham ái tấn công tâm vì ấy. Vì ấy, với tâm bị tham ái tấn công, liền từ bỏ học pháp và hoàn tục.

Ví như, thưa các Hiền giả, một vị vua, hay đại thần của vua, đang đi giữa đường cùng với bốn loại binh chủng, đến trú ở một đêm tại một khóm rừng. Ở đây, do tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng bộ binh, tiếng trống lớn, trống nhỏ, tiếng tù và, nên tiếng của con đé biến mất. Rồi này các Hiền giả, có người nói như sau: "Nay trong khóm rừng này, tiếng kêu của con đé không hiện ra nữa". Người ấy nói như vậy, thưa các Hiền giả, có nói một cách chơn chánh không?

- Thưa không, thưa Hiền giả. Sự kiện này có xảy ra, thưa Hiền giả: Khi nào vua hay vị đại thần của vua ra đi khỏi khóm rừng này, khi ấy tiếng con đé kêu sẽ hiện hữu.

- Cũng vậy, thưa các Hiền giả, ở đây, có hạng người do không tác ý tất cả các tướng, chúng đạt và an trú vô tướng tâm định. Vị ấy, với ý nghĩ: "Ta đạt được vô tướng tâm định", sống giao thiệp với các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo-ni, với các nam cư sĩ, nữ cư sĩ, với các vua chúa, các đại thần của vua, với các ngoại đạo, các đệ tử ngoại đạo. Do vị ấy sống giao thiệp, phóng túng, thô lỗ, đam mê nói chuyện, nên tham ái tấn công tâm vị ấy. Vị ấy, với tâm bị tham ái tấn công, liền từ bỏ học pháp và hoàn tục.

8. Rồi Tôn giả Citta Hatthisàriputta sau một thời gian từ bỏ học pháp và hoàn tục. Rồi các Tỷ-kheo, bạn của Tôn giả Citta Hatthisàriputta đi đến Tôn giả

Mahàkotthita, sau khi đến nói với Tôn giả Mahàkotthita:

- Có phải Tôn giả Mahàkotthita biết được tâm của Citta Hatthisàriputta với tâm của mình: "Citta Hatthisàriputta đã chứng quả chứng này, quả chứng này ", hay là chư Thiên báo cho biết về vấn đề này; tuy vậy, vị ấy sẽ từ bỏ học pháp và hoàn tục?

- Thừa chư Hiền, tôi biết được tâm của Citta Hatthisàriputta với tâm của tôi, rằng Citta đã chứng được quả chứng này, quả chứng này, và chư Thiên cũng báo cho biết về vấn đề này: "Thưa Tôn giả, Citta Hatthisàriputta đã chứng được quả chứng này, quả chứng này, nhưng vị ấy sẽ từ bỏ học pháp và hoàn tục".

Rồi các bạn bè của Citta Hatthisàriputta đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Citta Hatthisàriputta đã chứng được quả chứng này, quả chứng này, nhưng đã từ bỏ học pháp và hoàn tục.

- Nay các Tỷ-kheo, *Citta không bao lâu sẽ nghĩ đến xuất ly.*

9. Rồi Citta Hatthisàriputta không bao lâu cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Rồi Tôn giả Citta Hatthisàriputta sống một

mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu chứng được mục đích mà các thiện nam tử chân chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, hướng đến. Đó là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, vị ấy ngay trong hiện tại đã tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết rõ rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

Và Tôn giả Citta Hatthisàriputta trở thành một vị A-la-hán.

89 Không bao lâu thể nhập vào bất động - Kinh BẤT ĐỘNG – Tăng II, 503

BẤT ĐỘNG – Tăng II, 503

1. - Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không bao lâu thể nhập vào bất động.

2. Thế nào là năm?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được **ngĩa** vô ngại giải,
- Đạt được **pháp** vô ngại giải,
- Đạt được **từ** vô ngại giải,
- Đạt được **biện tài** vô ngại giải,
- Quán sát tâm như đã giải thoát.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không bao lâu thể nhập vào bất động.

NGHE PHÁP – Tăng II, 503

1. - Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo thực hành **Niệm hơi thở vô hơi thở ra**, không bao lâu thể nhập vào bất động.

2. Thế nào là năm?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **muốn không có nhiều**, công việc không có nhiều, nuôi sống dễ dàng, khéo tri túc với những nhu yếu ở đời,
- **Ăn uống ít**, không chuyên lo về bao tử;
- **Ít thùy miên, chuyên chú trong giác tỉnh**;
- **Nghe nhiều**, thọ trì nhiều, tích lũy điều đã nghe; các pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, tán thán Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh, các pháp ấy, Tỷ-kheo đã nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ nhờ đọc nhiều lần, chuyên ý quán sát, khéo thành tựu nhờ chánh kiến;
- **Quán sát tâm như đã được giải thoát.**

Thánh tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thực hành Niệm hơi thở vô hơi thở ra, không bao lâu thể nhập vào bất động.

NÓI CHUYỆN – Tăng II, 504

1. - **Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập Niệm hơi thở vô hơi thở ra, không bao lâu thể nhập vào bất động.**

2. Thế nào là năm?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **muốn không có nhiều**, việc làm không có nhiều, nuôi sống dễ dàng, khéo tri túc với những nhu yếu ở đời;
- **Ăn uống ít**, không chuyên lo về bao tử;
- **Ít thụy miên, chuyên chú vào giác tỉnh**;
- Đối với các **câu chuyện nghiêm trang, khai tâm**, như câu chuyện về ít dục, câu chuyện về tri túc, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về không hội hợp, câu chuyện về tinh cần tinh tấn, câu chuyện về giới, câu chuyện về định, câu chuyện về tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát tri kiến, các câu chuyện ấy, vị ấy có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức;
- **Vị ấy quán sát tâm như đã được giải thoát.**

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo tu tập Niệm hơi thở vô hơi thở ra, không bao lâu thể nhập vào bất động.

RỪNG – *Tăng II*, 505

1. - **Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm cho sung mãn Niệm hơi thở vô hơi thở ra, không bao lâu thể nhập vào bất động.**

2. Thế nào là năm?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo muốn không có nhiều, việc làm không có nhiều, nuôi sống dễ dàng, khéo tri túc với những nhu yếu ở đời;
- Ăn uống ít, không chuyên lo về bao tử,
- Ít thụy miên, chuyên chú vào giác tỉnh;
- Sống ở trong rừng, sống tại các sàng tọa xa vắng;
- Quán sát tâm như đã được giải thoát.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo làm cho sung mãn Niệm hơi thở vô hơi thở ra, không bao lâu thể nhập vào bất động.

90 Không bao lâu đạt sự lớn mạnh.. - Kinh LỚN MẠNH – Tăng III, 244

LỚN MẠNH – Tăng III, 244

1. - Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không bao lâu chứng đạt sự lớn mạnh, sự tăng trưởng trong các thiện pháp.

Thế nào là sáu?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo nhiều ánh sáng,
- Nhiều quán hạnh,
- Nhiều hoan hỷ,
- Nhiều không tự bằng lòng,
- Không từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp,
- Đi thẳng đến bờ kia.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không bao lâu chứng đạt sự lớn mạnh, sự tăng trưởng trong các thiện pháp.

91 Không bao lâu đạt được lậu tận - Kinh BẢY PHÁP – Tăng III, 395

BẢY PHÁP – Tăng III, 395

1. - Nay các Tỷ-kheo, thành tựu bảy pháp, Tỷ-kheo không bao lâu diệt tận các lậu hoặc... chứng ngộ, chúng đạt và an trú. Thế nào là bảy?

2. Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo *có lòng tin, có giữ giới, có nghe nhiều, sống Thiền tịnh, tinh cần tinh tấn, có chánh niệm, có trí tuệ.*

Thành tựu bảy pháp này, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không bao lâu, do diệt tận các lậu hoặc chứng ngộ, chúng đạt và an trú.

92 Không bao lâu đạt đến lớn mạnh các thiện pháp - Kinh NGƯỜI BUÔN BÁN 2 – Tăng I, 207

NGƯỜI BUÔN BÁN 2 – Tăng I, 207

❖ Thành tựu với ba chi phần, này các Tỷ-kheo, người buôn bán không bao lâu đạt được về tài sản lớn mạnh và rộng lớn. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người buôn bán **có mắt, khéo phần đấu, xây dựng được cơ bản.**

➔ Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người buôn bán có mắt?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người buôn bán **biết các thương phẩm. Vật này mua như vậy, bán như vậy, sẽ đưa lại tiền như vậy, tiền lời như vậy.** Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người buôn bán có mắt.

➔ Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là người buôn bán khéo phần đấu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người thương gia **khéo léo mua và bán các thương phẩm.** Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người buôn bán khéo phần đấu.

➔ Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người thương gia xây dựng được căn bản?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người buôn bán được các gia chủ hay con các gia chủ, được các nhà giàu, có tiền bạc lớn, có tài sản lớn biết đến như sau: "Người buôn bán này là người có mắt, khéo phân đấu, có đủ sức cấp dưỡng vợ con, và thường thường trả tiền lời cho chúng ta. Chúng ta trao hàng hóa cho người này: "Này Bạn thương gia, hãy lấy tiền này, xây dựng tài sản để nuôi dưỡng vợ con và thường thường trả tiền lời cho chúng tôi". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người buôn bán xây dựng được cơ bản.

Thành tựu với ba chi phần này, này các Tỷ-kheo, người buôn bán, không bao lâu đạt đến tài sản lớn mạnh và rộng lớn.

❖ Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu với ba pháp, vị Tỷ-kheo không bao lâu, đạt đến lớn mạnh và rộng lớn về các thiện pháp. Thế nào là ba?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **có mắt, khéo phân đấu và xây dựng được cơ bản.**

➔ Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo có mắt?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **như thật biết rõ: "Đây là khổ"**... như thật rõ biết: "Đây là con Đường đưa đến Khổ diệt". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo có mắt.

➔ Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo khéo phân đấu?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **sống tinh cần tinh tấn**, đoạn tận các pháp bất thiện, làm cho sanh khởi các pháp thiện, đồng mãn, kiên trì, tinh tấn, không có từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo khéo phần đầu.

➔ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo xây dựng được cơ bản?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các Tỷ-kheo **nghe nhiều**, thông hiểu các tập À-gà-ma (A-hàm) bậc trì Pháp, trì Luật, trì Toát yếu, thường thường đến yết kiến, phỏng vấn, đặt các câu hỏi: "Thưa Tôn giả, cái này là thế nào? Pháp này ý nghĩa gì?" Các Tôn giả ấy mở rộng những gì chưa được mở rộng, phơi bày những gì chưa được phơi bày, và đối với những đoạn sai khác còn có chỗ nghi ngờ, các vị ấy giải thích các sự nghi ngờ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo xây dựng được cơ bản.

Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không bao lâu, đạt đến sự lớn mạnh và rộng lớn về các thiện pháp.

93 Không bí mật, không che giấu - Kinh CHE GIẤU – Tăng I, 516

CHE GIẤU – Tăng I, 516

1. - *Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ. Thế nào là ba?*

- *Sở hành của nữ nhân, được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ.*
- *Chú thuật của Bà-la-môn, được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ.*
- *Tà kiến, được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ.*

Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ.

2. *Này các Tỷ-kheo, ba pháp này chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu.*

- *Vành tròn của mặt trăng, chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu.*
- *Vành tròn của mặt trời, chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu.*
- *Pháp luật được Thế Tôn tuyên thuyết, chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu.*

Ba pháp này chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu.

94 Không bệnh lợi tôi thượng - Kinh MAGANDIYA – 75 Trung II, 353

KINH MAGANDIYA (Magandiya sutta)

– Bài kinh số 75 – Trung II, 353

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú giữa dân chúng Kuru, tại thị trấn của dân chúng Kuru tên là Kammasadhamma, trên thảm cỏ trong nhà lửa của một Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, vào Kammasadhamma để khát thực. Đi khát thực ở Kammasadhamma xong, sau bữa ăn, trên đường khi khát thực về, Thế Tôn đi đến một khu rừng để nghỉ trưa. Sau khi đi sâu vào khu rừng ấy, Thế Tôn đến ngồi dưới một gốc cây để nghỉ trưa.

Rồi du sĩ Magandiya, trong khi đi bộ ngao du cùng khắp, đến tại ngôi nhà lửa của Bà-la-môn thuộc họ Bharadvaja. Du sĩ Magandiya thấy thảm cỏ đã soạn sẵn trong nhà lửa của vị Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja, khi thấy vậy liền nói với Bà-la-môn

thuộc dòng họ Bharadvaja:

– Tắm tắm cỏ này trong nhà lửa của Tôn giả Bharadvaja đã được sửa soạn cho ai, hình như là chỗ nằm ngủ của một Sa-môn?

– Thừa Tôn giả Magandiya, có Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Sakya (Thích-ca). Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Gotama: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn". Chỗ nằm này được sửa soạn cho Tôn giả Gotama ấy.

– Thật sự, này Tôn giả Bharadvaja, chúng tôi thấy một sự bất hạnh khi chúng tôi thấy chỗ ngủ của Tôn giả Gotama, một vị phá hoại sự sống (bhunahuno).

– Này Magandiya, hãy thận trọng lời Ông nói. Này Magandiya, hãy thận trọng lời Ông nói. Nhiều vương tộc trí giả, nhiều Bà-la-môn trí giả, nhiều Cư sĩ trí giả, nhiều Sa-môn trí giả có lòng tin nơi Tôn giả Gotama ấy, và đã tu tập theo Thánh đạo, theo Pháp và theo (chí) Thiện.

– Này Tôn giả Bharadvaja, nếu chúng tôi thấy

mặt Tôn giả Gotama, chúng tôi sẽ nói như sau trước mặt vị ấy: "Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống". Vì sao vậy? Thánh điển của chúng tôi đã truyền lại như vậy.

– Nếu Tôn giả Magandiya hoan hỷ, tôi sẽ tin lại sự tình này cho Sa-môn Gotama biết.

– Tôn giả Bharadvaja hãy yên lòng, và hãy nói lên những điều gì đã được nói.

Thế Tôn với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân nghe được câu chuyện giữa Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja và du sĩ Magandiya. Và Thế Tôn vào buổi chiều, từ Thiên tịnh độ cư đứng dậy, đi đến nhà lửa của Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja, sau khi đến liền ngồi trên thảm cỏ đã soạn sẵn. Rồi Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja đang ngồi một bên:

– Nay Bharadvaja, có phải có cuộc nói chuyện giữa du sĩ Magandiya với Ông về vấn đề thảm cỏ này?

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Bharadvaja hoảng hốt, lông tóc dựng ngược, bạch Thế Tôn:

– Chính là điều chúng con muốn thưa với Tôn giả Gotama và Tôn giả Gotama đã đoán trước chúng con.

Nhưng cuộc nói chuyện này giữa Thế Tôn và Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja nói chưa xong, du sĩ Magandiya, khi đi bộ ngao du cùng khắp, đến tại ngôi nhà lửa của Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja, đến tại chỗ Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, và sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liên ngôi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với du sĩ Magandiya đang ngồi một bên:

– *Này Magandiya, con mắt ưa thích sắc, ái lạc sắc, hoan hỷ sắc, và Như Lai nhiếp phục, thủ hộ, hộ trì con mắt và thuyết pháp để phòng hộ con mắt. Này Magandiya, có phải vì vậy mà Ông nói: "Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống?"*

– Chính vì vậy, Tôn giả Gotama, mà tôi nói: "Sa-môn Gotama phá hoại sự sống". Vì sao vậy? Thánh điển của chúng tôi đã truyền lại như vậy.

– Này Magandiya, tai ưa thích tiếng... Này

Magandiya, mũi ưa thích hương... Đây Magandiya, lưỡi ưa thích vị... Đây Magandiya, thân ưa thích xúc... Đây Magandiya, ý ưa thích pháp, ái lạc pháp, hoan hỷ pháp và Như Lai nhiếp phục, thủ hộ, hộ trì ý và thuyết pháp để phòng hộ ý. Đây Magandiya, có phải vì vậy mà ông nói: "Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống?"

– Chính vì vậy, Tôn giả Gotama, mà tôi nói: "Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống". Vì sao vậy? Thánh điển của chúng tôi đã truyền lại như vậy.

– Ông nghĩ thế nào, này Magandiya? Ở đây, có người trước kia đam mê các sắc pháp do mắt nhận thức, các sắc pháp này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Người ấy sau một thời gian, sau khi như chơn biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các sắc pháp, sau khi đoạn tận sắc ái, sau khi trừ diệt nhiệt nã đối với sắc pháp, người này trừ với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Đây Magandiya, Ông có nói gì về người này?

– Không có gì, Tôn giả Gotama.

– Ông nghĩ thế nào? Đây Magandiya, ở đây, có người trước kia đam mê các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận

thức... các xúc do thân nhận thức, các xúc này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Người ấy sau một thời gian, sau khi như chơn biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các xúc, sau khi đoạn tận xúc ái, sau khi trừ diệt nhiệt nã đối với các xúc, người này trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Nay Magandiya, Ông có nói gì về người này?

– Không có gì, Tôn giả Gotama.

– Nay Magandiya, Ta thuở trước, khi còn là tại gia, Ta sống hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn, năm dục trường dưỡng, các sắc pháp do mắt nhận thức, các sắc pháp này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, các xúc này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nay Magandiya, Ta có ba tòa lâu đài, một cho mùa mưa, một cho mùa đông, một cho mùa hạ. Nay Magandiya, trong bốn tháng mùa mưa, Ta sống hưởng thụ trong lâu đài mùa mưa, được những nữ nhạc công giúp vui và không bước xuống khỏi lâu đài ấy. **Rồi Ta sau một thời gian, sau khi như chơn biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các dục vọng, sau khi**

đoạn tận dục ái, sau khi trừ diệt nhiệt não của các dục, Ta trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Rồi Ta thấy các chúng sanh khác, **chưa xả ly tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiền, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, đang chạy theo các dục.** Ta không ước vọng được như họ, ở đây, Ta không ham thích. Vì sao vậy? Vì rằng, này Magandiya, **có hỷ lạc này, ly dục, ly bất thiện pháp, sau khi chứng đạt Thiên lạc, được an trú, hoan hỷ trong hỷ lạc ấy. Ta không ao ước cái gì thấp kém,** ở đây, Ta không ham thích.

Ví như, này Magandiya, một gia chủ hay con một người gia chủ, giàu sang, tài vật nhiều, sở hữu nhiều, sống thọ hưởng một cách đầy đủ, một cách sung mãn, năm dục trưởng dưỡng, các sắc pháp do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn, các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Vị ấy, sau khi làm thiện thân hành, sau khi làm thiện khẩu hành, sau khi làm thiện ý hành, khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, đời này, cộng trú với chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba. Vị ấy ở đây, trong rừng Nandana, được chúng Thiên nữ vây quanh, thọ hưởng năm thiện dục trưởng dưỡng một

cách đầy đủ, một cách sung mãn. Vị ấy thấy người gia chủ hay con người gia chủ đang thọ hưởng năm dục trưởng dưỡng một cách đầy đủ, một cách sung mãn. Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Thiên tử ấy, được chúng Thiên nữ vây quanh, thọ hưởng năm thiên dục trưởng dưỡng một cách đầy đủ, một cách sung mãn, vị ấy có ước vọng được như người gia chủ ấy, hay con người gia chủ ấy; hay năm dục trưởng dưỡng thuộc loài Người, hay trở lui về với các dục thuộc loài Người?

– Không có vậy, thưa Tôn giả Gotama! Vì sao vậy? Vì thiên dục, thưa Tôn giả Gotama, là kỳ diệu hơn, là vi diệu hơn nhân dục.

– Cũng vậy, này Magandiya, Ta thuở trước, khi còn là tại gia. Ta hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn các dục trưởng dưỡng các sắc pháp do mắt nhận thức, các sắc pháp này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn, các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, các xúc này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Rồi Ta sau một thời gian, sau khi chơn biết được sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các dục, sau khi đoạn tận dục ái, sau khi trừ diệt nhiệt não của các dục, Ta trú với

khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Rồi Ta thấy các chúng sanh khác chưa xả ly tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiền, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, đang chạy theo các dục. Ta không ước vọng được như họ, ở đây, Ta không ham thích. Vì sao vậy? Vì rằng, này Magandiya, có hỷ lạc này, ly dục, ly bất thiện pháp, sau khi chứng đạt thiên lạc được an trú, hoan hỷ trong hỷ lạc ấy. Ta không ao ước cái gì thấp kém; ở đây, Ta không ham thích.

Ví như, này Magandiya, một người bị bệnh cùi; với thân (đầy) những lở loét, với thân hư thối, nứt chảy, bị các loại trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, hơ đốt thân mình trên hố than hồng. Các bạn bè thân hữu, bà con huyết thống của người ấy mời một y sĩ khoa mổ xẻ. Vị y sĩ khoa mổ xẻ này cho người ấy thuốc. Người ấy dùng thuốc, được khỏi bệnh cùi, không bệnh, an lạc, tự do, tự tại, có thể đi chỗ nào người ấy muốn. Người ấy thấy một người bị bệnh cùi khác, với thân (đầy) những lở loét, với thân hư thối, nứt chảy, bị các loài trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, hơ đốt thân mình trên hố than hồng. Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Người ấy có ước vọng được như người cùi kia, hố than hồng, hay sự thọ dụng được liệu không?

– Không, thưa Tôn giả Gotama. Vì sao vậy? Thưa Tôn giả Gotama, khi có bệnh thời cần thuốc trị bệnh, khi không bệnh, thời không cần thuốc trị bệnh.

– Cũng vậy, này Magandiya, Ta thuở trước, khi còn là tại gia, Ta hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn, các dục trường dưỡng, các sắc pháp do mắt nhận thức, các sắc pháp này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn, các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc đo thân nhận thức, các xúc ấy là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Rồi Ta sau một thời gian, **sau khi như chon biết được sự tập khởi, sự diệt trừ, vi ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các dục, sau khi đoạn tận dục ái, sau khi trừ diệt nhiệt não của các dục, Ta trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh.** Rồi Ta thấy các chúng sanh khác chưa xả ly tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiền, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, đang chạy theo các dục. Ta không ước vọng được như họ; ở đây, Ta không ham thích. Vì sao vậy? Vì rằng, này Magandiya, có hỷ lạc này, ly dục, ly bất thiện pháp, sau khi chúng đạt thiên lạc, được an trú, hoan hỷ trong hỷ lạc ấy. Ta không ao ước cái gì thấp kém; ở đây Ta không ham thích.

Ví như, này Magandiya, một người bị bệnh cùi, với thân (đầy) những lở loét, với thân hư thối, nứt chảy, bị các loại trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, hơ đốt thân mình trên hố than hừng. Các bạn bè thân hữu, bà con huyết thống của người ấy mời một y sĩ khoa mổ xẻ. Vị y sĩ khoa mổ xẻ này cho người ấy thuốc. Người ấy dùng thuốc được khỏi bệnh cùi, không bệnh, an lạc, tự do, tự tại, có thể đi chỗ nào người ấy muốn. Rồi có hai lực sĩ, nắm chặt (hai) cánh tay người ấy và lôi kéo người ấy đến hố than hừng. Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Người ấy có co rút thân, vật qua vật lại phía này phía kia không?

– Thưa Tôn giả Gotama, có. Vì sao vậy? Vì sự xúc phạm với lửa, là đau khổ, thưa Tôn giả Gotama, rất là nóng cháy, rất là nhiệt nã.

– Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Có phải chỉ hiện tại sự xúc chạm với lửa ấy là đau khổ, rất là nóng cháy, rất là nhiệt nã, hay là trước đây, sự xúc chạm với lửa ấy đã là đau khổ, rất là nóng cháy, rất là nhiệt nã?

– Thưa Tôn giả Gotama, hiện tại sự xúc chạm với lửa ấy là đau khổ, rất là nóng cháy, rất là nhiệt nã, và xưa kia, sự xúc chạm với lửa ấy đã là đau

khô, rất là nồng cháy và rất là nhiệt não. Tuy vậy, thừa Tôn giả Gotama, kẻ bị bệnh cùi này, với thân (đây) những lở loét, với thân hư thối nứt chảy, bị các loài trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, với các căn bị hư hoại do sự xúc chạm đau khổ với ngọn lửa, **lại có phản tưởng là được lạc thọ.**

– Cũng vậy, này Magandiya, **sự xúc chạm với các dục** trong thời quá khứ cũng là đau khổ, rất là nồng cháy, rất là nhiệt não, và sự xúc chạm với các dục trong thời vị lai cũng là đau khổ, rất là nồng cháy, rất là nhiệt não, và sự xúc chạm với các dục trong thời hiện tại cũng là đau khổ, rất là nồng cháy, rất là nhiệt não. Và này Magandiya, **những chúng sanh này chưa đoạn trừ tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiền, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, với các căn bị hư hoại, do sự xúc chạm đau khổ với các dục, lại có phản tưởng là được lạc thọ.**

Ví như, này Magandiya, một người bị bệnh cùi thân (đây) lở loét, thân bị hư thối nứt chảy, bị các loài trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, hơ đốt thân mình trên hố than hồng. Này Magandiya, người bị bệnh cùi với thân (đây) lở loét, thân bị hư thối nứt chảy, bị các loài trùng đục khoét, càng cào rách miệng các vết thương với các

*móng tay, càng hơ đốt thân mình trên hố than
hừng chừng nào thời miệng các vết thương ấy lại
càng thêm bất tịnh, càng thêm hôi thối và càng
thêm thối nát, và người ấy chỉ có cảm giác dễ chịu,
thỏa thích do nhân duyên gãi ngứa miệng các vết
thương.*

Cũng vậy, này Magandiya, các chúng sanh
chưa đoạn trừ tham ái đối với các dục, đang bị các
dục ái nhai nghiền, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt,
chạy theo các dục. Này Magandiya, các chúng sanh,
chưa đoạn trừ tham ái đối với các dục, đang bị các
dục ái nhai nghiền, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt,
càng chạy theo dục chừng nào, thời dục ái các
chúng sanh ấy càng tăng trưởng, càng bị dục nhiệt
não thiêu đốt, và họ chỉ có cảm giác dễ chịu, thỏa
thích do duyên nắm dục trưởng dưỡng.

*Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Ông có thấy
hay nghe một vị vua hay vị đại thần của vua hưởng
thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn nắm dục
trưởng dưỡng, dục ái chưa được đoạn tận, dục nhiệt
não chưa được trừ diệt, đã trú, đang trú hay sẽ trú
với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh không?*

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Lành thay, này Magandiya! Này Magandiya,

Ta cũng không thấy, cũng không nghe một vị vua hay vị đại thần của vua hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn năm dục trưởng dưỡng, dục ái chưa được đoạn tận, dục nhiệt não chưa được trừ diệt, đã trú, đang trú hay sẽ trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh.

☞ Nhưng này Magandiya, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đã sống, đang sống hay sẽ **sống với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh**, tất cả những vị này, sau khi như chơn biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các dục ấy, với dục ái được đoạn tận, với dục nhiệt não được trừ diệt, đã trú, đang trú hay sẽ trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm được an tịnh.

Rồi Thế Tôn, thời ấy nói lên cảm hứng ngữ như sau:

Không bệnh, lợi tối thắng,
Niết-bàn, lạc tối thắng,
Bát chánh là độc đạo,
An ổn và bất tử.

Khi được nghe vậy, du sĩ Magandiya bạch Thế Tôn:

– Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Lời này được Tôn giả Gotama khéo nói:

*Không bệnh, lợi tối thắng,
Niết-bàn, lạc tối thắng,*

Con cũng vậy, thưa Tôn giả Gotama, con cũng đã được nghe lời này, do các vị Tôn sư, đại Tôn sư các du sĩ đã nói:

*Không bệnh, lợi tối thắng,
Niết-bàn, lạc tối thắng,*

Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, lời nói này lời nói kia phù hợp nhau.

– Nhưng này Magandiya, điều mà Ông đã được nghe do các vị Tôn sư, đại Tôn sư các du sĩ đã nói:

*Không bệnh, lợi tối thắng,
Niết-bàn, lạc tối thắng,*

Thế nào là không bệnh? Thế nào là Niết-bàn?

Khi được nói vậy, du sĩ Magandiya, tự lấy tay xoa bóp chân tay của mình và nói:

– Thế nào là không bệnh, thưa Tôn giả Gotama?

Thế nào là Niết-bàn, thưa Tôn giả Gotama? Tôi nay không bệnh, an lạc, không có bệnh tật gì ở tôi.

– Này Magandiya, ví như người sanh ra đã mù, không thấy sắc đen hay sắc trắng, không thấy sắc xanh, không thấy sắc vàng, không thấy sắc đỏ, không thấy sắc đỏ tía, không thấy cái gì thẳng bằng, không thẳng bằng, không thấy các vì sao, không thấy mặt trăng, mặt trời. Người ấy nghe một người có mắt nói như sau: "Thật tốt đẹp thay tám vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh". Và người ấy tìm tám vải trắng. Rồi có một người khác đánh lừa người ấy với một tám y thô, dính dầu và đất và nói: "Này bạn, đây là tám vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh cho bạn". Người ấy lấy tám y ấy, sau khi lấy, đắp trên mình. Sau khi đắp trên mình, người ấy hoan hỷ thốt lên lời nói tự mãn: "Thật tốt đẹp thay tám vải trắng xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh".

Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Kẻ sanh ra đã mù kia, do biết, do thấy, lấy tám y thô, dính dầu và đất ấy để rồi sau khi lấy người ấy đắp trên mình, sau khi đắp trên mình; người ấy hoan hỷ thốt lên lời nói tự mãn: "Thật tốt đẹp thay, tám vải trắng xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh, hay là do lòng tin người có mắt?"

– Thừa Tôn giả Gotama, do không biết, không thấy, kẻ sanh ra đã mù kia lấy tấm y thô, dính dầu và đất ấy để rồi sau khi lấy, người ấy đắp trên mình, sau khi đắp trên mình, người ấy hoan hỷ thốt lên lời nói tự mãn: "Thật tốt đẹp thay tấm vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh" là do lòng tin người có mắt.

– Cũng vậy, này Magandiya, các du sĩ mù lòa, không có mắt, không biết không bệnh, không thấy Niết-bàn nhưng nói lên câu kệ này:

*Không bệnh, lợi tối thắng,
Niết-bàn, lạc tối thắng.*

☞ Này Magandiya, câu kệ này trong thời quá khứ đã được các bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nói lên:

*Không bệnh, lợi tối thắng,
Niết-bàn, lạc tối thắng.
Bát chánh là độc đạo,
An ổn và bất tử.*

Và câu kệ ấy này được dân dân lan tràn đến dân chúng phàm phu.

Nhưng này Magandiya, thân này trở thành bệnh

khô, trở thành cục bướu, trở thành mũi tên, trở thành bất hạnh, trở thành bệnh chướng và với thân trở thành bệnh khô, trở thành cục bướu, trở thành mũi tên, trở thành bất hạnh, trở thành bệnh chướng này, Ông nói: "Thưa Tôn giả Gotama, cái này là không bệnh ấy, cái này là Niết-bàn ấy". Như vậy, này Magandiya, Ông không có Thánh nhãn ấy, với Thánh nhãn ấy Ông có thể biết không bệnh, có thể thấy Niết-bàn.

– Con có lòng tin Tôn giả Gotama như sau: "Tôn giả Gotama có thể thuyết pháp cho ta để ta có thể biết không bệnh, có thể thấy Niết-bàn".

– Này Magandiya, ví như người sanh ra đã mù, không thấy sắc đen hay sắc trắng, không thấy sắc xanh, không thấy sắc vàng, không thấy sắc đỏ, không thấy sắc đỏ tía, không thấy cái gì thẳng bằng, không thấy thẳng bằng, không thấy các vì sao, không thấy mặt trăng, mặt trời. Các bạn bè thân hữu, bà con huyết thống của người ấy mời một y sĩ khoa mổ xẻ. Vị y sĩ khoa mổ xẻ này cho người ấy thuốc. Người ấy sau khi dùng thuốc, mắt không khởi lên, mắt không được sáng tỏ. Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Có phải vị thầy thuốc ấy cảm thấy mệt mỏi, phiền não không?

– Thưa vâng, Tôn giả Gotama.

Cũng vậy, này Magandiya, nếu Ta thuyết pháp cho Ông: "Đây là không bệnh ấy, đây là Niết-bàn ấy", và Ông không biết không bệnh, không biết Niết-bàn thời **như vậy làm Ta mệt mỏi, làm Ta phiền não.**

– Con có lòng tin Tôn giả Gotama như sau: "Tôn giả Gotama có thể thuyết pháp cho ta để ta có thể biết không bệnh, có thể thấy Niết-bàn".

– Này Magandiya, ví như người sanh ra đã mù, không thấy sắc đen hay sắc trắng, không thấy sắc xanh, không thấy sắc vàng, không thấy sắc đỏ, không thấy sắc đỏ tía, không thấy cái gì thẳng bằng, không thẳng bằng, không thấy các vì sao, không thấy mặt trăng, mặt trời. Người ấy nghe một người có mắt nói như sau: "Thật tốt đẹp thay tám vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh", và người ấy đi tìm tám vải trắng. Rồi có một người khác đánh lừa người ấy với một tấm y thô, dính dầu và đất và nói: "Này bạn, đây là tám vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh cho bạn". Người ấy lấy tấm y ấy. Sau khi lấy, người ấy đắp trên mình, sau khi đắp trên mình người ấy, các bạn bè thân hữu, bà con huyết thống của người ấy mời một y sĩ khoa mổ xẻ. Vị y sĩ khoa mổ xẻ này cho người ấy thuốc bài tiết các nhơ bẩn về phía trên, bài tiết các nhơ bẩn về phía dưới, xúc thuốc mắt, thoa dầu cho mắt, cho thuốc qua lỗ mũi. Người ấy

sau khi dùng thuốc, mắt được khởi lên, mắt được sáng tỏ. Với mắt được khởi lên, người ấy đoạn trừ tham dục đối với tầm y thô, dính dầu và dính đất kia, và người ấy có thể xem người kia là không phải bạn, có thể xem người kia là thù địch và nghĩ đến sát hại sinh mạng (của người kia): "Thật sự trong một thời gian dài, Ta bị người này lường gạt, lừa dối, phỉnh gạt với tầm y thô, dính dầu và đất: "Này bạn, đây là tấm vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh cho bạn".

Cũng vậy, này Magandiya, nếu Ta thuyết pháp cho Ông: "Đây là không bệnh ấy, đây là Niết-bàn ấy", Ông có thể biết không bệnh, Ông có thể thấy Niết-bàn. **Và với mắt được khởi lên cho Ông, lòng tham dục đối với năm thủ uẩn được đoạn trừ;** và Ông có thể nghĩ như sau: "Thật sự trong một thời gian dài, ta bị tâm này lường gạt, lừa dối, phỉnh gạt, chấp thủ sắc, ta đã chấp thủ, chấp thủ thọ, ta đã chấp thủ, chấp thủ tưởng, ta đã chấp thủ, chấp thủ các hành, ta đã chấp thủ, chấp thủ thức, ta đã chấp thủ. Do duyên chấp thủ ấy nơi ta, nên có hữu; do duyên hữu, có sanh; do duyên sanh, có già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não khởi lên. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ Khổ uẩn".

– Con có lòng tin Tôn giả Gotama như sau: "Tôn

giả Gotama có thể thuyết pháp cho ta khiến ta có thể từ chỗ ngồi này đứng dậy, không còn mù nữa".

– Vậy này Magandiya, hãy thân cận các vị chân nhân. Này Magandiya, do Ông thân cận các vị chân nhân, thời này Magandiya, Ông sẽ được nghe diệu pháp. Này Magandiya, do ông được nghe diệu pháp, thời này Magandiya, Ông sẽ sống đúng với Chánh pháp và tùy pháp. Này Magandiya, do Ông sống đúng với Chánh pháp và tùy pháp, thời này Magandiya, Ông sẽ tự mình biết, tự mình thấy: "Đây là những bệnh chướng, những cục bướu, những mũi tên. Ở đây, những bệnh chướng, những cục bướu, những mũi tên được trừ diệt, không có dư tàn". Do chấp thủ được diệt ở ta, nên hữu diệt; do hữu diệt, sanh diệt; do sanh diệt, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được diệt trừ. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này".

Khi được nghe nói vậy, du sĩ Magandiya bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thừa Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối

để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được các Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Con xin xuất gia với Tôn giả Gotama, con xin thọ đại giới.

– Nay Magandiya, ai trước kia là ngoại đạo nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong pháp và luật này phải sống **bốn tháng biệt trú**. Sau khi sống bốn tháng biệt trú, các Tỷ-kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo. Nhưng Ta nhận thấy các tánh con người sai biệt nhau.

– Thưa Tôn giả Gotama, nếu những người xưa kia là ngoại đạo, nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong pháp và luật này, phải sống bốn tháng biệt trú, sau khi sống bốn tháng biệt trú, các Tỷ-kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới; thời con sẽ xin sống biệt trú bốn năm, sau khi sống biệt trú bốn năm, nếu các Tỷ-kheo đồng ý, hãy cho con xuất gia, hãy cho con thọ đại giới để thành Tỷ-kheo.

Và du sĩ Magandiya được xuất gia với Thế Tôn, được thọ đại giới. Thọ đại giới không bao lâu, Tôn giả Magandiya ở một mình an tịnh, không phóng dật, sống nhiệt tâm, cần mẫn. **Và không bao lâu, vị này**

chúng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Đó là mục đích của vô thượng Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, với thượng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa". Tôn giả Magandiya hiểu biết như vậy.

Và Tôn giả Magandiya trở thành một vị A-la-hán nữa.

95 Không chấp thủ Bát Niết bàn - Kinh SANH THỨ CỦA LOÀI NGƯỜI – Tăng III, 371

SANH THỨ CỦA LOÀI NGƯỜI –Tăng III, 371

1. - *Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về bảy sanh thú của loài Người, và không chấp thủ Niết-bàn. Hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói:*

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- *Này các Tỷ-kheo. Thế nào là bảy sanh thú của loài Người?*

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành như vậy suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta. Cái gì có, cái gì được thành, ta đều từ bỏ". Vị ấy có được xả.

- *Vị ấy không tham đắm sanh hữu, không tham đắm tích tụ của hữu.*

- Với chánh trí tuệ, vị ấy thấy có con đường vô thượng tịch tịnh. Vị ấy chưa chứng ngộ trọn vẹn hoàn toàn con đường ấy.
- Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn mạn tùy miên.
- Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên.
- Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên.
- Do diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy chứng được Trung gian Niết-bàn.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể **văng ra và trở thành nguội lạnh**.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta. Cái gì có, cái gì được thành, ta đều từ bỏ". Vị ấy có được xả, vị ấy không tham đắm hữu, không tham đắm hậu hữu; với chánh trí tuệ, vị ấy thấy có con đường vô thượng tịch tịnh. Và vị ấy chưa chứng ngộ trọn vẹn hoàn toàn con đường ấy. Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn mạn tùy miên. Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên. Vị ấy chưa đoạn tận

trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên. Do diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy chứng được **Trung gian Niết-bàn**.

3. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong thực hành suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta. Cái gì có, cái gì được thành, ta đều từ bỏ". Vị ấy có được xả.

- *Vị ấy không tham đắm sanh hữu, không tham đắm tích tụ của hữu.*
- *Với chánh trí tuệ, vị ấy thấy có con đường vô thượng tịch tịnh và vị ấy chưa chứng ngộ trọn vẹn hoàn toàn con đường ấy.*
- *Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn mạn tùy miên.*
- *Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên.*
- *Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên.*
- *Do diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy chứng được Trung gian Niết-bàn.*

*Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể **văng ra, có thể bay lên và có thể trở thành nguội lạnh.***

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...". Vị ấy đoạn diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy chứng được **Trung gian Niết-bàn**.

4. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...". Vị ấy đoạn diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy chứng được Trung gian Niết-bàn.

*Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể **văng ra, có thể bay lên, sau khi chưa chạm vào đất, có thể trở thành nguội lạnh.***

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...".

...Vị ấy, sau khi diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy chứng được **Trung gian Niết-bàn**.

5. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...". ...

Vị ấy, do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Tồn hại Bát-niết-bàn.

*Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể **văng ra, có thể bay lên, sau khi chạm vào đất, có thể trở thành nguội lạnh.***

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...".

...Vị ấy, do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được **Tồn hại Bát-niết-bàn.**

6. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...".

Vị ấy, do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, chứng được Vô hành Niết-bàn.

*Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể **văng ra, có thể bay lên, có thể rơi xuống trên một đồng cỏ nhỏ, hay trên một đồng củi nhỏ**. Miếng vụn ấy ở đấy sanh ra ngọn lửa, sanh ra khói. Sau khi sanh ra ngọn lửa, sau khi sanh ra khói, nó đốt cháy tiêu hết đồng cỏ nhỏ ấy, hay đồng củi nhỏ ấy, rồi trở thành nguội lạnh vì không có nhiên liệu.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...". Vì ấy, do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, chứng được **Vô hành Niết-bàn**.

7. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo khi thực hành như vậy, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...".

...Vì ấy, do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn.

*Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể **văng ra, có thể bay lên, có thể rơi xuống trên một đồng cỏ, hay trên một đồng củi rộng lớn**. Miếng*

vụn ấy ở đáy sanh ra ngọn lửa, sanh ra khói. Sau khi sanh ra ngọn lửa, sau khi sanh ra khói, nó đốt cháy tiêu hết đồng cỏ hay đồng củi rộng lớn ấy, rồi trở thành nguội lạnh vì không có nhiên liệu.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...". Vị ấy, do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được **Hữu hành Bát-niết-bàn**.

8. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành như vậy suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta. Cái gì có, cái gì được thành, ta đều từ bỏ.". Vị ấy có được xả.

- *Vị ấy không tham đắm sanh hữu, không tham đắm tích tụ của hữu.*
- *Với chánh trí tuệ, vị ấy thấy có con đường vô thượng tịch tịnh và vị ấy chưa chứng ngộ trọn vẹn hoàn toàn con đường ấy.*
- *Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn mạn tùy miên.*
- *Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên.*

- Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên.
- Do diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy chứng được Thượng lưu, đi đến Sắc cứu cánh.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể văng ra, có thể bay lên, có thể rơi xuống trên một đồng cỏ, hay trên một đồng củi to lớn. Miếng vụn ấy ở đấy sanh ra ngọn lửa, sanh ra khói. Sau khi sanh ra ngọn lửa, sau khi sanh ra khói, nó đốt cháy tiêu hết đồng cỏ, hay đồng củi to lớn ấy, thiêu cháy lùm cây, thiêu cháy rừng rậm. Sau khi thiêu cháy thảo nguyên, sau khi thiêu cháy rừng rậm, nó cháy lan đến đám ruộng xanh hay đến đám đất cao, hay đến hòn đá, hay đến dòng nước, hay đến đám đất khả ái, hay đến một phần đất nào rồi trở thành nguội lạnh vì không có nhiên liệu.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta...". Vị ấy, do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được **Thượng lưu Bát-niết-bàn, đi đến Sắc cứu cánh.**

Này các Tỷ-kheo, đây là bảy sanh thú của loài Người.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Không chấp thủ Bát-Niết-bàn?

9. Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo khi thực hành như vậy, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta. Cái gì có, cái gì được thành, ta đều từ bỏ." Vị ấy có được xả.

- Vị ấy không tham đắm sanh hữu, không tham đắm tích tụ của hữu.
- Với chánh trí tuệ, vị ấy thấy có con đường vô thượng tịch tịnh và vị ấy chứng đắc trọn vẹn hoàn toàn con đường ấy.
- Vị ấy đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn mạn tùy miên.
- Vị ấy đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên.
- Vị ấy đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên.
- Do diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy tự mình với thắng trí, ngay trong hiện tại, chứng nhập, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là **Không chấp thủ Bát-niết-bàn**.

Và này các Tỷ-kheo, đây là **bảy sanh thú của loài Người và Không chấp thủ Bát-niết-bàn**.

96 Không còn tái sinh nữa - Kinh DÂM DỤC – Tăng III, 349

DÂM DỤC – Tăng III, 349

1. Bấy giờ có Bà-la-môn Jānussoni đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm... Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Jānussoni bạch Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả Gotama, Tôn giả có tự xem mình là sống Phạm hạnh không?

- Này Bà-la-môn, ai nói một cách chơn chánh phải nói như sau: "Vị ấy sống Phạm hạnh, không có bề vụn, không có khuyết điểm, không có nhiễm ô, không bị điểm chấm, viên mãn, thanh tịnh". Này Bà-la-môn, nếu nói về Ta một cách chơn chánh, thời phải nói như vậy: "Ta sống Phạm hạnh, không có bề vụn, không có khuyết phạm, không có nhiễm ô, không bị điểm chấm, viên mãn, thanh tịnh".

- Thưa Tôn giả Gotama, Phạm hạnh như thế nào, thưa Tôn giả Gotama, là bị bề vụn, bị khuyết phạm, bị ô nhiễm, bị điểm chấm?

2. - Ở đây, này Bà-la-môn, có Sa-môn hay Bà-la-môn, tự xem mình sống Phạm hạnh một cách chơn chánh, tuy không có hành dâm với nữ nhân, nhưng hưởng thụ được nữ nhân thoa, bóp, tắm, xúc dầu. Vì ấy thích thú, ước muốn, bị kích thích bởi nữ nhân. Này Bà-la-môn, đây gọi là Phạm hạnh bị bề vụn, bị khuyết phạm, bị nhiễm ô, bị điểm chấm. Này Bà-la-môn, đây gọi là hành Phạm hạnh không thanh tịnh, bị liên hệ, bị hệ lụy với dâm dục, không giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng không thoát khỏi khổ.

3. Lại nữa, này Bà-la-môn, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn, tự xem mình sống Phạm hạnh một cách chơn chánh, tuy không có hành dâm với nữ nhân, không có hưởng thụ được nữ nhân thoa, bóp, tắm, xúc dầu, nhưng cười giỡn, chơi đùa, vui chơi với nữ nhân...

...tuy không cười giỡn, chơi đùa, vui chơi với nữ nhân, nhưng lấy mắt nhìn mắt, trừng mắt nhìn theo nữ nhân...

... tuy không lấy mắt nhìn mắt, trừng mắt nhìn theo nữ nhân, nhưng nghe tiếng của nữ nhân, tiếng cười, tiếng nói, tiếng hát, tiếng khóc ngang qua vách, ngang qua hàng rào...

...tuy không nghe tiếng của nữ nhân, tiếng cười, tiếng nói, tiếng hát, tiếng khóc ngang qua vách, ngang qua hàng rào, nhưng nhớ đến tiếng cười, tiếng nói, tiếng đùa giỡn trước kia đã có với nữ nhân...

...tuy không nhớ đến tiếng cười, tiếng nói, tiếng đùa giỡn trước kia đã có với nữ nhân, nhưng xem gia chủ hay con gia chủ thọ hưởng, thưởng thức thích thú trong năm dục công đức...

...tuy không xem gia chủ hay con gia chủ thọ hưởng, thưởng thức thích thú trong năm dục công đức, nhưng sống Phạm hạnh với tâm nguyên hướng đến một thân chư Thiên, nguyên rằng: "Với giới này hay với giới cấm này, hay với khổ hạnh này, hay với Phạm hạnh này, ta sẽ thành một Thiên nhân này hay một Thiên nhân khác". Vị ấy thích thú, ước muốn, bị kích thích bởi nữ nhân.

Này Bà-la-môn, đây gọi là Phạm hạnh bị bề vụn, bị khuyết phạm, bị nhiễm ô, bị điểm chấm. Này Bà-la-môn, đây gọi là hành Phạm hạnh không thanh tịnh, bị liên hệ, bị hệ lụy với dâm dục, không giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng không giải thoát khỏi khổ.

*Cho đến khi nào, này Bà-la-môn, Ta còn tiếp tục thấy một hay một trong **bảy hệ lụy đến dâm dục này** chưa*

được đoạn tận ở nơi Ta, cho đến khi ấy, này Bà-la-môn, Ta không có xác chứng rằng, Ta đã chứng ngộ Vô thượng Chánh Đẳng Giác trong thế giới chư Thiên với Ma giới, Phạm thiên giới, trong quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người.

*Và cho đến khi nào, này Bà-la-môn, Ta tiếp tục không còn thấy một hay một trong bảy hệ lụy đến dâm dục này chưa được đoạn tận ở nơi Ta, cho đến khi ấy, này Bà-la-môn, Ta mới xác chứng rằng, Ta đã chứng ngộ Vô thượng Chánh Đẳng Giác trong thế giới chư Thiên với Ma giới, Phạm thiên giới, trong quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người. Tri và kiến được khởi lên nơi Ta: **"Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng. Nay không còn tái sinh nữa"**.*

Được nói như vậy, Bà-la-môn Jànuṣṣoni bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ này cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

97 Không còn tái sanh nữa - Kinh TAGAYÀ – Tăng III, 688

TAGAYÀ – Tăng III, 688

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Gayasisa. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo" - "Thưa vâng, bạch Thế Tôn. ".

Các tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế tôn nói như sau:

2.- Này các Tỷ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, chưa thành Chánh Đẳng Giác, Ta còn làm Bồ Tát, Ta tưởng tri ánh sáng, Ta không thấy sắc.

Này các Tỷ-kheo, rồi Ta suy nghĩ: " Nếu Ta có thể tưởng tri ánh sáng và Ta có thể thấy được màu sắc, như vậy tri kiến của Ta được thanh tịnh hơn lên". Rồi này các Tỷ-kheo, sau một thời gian Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, Ta tưởng tri ánh sáng và thấy được các sắc, nhưng Ta không giao thiệp với chư Thiên ấy, không nói chuyện, không thảo luận".

3. Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu Ta có thể tưởng tri ánh sáng có thể thấy được các sắc, có thể giao thiệp với chư Thiên ấy, có thể nói chuyện,

có thể thảo luận, như vậy, tri kiến này của Ta được thanh tịnh hơn lên". Và này các Tỷ-kheo, sau một thời gian Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, Ta tưởng tri ánh sáng và thấy được các sắc, và cùng chư Thiên ấy giao thiệp, nói chuyện và thảo luận. Nhưng Ta không biết về các chư Thiên ấy: "Chư Thiên này thuộc về Thiên chúng này, thuộc về Thiên chúng này".

4. Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: " Nếu Ta tưởng tri ánh sáng, thấy được các sắc, giao thiệp với chư Thiên ấy, nói chuyện, thảo luận với chư Thiên ấy và biết được về chư Thiên ấy, như vậy, tri kiến này của Ta được thanh tịnh hơn ".

Rồi này các Tỷ-kheo, sau một thời gian Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, Ta tưởng tri ánh sáng và thấy được các sắc, và cùng chư Thiên ấy giao thiệp, nói chuyện, thảo luận với chư Thiên ấy, biết được: "Chư Thiên này thuộc về Thiên chúng này, Thiên chúng này", nhưng Ta không biết được: "Chư Thiên này do quả di thực của nghiệp này, chết từ đây sanh ra tại chỗ ấy";

... Ta biết được chư Thiên ấy: "Chư Thiên này do quả di thực của nghiệp này, chết từ đây sanh ra tại chỗ ấy"; nhưng Ta không biết được: "Chư Thiên này, do đồ ăn như thế này, cảm thọ khổ lạc như thế này";

... Ta biết được: "Chư Thiên này, do đồ ăn như thế này, cảm thọ khổ lạc như thế này"; nhưng Ta không biết được chư Thiên ấy: "Chư Thiên này, tuổi thọ dài như thế này, tồn tại lâu dài như thế này",

... Ta biết được: "Chư Thiên này, tuổi thọ dài như thế này, tồn tại lâu dài như thế này"; nhưng Ta không biết chư Thiên ấy: "Trước đây Ta có cùng ở với chư Thiên này, hay trước đây Ta không cùng ở với chư Thiên này? "

5. Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: " Nếu ta nhận thức được ánh sáng, thấy được các sắc, cùng với chư Thiên ấy giao thiệp, nói chuyện, thảo luận, Ta có thể biết được chư Thiên ấy: "Chư Thiên này thuộc Thiên chúng này, thuộc Thiên chúng này". Ta có thể biết được chư Thiên ấy: "Chư Thiên này, do quả dị thực của nghiệp này, chết tại chỗ này, sanh tại chỗ ấy". Ta có thể biết được chư Thiên ấy: "Chư Thiên này, do ăn đồ ăn như thế này, cảm thọ khổ lạc như thế này"; Ta có thể biết được chư Thiên ấy: "Chư Thiên này, tuổi thọ dài như thế này, tồn tại lâu dài như thế này"; Ta có thể biết được chư Thiên ấy: "Chư Thiên này, trước đây Ta có cùng ở với chư Thiên này"; như vậy, tri kiến của Ta được thanh tịnh hơn trước".

Này các Tỷ-kheo, sau một thời gian sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần:

1. Ta tưởng tri ánh sáng,
2. Thấy được các sắc,
3. Ta giao thiệp, nói chuyện, thảo luận với các chư Thiên ấy
4. Ta biết được chư Thiên ấy: "Chư Thiên này thuộc Thiên chúng này, thuộc Thiên chúng này".
5. Ta biết được chư Thiên ấy: "Chư Thiên này do quả dị thực của nghiệp này, chết tại chỗ này, sanh tại chỗ ấy".
6. Ta biết được chư Thiên ấy: "Chư Thiên này do ăn đồ ăn như thế này, cảm thọ khổ lạc như thế này";
7. Ta biết được chư Thiên ấy: "Chư Thiên này tuổi thọ dài như thế này, tồn tại lâu dài như thế này";
8. Ta biết được chư Thiên ấy: "Chư Thiên này trước đây Ta có cùng ở với chư Thiên này, hay trước đây Ta không có ở cùng với chư Thiên này".

6. Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào tri kiến gồm có tám diễn tiến và thuộc thương giới Thiên này không được khéo thanh tịnh nơi ta, thời Ta không có

xác chứng trong thế giới chư Thiên với Ma giới, Phạm Thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, rằng Ta đã chứng ngộ Vô Thượng Chánh Đẳng Giác.

Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào tri kiến gồm có tám diễn tiến và thuộc thượng giới Thiên này được khéo thanh tịnh nơi ta, thời Ta có xác chứng trong thế giới chư Thiên với Ma giới, Phạm Thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, rằng Ta đã chứng ngộ Vô Thượng Chánh Đẳng Giác. Tri kiến khởi lên nơi Ta: *"Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng, không còn tái sinh nữa"*.

98 Không còn tái sanh nữa - Kinh TAPUSSA – Tăng IV, 195

TAPUSSA – *Tăng IV*, 195

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Malla, tại một thị trấn của dân chúng Malla tên là Uruvelakappa. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Uruvelakappa để khát thực. Khát thực ở Uruvelakappa xong, sau bữa ăn, trên con đường khát thực trở về, Thế Tôn bảo Tôn giả Ànanda, nói rằng:

- Nay Ànanda, Thầy hãy ở đây, chờ cho Ta vào trong rừng Đại Lâm để nghỉ ban ngày.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ànanda vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn đi vào rừng Đại Lâm ngồi nghỉ ban ngày tại một gốc cây.

2. Rồi gia chủ Tapussa đi đến Tôn giả Ànanda, sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Ànanda và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, gia chủ Tapussa thưa với Tôn giả Ànanda:

- Thưa Tôn giả Ānanda, chúng tôi là người gia chủ, thụ hưởng các dục, vui thích các dục, ưa thích các dục, hoan hỷ các dục. Đối với chúng tôi, thưa Tôn giả, là những gia chủ thụ hưởng các dục, vui thích các dục, hoan hỷ các dục, thật giống như một cái vực thẳm cho chúng tôi là sự xuất ly này. Tuy vậy, thưa Tôn giả, chúng tôi được nghe rằng trong Pháp và Luật này, tâm của các Tỷ-kheo trẻ tuổi hứng khởi trong sự xuất ly, tịnh tính, an trú, giải thoát, vì thấy rằng đây là an tịnh. Chính ở nơi đây, thưa Tôn giả, là sự sai khác trong Pháp và Luật này giữa các vị Tỷ-kheo và phần đông quần chúng, tức là sự xuất ly này.

- Nay Gia chủ, đây là một vấn đề để nói chuyện. Nay Gia chủ, chúng ta hãy đi đến yết kiến Thế Tôn, chúng ta hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến, hãy hỏi Thế Tôn về ý nghĩa này. Thế Tôn trả lời như thế nào, chúng ta sẽ như vậy thọ trì.

- Thưa vâng, Tôn giả.

Gia chủ Tapussa vâng đáp Thế Tôn Ānanda.

3. Rồi Tôn giả Ānanda cùng với gia chủ Tapussa đi đến Thế Tôn, sau khi đến... bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, gia chủ Tapussa này nói như sau: "Thưa Tôn giả Ānanda, chúng tôi là người gia chủ thụ hưởng các dục, vui thích các dục, ưa thích các dục, hoan hỷ các dục. Đối với chúng tôi, thưa Tôn giả, là những gia chủ, thọ hưởng các dục, vui thích các dục, ưa thích các dục, hoan hỷ các dục, thật giống như một cái vực thẳm cho chúng tôi là sự xuất ly này. Tuy vậy, thưa Tôn giả, chúng tôi được nghe rằng trong Pháp và Luật này, tâm của các Tỷ-kheo trẻ tuổi hứng khởi trong sự xuất ly, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì được thấy rằng đây là an tịnh. Chính ở nơi đây, thưa Tôn giả, là sự sai khác trong Pháp và Luật này giữa các Tỷ-kheo và phần đông quần chúng, tức là sự xuất ly này".

4. - Như vậy là phải, này Ānanda! Như vậy là phải, này Ānanda!

Này Ānanda, trước khi Ta giác ngộ, chưa chứng được Chánh Đẳng Giác, còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: "**Lành thay, sự xuất ly! Lành thay, sống viễn ly**". **Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi trong sự xuất ly ấy**, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy "Đây là an tịnh". Này Ānanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi trong sự xuất ly ấy, không có tịnh tín, không có

an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh"?

- Rồi này Ànanda, **Ta suy nghĩ như sau: "Vì Ta không thấy Nguy hiểm trong các dục, vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Lợi ích của xuất ly chưa được chứng đắc, Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hừng khởi trong xuất ly ấy, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát".**
- Này Ànanda, **về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong các dục, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong sự xuất ly, Ta thưởng thức lợi ích ấy",** thời sự kiện này xảy ra: **Tâm của Ta có thể hừng khởi trong xuất ly, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".**
- Rồi này Ànanda, **sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong các dục, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong sự xuất ly, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ànanda, tâm Ta hừng khởi trong xuất ly, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".**
- Này Ànanda, sau một thời gian Ta ly dục... chứng đạt và an trú sơ Thiền. **Do Ta trú với sự**

an trú này, các tướng tác ý câu hữu với dục vẫn hiện hành. Như vậy, đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, này Ànanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên, như là một chứng bệnh. Cũng vậy, các tướng tác ý câu hữu với dục vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

5. Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy chỉ tức các tâm và tứ... chứng đạt và an trú **Thiền thứ hai**". **Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với không có tâm ấy,** không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh". Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì, Tâm Ta không hứng khởi đối với không có tâm ấy, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh"?

- Rồi Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vì Ta không thấy nguy hiểm trong các tâm, vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy, lợi ích không có tâm chưa được chứng đắc, Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy". Do vậy, tâm Ta không hứng khởi đối với không có tâm, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát.

- Nay Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong các tâm, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích không có tâm, Ta thường thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hừng khởi trong không có tâm, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".
- Rồi nay Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong các tâm. Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích không có tâm, Ta thường thức lợi ích ấy. Và nay Ànanda, tâm Ta hừng khởi trong không có tâm, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".
- Nay Ànanda, sau một thời gian Ta diệt tâm và tứ... chứng đạt và an trú Thiền thứ hai. Do Ta trú với sự an trú này, các tướng tác ý câu hữu với tâm vẫn hiện hành. Như vậy, đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Cũng vậy, các tướng tác ý câu hữu với tâm vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

6. Rồi nay Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vây ta hãy ly hỷ... chứng đạt và an trú **Thiền thứ ba**. **Nhưng nay Ànanda, tâm của Ta không hừng khởi đối với không có hỷ ấy**, không có tịnh tín, không có an trú,

không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh".
Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau như sau: "Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với không có hỷ ấy, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh"?

- Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong hỷ, vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy, lợi ích không có hỷ chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với không có hỷ ấy, không tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát".
- Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong hỷ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong không có hỷ, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong không có hỷ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".
- Rồi này Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong hỷ, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích trong không có hỷ, Ta thưởng thức lợi ích ấy.
Và này Ànanda, tâm Ta hứng khởi trong không

có hỷ, tinh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".

- Nay Ànanda, sau một thời gian, Ta ly hỷ... chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Do Ta trú với sự an trú này, các tướng tác ý câu hữu với hỷ vẫn hiện hành. Đây đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, nay Ànanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy, các tướng tác ý câu hữu với hỷ vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

7. Rồi nay Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy ta hãy đoạn lạc, đoạn khổ... chứng đạt và an trú **Thiền thứ tư**". **Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với không khổ, không lạc,** không có tinh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh".

Nay Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau như sau: "Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với không khổ, không lạc, không có tinh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh"?"

- Rồi nay Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vì Ta không thấy nguy hiểm trong xả lạc, vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Lợi ích của

không khổ, không lạc chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với không khổ, không lạc ấy, không tinh tấn, không có an trú, không giải thoát".

- Nay Ænanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong xả lạc, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong không khổ, không lạc, Ta thưởng thức sự lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong không khổ, không lạc, tinh tấn, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".
- Rồi nay Ænanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong xả lạc, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích trong không có hỷ, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và nay Ænanda, tâm Ta hứng khởi trong không khổ, không lạc, tinh tấn, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".
- Nay Ænanda, sau một thời gian, Ta xả lạc, xả khổ... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Do Ta trú với sự an trú này, các tướng tác ý câu hữu với xả lạc vẫn hiện hành. Như vậy, đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, nay Ænanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy các

tưởng, tác ý câu hữu với hỷ vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

8. Rồi này Ananda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy vượt qua các sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt các đối ngại tưởng, không tác ý đến các tưởng sai biệt, chứng đạt và an trú **Không vô biên xứ**. *Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với Không vô biên xứ*, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh".

Này Ananda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau như sau: "Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với Không vô biên xứ, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh?".

- Rồi này Ananda, Ta suy nghĩ như sau: "Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong các sắc, Ta không làm cho sung mãn nguy hiểm ấy, lợi ích của Không vô biên xứ chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với Không vô biên xứ, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát".

- Nay Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong các sắc, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Không vô biên xứ, Ta thường thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong Không vô biên xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".
- Rồi nay Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong các sắc, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích trong Không vô biên xứ, Ta thường thức lợi ích ấy. Và nay Ànanda, tâm Ta hứng khởi trong Không vô biên xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".
- Nay Ànanda, sau một thời gian, Ta vượt qua các sắc tướng... chứng đạt và an trú Không vô biên xứ. Do Ta trú với sự an trú này, các tướng tác ý câu hữu với các sắc vẫn hiện hành. Đây đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, nay Ànanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy các tướng, tác ý câu hữu với sắc vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

9. Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Thức là vô biên", chứng đạt và an trú **Thức vô biên xứ. Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với Thức vô biên xứ**, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh".

Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với Thức vô biên xứ, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh?"

- Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "**Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong Không vô biên xứ**, vì Ta không làm cho sung mãn nguy hiểm ấy, lợi ích của Thức vô biên xứ chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với Thức vô biên xứ, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát".
- Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "**Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong Không vô biên xứ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Thức vô biên xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy**", **thời sự**

kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hừng khởi trong Thức vô biên xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".

- Rồi này Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong Không vô biên xứ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích trong Thức vô biên xứ, Ta thường thức lợi ích ấy. Và này Ànanda, tâm Ta hừng khởi trong Thức vô biên xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".
- Này Ànanda, sau một thời gian, Ta vượt qua Không vô biên xứ... chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ. Do Ta trú với sự an trú này, các tướng tác ý câu hữu với Không vô biên xứ vẫn hiện hành. Đây đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, này Ànanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy các tướng, tác ý câu hữu với Không vô biên xứ vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

10. Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có vật gì", chứng đạt và an trú **Vô sở hữu xứ.** **Nhưng tâm của Ta không có hừng khởi đối với Vô sở hữu xứ,** không có tịnh tín, không có

an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh".

Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau như sau: *"Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với Vô sở hữu xứ, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh"?"*

- Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: *"Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong Thức vô biên xứ, vì Ta không làm cho sung mãn nguy hiểm ấy, lợi ích của Vô sở hữu xứ chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với Vô sở hữu xứ, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát"*.
- Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: *"Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong Thức vô biên xứ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Vô sở hữu xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy"*, thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong Vô sở hữu xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: *"Đây là an tịnh"*.
- Rồi này Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong Thức vô biên xứ, Ta làm

cho sung mãn nguy hiểm ấy; sau khi chúng được lợi ích trong Vô sở hữu xứ, Ta thường thức lợi ích ấy. Và này Ànanda, tâm Ta hừng khởi trong Vô sở hữu xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".

- Này Ànanda, sau một thời gian, Ta vượt qua Thức vô biên xứ... chúng đạt và an trú Vô sở hữu xứ. Do Ta trú với sự an trú này, các tướng tác ý câu hữu với các Thức vô biên xứ vẫn hiện hành, như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, này Ànanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy các tướng, tác ý câu hữu với Thức vô biên xứ vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

11. Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chúng đạt và an trú **Phi tướng phi phi tướng xứ.** **Nhưng tâm của Ta không có hừng khởi đối với Phi tướng phi phi tướng xứ,** không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh".

Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau như sau: *"Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hừng khởi đối với Phi tướng phi phi tướng xứ, không có*

tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh"?

- Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong Vô sở hữu xứ, vì Ta không làm cho sung mãn nguy hiểm ấy, lợi ích của Phi tưởng phi phi tưởng xứ chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với Phi tưởng phi phi tưởng xứ, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát".
- Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong Vô sở hữu xứ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".
- Rồi này Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong Vô sở hữu xứ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ànanda, tâm Ta hứng khởi trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ,

tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".

- Nay Ànanda, sau một thời gian, Ta vượt qua Vô sở hữu xứ... chứng đạt và an trú Phi tướng phi phi tướng xứ. Do Ta trú với sự an trú này, các tướng tác ý câu hữu với các Vô sở hữu xứ vẫn hiện hành, như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, nay Ànanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy các tướng, tác ý câu hữu với Vô sở hữu xứ vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

12. Rồi nay Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy vượt qua Phi tướng phi phi tướng xứ một cách hoàn toàn, chứng đạt và an trú **Diệt thọ tướng định**. **Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với Diệt thọ tướng định**, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh".

Nay Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau như sau: *"Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với Diệt thọ tướng định, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh"?"*

- Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: *"Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong Phi tướng phi phi tướng xứ, vì Ta không làm cho sung mãn nguy hiểm ấy, lợi ích của Diệt thọ tướng định chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với Diệt thọ tướng định, không tinh tấn, không an trú, không giải thoát"*.
- Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong Phi tướng phi phi tướng xứ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Diệt thọ tướng định, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong Diệt thọ tướng định, tinh tấn, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".
- Rồi này Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong Phi tướng phi phi tướng xứ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích trong Diệt thọ tướng định, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ànanda, tâm Ta hứng khởi trong Diệt thọ tướng định, tinh tấn, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".
- Này Ànanda, sau một thời gian, Ta vượt qua Phi tướng phi phi tướng xứ... chứng đạt và an

trú Diệt thọ tướng định, *Ta thấy với trí tuệ và các lậu hoặc đi đến đoạn diệt.*

13. Cho đến khi nào, này Ànanda, chín thứ đệ trú Thiên chúng này chưa được Ta thuận thứ nghịch thứ chúng đạt và xuất khởi, thời này Ànanda, trong thế giới, với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta chưa xác chứng rằng ta đã chứng **Chánh Đẳng Chánh giác**.

Cho đến khi nào, này Ànanda, chín thứ đệ trú Thiên chúng này đã được Ta thuận thứ nghịch thứ chúng đạt và xuất khởi, thời này Ànanda, trong thế giới này, với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, cho đến khi ấy, Ta mới xác chứng rằng Ta đã chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. *Tri và Kiến khởi lên nơi Ta. Ta biết rằng: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa".*

99 Không có ai bằng trí tuệ của Ta - Kinh KASSAPA – 8 Trường I, 281

KINH KASSAPA

– Bài kinh số 8 – Trường I, 281

1. - Như vậy tôi nghe. Một thời đức Thế Tôn ở tại Ujunnà (Uy-nhã-quốc), tại vườn nai Kannakatthala. Lúc bấy giờ, lửa thề Kassapa (Ca-diếp) đến chỗ đức Phật, nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao với đức Thế Tôn và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, lửa thề Kassapa thưa với Thế Tôn:

2. - *Tôn giả Gotama, tôi nghe như vậy: "Sa-môn Gotama chỉ trích mọi khổ hạnh, tuyệt đối phỉ báng, mạt sát mọi khổ hạnh, mọi lối sống khắc khổ", có phải những vị ấy nói đúng lời của Tôn giả Gotama? Có phải những vị ấy đã vu oan không xác thật cho Tôn giả Gotama? Có phải những vị ấy đã tuyên bố như pháp, thuận pháp không? Có những chủ trương nào chính và phụ gặp phải cật nạn không? Thật sự chúng tôi không muốn chỉ trích sai lạc Tôn giả Gotama.*

3. - Này Kassapa, những ai nói: "Sa-môn Gotama chỉ

trích mọi khổ hạnh, tuyệt đối phỉ báng, mặt sát mọi khổ hạnh, mọi lối sống khắc khổ", những vì ấy nói không đúng lời của Ta, đã vu oan không xác thật cho Ta.

- Nay Kassapa, ở đời này, với thiên nhân thanh tịnh, siêu nhân, Ta thấy một số người tu khổ hạnh, sống khắc khổ... Sau khi thân hoại mạng chung, phải sinh vào ác sanh, ác thú, đọa xứ, địa ngục.
- Nay Kassapa, ở đời này, với thiên nhân thanh tịnh, siêu nhân, Ta thấy một số người tu khổ hạnh, sống khắc khổ... Sau khi thân hoại mạng chung, được sinh vào thiện chú, thiên giới, cõi đời này.
- Nay Kassapa, ở đời này, thanh tịnh, siêu nhân, Ta thấy một số người tu khổ hạnh nhưng sống ít khắc khổ hơn... Sau khi thân hoại mạng chung, phải sinh vào ác sanh, ác thú, đọa xứ, địa ngục.
- Nay Kassapa, ở đời này, với thiên nhân thanh tịnh, siêu nhân, Ta thấy một số người tu khổ hạnh nhưng sống ít khắc khổ hơn... Sau khi thân hoại mạng chung, được sinh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

→ Nay Kassapa, khi đã biết đúng với sự thật sự lai, khứ, sanh, diệt của những người tu khổ hạnh như vậy, làm sao Ta lại chỉ trích mọi khổ hạnh và tuyệt đối phi báng mạt sát mọi khổ hạnh, mọi lối sống khắc khổ.

4. Nay Kassapa, có một số Sa-môn, Bà-la-môn là những nhà bác học, tể nhị, biệt tài trong tranh luận, (nhà thiện xạ) bắn chẻ hai sợi tóc, đi chỗ này chỗ kia như đả phá mọi tà kiến với trí tuệ của mình. Giữa Ta và những vị này, có những điểm tương đồng và có những điểm không tương đồng. Có điểm những vị này công nhận là phải, chúng tôi cũng công nhận là phải. Có điểm những vị này công nhận là không phải, chúng tôi cũng công nhận là không phải. Có điểm những vị này không công nhận là phải, chúng tôi công nhận là phải. Có điểm chúng tôi công nhận là phải, các vị này cũng công nhận là phải. Có điểm chúng tôi không công nhận là phải, các vị này cũng không công nhận là phải. Có điểm chúng tôi công nhận là phải, các vị này không công nhận là phải. Có điểm chúng tôi không công nhận là phải, các vị này công nhận là phải.

5. Ta đến các vị ấy và nói: "Này các Hiền giả, những điểm bất đồng ý, hãy để chúng yên như vậy. Những điểm đồng ý, các vị có trí hãy hỏi nhau, tìm hiểu và

đàm luận với nhau, giáo sư với giáo sư, hay chúng đệ tử với chúng đệ tử: "Những pháp bất thiện hay được xem là bất thiện, những pháp lỗi lầm hay được xem là lỗi lầm, những pháp không nên tuân hành hay được xem là không nên tuân hành, những pháp không xứng bậc Thánh hay được xem là không xứng bậc Thánh, giữa những pháp ô nhiễm hay được xem là ô nhiễm, giữa quý vị hiền giả này, ai đã hoàn toàn xả ly những pháp ấy, Sa-môn Gotama hay những vị Tôn giả, sư trưởng các giáo phái kia?"

6. Nay Kassapa, và sự tình này xảy ra. Khi các vị có trí hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau. Các vị này nói: "Những pháp bất thiện hay được xem là bất thiện, những pháp lỗi lầm hay được xem là lỗi lầm, những pháp không nên tuân hành hay được xem là không nên tuân hành, những pháp không xứng bậc Thánh hay được xem là không xứng bậc Thánh, những pháp ô nhiễm hay được xem là ô nhiễm, giữa những vị hiền giả này, Sa-môn Gotama đã hoàn toàn xả ly những pháp ấy, còn những vị tôn giả, sư trưởng các giáo phái kia chỉ xả ly một phần thôi". Như vậy, nay Kassapa, những vị có trí khi hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, một phần lớn tán thán chúng tôi về vấn đề này.

7. Nay Kassapa, lại nữa các vị có trí lại hỏi nhau, tìm

hiếu và đàm luận với nhau, giữa giáo sư với giáo sư, giữa chúng đệ tử với chúng đệ tử: *"Những pháp thiện hay được xem là thiện, những pháp không lỗi lầm hay được xem là không lỗi lầm, những pháp nên tuân hành hay được xem là nên tuân hành, những pháp xứng bậc Thánh hay được xem là xứng bậc Thánh, những pháp thanh tịnh hay được xem là thanh tịnh, giữa quý vị hiền giả này ai đã hoàn toàn thành tựu những pháp này, Sa-môn Gotama hay những vị tôn giả, sư trưởng các giáo phái kia?"*

8. Nay Kassapa, và sự tình này xảy ra. Khi các vị có trí hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, các vị này nói: *"Những pháp thiện hay được xem là thiện, những pháp không lỗi lầm hay được xem là không lỗi lầm, những pháp nên tuân hành hay được xem là nên tuân hành, những pháp xứng bậc Thánh hay được xem là xứng bậc Thánh, những pháp thanh tịnh hay được xem là thanh tịnh, Sa-môn Gotama đã hoàn toàn thành tựu những pháp này, còn những vị tôn giả, sư trưởng các giáo phái kia chỉ thành tựu một phần"*. Như vậy nay Kassapa, những vị có trí hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, một phần lớn tán thán chúng tôi về vấn đề này.

9. Nay Kassapa, lại nữa, các vị có trí lại hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, giữa giáo sư với giáo

sư, giữa chúng đệ tử với chúng đệ tử: *"Những pháp bất thiện hay được xem là bất thiện, những pháp lỗi lầm hay được xem là lỗi lầm, những pháp không nên tuân hành hay được xem là không nên tuân hành, những pháp không xứng bậc Thánh hay được xem là không xứng bậc Thánh, những pháp ô nhiễm hay được xem là ô nhiễm, giữa những vị hiền giả này ai đã hoàn toàn xả ly những pháp ấy, chúng đệ tử của Gotama hay chúng đệ tử của những tôn giả, sư trưởng các giáo phái kia?"*.

10. Nay Kassapa, và sự tình này xảy ra khi các vị có trí hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau. Các vị này nói: *"Những pháp bất thiện hay được xem là bất thiện, những pháp lỗi lầm hay được xem là lỗi lầm, những pháp không nên tuân hành hay được xem là không nên tuân hành, những pháp không xứng bậc Thánh hay được xem là không xứng bậc Thánh, những pháp ô nhiễm hay được xem là ô nhiễm, giữa những vị hiền giả này, chúng đệ tử của Gomata đã hoàn toàn xả ly những pháp ấy, còn chúng đệ tử của những vị tôn giả, sư trưởng các giáo phái kia chỉ xả ly một phần thôi"*. Như vậy, nay Kassapa, những vị có trí khi hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau một phần lớn tán thán chúng tôi về vấn đề này.

11. Nay Kassapa, lại nữa, các vị có trí lại hỏi nhau,

tìm hiểu và đàm luận với nhau, giữa giáo sư với giáo sư, giữa chúng đệ tử với chúng đệ tử: "*Những pháp thiện hay được xem là thiện, những pháp không lỗi lầm hay được xem là không lỗi lầm, những pháp nên tuân hành hay được xem là nên tuân hành, những pháp xứng bậc Thánh hay được xem là xứng bậc Thánh, những pháp thanh tịnh hay được xem là thanh tịnh, giữa những vị hiền giả này ai đã hoàn toàn thành tựu những pháp này, chúng đệ tử của Gotama hay chúng đệ tử của những tôn giả, sư trưởng các giáo phái kia?*"

12. Nay Kassapa, sự tình này xảy ra khi các vị có trí hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau. Các vị này nói: "*Những pháp thiện hay được xem là thiện, những pháp không lỗi lầm hay được xem là không lỗi lầm, những pháp nên tuân hành hay được xem là nên tuân hành, những pháp xứng bậc Thánh hay được xem là xứng bậc Thánh, những pháp thanh tịnh hay được xem là thanh tịnh, giữa những vị hiền giả này, chúng đệ tử của Gotama đã hoàn toàn thành tựu những pháp này, còn chúng đệ tử của những vị tôn giả, sư trưởng các giáo phái kia chỉ thành tựu một phần thôi*". Như vậy nay Kassapa, những vị có trí hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, một phần lớn tán thán chúng tôi về vấn đề này.

13. Nay Kassapa, có con đường, có phương pháp khiến ai tuân theo sẽ tự thấy và tự biết: "Sa-môn Gotama nói đúng thời, nói chân thật, nói lợi ích, nói hợp pháp, nói đúng luật". *Này Kassapa, con đường ấy là gì, phương pháp ấy là gì khiến ai tuân theo sẽ tự thấy và biết: "Sa-môn Gotama nói đúng thời, nói chân thật, nói lợi ích, nói hợp pháp, nói đúng luật"?*

- **Chính là con đường Thánh tám ngành** tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Nay Kassapa, chính con đường này, chính phương pháp này khiến ai tuân theo sẽ tự thấy và tự biết: "Sa-môn Gotama nói đúng thời, nói lời chân thật, nói lợi ích, nói hợp pháp, nói đúng luật".

14. Nghe nói vậy, lửa thể Kassapa bạch đức Thế Tôn:

- Hiền giả Gotama, những pháp khổ hạnh này được những Sa-môn và Bà-la-môn công nhận là đưa đến Sa-môn quả và Bà-la-môn quả: Sống lửa thể, - Sống phóng túng, không theo lễ nghi (như đứng mà đi đại tiểu tiện, đứng ăn, không chịu ngồi theo lễ nghi), - Liếm tay cho sạch (sau khi ăn, không chịu rửa), - Đi khát thực không chịu bước tới (theo yêu cầu để thí chủ bỏ đồ ăn vào bát), - Không nhận đồ ăn

mang đến (cho mình, trước khi đi khát thực), - Không nhận đồ ăn đặc biệt nấu cho mình. - Không nhận mời đi ăn. - Không nhận đồ ăn từ nơi nồi cháo (sợ nồi cháo bị nạo, bị cạy để cúng dường đồ ăn), - Không nhận đồ ăn tại ngưỡng cửa (sợ dành riêng cho mình), - Không nhận đồ ăn đặt giữa những cây gậy (sợ dành riêng cho mình), - Không nhận đồ ăn đặt giữa những cối giã gạo (sợ dành riêng cho mình), - Không nhận đồ ăn từ hai người đang ăn (sợ đồ ăn chỉ do một người cho), - Không nhận đồ ăn từ người đàn bà có thai (sợ đứa con trong bụng mẹ bị thiệt thòi), - Không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang cho con bú (sợ sữa đàn bà sẽ bớt đi), - Không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang giao cấu (sợ làm trở ngại sự giao cấu), - Không nhận đồ ăn đi quỳên (bởi tín đồ khi có nạn đói), - Không nhận đồ ăn tại chỗ có chó đứng (sợ chó mất phần ăn), - Không nhận đồ ăn tại chỗ ruồi bu (sợ ruồi mất phần ăn), - Không ăn cá, ăn thịt, không uống rượu nấu, rượu men. - Vị ấy chỉ nhận ăn tại một nhà, chỉ nhận ăn một miếng hay vị ấy chỉ nhận ăn tại hai nhà, chỉ nhận ăn hai miếng, hay vị ấy chỉ nhận ăn tại bảy nhà, vị ấy chỉ nhận ăn bảy miếng. Vị ấy chỉ nuôi sống với một bát, nuôi sống chỉ với hai bát, nuôi sống chỉ với bảy bát. Vị ấy chỉ ăn một ngày một bữa, hai ngày một bữa, bảy ngày một bữa. Như vậy vị ấy sống theo hạnh tiết chế ăn uống cho đến nửa tháng mới ăn một lần.

Này Hiền giả Gotama, những pháp khổ hạnh này được chúng Sa-môn, Bà-la-môn công nhận là đưa đến Sa-môn quả và Bà-la-môn quả. Vị này chỉ ăn cỏ lúa để sống, lúa tặc, gạo lức, ăn hột cải nivara, ăn da vụn, ăn trấu, ăn nước bột gạo, ăn bột vừng, ăn cỏ, ăn phân bò, ăn trái cây, ăn rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống.

Này Hiền giả Gotama, những pháp khổ hạnh này được công nhận bởi những Sa-môn, Bà-la-môn là đưa đến Sa-môn và Bà-la-môn quả. Vị ấy mặc vải gai thô, mặc vải gai thô lẫn với các vải khác, mặc vải tấm liệm rồi quăng đi, mặc vải phẩn tảo y, mặc vỏ cây tititaka làm áo, mặc da con sơn dương đen, mặc áo bện bằng từng mảnh da của con sơn dương đen, mặc áo bằng cỏ cát tường (kusa), mặc áo vỏ cây, mặc áo bằng tấm gỗ nhỏ, mặc áo bằng tóc bện lại thành mền, mặc áo bằng đuôi ngựa bện lại, mặc áo bằng lông cú. Vị ấy là người sống nhổ râu tóc, là người theo tập tục sống nhổ râu tóc, là người theo hạnh thường dùng, không dùng chỗ ngồi, là người ngồi chò hỏ, sống theo hạnh ngồi chò hỏ một cách tinh tấn, là người dùng gai làm giường, thường ngủ nằm trên giường gai, sống dùng ván gỗ làm giường, sống nằm trên đất trần, thường nằm ngủ một bên hông, sống để bụi và nhóp che dính thân mình, sống và ngủ ngoài trời, theo hạnh hạ đầu nằm đáy, sống ăn các ứ

vật, theo hạnh ăn các uế vật (phân bò, nước tiểu bò, tro và đất), sống không uống nước lạnh, theo hạnh không uống nước lạnh, sống một đêm tắm ba lần, theo hạnh xuống nước tắm (để gột sạch tội lỗi).

15. - Nay Kassapa nếu một người sống lỏa thể, sống phóng túng không theo lễ nghi, liếm tay... như vậy sống theo hạnh tiết chế ăn uống cho đến nửa tháng chỉ ăn một lần, **nhưng nếu vị này không tu và không chứng được giới cụ túc, tâm cụ túc, tuệ cụ túc, thời vị ấy cách rất xa Sa-môn vị, cách rất xa Bà-la-môn vị.** Nay Kassapa, **nếu Tỷ-kheo sống tu tập từ bi tâm, không hận thù, không ác hại và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu**, nay Kassapa Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn .

Nay Kassapa, nếu một người chỉ ăn cỏ lúa để sống, nay Kassapa nếu người ấy chỉ ăn lúa tặc, gạo lức, ăn hột cải nivàra... ăn trái cây, rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống, nhưng nếu vị này không tu và không chứng được giới cụ túc, tâm cụ túc, tuệ cụ túc thời vị ấy cách rất xa Sa-môn vị, cách rất xa Bà-la-môn vị. Nay Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập từ bi tâm, không hận thù, không ác hại, và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện

tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu, này Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn .

Này Kassapa, nếu một người mặc vải gai thô, mặc vải gai thô trộn với các vải khác,... sống một đêm tắm ba lần, theo hạnh xuống nước tắm (để gột sạch tội lỗi), nhưng **nếu vị này không tu và không chứng** được giới cụ túc, tâm cụ túc, tuệ cụ túc, thời vị ấy cách rất xa Sa-môn vị, cách rất xa Bà-la-môn vị. Này Kassapa, **nếu Tỷ-kheo sống tu tập** từ bi tâm, không hận thù, không ác hại và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu, này Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn .

16. Khi nghe nói đến đây, lửa thê Kassapa bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, khó hành thay Sa-môn hạnh! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh!

- Này Kassapa, đó là lời nói thường tình ở đời: "Khó hành thay Sa-môn hạnh! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh! Này Kassapa, như một người sống lửa thê, sống phóng túng không theo lễ nghi, liêm tay... như vậy sống theo hạnh tiết chế ăn uống, cho đến nửa tháng chỉ ăn một lần. Này Kassapa, nếu sự khó

hành, sự rất khó hành của Sa-môn hạnh, của Bà-la-môn hạnh chỉ tùy thuộc khổ hạnh này và chỉ tùy thuộc sự thiết hành khổ hạnh này, thời **thật không xứng mà nói**: "Khó hành thay Sa-môn hạnh! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh!" Một người cư sĩ, hay con một người cư sĩ cho đến một người đầy tớ gái đội ghè nước có thể làm theo những hạnh: "Tôi sống lửa thể, sống phóng túng không theo lễ nghi, liếm tay... như vậy sống theo hạnh tiết chế ăn uống, cho đến nửa tháng ăn một lần". Nay Kassapa, vì ngoài khổ hạnh này, ngoài sự thiết hành khổ hạnh này, Sa-môn hạnh hay Bà-la-môn hạnh vẫn khó hành trì, vẫn thật khó hành trì, do vậy thật xứng đáng mà nói: "Khó hành thay Sa-môn hạnh! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh!" Nay Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập từ bi tâm, không hận thù, không ác hại, và với sự tận diệt các lậu hoặc tư giác chứng và an trú ngay hiện tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu, nay Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn.

Nay Kassapa, nếu một người chỉ ăn cỏ lúa để sống, ăn lúa tặc, gạo lức... ăn trái cây, rễ cây trong rừng, ăn trái cây rừng để sống, nếu sự khó hành, sự rất khó hành của Sa-môn hạnh, của Bà-la-môn hạnh chỉ tùy thuộc khổ hạnh này, và chỉ tùy thuộc sự thực hành khổ hạnh này thời thật **không xứng mà nói**:

"Khó hành thay Sa-môn hạnh! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh". Một người cư sĩ, hay con một người cư sĩ, cho đến một người đầy tớ gái đội ghè nước có thể làm theo những hạnh: "Tôi chỉ ăn cỏ lúa để sống, ăn lúa tặc, gạo lức... ăn trái cây, rễ cây trong rừng, ăn trái cây rừng để sống". Này Kassapa, vì ngoài khổ hạnh này, ngoài sự thực hành khổ hạnh này, Sa-môn hạnh hay Bà-la-môn hạnh vẫn khó hành trì, vẫn thật khó hành trì, do vậy thật xứng đáng mà nói: "Khó hành thay Sa-môn hạnh! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh!" Này Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập từ bi tâm, không hận thù, không ác hại, và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu, này Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn!

Này Kassapa, nếu một người mặc vải gai thô, mặc vải gai thô trộn lẫn với các vải khác... sống một đêm tắm ba lần, theo hạnh xuống nước tắm (để gột sạch tội lỗi), nếu có sự khó hành, sự rất khó hành của Sa-môn hạnh, của Bà-la-môn hạnh chỉ tùy thuộc khổ hạnh này và chỉ tùy thuộc sự thi hành khổ hạnh này, thời thật không xứng mà nói: "Khó hành thay Sa-môn hạnh! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh!" Một người cư sĩ hay con một người cư sĩ cho đến một người đầy tớ gái đội ghè nước có thể làm theo những hạnh: "Tôi chỉ mặc vải gai thô, mặc vải gai thô trộn

lẫn với các vãi khác... sống một đêm tám ba lần, theo hạnh xuống nước tắm (để gột sạch tội lỗi)", này Kassapa, vì ngoài khổ hạnh này, ngoài sự thực hành khổ hạnh này, Sa-môn hạnh hay Bà-la-môn hạnh vẫn khó hành trì, vẫn thật khó hành trì, do vậy thật xứng đáng mà nói: "Khó hành thay Sa-môn hạnh! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh!" Này Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập từ bi tâm, không hận thù, không ác hại, và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu, này Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn .

17. Khi nghe nói vậy, lão thể Kassapa bạch đức Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, khó biết thay một vị Sa-môn! Khó biết thay một Bà-la-môn!

- Này Kassapa, đó là lời nói thường tình ở đời: "Khó biết thay một Sa-môn! Khó biết thay một Bà-la-môn!" Này Kassapa, nếu một người sống lỏa thể, sống phóng túng không theo lễ nghi, liếm tay... như vậy sống theo hạnh tiết chế ăn uống, cho đến nửa tháng chỉ ăn một lần.

Này Kassapa, nếu trở thành một Sa-môn, nếu trở thành một Bà-la-môn chỉ tùy thuộc khổ hạnh này,

và chỉ tùy thuộc sự thi hành khổ hạnh này, thời **thật không xứng mà nói**: "Khó biết thay một Sa-môn! Khó biết thay một Bà-la-môn!" Một người cư sĩ, hay con một người cư sĩ cho đến một người đầy tớ gái đội ghè nước có thể làm theo những hạnh: "Tôi sống lỏa thể, sống phóng túng không theo lễ nghi, liêm tay... như vậy sống theo hạnh tiết chế ăn uống, cho đến nửa tháng chỉ ăn một lần". Nay Kassapa, vì ngoài khổ hạnh này, ngoài sự thực hành khổ hạnh này, vẫn khó biết vẫn thật khó biết một người Sa-môn hay một người Bà-la-môn, do vậy thật xứng đáng mà nói: "Khó biết thay, một Sa-môn! Khó biết thay một Bà-la-môn!" **Nay Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập từ bi tâm, không hận thù, không ác hại, và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu, nay Kassapa, vị Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn .**

Nay Kassapa, nếu một người chỉ ăn cỏ lúa đề sống, ăn lúa tặc, gạo lức... ăn trái cây, rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống. Nay Kassapa, nếu trở thành một Sa-môn, trở thành một Bà-la-môn chỉ tùy thuộc khổ hạnh này và chỉ tùy thuộc sự thực hành khổ hạnh này, thời thật không xứng đáng mà nói: "Khó biết thay một Sa-môn! Khó biết thay một Bà-la-môn!" Một người cư sĩ, hay con một người cư sĩ,

cho đến một người đầy tớ gái đội ghè nước có thể làm theo những hạnh: "Tôi chỉ ăn lúa để sống, ăn lúa tẻ, gạo lức... ăn trái cây, rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống". Nay Kassapa, vì ngoài khổ hạnh này, ngoài sự thực khổ hạnh này, vẫn khó biết một người Sa-môn hay một người Bà-la-môn . Do vậy thật xứng đáng mà nói: "Khó biết thay, một Sa-môn! Khó biết thay, một Bà-la-môn! ". Nay Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập từ bi tâm, không hận thù, không ác hại, và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu, nay Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn .

Nay Kassapa, nếu một người mặc vải gai thô, mặc vải gai thô trộn lẫn với các vải khác... sống một đêm tám ba lần, theo hạnh xuống nước tắm (để gột sạch tội lỗi). Nay Kassapa, nếu trở thành một Sa-môn, trở thành một Bà-la-môn chỉ tùy thuộc khổ hạnh này, và chỉ tùy thuộc sự thực hành khổ hạnh này thời thật không xứng mà nói: "Khó biết thay một Sa-môn! Khó biết thay một Bà-la-môn!" Một người cư sĩ hay con một người cư sĩ, cho đến một người đầy tớ gái đội ghè nước có thể làm theo những hạnh: "Tôi mặc vải gai thô, mặc vải gai thô trộn lẫn với các vải khác ... sống một đêm tám ba lần". Nay Kassapa, vì ngoài khổ hạnh này vẫn rất khó biết một người Sa-

môn hay một người Bà-la-môn . Do vậy thật xứng đáng mà nói: "Khó biết thay một Sa-môn! Khó biết thay một Bà-la-môn!" Này Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập từ bi tâm, không hận thù, không ác hại, và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu, này Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn .

18. Khi nghe nói vậy, lỏa thể Kassapa bạch đức Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, thế nào là giới cụ túc? Thế là tâm cụ túc? Thế nào là tuệ cụ túc?

- Này Kassapa, nay ở đời, Như Lai xuất hiện, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri... (xem kinh Sa-môn Quả, từ số 40-42)... thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học trong giới pháp, thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh, sanh hoạt trong sạch, giới hạnh cụ túc, thủ hộ các căn, đầy đủ chánh niệm, chánh trí và biết tri túc.

Này Kassapa, thế nào là Tỷ-kheo giới hạnh cụ túc? Ở đây, này Kassapa, Tỷ-kheo từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Như vậy là giới hạnh

của vị ấy trong giới luật. (Nhu Kinh Sa-môn Quả, số 43-61,...) Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng, như dùng các ảo thuật để được an ổn, để khỏi làm các điều đã hứa... (nhu Kinh Sa-môn Quả, số 62)... . ngăn ngừa công hiệu của thuốc. Còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng kể trên. Như vậy là giới cụ túc của vị ấy. Và như vậy, này Kassapa, vị Tỷ-kheo ấy, nhờ giới luật cụ túc nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về sự hộ trì giới luật. Này Kassapa, như một Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, đã hàng phục kẻ thù địch, không còn thấy sợ hãi chỗ nào về sự thù địch. Cũng vậy, này Kassapa, Tỷ-kheo ấy nhờ giới luật cụ túc, nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về sự hộ trì giới luật. Vị ấy nhờ cụ túc giới luật cao quý này, nên hưởng lạc thọ, nội tâm thanh tịnh. Như vậy, này Kassapa, Tỷ-kheo **giới luật cụ túc.**

19. Này Kassapa, thế nào là vị Tỷ-kheo bảo hộ các căn? Này Kassapa, khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo không nắm giữ tướng chung... (nhu Kinh Sa-môn Quả, số 64)... những nguyên nhân gì vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thiết hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy, nhờ sự hộ trì cao quý các căn ấy, nên hưởng lạc thọ, nội tâm thanh

tịnh... Như vậy, này Kassapa Tỷ-kheo hộ trì các căn... (như kinh Sa-môn Quả, số 64-75)

... khi quán tự thân đã xả ly năm triền cái ấy, hân hoan sanh; do hân hoan nên hỷ sanh; do tâm hoan hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh. Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp, chứng và trú thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướt làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không do hỷ lạc từ ly dục sanh ấy thấm nhuần. Này Kassapa, như một người hầu tắm lão luyện hay đệ tử người hầu tắm. Sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước, cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướt, trào trộn với nước ướt, thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước nhưng không chảy thành giọt. Cũng vậy, này Kassapa Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. Như vậy là **tâm cụ túc của vị ấy.**

Lại nữa, này Kassapa, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm... (như

Kinh Sa-môn Quả số 77-79)... đệ tam thiên (như Kinh Sa-môn Quả số 79-81)... chứng và trú vào thiên thứ tư... (số 81-82)... đó là tâm cụ túc của vị ấy. Này Kassapa, **đó là tâm cụ túc**.

20. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: "Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phân toái, đoạn tuyệt, hoại diệt, trong thân ấy thức ta lại nương tựa và bị trói buộc."

Này Kassapa, ví như một hòn lưu ly bảo châu, đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt khéo giữa, khéo mài, sáng chói, không uế trước, đầy đủ tất cả mỹ tướng. Và một sợi dây được xuyên qua hòn ngọc ấy, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu nhạt. Một người có mắt cầm hòn ngọc ấy ở trên tay sẽ thấy: "Hòn ngọc lưu ly bảo châu này, đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo giữa, khéo mài, sáng chói, không uế trước, đầy đủ tất cả mỹ tướng. Và sợi dây này được xuyên qua hòn ngọc ấy, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng, hay màu vàng nhạt". Cũng vậy, này Kassapa, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ

sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: "Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phân toái, đoạn tuyệt, hoại diệt. Trong thân ấy, thức ta lại nương tựa và bị trói buộc". Đó là tuệ cụ túc của vị ấy... (như kinh Sa-môn Quả, số 85-98)... Vị ấy biết: "... không có đời sống nào khác nữa". Đó là tuệ cụ túc của vị ấy. **Này Kassapa, đó là tuệ cụ túc.**

Này Kassapa, và không có một giới cụ túc, tâm cụ túc, tuệ cụ túc nào khác cao thượng hơn, thù thắng hơn giới cụ túc, tâm cụ túc và tuệ cụ túc này.

21. Này Kassapa, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương giới luật. Những vị này dùng nhiều phương tiện tán thán giới luật. Này Kassapa, nói về giới luật tôn kính cao thượng nhất, **Ta nhận thấy không có một ai bằng giới luật của Ta**, làm sao có ai hơn được. Như vậy Ta hơn trên tất cả về giới luật, tức là tăng thượng giới.

Này Kassapa, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương khổ hạnh, yếm ly. Những vị này dùng nhiều phương tiện tán thán khổ hạnh, yếm ly. Này

Kassapa, nói về khổ hạnh yểm ly tôn kính cao thượng nhất, **Ta nhận thấy không có một ai bằng được khổ hạnh yểm ly của Ta**, làm sao có ai hơn được. Như vậy Ta hơn trên tất cả về khổ hạnh yểm ly, tức là tăng thượng yểm ly.

Này Kassapa, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương trí tuệ. Những vị này dùng nhiều phương tiện tán thán trí tuệ. Này Kassapa, nói về trí tuệ tôn kính cao thượng nhất, **Ta nhận thấy không có một ai bằng được trí tuệ của Ta**, làm sao có ai hơn được. Như vậy Ta hơn trên tất cả về trí tuệ, tức là tăng thượng trí tuệ.

Này Kassapa, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương giải thoát. Những vị này dùng nhiều phương tiện tán thán giải thoát. Này Kassapa, nói về giải thoát tôn kính cao thượng nhất, **Ta nhận thấy không có một ai bằng được giải thoát của Ta**, làm sao có ai hơn được. Như vậy, Ta hơn trên tất cả về giải thoát, tức là tăng thượng giải thoát.

22. Này Kassapa, sự tình này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử nhưng chỉ tại chỗ vắng người, không ở giữa đại chúng". Nên nói với chúng: "Chớ có nói như vậy. Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử

tại chỗ vắng người và cả giữa đại chúng". Nay Kassapa, nên nói với chúng như vậy.

Nay Kassapa, sự tình này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể hỏi: "Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng, nhưng rống không với tinh thần vô úy... với tinh thần vô úy... và "Không có ai hỏi Sa-môn Gotama câu hỏi gì... và "có người hỏi Sa-môn Gotama"... "Khi có người hỏi, Sa-môn Gotama không thể trả lời"... và "Khi có người hỏi, Sa-môn Gotama trả lời cho chúng"... và "Dầu cho có trả lời, câu trả lời không làm tâm người ta thỏa mãn"... và "Câu trả lời làm tâm người ta thỏa mãn"... "Nhưng người ta không xem ý kiến của Sa-môn Gotama là đáng được nghe"... "Người ta xem ý kiến của Sa-môn Gotama là đáng được nghe"... "Dầu cho có được nghe, người ta cũng không tin tưởng"... "Người ta nghe có lòng tin tưởng"... "Dầu cho người ta có lòng tin tưởng, người ta không biểu lộ lòng tin tưởng"... "Người ta có lòng tin tưởng và biểu lộ lòng tin tưởng" ... "Dầu cho có biểu lộ lòng tin tưởng, người ta không đạt đến chỗ như thực"... "Người ta đạt đến chỗ như thực"... "Dầu cho đạt đến chỗ như thực, người ta không đem ra thực hành được". Nên nói với chúng: ***"Chớ có nói như vậy. Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử, rống ở giữa đại chúng, rống với tinh thần vô úy, có người hỏi Sa-***

môn Gotama, Sa-môn Gotama trả lời khi được hỏi, câu trả lời làm tâm người ta được thỏa mãn, người ta xem ý kiến của Sa-môn Gotama đáng được nghe, sau khi được nghe người ta tin tưởng, khi có lòng tin tưởng người ta biểu lộ lòng tin tưởng, người ta đạt đến chỗ như thực, đạt đến chỗ như thực, người ta đem ra thực hành". Nay Kassapa, nên nói với chúng như vậy.

23. Nay Kassapa, một thời Ta ở tại Vương Xá trên núi Linh Thứu. Lúc bảy giờ, có người Phạm chí tu khổ hạnh tên là Nigrodha đến hỏi về tối thắng khổ hạnh yếm ly. Khi được hỏi về tối thắng khổ hạnh yếm ly, Ta đã trả lời. Và khi được Ta trả lời, vị ấy phát tâm hoan hỷ như với một hoan lạc tối thượng.

- Bạch Đại đức, ai có thể sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, lại không hoan hỷ như với một hoan lạc tối thượng? Thật vi diệu thay, bạch Đại đức! Thật vi diệu thay, bạch Đại đức! Bạch Đại đức, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Và nay con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y Tỷ-kheo Tăng. Bạch Đại đức, con xin xuất gia

với Thế Tôn, con xin thọ đại giới.

24. - Nay Kassapa, **ai trước kia là ngoại đạo**, nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong pháp và luật này phải sống **bốn tháng biệt trú**. Sau khi sống bốn tháng biệt trú, chúng Tăng nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo. Nhưng ta nhận thấy cá tánh con người sai biệt nhau.

- Bạch Đại đức, nếu những người xưa kia là ngoại đạo, nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong pháp và luật này phải sống bốn tháng biệt trú, sau khi sống bốn tháng biệt trú chúng Tăng nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới, thời con sẽ xin sống biệt trú bốn năm, sau khi sống biệt trú bốn năm, nếu chúng Tăng đồng ý, mong chúng Tăng xuất gia cho con, thọ đại giới cho con để thành vị Tỷ-kheo.

Và lỏa thể Kassapa được xuất gia với Thế Tôn và được thọ đại giới. Thọ đại giới không bao lâu, Đại đức Kassapa ở một mình an tịnh, không phóng dật, sống nhiệt tâm, cần mẫn. Và không bao lâu, **vị này chứng được mục đích tối cao** mà con cháu các lương gia đã xuất gia từ bỏ gia đình sống không gia đình hướng đến ... Đó là vô thượng cứu cánh phạm hạnh ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng, ngộ và an trú: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành,

những gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa". Đại đức Kassapa liễu tri như vậy.

Và đại đức Kassapa trở thành một vị A-la-hán nữa.

100 Không có con mắt nào có thể thấy Phật sau khi Ngài nhập diệt - Kinh AGGIVACCHAGOTTA - 72 Trung II, 313

KINH AGGIVACCHAGOTTA (**Aggivacchagotta sutta**)

– Bài kinh số 72 – Trung II, 313

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ) Jetavana (Kỳ-đà-Lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Rồi du sĩ ngoại đạo Vacchagotta đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, du sĩ ngoại đạo Vacchagotta bach Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Nay Vaccha, Ta không có tri kiến như sau:

"Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama

có tri kiến như sau: "Sinh mạng và thân thể là một, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Sinh mạng và thân thể là một, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Sinh mạng và thân thể là khác, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Sinh mạng và thân thể là khác, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau:

"Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Nhu Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Nay Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Nhu Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Nhu Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Nay Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Nhu Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?", Tôn giả Gotama đã trả lời: "Nay Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư

vọng?"

Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?" Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?" Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?", Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

... (như trên)...

Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau:

"Nhu Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?", Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Nhu Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?" Tôn giả Gotama thấy có sự nguy hại gì mà Ngài không chấp nhận hoàn toàn những tri kiến này như vậy?

– Này Vaccha, nghĩ rằng: "Thế giới là thường trú", như vậy là tà kiến, kiến trù lâm, kiến hoang vu, kiến hý luận, kiến tranh chấp, kiến kiết phược, đi đôi với khổ, với tàn hại, với não hại, với nhiệt não, không hướng đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết- bàn.

Này Vaccha, nghĩ rằng: "Thế giới là vô thường"... (như trên)... "Thế giới là hữu biên"... "Thế giới là vô biên"... "Sinh mạng và thân thể là một"... "Sinh mạng và thân thể là khác"... "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết"... "Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết"... "Nhu Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết"... Này Vaccha, nghĩ rằng: "Nhu Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", như vậy là tà kiến, kiến trù lâm, kiến hoang vu, kiến hý luận, kiến tranh chấp, kiến kiết phược, đi đôi với khổ, với tàn hại, với não hại, với nhiệt não, không hướng

đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. **Này Vaccha, Ta thấy có sự nguy hại này mà Ta không chấp nhận hoàn toàn những tri kiến như vậy.**

– Nhưng Tôn giả Gotama có tà kiến nào không?

– Này Vaccha, tà kiến đã được Như Lai đoạn trừ. Nhưng này Vaccha, **đây là điều Như Lai đã thấy:** "*Đây là sắc, đây là sắc tập, đây là sắc diệt; đây là thọ, đây là thọ tập, đây là thọ diệt; đây là tưởng, đây là tưởng tập, đây là tưởng diệt; đây là hành, đây là hành tập, đây là hành diệt; đây là thức, đây là thức tập, đây là thức diệt*". **Do vậy ta nói rằng, với sự đoạn trừ, ly tham, đoạn diệt, xả bỏ, vứt bỏ tất cả ảo tưởng tất cả hôn mê, của tất cả ngã kiến, ngã sở kiến, mạn tùy miên, mà Như Lai được giải thoát, không còn chấp thủ.**

– Thừa Tôn giả Gotama, một Tỷ-kheo được tâm giải thoát như vậy sanh khởi chỗ nào?

– Sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi?

– Không sanh khởi, này Vaccha, không có áp

dụng.

– Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy sanh khởi và không sanh khởi?

– Sanh khởi và không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi và không không sanh khởi?

– Không sanh khởi và không không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Khi được hỏi: "Tôn giả Gotama, vị Tỷ-kheo được tâm giải thoát như vậy sanh khởi tại chỗ nào?", Tôn giả đáp: "Sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng". Khi được hỏi: "Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi?" Tôn giả đáp: "Không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng". Khi được hỏi: "Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy sanh khởi và không sanh khởi?", Tôn giả đáp: "Sanh khởi và không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng". Khi được hỏi: "Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi và không không sanh khởi?", Tôn giả đáp: "Không sanh khởi và không không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng". *Thưa Tôn giả Gotama, tôi trở thành vô tri về điểm này, tôi trở thành mê mờ về điểm*

này, và một số tin tưởng tôi đã có đối với Tôn giả Gotama do các cuộc đàm thoại lúc trước đem lại, nay đã biến mất nơi tôi.

– Nay Vaccha, thôi vừa rồi, vô tri của Ông! Thôi vừa rồi, mê mờ (của Ông)! Nay Vaccha, **sâu kín là pháp này, khó thấy, khó giác ngộ, an tịnh, thù thắng, không thể luân bàn, tế nhị, chỉ bậc trí mới hiểu. Thật rất khó cho Ông có thể hiểu được, khi Ông thuộc tri kiến khác, kham nhẫn khác, lý tưởng khác, hành trì khác, Đạo sư khác.** Và nay Vaccha, nay Ta trở lại hỏi Ông. Hãy trả lời nếu Ông kham nhẫn. Nay Vaccha, Ông nghĩ thế nào? **Nếu một ngọn lửa cháy đỏ trước mặt Ông, Ông có biết: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt tôi?"**

– Tôn giả Gotama, nếu một ngọn lửa cháy đỏ trước mặt tôi, tôi có biết: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt tôi".

– Nhưng nếu, nay Vaccha, có người hỏi Ông như sau: **"Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt Ông, ngọn lửa này do duyên gì mà cháy đỏ?"**, nếu được hỏi vậy, nay Vaccha, Ông trả lời như thế nào?

– Thừa Tôn giả Gotama, nếu có người hỏi tôi như sau: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt Ông, ngọn lửa này do duyên gì mà cháy đỏ?", nếu được hỏi vậy,

thưa Tôn giả Gotama, tôi sẽ trả lời như sau: "Ngọn lửa cháy đỏ trước mặt tôi, ngọn lửa này cháy đỏ do duyên nhiên liệu cỏ và củi".

– Nay Vaccha, nếu ngọn lửa ấy bị tắt trước mặt Ông, Ông có biết: "Ngọn lửa này đã tắt trước mặt tôi?"

– Tôn giả Gotama, nếu ngọn lửa ấy được tắt trước mặt tôi, tôi sẽ biết: "Ngọn lửa này đã tắt trước mặt tôi".

– Nay Vaccha, nếu có người hỏi Ông như sau: "Ngọn lửa này đã tắt trước mặt Ông, ngọn lửa ấy từ đây đã đi về phương hướng nào, phương Đông, phương Tây, phương Bắc, hay phương Nam?", được hỏi vậy, nay Vaccha, Ông trả lời thế nào?

– Không có thể áp dụng ở đây, Tôn giả Gotama. Vì rằng, nay Tôn giả Gotama, ngọn lửa ấy đã cháy vì duyên nhiên liệu cỏ và củi. Khi cỏ và củi ấy hết và vì không có nhiên liệu khác, nên được xem là không có nhiên liệu, đã bị tắt.

– Cũng vậy, nay Vaccha, do sắc pháp này, nhờ đó mà một người nhận biết Như Lai có thể nhận biết được, sắc pháp ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái

sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát khỏi cái gọi là **sắc**, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng, khó dò đến đáy như đại dương. Khởi lên không có áp dụng, không khởi lên không có áp dụng, khởi lên và không khởi lên không có áp dụng, không khởi lên và không khởi lên không có áp dụng.

Do **thọ** này, nhờ đó mà một người nhận biết Như Lai có thể nhận biết được, thọ ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát khỏi cái gọi là **thọ**, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng khó dò đến đáy đại dương, khởi lên không có áp dụng, không khởi lên không có áp dụng, khởi lên và không khởi lên không có áp dụng, không khởi lên và không khởi lên không có áp dụng.

Do **tưởng** này, nhờ đó mà một người nhận biết Như Lai có thể nhận biết được, tưởng ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát khỏi cái gọi là **tưởng**, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng... (như trên)... không khởi lên và không khởi lên không có áp dụng.

Do những **hành** này nhờ đó mà một người nhân biết Như Lai có thể nhận biết được, các hành ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sinh, không thể sinh khởi trong tương lai. Giải thoát khỏi những cái gọi là **hành**, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng... (như trên)... không khởi lên và không không khởi lên, không có áp dụng.

Do **thức** này, nhờ đó mà một người nhận thức Như Lai có thể nhận thức được, cái thức ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sinh, không thể sinh khởi trong tương lai. **Giải thoát khỏi cái gọi là thức, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng, khó dò đến đáy như đại dương, khởi lên không có áp dụng, không khởi lên không có áp dụng, khởi lên và không khởi lên không có áp dụng, không khởi lên và không không khởi lên không có áp dụng.**

Khi được nói vậy, du sĩ ngoại đạo Vacchagotta bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, như một cây tala lớn, không xa làng hay thị trấn, vì vô thường nên cành lá rơi rụng, vỏ và đọt non rơi rụng, giác cây rơi rụng và sau một thời gian, với cành lá rơi rụng, với vỏ và đọt

non rơi rụng, với giác cây rơi rụng, cây ấy thuần tịnh chỉ còn lại lõi cây. Cũng vậy, lời nói này của Tôn giả Gotama, với cành lá rơi rụng, với vỏ và đọt non rụng, với giác cây rơi rụng, lời nói ấy thuần tịnh, chỉ còn lại **lõi cây**.

Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con xin quy y Tôn giả Gotama, quy Pháp và quy y Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

101 Không có con mắt nào có thể thấy Phật sau khi Ngài nhập diệt - Kinh PHẠM VÕNG – 1 Trường I, 11

KINH PHẠM VÕNG
– Bài kinh số 1 – Trường I, 11

1. Như vậy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn đang đi trên con đường giữa Ràjagaha (Vương Xá) và Nalandà cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Lúc bấy giờ có Suppiya du sĩ ngoại đạo cũng đi trên con đường giữa Ràjagaha và Nalandà cùng với đệ tử, thanh niên Brahmadatta. Suppiya, du sĩ ngoại đạo dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng, còn đệ tử của du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadatta, lại dùng vô số phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy cả hai thầy trò nói những lời hoàn toàn tương phản nhau trong khi đi sau lưng đức Phật và chúng Tỷ-kheo.

2. Rồi Thế Tôn đến nghỉ một đêm tại Ambalatthikà, nhà nghỉ mát của vua, cùng với chúng Tỷ-kheo. Suppiya, du sĩ ngoại đạo cũng đến nghỉ một đêm tại Ambalatthikà, nhà nghỉ mát của vua, cùng với đệ tử,

thanh niên Brahmadata. Tại đây, du sĩ ngoại đạo Suppiya cũng dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng, còn người đệ tử của du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadata, lại dùng vô số phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy cả hai thầy trò nói những lời tương phản nhau trong khi đi sau lưng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo.

3. Và khi đêm vừa mới tàn, một số lớn chư Tăng, sau khi thức dậy, đã ngồi họp tại một gian nhà hình tròn và câu chuyện sau đây được bàn đến giữa chư Tăng:

- Này các Hiền giả, thật kỳ diệu thay! Này các Hiền giả, thật hy hữu thay! Thế Tôn, đấng Toàn Tri, Toàn Kiến, đấng A-la-hán, bậc Chánh Đẳng Giác, đã thấu hiểu sự xu hướng sai khác của chúng sanh. Suppiya, kẻ du sĩ ngoại đạo này dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng. Còn đệ tử du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadata lại dùng vô số phương tiện, tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy cả hai thầy trò đã nói những lời hoàn toàn tương phản trong khi đi sau lưng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo.

4. Lúc bảy giờ Thế Tôn được biết câu chuyện đang bàn giữa chư Tăng, liền đến tại gian nhà hình tròn và

ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi xuống, Thế Tôn nói với các vị Tỷ-Kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, câu chuyện gì được bàn đến trong khi các người ngồi họp tại chỗ này? Vấn đề gì đã được bỏ dở chưa nói xong?

Nghe nói như vậy, các Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn! Tại đây, khi đêm vừa mới tàn, chúng con sau khi dậy, ngồi họp tại nơi gian nhà hình tròn và giữa chúng con, câu chuyện sau đây được bàn đến: "Này các Hiền giả, thật kỳ diệu thay! ... (xem số 3). . Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo". Bạch Thế Tôn, đó là câu chuyện đang bàn đến nửa chừng của chúng con khi Thế Tôn đến!

5. - Nay các Tỷ-kheo, nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, các người chớ có vì vậy sanh lòng công phần, tức tối, tâm sanh phiền muộn. Nay các Tỷ-kheo, nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, và nếu các người sanh lòng công phần, tức tối, tâm sanh phiền muộn, thời như vậy sẽ có hại cho các người. Nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, và nếu các người công phần và phiền muộn, thời các người có thể biết được lời nói của những kẻ ấy là đúng hay sai lạc chăng?

- Bạch Thế Tôn, không thể được!

- Nay các Tỷ-kheo, khi có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, các người phải nói rõ những điểm không đúng sự thật là không đúng sự thật: - "Nhu thế này, điểm này không đúng sự thật; như thế này, điểm này không chính xác; việc này không có giữa chúng tôi; việc này không xảy ra giữa chúng tôi".

6. Nay các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán Ta, tán thán Pháp, hay tán thán Tăng, thời các người không nên hoan hỷ, vui mừng, tâm không nên thích thú. Nay các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán ta, tán thán Pháp hay tán thán Tăng, mà nếu các người hoan hỷ, vui mừng và thích thú thời sẽ có hại cho các người. Nay các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán Ta, tán thán Pháp hay tán thán Tăng, thời các người hãy công nhận những gì đúng sự thật là đúng sự thật: "Nhu thế này, điểm này đúng sự thật, như thế này, điểm này chính xác, việc này có giữa chúng tôi, việc này đã xảy ra giữa chúng tôi".

7. Nay các Tỷ-kheo, thật chỉ thuộc các vấn đề không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phạm phụ tán thán Như Lai.

❖ *Nay các Tỷ-kheo, thế nào là những vấn đề*

không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phạm phư tán thán Như Lai?

8. Sa-môn Gotama từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. - Này các Tỷ-kheo, **đó là lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.**

- Sa-môn Gotama từ bỏ lấy của không cho, tránh xa sự lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, sự sống thanh tịnh không có trộm cướp. - Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.
- Sa-môn Gotama từ bỏ tà hạnh, tịnh tu phạm hạnh, sống giải thoát, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.

9. Sa-môn Gotama từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ nơi sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lừa gạt, không phản lại lời hứa đối với đời. Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.

- Sa-môn Gotama từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói

hai lưỡi; nghe điều gì ở chỗ này, không đi nói đến chỗ kia để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy Sa-môn Gotama sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ đã hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

- Nay các Tỷ-kheo, Sa-môn Gotama từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác, những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người, Sa-môn Gotama nói những lời như vậy. Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.
- Nay các Tỷ-kheo, Sa-môn Gotama từ bỏ lời nói ỷ ngữ, tránh xa lời nói ỷ ngữ, nói đúng thời, nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. - Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

10. Sa-môn Gotama không làm hại đến các hạt giống và các loại cây cỏ;

- Sa-môn Gotama dùng mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ không ăn ban đêm, từ bỏ không ăn phi thời.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không dùng giường cao và giường lớn.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận vàng và bạc.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận các hạt giống.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận thịt sống.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận đàn bà, con gái.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận nô tỳ gái và trai.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận cừu và dê.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận gia cầm và heo.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái.

- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận ruộng nương đất đai.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không phái người môi giới hoặc tự mình làm môi giới.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không buôn bán.
- Sa-môn Gotama từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường.
- Sa-môn Gotama từ bỏ các tà hạnh, như hối lộ, gian trá, lừa đảo.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá.
- - Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

Xong Tiêu giới.

11. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống làm hại các hạt giống và cây cối. Như các hạt giống từ rễ sanh, hạt giống từ ngành cây sanh, hạt giống từ đất sanh, hạt giống từ chiết cây sanh và thứ năm là hạt giống từ hạt giống sanh. Còn Sa-môn Gotama thì không làm hại hột giống hay cây cối nào. - Nay các

Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

12. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cất chứa và thọ hưởng các đồ vật. Như cất chứa các món ăn, cất chứa các đồ uống, cất chứa vải, cất chứa xe cộ, cất chứa các đồ nằm, cất chứa các hương liệu, cất chứa các mỹ vị. **Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không cất chứa các vật trên.** - Này các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

13. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống theo các du hí không chân chánh như múa, hát, nhạc, kịch, ngâm vịnh, nhịp tay, tung chú, đánh trống, diễn các tuồng thần tiên, mĩ võ, đấu voi, đấu ngựa, đấu trâu, đấu bò đực, đấu dê, đấu cừu, đấu gà, đấu chim cun cút, đấu gậy, đấu quyền, đấu vật, đánh giặc giả, dàn trận, thao dượt, diễn binh. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ các loại du hí không chân chánh như trên. - Này các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

14. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống đánh bài và theo các trò giải trí như cờ tám hình vuông, cờ mười hình vuông, cờ trên không, trò chơi

trên đất, chỉ bước vào những ô có quyền bước, trò chơi quăng thẻ rồi chụp nhưng không cho sụp đồng thẻ, chơi súc sắc, chơi khăng, lấy tay làm viết, chơi banh, chơi thổi kèn bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ, chơi đoán chữ viết thiếu trên không hay trên lưng, chơi đoán tư tưởng, chơi bắt chước bộ điệu. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ đánh bài và các loại giải trí như trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

15. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn sống dùng các giường cao và giường lớn như ghế bành, ghế dài, nệm trải giường bằng len, vải trải giường nhiều tấm nhiều màu, chăn len trắng, chăn len thêu bông, nệm bông, nệm thêu hình các con thú, mền bằng lông thú cả hai phía, mền bằng lông thú một phía, mền có đính ngọc, mền bằng lụa, tấm thảm lớn có thể chứa mười sáu người múa, nệm voi, nệm ngựa, nệm xe, nệm bằng da sơn dương khâu lại với nhau, nệm bằng da con sơn dương gọi là kadali, tấm khăn với lâu che phía trên, ghế dài có đầu gối chân màu đỏ. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không dùng các giường cao và giường lớn như trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

16. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã

dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn sống dùng các đồ trang sức và mỹ phẩm. Như thoa dầu, đấm bóp, tắm, đập tay chân cho mềm dẻo, gương, kem đánh mặt, vòng hoa và phấn son, phấn mặt, sáp mặt, vòng tay, tóc giả trên đầu, gậy cầm tay, ống thuốc, guơm, **lọng**, dép thêu, khăn đầu, ngọc, **phát trần**, vải trắng có viền tua dài. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không dùng các loại trang sức và mỹ phẩm như trên. Nay các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

17. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống nói những câu chuyện vô ích, tầm thường như câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, các câu chuyện hời hững, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về vải mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị tứ, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về đàn ông, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, câu chuyện về hiện trạng của thế giới, hiện

trạng của đại dương, câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu. Còn Sa-môn Gotama từ bỏ không nói những câu chuyện vô ích, tâm thường kể trên. -
Này các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

18. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống bàn luận tranh chấp, như nói: "Người không biết pháp và luật này, tôi biết pháp và luật này. Sao người có thể biết pháp và luật này? Người đã phạm vào tà kiến, tôi mới thật đúng chánh kiến; lời nói của tôi mới tương ưng, lời nói của người không tương ưng; lời nói của người không tương ưng, những điều đáng nói trước người lại nói sau, những điều đáng nói sau người lại nói trước, chủ kiến của người đã bị bài bác; câu nói của người đã bị thách đấu; người đã bị thuyết bại. Hãy đến mà giải vây lời nói ấy; nếu có thể được, gắng thoát ra khỏi lời bí". Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những cuộc biện luận tranh chấp đã kể trên. -
Này các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

19. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cho đưa các tin tức, hoặc tự đứng làm môi giới, như cho các vua, cho các đại thần của vua, cho các vị Sát-

đề-ly, cho các vị Bà-la-môn, cho các gia chủ, cho các thanh niên và nói rằng: "Hãy đi đến chỗ ấy, hãy đi lại chỗ kia; mang cái này lại, đem cái này đến chỗ kia". Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không cho đưa các tín tức và tự đứng làm môi giới. Như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

20. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống lừa đảo, nói lời siểm nịnh, gợi ý, dèm pha, lấy lợi cầu lợi. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không lừa đảo và siểm nịnh như trên. Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

Xong Trung giới.

21. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà hạnh như xem tướng tay chân, chiêm tướng, triêu tướng, mộng tướng, thân tướng, dấu chuột cắn, té lửa, té muỗi, dùng miệng phun hột cải v. v... vào lửa, té vỏ lúa, té tấm, té gạo, té thực tô, té dầu, té máu, khoa xem chi tiết, khoa xem địa lý, khoa xem mộng, khoa cầu thần ban phước, khoa cầu ma quỷ, khoa dùng bùa chú khi ở trong nhà bằng đất, khoa rắn, khoa thuốc độc, khoa

bồ cạp, khoa chim, khoa chim quạ, khoa đoán số mạng, khoa ngựa tên bắn, khoa biết tiếng nói của chim. Còn Sa-môn Gotama thì tránh xa những tà hạnh kể trên. - Này các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

22. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn nuôi sống mình bằng những tà mạng như xem tướng các hòn ngọc, tướng que gậy, tướng áo quần, tướng gươm kiếm, tướng mũi tên, tướng cây cung, tướng võ khí, tướng đàn bà, tướng đàn ông, tướng thiếu niên, tướng thiếu nữ, tướng đầy tớ nam, tướng đầy tớ nữ, tướng voi, tướng ngựa, tướng trâu, tướng bò đực, tướng bò cái, tướng dê, tướng cừu, tướng gia cầm, tướng chim cun cút, tướng con các kè, tướng vật tai dài, tướng ma, tướng thú vật. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những tà mạng kể trên. - Này các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

23. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước: Vua sẽ tiến quân, vua sẽ lui quân; vua bản xứ sẽ tấn công, vua ngoại bang sẽ triệt thoái; vua ngoại bang sẽ tấn công, vua bản xứ sẽ triệt thoái; vua bản xứ sẽ thắng trận, vua ngoại bang sẽ bại trận; vua ngoại bang sẽ

thắng trận, vua bản xứ sẽ bại trận. Như vậy sẽ có sự thắng trận cho phe bên này, sẽ có sự thất bại cho phe bên kia. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những tà mạng kể trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

24. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước sẽ có nguyệt thực, sẽ có nhật thực, sẽ có tinh thực; mặt trăng, mặt trời sẽ đi đúng chánh đạo, mặt trăng, mặt trời sẽ đi ngoài chánh đạo, các tinh tú sẽ đi đúng chánh đạo, các tinh tú sẽ đi ngoài chánh đạo, sẽ có sao băng, sẽ có lửa cháy các phương hướng, sẽ có động đất, sẽ có sấm trời, mặt trăng, mặt trời, các sao sẽ mọc, sẽ lặn, sẽ mờ, sẽ sáng, nguyệt thực sẽ có kết quả như thế này, nhật thực sẽ có kết quả như thế này, tinh thực sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, các tinh tú đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, sao băng sẽ có kết quả như thế này, lửa cháy các phương hướng sẽ có kết quả như thế này, động đất sẽ có những kết quả như thế này, sấm trời sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng, mặt trời, các sao mọc, lặn, mờ, sáng, sẽ có kết quả như thế này. Còn Sa-môn Gotama thì tránh xa, không tự nuôi

sống bằng những tà mạng kể trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

25. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước sẽ có nhiều mưa, sẽ có đại hạn, sẽ được mùa, sẽ mất mùa, sẽ được an ổn, sẽ có hiểm họa, sẽ có bệnh, sẽ không có bệnh, hay làm các nghề như đếm trên ngón tay, kế toán, cộng số lớn, làm thư, làm theo thế tình. Còn Sa-môn Gotama tránh xa các tà hạnh kể trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

26. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng. Như sắp đặt ngày lành để rước dâu hay rể, lựa ngày giờ tốt để hòa giải, lựa ngày giờ tốt để chia rẽ, lựa ngày giờ tốt để đòi nợ, lựa ngày giờ tốt để mượn hay tiêu tiền, dùng bùa chú để giúp người được may mắn, dùng bùa chú để khiến người bị rủi ro, dùng bùa chú để phá thai, dùng bùa chú làm cồng lười, dùng bùa chú khiến quai hàm không cử động, dùng bùa chú khiến cho người phải bỏ tay xuống, dùng bùa chú khiến cho tai bị điếc, hỏi gương soi, hỏi phù đồng, thiếu nữ, hỏi thiên thần để biết họa phước, thờ mặt trời, thờ đại địa, phun ra lửa, cầu Siri thần tài. Còn Sa-môn Gotama tránh xa các

tà mạng kể trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

27. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như dùng các ảo thuật để được yên ổn, để khỏi làm các điều đã hứa, để được che chở khi ở trong nhà đất, để dương được thịnh, để làm người liệt dương, để tìm đất tốt làm nhà, để cầu phước cho nhà mới, lễ rửa miệng, lễ hy sinh, làm cho mưa, làm cho xỏ, bài tiết các nhơ bẩn về phía trên, bài tiết các nhơ bẩn về phía dưới, tẩy tịnh trong đầu, thoa dầu trong tai, nhỏ thuốc mắt, cho thuốc qua lỗ mũi, xúc thuốc mắt, thoa dầu cho mắt, chữa bệnh đau mắt, làm thầy thuốc mổ xẻ, chữa bệnh cho con nít, cho uống thuốc làm bằng các loại rễ cây, ngăn ngừa công hiệu của thuốc. Còn Sa-môn Gotama tránh xa các tà mạng kể trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

Nay các Tỷ-kheo, đây là những vấn đề không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phạm phu dùng để tán thán Như Lai.

Xong Đại giới.

28. Nay các Tỷ-kheo, lại có những pháp khác, sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị chỉ những người trí mới nhận hiểu. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

☐ Nay các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, không thể nhận hiểu bởi luận lý suông, tế nhị, chỉ những người trí mới có thể nhận hiểu. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết, và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến?

29. Nay các Tỷ-kheo có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, **chấp kiến về QUÁ KHỨ TỐI SƠ**, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều sở kiến sai khác, với mười tám luận chấp. Và y chỉ theo gì, căn cứ theo gì, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy luận bàn về phía quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng ra nhiều sở kiến sai khác với mười tám luận chấp?

30. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn,

chủ trương Thường trú luận, chấp rằng: "Bản ngã về thế giới là thường còn" với **bốn luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường trú luận, và chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp?

31. Nay các Tỷ-kheo, ở đời này có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định; khi tâm nhập định, vì ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, trăm đời, ngàn đời, trăm ngàn đời, vô số trăm đời, vô số ngàn đời, vô số trăm ngàn đời, nhớ rằng: "*Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ, khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ kia chết đi tôi được sanh tại chỗ này*". Như vậy người ấy nhớ nhiều đời quá khứ, với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói rằng: "Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá; còn những loại hữu tình kia thời lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường

trú. Tại sao vậy? Vì rằng tôi do nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm... còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú".

Này các Tỷ-kheo đó là lập trường thứ nhất, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số những vị Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, và chấp rằng bản ngã và thế giới là thường còn.

32. Trường hợp thứ hai, có những Sa-môn, Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường trú luận, và chấp rằng bản ngã và thế giới là thường còn?

Này các Tỷ-kheo, ở đời này có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định, khi tâm nhập định, vì ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như một thành kiếp hoại kiếp, hai thành kiếp hoại kiếp, ba thành kiếp hoại kiếp, mười thành kiếp hoại kiếp nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này... còn những loại hữu tình kia lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy

chúng vẫn thường trú".

Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ hai, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận và chấp rằng, bản ngã và thế giới thường còn.

33. Trường hợp thứ ba, những Sa-môn hay Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường trú luận, và cho rằng bản ngã và thế giới là thường còn?

Này các Tỷ-kheo, ở đời này có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như mười thành kiếp hoại kiếp, hai mươi thành kiếp hoại kiếp, ba mươi thành kiếp hoại kiếp, bốn mươi thành kiếp hoại kiếp, năm mươi thành kiếp hoại kiếp; nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy, chết đi, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Từ chỗ ấy, chết đi, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế

này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ kia chết đi, tôi được sanh tại chỗ này". Như vậy người ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói: "Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá; còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy, chúng vẫn thường trú. Tại sao vậy? Vì rằng tôi nhờ nhiệt tâm... nên tâm nhập định như vậy. Khi tâm nhập định như vậy, tôi nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như mười thành kiếp, hoại kiếp... bốn mươi thành kiếp hoại kiếp". Nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi sống với tên như thế này... tôi được sanh tại chỗ này". Như vậy người ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói: "Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, trụ đá... còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển, luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú".

Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ ba, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới thường còn.

34. Trường hợp thứ tư, những Sa-môn, Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường trú luận, và chấp bản ngã và thế giới thường còn?

Này các Tỷ-kheo, ở đời có Sa-môn hay Bà-la-môn, là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ của suy luận, và sự tùy thuận theo thẩm sát, vị này tuyên bố như thế này: "Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá, còn những loại hữu tình kia thời lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường còn".

Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ tư, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn.

35. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn, với bốn luận chấp. Nếu có những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương Thường trú luận, chấp rằng: "Bản ngã và thế giới là thường còn", chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

36. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai biết như vậy, Ngài lại biết hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri

ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm chứng được tịch tịnh. Ngài như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ biết vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

37. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy, Như Lai đã thắng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

TỤNG PHẨM THỨ NHẤT

1. Này các Tỷ-kheo, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương **một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác**, với **bốn luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô

thường đối với một hạng hữu tình khác, với bốn luận chấp?

2. Nay các Tỷ-kheo, có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, thế giới này chuyển hoại. Trong khi thế giới chuyển hoại, các loại hữu tình phần lớn sanh qua cõi Àbhassara (Quang Âm thiên). Ở tại đây, những loại chúng sanh này do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy một thời gian khá dài.

3. Nay các Tỷ-kheo, có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, thế giới này chuyển thành. Trong khi thế giới này chuyển thành, Phạm cung được hiện ra, nhưng trống không. Lúc bấy giờ, một hữu tình, hoặc thọ mạng đã tận, hay phước báo đã tận, mạng chung từ Quang Âm thiên, sanh qua Phạm cung trống rỗng ấy. Vị ấy ở tại đây, do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy trong một thời gian khá dài.

4. Vị này, tại chỗ ấy, sau khi sống lâu một mình như vậy, khởi ý chán nản, không hoan hỷ và có kỳ vọng: "Mong sao có các loài hữu tình khác, cũng đến tại chỗ này!" Lúc bấy giờ, các loài hữu tình khác, hoặc

thọ mạng đã tận, hay phước báo đã tận, bị mệnh chung và từ thân Quang Âm thiên, sanh qua Phạm cung để làm bạn với vị hữu tình kia. Những loại hữu tình ở đây cũng do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy, trong một thời gian khá dài.

5. Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, vị hữu tình đầu tiên sanh qua nghĩ rằng: "Ta là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Những loài hữu tình ấy do chính ta sanh ra. Tại sao vậy? **Vì chính do ta khởi niệm:** Mong sao các loài hữu tình khác cũng đến tại chỗ này - Chính do sở nguyện của ta mà những loài hữu tình ấy đến tại chỗ này". Các loài hữu tình đến sau cũng nghĩ như thế này: "Vị ấy là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đáng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên này hóa sanh. Vì sao vậy? **Vì ta đã thấy vị này sanh trước ở đây rồi. Còn chúng ta thì sanh sau**".

6. Này các Tỷ-kheo, vị hữu tình sanh ra đầu tiên ấy

sống được lâu hơn, sắc tướng tốt đẹp hơn và được nhiều uy quyền hơn. Còn các loài hữu tình sanh sau thì sống ngắn hơn, sắc tướng ít tốt đẹp hơn và được ít quyền hơn. **Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình ấy, sau khi từ bỏ thân kia lại thác sanh đến cõi này. Khi đến cõi này, vị ấy xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.** Sau khi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ tới đời sống quá khứ ấy, chớ không nhớ xa hơn đời sống ấy. Vị ấy nói rằng: "Vị kia là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đáng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự Tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh. Vị ấy là thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh đến tại chỗ này. Chúng ta là vô thường, không kiên cố, yếu thọ và chịu sự biến dịch".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn

đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

7. Trường hợp thứ hai, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác?

Này các Tỷ-kheo, có những hạng chư Thiên gọi là Khiddàpadosikà (bị nhiễm hoặc bởi dục lạc). Những vị này sống lâu ngày, mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì sống lâu ngày, mê say trong hý tiểu dục lạc, nên bị thất niệm. Do thất niệm, các chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân thể của chúng.

8. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình kia khi thác sanh từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến chỗ này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống quá khứ ấy, chớ không nhớ xa hơn đời sống ấy.

9. Vị ấy nói rằng: "Những chư Thiên không bị nhiễm

hoặc bởi dục lạc, chúng sống lâu ngày không mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì sống lâu ngày không mê say trong hý tiểu dục lạc, nên không bị thất niệm. Nhờ không thất niệm, nên những chư Thiên ấy không thác sanh từ bỏ thân thể của chúng, sống thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta đã bị nhiễm hoặc bởi dục lạc, sống lâu ngày mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì chúng ta sống lâu ngày mê say trong hý tiểu dục lạc, nên bị thất niệm. Do thất niệm, chúng ta từ bỏ thân thể này, sống vô thường, không kiên cố, yếu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình, và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

10. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với một hạng hữu tình, và vô thường đối với một hạng hữu tình khác?

Này các Tỷ-kheo, có những hạng chư Thiên gọi là Manopadosikà (bị nhiễm hoặc bởi tâm trí). Chúng sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau. Vì sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của chúng oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí oán ghét lẫn nhau, nên thân chúng mệt mỏi, tâm chúng mệt mỏi. Các hạng chư Thiên ấy thác sanh từ bỏ thân thể này của chúng.

11. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong các vị hữu tình kia, khi thác sanh từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến cõi này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống quá khứ ấy, nhưng không nhớ xa hơn đời sống ấy.

12. Vị ấy nói rằng: "Những vị chư Thiên không bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, chúng sống lâu ngày không nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau. Vì sống lâu ngày không nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của chúng không oán ghét nhau. Vì tâm trí chúng không oán ghét nhau, nên thân chúng không mệt mỏi, tâm chúng không mệt mỏi. Những hàng chư Thiên ấy không thác sanh từ bỏ thân thể của chúng, sống

thường hằng kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi". Còn chúng ta bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, nên tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau, nên thân mệt mỏi và tâm mệt mỏi. Chúng ta thác sanh, từ bỏ thân này, sống vô thường không kiên cố, yếu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ ba, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

13. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

Này các Tỷ-kheo, có Sa-môn, hay Bà-la-môn là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ biện bác của suy luận và sự tùy thuộc theo thẩm sát, vị này tuyên bố như thế này: "Cái gọi là mắt, là tai, là mũi,

là lõi, là thân, cái bản ngã ấy vô thường, không kiên cố, không thường trú, bị chuyển biến. Cái gọi là tâm, là ý, là thức, cái bản ngã ấy là thường còn, bất biến, thường trú, không bị chuyển biến, thường hằng như vậy mãi mãi".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ tư, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình, và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

14. Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn, Bà-la-môn này chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn, chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

15. Này các Tỷ-kheo, Như Lai biết rằng: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy, Ngài

lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ biết vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

16. Này các Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên, **chấp thế giới là Hữu biên Vô biên** với **bốn luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp?

17. Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, **vị ấy sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là hữu biên**. Vị ấy nói rằng: "Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng chung

quanh. Vì sao vậy? Vì tôi, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi sống với tư tưởng thế giới là hữu biên. Do đó tôi biết rằng thế giới này là hữu biên, có một đường vòng chung quanh".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên và vô biên.

18. Trường hợp thứ hai, có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên và vô biên?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn, Bà-la-môn, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là vô biên. Vị ấy nói: "Thế giới này là vô biên, không có giới hạn". Những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng xung quanh", những vị ấy nói không đúng sự thật. Thế giới này là vô biên, không có giới hạn. Tại sao vậy? Vì tôi nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức

niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi sống với tư tưởng thế giới là vô biên. Do đó tôi biết: "Thế giới này là vô biên, không có giới hạn".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên.

19. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là hữu biên về phía trên, phía dưới và thế giới là Vô biên về phía bề ngang. Vị ấy nói: "Thế giới này là hữu biên và vô biên". Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng xung quanh, thì những vị ấy nói không đúng sự thật". Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này là vô biên không có giới hạn thì những vị ấy nói không đúng sự thật. Thế giới này vừa là hữu biên, vừa là vô biên. Tại sao vậy? Vì rằng, tôi nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ

không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi sống ở trong đời với tư tưởng, thế giới là hữu biên về phía trên, phía dưới, và thế giới là vô biên về phía bề ngang. Do vậy tôi biết: "Thế giới này vừa là hữu biên vừa là vô biên".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ ba, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên.

20. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ biện bác của suy luận và sự tùy thuận theo thẩm sát, vị này tuyên bố như sau: "Thế giới này không phải là hữu biên, cũng không phải là vô biên. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này là hữu biên có giới hạn xung quanh", những vị ấy nói không đúng sự thật. Lại những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này là vô biên không có giới hạn" những vị ấy cũng nói không đúng sự thật. Lại những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này vừa là hữu biên vừa là vô biên", những vị ấy cũng nói

không đúng sự thật. Thế giới này cũng không phải là hữu biên, cũng không phải là vô biên.

21. Đây các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này **chủ trương Hữu biên Vô biên luận với bốn luận chấp**. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên, chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

22. Đây các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những

pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

23. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn **chủ trương Ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uồn như con lươn với bốn luận chấp.** Và những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uồn như con lươn với bốn luận chấp?

24. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn không như thật biết "Đây là thiện" không như thật biết "Đây là bất thiện". Vị ấy nghĩ: Tôi không như thật biết: "Đây là thiện", không như thật biết: "Đây là bất thiện" và nếu tôi trả lời: "Đây là thiện" hoặc tôi trả lời: "Đây là bất thiện", thời dục, tham, sân hoặc hận, khởi lên nơi tôi. Nếu dục, tham, sân hoặc hận, khởi lên nơi tôi, như vậy tôi có thể bị sai lầm. Nếu tôi sai lầm thì tôi bị phiền muộn. Nếu tôi bị phiền muộn sẽ thành một chướng ngại cho tôi - Như vậy, vì sợ sai lầm, vì chán ghét sai lầm, nên vị ấy không trả lời: "Đây là thiện", cũng không trả lời: "Đây là bất thiện". Khi hỏi đến vấn đề này hay vấn

đề khác, vị ấy dùng lời ngụy biện trườn uốn như con lươn: "Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn.

25. Trường hợp thứ hai, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương Ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn? (1)

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn, không như thật biết "Đây là thiện", không như thật biết "Đây là bất thiện". Vị ấy nghĩ: Tôi không như thật biết: "Đây là thiện", không như thật biết: "Đây là bất thiện". Vì tôi không như thật biết: "Đây là thiện", không như thật biết "Đây là bất thiện". Và nếu tôi trả lời: "Đây là thiện" hoặc tôi trả lời: "Đây là bất thiện", thời dục, tham, sân hoặc hận, khởi lên nơi tôi. Nếu dục, tham, sân hoặc hận khởi lên nơi tôi, như vậy tôi có thể chấp thủ. Nếu tôi chấp thủ, thì tôi bị

phiền muộn. Nếu tôi bị phiền muộn, thời thành một chướng ngại cho tôi.

- Như vậy, vì sợ chấp thủ, vì chán ghét chấp thủ, nên vị ấy không trả lời: "Đây là thiện", cũng không trả lời: "Đây là bất thiện". Khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, vị ấy dùng lời ngụy biện trườn uốn như con lươn: "Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế". Nay các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận, khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn.

(1) Hỏi một đường đáp một ngã (trườn uốn như con lươn).

26. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn?

- Nay các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn không như thật biết "Đây là thiện", không như thật biết "Đây là bất thiện". Vị ấy nghĩ: Tôi không như

thật biết: "Đây là thiện", không như thật biết: "Đây là bất thiện". Vì tôi không như thật biết "Đây là thiện", không như thật biết "Đây là bất thiện" và nếu tôi trả lời: "Đây là thiện" hoặc trả lời: "Đây là bất thiện", có những Sa-môn, Bà-la-môn, bác học, tế nhị, nghị luận biện tài, biện bác như chia chẻ sợi tóc, những vị này đi chỗ này chỗ kia, như muốn đả phá các tà kiến với trí tuệ của chúng, chúng có thể đo tài, chất vấn và cật nạn tôi. Nếu chúng đo tài, chất vấn, cật nạn tôi, tôi có thể không giải đáp được cho chúng. Nếu tôi không giải đáp được cho chúng, thì tôi bị phiền muộn. Nếu tôi bị phiền muộn thời thành một chướng ngại cho tôi - Như vậy, vì sợ bị thử thách, vì chán ghét thử thách, nên vị ấy không trả lời: "Đây là thiện", cũng không trả lời: "Đây là bất thiện". Khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, vị ấy dùng lời nguy biện trườn uốn như con lươn: "Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế". - Đây các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ ba, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, chủ trương nguy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn.

27. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương nguy biện

luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn?

- Nay các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn, **Bà-la-môn đàn độn ngu si**. Vị này, vì đàn độn ngu si, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, liền dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn: "Anh hỏi tôi có một thế giới khác hay không?" Nếu tôi nghĩ "Có một thế giới khác", tôi có thể trả lời với anh: "Có một thế giới khác". Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế. Nếu anh hỏi tôi: "Không có một thế giới khác phải không?" Nếu tôi nghĩ: "Không có một thế giới khác", tôi có thể trả lời với anh: "Không có một thế giới khác". Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế. Nếu anh hỏi tôi "Không có một thế giới khác phải không?" (... như trên...) "Cũng có và cũng không có một thế giới khác?", "Cũng không có và cũng không không có một thế giới khác?", "Có loại hữu tình hóa sanh?", "Không có loại hữu tình hóa sanh?" , "Cũng có và cũng không có loại hữu tình hóa sanh?", "Cũng không có và cũng không không có loại hữu tình hóa sanh?", "Có kết quả dị thực của các nghiệp thiện và

ác?", "Không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện và ác?", "Cũng có và cũng không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện và ác?", "Cũng không có và cũng không không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện và ác?", "Như Lai có tồn tại sau khi chết?", "Như Lai không có tồn tại sau khi chết?", "Như Lai có và không có tồn tại sau khi chết?", "Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết?". Anh hỏi tôi như vậy. Nếu tôi nghĩ: "Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết". Tôi có thể trả lời: "Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết". Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế.

-Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ tư, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương nguy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn.

28. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương nguy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Nếu có những Sa-môn

hay Bà-la-môn nào chủ trương nguy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời nguy biện tròn uốn như con lươn, chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

29. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa. Và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, nay các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, nay các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

30. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn

chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với **hai luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh?

31. Nay các Tỷ-kheo, có những chư Thiên gọi là Vô tướng hữu tình. Khi một tướng niệm khởi lên, thời chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân chư Thiên của mình. Nay các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong loài hữu tình ấy, khi thác sanh từ bỏ thân chư Thiên ấy của mình, lại sanh đến cõi này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Vị ấy nhớ đến khi tướng niệm phát sanh, chớ không nhớ xa hơn nữa. Vị ấy nói: "Bản ngã và thế giới do vô nhân sanh. Tại sao vậy? Vì rằng tôi trước kia không có, nay tôi có. Từ nơi trạng thái không có, tôi trở thành loài hữu tình".

Nay các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh.

32. Trường hợp thứ hai, những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn là nhà biện luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ biện bác của suy luận và sự tùy thuận theo thẩm sát, vị ấy tuyên bố: "Bản ngã và thế giới vô nhân sanh".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh.

33. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh, chúng sẽ chấp cả hai luận chấp trên hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

34. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy, Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy.

Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

35. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn **luận bàn về quá khứ tối sơ**, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp trên. Này các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn hoặc Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác, chúng sẽ chấp cả **mười tám luận chấp** trên hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

36. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến cõi thú như vậy, sẽ tác thành những

định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa. Và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. **Và chính những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.**

37. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn **LUẬN BÀN VỀ TƯƠNG LAI**, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với **bốn mươi bốn luận chấp**. Và những vị Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai đề xướng nhiều ý kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp?

38. Nay các Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn **chủ trương hữu tướng sau khi chết, chấp bản ngã có tướng sau khi chết** với **mười sáu luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết, với mười sáu luận chấp?

- Những vị này chủ trương: "Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết có tướng".
- Chúng chủ trương: "Bản ngã có sắc và cũng không có sắc ...",
- "Bản ngã cũng không có sắc và cũng không không có sắc ...",
- "Bản ngã là hữu biên...",
- "Bản ngã là vô biên ...",
- "Bản ngã là hữu biên và vô biên",
- "Bản ngã cũng không hữu biên và cũng không vô biên ...",
- "Bản ngã là nhất tướng ...",
- "Bản ngã là dị tướng ...".
- "Bản ngã là thiếu tướng ...",
- "Bản ngã là vô lượng tướng ...",
- "Bản ngã là thuần lạc ...",

- "Bản ngã là thuần khổ ...",
- "Bản ngã là khổ lạc".
- Chúng chủ trương: "Bản ngã là không khổ không lạc, không có bệnh, sau khi chết có tướng".

39. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này chủ trương hữu tướng sau khi chết, chấp bản ngã có tướng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn này chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết, chúng sẽ chấp cả mười sáu luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

40. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy, Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, nay các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

→ Những pháp ấy, nay các Tỷ-kheo, là những pháp

sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý sông, té nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

TỤNG PHẨM THỨ HAI

1. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, **chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết** với tám luận chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận chấp?

2. Những vị này chủ trương:

- "Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết không có tướng",
- "Bản ngã không có sắc ...",
- "Bản ngã có sắc và cũng không có sắc ...",

- "Bản ngã không có sắc và cũng không không có sắc ...",
- "Là hữu biên ...", "Là vô biên ...",
- "Là hữu biên và vô biên ...".
- Các vị này chấp bản ngã là phi hữu biên và phi vô biên, không có bệnh, sau khi chết không có tướng.

3. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này **chủ trương Vô tướng luận sau khi chết**, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với **tám luận chấp**.
 - Nay các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết, chúng sẽ chấp cả tám luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, **ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.**

4. Nay các Tỷ-kheo. Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly

của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

→ Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy nhưng ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

5. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn **chủ trương Phi Hữu tướng Phi Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng** với **tám luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Phi Hữu tướng Phi Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng với tám luận chấp?

6. Những vị này chấp:

- "Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết phi hữu tướng phi vô tướng... ",
- "Bản ngã là vô sắc... ",
- "Bản ngã có sắc và cũng không có sắc... ",

- "Bản ngã là phi hữu sắc và cũng phi vô sắc... ",
- "Bản ngã là hữu biên... ",
- "Bản ngã là vô biên... ",
- "Bản ngã là hữu biên và vô biên... ".

7. Những vị này chấp rằng: **Bản ngã là phi hữu biên và cũng phi vô biên, không có bệnh**, sau khi chết phi hữu tướng phi vô tướng, với **tám luận chấp**. Nay các Tỷ-kheo, nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào, chủ trương phi hữu tướng phi vô tướng, chúng sẽ chấp cả tám luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

8. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến những cỗi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. **Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh.** Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vi ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, nay các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

→ Những pháp ấy, nay các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu,

vượt ngoài tầm của luận lý sông, té nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

9. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, **chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, sự tiêu thất, sự hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp.** Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chấp trước sự đoạn diệt, sự tiêu thất, sự hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp?

10. Này các Tỷ-kheo, có Sa-môn hoặc Bà-la-môn chủ trương lý thuyết và ý kiến: "Vì bản ngã này có sắc, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh ra, khi thân hoại bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã này như thế hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy một số người chủ trương sự đoạn diệt, sự tiêu thất và sự hủy hoại của loài hữu tình.

11. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn

diệt. Lại còn một bản ngã khác có thiên tánh, có sắc, thuộc dục giới, ăn các đồ ăn đoàn thực. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thể hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

12. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác có thiên tánh, có sắc, do ý tạo thành, mọi chi tiết tay chân lớn nhỏ đều đầy đủ, không khuyết một căn nào. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thể hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

13. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả sắc tướng, diệt trừ các tướng chống đối, không ức niệm

các dị tướng, nhận hiểu hư không là vô biên. - Đạt đến không vô biên xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thể hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

14. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả không vô biên xứ, nhận hiểu: Thức là vô biên. - Đạt đến Thức vô biên xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thể hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

15. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả Thức vô biên xứ, nhận hiểu: không có sở hữu. - Đạt đến Vô sở hữu xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy

khi thân hoại bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thể hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

16. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thể không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả Vô sở hữu xứ, nhận hiệu: Đây là tịch tịnh, đây là mỹ diệu. - Đạt đến Phi tướng Phi phi tướng xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thể hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

17. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, **chủ trương Đoạn diệt luận**, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu thất, hủy hoại của loài hữu tình với **bảy luận chấp**. Này các Tỷ-kheo, nếu có những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu thất, hủy hoại của loài hữu tình, chúng chấp cả bảy luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

18. Này các Tỷ-kheo. Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến những cỗi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy, Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

→ Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết: và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

19. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn **chủ trương HIỆN TẠI NIẾT BÀN LUẬN**, chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với **năm luân chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-

môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hiện tại Niết bàn luận, chấp sự tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp?

20. Nay các Tỷ-kheo, có Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương và quan niệm: "Khi nào bản ngã này tận hưởng, **sung mãn năm món dục lạc**, như thế bản ngã ấy đạt đến tối thượng Niết Bàn của loài hữu tình".

21. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng Niết Bàn. Vì có sao? Vì rằng tính của dục lạc và vô thường, khổ, biến dịch. Vì tánh của chúng là biến dịch, chuyển hóa, nên ưu, bi, khổ, muộn, não phát sanh. Khi nào bản ngã ấy ly các dục lạc, ly các ác pháp, đạt đến và an trú vào **đê nhất thiên**; thiên định này có tầm, có tứ, có hỷ và có lạc, do ly dục sanh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn". Như vậy có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình.

22. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn. Vì có sao? Vì ở đây thiên định ấy có tầm, có tứ nên gọi là thô tháo. Khi

nào bản ngã ấy có tầm và tứ, đạt đến và an trú **đệ nhị thiên**. Thiên định này nội tâm yên tĩnh, trí chuyên nhất cảnh, không tầm, không tứ, hỷ lạc do định sanh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn". Như vậy có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình.

23. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn. Vì có sao? Vì ở đây tâm trí có hỷ và bị kích động nên gọi là thô tháo. Khi nào bản ngã ấy không tham hỷ, trú xả, chánh niệm, chánh trí, thân hưởng lạc mà các bậc thánh gọi là Hỷ niệm lạc trú - đạt đến và an trú **đệ tam thiên**". Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn. Như vậy, có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết Bàn. Như vậy, có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình.

24. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết bàn. Vì có sao? Vì ở đây tâm thọ lạc nên gọi là thô tháo. Khi nào bản ngã ấy xả lạc và xả khổ, diệt trừ hỷ và ưu về trước, đạt đến và an trú vào **đệ tứ thiên**. Thiên này không khổ,

không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn". Như vậy có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình.

25. **Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương Hiện tại Niết-bàn luận, chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp.** Này các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương Hiện tại Niết-bàn luận, chấp sự tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình, những vị này sẽ chấp cả năm luận chấp trên, hay một trong năm luận chấp trên, ngoài ra không còn một luận chấp nào khác nữa.

26. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn không có chấp thủ.

→ Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp

sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý sông, té nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

27. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, sẽ đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác. Chúng sẽ chấp bốn mươi bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

28. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của

chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

29. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy luận bàn về quá khứ tối sơ và luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với **sáu mươi hai luận chấp**. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác. Những vị ấy sẽ chấp sáu mươi hai luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

30. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến những cỗi thú như vậy, sẽ tác thành những định mệnh như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

31. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết, và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

32. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường trú với bốn luận chấp. **Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.**

33. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. **Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.**

34. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

35. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện truôn uôn như con lươn với bốn luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

36. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

37. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá

khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

38. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã có tướng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

39. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

40. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tướng Phi Vô tướng sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng sau khi chết với tám luận chấp. *Chủ trương ấy là kinh*

nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

41. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. *Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.*

42. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hiện tại Niết Bàn luận, chấp trước sự hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. *Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.*

43. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. *Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích*

thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

44. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. *Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.*

45. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường trú với bốn luận chấp. **Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).**

46. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. **Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).**

47. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

48. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uồn như con lươn với bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi là do sự xúc chạm (của các căn).

49. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

50. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y chỉ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

51. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã có tướng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

52. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

53. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tướng Phi Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

54. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Đoạn biệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

55. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hiện tại Niết bàn luận, chấp trước sự hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

56. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát

khởi do sự xúc chạm (của các căn).

57. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

58. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp. **Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.**

59. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới, là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

60. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế

giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

61. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

62. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

63. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y chỉ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

64. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã có tướng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ

trương trên, nếu không có cảm xúc.

65. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

66. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tướng Phi Vô tướng sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng sau khi chết với tám luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

67. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương, trên, nếu không có cảm xúc.

68. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hiện tại Niết Bàn luận, chấp trước sự hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

69. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-

la-môn, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

70. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

71. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận; những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Ngụy biện luận; những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Vô nhân luận; những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu tưởng luận sau khi chết, những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô

tưởng luận sau khi chết; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tưởng Phi Vô tưởng sau khi chết; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Đoạn diệt luận; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương hiện tại Niết Bàn luận; những Sa-môn, Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ; những Sa-môn, Bà-la-môn luận bàn về tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ vào quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. **Tất cả những vị này có những cảm thọ (những chủ trương trên) do sự xúc chạm qua sáu xúc xứ.**

Do duyên với những cảm thọ mà tham ái phát khởi; do duyên tham ái, thủ phát khởi; do duyên thủ, hữu phát khởi; do duyên hữu, sanh phát khởi, do duyên sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não phát khởi. Nay các Tỷ-kheo, khi Tỷ-kheo như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu chỗ xuất xứ, vị ấy sẽ có một sự hiểu biết vượt ra ngoài những điều trên.

72. Nay các Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn nào luận bàn về quá khứ tối sơ, hay luận bàn về tương lai, hay luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ vào quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến

sai khác tất cả **những vị này đều bị bao trùm bởi lưới của sáu mươi hai luận chấp này, dầu chúng nhảy vọt lên, chúng vẫn bị hạn cuộc bao phủ ở nơi đây.**

Này các Tỷ-kheo, cũng ví như người đánh cá lành nghề hay người học đánh cá vung lưới trên mặt hồ nước nhỏ có mắt sít sao. Người ấy nghĩ: "Những con cá lớn ở trong hồ nước nhỏ này, tất cả chúng đều bị bao phủ trong tấm lưới này, dầu chúng có nhảy vọt lên, chúng vẫn bị hạn cuộc bao phủ ở nơi đây". Cũng như vậy này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào, luận bàn về quá khứ tối sơ, hay luận bàn về tương lai, hay luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác, tất cả những vị này đều bị bao phủ trong lưới của sáu mươi hai luận chấp này; dầu có nhảy vọt lên, những vị này vẫn bị hạn cuộc bao phủ ở nơi đây.

73. **Này các Tỷ-kheo, thân của Như Lai còn tồn tại, những cái khiến đưa đến đời sống khác đã bị chấm dứt. Khi thân của vị này còn tồn tại thời chư Thiên và loài Người còn có thể thấy thân ấy. Khi thân hoại mạng chung, thời chư Thiên và loài Người không thể thấy được.**

Này các Tỷ-kheo, như nhánh có một chùm xoài bị chặt đứt, tất cả trái xoài dính với nhánh ấy đều bị chung một số phận với nhánh kia. Cũng như vậy này các Tỷ-kheo, thân của Như Lai còn tồn tại, nhưng cái khiến đưa đến một đời sống khác đã bị chặt đứt. Khi thân của vị này còn tồn tại thời chư Thiên và loài Người có thể thấy thân ấy. Khi thân hoại mạng chung thời chư Thiên và loài Người không thể thấy được.

74. Khi nghe nói vậy, đại đức Ananda bạch đức Thế Tôn:

- Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn! Hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Pháp môn này gọi là gì, bạch Thế Tôn?

- Này Ananda, pháp môn này gọi là "Lợi Vông", hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "Pháp Vông", hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "Phạm Vông", hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "Kiếm Vông", hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "Vô thượng Chiến thắng", hãy như vậy mà phụng trì.

Thế Tôn thuyết như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi kinh này được truyền thuyết, một ngàn thế giới đều rung động.

102 Không có con mắt nào có thể thấy Phật sau khi Ngài nhập diệt - Kinh Thế Giới – Tương IV, 93

Thế Giới – Tương IV, 93

1) ...

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Phagguna bạch Thế Tôn:

4-6) -- *Có con mắt nào, bạch Thế Tôn, do con mắt ấy, có thể biết và tuyên bố về chư Phật quá khứ đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chương ngại, đã đoạn các hành tung khát ái, đã chấm dứt luân hồi, đã vượt qua mọi khổ đau?*

... tai... mũi...

7-8) ... lưỡi... thân...

9) Có ý nào, bạch Thế Tôn, do ý ấy, có thể biết và tuyên bố về chư Phật quá khứ đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chương ngại, đã đoạn các hành tung khát ái, đã chấm dứt luân hồi, đã vượt qua mọi khổ đau?

10-12) -- Không có con mắt nào, này Phagguna, do con mắt ấy, có thể biết và tuyên bố về chư Phật quá khứ đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chương ngại, đã đoạn các hành tung khát ái, đã chấm dứt luân hồi, đã vượt mọi khổ đau.

... tai... mũi...

13-14) ... Không có lưỡi... Không có thân...

15) Không có ý nào, này Phagguna, do ý ấy, có thể biết và tuyên bố về chư Phật quá khứ đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chương ngại, đã đoạn các hành tung khát ái, đã chấm dứt luân hồi, đã vượt qua mọi khổ đau.

103 Không có con mắt nào... - Ngay trong hiện tại, không tìm được... - Kinh Anuràdha – Tương III, 210

Anuràdha – Tương III, 210

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Vesàli, Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường.

2) Lúc bấy giờ Tôn giả Anuràdha ở một cái chòi trong rừng, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

3) Rồi nhiều ngoại đạo du sĩ đi đến Tôn giả Anuràdha; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Anuràdha những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên.

4) Ngồi xuống một bên, các ngoại đạo du sĩ ấy nói với Tôn giả Anuràdha:

- Này Hiền giả Anuràdha, bậc Như Lai ấy là Tối thượng nhân, Tối thắng nhân, đã đạt được Tối thắng quả, bậc Như Lai ấy, được xem là đã tuyên bố theo bốn trường hợp: "Như Lai tồn tại sau khi chết; Như

lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

5) Được nói vậy, Tôn giả Anuràdha nói với các ngoại đạo du sĩ ấy:

- Nay Chư Hiền, bậc Như Lai, Tồi thượng nhân, Tồi thắng nhân, bậc đã đạt được Tồi thắng quả, **bậc Như Lai ấy được xem là đã tuyên bố ra ngoài bốn trường hợp như sau:** "Như Lai tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

6) Được nghe nói vậy, các ngoại đạo du sĩ nói với Tôn giả Anuràdha như sau:

- Hoặc là vị Tỷ-kheo này mới tu học, xuất gia không bao lâu. Hay vị này là vị Trưởng lão, nhưng ngu dốt không có học tập.

7) Rồi các ngoại đạo du sĩ ấy sau khi chỉ trích Tôn giả Anuràdha là mới tu học, là ngu si, liền từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

8) **Rồi Tôn giả Anuràdha, sau khi các ngoại đạo du sĩ ấy ra đi không bao lâu, liền suy nghĩ như sau:** "*Nếu*

ngoại đạo du sĩ ấy hỏi ta thêm câu hỏi nữa, ta phải trả lời như thế nào để khi ta nói với các ngoại đạo du sĩ ấy, ta nói lên quan điểm của Thế Tôn, ta không xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật, ta có thể trả lời tùy pháp, thuận với Chánh pháp; và ai là người đồng pháp, nói lên lời thuận với quan điểm của Ngài, sẽ không tìm được lý do để quả trách".

9) Rồi Tôn giả Anuràdha đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

10) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Anuràdha bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con ở trong một cái chòi trong rừng không xa Thế Tôn bao nhiêu. Rồi bạch Thế Tôn, nhiều ngoại đạo du sĩ đi đến con; sau khi đến... nói với con như sau: "Này Hiền giả Anuràdha, bậc Như Lai ấy là Tôi thượng nhân, Tôi thắng nhân, đã đạt được Tôi thắng quả, bậc Như Lai ấy được xem là đã tuyên bố theo bốn trường hợp: ‘Như Lai tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết’".

11) Được nói vậy, bạch Thế Tôn, con nói với các ngoại đạo du sĩ ấy như sau: "Này chư Hiền. .. không tồn tại sau khi chết".

12) Được nghe nói vậy, các ngoại đạo du sĩ nói với con: "Hoặc là Tỷ-kheo này mới học... nhưng ngu dốt, không có học tập".

13) Rồi các ngoại đạo du sĩ ấy sau khi chỉ trích con là mới tu học... liền từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

14) Rồi bạch Thế Tôn, sau khi các ngoại đạo du sĩ ấy ra đi không bao lâu, con liền suy nghĩ như sau: "Nếu các ngoại đạo du sĩ ấy hỏi ta thêm câu hỏi nữa, ta phải trả lời như thế nào để khi ta nói với các ngoại đạo du sĩ ấy, ta nói lên quan điểm của Thế Tôn. Ta không xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật, ta có thể trả lời với tùy pháp, thuận với Chánh pháp; và ai là người đồng pháp, nói lên lời thuận với quan điểm của Ngài, sẽ không tìm được lý do để quở trách".

15) - *Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, sắc là thường hay vô thường?*

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

- Thọ... tướng... các hành... thức là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

16-17) - Do thấy vậy, bậc Thánh đệ tử nhàm chán đối với **sắc**... đối với **thọ**... đối với **tướng**... đối với các **hành**... nhàm chán đối với **thức**. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "***Ta đã được giải thoát***". Vị ấy biết rõ: "***Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa***".

18) - Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, Ông có quán: "***Sắc là Như Lai không?***"

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, Ông có quán: "***Thọ... tướng... các hành... thức là Như Lai không?***"

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

19) Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, Ông có quán:
"N^{hư} L^{ai} ở trong sắc không?"

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

- Ông có quán: " N^{hư} L^{ai} ở ngoài sắc không "?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

- Ông có quán: "N^{hư} l^{ai} ở trong thọ... ở ngoài thọ...
ở trong tưởng... ở ngoài tưởng... ở trong các hành...
ở ngoài các hành... ở trong thức không"?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

- Ông có quán: "N^{hư} L^{ai} ở ngoài thức không"?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

- Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, Ông có quán:
"Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là N^{hư} L^{ai} không?"

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

20) - Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, Ông có quán:
"Cái phi sắc, phi thọ, phi tưởng, phi hành, phi thức
là N^{hư} L^{ai} không"?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

21) Và ở đây, này Anuràdha, **ngay trong hiện tại**
không tìm được một N^{hư} L^{ai} thường còn, thường

trú, **thời có hợp lý chẳng khi Ông trả lời:** "Này chư Hiền, vị Như Lai nào là bậc Tối thượng nhân, Tối thắng nhân, đã đạt được quả Tối thắng, bậc Như Lai ấy được xem là đã tuyên bố ra ngoài bốn trường hợp như sau: ‘Như Lai tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết’"?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

22) -Lành thay, lành thay, này Anuràdha! **Trước kia và nay, này Anuràdha, Ta chỉ tuyên bố khổ và đoạn diệt khổ.**

104 Không có gì còn lại để hiểu biết hơn nữa - Kinh TỰ HOAN HỖ – 28 Trường II, 415

KINH TỰ HOAN HỖ – Bài kinh số 28 – Trường II, 415

Như vậy tôi nghe.

1. Một thời, Thế Tôn ở tại Nàlandà, trong rừng Pàvārikambavana. Lúc bấy giờ, tôn giả Sàriputta đến tại chỗ Thế Tôn ở, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Khi ngồi xuống một bên, tôn giả Sàriputta bạch Thế Tôn!

- Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại, không thể có một vị Samôn, một vị Bàlamôn khác nào có thể vĩ đại hơn Thế Tôn, sáng suốt hơn Thế Tôn, về phương diện **giác ngộ**.

- **Này Sàriputta, lời nói của Ngươi thật là đại ngôn, thật là gan dạ, Ngươi thật là rống tiếng rống con sư tử khi Ngươi nói: "Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở**

tương lai cũng như ở hiện tại, không thể có một vị Samôn, một vị Bàlamôn nào có thể vĩ đại hơn Thế Tôn, sáng suốt hơn Thế Tôn, về phương diện giác ngộ"

Này Sàriputta, có phải Ngươi đã được biết, trong **quá khứ**, các vị Alahán, Chánh Đẳng Giác, với tâm của Ngươi biết được tâm của tất cả các vị Thế Tôn - **giới đức** chư vị Thế Tôn là như vậy, **Pháp** là như vậy... **trí tuệ** là như vậy... **an trú** là như vậy... **giải thoát** chư vị Thế Tôn là như vậy?

- Bạch Thế Tôn, **không!**

- Này Sàriputta, có phải Ngươi đã được biết, trong **tương lai**, các vị Alahán, Chánh Đẳng Giác, với tâm của Ngươi biết được tâm của tất cả các vị Thế Tôn - **giới đức** chư vị Thế Tôn là như vậy, **Pháp** là như vậy... **trí tuệ** là như vậy... **an trú** là như vậy... **giải thoát** chư vị Thế Tôn là như vậy?

- Bạch Thế Tôn, **không!**

- Này Sàriputta, có phải Ngươi đã được biết, trong **hiện tại Ta** là vị Alahán, Chánh Đẳng Giác, với tâm của Ngươi biết được tâm của Thế Tôn - **giới đức** Thế Tôn là như vậy, **Pháp** là như vậy... **an trú** là như vậy... **giải thoát** Thế Tôn là như vậy?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Nay Sàriputta, hãy xem! Người không có trí tuệ biết được tâm tư của chư vị Alahán, Chánh Đẳng Giác ở quá khứ, ở hiện tại và ở tương lai! **Vậy sao**, này Sàriputta, lời nói của Người tuyên bố thật là đại ngôn, thật là gan dạ, Người thật đã rống tiếng rống con sư tử khi Người nói: "Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại, không thể có một vị Samôn, vị Bàlamôn khác nào có thể vĩ đại hơn Thế Tôn, sáng suốt hơn Thế Tôn, về phương diện giác ngộ."

2. *Bạch Thế Tôn, con không có trí tuệ để được biết tâm tư của chư vị Alahán, Chánh Đẳng Giác trong quá khứ, hiện tại và vị lai. **Bạch Thế Tôn, nhưng con biết truyền thống về Chánh pháp.***

Bạch Thế Tôn, như vị vua có một thành trì ở biên cảnh, có hào lũy kiên cố, có thành quách tháp canh kiên cố và chỉ có một cửa thành ra vào. Cửa thành có vị giữ cửa thông minh, biết tài và giàu kinh nghiệm, ngăn chặn những người lạ, chỉ cho vào những ai quen biết. Người này, trong khi đi tuần tiểu xung quanh thành, có thể không thấy hết các chỗ nấp và khe hở của tường, nhỏ cho đến một con mèo

thể đi qua được. Nhưng người ấy chỉ cần biết rằng các sinh vật to lớn hơn muốn đi vào hay đi ra thành này, tất cả đều phải đi vào hay đi ra cửa này.

Bạch Thế Tôn, cũng vậy con biết truyền thống về Chánh pháp.

- Tất cả những vị Alahán, Chánh Đẳng Giác trong thời quá khứ, tất cả những bậc Thế Tôn này đã diệt trừ Năm Triền cái, những nhiễm tâm khiến trí tuệ yếm ớt, đã khéo an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, đã như thật tu hạnh Bảy Giác chi, đã chứng ngộ Vô thượng Chánh Đẳng Giác.
- Tất cả những vị Alahán, Chánh Đẳng Giác trong thời vị lai, tất cả những bậc Thế Tôn này sẽ diệt trừ Năm Triền cái, những nhiễm tâm khiến trí tuệ yếu ớt, sẽ khéo an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, sẽ như thật tu hạnh Bảy Giác chi và sẽ chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Giác.
- Bạch Thế Tôn, và nay Thế Tôn, bậc Alahán, Chánh Đẳng Giác đã diệt trừ Năm Triền cái, những nhiễm tâm khiến trí tuệ yếu ớt, đã khéo an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, đã như thật tu hạnh Bảy Giác chi, đã chứng ngộ vô thượng

Chánh Đăng Giác.

Và nay, ở đây, con một thời yết kiến Thế Tôn để nghe pháp. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuyết pháp cho con, mỗi pháp lại cao thượng, thâm thúy hơn pháp trước, **hắc pháp và bạch pháp** đều được đề cập, đối chiếu.

Bạch Thế Tôn, nhờ Thế Tôn Thuyết pháp cho con, mỗi pháp lại cao thượng, thâm thúy hơn pháp trước, hắc pháp và bạch pháp đều được đề cập, đối chiếu như vậy, nên trong sự thâm hiểu Chánh pháp, một pháp được con thâm hiểu trọn vẹn, đó là lòng tin của con vào vị Bốn Sư - Thế Tôn là bậc Chánh Đăng Giác, pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng và chúng Tăng đã khéo hành trì.

3. Bạch Thế Tôn, lại nữa, điểm này thật là vô thượng:
Thế Tôn thuyết pháp về các Thiện pháp.

Ở đây những **thiện pháp** là:

- **Bốn Niệm xứ,**
- **Bốn Chánh cần,**
- **Bốn Như ý túc,**
- **Năm Căn,**
- **Năm Lực,**

- *Bấy Giác chi,*
- *Thánh đạo tám ngành.*

Bạch Thế Tôn, ở đây vị Tỷ kheo tận diệt các lậu hoặc, có thể tự mình chứng tri và chứng ngộ, đạt đến và an trú ngay trong hiện tại, Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát vô lậu này.

Bạch Thế Tôn, thật là vô thượng đối với các thiện pháp.

Tất cả điểm này, Thế Tôn đã biết và ngoài sự hiểu biết của Ngài, không có gì còn lại để hiểu biết hơn nữa. Không có một ai, một Samôn hay một Bàlamôn nào khác có thể chứng biết hơn Thế Tôn về vấn đề các thiện pháp.

4. Bạch Thế Tôn, lại nữa, điểm này thật là vô thượng: **Thế Tôn thuyết pháp về sự trình bày các Nhập xứ.**

Bạch Thế Tôn, *sáu nội xứ và ngoại xứ*, tức là:

- Mắt và sắc,
- Tai và tiếng,
- Mũi và hương,
- Lưỡi và vị,

- Thân và xúc,
- Ý và pháp.

Bạch Thế Tôn, thật là vô thương về sự trình bày các Nhập xứ.

Tất cả điểm này, Thế Tôn đã biết và ngoài sự hiểu biết của Ngài, không có gì còn lại để hiểu biết hơn nữa. Không có một ai, một Samôn hay một Bàlamôn nào khác có thể chứng biết hơn Thế Tôn về vấn đề trình bày các Nhập xứ.

5. Bạch Thế Tôn, lại nữa, điểm này thật là vô thương:
Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Nhập thai.

Bạch Thế Tôn, có ***bốn loại nhập thai***:

- Bạch Thế Tôn, ở đây, có loại không biết mình nhập bụng người mẹ, không biết mình trú trong bụng người mẹ và không biết mình ra khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai thứ *nhất*.
- Lại nữa bạch Thế Tôn, có loại biết mình nhập bụng người mẹ, nhưng không biết mình an trú trong bụng người mẹ và không biết mình ra khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai như *hai*.
- Lại nữa bạch Thế Tôn, có loại biết mình nhập

bụng người mẹ, biết mình an trú trong bụng người mẹ, và không biết mình ra khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai thứ *ba*.

- Lại nữa Bạch Thế Tôn, có loại biết mình nhập bụng người mẹ, biết mình an trú trong bụng người mẹ và biết mình ra khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai thứ *tư*.

Đây là bốn loại nhập thai. Bạch Thế Tôn, thật là vô thương về vấn đề nhập thai.

6. Bạch Thế Tôn, lại nữa, điểm này thật là vô thương:
Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề sai khác trong sự Ký tâm.

Bạch Thế Tôn có ***bốn loại ký tâm*** sai khác như thế này.

- Bạch Thế Tôn, có hạng **tự tỏ lộ bằng hình tướng**: "Ý của Ngươi là như thế này, ý của Ngươi là như vậy, tâm của Ngươi là như thế này. Nếu có tỏ lộ nhiều đi nữa, thì sự tỏ lộ là như vậy, không phải gì khác." Như vậy là loại ký tâm thứ *nhất*.
- Lại nữa bạch Thế Tôn, ở đây có loại không tự tỏ lộ bằng hình tướng, nhưng **tỏ lộ sau khi nghe tiếng phát ra bởi người, phi nhân, hay chư**

Thiên: "Ý của Người là như thế này, ý của Người là như vậy, tâm của Người là như thế này. Nếu có tỏ lộ nhiều đi nữa, thì sự tỏ lộ là như vậy, không phải gì khác." Như vậy là loại ký tâm thứ *hai*.

- Lại nữa bạch Thế Tôn, ở đây có loại không tự tỏ lộ bằng hình tướng, cũng không tự tỏ lộ sau khi nghe tiếng phát ra bởi Người, phi nhân hay chư Thiên, mà **tự tỏ lộ sau khi nghe tiếng rõ ràng và hợp lý, phát ra từ sự suy tầm, tư duy:** "Ý của Người là như thế này, ý của Người là như vậy, tâm của Người là như thế này. Nếu có tỏ lộ nhiều đi nữa, thì sự tỏ lộ là như vậy, không phải gì khác." Như vậy là loại ký tâm thứ *ba*.
- Lại nữa bạch Thế Tôn, ở đây có loại không tự tỏ lộ bằng hình tướng, cũng không tự tỏ lộ sau khi nghe tiếng phát ra bởi người, phi nhân, hay chư Thiên, cũng không tự tỏ lộ, sau khi nghe tiếng rõ ràng và hợp lý, phát ra từ sự suy tầm và tư duy, **nhưng khi chúng được định, không tầm, không tứ, có thể biết được tâm người khác với tâm của mình:** "Tùy ước nguyện hợp ý hành của Tôn giả này, vị này sẽ hướng tâm đến tâm này. Nếu có tỏ lộ nhiều đi nữa, thì sự tỏ lộ là như vậy, không phải gì khác". Như

vậy là loại ký tâm thứ *tư*.

Bạch Thế Tôn, thật là vô thượng về vấn đề ký tâm sai khác.

7. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Kiến định** (dassanasamāpatti).

Bạch Thế Tôn, có ***bốn loại kiến định*** như thế này:

- Ở đây bạch Thế Tôn, có vị Samôn hay Bàlamôn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Với tâm nhập định như vậy, vị ấy quan sát thân này, dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đỉnh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt: Trong thân này, đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, thận, tủy, tim gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, phân, mật, đàm (niêm dịch), mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu. Như vậy là kiến định thứ *nhất*.
- Lại nữa bạch Thế Tôn, ở đây có vị Samôn hay Bàlamôn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần

mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Với tâm nhập định như vậy, vị ấy quán sát thân này, dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đỉnh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt: Trong thân này, đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, thận, tủy, tim, gan, hành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, phân, mật, đàm (niêm dịch), mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mủ, nước ở khớp xương, nước tiểu. Hơn nữa, vị ấy quán sát bộ xương của người ấy còn liên kết với nhau, còn dính thịt, máu và da. Như vậy là kiến định thứ hai.

- Lại nữa bạch Thế Tôn,... vị ấy vượt qua sự quán sát bộ xương của người ấy còn liên kết với nhau, còn dính thịt, máu và da, quán sát giòng tâm thức của người ấy, không gián đoạn, như là an trú cả đời này và an trú cả đời sau. Như vậy là kiến định thứ ba.
- Lại nữa, bạch Thế Tôn,... Hơn nữa, vị ấy vượt qua sự quán sát bộ xương của người ấy còn liên kết với nhau, còn dính thịt, máu và da, quán sát giòng tâm thức của người ấy, không gián đoạn, như là không an trú cả đời này và cả đời sau. Như vậy là kiến định thứ tư.

Bạch Thế Tôn, thật là vô thượng về vấn đề kiến định.

8. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Phân loại các loại Người.**

Bạch Thế Tôn, có **bảy loại Người** như thế này:

- Câu giải thoát,
- Tuệ giải thoát,
- Thân chứng,
- Kiến chí,
- Tín thắng giải,
- Tùy pháp hành,
- Tùy tín hành.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề phân loại loài Người.

9. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Tinh cần.**

Bạch Thế Tôn có **Bảy Giác chi** như thế này:

- Niệm Giác chi,
- Trạch pháp Giác chi,

- Tinh tấn Giác chi,
- Hỷ Giác chi,
- Khinh an Giác chi,
- Định Giác chi,
- Xả Giác chi.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề tinh cần.

10. Lại nữa, bạch Thế Tôn, điểm này thật là vô thượng: **Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Tiên bộ trong sự tu hành** (Patipàda = đạo hành). Bạch Thế Tôn, có **bốn loại đạo hành** như thế này -

- Hành trì khổ chứng ngộ chậm,
- Hành trì khổ chứng ngộ mau,
- Hành trì lạc chứng ngộ chậm,
- Hành trì lạc chứng ngộ mau.

Bạch Thế Tôn, ở đây, thế này là hành trì khổ chứng ngộ chậm: Bạch Thế Tôn, sự hành trì cả hai phương diện đều được xem là hạ liệt, vừa khổ vừa chậm.

Bạch Thế Tôn, ở đây, thế này là hành trì khổ, chứng ngộ mau: Bạch Thế Tôn, sự hành trì này vì khổ nên

được gọi là hạ liệt.

Bạch Thế Tôn, ở đây, thế này là hành trì lạc, chúng ngộ chậm: Bạch Thế Tôn, sự hành trì này vì chậm nên được gọi là hạ liệt.

Bạch Thế Tôn, ở đây, thế này là hành trì lạc chúng ngộ mau: Bạch Thế Tôn, sự hành trì này cả hai phương diện đều được xem là cao thượng, vừa lạc vừa mau.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề đạo hành (tiến bộ trên đường tu hành).

11. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Chánh hạnh trong ngôn ngữ.**

Bạch Thế Tôn, ở đây, một người không những không nói những lời liên hệ đến nói láo, mà cũng phải, trong khi tìm cách thắng cuộc, không dùng lời vu khống, lời ác khẩu và lời ly gián, trái lại nói lời từ hòa, sáng suốt, đáng được giữ gìn, và nói đúng thời.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về chánh hạnh trong ngôn ngữ.

12. Lại nữa, bạch Thế Tôn, điểm này thật là vô

thượng: **Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Giới hạnh của con người.**

Bạch Thế Tôn, ở đây, có người chân thật, thành tín, không dối trá, không lừa gạt, không gợi ý, không chiêm tướng, không lấy lợi câu lợi, hộ trì các căn, ăn uống tiết độ, hành động ôn hòa, luôn luôn cảnh giác, không chán nản, tinh cần, trầm tư, chánh niệm, ngôn từ lành lợi, hành vi gan dạ, chịu đựng, biết điều, không tham dục, tỉnh giác cẩn trọng.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tôi thượng về vấn đề giới hạnh của con người.

13. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về Sự sai biệt trong sự giảng dạy.**

Bạch Thế Tôn, có **bốn loại giảng dạy.**

- Bạch Thế Tôn, **Thế Tôn nhờ tự Chánh tư duy**, biết người khác: Người này theo sự giảng dạy, hành trì như thế này, sẽ diệt trừ ba kiết sử, sẽ chứng **Dự lưu**, không còn bị đọa lạc, chắc chắn sẽ được giác ngộ.
- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy, biết người khác: Người này theo sự giảng dạy,

hành trì như thế này, sẽ diệt trừ ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si, sẽ chứng **Nhất lai**, phải sanh đời này một lần nữa trước khi diệt tận khổ đau.

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy biết người khác: Người này theo sự giảng dạy, hành trì như thế này, sẽ **diệt trừ năm hạ phần kiết sử**, sẽ được hóa sanh và ở tại cảnh giới ấy nhập Niết bàn, không còn về lại đời này.
- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy biết người khác: Người này theo sự giảng dạy hành trì như thế này, sẽ **diệt trừ các lậu hoặc**, tự mình giác tri, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại, vô lậu Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tôi thương về vấn đề sai biệt trong sự giảng dạy.

14. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về Giải thoát trí của người khác.**

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự Chánh tư duy biết người khác: Người này diệt trừ ba kiết sử, sẽ chứng quả **Dự lưu**, không còn bị đọa lạc, nhất định sẽ được giác ngộ.

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy biết được người khác: Người này sẽ diệt trừ ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si, sẽ chứng quả **Nhất lai**, phải sanh đời này một lần nữa, sẽ diệt tận khổ đau.
- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy biết được người khác: Người này **diệt trừ năm hạ phần kiết sử**, sẽ được hóa sanh, tự chỗ ấy nhập Niết bàn, không còn phải trở lại đời này.
- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy biết được người khác: Người này, **diệt trừ các lậu hoặc**, tự tri tự chứng, đạt đạo và an trú ngay trong đời hiện tại vô lậu Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề giải thoát trí của người khác.

15. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Thường trú luận.**

Bạch Thế Tôn, có **ba loại Thường trú luận** như thế này.

- Bạch Thế Tôn ở đây có vị Sa môn hay Bà la môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn,

nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định; khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, trăm đời, ngàn đời, trăm ngàn đời, vô số trăm đời, vô số ngàn đời, vô số trăm ngàn đời, nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi được sanh đến chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, tuổi thọ như thế này." Như vậy vị ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Vị ấy nói rằng: *"Trong thời quá khứ, tôi biết được thế giới là trong hoại kiếp hay thành hoại kiếp. Nhưng trong tương lai tôi không được biết thế giới là trong hoại kiếp hay thành hoại kiếp. Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vĩnh chắc như đỉnh núi, như trụ đá. Còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển, luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú."* Đó là Thường trú luận thứ nhất.

- Lại nữa, bạch Thế Tôn, ở đây, có vị Sa môn hay Bà la môn nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị

ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như một thành kiếp hoại kiếp, hai thành kiếp hoại kiếp, ba thành kiếp hoại kiếp, bốn thành kiếp hoại kiếp, năm thành kiếp hoại kiếp, mười thành kiếp hoại kiếp, nhớ rằng: *"Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại sanh tại chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ kia chết đi, tôi được sanh tại chỗ này."* Như vậy vị ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Vị ấy nói: *"Trong thời quá khứ, tôi biết được thế giới là trong hoại kiếp hay thành kiếp. Trong tương lai, tôi biết được thế giới sẽ là trong hoại kiếp hay thành kiếp. Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá, còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú."* Đó là Thường trú luận thứ hai.

- Lại nữa, bạch Thế Tôn, ở đây, vị Sa môn hay Bà la môn, nhờ nhất tâm... nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định vị ấy nhớ được nhiều đời

sống quá khứ, như mười thành kiếp hoại kiếp, hai mươi thành kiếp hoại kiếp, ba mươi thành kiếp hoại kiếp, bốn mươi thành kiếp hoại kiếp, nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại được sanh tại chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này." Như vậy vị ấy nhớ nhiều đời quá khứ, với những đặc điểm và những chi tiết. Vị ấy nói: *"Trong thời quá khứ, tôi biết được thế giới là trong hoại kiếp hay thành kiếp. Trong tương lai, tôi biết được thế giới là trong hoại kiếp hay trong thành kiếp. Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vĩnh chắc như đỉnh núi, như trụ đá, còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sống lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú."* Đó là Thường trú luận thứ ba.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tôi thượng về vấn đề Thường trú luận.

16. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Túc mạng**

trí. Bạch Thế Tôn, ở đây có vị Samôn hay Balamôn, nhờ nhất tâm... nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại kiếp thành kiếp. Nhớ rằng: *"Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại được sanh tại chỗ kia. Tại chỗ kia tôi đã sống với tâm như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại được sanh tại chỗ kia. Tại chỗ kia tôi đã sống với tâm như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này."* Như vậy, vị ấy nhớ nhiều đời quá khứ, với những đặc điểm và những chi tiết. Bạch Thế Tôn, có những chư Thiên, mà tuổi thọ không thể đếm được hay không thể tính được. Nhưng dưới bất cứ ngã thể nào được có trong quá khứ, hoặc có sắc hay không sắc, hoặc có tướng hay không tướng, hoặc phi tướng phi phi tướng, chúng nhớ đến đời quá khứ với các đặc điểm và chi tiết như vậy. Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về

vấn đề Túc mạng trí.

17. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Sanh tử trí của các loài hữu tình.** Ở đây, bạch Thế Tôn, có vị Sa môn hay Bà la môn, nhờ nhất tâm... nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ: "Này các Hiền giả, những chúng sanh làm những ác hạnh về thân, ngữ và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, ngữ và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo Chánh kiến, tạo các nghiệp theo Chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi Trời, trên đời này". Như vậy, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề Sanh tử trí của các loại hữu tình.

18. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Thần túc thông.**

Bạch Thế Tôn, có ***hai loại thần thông*** như thế này.

- Bạch Thế Tôn, có loại thần thông hữu lậu, hữu dư y, được gọi là "không phải Thánh".
- Bạch Thế Tôn, có loại thần thông vô lậu, vô dư y, được gọi là "bậc Thánh".

*Bạch Thế Tôn, thế nào là loại **thần thông hữu lậu**, hữu dư y, được gọi là "không phải Thánh"?*

- Ở đây, bạch Thế Tôn, có vị Sa môn hay Bà la môn, nhờ nhất tâm, nhờ cần mẫn, nhờ bất phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy chứng được nhiều loại Thần túc thông sai khác. Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân. Hiện hình biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ trời lên ngang qua đất liền, như ở trong nước; đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngồi kiết già đi trên hư không như con chim, với bàn tay chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự

thân bay đến cõi Phạm thiên. Bạch Thế Tôn, như vậy là thần thông hữu lậu, hữu dư y, được gọi là "không phải Thánh".

*Bạch Thế Tôn, thế nào là **thần thông vô lậu**, vô dư y, được gọi là "bậc Thánh"?*

- Ở đây, bạch Thế Tôn vị Tỷ kheo, nếu vị ấy muốn: "Đối với sự vật đối nghịch, ta sẽ an trú với tướng không đối nghịch", và ở đây vị ấy an trú với tướng không đối nghịch.
- Nếu vị ấy muốn: "Đối với sự vật không đối nghịch, ta sẽ an trú với tướng đối nghịch", và ở đây vị ấy an trú với tướng đối nghịch.
- Nếu vị ấy muốn: "Đối với sự vật đối nghịch và không đối nghịch, ta sẽ an trú với tướng không đối nghịch", và ở đây vị ấy an trú với tướng không đối nghịch.
- Nếu vị ấy muốn: "Đối với sự vật không đối nghịch và đối nghịch, ta sẽ an trú với tướng đối nghịch", và ở đây vị ấy an trú với tướng đối nghịch.
- Nếu vị ấy muốn: "Loại bỏ cả hai đối nghịch và không đối nghịch, ta sẽ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác", và ở đây vị ấy trú xả, chánh niệm, tỉnh giác.

Bạch Thế Tôn, như vậy là thần thông vô lậu, vô dư y, và được gọi là "bậc Thánh".

Bạch Thế Tôn, như vậy là vô thượng về các loại Thần túc thông.

Tất cả điểm này, Thế Tôn đã biết, và ngoài sự hiểu biết của Ngài, không có gì còn lại để hiểu biết hơn nữa. Không có một ai, một Samôn hay Bàlamôn nào khác, có thể chứng biết hơn Thế Tôn về vấn đề các loại Thần túc thông.

19. Bạch Thế Tôn, những gì có thể đạt được bởi một thiện nam tử có lòng tin, có tinh tấn, có kiên trì bởi sự kiên trì của con người, bởi sự tinh tấn của con người, bởi sự tiến bộ của con người, bởi sự nhẫn nhục của con người, đều được Thế Tôn chứng đạt.

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không có đam mê các dục lạc, dục lạc này là dục tiền, dục hạ, thuộc phàm phu, không xứng bậc Thánh, không có lợi ích.
- Thế Tôn cũng không đam mê tu hành khổ hạnh, khổ hạnh này là khổ, không xứng bậc Thánh, không có lợi ích.

► Thế Tôn có thể đạt được nếu Ngài muốn, một cách

đễ dàng, một cách đầy đủ, sự hạnh phúc ngay trong hiện tại, do bốn *Thiền định* đem lại.

- Bạch Thế Tôn, nếu có ai hỏi con: "*Này Hiền giả Sàriputta, trong thời quá khứ, có vị Samôn hay Bàlamôn nào còn lớn hơn, còn sáng suốt hơn Thế Tôn về vấn đề giác ngộ?*" Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy, con trả lời không.
- Bạch Thế Tôn, nếu có ai hỏi con: "*Này Hiền giả Sàriputta, trong thời vị lai, có vị Samôn hay Bàlamôn nào còn lớn hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về vấn đề giác ngộ?*" Bạch Thế Tôn, được hỏi như vậy con trả lời không.
- Bạch Thế Tôn, nếu có ai hỏi con: "*Này Hiền giả Sàriputta, trong thời quá khứ, có vị Samôn hay Bàlamôn nào có thể bằng Thế Tôn về vấn đề giác ngộ?*" Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy con trả lời có.
- Bạch Thế Tôn, nếu có ai hỏi con: "*Này Hiền giả Sàriputta, trong thời vị lai, có vị Samôn hay Bàlamôn nào có thể bằng Thế Tôn về vấn đề giác ngộ?*" Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy con trả lời có.

- "Này Hiền giả Sàriputta, trong thời hiện tại, có vị Samôn hay Bàlamôn nào có thể bằng Thế Tôn về vấn đề giác ngộ?" Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy con trả lời không.

➡ Bạch Thế Tôn, nếu có ai hỏi con: "Vì sao, Tôn giả Sàriputta một mặt thì xác nhận là có, một mặt xác nhận là không có?" Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy con sẽ trả lời:

- "Này Hiền giả, trước mặt Thế Tôn, tôi có nghe nói, từ nơi Ngài tôi có ghi nhận: "Trong thời quá khứ, có vị Alahán, Chánh Đẳng Giác bằng Ta về phương diện giác ngộ."
- Này Hiền giả trước mặt Thế Tôn tôi có nghe nói, từ nơi Ngài tôi có ghi nhận: "Trong thời vị lai, có các vị Alahán, Chánh Đẳng Giác bằng Ta về phương diện giác ngộ."
- Này Hiền giả, trước mặt Thế Tôn tôi có nghe nói từ nơi Ngài tôi có ghi nhận: "Không có trường hợp, không có sự kiện trong một thế giới, **hai vị** Alahán, Chánh Đẳng Giác cùng xuất hiện ở đời, không trước, không sau. Sự kiện như vậy không thể xảy ra".

Bạch Thế Tôn, có phải khi được hỏi và trả lời như vậy, con đã nói lên đúng ý với Thế Tôn, không có sai lạc, không có hiểu lầm Thế Tôn? Có phải con đã trả lời thuận pháp, đúng pháp? Có phải không một đối phương hợp pháp nào có thể tìm ra lý do để chỉ trích phê bình?

- Nay Sàriputta, được hỏi và trả lời như vậy, Người đã nói lên đúng ý với Ta, không có sai lạc, không có hiểu lầm Ta. Người đã trả lời thuận pháp và đúng pháp. Không một đối phương hợp pháp nào có thể tìm ra lý do để chỉ trích, phê bình.

20. Được nghe nói vậy, Tôn giả Udàyyi bạch Thế Tôn:

- Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn! Như Lai thiếu dục như vậy, tri túc như vậy, nghiêm túc như vậy; trong khi Như Lai có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy, mà không tự mình tỏ lộ. Bạch Thế Tôn, nếu có một du sĩ ngoại đạo nào, tự thấy mình chứng được đầu chỉ có một pháp, họ đã dương cò (giống trống) lên rồi.

Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn! Như Lai thiếu dục như vậy, tri túc như vậy, nghiêm túc như vậy; trong khi Như Lai có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy, mà không tự mình tỏ lộ.

- Hãy ghi nhận, này Udàyi! Như Lai thiếu dục như vậy, tri túc như vậy, nghiêm túc như vậy; trong khi Như Lai có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy, mà không tự mình tỏ lộ. Này Udàyi, nếu có một du sĩ ngoại đạo nào, tự thấy mình dầu chỉ có một pháp như vậy, họ đã dương cờ (giống trống) lên rồi. Này Udàyi hãy ghi nhận! Như Lai thiếu dục như vậy, tri túc như vậy, nghiêm túc như vậy; trong khi Như Lai có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy, mà không tự mình tỏ lộ.

21. Rồi Thế Tôn bảo tôn giả Sàriputta:

*- Vậy Sàriputta, Người phải luôn luôn thuyết pháp **phân biệt** này cho các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, các Nam cư sĩ và các Nữ cư sĩ. Này Sàriputta, nếu có những kẻ ngu nào còn nghi ngờ hay ngần ngại đối với Như Lai, nếu họ được nghe **pháp phân biệt** này, nghi ngờ hay ngần ngại của họ đối với Như Lai sẽ được diệt trừ.*

Như vậy, tôn giả Sàriputta nói lên lòng hoan hỷ của mình đối với Thế Tôn. Do vậy, danh từ "**Sam pasàdaniyam, Tự hoan hỷ**" được dùng cho câu trả lời này.

105 Không có gì sanh ra lại không bị tử vong - Kinh Tuổi Thọ – Tương I, 240

Tuổi Thọ – Tương I, 240

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Rājagaha, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: - "Này các Tỷ-kheo"

- "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

3) Thế Tôn nói như sau:

*-- Này các Tỷ-kheo, **ngăn ngừa** thay là **tuổi thọ** loài **Người ở đời này**, rồi phải đi trong tương lai! Hãy làm điều lành. Hãy sống Phạm hạnh. **Không có gì sanh ra lại không bị tử vong**. Này các Tỷ-kheo, người sống lâu chỉ có một trăm năm, hoặc ít hơn, hoặc nhiều hơn.*

4) Rồi **Ác ma** đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ với Thế Tôn:

*Loài Người thọ mạng dài,
Người lành chớ âu lo,
Bú sữa no, hãy sống
Tử vong đâu có đến.*

(Thế Tôn):

*5) Loài Người thọ mạng ngắn,
Người lành phải âu lo,
Như cháy đầu, hãy sống,
Tử vong rồi phải đến.*

6) Rồi Ác ma, biết được "Thế Tôn đã biết ta...", liền biến mất tại chỗ.

**106 Không có một đền ơn nào xứng đáng
đv... - Kinh PHÂN BIỆT CÚNG
DƯỜNG – 142 Trung III, 569**

**KINH PHÂN BIỆT CÚNG DƯỜNG
(*Dakkhinaṇḍhana suttam*)**

– Bài kinh số 142 – Trung III, 569

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú giữa dòng họ Sakka (Thích-Ca), ở Kapilavatthu (Ca-ty-la-vệ), tại tinh xá Nigrodha (Ni-câu-luật Thọ Viên). Rồi Mahapajapati Gotami (Củ đàn Nữ Ma-ha-ba-ế xà-bà-đề), đem theo một cặp y mới, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, **Mahapajapati Gotami** bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, cặp y mới này do con cắt và dệt đặc biệt cho Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn vì lòng từ mẫn hãy nhận lấy cho con.

Khi được nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Mahapajapati Gotami:

– Nay Gotami, hãy cúng dường Tăng chúng. Bà cúng dường Tăng chúng, thời Ta sẽ được cung kính, và cả Tăng chúng cũng vậy.

Lần thứ hai, Mahapajapati Gotami bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, cặp y mới này do con cắt và dệt.. hãy nhận lấy cho con.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Mahapajapati Gotami:

– Nay Gotami, hãy cúng dường Tăng chúng.. và cả Tăng chúng cũng vậy.

Lần thứ ba, Mahapajapati Gotami bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, cặp y mới này do con cắt và dệt ... hãy nhận lấy cho con.

Lần thứ ba, Thế Tôn nói với Mahapajapati Gotami:

– Nay Gotami, hãy cúng dường Tăng chúng... và cả tăng chúng cũng vậy.

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

– Thế Tôn hãy nhận cặp y mới cho Mahapajapati Gotami! Bạch Thế Tôn, Mahapajapati Gotami đã giúp ích nhiều cho Thế Tôn, là thúc mẫu, là dưỡng mẫu, đã nuôi dưỡng Thế Tôn, đã cho Thế Tôn bú sữa, vì rằng sau khi sanh, thân mẫu của Thế Tôn mệnh chung, chính bà đã cho Thế Tôn bú sữa.

Bạch Thế Tôn, và Thế Tôn cũng giúp ích nhiều cho Mahapajapati Gotami.

- Bạch Thế Tôn, chính nhờ Thế Tôn, Mahapajapati Gotami đã quy y Phật, quy Pháp, quy y Tăng.
- Bạch Thế Tôn, chính nhờ Thế Tôn, Mahapajapati từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say các loại rượu đem lại.
- Bạch Thế Tôn, chính nhờ Thế Tôn, Mahapajapati Gotami có đầy đủ lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật, đầy đủ lòng tịnh tín bất động đối với Pháp, đầy đủ lòng tịnh tín bất động đối với chúng Tăng, đầy đủ các giới luật làm bậc Thánh hoan hỷ.

- Bạch Thế Tôn, chính nhờ Thế Tôn, Mahapajapati Gotami không còn nghi ngờ đối với Khổ, không còn nghi ngờ đối với Khổ tập, không còn nghi ngờ đối với Khổ diệt, không còn nghi ngờ đối với con Đường đưa đến khổ diệt.

Bạch Thế Tôn, Thế Tôn cũng đã giúp ích nhiều cho Mahapajapati Gotami.

– Thật là như vậy, này Ananda! Thật là như vậy, này Ananda!

- Này Ananda, nếu do nhờ một người, mà một người khác được quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, thời này Ananda, **Ta nói rằng người này không có một đến ơn nào xứng đáng đối với người kia về danh lễ**, đứng đây, chấp tay, về làm những việc thích hợp và về dâng cúng các sự cúng dường như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh.
- Nếu do nhờ một người mà một người khác từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say các loại rượu men, rượu nấu, thời này Ananda, Ta nói rằng người này không có một đến ơn nào xứng đáng đối với người kia... được

phẩm trị bệnh.

→ Nay Ananda, nếu do nhờ một người mà một người khác đầy đủ tịnh tín bất động đối với Phật... đối với Pháp.. đầy đủ các giới luật, thời này Ananda, Ta nói rằng người này không có một đền ơn nào xứng đáng đối với người kia.. được phẩm trị bệnh.

→ Nay Ananda, nếu do nhờ một người mà một người khác không có nghi ngờ đối với Khổ, không có nghi ngờ đối với Khổ tập, không có nghi ngờ đối với Khổ diệt, không có khi ngờ đối với con Đường đưa đến khổ diệt, thời này Ananda, Ta nói rằng người này không có một đền ơn nào xứng đáng đối với người kia... được phẩm trị bệnh.

☞ *Nay Ananda, có **mười bốn loại cúng dường phân loại theo hạng người.***

- Bồ thí các đức Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, là cúng dường *thứ nhất*, phân loại theo hạng người.
- Bồ thí các vị Độc Giác Phật, là cúng dường *thứ hai*, phân loại theo hạng người.
- Bồ thí các bậc A-la-hán, đệ tử Như Lai, là cúng

dường *thứ ba*, phân loại theo hạng người.

- Bồ thí các vị trên con đường chứng quả A-la-hán là cúng dường *thứ tư*, phân loại theo hạng người.
- Bồ thí các vị chứng quả Bất lai, là cúng dường *thứ năm*, phân loại theo hạng người.
- Bồ thí các vị trên con đường chứng quả Bất lai là cúng dường *thứ sáu*, phân loại theo hạng người.
- Bồ thí các vị chứng quả Nhất lai là cúng dường *thứ bảy*, phân loại theo hạng người.
- Bồ thí các vị trên con đường chứng quả Nhất lai là cúng dường *thứ tám*, phân loại theo hạng người.
- Bồ thí các vị chứng quả Dư lưu là cúng dường *thứ chín*, phân loại theo hạng người.
- Bồ thí các vị trên con đường chứng quả Dư lưu là cúng dường *thứ mười*, phân loại theo hạng người.
- Bồ thí những vị ngoại học (bahiraka) đã ly tham trong các dục vọng là cúng dường *thứ mười một*, phân loại theo hạng người.
- Bồ thí những phàm phu gìn giữ giới luật là cúng dường *thứ mười hai*, phân loại theo hạng

người.

- Bồ thí những phàm phu theo ác giới là cúng dường thứ mười ba, phân loại theo hạng người được bồ thí.
- Bồ thí các loại bàng sanh là cúng dường thứ mười bốn, phân loại theo hạng người.

➔ Tại đây, này Ananda, sau khi bồ thí cho **các loại bàng sanh**, cúng dường này có hy vọng đem lại trăm phần công đức.

➔ Sau khi bồ thí cho những **phàm phu theo ác giới**, cúng dường này có hy vọng đem lại ngàn phần công đức.

➔ Sau khi bồ thí cho các **phàm phu gìn giữ giới luật**, cúng dường này có hy vọng đem lại trăm ngàn lần công đức.

➔ Sau khi bồ thí cho các **người ngoại học đã ly tham trong các dục** vọng, cúng dường này có hy vọng đem lại trăm ngàn ức lần công đức.

➔ Sau khi bồ thí cho **các vị trên con đường chứng quả Dự lưu** cúng dường này có hy vọng đem lại vô số vô lượng công đức. Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Dự lưu? Còn nói gì đến những vị trên con đường chứng quả Nhất lai? Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Nhất

lai? Còn nói gì đến những vị trên con đường chứng quả Bất lai? Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Bất lai? Còn nói gì đến những vị trên con đường chứng quả A-la-hán? Còn nói gì đến những vị đã chứng quả A-la-hán đệ tử Như Lai? Còn nói gì đến những vị Độc Giác Phật? Còn nói gì đến các Như Lai bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác?

☞ **Này Ananda, có *bảy loại cúng dường cho Tăng chúng*.**

- Bồ thí cho cả hai Tăng chúng với đức Phật là vị cầm đầu là cúng dường Tăng chúng thứ nhất.
- Bồ thí cho cả hai Tăng chúng, sau khi đức Phật đã nhập diệt là cúng dường Tăng chúng thứ hai.
- Bồ thí cho chúng Tỷ-kheo Tăng là cúng dường Tăng chúng thứ ba.
- Bồ thí cho chúng Tỷ-kheo ni là cúng dường Tăng chúng thứ tư.
- Bồ thí và nói rằng: "Mong Tăng chúng chỉ định cho tôi một số Tỷ-kheo và Tỷ-kheo ni như vậy", là cúng dường Tăng chúng thứ năm.
- Bồ thí và nói rằng: "Mong rằng chúng chỉ định cho tôi một số Tỷ-kheo như vậy", là cúng

dường Tăng chúng thứ sáu.

- Bồ thí và nói rằng: "Mong rằng chúng chỉ định cho một số Tỷ-kheo ni như vậy", là cúng dường Tăng chúng thứ bảy.

Nhưng này Ananda, trong thời gian tương lai sẽ có những hạn chuyển tánh (gotrabhuno), (?) với những áo cà-sa vàng xung quanh cổ, theo ác giới, ác pháp, và cuộc bồ thí đối với chúng Tăng theo ác giới.

Nhưng này Ananda, khi Ta nói rằng cúng dường cho Tăng chúng là vô số và vô lượng, thời này Ananda, Ta không có muốn nói rằng bất cứ phương tiện gì, một sự bồ thí phân loại theo cá nhân lại có kết quả to lớn hơn đối với cúng dường cho Tăng chúng.

☞ *Này Ananda, có **bốn sự thanh tịnh của các loại cúng dường**. Thế nào là bốn?*

- Này Ananda, có loại cúng dường được thanh tịnh bởi người cho, nhưng không bởi người nhận.
- Này Ananda, có loại cúng dường được thanh tịnh bởi người nhận, nhưng không bởi người cho.
- Này Ananda, có loại cúng dường không được

thanh tịnh bởi người cho và cũng bởi người nhận.

- Đây Ananda, có loại cúng dường được thanh tịnh bởi người cho và cũng bởi người nhận.

Và đây Ananda, thế nào là loại cúng dường được thanh tịnh bởi người cho, nhưng không bởi người nhận? Ở đây, này Ananda, người cho giữ giới, theo thiện pháp, còn những người nhận theo ác giới, theo ác pháp. Như vậy, này Ananda, là loại cúng dường được thanh tịnh bởi người cho, nhưng không bởi người nhận.

Và đây Ananda, thế nào là loại cúng dường được thanh tịnh bởi người nhận, nhưng không bởi người cho? Ở đây, này Ananda, người cho theo ác giới, theo ác pháp, còn những người nhận giữ giới, theo thiện pháp. Như vậy, này Ananda, là loại cúng dường được thanh tịnh bởi người nhận, nhưng không bởi người cho.

Và đây Ananda, thế nào là loại cúng dường không được thanh tịnh bởi người cho và cũng bởi người nhận? Ở đây, này Ananda, người cho theo ác giới, theo ác pháp, và người nhận cũng theo ác giới, theo ác pháp. Như vậy, này Ananda, là sự cúng dường không được thanh tịnh bởi người cho và cũng

bởi người nhận.

Và này Ananda, thế nào là loại cúng dường được thanh tịnh bởi người cho và cũng bởi người nhận? Ở đây, này Ananda, người cho giữ giới, theo thiện pháp; và người nhận cũng giữ giới, theo thiện pháp. Như vậy, này Ananda, là sự cúng dường được thanh tịnh bởi người cho và cũng bởi người nhận.

Này Ananda, như vậy là bốn sự thanh tịnh của các loại cúng dường.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Bậc Thiện Thệ sau khi nói như vậy, bậc Đạo sư lại nói thêm:

*Ai đầy đủ giới luật,
Bố thí cho ác giới;
Vật thí được đúng pháp,
Với tâm khéo hoan hỷ,
**Với lòng tin vững vàng
Vào quả lớn của nghiệp,**
Sự cúng dường như vậy,
Thanh tịnh bởi người cho.*

*Ai không giữ giới luật,
Bố thí cho thiện giới;
Vật thí không đúng pháp,
Với tâm không hoan hỷ,*

*Không lòng tin vững vàng,
Vào quả lớn của nghiệp,
Sự cúng dường như vậy,
Thanh tịnh bởi người nhận.*

*Ai không giữ giới luật,
Bố thí cho ác giới;
Vật thí không đúng pháp,
Với tâm không hoan hỷ,
Không lòng tin vững vàng,
Vào quả lớn của nghiệp,
Sự cúng dường như vậy
Cả hai không thanh tịnh.*

*Ai đầy đủ giới luật,
Bố thí cho thiện giới;
Vật thí được đúng pháp,
Với tâm khéo hoan hỷ,
Với lòng tin vững vàng
Vào quả lớn của nghiệp,
Ta nói bố thí ấy
Chắc chắn có quả lớn.*

*Ai xuất ly tham ái
Bố thí không tham ái,
Vật thí được đúng pháp.
Với tâm khéo hoan hỷ,*

*Với lòng tin vững vàng,
Vào quả lớn của nghiệp,
Ta nói bố thí ấy
Là quảng đại tài thí.*

107 Không có người ngang bằng - Kinh NHƯ LAI – Tăng I, 46

NHƯ LAI – Tăng I, 46

1. Một người, khi xuất hiện ở đời, *sự xuất hiện đem lại hạnh phúc cho đa số*, an lạc cho đa số, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người. Một người ấy là ai? Chính là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Chính một người này, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

2. Sự xuất hiện của một người, *khó gặp được ở đời*. Của người nào? Của Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Sự xuất hiện của một người này, này các Tỷ-kheo, khó gặp được ở đời.

3. Một người, khi xuất hiện ở đời, *là xuất hiện một người vi diệu*. Một người ấy là ai? Chính là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Chính một người này, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời là xuất hiện một người vi diệu.

4. *Sự mệnh chung của một người, được đa số thương tiếc.* Của một người nào? Của Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Sự mệnh chung của một người này, này các Tỷ-kheo, được đa số thương tiếc.

5. Một người, khi xuất hiện ở đời là xuất hiện một người, không hai, không có đồng bạn, không có so sánh, không có tương tợ, không có đối phần, không có người ngang hàng, không có ngang bằng, không có đặt ngang bằng, bậc Tối thượng giữa các loài hai chân. Một người ấy là ai? Chính là Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Một người này, khi xuất hiện ở đời, là xuất hiện một người, không hai, không có đồng bạn, không có so sánh, không có tương tợ, không có đối phần, không có người ngang hàng, không có ngang bằng, không có đặt ngang bằng, bậc Tối thắng giữa các loài hai chân.

6-17. Sự xuất hiện của một người, là sự xuất hiện của mắt lớn, là sự xuất hiện của đại-quang, là sự xuất hiện của đại-minh, là sự xuất hiện của sáu vô thương, là sự chứng ngộ bốn vô ngại giải, là sự thông đạt của nhiều giới, là sự thông đạt của các giới sai biệt, là sự chứng ngộ của mình và giải thoát, là sự chứng ngộ quả Dự Lưu, là sự chứng ngộ quả Nhất Lai, là sự chứng ngộ quả Bất Lai, là sự chứng ngộ quả A-la-hán. Của một người ấy là ai? Chính là Như Lai, bậc

A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Sự xuất hiện của một người này, này các Tỷ-kheo, là sự xuất hiện của mắt lớn, là sự xuất hiện của đại quang... là sự chứng ngộ quả A-la-hán.

18. *Ta không thấy một người nào khác, có thể chơn chánh chuyển vận Vô thượng Pháp luân do Như Lai chuyển vận, như Xá-lợi-phất.* Này các Tỷ-kheo, Xá-lợi-phất chơn chánh chuyển vận Vô thượng Pháp luân do Thế Tôn chuyển vận.

108 Không có quả lớn - Kinh VAI THÔ BẰNG VỎ CÂY – Tăng I, 446

VAI THÔ BẰNG VỎ CÂY – Tăng I, 446

1. - Nay các Tỷ-kheo, có tám vải bằng vỏ cây hoàn toàn mới, sắc xấu, cảm xúc khó chịu, và không có giá trị.

→ Nay các Tỷ-kheo, có tám vải bằng vỏ cây bạc trung, sắc xấu, cảm xúc khó chịu, và không có giá trị.

→ Nay các Tỷ-kheo, có tám vải bằng vỏ cây cũ kỹ, để lâu chùi nòi niêu, hay đáng được quăng trên đồng rác.

2. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo mới tu hành, ác giới, theo ác pháp, Ta nói rằng vị Tỷ-kheo ấy có sắc xấu. *Nay các Tỷ-kheo, ví như tám vải bằng vỏ cây sắc xấu ấy, nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này là giống như ví dụ ấy.*

→ Còn những ai theo vị ấy, thân cận, hầu hạ, chấp nhận, thuận theo tri kiến của vị ấy, họ bị bất hạnh, đau khổ lâu dài; đây, Ta nói rằng vị ấy có cảm xúc khó chịu. *Nay các Tỷ-kheo, ví như tám vải bằng vỏ cây có cảm xúc khó chịu ấy, nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này là giống như ví dụ ấy.*

→ Còn từ những ai, vị này nhận các vật dụng như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, các dược phẩm trị bệnh, họ sẽ **không** có quả lớn, không có lợi ích lớn; đây, Ta nói rằng, **không có giá trị**. *Này các Tỷ-kheo, ví như tấm vải bằng vỏ cây không có giá trị ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này là giống như ví dụ ấy.*

3. Này các Tỷ-kheo, **nếu là trung niên Tỷ-kheo ... (như trên) ... này các Tỷ-kheo, nếu là trưởng lão Tỷ-kheo, ác giới, theo ác pháp. Ta nói rằng vị ấy có sắc xấu**. Này các Tỷ-kheo, ví như tấm vải bằng vỏ cây có sắc xấu ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này là giống như ví dụ ấy.

- Còn những ai theo vị ấy, thân cận, hầu hạ, chấp nhận, thuận theo tri kiến của vị ấy, họ bị bất hạnh, đau khổ lâu dài; đây, Ta nói rằng vị ấy có cảm xúc khó chịu. Này các Tỷ-kheo, ví như tấm vải bằng vỏ cây có cảm xúc khó chịu ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này là giống như ví dụ ấy.
- Còn từ những ai, vị này nhận các vật dụng như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, các dược phẩm trị bệnh, họ sẽ không có quả lớn, không có lợi ích lớn; đây, Ta nói rằng, vị ấy không có giá trị. Này các Tỷ-kheo, ví như tấm vải bằng vỏ cây không có giá trị ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này là giống như ví dụ ấy.

4. Như vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trưởng lão nói lên ở giữa chúng Tăng, các Tỷ-kheo nói như sau: "Sao Thầy nghĩ rằng Thầy có thể tuyên bố, một người ngu si, không thông minh? "*Vị ấy phần nộ, bất mãn, sẽ nói lên những lời, vì những lời này, chúng Tăng đuổi vị ấy ra khỏi, như người ta quăng bỏ tấm vải bằng vỏ cây ấy trên đống rác.*

VÀI BA LA NẠI – Tăng I, 448

1 - Này các Tỷ-kheo, có tám vải kàsi (Balanại), hoàn toàn mới, có sắc đẹp, cảm xúc dễ chịu, và có giá trị lớn.

- Này các Tỷ-kheo, có tám vải kàsi bậc trung, có sắc đẹp, cảm xúc dễ chịu, và có giá trị lớn.
- Này các Tỷ-kheo, có tám vải kàsi cũ, có sắc đẹp, cảm xúc dễ chịu, và có giá trị lớn.
- Và này các Tỷ-kheo, có tám vải kàsi cũ kỹ dùng để gói các châu báu, *hay được đặt vào trong một hộp có hương thơm.*

2. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, *nếu Tỷ-kheo mới tu hành, giữ gìn giới luật*, theo thiện pháp, Ta nói rằng vị Tỷ-kheo ấy có sắc đẹp. Này các Tỷ-kheo, ví như tám vải kàsi có sắc đẹp ấy, này các Tỷ-kheo, *Ta nói rằng người ấy là giống như ví dụ ấy.*

→ Còn những ai theo vị ấy, thân cận, hầu hạ, chấp nhận, thuận theo tri kiến của vị ấy, họ được hạnh phúc, an lạc lâu dài; đây, Ta nói rằng vị ấy có cảm xúc dễ chịu. *Này các Tỷ-kheo, ví như tám vải kàsi có cảm xúc dễ chịu ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người ấy là giống như ví dụ ấy.*

→ Còn từ những ai, vị này nhận các vật dụng như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, các dược phẩm trị bệnh, họ sẽ có quả lớn, có lợi ích lớn; đây, Ta nói rằng, vị ấy có giá trị lớn. *Này các Tỷ-kheo, ví như tám vải kàsi có giá trị lớn ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người ấy là giống như ví dụ ấy.*

3. Còn nếu là trung niên Tỷ-kheo, ... này các Tỷ-kheo, nếu là trưởng lão Tỷ-kheo, giữ gìn giới luật theo thiện pháp, đây Ta tuyên bố là vị ấy có sắc đẹp. *Này các Tỷ-kheo, ví như tám vải kàsi có sắc đẹp ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người ấy là giống như ví dụ ấy.*

→ Còn những ai theo vị ấy, thân cận, hầu hạ, chấp nhận, thuận theo tri kiến của vị ấy, họ được hạnh phúc, an lạc lâu dài; đây, Ta nói rằng, vị ấy có cảm xúc dễ chịu. *Này các Tỷ-kheo, ví như tám vải kàsi có cảm xúc dễ chịu ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người ấy là giống như ví dụ ấy.*

→ Còn từ những ai, vị này nhận các vật dụng như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, các dược phẩm trị

bệnh, họ sẽ có quả lớn, có lợi ích lớn; đây, Ta nói rằng, vị ấy có giá trị lớn. Nay các Tỷ-kheo, ví như tám vải kàsi có giá trị lớn ấy, nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người ấy là giống như ví dụ ấy.

4. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trưởng lão này nói lên ở giữa chúng Tăng, các Tỷ-kheo nói như sau: "Chư Tôn giả hãy im lặng, Tỷ-kheo trưởng lão đang nói Pháp và Luật, và lời nói của vị ấy trở thành châu báu cần phải cất giữ, như một người cất giữ tám vải kàsi trong một hộp có hương thơm."

Do vậy, nay các Tỷ-kheo, hãy học tập như sau:

"Chúng ta sẽ được như ví dụ tám vải kàsi, không giống như ví dụ tám vải bằng vỏ cây". Như vậy, nay các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải học tập.

109 Không có thần lực hay uy lực nào để ra lệnh - Kinh CẤP THIẾT – Tăng I, 435

CẤP THIẾT – Tăng I, 435

1. - **Này các Tỷ-kheo, có ba việc cấp thiết này, người nông phu gia chủ cần phải làm.** Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người nông phu gia chủ mau lẹ khéo cày thửa ruộng, khéo bừa thửa ruộng, sau khi mau lẹ khéo cày thửa ruộng, khéo bừa thửa ruộng, liền mau lẹ gieo hạt giống, sau khi mau lẹ gieo hạt giống, liền mau lẹ cho nước vô, cho nước ra. Này các Tỷ-kheo, đây là ba việc cấp thiết mà người nông phu gia chủ cần phải làm.

Người nông phu gia chủ ấy, này các Tỷ-kheo, không có thần lực hay không có uy lực (để ra lệnh): "Hôm nay lúa của ta được mọc lên, ngày mai chúng sẽ trở hạt, ngày kế tiếp chúng sẽ chín".

Nhưng chính theo thời gian của người nông phu gia chủ, các cây lúa do sự hướng dẫn của thời tiết được mọc lên, được trở hạt và được chín.

2. **Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có ba công việc cấp thiết này Tỷ-kheo cần phải làm.** Thế nào là ba?

- *Chấp hành tăng thượng giới học,*
- *Chấp hành tăng thượng tâm học,*
- *Chấp hành tăng thượng tuệ học.*

Ba công việc cấp thiết này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải làm.

- ➔ Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy, **không có thần lực hay không có uy lực (để ra lệnh):** "Hôm nay, tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ, ngày mai cũng vậy, ngày kế tiếp cũng vậy".
- ➔ Nhưng này các Tỷ-kheo, chính do thời gian Tỷ-kheo ấy sử dụng để học tập tăng thượng giới, để học tập tăng thượng tâm, để học tập tăng thượng tuệ, mà tâm được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau:

- "Sắc bén là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng giới học.
- Sắc bén là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng tâm học.
- Sắc bén là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng tuệ học".

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải học tập.

110 Không có thể... do đếm số năm - Kinh THÙ DIỆU SỰ 1 – Tăng III, 327

THÙ DIỆU SỰ 1 – *Tăng* III, 327

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthì, tại Jetavana, trong khu vườn ông Ànathapindika. Bấy giờ Tôn giả Sàriputta vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sàvavatthì để khát thực. Tôn giả Sàriputta suy nghĩ như sau: "Thật là quá sớm để đi khát thực ở Sàvatthì, vậy ta hãy đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo". Rồi Tôn giả Sàriputta đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo, sau khi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo, sau khi đến, nói lên với các du sĩ ngoại đạo những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

2. Lúc bấy giờ, các du sĩ ngoại đạo ấy đang ngồi tụ họp và câu chuyện sau đây được khởi lên: "*Này chư Hiền, ai sống mười hai năm hành trì Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh, thật là vừa đủ để nói: "Vị Tỷ-kheo đáng được tán thán"*". Rồi Tôn giả Sàriputta không tùy hỷ, không chỉ trích lời nói của các du sĩ ngoại đạo ấy; không tùy hỷ, không chỉ trích, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi với ý nghĩ: "Ta sẽ rõ biết ý nghĩa này từ Thế Tôn".

3. Rồi Tôn giả Sàriputta, sau khi khát thực ở Sàvatthi xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sàriputta bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, vào buổi sáng, con đắp y, cầm y bát, đi vào Sàvatthi để khát thực. Rồi bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Thật là quá sớm để đi khát thực ở Sàvatthi, vậy ta hãy đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo". Rồi bạch Thế Tôn, con đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo; sau khi đến, nói lên với các du sĩ ngoại đạo ấy những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi, con ngồi xuống một bên. Lúc bấy giờ, bạch Thế Tôn, các du sĩ ngoại đạo ấy đang ngồi tụ họp và câu chuyện sau đây được khởi lên: "Này chư Hiền, ai sống mười hai năm hành trì Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh, thật là vừa đủ để nói: "Vị Tỷ-kheo đáng được tán thán". Rồi bạch Thế Tôn, con không tùy hỷ, không chỉ trích lời nói của các du sĩ ngoại đạo ấy; không tùy hỷ, không chỉ trích, con từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi với ý nghĩ: "Ta sẽ rõ biết ý nghĩa này từ Thế Tôn".

- Bạch Thế Tôn, trong Pháp và Luật này, có thể nêu rõ một Tỷ-kheo đáng được tán thán, hoàn toàn do đếm số năm chăng?

- Nay Sàriputta, trong Pháp, và Luật này, không có thể nêu rõ một Tỷ-kheo đáng được tán thán, hoàn toàn do đếm số năm. Bấy sự thù diệu này, này Sàriputta, sau khi với thắng trí, Ta tự chứng ngộ, chứng đạt, an trú, và tuyên thuyết. Thế nào là bấy?

4. Ở đây, này Sàriputta,

- Tỷ-kheo **tha thiết hành trì học pháp** và trong tương lai khát vọng hành trì học pháp;
- Tha thiết **quán pháp** và trong tương lai khát vọng quán pháp;
- Tha thiết **niếp phục lòng dục** và trong tương lai khát vọng nhiếp phục lòng dục;
- Tha thiết **Thiền tịnh**, trong tương lai khát vọng Thiền tịnh;
- Tha thiết tinh cần tinh tấn và trong tương lai khát vọng tinh cần tinh tấn;
- Tha thiết **niệm tuệ** và trong tương lai khát vọng niệm tuệ;
- Tha thiết **thể nhập tri kiến** và trong tương lai khát vọng thể nhập tri kiến.

Này Sàriputta, bảy thù diệu sự này được Ta tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt, an trú và tuyên thuyết.

5. Thành tựu bảy thù diệu sự này, này Sàriputta, Tỷ-kheo, nếu trong mười hai năm hành trì Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh, thật là vừa đủ để nói: "Vị Tỷ-kheo đáng được tán thán!".

Nếu trong hai mươi bốn năm hành trì Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh, thật là vừa đủ để nói: "Vị Tỷ-kheo đáng được tán thán!".

Nếu trong ba mươi sáu năm hành trì Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh, thật là vừa đủ để nói: "Vị Tỷ-kheo đáng được tán thán!".

Nếu trong bốn mươi tám năm hành trì Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh, thật là vừa đủ để nói: "Vị Tỷ-kheo đáng được tán thán!".

THÙ DIỆU SỰ 2 – 330tc3

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Kosambì, tại khu vườn Ghosita. Rồi Tôn giả Ànanda vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Kosambì để khát thực. Tôn giả Ànanda suy nghĩ: "Thật là quá sớm để đi khát thực ở

Kosambì, vậy ta hãy đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo". Rồi Tôn giả Ànanda đi đến khi vườn của các du sĩ ngoại đạo, sau khi đến, nói lên với các du sĩ ngoại đạo ấy những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

2-3. ... (Giống như 2-3 của kinh trên, chỉ khác Tôn giả Ànanda thế cho Tôn giả Sàriputta)... Thế nào là bảy?

4. Ở đây, này Ànanda, Tỷ-kheo:

- Có lòng **tin**,
- Có lòng **xấu hổ**,
- Có lòng **sợ hãi**,
- Có **nghe** nhiều,
- Có tinh cần tinh **tấn**,
- Có chánh **niệm**,
- Có trí **tuệ**.

Bảy thù địch sự này, này Ànanda, được Ta tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt, an trú và tuyên thuyết.

5. Thành tựu bảy thù địch sự này, này Ànanda, Tỷ-kheo nếu trong mười hai năm hành trì Phạm hạnh

viên mãn thanh tịnh, thật là vừa đủ để nói" Vị Tỷ-kheo đáng được tán thán!".

Nếu trong hai mươi bốn năm hành trì Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh, thật là vừa đủ để nói: "Vị Tỷ-kheo đáng được tán thán!"

Nếu trong ba mươi sáu năm hành trì Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh, thật là vừa đủ để nói: "Vị Tỷ-kheo đáng được tán thán!".

Nếu trong bốn mươi tám năm hành trì Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh, thật là vừa đủ để nói: "Vị Tỷ-kheo đáng được tán thán!"

111 Không có tái sanh - Kinh MẶT TRỜI – Tăng III, 418

MẶT TRỜI –Tăng III, 418

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở Vesàlì, tại rừng Ambapàli. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

2.

- ➔ *Này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường.*
- ➔ *Này các Tỷ-kheo, các hành là không có kiên cố.*
- ➔ *Này các Tỷ-kheo, các hành là không an ổn.*
- ➔ *Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để nhàm chán, là vừa đủ để ly tham, là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả hành.*

❖ Núi chúa Sineru, này các Tỷ-kheo, dài 84 ngàn do tuần, rộng 84 ngàn do tuần, chìm xuống biển lớn 84 ngàn do tuần, nổi lên trên biển lớn 84 ngàn do tuần. Này các Tỷ-kheo, *rồi có thời, nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm, trời không mưa.* Khi không có mưa,

các loài chủng tử, các loài thực vật, các rừng rậm được thảo đều khô héo căn cỗi không có tồn tại.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường. Này các Tỷ-kheo, các hành là không có kiên cố. Này các Tỷ-kheo, các hành là không an ổn. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để nhàm chán, là vừa đủ để ly tham, là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

❖ Này các Tỷ-kheo, rồi có thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ hai hiện ra.

3. Này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ hai có mặt, thời tất cả sông nhỏ, ao nhỏ khô cạn, khô kiệt, không có tồn tại. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

❖ Này các Tỷ-kheo, rồi có một thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ ba hiện ra.

4. Này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ ba có mặt, thời các sông lớn như sông Hằng, sông Yamunà, Aciravati, Sarabhù, Mahì, các con sông ấy bị khô cạn, bị khô kiệt, không có tồn tại. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

❖ Nay các Tỷ-kheo, rồi có một thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ tư hiện ra.

5. Nay các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ tư hiện ra, thời các biển hồ lớn, từ đây các sông lớn chảy ra, ví như Anotattà, Sìhapapàtā, Rathakārā, Kannamunda, Kunālā, Chaddantā, Mandākinī, các biển hồ ấy bị khô cạn, bị khô kiệt, không có tồn tại. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, các hành là vô thường... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

❖ Nay các Tỷ-kheo, rồi có một thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ năm hiện ra.

6. Nay các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ năm có mặt, thời nước các biển lớn rút lui một trăm do tuần, nước các biển lớn rút lui hai trăm do tuần, các nước biển lớn rút lui ba trăm do tuần... Nước các biển lớn rút lui bảy trăm do tuần; nước các biển lớn dừng lại sâu đến bảy cây sàla, sáu cây sàla, năm cây sàla, bốn cây sàla, ba cây sàla, hai cây sàla, chỉ một cây sàla. Nước biển lớn dừng lại, sâu đến bảy đầu người, sáu đầu người, năm đầu người, bốn đầu người, ba đầu người, hai đầu người, một đầu người, nửa đầu người. Nước các biển lớn dừng lại, sâu chỉ đến eo lưng của người, chỉ đến đầu gối của người, chỉ đến mắt cá của người.

Ví như này các Tỷ-kheo, vào mùa thu khi trời mưa hạt lớn, chỗ này chỗ khác, trong các dấu chân của các con bò cái, có những vũng nước nhỏ đọng lại.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, chỉ còn những vũng nước nhỏ trong dấu chân các con bò cái là nước của biển lớn còn lại, chỗ này chỗ kia.

Này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ năm hiện ra, **nước biển lớn chỉ bằng độ ngón tay.** Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

❖ Này các Tỷ-kheo, rồi có một thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ sáu hiện ra.

7. Này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ sáu hiện ra, thời đất lớn này và núi chúa Sineru, sanh khói lên, thổi khói lên, phun khói lên.

Ví như, này các Tỷ-kheo, các lò của người thợ gốm mới đốt lửa lên, sanh khói lên, phun khói lên.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ sáu hiện ra, thời đất lớn này và núi chúa Sineru sanh khói lên, thổi khói lên, phun khói lên.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

❖ Nay các Tỷ-kheo, rồi có một thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ bảy hiện ra.

8. Nay các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ bảy hiện ra, trái đất lớn này và núi chúa Sineru bốc cháy, rực cháy, trở thành một màn lửa. Và khi quả đất lớn này và núi chúa Sineru cháy đỏ lên, cháy rực lên ngọn lửa do gió thổi bốc cao đến Phạm thiên giới. Các chóp ngọn của núi Sineru, cao đến một, hai, ba, bốn, năm trăm do tuần, khi bị cháy đỏ lên, cháy rực lên, bị cả khối lửa to lớn phá hoại và chinh phục, liền sụp đổ xuống.

Sau khi quả đất lớn và núi Sineru bị cháy đỏ lên, cháy rực lên, không tìm thấy tro và lọ đen.

Ví như, nay các Tỷ-kheo, khi bơ và dầu được cháy đỏ, được cháy rực lên, không tìm thấy tro và lọ đen.
Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, khi quả đất lớn này và núi chúa Sineru bị cháy đỏ lên, cháy rực lên, không tìm thấy tro và lọ đen.

➔ Như vậy, nay các Tỷ-kheo, các hành là **vô thường**.
Nay các Tỷ-kheo, các hành là **không có kiên cố**.
Nay các Tỷ-kheo, các hành là **không an ổn**. Cho đến như vậy, nay các Tỷ-kheo, là vừa đủ để nhàm chán, là vừa đủ để ly tham, là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả hành.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, ai là người có thể nghĩ rằng, ai là người có thể tin rằng: "Quả đất này và núi chúa Sineru sẽ bị đốt cháy, sẽ bị hủy hoại, sẽ không còn tồn tại nữa", trừ những người đã được chứng kiến.

9. Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có *Đạo Sư Sunetta thuộc ngoại đạo, được ly tham trong các dục*. Này các Tỷ-kheo, Đạo Sư Sunetta có hàng trăm người đệ tử. Đạo Sư Sunetta thuyết pháp cho các đệ tử về cộng trú với chư Thiên ở Phạm thiên giới.

Và tất cả những ai nắm hiểu một cách hoàn toàn trọn vẹn lời thuyết dạy của Sunetta, về cộng trú với chư Thiên ở Phạm thiên giới, khi thân hoại mạng chung, họ được sanh lên thiện thú Phạm thiên giới.

Những ai không nắm hiểu một cách hoàn toàn trọn vẹn lời dạy của Sunetta, sau khi thân hoại mạng chung, một số được sanh cộng trú với chư Thiên ở Tha hóa Tự tại, một số được sanh cộng trú với chư Thiên ở Hóa Lạc thiên, một số được sanh cộng trú với chư Thiên ở Đâu-suất Thiên, một số được sanh cộng trú với chư Thiên ở Dạ-ma Thiên, một số được sanh cộng trú với chư Thiên ở Thiên giới Ba mươi ba, một số được sanh cộng trú với chư Thiên ở Bốn Thiên vương, một số được sanh cộng trú với các đại gia đình Sát-đế-ly, một số được sanh cộng trú với các

đại gia đình Bà-la-môn, một số được sanh cộng trú với các đại gia đình gia chủ.

10. Rồi này các Tỷ-kheo, Đạo Sư Sunetta suy nghĩ như sau: *"Thật không xứng đáng cho ta trong đời sau lại có một sanh thú giống như sanh thú của các đệ tử. Vậy ta hãy tu tập tối thượng từ bi"*.

Rồi này các Tỷ-kheo, *bậc Đạo sư Sunetta trong bảy năm tu tập từ tâm.*

- Sau khi tu tập từ tâm bảy năm, trong bảy thành kiếp hoại kiếp, vị ấy không trở lui lại thế giới này.
- Trong kiếp thành của thế giới, này các Tỷ-kheo, vị ấy đi đến thế giới của Abhassara (Quang Âm thiên).
- Trong kiếp hoại của thế giới, vị ấy được sanh trong Phạm cung trống không. Tại đây này các Tỷ-kheo, vị ấy là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, bậc chiến thắng, bậc vô năng, bậc biến tri, bậc tự tại.
- Ba mươi sáu lần, này các Tỷ-kheo, vị ấy là Thiên chủ Sakka.
- Nhiều lần bảy lần, vị ấy là vị Chuyển luân Thánh vương theo Chánh pháp, là vị pháp vương, bậc chiến thắng bốn phương, đạt được sự thanh bình cho quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Vị ấy có hơn một ngàn người con trai, là những bậc anh hùng,

dũng mãnh, đánh tan địch quân. Và vị ấy chiến thắng quả đất này xa cho đến hải biên, trị vì quả đất này không dùng trượng, không dùng đao, đúng với Chánh pháp.

Này các Tỷ-kheo, Đạo sư Sunetta ấy, dầu cho thọ mạng lâu dài như vậy, sống lâu dài như vậy, nhưng không được thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng vị ấy chưa giải thoát khỏi khổ. Vì có sao? Vì rằng vị ấy chưa giác ngộ, chưa thể nhập bốn pháp.

11. Thế nào là bốn?

Này các Tỷ-kheo, vì không giác ngộ, không thể nhập *Thánh giới*; vì không có giác ngộ, không thể nhập *Thánh định*; vì không giác ngộ, không thể nhập *Thánh trí tuệ*; vì không giác ngộ, không thể nhập *Thánh giải thoát*.

Này các Tỷ-kheo, sự kiện là như sau: Khi Thánh giới được giác ngộ, được thể nhập; khi Thánh định được giác ngộ, được thể nhập; khi Thánh trí tuệ được giác ngộ, được thể nhập; khi Thánh giải thoát được giác ngộ, được thể nhập, *cắt đứt là hữu ái; sợi dây đưa đến sanh hữu được đoạn tận, nay không có tái sanh*.

Thế Tôn nói như vậy. Bạc Thiện Thệ nói xong, bậc
Đạo Sư lại nói thêm:

*Vô thượng giới và định,
Trí tuệ và giải thoát,
Gotama danh tiếng,
Giác ngộ những pháp này.
Đức Phật với thắng trí,
Thuyết pháp cho Tỷ-kheo,
Bậc Đạo sư đoạn khổ,
Bậc Pháp nhãn tịch tịnh.*

112 Không có tưởng tượng điều đã thấy - Kinh KÀLAKA – Tăng I, 594

KÀLAKA – Tăng I, 594

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sàketa, tại khu vườn Kàlaka. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo.
- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- Này các Tỷ-kheo, cái gì trong toàn thể giới với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu, được ý tư sát, tất cả Ta đều biết.

Này các Tỷ-kheo, cái gì trong toàn thể giới ... được ý tư sát, Ta đã được biết rõ như sau: "**Tất cả đều được Như Lai biết đến. Như Lai không có dựng đứng lên**". Này các Tỷ-kheo, nếu ta nói rằng: "Ta biết tất cả, cái gì trong toàn thể giới ... được thấy, được ý tư sát". Như vậy, là có nói láo trong Ta. Nếu

ta nói như sau: "Ta không biết và cũng không phải không biết". Như vậy, là có nói láo trong Ta. Như vậy có lỗi trong Ta.

Như vậy, này các Tỷ-kheo,

- Như Lai là vị **đã thấy** những gì cần thấy, nhưng **không có tưởng tượng** điều đã được thấy, không có tưởng tượng cái gì không được thấy, không có tưởng tượng những gì cần phải thấy, không có tưởng tượng đối với người thấy.
- Như Lai là vị **đã nghe** những gì cần nghe, nhưng không có tưởng tượng điều đã được nghe, không có tưởng tượng cái gì không được nghe, không có tưởng tượng những gì cần phải nghe, không có tưởng tượng đối với người nghe.
- Như Lai là vị **đã cảm giác** những gì cần cảm giác, nhưng không có tưởng tượng điều đã được cảm giác, không có tưởng tượng cái gì không được cảm giác, không có tưởng tượng những gì cần phải cảm giác, không có tưởng tượng đối với người cảm giác.
- Như Lai là vị **đã thức tri** những gì cần thức tri, nhưng không có tưởng tượng điều đã được thức tri, không có tưởng tượng cái gì không được thức tri, không có tưởng tượng những gì cần phải thức tri, không có tưởng tượng đối với người thức tri.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai đối với các pháp được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, nên vị ấy là như vậy. Lại nữa, hơn người như vậy, không có ai khác tối thượng hơn và thù thắng hơn, Ta tuyên bố như vậy.

*Cái gì được thấy nghe
Được cảm giác chấp trước
Được nghĩ là chân thực
Bởi các hạng người khác
Giữa những người thấy vậy
Ta không phải như vậy
Những điều chúng tuyên bố
Dẫu là thật hay lảo
Ta không xem tối hậu
Ta trong thời đã qua
Thấy được mũi tên này
Loài Người bị câu móc
Ta biết và Ta thấy
Các đức Phật Như Lai
Không tham đắm như vậy.*

113 Không có đôi khác... - Kinh CẦN PHẢI KHÍCH LỆ – Tăng I, 402

CẦN PHẢI KHÍCH LỆ – Tăng I, 402

1. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda đang ngồi xuống một bên:

- Này Ānanda, với ai, Thầy có lòng từ mẫn, và với những ai, Thầy nghĩ là nên nghe theo, các bạn bè, thân hữu, bà con hay cùng một huyết thống, Với những người ấy, này Ānanda, Thầy cần phải khích lệ, cần phải hướng dẫn, cần phải an trú trong **ba điểm**. Thế nào là ba?

2. **Hãy khích lệ, hướng dẫn và an trú vào tịnh tín bất động đối với Đức Phật:** "*Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Mạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn*".

Hãy khích lệ, hướng dẫn và an trú vào tịnh tín bất động đối với pháp: "*Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu*".

Hãy khích lệ, hướng dẫn và an trú vào tịnh tín bất động đối với chúng Tăng: "Điều hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn, Trục hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn, Ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn, Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời".

3. Dầu cho bốn đại chủng có đôi khác, này Ànanda, địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại, nhưng vị thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với Phật không có đôi khác. Ở đây, đôi khác là như thế này: Vị Thánh đệ tử ấy, này Ànanda, thành tựu tịnh tín bất động đối với đức Phật, sẽ sanh vào địa ngục, loại bàng sanh hay cõi ngạ quỷ. Sự kiện này không xảy ra.

4. Dầu cho bốn đại chủng có đôi khác, này Ànanda, địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại, nhưng vị Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với Pháp không có đôi khác. Ở đây, đôi khác là như thế này: Vị Thánh đệ tử ấy, này Ànanda, thành tựu tịnh tín bất động đối với Pháp, sẽ sanh vào địa ngục, loại bàng sanh hay cõi ngạ quỷ. Sự kiện này không xảy ra.

5. Dầu cho bốn đại chủng có đôi khác, này Ànanda, địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại, nhưng vị Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với chúng Tăng

không có đối khác. Ở đây, đối khác là như thế này: Vị Thánh đệ tử ấy, này Ànanda, thành tựu tịnh tín bất động đối với chúng Tăng, sẽ sanh vào địa ngục, loại bàng sanh hay cõi nạ quý. Sự kiện này không xảy ra.

Này Ànanda, với ai Thầy có lòng từ mẫn, và với những ai Thầy nghĩ là nên nghe theo, các bạn bè, thân hữu, bà con hay cùng một huyết thống, với những người ấy, này Ànanda, Thầy cần phải khích lệ, cần phải hướng dẫn, cần phải an trú trong ba điểm này.

114 Không có đôi khác... - Kinh Thân Hữu 1 – Tương V, 535

Thân Hữu 1 – *Tương V*, 535

1-2) ...

3) -- **Tất cả những ai**, này các Tỷ-kheo, **các ông có lòng từ mẫn**, và những người mà các Ông nghĩ cần phải nghe theo, những ai là bạn bè, hay thân hữu, hay bà con, hay cùng một huyết thống; tất cả những vị ấy, này các Tỷ-kheo, cần phải được khuyến khích, phải được áp đặt, phải được an trú trong bốn Dự lưu phần.

4) Thế nào là bốn?

- *Họ cần phải được khuyến khích, phải được áp đặt, phải được an trú vào tịnh tín bất động đối với đức **Phật**: "Đây là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn".*
- *Họ cần phải được khuyến khích, phải được áp đặt, phải được an trú vào tịnh tín bất động đối với **Pháp**: "Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy,*

có khả năng hưởng thượng, được người trí tự mình giác hiểu".

- **Họ cần phải được khuyến khích, phải được áp đặt, phải được an trú** vào tịnh tín bất động đối với chúng **Tăng**: "Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Trúc hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời".
- **Họ cần phải được khuyến khích, phải được áp đặt, phải được an trú** vào các **giới** được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị nhiễm ô, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến Thiên định.

5) **Những ai mà các Ông có lòng từ mẫn**, này các Tỷ-kheo, những ai mà các Ông nghĩ là cần phải nghe theo, các bạn bè, hay thân hữu, hay bà con, hay cùng một huyết thống; các người ấy cần phải được khuyến khích, cần phải được áp đặt, cần phải được an trú trong bốn Dự lưu phần này.

Bạn Bè Thân Hữu 2 – *Tương V*, 536

1-2) ...

3) -- Những ai, này các Tỷ-kheo, các Ông có lòng từ mẫn, những ai mà các Ông nghĩ rằng cần phải nghe theo, các bạn bè, thân hữu, hay bà con, hay cùng một huyết thống; các người ấy cần phải được các Ông khuyến khích, áp đặt, an trú trong **bốn Dự lưu phần**. Thế nào là bốn?

4-6) ***Cần phải khuyến khích, cần phải áp đặt, cần phải an trú trong tinh tín bất động đối với Phật:*** "Đây bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn".

Dầu cho, này các Tỷ-kheo, bốn đại chủng địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại có đôi khác, nhưng nhất định không có thay đổi trong vị Thánh đệ tử đã thành tựu tinh tín bất động đối với đức Phật. Ở đây, sự đôi khác có nghĩa là: Một Thánh đệ tử thành tựu tinh tín bất động như vậy sẽ sanh vào địa ngục, hay vào loài bàng sanh, hay vào hàng ngạ quỷ; sự kiện như vậy không xảy ra.

Cần phải khuyến khích, cần phải áp đặt, cần phải an trú trong tịnh tín bất động đối với **Pháp**: "Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu".

Dầu cho, này các Tỷ-kheo, bốn đại chủng địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại có đôi khác, **nhưng nhất định không có thay đổi** trong vị Thánh đệ tử đã thành tựu tịnh tín bất động đối với **Pháp** được các bậc Thánh ái kính. Ở đây, sự đôi khác có nghĩa là: Một Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động như vậy sẽ sanh vào địa ngục, hay vào loài bàng sanh, hay vào hàng ngạ quỷ; sự kiện như vậy không xảy ra

Cần phải khuyến khích, cần phải áp đặt, cần phải an trú trong tịnh tín bất động đối với chúng **Tăng**: "Điều hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Trục hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời".

Dầu cho, này các Tỷ-kheo, bốn đại chủng địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại có đôi khác, **nhưng nhất định không có thay đổi** trong vị Thánh đệ tử

đã thành tựu tịnh tín bất động đối với chư **Tăng** được các bậc Thánh ái kính. Ở đây, sự đối khác có nghĩa là: Một Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động như vậy sẽ sanh vào địa ngục, hay vào loài bàng sanh, hay vào hàng ngạ quỷ; sự kiện như vậy không xảy ra.

7) **Cần phải khuyến khích, cần phải áp đặt, cần phải an trú** vào các **giới** được các bậc Thánh ái kính.

Dầu cho, này các Tỷ-kheo, bốn đại chủng địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại có đối khác, **nhưng nhất định không có sự đối khác** trong vị Thánh đệ tử đã thành tựu tịnh tín bất động đối với các **giới** được các bậc Thánh ái kính. Ở đây, sự đối khác có nghĩa là vị Thánh đệ tử thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính, sẽ sanh vào địa ngục, hay các loài bàng sanh, hay các ngạ quỷ; sự kiện như vậy không xảy ra.

8) Những ai, này các Tỷ-kheo, các Ông có lòng từ mẫn, những ai mà các Ông nghĩ rằng cần phải nghe theo, các bạn bè, thân hữu, hay bà con, hay cùng một huyết thống; các người ấy cần phải được các Ông khuyến khích, áp đặt, an trú trong **bốn Dự lưu phần**.

115 Không có đời sau là Ác tà kiến - Kinh TỆ TÚC – 23 Trường II, 217

KINH TỆ TÚC
(*PÀYÀSI SUTTANTA*)
– Bài kinh số 23 – Trường II, 217

1. Như vậy tôi nghe.

Một thời Tôn giả Kumàra Kassapa (Cưu-ma-la Ca-diếp) đang du hành trong nước Kosala (Câu tát la) cùng với Đại chúng Tỷ kheo khoảng năm trăm vị, đi đến một đô thị của Kosala tên là Setavyà (Tư-ba-ê). Rồi tôn giả Kumàra Kassapa trú về phía Bắc thành này, trong rừng Simsapà (Thi xá bà). Lúc bấy giờ, vua Pàyàsi (Kệ Túc) cư trú tại Setavyà, một chỗ dân cư đông đúc, cây cỏ, ao nước, lúa gạo phì nhiêu, một vương địa do vua Pasenadi (Ba tư nặc) nước Kosala cấp, một ân tứ của vua, một tịnh ấp.

2. Lúc bấy giờ, vua Pàyàsi khởi lên ác, tà kiến như sau: "**Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo**". Các Bà la môn và Gia chủ ở Setavyà được nghe: "Sa môn Kumàra Kassapa, đệ tử Sa môn Gotama đang du

hành trong nước Kosala cùng với Đại chúng Tỷ kheo khoảng năm trăm vị, đã đến Setavyà, trú về phía Bắc thành này, trong rừng Simsapà. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây về tôn giả Kumàra Kassapa được khởi lên: "Tôn giả là bậc học rộng, tài cao, diệu trí, đa văn, lời nói thấu tâm, thiện xảo biện tài, bậc trưởng lão và bậc A la hán như vậy". Rồi các vị Bà la môn và Gia chủ ở Setavyà, từng đoàn, từng chúng, từng nhóm, đi về hướng Bắc, đến tại rừng Simsapà.

3. Lúc bấy giờ, vua Pàyàsi đi lên lầu thượng để nghỉ trưa. Vua Pàyàsi thấy các Bà la môn và Gia chủ ở Setavyà đi ra khỏi thành Setavyà, từng đoàn, từng chúng, từng nhóm đi về hướng Bắc, đến tại rừng Simsapà. Thấy vậy vua cho gọi quan hộ thành và hỏi:

- Này Khanh, vì sao các Bà la môn và Gia chủ ở Setavyà đi ra khỏi thành Setavyà, từng đoàn, từng chúng, từng nhóm, đi về hướng Bắc, đến tại rừng Simsapà như vậy?

- Có Sa môn Kumàra Kassapa, đệ tử Sa môn Gotama đang du hành trong nước Kosala cùng với Đại chúng Tỷ kheo khoảng năm trăm vị, đã đến Setavyà, trú về phía Bắc thành này, trong rừng Simsapà. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây về tôn giả Kumàra Kassapa được khởi lên: "Tôn giả là bậc học rộng, tài cao, diệu trí,

đa văn, lời nói thấu tâm, thiện xảo, biện tài" và các vị ấy đi đến yết kiến tôn giả Kumàra Kassapa.

- Nay Khanh, hãy đi đến các Bà la môn và Gia chủ ấy và nói với họ như sau: "Vua Pàyàsi nói các Hiền giả hãy đợi. Vua Pàyàsi cũng sẽ đến yết kiến Sa môn Kumàra Kassapa". Sa môn Kumàra Kassapa có thể cảm hóa các Bà la môn và Gia chủ ở Setavyà ngu muội và kém khả năng theo quan điểm: "Có đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo". Nay Khanh, sự thật không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo.

- Xin vâng, thưa Tôn chủ!

Vị quan hộ thành vâng lời vua Pàyàsi, đi đến các Bà la môn và Gia chủ ở Setavyà và nói:

- Chư Hiền giả hãy chờ đợi, vua Pàyàsi sẽ đến yết kiến Sa môn Kumàra Kassapa.

4. Rồi Vua Pàyàsi được các Bà la môn và Gia chủ ở Setavyà hộ tống cùng đi đến rừng Simsapà chỗ trú của tôn giả Kumàra Kassapa. Sau khi đến, vua bèn nói lời thân ái, chào đón, chúc tụng rồi ngồi xuống một bên. Các Bà la môn và Gia chủ ở Setavyà, có người đánh lễ tôn giả Kumàra Kassapa rồi ngồi xuống một bên. Có người nói lời thân ái, chào đón

chúc tụng tôn giả Kumàra Kassapa rồi ngồi xuống một bên. Có người chấp tay vái chào tôn giả Kumàra Kassapa rồi ngồi xuống một bên. Có người xưng tên họ rồi ngồi xuống một bên. Có người yên lặng ngồi xuống một bên.

5. Sau khi ngồi xuống một bên, vua Pàyàsi thưa với tôn giả Kumàra Kassapa:

- Tôn giả Kassapa, tôi có chủ thuyết và tri kiến như sau: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo."

- Nay Tôn chủ, tôi không thấy, không nghe quan điểm như vậy, tri kiến như vậy. Sao Tôn chủ lại nói: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo?"

- Thưa Tôn chủ, tôi sẽ hỏi Tôn chủ một vài câu hỏi. Tôn chủ hãy tùy theo đó mà trả lời.

Tôn chủ nghĩ thế nào? Mặt trời và mặt trăng này, chúng thuộc thế giới này hay thế giới khác? Chúng thuộc như Thiên hay loài Người?

- Tôn giả Kassapa, mặt trời và mặt trăng thuộc thế giới khác, không phải thế giới này, chúng thuộc chư Thiên, không thuộc loài Người.

- Nay Tôn chủ, sự kiện là như vậy, cần phải chấp nhận rằng: "Có đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo".

6. - Dầu Tôn giả Kassapa có nói như vậy, ở đây tôi vẫn chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo."

- Nay Tôn chủ, sự kiện gì để chứng minh rằng: "Không có đời sau, không có các loài hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo? "

- Tôn giả Kassapa, vâng, có sự kiện để chứng minh rằng: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo."

- Nay Tôn chủ, như thế nào?

- Tôn giả Kassapa, tôi có những người bạn tri kỷ, thân tộc cùng một huyết thống. Những người này sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham dục, sân hận và tà kiến.

Những người này, sau một thời gian bị trọng bệnh, bị đau khổ, bị chương tật. Khi tôi biết những vị ấy

không thể khỏi những bệnh ấy được, tôi liền đi đến họ và nói: "Một số Sa môn, Bà la môn có những quan điểm như sau, có những tri kiến như sau: "Những ai sát sanh, lấy của không cho, tà dâm nói láo, nói lời hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham dục, sân hận và tà kiến, những người này sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục". Nay các Hiền giả sát sanh, lấy của không cho, tà dâm nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham dục, sân hận và tà kiến. Nếu lời nói những vị Sa môn Bà la môn ấy chính xác, thời các Hiền giả sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục... ***Nếu các Hiền giả sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục, thời quý vị hãy đến ta và cho ta biết:*** "Có đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo". Các hiền giả là các thiện hữu thành tâm của ta, những gì Hiền giả thấy, thời sẽ là như vậy, như chính ta được thấy." Các vị này bằng lòng làm như vậy và nói: "Lành thay!" ***Nhưng không có ai đến nói cho tôi biết, cũng không cho gửi sứ giả đến.*** Nay Tôn giả Kassapa, sự kiện là như vậy nên tôi có tri kiến: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo".

7. - Nay Tôn chủ, nay tôi sẽ hỏi Tôn chủ, nếu có thể

chấp nhận, Tôn chủ hãy trả lời.

Tôn chủ nghĩ thế nào? Ở đời, **có những người bắt được một người ăn trộm phạm lỗi** và đem đến cho Ngài: "Thưa Tôn chủ, đây là người ăn trộm phạm tội. Hãy hình phạt anh ta như Ngài muốn." Tôn chủ trả lời những người ấy: "Hãy trói người này thật chặt, dùng dây thật chắc trói hai tay ra đằng sau, cao trục đầu anh ta, cho đánh trống lớn tiếng và dẫn anh ta đi từ đường này hẻm nọ, xong đưa ra khỏi cổng thành hướng Nam mà chặt đầu tại pháp trường hướng Nam." Những người ấy vâng lời, trói người ăn trộm thật chặt, dùng dây thật chắc trói hai tay ra đằng sau, cao trục đầu anh ta, cho đánh trống lớn tiếng và dẫn anh ta đi từ đường này hẻm nọ, xong đưa anh ta ra khỏi cổng thành hướng Nam và tại pháp trường hướng Nam, bắt anh ta ngồi xuống. **Nay người ăn trộm ấy có thể xin người đem chém mình:** "Thưa quý vị, quý vị cho phép tôi được đi thăm thân bằng quyến thuộc ở tại làng này, hay xã này." Hay những người ấy chặt ngay đầu người ăn trộm cầu xin như vậy?

- Tôn giả Kassapa, người ăn trộm ấy không được những người đem chém mình cho phép: "Thưa quý vị, quý vị cho phép tôi được đi thăm thân bằng quyến thuộc ở tại làng này, hay xã này." Những người ấy chặt ngay đầu người ăn trộm cầu xin như vậy.

- Nay Tôn chủ, người ăn trộm thuộc loài Người, không được phép người xử trảm mình cũng là loài Người: "Thưa quý vị cho phép tôi được đi thăm thân bằng quyến thuộc ở làng này, hay ở xã này", thời làm sao những người thân bằng quyến thuộc của Ngài, đã sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham dục, sân hận và tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục lại được những người coi giữ địa ngục cho phép: "Thưa quý vị coi giữ địa ngục, quý vị hãy cho phép tôi về tâu với vua Pàyàsi: "Có đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo."

8. - Dầu Tôn giả Kassapa có nói như vậy, ở đây tôi vẫn chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo."

- Nay Tôn chủ, có sự kiện gì để chứng minh rằng: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo"?

- Tôn giả Kassapa, vâng, có sự kiện để chứng minh rằng: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo."

- Nay Tôn chủ, như thế nào?

- Tôn giả Kassapa, tôi có những thân bằng quyến thuộc **gìn giữ không sát sanh**, không lấy của không cho, không tà dâm, không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói lời phù phiếm, không tham dục, không sân hận và không tà kiến. Những người này, sau một thời gian bị trọng bệnh, bị đau khổ, bị chứng tật.

Khi tôi biết những vị ấy không thể khỏi những bệnh ấy được, tôi liền đi đến họ và nói: "*Một số Sa môn, Bà la môn có những quan điểm, những tri kiến như sau: "Những ai gìn giữ không sát sanh, không lấy của không cho, không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói lời phù phiếm, không tham dục, không sân hận và không tà kiến, những người ấy khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào thiện thú, Thiên giới".* Chư Hiền giả gìn giữ không sát sanh, không lấy của không cho, không tà dâm, không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói lời phù phiếm, không tham dục, không sân hận và không tà kiến. Nếu lời nói của những Sa môn, Bà la môn ấy chính xác, thời các Hiền giả sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, Thiên giới. **Nếu các hiền giả , sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, Thiên giới,**

thời quý vị hãy đến ta và cho ta biết: "Có đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo". Các Hiền giả là thiện hữu thành tâm của ta, những gì Hiền giả thấy thời sẽ là như vậy, như chính ta được thấy". Các vị này bằng lòng làm như vậy và nói: "Lành thay! **Nhưng không có ai** đến nói cho tôi biết, cũng không cho gửi các sứ giả đến. Tôn giả Kassapa, sự kiện là như vậy, nên tôi có tri kiến: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo".

9. - Nay Tôn chủ, tôi sẽ cho Tôn chủ một ví dụ. Ở đời, một số người có trí nhờ ví dụ mà hiểu được nghĩa lời nói.

Nay Tôn chủ, **ví như có người té đầu rơi vào hầm phân.** Ngài nói với các người khác: "Hãy kéo người này ra khỏi hầm phân!" Những người ấy vâng theo và nói: "Lành thay!" và kéo người kia ra khỏi hầm phân ấy. Ngài nói với những người ấy: "Hãy lấy que tre gạt phân ra khỏi thân của người kia!" Những người này vâng theo và nói: "Lành thay!" và lấy que tre gạt phân ra khỏi thân người kia. Rồi ngài bảo các người ấy: "Hãy cho thoa bóp ba lần thân người kia với phấn hoa màu vàng." Và những người ấy cho thoa bóp ba lần thân người kia với phấn thoa bóp màu vàng. Rồi Ngài bảo các người ấy: "Hãy lấy dầu

thoa và tắm cho người kia ba lần và dùng bột mịn cunna thoa cho nó!" Và những người ấy lấy dầu thoa và tắm cho người kia ba lần và dùng bột mịn cunna thoa cho nó. Rồi Ngài bảo các người ấy: "Hãy sửa soạn râu tóc cho người kia!" Và những người ấy sửa soạn râu tóc cho người kia. Rồi Ngài bảo các người ấy: "Hãy lấy vòng hoa quý, dầu thơm quý và vải quý trang điểm cho người kia!" Và những người ấy trang điểm vòng hoa quý, dầu thơm quý và vải quý cho người kia. Rồi Ngài bảo các người ấy: "Hãy đưa người kia đến tòa lâu đài và cho hưởng năm món dục lạc!" Và những người ấy đưa người kia đến tòa lâu đài và cho hưởng năm món dục lạc. Tôn chủ nghĩ thế nào? Người kia khéo tắm như vậy, khéo thoa dầu, khéo sửa soạn râu tóc, khéo trang điểm với vòng hoa và vải trắng, được đưa đến lâu đài và cho hưởng năm món dục lạc như vậy, thử hỏi người kia có chịu đắm đuối vào hầm phân ấy nữa không?

- Thừa không, Tôn giả Kassapa!

- Vì sao không?

- Tôn giả Kassapa, hầm phân là bất tịnh và được xem là bất tịnh, xú uế và được xem là xú uế, ghê tởm và được xem là ghê tởm, yếm ố và được xem là yếm ố. Nay Tôn chủ, mùi hôi của loài Người khiến chư

Thiên ghê tởm xa đến một trăm do tuần. Làm sao những người thân bằng quyến thuộc của Ngài, gìn giữ không sát sanh, không lấy của không cho, không tà dâm, không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói lời phù phiếm, không tham dục, không sân hận và không tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên cõi thiện thú, Thiên giới, những người ấy có thể về tin lại cho Tôn chủ: "Có đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo". Nay Tôn chủ, sự kiện là như vậy nên: "Có đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo".

10. - Dầu Tôn giả Kassapa có nói như vậy, ở đây tôi vẫn chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo".

- Tôn chủ có sự kiện nào...

- Tôn giả Kassapa, có sự kiện nào...

- Tôn chủ, như thế nào?

- Tôn giả Kassapa, tôi có những người thân bằng quyến thuộc gìn giữ không sát sanh, không lấy của không cho, không tà dâm, không nói láo, không nói

hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói lời phù phiếm, không tham dục, không sân hận và không tà kiến. Những người này sau một thời gian bị trọng bệnh, bị đau khô, bị chứng tật.

Khi tôi biết những vị ấy không thể khỏi những bệnh ấy được, tôi liền đi đến họ và nói: "Một số Sa môn, Bà la môn có những quan điểm như sau, có những tri kiến như sau: "Những ai gìn giữ không sát sanh, không lấy của không cho, không tà dâm, không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói lời phù phiếm, không tham dục, không sân hận và không tà kiến. Những người ấy khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào thiện thú, Thiên giới". Chư Hiền giả gìn giữ không sát sanh, không lấy của không cho, không tà dâm, không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói lời phù phiếm, không tham dục, không sân hận và tà kiến. **Nếu lời nói của những vị Sa môn, Bà la môn này chính xác thời các Hiền giả, sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, Thiên giới, thời quý vị hãy đến ta và cho ta biết: " Có đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo "**. Các Hiền giả là thiện hữu thành tâm của ta, những gì Hiền giả thấy sẽ là như vậy, như chính ta được thấy." Các vị này bằng lòng làm như vậy và nói: "Lành thay!" Nhưng không ai đến nói cho tôi biết, cũng

không cho gửi các sứ giả đến. Nay Tôn giả Kassapa sự kiện là như vậy, nên tôi có tri kiến: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo."

11. - Nay Tôn chủ, tôi sẽ hỏi Ngài. Nếu Ngài xem có thể được Ngài hãy trả lời.

Nay Tôn chủ, **tuổi loài Người một trăm năm bằng một ngày một đêm chư Thiên ở Tam thập tam thiên.** Ba mươi đêm như vậy là một tháng, mười hai tháng như vậy là một năm, một ngàn năm ở Thiên giới như vậy là tuổi thọ của chư Thiên ở Tam thập tam thiên. Những thân bằng quyến thuộc của Tôn chủ như vậy gìn giữ không sát sanh, không lấy của không cho, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu men, rượu nấu. Các vị này sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh lên thiện thú, Thiên giới và làm thiện hữu với chư Thiên ở Tam thập tam thiên. Nếu những vị này suy nghĩ: "Chúng ta hãy thọ hưởng năm món dục lạc hai hay ba ngày đêm ở Thiên giới, rồi sau sẽ đến Tôn chủ Pàyàsi và tin cho biết: "Có đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo." Và những vị ấy có đến Ngài và tin cho biết: "Có đời sau, có loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo" không?

- Thừa không, Tôn giả Kassapa! Tôn giả Kassapa, vì chúng tôi sẽ chết đã lâu rồi. ***Nhưng ai cho Tôn giả Kassapa biết: " Có chư Thiên ở Tam thập tam thiên, Hay chư Thiên ở Tam thập tam thiên tuổi thọ là như vậy " ?*** **Chúng tôi không tin** người ấy, khi người ấy nói: " Có chư Thiên ở Tam thập tam thiên! Hay chư Thiên ở Tam thập tam thiên, tuổi thọ là như vậy! "

- Nay Tôn chủ, **như có người sanh ra đã mù**, không thấy được các sắc đen hay trắng, không thấy được các sắc xanh, hay sắc vàng, các sắc đỏ, hay các sắc nâu, không thấy được các sắc tế nhị hay thô cứng, không thấy được các sao hay mặt trăng. Người ấy nói: "Không có các sắc đen hay trắng, không có người thấy các sắc đen hay trắng; không có sắc xanh, không có người thấy sắc xanh; không có sắc vàng, không có người thấy các sắc vàng; không có sắc đỏ, không có người thấy các sắc đỏ; không có sắc nâu, không có người thấy các sắc nâu, không các sắc tế nhị, thô cứng, không có người thấy các sắc tế nhị, thô cứng; không có các sao, không có người thấy các vì sao; không có mặt trăng, mặt trời, không có người thấy mặt trăng mặt trời. Tôi không biết vật này, tôi không thấy vật này, nên vật này không có. Nay Tôn chủ, nói như vậy có phải nói một cách hợp lý không?

- Thừa không, Tôn giả Kassapa. Có các sắc đen, trắng, có người thấy các sắc đen trắng; có các sắc xanh, có người thấy các sắc xanh; có các vàng, có người thấy các sắc vàng; có sắc đỏ, có người thấy các sắc đỏ; có sắc nâu, có người thấy các sắc nâu; có các vật tế nhị thô cứng, có người thấy các vật tế nhị, thô cứng; có các vì sao, có người thấy các vì sao; có mặt trăng, mặt trời, có người thấy mặt trăng mặt trời. "Tôi không biết vật này, tôi không thấy vật này, do vậy vật này không có." Tôn giả Kassapa, ai nói như vậy là nói không hợp lý!

- Cũng vậy này Tôn chủ, Ngài nói cũng giống người sinh ra đã mù khi Ngài nói với tôi: "Ai bảo Tôn giả Kassapa biết rằng: "Có chư Thiên ở Tam thập tam thiên," hay "Chư thiên ở Tam thập Tam thiên tuổi thọ là như vậy!" Chúng tôi không tin Tôn giả Kassapa, khi Tôn giả nói: "Có chư Thiên ở Tam thập tam thiên," hay "Chư thiên ở Tam thập tam thiên tuổi thọ là như vậy".

Này Tôn chủ, đời sau không như Ngài nghĩ có thể thấy bằng con mắt thịt. Này Tôn chủ, có những Sa môn, Bà la môn, sống những chỗ hẻo lánh trong rừng, ít có tiếng ồn, ít có tiếng động. Tại những chỗ ấy, các vị này sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, làm cho thiên nhãn trong sạch. Rồi với thiên

nhân thanh tịnh thắng xa loài Người, các vị này thấy đời này, đời sau, và thấy các loại hóa sanh. Nay Tôn chủ, đời sau phải được thấy như vậy. Không phải như Ngài nghĩ với con mắt thịt. Nay Tôn chủ, sự kiện là như vậy, nên tôi có tri kiến: "Có đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo."

12. - Dầu Tôn giả Kassapa có nói như vậy, ở đây tôi vẫn chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo."

- Tôn chủ có sự kiện nào khác...

- Tôn giả Kassapa, có sự kiện...

- Tôn chủ, như thế nào?

- Tôn giả Kassapa, ở đây tôi thấy có những Sa môn, Bà la môn **giữ giới, thiện tánh, ham sống, ngại chết, ham sướng, ngại khổ**. Tôn giả Kassapa, rồi tôi nghĩ: "Nếu những Sa môn, Bà la môn này giữ giới, có thiện tánh, được biết: "Sau khi chúng ta chết rồi, đời chúng ta sẽ được tốt đẹp hơn." Rồi những Sa môn, Bà la môn giữ giới, có thiện tánh ấy, hoặc uống thuốc độc, hoặc lấy kiếm đâm, hoặc tự giết mình bằng cách treo cổ, hay tự lao mình xuống hố sâu. Vì

những Sa môn, Bà la môn giữ giới có thiện tánh ấy không được biết: "Sau khi chúng ta chết rồi, đời chúng ta sẽ được tốt đẹp hơn." Do vậy các Sa môn, Bà la môn giữ giới, có thiện tánh ấy ham sống, ngại chết, ham sướng, ngại khổ. Tôn giả Kassapa, sự kiện là như vậy, nên tôi chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo."

13. - Nay Tôn chủ, tôi sẽ cho Tôn chủ một ví dụ. Ở đời, một số người có trí nhờ ví dụ mà hiểu được nghĩa lời nói.

Này Tôn chủ, ngày xưa có một người Bà la môn có hai người vợ. Từ một người vợ, ông ta có đứa con trai, mười hai tuổi; còn người vợ kia có mang thai, sắp đến kỳ sinh nở. Rồi người Bà la môn ấy mệnh chung. Đứa con trai ấy nói với tiểu phu nhân kia: "*Này Tiểu mẫu, phàm có tài sản gì, hoặc lúa, hoặc bạc, hoặc vàng, tất cả đều là của tôi. Tiểu mẫu nay không có gì hết. Tiểu mẫu hãy giao cho tôi gia tài của cha tôi.*" Khi nghe nói vậy, Bà la môn nữ kia nói với đứa con trai ấy: "*Tiểu tử hãy chờ ta sanh con. Nếu ta sanh con trai, thì một phần gia tài thuộc về nó. Nếu sanh con gái, thì nó sẽ hầu hạ con.*"

Lần thứ hai, đứa con trai ấy nói với Tiểu phu nhân

kia: "Này Tiểu mẫu, phàm có tài sản gì, hoặc lúa, hoặc bạc, hoặc vàng, tất cả đều là của tôi. Tiểu mẫu nay không có gì hết. Tiểu mẫu hãy giao cho tôi gia tài của cha tôi." Lần thứ hai, Bà la môn nữ kia nói với đứa trai ấy: "Tiểu tử hãy chờ ta sanh con. Nếu ta sanh con trai thì một phần gia tài thuộc về nó. Nếu ta sanh con gái, thì nó sẽ hầu hạ con."

Lần thứ ba, đứa con trai ấy nói với Tiểu phu nhân kia: "Này Tiểu mẫu, phàm có tài sản gì, hoặc lúa, hoặc bạc, hoặc vàng, tất cả đều là của tôi. Tiểu mẫu không có gì hết. Tiểu mẫu hãy giao cho tôi gia tài của cha tôi".

Rồi người Bà la môn nữ ấy lấy một con dao, vào trong nội phòng và rạch bụng ra. "Ta muốn biết đó là con trai hay con gái." Như vậy người đàn bà ấy hại đời sống của mình, hại luôn cái thai và hại luôn tài sản của mình vì đã đi tìm của thừa tự một cách ngu xuẩn và si mê, nên gặp phải nguy hiểm và tai nạn.

Cũng vậy, vì ngu xuẩn và si mê, Ngài gặp phải nguy hiểm và tai nạn khi Ngài đi tìm đời sau một cách vô trí, cũng giống Bà la môn nữ kia, vì ngu xuẩn và si mê, đã đi tìm thừa tự một cách vô trí.

Này Tôn chủ, các vị Sa môn, Bà la môn giữ giới, có

thiện tánh không bắt buộc cái gì chưa chín phải chín. Vì có trí, các vị ấy chờ chín muối đến. Nay Tôn chủ, các vị Sa môn, Bà la môn giữ giới có thiện tánh cần thiết đến mạng sống.

Này Tôn chủ, nếu các Sa môn, bà la môn giữ giới có thiện tánh sống lâu ở trên đời này bao nhiêu, các vị ấy làm được nhiều công đức bấy nhiêu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người. Nay Tôn chủ, sự kiện là như vậy nên: "Có đời sau, có các loài hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo."

14. - Dầu Tôn giả Kassapa có nói như vậy, ở đây tôi vẫn chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loài hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo."

- Tôn chủ có sự kiện nào khác...

- Tôn giả Kassapa, có sự kiện...

- Nay Tôn chủ như thế nào?

- Nay Tôn giả Kassapa, ở đây có những người bắt được một người ăn trộm phạm tội và đem đến cho

tôi và nói: "Tôn chủ, đây là người ăn trộm phạm tội. Hãy hình phạt anh ta như Ngài muốn. "

Tôi nói với họ: "*Các Hiền giả, hãy bỏ sống người này trong một cái chum, bịt miệng chum lại, dùng da ướm bao lại, dùng đất sét ướm quện lại trét trên miệng chum, nhấc chum ấy trên cái lò và nỏ lửa đốt.*

Các người ấy đáp: "Xin vâng!", rồi họ bỏ sống người ấy trong cái chum, bịt miệng chum lại, dùng da ướm bao lại, dùng đất sét ướm quện lại trét trên miệng chum lại, nhấc chum ấy trên cái lò và nỏ lửa đốt.

Khi chúng tôi biết người ấy đã chết, liền nhấc chum ấy xuống, cởi các dây buộc, mở miệng chum ra vội vàng nhìn kỹ: "**Chúng ta mong được thấy linh hồn (người chết) đi ra**". Nhưng chúng tôi không thấy linh hồn người chết đi ra. Tôn giả Kassapa, sự kiện là như vậy nên tôi tin rằng. "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo".

15. - Nay Tôn chủ, tôi sẽ hỏi Ngài, nếu Ngài xem có thể được, Ngài hãy trả lời.

Này Tôn chủ, khi Ngài nghỉ trưa, Ngài có chấp nhận Ngài có thấy những cảnh mộng hoan lạc ở vườn, ở rừng, ở đồng bằng, ở ao hồ không?

- Tôn giả Kassapa, tôi xác nhận khi đi nghỉ trưa, tôi có thấy những cảnh mộng hoan lạc ở vườn, ở rừng, ở đồng bằng, ở ao hồ.

- Trong khi ấy, có phải Ngài được một số người hầu hạ một bên, những người gù lưng, thấp lùn, thiếu phụ và con gái?

- Vâng, Tôn giả Kassapa, trong khi ấy, tôi được một số người hầu hạ một bên, những người gù lưng, thấp lùn, thiếu phụ và con gái.

- Và họ thấy linh hồn của Ngài đi ra hay đi vào không?

- Tôn giả Kassapa, thưa không.

- **Này Tôn chủ, họ không thấy linh hồn của Tôn chủ đi ra hay đi vào, thời làm sao Ngài có thể thấy linh hồn một người chết đi vào hay đi ra được? Này Tôn chủ, sự kiện là như vậy nên tôi chấp nhận: "Có đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo."**

16. - Dầu Tôn giả Kassapa có nói như vậy, ở đây tôi vẫn chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loại

hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo."

- Tôn chủ có sự kiện nào...

- Tôn giả Kassapa, có sự kiện...

- Tôn chủ như thế nào?

- Tôn giả Kassapa, ở đời, có những người bắt được một người ăn trộm phạm tội và đem đến cho tôi: "Thưa Tôn chủ, đây là người ăn trộm phạm tội. Hãy hình phạt anh ta như Ngài muốn."

Tôi nói với họ: *"Các khanh hãy đem cân sống anh ta đi, rồi lấy dây cung thắt cổ cho anh ta chết, xong đem cân lại."*

Những người này vâng lời tôi và đáp: "Xin vâng!", rồi họ đem cân sống người ăn trộm ấy, lấy dây cung thắt cổ anh ta cho đến chết xong cân lại. Khi anh ta sống thì anh ta nhẹ, mềm mại, nhu nhuyến. Khi anh ta chết, thì anh ta nặng hơn, cứng hơn và không nhu nhuyến. Tôn giả Kassapa, sự kiện là như vậy, nên tôi chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo."

17. - Nay Tôn chủ, tôi sẽ cho Ngài một ví dụ. Nhò ví dụ, một số người

có trí hiểu được ý nghĩa lời nói.

Này Tôn chủ, ví như người cân một hòn sắt được đốt nóng trọn ngày, cháy đỏ, hừng lửa, đỏ rực, và một thời khác cũng đem cân hòn sắt ấy nhưng nay đã nguội lạnh. Khi nào thì hòn sắt ấy nhẹ hơn, mềm mại hơn, hay nhu nhuyễn hơn? Khi hòn sắt ấy đang cháy đỏ, hừng lửa, đỏ rực hay khi đã nguội lạnh?

- Tôn giả Kassapa, khi hòn sắt ấy cháy đỏ, hừng lửa, đỏ rực, khi ấy hòn sắt nhẹ hơn, mềm mại hơn và nhu nhuyễn hơn. Khi hòn sắt ấy không cháy đỏ, không hừng lửa, nguội lạnh rồi, khi đó hòn sắt nặng hơn, cứng hơn và không nhu nhuyễn.

- Này Tôn chủ, khi thân này có tuổi thọ, có sức nóng, có thức thì nó nhẹ hơn, mềm mại hơn và nhu nhuyễn hơn. Khi các thân này không có tuổi thọ, không có sức nóng và không có thức thì nó nặng hơn, cứng hơn và không nhu nhuyễn. Này Tôn chủ, sự kiện là như vậy, nên tôi chấp nhận: "Có đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo."

18. - Dầu Tôn giả Kassapa có nói như vậy, ở đây tôi vẫn chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo."

- Nay Tôn chủ, có sự kiện nào...
- Tôn giả Kassapa, có sự kiện...
- Tôn chủ như thế nào?
- Tôn giả Kassapa, có những người bắt được một người ăn trộm phạm tội và đem đến cho tôi: "Thưa Tôn chủ, đây là người ăn trộm phạm tội. Hãy hình phạt anh ta như Ngài muốn." Tôi nói với họ như sau: *"Các khanh, hãy giết người này bằng cách lột da ngoài, da trong, thịt, gân, xương, và xương tủy của anh ta"*.

Những người này vâng lời tôi và đáp: "Xin vâng, Tôn chủ!" rồi họ bèn giết người ấy bằng cách lột da ngoài, da trong, thịt, gân, xương, và xương tủy. Khi người ấy chết một phần nửa, tôi bảo họ: *"Hãy lật ngược người này nằm ngửa, và xem linh hồn của anh ta có đi ra không?"* Họ lật ngược người này nằm ngửa, và chúng tôi không thấy linh hồn người ấy đi ra.

Tôi lại bảo họ: *"Hãy lật người này nằm cong lại... nằm phía một bên... nằm phía bên kia... đặt người đó đứng thẳng... đặt người ấy đứng lộn đầu xuống... đánh người ấy với tay... đánh người ấy với cục đất... đánh người ấy với gậy... đánh người ấy với guom... đánh anh ta phía bên này... đánh anh ta phía bên*

kia... đánh anh ta cùng khắp tất cả và xem linh hồn của anh ta có đi ra không? " Họ đánh anh ta phía bên này, đánh anh ta phía bên kia, đánh anh ta cùng khắp tất cả và chúng tôi không thấy linh hồn người ấy đi ra. Anh ta có mắt và sắc pháp các mắt, nhưng căn không cảm thọ được. Anh ta có tai và các tiếng có mặt, nhưng căn không cảm thọ được. Anh ta có mũi và các hương có mặt, nhưng căn không cảm thọ được. Anh ta có lưỡi và các vị có mặt, nhưng căn không cảm thọ được. Anh ta có thân và các xúc có mặt, nhưng căn không cảm thọ được. Tôn giả Kassapa, sự kiện là như vậy, nên tôi chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo".

19. - Nay Tôn chủ, tôi sẽ cho Ngài một ví dụ. Nhờ ví dụ, một số người có trí hiểu được ý nghĩa của lời nói.

Nay Tôn chủ, **thuở xưa có một người thổi tù và,** cầm tù và bằng vỏ ốc và đi đến biên giới. Người ấy đi đến một làng kia, sau khi đến xong, đứng giữa làng, thổi ống tù và ba lần, đặt ống tù và xuống đất và ngồi xuống một bên. Nay Tôn chủ, những người dân ở biên giới ấy suy nghĩ: "Tiếng ấy là tiếng của ai, mà lại khả ái như vậy, đẹp dễ như vậy, mê ly như vậy, hấp dẫn như vậy, rung cảm như vậy." Họ tụ họp lại và hỏi người thổi tù và: "Này bạn, tiếng ấy là tiếng

của ai, mà lại khả ái như vậy, đẹp đẽ như vậy, mê ly như vậy, hấp dẫn như vậy, rung cảm như vậy?" "- Này các bạn, đây là chiếc tù và, và tiếng của tù và ấy khả ái như vậy, đẹp đẽ như vậy, mê ly như vậy, hấp dẫn như vậy, rung cảm như vậy." Họ bèn đặt chiếc tù và nằm ngửa và nói: "Hãy nói đi, bạn tù và! Hãy nói đi, bạn tù và!" Nhưng chiếc tù và ấy không nói tiếng gì hết. Họ đặt chiếc tù và ấy nằm cong lại, nằm phía bên này, nằm phía bên kia... đặt đứng thẳng... đặt ngược đầu xuống... lấy tay đánh... lấy cục đá đánh... lấy gậy đánh... lấy gươm đánh... đánh phía bên này... đánh phía bên kia... đánh cùng khắp tất cả và nói: "Này bạn tù và, hãy nói đi! Này bạn tù và, hãy nói đi!" **Nhưng chiếc tù và ấy không nói gì cả.** Này Tôn chủ, rồi người thổi tù và suy nghĩ như sau: **"Thật là ngu si, những người dân bờ biên giới này! Sao lại đi tìm tiếng tù và một cách vô ý thức như vậy!"** Trong khi họ đang tìm kiếm như vậy, người thổi tù và cầm chiếc tù và lên, thổi lên ba lần rồi cầm chiếc tù và ra đi.

Này Tôn chủ, những người ở biên giới suy nghĩ như sau: "Này các bạn, chiếc tù và này, khi nào có người phụ trợ, có sự nỗ lực phụ trợ và có gió thổi phụ trợ, thì chiếc tù và phát ra tiếng. Khi nào chiếc tù và này không có người phụ trợ, không có sự nỗ lực phụ trợ và không có gió thổi phụ trợ thì chiếc tù và này

không phát ra tiếng."

Cũng vậy, này Tôn chủ! **Khi nào thân này có tuổi thọ phụ trợ, có hơi nóng phụ trợ và có thức phụ trợ, thời thân ấy đi tới, đi lui, đứng lên, ngồi xuống, nằm xuống, thời mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân cảm xúc, ý biết pháp.** Nhưng khi thân này không có tuổi thọ phụ trợ, không có hơi nóng phụ trợ, và không có thức phụ trợ, thời thân ấy không đi tới, không đi lui, không đứng lại, không ngồi xuống, không nằm xuống, thời mắt không thấy sắc, tai không nghe tiếng, mũi không ngửi hương, lưỡi không nếm vị, thân không cảm xúc, ý không biết pháp. Này Tôn chủ, sự kiện là như vậy, nên tôi chấp nhận: "Có đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo."

20. - Dầu Tôn giả Kassapa có nói như vậy, ở đây tôi vẫn chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo."

- Tôn chủ có sự kiện nào...

- Tôn giả Kassapa, có sự kiện...

- Tôn chủ như thế nào?

- Tôn giả Kassapa, nay có những người bắt được một tên ăn trộm phạm tội và đem đến cho tôi: "Thưa Tôn chủ, đây là người ăn trộm phạm tội. Hãy hình phạt anh ta như Ngài muốn." Tôi nói với họ như sau: "Các khanh hãy lột da anh ta, để chúng ta có thể thấy linh hồn của anh ta."

Chúng lột da của người ấy, nhưng chúng tôi không thấy linh hồn của anh ta. Rồi tôi bảo họ: "Các khanh hãy lột da trong của người ấy... cắt thịt... cắt gân... cắt xương... đeo cho đến xương tủy để chúng ta có thể thấy linh hồn của anh ta." Họ đeo cho đến xương tủy của người ấy, nhưng chúng tôi không thấy linh hồn của anh ta. Nay Tôn giả Kassapa, sự kiện là như vậy nên tôi chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo."

21. - Nay Tôn chủ, tôi sẽ cho một ví dụ. Ở đời một số người có trí thức, nhờ ví dụ hiểu được ý nghĩa câu nói.

Nay Tôn chủ, thuở xưa có người bện tóc thờ lửa, sống trong một ngôi nhà lá, tại một khu rừng. Nay Tôn chủ, một số dân chúng di cư đến đấy. Vị lãnh đạo của chúng, sau một đêm ở xung quanh cái cọc của người bện tóc thờ lửa bèn bỏ đi. Nay Tôn chủ,

người bện tóc thờ lửa suy nghĩ: *"Nếu ta đến chỗ ở của người lãnh đạo, ta có thể kiếm được một vài đồ vật hữu dụng ở đó."*

Rồi người bện tóc thờ lửa, dậy sớm đến chỗ ở của người lãnh đạo, và thấy một đứa hài nhi bị quăng nằm ngửa ở đó. Thấy vậy vị ấy nghĩ: *"Thật không phải chút nào nếu ta để một hài nhi phải chết trong khi ta đang tìm kiếm. Ta hãy đem hài nhi này về cốc của ta, nuôi nó, săn sóc nó, cấp dưỡng nó"*. Rồi người bện tóc thờ lửa ấy đem đứa hài nhi ấy về cốc nuôi nó, săn sóc nó, cấp dưỡng nó. Khi đứa trẻ đến tuổi mười hay mười hai, người bện tóc thờ lửa có công việc phải đi xuống đồng bằng. Người bện tóc thờ lửa bảo đứa trẻ ấy: *"Này con, ta muốn đi xuống đồng bằng, hãy chăm sóc ngọn lửa, đừng để nó tắt. Nếu lửa có tắt, đây là cái búa nhỏ, đây là cái củi, đây là đồ quây để nhóm lửa, hãy nhen lửa lại và chăm sóc ngọn lửa"*. Người bện tóc thờ lửa ấy, sau khi căn dặn đứa trẻ, bèn đi xuống đồng bằng.

Đứa trẻ mãi ham vui đùa khiến lửa tắt. Đứa trẻ suy nghĩ: *"Cha ta có bảo ta: "Hãy chăm sóc ngọn lửa, đừng để nó tắt. Nếu con để tắt lửa, đây là cái búa nhỏ, đây là củi, đây là đồ quây để nhóm lửa lại." Vậy ta hãy nhen lửa lên và chăm sóc ngọn lửa."* Rồi đứa trẻ ấy lấy búa chẻ đồ quây lửa với ý nghĩ: "Ta sẽ tìm

thấy lửa." Nhưng lửa không có. Nó đem chẻ đồ quây lửa làm hai, làm ba, làm bốn, làm năm, làm mười, làm trăm, chẻ nhỏ vụn ra, lấy chày mà giã, và sau khi đã giã nhỏ, lại đem ra sàng trước gió lớn với ý nghĩ: "Ta sẽ tìm thấy lửa." Nhưng lửa không có.

Người bện tóc sau khi làm xong công việc ở đồng bằng, liền về cốc của mình và hỏi đứa bé: "Này con, sao con để tắt lửa thế này?" - "Thưa cha, con mãi ham chơi nên để lửa tắt. Rồi con suy nghĩ: "Cha đã bảo ta: "Hãy chăm sóc ngọn lửa, đừng để tắt nó. Nếu con để tắt lửa, đây là cái búa nhỏ, đây là củi, đây là đồ quây để nhen lửa. Hãy nhen lửa lại và chăm sóc ngọn lửa". Vậy ta hãy nhen lửa lên và chăm sóc ngọn lửa". Thưa cha, rồi con lấy búa nhỏ chẻ đồ quây lửa với ý nghĩ: "Ta sẽ tìm ra lửa." Nhưng con tìm không được lửa. Con đem chẻ đồ quây lửa, làm hai, làm ba, làm bốn, làm năm, làm mười, làm trăm, chẻ nhỏ vụn ra, lấy chày mà giã, và sau khi giã nhỏ, lại đem ra sàng trước gió lớn với ý nghĩ: "Ta sẽ tìm ra lửa," nhưng con không tìm được lửa".

Rồi người bện tóc thờ lửa ấy suy nghĩ: ***"Đứa trẻ này thật ngu si và kém thông minh. Sao lại đi tìm lửa một cách thiếu suy tư như thế này?"*** Trong khi đứa trẻ đứng nhìn, người ấy cầm đồ quây lửa, nhen lửa lên và nói với đứa trẻ: "Này con, nhen lửa phải làm

như vậy đó, chớ không phải như con ngu si và kém thông minh, tìm lửa một cách thiếu suy tư."

Cũng vậy này Tôn chủ, Ngài ngu si, kém thông minh, đi tìm đời sau một cách kém suy tư. Này Tôn chủ, hãy từ bỏ ác kiến ấy! Chớ có tự dần thân vào sự bất an và đau khổ trường kỳ.

22. - Dầu Tôn giả Kassapa có nói như vậy, Tôi cũng không thể từ bỏ ác tà kiến này. **Vua Pasenadi nước Kosala và vua các nước ngoài đã biết tôi như sau: "Tôn chủ Pàyàsi có quan điểm, có tri kiến như thế này:** "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo." Tôn giả Kassapa, nếu tôi từ bỏ ác tà kiến ấy người ta sẽ phê bình tôi như sau: "Tôn chủ Pàyà thật là ngu si, kém thông minh, chấp kiến một cách sai lạc." **Vì tức giận, nên tôi phải chấp chặt tà kiến ấy. Vì lừa gạt nên tôi phải chấp chặt tà kiến ấy. Vì tự trọng nên tôi phải chấp chặt tà kiến ấy.**

23. - Vậy này Tôn chủ, tôi sẽ cho Ngài một ví dụ. Ở đời một số người có trí, nhờ ví dụ mà hiểu ý nghĩa lời nói.

Này Tôn chủ, thuở xưa, một đoàn lữ hành lớn gồm

một ngàn cỗ xe đi từ phương Đông quốc độ qua phương Tây quốc độ. Đi đến chỗ nào, đoàn lũ hành ấy cũng tiêu thụ rất mau cỏ, củi, nước và cây lá xanh tươi. Đoàn lũ hành ấy có hai vị lãnh đạo, một vị lãnh đạo năm trăm cỗ xe, một vị lãnh đạo năm trăm cỗ xe. Hai vị lãnh đạo đoàn lũ hành suy nghĩ như sau: "Đoàn lũ hành lớn này gồm có một ngàn cỗ xe. Chỗ nào chúng ta đi tới thì đoàn tiêu thụ rất mau cỏ, củi, nước và cây lá xanh tươi. Vậy chúng ta hãy chia đoàn lũ hành này thành hai, mỗi đoàn có năm trăm cỗ xe."

Rồi hai vị lãnh đạo ấy chia đoàn lũ hành thành hai, một đoàn có năm trăm cỗ xe, một đoàn có năm trăm cỗ xe. Rồi một vị lãnh đạo thâu lượm rất nhiều cỏ, củi, nước và cho đoàn lũ hành chuyển bánh. Sau khi đi hai, ba ngày, vị lãnh đạo ấy thấy một người da đen, mắt đỏ, mang theo ống tên, đeo vòng hoa súng, áo quần ướt, tóc ướt, đánh một cỗ xe do lừa kéo, bánh xe dính đầy bùn và đi từ phía trước đi lại. Thấy vậy, người lãnh đạo hỏi:

"- Bạn từ phương nào đến?"

"- Từ nơi quốc độ kia đến."

"- Bạn sẽ đi đâu?"

"- Sẽ đi đến địa phương tên này."

"- Bạn có thấy, trong khu rừng trước mặt, có mưa to gần đây không?

"- Thưa bạn, trong khu rừng trước mặt có mưa to, đường sa đầy sũng những nước, có nhiều cỏ, nhiều củ và nhiều nước. Hãy quăng bỏ cỏ, củ và nước cũ đi, để cỗ xe được nhẹ và đi cho mau. Chớ có làm cho đoàn xe mệt nhọc."

Khi ấy người lãnh đạo nói với những người đánh xe:

"- Này các Bạn, người này nói như sau: Trong khu rừng trước mặt có mưa to, đường sa đầy sũng nước, có nhiều cỏ, nhiều củ và nhiều nước. Hãy quăng bỏ cỏ, củ và nước cũ đi, để cỗ xe được nhẹ và đi cho mau. Chớ có làm cho đoàn xe mệt nhọc." Vậy các bạn hãy quăng cỏ, củ và nước cũ đi, để đoàn xe đi với những cỗ xe nhẹ hơn.

"- Thưa Bạn, vâng!"

Những người đánh xe vâng theo lời vị lãnh đạo đoàn lũ hành, quăng cỏ, củ và nước cũ đi và dẫn đoàn xe đi với những cỗ xe nhẹ hơn. Nhưng khi đi đến trạm nghỉ thứ nhất, họ không thấy cỏ, củ hay nước, trạm thứ hai cũng vậy... trạm thứ ba cũng vậy... trạm thứ tư cũng vậy... trạm thứ năm cũng vậy... trạm thứ sáu cũng vậy... trạm thứ bảy cũng vậy, họ không thấy cỏ,

củ hay nước. Tất cả đều gặp sự bất hạnh và tai nạn. Tất cả người và vật trong lũ đoàn ấy, đều bị con Dạ xoa, phi nhân ăn thịt, chỉ còn xương để lại.

Khi người lãnh đạo đoàn thứ hai được biết: "Nay đoàn kia đi đã khá xa", bèn cho thuê lượm nhiều củ, củ và nước và cho đoàn khởi hành. Sau khi đi hai, ba ngày, vị lãnh đạo ấy thấy một người da đen, mắt đỏ, mang theo ống tên, đeo vòng hoa sừng, áo quần ướt, tóc ướt, đánh một cỗ xe do lừa kéo, bánh xe dính đầy bùn và đi từ phía trước đi lại. Thấy vậy người lãnh đạo hỏi:

"- Bạn từ phương nào đến?

"- Từ nơi quốc độ kia đến.

"- Bạn sẽ đi đâu?

"- Sẽ đi đến địa phương tên này.

"- Bạn có thấy trong khu rừng trước mặt, có mưa to gần đây không?

"- Thưa Bạn, trong khu rừng trước mặt, có mưa to, đường sá đầy sông những nước, có nhiều củ, nhiều củ và nhiều nước. Hãy quăng bỏ củ, củ và nước cũ đi, để cỗ xe được nhẹ và đi cho mau. Chớ có làm cho

đoàn xe mệt nhọc.

Khi ấy người lãnh đạo nói với những người đánh xe:

"- Này các Bạn, người này nói như sau: Trong khu rừng trước mặt có mưa to, đường sá đầy sũng nước, có nhiều cỏ, nhiều củ và nhiều nước. Hãy bỏ cỏ, củ và nước cũ đi, để cỏ xe được nhẹ và đi cho mau. Chớ làm cho đoàn xe mệt nhọc." **Nhưng này các Ban, người ấy không phải là bạn của chúng ta, cũng không phải là bà con ruột thịt, làm sao chúng ta có thể tin người ấy được?** Chớ quăng bỏ các thứ cỏ, củ và nước đã dự trữ từ trước. Hãy cho đoàn lũ hành tiến tới với các hàng hóa đã được mang theo, chúng ta không quăng bỏ đi các vật đang dự trữ từ trước.

"- Thưa Bạn, vâng."

Những người đánh xe ấy, vâng theo lời người lãnh đạo, cho đoàn lũ hành tiến tới với những hàng hóa đã mang theo. Đến trạm nghỉ thứ nhất những người này không thấy cỏ, củ hay nước, đến trạm thứ hai cũng vậy... trạm thứ ba cũng vậy... trạm thứ tư cũng vậy.... trạm thứ năm cũng vậy... trạm thứ sáu cũng vậy.... trạm thứ bảy cũng vậy... chúng không thấy cỏ, củ hay nước, nhưng chúng thấy đoàn lũ hành trước bị lâm vào tai nạn. Những người và thú vật trong đoàn lũ hành kia, chúng thấy các bộ xương do con

Dạ xoa phi nhân ấy ăn thịt.

Rồi người lãnh đạo nói với các người đánh xe:

"- Này các Bạn, đoàn lũ hành ấy bị lâm nạn vì bị người lãnh đạo ngu si như vậy hướng dẫn. Vậy này các bạn, hãy bỏ đi những vật hạng ít giá trị của đoàn lũ hành này, hãy đem theo những vật hạng đắt giá của đoàn lũ hành kia!

"- Thưa Bạn, vâng!"

Những người đánh xe ấy vâng theo người lãnh đạo quăng bỏ đi những vật hạng ít giá trị của đoàn lũ hành của mình, đem đi theo những vật hạng đắt giá của đoàn lũ hành kia và đi qua bãi sa mạc ấy một cách an toàn, vì được hướng dẫn bởi một vị lãnh đạo sáng suốt.

Cũng vậy này Tôn chủ, người ngu si không có trí sẽ gặp nạn vì đã đi tìm kiếm đời sau một cách thiếu suy tư, giống như người lãnh đạo đoàn lũ hành kia. Những ai tự nghĩ có thể tin bất cứ điều gì được nghe sẽ gặp hoạn nạn như những người đánh xe kia.

Này Tôn chủ, hãy từ bỏ ác tà kiến ấy. Này Tôn chủ, hãy từ bỏ ác tà kiến này. Chớ để chúng đưa Ngài vào đau khổ bất hạnh lâu dài!"

24. - Dầu Tôn giả Kassapa có nói như vậy, tôi cũng không thể từ bỏ ác tà kiến này. Vua Pasenadi nước Kasala là vua các nước ngoài đã biết tôi như sau: "Tôn chủ Pàyàsi có quan điểm, có tri kiến như thế này: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo." Tôn giả Kassapa, nếu tôi từ bỏ ác kiến ấy người ta sẽ phê bình tôi như sau: "Tôn chủ Pàyàsi thật là ngu si, kém thông minh, chấp kiến một cách sai lạc." Vì tức giận nên tôi phải chấp chặt tà kiến sai lạc. Vì tức giận nên tôi phải chấp chặt tà kiến ấy. Vì tự trọng nên tôi phải chấp chặt tà kiến ấy.

25. - Nay Tôn chủ, vậy tôi sẽ kể một ví dụ. Ở đời nhờ ví dụ, một số người có trí hiểu được ý nghĩa lời nói.

Thuở xưa có một người nuôi heo đi từ làng của mình đến một làng khác. Ở tại đây, ông ta thấy một đồng phân khô bị quăng bỏ. Thấy vậy, nó tự nghĩ: "Đồng phân khô khá nhiều bị quăng bỏ đi có thể làm đồ ăn cho các con heo của ta. Vậy ta hãy mang đồng phân khô này đi." Rồi ông ta trải áo choàng của nó mang đồng phân khô lại, cột thành một gói đặt trên đầu rồi đi. Đi giữa đường, một cơn mưa lớn trái mùa xảy ra. Ông mang bọc phân ấy đi, với phân thấm ướt tiết ra

và chảy thành giọt, làm ông lem lấm phân cho đến đầu móng tay. Mọi người thấy ông liền nói: "Ông có thật sự điên, thật sự khùng chẳng? Làm sao ông lại mang bọc phân ấy đi, với nước phân thấm ướt tiết ra và chảy thành giọt, làm người lem lấm phân cho đến đầu móng tay." - Chính các Người mới thật sự điên, chính các Người mới thật sự khùng. Chính nhờ như thế này, các con heo của tôi mới có đồ ăn."

Cũng vậy này Tôn chủ, Ngài nói chẳng khác gì ví dụ người mang phân này. Này Tôn chủ, hãy từ bỏ ác tà kiến ấy. Này Tôn chủ, hãy từ bỏ ác kiến ấy. Chớ để chúng đưa Ngài vào đau khổ, bất hạnh lâu dài.

26. - Dầu Tôn giả Kassapa có nói như vậy, tôi cũng không thể từ bỏ ác tà kiến này. Vua Pasenadi nước Kosala và vua các nước ngoài đã biết tôi như sau: "Tôn chủ Pàyàsi có quan điểm, có tri kiến như thế này: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo". **Tôn giả Kassapa, nếu tôi từ bỏ ác tà kiến ấy người ta sẽ phê bình tôi như sau:** "Tôn chủ Pàyàsi thật là ngu si, kém thông minh, chấp kiến một cách sai lạc." **Vì tức giận nên tôi phải chấp chặt tà kiến ấy. Vì lừa gạt nên tôi phải chấp chặt tà kiến ấy. Vì tự trọng**

nên tôi phải chấp chặt tà kiến ấy.

27. - Nay Tôn chủ, vậy tôi sẽ kể một ví dụ. Ở đời nhờ ví dụ, một số người có trí hiểu được ý nghĩa lời nói.

Thuở xưa, có hai người đánh bạc đồ con xúc xắc. Một con bạc mỗi lần thua liền ngậm con xúc xắc thất bại. Con bạc thứ hai thấy con bạc ấy mỗi lần thua liền ngậm con xúc xắc thất bại. Thấy vậy người này bàn với người kia: "*Này Bạn, Bạn đã thắng rõ ràng. Bạn hãy đưa cho tôi các con xúc xắc để đi làm lễ tế.*" - " Thưa Bạn, vâng!", con bạc ấy liền đưa các con xúc xắc cho con bạc kia. Người này bèn lấy thuốc độc thoa vào các con xúc xắc và nói với người kia: "*Này Bạn, hãy chơi đồ các con xúc xắc.*" - "Thưa Bạn, vâng!", con bạc ấy vâng theo lời của con bạc kia. Lần thứ hai, hai con bạc ấy đồ con xúc xắc, lần thứ hai, con bạc này mỗi lần thua liền ngậm con xúc xắc thất bại. Con bạc thứ hai thấy con bạc kia, lần thứ hai, mỗi lần thua ngậm con xúc xắc thất bại. Thấy vậy, người ấy nói với con bạc kia:

Con người không được biết.
Con xúc xắc được ngậm,
Đã được bôi thoa nhiều,
Với thuốc độc đốt cháy.
Hãy ngậm đi, ngậm đi,

Con bạc ác độc kia!
Ngâm xong nhà Người phải
Đau đớn vô cùng tận.

Cũng vậy này Tôn chủ. Ngài nói chẳng khác gì ví dụ người đánh bạc. Này Tôn chủ, hãy từ bỏ ác tà kiến ấy. Này Tôn chủ, hãy từ bỏ ác tà kiến ấy. Chớ để chúng đưa Ngài vào đau khổ, bất hạnh lâu dài.

28. - Dầu Tôn giả Kassapa có nói như vậy, tôi cũng không thể từ bỏ ác tà kiến này.

Vua Pasenadi nước Kosala và vua các nước ngoài đã biết tôi như sau: "Tôn chủ Pàyàsi có quan điểm, có tri kiến như thế này: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo!" **Tôn giả Kassapa, nếu tôi từ bỏ ác tà kiến ấy, người ta sẽ phê bình tôi như sau:** "Tôn chủ Pàyàsi thật ngu si, kém thông minh, chấp kiến một cách sai lạc". **Vì tức giận nên tôi phải chấp chặt tà kiến ấy. Vì lòng gạt nên tôi phải chấp chặt tà kiến ấy. Vì tự trọng nên tôi phải chấp chặt tà kiến ấy!**

29. - Này Tôn chủ, vậy tôi sẽ kể một ví dụ. Ở đời nhờ ví dụ, một số người có trí hiểu được ý nghĩa lời nói.

Thuở xưa, một quốc gia dời đi chỗ khác. Một người nói với các bạn thuộc hạ của mình: "Này các Bạn, chúng ta hãy đi đến quốc gia kia, rất có thể chúng ta tìm được tiền bạc của cải." Thừa Bạn, vâng!", các thuộc hạ vâng lời người bạn kia. Họ đi đến quốc gia kia, và đến một đường làng. **Họ thấy một đồng gai, quăng bỏ.** Thấy vậy, một người bạn nói với các người kia: "Đây là một đồng gai quăng bỏ. Bạn hãy nhóm lại thành một bó. Tôi cũng nhóm lại thành một bó gai. Chúng ta hãy đem bó gai ấy đi." - "Thừa Bạn, vâng!", người bạn này vâng theo người bạn kia và cột bó gai lại.

Họ mang hai bó gai, và đi đến một làng khác. Họ thấy một đồng dây gai quăng bỏ. Thấy vậy một người bạn nói với người kia: "Đồng dây gai quăng bỏ này thật đúng với điều chúng ta muốn làm với bó dây gai ấy. Vậy bạn hãy nhóm lại thành một bó dây gai. Tôi cũng nhóm lại thành một bó dây gai. Chúng ta hãy đem hai bó dây gai ấy đi." - "Này Bạn, tôi đem đồng gai này từ xa lại, và đồng gai được bó buộc kỹ lưỡng. Đối với tôi, như vậy là vừa đủ, bạn hãy tự biết (mà làm)." Và người bạn trước quăng bó cây gai và lấy đồng dây gai.

Rồi họ đến một con đường khác. Ở đây **họ thấy nhiều vải gai** được quăng bỏ. Thấy vậy, một người

bạn nói với người kia: "Nhiều vải gai được quăng bỏ này thật đúng với điều chúng ta muốn làm với cây gai hoặc với dây gai. Vậy Bạn hãy quăng bỏ bao cây gai, và tôi sẽ quăng bỏ bao dây gai. Hai chúng ta sẽ mang bao vải gai này mà đi." - "Này Bạn, tôi đem đóng dây gai này từ xa lại và đóng gai được buộc bó kỹ lưỡng. Đối với tôi, như vậy là vừa đủ. Bạn hãy tự biết (mà làm)." Và người bạn trước quăng bỏ dây gai và lấy bó vải gai.

Rồi họ đến một con đường khác. Ở đây **họ thấy nhiều sò ma** được quăng bỏ. Sau khi thấy...

...nhiều dây sò ma được quăng bỏ. Sau khi thấy...

...nhiều vải sò ma được quăng bỏ. Sau khi thấy...

...nhiều cây bông được quăng bỏ. Sau khi thấy...

...nhiều vải bông được quăng bỏ... Sau khi thấy...

...nhiều sắt được quăng bỏ. Sau khi thấy...

...nhiều đồng được quăng bỏ. Sau khi thấy...

...nhiều thiếc được quăng bỏ. Sau khi thấy...

...nhiều chì được quăng bỏ. Sau khi thấy...

...nhiều bạc được quăng bỏ. Sau khi thấy...

...nhiều vàng được quăng bỏ. Thấy vậy một người bạn nói với người bạn kia: *"Nhiều vàng được quăng bỏ này thật đúng với điều chúng ta muốn làm với cây gai hay với dây gai, hay với vải sô ma, hay với cây bông, hay với giây bông, hay với vải bông, hay với sắt, hay với đồng, hay với thiết, hay với chì, hay với bạc. Vậy bạn hãy quăng bỏ bao cây gai, và tôi sẽ quăng bỏ bao bạc. Hai chúng ta sẽ mang bao vàng mà đi."* - "Này bạn, tôi đem bao cây gai này từ xa lại, và đóng gai được bó buộc kỹ lưỡng. Đối với tôi, như vậy là vừa đủ. Bạn hãy tự biết (mà làm)." Và người bạn trước quăng bao bạc và lấy bao vàng.

Cả hai về đến làng của mình. Người bạn đem bao cây gai về, cha mẹ người ấy không được vui vẻ, vợ con người ấy không được vui, bạn bè người ấy không được vui vẻ, và do vậy anh ta không được hạnh phúc, hoan hỷ. Còn người bạn đem bao vàng về, cha mẹ người ấy được vui vẻ, vợ con người ấy được vui vẻ, bạn bè người ấy được vui vẻ và do vậy người ấy được hạnh phúc hoan hỷ.

Cũng vậy Tôn chủ, Ngài nói không khác gì ví dụ người mang bao cây gai. Này Tôn chủ, hãy từ bỏ ác tà kiến ấy. Này Tôn chủ, hãy từ bỏ ác tà kiến ấy. Chớ

để chúng đưa Ngài vào đau khổ, bất hạnh lâu dài.

30. - Với ví dụ đầu tiên của Tôn giả Kassapa tôi đã hoan hỷ, thỏa mãn, nhưng tôi muốn nghe những câu hỏi đáp thông minh ấy vì tôi xem Tôn giả Kassapa như người đáng được đối lập.

Thật kỳ diệu thay, Tôn giả Kassapa! Thật hy hữu thay, Tôn giả Kassapa! Tôn giả Kassapa, như một người giơ ra vật gì bị che kín, hay như người hướng dẫn cho kẻ bị lạc đường, hay như người đem đèn vào trong bóng tối cho người có mắt được thấy sắc, cũng vậy Chánh pháp được Tôn giả Kassapa dùng nhiều phương tiện trình bày. Tôn giả Kassapa, nay con quy y Thế Tôn Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ kheo Tăng, Tôn giả Kassapa, hãy nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến trọn đời xin nhận Ngài làm chỗ y chỉ.

- Tôn giả Kassapa, con muốn tổ chức một đại lễ tế đàn. Tôn giả Kassapa hãy giảng dạy cho con để con được hưởng hạnh phúc an lạc lâu dài.

31. - Nay Tôn chủ, tại tế đàn có trâu bò bị giết, hay các loại sinh vật khác bị giết, và những ai tham dự tế đàn ấy là những vị có tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà

ngiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định, này Tôn chủ, tể đàn ấy không đem lại quả báo lớn, lợi ích lớn, danh tiếng lớn, không được quảng bá rộng lớn.

Này Tôn chủ, cũng như người làm ruộng đi vào rừng đem theo hột giống và cày. Và trên một khoảng đất không cày bừa, không có màu mỡ, giữa những gốc cây chưa được đào lên, người ấy gieo những hột giống xuống, những hột giống ấy bị hư sút, bị thú mực, bị gió và sức nóng phá hại, trái mùa, không có điều kiện thuận tiện, và thần mưa không cho mưa đúng thời. Vậy các hột giống ấy có thể lớn lên, trưởng thành lên và sum sê hoa lá lên hoặc người làm ruộng ấy gặt hái được nhiều kết quả hơn?

- Tôn giả Kassapa, không thể được.

- Cũng vậy, này Tôn giả, tại tể đàn nào có trâu bò bị giết hay các loại dê bị giết, hay gà và heo bị giết, hay các loại sinh vật khác bị giết, và những ai tham dự tể đàn ấy là những vị có tà kiến, từ tư duy, tà tinh tấn, tà niệm, tà định. Này Tôn chủ, tể đàn ấy không đem lại quả báo lớn, lợi ích lớn, danh tiếng lớn, không được quảng bá rộng lớn.

- Này Tôn chủ, tại tể đàn nào không có trâu bò bị giết, không có các loại dê bị giết, không có gà heo bị giết, không có các loại sanh vật khác bị giết, và

những ai tham dự tế đàn ấy là những vị có Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tin tấn, Chánh niệm, Chánh định; này Tôn chủ, tế đàn ấy đem lại quả báo lớn, lợi ích lớn, danh tiếng lớn, được quảng bá rộng lớn.

Này Tôn chủ, cũng như một người làm ruộng đi vào rừng đem theo hột giống và cày. Và trên một khoảng đất có cày bừa, có màu mỡ, giữa những gốc cây đã được đào lên, người ấy gieo những hột giống xuống, những hột giống ấy không bị hư sút, không bị thúi mục, không bị gió và sức nóng phá hại, thuận mùa, có điều kiện thuận lợi và thần mưa cho mưa đúng thời. Vậy các hột giống ấy có thể lớn lên, trưởng thành lên, sum sê hoa lá, hoặc làm ruộng gặt hái được nhiều kết quả hơn?

- Tôn giả Kassapa, thật được như vậy.

- Cũng vậy, này Tôn chủ, tại tế đàn nào mà không có trâu bò bị giết, không có các loại dê bị giết, không có gà heo bị giết, không có các loại sanh vật khác bị giết, và những ai tham dự tế đàn ấy là những vị có Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định; này Tôn chủ, tế đàn ấy đem lại quả báo lớn, lợi ích lớn, danh tiếng lớn, được quảng bá rộng

lớn.

32. Rồi Tôn chủ Pàyàsi tổ chức bố thí cho các vị Sa môn, Bà la môn, cho những người nghèo, những người vô gia cư, những người ăn mày. Trong cuộc bố thí này, **các món ăn như thế này được đem cho, như cháo, đồ ăn phế thải, vải thô** với những viên bằng hình tròn. Trong cuộc bố thí này, có vị thanh niên tên Uttàra, sau khi cuộc bố thí đã xong, có nói ngạo: "*Với cuộc bố thí này, ta được gặp Tôn chủ Pàyàsi trong đời này, nhưng không gặp trong đời sau,*". Tôn chủ Pàyàsi liền cho mời thanh niên Uttàra và nói:

- Nay Thân hữu Uttàra, có thật chẳng, sau khi cuộc bố thí đã xong, Ngươi có nói ngạo: "*Với cuộc bố thí này, ta gặp được Tôn chủ Pàyàsi trong đời này, nhưng không gặp trong đời sau*"?

- Thật có vậy, này Tôn chủ!

- Nay Thân hữu Uttàra, tại sao, sau cuộc bố thí Ngươi lại nói ngạo như vậy: "*Với cuộc bố thí này, ta được gặp Tôn chủ Pàyàsi trong đời này, nhưng không gặp trong đời sau*"? Nay Thân hữu Uttàra, có phải chúng ta đi tìm công đức đều trông mong kết quả của cuộc bố thí?

- Nay Tôn chủ, trong cuộc bố thí của Ngài, các món ăn như thế này được đem cho, như cháo, đồ ăn phế thải, các món ăn này được Ngài không muốn lấy bàn chân của Ngài đụng đến, hướng nữa là ăn; vải thô với những nền bằng hình tròn, các thứ vải này Ngài không muốn lấy bàn chân của Ngài đụng đến, hướng nữa là mặc. Tôn chủ, Ngài là người thân và kính mến của chúng tôi. *Như thế nào, chúng tôi có thể phối hợp cái gì thân yêu và kính mến với cái gì không thân yêu?*

- Vậy này Thân hữu Uttàra, hãy phân phát các món ăn giống như các món tôi ăn, hãy phân phát các vải mặc, giống như các thứ vải mà tôi mặc.

- Xin vâng, Tôn chủ!

Thanh niên Uttàra vâng theo lời Tôn chủ Pàyàsi, đem phân phát những món ăn giống như các món tôn chủ Pàyàsi ăn, đem phân phát các thứ vải, giống như các thứ vải tôn chủ Pàyàsi mặc.

Tôn chủ Pàyàsi vì đã bố thí không được cho hoàn bị, vì đã bố thí không tự tay mình làm, vì đã bố thí không có suy tư, vì đã bố thí các đồ vật phế thải, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh nhập chúng với Bốn Đại Thiên vương, trong cung điện trống không của Serisaka.

Còn thanh niên Uttàra, bị bỏ qua trong cuộc bố thí này, vì đã bố thí một cách hoàn bị, vì đã bố thí tự tay mình làm, vì đã bố thí có suy tư, vì đã bố thí các đồ không phế thải, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới nhập chúng với chư Thiên ở Tam thập tam thiên.

33. Lúc bấy giờ Tôn giả Gavampati (Ngưu Chủ) thường hay đi nghỉ trưa trong cung điện trống không của Serisaka, đánh lễ ngài, và đứng một bên. Tôn giả Gavampati nói với Thiên tử Pàyàsi đang đứng một bên.

- Bạch Tôn giả, con là tôn chủ Pàyàsi.

- Này Hiền giả, có phải Ngươi có tà kiến như sau: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo"?

- Bạch Tôn giả, con có tà kiến như vậy: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo", nhưng nhờ tôn giả Kumàra Kassapa, con tự thoát ly ra khỏi ác tà kiến ấy.

- Này Hiền giả, còn thanh niên Uttàra bị bỏ qua trong cuộc bố thí này, được thác sanh ở đâu?

- Bạch Tôn giả, thanh niên Uttàra bị bỏ qua trong

cuộc bố thí này, vì đã bố thí một cách hoàn bị, vì đã bố thí tự tay mình làm, vì đã bố thí có suy tư, vì đã bố thí các đồ không phế thải, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, nhập chúng với chư Thiên ở Tam thập tam thiên.

Còn con, vì đã bố thí không tự tay mình làm, vì đã bố thí không có suy tư, vì đã bố thí các đồ phế thải, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh nhập chúng với Bốn Đại Thiên vương, trong cung điện trống không của Serasaka.

Do vậy, bạch Tôn giả Gavampati, hãy đi đến thế giới loài Người và nói như sau: *"Hãy bố thí một cách hoàn bị, hãy bố thí với tự tay mình làm, hãy bố thí một cách có suy tư, hãy bố thí với đồ không phế thải. Tôn chủ Pàyàsi, vì bố thí không hoàn bị, vì bố thí không tự tay mình làm, vì bố thí không có suy tư, vì bố thí các đồ phế thải, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh nhập chúng với Bốn Đại Thiên vương trong cung điện trống không của Serisaka. Còn thanh niên Uttàra, bị bỏ qua trong cuộc bố thí này, vì đã bố thí một cách hoàn bị, vì đã bố thí tự tay mình làm, vì bố thí một cách có suy tư, vì bố thí các đồ không phế thải, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, nhập chúng với chư Thiên ở Tam thập tam thiên".*

34. Rồi Tôn giả Gavampati đi vào trong thời giới loài Người và nói như sau: *"Hãy bố thí một cách hoàn bị. Hãy bố thí với tự tay mình làm. Hãy bố thí một cách có suy tư. Hãy bố thí các đồ không phế thải. Tôn chủ Pàyàsi, vì bố thí không hoàn bị, vì bố thí không tự tay mình làm, vì bố thí không có suy tư, vì bố thí đồ phế thải, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh nhập chúng với Bốn Đại Thiên vương, trong cung điện trống không của Serisaka. Còn thanh niên Uttàra, bị bỏ qua trong một cuộc bố thí này, vì đã bố thí một cách có hoàn bị, vì đã bố thí với tự tay mình làm, vì đã bố thí một cách suy tư, vì đã bố thí với các đồ không phế thải, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, nhập chúng với chư Thiên ở Tam thập tam thiên".*

116 Không cảm thọ xứ ấy - Kinh TÔN GIẢ ÀNANDA – Tăng IV, 179

TÔN GIẢ ÀNANDA – *Tăng IV, 179*

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời, Tôn giả Ànanda trú ở Kosambi, tại khu vườn Ghosita. Tại đây, Tôn giả Ànanda bảo các Tỷ-kheo:

- Nay chư Hiền Tỷ-kheo.

- Vâng, thưa Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ànanda. Tôn giả Ànanda nói như sau:

2. - Thật vi diệu thay, thưa các Hiền giả! Thật hi hữu thay, thưa các Hiền giả, như thế nào là con đường thoát ly, thoát khỏi sự trói buộc, được Thế Tôn, bậc Trí giả, bậc Kiến giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tùy giác để các loài hữu tình được thanh tịnh, vượt khỏi sầu bi, chấm dứt khổ ưu, đạt được chánh lý, giác ngộ Niết-bàn.

*- Đây sẽ chỉ có **mắt**, chứ không có cảm thọ các sắc ấy và các xứ ấy;*

- Đây chỉ có **tai**, chớ không có cảm thọ các tiếng ấy và các xứ ấy;
- Đây chỉ có **mũi** chớ không có cảm thọ các hương ấy và các xứ ấy;
- Đây chỉ có **lưỡi**, chớ không có cảm thọ các vị ấy và các xứ ấy;
- Đây chỉ có **thân**, chớ không có cảm thọ các xúc ấy và các xứ ấy.

3. Khi được nói vậy, Tôn giả Udàyi nói với Tôn giả Ānanda:

- Này Hiền giả Ānanda, người không cảm thọ xứ ấy, người ấy **có tưởng hay không có tưởng?**
- Này Hiền giả, người không cảm thọ xứ ấy, người ấy **có tưởng**, không phải không có tưởng.

Nhưng thưa Hiền giả, người không cảm thọ xứ ấy, người ấy **tưởng cái gì?**

4. - Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt qua các sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt các chương ngại tưởng, không tác ý đến các tưởng sai biệt, biết rằng: "Hư không là vô biên", chứng đạt và an trú **Không vô biên xứ**. Này Hiền giả, vì ấy có tưởng như vậy, nhưng không cảm thọ xứ ấy.

5. Lại nữa, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt khỏi Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Thức là vô biên", chứng đạt và an trú **Thức vô biên xứ**. Này Hiền giả, vị ấy có tưởng như vậy, nhưng không cảm thọ xứ ấy.

6. Lại nữa, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt khỏi Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có vật gì", chứng đạt và an trú **Vô sở hữu xứ**. Này Hiền giả, vị ấy có tưởng như vậy, nhưng không cảm thọ xứ ấy.

7. Này Hiền giả, một thời tôi sống ở Sàketa, rừng Anjanavana tại vườn nai. Rồi này Hiền giả, có một Tỷ-kheo-ni ở Jatilàgàha đến tôi, đánh lễ tôi và đứng một bên. Đứng một bên, này các Hiền giả, Tỷ-kheo-ni ở Jatilàgàha thưa với tôi:

- Thưa Tôn giả Ànanda, Thiền định này không thiên tà dục, không dưỡng hận tâm, trong ấy, sự chế ngự không phải do hữu hành nhiếp phục, nhờ giải thoát, được vững chắc, nhờ vững chắc, được tri túc; nhờ tri túc, không có âu lo. Thưa Tôn giả Ànanda, *Thiền định này được Thế Tôn dạy, có quả gì?*"

Được nói vậy, này Hiền giả, tôi nói với Tỷ-kheo-ni ở Jatilàgàha như sau: "- Thưa Chị, Thiền định này không thiên tà dục, không dưỡng hận tâm; trong ấy, sự chế ngự không phải do hữu hành nhiếp phục, nhờ

giải thoát được vững chắc; nhờ vững chắc, được tri túc; nhờ tri túc, không có âu lo... Này Chì, Thiền định này được **chánh trí** là quả".

Thế Tôn nói như vậy, này Hiền giả, vị ấy có những tướng như vậy, nhưng không cảm thọ xứ ấy.

117 Không cần xin phép, bỏ đi ngay - Kinh KHU RỪNG - 17 Trung I, 239

KINH KHU RỪNG (*Vanapatthasuttam*)

– Bài kinh số 17 – *Trung I*, 239

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- "Này các Tỷ-kheo".

– "Bạch Thế Tôn", các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau: "**Chư Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Người pháp môn về khu rừng. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng**".

– "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

– Chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo sống tại một

khu rừng nào. Tỷ-kheo sống tại khu rừng này, các niệm *chưa được* an trú *không được* an trú, tâm tư chưa được định tĩnh không được định tĩnh, các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ không được hoàn toàn đoạn trừ, vô thượng an ổn, khỏi các ách phược chưa được chứng đạt không được chứng đạt, và những vật dụng này cần thiết cho đời sống mà một người xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, y dược trị bệnh, những vật dụng này *kiếm được một cách khó khăn*. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy nghĩ: *"Ta sống tại khu rừng này, Khi ta sống tại khu rừng này, các niệm chưa được an trú không được an trú, tâm tư chưa được định tĩnh không được định tĩnh, các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ không được hoàn toàn đoạn trừ, vô thượng an ổn, khỏi các ách phược chưa được chứng đạt không được chứng đạt, và những vật dụng cần thiết cho đời sống mà một vị xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật dụng này kiếm được một cách khó khăn"*. Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy phải từ bỏ ngôi rừng ấy, không được ở lại, ngay lúc ban ngày hay lúc ban đêm.

Chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo sống tại một khu rừng nào. Tỷ-kheo sống tại khu rừng này, các niệm chưa được an trú *không được an trú*, tâm tư chưa

được định tĩnh không được định tĩnh, các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ không được hoàn toàn đoạn trừ, vô thượng an ổn, khỏi các ách phược chưa được chứng đạt không được chứng đạt, và những vật dụng cần thiết cho đời sống mà một người xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật dụng này *kiếm được một cách không khó khăn*. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy nghĩ như sau: "*Ta sống tại khu rừng này. Khi ta sống tại khu rừng này, các niệmc chưa được an trú không được an trú... những vật dụng này kiếm được một cách không khó khăn. Nhưng không phải vì y phục mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình, không phải vì đồ ăn khát thực... không phải vì sàng tọa... không phải vì dược phẩm trị bệnh mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nhưng trong khi ta ở tại khu rừng này, các niệmc chưa được an trú không được an trú... vô thượng an ổn, khỏi các ách phược không được chứng đạt*". Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy chỉ với suy tính này **phải từ bỏ** ngôi rừng ấy, không được ở lại.

Chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo sống tại một khu rừng nào. Tỷ-kheo sống tại khu rừng này, các niệmc *chưa được* an trú *được an trú*, tâm tư chưa được định tĩnh được định tĩnh; các lậu hoặc chưa được hoàn

toàn đoạn trừ được hoàn toàn đoạn trừ, vô thượng an ổn, khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt, nhưng những vật dụng cần thiết cho đời sống một người xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật này *kiếm được một cách khó khăn*. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy nghĩ như sau: "Ta sống tại khu rừng này. Khi ta sống tại khu rừng này, các niệm chưa được an trú được an trú... vô thượng an ổn, khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt... những vật dụng này kiếm được một cách khó khăn. Nhưng không phải vì y phục mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, không phải vì món ăn khát thực... không phải vì sàng tọa... không phải vì dược phẩm trị bệnh mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nhưng trong khi ta ở tại khu rừng này, các niệm chưa được an trú được an trú... vô thượng an ổn, khỏi các ách phược được chứng đạt". Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy chỉ với suy tính này, phải ở lại khu rừng ấy, không được bỏ đi.

Chư Tỷ-kheo, ở đây Tỷ-kheo sống tại một khu rừng nào. Tỷ-kheo sống tại khu rừng này, các niệm chưa được an trú *được an trú*... vô thượng an ổn, khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt. Và những vật dụng cần thiết... *kiếm được một cách*

không khó khăn. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy nghĩ như sau: "Ta sống tại khu rừng này. Khi ta sống tại khu rừng này, các niệম chưa được an trú được an trú... vô thượng an ổn, khỏi các ách phược chư húng đạt được chứng đạt, và những vật dụng này cần thiết... kiếm được một cách không khó khăn". Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy phải ở lại khu rừng cho đến trọn đời, không được rời bỏ.

Chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo *sống tại một làng nào... sống tại một thị trấn nào... sống tại một đô thị nào... sống tại một quốc gia nào... sống gần một người nào*. Tỷ-kheo sống gần người này, các niệм chưa được an trú *không được an trú*... không được chứng đạt, và những vật dụng này cần thiết... kiếm được một cách *khó khăn*. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy nghĩ như sau: "Ta sống gần người này. Khi ta sống gần người này, các niệм chưa được an trú không được an trú... không được chứng đạt, và những vật dụng này cần thiết... kiếm được một cách khó khăn". Chư Tỷ-kheo, *vị Tỷ-kheo ấy ngay trong phần đêm ấy hay ngay trong phần ngày ấy, không phải xin phép, cần phải bỏ ngay* người ấy mà đi, không cần theo sát người ấy.

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống gần một người nào. Tỷ-kheo sống gần người ấy, các niệм chưa được an

trú *không được* an trú... không được chứng đạt. Nhưng những vật dụng này cần thiết... kiếm được một cách *không khó khăn*. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy tư như sau: "Ta sống gần người này. Khi ta sống gần người này, các niệm chưa được an trú không được an trú... không được chứng đạt. Nhưng những vật dụng này cần thiết... kiếm được một cách không khó khăn. Nhưng không phải vì y phục mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình... không phải vì đồ ăn khát thực... không phải vì sàng tọa... không phải vì được phẩm trị bệnh mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Và khi ta sống gần người này, các niệm chưa được an trú không được an trú... không được chứng đạt". Chư Tỷ-kheo, *Tỷ-kheo ấy, chỉ với ước tính này, cần phải bỏ người ấy mà đi, không có xin phép, không có theo sát.*

Chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo sống gần một người nào. Tỷ-kheo sống gần người ấy, các niệm chưa được an trú *được an trú*... được chứng đạt. Những vật dụng này cần thiết... kiếm được một cách *khó khăn*. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy tư như sau: "Ta sống gần người này. Khi ta sống gần người này, các niệm chưa được an trú được an trú... được chứng đạt. Những vật dụng này cần thiết... kiếm được một cách khó khăn. Nhưng không phải vì

y phục mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình... không phải vì đồ ăn khát thực... không phải vì sàng tọa... không phải vì được phẩm trị bệnh mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Và khi ta sống gần người này, các niệ^m chưa được an trú được an trú... vô thượng an ổn, khỏi các ách phược được chứng đạt". Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy, **chỉ với suy tính này, cần phải theo sát người ấy, không được bỏ đi.**

Chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo sống gần một người nào. Tỷ-kheo sống gần người ấy, các niệ^m chưa được an trú **được an trú**, tâm không định tĩnh được định tĩnh, các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ được hoàn toàn đoạn trừ, vô thượng an ổn, khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt, và những vật dụng cần thiết cho đời sống mà một người xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị người bệnh, những vật dụng này kiếm được một cách **không khó khăn**. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy tư như sau: "*Ta sống gần người này. Khi ta sống gần người này, các niệ^m chưa được an trú được an trú, tâm chưa được định tĩnh được định tĩnh, các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ được hoàn toàn đoạn trừ, và vô thượng an ổn, khỏi ách phược chưa được thành đạt được thành đạt. Và những vật dụng cần*

thiết cho đời sống mà một vị xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh, những vật dụng này kiếm được một cách dễ dàng". Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy phải trọn đời theo sát người này, không được bỏ đi, dầu cho có bị xua đuổi.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Những Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời dạy Thế Tôn.

118 Không khen mình chê người - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567

KINH PHÚNG TỤNG
– Bài kinh số 33 – Trường II, 567
(Trích đoạn)

1. **Bốn Thánh chủng:**

- Này các Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo **tự bằng lòng với bất cứ loại y nào**, tán thán sự bằng lòng với bất cứ loại y nào, không cố gắng tìm cầu y một cách không xứng đáng, không có ảo não nếu không được y, nhưng khi được y, vị này, không nhiễm trước, không say mê, không có phạm tội. Vị này dùng y, thấy các nguy hiểm và biết rõ sự giải thoát. Vì tự bằng lòng với bất cứ loại y nào, vị ấy không khen mình chê người. Ở đây, vị này khéo léo, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm, này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo ấy được gọi là một vị đã trung thành với Thánh chủng, theo truyền thống quá khứ.

- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo **tự bằng lòng với bất cứ món ăn khát thực nào**, tán thán sự bằng lòng với bất cứ món ăn khát thực nào, không cố gắng tìm cầu món ăn khát thực một cách không xứng đáng, không có ảo não nếu không được món ăn khát thực. Nhưng khi được món ăn khát thực, vị này không nhiễm trước, không say mê, không có phạm tội. Vị này dùng các món ăn khát thực, thấy các nguy hiểm và biết rõ sự giải thoát. Vì tự bằng lòng với bất cứ món ăn khát thực nào, vị này không khen mình chê người. Ở đây, vị này khéo léo, tinh cần, chánh niệm. Nay các Hiền giả, vị Tỷ-kheo ấy được gọi là một vị đã trung thành với Thánh chúng, theo truyền thống quá khứ.
- Nay các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo **tự bằng lòng với bất cứ phòng xá nào**, tán thán sự bằng lòng với bất cứ phòng xá nào, không cố gắng tìm cầu phòng xá một cách không xứng đáng, không có ảo não nếu không được trú xứ. Nhưng khi được phòng xá, vị này không nhiễm trước, không say mê, không có phạm tội. Vị này dùng các phòng xá, thấy các nguy hiểm

và biết rõ sự giải thoát. Vì tự bằng lòng với bất cứ phòng xá nào, vị này không khen mình chê người. Ở đây, vị này khéo léo, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm. Đây các Hiền giả, vị Tỷ-kheo ấy được gọi là một vị đã trung thành với Thánh chúng, theo truyền thống quá khứ.

- Đây các Hiền giả, lại nữa, vị Tỷ-kheo **ưa thích đoạn trừ, hoan hỷ đoạn trừ, ưa thích tu tập, hoan hỷ tu tập**. Nhờ ưa thích đoạn trừ, hoan hỷ đoạn trừ, ưa thích tu tập, hoan hỷ tu tập nên không khen mình chê người. Ở đây, vị Tỷ-kheo này khéo léo, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm. Đây các Hiền giả, vị ấy được gọi là một vị đã trung thành với Thánh chúng, theo truyền thống quá khứ.

119 Không làm ác, Làm việc lành.. - Kinh THÀNH TRÌ – Tăng III, 426

THÀNH TRÌ – Tăng III, 426

1. - Nay các Tỷ-kheo, khi nào một thành trì biên địa của vua được khéo trang bị với bảy trang bị của một thành trì, và bốn loại đồ ăn có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức, thời này các Tỷ-kheo, thành trì biên địa ấy được gọi là không bị chinh phục bởi quân địch ở bên ngoài và kẻ đồng minh phản nghịch ở bên trong.

Thế nào là được khéo trang bị với bảy trang bị của một thành trì?

2. Ở đây, nay các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có một cột trụ đâm sâu vào đất, khéo đào sâu, không bị dao động, không bị lay chuyển. Với trang bị thành trì thứ nhất này là thành trì biên địa của vua được khéo trang bị, để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài.

3. Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có một đường thông hào sâu và rộng. Với trang bị thành trì thứ hai này là thành trì biên địa của

vua được khéo trang bị, để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có một đường chạy vòng xung quanh vừa cao và vừa rộng. Với trang bị thành trì thứ ba này của một thành trì, là thành trì biên địa của vua được khéo trang bị, để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài.

5. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có những vũ khí được cất chứa như Salàkam (cung tên) và Jevaniyam (cây lao) với trang bị thành trì thứ tư này là thành trì biên địa của vua được khéo trang bị, để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài.

6. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có những quân đội đồn trú, như những người cưỡi voi, những người cưỡi ngựa, những người cưỡi xe, những người cầm cung, những người cầm cò, các quan lo chỗ ở, các lính lo vấn đề lương thực, những người con vua đồng mãnh, những bộ đội xung kích, đội voi lớn, các dũng sĩ, các binh sĩ mặc áo giáp, những người con của các nô tỳ. Với trang bị thành trì thứ năm này là thành trì biên địa của vua được khéo trang bị, để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài.

7. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua, có người giữ cửa thành là người hiền trí, thông minh, có trí, ngăn chặn những người lạ mặt, cho vào những người quen biết. Với sự trang bị thành trì thứ sáu này là thành trì biên địa của vua được khéo trang bị, để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài.

8. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có bức thành vừa cao vừa rộng, ngoài mặt có trét vôi hồ. Với sự trang bị thành trì thứ bảy này là thành trì biên địa của vua được khéo trang bị, để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài.

Với bảy loại trang bị thành trì này, thành trì được xem là được khéo trang bị.

Thế nào là bốn loại đồ ăn có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức?

9. Ở đây, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có nhiều cỏ, củi, nước được tích trữ để những người ở trong thành được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú và để chống cự những người bên ngoài.

10. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có cất chứa nhiều lúa và lúa mì để những người ở trong thành được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú và để chống cự những người bên ngoài.

11. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có cất chứa nhiều mè, đậu, các loại giả đậu và ngũ cốc để những người ở trong thành... để chống cự những người bên ngoài.

12. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có cất chứa nhiều dược phẩm, như thực tô, sanh tô, dầu, mật, đường bánh, muối để những người ở trong thành... để chống cự những người bên ngoài.

Bốn loại đồ ăn này, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức.

Khi nào, này các Tỷ-kheo, một thành trì biên địa của vua, được khéo trang bị với bảy món trang bị này của một thành trì và bốn loại đồ ăn có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức, thời này các Tỷ-kheo, thành trì biên địa ấy được gọi là không bị chinh phục với quân địch ở bên ngoài và kẻ đồng minh phản nghịch ở bên trong.

❖ *Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi nào Thánh đệ tử thành tựu với bảy điều pháp và bốn Thiên thuộc*

tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức, thời này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử này được gọi là không bị Ma chinh phục, không bị ác chinh phục.

Vị ấy thành tựu bảy pháp gì?

13. Ví như, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có một cột trụ đâm sâu vào đất, khéo đóng, không bị dao động, không bị lay chuyển để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử **có lòng tin**, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn". **Với lòng tin làm cột trụ**, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử từ bỏ bất thiện, tu tập thiện, từ bỏ có tội, tu tập không có tội, gìn giữ tự thân thanh tịnh. Với diệu pháp thứ nhất này, vị ấy được thành tựu.

14. Ví như, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có một con đường thông hào, vừa sâu và rộng để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử có lòng xấu hổ. Vị ấy xấu hổ vì thân làm ác, vì miệng nói ác, vì ý nghĩ ác. Vị ấy xấu hổ vì thân làm ác, vì miệng nói ác, vì ý nghĩ ác. Vị ấy xấu hổ vì bị rơi vào các ác, bất thiện pháp. **Lấy xấu hổ làm con đường thông hào**, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử từ bỏ bất thiện, tu tập thiện, từ bỏ có tội, tu tập không tội, gìn giữ tự thân thanh tịnh. Với diệu pháp thứ hai này, vị ấy được thành tựu.

15. Ví như, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có một con đường vòng chung quanh, vừa cao vừa rộng để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử có lòng sợ hãi, sợ hãi vì thân làm ác, vì miệng nói ác, vì ý nghĩ ác. Vị ấy sợ hãi vì bị rơi vào các ác, bất thiện pháp. **Lấy sợ hãi làm con đường đi vòng xung quanh**, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử từ bỏ bất thiện, tu tập thiện, từ bỏ có tội, tu tập không tội, gìn giữ tự thân thanh tịnh. Với diệu pháp thứ ba này, vị ấy được thành tựu.

16. Ví như, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có nhiều vũ khí được cất chứa, như cung tên và cây lao để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử là người nghe nhiều, thọ trì điều đã được nghe, cất chứa điều đã được nghe. Những pháp nào, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, nói lên Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Các pháp như vậy được nghe nhiều, được thọ trì, được đọc cho thành thực, được ý khéo tùy quán, được khéo thể nhập với tri kiến. **Lấy nghe nhiều làm vũ khí**, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử từ bỏ bất thiện, tu tập thiện, từ bỏ có tội, tu tập không tội, gìn giữ tự thân thanh tịnh. Với diệu pháp thứ tư này, vị ấy được thành tựu.

17. Ví như, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có nhiều quân đội đồn trú, như những người cưỡi voi, những người cưỡi ngựa, những người cưỡi xe, những người cầm cung, những người cầm cò, những quan lo chỗ ở, các lính lo vấn đề lương thực, những người con vua đồng mãnh, những bộ đội xung kích, đội voi lớn, các dũng sĩ, các binh sĩ mặc áo giáp, những con của nô tỳ, để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử sống tinh cần tinh tấn để đoạn tận các pháp bất thiện, để đầy đủ các pháp thiện, nỗ lực, kiên trì, không từ bỏ gánh nặng trong các thiện pháp. **Lấy tinh tấn làm quân đội**, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử sống có chánh

niệm thành tựu tối thắng niệm tuệ, nhớ đến và tùy niệm việc làm đã lâu ngày. Với niệm làm người giữ cửa thành, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử từ bỏ bất thiện, tu tập thiện pháp, từ bỏ có tội, tu tập không tội, gìn giữ tự thân thanh tịnh. Với diệu pháp thứ sáu này, vị ấy được thành tựu.

18. Ví như, này các Tỷ kheo, trong thành trì biên địa của vua có người giữ cửa thành là người hiền trí thông minh, có trí, ngăn chặn những người lạ mặt, cho vào những người quen biết để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người ở bên ngoài.

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, Thánh đệ tử sống có chánh niệm, thành tựu tối thắng niệm tuệ, nhớ đến và tùy niệm việc làm đã lâu ngày, lời nói đã lâu ngày. **Với niệm làm người giữ cửa thành**, này các Tỷ kheo, Thánh đệ tử từ bỏ bất thiện, tu tập thiện pháp, từ bỏ có tội, tu tập không tội, gìn giữ tự thân thanh tịnh. Với diệu pháp thứ sáu này, vị ấy được thành tựu.

19. Ví như, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có bức thành vừa cao vừa rộng, ngoài mặt trét vôi hồ để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử **có trí tuệ**, thành tựu trí tuệ về sanh diệt, với sự Thánh thể nhập vào con đường đưa đến đoạn tận khổ đau. **Với trí tuệ làm lớp vỏ hồ trét bên ngoài**, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử từ bỏ bất thiện, tu tập thiện, từ bỏ có tội, tu tập không tội, gìn giữ tự thân thanh tịnh. Với diệu pháp thứ bảy này, vị ấy được thành tựu.

Với bảy diệu pháp này, vị ấy thành tựu.

Thế nào là bốn Thiên thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức?

20. Ví như, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có nhiều cỏ, củi, nước được tích trữ để những người ở trong thành được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú và để chống những người bên ngoài.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử ly dục, ly pháp bất thiện, chứng đạt và an trú **sơ Thiên**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm có tứ **để tự mình được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú và để bước vào Niết-bàn**.

21. Ví như, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có cất chứa nhiều lúa và lúa mì để những

người ở trong thành được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú để chống cự những người bên ngoài.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử, do tinh chỉ tâm và tứ, chứng đạt và an trú **Thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm, để tự mình được an vui, không phải lo ngại, được lạc trú và để bước vào Niết-bàn.

22. Ví như, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có cất chứa nhiều mè, đậu, các loại giả đậu và ngũ cốc để những người trong thành được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú và để chống cự những người bên ngoài.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử, do ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú **Thiền thứ ba** để tự mình được an vui, khỏi phải lo ngại, được lạc trú và để bước vào Niết-bàn.

23. Ví như, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có nhiều được phẩm được cất chứa ví như thực tô, dầu, mật, đường bánh, muối để những người trong thành được an vui, người bên ngoài.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử, do đoạn lạc, do đoạn khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ từ

trước, chúng đạt và an trú **Thiền thứ tư**, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, để tự mình được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú và để bước vào Niết-bàn.

Bốn Thiền này thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức.

Này các Tỷ-kheo, khi nào Thánh đệ tử thành tựu bảy diệu pháp này và bốn Thiền này, thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức, này các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đệ tử không bị ma chinh phục, không bị ác chinh phục.

120 Không muốn cũng được - Kinh TỶ KHEO KÀLAKA – Tăng IV, 459

TỶ KHEO KÀLAKA – Tăng IV, 459

(pháp đưa đến không hoà thuận – hoà thuận)

1. Tại đây, nhân việc của Tỷ-kheo Kàlaka, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo.

- Vâng bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau:

2. - Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ưa thích kiện tụng, không tán thán làm lắng dịu các cuộc kiện tụng.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ưa thích kiện tụng, không tán thán làm lắng dịu các cuộc kiện tụng, pháp này không đưa đến thân ái, không đưa đến kính trọng, không đưa đến bắt chước (được làm quen), không đưa đến hòa đồng, không đưa đến nhất trí.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo không ưa học tập, không tán thán chấp nhận các học pháp. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không ưa học tập, không tán thán chấp nhận

các học pháp, pháp này không đưa đến thân ái... không đưa đến nhất trí.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ác dục, không tán thán nhiếp phục ác dục. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ác dục, không tán thán nhiếp phục ác dục, pháp này không đưa đến thân ái... không đưa đến nhất trí.

5. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phần nô, không tán thán nhiếp phục phần nô. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phần nô, không tán thán nhiếp phục phần nô, pháp này không đưa đến thân ái... không đưa đến nhất trí.

6. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo gièm pha, không tán thán nhiếp phục gièm pha. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo gièm pha, không tán thán nhiếp phục gièm pha, pháp này không đưa đến thân ái... không đưa đến nhất trí.

7. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo lừa đảo, không tán thán nhiếp phục lừa đảo. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo lừa đảo, không tán thán nhiếp phục lừa đảo, pháp này không đưa đến thân ái... không đưa đến nhất trí.

8. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo man trá, không tán thán nhiếp phục man trá. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-

kheo man trá, không tán thán nhiếp phục man trá, pháp này không đưa đến thân ái... không đưa đến nhất trí.

9. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tánh không vâng theo Chánh pháp, tánh không tán thán vâng theo Chánh pháp. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tánh không vâng theo Chánh pháp, tánh không tán thán vâng theo Chánh pháp, pháp này không đưa đến thân ái... không đưa đến nhất trí.

10. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không thiên tịnh, không tán thán thiên tịnh. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không thiên tịnh, không tán thán thiên tịnh, pháp này không đưa đến thân ái... không đưa đến nhất trí.

11. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có tiếp đón tốt đẹp các vị đồng Phạm hạnh, không tán thán việc đón tiếp tốt đẹp. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có tiếp đón tốt đẹp các vị đồng Phạm hạnh, không tán thán việc tiếp đón tốt đẹp, pháp này không đưa đến thân ái... không đưa đến nhất trí.

12. Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo như vậy, nếu có ước muốn nào khởi lên: "*Ôi mong rằng các vị đồng phạm hạnh cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường tôi*", nhưng các vị đồng Phạm hạnh không có

cung kính, không có tôn trọng, không có đánh lễ cúng dường vị ấy. Vì sao? Nay các Tỷ-kheo, vì rằng các vị đồng Phạm hạnh có trí quán thấy các pháp ác bất thiện không được đoạn tận trong vị ấy.

13. Ví như, nay các Tỷ-kheo, có loại ngựa không thuần thục, dầu cho có khởi lên ý muốn như sau: *"Mong rằng loài Người sẽ đặt ta trong vị trí của con ngựa đã được thuần thục, cho ta ăn với các đồ ăn dành cho con ngựa thuần thục, điều phục ta với sự điều phục dành cho con ngựa thuần thục"*. Nhưng loài Người không đặt nó trong vị trí của con ngựa thuần thục, không cho nó ăn với các đồ ăn dành cho con ngựa thuần thục, không điều phục nó với sự điều phục dành cho con ngựa thuần thục. Vì sao? Vì những người có trí thấy rõ được những tánh ha liệt, sự lừa đảo, giả dối, xảo trá, xảo quyệt.

Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo như vậy, nếu có ước muốn nào khởi lên: "Ôi mong rằng các vị đồng Phạm hạnh cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường ta", nhưng các vị đồng Phạm hạnh không có cung kính, không có tôn trọng, không có đánh lễ, không có cúng dường vị ấy. Vì sao? Nay các Tỷ-kheo, vì rằng các vị đồng Phạm hạnh có trí quán thấy các pháp ác bất thiện không được đoạn tận trong vị ấy.

14. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không ưa thích kiện tụng, tán thán làm lắng dịu các cuộc kiện tụng. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không ưa thích kiện tụng, tán thán làm lắng dịu các cuộc kiện tụng. Pháp này đưa đến thân ái, đưa đến kính trọng, đưa đến muốn làm quen, đưa đến hòa đồng, đưa đến nhất trí.

15. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ưa thích học tập, tán thán chấp nhận học pháp. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ưa thích học tập, tán thán chấp nhận học pháp. Pháp này đưa đến thân ái... đưa đến nhất trí.

16. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ít dục, tán thán nhiếp phục các dục. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ít dục, tán thán nhiếp phục các dục. Pháp này đưa đến nhất trí.

17. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phần nộ, tán thán nhiếp phục phần nộ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phần nộ, tán thán nhiếp phục phần nộ. Pháp này đưa đến thân ái... đưa đến nhất trí.

18. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không gièm pha, tán thán nhiếp phục gièm pha. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không gièm pha, tán thán nhiếp phục gièm pha. Pháp này đưa đến thân ái... đưa đến nhất trí.

19. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không lừa đảo, tán thán nhiếp phục lừa đảo. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không lừa đảo, tán thán nhiếp phục lừa đảo. Pháp này đưa đến thân ái... đưa đến nhất trí.

20. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không man trá, tán thán nhiếp phục man trá. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không man trá, tán thán nhiếp phục man trá. Pháp này đưa đến thân ái... đưa đến nhất trí.

21. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vâng theo Chánh pháp, tán thán vâng theo Chánh pháp. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vâng theo Chánh pháp, tán thán vâng theo Chánh pháp. Pháp này đưa đến thân ái... đưa đến nhất trí.

22. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thiền tịnh, tán thán thiền tịnh. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thiền tịnh, tán thán thiền tịnh. Pháp này đưa đến thân ái... đưa đến nhất trí.

23. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tiếp đón tốt đẹp các vị đồng phạm hạnh, tán thán việc tiếp đón tốt đẹp các vị đồng Phạm hạnh. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tiếp đón tốt đẹp các vị đồng Phạm hạnh, tán thán việc tiếp đón tốt đẹp các vị đồng Phạm hạnh. Pháp này đưa đến thân ái... đưa đến nhất trí.

24. Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy, nếu không có ước muốn nào khởi lên: "Ôi mong rằng các vị đồng Phạm hạnh cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường ta", nhưng các vị đồng Phạm hạnh cũng vẫn cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường vị ấy. Vì sao? Nay các Tỷ-kheo, vì rằng các vị đồng Phạm hạnh có trí quán thấy các pháp ác bất thiện đã được đoạn tận nơi vị ấy.

25. Ví như, nay các Tỷ-kheo, một con ngựa thuần thực, dầu cho **không** khởi lên ý muốn như sau: "*Mong rằng loài Người sẽ đặt ta trong vị trí của con ngựa đã thuần thực, cho ta ăn với các đồ ăn dành cho con ngựa thuần thực, điều phục ta với điều phục dành cho ngựa thuần thực*". Nhưng loài Người vẫn đặt nó trong vị trí của con ngựa thuần thực, cho nó ăn với các đồ ăn dành cho con ngựa thuần thực, điều phục nó với sự điều phục dành cho con ngựa thuần thực. Vì sao? Vì những người có trí thấy rõ được những tánh hạ liệt, gian dối, giả dối, xảo trá, xảo quyệt của nó **đã** được đoạn tận.

Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo với Tỷ-kheo như vậy, nếu không có khởi lên ước muốn: "Ôi mong rằng các vị đồng Phạm hạnh cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường ta", nhưng các vị đồng Phạm hạnh vẫn cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường vị ấy. **Vì**

sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, các vị đồng Phạm
hanh có trí thấy rằng các pháp ác bất thiện ấy đã được
đoạn tận nơi vị ấy.

121 Không muốn người ta biết - Kinh TÔN GIẢ ANURUNDHA – Tăng III, 594

TÔN GIẢ ANURUNDHA –Tăng III, 594

1. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Bhagga, tại núi Sumsumàra, rừng Bhesakala, vườn Lộc Uyên.

Lúc bảy giờ, Tôn giả Anuruddha sống giữa dân chúng Celì, tại Pàcìnavamsadàya.

Rồi Tôn giả Anuruddha, trong khi sống độc cư ... Thiền tịnh, tâm tư khởi lên như sau:

- "Pháp này để cho *người ít dục*, pháp này không phải để cho người nhiều dục;
- Pháp này để cho *người biết đủ*, pháp này không phải để cho người không biết đủ;
- Pháp này để cho *người sống thanh vắng*, pháp này không phải để cho người ưa hội chúng;
- Pháp này để cho *người tinh cần tinh tấn*, pháp này không phải để cho người biếng nhác;
- Pháp này để cho *người trú niệm*, pháp này không phải để cho người thất niệm;

- *Pháp này để cho người Thiên định, pháp này không phải để cho người không Thiên định;*
- *Pháp này để cho người có trí tuệ, pháp này không phải để cho người ác tuệ".*

2. Rồi Thế Tôn với tâm của mình rõ biết tâm của Tôn giả Anuruddha, ví như người lực sĩ duỗi bàn tay đang co lại, hay co lại bàn tay đang duỗi ra, cũng vậy, Thế Tôn biến mất ở giữa dân chúng Bhagga, tại núi Sumsumàra, rừng Bhesakalà, vườn Lộc Uyển, và hiện ra giữa dân chúng Celì, tại Pàcìnavamsadàya, trước mặt Tôn giả Anuruddha. Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Anuruddha đang ngồi một bên:

3. - Lành thay, lành thay, này Anuruddha! Lành thay, này Anuruddha, Thầy đã suy nghĩ đến bảy niệm của bậc Đại nhân: " Pháp này để cho người ít dục, pháp này không phải để cho người nhiều dục; Pháp này để cho người biết đủ, pháp này không phải để cho người không biết đủ; Pháp này để cho người sống thanh vắng, pháp này không phải để cho người ưa hội chúng; Pháp này để cho người tinh cần tinh tấn, pháp này không phải để cho người biếng nhác; Pháp này để cho người trú niệm, pháp này không phải để cho người nhất niệm; Pháp này để cho người Thiên định, pháp này không phải để cho người không Thiên

định; Pháp này để cho người có trí tuệ, pháp này không phải để cho người ác tuệ".

Do vậy, này Anuruddha, hãy suy nghĩ đến niệm thứ tám này của bậc Đại nhân: "Pháp này để cho người không ưa hỷ luận, không thích hỷ luận, Pháp này không phải để cho người ưa lý luận, thích hỷ luận ".

4. Khi nào, này Anuruddha, Thầy sẽ suy nghĩ đến tám tư niệm này của bậc Đại nhân, thời nếu Thầy muốn, Thầy sẽ chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ.

5. Khi nào, này Anuruddha, Thầy sẽ suy nghĩ đến tám tư niệm này của bậc Đại nhân, thời nếu Thầy muốn, diệt tầm diệt tứ, Thầy sẽ chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

6. Khi nào, này Anuruddha, khi nào Thầy sẽ suy nghĩ đến tám tư niệm này của bậc Đại nhân, thời nếu Thầy muốn, Thầy sẽ ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là "xả niệm lạc trú", chứng và an trú Thiền thứ ba.

7. Khi nào, này Anuruddha, Thầy sẽ suy nghĩ đến tám tư niệm này của bậc Đại nhân, thời nếu Thầy muốn, Thầy sẽ xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ

trước, chúng và an trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

8. Khi nào, này Anuruddha, Thầy sẽ suy nghĩ đến tám tư niệm này của bậc Đại nhân, khi nào bốn Thiền này thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, chúng được không khó khăn, chúng được không mệt nhọc, chúng được không phí sức, thời này Anuruddha, *tám y lược từ đồng rác lên của Thầy sẽ giống như tủ áo đầy những vải có nhiều màu sắc* của người gia chủ hay con người gia chủ, để được sống biết đủ, ưa thích, không có lo âu, được lạc trú, được bước vào Niết-bàn.

9. Khi nào, này Anuruddha, Thầy sẽ suy nghĩ đến tám tư niệm này của bậc Đại nhân, thời nếu Thầy muốn, khi nào bốn Thiền này thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, chúng được không khó khăn, chúng được không mệt nhọc, chúng được không phí sức, thời này Anuruddha, *các món ăn từng miếng Thầy khát thực được sẽ giống như món cơm bằng gạo trắng*, các hạt đen đã được lược sạch, với nhiều loại súp, với nhiều loại đồ ăn của người gia chủ, hay của con người gia chủ, để được sống biết đủ, ưa thích, không có lo âu, được lạc trú, được bước vào Niết-bàn.

10. Khi nào, này Anuruddha, Thầy sẽ suy nghĩ đến tám tư niệm này của bậc Đại nhân, thời nếu Thầy muốn, khi nào bốn Thiên này thuộc tầng thượng tâm, hiện tại lạc trú, chúng được không khó khăn, chúng được không mệt nhọc, chúng được không phí sức, thời này Anuruddha, *chỗ nằm dưới gốc cây thầy sẽ giống như nhà có nóc nhọn*, có trét hồ trong ngoài, cửa được cài then, cửa sổ được đóng lại ngăn chặn gió của người gia chủ, hay của con người gia chủ, để được sống biết đủ, ưa thích, không có lo âu, được lạc trú, được bước vào Niết-bàn.

11. Khi nào, này Anuruddha, Thầy sẽ suy nghĩ đến tám tư niệm này của bậc Đại nhân, khi nào bốn Thiên này thuộc tầng thượng tâm, hiện tại lạc trú, chúng được không khó khăn, chúng được không mệt nhọc, chúng được không phí sức, thời này Anuruddha, *giường nằm và chỗ ngồi trải với đệm cỏ của Thầy sẽ giống như ghế dài, nệm trải giường nằm bằng len*, chăn len trắng, chăn len thêu bông, nệm bằng da con sơn dương gọi là kadali, tắm thơm với đầu che phía trên, ghế dài có đầu gối chân màu đỏ của các người gia chủ, hay của con người gia chủ, để được sống biết đủ, ưa thích, không có lo âu, được lạc trú, được bước vào Niết-bàn.

12. Khi nào, này Anuruddha, Thầy sẽ suy nghĩ đến tám tư niệm này của bậc Đại nhân, khi nào bốn Thiền này thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, chúng được không khó khăn, chúng được không mệt nhọc, chúng được không phí sức, thời này Anuruddha, *được phẩm nước tiểu hôi của Thầy sẽ giống như các loại được phẩm của các người gia chủ*, hay của con người gia chủ, như thực tô, sanh tô, dầu, mật, đường bánh, để được sống biết đủ, ưa thích, không có lo âu, được lạc trú, được bước vào Niết-bàn.

13. Vậy này Anuruddha, nhân kỳ an cư mùa mưa sắp đến, hãy trú giữa dân chúng Cetì ở Pàcìnavamsadàya.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Anuruddha vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn sau khi khuyến giáo Tôn giả Anuruddha với lời khuyến giáo này, như người lực sĩ đuổi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, Ngài biến mất giữa dân chúng Cetì ở Pàcìnavamsadàya và hiện ra giữa dân chúng Bhagga, trên núi Sumsumàra trong rừng Bhesakalà, vườn Lộc Uyển. Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn, sau khi ngồi xuống, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

14. - Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết **tám tư niệm của bậc Đại nhân** cho các Thầy. Hãy lắng nghe và khéo tư niệm, Ta sẽ giảng:

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế tôn nói như sau:

- Nay các Tỷ-kheo, thế nào là tám tư niệm của bậc Đại nhân?

15. Nay các Tỷ-kheo,

1. *Pháp này để cho người ít dục, Pháp này không phải để cho người nhiều dục;*
2. *Pháp này để cho người biết đủ, pháp này không phải để cho người không biết đủ;*
3. *Pháp này để cho người sống thanh vắng, pháp này không phải để cho người ưa hội chúng;*
4. *Pháp này để cho người tinh cần tinh tấn, pháp này không phải để cho người biếng nhác;*
5. *Pháp này để cho người trú niệm, pháp này không phải để cho người nhất niệm;*
6. *Pháp này để cho người Thiền định, pháp này không phải để cho người không Thiền định;*
7. *Pháp này để cho người có trí tuệ, Pháp này không phải để cho người ác tuệ;*

8. Pháp này để cho **người không ưa hý luận, không thích hý luận**, không phải để cho người ưa hý luận, thích hý luận .

16. Nay các Tỷ-kheo, Pháp này để cho người **ít dục**, Pháp này không để cho người có dục lớn", như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói như vậy?

17. Nay các Tỷ-kheo, ở đây:

- Tỷ-kheo **ít dục** không muốn: "Mong người ta biết tôi là ít dục";
- Tỷ kheo **biết đủ**, không muốn: "Mong người ta biết tôi là biết đủ";
- Tỷ kheo **sống viễn ly**, không muốn: " Mong người ta biết tôi sống viễn ly";
- Tỷ kheo **tinh cần** tinh tấn, không muốn: " Mong người ta biết tôi sống tinh cần tinh tấn";
- Tỷ kheo **trú niệm**, không muốn: " Mong người ta biết tôi trú niệm"
- Tỷ kheo có **định**, không muốn: " Mong người ta biết tôi có định";
- Tỷ kheo có **tuệ**, không muốn: " Mong người ta biết tôi có tuệ ";
- Tỷ kheo **không thích hý luận**, không muốn: " Mong người ta biết tôi không thích hý luận".

Này các Tỷ-kheo, Pháp này để cho người ít dục, Pháp này không để cho người có dục lớn", đã được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.

18. *Này các Tỷ-kheo, Pháp này để cho người **biết đủ**, Pháp này không để cho người không biết đủ ", như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói như vậy?*

19. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết đủ với bất cứ vật dụng gì như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm tri bệnh.

Này các Tỷ-kheo, Pháp này để cho người biết đủ, Pháp này không để cho người không biết đủ, đã được nói đến như vậy. Do duyên này được nói như vậy.

20. *Này các Tỷ-kheo, Pháp này để cho người sống **viễn ly**, Pháp này không để cho người ưa hội chúng", như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói như vậy?*

21. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống viễn ly, có nhiều người đến thăm như Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, vua chúa, đại thần, các ngoại đạo sư, đệ tử của các ngoại đạo sư. Ở đây, Tỷ-kheo với tâm thuần về viễn ly, hướng về viễn ly, nhập vào viễn

ly, trú vào viễn ly, thích thú xuất ly, nói lời hoàn toàn liên hệ đến lánh xa.

Này các Tỷ-kheo, Pháp này để cho người viễn ly, Pháp này không để cho người không ưa hội chúng", đã được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.

22. *Này các Tỷ-kheo, Pháp này để cho người tinh cần **tinh tấn**, Pháp này không để cho người biếng nhác", như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói như vậy?*

23. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống tinh cần tinh tấn, đoan tâm các pháp bất thiên, thành tựu các Pháp thiên, nỗ lực kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đối với các thiên pháp.

Này các Tỷ-kheo, Pháp này để cho người tinh cần tinh tấn, Pháp này không để cho người biếng nhác", đã được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.

24. *Này các Tỷ-kheo, Pháp này để cho người **trú niệm**, Pháp này không để cho người thất niệm", như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói như vậy?*

25. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ niệm, thành tựu niệm tuệ tối thắng, ức nhớ tùy niệm những điều đã làm, nói đã lâu.

Này các Tỷ-kheo, Pháp này để cho người trú niệm, Pháp này không để cho người thất niệm", đã được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.

26. Này các Tỷ-kheo, Pháp này để cho người **thiền định**, Pháp này không để cho người không thiền định", như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói như vậy?

27. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp ... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Này các Tỷ-kheo, Pháp này để cho người thiền định, Pháp này không để cho người không thiền định", đã được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.

28. Này các Tỷ-kheo, Pháp này để cho người có **trí tuệ**, Pháp này không để cho người không trí tuệ", như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói như vậy?

29. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có trí tuệ, có trí tuệ về sanh diệt, thành tựu Thánh thể nhập (quyết

trach), đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau. Nay các Tỷ-kheo, Pháp này để cho người có trí tuệ, Pháp này không để cho người không trí tuệ", đã được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy

30. Nay các Tỷ-kheo, Pháp này để cho người **không ưa hý luận**, không thích hý luận, Pháp này không để cho người ưa hý luận, thích hý luận", như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

31. Nay các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo đối với đoạn diệt hý luận, tâm được phần chấn, tinh tấn, an trú, hướng đến.

Nay các Tỷ-kheo, Pháp này để cho người không ưa hý luận, không thích hý luận, Pháp này không để cho người ưa hý luận, thích hý luận", đã được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.

32. Rồi Tôn giả Anuruddha, mùa mưa an cư đến, đến trú ở giữa dân chúng Cetì, tại Pacìnavamsadàya. Rồi Tôn giả Anuruddha sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu, do mục đích gì, các Thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, tức là vô thượng cứu cánh Phạm hạnh ngay trong hiện tại, vị ấy tự mình nói thắng trí, chứng ngộ, chứng nhập và an trú. Vị ấy chứng rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành,

những gì nên làm đã làm, không có trở lui lại trạng thái này nữa" và Tôn giả Anuruddha trở thành một vị A-la-hán nữa ngay trong thời gian ấy, nói lên những bài kệ này:

*Thế gian vô thượng sư
Rõ biết tư tưởng ta
Với thân do ý tạo
Thần thông đến với ta
Tùy theo ta nghĩ gì
Ngài thuyết rõ tất cả
Phật không ưa hý luận
Ngài thuyết, không hý luận
Ngộ pháp, ta hoan hỷ
Trú trong giáo pháp ngài
Ba minh đã đạt được
Giáo pháp Phật làm xong.*

122 Không nghĩ mình là bất cứ vật gì.. - Kinh CHÂN NHÂN – 113 Trung III, 175

KINH CHÂN NHÂN (Sappurisa sutam)

– Bài kinh số 113 – Trung III, 175

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, Jetavana, tại tịnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo"

– "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– "Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về Chân nhân pháp và phi Chân nhân pháp. Các Ông hãy nghe và suy nghiệm kỹ Ta sẽ giảng"

– "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

– *Này các Tỷ-kheo, thế nào là phi Chân nhân pháp?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân **xuất gia từ một gia đình cao sang**. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta xuất gia từ một gia đình cao sang. Còn các Tỷ-kheo, này không xuất gia từ một gia đình cao sang"*. Vì người ấy thuộc gia đình cao sang nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và này các Tỷ-kheo, người Chân nhân suy nghĩ như sau: *"Không phải vì thuộc một gia đình cao sang mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người xuất gia, không phải từ một gia đình cao sang, và người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán"*. Người ấy sau khi **lấy đạo lộ (patipadam) làm chánh yếu (antaram?) không khen mình chê người** vì tự mình thuộc vào gia đình cao sang. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, một người phi Chân nhân **xuất gia từ một gia đình.... (như trên).... xuất gia từ một gia đình đại phú.. (như trên)... xuất gia từ một gia đình quý phái**. Người ấy suy nghĩ như

sau: *"Ta xuất gia từ một gia đình quý phái, còn các Tỷ-kheo này không xuất gia từ một gia đình quý phái"*. Vì người ấy thuộc gia đình quý phái, nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và này các Tỷ-kheo, người Chân nhân suy nghĩ như sau: *"Không phải vì thuộc về một gia đình quý phái mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người xuất gia không phải từ một gia đình quý phái và người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán"*. *Người ấy được sau khi lấy đạo lộ làm chính yếu không khen mình chê người* vì tự mình thuộc vào gia đình quý phái. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân **được nhiều người biết**, có danh xưng. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta được nhiều người biết, có danh xưng, còn các Tỷ-kheo này được ít người biết đến, không được trọng vọng"*. Vì người ấy tự mình được nhiều người biết đến nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và này các Tỷ-kheo, người Chân Nhân suy nghĩ như sau: *"Không phải vì mình được nhiều người biết đến mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay sân pháp đi*

đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người xuất gia không được nhiều người biết, không có danh xưng, và người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán". Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chính yếu, không khen mình chê người vì tự mình được nhiều người biết và danh xưng. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân **được các vật (cúng dường)** như y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh. Người ấy suy nghĩ như sau: "*Ta nhận được các vật (cúng dường) như y phục, các đồ ăn khát thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh, còn các Tỷ-kheo này không nhận được y phục, các đồ ăn khát thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh*". Vì người ấy thâm nhận được như vậy nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo là phi Chân nhân pháp. Và này các Tỷ-kheo, người Chân nhân suy nghĩ như sau: "*Không phải vì tự mình nhận được các vật (cúng dường như) y phục, các đồ ăn khát thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người xuất gia không nhận được các vật (cúng dường như) y phục, các đồ ăn khát thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh và người*

ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp hành, trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán".

Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người tự mình được thâm nhận như vậy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo có người phi Chân nhân là **người nghe nhiều**. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta là người nghe nhiều, còn các Tỷ-kheo này không nghe nhiều"*. Người ấy do được nghe nhiều nên khen mình chê người. Như vậy này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và này các Tỷ-kheo, Người Chân nhân suy nghĩ như sau: *"Không phải vì nghe nhiều mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu có người không nghe nhiều và người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán"*. Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người, vì tự mình được nghe nhiều. Như vậy này các Tỷ-kheo là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân là **bậc trì luật**. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta là bậc trì luật, còn các Tỷ-kheo này không là bậc trì*

luật". Do tự mình trì luật, người ấy khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo là phi Chân nhân pháp. Và này các Tỷ-kheo, người Chân nhân suy nghĩ như sau: *"Không phải vì tự mình là bậc trì luật mà các tham pháp đi đến đoạn trừ hay các sân pháp đi đến đoạn trừ hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu có người không phải là bậc trì luật, những người này hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán"*. Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình là bậc trì luật. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân là **người thuyết pháp**. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta là người thuyết pháp, còn các Tỷ-kheo này không phải là người thuyết pháp"*. Vì tự mình là người thuyết pháp, nên người ấy khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: *"Không phải do tự mình là bậc thuyết pháp mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không phải là người thuyết pháp, nhưng hành trì đúng pháp, và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây người ấy được"*

kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán". Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình là bậc thuyết pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân là **người theo hạnh sống ở rừng núi**. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta là người theo hạnh sống ở rừng núi, còn các Tỷ-kheo này không theo hạnh sống ở rừng núi"*. Người ấy vì tự mình theo hạnh sống ở rừng núi nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: *"Không phải vì tự mình theo hạnh sống ở rừng núi mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không theo hạnh sống ở rừng núi nhưng hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán"*. Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu không khen mình chê người vì tự mình theo hạnh sống ở rừng núi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân theo **hạnh mặc phẩn tảo y**. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta là người theo hạnh mặc phẩn tảo y. Còn*

các Tỷ-kheo này không là người theo hạnh mặc phẩn tảo y". Người này do tự mình theo hạnh mặc phẩn tảo y nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: *"Không phải vì tự mình theo hạnh mặc phẩn tảo y mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không theo hạnh mặc phẩn tảo y nhưng người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy tán thán"*. Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình mặc phẩn tảo y. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân là **người theo hạnh khát thực**. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta theo hạnh khát thực, còn các Tỷ-kheo này không theo hạnh khát thực"*. Người ấy, do tự mình theo hạnh khát thực nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân này các Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: *"Không phải vì tự mình theo hạnh khát thực mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không theo hạnh khát thực nhưng người*

ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán".

Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người, vì tự mình theo hạnh khát thực. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, một người phi Chân nhân theo **hạnh sống dưới gốc cây**. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta là người theo hạnh sống dưới gốc cây, còn các Tỷ-kheo này không theo hạnh sống dưới gốc cây"*. Người ấy do tự mình theo hạnh sống dưới gốc cây nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: *"Không phải vì tự mình theo hạnh sống dưới gốc cây mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không theo hạnh sống dưới gốc cây, nhưng người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh và hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán"*. Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình theo hạnh sống dưới gốc cây. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân **theo hạnh sống tại nghĩa địa.. (như trên)... theo hạnh sống ngoài trời.. (như trên)... theo hạnh thường ngồi (không nằm)... (như trên)... Theo hạnh ngồi tại chỗ mời... (như trên)... theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi.** Người ấy suy nghĩ như sau: "*Ta theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi, còn các Tỷ-kheo này không theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi*". Do tự mình theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: "*Không phải vì mình theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không theo hạnh chỉ ăn một lần nhưng hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán*". Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình sống chỉ ăn một lần ngồi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân ly dục, ly bất thiện pháp, **chứng và trú sơ Thiền**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Người ấy suy nghĩ như sau: "*Ta là người*

chúng được sơ Thiên, các người Tỷ-kheo này không chúng được sơ Thiên". Người ấy do tự mình chúng được sơ Thiên nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: *"Định sơ Thiên, tự tánh là vô tham ái, Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này, thế khác, thời tự tánh liền đổi khác"*. Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chánh yếu, không khen mình chê người vì chúng được định sơ Thiên. Như vậy, này các Tỷ-kheo là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân pháp diệt tâm và tứ, chúng và trú Thiên thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm không tứ, nội tĩnh nhứt tâm.. Thiên thứ ba.. chúng và trú thiên thứ tư. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta chúng đắc định Thiên thứ tư. Còn các Tỷ-kheo này không chúng đắc định Thiên thứ tư"*. Người ấy vì chúng đắc định Thiên thứ tư ấy nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: *"Định Thiên thứ tư, tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này, thế khác, thời tự tánh liền đổi khác"*. Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chánh yếu, không khen mình chê người vì chúng đắc định Thiên thứ tư. Như vậy, này các Tỷ-

kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân vượt lên mọi sắc tướng, diệt trừ mọi chương ngại tướng, không tác ý đối với dị tướng, người ấy nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta chứng được định Không vô biên xứ, còn các Tỷ-kheo này không chứng được định Không vô biên xứ". Người ấy, vì chứng được định Không vô biên xứ ấy, nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: *"Định Không vô biên xứ này, tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ như thế này, thế khác, thời tự tánh liền đổi khác"*. Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chính yếu, không khen mình chê người vì chứng được định Không vô biên xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân, vượt lên Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên" chứng và trú Thức vô biên xứ. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta chứng được định Thức Vô biên xứ, còn các Tỷ-kheo này không chứng được định Thức vô biên xứ". Người ấy vì chứng được định Thức vô biên xứ ấy nên khen mình chê người. Như

vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: *"Định Thức vô biên xứ tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này, thế khác, thời tự tánh liền đổi khác"*. Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chính yếu, không khen mình chê người vì chúng được định Thức vô biên xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân vượt lên một cách hoàn toàn Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có sở hữu" chúng và trú Vô sở hữu xứ. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta chúng được định Vô sở hữu xứ còn, các Tỷ-kheo này không chúng được định Vô sở hữu xứ". Người ấy, vì chúng được định Vô sở hữu xứ ấy, nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: *"Định Vô sở hữu xứ tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này, thế khác, thời tự tánh liền đổi khác"*. Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chánh yếu, không khen mình chê người vì chúng được định Vô sở hữu xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân vượt lên Vô sở hữu xứ, chúng và trú Phi tưởng

phi phi tướng xứ. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta chúng được định Phi tướng phi phi tướng xứ, còn các Tỷ-kheo này không chúng được định Phi tướng phi phi tướng xứ". Người ấy vì chúng được định Phi tướng phi phi tướng xứ ấy nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: *"Định Phi tướng phi phi tướng xứ tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này thế khác thời tự tánh liền đối khác"*. Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chánh yếu, không khen mình chê người vì định Phi tướng phi phi tướng xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người Chân nhân sau khi vượt lên Phi tướng phi phi tướng xứ, chúng và trú Diệt thọ tướng định sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc của vị này được đoạn trừ. Này các Tỷ-kheo, **Tỷ-kheo này không nghĩ mình là bất cứ vật gì, không nghĩ đến bất cứ chỗ nào, không nghĩ đến bất cứ vì sự việc gì.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

123 Không nhân không duyên - Tà kiến này có hại gì - Kinh SỞ Y XỨ – Tăng I, 310

SỞ Y XỨ – Tăng I, 310

❖ *Này các Tỷ-kheo, có ba y xứ này của ngoại đạo, dầu có bị các bậc Hiền giả cật vấn, nạn vấn lý do, thảo luận, vẫn kiên trì trong quan điểm truyền thống về vô vi (không hành động).*

Thế nào là ba?

- Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn thuyết như sau, chấp kiến như sau: "*Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do nhân nghiệp quá khứ*".
- Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, thuyết pháp như sau, chấp kiến như sau: "*Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do nhân một tạo hóa tạo ra*".
- Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, thuyết pháp như sau, chấp kiến như sau: "*Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ*

hay không khổ, không lạc, tất cả đều do không nhân, không duyên".

❖ Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn, thuyết như sau, chấp kiến như sau: "Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do nhân nghiệp quá khứ". **Đối với các vị ấy, Ta đến và nói:** "Chư Tôn giả, có thật chẳng, Chư Tôn giả có thuyết như sau, chấp kiến như sau: "Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do nhân nghiệp quá khứ? "".

Được Ta hỏi Như vậy, họ trả lời: "Thưa phải, có như vậy".

*Ta nói với họ như sau: "Như vậy, thời theo các Tôn giả, do nhân **nghiệp quá khứ**, sẽ trở thành người sát sanh; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người lấy của không cho; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người không Phạm hạnh; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người nói láo; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người nói hai lưỡi; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người ác khẩu; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người nói lời phù phiếm; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người tham lam; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người tâm sân;*

do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người theo tà kiến".

Nhưng này các Tỷ-kheo, với những ai trở lại dựa vào nghiệp quá khứ là lý do kiên thực, với những người ấy sẽ không có ước muốn, không có tinh tấn, không có "Đây là việc phải làm", hay "Đây là việc không nên làm". Như vậy, sự cần thiết cần phải làm hay không cần phải làm không được tìm thấy là chân thực, là đáng tin cậy, thời danh từ Sa-môn không thể áp dụng đúng pháp cho các Ông được, vì các Ông sống thất niệm và với các căn không hộ trì.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là sự chỉ trích đúng pháp thứ nhất của Ta đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn có thuyết như vậy, có chấp kiến như vậy.

❖ Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn, thuyết như sau, chấp kiến như sau: "Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do nhân một tạo hóa tạo ra". Ta đến họ và nói: "Chư Tôn giả, có thật chẳng, Chư Tôn giả có thuyết như sau, có chấp kiến như sau: “Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do nhân một tạo hóa tạo ra? ”".

Được Ta hỏi vậy, họ trả lời: "Thưa phải, có như vậy".

Ta nói với họ như sau: "Như vậy, thời theo các Tôn giả, do nhân **một vị tạo hóa tạo ra**, sẽ trở thành

người sát sanh ... Do nhân một vị tạo hóa tạo ra, sẽ trở thành người theo tà kiến".

Nhưng này các Tỷ-kheo, với những ai trở lại dựa vào vị tạo hóa tạo ra là lý do kiên thực, với những người ấy sẽ không có ước muốn, không có tinh tấn, không có "Đây là việc phải làm", hay "Đây là việc không nên làm". Như vậy, sự cần thiết cần phải làm hay không cần phải làm, không được tìm thấy là chân thực, là đáng tin cậy, thời danh từ Sa-môn không thể áp dụng đúng pháp cho các Ông được, vì các Ông sống thất niệm và với các căn không hộ trì.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là sự chỉ trích đúng pháp thứ hai của Ta đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn có thuyết như vậy, có chấp kiến như vậy.

❖ Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn, thuyết như sau, chấp kiến như sau: "Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do không nhân không duyên". Ta đến họ và nói: "Chư Tôn giả, có thật chăng, Chư Tôn giả có thuyết như sau, có chấp kiến như sau: “ Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do không nhân, không duyên? ” ”.

Được Ta hỏi như vậy, họ trả lời: "Thưa phải, có như vậy".

Ta nói với họ như sau: "Như vậy, thời theo các Tôn giả, **do không nhân không duyên**, sẽ trở thành người sát sanh ... Do không nhân không duyên, sẽ trở thành người theo tà kiến".

Nhưng này các Tỷ-kheo, với những ai trở lại dựa vào không nhân, không duyên là lý do kiên thực, với những người ấy, sẽ không có ước muốn, không có tinh tấn, không có "Đây là việc phải làm", hay "Đây là việc không phải làm". Như vậy, sự cần thiết cần phải làm hay không cần phải làm, không được tìm thấy là chân thực, là đáng tin cậy, thời danh từ Sa-môn không thể áp dụng đúng pháp cho các Ông được, vì các Ông sống thất niệm và với các căn không hộ trì.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là sự chỉ trích đúng pháp thứ ba của Ta đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn có thuyết như vậy, có chấp kiến như vậy.

Này các Tỷ-kheo, đây là ba y xứ của ngoại đạo, dù có được các bậc Tôn giả cật vấn, nạn vấn lý do thảo luận, vẫn kiên trì trong quan điểm truyền thống về vô vi (không hành động).

➔ **Và này các Tỷ-kheo, đây là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách.** Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích,

không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách?

- **Sáu giới này**, là pháp Ta thuyết giảng, không bị... quả trách.
- **Sáu xúc xứ này**, là pháp Ta thuyết giảng, không bị... quả trách.
- **Mười tám ý cận hành này**, là pháp Ta thuyết giảng, không bị quả trách
- **Bốn Thánh đế này**, là pháp Ta thuyết giảng, không bị... quả trách.

▪ *Sáu giới này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng... có trí quả trách, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến?*

- Này các Tỷ-kheo, có sáu giới này: địa giới, thủy giới, phong giới, hỏa giới, không giới, thức giới.
- Sáu giới này, này các Tỷ-kheo, là pháp được Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên này đã được nói đến.

▪ *Có sáu xúc xứ này, này các Tỷ-kheo, là pháp ta thuyết giảng ... không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên nào đã được nói đến?*

- Nay các Tỷ-kheo, có sáu xúc xú này: **nhãn xúc xú, nhĩ xúc xú, tỷ xúc xú, thiệt xúc xú, thân xúc xú, ý xúc xú.**
- Có sáu xúc xú này, này các Tỷ-kheo, được Ta thuyết giảng..... không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên này đã được nói đến.
- *Có mười tám ý cận hành này, này các Tỷ-kheo, là pháp được Ta thuyết giảng.....không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên nào đã được nói đến?*
 - **Khi con mắt thấy sắc, tư tưởng hướng về và đến gần sắc, làm y xú cho hỷ, hướng về và đến gần sắc, làm y xú cho ưu, hướng về và đến gần sắc, làm y xú cho xả.**
 - Khi tai nghe tiếng, tư tưởng hướng về và đến gần tiếng, làm y xú cho hỷ, hướng về và đến gần tiếng, làm y xú cho ưu, hướng về và đến gần tiếng, làm y xú cho xả. Khi mũi ngửi hương ... khi lưỡi nếm vị ... khi thân cảm xúc ... khi ý nhận thức pháp, tư tưởng hướng về và đến gần pháp, làm y xú cho hỷ, hướng về và đến gần pháp, làm y xú cho ưu, hướng về và đến gần pháp, làm y xú cho xả.

- Có mười tám ý cận hành này, này các Tỷ-kheo, được Ta thuyết giảng ... không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên này đã được nói đến.

▪ **Bốn Thánh đế** này, này các Tỷ-kheo, được Ta thuyết giảng ... không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên nào đã được nói đến?

→ **Do chấp thủ Sáu giới, nên có Nhập thai.**

→ **Do có nhập thai, nên có Danh sắc.**

→ **Do duyên danh sắc, nên có Sáu xứ.**

→ **Do duyên sáu xứ, nên có xúc.**

→ **Do duyên xúc, nên có thọ.**

→ Với người có cảm thọ, này các Tỷ-kheo, Ta nêu rõ: "Đây là Khổ", Ta nêu rõ: "Đây là Khổ tập", Ta nêu rõ: "Đây là Khổ diệt", Ta nêu rõ: "Đây là con Đường đưa đến Khổ diệt".

• Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Khổ Thánh đế?

- Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu não là khổ. Điều mong cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ. Này các Tỷ-kheo, đây là Khổ Thánh đế.

• Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ tập?

- **Vô minh duyên hành**, hành duyên thức, thức duyên sắc, danh sắc duyên sáu xứ, sáu xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ tập.
- *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ diệt?*
 - **Do vô minh diệt không có tàn dư, nên các hành diệt.**
 - Do hành diệt, nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não đều diệt. Như vậy là sự đoạn diệt toàn bộ của khổ uẩn này. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ diệt.
- *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về con Đường đưa đến Khổ diệt?*
 - **Đây là Thánh đạo Tám ngành**, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh

định. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về con Đường đưa đến Khổ diệt.

Bốn Thánh đế này, này các Tỷ-kheo, do Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không có uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên này được nói đến.

124 Không như thật rõ biết pháp này dự phần vào.. - Kinh CHỨNG NHÂN – Tăng III, 235

CHỨNG NHÂN –Tăng III, 235

1- Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể đạt được địa vị chứng nhân, quả chứng này hay quả chứng khác, đều thuộc loại xứ nào.

Thế nào là sáu?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo không như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào thối đạo",
- Không như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào an trú",
- Không như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào thắng tiến hay thù thắng",
- Không như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào thể nhập",
- Làm việc không chu toàn
- Và làm việc không có lợi ích.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể đạt được địa vị một chứng nhân, quả chứng này hay quả chứng khác, dầu thuộc loại xứ nào.

3. Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể đạt được địa vị chứng nhân, quả chứng này hay quả chứng khác, dầu thuộc loại xứ nào.

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào thời đoạ",
- Như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào an trú",
- Như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào thắng tiến"
- Như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào thể nhập",
- **Làm việc có chu toàn,**
- **Làm việc có lợi ích.**

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể đạt được địa vị chứng nhân, quả chứng này hay quả chứng khác, dầu thuộc loại xứ nào.

125 Không nên chế ngự ý, Hoàn toàn về mọi mặt - Kinh Chế Ngự Tâm – Tương I, 37

Chế Ngự Tâm – Tương I, 37

(Vị Thiên):

Chỗ nào ý chế ngự,
Chỗ ấy đau khổ tận.
Ý chế ngự hoàn toàn,
Thoát đau khổ hoàn toàn.

(Thế Tôn):

Không nên chế ngự ý,
Hoàn toàn về mọi mặt,
Chớ có chế ngự ý,
Nếu tự chủ đạt được.
Chỗ nào ác pháp khởi,
Chỗ ấy chế ngự ý.

126 Không nên giao công việc - Kinh NGƯỜI TRI PHẠM – Tăng II, 751

NGƯỜI TRI PHẠM – *Tăng II*, 751 (Coi bữa ăn)

1. - Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không được lựa chọn là người tri phạm.

2. Thế nào là năm?

- Đi đến dục,
- Đi đến sân,
- Đi đến si,
- Đi đến sợ hãi,
- Không biết chỉ định và không chỉ định.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không được lựa chọn là người tri phạm.

3. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo được lựa chọn là người tri phạm.

4. Thế nào là năm?

- Không đi đến dục,
- Không đi đến sân,
- Không đi đến si,

- Không đi đến sợ hãi,
- Biết chỉ định và không chỉ định.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo được lựa chọn là người tri phạm.

TRI PHẠM – *Tăng II, 751*

1. - Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo đã được lựa chọn là tri phạm, thời không nên gửi đi...được lựa chọn, nên gửi đi...cần phải biết là một người ngu...cần phải biết là một người trí...tự mình xử sự như kẻ bị mất gốc, bị thương tích... tự mình xử sự không như người bị mất gốc, bị thương tích...như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục... như vậy tương xứng được sanh lên Thiên giới...

2. Thế nào là năm?

- Không đi đến dục,
- Không đi đến sân,
- Không đi đến si,
- Không đi đến sợ hãi,
- Biết chỉ định và không chỉ định.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, người tri phạm như vậy tương xứng được sanh lên Thiên giới.

CÁC NGƯỜI KHÁC – *Tăng II, 752*

1. - Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không nên lựa chọn là người chỉ định phân phối sàng tọa, nên lựa chọn là người phân phối sàng tọa...không biết phân phối và không phân phối...biết phân phối và không phân phối...không nên lựa chọn là người giữ kho...nên lựa chọn là người giữ kho...không biết bảo vệ và không bảo vệ...biết bảo vệ và không bảo vệ...không nên lựa chọn là người nhận y...nên lựa chọn là người nhận y...không biết lấy và không lấy...biết lấy và không lấy...không nên lựa chọn là người chia y...nên lựa chọn là người chia y...không nên lựa chọn là người chia cháo...nên lựa chọn là người chia cháo...không nên lựa chọn là người chia trái...nên lựa chọn là người chia trái...không nên lựa chọn là người chia bánh...nên lựa chọn là người chia bánh...không biết chia và không chia...biết chia và không chia...không nên lựa chọn là người phân phát các vật dụng nhỏ nhất...nên lựa chọn là người phân phát các vật dụng nhỏ nhất...không biết phân phát và không phân phát...biết phân phát và không phân phát...không nên lựa chọn

là người lãnh thọ nội y...nên lựa chọn là người lãnh thọ nội y... không nên lựa chọn là người nhận lấy bình bát...nên lựa chọn là người nhận lấy bình bát...không biết nhận lấy và không nhận lấy...biết nhận lấy và không nhận lấy...không nên lựa chọn là người quản đốc người làm vườn...nên lựa chọn là người quản đốc người làm vườn... không nên lựa chọn là người giám sát Sa-di...nên lựa chọn là người giám sát Sa-di...được lựa chọn không nên gửi đi...được lựa chọn nên gửi đi...cần phải biết là một người ngu...cần phải biết là một người Hiền trí...tự xử sự như kẻ bị mất gốc, bị thương tích... tự xử sự như không bị mất gốc, không bị thương tích...như vậy tương xứng rơi vào địa ngục...như vậy tương xứng được sanh lên Thiên giới...

2. Thế nào là năm?

- Không đi đến dục,
- Không đi đến sân,
- Không đi đến si,
- Không đi đến sợ hãi,
- Biết gửi đi và không gửi đi.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, người giám sát Sa-di như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

127 Không nên hỏi như vậy - Kinh LỬA 2 – Tăng III, 334

LỬA 2 –Tăng III, 334

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthì, tại không, khu vườn của ông Anàthapindika. Lúc bảy giờ, một tể đàn lớn đang được thiết lập cho Bà-la-môn Uggatasarira, năm trăm con bò đực được dắt đến trụ tể đàn, năm trăm con nghé đực được dắt đến trụ tể đàn, năm trăm con nghé cái được dắt đến trụ tể đàn, năm trăm con dê đực dắt đến trụ tể đàn, và năm trăm con cừu đực dắt đến trụ tể đàn. Rồi Bà-la-môn Uggatasarira đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Uggatasarira thưa với Thế Tôn:

- Tôi được nghe như sau, thưa Tôn giả Gotama: "Nhen nhúm ngọn lửa và dựng lên trụ tể đàn có quả lớn, có lợi ích lớn".

- Nay Bà-la-môn, Ta cũng có nghe: "Nhen nhúm ngọn lửa và dựng lên trụ tể đàn có quả lớn, có lợi ích lớn".

Lần thứ hai... Lần thứ ba, Bà-la-môn Uggatasarira thừa với Thế Tôn:

- Tôi được nghe như sau, thưa Tôn giả Gotama: "Nhen nhúm ngọn lửa và dựng lên trụ tế đàn có quả lớn, có lợi ích lớn".

- Nay Bà-la-môn, Ta cũng có nghe: "Nhen nhúm ngọn lửa và dựng lên trụ tế đàn có quả lớn, có lợi ích lớn".

- Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, chúng ta đồng một mục đích, Tôn giả Gotama và chúng tôi; thật vậy, chúng ta hoàn toàn đồng nhau.

2. Được nghe nói vậy, Tôn giả Ānanda nói với Bà-la-môn Uggatasarira:

- Này Bà-la-môn, không nên hỏi Như Lai rằng: "Tôi được nghe như sau, thưa Tôn giả Gotama: "Nhen nhúm ngọn lửa và dựng lên trụ tế đàn có quả lớn, có lợi ích lớn".

Này Bà-la-môn, câu hỏi Như Lai như sau: "Bạch Thế Tôn, con muốn nhen nhúm ngọn lửa, con muốn dựng lên trụ tế đàn. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy giáo giới cho con! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết dạy cho con, để con được hạnh phúc an lạc lâu dài!"

3. Rồi Bà-la-môn Uggatasarira bạch Thế Tôn:

- Thừa Tôn giả Gotama, con muốn nhen nhúm ngọn lửa, con muốn dựng trụ tế đàn. Thừa Tôn giả Gotama, Tôn giả Gotama hãy giáo giới cho con; Tôn giả Gotama hãy thuyết dạy cho con, để con được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

- Nay Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi lễ tế đàn, dựng lên ba cây kiếm bất thiện đưa đến khổ sanh, khổ dị thực. Thế nào là ba?

4. *Thân kiếm, ngữ kiếm, ý kiếm.*

Này Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, **trước khi lễ tế đàn, khởi lên ý nghĩ:** "Chùng ấy con bò đực cần phải giết cho lễ tế đàn, chùng ấy con nghé đực cần phải giết cho lễ tế đàn, chùng ấy con nghé cái cần phải giết cho lễ tế đàn, chùng ấy con dê cần phải giết cho lễ tế đàn, chùng ấy con cừu cần phải giết cho lễ tế đàn".

Vị ấy nghĩ rằng: "Tôi làm công đức", lại làm bất thiện; nghĩ rằng: "Tôi tìm con đường đưa đến cõi lành", lại tìm con đường đưa đến cõi dữ. Nay Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn,

trước khi lễ tế đàn, dựng lên ý kiếm thứ nhất, bất thiện đưa đến khổ sanh, khổ dị thực.

5. Lại nữa, này Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, **trước khi lễ tế đàn, nói như sau**: "Hãy giết chừng ấy con bò đực cho lễ tế đàn. Hãy giết chừng ấy con nghé đực cho lễ tế đàn. Hãy giết chừng ấy con nghé cái cho lễ tế đàn. Hãy giết chừng ấy con dê cho lễ tế đàn. Hãy giết chừng ấy con cừu cho lễ tế đàn."

Vị ấy nghĩ rằng: "Tôi làm công đức", lại làm phi công đức; nghĩ rằng: "Tôi làm thiện", lại làm bất thiện; nghĩ rằng: "Tôi tìm con đường đưa đến cõi lành", lại tìm con đường đưa đến cõi dữ. Này Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi lễ tế đàn, dựng lên ngữ kiếm thứ hai, bất thiện đưa đến khổ sanh, khổ dị thực.

6. Lại nữa, này Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, **trước khi lễ tế đàn, tự mình bắt đầu khởi sự công việc**: "Hãy giết các con bò đực cho lễ tế đàn"; tự mình bắt đầu khởi sự công việc: "Hãy giết các con nghé đực cho lễ tế đàn"; tự mình bắt đầu khởi sự công việc: "Hãy giết các con nghé cái cho lễ tế đàn"; tự mình bắt đầu khởi sự công việc: "Hãy giết các con dê cho lễ tế đàn"; tự mình bắt đầu

khởi sự công việc: "Hãy giết các con cừu cho lễ tế đàn".

Vị ấy nghĩ rằng: "Tôi làm công đức", lại làm phi công đức; nghĩ rằng: "Tôi làm thiện", lại làm bất thiện; nghĩ rằng: "Tôi tìm con đường đưa đến cõi lành", lại tìm con đường đưa đến cõi dữ.

Này Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi lễ tế đàn, dựng lên thân kiếm thứ ba, bất thiện đưa đến khổ sanh, khổ dị thực. Này Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi lễ tế đàn, dựng lên ba cây kiếm này, đưa đến khổ sanh, khổ dị thực.

7. Này Bà-la-môn, **ba ngọn lửa này cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa.**

8. Thế nào là ba?

- **Lửa tham, lửa sân, lửa si.**

Vì sao, này Bà-la-môn, lửa tham cần phải đoạn diệt, cần phải tránh xa, không nên thân cận?

9. Người bị tham làm cho ái nhiễm, chinh phục, tâm bị xâm chiếm, này Bà-la-môn, làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với lời nói, làm ác hạnh với ý. Người ấy sau khi làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với lời nói,

làm ác hạnh với ý, khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do vậy, lửa tham này cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận.

Và này Bà-la-môn, vì sao lửa sân cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận?

10. Người bị sân làm cho tức giận, chinh phục, tâm bị xâm chiếm, này Bà-la-môn, làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với lời nói, làm ác hạnh với ý. Người ấy sau khi làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với lời nói, làm ác hạnh với ý, khi thân hoại mạng chung sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do vậy lửa sân này cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận.

Và này Bà-la-môn, vì sao lửa si cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận?

11. Người bị si làm cho mê mờ, chinh phục, tâm bị xâm chiếm, này Bà-la-môn, làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với lời nói, làm ác hạnh với ý. Người ấy sau khi làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với lời nói, làm ác hạnh với ý, khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do vậy lửa si này cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận.

Ba lửa này, này Bà-la-môn, cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận.

12. Này Bà-la-môn, **ba lửa này được cung kính, được tôn trọng, được cúng dường, phải đem lại chánh lạc.**

13. Thế nào là ba?

- **Lửa đáng cung kính,**
- **Lửa gia chủ,**
- **Lửa đáng cúng dường.**

Và này Bà-la-môn, *thế nào là lửa đáng cung kính?*

14. Ở đây, này Bà-la-môn, **những người mẹ, những người cha của người ấy, này Bà-la-môn, đây gọi là lửa đáng cung kính.** Vì sao? Vì từ đó lửa đáng cung kính này khiến cho mang lại, khiến cho sanh ra. Do vậy, này Bà-la-môn, lửa đáng cung kính này được cung kính, được tôn trọng, được cúng dường, phải đem lại chánh lạc.

Và này Bà-la-môn, *thế nào là lửa gia chủ?*

15. Ở đây, này Bà-la-môn, **những người con, những người vợ, những người phục dịch, những người đưa tin, hoặc những người làm công cho người ấy, này**

Bà-la-môn, đây gọi là lửa gia chủ. Do vậy lửa gia chủ này được cung kính, được tôn trọng, được cúng dường, phải đem lại chánh lạc.

Và này Bà-la-môn, *thế nào là lửa đáng được cúng dường?*

16. Ở đây, này Bà-la-môn, những Sa-môn, Bà-la-môn nào từ bỏ kiêu mạn, phóng dật, sóng kham nhẫn nhu hòa; mỗi người điều phục tự ngã; mỗi người an chỉ tự ngã; mỗi người lắng dịu tự ngã. Này Bà-la-môn, đây gọi là lửa đáng được cúng dường. Do vậy lửa đáng được cúng dường này được cung kính, được tôn trọng, đáng được cúng dường, phải đem lại chánh lạc.

Này Bà-la-môn, ba ngọn lửa này được cung kính, được tôn trọng, đáng được cúng dường, phải đem lại chánh lạc.

Còn lửa củi này, này Bà-la-môn, cần phải thường thường nhen đốt nó lên, cần phải thường thường chăm sóc duy trì, cần phải thường thường dập tắt, cần phải thường thường để một bên.

17. Được nói như vậy, Bà-la-môn Uggatasarira bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama hãy nhận còn làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Và thưa Tôn giả Gotama, con sẽ thả năm trăm con bò đực và cho chúng sống; con sẽ thả năm trăm con nghé đực và cho chúng sống; con sẽ thả năm trăm con nghé cái và cho chúng sống; con sẽ thả năm trăm con dê và cho chúng sống; con sẽ thả năm trăm con cừu và cho chúng sống. Hãy để chúng ăn cỏ xanh; hãy để chúng uống nước mát; hãy để gió thổi chúng mát.

128 Không nên đo lường các hạng người - Kinh MIGASÀLÀ – Tăng IV, 421

MIGASÀLÀ – Tăng IV, 421

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Ànathapindika. Rồi Tôn giả Ànanda vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi đến trú xứ của nữ cư sĩ Migasàlà; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi nữ cư sĩ Migasàlà đi đến Tôn giả Ànanda, sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Ànanda rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, nữ cư sĩ Migasàlà bạch Tôn giả Ànanda:

2. - Thưa Tôn giả Ànanda, như thế nào cần phải hiểu pháp được Thế Tôn thuyết giảng, rằng người sống phạm hạnh và người sống không phạm hạnh cả hai sẽ đồng một chỗ thọ sanh trong đời sau?

- Thưa Tôn giả, phụ thân con Puràna sống phạm hạnh, sống viễn ly, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Vì vậy, khi mệnh chung được Thế Tôn trả lời: "**Là bậc Nhất lai** sanh với thân ở Tusita".
- Còn Isidatta, cậu của con, thưa Tôn giả, sống không Phạm hạnh, tự bằng lòng với vợ mình, sau khi mệnh chung, được Thế Tôn trả lời: "**Là bậc Nhất lai**, sanh với thân ở Tusita".

- Như thế nào, thế nào, thưa Tôn giả Ànanda, cần phải hiểu pháp này do Thế Tôn tuyên thuyết (nói rằng): "Cả hai, sống phạm hạnh và sống không phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai"?

- Nay Chị, chính như vậy là câu trả lời của Thế Tôn.

3. Rồi Tôn giả Ànanda, sau khi nhận đồ khát thực tại nhà của nữ cư sĩ Migasàlà, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi. rồi Tôn giả Ànanda sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ànanda bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, vào buổi sáng, con đắp y, cầm y bát đi đến trú xứ của nữ cư sĩ Migasàlà, sau khi đến, con ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi nữ cư sĩ Migasàlà đi đến con, sau khi đến, đánh lễ con ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn, nữ cư sĩ Magasàlà thưa với con:

- "Như thế nào, thế nào, thưa Tôn giả Ànanda, cần phải hiểu pháp này do Thế Tôn thuyết (nói rằng): "Cả hai sống phạm hạnh và sống không phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai. "Puràna thân phụ con, thưa Tôn giả, sống phạm hạnh, sống viễn

ly, tránh xa dâm dục hạ liệt, khi mệnh chung, được Thế Tôn trả lời: "Là bậc Nhất Lai, sanh với thân ở Tusita". Còn Isdatta, cậu của con, thừa Tôn giả, không sống trong phạm hạnh, tự bằng lòng với vợ mình, sau khi mệnh chung, được Thế Tôn trả lời: "Là bậc Nhất Lai, sanh với thân ở Tusita, cần phải hiểu pháp này do Thế Tôn tuyên thuyết (nói rằng): "Cả hai sống phạm hạnh và không phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai? " Được hỏi vậy, bậc Thế Tôn, con nói với nữ cư sĩ Migasàlà:

- "Này Chị, chính như vậy là câu trả lời của Thế Tôn".

- Nhưng này Ànanda, ai là nữ cư sĩ Migasàlà, lại ngu si, kém thông minh, với thân như bà mẹ, với trí như bà mẹ, để có thể hiểu biết sự thắng liệt giữa các người. Này Ànanda, có mười hạng người, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là mười?

4. Ở đây, này Ànanda, có hạng người:

- Ác giới, và **Không như thật rõ biết** tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy;
- Ở đây, ác giới ấy của người ấy được diệt trừ, không có dư tàn.

- Người ấy **không** có nghe pháp, không có học nhiều, không có thể nhập với chánh kiến, không chứng được nhất thời giải thoát.
- Người ấy sau khi thân hoại mạng chung, hướng về thối đạo, không về thù thắng, chỉ đi đến thối đạo, không đi về thù thắng.

5. Nhưng ở đây, này Ànanda, có hạng người:

- Ác giới, và **Như thật rõ biết** tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy;
- Ở đây, ác giới ấy của người được trừ diệt, không có dư tàn.
- Người ấy **có** nghe pháp, có học nhiều, có khéo thể nhập với chánh kiến, chứng được thời giải thoát.
- Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, hướng về thù thắng, không hướng về thối đạo, chỉ đi đến thù thắng, không đi đến thối đạo.

Ở đây, này Ànanda, ai là người đo lường, đo như sau: "Những pháp ấy có mặt trong người này, những pháp ấy cũng có mặt trong người kia. Vì sao, giữa hai người ấy, một là hạ liệt, một là thù thắng? ". Nhận xét như vậy đem lại đau khổ lâu dài cho họ. Ở đây này Ànanda, người này là ác giới và như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy, chính ở nơi đây, ác

giới ấy của người ấy được trừ diệt, không có dư tàn. Với vị ấy, có nghe pháp, có học hỏi nhiều, có khéo thể nhập với chánh kiến, chứng được nhất thời giải thoát. Nay Ānanda, hạng người này, so sánh với hạng người trước là vi diệu hơn, là thù thắng hơn. Vì sao? **Vì dòng pháp đưa người này ra phía trước. Nhưng ai ngoài Như Lai có thể biết được sự khác biệt.** Do vậy, nay Ānanda, chớ có làm người đo lường các hạng người. Chớ có làm sự đo lường các hạng người. Tự đào hố cho mình là người đi làm sự đo lường các hạng người. Chỉ có Ta, nay Ānanda, mới có thể làm sự đo lường các hạng người. Ai có thể được như Ta?

6. Ở đây, nay Ānanda, có hạng người:

- Có giới nhưng **không** như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy;
- Ở đây, giới ấy của người ấy được đoạn diệt, không có dư tàn.
- Người ấy **không** có nghe pháp, không có học hỏi nhiều, không có thể nhập với chánh kiến, nên không chứng được nhất thời giải thoát.
- Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, hướng về thối đạo, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đạo, không đi đến thù thắng.

7. Nhưng ở đây này Ànanda, có hạng người:

- Có giới và **như thật** rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy;
- Ở đây, giới ấy của người ấy được trừ diệt, không có dư tàn.
- Vị ấy **có** nghe pháp, có học hỏi nhiều, và khéo thể nhập với chánh kiến, vị ấy chứng được nhất thời giải thoát.
- Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, hướng về thù thắng, không hướng về thối đoạ, **chỉ đi đến thù thắng**, không đi đến thối đoạ.

Ở đây, này Ànanda... chỉ có Ta, này Ànanda, mới có thể làm sự đo lường các hạng người. Ai có thể được như Ta?

8. Nhưng ở đây, này Ànanda, có hạng người:

- **Có tham rất sắc sảo**, người ấy **không** như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy;
- Ở đây, tham ấy của người ấy được trừ diệt, không có tàn dư.
- Người này **không** có nghe pháp, không có học hỏi nhiều, không có thể nhập với chánh kiến, không có chứng được nhất thời giải thoát.

- Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, hướng về thối đọa, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đọa, không đi đến thù thắng.

9. Nhưng ở đây, này Ànanda, có hạng người:

- Có tham rất sắc sảo, người ấy **nưh thật** rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy,
- Ở đây, lòng tham ấy của người ấy được trừ diệt, không còn dư tàn.
- Người ấy **có** nghe pháp, học hỏi nhiều, khéo thể nhập với chánh kiến, chứng được thời giải thoát.
- Vị ấy sau khi thân mạng chung, hướng về thù thắng, không hướng về thối đọa, chỉ đi đến thù thắng, không đi đến thối đọa.

10. Nhưng ở đây, này Ànanda, có hạng người:

- **Phẫn nộ**, **không** như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy;
- Ở đây, lòng phẫn nộ ấy của người ấy được trừ diệt không còn dư tàn.
- Vị ấy **không** có nghe pháp, không có học hỏi nhiều, không có thể nhập với chánh kiến, không chứng được thời giải thoát.

- Vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung, hướng về thối đạo, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đạo, không đi đến thù thắng.

11. Nhưng ở đây, này Ànanda, có hạng người:

- Phần nộ và **như thật** rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy;
- Ở đây, lòng phần nộ ấy của người ấy được trừ diệt, không có dư tàn.
- Vị ấy lại **nghe pháp**, học hỏi nhiều, và khéo thể nhập với chánh kiến, chứng được nhất thời giải thoát.
- Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung hướng về thù thắng, không hướng về thối đạo, chỉ đi đến thù thắng, không đi đến thối đạo.

Ở đây, này Ànanda... chỉ có Ta, này Ànanda, mới có thể làm sự đo lường các hạng người. Ai có thể được như Ta?

12. Nhưng ở đây, này Ànanda, có hạng người:

- **Trao cử**, nhưng **không** như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy;
- Ở đây, trao cử của người ấy được trừ diệt không có dư tàn.

- Vị ấy **không** có nghe nhiều, không có học hỏi nhiều, không có thể nhập với chánh kiến, không chứng được nhất thời giải thoát.
- Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, hướng về thối đạo, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đạo, không đi đến thù thắng.

13. Nhưng ở đây, này Ànanda, có hạng người:

- Trạo cử, và **như thật** rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy;
- Ở đây, trạo cử của người ấy được trừ diệt không có dư tàn.
- Và vị này **có** nghe pháp, có học hỏi nhiều, khéo thể nhập với chánh kiến, chứng được nhất thời giải thoát.
- Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung hướng về thù thắng, không hướng về thối đạo, chỉ đi đến thù thắng, không đi đến thối đạo.

Ở đây, này Ànanda, ai là người đo lường, đo lường như sau: "Những pháp ấy có mặt trong người này, những pháp ấy cũng có mặt trong người kia. Vì sao giữa hai người ấy, một là hạ liệt, một là thù diệu? " Nhận xét như vậy, đem lại đau khổ lâu dài cho họ. Ở đây, này Ananda, người này là trạo cử, và như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy, chính ở đây,

trạo cử của người ấy được trừ diệt không có dư tàn. Và vị ấy có nghe pháp, có học hỏi nhiều, có khéo thể nhập với chánh kiến, chứng được nhất thời giải thoát. Nay Ànanda, hạng người này so sánh với hạng người trước, là vi diệu hơn, là thù thắng hơn. Vì sao? **Vì dòng pháp đưa người này ra phía trước. Nhưng ai ngoài Như Lai có thể biết được sự khác biệt.** Do vậy, này Ànanda, chớ có làm người đo lường các hạng người. Chớ có làm sự đo lường các hạng người. Tự đào hố cho mình là người làm sự đo lường các hạng người. Chỉ có Ta, này Ànanda, mới có thể làm sự đo lường các hạng người. Ai có thể được như Ta?

Nhưng này Ànanda, ai là nữ cư sĩ Migasàlà lại ngu si, kém thông minh, với thân như bà mẹ, với trí như bà mẹ, để có thể hiểu biết sự thắng liệt giữa các người?

Này Ànanda, có mười hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời.

- Giới như thế nào, này Ànanda, Puràna được thành tựu, giới ấy Isidatta chưa thành tựu. Do vậy, ở đây, Puràna có sanh thú khác với sanh thú của Isidatta.
- Tuệ như thế nào, này Ànanda, Isidatta được thành tựu, tuệ ấy Puràna chưa thành tựu. Do

vậy, ở đây, Isidatta có sanh thú khác với sanh thú của Puràna.

- Như vậy, này Ànanda, cả hai người này đều có thể thiếu sót một chi phần.

129 Không nên đến gia đình này - Kinh GIA ĐÌNH – Tăng IV, 117

GIA ĐÌNH – Tăng IV, 117

1. - Nay các Tỷ-kheo, gia đình nào thành tựu chín chi phần, nếu chưa đến thời không nên đến, nếu đã đến thời không nên ngồi xuống.

2. Thế nào là chín?

1. Không vui vẻ đứng dậy.
2. Không vui vẻ đánh lễ.
3. Không vui vẻ mời ngồi.
4. Nếu có, họ giấu đi.
5. Có nhiều, họ cho ít.
6. Có đồ tốt, họ cho đồ xấu.
7. Họ cho không cần thận.
8. Họ cho không có chu đáo.
9. Họ không có ngồi xung quanh để nghe pháp.
10. Không thưởng thức lời nói.

Nay các Tỷ-kheo, gia đình nào thành tựu chín chi phần này, nếu chưa đến thời không nên đến, nếu đã đến thời không nên ngồi xuống.

3. Này các Tỷ-kheo, gia đình nào thành tựu chín chi phần, nếu chưa đến thời nên đến, nếu đã đến thời nên ngồi xuống.

4. Thế nào là chín?

1. *Họ vui vẻ đứng dậy.*
2. *Họ vui vẻ đánh lễ.*
3. *Họ vui vẻ mời ngồi.*
4. *Nếu có, họ không giấu đi.*
5. *Có nhiều, họ cho nhiều.*
6. *Có đồ tốt, họ cho đồ tốt.*
7. *Họ cho cẩn thận.*
8. *Họ cho một cách chu đáo.*
9. *Họ ngồi xung quanh để nghe pháp.*
10. *Họ thưởng thức lời nói.*

Này các Tỷ-kheo, gia đình nào thành tựu chín chi phần này, nếu chưa đến thời nên đến, nếu đã đến thời nên ngồi xuống.

130 Không nương tựa một ai - Khi nào - TIỂU Kinh SACCAKA – 35 Trung I, 499

TIỂU KINH SACCAKA (Culasaccaka sutam)

– Bài kinh số 35 – *Trung I*, 499

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở tại Vesali, rừng Đại Lâm, tại giảng đường Trùng Các. Lúc bấy giờ Niganthaputta Saccaka ở tại Vesali tánh ưa luận chiến, biện luận thiện xảo, được số đông tôn kính. Vị này thường xuyên bố cho hội chúng ở Vesali: "Ta không thấy một Sa-môn hay một Bà-la-môn nào, là vị Hội chủ, là vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội, dầu tự cho là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, khi đối thoại với ta, không ai là không run sợ, không hoảng sợ, không khiếp sợ, không ai là không toát mồ hôi nách. Dầu ta có đối thoại với một cột trụ vô tình, cột trụ ấy khi đối thoại với ta cũng run sợ, cũng hoảng sợ, cũng khiếp sợ, huống nữa là một người thường".

Rồi Tôn giả Assaji vào buổi sáng đắp y, cầm bát vào Vesali để khát thực. Niganthaputta Saccaka, thường hay ngao du thiên hạ, thấy Tôn giả Assaji từ xa đi lại. Sau khi thấy, Niganthaputta Saccaka liền đến gần Tôn giả Assaji, nói lên những lời hỏi thăm, chào đón, xã giao rồi đứng một bên. Sau khi đứng một bên, Niganthaputta Saccaka nói với Tôn giả Assaji:

– Nay Tôn giả Assaji, Sa-môn Gotama huấn luyện đệ tử như thế nào? Và có những bộ môn nào mà phần lớn Sa-môn Gotama giảng dạy được dành cho đệ tử?

– Nay Aggivessana, như thế này, Thế Tôn huấn luyện đệ tử. Với những bộ môn như thế này, phần lớn Sa-môn Gotama giảng dạy được dành cho đệ tử: "Này các Tỷ-kheo, sắc là vô thường, thọ là vô thường, tưởng là vô thường, hành là vô thường, thức là vô thường. Này các Tỷ-kheo, sắc là vô ngã, thọ là vô ngã, tưởng là vô ngã, hành là vô ngã, thức là vô ngã. Tất cả hành là vô thường, tất cả pháp là vô ngã". Như vậy này Aggivessana, Thế Tôn huấn luyện các đệ tử. Như vậy là các bộ môn mà phần lớn Thế Tôn giảng dạy được dành cho đệ tử.

– Nay Tôn giả Assaji, thật sự chúng tôi đã thất

vọng khi nghe Sa-môn Gotama thuyết giảng như vậy. Rất có thể chúng tôi sẽ gặp Tôn giả Gotama một thời nào đó và tại một chỗ nào đó. Rất có thể sẽ có một cuộc thảo luận. Rất có thể chúng tôi sẽ đoạn trừ ác tà kiến ấy.

Lúc bấy giờ, có khoảng độ năm trăm vị Licchavi tập hợp tại giảng đường vì một vài công vụ. Rồi Niganthaputta Saccaka đến chỗ các Licchavi ấy, sau khi đến, liền nói các vị ấy như sau:

– Hãy đến, các Tôn giả Licchavi; hãy đến các Tôn giả Licchavi. Hôm nay sẽ có cuộc đàm luận giữa Sa-môn Gotama với ta. Nếu Sa-môn Gotama đứng đối thoại với ta như Tỷ-kheo Assaji, một vị đệ tử danh tiếng của ông ta đã làm, thì như một lực sĩ tay nắm chặt lông một con cừu có lông dài, có thể kéo tới, dặc lui, vằn quanh; cũng vậy, ta dùng lời nói, kéo tới, dặc lui, vằn quanh Sa-môn Gotama. Cũng như một người lực sĩ nấu rượu, sau khi nhận chìm một thùng rượu lớn xuống hồ nước sâu, nắm một góc thùng có thể kéo tới, dặc lui, vằn quanh; cũng vậy, ta dùng lời nói, kéo tới, dặc lui, vằn quanh Sa-môn Gotama. Và cũng như một lực sĩ nghiện rượu, sống phóng đãng, sau khi nắm góc một cái sàng, lắc qua lắc lại, lắc xoay quanh. Cũng vậy, ta sẽ dùng lời nói, lắc qua lắc lại, lắc xoay quanh Sa-môn Gotama. Và

cũng như một con voi lớn sáu mươi tuổi, sau khi lặn xuống một hồ nước sâu, lại chơi trò phun nước; cũng vậy, ta nghĩ ta sẽ chơi trò chơi phun nước với Sa-môn Gotama. Hãy đến, các Tôn giả Licchavi. Hãy đến các Tôn giả Licchavi. Hôm nay sẽ có cuộc đàm luận giữa Sa-môn Gotama với ta.

Một số Licchavi nói như sau:

– Làm sao Sa-môn Gotama có thể luận thắng Niganthaputta Saccaka? Niganthaputta Saccaka sẽ luận thắng Sa-môn Gotama.

Một số Licchavi lại nói như sau:

– Làm sao chỉ là Niganthaputta Saccaka lại có thể luận thắng Thế Tôn? Thế Tôn sẽ luận thắng Niganthaputta Saccaka.

Rồi Niganthaputta Saccaka với khoảng năm trăm Licchavi vây quanh, cùng đi đến Đại Lâm, giảng đường Trùng Các.

Lúc bấy giờ một số đông các Tỷ-kheo đang đi qua lại giữa trời. Niganthaputta Saccaka đến các Tỷ-kheo, sau khi đến, liền nói với các vị ấy:

– Chư Tôn giả, nay Tôn giả Gotama ở đâu?

Chúng tôi muốn yết kiến Tôn giả Gotama.

– Nayy Aggivessana, Thế Tôn sau khi đi sâu vào rừng Đại Lâm, đang ngồi dưới một gốc cây để nghỉ trưa.

Rồi Niganthaputta Saccaka cùng với đại chúng Licchavi, sau khi đi sâu vào rừng Đại Lâm, đến tại chỗ Thế Tôn. Sau khi đến Niganthaputta Saccaka nói lên với Thế Tôn những lời chúc tụng, hỏi thăm xã giao rồi ngồi xuống một bên. Một số Licchavi đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số Licchavi nói lên với Thế Tôn những lời chúc tụng, hỏi thăm xã giao rồi ngồi xuống một bên; một số Licchavi chấp tay vái Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số Licchavi xưng tên họ của mình rồi ngồi xuống một bên; một số Licchavi im lặng ngồi xuống một bên.

Niganthaputta Saccaka sau khi ngồi xuống một bên nói với Thế Tôn:

– Tôi muốn hỏi Tôn giả Gotama một vấn đề, nếu Tôn giả Gotama cho phép tôi được hỏi.

– Nayy Aggivessana, hãy hỏi như Ông muốn.

– Tôn giả Gotama huấn luyện đệ tử như thế nào?

Những bộ môn nào mà phần lớn Sa-môn Gotama giảng dạy được dành cho đệ tử?

– Nay Aggivessana, như thế này Ta huấn luyện đệ tử. Với những bộ môn này, **phần lớn Ta giảng dạy được dành cho đệ tử: "Này các Tỷ-kheo, sắc là vô thường, thọ là vô thường, tưởng là vô thường, hành là vô thường, thức là vô thường. Này các Tỷ-kheo, sắc là vô ngã, thọ là vô ngã, tưởng là vô ngã, hành là vô ngã, thức là vô ngã. Tất cả hành là vô thường, tất cả pháp là vô ngã".** Như vậy này Aggivessana, Ta huấn luyện các đệ tử. Các bộ môn như vậy, phần lớn ta giảng dạy được dành cho đệ tử.

– Nay Tôn giả Gotama, tôi có một ví dụ.

Thế Tôn nói:

– Nay Aggivessana, hãy nói lên ví dụ ấy.

– Như các hột giống, các cây cỏ này được lớn lên, được trưởng thành, được hưng thịnh là vì tất cả chúng đều y cứ vào đất, nương tựa vào đất. Nhờ vậy các hột giống, các cây cỏ này được lớn lên, được trưởng thành, được hưng thịnh. Tôn giả Gotama, như các công nghiệp nặng nhọc này được tạo tác, tất cả chúng đều y cứ vào đất, nương tựa vào đất. Nhờ vậy, các công nghiệp nặng nhọc này được tạo tác. **Cũng**

vậy, này Tôn giả Gotama, như người này mà tự ngã là sắc, nhờ nương tựa sắc làm thiện sự hay ác sự; như người này mà tự ngã là thọ, nhờ nương tựa thọ làm thiện sự hay ác sự; như người này mà tự ngã là tưởng, nhờ nương tựa tưởng làm thiện sự hay ác sự; như người này mà tự ngã là các hành, nhờ nương tựa các hành làm thiện sự hay ác sự; như người này mà tự ngã là thức, nhờ nương tựa thức làm thiện sự hay ác sự.

– Này Aggivessana, như vậy có phải ông nói: "Sắc là tự ngã của ta, thọ là tự ngã của ta, tưởng là tự ngã của ta, hành là tự ngã của ta, thức là tự ngã của ta"?

– Tôn giả Gotama, như vậy tôi nói: "Sắc là tự ngã của ta, thọ là tự ngã của ta, tưởng là tự ngã của ta, hành là tự ngã của ta, thức là tự ngã của ta". Và như đại chúng này cũng vậy.

– Này Aggivessana, đại chúng này có quan hệ gì với Ông? Này Aggivessana, hãy giải thích lời nói của Ông.

– Tôn giả Gotama, như vậy tôi nói: "Sắc là tự ngã của ta, thọ là tự ngã của ta, tưởng là tự ngã của ta, hành là tự ngã của ta, thức là tự ngã của ta".

– Nay Aggivessana, Ta sẽ hỏi Ông trở lại về vấn đề này. Ông có thể trả lời nếu Ông muốn. Nay Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Một vị vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, như vua Pasenadi nước Kosala, vua Ajatasattu con bà Vedehi nước Magadha, vua này có quyền hành trong quốc gia của mình, muốn giết những ai đáng bị giết, muốn tước đoạt những ai đáng bị tước đoạt, muốn tàn sát những ai đáng bị tàn sát không?

– Tôn giả Gotama, một vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, như vua Pasenadi nước Kosala, vua Ajatasattu, con bà Vedehi nước Magadha, vua này có quyền hành trong quốc gia của mình, muốn giết những ai đáng bị giết, muốn tước đoạt những ai đáng bị tước đoạt, muốn tàn sát những ai đáng bị tàn sát. Nay Tôn giả Gotama, cho đến các giáo đoàn, các đoàn thể, như các Vajji, các Malla, vẫn có quyền hành trong quốc gia của mình, muốn giết những ai đáng bị giết, muốn tước đoạt những ai đáng bị tước đoạt, muốn tàn sát những ai đáng bị tàn sát, còn nói gì một vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, như vua Pasenadi nước Kosala, vua Ajatasattu con bà Vedehi nước Magadha. Nay Tôn giả Gotama, vị ấy có quyền hành ấy và xứng đáng có quyền hành ấy.

– Nay Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như

Ông nói: "Sắc là tự ngã của ta", Ông có quyền hành gì đối với sắc ấy và có nói được rằng: "Sắc của tôi như thế này, sắc của tôi không phải như thế này" không?

Được nói vậy Niganthaputta Saccaka giữ im lặng. Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Niganthaputta Saccaka:

– Nay Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như Ông nói: "Sắc là tự ngã của ta", Ông có quyền hành gì đối với sắc ấy và có nói được rằng: "Sắc của tôi phải như thế này, sắc của tôi không phải như thế này" không?

– Lần thứ hai, Niganthaputta Saccaka vẫn giữ im lặng.

Rồi Thế Tôn nói với Niganthaputta Saccaka:

– Nay Aggivessana, nay Ông phải trả lời. Nay không phải lúc Ông giữ im lặng nữa. Nay Aggivessana, ai được Như Lai hỏi đến lần thứ ba một câu hỏi hợp lý mà không trả lời, thời đầu của người ấy sẽ bị bẻ ra làm bảy mảnh tại chỗ.

Lúc bấy giờ **thần Dạ xoa Vajirapani (Kim Cang Thủ)** đang cầm một chùy sắt to lớn, cháy đỏ, sáng

chói, đứng trên không trên đầu Niganthaputta Saccaka với ý định: "Nếu Thế Tôn hỏi đến câu hỏi thứ ba, một câu hỏi hợp lý mà Niganthaputta Saccaka không trả lời, thì ta sẽ đánh bể đầu nó ra làm bảy mảnh". Chỉ có Thế Tôn và Niganthaputta Saccaka mới thấy thần Dạ xoa Vajirapani. Niganthaputta Saccaka sợ hãi, hoảng hốt, lông tóc dựng, ngược, chỉ tìm thấy sự che chở nơi Thế Tôn, chỉ tìm thấy sự an ổn nơi Thế Tôn, chỉ tìm thấy sự nương tựa nơi Thế Tôn, liền bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama hãy hỏi tôi, tôi sẽ trả lời.

– Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như Ông nói: "Sắc là tự ngã của ta", thì Ông có quyền hành gì đối với sắc ấy và có nói được rằng: "Sắc của tôi phải như thế này, sắc của tôi không phải như thế này" không?

– Thừa không, Tôn giả Gotama.

– Hãy suy nghiệm kỹ, này Aggivessana. Sau khi suy nghiệm kỹ, này Aggivessana, Ông hãy trả lời. Lời nói cuối của Ông không phù hợp lời nói đầu của Ông, lời nói đầu của Ông không phù hợp lời nói cuối của Ông. Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như Ông nói: "Thọ là tự ngã của ta", Ông có quyền hành gì đối với thọ ấy và có nói được, rằng: "Thọ của tôi

phải như thế này, thọ của tôi không phải như thế này" không?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Hãy suy nghiệm kỹ, này Aggivessana. Sau khi suy nghiệm kỹ, này Aggivessana, Ông hãy trả lời. Lời nói cuối của Ông không phù hợp lời nói đầu của Ông, lời nói đầu của Ông không phù hợp lời nói cuối của Ông. Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như Ông nói: "Tuởng là tự ngã của ta", Ông có quyền hành gì đối với tuởng ấy và có nói được rằng: "Tuởng của tôi phải như thế này, tuởng của tôi không phải như thế này" không?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Hãy suy nghiệm kỹ, này Aggivessana. Sau khi suy nghiệm kỹ, này Aggivessana, Ông hãy trả lời. Lời nói cuối của Ông không phù hợp lời nói đầu của Ông, lời nói đầu của Ông không phù hợp lời nói cuối của Ông. Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như Ông nói: "Các hành là tự ngã của ta", Ông quyền hành gì đối với tự ngã ấy và có nói được rằng: "Các hành của tôi phải như thế này, các hành của tôi không phải như thế này" không?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Hãy suy nghiệm kỹ, này Aggivessana. Sau khi suy nghiệm kỹ, này Aggivessana, Ông hãy trả lời. Lời nói cuối của Ông không phù hợp lời nói đầu của Ông, lời nói đầu của Ông không phù hợp lời nói cuối của Ông. Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Như Ông nói: "Thức là tự ngã của ta", Ông quyền hành gì đối với tự ngã ấy và có nói được rằng: "Thức của tôi phải như thế này, thức của tôi không phải như thế này" không?

- Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Hãy suy nghiệm kỹ, này Aggivessana. Sau khi suy nghiệm kỹ, này Aggivessana, Ông hãy trả lời. Lời nói cuối của Ông không phù hợp lời nói đầu của Ông, lời nói đầu của Ông không phù hợp lời nói cuối của Ông.

Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?

– Vô thường, Tôn giả Gotama.

– Cái gì vô thường thì cái ấy là khổ hay lạc?

– Là khổ, Tôn giả Gotama.

– Cái gì vô thường, khổ, biến hoại; có hợp lý

chẳng khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thừa không, Tôn giả Gotama.

– Nay Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Thọ... (như trên)... tưởng... (như trên)... các hành... (như trên)... Nay Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Thức là thường hay vô thường?

– Vô thường, Tôn giả Gotama.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, Tôn giả Gotama.

– Cái gì vô thường, khổ, biến hoại; có hợp lý chẳng khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Thừa không, Tôn giả Gotama.

– Nay Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Ai ái luyến khổ, chấp trước khổ, tham đắm khổ, quán khổ và nói: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi". Người ấy có thể liễu tri cái khổ của tự mình hay có thể sống trừ diệt khổ không?

– Làm sao có thể được, Tôn giả Gotama? Không thể như vậy, Tôn giả Gotama.

– Nay Aggivessana, như một người muốn được lõi cây, tìm cầu lõi cây, đi chỗ này chỗ kia tìm kiếm lõi cây. Người ấy cầm một cái búa sắc bén, đi vào rừng. Người ấy có thể thấy ở đây thân một cây chuối lớn thẳng đứng, còn trẻ, không có khúc đốt. Người ấy có thể chặt gốc cây ấy. Sau khi chặt gốc cây, người ấy chặt ngọn cây. Sau khi chặt ngọn cây, người ấy có thể lột ra các lá cuộn tròn. Nhưng khi lột ra các lá cuộn tròn, người ấy không tìm được giác cây, còn nói gì đến lõi cây.

Cũng vậy này Aggivessana, khi được Ta hỏi, Ta cật vấn, Ta chất vấn về những lời của Ông, Ông đã tự tỏ ra trống rỗng, trống không, thất bại. Nhưng này Aggivessana, những lời nói mà Ông tuyên bố cho hội chúng ở Vesali: *"Ta không thấy một Sa-môn hay Bà-la-môn nào, là vị Hội chủ, là vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội, dầu có tự cho là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, khi đối thoại với Ta, không ai là không run sợ, không hoảng sợ, không khiếp sợ, không ai là không bị toát mồ hôi nách. Dầu Ta có đối thoại với một cột trụ vô tình, cột trụ ấy khi đối thoại với ta cũng run sợ, cũng hoảng sợ, cũng khiếp sợ, huống nữa là một người thường"*. Nhưng chính

từ nơi trán của Ông, này một người thường. Nhưng chính từ nơi trán của ông, này Aggivessana, những giọt mồ hôi đang chảy xuống, sau khi thấm qua thượng y, đang rơi xuống đất. Còn Ta, này Aggivessana, nay không có mồ hôi nào trên thân Ta.

Rồi Thế Tôn để lộ kim thân cho Hội chúng ấy thấy. Khi nghe nói vậy, Niganthaputta Saccaka im lặng, hồ thẹn, thụt vai, cúi đầu, ngồi bàng hoàng, không nói một lời.

Rồi Dummukha, một người con Licchavi, biết được Niganthaputta Saccaka im lặng, hồ thẹn, thụt vai, cúi đầu, ngồi bàng hoàng, không nói một lời, liền bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con có một ví dụ.

Thế Tôn nói:

– Này Dummukha, hãy nói lên ví dụ ấy.

– Bạch Thế Tôn, như một hồ sen không xa làng hay thị trấn bao nhiêu, ở đây có con cua. Bạch Thế Tôn, rồi một số đông con trai hay con gái đi ra khỏi làng hay thị trấn ấy, đến tại hồ sen kia, sau khi đến, lặn xuống hồ nước ấy bắt con cua lên và đặt nó trên đất khô. Bạch Thế Tôn, **khi con cua này thò ra cái**

càng nào, thì các đũa con trai hay con gái ấy, với cái gậy hay miếng sành, chặt, bẻ gãy và đập nát cái càng ấy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con của ấy bị chặt, bị bẻ gãy, bị đập nát tất cả càng, không thể lợi xuống hồ sen ấy như trước.

Cũng vậy, bạch Thế Tôn, mọi khúc thuyết, gian kế, tranh luận của Niganthaputta Saccaka đã bị Thế Tôn chặt đứt, bẻ gãy, đập tan. Và nay, bạch Thế Tôn, Niganthaputta Saccaka, không thể đến gặp Thế Tôn, chớ đừng nói là có ý định đàm luận.

Khi được nghe nói vậy, Niganthaputta Saccaka nói với Licchavi Dummukha:

– Ông hãy ngừng nói, Dummukha! Ông hãy ngừng nói, Dummukha! Chúng tôi không đàm luận với Ông. Chúng tôi đang đàm luận với Tôn giả Gotama. Tôn giả Gotama, hãy để yên những lời nói của chúng tôi và lời nói của các Sa-môn, Bà-la-môn khác. Tôi nghĩ cuộc đàm luận vô bổ này thật đáng hối tiếc! *Cho đến mức độ nào, một đệ tử Thanh văn của Tôn giả Gotama trở thành tuân phụng giáo điển, chấp nhận giảng huấn, nghỉ ngơi được đoạn trừ, do dự được diệt tận, thành tựu vô úy, sống trong giáo hội Bốn Sư, khỏi phải nương tựa vào ai?*

– Ở đây, này Aggivessana, đệ tử Thanh văn của

Ta, đối với mọi **sắc** pháp, quá khứ, tương lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, thấy như thật với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Đối với mọi **cảm thọ**... đối với mọi **tướng**... đối với mọi **hành**... đối với mọi **thức**, quá khứ, tương lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, thấy như thật với chánh trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Cho đến mức độ như vậy, này Aggivessana, một đệ tử Thanh văn của Ta trở thành tuân phụng giáo điển, chấp nhận giảng huấn, nghi ngờ được đoạn trừ, do dự được diệt tận, thành tựu vô úy, sống trong giáo hội Bốn Sư, khỏi phải nương tựa một ai.

– Cho đến mức độ nào, này Tôn giả Gotama, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, các mục tiêu đạt, hữu kiết sử đã đoạn trừ, được chánh trí giải thoát?

– Ở đây, này Aggivessana, Tỷ-kheo đối với bất cứ sắc pháp nào, quá khứ, tương lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả các sắc pháp, sau khi như thật quán sát với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải

là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", chứng được vô chấp thủ giải thoát. Đối với bất cứ thọ nào... bất cứ tưởng nào... bất cứ hành nào... đối với bất cứ thức nào, quá khứ, tương lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả các thức, sau khi như thật quán sát với chánh trí tuệ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", **chứng được vô chấp thủ giải thoát**. Cho đến mức độ này, này Aggivessana, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm đã đặt gánh nặng xuống, các mục tiêu đã đạt, hữu kiết sử đã đoạn trừ, được chánh trí giải thoát. *Với tâm giải thoát như vậy, này Aggivessana, Tỷ-kheo thành tựu ba pháp vô thượng: Kiến vô thượng, Đạo vô thượng, Giải thoát vô thượng.* **Được giải thoát như vậy, này Aggivessana, vì ấy chỉ kính lễ, tôn trọng, dẫn lễ, cúng dường Như Lai:** "Thế Tôn đã giác ngộ, Ngài thuyết pháp để giác ngộ. Thế Tôn đã điều phục, Ngài thuyết pháp để điều phục. Thế Tôn đã tịch tĩnh, Ngài thuyết pháp để tịch tĩnh. Thế Tôn đã vượt qua, Ngài thuyết pháp để vượt qua. Thế Tôn đã chứng Niết-bàn, Ngài thuyết pháp để chứng Niết-bàn".

Được nghe nói vậy, Niganthaputta bạch với Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, chúng tôi thật là lỗ mãng, chúng tôi thật là khinh suất. Chúng tôi đã dám nghĩ dùng lời nói để luận chiến với Tôn giả Gotama! Này Tôn giả Gotama, **rất có thể còn có sự an toàn cho một người chiến đấu với con voi điên, nhưng không thể có sự an toàn cho một người chiến đấu chống Tôn giả Gotama!** Này Tôn giả Gotama, rất có thể còn có sự an toàn cho một người chiến đấu chống đám lửa hừng, nhưng không thể có sự an toàn cho một người chiến đấu chống Tôn giả Gotama! Này Tôn giả Gotama, rất có thể còn có sự an toàn cho một người chiến đấu với con rắn độc dữ tợn, nhưng không thể có sự an toàn cho một người chiến đấu với Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, chúng tôi thật là lỗ mãng, chúng tôi thật là khinh suất. Chúng tôi đã dám nghĩ, dùng lời nói để luận chiến với Tôn giả Gotama! Mong Tôn giả Gotama nhận lời, ngày mai dùng bữa ăn của tôi cùng với chúng Tỷ-kheo!

Thế Tôn im lặng nhận lời.

Rồi Niganthaputta Saccaka, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, liền nói với các Licchavi:

– Các Tôn giả Licchavi hãy nghe tôi. Sa-môn Gotama ngày mai được mời ăn với chúng Tỷ-kheo. Hãy đem đến cho tôi những gì quý vị nghĩ là hợp

thời.

Rồi những Licchavi ấy, sau khi đêm ấy đã mãn cho đem đến Niganthaputta Saccaka khoảng năm trăm phần com cúng dường nấu với sữa. Rồi Niganthaputta Saccaka, tại vườn của mình, cho soạn các món ăn thịnh soạn, loại cứng và loại mềm, rồi cho báo tin giờ cho Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, nay đã đến giờ. Com đã sửa soạn xong.

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến khu vườn của Niganthaputta Saccaka, sau khi đến, Ngài ngồi trên chỗ đã soạn sẵn cùng với chúng Tỷ-kheo. Rồi Niganthaputta Saccaka, tự tay hầu hạ các món ăn thịnh soạn loại cứng và loại mềm cho chúng Tỷ-kheo, cầm đầu là đức Phật. Rồi Niganthaputta sau khi biết Thế Tôn dùng bữa ăn đã xong, tay đã rời khỏi bát, liền lấy một chiếc ghế thấp khác và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Niganthaputta Saccaka bạch Thế Tôn:

– Nay Tôn giả Gotama, trong cuộc bố thí này, nếu có công đức và công đức địa, mong rằng những vị bố thí sẽ được hưởng hạnh phúc.

– Nay Aggivessana, sẽ có (công đức) cho những

người bố thí, đối với người đáng được cúng dường như Ông, dầu Ông không phải là không có tham, không phải là không có sân, không phải là không có si; sẽ có (công đức) cho Ông, này Aggivessana, đối với người đáng được cúng dường như Ta, và **Ta là người không có tham, không có sân, không có si.**

131 Không phòng hộ thân - dục tình phá hoại tâm vị ấy - Kinh CATUMA – 67 Trung II, 253

KINH CATUMA

(Catuma sutta)

– Bài kinh số 67 – Trung II, 253

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở tại Catuma trong rừng cây Kha-lưu-lạc. Lúc bấy giờ, khoảng năm trăm Tỷ-kheo, do Sariputta và Moggallana cầm đầu cùng đến Catuma để yết kiến Thế Tôn. Và các Tỷ-kheo mới đến chào đón các vị cư trú Tỷ-kheo. Trong khi các sàng tọa được sửa soạn và y bát được cất dọn, nên các tiếng náo động ồn ào khởi lên. Rồi Thế Tôn bảo Tôn giả Ananda:

– Nay Ananda, các tiếng náo động ồn ào kia là các tiếng gì, thật giống như tiếng hàng đánh cá tranh giành cá với nhau.

– "Bạch Thế Tôn, đó là khoảng năm trăm Tỷ-kheo, do Sariputta và Moggallama cầm đầu, đã đến

Catuma để yết kiến Thế Tôn. Và các Tỷ-kheo mới đến chào đón các vị cư trú Tỷ-kheo. Trong khi các sàng tọa được sửa soạn và y bát được cất dọn, các tiếng náo động ồn ào khởi lên.

– "Vậ này Ananda, hãy nhân danh Ta bảo các Tỷ-kheo ấy: "Bậc Đạo Sư cho gọi các Tôn giả".

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, đi đến chỗ các Tỷ-kheo ấy, sau khi đến, nói với các Tỷ-kheo ấy như sau:

– Bậc Đạo Sư cho gọi các Tôn giả.

– Thừa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ananda, đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy đang ngồi một bên:

– Này các Tỷ-kheo, các Ông có nghĩ chẳng, các tiếng náo động ồn ào thật giống như tiếng hàng đánh cá tranh giành cá với nhau?

– Bạch Thế Tôn, đó là khoảng năm trăm Tỷ-

kheo, do Sariputta và Moggallana dẫn đầu, đã đến Catuma để yết kiến Thế Tôn và các Tỷ-kheo mới đến chào đón các vị cư trú Tỷ-kheo. Trong khi các sàng tọa được sửa soạn và y bát được cất dọn, các tiếng náo động ồn ào khởi lên.

– Hãy đi đi này các Tỷ-kheo, Ta đuổi các Ông. Các Ông chớ có ở gần Ta.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, dọn dẹp lại sàng tọa, cầm lấy y bát rồi ra đi.

Lúc bấy giờ, các Thích tử trú ở Catuma đang hội họp tại giảng đường vì một vài công cụ. Các Thích tử trú ở Catuma thấy các Tỷ-kheo ấy từ xa đi đến, sau khi thấy liền đến gặp các Tỷ-kheo, sau khi đến bèn nói như sau:

– Nay chư Tôn giả đi đâu?

– Chư Huynh, chúng Tỷ-kheo bị Thế Tôn đuổi đi.

– Chư Tôn giả hãy ngồi lại một lát. Chúng tôi có thể làm cho Thế Tôn vui lòng.

– Thừa vâng, chư Huynh.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp các Thích tử trú ở Catuma. Rồi các Thích tử trú ở Catuma đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các Thích tử trú ở Catuma bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy hoan hỷ với chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy tiếp đón chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, ví như trước kia, chúng Tỷ-kheo đã được Thế Tôn giúp đỡ, cũng như vậy, mong nay Thế Tôn hãy giúp đỡ chúng Tỷ-kheo.
- Bạch Thế Tôn, ở đây, có những vị tân Tỷ-kheo, xuất gia chưa được bao lâu, vừa mới đến trong pháp luật này. Không được yết kiến Thế Tôn, họ có thể đổi khác, họ có thể biến dạng.
- Ví như, bạch Thế Tôn, các hạt giống cây nêu không được nước, chúng có thể đổi khác, chúng có thể biến dạng. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, ở đây có những vị tân Tỷ-kheo, xuất gia chưa được bao lâu, vừa mới đến trong pháp luật này. Không được yết kiến Thế Tôn, họ có thể đổi khác, họ có thể biến dạng.
- Ví như, bạch Thế Tôn, con ghé nếu không

được thấy con bò mẹ, chúng có thể đổi khác, chúng có thể biến dạng. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, ở đây có những vị tân Tỷ-kheo, xuất gia chưa được bao lâu, vừa mới đến trong pháp luật này. Không được yết kiến Thế Tôn, họ có thể đổi khác, họ có thể biến dạng.

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy hoan hỷ với chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy tiếp đón chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, ví như trước kia, chúng Tỷ-kheo đã được Thế Tôn giúp đỡ; cũng như vậy, mong nay Thế Tôn hãy giúp đỡ chúng Tỷ-kheo.

Rồi Phạm thiên Sahampati (Ta bà Chủ) với tâm của mình biết được tâm Thế Tôn. Như người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra. Cũng như vậy, Phạm thiên biến mất ở Phạm thiên giới và hiện ra trước mặt Thế Tôn. Rồi Phạm thiên Sahampati, đắp thượng y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy hoan hỷ với chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy tiếp đón chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, ví như trước kia chúng Tỷ-kheo đã được Thế Tôn giúp đỡ; cũng như vậy, mong nay Thế Tôn hãy giúp đỡ chúng Tỷ-kheo.

- Bạch Thế Tôn, ở đây, có những tân Tỷ-kheo, xuất gia chưa được bao lâu, vừa mới đến trong pháp luật này. Không được yết kiến Thế Tôn, họ có thể đổi khác, họ có thể biến dạng.
- Ví như, bạch Thế Tôn, các hạt giống cây nếu không được nước, chúng có thể đổi khác, chúng có thể biến dạng; cũng vậy, bạch Thế Tôn, ở đây, có những vị tân Tỷ-kheo, xuất gia chưa được bao lâu, vừa mới đến trong pháp luật này. Không được yết kiến Thế Tôn, họ có thể đổi khác, họ có thể biến dạng.
- Ví như, bạch Thế Tôn, con nghé, nếu không được thấy con bò mẹ, nó có thể đổi khác, nó có thể biến dạng; cũng vậy, bạch Thế Tôn, ở đây, có những tân Tỷ-kheo, xuất gia chưa được bao lâu, vừa mới đến trong pháp luật này. Không được yết kiến Thế Tôn, họ có thể đổi khác, họ có thể biến dạng.
- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy hoan hỷ với chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy tiếp đón chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, ví như trước kia, chúng Tỷ-kheo đã được Thế Tôn giúp đỡ; cũng như vậy, mong nay Thế Tôn hãy giúp đỡ chúng Tỷ-kheo.

Các thích tử ở Catuma và Phạm thiên Sahampati

đã có thể làm Thế Tôn vui lòng với ví dụ hột giống và ví dụ con nghé con.

Rồi Tôn giả Mahamoggallana bảo các Tỷ-kheo:

– Chư Hiền, hãy đứng dậy! Hãy cầm lấy y và bình bát! Thế Tôn đã được các Thích tử trú ở Catuma và Phạm thiên Sahampati làm cho vui lòng với **ví dụ hột giống và ví dụ con nghé con**.

– Thừa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahamoggallana, từ chỗ ngồi đứng dậy, cầm lấy y bát, đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Sariputta đang ngồi một bên:

☞ *Này Sariputta, Ông đã nghĩ gì khi chúng Tỷ-kheo bị Ta đuổi?*

– Bạch Thế Tôn, khi chúng Tỷ-kheo bị Thế Tôn đuổi, con nghĩ như sau: "Nay Thế Tôn sẽ được ít bận rộn, sẽ được an trú trong hiện tại lạc. Chúng con nay cũng được ít bận rộn, sẽ được an trú trong hiện tại lạc."

– Này Sariputta, hãy chờ đợi! Này Sariputta,

hãy chờ đợi! Nay Sariputta, **chớ có để tư tưởng như vậy khởi lên Ông nữa.**

Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Mahamoggallana:

☞ *Này Moggallana, Ông đã nghĩ gì khi chúng Tỷ-kheo bị Ta đuổi?*

– Bạch Thế Tôn, khi chúng Tỷ-kheo bị Thế Tôn đuổi, con nghĩ như sau: "Nay Thế Tôn sẽ được ít bận rộn, sẽ được an trú trong hiện tại lạc. Và nay con và Tôn giả Sariputta sẽ lãnh đạo chúng Tỷ-kheo."

– **Lành thay, lành thay, Moggallana. Nay Moggallana, chỉ có Ta hay Sariputta và Moggallana mới có thể lãnh đạo chúng Tỷ-kheo được.**

Rồi Thế Tôn cho gọi các Tỷ-kheo:

❖ **Này các Tỷ-kheo, có bốn điều đáng sợ hãi chờ đợi những ai lợi xuống nước. Thế nào là bốn?**

- Sợ hãi về sóng,
- Sợ hãi về cá sấu,
- Sợ hãi về nước xoáy,
- Sợ hãi về cá dữ.

Này các Tỷ-kheo, bốn điều đáng sợ hãi này chờ đợi những ai lợi xuống nước.

❖ **Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có bốn điều đáng sợ hãi này, ở đây, chờ đợi những người xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình trong Pháp Luật này. Thế nào là bốn?**

- Sợ hãi về sống,
- Sợ hãi về cá sấu,
- Sợ hãi về nước xoáy,
- Sợ hãi về cá dữ.

☞ **Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **sợ hãi về sống**?**

- ⇒ Ở đây, này các Tỷ-kheo, có Thiện gia nam tử vì lòng tin, xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta bị sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, áp bức, bị khổ áp bức, bị khổ chi phối. Tuy vậy ta mong có thể thấy được sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này".
- ⇒ Khi được xuất gia như vậy, vị này được các vị đồng Phạm hạnh giảng dạy, khuyên giáo: "**Ông cần phải đi ra như vậy**, Ông cần phải đi về như vậy; Ông cần phải ngó tới như vậy, Ông cần phải ngó quanh như vậy; Ông cần phải co tay như vậy, Ông cần phải duỗi tay như vậy; Ông

cần phải mang y sanghati (tăng-già-lê), mang y bát như vậy".

⇒ Vị ấy suy nghĩ như sau: "Trước kia, chúng ta chưa xuất gia, chính chúng ta giảng dạy, khuyên giáo người khác. Những người này giống như con chúng ta, giống như cháu chúng ta, lại nghĩ rằng cần phải giảng dạy chúng ta, cần phải khuyên giáo chúng ta". Vị ấy từ bỏ học tập, và trở về hoàn tục.

⇒ Như vậy, này các Tỷ-kheo, người này từ bỏ sự học tập và trở về hoàn tục, được gọi là người bị sợ hãi bởi sự sợ hãi về sống. Này các Tỷ-kheo, sợ hãi về sống là đồng nghĩa với phần nào.

☞ **Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sợ hãi về cái sấu?**

⇒ Ở đây, này các Tỷ-kheo, có Thiện gia nam tử vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta bị sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não áp bức, bị khổ áp bức, bị khổ chi phối. Tuy vậy ta mong có thể thấy được sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này".

⇒ Khi được xuất gia như vậy, vị này được các vị đồng Phạm hạnh giảng dạy, khuyên giáo: "**Ông nên nhai cái này**, Ông không nên nhai cái này; Ông nên ăn cái này, Ông không nên ăn cái này;

Ông nên nếm cái này, Ông không nên nếm cái này; Ông nên uống cái này, Ông không nên uống cái này. Cái gì được phép, Ông nên nhai; cái gì không được phép, Ông không nên nhai. Cái gì được phép, Ông nên ăn; cái gì không được phép, Ông không nên ăn. Cái gì được phép, Ông nên nếm; cái gì không được phép, Ông không nên nếm. Cái gì được phép, Ông nên uống; cái gì không được phép, Ông không nên uống. Đúng thời, Ông nên nhai, không đúng thời, Ông không nên nhai. Đúng thời, Ông nên ăn; không đúng thời, Ông không nên ăn. Đúng thời, ông nên nếm; không đúng thời, Ông không nên nếm. Đúng thời, Ông nên uống; không đúng thời, Ông không nên uống".

⇒ Vị ấy suy nghĩ như sau: "Trước kia chúng ta chưa xuất gia, cái gì chúng ta muốn, chúng ta nhai, cái gì chúng ta không muốn, chúng ta không nhai; cái gì chúng ta muốn, chúng ta ăn; cái gì chúng ta không muốn, chúng ta không ăn; cái gì chúng ta muốn, chúng ta nếm, cái gì chúng ta không muốn, chúng ta không nếm; cái gì chúng ta muốn, chúng ta uống; cái gì chúng ta không muốn, chúng ta không uống. Cái gì được phép, chúng ta nhai; cái gì không được phép, chúng ta cũng nhai. Cái gì được phép, chúng ta ăn; cái gì không được phép, chúng ta

cũng ăn. Cái gì được phép, chúng ta nếm; cái gì không được phép, chúng ta cũng nếm. Cái gì được phép, chúng ta uống; cái gì không được phép, chúng ta cũng uống. Cái gì đúng thời, chúng ta nhai; cái gì phi thời, chúng ta cũng nhai. Cái gì đúng thời, chúng ta ăn; cái gì phi thời chúng ta cũng ăn. Cái gì đúng thời, chúng ta nếm; cái gì phi thời chúng ta cũng nếm. Cái gì đúng thời, chúng ta uống; cái gì phi thời chúng ta cũng uống. Khi các gia chủ có tín tâm cúng dường chúng ta những món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm, hình như các món ăn ấy đang bị chặn đứng lại trên miệng". Vị ấy từ bỏ học tập, và trở về hoàn tục.

⇒ Như vậy, này các Tỷ-kheo, người này từ bỏ học tập, và trở về hoàn tục, được gọi là người bị sợ hãi bởi sự sợ hãi về cá sấu. Này các Tỷ-kheo, sợ hãi về cá sấu là đồng nghĩa với tham ăn.

☞ **Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sợ hãi về nước xoáy?**

⇒ Ở đây, này các Tỷ-kheo, có Thiện gia nam tử vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta bị sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, áp bức, bị khổ áp bức, bị khổ chi phối. Tuy vậy, ta mong có thể thấy được sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn

này".

⇒ Khi được xuất gia như vậy, vị này buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào làng hay thị trấn để khát thực, không phòng hộ thân, không phòng hộ lời nói, niệm không an trú, các căn không chế ngự. Ở đây, vị này thấy gia chủ hay con người gia chủ hưởng thụ một cách đầy đủ, năm dục trưởng dưỡng và cảm thấy hoan hỷ trong ấy.

⇒ Vị ấy suy nghĩ như sau: "Chúng ta xưa kia chưa xuất gia đã hưởng thọ một cách đầy đủ năm dục trưởng dưỡng và cảm thấy hoan hỷ trong ấy. Vì nhà ta có tài sản, ta có thể vừa hưởng thọ tài sản, vừa làm công đức", vị ấy từ bỏ học tập và trở về hoàn tục.

⇒ Như vậy, này các Tỷ-kheo, vị này từ bỏ học tập và trở về hoàn tục, được gọi là người bị sợ hãi bởi sự sợ hãi về nước xoáy. Này các Tỷ-kheo, sợ hãi về nước xoáy là đồng nghĩa với năm dục trưởng dưỡng.

☞ **Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sợ hãi về cá dữ?**

⇒ Ở đây, này các Tỷ-kheo, có Thiện gia nam tử vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta bị sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não áp bức, bị khổ

áp bức, bị khổ chi phối. Tuy vậy, ta mong có thể thấy được sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này".

- ⇒ Khi được xuất gia như vậy, vị này buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào làng hay thị trấn để khát thực, **không phòng hộ thân, không phòng hộ lời nói, niệm không an trú, các căn không chế ngự. Vị này thấy ở đây các phụ nữ y phục không đoan chánh, hay y phục mặc lộ liễu.**
- ⇒ Khi thấy các phụ nữ y phục không đoan chính hay y phục lộ liễu, **dục tình phá hoại tâm của vị ấy.** Vị này, tâm bị dục tình phá hoại, từ bỏ học tập, trở về hoàn tục.
- ⇒ Như vậy, này các Tỷ-kheo, người này từ bỏ học tập và trở về hoàn tục, được gọi là người bị sợ hãi bởi sự sợ hãi về cá dũ. Này các Tỷ-kheo, **sợ hãi về cá dũ là đồng nghĩa với phụ nữ.**

Này các Tỷ-kheo, những điều này là bốn điều đáng sợ hãi ở đây, chờ đợi những người xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong pháp luật này.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

132 Không phóng dật, niệm và Tâm hộ trì - Kinh HỘ TRÌ – Tăng II, 43

HỘ TRÌ – Tăng II, 43

1. - Trong bốn trường hợp, này các Tỷ-kheo, **không phóng dật, niệm và tâm hộ trì** cần phải làm do tự mình. Thế nào là bốn?

- Với ý nghĩ: "**Mong rằng đối với các pháp khiến cho tham đắm, tâm ta chớ có tham đắm!**", **không phóng dật, niệm và tâm hộ trì** cần phải làm do tự mình.
- Với ý nghĩ: "**Mong rằng đối với các pháp khiến cho sân hận, tâm ta chớ có sân hận!**", không phóng dật, niệm và tâm hộ trì cần phải làm do tự mình.
- Với ý nghĩ: "**Mong rằng đối với các pháp khiến cho si mê, tâm ta chớ có si mê!**", không phóng dật, niệm và tâm hộ trì cần phải làm do tự mình.
- Với ý nghĩ: "**Mong rằng đối với các pháp khiến cho say đắm, tâm ta chớ có say đắm!**", không phóng dật, niệm và tâm hộ trì cần phải làm do tự mình.

2. Khi nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các pháp khiến cho tham đắm, tâm không tham đắm, tư ngã được ly tham; đối với các pháp khiến cho sân hận, tâm không sân hận, tư ngã được ly sân; đối với các pháp khiến cho si mê, tâm không si mê, tư ngã được ly si; đối với các pháp khiến cho say đắm, tâm không say đắm, tư ngã được ly đắm say; **thời vị ấy không có sợ hãi, không có dao động, không có hốt hoảng, không rơi vào hoảng sợ, không có đi do nhân các Sa-môn có nói gì.**

133 Không phải do cầu xin mà được - Không có thần lực nào để... - Kinh CẤP THIẾT – Tăng I, 435

CẤP THIẾT – Tăng I, 435

1. - **Này các Tỷ-kheo, có ba việc cấp thiết này, người nông phu gia chủ cần phải làm.** Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người nông phu gia chủ mau lẹ khéo cày thửa ruộng, khéo bừa thửa ruộng, sau khi mau lẹ khéo cày thửa ruộng, khéo bừa thửa ruộng, liền mau lẹ gieo hạt giống, sau khi mau lẹ gieo hạt giống, liền mau lẹ cho nước vô, cho nước ra. Này các Tỷ-kheo, đây là ba việc cấp thiết mà người nông phu gia chủ cần phải làm.

Người nông phu gia chủ ấy, này các Tỷ-kheo, không có thần lực hay không có uy lực (để ra lệnh): "Hôm nay lúa của ta được mọc lên, ngày mai chúng sẽ trở hạt, ngày kế tiếp chúng sẽ chín".

Nhưng chính theo thời gian của người nông phu gia chủ, các cây lúa do sự hướng dẫn của thời tiết được mọc lên, được trở hạt và được chín.

2. **Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có ba công việc cấp thiết này Tỷ-kheo cần phải làm.** Thế nào là ba?

- *Chấp hành tăng thượng giới học,*
- *Chấp hành tăng thượng tâm học,*
- *Chấp hành tăng thượng tuệ học.*

Ba công việc cấp thiết này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải làm.

- ➔ Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy, ***không có thần lực hay không có uy lực (để ra lệnh): "Hôm nay, tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ, ngày mai cũng vậy, ngày kế tiếp cũng vậy".***
- ➔ Nhưng này các Tỷ-kheo, ***chính do thời gian Tỷ-kheo ấy sử dụng để học tập tăng thượng giới, để học tập tăng thượng tâm, để học tập tăng thượng tuệ, mà tâm được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.***

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau:

- "Sắc bén là ***ước muốn*** của ta để chấp hành tăng thượng giới học.
- Sắc bén là ***ước muốn*** của ta để chấp hành tăng thượng tâm học.
- Sắc bén là ***ước muốn*** của ta để chấp hành tăng thượng tuệ học".

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải học tập.

134 Không phải do cầu xin mà được - Kinh KHẢ LẠC – Tăng II, 379

KHẢ LẠC – Tăng II, 379

1. Rồi Gia chủ Anàthapindika đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Gia chủ Anàthapindika đang ngồi một bên:

2. - Có năm pháp này, này Gia chủ, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó tìm được ở đời.

Thế nào là năm?

- **Tuổi thọ** khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời;
- **Dung sắc** khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời;
- **An lạc** khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời;
- **Tiếng đồn tốt** khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời;
- **Cõi trời** khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời.

Này Gia chủ, năm pháp này, khả lạc, khả ý khó tìm được ở đời.

Này Gia chủ, năm pháp khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời này, Ta tuyên bố không phải do nhân cầu xin, không phải do nhân ước vọng mà có được.

3. Này Gia chủ, nếu năm pháp khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời này, do nhân cầu xin, do nhân ước vọng mà có được, **thời ai ở đời này lại héo mòn vì một lẽ gì?**

Này Gia chủ, vị Thánh đệ tử muốn có thọ mạng, không có thể do cầu xin thọ mạng hay tán thán để làm nhân đem lại thọ mạng. *Vị Thánh đệ tử muốn có thọ mạng cần phải thực hành con đường dẫn đến thọ mạng.* Do vị ấy thực hành con đường dẫn đến thọ mạng, sự thực hành ấy đưa vị ấy nhận lãnh được thọ mạng, vị ấy nhận lãnh được thọ mạng hoặc Chư Thiên, hoặc loài Người.

4. Này Gia chủ, vị Thánh đệ tử muốn có dung sắc, không có thể do cầu xin dung sắc hay tán thán để làm nhân đem lại dung sắc. *Vị Thánh đệ tử muốn có dung sắc cần phải thực hành con đường dẫn đến dung sắc.* Do vị ấy thực hành con đường dẫn đến dung sắc, sự thực hành ấy đưa vị ấy nhận lãnh được dung sắc, vị

ấy nhận lãnh được dung sắc hoặc Chư Thiên, hoặc loài Người.

5. Nay Gia chủ, vị Thánh đệ tử muốn có an lạc, không có thể cầu xin an lạc hay tán thán để làm nhân đem đến an lạc. *Vị Thánh đệ tử muốn có an lạc cần phải thực hành con đường dẫn đến an lạc.* Do vị ấy thực hành con đường dẫn đến an lạc, sự thực hành ấy đưa đến vị ấy nhận lãnh được an lạc, vị ấy nhận lãnh được an lạc hoặc chư Thiên, hoặc loài Người.

6. Nay Gia chủ, vị Thánh đệ tử muốn có tiếng tốt, không có thể do cầu xin tiếng tốt hay tán thán để làm nhân đem đến tiếng tốt. *Vị Thánh đệ tử muốn có tiếng tốt cần phải thực hành con đường dẫn đến tiếng tốt.* Do vị ấy thực hành con đường dẫn đến tiếng tốt, sự thực hành ấy đưa vị ấy nhận lãnh được tiếng tốt, vị ấy nhận lãnh được tiếng tốt hoặc chư Thiên, hoặc loài Người

7. Nay Gia chủ, vị Thánh đệ tử muốn có được Thiên giới, không có do cầu xin Thiên giới hay tán thán để làm nhân đem đến Thiên giới. *Vị thánh đệ tử muốn có Thiên giới cần phải thực hành con đường dẫn đến Thiên giới.* Do vị ấy thực hành con đường dẫn đến Thiên giới, sự thực hành ấy đưa vị ấy nhận lãnh được Thiên giới, vị ấy nhận lãnh được Thiên giới.

*Thọ mạng và dung sắc,
Tiếng tốt và danh vọng,
Thiên giới và quý tộc,
Được người đời ngày đêm,
Luôn luôn và rộng mở,
Cầu xin và cầu nguyện.
Còn bậc Hiền tán thán,
Không phóng dật phước hành,
Bậc Hiền không phóng dật,
Chúng được hai lợi ích,
Lợi ích ngay hiện tại,
Và lợi ích đời sau,
Vị nào thực hiện được,
Lợi ích và mục đích,
Vị ấy đáng được gọi,
Bậc Trí giả, Hiền giả.*

135 Không phải do cầu xin mà được - Kinh Kinh TEVIJJA – 13 Trường I, 401

KINH TEVIJJA

(KINH TAM MINH)

– Bài kinh số 13 – Trường I, 401

1. Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn đang du hành ở Kosala (Cầu-tát-la) cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị và đi đến một làng Bà-la-môn ở Kosala tên là Manasàkata. Tại đây, ở Manasàkata, Thế Tôn trú tại một vườn xoài trên bờ sông Aciravati (A-trí-la-phạt-đề), phía Bắc làng Manasàkata.

2. Lúc bấy giờ, nhiều Bà-la-môn trú danh, đại phú hào ở tại Manasàkata như Bà-la-môn Canki (Thường-già), Bà-la-môn Tàrukkha (Đa-lê-xa) Bà-la-môn Pokkharasàti (Phí-già-la-bà-la), Bà-la-môn Jànussoni (Sanh Lậu), Bà-la-môn Todeyya (Đạo-đề-da) và nhiều Bà-la-môn trú danh, đại phú hào khác.

3. Lúc bấy giờ, một cuộc nghị luận về chánh đạo và tà đạo khởi lên giữa Vàsettha (Bà-tát-sá) và Bhàradvaja (Bạt-la-đà-phạn-xà) trong khi đi bách bộ để tĩnh dưỡng, vừa đi vừa suy nghĩ tư duy.

4. Thanh niên Bà-la-môn Vàsettha nói:

- Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo. Đó là con đường do Bà-la-môn Pokkharasàti giảng dạy.

5. Thanh niên Bà-la-môn Bhàradvāja nói:

- Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo, đó là con đường do Bà-la-môn Tàrukkha giảng dạy.

6. Thanh niên Bà-la-môn Vàsettha không thể thuyết phục được thanh niên Bà-la-môn Bhàradvāja và thanh niên Bà-la-môn Bhàradvāja, cũng không thể thuyết phục được thanh niên Bà-la-môn Vàsettha.

7. Khi ấy thanh niên Bà-la-môn Vàsettha nói với thanh niên Bà-la-môn Bhàradvāja:

- Nay Bhàradvāja, Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca, nay trú ở Manasākata, tại một vườn xoài trên bờ sông Aciravati, phía Bắc làng Manasākata. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Gotama: "Ngài là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ,

Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn". Nay Bhàradvāja, hãy đến Sa-môn Gotama và hỏi Sa-môn Gotama về nghĩa lý này, và Sa-môn Gotama trả lời như thế nào, chúng ta sẽ như vậy thọ trì.

- Tôn giả, xin vâng!

Thanh niên Bà-la-môn Bhàradvāja trả lời với thanh niên Bà-la-môn Vāsettha.

8. Lúc bấy giờ hai thanh niên Bà-la-môn Vāsettha và Bhàradvāja đến Thế Tôn, khi đã đến liền nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao với Thế Tôn và ngồi xuống một bên, khi ngồi xuống một bên, thanh niên Bà-la-môn Vāsettha bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, một cuộc nghị luận về chánh đạo và tà đạo khởi lên giữa hai chúng tôi trong khi đi bách bộ để tĩnh dưỡng vừa đi vừa suy nghĩ, tư duy. Tôi nói như vậy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo, đó là con đường do Bà-la-môn Pokkharasāti giảng dạy". Thanh niên Bà-la-môn Bhàradvāja nói như vậy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo, đó là con đường do Bà-la-môn Tàrukka giảng dạy". Tôn giả

Gotama , đó là sự tranh luận, sự luận chấp, đó là sự bất đồng ý kiến.

9. Này Vasettha, Người nói như vậy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo. Đó là con đường do Bà-la-môn Pokkharasàti giảng dạy". Còn thanh niên Bà-la-môn Bhàradvāja nói như vậy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo, đó là con đường do Bà-la-môn Tàrukkha giảng dạy". Này Vasettha, ở nơi đây tranh biện về vấn đề gì, luận chấp về vấn đề gì và bất đồng ý kiến về vấn đề gì?

10. - Tôn giả Gotama, về vấn đề chánh đạo và tà đạo. Tôn giả Gotama, nhiều Bà-la-môn thuyết dạy nhiều con đường sai khác như các vị Bà-la-môn Addhàriyà, các vị Bà-la-môn Tittiriya, và các vị Bà-la-môn Chandokà, các vị Bà-la-môn Chandavà, các vị Bà-la-môn Bràhmacariyà - tất cả con đường này hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo. Tôn giả Gotama, như gần làng hay gần tri trấn có nhiều con đường sai khác, nhưng tất cả con đường này đều dẫn đến làng. Cũng vậy, Tôn giả Gotama, nhiều Bà-la-môn thuyết dạy nhiều con đường sai khác - như các Bà-la-môn

Addhariyà, các vị Bà-la-môn Tittiriyà, các vị Bà-la-môn Chandokà, các vị Bà-la-môn Chandàvà, các vị Bà-la-môn Bràhmacariyà. Tất cả con đường này hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo.

- Nay Vàsettha, có phải Ngươi nói: "Chúng dẫn đến?"

- Tôn giả Gotama, vâng, tôi nói: "Chúng dẫn đến".

- Nay Vàsettha, có phải Ngươi nói: "Chúng dẫn đến".

- Tôn giả Gotama, vâng, tôi nói: "Chúng dẫn đến".

- Nay Vàsettha, có phải Ngươi nói: "Chúng dẫn đến".

- Tôn giả Gotama, vâng, tôi nói: "Chúng dẫn đến".

12. - Thế nào Vàsettha? Có Bà-la-môn nào trong những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà tận mắt đã thấy Phạm thiên?

- Tôn giả Gotama, không có vị nào.

- Thế nào Vàsettha? Có tôn sư nào của các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã tận mắt thấy Phạm thiên?

- Tôn giả Gotama, không có vị nào.

- Thế nào Vasettha? Có Bà-la-môn nào cho đến bảy đời tôn sư và đại tôn sư của những vị Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã tận mắt nhìn thấy Phạm thiên?

- Tôn giả Gotama, không có vị nào.

13. - Thế nào, này Vasettha. Những vị tu sĩ thời cổ trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia những thần chú được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh và ngày nay những vị Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà cũng hát lên, trì tụng và ngâm giảng như các vị Atthaka (A-sá-ca) Vamaka (Bà-ma), Vamadeva (Bà-ma-đề-bà), Angirasa (Ương-kỳ-sá), Bhàradvaja (Bạt-la-đà-phan-xà), Vasettha (Bà-tát-sá), Kassapa (Ca-diếp), Bhagu (Bà-cửu), những vị này có nói: "Chúng tôi biết, chúng tôi thấy chỗ ở Phạm thiên, chỗ đến Phạm thiên, chỗ đi Phạm thiên?"

- Tôn giả Gotama, không có vị nào.

14. - Này Vasettha, như vậy Người nói không có một Bà-la-môn nào trong những vị tinh thông ba tập Vedà đã tận mắt thấy Phạm thiên - không có một tôn sư nào của các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã

tận mắt thấy Phạm thiên, không có một đại tôn sư nào của các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà và đã tận mắt thấy Phạm thiên - không có một Bà-la-môn nào cho đến bảy đời đại tôn sư, tôn sư của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã tận mắt thấy Phạm thiên, trong những tu sĩ thời cổ, trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia những thần chú được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh và ngày nay những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà cũng hát lên, trì tụng và giảng dạy như các vị Atthaka, Vàmaka, Vàmadeva, Vessàmita, Yamataggi, Angirasa, Bhàradvāja, Vàsettha, Kassapa, Bhagu, không có một vị nào đã nói: "Chúng tôi biết, chúng tôi thấy Phạm thiên ở đâu, Phạm thiên từ đâu đến, Phạm thiên sẽ đi đâu". Như vậy các bà Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã nói: "Chúng tôi không biết, chúng tôi không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên, **nhưng chúng tôi thuyết dạy con đường ấy**: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo".

Này Vàsettha, Ngươi nghĩ thế nào? **Sự kiện là như vậy thời có phải lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chánh xác, hợp lý?**

- Tôn giả Gotama, sự kiện là như vậy thời lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chánh xác, hợp lý.

15. - Nay Vasettha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không biết, không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên mà thuyết dạy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo", thật không thể có sự kiện ấy. *Này Vasettha, ví như một chuỗi người mù ôm lưng nhau, người trước không thấy, người giữa cũng không thấy, người cuối cùng cũng không thấy.* Như vậy, nay Vasettha lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, người đầu không thấy, giữa cũng không thấy, người cuối cùng cũng không thấy, giống như lời nói mù quáng. Lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà như vậy là lời nói đáng chê cười, là lời nói suông, là lời nói không tưởng, là lời nói trống rỗng.

16. - Nay Vasettha, nhà Ngươi nghĩ thế nào? Các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà như phân đông nhiều người khác - có thể thấy mặt trăng, mặt trời không, trong khi các vị này cầu khẩn, tán thán, vừa đi xung quanh, vừa chấp tay và đánh lễ chỗ mặt trăng, mặt trời mọc và lặn?

- Thừa vâng, Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà như phần đông nhiều người khác có thể thấy mặt trăng, mặt trời, trong khi các vị này cầu khẩn, tán thán, vừa đi xung quanh, vừa chấp tay đánh lễ chỗ mặt trăng, mặt trời mọc và lặn.

17. - Này Vasettha, nhà Ngươi nghĩ thế nào? Các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà - như phần đông nhiều người khác thấy mặt trăng, mặt trời, trong khi các vị này cầu khẩn, tán thán, vừa đi xung quanh, vừa chấp tay và đánh lễ chỗ mặt trăng mặt trời mọc và lặn, những vị này có thể thuyết dạy con đường đưa đến sự cộng trú với mặt trăng mặt trời không? Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với mặt trăng, mặt trời cho những ai thực hành theo?

- Tôn giả Gotama, không thể được!

18. - Này Vasettha, Ngươi nói rằng các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà như phần đông nhiều người khác, thấy mặt trăng, mặt trời trong khi các vị này cầu khẩn tán thán, vừa đi xung quanh, vừa chấp tay và đánh lễ chỗ mặt trăng, mặt trời mọc và lặn, những vị này không có thể thuyết dạy con đường đưa đến sự cộng trú với mặt trăng mặt trời: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với mặt trăng, mặt trời cho những ai thực hành theo".

Người cũng nói các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các tôn sư, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các đại tôn sư các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các Bà-la-môn cho đến bảy đời đại tôn sư, tôn sư của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên. Người cũng nói trong những tu sĩ thời cổ trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, những vị sáng tác các thần chú, được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh và ngày nay những Bà-la-môn cũng hát lên, trì tụng và giảng dạy - như các vị Atthaka, Vàmaka, Vàmadeva, Vessàmitta, Yamataggi, Anigirasa, Bhàradvāja, Vàsettha, Kassapa, Bhagu, không có một vị nào đã nói: "Chúng tôi biết, chúng tôi thấy Phạm thiên ở đâu, Phạm thiên từ đâu đến, Phạm thiên sẽ đi đâu". Như vậy các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã nói: "Chúng tôi không biết, chúng tôi không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên, nhưng chúng tôi thuyết dạy con đường ấy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo". **Này Vàsettha, nhà Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chánh xác, hợp lý?"**

- Tôn giả Gotama, sự kiện là như vậy, thời lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chánh xác, hợp lý.

- Lành thay, này Vàsettha! Những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không biết, không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên mà thuyết dạy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo". **Thật không có sự kiện ấy.**

19. Này Vàsettha, như có người nói: "Tôi yêu và ái luyến một cô gái đẹp trong nước này". Có người hỏi: "Này bạn, cô gái đẹp mà Ông yêu và ái luyến ấy, Ông có biết là người giai cấp nào, là Sát-đế-ly, hay Bà-la-môn, hay Phệ-xá, hay Thủ-đà?" Khi được hỏi, người ấy trả lời không biết. Có người hỏi: "Này bạn, cô gái đẹp Ông yêu và ái luyến ấy, Ông có biết tên gì, họ gì, lớn người, thấp người hay người bậc trung? Da đen sẫm, da ngăm ngăm đen hay da hồng hào? Ở tại làng nào, ấp nào, hay thành phố nào?" Khi được hỏi vậy, người ấy trả lời không biết. Có người hỏi: "Này bạn, như vậy có phải Ông đã yêu và đã ái luyến một người Ông không biết, không thấy?" Được hỏi vậy, vị ấy trả lời phải. Này Vàsettha, Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của người kia là không chánh xác, hợp lý?

- Vâng phải, Tôn giả Gotama. Sự kiện là như vậy, thời lời nói của người kia không chánh xác, hợp lý.

20. - Cũng vậy, này Vàsettha, Người nói rằng các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các đại tôn sư các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các Bà-la-môn cho đến bảy đời đại tôn sư, tôn sư của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, không thể tận mắt thấy được Phạm thiên. Người cũng nói những tu sĩ thời cổ trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia các thần chú được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh và ngày nay những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà cũng hát lên, cũng trì tụng và giảng dạy như các vị Vàmaka, Vàmadeva, Vessàmitta, Yamataggi, Angirasa, Bhàradvāja, Vàsettha, Kassapa, Bhagu, không có một vị nào đã nói: "Chúng tôi biết, chúng tôi thấy Phạm thiên ở đâu, Phạm thiên từ đâu đến, Phạm thiên sẽ đi đâu". Như vậy các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã nói: "Chúng tôi không biết, chúng tôi không thấy con đường đưa đến sự cộng trú với Phạm thiên nhưng chúng tôi thuyết dạy con đường ấy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai

thực hành theo". *Này Vasettha, Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chánh xác, hợp lý?*

- Tôn giả Gotama, sự kiện là như vậy thời lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chánh xác, hợp lý.

- Lành thay, Vasettha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không biết, không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên mà thuyết dạy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo", thật không có sự kiện ấy.

21. Này Vasettha, như một người muốn xây tại ngã tư đường một cái thang để leo lên lầu. Có người hỏi: "Này bạn, Ông muốn xây một cái thang để leo lên lầu, vậy Ông có biết lầu ấy là về hướng Đông, hay về hướng Tây, hay về hướng Bắc, hay về hướng Nam? Nhà lầu ấy cao hay thấp, hay trung bình?". Được hỏi vậy, vị ấy trả lời không biết. Có người hỏi: "Này bạn, như vậy có phải Ông xây một cái thang để leo lên một cái lầu mà Ông không biết, không thấy?". Hỏi vậy, vị ấy trả lời phải. Này Vasettha, người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói

người kia không chánh xác, hợp lý?

- Vâng phải, bạch Thế Tôn. Sự kiện là như vậy thời lời nói của người kia là không chánh xác, hợp lý.

22. - Cũng vậy, này Vasettha. Người nói rằng các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các tôn sư các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các đại tôn sư các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các Bà-la-môn cho đến bảy đời đại tôn sư, tôn sư của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên. Người cũng nói trong những ẩn sĩ thời cổ trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia những thần chú được hát lên, được trì tụng, được bình tán và ngày nay những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà cũng hát lên, trì tụng và giảng dạy - như các vị Atthaka, Vamaka, Vàmadeva, Vessàmitta, Yamataggi, Angirasa, Bhàradvāja, Vasettha, Kassapa, Bhagu, không có một vị nào đã nói: "Chúng tôi biết, chúng tôi thấy Phạm thiên ở đâu, Phạm thiên từ đâu đến, Phạm thiên sẽ đi đâu?" Như vậy các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã nói: "Chúng tôi không biết, chúng tôi không thấy con đường đưa đến sự cộng trú

với Phạm thiên nhưng chúng tôi thuyết dạy con đường ấy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo". Nay Vasettha, người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy thời có phải lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chánh xác, hợp lý?

- Tôn giả Gotama, sự kiện là như vậy thời lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chính xác hợp lý.

23. - Lành thay, Vasettha. Những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không biết, không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên mà thuyết dạy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo". Thật không có sự kiện ấy.

*24. Nay Vasettha, như sông Aciravati này, đầy tràn cho đến bờ khiến con qua có thể uống được. Có người đến, có sự việc bên bờ bên kia, tìm đến bờ bên kia, hướng đến bờ bên kia và muốn lội qua bờ bên kia. Người đứng bờ bên này kêu bờ bên kia và nói: "**Bờ bên kia, hãy lại đây! Bờ bên kia, hãy lại đây**". Nay Vasettha, Người nghĩ thế nào? **Có phải vì người kia kêu gọi bờ bên kia, vì cầu khẩn, vì hy vọng, vì***

tán thán mà bờ bên kia của sông Aciravati đến bờ bên này không?

- Tôn giả Gotama, không thể vậy.

25. - Cũng vậy, này Vasettha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, loại bỏ những pháp tác thành người Bà-la-môn, tuân theo những pháp không tác thành người Bà-la-môn, những vị này đã nói: "Chúng tôi cầu khấn Indra (Nhân-đà-la), chúng tôi cầu khấn Soma (Tô-ma), chúng tôi cầu khấn Vanena (Bà-lưu-va), chúng tôi cầu khấn Isàna (Y-sa-na), chúng tôi cầu khấn Pajàpati (Sanh chủ), chúng tôi cầu khấn Brahmà (Phạm thiên), chúng tôi cầu khấn Mahiddhi (Ma-hi-đề), chúng tôi cầu khấn Yama (Dạ-ma). *Này Vasettha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà ấy, loại bỏ những pháp tác thành người Bà-la-môn - vì kêu gọi, vì cầu khấn, vì hy vọng, vì tán thán, sau khi thân hoại mạng chung, những vị ấy sẽ cộng trú với Phạm thiên - Thật không có sự kiện ấy.*

26. - *Này Vasettha, như sông Aciravati này, đầy tràn cho đến bờ khiến con qua có thể uống được. Có người đến, có sự việc bên bờ bên kia, tiến đến bờ bên kia, hướng đến bờ bên kia, và muốn lợi qua bờ bên kia. Người này đứng bên bờ này kêu bờ bên kia và nói: "**Bờ bên kia hãy lại đây! Bờ bên kia hãy lại***

đây!" Đây Vasettha, Người nghĩ thế nào? Có phải vì người kia kêu gọi bờ bên kia, vì cầu khẩn, vì hy vọng, vì tán thán mà bờ bên kia của sông Aciravati đến bờ bên này không?

- Tôn giả Gotama, không thể vậy.

27. - Cũng vậy, này Vasettha, **có năm pháp khiến dục lạc tăng thịnh**. Năm pháp này được xem là sợi dây chuyền, sợi dây thắt trong giới luật của bậc Thánh. Thế nào là năm? Những sắc pháp do mắt cảm nhận khả ái, mỹ miều, thích thú, hấp dẫn, câu hữu với dục, ái lạc; những tiếng do tai cảm nhận... những hương do mũi cảm nhận... những vị do lưỡi cảm nhận.. những xúc do thân cảm nhận khả ái, mỹ miều, thích thú, hấp dẫn, câu hữu với dục lạc. Đây Vasettha, năm pháp khiến dục lạc tăng thịnh ấy, được xem là sợi dây chuyền, sợi dây thắt trong giới luật của bậc Thánh. Này Vasettha, năm pháp khiến dục lạc tăng thịnh ấy, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà chấp trước, mê đắm, bị trói buộc, không thấy nguy hiểm của chúng, không nhận thức sự không thoát ly của chúng, đã tận hưởng năm pháp ấy.

28. - Đây Vasettha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, loại bỏ những pháp tác thành người Bà-la-

môn, tuân theo những pháp không tác thành người Bà-la-môn, chấp trước, mê đắm, bị trói buộc, không thấy nguy hiểm của chúng, không nhận thức sự không thoát ly của chúng, tận hưởng chúng, bị trói buộc bởi sự trói buộc của dục lạc, sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên, thật không có sự kiện ấy.

29. - *Này Vàsettha, như sông Acivarati này, đầy tràn cho đến bờ khiến con qua có thể uống được. Có người đến, có sự việc bên bờ bên kia, tìm đến bờ bên kia, hướng đến bờ bên kia và muốn lội qua bờ bên kia. **Người này ở bên bờ này trùm đầu và nằm ngủ.** Này Vàsettha, nhà Người nghĩ thế nào? Người ấy có thể từ bên này của sông Aciravati đến bờ bên kia không?*

- Tôn giả Gotama, không có thể được.

30. - Cũng vậy, này Vàsettha, **có năm triền cái được gọi là chướng ngại**, cũng được gọi là triền cái, cũng được gọi là màn che, cũng được gọi là triền phược trong giới luật của bậc Thánh. Thế nào là năm? Dục cái, sân cái, hôn trầm thuy miên cái, trao hối cái, nghi cái. Này Vàsettha, năm triền cái này được gọi là chướng ngại, cũng được gọi là triền cái, cũng được gọi là màn che, cũng được gọi là triền phược. **Này**

Vàsettha, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, bị chướng ngại, bị triền phược, bị che đậy, bị trói buộc bởi năm triền cái này. Nay Vàsettha, thật vậy, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, loại bỏ những pháp tác thành người Bà-la-môn, tuân theo những pháp không tác thành người Bà-la-môn, bị chướng ngại, bị triền phược, bị che đậy, bị trói buộc bởi năm triền cái, **sau khi thân hoại mạng chung, sẽ cộng trú với Phạm thiên - Thật không thể có sự kiện ấy.**

31. Nay Vàsettha, Người nghĩ thế nào? Người có nghe những Bà-la-môn niên cao lập trưởng, tôn sư và đại tôn sư cùng nhau nói chuyện không? **Phạm thiên có dục ái hay không dục ái?**

- Tôn giả Gotama, không có dục ái.

- Có hận tâm hay không hận tâm?

- Tôn giả Gotama, không có hận tâm.

- Có sân tâm hay không sân tâm?

- Tôn giả Gotama, không có sân tâm.

- Có nhiễm tâm hay không có nhiễm tâm?

- Tôn giả Gotama, không có nhiễm tâm.

- Có tự tại hay không có tự tại?

- Tôn giả Gotama, có tự tại.

32. - Nay Vasettha, Người nghĩ thế nào? **Các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà có dục ái hay không dục ái?**

- Tôn giả Gotama, có dục ái.

- Có hận tâm hay không hận tâm?

- Tôn giả Gotama, có hận tâm.

- Có sân tâm hay không có sân tâm?

- Tôn giả Gotama, có sân tâm.

- Có nhiễm tâm hay không có nhiễm tâm?

- Tôn giả Gotama, có nhiễm tâm.

- Có tự tại hay không có tự tại?

- Tôn giả Gotama, không có tự tại.

33. - Nay Vasettha, Người nói rằng các Bà-la-môn

tinh thông ba tập Vedà là có tham ái, Phạm thiên không có tham ái. **Giữa các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là có tham ái, với Phạm thiên không có tham ái, có thể có một sự cộng hành, cộng trú không?**

- Tôn giả Gotama, không thể có được.

34. - Lành thay, Vàsettha. Nay Vàsettha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà có dục ái ấy sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên - **Thật không thể có sự kiện ấy.**

35. - Nay Vàsettha, Người nói rằng các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà có hận tâm, Phạm thiên không có hận tâm... các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là có sân tâm, Phạm thiên không có sân tâm... các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là có nhiễm tâm, Phạm thiên không có nhiễm tâm... các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không có tự tại, Phạm thiên có tự tại. **Giữa các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, không có tự tại với Phạm thiên có tự tại có thể có một sự cộng hành, cộng trú không?**

- Tôn giả Gotama, không thể có được.

36. - Lành thay, Vàsettha. Nay Vàsettha, những vị Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà sau khi thân hoại

mang chung sẽ cộng trú với Phạm thiên - **Thật không thể có sự kiện ấy.**

Này Vàsettha, ở đời các Bà-la-môn đầu có tinh thông ba tập Vedà, khi các vị này ngồi (với sự tự tín), thật sự đang chìm (trong bùn lầy), và khi đang chìm (trong bùn lầy) phải sống trong thất vọng, lầm tưởng rằng đã đến cảnh giới an lạc hơn. Do vậy đối với những Bà-la-môn tinh thông Vedà **sự tinh thông ấy được gọi là bãi sa mạc không có nước, sự tinh thông ấy cũng được gọi là rừng rậm không có đường lối, sự tinh thông ấy cũng được gọi là sự bất hạnh.**

37. Khi nghe vậy, thanh niên Bà-la-môn Vàsettha bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, tôi có nghe nói Sa-môn Gotama biết con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

- Này Vàsettha, Người nghĩ thế nào? Ở đây có người sinh trưởng ở Manasàkata, nhưng chưa bao giờ rời khỏi chỗ này. Có người hỏi con đường đưa đến Manasàkata. Này Vàsettha, đối với người ấy đã sinh trưởng ở Manasàkata, chắc không có gì nghi ngờ hay khó khăn thì phải?

- Tôn giả Gotama, thật không có gì nghi ngờ hay khó

khăn. Vì có sao? Tôn giả Gotama, người ấy sinh trưởng ở Manasàkata đều biết rõ tất cả con đường đưa đến Manasàkata.

38. - Nay Vàsettha, đối với người ấy đã sinh trưởng Manasàkata, còn có thể nghi ngờ và có khó khăn hỏi đến con đường đưa đến Manasàkata **nhưng đối với Như Lai thì không có nghi ngờ hay khó khăn gì khi hỏi đến Phạm thiên giới hay con đường đưa đến Phạm thiên giới! Nay Vàsettha, Ta biết đến Phạm thiên, Phạm thiên giới và con đường đưa đến Phạm thiên giới.**

39. Khi nghe nói vậy, thanh niên Bà-la-môn Vàsettha bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, tôi đã nghe: "Sa-môn Gotama, giảng dạy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên". Lành thay, nếu Sa-môn Gotama thuyết dạy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên! Mong Tôn giả Gotama tế độ chúng Bà-la-môn!

- Nay Vàsettha, vậy hãy lắng nghe và khéo tác ý kỹ? Ta sẽ nói:

40. Nay Vàsettha, nay ở đời đức Như Lai xuất hiện, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự

Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Đức Như Lai sau khi tự mình chứng ngộ với thượng trí, thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Người lại tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện đầy đủ văn nghĩa, Ngài truyền dạy phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh.

41. Người gia trưởng hay con vị gia trưởng, hay một người sinh ở giai cấp (hạ tiện) nào nghe pháp ấy. Sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tín ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tin ngưỡng ấy, vị này suy nghĩ: "Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình". Một thời gian sau, người ấy bỏ tài sản nhỏ hay bỏ tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, và xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

42. Khi đã xuất gia như vậy, vị ấy sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ

nhật, thọ lãnh và tu học trong giới pháp, thân nghiệp, ngữ nghiệp, thanh tịnh. Mạng sống trong sạch, giới hạnh đầy đủ, thủ hộ các căn, chánh niệm, tỉnh giác và biết tri túc.

43. Này Vasettha, thế nào là Tỷ-kheo giới hạnh cụ túc?

Ở đây, này Vasettha, Tỷ-kheo từ bỏ sát sinh, tránh xa sát sinh... (như kinh Sa-môn Quả, số 43 - 75) do lạc thọ, tâm được định tĩnh... (như kinh Sa-môn Quả số 75-98).

76. **Vị ấy an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ**, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

77. Này Vasettha, **như người lực sĩ thôi tù và, khiến tiếng được nghe khắp bốn phương, không có gì khó khăn**. Cũng vậy này Vasettha, **đối với mọi hình thức của sự sống, không có ai là vị ấy bỏ qua hay bỏ sót mà không biến mãn với tâm giải thoát, câu hữu với từ**. Này Vasettha, đó là con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

78. Lại nữa, này Vasettha, vị Tỷ-kheo an trú, **biến mãn một phương với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... biến mãn một phương với tâm câu hữu với xả**, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

79. Này Vasettha, như người lực sĩ thối tù và khiến tiếng được nghe khắp bốn phương, không có gì khó khăn, cũng vậy này Vasettha, **đối với mọi hình thức của sự sống, không có ai là vị ấy bỏ qua hay bỏ sót mà không biến mãn với tâm giải thoát, cùng khởi với xả**. Này Vasettha, đó là con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

80. Này Vasettha, Người nghĩ thế nào? Tỷ-kheo an trú như vậy là có dục ái hay không dục ái?

- Tôn giả Gotama, không có dục ái.
- Có hận tâm hay không có hận tâm?
- Tôn giả Gotama, không có hận tâm.
- Có sân tâm hay không có sân tâm?

- Tôn giả Gotama, không có sân tâm.
- Có nhiễm tâm hay không có nhiễm tâm?
- Tôn giả Gotama, không có nhiễm tâm.
- Có tự tại hay không có tự tại?
- Tôn giả Gomata, có tự tại.

81. Nay Vasettha, Người nói Tỷ-kheo không có dục ái, Phạm thiên không có dục ái. Giữa Tỷ-kheo không có dục ái với Phạm thiên không có dục ái, có thể có một sự cộng hành, cộng trú không?

- Tôn giả Gotama, có thể có được.
- Lành thay, Vasettha. Nay Vasettha, Tỷ-kheo sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên. Thật có thể có sự kiện ấy.

Nay Vasettha, Người nói Tỷ-kheo không có hận tâm, Phạm thiên không có hận tâm... Tỷ-kheo không có nhiễm tâm, Phạm thiên không có nhiễm tâm. Tỷ-kheo có tự tại, Phạm Thiên có tự tại. Giữa Tỷ-kheo có tự tại với Phạm thiên có tự tại, có thể có một sự cộng hành, cộng trú không?

- Tôn giả Gotama, có thể có được.

- Lành thay, Vasettha. Nay Vasettha, Tỷ-kheo sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên. Sự kiện ấy thật có thể có.

82. Khi nghe nói vậy, hai thanh niên Bà-la-môn Vasettha và Bharadvaja bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama,! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày. Và nay chúng con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận chúng con làm đệ tử; từ này trở đi cho đến mạng chung, chúng con trọn đời quy ngưỡng.

136 Không phải do cầu xin mà được - Kinh Người Đất Phương Tây hay Người Đã Chết – Tương IV, 488

Người Đất Phương Tây hay Người Đã Chết –
Tương IV, 488

- 1) Một thời Thế Tôn trú ở Nàlandà, tại rừng Pàvārikamba.
- 2) Rồi thôn trưởng Asibandhakaputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.
- 3) Ngồi xuống một bên, thôn trưởng Asibandhakaputta bạch Thế Tôn:

-- *Bạch Thế Tôn, các vị Bà-la-môn trú đất phương Tây, mang theo bình nước, đeo vòng hoa huệ (sevāla), nhờ nước được thanh tịnh. Những người thờ lửa, khi một người đã chết, đã mệnh chung, họ nhắc bổng và mang vị ấy ra ngoài (uyyāpenti), kêu tên vị ấy lên, và dẫn vị ấy vào Thiên giới. Còn Thế Tôn, bạch Thế Tôn, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Thế Tôn có thể làm như thế nào cho toàn thể thế giới, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này?*

4) -- **Vậy, này Thôn trưởng, ở đây, Ta sẽ hỏi Ông. Nếu Ông kham nhẫn hãy trả lời.**

5) *Này Thôn trưởng, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, một người sát sanh, lấy của không cho, sống theo tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham lam, sân hận, theo tà kiến. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói rằng: "Mong người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này!" Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng, người ấy do nhân cầu khẩn của đại quần chúng ấy, hay do nhân tán dương, hay do nhân chấp tay đi cùng khắp, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này?*

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

6) -- *Ví như, này Thôn trưởng, có người lấy một **tảng đá lớn** ném xuống một hồ nước sâu. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói rằng: "Hãy đứng lên, tảng đá lớn! Hãy nổi lên, tảng đá lớn! Hãy trôi vào bờ, này tảng đá lớn!" Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng, tảng đá lớn ấy do nhân cầu khẩn của đại quần chúng ấy, hay do nhân tán dương, hay do*

nhân chấp tay đi cùng khắp, có thể trôi lên, hay nổi lên, hay trôi dạt vào bờ không?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

-- Cũng vậy, này Thôn trưởng, người nào sát sanh, lấy của không cho, sống theo tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham lam, sân hận, theo tà kiến. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói rằng: "Mong người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này!" Nhưng người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

7) Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng? Ở đây, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ sống tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham, không có sân hận, có chánh tri kiến. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói rằng: "Mong người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục!" Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng, người ấy do nhân cầu khẩn của quần chúng đông đảo ấy, hay do nhân tán dương, hay do nhân chấp tay đi cùng khắp, sau khi

thân hoại mạng chung, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục không?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

8) -- Ví như, này Thôn trưởng, có người nhận chìm một **ghè sữa đông** (sappi) hay một ghè dầu vào trong một hồ nước sâu rồi đập bể ghè ấy. Ở đây, ghè ấy trở thành từng miếng vụn, hay từng mảnh vụn và chìm xuống nước. Còn sữa đông hay dầu thì nổi lên trên. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói: "Hãy chìm xuống, này sữa đông và dầu! Hãy chìm sâu xuống, này sữa đông và dầu. Hãy chìm xuống tận đáy, này sữa đông và dầu!". Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng, sữa đông ấy, dầu ấy, có do nhân cầu khẩn của đám quần chúng đông đảo ấy, do nhân tán dương, do nhân chấp tay đi cùng khắp của quần chúng đông đảo ấy nên bị chìm xuống, hay chìm sâu xuống, hay đi xuống tận đáy không?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

-- Cũng vậy, này Thôn trưởng, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ sống tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham, không có sân, theo chánh tri kiến. Rồi một

quần chúng đông đảo, tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói: "Mong rằng người này, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục!" Nhưng người ấy sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

9) Khi nghe nói vậy, thôn trưởng Asibandhakaputta bạch Thế Tôn:

-- Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn! Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, con nay xin quy y Phật, Pháp và chúng Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

137 Không phải do cầu xin mà được - Kinh UTTIYA – Tăng IV, 502

UTTIYA – Tăng IV, 502

*(Thế Tôn thuyết pháp để làm gì; ngoại đạo chất vấn;
con đường đưa đến khổ diệt; Thế Tôn - có bao nhiêu
người được giải thoát)*

1. Bấy giờ có du sĩ ngoại đạo Uttiya đi đến Thế Tôn; sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, du sĩ Uttiya nói với Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả Gotama, có phải Tôn giả chủ trương thế giới là vô thường. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng?

- Nay Uttiya, Ta không có nói như sau: "Thế giới là vô thường. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng".

- Nay Tôn giả Gotama, có phải thế giới là có biên tế... thế giới là không biên tế... sinh mạng và thân thể là một... sinh mạng và thân thể là khác... Như Lai có tồn tại sau chết... Như Lai không có tồn tại sau khi

chết... Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng?

- Nay Uttiya, Ta không có nói như sau: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng".

2- Thưa Tôn giả Gotama, có phải thế giới là vô thường, kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng? Được hỏi vậy, Thế Tôn trả lời: "Nay Uttiya, Ta không có nói: "Thế giới là vô thường. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng."

- Thưa Tôn giả Gotama, có phải thế giới là vô thường? ... có phải thế giới là có biên tế? ... có phải thế giới không có biên tế? ... có phải sinh mạng và thân thể là một? ... có phải sinh mạng và thân thể là khác? ... có phải Như Lai có tồn tại sau khi chết? ... có phải Như Lai không có tồn tại sau khi chết? ... có phải Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết? ... có phải Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết? Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng? Được hỏi vậy, Thế Tôn trả lời: "Nay Uttiya, Ta không có nói: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự thật. Kiến nào khác là hư vọng."

- *Vậy cái gì được Tôn giả Gotama nói lên?*

- **Với thẳng trí, này Uttiya, Ta thuyết pháp cho các đệ tử để họ được thanh tịnh, để sầu bi được vượt qua, để khổ ưu được chấm dứt, để chánh lý được chứng đạt, để Niết-bàn được chứng ngộ.**

- *"Nếu Tôn giả Gotama thuyết pháp cho các đệ tử để họ được thanh tịnh... để Niết-bàn được chứng ngộ",*
thời do vậy, cả thế giới này sẽ đi ra khỏi, hay chỉ có một nửa, hay chỉ có một phần ba?

Được nghe nói vậy, Thế Tôn im lặng.

3. **Rồi Tôn giả Ānanda suy nghĩ như sau:** "Chớ có để cho du sĩ Uttiya có ác tà kiến rằng: "Sa-môn Gotama khi được nghe ta hỏi câu hỏi tối ư quan trọng lại tránh né, không có trả lời, không dám trả lời" và như vậy là bất hạnh, là đau khổ lâu dài cho du sĩ Uttiya." Rồi Tôn giả Ananda nói với du sĩ Uttiya:

4.- Vậy này Uttiya, Ta sẽ dùng một ví dụ, chính nhờ ví dụ, ở đây một số người có trí có thể hiểu được ý nghĩa của lời nói.

Ví như, này Hiền giả Uttiya, ngôi thành biên địa của vua với những nền móng vững chắc, với các thành lũy thác canh vững chắc, và chỉ có một cửa vào. Tại

đây, người giữ cửa là người sáng suốt, thông minh, có trí, ngăn chặn những người không quen biết, cho vào những người quen biết. Khi đi tuần trên con đường chạy vòng quanh thành trì ấy, người ấy có thể không thấy một kẻ hở trong thành hay lỗ trống trong thành lớn cho đến một con mèo có thể chui qua. Người ấy có thể không biết được: "Từng ấy loài hữu tình đã đi vào hay đi ra thành này, nhưng điều này nó biết: "Những loài hữu tình thô lớn nào đi vào hay đi ra thành này", tất cả chúng phải đi vào hay đi ra ngang qua cửa thành này.

Cũng vậy, này Hiền giả Uttiya, đối với Như Lai, không phải là một vấn đề quan trọng (câu hỏi này của Thầy) là có phải toàn thể giới do vậy được thoát ra khỏi hay nửa phần thể giới, hay là một phần ba? Những điều Như Lai nói là như sau: "**Những ai đã được thoát ra khỏi thể giới, hay đang được thoát ra, hay sẽ thoát ra, tất cả những vị ấy, sau khi đoạn tận năm triền cái, những pháp làm ô nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ, với tâm khéo an trú trên Bốn niệm xứ; sau khi như thật tu tập Bảy giác chi, như vậy các vị ấy đã thoát khỏi, đang thoát khỏi, sẽ thoát khỏi thể giới**".

Này Hiền giả Uttiya, về câu hỏi mà Thầy đã hỏi Thế Tôn đứng trên một lập trường khác. Đó là lý do tại sao Thế Tôn không trả lời câu hỏi ấy cho Thầy.

138 Không phải là Tỷ-kheo của Ta - Kinh KẺ LỪA DỐI – Tăng I, 598

KẺ LỪA DỐI – Tăng I, 598

1.- Những vị Tỷ-kheo nào, lừa dối, cứng đầu, lấm mồm, lấm miệng, hoang dâm, hỗn hào, không có định tĩnh, những Tỷ-kheo ấy không phải là Tỷ-kheo của Ta. Những Tỷ-kheo ấy đã rơi khỏi Pháp Luật này. Và họ không đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng trong Pháp Luật này.

Và này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo nào không lừa dối, không lấm mồm lấm miệng, có trí, không cứng đầu, khéo định tĩnh, những Tỷ-kheo ấy phải là Tỷ-kheo của Ta. Và những Tỷ-kheo ấy không rơi khỏi Pháp Luật này, và họ đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng trong Pháp Luật này.

2. Kẻ lừa dối, cứng đầu,
Kẻ lấm mồm, hoang dâm,
Kẻ hỗn hào, không định,
Không tăng trưởng các pháp,
Được bậc Chánh Đẳng Giác,
Tuyên bố và thuyết giảng.

Không lừa, không lấm mồm,

*Có trí, không cứng đầu,
Với tâm khéo định tĩnh,
Chúng tăng trưởng các pháp,
Được bậc Chánh Đẳng Giác,
Tuyên bố và thuyết giảng.*

139 Không phải lời dạy của Thế Tôn - Kinh THÔNG DIỆP – Tăng III, 479

THÔNG DIỆP – Tăng III, 479

1. Rồi Tôn giả Upàli đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Upàli bạch Thế Tôn:

- Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy thuyết pháp cho con một cách vắn tắt, sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

2. - *Này Upàli, những pháp nào Thầy biết: "Những pháp này không đưa đến nhất hướng nhằm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn", thời này Upàli, Thầy cần phải nhất hướng thọ trì là: "Đây không phải Pháp, đây không phải Luật, đây không phải lời dạy Thế Tôn".*

Và này Upàli, những pháp nào Thầy biết: "Những pháp này đưa đến nhất hướng, nhằm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn", thời này Upàli, Thầy cần phải nhất hướng thọ trì là: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy Thế Tôn".

140 Không phải thời - 9 bất thời bất tiết - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567

KINH PHÚNG TỤNG

– Bài kinh số 33 – Trường II, 567

(Trích đoạn)

2. Phạm hạnh trú, chín bất thời bất tiết:

☐ Nay các Hiền giả, có Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, Pháp được thuyết giảng, đưa đến an tịnh, hướng đến Niết bàn, tiến tới giác ngộ, được Thiện Thệ khai thị. Và người ấy sanh vào địa ngục. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ nhất.

☐ Nay các Hiền giả, lại nữa, có Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, Pháp được thuyết giảng, đưa đến an tịnh, hướng đến Niết bàn, tiến tới giác ngộ, được Thiện Thệ khai thị. Và người ấy sanh vào bàng sanh. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ hai.

- ☰ ... sanh vào nga quý...
- ☰ ...sanh vào hàng A tu la...
- ☰ ... sanh vào hàng chư Thiên được thọ mạng lâu dài...
- ☰ ... sanh vào các biên địa, giữa các loài mọi rợ vô trí, những chỗ mà các hàng Tỷ kheo, Tỷ kheo ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ không có đất đứng. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ sáu.
- ☰ Đây các Hiền giả, lại nữa, có Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, Pháp được thuyết giảng, đưa đến an tịnh, hướng đến Niết bàn, tiến tới giác ngộ, được Thiện Thệ khai thị. Và người ấy được sanh vào các trung quốc, nhưng lại theo tà kiến điên đảo: "Không có bố thí, không có cúng dường, không có cúng tế, không có quả báo các hành vi thiện ác, không có đời này, không có các loài hóa sanh, không có các vị Sa môn, Bà la môn đã chứng đạt chơn chánh, đã thực thành chơn chánh, đã tự mình chứng tri, chứng ngộ thế giới này với thế giới sau và tuyên thuyết. Đó là Phạm hạnh trú,

bất thời bất tiết thứ bảy.

☐▪️ Đây các Hiền giả, lại nữa, Thế Tôn xuất hiện ở đời, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, Pháp được thuyết giảng, đưa đến an tịnh, hướng đến Niết bàn, tiến đến giác ngộ, được Thiện Thệ khai thị. Và người ấy sinh vào tại các nước trung quốc, nhưng ác huệ, ngu si, điếc, ngọng, không biết nghĩa lý được khéo nói hay vụng nói. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ tám.

☐▪️ Đây các Hiền giả, lại nữa Thế Tôn xuất hiện ở đời, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, nhưng Pháp không được thuyết giảng, đưa đến an tịnh, hướng đến Niết bàn, tiến đến giác ngộ, được Thiện Thệ khai thị, và người ấy sanh vào tại các nước trung quốc nhưng có trí tuệ, không ngu si, không điếc ngọng, biết nghĩa lý được khéo nói hay vụng nói. Đó là Phạm hạnh trú, bất thời bất tiết thứ chín.

141 Không phải với cái hạ liệt có thể đạt được cái cao thượng - Kinh Mười Lực – Tương II, 56

Mười Lực – Tương II, 55

1). .. Trú ở Sàvatthi.

2) Nay các Tỷ-kheo, Như Lai đầy đủ **mười lực**, đầy đủ **bốn vô sở úy**, tự nhận vị trí Ngưu vương, rống tiếng rống con sư tử giữa hội chúng, **chuyển Pháp luân và nói rằng**: "Đây là **sắc**, đây là **sắc tập khởi**, đây là **sắc đoạn diệt**. Đây là **thọ**, đây là **thọ tập khởi**, đây là **thọ đoạn diệt**. Đây là **tưởng**, đây là **tưởng tập khởi**, đây là **tưởng đoạn diệt**. Đây là **hành**, đây là **hành tập khởi**, đây là **hành đoạn diệt**. Đây là **thức**, đây là **thức tập khởi**, đây là **thức đoạn diệt**".

Như vậy do cái này có mặt, cái kia có mặt. Do cái này sanh, cái kia sanh. Do cái này không có mặt, cái kia không có mặt. Do cái này diệt, cái kia diệt.

3) Nghĩa là vô minh duyên hành, hành duyên thức... (như trên)... **Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.**

4) Do ly tham, đoạn diệt hoàn toàn vô minh nên hành diệt. Do hành diệt nên thức diệt... (như trên)... **Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.**

Mười Lục – *Tương II*, 56

1). .. Trú Tại Sàvatthi.

2) Nay các Tỷ-kheo, Như Lai đầy đủ mười lục, bốn vô sở úy... (như trên)... **Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.**

3-4). ..

5) Như vậy, nay các Tỷ-kheo, *Pháp được Ta khéo thuyết, hiển thị, khai thị, hiển lộ, các buộc ràng được cắt đoạn.*

6) Như vậy, nay các Tỷ-kheo, với Pháp được Ta khéo thuyết, hiển thị, khai thị, hiển lộ, các buộc ràng được cắt đoạn, thật là đủ cho Thiện nam tử do lòng tin xuất gia có thể bắt đầu tinh tấn (hành trì và nguyện).

Như vậy, nay các Tỷ-kheo, với Pháp được Ta khéo thuyết, hiển thị, hiển lộ các buộc ràng được cắt đoạn. *Chắc chắn dầu chỉ còn lại da, gân và xương trên thân, dầu thịt, máu trở thành khô cạn, mong rằng*

ting tấn lực sẽ được kiên trì để chúng đắc những gì chưa chứng đắc, nhờ trượng phu lực, nhờ trượng phu tinh tấn, nhờ trượng phu cần đồng.

7) - Khổ thay, này các Tỷ-kheo, là người sống biếng nhác, dính đầy các pháp ác, bất thiện và mục đích lớn bị suy giảm!

- An lạc thay, này các Tỷ-kheo, là người sống tinh cần, tinh tấn, viễn ly các ác, bất thiện pháp, và mục đích lớn được viên mãn!

8) - Này các Tỷ-kheo, ***không phải với cái hạ liệt có thể đạt được cái cao thượng.***

- Này các Tỷ-kheo, ***phải với cái cao thượng mới đạt được cái cao thượng.***

- Đáng được tán thán, này các Tỷ-kheo, là Phạm hạnh này với sự có mặt của bậc Đạo Sư. Do vậy, này các Tỷ-kheo, ***hãy tinh tấn lên để chúng đạt những gì chưa chứng đạt, để chúng đắc những gì chưa chứng đắc, để chúng ngộ những gì chưa chứng ngộ.***

9) ***Có vậy, sự xuất gia này của chúng ta sẽ không phải trống không, có kết quả, có thành tích*** (Sa udraya). Và những vật dụng chúng ta thọ dụng như y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, thuốc trị bệnh, dầu

cho những thứ này là khiêm tốn (vokàrà), đối với chúng ta sẽ có quả lớn, có lợi ích lớn.

10) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập. Này các Tỷ-kheo, *thấy được tự lợi* là vừa đủ để tinh tấn không phóng dật.

Hay này các Tỷ-kheo, *khi thấy lợi tha* là vừa đủ để tinh tấn, không phóng dật.

Hay này các Tỷ-kheo, *thấy lợi cả hai*, là vừa đủ để tinh tấn, không phóng dật.

142 Không sinh ra một nơi nào, một chỗ nào - Kinh HÀNH SANH – 120 Trung III, 283

KINH HÀNH SANH (Sankharuppati sutta)

– Bài kinh số 120 – Trung III, 283

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tịnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo"

– "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– "Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông SỰ TÁI SANH DO HÀNH ĐƯA LẠI. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ giảng".

– "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **đầy đủ tín**, đầy đủ **giới**, đầy đủ **văn** (suta), đầy đủ **thí**, đầy đủ trí **tuệ**. Vị ấy nghĩ như sau: "*Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ sanh cộng trú trong đại gia tộc Sát đế ly!*" Vị ấy chuyên định tâm ấy, an trú tâm ấy, tu tập tâm ấy. Những hành ấy của Tỷ-kheo được an trú, tu tập, làm cho sung mãn như vậy đưa vị ấy thọ sanh tại chỗ ấy. Này các Tỷ-kheo, đây là đạo, **đây là lộ trình đưa đến tái sanh tại chỗ ấy**.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **đầy đủ tín**, **đầy đủ giới**, **đầy đủ văn**, **đầy đủ thí**, **đầy đủ trí tuệ**. Vị ấy nghĩ: "*Mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ sanh cộng trú trong đại gia tộc Bà-la-môn!... hay trong đại gia tộc cư sĩ!*" Vị ấy chuyên định tâm ấy, an trú tâm ấy, tu tập tâm ấy. Những hành ấy của Tỷ-kheo được an trú, tu tập, làm cho sung mãn như vậy đưa vị ấy thọ sanh tại chỗ ấy. Này các Tỷ-kheo, đây là đạo, **đây là lộ trình đưa đến tái sanh tại chỗ ấy**.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín, đầy đủ giới, đầy đủ văn, đầy đủ thí, đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe: "Bốn Đại Thiên vương có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ". Vị ấy nghĩ: "*Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi trời Tứ thiên!*" Vị

ấy chuyên định tâm ấy, an trú tâm ấy, tu tập tâm ấy. Những hành ấy của Tỷ-kheo được an trú, tu tập, ... đưa đến tái sinh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín, đầy đủ giới, đầy đủ văn, đầy đủ thí, đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe: "Chư Thiên Tavatimsa (Tam thập tam thiên)... , chư Thiên Yama (Da-ma)...., chư Thiên Tusita (Đâu-suất-đà)...., chư Thiên Nimmanarati (Hóa Lạc)...., chư Thiên Paramimmitavasavatti (Tha Hóa Tự Tại) có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ. Vị ấy nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh cộng trú với chư Thiên ở Tha Hóa Tự Tại Thiên!" Vị ấy chuyên định tâm ấy... đưa đến tái sinh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín, đầy đủ giới, đầy đủ văn, đầy đủ thí, đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe: "Ngàn Phạm thiên có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ"... Này các Tỷ-kheo, ngàn Phạm thiên sống thắm nhuần biến mãn một ngàn thế giới. Và **vị ấy sống thuần nhuần, biến mãn các chúng sanh được sanh lên thế giới ấy.** *Ví như, này các Tỷ-kheo, một người có mắt cầm một trái amanda (a-ma-lặc) trong tay và nhìn trái ấy;* cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ngàn Phạm thiên sống thắm nhuần, biến mãn một ngàn thế giới . Và vị ấy sống

thấm nhuần, biến mãn các chúng sanh được sanh lên thế giới ấy. Vị ấy nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ được sanh cộng trú với ngàn Phạm thiên!" Vị ấy chuyên định tâm ấy... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **đầy đủ tín... đầy đủ trí tuệ**. Vị ấy được nghe: "Hai ngàn Phạm thiên giới... ba ngàn Phạm thiên.. bốn ngàn Phạm thiên... năm ngàn Phạm thiên có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ. Này các Tỷ-kheo, năm ngàn Phạm thiên có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ. Này các Tỷ-kheo, năm ngàn Phạm thiên sống thấm nhuần, biến mãn năm ngàn thế giới. **Và vị ấy sống thấm nhuần biến mãn các chúng sanh được sanh lên thế giới ấy.** *Ví như này các Tỷ-kheo, một người có mắt cầm năm trái amanda (a-ma-lặc) trong tay và nhìn các trái ấy.* Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, năm ngàn Phạm thiên sống thấm nhuần, biến mãn năm ngàn thế giới. Và vị ấy sống thấm nhuần biến mãn các chúng sanh được sanh lên các thế giới ấy". Vị ấy nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ được sanh cộng trú với năm ngàn Phạm thiên!" Vị ấy chuyên định tâm ấy.... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ **tín...**

giới... văn... thí... đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe: "**Mười ngàn Phạm thiên** có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ". Nay các Tỷ-kheo, mười ngàn Phạm thiên giới thâm nhuần biến mãn mười ngàn thế giới. **Vị ấy sống thâm nhuần biến mãn các chúng sanh được sanh lên các thế giới ấy.** *Ví như, này các Tỷ-kheo, một hòn lưu ly bảo châu, đẹp đẽ trong suốt, có tám mặt, khéo dũa, khéo mài, đặt trên một tấm màn màu lạt, sẽ chiếu sáng, sáng chói;* cũng vậy, này các Tỷ-kheo, mười ngàn Phạm thiên sống thâm nhuần, biến mãn mười ngàn thế giới ấy. Vị ấy nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh cộng trú với mười ngàn Phạm thiên!" Vị ấy chuyên định tâm ấy... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **đầy đủ tín... đầy đủ trí tuệ.** Vị ấy được nghe: "**Trăm ngàn Phạm thiên** có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ". Nay các Tỷ-kheo, trăm ngàn Phạm thiên, sống thâm nhuần, biến mãn trăm ngàn thế giới... **Vị ấy cũng thâm nhuần, biến mãn các chúng sanh được sanh lên các thế giới ấy.** *Ví như một đồ trang sức làm bằng vàng ròng (jambonada), được khéo tôi luyện trong lò của một thợ vàng thiện xảo, nếu được đặt trên một tấm màn màu lạt sẽ chiếu sáng, rực sáng, chói sáng;* cũng vậy này các Tỷ-kheo, trăm ngàn Phạm thiên an trú thâm nhuần biến mãn trăm ngàn

thế giới... Vị ấy nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh cộng trú với trăm ngàn Phạm thiên!" Vị ấy chuyên định tâm ấy... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **đầy đủ tín... đầy đủ trí tuệ**. Vị ấy được nghe: "**Chư Quang thiên... Thiểu Quang thiên, Vô Lượng Quang thiên... Quang Âm thiên** có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ". Vị ấy nghĩ: "Mong rằng ta.. ". đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **đầy đủ tín... đầy đủ trí tuệ**. Vị ấy được nghe: "**Chư Tịnh thiên... Thiểu Tịnh thiên... Vô lượng Tịnh thiên... Biến Tịnh thiên** có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ". Vị ấy nghĩ: "Mong rằng ta.. ". , đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **đầy đủ tín... đầy đủ trí tuệ**. Vị ấy được nghe: "**Quảng Quả thiên... Vô Phiền thiên... Vô Nhiệt thiên... Thiên Kiến thiên... A-ca-ni-sa thiên** có thọ mạng lâu dài có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ". Vị ấy nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh cộng trú với chư A-ca-ni-sa-thiên". Vị ấy chuyên định tâm ấy.... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín... đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe: "Chư Thiên đã đạt được Hư không vô biên xứ, có thọ mạng lâu dài, cửu trú, có nhiều lạc thọ". Vị ấy nghĩ: "Mong rằng ta.. ".... , đưa đến tái sanh chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín... đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe: "Chư Thiên đã đạt được Thức vô biên xứ... đã được Vô sở hữu xứ.. đã đạt được Phi tướng phi phi tướng xứ có thọ mạng lâu dài, cửu trú, có nhiều lạc thọ" Vị ấy nghĩ: "Mong rằng ta.. "... , đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **đầy đủ tín, đầy đủ giới, đầy đủ văn, đầy đủ thí, đầy đủ trí tuệ**. Vị ấy nghĩ: "Mong rằng, với sự đoạn trừ các lậu hoặc, với thắng trí, ta chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu!" Vị ấy với sự đoạn trừ các lậu hoặc, với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu. Này các Tỷ-kheo, **Tỷ-kheo này không sinh ra một nơi nào, không sinh ra một chỗ nào.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

143 Không tham, không sân, chánh niệm, chánh định - Kinh CÁC DU SĨ – Tăng I, 605

CÁC DU SĨ – Tăng I, 605

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), tại núi Gijjhakùta (Linh Thứu). Lúc bấy giờ, nhiều du sĩ danh tiếng, có danh tiếng, sống tại khu vườn du sĩ trên bờ sông Sappini, như các du sĩ Annabhàra, Varadhara, Sakuludàyi, và một số du sĩ có danh tiếng khác.

Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ chỗ Thiền tịnh đứng dậy, đi đến khu vườn của các du sĩ trên bờ sông Sappini, sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Ngồi xuống, Thế Tôn nói với các du sĩ ngoại đạo ấy như sau:

2. **Có bốn pháp cú này**, này các Du sĩ, được biết là tối sơ, có đã lâu đời, được biết là truyền thống, kỳ cựu, không có tạp nhiễm, trước không bị tạp nhiễm, nay không bị tạp nhiễm, sẽ không bị tạp nhiễm, không bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quả trách. Thế nào là bốn?

- **Không tham**, là pháp cú được biết là tối sơ...

- **Không sân**, là pháp cú được biết là tối sơ...
- **Chánh niệm**, là pháp cú được biết là tối sơ...
- **Chánh định**, là pháp cú được biết là tối sơ...

Này các Du sĩ, có bốn pháp cú này được biết là tối sơ, có đã lâu đời, được biết là truyền thống, kỳ cựu, không có tạp nhiễm, trước không bị tạp nhiễm, nay không bị tạp nhiễm, sẽ không bị tạp nhiễm, không bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách.

3. Này các Du sĩ, ai nói như sau: *"Nhưng tôi sẽ chỉ ra một Sa-môn hay Bà-la-môn, dầu cho vị này có tự chứng được pháp cú **không tham** này; tuy vậy vị ấy vẫn có lòng tham, tham đắm sắc bén trong các dục"*. Đối với người ấy, Ta có thể nói như thế này: "Hãy để vị ấy nói lên. Hãy để vị ấy trả lời, rồi Ta thấy uy đức của vị ấy". Thật vậy, này các Du sĩ, sự kiện này không xảy ra, rằng một Sa-môn hay Bà-la-môn như vậy đã tự mình chứng được pháp cú không tham sẽ được nêu rõ là có lòng tham, tham đắm sắc bén trong các dục.

Này các Du sĩ, ai nói như sau: *"Nhưng tôi sẽ chỉ ra một Sa-môn hay Bà-la-môn, dầu cho vị này có tự chứng được pháp cú **không sân** này, tuy vậy, tâm của vị ấy vẫn có sân, trong ý vẫn có tư duy hiềm hận"*. Đối với người ấy, Ta có thể nói như thế này: "Hãy để vị ấy nói lên, hãy để vị ấy trả lời, rồi Ta thấy uy

đức của vị ấy". Thật vậy, này các Du sĩ, **sự kiện này không xảy ra: rằng một Sa-môn hay Bà-la-môn đã tự chứng được pháp cú không sân này sẽ được nêu rõ là tâm vẫn có sân, trong ý vẫn có tư duy hiềm hận.**

Này các Du sĩ, ai nói như sau: "Nhưng tôi sẽ chỉ ra một Sa-môn hay Bà-la-môn, dầu cho vị này có tự chứng được pháp cú **chánh niệm** này, tuy vậy, tâm của vị ấy vẫn thất niệm, không có tỉnh giác". Đối với người ấy, Ta có thể nói như thế này: "Hãy để vị ấy nói lên, hãy để vị ấy trả lời, rồi Ta thấy uy đức của vị ấy". Thật vậy, này các Du sĩ, **sự kiện này không xảy ra: rằng một Sa-môn hay Bà-la-môn, đã tự mình chứng được pháp cú chánh niệm sẽ được nêu rõ là thất niệm không có tỉnh giác".**

Này các Du sĩ, ai nói như sau: "Nhưng tôi sẽ chỉ ra một Sa-môn hay Bà-la-môn, dầu cho vị này có tự chứng được pháp cú **chánh định** này, tuy vậy vị ấy vẫn không định tĩnh, tâm vẫn dao động". Đối với người ấy, Ta có thể nói như thế này: "Hãy để vị ấy nói lên. Hãy để vị ấy trả lời, rồi Ta thấy uy đức của vị ấy". Thật vậy, này các Du sĩ, **sự kiện này không xảy ra, rằng một Sa-môn hay Bà-la-môn đã tự mình chứng được pháp cú chánh định, sẽ được nêu rõ là không định tĩnh, tâm vẫn dao động.**

4. Nay các Du sĩ, nếu có ai nghĩ rằng, cần phải chỉ trích, cần phải bài xích bốn pháp cú này, thời ngay trong hiện tại, bốn sự phản kháng chỉ trích xú đúng pháp được khởi lên cho vị ấy. Thế nào là bốn?

- ➔ Nếu Tôn giả chỉ trích, bài xích pháp cú không tham, thời các Sa-môn hay Bà-la-môn nào có lòng tham, có lòng tham sắc bén đối với các dục, các vị ấy cần phải được Tôn giả đánh lễ, các vị ấy cần phải được Tôn giả tán thán.
- ➔ Nếu Tôn giả chỉ trích pháp cú không sân..
- ➔ ... chỉ trích pháp cú chánh niệm...
- ➔ Nếu Tôn giả chỉ trích pháp cú chánh định, thời các Sa-môn hay Bà-la-môn nào không định tâm, tâm bị dao động, các vị ấy cần phải được Tôn giả đánh lễ, các vị ấy cần phải được Tôn giả tán thán.

5. Nay các Du sĩ, ai nghĩ rằng cần phải chỉ trích, cần phải bài xích bốn pháp cú này, thời ngay trong hiện tại, bốn sự phản kháng chỉ trích xú đúng pháp này, được khởi lên cho vị ấy. Nay các Du sĩ, cho đến các dân chúng ở Ukkala và dân chúng Vassà, dân chúng Bhannà theo vô nhân luận, theo vô tác luận, theo hư vô luận, những vị ấy cũng đã không nghĩ rằng bốn pháp cú này cần phải chỉ trích, cần phải bài xích. Vì có sao? Vì sợ bị quở trách, phẫn nộ, công kích.

6. *Thường không sân, chánh niệm,
Nội tâm khéo định tĩnh,
Tham nhiếp phục, học tập,
Được gọi không phóng dật.*

144 Không tham, không sân, chánh niệm, chánh định - Kinh PHÁP CÚ – Tăng I, 604

PHÁP CÚ – Tăng I, 604

1. - Có bốn pháp cú này, này các Tỷ-kheo, được biết là tối sơ, có đã lâu đời, được biết là truyền thống, kỳ cựu, không có tạp nhiễm, trước không bị tạp nhiễm, nay không bị tạp nhiễm, sẽ không bị tạp nhiễm, không bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quả trách. Thế nào là bốn?

- **Không tham**, là pháp cú được biết là tối sơ...
- **Không sân**, là pháp cú được biết là tối sơ...
- **Chánh niệm**, là pháp cú được biết là tối sơ...
- **Chánh định**, là pháp cú được biết là tối sơ...

Bốn pháp cú này, này các Tỷ-kheo, được biết là tối sơ, có đã lâu đời, được biết là truyền thống, kỳ cựu, không có tạp nhiễm, trước không bị tạp nhiễm, nay không bị tạp nhiễm, sẽ không bị tạp nhiễm, không bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quả trách.

2. *Hãy sống không có tham,
Với tâm không có sân,
Chánh niệm và nhất tâm,*

Nội tâm khéo định tĩnh.

145 Không thiên chấp tất cả pháp - Kinh NGŨ NGỤC – Tăng III, 396

NGŨ NGỤC – *Tăng III, 396*

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Bhagga, tại núi Sumsumàra, tại vườn Nai.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahàmoggallàna đang ngồi ngũ lục, trong làng Kallavàlamutta, giữa dân chúng Magadha.

Thế Tôn với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thấy Tôn giả Mahàmoggallàna đang ngồi ngũ lục, trong làng Kallavàlamutta, giữa dân chúng Magadha. Thấy vậy, như nhà lực sĩ duỗi bàn tay đang co lại, hay co lại bàn tay đang duỗi ra; cũng vậy, Thế Tôn biến mất giữa dân chúng Bhagga, tại núi Sumsumàra, rừng Bhesakalà, ở vườn Nai, rồi hiện ra trước mặt Tôn giả Mahàmoggallàna, tại làng Kallavàlamutta, giữa dân chúng Magadha. Thế Tôn ngồi xuống chỗ đã soạn sẵn; sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Mahàmoggallàna.

- Nay Moggallàna, có phải Thầy ngủ gục? Nay Moggallàna, có phải Thầy ngủ gục?

- Thưa phải, bạch Thế Tôn.

2. - Do vậy, nay Moggallàna, khi nào Thầy trú **có tướng và thùy miên** xâm nhập Thầy, *chớ có tác ý đến nó, chớ có tưởng nhiều đến nó*. Sự kiện này có xảy ra, do Thầy trú như vậy, thùy miên ấy được đoạn diệt.

3. Nếu Thầy trú như vậy, và thùy miên ấy không được đoạn diệt, thời nay Moggallàna, với tâm của Thầy, *hãy tùy tâm, tùy tứ, với ý hãy tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng*. Sự kiện này có xảy ra, do Thầy trú như vậy, thùy miên ấy được đoạn diệt.

4. Nếu Thầy trú như vậy, và thùy miên ấy không được đoạn diệt, thời nay Moggallàna Thầy *hãy đọc tụng pháp một cách rộng rãi, như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng*. Sự kiện này có xảy ra, do Thầy trú như vậy, thùy miên ấy được đoạn diệt.

5. Nếu Thầy trú như vậy, và thùy miên ấy không được đoạn diệt, thời nay Moggallàna Thầy *hãy kéo hai lỗ tai của Thầy, và lấy tay xoa bóp tay chân*. Sự

kiện này có xảy ra, do Thầy trú như vậy, thụy miên ấy được đoạn diệt.

6. Nếu Thầy trú như vậy, và thụy miên ấy không được đoạn diệt, thời này Moggallàna Thầy *hãy từ chỗ ngồi, đứng dậy lấy nước chùi mắt, nhìn về phía chân trời và nhìn lên các sao lấp lánh*. Sự kiện này có xảy ra, do Thầy trú như vậy, thụy miên ấy được đoạn diệt.

7. Nếu Thầy trú như vậy, và thụy miên ấy không được đoạn diệt, thời này Moggallàna Thầy *hãy tác ý đến quang tướng và an trú vào tướng ban ngày. Như ban ngày, ban đêm cũng vậy. Như ban đêm, ban ngày cũng vậy. Như vậy, với tâm rộng mở, không có hạn chế*. Sự kiện này có xảy ra, do Thầy trú như vậy, thụy miên ấy được đoạn diệt.

8. Nếu Thầy trú như vậy, và thụy miên ấy không được đoạn diệt, thời này Moggallàna Thầy *hãy trú tâm trên chỗ kinh hành, với tướng trước mặt và sau lưng, với căn hướng nội, với ý không hướng ngoại*. Sự kiện này có xảy ra, do Thầy trú như vậy, thụy miên ấy được đoạn diệt.

9. Nếu Thầy trú như vậy, và thụy miên ấy không được đoạn diệt, thời này Moggallàna Thầy *hãy nằm như dáng nằm con sư tử, về phía hông bên phải, hai*

chân gác lên nhau, chánh niệm tỉnh giác, tác ý với tướng thức dậy. Và khi thức dậy, này Moggallàna, Thầy hãy thức dậy thật mau, nghĩ rằng: "Ta sẽ trú, không có chú tâm đến lạc nằm ngủ, lạc nằm xuống một bên, lạc thụy miên". Như vậy, này Moggallàna, Thầy cần phải học tập.

10. Do vậy, này Moggallàna, hãy học tập như sau: *"Không say sưa trong cao mạn, ta sẽ đi đến thăm các gia đình"*. Này Moggallàna, như vậy các Thầy sẽ học tập.

- Này Moggallàna, nếu Tỷ-kheo say sưa trong cao mạn đi đến thăm các gia đình. Trong các gia đình, này Moggallàna, người ta có nhiều công việc phải làm. Do vậy, người ta không có tác ý đến Tỷ-kheo đã đi đến. Ở đây, Tỷ-kheo ấy có thể suy nghĩ: "Nay, ai đã chia rẽ ta với gia đình này. Các người này không ưa thích gì ta".
- Như vậy, do không được gì, vị ấy nản chí, vị ấy giao động. Do giao động, vị ấy không phòng hộ, do không phòng hộ, tâm rời xa Thiên định.

❖ Do vậy, này Moggallàna, hãy học tập như sau: *"Ta sẽ không nói lời khiêu khích"*. Như vậy, này Moggallàna, Thầy cần phải học tập.

- Khi nào có lời khiêu khích, này Moggallàna, thời chờ đợi là nhiều lời qua tiếng lại.
- Khi nào có nhiều lời qua tiếng lại, thời có dao động.
- Với người có dao động, thời không có phòng hộ.
- Với người không có phòng hộ, tâm rời xa Thiền định.

- ❖ Này Moggallàna, Ta không tán thán tất cả sự liên hệ, nhưng không phải Ta không tán thán tất cả sự liên hệ. Thật vậy, này Moggallàna, *Ta không tán thán các vị xuất gia có sự liên hệ, với các gia chủ.*
- ❖ Nhưng với các trú xứ ít tiếng ồn, ít tiếng động, thoát khỏi hơi thở của nhiều người, những chỗ ở cô độc xa vắng loài Người, thích hợp cho đời sống Thiền tịnh, *Ta tán thán sự liên hệ với những trú xứ như vậy.*

11. Được nghe nói như vậy, Tôn giả Mahàmoggallàna bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, *cho đến như thế nào, tóm tắt lại, một Tỷ-kheo được giải thoát nhờ sự đoạn diệt khát ái, đạt đến cứu cánh mục đích, đạt đến cứu cánh an ổn khỏi ách nạn, đạt đến cứu cánh Phạm hạnh, đạt đến cứu*

cánh của cứu cánh, trở thành tối thượng giữa chư Thiên và loài Người?

- Nay Moggallàna, ở đây, Tỷ-kheo được nghe như sau: "**Không nên thiên chấp tất cả pháp**". Nay Moggallàna, vị Tỷ-kheo được nghe như sau: "Không nên thiên chấp tất cả pháp". Vị ấy thắng tri tất cả pháp; do thắng tri tất cả pháp, vị ấy liễu tri tất cả pháp.

- Do liễu tri tất cả pháp, phàm có **cảm thọ** gì được cảm giác, lạc, khổ hay không khổ, không lạc, vị ấy trú tùy quán vô thường đối với các cảm thọ ấy. Vị ấy trú tùy quán ly tham. Vị ấy trú tùy quán đoạn diệt. Vị ấy trú tùy quán từ bỏ.
- Do vị ấy trú tùy quán vô thường trong các cảm thọ, do vị ấy trú tùy quán ly tham, do vị ấy trú tùy quán đoạn diệt, do vị ấy trú tùy quán từ bỏ, nên không chấp thủ một cái gì ở đời.
- Do không chấp thủ nên không lo âu.
- Do không tham đắm nên tư mình nhập Niết-bàn. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lui trong trạng thái này nữa".

Nay Moggallàna, cho đến như vậy, tóm tắt lại, một Tỷ-kheo được giải thoát nhờ sự đoạn diệt khát ái, đạt đến mục đích cứu cánh, đạt đến cứu cánh an ổn khỏi

các ách nạn, đạt đến cứu cánh Phạm hạnh, đạt đến cứu cánh của cứu cánh, trở thành tối thượng giữa chư Thiên và loài Người.

❖ **Này các Tỷ-kheo, *chớ có sợ hãi các công đức.***

Này các Tỷ-kheo, *đồng nghĩa với an lạc chính là các công đức.* Ta thắng tri rằng, này các Tỷ-kheo, các công đức được làm lâu ngày có quả dị thực, có sự hình thành khả ái, khả hỷ, khả ý lâu ngày. Trong bảy năm Ta tu tập từ tâm, sau khi tu tập từ tâm bảy năm, trong bảy thành kiếp hoại kiếp, Ta không trở lui lại thế giới này.

- Khi thế giới ở trong thành kiếp, này các Tỷ-kheo, Ta đi đến thế giới Quang Âm Thiên.
- Khi thế giới ở trong kiếp hoại, Ta sanh ra trong Phạm cung trống không. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Ta là Phạm thiên, là Đại phạm thiên, vị Chiến thắng, vị Vô năng thắng, vị Biến tri, vị Tụ tại.
- Ba mươi sáu lần, này các Tỷ-kheo, Ta là Thiên chủ Sakka.
- Nhiều lần bảy lần, Ta là vị Chuyển luân vương theo Chánh pháp, là vị Pháp vương, bậc Chiến thắng bốn phương, đạt được sự thanh bình cho quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Này các Tỷ-

kheo, Ta có bảy loại châu báu này, như là xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, nữ báu, gia chủ báu và cư sĩ báu là thứ bảy. Ta có hơn một ngàn người con trai, này các Tỷ-kheo, là những bậc anh hùng, dũng mãnh, đánh tan địch quân. Và khi ta chiến thắng quả đất này, xa cho đến bờ biển, Ta trị vì quả đất này không dùng trượng, không dùng đao, đứng với Chánh pháp.

*Hãy xem quả dị thực,
Của các việc công đức,
Của các việc hiền thiện,
Với kẻ tìm an lạc.
Này Tỷ-kheo, Ta tu,
Từ tâm trong bảy năm,
Trong bảy thành hoại kiếp,
Không trở lại thành kiếp,
Ta đạt Quang Âm thiên,
Khi thế giới hoại kiếp
Sanh Phạm cung trống rỗng.
Bảy lần, Ta đóng vai,
Đại Phạm thiên, Tự tại,
Trong ba mươi sáu lần,
Làm Thiên chủ Thiên giới.
Ta làm vua Chuyển luân,
Chủ tể cõi Diêm-phù.
Bạc Sát-ly quán đánh,*

Bậc chủ tể loài Người,
Ta chiến thắng đất này,
Không với trượng, với kiếm,
Không bạo lực, đúng pháp,
Đối mọi người bình đẳng,
Ta trị vì đúng pháp,
Trên cõi đất tròn này.
Ta khiến các gia đình,
Giàu lớn, tài sản lớn,
Họ hưởng mọi dục lạc,
Ta đầy đủ bảy báu,
Chư Phật thương tưởng đời,
Khéo dạy điều như vậy.
Đấy là nhân đại sự,
Được gọi là Địa vương.
Ta là vua, huy hoàng,
Bảo vệ nhiều tài sản,
Có thần lực, danh xưng,
Vương chủ rừng Diêm-phù,
Ai nghe, không tịnh tín?
Trừ các loại ác sanh,
Do vậy muốn lợi ích,
Cầu vọng sự lớn mạnh,
Hãy kính trọng diệu pháp,
Hãy nhớ lời Phật dạy.

146 Không thoát được nữ tánh, nam tánh - Kinh HỆ LUY – Tăng III, 352

HỆ LUY – Tăng III, 352

1. - Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Thầy pháp môn về hệ luy, và ly hệ luy, hãy lắng nghe...

❖ Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là pháp môn về hệ luy?

2. Một nữ nhân, nay các Tỷ-kheo, tác ý nội nữ căn, nữ hành, nữ y phục, nữ loại, nữ dục, nữ thanh, nữ trang sức, thời nữ nhân ấy tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy.

- ⇒ Do tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy nên tác ý đến nam căn ở ngoài, nam hành, nam y phục, nam loại, nam dục, nam thanh, nam trang sức mà nữ nhân ấy tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy.
- ⇒ Do tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy nên nữ nhân ấy ước muốn có sự hệ luy ở ngoài.
- ⇒ Do duyên với hệ luy ấy, khởi lên lạc, hỷ nên nữ nhân ấy ước muốn lạc hỷ ấy.

⇒ Này các Tỷ-kheo, do thích thú trong nữ tánh của mình, các loài hữu tình đi đến hệ lụy với những người đàn ông.

⇒ *Như vậy, này các Tỷ-kheo, nữ nhân không có thoát được nữ tánh của mình.*

3. Một nam nhân, này các Tỷ-kheo, tác ý nội nam căn, nam hành, nam y phục, nam loại, nam dục, nam thanh, nam trang sức mà nữ nhân ấy tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy.

⇒ Do tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy nên tác ý đến nữ căn ở ngoài, nữ hành, nữ y phục, nữ loại, nữ dục, nữ thanh, nữ trang sức mà nam nhân ấy tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy.

⇒ Do tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy nên nam nhân ấy ước muốn có sự hệ lụy ở ngoài.

⇒ Do duyên với hệ lụy ấy, khởi lên lạc hỷ nên nam nhân ấy ước muốn lạc hỷ ấy.

⇒ Này các Tỷ-kheo, do thích thú trong nam tánh của mình, các loài hữu tình đi đến hệ lụy với những người đàn bà.

⇒ *Như vậy, này các Tỷ-kheo, nam nhân không thoát khỏi nam tánh của mình.* Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hệ lụy.

❖ *Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là không hệ lụy?*

4. Một nữ nhân, này các Tỷ-kheo, không tác ý nội nữ căn, nữ hành, nữ y phục, nữ loại, nữ dục, nữ thanh, nữ trang sức thời nữ nhân ấy không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đây.

→ Do không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đây nên không tác ý đến nam căn ở ngoài, nam hành, nam y phục, nam loại, nam dục, nam thanh, nam trang sức mà nữ nhân ấy không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đây.

→ Do không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đây nữ nhân ấy không muốn có sự hệ lụy ở ngoài. Do duyên hệ lụy ấy, khởi lên lạc, hỷ, nữ nhân ấy không ước muốn lạc, hỷ ấy.

→ *Này các Tỷ-kheo, do không thích thú trong nữ tánh của mình, các loài hữu tình không đi đến hệ lụy với những người đàn ông.*

→ *Như vậy, này các Tỷ-kheo, nữ nhân thoát được nữ tánh của mình.*

5. Một nam nhân, này các Tỷ-kheo, không tác ý đến nội nam căn, nam hành, nam y phục, nam loại, nam dục, nam thanh, nam trang sức mà nữ nhân ấy không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đây.

→ Do không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đây nên không tác ý đến nữ căn ở ngoài, nữ hành, nữ y phục, nữ loại, nữ dục, nữ thanh, nữ

trang sức mà nam nhân ấy không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đấy.

→ Do không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đấy nên nam nhân ấy không ước muốn có sự hệ lụy ở ngoài. Do duyên với hệ lụy ấy, khởi lên lạc, hỷ nên nam nhân ấy ước muốn lạc, hỷ ấy.

→ *Này các Tỷ-kheo, do không thích thú trong nam tánh của mình, các loài hữu tình không đi đến hệ lụy với những nữ nhân.*

→ *Như vậy, này các Tỷ-kheo, **nam nhân thoát được nam tánh của mình.** Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không hệ lụy.*

Này các Tỷ-kheo, đây là pháp môn hệ lụy và ly hệ lụy.

147 Không thể - 27 Sự kiện không thể xảy ra - Kinh ĐA GIỚI – 115 Trung III, 217

KINH ĐA GIỚI (Bahudhātuka sutta)

– Bài kinh số 115 – Trung III, 217

Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tịnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo".

– "Bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- Phàm có những **sợ hãi** gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả những sợ hãi ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí (pandita).
- Phàm có những **thất vọng** gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả thất vọng ấy sanh khởi

cho người ngu, không phải cho người hiền trí.

- Phàm có những **hoạn nạn** gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả hoạn nạn ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí.

Ví như, này các Tỷ-kheo, tia lửa từ ngôi nhà bằng cỏ, thiêu cháy ngôi nhà có lầu gác được trét trong trét ngoài, được che chở khỏi gió, có chốt khóa gài kỹ, có cửa sổ đóng kỹ.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những sợ hãi gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả những sợ hãi ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí; phàm có những thất vọng gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả những thất vọng ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí; phàm có những hoạn nạn gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả những hoạn nạn ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí.

Như vậy, này các Tỷ-kheo:

- Kẻ ngu đầy những sợ hãi, người hiền trí không có sợ hãi.
- Kẻ ngu đầy những thất vọng, người hiền trí

không có thất vọng.

- Kẻ ngu đầy những hoạn nạn, người hiền trí không có hoạn nạn.

Này các Tỷ-kheo:

- Không có sợ hãi cho người hiền trí,
- Không có thất vọng cho người hiền trí,
- Không có hoạn nạn cho người hiền trí.

→ Do vậy, này các Tỷ-kheo, **"Chúng tôi sẽ thành người hiền trí, biết suy tư tìm hiểu"**, như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

– Đến mức độ nào, bạch Thế Tôn, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo là người hiền trí, biết suy tư tìm hiểu?"

– Cho đến khi, này Ananda, Tỷ-kheo **thiện xảo về giới, thiện xảo về xứ, thiện xảo về duyên khởi và thiện xảo về xứ phi xứ** đến mức độ như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo là người hiền trí, biết suy tư tìm hiểu".

❖ Đến mức độ nào, bạch Thế Tôn, là vừa đủ để

nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới?"

– Nay Ananda, có mười tám giới này: nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới; ý giới, pháp giới, ý thức giới. Nay Ananda, cho đến khi biết được, thấy được mười tám giới này, cho đến mức độ như vậy, nay Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

– Nhưng bạch Thế Tôn, có thể có pháp môn nào khác là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới?"

– Có thể có, nay Ananda. Nay Ananda có sáu giới này: địa giới, thủy giới, phong giới, hỏa giới, không giới, thức giới. Nay Ananda, cho đến khi biết được, thấy được sáu giới này, cho đến mức độ như vậy, nay Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

– Nhưng bạch Thế Tôn, có thể có pháp môn nào khác, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

– Có thể có, nay Ananda. Nay Ananda có sáu giới này: lạc giới, khổ giới, hỷ giới, ưu giới, xả giới, vô minh giới. Nay Ananda, cho đến khi biết được, thấy được sáu giới này, cho đến mức độ như vậy này

Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

– Nhưng bạch Thế Tôn, có thể có pháp môn nào khác, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới?"

– Có thể có, này Ananda. Này Ananda, có sáu giới này: dục giới, ly dục giới, sân giới, vô sân giới, hai giới, bất hai giới. Này Ananda, cho đến khi biết được, thấy được sáu giới này, cho đến mức độ như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

– Nhưng bạch Thế Tôn, có thể có pháp môn nào khác, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới?"

– Có thể có, này Ananda. Này Ananda, có ba giới này: dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Này Ananda, cho đến khi biết được, thấy được ba giới này, cho đến mức độ như vậy này Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

– Nhưng bạch Thế Tôn, có thể có pháp môn nào khác, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới?"

– Có thể có, này Ananda. Này Ananda, có hai giới này: hữu vi giới và vô vi giới. Này Ananda, cho đến khi biết được, thấy được hai giới này, cho đến

mức độ như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới"

❖ ***Nhưng bạch Thế Tôn, cho đến mức độ nào là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về xứ?"***

– Này Ananda, **có sáu nội xứ, ngoại xứ này: mắt và sắc**, tai và tiếng, mũi và hương, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp. Này Ananda, cho đến khi biết được, thấy được sáu nội ngoại xứ này, cho đến mức độ như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về xứ".

❖ ***Nhưng bạch Thế Tôn, cho đến mức độ nào là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về duyên khởi?"***

– Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo biết như sau: **Nếu cái này có, cái kia có; do cái này sanh, cái kia sanh. Nếu cái này không có, cái kia không có; do cái này diệt, cái kia diệt.** Tức là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; do duyên sanh lão tử, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như vậy, này Ananda, là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Nhưng do sự diệt trừ, sự ly tham hoàn toàn của chính vô minh này, các hành diệt; do các hành diệt, thức diệt; do thức diệt, danh sắc diệt; do danh sắc diệt, lục nhập diệt; do lục nhập diệt, xúc diệt; do xúc diệt, thọ diệt; do thọ diệt, ái diệt; do ái diệt, thủ diệt, do thủ diệt, hữu diệt; do hữu diệt, sanh diệt, do sanh diệt, lão tử, sầu, bi, khổ, ưu, não đoạn diệt. Như vậy là sự đoạn diệt hoàn toàn của khổ uẩn này. Cho đến như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về duyên khởi".

❖ *Nhưng cho đến mức độ nào, bạch Thế Tôn, là vừa đủ để nói: Tỷ-kheo thiện xảo về xứ phi xứ?*

1. Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: khi một **người thành tựu (chánh) kiến** lại đi đến các hành (samkhara) và xem là thường còn. Sự kiện như vậy không xảy ra". Và vị ấy biết rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu: Khi một **người phạm phu** đi đến các hành và xem là thường còn. Sự kiện như vậy có xảy ra".
2. Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người thành tựu (chánh) kiến, lại có thể đi đến các hành với ý niệm lạc thọ. Sự kiện như vậy không có

xảy ra". Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu: Khi một người phạm phu đi đến các hành với ý niệm lạc thọ. Sự kiện như vậy có xảy ra".

3. Vị ấy biết rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người nào thành tựu (chánh) kiến, lại có thể đi đến các pháp với ý niệm tự ngã. Sự kiện như vậy không có xảy ra". Và vị ấy biết rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu: Khi một người phạm phu đi đến các pháp với ý niệm tự ngã. Sự kiện như vậy có xảy ra".
4. Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: khi một người thành tựu (chánh) kiến, có thể giết sinh mạng người mẹ. Sự kiện như vậy không có xảy ra". Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một người phạm phu có thể giết sinh mạng người mẹ. Sự kiện như vậy có xảy ra".
5. Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người thành tựu (chánh) kiến, có thể giết sinh mạng người cha... (như trên)
6. ... có thể giết sinh mạng A-la-hán. Sự kiện như vậy không xảy ra. Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu: Khi một

người phạm phu có thể giết sinh mạng người cha... (như trên)... có thể giết sinh mạng A-la-hán. Sự kiện như vậy có xảy ra

7. Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người thành tựu (chánh) kiến có thể với ác tâm làm Như Lai chảy máu. Sự kiện như vậy không có xảy ra". Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một người phạm phu với ác tâm làm Như Lai chảy máu. Sự kiện như vậy có xảy ra".
8. Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người thành tựu (chánh) kiến có thể phá hòa hợp Tăng. Sự kiện như vậy không xảy ra". Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một người phạm phu có thể phá hòa hợp với Tăng. Sự kiện như vậy có xảy ra".
9. Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người thành tựu (chánh) kiến có thể đề cao một Đạo sư khác. Sự kiện như vậy không có xảy ra". Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một người phạm phu đề cao một Đạo sư khác. Sự kiện như vậy có xảy ra".
10. Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy

ra, không có hiện hữu: Khi cùng trong một thế giới (lokadhatu), **hai A-la-hán Chánh Đăng Giác** có thể xuất hiện (một lần) không trước không sau. *Sự kiện như vậy không có xảy ra*". Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi cùng trong một thế giới, một A-la-hán Chánh Đăng Giác có thể xuất hiện. Sự kiện như vậy có xảy ra".

11. Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra: Khi cùng trong một thế giới **hai vua Chuyển luân** có thể xuất hiện (một lần), không trước không sau. *Sự kiện như vậy không có xảy ra*". Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi trong một thế giới, một vị vua Chuyển luân có thể xuất hiện. Sự kiện như vậy có xảy ra".
12. Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: **Khi một nữ nhân có thể thành A-La-Hán Chánh Đăng Giác. Sự kiện như vậy không có xảy ra**". Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: **Khi một nam nhân có thể thành một A-la-hán Chánh Đăng Giác. Sự kiện như vậy có xảy ra.**"
13. Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: **Khi một nữ nhân có thể thành Sakka (Đế -thích). Sự kiện như vậy**

không có xảy ra". Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu: Khi một nam nhân có thể trở thành Sakka. Sự kiện như vậy có xảy ra".

14. Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: **Khi một nữ nhân có thể trở thành Ma vương. Sự kiện như vậy không có xảy ra**". Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra khi một nam nhân trở thành một Ma vương. Sự kiện như vậy có xảy ra".
15. Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: **Khi một nữ nhân có thể trở thành Phạm thiên. Sự kiện như vậy không có xảy ra**". Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một nam nhân có thể trở thành Phạm thiên. Sự kiện này như vậy có xảy ra".
16. Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: **Khi một thân ác hành có thể sanh ra quả báo khả ái, khả hỷ, khả lạc. Sự kiện này không có xảy ra**". Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một thân ác hành có thể sanh ra quả báo không khả ái, không khả hỷ, không khả lạc. Sự kiện như vậy có xảy ra".

17. Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: **Khi một khẩu ác hành...**
18. **...Khi một ý ác hành** có thể sanh ra quả báo khả ái, khả hỷ, khả lạc. Sự kiện như vậy không có xảy ra". Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một ý ác hành có thể sanh ra quả báo không khả ái, không khả hỷ, không khả lạc. Sự kiện như vậy có xảy ra".
19. Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: **Khi một thân thiện hành** có thể sanh ra quả báo không khả ái, không khả hỷ, không khả lạc. Sự kiện như vậy không có xảy ra". Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một thân thiện hành có thể sanh ra quả báo khả ái, khả hỷ, khả lạc. Sự kiện như vậy có xảy ra".
20. Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: **Khi một khẩu thiện hành...**
21. **... một ý thiện hành** có thể sanh ra quả báo không khả ái, không khả hỷ, không khả lạc. Sự kiện như vậy không có xảy ra". Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một ý thiện hành có thể sanh ra quả báo khả ái, khả hỷ, khả lạc. Sự kiện như vậy có xảy ra".

22. Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: **Khi một người hành trì thân ác hành**, do nhân thân ác hành ấy, do duyên thân ác hành ấy sau khi thân hoại mạng chung, có thể **sanh thiên thú**, thiên giới, cõi đời này. Sự kiện như vậy không có xảy ra". Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một người hành trì thân ác hành, do nhân thân ác hành ấy, do duyên thân ác hành ấy, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Sự kiện này có xảy ra".
23. Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: **Khi một người hành trì khẩu ác hành...**
24. **... hành trì ý ác hành**, do nhân ý ác hành ấy, do duyên ý ác hành ấy, sau khi thân hoại mạng chung, có thể **sanh lên thiên thú**, thiên giới, cõi đời này. Sự kiện như vậy không có xảy ra". Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra, khi một người hành trì khẩu ác hành... ý ác hành, sau khi thân hoại mạng chung có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Sự kiện như vậy có xảy ra".
25. Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người hành

trì **thân thiện hành**, do nhân thân thiện hành ấy, do duyên thân thiện hành ấy, có thể **sanh vào cõi dữ**, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Sự kiện như vậy không có xảy ra". Và vị ấy biết rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một người hành trì thân thiện hành, do nhân thân thiện hành ấy, do duyên thân thiện hành ấy, có thể sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Sự kiện như vậy có xảy ra".

26. Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người hành trì **khẩu thiện hành**...

27. ... hành trì **ý thiện hành**, do nhân ý thiện hành ấy, do duyên ý thiện hành ấy, có thể **sanh vào cõi dữ**, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Sự kiện như vậy không có xảy ra". Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu: Khi một người hành trì khẩu thiện hành... hành trì ý thiện hành, do nhân ý thiện hành ấy, do duyên ý thiện hành ấy, có thể sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Sự kiện như vậy có xảy ra".

Cho đến mức độ như vậy, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về xứ phi xứ".

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ananda bạch

Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn pháp môn này có tên gì?

– Do vậy, này Ananda, Ông hãy thọ trì pháp môn này là **Đa giới**, hãy thọ trì pháp môn này là **Bốn chuyển** (Dhammadasa) hãy thọ trì pháp môn này là **Pháp kinh** (Dhammdasa), hãy thọ trì pháp môn này là **Trống bắt tử**, hãy thọ trì pháp môn này là **Vô thượng chiến thắng**.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

148 Không thể - Người đầy đủ tri kiến không thể... - Kinh CHẤP NHẬN CÁC HÀNH LÀ THƯỜNG CÒN – Tăng I, 58

CHẤP NHẬN CÁC HÀNH LÀ THƯỜNG CÒN – Tăng I, 58

1. Sự kiện này không xảy ra, không có được: *Một người thành tựu chánh kiến có thể chấp nhận các hành là thường còn, sự kiện này không xảy ra.*

- Và này các Tỷ-kheo, sự kiện này có xảy ra, kẻ phàm phu có thể chấp nhận các hành là thường còn, sự kiện này có xảy ra.

2. Sự kiện này không xảy ra, không thể có được: *Một người thành tựu chánh kiến có thể chấp nhận các hành là lạc, sự kiện này không xảy ra.*

- Và này các Tỷ-kheo, sự kiện này có xảy ra: kẻ phàm phu có thể chấp nhận các hành là lạc, sự kiện này có xảy ra.

3. Sự kiện này không xảy ra, không có được: *Một người thành tựu chánh kiến có thể chấp nhận các pháp là ngã, sự kiện này không xảy ra.*

- Và này các Tỷ-kheo, sự kiện này có xảy ra: kẻ phạm phu có thể chấp nhận các pháp là ngã, sự kiện này có xảy ra.

4-9. Sự kiện này không xảy ra, không có được: *Một người thành tựu chánh kiến có thể đoạt mạng sống của mẹ... của cha... của vị A-la-hán... có thể với ác tâm làm bậc Như Lai chảy máu...có thể phá hòa hợp Tăng... có thể tuyên bố một vị Đạo Sư khác, sự kiện này không xảy ra.*

- Và này các Tỷ-kheo, sự kiện này có xảy ra, kẻ phạm phu... có thể tuyên bố một vị Đạo Sư khác, Sự kiện này có xảy ra.

10. Sự kiện này không xảy ra, không có được: *Trong một Thế giới, hai vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, không trước không sau, xuất hiện một lần, sự kiện này không xảy ra.*

- Và này các Tỷ-kheo, sự kiện này có xảy ra: Trong một Thế giới, chỉ có một vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện, sự kiện này có xảy ra.

KHÔNG THỂ XẢY RA 1 – Tăng I, 59

11. Sự kiện này không xảy ra, không có được: *Trong một Thế giới, có hai Chuyển Luân Vương, không*

trước không sau, xuất hiện một lần, Sự kiện này không xảy ra.

- Và này các Tỷ-kheo, sự kiện này có xảy ra, trong một thế giới, chỉ có một Chuyển Luân Vương xuất hiện, sự kiện này có xảy ra.

12. Sự kiện này không xảy ra, không có được: Một phụ nữ có thể là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, sự kiện này không xảy ra.

- Và này các Tỷ-kheo, sự kiện này có xảy ra: Người đàn ông có thể là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, sự kiện này có xảy ra.

13. Sự kiện này không xảy ra, không có được: Một phụ nữ có thể là vị Chuyển Luân Vương, sự kiện này không xảy ra.

- Và này các Tỷ-kheo, sự kiện này có xảy ra: Một người đàn ông có thể là vị Chuyển Luân Vương, sự kiện này có xảy ra.

14-16 Sự kiện này không xảy ra, không có được: Một phụ nữ có thể là vị Đế Thích (Sakka)...là Ác Ma...là Phạm Thiên, sự kiện này không xảy ra.

- Và này các Tỷ-kheo, sự kiện này có xảy ra, một người đàn ông có thể là Vị Đế Thích... là Ác Ma... là Phạm Thiên, sự kiện này có xảy ra

17. Sự kiện này không xảy ra, không có được: là quả dị thực của thân làm ác có thể là khả lạc, khả hỷ, khả ý, sự kiện này không xảy ra.

- Và này các Tỷ-kheo, sự kiện này có xảy, là quả dị thực của thân làm ác có thể là không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý, sự kiện này có xảy ra.

18-19. Và này các Tỷ-kheo, sự kiện này không xảy ra, không có được: là quả dị thực của miệng nói ác... của ý nghĩ ác, có thể là khả lạc, khả hỷ, khả ý, sự kiện này không xảy ra.

- Và này các Tỷ-kheo, sự kiện này có xảy ra, là quả dị thực của miệng nói ác... của ý nghĩ ác, là không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý, sự kiện này có xảy ra.

KHÔNG THỂ XẢY RA 2 – Tăng I, 61

1. Sự kiện này không xảy ra, không có được: là quả dị thực của thân làm thiện có thể là không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý, sự kiện này không xảy ra.

- Và này các Tỷ-kheo, sự kiện này có xảy ra, là quả dị thực của thân làm thiện có thể là khả lạc, khả hỷ, khả ý, sự kiện này có xảy ra.

2-3. Sự kiện này không xảy ra, không có được: là quả dị thực của miệng nói thiện... của ý nghĩ thiện có thể là không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý, sự kiện này không xảy ra.

- Và này các Tỷ-kheo, sự kiện này có xảy ra, là quả dị thực của miệng nói thiện... của ý nghĩ thiện là khả lạc, khả hỷ, khả ý, sự kiện này có xảy ra.

4. Sự kiện này không xảy ra, không có được: là người đầy đủ thân làm ác, do nhân ấy, do duyên ấy, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sinh cõi lành, cõi Trời, cõi đời này, sự kiện này không xảy ra.

- Và này các Tỷ-kheo, sự kiện này có xảy ra, là người đầy đủ thân làm ác, do nhân ấy, do duyên ấy, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sinh cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, sự kiện này có xảy ra.

5-6. Sự kiện này không xảy ra, không có được là người đầy đủ miệng nói ác... ý nghĩ ác, do nhân ấy, do duyên ấy... (như số 4 trên)..., sự kiện này có xảy ra.

7-9. Sự kiện này không xảy ra, không có được: là người đầy đủ thân làm thiện... miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, do nhân ấy, do duyên ấy, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, sự kiện này không xảy ra.

- Và này các Tỷ-kheo, sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, là người đầy đủ thân làm thiện,... miệng nói thiện... ý nghĩ thiện, do nhân ấy, do duyên ấy, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh cõi lành, cõi Trời, cõi đời này, sự kiện này có xảy ra.

149 Không thể - Người đầy đủ tri kiến không thể... - Kinh LÀM CHO SANH KHỎI – Tăng III, 254

LÀM CHO SANH KHỎI – *Tăng III, 254*

1. - Một người đầy đủ tri kiến, này các Tỷ-kheo, không có thể làm cho sanh khởi sáu pháp.

2. Thế nào là sáu?

- Thân kiến, nghi, giới cấm thủ,
- Tham đưa đến đọa xứ, sân đưa đến đọa xứ, si đưa đến đọa xứ.

Một người đầy đủ tri kiến, này các Tỷ-kheo, không có thể làm cho sanh khởi sáu pháp này.

BẠC ĐẠO SƯ – *Tăng III, 254*

1. - Này các Tỷ-kheo, có sáu trường hợp không thể xảy ra.

2. Thế nào là sáu?

- Người đầy đủ tri kiến không thể sống không tôn kính, không tùy thuận bậc Đạo Sư.

- Người đầy đủ tri kiến không thể sống không tôn kính, không tùy thuận Chánh pháp.
- Người đầy đủ tri kiến không thể sống không tôn kính, không tùy thuận chúng Tăng.
- Người đầy đủ tri kiến không thể sống không tôn kính, không tùy thuận học pháp.
- Người đầy đủ tri kiến không thể rơi trở lại vào những vấn đề không nên trở lại.
- Người đầy đủ tri kiến không thể làm cho sanh khởi hữu thứ tám.

Này các Tỷ-kheo, đây là sáu trường hợp không thể xảy ra.

HÀNH – *Tăng* III, 255

1. - Này các Tỷ-kheo, có sáu trường hợp không thể xảy ra.

2. Thế nào là sáu?

- Người đầy đủ tri kiến không thể chấp nhận bất cứ **hành** nào là thường còn.
- Người đầy đủ tri kiến không thể chấp nhận bất cứ hành nào là lạc.

- Người đầy đủ tri kiến không thể chấp nhận bất cứ hành nào là ngã.
- Người đầy đủ tri kiến không thể làm hành động vô gián.
- Người đầy đủ tri kiến không thể làm cho thanh tịnh với những lễ nghi đặc biệt.
- Người đầy đủ tri kiến không thể đi tìm các vi đáng được cúng dường ngoài chư Tăng.

Này các Tỷ-kheo, đây là sáu trường hợp không thể xảy ra.

ME – *Tăng* III, 256

1. - Này các Tỷ-kheo, có sáu trường hợp này không thể xảy ra.

2. Thế nào là sáu?

- Người đầy đủ tri kiến không thể đoạn mạng sống của mẹ.
- Người đầy đủ tri kiến không thể đoạn mạng sống của cha.
- Người đầy đủ tri kiến không thể đoạn mạng sống của vị A-la-hán.

- Người đầy đủ tri kiến không thể với ác tâm làm Như Lai phải chảy máu.
- Người đầy đủ tri kiến không thể phá hòa hợp Tăng.
- Người đầy đủ tri kiến không thể đề cử một vị Đạo Sư khác.

Này các Tỷ-kheo, có sáu trường hợp này không thể xảy ra.

TỰ LÀM – *Tăng* III, 256

1. - Này các Tỷ-kheo, có sáu trường hợp này không thể xảy ra.

2. Thế nào là sáu?

- Người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc khổ do tự mình làm.
- Người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc khổ do người khác làm.
- Người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc khổ do tự mình làm, do người khác làm.
- Người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc khổ không do tự mình làm, do tự nhiên sanh.

- Người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc khổ không do người khác làm, do tự nhiên sanh.
- Người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc khổ không do tự mình làm và không do người khác làm, do tự nhiên sanh.

Vì có sao?

Này các Tỷ-kheo, đối với người có đầy đủ tri kiến, thì nhân và các pháp do nhân sanh đã được khéo thấy.

Này các Tỷ-kheo, có sáu trường hợp này không thể xảy ra.

150 Không thể bước vào quyết định tánh - Kinh CHUỐNG NGẠI – Tăng III, 250

CHUỐNG NGẠI – Tăng III, 250

1. - Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, **dầu có nghe điều pháp, không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.**

2. Thế nào là sáu?

- Thành tựu **nghiệp chướng**,
- Thành tựu **phiền não chướng**,
- Thành tựu **dị thực chướng**,
- Không có lòng tin,
- Không có ước muốn,
- Ác tuệ.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, dầu có nghe pháp, không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

3. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, nếu có nghe điều pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

4. Thế nào là sáu?

- Không thành tựu nghiệp chướng,
- Không thành tựu phiền não chướng,
- Không thành tựu dị thực chướng,
- Có lòng tin,
- Có ước muốn,
- Và có trí tuệ.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, nếu có nghe diệu pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

151 Không thể chứng Sơ thiên nếu.. - Kinh THIÊN 1 – Tăng III, 238

THIÊN 1 – Tăng III, 238

1. - Không đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, không có thể đạt được an trú sơ Thiên.

2. Thế nào là sáu?

- *Dục tham, Sân, Hôn trầm thùy miên, Trạo hối, Nghi,*
- *Không như thật khéo thấy với chánh trí tuệ các nguy hại trong các dục.*

Không đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể đạt được và an trú sơ thiên.

3. Đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, có thể đạt được và an trú sơ Thiên.

4. Thế nào là sáu?

- *Dục tham, sân, hôn trầm thùy miên, trạo hối, nghi,*
- *Như thật khéo thấy với chánh trí tuệ các nguy hại trong các dục.*

Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể đạt được và an trú sơ Thiên.

THIỀN 2 –Tăng III, 238

1. - Không đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, không có thể đạt được và an trú sơ thiền.

2. Thế nào là sáu?

- Dục tâm, sân tâm, hại tâm,
- Dục tưởng, sân tưởng, hại tưởng.

Không đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể đạt được và an trú sơ Thiền.

3. Đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, có thể đạt được và an trú sơ Thiền.

4. Thế nào là sáu?

- Dục tâm, sân tâm, hại tâm,
- Dục tưởng, sân tưởng, hại tưởng.

Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể đạt được và an trú sơ Thiền.

152 Không thể chứng ngộ quả Alahán - Kinh ALAHÁN QUẢ – Tăng III, 241

ALAHÁN QUẢ – *Tăng III, 241*

1. - Không đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, không có thể chứng ngộ quả A-la-hán.

2. Thế nào là sáu?

- Mạn, ty mạn, quá mạn,
- Tăng thượng mạn, cố chấp, ty liệt mạn.

Không đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể chứng ngộ quả A-la-hán.

3. Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể chứng ngộ quả A-la-hán.

4. Thế nào là sáu?

- Mạn, ty mạn, quá mạn,
- Tăng thượng mạn, cố chấp, ty liệt mạn.

Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể chứng ngộ quả A-la-hán.

153 Không thể chứng ngộ quả Alahán - Kinh KHÔNG THỂ TĂNG TRƯỞNG – Tăng IV, 526

KHÔNG THỂ TĂNG TRƯỞNG – *Tăng IV, 526*

1. **Này các Tỷ-kheo, không đoạn tận mười pháp này, không có thể chứng ngộ quả A-la-hán.**

2. Thế nào là mười?

- Tham, sân, si,
- Phẫn nộ, hiềm hận, gièm pha,
- Não hại, tật đố, xan tham, mạn.

Không đoạn tận mười pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể chứng ngộ quả A-la-hán.

3. **Đoạn tận mười pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể chứng ngộ quả A-la-hán.** Thế nào là mười?

4. Tham, sân, si, phẫn nộ, hiềm hận, gièm pha, não hại, tật đố, xan tham, mạn.

Đoạn tận mười pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể chứng ngộ quả A-la-hán.

154 Không thể chứng ngộ quả Alahán - Kinh PHÁP TỐI THƯỢNG – Tăng III, 246

PHÁP TỐI THƯỢNG – Tăng III, 246

1- Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể chứng ngộ pháp tối thượng A-la-hán.

2. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

- Không có lòng tin, không có xấu hổ, không có lòng sợ hãi, biếng nhác, ác tuệ,
- Thân và mạng nhiều ước vọng.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể chứng ngộ pháp tối thượng A-la-hán.

3. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể chứng ngộ pháp tối thượng A-la-hán.

4. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

- Có lòng tin, có lòng xấu hổ, có lòng sợ hãi, tinh cần tinh tấn, có trí tuệ,
- Thân và mạng không có ước vọng.

Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể chứng ngộ pháp tối thượng A-la-hán.

155 Không thể chứng ngộ thượng nhân pháp - Kinh THƯỢNG NHÂN PHÁP – Tăng III, 242

THƯỢNG NHÂN PHÁP – Tăng III, 242

1.-Không đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, không có thể chứng ngộ các pháp thượng nhân tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh.

2. Thế nào là sáu?

- *Thất niệm,*
- *Không tỉnh giác,*
- *Không phòng hộ các căn,*
- *Không tiết độ trong ăn uống,*
- *Ngụy trá,*
- *Hư đàm.*

Không đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể chứng ngộ các pháp thượng nhân tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh.

3. Đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, có thể chứng ngộ các pháp thượng nhân tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh.

4. Thế nào là sáu?

- Thất niệm,
- Không tỉnh giác,
- Không phòng hộ các căn,
- Không tiết độ trong ăn uống,
- Ngụy trá, hư đàm.

Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể chứng ngộ các pháp thượng nhân tri kiến thù thắng xứng đánh bậc Thánh

156 Không thể chứng ngộ vô thượng thanh lương - Kinh MÁT LẠNH – Tăng III, 249

MÁT LẠNH – Tăng III, 249

1. - Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể chứng ngộ vô thượng thanh lương.

Thế nào là sáu?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

- Khi nào cần phải hạn chế tâm, khi ấy không hạn chế tâm;
- Khi nào tâm cần phải phần chấn, khi ấy, lại không phần chấn tâm;
- Khi nào tâm cần phải làm cho hoan hỷ, khi ấy lại không làm tâm hoan hỷ;
- Khi nào tâm cần phải trú xả, quán sát, khi ấy lại không làm cho tâm trú xả quán sát;
- Xu hướng về hạ liệt;
- Hoan hỷ thân kiến.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể chứng ngộ vô thượng thanh lương.

3. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể chứng ngộ vô thượng thanh lương. Thế nào là sáu?

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

- Khi nào tâm cần phải hạn chế, khi ấy hạn chế tâm;
- Khi nào tâm cần phải phân chấn, khi ấy phân chấn tâm;
- Khi nào tâm cần phải làm cho hoan hỷ, khi ấy làm cho tâm hoan hỷ.
- Khi nào tâm cần phải trú xả, quán sát, khi ấy làm tâm trú xả, quán sát;
- Xu hướng về thù thắng;
- Hoan hỷ Niết-bàn.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể chứng ngộ vô thượng thanh lương.

157 Không thể chứng được tri kiến vô thượng Bồ đề - Kinh SÀLHA – Tăng II, 204

SÀLHA – Tăng II, 204

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesàli (Tỳ-xá-ly) tại Đại Lâm, trong ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Licchavì Sàlha và Licchavì Abhaya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Licchavì Sàlha bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, có những Sa-môn, Bà-la-môn trình bày sự vượt qua dòng nước mạnh với hai pháp môn: nhân giới thanh tịnh và nhân khổ hạnh nhằm chán. Ở đây, bạch Thế Tôn, Thế Tôn có nói gì?

- Nay Sàlha, Ta nói rằng giới thanh tịnh là một chi phần của Sa-môn hạnh. Các vị Sa-môn, Bà-la-môn nào, này Sàlha, **sống chủ trương nhân khổ hạnh nhằm chán, xem khổ hạnh nhằm chán là lỗi cây**, chấp chặt vào khổ hạnh nhằm chán, những vị ấy không thể nào vượt qua dòng nước mạnh.

Các vị Sa-môn, Bà-la-môn nào, này Sàlha, **thân hành không thanh tịnh, lời nói không thanh tịnh, ý hành không thanh tịnh, sanh sống không thanh tịnh,**

những vị ấy **không** có thể đạt được **tri kiến vô thượng Bồ-đề**.

3. Ví như, này Sàlhà, một người muốn vượt qua sông, cầm một cây búa sắc bén đi vào rừng. Tại đây, nó thấy một cây sàla lớn, cao, thẳng, còn trẻ, không có lỗi lõm. Nó chặt cây ấy tại gốc, sau khi chặt ở gốc, nó đốn ngọn. Sau khi đốn ngọn, nó tỉa cành lá và làm cho thân cây trơn tru. Sau khi tỉa cành lá và làm cho thân cây trơn tru, nó gọt đẽo với cái búa. Sau khi gọt đẽo với cái búa, nó gọt đẽo với con dao. Sau khi gọt đẽo với con dao, nó bào sạch với cái bào. Sau khi bào sạch với cái bào, nó bào sạch với hòn đá mài. Sau khi bào sạch với hòn đá mài, nó đem cây ấy xuống sông. Ý Ông nghĩ thế nào, này Sàlhà người ấy có thể vượt qua sông được không?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

4. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì cây sàla ấy, tuy bề ngoài rất khéo làm, nhưng bề trong không được làm sạch. Do vậy, sự việc chờ đợi rằng: "Cây sàla ấy chìm xuống và người ấy rơi vào ách nạn".

- Cũng vậy, này Sàlhà, những Sa-môn, Bà-la-môn nào **chủ trương sống khổ hạnh nhằm chán**, xem khổ hạnh nhằm chán là lỗi cây, chấp chặt lấy khổ hạnh nhằm chán, những vị ấy **không có thể vượt qua dòng**

nước mạnh. **Này Sàlhà, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào, thân hành không thanh tịnh, lời nói không thanh tịnh, ý hành không thanh tịnh, sinh sống không thanh tịnh, chúng không có thể chứng được tri kiến vô thượng Bồ-đề.**

Này Sàlhà, những Sa-môn, Bà-la-môn nào **sống không chủ trương khổ hạnh nhằm chán**, không xem khổ hạnh nhằm chán là lỗi cây, không chấp chặt lấy khổ hạnh nhằm chán, những vị ấy có thể vượt qua dòng nước mạnh. **Này Sàlhà, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào, thân hành thanh tịnh, lời nói thanh tịnh, ý hành thanh tịnh, sinh sống thanh tịnh, những vị ấy có thể chứng được tri kiến vô thượng Bồ-đề.**

5. Ví như, này Sàlhà, một người muốn vượt qua sông, cầm một cây búa sắc bén đi vào rừng. Tại đấy, người ấy thấy một cây sàla lớn, cao, thẳng, còn trẻ, không có lỗi lõm. Nó chặt cây ấy tại gốc, sau khi chặt ở gốc, người ấy đốn ngọn. Sau khi đốn ngọn, người ấy tỉa cành lá và làm cho thân cây trơn tru. Sau khi tỉa cành lá và làm cho thân cây trơn tru, người ấy gọt đẽo với cái búa. Sau khi gọt đẽo với cái búa, người ấy gọt đẽo với con dao. Sau khi gọt đẽo với con dao, người ấy bào sạch với cái bào. Sau khi bào sạch với cái bào, người ấy bào sạch với hòn đá mài. Sau khi bào sạch với hòn đá mài, người ấy làm thành chiếc

thuyền, cột với cái chèo và bánh lái, rồi cuối cùng người ấy thả xuống sông. Ý Ông nghĩ thế nào, này Sàlhà người ấy có thể vượt qua sông được không?

- Thừa được, bạch Thế Tôn.

6. Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì cây sàla ấy, bề ngoài rất khéo làm, bề trong được làm sạch, được cột với cái chèo và bánh lái. Do vậy, sự việc chờ đợi rằng: "Chiếc thuyền ấy không chìm, và người ấy sẽ đến bờ bên kia an toàn".

- Cũng vậy, này Sàlhà, những Sa-môn, Bà-la-môn nào không chủ trương khổ hạnh nhằm chán, những vị ấy có thể vượt qua dòng nước mạnh. Này Sàlhà, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào, **thân** hành thanh tịnh, **lời** nói thanh tịnh, **ý** hành thanh tịnh, **sinh sống** thanh tịnh, những vị ấy **có thể chứng được tri kiến vô thượng Bồ-đề**".

7. *Ví như, này Sàlhà, một chiến sĩ dầu nó biết được nhiều cung thuật, nhưng về ba phương diện nó xứng đáng là của vua, thuộc sở hữu của vua, đi đến làm biểu tượng của vua. Thế nào là ba?*

- **Bắn xa,**
- **Bắn nhanh như chớp nhoáng,**
- **Và bắn thủng được vật lớn.**

8. Ví như, này Sàlha, người chiến sĩ *bắn xa*, cũng vậy, này Sàlha, là **Thánh đệ tử có chánh định**. Phàm có **sắc** gì quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, cần phải như thật thấy với trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi". Phàm có **thọ** gì ... phàm có **tướng** gì ... phàm có **hành** gì ... phàm có **thức** gì, quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, cần phải như thật thấy với trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi".

9. Ví như, này Sàlha, người chiến sĩ *bắn như chớp nhoáng*. Cũng vậy, này Sàlha là **vị Thánh đệ tử có chánh tri kiến**. Vị Thánh đệ tử này Sàlha, có chánh tri kiến như thật quán tri: "**Đây là khổ** ... Đây là khổ tập..., Đây là khổ diệt ..., Đây là con đường đưa đến khổ diệt".

10. Ví như, này Sàlha, người chiến sĩ *đâm thủng được thân hình lớn*. Cũng vậy, này Sàlha là **vị Thánh đệ tử có chánh giải thoát**. Vị Thánh đệ tử này Sàlha, có chánh giải thoát đâm thủng được vô minh uẩn to lớn.

158 Không thể chứng được tri kiến đầy đủ - Kinh CÀN PHẢI ĐOẠN TẬN – Tăng III, 253

CÀN PHẢI ĐOẠN TẬN – *Tăng* III, 253

1. - Không đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, không có thể chứng tri kiến đầy đủ.

2. Thế nào là sáu?

- Thân kiến, nghi, giới cấm thủ,
- Tham đưa đến đọa xứ,
- Sân đưa đến đọa xứ,
- Si đưa đến đọa xứ.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, không chứng tri kiến đầy đủ. Thế nào là sáu?

3. Đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, có thể chứng tri kiến đầy đủ.

4. Thế nào là sáu?

- Thân kiến, nghi, giới cấm thủ,
- Tham đưa đến đọa xứ, sân đưa đến đọa xứ, si đưa đến đọa xứ.

Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể
chứng tri kiến đầy đủ.

159 Không thể có 2 Đức Phật cùng một thời điểm - Kinh ĐẠI ĐIỀN TÔN – 19 Trường II, 81

KINH ĐẠI ĐIỀN TÔN
(*MAHÀ GOVINDA SUTTANTA*)
– Bài kinh số 19 – Trường II, 81

I

1. Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở tại Vương Xá, núi Linh Thứu. Khi đêm đã gần mãn, **Pancasikha (Ngũ Kế), thuộc giòng họ Càn-thát-bà (Gandhabba)**, với dung mạo đoan chánh, chói sáng toàn vùng núi Linh Thứu, đến tại chỗ Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Ngài và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, Pancasikha, thuộc giòng họ Càn-thát-bà bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, những điều con đã tự thân nghe và chấp nhận trước mặt chư Thiên ở Tam thập tam thiên, bạch Thế Tôn con muốn bạch lại Thế Tôn.

- Này Pancasikha, hãy nói cho ta nghe! - Thế Tôn nói như vậy.

2. - Bạch Thế Tôn, trong những ngày xưa, những ngày xa xưa, nhân **đêm trăng rằm Bồ-tát (Uposatha), trong tháng nhập cư mùa mưa**, toàn thể chư Thiên ở cõi Tam thập tam thiên ngồi hội họp tại Thiện Pháp đường, xung quanh có Đại thiên chúng ngồi khắp mọi phía; tại bốn phương hướng có bốn vị đại vương ngồi.

- Đại vương **Dhatarattha (Trì Quốc Thiên vương)**, vua ở phương Đông, ngồi xây mặt hướng Tây, trước mặt Thiên chúng.
- Đại vương **Virūlhaka (Tăng Trưởng thiên vương)**, vua ở phương Nam, ngồi xây mặt hướng Bắc, trước mặt Thiên chúng.
- Đại vương **Virūpakka (Quảng Mục Thiên vương)**, vua ở phương Tây, ngồi xây mặt hướng Đông, trước mặt Thiên chúng.
- Đại vương **Vessavana (Tỳ-sa-môn Thiên vương)**, vua ở phương Bắc, ngồi xây mặt hướng Nam, trước mặt Thiên chúng.

Bạch Thế Tôn, khi nào toàn thể chư Thiên ở cõi Tam thập tam thiên ngồi hội họp tại Thiện Pháp đường, xung quanh có Đại thiên chúng ngồi khắp mọi phía và tại bốn phương hướng có bốn vị đại vương ngồi, như vậy là thứ tự các chỗ ngồi của các vị này, rồi đến

chỗ ngồi của chúng con.

Bạch Thế Tôn, chư Thiên nào trước sống phạm hạnh theo Thế Tôn và nay mới sanh lên cõi Tam thập tam thiên, những vị này thắng xa chư Thiên khác về thân sắc và danh tiếng. Bạch Thế Tôn, chư Thiên ở Tam thập tam thiên đẹp lòng, thoải mái, hoan hỷ sanh: "*Thiên giới thật sự được tăng thịnh, còn A-tu-la giới bị hoại diệt.*"

3. Bạch Thế Tôn, lại bây giờ **Thiên chủ Đế-thích (Sakka)** thấy chư Thiên ở Tam thập tam thiên hoan hỷ bèn tùy hỷ nói lên bài kệ như sau:

*Chư Tam thập tam thiên,
Cùng Đế-thích hoan hỷ,
Đảnh lễ bậc Như Lai,
Cùng Chánh pháp vi diệu.*

*Thấy Thiên chúng tân sanh,
Quang sắc thật thù thắng,
Các vị sống phạm hạnh,
Nay sanh tại cõi này.*

*Họ thắng về quang sắc,
Thọ mạng và danh xưng.
Đệ tử bậc Đại Tuệ,*

Thù thắng sanh cõi này.

*Chư Tam thập tam thiên,
Cùng Đế-thích hoan hỷ,
Đảnh lễ bậc Như Lai,
Và Chánh pháp vi diệu.*

Bạch Thế Tôn, chư Thiên ở Tam thập tam thiên lại càng đẹp lòng thoải mái hoan hỷ hơn nữa và nói:

" - Thiên giới thật sự được tăng thịnh, còn A-tu-la giới bị hoại diệt ".

4. Bạch Thế Tôn, **Thiên chủ Đế-thích** biết được chư Thiên ở Tam thập tam thiên hoan hỷ, liền nói với Chư Thiên ở Tam thập tam thiên:

" - Các vị có muốn nghe Tám pháp như thật của Thế Tôn không?

" - Chúng tôi muốn nghe tám pháp Như thật của Thế Tôn".

Bạch Thế Tôn, Thiên chủ Đế-thích ở Tam thập tam thiên giải thích về tám pháp Như thật của Thế Tôn như sau:

5. " - Nay chư Thiên hữu ở Tam thập tam thiên các

vị nghĩ thế nào? Như Lai dẫn thân vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc vì an lạc cho loài Trời và loài Người. Một vị Đại sư dẫn thân vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc vì an lạc cho loài Trời và loài Người như vậy, một vị Đại sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy được trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

6. "Chánh pháp được Thế Tôn khéo léo thuyết giảng, một Chánh pháp thiết thực hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến đê mà thấy, luôn luôn hướng thượng, chỉ người có trí tự mình giác hiểu. Một vị Giảng sư thuyết pháp hướng thượng như vậy, một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy được trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

7. "Đây là thiện", "đây là bất thiện" đã được Thế Tôn khéo giải thích. "Đây có tội", "đây không tội", "đây cần phải tuân theo", "đây cần phải né tránh", "đây là hạ liệt", "đây là cao thượng", "đây là đen trắng đồng đẳng", được Thế Tôn khéo giải thích. Một vị khéo giải thích các pháp thiện, bất thiện, có tội, không có tội, cần phải tuân theo, cần phải né tránh, hạ liệt, cao thượng, đen trắng đồng đẳng, một vị Đại sư đầy

đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy được trong quá khứ, cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

8. "Con đường đưa đến Niết-bàn cho các đệ tử, **Niết-bàn và con đường phối hợp thành một**, đã được Thế Tôn khéo giải thích như nước sông Hằng phối hợp và cùng chảy với nước sông Yamuna (Diêm-mâu-na). Cũng vậy con đường đưa đến Niết-bàn cho các đệ tử, Niết-bàn và con đường phối hợp thành một đã được Thế Tôn khéo giải thích. Một vị khéo giải thích con đường hướng đến Niết-bàn như vậy, một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy trong quá khứ, cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

9. "Thế Tôn cũng đã đào tạo được chúng thiện hữu Hữu học đang đi trên nẻo đạo và các vị Lưu tặc đã hoàn tất Thánh đạo. Ngài không di tản chúng nhưng **sống cùng chung một niềm hòa hợp lạc trú**. Một vị sống cùng chung một niềm hòa hợp lạc trú, một Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy trong quá khứ, cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

10. - "Lợi dưỡng cúng dường cho Thế Tôn đã được an bài chắc chắn, danh tiếng cũng đã được an bài chắc chắn, và con nghĩ rằng các vị Sát-đế-ly

(Khattiyà) sống với gương mặt rất quý mến Ngài. Nhưng Thế Tôn **sống thọ hưởng các lợi dưỡng với tâm không kiêu mạn.** Một vị sống thọ hưởng các lợi dưỡng với tâm không kiêu mạn như vậy, một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy trong quá khứ, cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

11. "Thế Tôn nói gì thời làm vậy, làm gì thời nói vậy. Một vị nói gì thời làm vậy, làm gì thời nói vậy, thành tựu các pháp và tùy pháp như vậy. Một vị đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy trong quá khứ, cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

12. "Thế Tôn đã vượt khỏi nghi ngờ, diệt trừ do dự, mọi suy tư được thỏa mãn về tâm nguyện và tối sơ phạm hạnh. Một vị đã vượt khỏi nghi ngờ, diệt trừ do dự, mọi suy tư được thỏa mãn về tâm nguyện và tối sơ Phạm hạnh, một bậc Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy trong quá khứ, cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

13. "Bạch Thế Tôn, rồi một số chư Thiên nói như sau:

"- Chư Thiên hữu, nếu có được bốn vị Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời, diễn giảng Chánh pháp như Thế Tôn. Như vậy mới đem lại hạnh phúc cho chúng

sanh, an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc và an lạc cho loài Người và loài Trời".

"Một số chư Thiên khác lại nói như sau:

"- Chư Thiên hữu, cần gì có bốn vị Chánh Đẳng Giác. Chư Thiên hữu, nếu có được ba vị Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời, diễn giảng Chánh pháp như Thế Tôn. Như vậy mới đem lại hạnh phúc cho chúng sanh, an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc và an lạc cho loài Người và loài Trời.

"Một số chư Thiên khác lại nói như sau:

"- Chư Thiên hữu, cần gì có ba vị Chánh Đẳng Giác. Chư Thiên hữu, nếu có được hai vị Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời, diễn giảng chánh pháp như Thế Tôn. Như vậy mới đem lại hạnh phúc cho chúng sanh, an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc và an lạc cho loài Người và loài Trời.

14. "Bạch Thế Tôn, khi được nói vậy, **Thiên chủ Đế-thích** nói với chư Thiên ở Tam thập tam thiên:

"- Chư Thiên hữu, không một chỗ nào, không một thời gian nào cùng chung một thế giới mà có hai vị

Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác đồng thời ra đời, không ra trước, không ra sau, không bao giờ sự kiện như vậy có thể xảy ra. Chư Thiên hữu, một bậc Thế Tôn như vậy, không có tật bệnh, không có đau khổ, sống như vậy trong khoảng thời gian rất dài. Như vậy mới đem lại hạnh phúc cho chúng sanh, an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc và an lạc cho loài Người và loài Trời.

"Bạch Thế Tôn, rồi với mục đích gì chư Thiên ở Tam thập tam thiên ngôi hội họp tại Thiên Pháp đường, các vị này suy tư, thảo luận về mục đích ấy. Và tùy thuộc về mục đích ấy, bốn vị đại vương được thuyết giảng: Theo mục đích ấy, bốn vị đại vương được khuyên giáo, bốn vị này đều đứng một bên chỗ ngồi của mình.

*Các đại vương chấp nhận,
Lời giảng dạy khuyết giáo,
Thanh thoát và an tịnh,
Đứng bên chỗ mình ngồi.*

15. "Bạch Thế Tôn, rồi từ phương Bắc, một ánh sáng vi diệu khởi lên, một hào quang hiện ra trắng xa oai lực của chư Thiên. Bạch Thế Tôn, rồi Thiên chủ Sakka, nói với chư Thiên ở Tam thập tam thiên:

"- Nay các Thiện hữu, theo các hiện tượng được thấy, ánh sáng khởi lên, hào quang hiện ra. Như vậy là báo hiệu Phạm thiên sẽ xuất hiện. Vì hiện tượng báo hiệu Phạm thiên xuất hiện là ánh sáng khởi lên và hào quang hiện ra.

*Theo hiện tượng được thấy,
Phạm thiên sẽ xuất hiện,
Hiện tượng bậc Phạm thiên,
Là hào quang vi diệu.*

"Bạch Thế Tôn, rồi chư Thiên ở Tam thập tam thiên, ngồi xuống trên ghế ngồi của mình và nói rằng:

"- Chúng tôi sẽ tìm hiểu kết quả của hào quang này là thế nào, sau khi được biết, chúng tôi sẽ đi gặp vị ấy.

Cũng vậy bốn vị đại vương ngồi xuống trên ghế của mình và nói rằng:

"- Chúng tôi sẽ tìm hiểu kết quả của hào quang này là thế nào, sau khi được biết, chúng tôi sẽ đi gặp vị ấy.

"Sau khi nghe vậy, chư Thiên ở Tam thập tam thiên đều đồng một lòng một ý: "Chúng ta sẽ tìm hiểu kết quả của hào quang này là thế nào, sau khi đã được

biết, chúng ta sẽ gặp vị ấy".

16. "Bạch Thế Tôn, khi **Phạm thiên Sanamkumàra (Thường Đồng hình Phạm thiên)** xuất hiện trước chư Thiên ở Tam thập tam thiên, ngài xuất hiện với một hóa tướng thô xấu.

Bạch Thế Tôn, vì khi Phạm thiên tự nhiên hiện hóa, các tướng không đủ thù thắng để chư Thiên ở Tam thập tam thiên khâm phục.

Bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanamkumàra xuất hiện trước chư Thiên ở Tam thập tam thiên vị này thắng xa chư Thiên khác về sắc tướng và danh tiếng.

Bạch Thế Tôn, **như một hình tượng bằng vàng chói sáng hơn thân hình con người**, cũng vậy bạch Thế Tôn khi Phạm thiên Sanamkumàra xuất hiện trước chư Thiên ở Tam thập tam thiên, vị này thắng xa chư Thiên khác về sắc tướng và danh tiếng.

Bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanamkumàra xuất hiện trước chư Thiên ở Tam thập tam thiên, không một vị Thiên trong chúng này đánh lễ hoặc đứng dậy mời Phạm thiên ngồi. Tất cả đều yên lặng, chấp tay, không ngồi trên chỗ ngồi của mình và nghĩ rằng: "Nếu nay Phạm thiên Sanamkumàra muốn gì với vị Thiên nào, thì hãy ngồi trên chỗ ngồi của vị Thiên ấy

sẽ vô cùng sáng khoái, sẽ vô cùng hoan hỷ. Bạch Thế Tôn, như vị vua Sát-đế-ly vừa mới làm lễ quán đảnh và lên vương vị, vị ấy sẽ vô cùng sáng khoái, sẽ vô cùng hoan hỷ. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanamkumàra ngồi trên chỗ ngồi của vị Thiên nào, vị Thiên ấy sẽ vô cùng sáng khoái, sẽ vô cùng hoan hỷ.

17. "Bạch Thế Tôn, rồi Phạm thiên Sanamkumàra biết được sự thoả mái hoan hỷ của chư Thiên ở Tam thập tam thiên liền ẩn hình tùy hỷ nói lên bài kệ sau đây:

*Chư Tam thập tam thiên,
Cùng Đế-thích hoan hỷ,
Đảnh lễ bậc Như Lai,
Và Chánh pháp vi diệu.*

*Thấy Thiên chúng tân sanh,
Quang sắc thật thù thắng,
Các vị sống phạm hạnh,
Nay sanh tại cõi này.*

*Thắng xa về quang sắc,
Thọ mạng và danh xưng,
Đệ tử bậc Đại Tuệ,
Thù thắng sanh cõi này.*

*Chư Tam thập tam thiên,
Cùng Đế Thích hoan hỷ,
Đảnh lễ bậc Như Lai,
Và Chánh pháp vi diệu.*

18. "Bạch Thế Tôn, đó là nội dung lời nói của Phạm Thiên Sanamkumàra.

Bạch Thế Tôn tiếng nói của Phạm Thiên Sanamkumàra có **tám đặc điểm sau đây: Lưu loát, dễ hiểu, dịu ngọt, nghe rõ ràng, sung mãn, phân minh, thâm sâu và vang động**. Bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanamkumàra giải thích cho hội chúng với tiếng nói của mình, tiếng nói không vượt ra khỏi đại chúng. Bạch Thế Tôn một tiếng nói có tám đặc điểm như vậy được gọi là **Phạm âm**.

19. "Bạch Thế Tôn, chư Thiên ở Tam thập tam thiên nói với Phạm thiên Sanamkumàra như sau:

"- Nay Phạm thiên, chúng tôi thật sự hoan hỷ với những điều chúng tôi đã được chú ý. Hơn nữa Thiên chủ Sakka đã nói đến Tám pháp như thật của Thế Tôn; và chúng tôi hoan hỷ với tám pháp này.

"Bạch Thế Tôn, rồi Phạm thiên Sanamkumàra nói với Thiên chủ Đế-thích:

"- Thật lành thay, Thiên chủ, nếu chúng tôi được nghe tám pháp như thật của Thế Tôn.

"- Vâng, Đại Phạm thiên.

Bạch Thế Tôn, Thiên chủ Đế-thích, giải thích tám pháp như thật của Thế Tôn cho Phạm thiên Sanamkumàra:

20. "- Nay Thiên hữu Đại Phạm thiên, Ngài nghĩ thế nào? Như Lai dẫn thân vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời, loài Người. Một vị Đạo sư dẫn thân vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời, loài Người như vậy, một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy chúng ta khó tìm thấy được trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

21. "- Chánh pháp được Thế Tôn khéo léo thuyết giảng, một Chánh pháp thiết thực hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để mà thấy, luôn luôn hướng thiện, chỉ người có trí tự mình giác hiểu. Một vị Giảng sư thuyết pháp hướng thượng như vậy, một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy được trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

22. "Đây là thiện", "đây là bất thiện", đã được Thế Tôn khéo giải thích. "Đây là có tội", "đây là không tội", "Đây cần phải tuân theo", "đây cần phải né tránh", "đây là hạ liệt", "đây là cao thượng", "đây là đen trắng đồng đẳng", đã được Thế Tôn khéo giải thích. Một vị khéo giải thích các pháp thiện, bất thiện, có tội, không có tội, cần phải tuân theo, cần phải né tránh, hạ liệt, cao thượng, đen trắng đồng đẳng, một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy được trong quá khứ, cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

23. "Con đường đưa đến Niết-bàn cho các đệ tử, Niết-bàn và con đường phối hợp thành một, đã được Thế Tôn khéo léo giải thích. Như nước sông Hằng phối hợp và cùng chảy với nước sông Yamunà, cũng vậy con đường đưa đến Niết-bàn cho các đệ tử, Niết-bàn và con đường phối hợp thành một đã được Thế Tôn khéo giải thích. Một vị khéo giải thích con đường hướng đến Niết-bàn như vậy, một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy trong quá khứ, cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

24. "Thế Tôn cũng đã đào tạo được chúng thiện hữu Hữu học đang đi trên nẻo đạo và các vị Lậu tận đã hoàn tất Thánh đạo. Ngài không di tản chúng, nhưng sống cùng chung một niềm hòa hợp lạc trú. Một vị

sống cùng chung một niềm hòa hợp lạc trú, một Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy trong quá khứ, cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

25. "Lợi dưỡng cúng dường cho thế Tôn đã được an bài chắc chắn, danh tiếng cũng đã được an bài chắc chắn, và con nghĩ rằng các vị Sát-đế-ly sống với diện mạo rất quý mến Ngài. Nhưng Thế Tôn sống thọ hưởng các lợi dưỡng với tâm không kiêu mạn. Một vị sống thọ hưởng các lợi dưỡng với tâm không kiêu mạn như vậy, một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy trong quá khứ, cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

26. "Thế Tôn nói gì thì làm vậy, làm gì thì nói vậy, một vị nói gì thì làm vậy, làm gì thì nói vậy, thành tựu các pháp và tùy pháp như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy trong quá khứ, cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

27. "Thế Tôn đã vượt khỏi nghi ngờ, diệt trừ do dự, mọi suy tư hoặc thỏa mãn về tâm nguyện và tối sơ phạm hạnh. Một vị đã vượt khỏi nghi ngờ, diệt trừ do dự, mọi suy tư được thỏa mãn về tâm nguyện và tối sơ phạm hạnh, một bậc Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy trong quá khứ,

cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

- "Bạch Thế Tôn, Thiên chủ Sakka giải thích tám pháp như thật của Thế Tôn cho chư Thiên ở Tam thập tam thiên. Bạch Thế Tôn, chư Thiên ở Tam thập tam thiên lại càng hoan hỷ, lại càng thích thú, hỷ duyệt sung mãn khi được nghe tám pháp như thật của Thế Tôn.

28. "Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanamkumàra xuất hiện với hình tướng thô xấu, hiện thành một đồng tử tên là Pancasikha (Ngũ Kế) trước mặt chư Thiên ở Tam thập tam thiên, bay bổng lên trời, vị này, ngồi kiết-già giữa hư không. Bạch Thế Tôn, như một vị lực sĩ ngồi kiết-già trên một chỗ ngồi được trải bằng phẳng trên một mặt đất thẳng bằng, cũng vậy bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanamkumàra bay bổng trên trời, ngồi kiết-già trên hư không và nói với chư Thiên ở Tam thập tam thiên:

29. *"- Chư thiên hữu ở Tam thập tam thiên nghĩ thế nào? Thế Tôn đã được đại trí tuệ bao lâu rồi?*

"Chư Thiên hữu, thuở xưa có vị vua tên là Disampati (Thành Chủ). Vua Disampati có vị quốc sư tên Govinda (Điển Tôn), và có vị hoàng tử tên là Renu (Lê-nô). Bà-la-môn Govinda có người con trai tên là **Jotipàla (Hộ Minh đồng tử)**. Hoàng tử Renu, đồng

tử Jotipàla cùng sáu người Sát-đế-ly nữa, tám người này là thân hữu.

Sau một thời gian, Bà-la-môn Govinda mệnh chung. Khi nghe Bà-la-môn Govinda mệnh chung, vua Disampati than khóc như sau:

"- Tiếc thay, khi chúng ta giao mọi công việc cho Bà-la-môn Govinda để chúng ta có thể được đầy đủ và thọ hưởng năm món dục tăng thịnh chính khi ấy Bà-la-môn lại mệnh chung.

"Nghe nói vậy, hoàng tử Renu tâu với vua Disampati:

"- Tâu Đại vương, chớ có quá sầu khổ than khóc vì Bà-la-môn Govinda từ trần. Tâu Đại vương, con của Bà-la-môn Govinda, thanh niên Jotipàla còn sáng suốt hơn phụ thân, còn biết kế hoạch sinh lợi hơn phụ thân. Những trách nhiệm gì Đại vương giao cho phụ thân, nay hãy giao cho thanh niên Jotipàla.

"- Như vậy là phải, Hoàng tử.

"- Xin vâng, tâu Đại vương.

30. "Rồi vua Disampati cho gọi một người và bảo:

"- Khanh hãy đi đến thanh niên Jotipàla, và nói như sau: "Mong rằng mọi tốt lành hãy đến với thanh niên Jotipàla! Vua Disampati có cho gọi thanh niên Jotipàla! Vua Disampati muốn được gặp thanh niên Jotipàla!".

"- Tâu Đại vương, xin vâng!

"Người ấy vâng lệnh vua Disampati, đến chỗ thanh niên Jotipàla ở, khi đến xong liền nói với thanh niên Jotipàla:

"- Mong rằng mọi tốt lành hãy đến với thanh niên Jotipàla! Vua Disampati cho gọi thanh niên Jotipàla! Vua Disampati muốn được gặp thanh niên Jotipàla!

"- Xin vâng, này Thiện hữu!

"Thanh niên Jotipàla vâng theo lời người ấy, đi đến chỗ vua Disampati ở, khi đến xong liền nói lên những lời viếng thăm, và những lời khen tặng xã giao, rồi ngồi xuống một bên. Vua Disampati nói với thanh niên Jotipàla đang ngồi bên như sau:

"- Này thanh niên Jotipàla! Nay ta muốn khanh chấp chánh! Thanh niên Jotipàla, chớ có từ chối chấp chánh! Ta sẽ đặt Khanh trong đại vị của phụ thân. Ta sẽ phong cho Khanh chức chủ của Govinda!

"- Tâu Đại vương, xin vâng!

"Thanh niên Jotipàla vâng theo lời dạy của vua Disampati.

31. "Rồi vua Disampati phong cho thanh niên Jotipàla chức chưởng của Govinda và đặt vào địa vị của phụ thân. Thanh niên Jotipàla được phong chức như vậy, được đặt vào địa vị của phụ thân Govinda như vậy, những phần việc gì phụ thân điều hành, những phần việc ấy thanh niên Jotipàla điều hành, những phần việc gì phụ thân không điều hành, những phần việc ấy thanh niên Jotipàla không điều hành. Những công tác gì phụ thân thực hiện, những công tác ấy thanh niên Jotipàla thực hiện; những công tác gì phụ thân không thực hiện, những công tác ấy thanh niên Jotipàla không thực hiện. Do vậy, dân chúng nói về Jotipàla:

"- Vị Bà-la-môn thật sự là Govinda! Vị Bà-la-môn thật sự là Mahà Govinda và được danh tiếng là Mahà Govinda!

32. "Rồi Mahà Govinda đến tại chỗ sáu vị Sát đế lỵ ở, khi đến xong, liền nói với sáu vị đế lỵ như sau:

"-Vua Disampati nay đã già, trọng tuổi, lớn tuổi, đã đến thời, đã đến hạn cuối cuộc đời. Nay Thiện Hữu,

ai có thể biết được thọ mạng của vua? Sự việc này có thể xảy ra, nếu vua Disampati mệnh chung, thời những vị có trách nhiệm phong vua, hãy phong hoàng tử Renu lên vương vị. Chư Thiện hữu, quý vị hãy đến chỗ hoàng tử Renu an trú, khi đến xong hãy thưa với hoàng tử Renu:

"- Chúng tôi là những bạn hữu thân tình, thân ái, tâm đầu ý hiệp với Thiện hữu Renu! Chúng tôi sung sướng khi thiện hữu sung sướng, chúng tôi đau khổ khi Thiện hữu đau khổ. Nay vua Disampati đã già, trọng tuổi, lớn tuổi, đã đến thời, đã đến hạn cuối cuộc đời. Nay Thiện hữu, ai có thể biết thọ mạng của vua. Sự việc này có thể xảy ra. Nếu vua Disampati mệnh chung, thời những vị có trách nhiệm phong vua, hãy phong hoàng tử Renu lên vương vị. **Nếu Thiện hữu Renu lên vương vị, hãy chia xẻ vương vị với chúng tôi!**

33. "-Xin vâng, Thiện hữu!

"Sáu vị Sát đế ly này, vâng theo lời của Bà la môn Mahà Govinda, đến tại chỗ của hoàng tử Renu, khi đến xong liền thưa với hoàng tử Renu:

- Chúng tôi là những bạn hữu thân tình, thân ái, tâm đầu ý hợp với Thiện hữu Renu, chúng tôi sung sướng khi Thiện hữu sung sướng, chúng tôi đau khổ khi

thiện hữu đau khổ. Nay vua Disampati đã già, trọng tuổi, lớn tuổi, đã đến thời, đã đến hạn cuối cuộc đời. Nay Thiện hữu, ai có thể biết được thọ mạng của vua. Sự việc này có thể xảy ra. Nếu vua Disampati mệnh chung, thời những vị có trách nhiệm phong vua, hãy phong hoàng tử Renu lên vương vị. Nếu Thiện hữu Renu lên vương vị, hãy chia vương vị với chúng tôi!

- Chư Thiện hữu, có ai khác có quyền hưởng an lạc trong quốc độ của tôi, ngoài Quý vị? Nếu tôi được lên vương vị, tôi sẽ chia xẻ vương vị cho Quý vị.

34. "Chư Thiện hữu, sau một thời gian vua Disampati mệnh chung. Khi vua Disampati mệnh chung, những vị có trách nhiệm phong vua, liền phong hoàng tử Renu lên vương vị. Khi được phong vương vị, hoàng tử Renu sống đầy đủ và thọ hưởng năm pháp dục tăng thịnh. Khi ấy Bà la môn Mahà Govinda đi đến chỗ sáu vị Sát đế ly ở, khi đến xong liền nói rằng:

"- Chư Thiện hữu, vua Disampati đã mệnh chung. Thiện hữu Renu được phong vương vị lại sống đầy đủ và thọ hưởng năm pháp dục tăng thịnh. Chư Thiện hữu, ai có thể biết được? Dục vọng khiến con người si loạn. Chư Thiện hữu, hãy đi đến chỗ vua Renu ở, khi đến xong, hãy nói với vua Renu như sau: "- Thiện

hữu, vua Disampati đã mệnh chung. Thiện hữu Renu được phong vương vị. Thiện hữu có nhớ lời hứa của mình không?"

"- Xin vâng, này Thiện hữu.

"Sáu vị Sát đế ly này vâng theo lời của Bà la môn Mahà Govinda đi đến chỗ vua Renu ở, khi đến xong, liền tâu vua Renu như sau:

"- Thiện hữu, vua Disampati đã mệnh chung, Thiện hữu Renu đã được phong vương vị. Thiện hữu có nhớ lời hứa của mình không?"

"- Chư Thiện hữu, tôi có nhớ lời hứa của tôi. Chư Thiện hữu, ai có thể khéo phân chia đại địa này thành bảy phần đồng đều. Đại địa này, phía Bắc thì rộng, phía Nam như bộ phận trước của cỗ xe?

"- Này Thiện hữu, ai có thể làm được, ngoại trừ Bà la môn Mahà Govinda?

35. "Rồi vua Renu cho gọi một người và nói:

"- Này Khanh, Khanh hãy đi đến chỗ Bà la môn Mahà Govinda, khi đến xong hãy nói với Bà la môn Govinda: "Này Thiện hữu, vua Renu cho gọi Thiện hữu."

"- Xin vâng, tâu đại vương!

" Người ấy vâng theo lời của vua Renu, đến tại chỗ của Bà-la-môn Mahà Govinda ở, khi đến xong liền nói với Bà-la-môn Mahà Govinda:"- Thiện hữu, vua Renu cho gọi Thiện hữu.

"- Xin vâng, Thiện hữu!

"Bà-la-môn Mahà Govinda vâng theo lời nói của người ấy, đến tại chỗ vua Renu ở, khi đến xong liền nói lên những lời thăm viếng và những lời khen tặng xã giao với vua Renu rồi ngồi xuống một bên. Và vua Renu nói với Bà-la-môn Govinda đang ngồi xuống một bên như sau:

"- Nay Thiện hữu Govinda, hãy đến và phân chia đại địa này thành bảy phần đồng đều, đại địa này phía Bắc thời rộng, phía Nam như bộ phận trước của cỗ xe.

“ – X in vâng, Thiện hữu!

"Bà-la-môn Mahà Govinda vâng theo lời nói của vua Renu phân chia đại địa này thành bảy phần đồng đều, đại địa này phía Bắc rộng, phía Nam như bộ phận trước của cỗ xe, tất cả phần như hình phần trước của cỗ xe.

36. "Và vua Ruenu giữ phần quốc độ trung ương.

- "Dantapura (Nại-đa-bố-la) cho dân Kàlingà (Ca-lăng-giới) và Potana (Bao-tĩnh-noa) cho dân Assaka (Ma-thấp-na-ka).
- "Mahissati (ma-hê-sa-ma) cho dân Avanti (Ương-đế-na)
- và Roruka (Lao-lỗ-ca) cho dân Sovira (Tô-vĩ-la).
- "Mithilà (Di-thế-la) cho dân Videhà (Vi-đề-hê)
- và Campà (Thiền-ba) được tạo ra cho dân Anga (Ương-già),
- "Bàrànasì (Ba-la-nại) cho dân Kàsi (Ca-thì).

"Tất cả đều do Govinda tạo lập.

"Và sáu vị Sát-đế-ly này đều hoan hỷ về khu phần của mình được và sự thành tựu của điều mong ước:

"- Những điều gì chúng tôi muốn, những điều gì chúng tôi ao ước, những điều gì chúng tôi nhắm đến, những điều gì chúng tôi hy vọng, chúng tôi đều được hết.

"Sattabhù (Phá Oan vương) và Brahmadatta (Phạm Thọ vương), Vessabhũ (Thắng Tôn vương) và

Bharata (Minh Ái vương), Renu (Lê-nô vương) và hai Dhatarattha (Trì Quốc vương). Tất cả là bảy vị Bharata (Bà-la-đa vương).

37. "Rồi sáu vị Sát-đế-ly ấy đến tại chỗ Bà-la-môn Mahà Govinda ở, khi đến xong liền nói với Bà-la-môn Mahà Govinda (Đại Diễn Tôn)

"- Như thiện hữu Govinda là bạn hữu thân tình, thân ái, tâm đầu ý hiệp với vua Renu, cũng vậy Thiện hữu Mahà Govinda và bạn hữu thân tình, thân ái, tâm đầu ý hiệp với chúng tôi. **Thiện hữu Govinda hãy giáo hóa chúng tôi, Thiện hữu Govinda chớ có từ chối giáo hóa.**

"- Xin vâng, chư Thiện hữu.

"Thiện hữu Mahà Govinda trả lời cho sáu vị Sát-đế-ly này. Rồi Thiện hữu Mahà Govinda **giáo hóa về vương chánh** cho bảy vị Sát-đế-ly đã được phong vua, và Mahà Govinda dạy các chú thuật cho bảy vị triệu phú Bà-la-môn và bảy trăm vị tịnh hạnh.

38. "Sau một thời gian, danh tiếng tốt đẹp sau đây được truyền tụng về Bà-la-môn Mahà Govinda:

"- Bà-la-môn Mahà Govinda tự thân thấy Phạm thiên; Bà-la-môn Mahà Govinda tự thân nói chuyện

thảo luận, luận nghị với Phạm thiên.

"Rồi Bà-la-môn Mahà Govinda suy nghĩ: "Danh tiếng tốt đẹp sau đây được truyền tụng về ta: Bà-la-môn Maha Govinda tự thân thấy Phạm thiên; Bà-la-môn Maha Govinda tự thân nói chuyện, thảo luận, luận nghị với Phạm thiên. *Nhưng ta không thấy Phạm thiên, ta không nói chuyện với Phạm thiên, không thảo luận với Phạm thiên, không nghị luận với Phạm thiên.* Ta có nghe các vị Bà-la-môn trưởng thượng, lớn tuổi, cả giáo thọ, và đệ tử nói rằng: Những ai sống tịnh cư trong bốn tháng mưa, tu tập thiền định về bi tâm, người ấy sẽ thấy Phạm thiên, sẽ nói chuyện, thảo luận và nghị luận với Phạm thiên. Vậy ta hãy sống tịnh cư trong bốn tháng mưa và tu tập thiền định về bi tâm".

39. "Rồi Thiện hữu Bà-la-môn Mahà Govinda đi đến vua Renu, khi đến xong liền tâu với vua Renu:

"Danh tiếng tốt đẹp sau đây được truyền tụng về ta: "Bà-la-môn Mahà Govinda tự thân thấy được Phạm thiên, tự thân nói chuyện, thảo luận, luận nghị với Phạm thiên". Nhưng ta không thấy được Phạm thiên, ta không nói chuyện được với Phạm thiên, không thảo luận được với Phạm thiên, không luận nghị được với Phạm thiên. Ta có nghe các vị Bà-la-môn

trưởng thượng, lớn tuổi cả giáo thọ với đệ tử đều nói rằng: « Những ai sống tịnh cư trong bốn tháng mưa, tu tập thiền định về bi tâm sẽ thấy được Phạm thiên, sẽ nói chuyện, thảo luận và luận nghị với Phạm thiên". Nay Thần muốn sống tịnh cư trong bốn tháng mưa, và tu tập thiền định về bi tâm. Không một ai được đến gặp thần, trừ chỉ một người đem đồ ăn.

"- Nay Thiên hữu Govinda, hãy làm những gì Khanh nghĩ là hợp thời.

40. "Rồi Bà-la-môn Mahà Govinda đến tại chỗ **sáu vị Sát-đế-ly** ở, khi đến xong liền nói với sáu vị Sát-đế-ly:

"- Danh tiếng tốt đẹp sau đây được truyền tụng về tôi: "Bà-la-môn Mahà Govinda tự thân thấy được Phạm thiên, tự thân nói chuyện, thảo luận và luận nghị với Phạm thiên". Tôi không được thấy Phạm thiên, không nói chuyện, thảo luận và luận nghị với Phạm Thiên. Nhưng tôi có nghe các vị Bà-la-môn trưởng thượng, lớn tuổi cả giáo thọ và đệ tử nói rằng: "Những ai sống tịnh cư trong bốn tháng mưa, tu tập thiền định về bi tâm sẽ thấy được Phạm thiên, sẽ nói chuyện, thảo luận và nghị luận với Phạm thiên". Nay tôi muốn sống tịnh cư trong bốn tháng mưa, tu tập thiền định về bi tâm. Không một ai được đến gặp tôi,

chỉ trừ một người đem đồ ăn.

"- Nay Thiện hữu Govinda, hãy làm những gì Thiện hữu nghĩ là hợp thời.

41. "Rồi Bà-la-môn Mahà Govinda đi đến chỗ bảy vị triệu phú Bà-la-môn và bảy trăm vị tịnh hạnh ở, khi đến xong liền nói với các vị này như sau:

"- Chư Thiện hữu, danh tiếng tốt đẹp sau đây được truyền tụng về tôi: "Bà-la-môn Mahà Govinda tự thân thấy được Phạm thiên, tự thân nói chuyện, thảo luận, luận nghị với Phạm thiên". Nhưng tôi không thấy được Phạm thiên, không nói chuyện, thảo luận, luận nghị với Phạm thiên. Tôi có nghe các vị Bà-la-môn trưởng thượng, lớn tuổi cả giáo thọ và đệ tử đều nói rằng: "Những ai sống tịnh cư trong bốn tháng mưa, tu tập thiền định về bi tâm, sẽ thấy được Phạm thiên, sẽ nói chuyện, thảo luận và luận nghị với Phạm thiên". Nay tôi muốn sống tịnh cư trong bốn tháng mưa, tu tập thiền định về bi tâm, không một ai được đến gặp tôi, chỉ trừ một người đem đồ ăn.

"- Nay Thiện hữu Govinda, hãy làm những gì Thiện hữu nghĩ là hợp thời.

42. "Rồi Bà-la-môn Mahà Govinda đi đến bốn mươi vị phu nhân đồng đẳng của mình, khi đến xong liền

nói với bốn mươi vị phu nhân đồng đẳng như sau:

"- Chư Thiện hữu, danh tiếng tốt đẹp sau đây được truyền tụng về tôi: "Bà-la-môn Mahà Govinda tự thân thấy được Phạm thiên, tự thân nói chuyện, thảo luận, luận nghị với Phạm thiên". Nhưng tôi không được thấy Phạm thiên, tôi không nói chuyện, thảo luận, luận nghị với Phạm thiên. Tôi có nghe các vị Bà-la-môn trưởng thượng, lớn tuổi, cả giáo thọ và đệ tử đều nói rằng: "Những ai sống tịnh cư trong bốn tháng mưa, tu tập thiền định về bi tâm sẽ thấy được Phạm thiên, sẽ nói chuyện, thảo luận và luận nghị với Phạm thiên". Nay tôi muốn sống tịnh cư trong bốn tháng mưa, tu tập thiền định về bi tâm, không một ai được đến gặp tôi, chỉ trừ một người đem đồ ăn.

"- Nay Thiện hữu Govinda, hãy làm những gì thiện hữu nghĩ là hợp thời.

43. "Rồi Thiện hữu Mahà Govinda cho làm một hội đường mới về phương Đông kinh thành, tịnh cư trong bốn tháng mưa và tu tập thiền định về bi tâm, không một ai đến gặp, trừ người đem đồ ăn.

Sau bốn tháng, sự thất vọng và sợ hãi sau đây khởi lên cho Bà-la-môn Mahà Govinda: "Ta có nghe các vị Bà-la-môn trưởng thượng, lớn tuổi, cả giáo thọ và

đệ tử đều nói rằng: Những ai sống tịnh cư trong bốn tháng mưa, tu tập thiền định về bi tâm, sẽ thấy được Phạm thiên, sẽ nói chuyện, thảo luận và nghị luận với Phạm thiên. Nhưng nay ta không thấy Phạm thiên, không nói chuyện với Phạm thiên, không thảo luận với Phạm thiên, không luận nghị với Phạm thiên".

44. "Rồi **Phạm thiên Sanamkumàra** với tâm của mình biết được tâm của Bà-la-môn Mahà Govinda, như một người lực sĩ đuổi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy Phạm thiên biến mất ở Phạm thiên giới và hiện ra trước mặt Bà-la-môn Mahà Govinda.

Rồi Bà-la-môn Mahà Govinda hoảng hốt, run sợ, lông tóc dựng ngược, thốt lên bài kệ sau đây với Phạm thiên Sanamkumàra (Thường Đồng hình Phạm thiên):

*Ôi đoan tướng quang vinh,
Thiện hữu thật là ai?
Không biết nên hỏi Ngài.
Để chúng tôi biết Ngài!*

*Phạm thiên giới biết ta,
Là Đồng tử thường hằng!*

*Ta là bậc thiên vương,
Hãy biết ta là vậy,
Hãy đem đến sàng tọa,
Nước rửa chân, thực mật.
Hiền giả muốn nhận gì,
Hãy cho chúng tôi biết!
Ta chấp nhận cúng vật,
Mà Ngươi vừa đề cập.
Vì hạnh phúc hiện tại,
Vì an lạc tương lai,
Dịp may nay đã đến,
Hãy hỏi điều Ngươi muốn.*

45. "Rồi Bà-la-môn Mahà Govinda suy nghĩ: "Đây là dịp may Phạm thiên Sanamkumàra dành cho ta. Ta nay hỏi Phạm thiên Sanamkumàra điều gì đã được ích lợi cho hiện tại và tương lai? ".

"Rồi Bà-la-môn Mahà Govinda suy nghĩ: "Ta rất giỏi về những lợi ích hiện tại. Chính người khác cũng hỏi ta về những lợi ích hiện tại. Vậy ta hãy hỏi Phạm thiên Sanamkumàra lợi ích tương lai".

"Rồi Bà-la-môn Mahà nói bài kệ sau đây với Phạm thiên Sanmakumàra:

Nay ta hỏi Phạm thiên,

Sanamkumàra!
Ta hỏi điều nghi ngờ,
Người khác đều muốn biết!
An trú tại chỗ nào,
Tu tập tại chỗ nào,
Để chứng quả bất tử?

Chính tại Phạm thiên giới:
Này Người Bà-la-môn.
Ai bỏ ngã, ngã sở,
Tâm chuyên chú nhứt cảnh,
Tu tập đại bi tâm,
Thoát ly mọi xú uế,
Lánh xa mọi tà dục,
An trú ở nơi đây!
Để chứng quả bất tử,
Chính tại Phạm thiên giới.

46. "- ***Từ bỏ ngã và ngã sở hữu, thừa Tôn giả, câu ấy tôi hiểu.*** Trong đời có người từ bỏ tài sản nhỏ hay từ bỏ tài sản lớn, từ bỏ vòng quyến thuộc nhỏ hay vòng quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Thừa Tôn giả, như vậy ta hiểu nghĩ từ bỏ ngã và ngã sở hữu.

"Tâm chuyên nhất cảnh, thừa Tôn giả, câu ấy tôi

hiếu. Trong đời có người lựa một chỗ an trú thanh vắng, một khu rừng, một gốc cây, một ngọn núi, một hang cốc, một bãi tha ma, một sơn lâm, giữa trời không, một đồng rơm. Thừa, Tôn giả, như vậy tôi hiểu nghĩa tâm chuyên nhất cảnh.

"Tu tập bi tâm, thừa Tôn giả, câu ấy tôi hiểu. Trong đời có người an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với bi, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thủy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với bi quảng đại vô biên, không hận, không sân. Thừa Tôn giả, như vậy tôi hiểu nghĩa tu tập bi tâm.

"Thừa Tôn giả, riêng câu nói về xú uế, tôi không được hiểu. "*Này Phạm thiên, trong loài người cái gì là xú uế?*" Đó là điều ở nơi đây tôi không hiểu. Tôn giả hãy nói đi!

*Loài người bị gì che,
Bị trói buộc cái gì?
Phải chịu sanh đọa xứ,
Bị đóng cửa Phạm thiên.*

Phấn nộ và vọng ngữ,

*Gian manh và lừa đảo,
Hà tiện và quá mạn,
Tật đổ và dục cầu,
Nghĩ ngờ và hại người,
Tham, sân, si kiêu mạn.
Những tánh này trói buộc,
Khiến con người xú ố,
Phải chịu sanh đọa xứ,
Bị đóng cửa Phạm thiên.*

" - Như tôi hiểu lời Tôn giả giải thích về các xú ố, chúng không dễ gì mà được điều phục, nếu phải sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

"- Hiền giả Govinda, hãy làm gì Hiền giả xem là hợp thời.

47. " Rồi Bà-la-môn Mahà Govinda đi đến chỗ vua Renu ở, khi đến xong liền tâm với vua Renu:

"- Nay Tôn giả, hãy tìm một phụ tá khác, vị này sẽ điều khiển quốc sự cho Tôn giả. Tôi muốn xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích các xú ố, chúng tôi dễ gì mà được điều phục, nếu phải sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

- Vua Renu quốc chủ,
Thần xin tâu Ngài rõ.
Hãy biết quốc độ Ngài,
Thần không thiết chức vụ.

- Nếu Khanh thiếu dục lạc,
Ta cho Khanh đầy đủ!
Nếu có ai hại Khanh,
Quốc chủ, ta ngăn chặn.
Khanh là cha, ta con,
Khanh chớ bỏ rơi ta.

- Thần không thiếu dục lạc
Không có ai hại thần.
Vì nghe bậc phi nhân,
Thần không thiết gia đình.

- Phi nhân ấy là ai,
Vị ấy đã nói gì,
Khanh nghe, bỏ gia đình,
Bỏ ta, bỏ tất cả?

- Trước kia ở nơi đây,
Lòng thần chỉ nguyện cầu
Lo đốt nén lửa thiêng,
Và rải cỏ cát tường.
Nay Phạm thiên hiện ra,

*Hiện từ Phạm thiên giới,
Trả lời câu hỏi thân,
Nghe xong thân bỏ nhà.*

*- Nay Khanh Govinda,
Ta tin lời Khanh nói!
Được nghe bậc phi nhân,
Làm sao làm khác được?
Ta sẽ theo gương Khanh,
Bậc thầy của chúng ta.
Như hòn ngọc lưu ly,
Không tỳ vết, cấu uế,
Thật trong sạch như vậy,
Ta theo giáo lý Người!*

" - Nếu Thiện hữu Govinda xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, thời tôi cũng xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Chỗ nào Thiện hữu đi, chỗ ấy chúng tôi sẽ đi.

48. " Rồi Bà-la-môn Mahà Govinda đi đến chỗ sáu vị Sát-đế-ly ở, khi đến xong liền nói với sáu vị ấy như sau:

"- Chư Hiền giả, hãy tìm một vị phụ tá khác. Vị này sẽ điều khiển quốc sự cho quý vị Hiền giả. Tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Tôi

được nghe Phạm thiên giải thích về các xú uế. Chúng không dễ gì được điều phục, nếu phải sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

"Rồi sáu vị Sát-đế-ly đi qua một bên và thảo luận như sau:

"- Những người Bà-la-môn này rất tham tài sản. Chúng ta hãy lấy tài sản để dụ dỗ Bà-la-môn này.

"Các vị này đến tại chỗ của Bà-la-môn Mahà Govinda và nói:

"- Thiện hữu, tài sản trong bảy quốc độ này rất là phong phú, Thiện hữu muốn bao nhiêu, Thiện hữu cứ lấy bấy nhiêu.

"- Thôi thôi, chớ Thiện hữu! Tài sản của tôi rất là phong phú, nhờ sự giúp đỡ của quý vị. Nay tôi đã bỏ mọi danh lợi ấy để xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích về các xú uế, chúng không dễ gì được điều phục, nếu phải sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

49. "Rồi sáu vị Sát-đế-ly, đi qua một bên và thảo luận như sau:

"Những người Bà-la-môn này rất tham đàn bà. Chúng tôi hãy lấy đàn bà để dụ dỗ Bà-la-môn này.

"Các vị này đến tại chỗ của Bà-la-môn Mahà Govinda và nói:

"- Thiện hữu, đàn bà trong bảy quốc độ này rất nhiều. Thiện hữu muốn bao nhiêu, Thiện hữu cứ lấy bấy nhiêu.

"- Thôi thôi, chư Thiện hữu, tôi có đến bốn mươi vị phu nhân, thấy đều đồng đẳng. Tôi nay muốn từ bỏ tất cả các vị ấy để xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích về các xú uế. Chúng không dễ gì được điều phục, nếu sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

50. "- Nếu Thiện hữu Govinda sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, thì chúng tôi cũng sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Chỗ nào thiện hữu đi, chỗ ấy chúng tôi sẽ đi.

*Nếu từ bỏ dục vọng,
Mà kẻ phàm say đắm.
Tinh cần và cương quyết,
Vững chắc trong nhân lực,
Đó là con đường chánh,*

*Con đường hướng vô thượng,
Được Thiện nhân hộ trì,
Sanh lên cõi Phạm thiên.*

51. " Do vậy, Thiện hữu Govinda hãy chờ bảy năm nữa, sau bảy năm chúng tôi sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Chỗ nào Thiện hữu đi, chỗ ấy chúng tôi đi.

" - Chư Thiện hữu, bảy năm quá lâu dài. Tôi không thể chờ các Hiền giả đến bảy năm. Ai có thể biết được về mạng sống? Chúng ta phải bước đi, hướng về tương lai. Chúng ta phải học nhờ tuệ tri. Việc thiện chúng ta cần phải làm. Phạm hạnh chúng ta cần phải thực hành. Không ai tránh khỏi sự chết khi phải sanh ra. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích về các xú uế. Chúng không gì được điều phục nếu sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

52. " - Vậy Thiện hữu Govinda, hãy chờ trong sáu năm nữa... hãy chờ trong năm năm nữa... hãy chờ trong bốn năm nữa... hãy chờ trong ba năm nữa... hãy chờ trong hai năm nữa... hãy chờ trong một năm nữa. Sau một năm chúng tôi sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Chỗ nào Thiện hữu đi, chỗ ấy chúng tôi sẽ đi.

53. " - Chư Thiện hữu, một năm quá lâu dài. Tôi không thể chờ các Hiền giả đến một năm. Ai có thể biết được về mạng sống? Chúng ta phải bước đi hướng về tương lai. Chúng ta phải học nhờ tuệ tri. Việc thiện chúng ta cần phải làm. Phạm hạnh, chúng ta cần phải thực hành. Không ai tránh khỏi sự chết khi phải sanh ra. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích về các xú uế. Chúng không dễ gì mà được điều phục, nếu sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

" - Vậỵ Thiện hữu Govinda, hãy chờ trong bảy tháng nữa. Sau bảy tháng chúng tôi sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Chỗ nào Thiện hữu đi, chỗ ấy chúng tôi sẽ đi.

54. " - Chư Thiện hữu, bảy tháng quá lâu dài. Tôi không thể chờ các Hiền giả đến bảy tháng. Ai có thể biết được về mạng sống? Chúng ta phải bước đi, hướng về tương lai. Chúng ta phải học nhờ tuệ tri. Việc thiện chúng ta cần phải làm. Phạm hạnh chúng ta cần phải thực hành. Không ai tránh khỏi sự chết khi phải sanh ra. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích về các xú uế. Chúng không dễ gì mà điều phục, nếu sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

" - Vậỵ Thiệney hữu Govinda, hãỵ chờ sáu tháng nữa... hãỵ chờ năm tháng nữa... hãỵ chờ bốn tháng nữa... hãỵ chờ ba tháng nữa... hãỵ chờ hai tháng nữa... hãỵ chờ một tháng nữa... hãỵ chờ nửa tháng nữa. Sau nửa tháng, chúng tôi sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chỗ nào Thiệney hữu đi, chỗ ấy chúng tôi sẽ đi.

55. " - Chư Thiệney hữu, nửa tháng quá lâu dài, tôi không thể chờ các Hiệney giả đến nửa tháng. Ai có thể biết được về mạng sống? Chúng ta phải bước đi, hướng về tương lai. Chúng ta phải học nhờ tuệ tri. Việc thiệney chúng ta cần phải làm. Phạm hạnh chúng ta cần phải thực hành. Không ai tránh khỏi sự chết khi phải sanh ra. Tôi được nghe Phạm thiệney giải thích về các xú uế. Chúng không dễ gì mà điều phục, nếu sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

" - Vậỵ Thiệney hữu Govinda, hãỵ chờ cho bảy ngày cho đến khi chúng tôi giao quốc độ cho các người con và người anh của chúng tôi. Sau bảy ngày, chúng tôi sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Chỗ nào Thiệney hữu đi, chỗ ấy chúng tôi sẽ đi.

" - Chư Thiệney hữu, bảy ngày không lâu gì. Tôi sẽ chờ chư Thiệney hữu cho đến bảy ngày.

56. " Rồi Bà-la-môn Maha Govinda đi đến chỗ bảy triệu phú Bà-la-môn và bảy trăm vị tinh hạnh ở, khi đến xong liền nói với bảy vị triệu phú Bà-la-môn và bảy trăm vị tinh hạnh như sau:

" - Nay các Thiện hữu, hãy tìm một vị giáo thọ khác, vị ấy sẽ dạy các thần chú cho chư Thiện hữu, nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích về các xú uế. Chúng không dễ gì mà điều phục, nếu sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

" - Thiện hữu Bà-la-môn Govinda, chớ có xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nay Thiện hữu, xuất gia ít có quyền thế, và ít có lợi dưỡng. Làm người Bà-la-môn có nhiều quyền thế và có nhiều lợi dưỡng.

" - Chư Thiện hữu chớ có nói như vậy: " Xuất gia ít có quyền thế và ít có lợi dưỡng. Làm người Bà-la-môn có nhiều quyền thế và có nhiều lợi dưỡng ". Chư Thiện hữu, có ai nhiều quyền thế và nhiều lợi dưỡng hơn tôi. Tôi nay là vua các vị vua, là Phạm thiên cho các vị Bà-la-môn, và là vị Trời cho các Gia chủ, và tất cả điều này, tôi muốn vất bỏ, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Tôi được nghe Phạm

thiên giải thích về các xú uế. Chúng không dễ gì mà điều phục nếu sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình!

" - Nếu Thiện hữu Govinda xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chúng tôi cũng sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Chỗ nào Thiện hữu đi, chỗ ấy chúng tôi sẽ đi.

57. " Rồi Bà-la-môn Mahà Govinda đi đến bốn mươi vị phu nhân đồng đảng, khi đến xong liền nói với bốn mươi vị phu nhân đồng đảng như sau:

" - Các phu nhân, nếu muốn hãy trở về gia đình của mình hay gia đình quyến thuộc và tìm một người chồng khác. Tôi nay muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích về các xú uế. Chúng không dễ gì mà được điều phục, nếu sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

" - Ngài là người quyến thuộc của chúng tôi, người quyến thuộc mà chúng tôi ao ước. Ngài là chồng của chúng tôi, người chồng mà chúng tôi ao ước. Nếu Tôn giả Govinda xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chúng tôi cũng sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Chỗ nào Tôn giả đi, chỗ ấy chúng tôi sẽ đi.

58. " Rồi Bà-la-môn Mahà Govinda, sau bảy ngày liền cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi Bà-la-môn Mahà Govinda xuất gia, bảy vị Sát-đế-ly được làm lễ quán đảnh lên vương vị, bảy vị Bà-la-môn triệu phú, bảy trăm vị tình hạnh, bốn mươi vị phu nhân đồng đẳng, vài ngàn vị Sát-đế-ly, vài ngàn vị Bà-la-môn, vài ngàn cư sĩ, và một số thiếu phụ trẻ từ các cư xá thiếu phụ, những vị này đều cạo bỏ râu tóc, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình theo Bà-la-môn Mahà Govinda.

Và được bao vây bởi hội chúng như vậy, Bà-la-môn Mahà Govinda du hành đi qua làng, qua quận, qua các đô thị. Và đến tại làng nào, hay quận nào, hay đô thị nào, Bà-la-môn Mahà Govinda được xem là vua các vị vua, là Phạm thiên cho các Bà-la-môn, là vị Trời cho các cư sĩ. Trong thời gian ấy nếu có người nào nhảy mũi hay trượt chân, người ấy liền nói: "Đảnh lễ Bà-la-môn Mahà Govinda! Đảnh lễ vị phụ tá bảy quốc độ! ".

59. "Bà-la-môn Mahà Govinda an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thủy phương xứ, cùng khắp

vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Bà-la-môn Mahà Govinda, biến mãn một phương với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thủy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại vô biên, không hận, không sân. Và vị ấy dạy cho các đệ tử **con đường đưa đến sự thân hữu với Phạm thiên giới.**

60. " Và tất cả những vị nào, trong thời ấy là đệ tử của Bà-la-môn Mahà Govinda đều hiểu được toàn diện giáo lý của Bà-la-môn Mahà Govinda. Những vị này, khi thân hoại, **mạng chung đều được sanh lên thiện thú, Phạm thiên giới.**

Những vị nào không hiểu một cách toàn diện tất cả giáo lý, sau khi thân hoại, mạng chung, một số được sanh làm thân hữu với **chư Thiên ở Tha Hóa Tự tại thiên**, một số được sanh làm thân hữu với chư Thiên ở Hóa Lạc thiên, một số được sanh làm thân hữu với chư Thiên ở Dạ-ma thiên, một số được sanh làm thân hữu với chư Thiên ở Tam thập tam thiên, một số được sanh làm thân hữu với Tứ Thiên vương thiên. Cho đến những vị phải thành tựu các thân thấp kém

nhất, cũng được thành tựu thân Càn-thát-bà.

Như vậy tất cả những thiện nam tử đã xuất gia không phải vô hiệu, không phải trống không, trái lại thật sự có hiệu quả, có tiến bộ.

61. *Thế Tôn có nhớ không?*

- Nay Pancasikha, Ta có nhớ. Ta thuở ấy là Mahà Govinda. Ta dạy cho các đệ tử của Ta con đường đưa đến sự thân hữu ở Phạm thiên quốc. Nhưng nay Pancasikha, con đường phạm hạnh ấy không đưa đến yếm ly, ly dục, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn. Con đường ấy chỉ đưa sanh lên cõi Phạm thiên.

Nay Pancasikha, con đường phạm hạnh của Ta hoàn toàn đưa đến yếm ly, ly dục, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn. Đó là con đường **Thánh đạo tám ngành** tức là Chánh Tri kiến, Chánh Tư duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh tấn, Chánh Niệm, Chánh Định. **Nay Pancasikha, con đường phạm hạnh này hoàn toàn đưa đến yếm ly, ly dục, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn.**

62. Nay Pancasikha, những vị đệ tử nào đã hiểu được toàn diện tất cả giáo lý của Ta, những vị ấy trừ diệt

các lậu hoặc, vô lậu, tự mình hiện chứng thắng trí giác ngộ, sống an trú tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

- Trong những vị không hiểu được toàn diện tất cả giáo lý của Ta, trong số những vị ấy, diệt trừ năm hạ phần kiết sử, được **hóa sanh** và ở tại chỗ ấy được nhập Niết-bàn, không phải sanh lại thế giới này.
- Trong những vị không hiểu được toàn diện tất cả giáo lý của Ta, một trong những vị ấy diệt trừ ba kiết sử, làm nhẹ bớt tham, sân, si, thành **bậc Nhất lai**, chỉ phải sanh vào thế giới này một lần nữa rồi diệt tận khổ đau.
- Trong những vị này không hiểu được toàn diện tất cả giáo lý của Ta, một số những vị ấy từ diệt ba kiết sử, thành **bậc Dự lưu**, không còn phải sanh vào đọa xứ, nhất định chứng quả Bồ-đề.

Này Pancasikha, như vậy tất cả những thiện nam tử đã xuất gia, **không phải vô hiệu, không phải trống không, trái lại thật sự có hiệu quả, có tiến bộ.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Pancasikha, con của Càn-thát-bà, sung sướng, hoan hỷ nghe lời dạy của Thế Tôn, đánh lễ Ngài, thân phía hữu hướng về Ngài

và biến mất tại chỗ.

160 Không thể có sự kiện một người bất chánh có thể... - TIÊU Kinh MÃN NGUYỆT – 110 Trung III, 145

TIÊU KINH MÃN NGUYỆT (Culapunnama sutta)

– Bài kinh số 110 – Trung III, 145

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, tại Pubbarama (Đông Viên) Migaramatupasada (Lộc Mẫu Giảng đường). Lúc bảy giờ trong ngày Bối-tát, ngày trăng tròn, trong đêm trăm rằm, Thế Tôn đang ngồi giữa trời, xung quanh có chúng Tỷ-kheo đoanh vây. Rồi Thế Tôn nhìn chúng Tỷ-kheo đang yên lặng, hết sức yên lặng và bảo các Tỷ-kheo:

❖ **Này các Tỷ-kheo, một người bất chánh (asappurisa) có thể biết một người bất chánh: "Người bất chánh là vị này", hay không?**

– Bạch Thế Tôn, không biết được.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo! Này các Tỷ-kheo

không thể có sự tình, không thể có sự kiện, một người bất chánh có thể biết một người bất chánh:
"Người bất chánh là vị này."

Này các Tỷ-kheo, nhưng một người bất chánh có thể biết một người chơn chánh: "Người chơn chánh là vị này" hay không?

– Bạch Thế Tôn, không biết được

– Lành thay, này các Tỷ-kheo! Này các Tỷ-kheo, **không thể có sự tình, không thể có sự kiện một người bất chánh có thể biết được một người chơn chánh:** "Người chơn chánh là vị này".

➤ Người bất chánh, này các Tỷ-kheo, là người đầy đủ pháp bất chánh, giao du với người bất chánh, suy tư như người bất chánh, tư lường như người bất chánh, nói năng như người bất chánh, hành động như người bất chánh, có tà kiến như người bất chánh, bố thí như người bất chánh.

– Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh **đầy đủ pháp bất chánh**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh **bất tín, vô tầm, vô quý, nghe ít, biếng nhác, thất niệm, liệt tuệ.** Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người bất chánh đầy đủ pháp bất chánh.

- Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh **giao du với những người bất chánh?** Ở đây, này các Tỷ-kheo, những vị Bà-la-môn nào bất tín, vô tâm, vô quý, ít nghe, biếng nhác, thất niệm, liệt tuệ, những vị ấy là bạn, là thân hữu với người bất chánh ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người bất chánh giao du với người bất chánh.
- Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh **suy tư như người bất chánh?** Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh suy nghĩ tự làm hại mình, suy nghĩ làm hại người khác, suy nghĩ làm hại cả hai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người bất chánh suy tư như người bất chánh.
- Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh **tư lường như người bất chánh?** Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh tư lường tự làm hại mình, tư lường làm hại người, tư lường làm hại cả hai. Như vậy, này các Tỷ-kheo là người bất chánh tư lường như người bất chánh.
- Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh **nói năng như người bất chánh?** Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh nói lời nói láo, nói lời hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm. Như vậy này các Tỷ-kheo, là người bất chánh nói năng như người bất chánh.

- Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh **hành động như người bất chánh**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh sát sanh, lấy của không cho, làm các tà hạnh trong các dục. Như vậy, này các Tỷ-kheo là người bất chánh hành động như người bất chánh.
- Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh **có tà kiến như người bất chánh**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh có tà kiến như sau: "Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thực các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có cha, không có mẹ, không có loại hóa sanh. Ở đời, không có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh đã tự mình chứng đạt với thượng trí đời này và đời khác, và truyền dạy lại".. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người bất chánh có tà kiến như người bất chánh.
- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người bất chánh **bố thí như người bất chánh**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh bố thí một cách vô lễ, bố thí không phải tự tay, bố thí không có suy tư kỹ lưỡng, bố thí những vật không cần dùng, bố thí không nghĩ đến tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người bất chánh bố thí như người bất chánh.

➔ Đây các Tỷ-kheo, người bất chánh ấy, đầy đủ pháp bất chánh như vậy, giao du với người bất chánh như vậy, suy tư như người bất chánh như vậy, tư lường như người bất chánh như vậy, nói năng như người bất chánh như vậy, hành động như người bất chánh như vậy, có tà kiến như người bất chánh như vậy, bố thí như người bất chánh như vậy, **sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cảnh giới của những người bất chánh.**

➔ Và này các Tỷ-kheo, thế nào là cảnh giới của những người bất chánh? Địa ngục hay là bàng sanh.

❖ **Này các Tỷ-kheo, một người chơn chánh có thể biết được một người chơn chánh: "Người chơn chánh là vị này" hay không?**

– Thừa biết được, bạch Thế Tôn.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo! Sự tình này xảy ra là người chơn chánh có thể biết được người chơn chánh: "Người chơn chánh là vị này".

Nhưng này các Tỷ-kheo, người chơn chánh có thể biết được người bất chánh: "Người bất chánh là vị này" hay không?

– Thừa biết được, bạch Thế Tôn.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo! Này các Tỷ-kheo, có sự tình này là người chơn chánh có thể biết được người bất chánh: "Người bất chánh là vị này".

➡ Này các Tỷ-kheo, người chơn chánh đầy đủ Chánh pháp, giao du với các bậc chơn chánh, suy nghĩ như các bậc chơn chánh, tư lường như các bậc chơn chánh, nói năng như bậc chơn chánh, hành động như bậc chơn chánh, có chánh kiến như bậc chơn chánh, bố thí như bậc chơn chánh.

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người chơn chánh đầy đủ Chánh pháp? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh có lòng tin, có lòng tầm, có lòng quý, có nghe nhiều, có tinh cần, tinh tấn, có chánh niệm, có trí tuệ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chơn chánh đầy đủ những Chánh pháp.

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người chơn chánh giao du với các bậc chơn chánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào có lòng tin, có lòng tầm, có lòng quý nghe nhiều, tinh cần, tinh tấn, chánh niệm, có trí tuệ, những vị ấy là bạn, là thân hữu của vị chơn chánh ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chơn chánh giao du với các bậc chơn chánh.

- Và này, các Tỷ-kheo, như thế nào là người chơn chánh **suy tư như người chơn chánh**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh không suy nghĩ tự làm hại mình, không suy nghĩ làm hại người khác, không suy nghĩ làm hại cả hai. Như vậy, này các Tỷ-kheo là người chơn chánh suy tư như người chơn chánh.
- Và này, các Tỷ-kheo, như thế nào là người chơn chánh **tư lường như người chơn chánh**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh không tư lường tự làm hại mình, không tư lường làm hại người khác, không tư lường làm hại cả hai. Như vậy, này các Tỷ-kheo là người chơn chánh tư lường như người chơn chánh.
- Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người chơn chánh **nói năng như người chơn chánh**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh từ bỏ không nói láo, từ bỏ không nói hai lưỡi, từ bỏ không nói ác khẩu, từ bỏ không nói phiếm luận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chơn chánh nói năng như người chơn chánh.
- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người chơn chánh **hành động như người chơn chánh**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ làm các tà hạnh trong dâm dục. Như vậy, này các Tỷ-kheo là người chơn

chánh hành động như người chơn chánh.

- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người chơn chánh **có chánh kiến như bậc chơn chánh?** Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh có chánh kiến như sau: "Có bố thí, có lễ hy sinh, có tế tự, có quả dị thực các nghiệp thiện ác, có đời này, có đời khác, có cha, có mẹ, có loại hóa sanh. Ở đời có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng đạt với thượng trí đời này và đời khác, và truyền dạy lại. Như vậy, này các Tỷ-kheo là người chơn chánh có chánh kiến như người chơn chánh.

- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người chơn chánh **bố thí như người chơn chánh?** Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh bố thí một cách lễ độ, bố thí với tự tay, bố thí có suy tư kỹ lưỡng, bố thí những vật cần dùng, bố thí có nghĩ đến tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo là người chơn chánh bố thí như người chơn chánh.

➔ Này các Tỷ-kheo, người chơn chánh ấy, đầy đủ Chánh pháp như vậy, giao du với người chơn chánh như vậy, suy tư như người chơn chánh như vậy, tư lường như người chơn chánh như vậy, nói năng như người chơn chánh như vậy, hành động như người chơn chánh như vậy, có

chánh kiến như người như người chơn chánh
như vậy, bổ thí như người chơn chánh như vậy,
**sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào
cảnh giới của những người chơn chánh.**

➔ Và này các Tỷ-kheo, thế nào là cảnh giới của
những người chơn chánh? Đại tánh của chư
Thiên hay đại tánh của loài Người.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo
hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

161 Không thể có được bằng cách cầu xin - Kinh KHẢ LẠC – Tăng II, 379

KHẢ LẠC – Tăng II, 379

1. Rồi Gia chủ Anàthapindika đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Gia chủ Anàthapindika đang ngồi một bên:

2. - Có năm pháp này, này Gia chủ, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó tìm được ở đời.

Thế nào là năm?

- **Tuổi thọ** khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời;
- **Dung sắc** khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời;
- **An lạc** khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời;
- **Tiếng đồn tốt** khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời;
- **Cõi trời** khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời.

Này Gia chủ, năm pháp này, khả lạc, khả ý khó tìm được ở đời.

Này Gia chủ, năm pháp khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời này, Ta tuyên bố không phải do nhân cầu xin, không phải do nhân ước vọng mà có được.

3. Này Gia chủ, nếu năm pháp khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời này, do nhân cầu xin, do nhân ước vọng mà có được, **thời ai ở đời này lại héo mòn vì một lẽ gì?**

Này Gia chủ, vị Thánh đệ tử muốn có thọ mạng, không có thể do cầu xin thọ mạng hay tán thán để làm nhân đem lại thọ mạng. *Vị Thánh đệ tử muốn có thọ mạng cần phải thực hành con đường dẫn đến thọ mạng.* Do vị ấy thực hành con đường dẫn đến thọ mạng, sự thực hành ấy đưa vị ấy nhận lãnh được thọ mạng, vị ấy nhận lãnh được thọ mạng hoặc Chư Thiên, hoặc loài Người.

4. Này Gia chủ, vị Thánh đệ tử muốn có dung sắc, không có thể do cầu xin dung sắc hay tán thán để làm nhân đem lại dung sắc. *Vị Thánh đệ tử muốn có dung sắc cần phải thực hành con đường dẫn đến dung sắc.* Do vị ấy thực hành con đường dẫn đến dung sắc, sự thực hành ấy đưa vị ấy nhận lãnh được dung sắc, vị

ấy nhận lãnh được dung sắc hoặc Chư Thiên, hoặc loài Người.

5. Nay Gia chủ, vị Thánh đệ tử muốn có an lạc, không có thể cầu xin an lạc hay tán thán để làm nhân đem đến an lạc. *Vị Thánh đệ tử muốn có an lạc cần phải thực hành con đường dẫn đến an lạc.* Do vị ấy thực hành con đường dẫn đến an lạc, sự thực hành ấy đưa đến vị ấy nhận lãnh được an lạc, vị ấy nhận lãnh được an lạc hoặc chư Thiên, hoặc loài Người.

6. Nay Gia chủ, vị Thánh đệ tử muốn có tiếng tốt, không có thể do cầu xin tiếng tốt hay tán thán để làm nhân đem đến tiếng tốt. *Vị Thánh đệ tử muốn có tiếng tốt cần phải thực hành con đường dẫn đến tiếng tốt.* Do vị ấy thực hành con đường dẫn đến tiếng tốt, sự thực hành ấy đưa vị ấy nhận lãnh được tiếng tốt, vị ấy nhận lãnh được tiếng tốt hoặc chư Thiên, hoặc loài Người

7. Nay Gia chủ, vị Thánh đệ tử muốn có được Thiên giới, không có do cầu xin Thiên giới hay tán thán để làm nhân đem đến Thiên giới. *Vị thánh đệ tử muốn có Thiên giới cần phải thực hành con đường dẫn đến Thiên giới.* Do vị ấy thực hành con đường dẫn đến Thiên giới, sự thực hành ấy đưa vị ấy nhận lãnh được Thiên giới, vị ấy nhận lãnh được Thiên giới.

*Thọ mạng và dung sắc,
Tiếng tốt và danh vọng,
Thiên giới và quý tộc,
Được người đời ngày đêm,
Luôn luôn và rộng mở,
Cầu xin và cầu nguyện.
Còn bậc Hiền tán thán,
Không phóng dật phước hành,
Bậc Hiền không phóng dật,
Chúng được hai lợi ích,
Lợi ích ngay hiện tại,
Và lợi ích đời sau,
Vị nào thực hiện được,
Lợi ích và mục đích,
Vị ấy đáng được gọi,
Bậc Trí giả, Hiền giả.*

162 Không thể làm hành động gì mà - Kinh Con
Mắt – Tương III, 369

Con Mắt – *Tương III, 369*

1-2) Nhân duyên tại Sàvatthi...

3) -- Này các Tỷ-kheo,

- *Mắt là vô thường, biến hoại, đổi khác.*
- *Tai là vô thường, biến hoại, đổi khác.*
- *Mũi là vô thường, biến hoại, đổi khác.*
- *Lưỡi là vô thường, biến hoại, đổi khác.*
- *Thân là vô thường, biến hoại, đổi khác.*
- *Ý là vô thường, biến hoại, đổi khác.*

4) -- Này các Tỷ-kheo, ai có lòng tin, có tín giải đãi với những pháp này; vị ấy được gọi là **Tùy tín hành**, đã **nhập Chánh tánh**, đã **nhập Chân nhân địa**, đã **vượt phàm phu địa**. Vị ấy không có thể làm những hành động gì, do làm hành động ấy phải sanh vào địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ; một vị không có thể mệnh chung mà không chứng quả **Dự lưu**.

5) Với ai, này các Tỷ-kheo, kham nhẫn một ít Thiên quán, như vậy với trí tuệ về những pháp này; vị ấy được gọi là **Tùy pháp hành**, đã **nhập Chánh tánh**,

đã **nhập Chân nhân địa, đã vượt phàm phu địa**. Vị ấy không có thể làm những hành động gì, do làm hành động ấy, phải sanh vào địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ; một vị không có thể mệnh chung mà không chứng quả **Dự lưu**.

6) Với ai, này các Tỷ-kheo, đối với những pháp này, biết rõ như vậy, thấy như vậy, vị ấy được gọi là **đã chứng Dự lưu**, không còn bị thoái đạo, quyết chắc hướng đến giác ngộ.

II. Sắc – Tương III, 370

(Nhu kinh trên, chỉ thế "mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý" bằng "**sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp**").

III. Thức – Tương III, 370

(Nhu kinh trên, chỉ thế vào "**nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức**").

IV. Xúc – Tương III, 370

(Nhu kinh trên, chỉ thế vào "**nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc**").

V. Thọ - Tương III, 371

(N^{hư} kinh trên, chỉ thế vào "**thọ** do nh^ĩ xúc sanh, thọ do nh^ĩ xúc sanh, thọ do t^ỷ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh").

VI. Tưởng – *Tương* III, 371

(N^{hư} kinh trên, chỉ thế vào "**sắc tưởng**, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng").

VII. Tư – *Tương* III, 371

(N^{hư} kinh trên, chỉ thế vào "**sắc tư**, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư").

VIII. Ái – *Tương* III, 371

(N^{hư} kinh trên, chỉ thế vào "**sắc ái**, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái").

IX. Giới – *Tương* III, 371

(N^{hư} kinh trên, chỉ thế vào "**địa** giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới").

X. Uẩn (S.iii,227) – *Tương* III, 371

(N^{hư} kinh trên, chỉ thế vào "**sắc uẩn**, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn").

163 Không thể mạng chung cho đến khi - Kinh THIÊN SÚ – 130 Trung III, 425

KINH THIÊN SÚ (Devaduta sutta)

– Bài kinh số 130 – Trung III, 425

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà-lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo".

– "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– *Ví như, này các Tỷ-kheo, có hai nhà có cửa; ở đây, một người có mắt đứng chính giữa có thể thấy những người đi vào nhà, đi ra khỏi nhà, đi qua, đi lại.* Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **Ta với thiên nhân thanh tịnh, siêu nhân, thấy các chúng hữu tình chết đi sanh lại, hạ liệt, cao sang, đẹp trai, xấu hình, thiện thú, ác thú, tùy theo hạnh nghiệp của họ:**

- "Các bậc hữu tình này do thành tựu **thân** thiện hành, **khẩu** thiện hành, **ý** thiện hành, không công kích các bậc Thánh, có chánh kiến, thọ trì nghiệp phù hợp chánh kiến, các vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sinh vào thiên thú, Thiên giới, ở đời này.
- Hay các vị hữu tình này, do thành tựu thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, không công kích các bậc Thánh, có chánh kiến, thọ trì nghiệp phù hợp với chánh kiến, các vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, được sinh ra giữa loài Ngươi.
- Còn các hữu tình, do thành tựu thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, công kích các bậc Thánh, có tà kiến, thọ trì nghiệp phù hợp với tà kiến, các vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, bị sinh vào cõi nga quỹ (pettivisaya).
- Hay các hữu tình này, do thành tựu thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, công kích các bậc Thánh, có tà kiến, thọ trì nghiệp phù hợp tà kiến, các hữu tình sau khi thân hoại mạng chung, bị sinh vào các loại bàng sanh.
- Hay các hữu tình này, do thành tựu thân ác hành... (như trên)... Sau khi thân hoại mạng chung, bị sinh vào cõi dữ, ác thú, đoạ xứ, Địa

nguc".

Này các Tỷ-kheo, các người coi giữ Địa ngục, sau khi bắt giữ người ấy với nhiều cánh tay, dẫn người ấy đến trước vua Yama (và thưa):

"- Tâu Đại vương, người này không có từ tâm, không xứng là Sa-môn, không xứng là Bà-la-môn, không kính trọng các vị lớn tuổi trong gia đình. Đại vương hãy trừng phạt nó!

➔ Này các Tỷ-kheo, vua Yama, chất vấn người ấy, cật vấn, thẩm vấn người ấy về **Thiên sứ thứ nhất**: "Này người kia, Ngươi có thấy Thiên sứ thứ nhất đã hiện ra giữa loài Người không?"

– Người ấy nói: "Thưa Ngài, không thấy".

– Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này Người kia, Ngươi có thấy giữa loài Người có đứa con nít nhỏ, yếu ớt, nằm ngửa, nằm rơi vào giữa phân và nước tiểu của nó hay không?"

– Người ấy đáp: "Thưa Ngài, có thấy".

– Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "*Này người kia, tuy Ngươi là người có ý thức và lớn tuổi, nhưng Ngươi không có nghĩ:*

"Ta bị sanh chi phối, ta không thoát khỏi sanh; ta hãy làm điều thiện về thân, khẩu và ý"

- Người ấy đáp: "Thưa Ngài, tôi không có thể làm, vì tôi phóng dật".
- Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này người kia, nếu vì phóng dật nên Người không làm điều thiện về thân, khẩu, ý; chắc chắn chúng sẽ làm cho Người, này Người kia, tùy theo sự phóng dật ấy của Người. Vì rằng đây là một ác nghiệp của Người, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn và thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư Thiên làm. Ác nghiệp ấy chính do Người làm, chính Người phải cảm thọ quả báo việc làm ấy".
- ➔ Này các Tỷ-kheo, sau khi chất vấn, cật vấn và thẩm vấn người kia về Thiên sứ thứ nhất, vua Yama mới chất vấn, cật vấn, thẩm vấn về **Thiên sứ thứ hai**: "Này người kia, Người có thấy giữa loài Người, Thiên sứ thứ hai hiện ra không?"
 - Người ấy đáp: "Thưa Ngài, không thấy".
 - Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người

kia: "Này Người kia, Người có thấy người đàn bà hay người đàn ông tám mươi tuổi, hay chín mươi tuổi, hay một trăm tuổi, **già yếu**, cong như nóc nhà, lưng còm, chông gậy, vừa đi vừa run, bệnh hoạn, tuổi trẻ đã qua mất, răng rụng, tóc sới, da nhăn, run rẩy, với tay chân bạc màu?"

- Người ấy đáp: "Thưa Ngài, có thấy".
- Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này Người kia, tuy Người là người có ý thức và lớn tuổi, nhưng Người không có nghĩ: "Ta bị già chi phối, ta không thoát khỏi già; ta hãy làm điều thiện về thân, khẩu và ý"
- Người ấy đáp: "Thưa Ngài, tôi không có thể làm, vì tôi phóng dật, thưa Ngài".
- Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này Người kia, nếu vì phóng dật nên Người không làm điều thiện về thân, khẩu, ý; chắc chắn chúng sẽ làm cho Người, này Người kia, tùy theo sự phóng dật của Người. Vì rằng đây là một ác nghiệp của Người, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn và thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư Thiên làm. Ác

nghiệp ấy chính do Người làm, chính Người phải cảm thọ quả báo sự làm ấy".

➔ Nay các Tỷ-kheo, sau khi chất vấn, cật vấn, thẩm vấn người kia về Thiên sứ thứ hai, vua Yama mới chất vấn, cật vấn, thẩm vấn về **Thiên sứ thứ ba**: "Này Người kia, Người có thấy giữa loài Người, Thiên sứ thứ ba hiện ra không?"

- Người ấy đáp: "Thưa Ngài không thấy".
- Rồi nay các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người kia: "Này Người kia, Người có thấy người đàn bà hay người đàn ông **bị bệnh** hoạn, khổ não, bị bệnh trầm trọng rơi nằm vào trong nước tiểu và phân của mình, cần người khác nâng dậy, cần người khác dìu nằm xuống?"
- Người ấy đáp: "Thưa Ngài, có thấy".
- Rồi nay các Tỷ-kheo, vua Yama nói với nó: "Này Người kia, tuy Người là người có ý thức và lớn tuổi, nhưng Người không có nghĩ: "Ta bị bệnh chi phối, ta không thoát khỏi bệnh; ta hãy làm điều thiện về thân, khẩu và ý". "
- Người ấy đáp: "Thưa Ngài, tôi không có thể làm, vì tôi phóng dật, thưa Ngài".
- Rồi nay các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người

ấy: "Này Người kia, nếu vì phóng dật nên Người không làm điều thiện, về thân, khẩu, ý; chắc chắn chúng sẽ làm cho Người, này Người kia, tùy theo sự phóng dật của Người. Vì rằng đây là một ác nghiệp của Người, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn bè thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư Thiên làm. Ác nghiệp ấy chính do Người làm, chính Người phải cảm thọ quả báo việc làm ấy".

➔ Này các Tỷ-kheo, sau khi chất vấn, cật vấn thăm vấn người kia về Thiên giới thứ ba, vua Yama mới chất vấn, cật vấn, thăm vấn về chư **Thiên thứ tư**: "Này người kia, Người có thấy giữa loài Người Thiên sứ thứ tư hiện ra không?"

- Người ấy đáp: "Thưa Ngài, không thấy".
- Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người kia: "Này người kia, Người có thấy giữa loài Người, các vua chúa sau khi bắt được tên trộm cướp có phạm tội, liền áp dụng nhiều hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy... (như trên)... họ lấy gươm chặt đầu".

- Người ấy nói: "Thưa Ngài, có thấy".
 - Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này Người kia, tuy Người là người có ý thức và lớn tuổi, nhưng Người không có nghĩ: "Thật sự những ai làm các ác nghiệp, họ phải chịu những hình phạt sai khác, ngay trong hiện tại như vậy, huống nữa là về đời sau! Ta hãy làm điều thiện về thân, khẩu, ý".
 - Người ấy đáp: "Thưa Ngài, tôi không có thể làm, vì tôi phóng dật, thưa Ngài".
 - Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với nó: "Này Người kia, nếu vì phóng dật nên Người không làm điều thiện về thân, khẩu, ý; chắc chắn họ sẽ làm cho Người, này người kia, tùy theo sự phóng dật của Người. Vì rằng đây là một ác nghiệp của Người, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn bè thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư Thiên làm. Ác nghiệp ấy chính do Người làm, chính Người phải cảm thọ quả báo việc làm ấy".
- ➔ Này các Tỷ-kheo, sau khi chất vấn, cật vấn, thăm vấn người kia về Thiên giới thứ tư, vua Yama mới

chất vấn, cật vấn, thăm vấn về **Thiên giới thứ năm**: "Này Người kia, Người có thấy giữa loài Người Thiên sư thứ năm hiện ra không?"

- "Người ấy đáp: "Thưa Ngài, không thấy".
- Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này Người kia, Người có thấy giữa loài Người, người đàn bà hay người đàn ông chết đã được một ngày, hai ngày hay ba ngày, sung phồng lên, xanh xám lại, rữa nát ra?"
- Người ấy nói: "Thưa Ngài, có thấy".
- Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này Người kia, tuy Người là người có ý thức và lớn tuổi, nhưng Người không có nghĩ: "Ta bị chết chi phôi, ta không thoát khỏi chết; ta hãy làm điều thiện về thân, khẩu và ý".
- Người ấy đáp: "Thưa Ngài, tôi không có thể làm, vì tôi phóng dật, thưa Ngài".
- Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này Người kia, nếu vì phóng dật nên Người không làm điều thiện, về thân, khẩu ý; chắc chắn chúng sẽ làm cho Người, này Người kia, tùy theo phóng dật của Người. Vì rằng đây là một ác nghiệp của Người, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh

làm, không phải do chị làm, không phải do bạn bè thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư Thiên làm. Ác nghiệp ấy chính là Người làm, chính Người phải cảm thọ quả báo việc làm ấy".

❖ Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi chắt vắn, cật vắn, thăm vắn, người ấy về Thiên sứ thứ năm, vua Yama giữ im lặng.

Rồi này các Tỷ-kheo, các người coi giữ Địa ngục bắt người ấy chịu hình phạt gọi là năm cọc (Pancavidhabandhanam), họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào một bàn tay, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn tay thứ hai, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn chân, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn chân thứ hai, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào giữa ngực, Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, thống khổ, khóc liệt. **Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.**

Này các Tỷ-kheo, các người coi giữ Địa ngục bắt người ấy nằm xuống và lấy búa chặt người ấy. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, thống khổ, khóc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh

chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Này các Tỷ-kheo, các người giữ Địa ngục dựng ngược người ấy chân phía trên, đầu phía dưới và lấy búa chặt người ấy. Người ấy ở đây cảm thọ.. chưa tiêu trừ.

Này các Tỷ-kheo, các người giữ Địa ngục cột người ấy vào một chiếc xe, kéo người ấy chạy tới chạy lui trên đất được đốt cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây cảm thọ... chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo các người giữ Địa ngục đẩy người ấy lên, kéo người ấy xuống một sườn núi đầy than hồng, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây cảm thọ... chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo các người giữ Địa ngục dựng ngược người ấy chân phía trên, đầu phía dưới và quăng người ấy vào một vạc dầu bằng đồng nung đỏ, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây bị nấu với bọt nước sôi sùng sục, ở đây bị nấu với bọt nước sôi sùng sục, khi thì trôi nổi lên trên, khi thì chìm xuống đáy, khi thì trôi dạt ngang. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đơn, thông khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung

cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo, những người giữ Địa ngục quăng vào Đại địa ngục. Này các Tỷ-kheo, Đại địa ngục ấy có bốn góc, bốn cửa, chia thành phần bằng nhau, xung quanh có tường sắt mái sắt lợp lên trên. Nền Địa ngục bằng sắt nung đỏ, chảy đỏ rực, đứng thẳng, luôn có mặt, rộng một trăm do tuần.

Này các Tỷ-kheo, từ tường phía Đông của Đại địa ngục ấy, những ngọn lửa bùng cháy lên được thổi tạt đến tường phía Tây. Những ngọn lửa bùng cháy lên từ tường phía Tây được thổi tạt đến tường phía Đông. Những ngọn lửa bùng cháy lên từ tường phía Bắc được thổi tạt đến tường phía Nam. Những ngọn lửa bùng cháy lên từ tường phía Nam được thổi tạt đến tường phía Bắc. Những ngọn lửa bùng cháy lên từ phía Dưới, được thổi tạt lên phía Trên. Những ngọn lửa bùng cháy lên từ phía Trên, được thổi tạt xuống phía Dưới. Người ấy ở đây cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Này các Tỷ-kheo, **rồi có một thời rất lâu dài, khi cửa phía Đông của Đại địa ngục được mở ra.** Người

ấy chạy vào đấy rất nhanh và mau lẹ. Khi người ấy chạy rất nhanh và mau lẹ, da ngoài bị cháy, da trong bị cháy, thịt bị cháy, dây gân bị cháy, xương bị khói xông đen. Sự trốn thoát của người ấy là như vậy. Nay các Tỷ-kheo, dù cho người ấy có cố gắng rất nhiều, cửa vẫn đóng chống lại người ấy. Tại đây người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo, có một thời rất lâu dài, khi cửa phía Tây được mở... (như trên)... cửa phía Bắc được mở... (như trên)... cửa phía Nam được mở. Người ấy liền chạy vào đấy rất nhanh và mau lẹ. Khi người ấy chạy rất nhanh và mau lẹ, da ngoài bị cháy, da trong bị cháy, thịt bị cháy, dây gân bị cháy, xương bị khói xông đen. Sự trốn thoát của người ấy là như vậy. Nay các Tỷ-kheo, dầu cho người ấy có cố gắng rất nhiều, cửa vẫn đóng chống lại người ấy. Tại đây người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi các ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ. Rồi này các Tỷ-kheo, có một thời rất lâu dài, khi cửa phía Đông được mở ra, người ấy liền chạy vào đấy rất nhanh và mau lẹ... (như trên)... sự trốn thoát của người ấy là như vậy.

Người ấy đi ra khỏi cửa Địa ngục ấy.

Nhưng này các Tỷ-kheo, cân sát Đại địa ngục là Đại Phấn ni Địa ngục (Guthaniraya). Người ấy rơi vào Địa ngục này. Này các Tỷ-kheo, tại Phấn ni Địa ngục ấy, các chúng sanh với miệng như mũi kim cắt đứt da ngoài; sau khi cắt đứt da ngoài, chúng cắt đứt da trong; sau khi cắt đứt da trong, chúng cắt đứt thịt; sau khi cắt đứt thịt, chúng cắt đứt dây gân; sau khi cắt đứt dây gân, chúng cắt đứt xương; sau khi cắt đứt xương, chúng cắt đứt xương tủy. Ở đây, người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khóc lệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Nhưng này các Tỷ-kheo, cân sát Đại địa ngục Phấn ni ấy là Đại địa ngục Nhiệt khô (Than hùṅg-Kukkulaniraya). Người ấy rơi vào ở đây. Ở đây, người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khóc lệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Nhưng này các Tỷ-kheo, cân sát Đại địa ngục Nhiệt khô là Đại Châm thọ lâm (Sambalivanam) cao một do tuần, với những gai nhọn dài mười sáu ngón tay, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Họ

bắt người ấy leo lên, leo xuống. Ở đây người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Nhưng này các Tỷ-kheo, cân sát Châm thọ lâm là Đại Kiểm điệp lâm (Rùng lá gươm-Asipattavanta). Người ấy vào trong ấy. Ở đây, các lá cây, do gió lay động, cắt đứt tay của người ấy, cắt đứt chân, cắt đứt tay chân, cắt đứt tai, cắt đứt mũi, cắt đứt tai mũi. Ở đây, người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mạng chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Nhưng này các Tỷ-kheo, cân sát Kiểm điệp lâm là Đại Khôi hà (Sông vôi-Kharodakanadi). Người ấy rơi vào trong ấy. Tại đây người ấy bị trôi thuận theo dòng nước, người ấy bị trôi ngược lại dòng nước người ấy trôi thuận theo, ngược lại dòng nước. Tại đây người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung, cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo, những người coi giữ Địa ngục, **câu người ấy lên với móc câu**, đặt người ấy

trên đất và nói với người ấy: "Này Người kia, Người muốn gì?" Người ấy nói: "Thưa các Ngài, **tôi đói bụng**". Rồi này các Tỷ-kheo, các người coi giữ Địa ngục lấy **cục sắt nung đỏ** cạy miệng người ấy và nhét vào miệng người ấy những cục đồng nung đỏ, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Môi người ấy bị cháy, miệng bị cháy, cổ họng bị cháy, ngực bị cháy. Và kéo theo một ruột lớn, ruột nhỏ, các cục đồng ấy rơi ra ngoài từ phía dưới. Ở đây, người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khóc liệt. Nhưng người ấy không có thể mạng chung, cho đến khi ác nghiệp của nó chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo, các người coi giữ Địa ngục nói với người ấy: "Này Người kia, Người muốn gì?" Người ấy nói: "Thưa các Ngài, **tôi khát nước**". Rồi này các Tỷ-kheo, các người coi giữ Địa ngục lấy **cục sắt nung đỏ** cạy miệng người ấy ra, và đổ vào miệng người ấy nước đồng nấu sôi, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Môi người ấy bị cháy, miệng bị cháy, cổ họng bị cháy, ngực bị cháy. Và kéo theo ruột lớn, ruột nhỏ (nước đồng sôi ấy) chảy ra ngoài từ phía dưới. Người ấy ở đây cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khóc liệt. Nhưng người ấy không có thể mạng chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo, các người coi giữ Địa ngục lại quăng người ấy vào Đại địa ngục.

Một thời xưa lắm, này các Tỷ-kheo, vua Yama suy nghĩ như sau: *"Những ai làm ác nghiệp ở đời, phải thọ lãnh những hình phạt sai khác như vậy. Mong rằng ta được làm người, và Như lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời, và ta có thể hầu hạ Thế Tôn, và Thế Tôn thuyết pháp cho ta, và ta có thể thông hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng"*.

Này các Tỷ-kheo, điều Ta đang nói không phải Ta nghe từ một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác; nhưng điều Ta đang nói chỉ được Ta biết mà thôi, chỉ được Ta thấy mà thôi, chỉ được Ta hiểu mà thôi.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Sau khi Thiện thế nói như vậy, bậc Đạo Sư lại nói thêm như sau:

*Dầu Thiên sứ báo động,
Thanh niên vẫn phóng dật,
Họ ưu buồn lâu dài,
Sanh làm người hạ liệt.
Ở đây bậc Chân nhân,
Được Thiên sứ báo động,
Không bao giờ phóng dật,
Trong diệu pháp bậc Thánh.*

*Thấy sợ trong chấp thủ,
Trong hiện hữu sanh tử.
Được giải thoát chấp thủ,
Sanh tử được đoạn trừ,
Được yên ổn an lạc,
Ngay hiện tại tịch tịnh,
Mọi oán hận sợ hãi,
Các vị ấy vượt qua;
Mọi đau đớn sâu khổ,
Họ đều được siêu thoát.*

164 Không thể nghĩ bàn - Kinh AGGIVACCHAGOTTA – 72 Trung II, 313

KINH AGGIVACCHAGOTTA (**Aggivacchagotta sutta**)

– Bài kinh số 72 – Trung II, 313

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ) Jetavana (Kỳ-đà-Lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Rồi du sĩ ngoại đạo Vacchagotta đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, du sĩ ngoại đạo Vacchagotta bach Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Nay Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài

ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Nay Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Nay Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Nay Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Sinh mạng và thân thể là một,

chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau:
"Sinh mạng và thân thể là một, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Sinh mạng và thân thể là khác, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau:
"Sinh mạng và thân thể là khác, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "N hư Lai có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau:
"N hư Lai có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "N hư Lai không có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau:
"N hư Lai không có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy

là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?", Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?" Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?" Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?", Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

... (như trên)...

Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư

vọng?", Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Nhu Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?" Tôn giả Gotama thấy có sự nguy hại gì mà Ngài không chấp nhận hoàn toàn những tri kiến này như vậy?

– Này Vaccha, nghĩ rằng: "Thế giới là thường trú", như vậy là tà kiến, kiến trù lâm, kiến hoang vu, kiến hý luận, kiến tranh chấp, kiến kiết phược, đi đôi với khổ, với tàn hại, với não hại, với nhiệt não, không hướng đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Này Vaccha, nghĩ rằng: "Thế giới là vô thường"... (như trên)... "Thế giới là hữu biên"... "Thế giới là vô biên"... "Sinh mạng và thân thể là một"... "Sinh mạng và thân thể là khác"... "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết"... "Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết"... "Nhu Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết"... Này Vaccha, nghĩ rằng: "Nhu Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", như vậy là tà kiến, kiến trù lâm, kiến hoang vu, kiến hý luận, kiến tranh chấp, kiến kiết phược, đi đôi với khổ, với tàn hại, với não hại, với nhiệt não, không hướng đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. **Này Vaccha, Ta thấy có sự nguy hại**

này mà Ta không chấp nhận hoàn toàn những tri kiến như vậy.

– Nhưng Tôn giả Gotama có tà kiến nào không?

– Này Vaccha, tà kiến đã được Như Lai đoạn trừ. Nhưng này Vaccha, **đây là điều Như Lai đã thấy:** "Đây là sắc, đây là sắc tập, đây là sắc diệt; đây là thọ, đây là thọ tập, đây là thọ diệt; đây là tưởng, đây là tưởng tập, đây là tưởng diệt; đây là hành, đây là hành tập, đây là hành diệt; đây là thức, đây là thức tập, đây là thức diệt". **Do vậy ta nói rằng, với sự đoạn trừ, ly tham, đoạn diệt, xả bỏ, vứt bỏ tất cả ảo tưởng tất cả hôn mê, của tất cả ngã kiến, ngã sở kiến, mạn tùy miên, mà Như Lai được giải thoát, không còn chấp thủ.**

– Thừa Tôn giả Gotama, một Tỷ-kheo được tâm giải thoát như vậy sanh khởi chỗ nào?

– Sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi?

– Không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy sanh khởi và không sanh khởi?

– Sanh khởi và không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi và không không sanh khởi?

– Không sanh khởi và không không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Khi được hỏi: "Tôn giả Gotama, vị Tỷ-kheo được tâm giải thoát như vậy sanh khởi tại chỗ nào?", Tôn giả đáp: "Sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng". Khi được hỏi: "Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi?" Tôn giả đáp: "Không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng". Khi được hỏi: "Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy sanh khởi và không sanh khởi?", Tôn giả đáp: "Sanh khởi và không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng". Khi được hỏi: "Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi và không không sanh khởi?", Tôn giả đáp: "Không sanh khởi và không không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng". *Thưa Tôn giả Gotama, tôi trở thành vô tri về điểm này, tôi trở thành mê mờ về điểm này, và một số tin tưởng tôi đã có đối với Tôn giả Gotama do các cuộc đàm thoại lúc trước đem lại,*

nay đã biến mất nơi tôi.

– Nay Vaccha, thôi vừa rồi, vô tri của Ông! Thôi vừa rồi, mê mờ (của Ông)! Nay Vaccha, sâu kín là pháp này, khó thấy, khó giác ngộ, an tịnh, thù thắng, không thể luận bàn, tế nhị, chỉ bậc trí mới hiểu. Thật rất khó cho Ông có thể hiểu được, khi Ông thuộc tri kiến khác, kham nhẫn khác, lý tưởng khác, hành trì khác, Đạo sư khác. Và nay Vaccha, nay Ta trở lại hỏi Ông. Hãy trả lời nếu Ông kham nhẫn. Nay Vaccha, Ông nghĩ thế nào? Nếu một ngọn lửa cháy đỏ trước mặt Ông, Ông có biết: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt tôi?"

– Tôn giả Gotama, nếu một ngọn lửa cháy đỏ trước mặt tôi, tôi có biết: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt tôi".

– Nhưng nếu, nay Vaccha, có người hỏi Ông như sau: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt Ông, ngọn lửa này do duyên gì mà cháy đỏ?", nếu được hỏi vậy, nay Vaccha, Ông trả lời như thế nào?

– Thưa Tôn giả Gotama, nếu có người hỏi tôi như sau: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt Ông, ngọn lửa này do duyên gì mà cháy đỏ?", nếu được hỏi vậy, thưa Tôn giả Gotama, tôi sẽ trả lời như sau: "Ngọn lửa cháy đỏ trước mặt tôi, ngọn lửa này cháy đỏ do

duyên nhiên liệu cỏ và củi".

– Nay Vaccha, nếu ngọn lửa ấy bị tắt trước mặt Ông, Ông có biết: "Ngọn lửa này đã tắt trước mặt tôi?"

– Tôn giả Gotama, nếu ngọn lửa ấy được tắt trước mặt tôi, tôi sẽ biết: "Ngọn lửa này đã tắt trước mặt tôi".

– Nay Vaccha, nếu có người hỏi Ông như sau: "Ngọn lửa này đã tắt trước mặt Ông, ngọn lửa ấy từ đây đã đi về phương hướng nào, phương Đông, phương Tây, phương Bắc, hay phương Nam?", được hỏi vậy, nay Vaccha, Ông trả lời thế nào?

– Không có thể áp dụng ở đây, Tôn giả Gotama. Vì rằng, nay Tôn giả Gotama, ngọn lửa ấy đã cháy vì duyên nhiên liệu cỏ và củi. Khi cỏ và củi ấy hết và vì không có nhiên liệu khác, nên được xem là không có nhiên liệu, đã bị tắt.

– Cũng vậy, nay Vaccha, do sắc pháp này, nhờ đó mà một người nhận biết Như Lai có thể nhận biết được, sắc pháp ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát khỏi cái gọi là **sắc**, nay Vaccha, là Như Lai, thâm

sâu, vô lượng, khó dò đến đáy như đại dương. Khởi lên không có áp dụng, không khởi lên không có áp dụng, khởi lên và không khởi lên không có áp dụng, không khởi lên và không khởi lên không có áp dụng.

Do **thọ** này, nhờ đó mà một người nhân biết Như Lai có thể nhân biết được, thọ ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát khỏi cái gọi là **thọ**, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng khó dò đến đáy đại dương, khởi lên không có áp dụng, không khởi lên không có áp dụng, khởi lên và không khởi lên không có áp dụng, không khởi lên và không khởi lên không có áp dụng.

Do **tưởng** này, nhờ đó mà một người nhân biết Như Lai có thể nhân biết được, tưởng ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát khỏi cái gọi là **tưởng**, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng... (như trên)... không khởi lên và không khởi lên không có áp dụng.

Do những **hành** này nhờ đó mà một người nhân

biết Như Lai có thể nhận biết được, các hành ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát khỏi những cái gọi là **hành**, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng... (như trên)... không khởi lên và không không khởi lên, không có áp dụng.

Do **thức** này, nhờ đó mà một người nhận thức Như Lai có thể nhận thức được, cái thức ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. **Giải thoát khỏi cái gọi là thức, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng, khó dò đến đáy như đại dương, khởi lên không có áp dụng, không khởi lên không có áp dụng, khởi lên và không khởi lên không có áp dụng, không khởi lên và không không khởi lên không có áp dụng.**

Khi được nói vậy, du sĩ ngoại đạo Vacchagotta bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, như một cây tala lớn, không xa làng hay thị trấn, vì vô thường nên cành lá rơi rụng, vỏ và đọt non rơi rụng, giác cây rơi rụng và sau một thời gian, với cành lá rơi rụng, với vỏ và đọt non rơi rụng, với giác cây rơi rụng, cây ấy thuần tịnh

chỉ còn lại lõi cây. Cũng vậy, lời nói này của Tôn giả Gotama, với cành lá rơi rụng, với vỏ và đọt non rụng, với giác cây rơi rụng, lời nói ấy thuần tịnh, chỉ còn lại **lõi cây**.

Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con xin quy y Tôn giả Gotama, quy Pháp và quy y Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

165 Không thể nghĩ được - Kinh KHÔNG CÓ THỂ NGHĨ ĐƯỢC – Tăng I, 706

KHÔNG CÓ THỂ NGHĨ ĐƯỢC – Tăng I, 706

❖ *Có bốn điều này không thể nghĩ đến được, này các Tỷ-kheo, nếu nghĩ đến, thời người suy nghĩ có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ. Thế nào là bốn?*

- *Phật giới của các đức Phật*, này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ đến được, nếu nghĩ đến, thời người suy nghĩ có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ.
- *Thiền giới của người ngồi Thiền*, này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ được, nếu nghĩ đến, thời người suy nghĩ có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ.
- *Quả dị thực của nghiệp*, này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ đến được, nếu nghĩ đến, thời người suy nghĩ có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ.
- *Tâm tư thế giới*, này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ đến được, nếu nghĩ đến thời có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ.

Có bốn điều này không thể nghĩ đến được, này các Tỷ-kheo, nếu nghĩ đến, thời có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ.

166 Không thể nhập vào chánh tánh - Kinh CHUỐNG NGẠI – Tăng III, 250

CHUỐNG NGẠI – Tăng III, 250

1. - Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, **dầu có nghe diệu pháp, không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.**

2. Thế nào là sáu?

- Thành tựu **nghiệp chướng**,
- Thành tựu **phiền não chướng**,
- Thành tựu **dị thực chướng**,
- Không có lòng tin,
- Không có ước muốn,
- Ác tuệ.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, **dầu có nghe pháp, không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.**

3. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, **nếu có nghe diệu pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.**

4. Thế nào là sáu?

- Không thành tựu nghiệp chướng,
- Không thành tựu phiền não chướng,
- Không thành tựu dị thực chướng,
- Có lòng tin,
- Có ước muốn,
- Và có trí tuệ.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, nếu có nghe diệu pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

167 Không thể nhập vào chánh tánh - Kinh KHÔNG ƯA NGHE – Tăng III, 252

KHÔNG ƯA NGHE – *Tăng III*, 252

1. - Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, **dầu được nghe diệu pháp, cũng không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.**

2. Thế nào là sáu?

- Khi Pháp và Luật được Như Lai thuyết giảng, không ưa nghe,
- Không có lòng tai,
- Không có an trú tâm liễu giải,
- Nắm giữ điều không lợi ích,
- Bỏ qua điều lợi ích,
- Không thành tựu tùy thuận nhẫn nhục.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, dầu cho có nghe diệu pháp, không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

3. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, nếu được nghe diệu pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

4. Thế nào là sáu?

- Khi Pháp và Luật được Như Lai thuyết giảng, có ưa nghe,
- Có lóng tai,
- Có an trú tâm liễu giải,
- Nắm giữ điều lợi ích,
- Bỏ qua điều không lợi ích,
- **Thành tựu tùy thuận nhẫn nhục.**

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, nếu được nghe diệu pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

168 Không thể nhập vào chánh tánh - Kinh NGHIỆP CHUỖNG – Tăng III, 251

NGHIỆP CHUỖNG – *Tăng III*, 251

1. - Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, **dầu có nghe diệu pháp, cũng không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.**

2. Thế nào là sáu?

- Đoạn mạng sống của mẹ;
- Đoạn mạng sống của cha;
- Đoạn mạng sống của A-la-hán;
- Với ác tâm làm Như Lai chảy máu;
- Phá hòa hiệp Tăng;
- Ác tuệ, si mê, tâm ngong.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, dầu cho có nghe diệu pháp, không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

3. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, được nghe diệu pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

4. Thế nào là sáu?

- Không đoạn mạng sống của mẹ;
- Không đoạn mạng sống của cha;
- Không đoạn mạng sống của A-la-hán;
- Không với ác tâm làm Như Lai chảy máu;
- Không phá hòa hợp Tăng;
- Có trí tuệ, không si mê, câm ngọng.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, nếu được nghe diệu pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

169 Không thể nhập vào chánh tánh - Kinh NGƯỜI BỆNH – Tăng I, 214

NGƯỜI BỆNH – Tăng I, 214

1. Có mặt ba hạng người bệnh này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, một hạng người bệnh, dầu có được **ăn các món thích hợp** hay không được ăn các món ăn thích hợp, dầu có được các **thuốc men thích hợp** hay không được các thuốc men thích hợp, dầu có được **sự chăm sóc thích đáng** hay không được sự chăm sóc thích đáng, không được bình phục từ chứng bệnh ấy.
- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người bệnh, dầu có được ăn các món thích hợp, hay không được ăn các món ăn thích hợp, dầu có được các thuốc men thích hợp hay không được các thuốc men thích hợp, dầu có được sự chăm sóc thích đáng hay không được sự chăm sóc thích đáng, được bình phục từ chứng bệnh ấy.
- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người bệnh, có được các món ăn thích hợp, không phải không được, có được các thuốc men thích hợp, không phải không được, có được sự chăm sóc

thích đáng, không phải không được, được bình phục từ chứng bệnh ấy.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, hạng người bệnh này, có được các món ăn thích hợp, không phải không được, có được các thuốc men thích hợp, không phải không được, có được sự chăm sóc thích đáng, không phải không được, *được bình phục khỏi chứng bệnh ấy*. Chính do duyên với hạng người bệnh này, này các Tỷ-kheo, các món ăn thích hợp với người bệnh đã được chấp thuận, các thuốc men thích hợp với người bệnh đã được chấp thuận, sự chăm sóc thích đáng với người bệnh đã được chấp thuận. Chính do duyên với hạng người bệnh này, này các Tỷ-kheo, các người bệnh khác cần phải được chăm sóc như vậy.

Ba hạng người bệnh này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

2. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có ba hạng người này, có mặt, xuất hiện ở đời, có thể so sánh với ba hạng người bệnh này.

Thế nào là ba?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được thấy Như Lai hay không được thấy Như Lai, được nghe Pháp và Luật do Như Lai trình bày, hay không được nghe Pháp và Luật do Như Lai trình bày, *không có đi vào tánh quyết định, tánh chơn chánh đối với các Thiện pháp*.

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được thấy Như Lai hay không được thấy Như Lai, được nghe Pháp và Luật do Như Lai trình bày, hay không được nghe Pháp và Luật do Như Lai trình bày, *đi vào tánh quyết định, tánh chơn chánh đối với các Thiện pháp.*
- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được thấy Như Lai, không phải không được thấy, được nghe Pháp và Luật do Như Lai trình bày, không phải không được nghe Pháp và Luật do Như Lai trình bày, *đi vào tánh quyết định, tánh chơn chánh đối với các Thiện pháp.*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được thấy Như Lai, không phải không được thấy, được nghe Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, không phải không được nghe, **đi vào tánh quyết định, tánh chơn chánh đối với các Thiện pháp.** *Chính do duyên hạng người này, này các Tỷ-kheo, thuyết pháp được chấp nhận, và chính do duyên hạng người này, này các Tỷ-kheo, pháp được thuyết giảng cho các người khác.*

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời được ví dụ với ba hạng người bệnh.

170 Không thể nhập vào chánh tánh - Kinh QUYẾT ĐỊNH TÁNH VỀ DIỆU PHÁP 1 – Tăng II, 595

QUYẾT ĐỊNH TÁNH VỀ DIỆU PHÁP 1 – *Tăng* II, 595

1. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một người nghe diệu pháp không có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

2. Thế nào là năm?

- Khinh lời thuyết giảng,
- Khinh người thuyết giảng,
- Khinh tự mình,
- Nghe pháp với tâm tán loạn,
- Không nhứt tâm và không như lý tác ý.

Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, người nghe diệu pháp không có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

3. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một người nghe diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

4. Thế nào là năm?

- Không khinh lời thuyết giảng,
- Không khinh người thuyết giảng,
- Không khinh tự mình,
- Nghe pháp với tâm không tán loạn,
- Nhứt tâm và như lý tác ý.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, người nghe diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

QUYẾT ĐỊNH TÁNH VỀ DIỆU PHÁP 2 – Tăng II, 596

1. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một người nghe diệu pháp không có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

2. Thế nào là năm?

- Khinh lời thuyết giảng,
- Khinh người thuyết giảng,
- Khinh tự mình,
- Ác tuệ, đần độn, cầm điếc,
- Không tác ý hiểu biết đối với những vấn đề không hiểu biết.

3. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một người nghe diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

4. Thế nào là năm?

- Không khinh lời thuyết giảng,
- Không khinh người thuyết giảng,
- Không khinh tự mình,
- Có trí tuệ, không đần độn, không căm điếc,
- Tác ý hiểu biết đối với những vấn đề không hiểu biết.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, người nghe diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

QUYẾT ĐỊNH TÁNH VỀ DIỆU PHÁP 3 – Tăng II, 597

1. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một người nghe diệu pháp không có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

2. Thế nào là năm?

- Nghe pháp với tâm chê bai, với tâm bị chê bai ám ảnh;
- Nghe pháp với tâm cật nạn, tìm tòi khuyết điểm;
- Trong khi pháp giảng, tâm bị choáng váng, bị chai sạn;
- Ác tuệ, đần độn, căm điếc,
- Không tác ý hiểu biết đối với những vấn đề không hiểu biết.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một người nghe diệu pháp không có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

3. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một người nghe diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

4. Thế nào là năm?

- Nghe pháp với tâm không chê bai, không bị chê bai ám ảnh;
- Nghe pháp với tâm không cật nạn, không tìm tòi khuyết điểm;
- Trong khi pháp giảng, tâm không bị choáng váng, không bị chai sạn;
- Có trí tuệ, không đần độn, không căm điếc,

- Tác ý hiểu biết đối với những vấn đề không hiểu biết.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, người nghe diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

171 Không thể nhập vào chánh tánh - Kinh VÔ THƯỜNG – Tăng III, 259

VÔ THƯỜNG – Tăng III, 259

1. - Thật vậy, này các Tỷ-kheo,
 - *Vị Tỷ-kheo nào thấy bất cứ **hành** nào là thường còn, sẽ thành tựu được **nhẫn nhục** tùy thuận, sự kiên này không xảy ra.*
 - Không thành tựu nhẫn nhục tùy thuận, *sẽ **nhập vào chánh tánh quyết định***, sự kiện này không thể xảy ra.
 - Không nhập vào chánh tánh quyết định, *sẽ **chứng ngộ quả Dự lưu, hay quả Nhất Lai, hay quả Bất lai, hay quả A-la-hán***, sự kiên này không xảy ra.
2. Thật vậy, này các Tỷ-kheo,
 - Tỷ-kheo nào thấy bất cứ hành nào là vô thường, sẽ thành tựu được nhẫn nhục tùy thuận, sự kiên này có xảy ra.
 - Thành tựu nhẫn nhục tùy thuận, sẽ nhập vào chánh tánh quyết định, sự kiện này có xảy ra.
 - Nhập vào chánh tánh quyết định, sẽ chứng ngộ quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất lai, hay quả A-la-hán, sự kiên này có xảy ra.

KHỔ – 260tc3

- Thật vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào thấy bất cứ hành nào là lạc, sẽ thành tựu... (như trên với những thay đổi cần thiết)

VÔ NGÃ – 260tc3

- Thật vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào thấy bất cứ hành nào là ngã, sẽ thành tựu... (như kinh 98 với những thay đổi cần thiết).

NIẾT BÀN – 260tc3

- Thật vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào thấy Niết-bàn là khổ, sẽ thành tựu được nhĩn nhục tùy thuận, sự kiện này không xảy ra... (như kinh 98 với những thay đổi cần thiết.)

172 Không thể thêm bớt Chánh pháp, nếu thêm bớt là THẤY MÀ KHÔNG THẤY - Kinh THANH TỊNH – 29 Trường II, 441

KINH THANH TỊNH
– Bài kinh số 29 – Trường II, 441

Như vậy tôi nghe.

1. Một thời, Thế Tôn trú giữa giòng tộc Sakya (Thích ca) trong vườn xoài của một gia đình Thích ca tên là Vedhannà.

Lúc bấy giờ, Nigantha Nàthaputta vừa mới tạ thế ở Pàvā.

Sau khi vị này tạ thế, các vị Nigantha chia ra làm hai phái, chia rẽ nhau, tranh chấp nhau, tranh luận nhau và sống tàn hại nhau với binh khí bằng miệng - "Người không biết pháp luật này, ta biết pháp luật này. Sao Người có thể biết pháp luật này? Người theo tà hạnh, ta theo chánh hạnh. Lời nói của ta tương ưng, lời nói Người không tương ưng. Điều đáng nói trước, Người nói sau; điều đáng nói sau, Người nói

trước. Điều Người quan niệm trình bày, đã bị đảo lộn. Quan điểm của Người đã bị thách đố. Người đã bị đánh bại. Hãy đi giải tỏa quan điểm của Người! Hãy tự thoát khỏi bế tắc nếu Người có thể làm được." Hình như các đệ tử của Nigantha Nàthaputta muốn tàn hại lẫn nhau. Chính các đệ tử cư sĩ mặc đồ trắng của Nigantha Nàthaputta cũng chán ngấy, cơ hiềm, và phản đối các vị Nigantha, vì pháp luật của họ đã được trình bày, tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết, pháp y chỉ đã bị đổ vỡ, không có chỗ y chỉ.

2. Rồi Sa di Cunda, sau khi an cư mùa mưa ở Pàvā đến thăm tôn giả Ananda ở Sāmāgama, sau khi đến, đánh lễ tôn giả Ananda và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên. Sa di Cunda bạch tôn giả Ananda:

- Bạch Tôn giả, Nigantha Nàthaputta đã từ trần ở Pàvā sau khi vị này tạ thế, các Nigantha chia ra làm hai phái... **Pháp y chỉ đã bị đổ vỡ, không có chỗ y chỉ.**

Khi nghe nói vậy, tôn giả Ananda nói với Sa di Cunda:

- Nay Hiền giả Cunda, đây là vấn đề đáng đưa ra để

yết kiến Thế Tôn. Này Hiền giả Cunda, chúng ta hãy đi yết kiến Thế Tôn; sau khi đến xong, chúng ta hãy trình bày vấn đề này để Thế Tôn biết.

- Bạch Tôn giả, vâng!

- Sa di Cunda vâng lời tôn giả Ananda.

3. Rồi tôn giả Ananda cùng với Sa di Cunda, đi đến yết kiến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Sa di Cunda có nói: "Nigantha Nàthaputta đã từ trần ở Pàvā. Sau khi vị này từ trần, các vị Nigantha chia ra làm hai phái... Pháp y chỉ đã bị đổ vỡ, không có chỗ y chỉ."

- Này Cunda, như vậy ở đây pháp luật đã được trình bày tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết.

4. Này Cunda, ở đây có vị đạo sư không phải là Chánh Đẳng Giác, có pháp luật đã được trình bày tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết. Và người đệ tử trong

pháp này, không thành tựu và an trú trong pháp và tùy pháp, không sống đúng chánh hạnh, không sống đúng tùy pháp, sống vượt ra ngoài pháp. Người đệ tử ấy cần được nói như sau: "Này Hiền giả, thật là lợi ích cho Ngươi. Thật khéo chứng đắc cho Ngươi. Đạo sư của Ngươi không phải là vị Chánh Đẳng Giác. Pháp của Ngươi đã được trình bày, tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Và Ngươi trong pháp này, không thành tựu và an trú trong pháp và tùy pháp, không sống đúng chánh hạnh, không sống đúng tùy pháp, vượt ra ngoài pháp.

→ Này Cunda, như vậy ở đây, vị đạo sư đáng quả trách, ở đây pháp đáng quả trách, nhưng ở đây đệ tử đáng tán thán. Này Cunda, với vị đệ tử như vậy, nên nói như sau: "Này Đại đức, dầu Đại đức thực hành đúng như pháp vị đạo sư đã dạy và trình bày, ai có suy tầm, ai có bị suy tầm, ai có suy tầm rồi như thực thi hành, tất cả đều không có phước báo. Vì sao vậy? Vì pháp luật đã được trình bày tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết."

5. Này Cunda, ở đây, vị đạo sư không là vị Chánh

Đẳng Giác, và pháp được trình bày tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết, và vị đệ tử trong pháp này, sống thành tựu pháp và tùy pháp, sống theo chánh hạnh, sống đúng tùy pháp, sống luận theo pháp. Người này nên được nói như sau: *"Này Hiền giả, thật không lợi ích cho Ngươi, thật không khéo chứng đắc cho Ngươi. Vị đạo sư của Ngươi không là vị Chánh Đẳng Giác và pháp được trình bày tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết, những người trong pháp này sống thành tựu pháp và tùy pháp, sống theo chánh hạnh, sống đúng tùy pháp, sống thuận theo pháp"*.

→ Này Cunda, ở đây vị đạo sư đáng quả trách, ở đây pháp đáng quả trách, ở đây vị đệ tử cũng đáng quả trách. Này Cunda, với vị đệ tử như vậy, có ai, nên nói như sau: "Thật vậy, Đại đức thành tựu theo chánh hạnh, tinh tấn trong chánh hạnh, người khen, người được khen, người được khen như vậy lại càng tinh tấn hơn nữa, tất cả đều không được phước đức." Vì sao vậy? Này Cunda, vì pháp được trình bày tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết.

6. Nay Cunda, ở đây vị đạo sư là vị Chánh Đăng Giác, pháp được khéo giảng và trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đăng Giác tuyên thuyết. Vị đệ tử trong pháp này sống không thành tựu pháp và tùy pháp, sống không theo chánh hạnh, sống không đúng tùy pháp, sống không thuận theo pháp. Vị đệ tử ấy cần phải được nói: "Này Hiền giả, thật không lợi ích cho Ngươi, thật không khéo chứng đắc cho Ngươi. Vị đạo sư của Ngươi là vị Chánh Đăng Giác, pháp được khéo tuyên bố trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đăng Giác tuyên thuyết. Nhưng Ngươi trong pháp này sống không thành tựu pháp, sống không theo chánh hạnh, sống không đúng tùy pháp, sống không thuận theo pháp."

→ Nay Cunda, ở đây vị đạo sư đáng được tán thán, ở đây pháp đáng được tán thán, ở đây vị đệ tử đáng quả trách. Nếu có ai, hãy nói với vị đệ tử ấy như sau: "Đại đức hãy thực hành đúng như pháp do vị đạo sư của Đại đức trình bày và tuyên thuyết. Ai có điều tra, ai có bị điều tra, ai có bị điều tra rồi như thực thi hành, tất cả đều được phước báo". Vì sao vậy? Nay Cunda, pháp luật này khéo thuyết khéo trình bày là như vậy, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đăng Giác tuyên thuyết.

7. Nay Cunda ở đây vị đạo sư là Chánh Đẳng Giác, và pháp được khéo tuyên thuyết, khéo trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết, và vị đệ tử trong pháp này sống thành tựu pháp và tùy pháp, sống thành tựu chánh hạnh, sống đúng tùy pháp, sống thuận theo pháp. Nếu có ai, hãy nói vị đệ tử ấy nói như sau: "Này Hiền giả, thật là lợi ích cho Ngươi, thật khéo chứng đắc cho Ngươi. Vị đạo sư của Ngươi là vị A la hán Chánh Đẳng Giác, pháp được khéo tuyên thuyết, được khéo trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết. Và Ngươi trong pháp này sống thành tựu pháp và tùy pháp, sống thành tựu chánh hạnh, sống đúng tùy pháp, sống thuận theo pháp".

→ Nay Cunda, như vậy ở đây vị đạo sư đáng được tán thán, ở đây pháp đáng được tán thán, ở đây vị đệ tử cũng đáng được tán thán. Nay Cunda, nếu có ai, hãy nói vị đệ tử ấy như sau: "Thật vậy, Đại đức thành tựu như pháp, tinh tấn như pháp, người khen, người được khen, người được khen như vậy lại càng tinh tấn thực hành, tất cả đều được nhiều công đức". Vì sao vậy? Nay Cunda, vì pháp luật được khéo tuyên thuyết, khéo trình bày như vậy, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết.

8. Nay Cunda, ở đây vị đạo sư xuất hiện ở đời, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, và pháp được khéo tuyên thuyết, được khéo trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết. Và các vị đệ tử chưa được tinh thông diệu pháp, và phạm hạnh hoàn toàn viên mãn chưa được tỏ lộ cho các vị này, chưa được trình bày rõ ràng, với tất cả thứ bậc vị trí liên hệ, chưa được trở thành diệu dụng, chưa được khéo trình bày cho loài Người, và vị đạo sư viên tịch. Nay Cunda, đối với vị đạo sư như vậy, nếu viên tịch, các đệ tử sẽ ưu tư rất nhiều. Vì sao vậy? Vì đạo sư của chúng ta xuất hiện ở đời, và pháp được khéo tuyên thuyết, khéo trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết. Nhưng chúng ta chưa được tinh thông diệu pháp, và phạm hạnh hoàn toàn viên mãn chưa được tỏ lộ cho chúng ta với tất cả thứ bậc, vị trí liên hệ, chưa được trở thành diệu dụng, chưa được khéo trình bày cho loài Người, và vị đạo sư của chúng ta viên tịch. Nay Cunda, vì Đạo sư như vậy có viên tịch, các đệ tử có sự ưu tư.

9. Nay Cunda, ở đây vị đạo sư xuất hiện ở đời, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, pháp được khéo tuyên bố và được khéo trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác tuyên

thuyết. Và các vị đệ tử được tinh thông diệu pháp, và Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn được tỏ lộ cho các vị ấy với tất cả thứ bậc vị trí liên hệ, được trở thành diệu dụng, được khéo trình bày cho loài Người, và vị đạo sư của những vị ấy viên tịch. Này Cunda, vị đạo sư như vậy có viên tịch, các đệ tử không có ưu tư. Vì có sao? Vị đạo sư của chúng ta xuất hiện ở đời là bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, pháp được khéo tuyên thuyết, được khéo trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, được vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết. Còn chúng ta được tinh thông diệu pháp, và phạm hạnh hoàn toàn viên mãn được tỏ lộ cho chúng ta biết với tất cả thứ bậc vị trí liên hệ, được trở thành diệu dụng, được khéo trình bày cho loài Người, và vị Đạo sư của chúng ta viên tịch. Này Cunda, vị đạo sư như vậy có viên tịch, các đệ tử không có ưu tư.

10. Này Cunda, nếu Phạm hạnh được đầy đủ những chi phần như vậy, nếu không có một vị đạo sư là một vị Thượng tọa có nhiều kinh nghiệm, xuất gia lâu ngày, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi trưởng thành, một phạm hạnh như vậy được xem là không viên mãn, trong trường hợp như vậy.

Này Cunda, nếu Phạm hạnh được đầy đủ những chi phần như vậy, và nếu có vị đạo sư là một vị Thượng tọa có nhiều kinh nghiệm, xuất gia lâu ngày, đã đến

tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi trưởng thành, một Phạm hạnh như vậy được xem là viên mãn, trong trường hợp như vậy.

11. Nay Cunda, nếu Phạm hạnh được đầy đủ những chi phần như vậy, và có vị đạo sư là vị Thượng tọa có nhiều kinh nghiệm, xuất gia lâu ngày, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi trưởng thành, **nhưng không có các vị Thượng tọa Tỷ kheo, những vị đệ tử là những vị sáng suốt, tự điều phục, vô úy, đa văn, đã đạt đến sự an ổn, có thể thuyết diệu pháp, với giáo lý ngoại đạo được khởi lên có thể khéo nhiếp phục với giáo pháp của mình, có thể thuyết diệu pháp bát tư nghị; như vậy Phạm hạnh này không thể viên mãn bởi chi tiết này.**

12. Nay Cunda, khi nào Phạm hạnh được đầy đủ về những phương diện này, vị đạo sư là vị Thượng tọa, có nhiều kinh nghiệm, xuất gia đã lâu ngày, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi trưởng thành, và những vị Thượng tọa Tỷ kheo, những vị đệ tử... nếu không có các vị Trung lạc Tỷ kheo, những vị đệ tử... có các vị Trung lạc Tỷ kheo, những vị đệ tử... nhưng nếu không có các vị Hạ lạc Tỷ kheo, những vị đệ tử... có các Hạ lạc Tỷ kheo, những vị đệ tử... nhưng nếu không có các vị Trưởng lão Tỷ kheo ni, các vị đệ tử... nhưng nếu không có các vị Trung lạc Tỷ kheo ni, các

vị đệ tử... nhưng nếu không có các vị Hạ lạc Tỷ kheo ni, các vị đệ tử... có các vị Hạ lạc Tỷ kheo ni, các vị đệ tử... nhưng nếu không có Nam cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh... có những Nam cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh... nhưng nếu không có những Nam cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc... có những Nam cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc... nhưng nếu không có những Nữ cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh... có những Nữ cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh... nhưng nếu không có những Nữ cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc... có những Nữ cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng chấp nhận dục lạc ...Phạm hạnh như vậy nếu không được thành công, hưng thịnh, phát triển và phổ thông một cách rộng rãi, khéo tuyên bố giữa các người, nhưng không đạt được danh xưng và lợi dưỡng một cách tối thắng, Phạm hạnh như vậy không được viên mãn về phương diện này.

13. Này Cunda, khi nào Phạm hạnh được đầy đủ với những phương diện này, vị đạo sư là Thượng tọa có nhiều kinh nghiệm, xuất gia đã lâu ngày, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi trưởng thành, và những

vị Thượng tọa là những bậc Tỷ kheo, những vị đệ tử sáng suốt, tự điều phục... thuyết pháp diệu dụng, có Trung lạc Tỷ kheo đệ tử, có Hạ lạc Tỷ kheo đệ tử, có Trưởng lão Ni đệ tử, có Trung lạc Ni đệ tử, có Hạ lạc Ni đệ tử, có Nam cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh, có Nam cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc, có Nữ cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh, có những vị Nữ cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc; Phạm hạnh như vậy được thành công, hưng thịnh, phát triển, và phổ thông một cách rộng rãi, khéo tuyên bố giữa các người, đạt được danh xưng và lợi dưỡng một cách tối thắng, Phạm hạnh như vậy được viên mãn về phương diện này.

14. Nay Cunda, **nay Ta hiện tại là bậc Đạo sư xuất hiện ở đời, là bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, và pháp được khéo tuyên bố, khéo trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, được vị Chánh Đẳng Giác trình bày, và các vị đệ tử của Ta tinh thông diệu pháp, và Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn được tỏ lộ với tất cả thứ bậc vị trí liên hệ, được trở thành diệu dụng, được khéo trình bày cho loài Người.** Nay Cunda, nay Ta là vị Đạo sư Trưởng lão, có nhiều kinh nghiệm, xuất gia đã lâu ngay, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi

trưởng thành.

15. Nay Cunda, nay Ta có những vị Thượng tọa Tỷ kheo đệ tử sáng suốt, tự biết điều phục, vô úy, đa văn, đã đạt đến sự an ổn, có thể thuyết diệu pháp, đối với giáo lý ngoại đạo được khởi lên, có thể khéo chiết phục với giáo pháp của mình, có thể thuyết diệu pháp bất khả tư nghì. Nay Cunda, Ta lại có những Trung lap Tỷ kheo sáng suốt. Nay Cunda, nay Ta có những vị Hạ lap Tỷ kheo đệ tử. Nay Cunda, nay Ta có những vị Trưởng lão Tỷ kheo ni đệ tử. Nay Cunda, nay Ta có những vị Trung lap Tỷ kheo ni đệ tử. Nay Cunda, nay Ta có những vị Hạ lap Tỷ kheo ni đệ tử. Nay Cunda, nay Ta có những vị Nam cư sĩ, là những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh. Nay Cunda, nay Ta có những vị Nam cư sĩ, là những vị tại gia mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc. Nay Cunda, nay Ta có những vị Nữ cư sĩ, là những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh. Nay Cunda, nay Ta có những vị Nữ cư sĩ là những vị tại gia, mặc áo trắng chấp nhận dục lạc...

Nay Cunda, nay Phạm hạnh của Ta được thành công, hưng thịnh, phát triển, và phổ thông một cách rộng rãi, khéo tuyên bố giữa mọi người.

16. Nay Cunda, đối với tất cả những vị đạo sĩ nay

xuất hiện ở đời; này Cunda, Ta không thấy một vị đạo sư nào khác có thể bằng Ta về phương diện lợi dưỡng và danh xưng tối thượng.

Này Cunda, đối với tất cả các đoàn thể, các hội chúng nay xuất hiện ở đời; này Cunda, Ta không thấy một đoàn thể nào khác có thể bằng đoàn thể Tỷ-kheo về phương diện lợi dưỡng và danh xưng tối thượng.

Nếu có ai, khi tả một Phạm hạnh, thành tựu hết thấy tướng, không thiếu sót, không quá đáng, được khéo tuyên bố một cách viên mãn, vị ấy nếu tuyên bố đúng đắn sẽ tuyên bố như sau: "Thành tựu hết thấy tướng... Phạm hạnh được khéo tuyên bố".

Này Cunda, Uddaka con của Ràma thường nói: "Thấy mà không thấy". Thấy cái gì mà không thấy? Với một con dao sắc bén, chỉ thấy lưỡi dao không thấy khía cạnh sắc bén của dao. Này Cunda, đây là nghĩa của câu: "Thấy mà không thấy". Này Cunda, ở đây Uddaka con của Ràma đề cập đến một vật đề tiện, hạ liệt, thuộc về phàm phu, không xứng bậc Thánh, không có lợi ích, nói về con dao.

❖ Này Cunda, nếu nói đúng đắn câu **"Thấy mà không thấy"**, thời phải nói như sau: "Thấy mà không thấy". Vị ấy thấy cái gì mà không thấy?

→ Một Phạm hạnh, thành tựu hết thấy tướng, đầy đủ hết thấy tướng, không thiếu sót, không quá đáng, được khéo tuyên bố một cách viên mãn, được khéo trình bày. Chính vị ấy thấy Phạm hạnh này.

- Nếu vị ấy trừ bớt một phương diện nào tại một chỗ nào, nghĩ rằng làm vậy sẽ được rõ ràng hơn, vị ấy sẽ không thấy gì.
- Nếu vị ấy thêm vào một phương diện nào tại chỗ nào, nghĩ rằng làm vậy sẽ được rõ ràng hơn, vị ấy sẽ không thấy gì.
- Nếu vị ấy thêm vào một phương diện nào tại chỗ nào, nghĩ rằng làm vậy được viên mãn hơn, vị ấy sẽ không thấy gì.

→ Như vậy gọi là "Thấy mà không thấy".

❖ Nay Cunda, nếu có ai khi tả một Phạm hạnh thành tựu hết thấy tướng... Phạm hạnh được khéo tuyên bố, vị ấy sẽ tuyên bố đúng đắn như sau: "**Phạm hạnh này thành tựu hết thấy tướng, cụ túc hết thấy tướng, không thiếu thốn, không quá đáng, được khéo tuyên bố một cách viên mãn, được khéo trình bày**".

17. Do vậy, này Cunda, **những pháp do Ta tự chứng tri và tuyên bố cho các Người, tất cả các Người hãy hội họp lại và tụng đọc lại, chớ có cãi lộn nhau**, nhưng hãy so sánh các nghĩa với nhau, các câu với nhau để cho Phạm hạnh này được tồn tại lâu dài, được an trú lâu dài, vì hạnh phúc cho muôn loài, vì an lạc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì an lạc cho chư Thiên và cho loài Người.

Này Cunda, thế nào là những pháp do Ta tự chứng tri và tuyên bố cho các Người, tất cả các Người hãy hội họp lại và tụng đọc lại, chớ có cãi lộn nhau, nhưng hãy so sánh các nghĩa với nhau, các câu với nhau, để cho Phạm hạnh này được tồn tại lâu dài, được an trú lâu dài, vì hạnh phúc cho muôn loài, vì an lạc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì an lạc cho chư Thiên và cho loài Người?

→ Những pháp ấy là **Bốn Niệm xứ, Bốn Chánh cần, Bốn Như ý túc, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Giác chi, Tám Thánh đạo**. Này Cunda, những pháp ấy do Ta tự chứng tri và tuyên bố cho các Người, tất cả Người hãy hội họp lại và tụng đọc lại, chớ có cãi lộn nhau, nhưng hãy so sánh các nghĩa với nhau, các câu với nhau, để cho Phạm hạnh này được tồn tại lâu dài, được

an trú lâu dài, vì hạnh phúc của muôn loài, vì an lạc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì an lạc cho chư Thiên và cho loài Người.

18. Nay Cunda, các Người hãy hội họp với nhau trong tinh thần hòa đồng và tương kính, không có tranh luận nhau. Có vị đồng phạm hạnh nói pháp giữa Tăng chúng. Nếu các Người nghĩ rằng "**Vị Đại đức này nắm nghĩa sai lạc hay hành văn sai lạc**", các Người không nên tán thán, không nên bác bỏ. Không tán thán không bác bỏ, các Người nên nói với vị ấy:

"Này Hiền giả, với nghĩa này, cách hành văn này hay cách hành văn kia, cách nào thích hợp hơn? Giữa những cách hành văn này, nghĩa này hay nghĩa kia, nghĩa nào thích hợp hơn?" Nếu vị ấy trả lời: "Này Hiền giả, với nghĩa này, cách hành văn này thích hợp hơn cách hành văn kia. Giữa những cách hành văn này, nghĩa này thích hợp hơn nghĩa kia", các Người không nên bác bỏ vị ấy, không nên phỉ báng vị ấy. Không bác bỏ, không phỉ báng, các Người phải giải thích cho vị ấy một cách cẩn thận cả nghĩa lẫn hành văn.

19. Lại nữa này Cunda, có vị đồng Phạm hạnh khác nói pháp giữa Tăng chúng. Nếu các Người nghĩ rằng:

"Vị Đại đức ấy nắm nghĩa sai lạc nhưng hành văn đúng đắn", các Người không nên tán thán, không nên bác bỏ. Không tán thán, không bác bỏ, các người nên nói với vị ấy: "Này Hiền giả, giữa những cách hành văn này, nghĩa này hay nghĩa kia, nghĩa nào thích hợp hơn?" Nếu vị ấy trả lời: "Này Hiền giả, giữa những cách hành văn này, nghĩa này thích hợp hơn nghĩa kia", các Người không nên bác bỏ, không phỉ báng, các Người phải giải thích một cách cẩn thận ý nghĩa đúng đắn cho vị ấy.

20. Này Cunda, có vị đồng Phạm hạnh khác nói pháp giữa Tăng chúng. Nếu các Người nghĩ rằng: "Vị Đại đức này nắm nghĩa đúng đắn, nhưng hành văn sai lạc", các Người không nên tán thán, không nên bác bỏ. Không tán thán không bác bỏ, các Người nên nói với vị ấy: "Này Hiền giả, giữa những cách hành văn này, nghĩa này hay nghĩa kia, nghĩa nào thích hợp hơn?" Nếu vị ấy trả lời: "Giữa những cách hành văn này, nghĩa này thích hợp hơn nghĩa kia", các Người không nên bác bỏ vị ấy, không nên phỉ báng vị ấy. Không bác bỏ, không phỉ báng, các người phải giải thích một cách cẩn thận cách hành văn cho vị ấy.

21. Này Cunda, có vị đồng Phạm hạnh khác nói pháp giữa Tăng chúng, nếu các Người nghĩ rằng: "Vị Đại đức này nắm nghĩa đúng đắn và hành văn đúng đắn",

các Người nên tán đồng và tán thán vị ấy với câu: "Thật là tốt đẹp", các Người phải nói với vị ấy: "Thật là tốt đẹp", các Người phải nói với vị ấy: "Này Hiền giả thật là lợi ích cho chúng tôi, này Hiền giả thật là lợi ích cho chúng tôi; này Hiền giả, thật là may mắn cho chúng tôi; này Hiền giả, thật là may mắn cho chúng tôi, khi chúng tôi thấy một vị đồng Phạm hạnh như Hiền giả, tinh thông nghĩ lý như vậy, tinh thông hành văn như vậy".

22. Này Cunda, một pháp mới, Ta thuyết giảng để ngăn chặn các lậu hoặc ngay trong hiện tại. Này Cunda, Ta không thuyết pháp, chỉ để diệt trừ các lậu hoặc trong tương lai mà thôi. Này Cunda, Ta thuyết pháp vừa để ngăn chặn các lậu hoặc ngay trong hiện tại mà cũng để diệt trừ các lậu hoặc trong tương lai nữa.

→ Do vậy, này Cunda, **tám y** mà Ta cho phép các Người mặc, như vậy vừa đủ cho các Người ngăn chặn lạnh, ngăn chặn nóng, ngăn chặn sự xúc chạm của các loài ruồi muỗi, của gió, mặt trời và các loài rắn, và các che dấu sự hổ thẹn.

→ Các **món ăn khát thực** mà Ta cho phép các Người dùng, như vậy vừa đủ để nuôi dưỡng thân thể, giúp thân thể sống còn, tránh khỏi

nguy hại và giúp đời sống Phạm hạnh với hy vọng: "Như vậy ta diệt trừ các cảm thọ củ và không cho khởi lên các cảm thọ mới. Nhờ vậy đời sống của ta mới khỏi bị lỗi lầm và ta sống an lạc"

→ **Nhà cửa** mà ta cho phép các người an trú như vậy vừa đủ cho các Người ngăn chặn lạnh, ngăn chặn nóng, ngăn chặn sự xúc chạm của ruồi muỗi, gió, mặt trời và các loài rắn, chỉ với mục đích tránh thoát sự nguy hiểm của thời tiết, và an hưởng đời sống tịnh cư.

→ Các **được phẩm và thuốc trị bệnh** mà Ta cho phép các Người dùng, như vậy vừa đủ để ngăn chặn các cảm thọ đau ốm khởi lên và để gìn giữ sức khỏe.

23. Nay Cunda, sự kiện này có thể xảy ra, các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "*Các Sa-môn Thích tử sống đam mê hỷ lạc*".

→ Nay Cunda, nếu được nói như vậy, các du sĩ ngoại đạo phải được trả lời như vậy: "Này Hiền giả, thế nào là đam mê hỷ lạc? Đam mê hỷ lạc có nhiều loại, có nhiều cách". Nay Cunda, **bốn loại đam mê hỷ lạc này là thấp kém, hạ liệt, thuộc phạm phu, không xứng Thánh hạnh**, không có lợi ích, không

hướng đến yếm ly, vô tham, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn.

Thế nào là bốn?

- Nay Cunda, ở đây có người ngu si, sau khi sát sanh, tự mình sung sướng hoan hỷ, đó là hỷ lạc thứ nhất.
- Lại nữa, nay Cunda, ở đây có người sau khi lấy của không cho, tự mình sung sướng, hoan hỷ, đó là hỷ lạc thứ hai.
- Lại nữa nay Cunda, ở đây có người sau khi nói láo, tự mình sung sướng hoan hỷ, đó là hỷ lạc thứ ba.
- Lại nữa nay Cunda, ở đây có người say đắm, đam mê sống vây quanh với năm món dục lạc, đó là hỷ lạc thứ tư.

Nay Cunda, bốn loại hỷ lạc này là thấp kém, hạ liệt, thuộc phạm phu, không xứng Thánh hạnh, không có lợi ích, không hướng đến yếm ly, vô tham, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn.

24. Nay Cunda, sự kiện này có thể xảy ra, các ngoại đạo có thể hỏi: "*Các Sa-môn Thích tử có phải sống đam mê bốn loại hỷ lạc này không?*"

→ Họ cần phải được trả lời: "Chớ có nói như vậy. Các ông nói như vậy là nói không đúng đắn. Nói như vậy là các ông xuyên tạc, không đúng sự thật, không thực có". Này Cunda, có bốn loại hỷ lạc nhất định đưa đến yểm ly, vô tham, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Thế nào là bốn?

- Này Cunda, ở đây vị Tỷ-kheo, ly dục, ly ác pháp, chứng và an trú Sơ thiền, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm, với tứ. Đó là hỷ lạc thứ nhất.
- Lại nữa này Cunda, vị Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tình nhất tâm. Đó là hỷ lạc thứ hai.
- Lại nữa này Cunda, vị Tỷ-kheo ly hỷ... Đó là hỷ lạc thứ ba.
- Lại nữa này Cunda, vị Tỷ-kheo xả lạc... Đó là hỷ lạc thứ tư. Này Cunda, bốn loại hỷ lạc nhất định đưa đến yểm ly, vô tham, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Các vị Sa-môn Thích tử đang sống đam mê bốn loại hỷ lạc này". Họ cần phải được trả lời: "Nói như vậy là phải; các ông nói như vậy là

nói đúng đắn. Nói như vậy là các ông không xuyên tạc, đúng sự thật, và thực có".

25. Nay Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "*Này Hiền giả, những ai sống đam mê theo bốn loại hỷ lạc ấy có thể mong đợi kết quả gì, lợi ích gì?*"

→ Được nói vậy, phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo như sau: "Này Hiền giả, những ai sống đam mê bốn loại hỷ lạc ấy, có thể mong đợi bốn kết quả, bốn sự lợi ích. Thế nào là bốn?"

- Này Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo diệt trừ ba kiết sử, **được nhập vào dòng Thánh**, không còn bị đọa lạc, nhất định sẽ được giác ngộ. Đó là kết quả thứ nhất.
- Lại nữa này Hiền giả, vị Tỷ-kheo diệt trừ ba kiết sử, làm muội lược tham, sân, si, chứng **bậc Nhất lai**, chỉ còn trở lại đời này một lần nữa trước khi diệt tận khổ đau. Đó là kết quả thứ hai, lợi ích thứ hai.
- Lại nữa, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo **diệt trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh** ở tại chỗ ấy mà nhập Niết-bàn, không còn phải trở lại đời này nữa. Như vậy là kết quả thứ ba, lợi ích thứ ba.

- Lại nữa, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo **diệt trừ các lậu hoặc**, tự mình chứng tri, chứng ngộ và an trú ngay trong hiện tại vô lậu Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Như vậy là kết quả thứ tư.

Này Hiền giả, vị nào sống đắm mê bốn loại hỷ lạc này, có thể mong đợi bốn kết quả, bốn lợi ích như vậy".

26. Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "*Các Sa-môn Thích tử sống không giữ vững lập trường*".

Này Cunda, các vị du sĩ ngoại đạo nói vậy cần phải được trả lời như sau: "Này Hiền giả, Thế Tôn, vị đã biết, đã thấy, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã thuyết, đã trình bày những pháp cho các đệ tử cho đến trọn đời. *Này Hiền giả, giống như cột trụ bằng đá hay bằng sắt, chân cột được khéo chôn sâu vào đất, không lắc qua lại, không có rung động.*

Này Hiền giả, vị Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, đã diệt trừ các lậu hoặc, phạm hạnh đã thành, các việc phải làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, mục tiêu đã đạt, hữu kiết sử đã diệt trừ, chánh trí giải thoát, không thể làm chín việc sau đây:

1. Này Hiền giả, vị Tỷ-kheo đã diệt trừ các lậu

hoặc, không thể cố ý tước đoạt sanh mạng của loài hữu tình;

2. Vị Tỷ-kheo đã diệt trừ các lậu hoặc không thể lấy của không cho, tức là ăn trộm;
3. Vị Tỷ-kheo đã diệt trừ các lậu hoặc không thể hành dâm;
4. Vị Tỷ-kheo đã diệt trừ các lậu hoặc, không thể biết mà nói láo;
5. Vị Tỷ-kheo đã diệt trừ các lậu hoặc không thể cất chứa tiền của để hưởng thọ dục lạc, như khi còn tại gia;
6. Vị Tỷ-kheo đã diệt tận các lậu hoặc không thể đi con đường hành tham;
7. Vị Tỷ-kheo đã diệt tận các lậu hoặc không thể đi con đường hành sân;
8. Vị Tỷ-kheo đã diệt tận các lậu hoặc, không thể đi con đường hành si;
9. Vị Tỷ-kheo đã diệt tận các lậu hoặc, không thể đi con đường hành theo sợ hãi.

Này Hiền giả, một vị Tỷ-kheo, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, đã diệt tận các lậu hoặc, (Phạm hạnh) đã thành, các việc phải làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, mục tiêu đã đạt, hữu kiết sử đã diệt trừ, chánh trí giải thoát, không thể làm chín việc như

vậy".

27. Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói như sau: *"Đối với quá khứ, Sa-môn Gotama có tri kiến siêu việt. Nhưng đối với tương lai, Sa-môn Gotama không có tri kiến siêu việt; như sự việc xảy ra như thế nào và vì sao lại xảy ra như vậy?"* Như vậy, các vị du sĩ ngoại đạo này chủ trương rằng tri kiến về vấn đề này có thể được trình bày nêu rõ bởi tri kiến một vấn đề khác, như những kẻ ngu si không thông minh khác.

- Này Cunda, về vấn đề quá khứ, Như Lai có thức nhớ đến đời sống quá khứ. Ngài muốn như thế nào, Ngài có thể nhớ xa được như vậy.

- Về vấn đề vị lai, Như Lai có trí do tuệ sanh: "Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn đời sống nào khác nữa".

28.

- Này Cunda, nếu những gì thuộc quá khứ là hư vọng, không thật, không lợi ích, Như Lai không trả lời.
- Này Cunda, nếu những gì thuộc quá khứ là chơn chánh, như thật, nhưng không lợi ích,

Như Lai cũng không trả lời.

- Đây Cunda, nếu những gì thuộc quá khứ là chơn chánh, như thật, có lợi ích, Như Lai biết thời trả lời câu hỏi ấy.
- Đây Cunda, nếu những gì thuộc vị lai là hư vọng, không thật, không lợi ích, Như Lai không trả lời.
- Đây Cunda, nếu những gì thuộc vị lai là chơn chánh, như thật, nhưng không lợi ích, Như Lai cũng không trả lời.
- Đây Cunda, nếu những gì thuộc vị lai là chơn chánh, như thật, có lợi ích, Như Lai biết thời trả lời câu hỏi ấy một cách vắn tắt.
- Đây Cunda, nếu những gì thuộc hiện tại là hư vọng, không thật, không lợi ích, Như Lai không trả lời.
- Đây Cunda, nếu những gì thuộc hiện tại và chơn chánh, như thật, nhưng không lợi ích, Như Lai cũng không trả lời.
- Đây Cunda, nếu những gì thuộc hiện tại là chơn chánh, như thật, có lợi ích, Như Lai biết thời trả lời câu hỏi ấy.

Như vậy, này Cunda, đối với các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, **Như Lai là vị nói phải thời nói chơn**

chánh, nói như thật, nói có lợi ích, nói đúng Pháp, nói đúng Luật. Do vậy mới gọi là Như Lai.

29. Nay Cunda, trong thế giới này với chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, với chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người, **những gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được phân biệt, được đạt đến, được tìm cầu, được suy đạt với ý, tất cả đều được Như Lai biết rõ.** Do vậy mới gọi là Như Lai.

Nay Cunda, trong thời gian giữa đêm Như Lai chứng ngộ Vô thượng Chánh Đẳng Giác và đêm Như Lai nhập Vô dư y Niết-bàn giới, **trong thời gian ấy, những gì Như Lai nói trong khi thuyết giảng, nói chuyện hay trình bày, tất cả là như vậy, chớ không gì khác.** Do vậy mới gọi là Như Lai.

Nay Cunda, **Như Lai nói gì thời làm vậy, làm gì thời nói vậy.** Nói gì thời làm vậy, làm gì thời nói vậy nên được gọi là Như Lai.

Đối với thế giới với chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, với chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người, **Như Lai là bậc Toàn Thắng, không ai có thể thắng nổi, bậc Toàn kiến, bậc Tự Tại.**

30. Nay Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: *"Thế nào Hiền giả, Như Lai có tồn tại sau khi chết không. Như vậy là đúng sự thực, ngoài ra là sai lầm?"* Nay Cunda, được nói vậy, Người phải trả lời các du sĩ ngoại đạo như sau: "Như Lai không có nói: "Như Lai có tồn tại sau khi chết. Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm!"

Nay Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: *"Thế nào Hiền giả, Như Lai không có tồn tại sau khi chết, có phải không? Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm?"* Nay Cunda, được nói vậy, Người phải trả lời các du sĩ ngoại đạo như sau: "Như Lai không có nói: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết. Như vậy là đúng sự thực, ngoài ra là sai lầm!"

Nay Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: *"Thế nào Hiền giả, Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết... Như lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết? Như vậy là đúng sự thực, ngoài ra là sai lầm?"* Nay Cunda được nói vậy, Người phải trả lời các du sĩ ngoại đạo như sau: "Như Lai không có nói: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Như vậy là đúng sự thực, ngoài ra là sai lầm!"

31. Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "*Này Hiền giả, vì sao Sa môn Gotama lại không nói?*" Này Cunda, được nói vậy, Người phải trả lời các du sĩ ngoại đạo như sau: "Này Hiền giả, vì không liên hệ đến lợi ích, không liên hệ đến Pháp, không liên hệ đến căn bản Phạm hạnh, không hướng đến yếm ly, vô tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết bàn. Do vậy Thế Tôn không trả lời."

32. Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "*Này Hiền giả, Sa môn Gotama nói điều gì?*" Này Cunda, được nói vậy, Người phải trả lời các du sĩ ngoại đạo như sau: "**Đây là Khổ, này Hiền giả, đó là điều Thế Tôn nói. Đây là Khổ tập, này Hiền giả, đó là điều Thế Tôn nói. Đây là Khổ diệt, này Hiền giả, đó là điều Thế Tôn nói. Đây là con đường đưa đến Khổ diệt, này Hiền giả, đó là điều Thế Tôn nói.**"

33. Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "*Này Hiền giả, vì sao Thế Tôn lại nói vậy?*" Này Cunda, được nói như vậy, Người phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo như sau: "Này Hiền giả, vì liên hệ đến lợi ích, liên hệ đến Pháp, liên hệ đến căn bản Phạm hạnh, vì nhất định hướng đến yếm ly, vô tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác

ngộ và Niết bàn. Do vậy, Thế Tôn mới nói."

34. Nay Cunda, mọi biện luận về các tà kiến liên hệ đến quá khứ tối sơ, những biện luận nào đáng nói cho các Ngươi, Ta đã nói cho các Ngươi. Còn những biện luận nào không đáng nói cho các Ngươi, sao Ta lại sẽ nói cho các Ngươi? Nay Cunda, mọi biện luận về các tà kiến liên hệ đến tương lai, những biện luận nào đáng nói cho các Ngươi, Ta đã nói cho các Ngươi. Còn những biện luận nào không đáng nói cho các Ngươi, sao Ta lại sẽ nói cho các Ngươi?

Nay Cunda, thế nào là những biện luận về tà kiến liên hệ đến quá khứ tối sơ, những biện luận nào đáng nói cho các Ngươi, Ta đã nói cho các Ngươi, và những biện luận không đáng nói cho các Ngươi?

Nay Cunda, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những quan điểm như sau, có những tri kiến như sau: "Bản ngã và thế giới là thường còn, như vậy là đúng sự thực, ngoài ra là sai lầm". Có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những quan điểm như sau, có những tri kiến như sau:

- "Bản ngã và thế giới là không thường còn...
- "Bản ngã và thế giới là thường còn và không thường còn...

- "Bản ngã và thế giới là không thường còn và không không thường còn...
- "Bản ngã và thế giới là do mình tự tạo ra...
- "Bản ngã và thế giới là do người khác tạo ra...
- "Bản ngã và thế giới là do mình tạo ra và do người khác tạo ra...
- "Bản ngã và thế giới là không do mình tự tạo ra và cũng không phải không do mình tự tạo ra...
- "Bản ngã và thế giới là tự nhiên sanh, không do mình tự tạo ra, không do người khác tạo ra. Như vậy là đúng sự thực, ngoài ra sai lầm.
- "Lạc, khổ là thường còn...
- "Lạc, khổ là vô thường...
- "Lạc, khổ là thường còn và vô thường...
- "Lạc, khổ là do tự mình tạo ra...
- "Lạc, khổ là do người khác tạo ra...
- "Lạc, khổ là do tự nhiên sanh, không do mình tự tạo ra, không do người khác tạo ra. Như vậy là đúng sự thực, ngoài ra đều là sai lầm".

35. Nay Cunda, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào có quan điểm như sau, có tri kiến như sau: "Bản ngã và

thế giới là thường còn, như vậy là đúng sự thật, ngoài ra đều là sai lầm". **Ta đến những vị ấy và nói:** "Này Hiền giả có phải Hiền giả nói rằng: "Bản ngã và thế giới là thường còn" không?" Nếu các vị ấy trả lời: "Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra đều là sai lầm", thì Ta không chấp nhận như vậy. Tại sao vậy? Có một số hữu tình có những tư tưởng sai khác. Ta cũng không xem quan điểm ấy ngang bằng quan điểm của Ta, chớ đừng nói cao hơn. Như vậy ở đây Ta cao hơn về thượng trí.

36. Này Cunda, những Sa-môn, Bà-la-môn nào có quan điểm như sau, có tri kiến như sau: "Bản ngã và thế giới là thường còn...

"Bản ngã và thế giới là vô thường...

"Bản ngã và thế giới là thường còn và vô thường...

"Bản ngã và thế giới là không thường còn và không không thường còn...

"Bản ngã và thế giới là do mình tự tạo ra...

"Bản ngã và thế giới là do người khác tạo ra...

"Bản ngã và thế giới là do tự mình tạo ra và do người khác tạo ra..." "Bản ngã và thế giới là do tự mình tạo

ra và không do người khác tạo ra. "Bản ngã và thế giới do tự nhiên sanh, không do mình tự tạo, không do người khác tạo ra...

"Lạc, khổ là thường còn...

"Lạc, khổ là vô thường...

"Lạc, khổ là thường còn và vô thường...

"Lạc, khổ không thường còn và không vô thường...

"Lạc, khổ là tự mình tạo ra...

"Lạc, khổ là tự người khác tạo ra...

"Lạc, khổ là tự mình tạo ra và tự người khác tạo ra...

"Lạc, khổ là tự nhiên sanh, không tự mình tạo ra và không do người khác tạo ra. Như vậy là đúng sự thực, ngoài ra đều là sai lầm".

Ta đến những vị ấy và nói: Này Hiền giả, có phải Hiền giả nói rằng: "Lạc, khổ là tự nhiên sanh, không tự mình tạo ra và không do người khác tạo ra?" Nếu các vị ấy trả lời: "Như vậy là đúng sự thực, ngoài ra đều là sai lầm", thì Ta không chấp nhận như vậy. Tại sao vậy? Có một số hữu tình có những ý tưởng sai

khác. Nay Cunda Ta cũng không xem quan điểm ấy ngang bằng quan điểm của Ta, chớ đừng nói cao hơn. Như vậy ở đây Ta cao hơn về thượng trí.

Nay Cunda, những biện luận về các tà kiến liên hệ đến quá khứ tối sơ này, biện luận nào đáng nói cho các Ngươi, Ta đã nói cho các Ngươi. Còn những biện luận nào không đáng nói cho các Ngươi, sao Ta lại sẽ nói cho các Ngươi?

37. Nay Cunda, thế nào là những biện luận về tà kiến liên hệ đến tương lai, những biện luận nào đáng nói cho các Ngươi, Ta đã nói cho các Ngươi; và những biện luận không đáng nói cho các Ngươi?

- Nay Cunda, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những quan điểm như sau, có những tri kiến như sau: "Bản ngã là có sắc, không bệnh, sau khi chết. Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm".
- Lại nữa này Cunda, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những quan điểm như sau, có những tri kiến như sau:
- "Bản ngã là vô sắc...
- "Bản ngã là không phải sắc, không phải vô sắc...

- "Bản ngã là có tướng...
- "Bản ngã là vô tướng...
- "Bản ngã là không có tướng, không vô tướng...
- "Bản ngã là đoạn diệt, biến hoại, sau khi chết không có tồn tại, như vậy là đúng sự thật ngoài ra là sai lầm".

38. Nay Cunda, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào có quan điểm như sau, có tri kiến như sau: "Bản ngã là có sắc, không bệnh sau khi chết. Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm", Ta đến những vị ấy và nói: "Này Hiền giả có phải Hiền giả có nói: "Bản ngã là có sắc, không có bệnh sau khi chết?" Nếu các vị ấy trả lời: "Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm", thì Ta không chấp nhận như vậy. Tại sao vậy? Nay Cunda, vì có một số hữu tình có những tư tưởng sai khác. Nay Cunda, Ta cũng không xem quan điểm ấy ngang bằng quan điểm của Ta, chớ đừng nói cao hơn. Như vậy ở đây, Ta cao hơn về thượng trí.

39. Nay Cunda, có những Sa-môn, Bà-la-môn có những quan điểm như sau, có những tri kiến như sau:

"Bản ngã là vô sắc...

"Bản ngã là có sắc và vô sắc...

"Bản ngã là không có sắc và không không có sắc..."

"Bản ngã là có tướng..."

"Bản ngã là không tướng..."

"Bản ngã là không có tướng và không không có tướng..."

"Bản ngã là đoạn diệt, biến hoại, sau khi chết không có tồn tại. Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm".

Ta đến những vị ấy và nói: "Này Hiền giả, có phải Hiền giả nói rằng: "Bản ngã là đoạn diệt biến hoại, sau khi chết không có tồn tại?" Này Cunda nếu những vị ấy nói: "Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm", thì Ta không chấp nhận như vậy. Tại sao vậy? Vì có một số hữu tình có những tư tưởng sai khác. Này Cunda, Ta cũng không xem quan điểm ấy ngang bằng quan điểm của Ta chớ đừng nói cao hơn. Như vậy ở đây, Ta cao hơn về thượng trí.

Này Cunda, những biện luận về những tà kiến liên hệ đến tương lai, những biện luận nào đáng nói cho các Ngươi, Ta đã nói cho các Ngươi. Còn những biện luận nào không đáng nói cho các Ngươi, sao Ta lại sẽ nói cho các Ngươi?

40. Nay Cunda, **với mục đích đoạn trừ và vượt qua những biện luận về các tà kiến** liên hệ đến quá khứ tối sơ này và các biện luận về các tà kiến liên hệ đến tương lai này, **mà bốn pháp Niệm xứ được ta truyền thuyết, trình bày.** Thế nào là bốn?

Này Cunda, ở đây vị Tỷ kheo sống quan thân trên thân, tinh thần, tỉnh giác, chánh niệm, với mục đích nhiếp phục tham, sân ở đời, sống quán thọ trên các cảm thọ... trong các tâm... quán pháp trên các pháp, tỉnh cần, tỉnh giác, chánh niệm, với mục đích nhiếp phục tham, sân ở đời.

→ Nay Cunda, với mục đích đoạn trừ và vượt qua các biện luận về các tà kiến liên hệ đến quá khứ tối sơ này và các biện luận về các tà kiến liên hệ đến tương lai này mà **bốn Niệm xứ** được Ta truyền thuyết trình bày.

41. Lúc bảy giờ, Tôn giả Upavàna đang đứng sau lưng hầu quạt Thế Tôn. Tôn giả Upavàna bạch Thế Tôn:

- Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thật kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, pháp thoại này thật là thanh tịnh! Bạch Thế Tôn, pháp thoại này thật là tuyệt đối thanh tịnh! Bạch Thế Tôn, pháp thoại này tên là gì?

- Nay Upavàna, **pháp thoại này là Thanh tịnh** (Pàsàdikà), hãy như vậy mà phụng trì.

Thế Tôn thuyết dạy như vậy. Tôn giả Upavàna hoan hỷ, tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

173 Không thể thấy Phật ... - Ngay trong hiện tại, không tìm được... - Kinh Anuràdha – Tương III, 210

Anuràdha – Tương III, 210

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Vesàli, Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường.

2) Lúc bấy giờ Tôn giả Anuràdha ở một cái chòi trong rừng, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

3) Rồi nhiều ngoại đạo du sĩ đi đến Tôn giả Anuràdha; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Anuràdha những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên.

4) Ngồi xuống một bên, các ngoại đạo du sĩ ấy nói với Tôn giả Anuràdha:

- Này Hiền giả Anuràdha, bậc Như Lai ấy là Tối thượng nhân, Tối thắng nhân, đã đạt được Tối thắng quả, bậc Như Lai ấy, được xem là đã tuyên bố theo bốn trường hợp: "Như Lai tòn tại sau khi chết; Như

lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

5) Được nói vậy, Tôn giả Anuràdha nói với các ngoại đạo du sĩ ấy:

- Nay Chư Hiền, bậc Như Lai, Tồi thượng nhân, Tồi thắng nhân, bậc đã đạt được Tồi thắng quả, **bậc Như Lai ấy được xem là đã tuyên bố ra ngoài bốn trường hợp như sau:** "Như Lai tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

6) Được nghe nói vậy, các ngoại đạo du sĩ nói với Tôn giả Anuràdha như sau:

- Hoặc là vị Tỷ-kheo này mới tu học, xuất gia không bao lâu. Hay vị này là vị Trưởng lão, nhưng ngu dốt không có học tập.

7) Rồi các ngoại đạo du sĩ ấy sau khi chỉ trích Tôn giả Anuràdha là mới tu học, là ngu si, liền từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

8) **Rồi Tôn giả Anuràdha, sau khi các ngoại đạo du sĩ ấy ra đi không bao lâu, liền suy nghĩ như sau:** "Nếu

ngoại đạo du sĩ ấy hỏi ta thêm câu hỏi nữa, ta phải trả lời như thế nào để khi ta nói với các ngoại đạo du sĩ ấy, ta nói lên quan điểm của Thế Tôn, ta không xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật, ta có thể trả lời tùy pháp, thuận với Chánh pháp; và ai là người đồng pháp, nói lên lời thuận với quan điểm của Ngài, sẽ không tìm được lý do để quả trách".

9) Rồi Tôn giả Anuràdha đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

10) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Anuràdha bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con ở trong một cái chòi trong rừng không xa Thế Tôn bao nhiêu. Rồi bạch Thế Tôn, nhiều ngoại đạo du sĩ đi đến con; sau khi đến... nói với con như sau: "Này Hiền giả Anuràdha, bậc Như Lai ấy là Tội thượng nhân, Tội thắng nhân, đã đạt được Tội thắng quả, bậc Như Lai ấy được xem là đã tuyên bố theo bốn trường hợp: ‘Như Lai tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết’".

11) Được nói vậy, bạch Thế Tôn, con nói với các ngoại đạo du sĩ ấy như sau: "Này chư Hiền. .. không tồn tại sau khi chết".

12) Được nghe nói vậy, các ngoại đạo du sĩ nói với con: "Hoặc là Tỷ-kheo này mới học... nhưng ngu dốt, không có học tập".

13) Rồi các ngoại đạo du sĩ ấy sau khi chỉ trích con là mới tu học... liền từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

14) Rồi bạch Thế Tôn, sau khi các ngoại đạo du sĩ ấy ra đi không bao lâu, con liền suy nghĩ như sau: "Nếu các ngoại đạo du sĩ ấy hỏi ta thêm câu hỏi nữa, ta phải trả lời như thế nào để khi ta nói với các ngoại đạo du sĩ ấy, ta nói lên quan điểm của Thế Tôn. Ta không xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật, ta có thể trả lời với tùy pháp, thuận với Chánh pháp; và ai là người đồng pháp, nói lên lời thuận với quan điểm của Ngài, sẽ không tìm được lý do để quở trách".

15) - *Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, sắc là thường hay vô thường?*

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

- Thọ... tướng... các hành... thức là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

16-17) - Do thấy vậy, bậc Thánh đệ tử nhàm chán đối với **sắc**... đối với **thọ**... đối với **tướng**... đối với các **hành**... nhàm chán đối với **thức**. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "***Ta đã được giải thoát***". Vị ấy biết rõ: "***Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa***".

18) - Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, Ông có quán: "***Sắc là Như Lai không?***"

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, Ông có quán: "***Thọ... tướng... các hành... thức là Như Lai không?***"

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

19) Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, Ông có quán:
"N^{hư} L^{ai} ở trong sắc không?"

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

- Ông có quán: " N^{hư} L^{ai} ở ngoài sắc không "?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

- Ông có quán: "N^{hư} l^{ai} ở trong thọ... ở ngoài thọ...
ở trong tưởng... ở ngoài tưởng... ở trong các hành...
ở ngoài các hành... ở trong thức không"?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

- Ông có quán: "N^{hư} L^{ai} ở ngoài thức không"?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

- Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, Ông có quán:
"Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là N^{hư} L^{ai} không?"

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

20) - Ông nghĩ thế nào, này Anuràdha, Ông có quán:
"Cái phi sắc, phi thọ, phi tưởng, phi hành, phi thức
là N^{hư} L^{ai} không"?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

21) Và ở đây, này Anuràdha, **ngay trong hiện tại**
không tìm được một N^{hư} L^{ai} thường còn, thường

trú, **thời có hợp lý chẳng khi Ông trả lời:** "Này chư Hiền, vị Như Lai nào là bậc Tối thượng nhân, Tối thắng nhân, đã đạt được quả Tối thắng, bậc Như Lai ấy được xem là đã tuyên bố ra ngoài bốn trường hợp như sau: ‘Như Lai tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết; Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết’"?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

22) -Lành thay, lành thay, này Anuràdha! **Trước kia và nay, này Anuràdha, Ta chỉ tuyên bố khổ và đoạn diệt khổ.**

174 Không thể thấy Phật sau Ngài nhập diệt - Kinh AGGIVACCHAGOTTA - 72 Trung II, 313

KINH AGGIVACCHAGOTTA (Aggivacchagotta sutta)

– Bài kinh số 72 – Trung II, 313

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ) Jetavana (Kỳ-đà-Lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Rồi du sĩ ngoại đạo Vacchagotta đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, du sĩ ngoại đạo Vacchagotta bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Nay Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài

ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Nay Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Nay Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Nay Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Sinh mạng và thân thể là một,

chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Nay Vaccha, Ta không có tri kiến như sau:
"Sinh mạng và thân thể là một, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Sinh mạng và thân thể là khác, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Nay Vaccha, Ta không có tri kiến như sau:
"Sinh mạng và thân thể là khác, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "N hư Lai có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Nay Vaccha, Ta không có tri kiến như sau:
"N hư Lai có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "N hư Lai không có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Nay Vaccha, Ta không có tri kiến như sau:
"N hư Lai không có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy

là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Tôn giả Gotama, phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

– Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng".

– Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?", Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là thường trú, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?" Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?" Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là hữu biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?", Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?"

... (như trên)...

Sao vậy, thưa Tôn giả Gotama? Khi được hỏi: "Phải chăng Tôn giả Gotama có tri kiến như sau: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư

vọng?", Tôn giả Gotama đã trả lời: "Này Vaccha, Ta không có tri kiến như sau: "Nhu Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ như vậy là chơn, ngoài ra là hư vọng?" Tôn giả Gotama thấy có sự nguy hại gì mà Ngài không chấp nhận hoàn toàn những tri kiến này như vậy?

– Này Vaccha, nghĩ rằng: "Thế giới là thường trú", như vậy là tà kiến, kiến trù lâm, kiến hoang vu, kiến hý luận, kiến tranh chấp, kiến kiết phược, đi đôi với khổ, với tàn hại, với não hại, với nhiệt não, không hướng đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Này Vaccha, nghĩ rằng: "Thế giới là vô thường"... (như trên)... "Thế giới là hữu biên"... "Thế giới là vô biên"... "Sinh mạng và thân thể là một"... "Sinh mạng và thân thể là khác"... "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết"... "Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết"... "Nhu Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết"... Này Vaccha, nghĩ rằng: "Nhu Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", như vậy là tà kiến, kiến trù lâm, kiến hoang vu, kiến hý luận, kiến tranh chấp, kiến kiết phược, đi đôi với khổ, với tàn hại, với não hại, với nhiệt não, không hướng đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. **Này Vaccha, Ta thấy có sự nguy hại**

này mà Ta không chấp nhận hoàn toàn những tri kiến như vậy.

– Nhưng Tôn giả Gotama có tà kiến nào không?

– Này Vaccha, tà kiến đã được Như Lai đoạn trừ. Nhưng này Vaccha, **đây là điều Như Lai đã thấy:** "Đây là sắc, đây là sắc tập, đây là sắc diệt; đây là thọ, đây là thọ tập, đây là thọ diệt; đây là tưởng, đây là tưởng tập, đây là tưởng diệt; đây là hành, đây là hành tập, đây là hành diệt; đây là thức, đây là thức tập, đây là thức diệt". **Do vậy ta nói rằng, với sự đoạn trừ, ly tham, đoạn diệt, xả bỏ, vứt bỏ tất cả ảo tưởng tất cả hôn mê, của tất cả ngã kiến, ngã sở kiến, mạn tùy miên, mà Như Lai được giải thoát, không còn chấp thủ.**

– Thừa Tôn giả Gotama, một Tỷ-kheo được tâm giải thoát như vậy sanh khởi chỗ nào?

– Sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi?

– Không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy sanh khởi và không sanh khởi?

– Sanh khởi và không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi và không không sanh khởi?

– Không sanh khởi và không không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng.

– Khi được hỏi: "Tôn giả Gotama, vị Tỷ-kheo được tâm giải thoát như vậy sanh khởi tại chỗ nào?", Tôn giả đáp: "Sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng". Khi được hỏi: "Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi?" Tôn giả đáp: "Không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng". Khi được hỏi: "Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy sanh khởi và không sanh khởi?", Tôn giả đáp: "Sanh khởi và không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng". Khi được hỏi: "Như vậy, Tôn giả Gotama, vị ấy không sanh khởi và không không sanh khởi?", Tôn giả đáp: "Không sanh khởi và không không sanh khởi, này Vaccha, không có áp dụng". *Thưa Tôn giả Gotama, tôi trở thành vô tri về điểm này, tôi trở thành mê mờ về điểm này, và một số tin tưởng tôi đã có đối với Tôn giả Gotama do các cuộc đàm thoại lúc trước đem lại,*

nay đã biến mất nơi tôi.

– Nay Vaccha, thôi vừa rồi, vô tri của Ông! Thôi vừa rồi, mê mờ (của Ông)! Nay Vaccha, sâu kín là pháp này, khó thấy, khó giác ngộ, an tịnh, thù thắng, không thể luận bàn, tế nhị, chỉ bậc trí mới hiểu. Thật rất khó cho Ông có thể hiểu được, khi Ông thuộc tri kiến khác, kham nhẫn khác, lý tưởng khác, hành trì khác, Đạo sư khác. Và nay Vaccha, nay Ta trở lại hỏi Ông. Hãy trả lời nếu Ông kham nhẫn. Nay Vaccha, Ông nghĩ thế nào? Nếu một ngọn lửa cháy đỏ trước mặt Ông, Ông có biết: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt tôi?"

– Tôn giả Gotama, nếu một ngọn lửa cháy đỏ trước mặt tôi, tôi có biết: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt tôi".

– Nhưng nếu, nay Vaccha, có người hỏi Ông như sau: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt Ông, ngọn lửa này do duyên gì mà cháy đỏ?", nếu được hỏi vậy, nay Vaccha, Ông trả lời như thế nào?

– Thưa Tôn giả Gotama, nếu có người hỏi tôi như sau: "Ngọn lửa này cháy đỏ trước mặt Ông, ngọn lửa này do duyên gì mà cháy đỏ?", nếu được hỏi vậy, thưa Tôn giả Gotama, tôi sẽ trả lời như sau: "Ngọn lửa cháy đỏ trước mặt tôi, ngọn lửa này cháy đỏ do

duyên nhiên liệu cỏ và củi".

– Nay Vaccha, nếu ngọn lửa ấy bị tắt trước mặt Ông, Ông có biết: "Ngọn lửa này đã tắt trước mặt tôi?"

– Tôn giả Gotama, nếu ngọn lửa ấy được tắt trước mặt tôi, tôi sẽ biết: "Ngọn lửa này đã tắt trước mặt tôi".

– Nay Vaccha, nếu có người hỏi Ông như sau: "Ngọn lửa này đã tắt trước mặt Ông, ngọn lửa ấy từ đây đã đi về phương hướng nào, phương Đông, phương Tây, phương Bắc, hay phương Nam?", được hỏi vậy, nay Vaccha, Ông trả lời thế nào?

– Không có thể áp dụng ở đây, Tôn giả Gotama. Vì rằng, nay Tôn giả Gotama, ngọn lửa ấy đã cháy vì duyên nhiên liệu cỏ và củi. Khi cỏ và củi ấy hết và vì không có nhiên liệu khác, nên được xem là không có nhiên liệu, đã bị tắt.

– Cũng vậy, nay Vaccha, do sắc pháp này, nhờ đó mà một người nhận biết Như Lai có thể nhận biết được, sắc pháp ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát khỏi cái gọi là **sắc**, nay Vaccha, là Như Lai, thâm

sâu, vô lượng, khó dò đến đáy như đại dương. Khởi lên không có áp dụng, không khởi lên không có áp dụng, khởi lên và không khởi lên không có áp dụng, không khởi lên và không khởi lên không có áp dụng.

Do **thọ** này, nhờ đó mà một người nhân biết Như Lai có thể nhân biết được, thọ ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát khỏi cái gọi là **thọ**, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng khó dò đến đáy đại dương, khởi lên không có áp dụng, không khởi lên không có áp dụng, khởi lên và không khởi lên không có áp dụng, không khởi lên và không khởi lên không có áp dụng.

Do **tưởng** này, nhờ đó mà một người nhân biết Như Lai có thể nhân biết được, tưởng ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát khỏi cái gọi là **tưởng**, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng... (như trên)... không khởi lên và không khởi lên không có áp dụng.

Do những **hành** này nhờ đó mà một người nhân

biết Như Lai có thể nhận biết được, các hành ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Giải thoát khỏi những cái gọi là **hành**, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng... (như trên)... không khởi lên và không không khởi lên, không có áp dụng.

Do **thức** này, nhờ đó mà một người nhận thức Như Lai có thể nhận thức được, cái thức ấy đã được Như Lai đoạn diệt, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không được tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. **Giải thoát khỏi cái gọi là thức, này Vaccha, là Như Lai, thâm sâu, vô lượng, khó dò đến đáy như đại dương, khởi lên không có áp dụng, không khởi lên không có áp dụng, khởi lên và không khởi lên không có áp dụng, không khởi lên và không không khởi lên không có áp dụng.**

Khi được nói vậy, du sĩ ngoại đạo Vacchagotta bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, như một cây tala lớn, không xa làng hay thị trấn, vì vô thường nên cành lá rơi rụng, vỏ và đọt non rơi rụng, giác cây rơi rụng và sau một thời gian, với cành lá rơi rụng, với vỏ và đọt non rơi rụng, với giác cây rơi rụng, cây ấy thuần tịnh

chỉ còn lại lõi cây. Cũng vậy, lời nói này của Tôn giả Gotama, với cành lá rơi rụng, với vỏ và đọt non rụng, với giác cây rơi rụng, lời nói ấy thuần tịnh, chỉ còn lại **lõi cây**.

Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con xin quy y Tôn giả Gotama, quy Pháp và quy y Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

175 Không thể thấy Phật sau Ngài nhập diệt - Kinh Thế Giới – Tương IV, 93

Thế Giới – Tương IV, 93

1) ...

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Phagguna bạch Thế Tôn:

4-6) -- *Có con mắt nào, bạch Thế Tôn, do con mắt ấy, có thể biết và tuyên bố về chư Phật quá khứ đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chương ngại, đã đoạn các hành tung khát ái, đã chấm dứt luân hồi, đã vượt qua mọi khổ đau?*

... tai... mũi...

7-8) ... lưỡi... thân...

9) Có ý nào, bạch Thế Tôn, do ý ấy, có thể biết và tuyên bố về chư Phật quá khứ đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chương ngại, đã đoạn các hành tung khát ái, đã chấm dứt luân hồi, đã vượt qua mọi khổ đau?

10-12) -- Không có con mắt nào, này Phagguna, do con mắt ấy, có thể biết và tuyên bố về chư Phật quá khứ đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chương ngại, đã đoạn các hành tung khát ái, đã chấm dứt luân hồi, đã vượt mọi khổ đau.

... tai... mũi...

13-14) ... Không có lưỡi... Không có thân...

15) Không có ý nào, này Phagguna, do ý ấy, có thể biết và tuyên bố về chư Phật quá khứ đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chương ngại, đã đoạn các hành tung khát ái, đã chấm dứt luân hồi, đã vượt qua mọi khổ đau.

176 Không thể thấy được Đức Phật - Kinh PHẠM VÕNG – 1 Trường I, 11

KINH PHẠM VÕNG
– Bài kinh số 1 – Trường I, 11

1. Như vậy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn đang đi trên con đường giữa Ràjagaha (Vương Xá) và Nalandà cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Lúc bấy giờ có Suppiya du sĩ ngoại đạo cũng đi trên con đường giữa Ràjagaha và Nalandà cùng với đệ tử, thanh niên Brahmadata. Suppiya, du sĩ ngoại đạo dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng, còn đệ tử của du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadata, lại dùng vô số phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy cả hai thầy trò nói những lời hoàn toàn tương phản nhau trong khi đi sau lưng đức Phật và chúng Tỷ-kheo.

2. Rồi Thế Tôn đến nghỉ một đêm tại Ambalatthikà, nhà nghỉ mát của vua, cùng với chúng Tỷ-kheo. Suppiya, du sĩ ngoại đạo cũng đến nghỉ một đêm tại Ambalatthikà, nhà nghỉ mát của vua, cùng với đệ tử, thanh niên Brahmadata. Tại đây, du sĩ ngoại đạo

Suppiya cũng dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng, còn người đệ tử của du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadata, lại dùng vô số phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy cả hai thầy trò nói những lời tương phản nhau trong khi đi sau lưng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo.

3. Và khi đêm vừa mới tàn, một số lớn chư Tăng, sau khi thức dậy, đã ngồi họp tại một gian nhà hình tròn và câu chuyện sau đây được bàn đến giữa chư Tăng:

- Này các Hiền giả, thật kỳ diệu thay! Này các Hiền giả, thật hy hữu thay! Thế Tôn, đáng Toàn Tri, Toàn Kiến, đáng A-la-hán, bậc Chánh Đẳng Giác, đã thấu hiểu sự xu hướng sai khác của chúng sanh. Suppiya, kẻ du sĩ ngoại đạo này dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng. Còn đệ tử du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadata lại dùng vô số phương tiện, tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy cả hai thầy trò đã nói những lời hoàn toàn tương phản trong khi đi sau lưng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo.

4. Lúc bảy giờ Thế Tôn được biết câu chuyện đang bàn giữa chư Tăng, liền đến tại gian nhà hình tròn và ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi xuống,

Thế Tôn nói với các vị Tỷ-Kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, câu chuyện gì được bàn đến trong khi các người ngồi họp tại chỗ này? Vấn đề gì đã được bỏ dở chưa nói xong?

Nghe nói như vậy, các Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn! Tại đây, khi đêm vừa mới tàn, chúng con sau khi dậy, ngồi họp tại nơi gian nhà hình tròn và giữa chúng con, câu chuyện sau đây được bàn đến: "Này các Hiền giả, thật kỳ diệu thay! ... (xem số 3). . Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo". Bạch Thế Tôn, đó là câu chuyện đang bàn đến nửa chừng của chúng con khi Thế Tôn đến!

5. - Nay các Tỷ-kheo, nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, các người chớ có vì vậy sanh lòng công phần, tức tối, tâm sanh phiền muộn. Nay các Tỷ-kheo, nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, và nếu các người sanh lòng công phần, tức tối, tâm sanh phiền muộn, thời như vậy sẽ có hại cho các người. Nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, và nếu các người công phần và phiền muộn, thời các người có thể biết được lời nói của những kẻ ấy là đúng hay sai lạc chăng?

- Bạch Thế Tôn, không thể được!

- Nay các Tỷ-kheo, khi có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, các người phải nói rõ những điểm không đúng sự thật là không đúng sự thật: - "Nhu thế này, điểm này không đúng sự thật; như thế này, điểm này không chính xác; việc này không có giữa chúng tôi; việc này không xảy ra giữa chúng tôi".

6. Nay các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán Ta, tán thán Pháp, hay tán thán Tăng, thời các người không nên hoan hỷ, vui mừng, tâm không nên thích thú. Nay các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán ta, tán thán Pháp hay tán thán Tăng, mà nếu các người hoan hỷ, vui mừng và thích thú thời sẽ có hại cho các người. Nay các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán Ta, tán thán Pháp hay tán thán Tăng, thời các người hãy công nhận những gì đúng sự thật là đúng sự thật: "Nhu thế này, điểm này đúng sự thật, như thế này, điểm này chính xác, việc này có giữa chúng tôi, việc này đã xảy ra giữa chúng tôi".

7. Nay các Tỷ-kheo, thật chỉ thuộc các vấn đề không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phạm phụ tán thán Như Lai.

❖ *Nay các Tỷ-kheo, thế nào là những vấn đề*

không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phạm phư tán thán Như Lai?

8. Sa-môn Gotama từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. - Này các Tỷ-kheo, **đó là lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.**

- Sa-môn Gotama từ bỏ lấy của không cho, tránh xa sự lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, sự sống thanh tịnh không có trộm cướp. - Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.
- Sa-môn Gotama từ bỏ tà hạnh, tịnh tu phạm hạnh, sống giải thoát, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.

9. Sa-môn Gotama từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ nơi sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lừa gạt, không phản lại lời hứa đối với đời. Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.

- Sa-môn Gotama từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói

hai lưỡi; nghe điều gì ở chỗ này, không đi nói đến chỗ kia để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy Sa-môn Gotama sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ đã hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

- Nay các Tỷ-kheo, Sa-môn Gotama từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác, những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người, Sa-môn Gotama nói những lời như vậy. Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.
- Nay các Tỷ-kheo, Sa-môn Gotama từ bỏ lời nói ỷ ngữ, tránh xa lời nói ỷ ngữ, nói đúng thời, nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. - Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

10. Sa-môn Gotama không làm hại đến các hạt giống và các loại cây cỏ;

- Sa-môn Gotama dùng mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ không ăn ban đêm, từ bỏ không ăn phi thời.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không dùng giường cao và giường lớn.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận vàng và bạc.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận các hạt giống.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận thịt sống.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận đàn bà, con gái.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận nô tỳ gái và trai.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận cừu và dê.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận gia cầm và heo.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái.

- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận ruộng nương đất đai.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không phái người môi giới hoặc tự mình làm môi giới.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không buôn bán.
- Sa-môn Gotama từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường.
- Sa-môn Gotama từ bỏ các tà hạnh, như hối lộ, gian trá, lừa đảo.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá.
- - Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

Xong Tiêu giới.

11. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống làm hại các hạt giống và cây cối. Như các hạt giống từ rễ sanh, hạt giống từ ngành cây sanh, hạt giống từ đất sanh, hạt giống từ chiết cây sanh và thứ năm là hạt giống từ hạt giống sanh. Còn Sa-môn Gotama thì không làm hại hột giống hay cây cối nào. - Nay các

Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

12. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cất chứa và thọ hưởng các đồ vật. Như cất chứa các món ăn, cất chứa các đồ uống, cất chứa vải, cất chứa xe cộ, cất chứa các đồ nằm, cất chứa các hương liệu, cất chứa các mỹ vị. **Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không cất chứa các vật trên.** - Này các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

13. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống theo các du hí không chân chánh như múa, hát, nhạc, kịch, ngâm vịnh, nhịp tay, tung chú, đánh trống, diễn các tuồng thần tiên, mĩ võ, đấu voi, đấu ngựa, đấu trâu, đấu bò đực, đấu dê, đấu cừ, đấu gà, đấu chim cun cút, đấu gậy, đấu quyền, đấu vật, đánh giặc giả, dàn trận, thao dượt, diễn binh. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ các loại du hí không chân chánh như trên. - Này các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

14. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống đánh bài và theo các trò giải trí như cờ tám hình vuông, cờ mười hình vuông, cờ trên không, trò chơi

trên đất, chỉ bước vào những ô có quyền bước, trò chơi quăng thẻ rồi chụp nhưng không cho sụp đồng thẻ, chơi súc sắc, chơi khăng, lấy tay làm viết, chơi banh, chơi thổi kèn bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ, chơi đoán chữ viết thiếu trên không hay trên lưng, chơi đoán tư tưởng, chơi bắt chước bộ điệu. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ đánh bài và các loại giải trí như trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

15. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn sống dùng các giường cao và giường lớn như ghế bành, ghế dài, nệm trải giường bằng len, vải trải giường nhiều tấm nhiều màu, chăn len trắng, chăn len thêu bông, nệm bông, nệm thêu hình các con thú, mền bằng lông thú cả hai phía, mền bằng lông thú một phía, mền có đính ngọc, mền bằng lụa, tấm thảm lớn có thể chứa mười sáu người múa, nệm voi, nệm ngựa, nệm xe, nệm bằng da sơn dương khâu lại với nhau, nệm bằng da con sơn dương gọi là kadali, tấm khảm với lều che phía trên, ghế dài có đầu gối chân màu đỏ. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không dùng các giường cao và giường lớn như trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

16. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã

dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn sống dùng các đồ trang sức và mỹ phẩm. Như thoa dầu, đấm bóp, tắm, đập tay chân cho mềm dẻo, gương, kem đánh mặt, vòng hoa và phấn son, phấn mặt, sáp mặt, vòng tay, tóc giả trên đầu, gậy cầm tay, ống thuốc, guơm, **lọng**, dép thêu, khăn đầu, ngọc, **phát trần**, vải trắng có viền tua dài. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không dùng các loại trang sức và mỹ phẩm như trên. Nay các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

17. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống nói những câu chuyện vô ích, tầm thường như câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, các câu chuyện hải hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về vải mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị tứ, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về đàn ông, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, câu chuyện về hiện trạng của thế giới, hiện

trạng của đại dương, câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu. Còn Sa-môn Gotama từ bỏ không nói những câu chuyện vô ích, tâm thường kể trên. -
Này các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

18. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống bàn luận tranh chấp, như nói: "Người không biết pháp và luật này, tôi biết pháp và luật này. Sao người có thể biết pháp và luật này? Người đã phạm vào tà kiến, tôi mới thật đúng chánh kiến; lời nói của tôi mới tương ưng, lời nói của người không tương ưng; lời nói của người không tương ưng, những điều đáng nói trước người lại nói sau, những điều đáng nói sau người lại nói trước, chủ kiến của người đã bị bài bác; câu nói của người đã bị thách đấu; người đã bị thuyết bại. Hãy đến mà giải vây lời nói ấy; nếu có thể được, gắng thoát ra khỏi lời bí". Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những cuộc biện luận tranh chấp đã kể trên. -
Này các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

19. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cho đưa các tin tức, hoặc tự đứng làm môi giới, như cho các vua, cho các đại thần của vua, cho các vị Sát-

đề-ly, cho các vị Bà-la-môn, cho các gia chủ, cho các thanh niên và nói rằng: "Hãy đi đến chỗ ấy, hãy đi lại chỗ kia; mang cái này lại, đem cái này đến chỗ kia". Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không cho đưa các tín tức và tự đứng làm môi giới. Như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

20. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống lừa đảo, nói lời siểm nịnh, gợi ý, dèm pha, lấy lợi cầu lợi. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không lừa đảo và siểm nịnh như trên. Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

Xong Trung giới.

21. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà hạnh như xem tướng tay chân, chiêm tướng, triêu tướng, mộng tướng, thân tướng, dẫu chuột cắn, té lửa, té muỗi, dùng miệng phun hột cải v. v... vào lửa, té vỏ lúa, té tấm, té gạo, té thực tô, té dầu, té máu, khoa xem chi tiết, khoa xem địa lý, khoa xem mộng, khoa cầu thần ban phước, khoa cầu ma quỷ, khoa dùng bùa chú khi ở trong nhà bằng đất, khoa rắn, khoa thuốc độc, khoa

bồ cạp, khoa chim, khoa chim quạ, khoa đoán số mạng, khoa ngựa tên bắn, khoa biết tiếng nói của chim. Còn Sa-môn Gotama thì tránh xa những tà hạnh kể trên. - Này các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

22. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn nuôi sống mình bằng những tà mạng như xem tướng các hòn ngọc, tướng que gậy, tướng áo quần, tướng gươm kiếm, tướng mũi tên, tướng cây cung, tướng võ khí, tướng đàn bà, tướng đàn ông, tướng thiếu niên, tướng thiếu nữ, tướng đầy tớ nam, tướng đầy tớ nữ, tướng voi, tướng ngựa, tướng trâu, tướng bò đực, tướng bò cái, tướng dê, tướng cừu, tướng gia cầm, tướng chim cun cút, tướng con các kè, tướng vật tai dài, tướng ma, tướng thú vật. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những tà mạng kể trên. - Này các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

23. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước: Vua sẽ tiến quân, vua sẽ lui quân; vua bản xứ sẽ tấn công, vua ngoại bang sẽ triệt thoái; vua ngoại bang sẽ tấn công, vua bản xứ sẽ triệt thoái; vua bản xứ sẽ thắng trận, vua ngoại bang sẽ bại trận; vua ngoại bang sẽ

thắng trận, vua bản xứ sẽ bại trận. Như vậy sẽ có sự thắng trận cho phe bên này, sẽ có sự thất bại cho phe bên kia. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những tà mạng kể trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

24. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước sẽ có nguyệt thực, sẽ có nhật thực, sẽ có tinh thực; mặt trăng, mặt trời sẽ đi đúng chánh đạo, mặt trăng, mặt trời sẽ đi ngoài chánh đạo, các tinh tú sẽ đi đúng chánh đạo, các tinh tú sẽ đi ngoài chánh đạo, sẽ có sao băng, sẽ có lửa cháy các phương hướng, sẽ có động đất, sẽ có sấm trời, mặt trăng, mặt trời, các sao sẽ mọc, sẽ lặn, sẽ mờ, sẽ sáng, nguyệt thực sẽ có kết quả như thế này, nhật thực sẽ có kết quả như thế này, tinh thực sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, các tinh tú đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, sao băng sẽ có kết quả như thế này, lửa cháy các phương hướng sẽ có kết quả như thế này, động đất sẽ có những kết quả như thế này, sấm trời sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng, mặt trời, các sao mọc, lặn, mờ, sáng, sẽ có kết quả như thế này. Còn Sa-môn Gotama thì tránh xa, không tự nuôi

sống bằng những tà mạng kể trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

25. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước sẽ có nhiều mưa, sẽ có đại hạn, sẽ được mùa, sẽ mất mùa, sẽ được an ổn, sẽ có hiểm họa, sẽ có bệnh, sẽ không có bệnh, hay làm các nghề như đếm trên ngón tay, kế toán, cộng số lớn, làm thư, làm theo thế tình. Còn Sa-môn Gotama tránh xa các tà hạnh kể trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

26. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng. Như sắp đặt ngày lành để rước dâu hay rể, lựa ngày giờ tốt để hòa giải, lựa ngày giờ tốt để chia rẽ, lựa ngày giờ tốt để đòi nợ, lựa ngày giờ tốt để mượn hay tiêu tiền, dùng bùa chú để giúp người được may mắn, dùng bùa chú để khiến người bị rủi ro, dùng bùa chú để phá thai, dùng bùa chú làm cồng lười, dùng bùa chú khiến quai hàm không cử động, dùng bùa chú khiến cho người phải bỏ tay xuống, dùng bùa chú khiến cho tai bị điếc, hỏi gương soi, hỏi phù đồng, thiếu nữ, hỏi thiên thần để biết họa phước, thờ mặt trời, thờ đại địa, phun ra lửa, cầu Siri thần tài. Còn Sa-môn Gotama tránh xa các

tà mạng kể trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

27. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như dùng các ảo thuật để được yên ổn, để khỏi làm các điều đã hứa, để được che chở khi ở trong nhà đất, để dương được thịnh, để làm người liệt dương, để tìm đất tốt làm nhà, để cầu phúc cho nhà mới, lễ rửa miệng, lễ hy sinh, làm cho mưa, làm cho xỏ, bài tiết các nhơ bẩn về phía trên, bài tiết các nhơ bẩn về phía dưới, tẩy tịnh trong đầu, thoa dầu trong tai, nhỏ thuốc mắt, cho thuốc qua lỗ mũi, xúc thuốc mắt, thoa dầu cho mắt, chữa bệnh đau mắt, làm thầy thuốc mổ xẻ, chữa bệnh cho con nít, cho uống thuốc làm bằng các loại rễ cây, ngăn ngừa công hiệu của thuốc. Còn Sa-môn Gotama tránh xa các tà mạng kể trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

Nay các Tỷ-kheo, đây là những vấn đề không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phạm phu dùng để tán thán Như Lai.

Xong Đại giới.

28. Nay các Tỷ-kheo, lại có những pháp khác, sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị chỉ những người trí mới nhận hiểu. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

☐ Nay các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, không thể nhận hiểu bởi luận lý suông, tế nhị, chỉ những người trí mới có thể nhận hiểu. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết, và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến?

29. Nay các Tỷ-kheo có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, **chấp kiến về QUÁ KHỨ TỐI SƠ**, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều sở kiến sai khác, với mười tám luận chấp. Và y chỉ theo gì, căn cứ theo gì, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy luận bàn về phía quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng ra nhiều sở kiến sai khác với mười tám luận chấp?

30. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn,

chủ trương Thường trú luận, chấp rằng: "Bản ngã về thế giới là thường còn" với **bốn luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường trú luận, và chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp?

31. Nay các Tỷ-kheo, ở đời này có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định; khi tâm nhập định, vì ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, trăm đời, ngàn đời, trăm ngàn đời, vô số trăm đời, vô số ngàn đời, vô số trăm ngàn đời, nhớ rằng: "*Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ, khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ kia chết đi tôi được sanh tại chỗ này*". Như vậy người ấy nhớ nhiều đời quá khứ, với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói rằng: "Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá; còn những loại hữu tình kia thời lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường

trú. Tại sao vậy? Vì rằng tôi do nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm... còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú".

Này các Tỷ-kheo đó là lập trường thứ nhất, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số những vị Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, và chấp rằng bản ngã và thế giới là thường còn.

32. Trường hợp thứ hai, có những Sa-môn, Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường trú luận, và chấp rằng bản ngã và thế giới là thường còn?

Này các Tỷ-kheo, ở đời này có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định, khi tâm nhập định, vì ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như một thành kiếp hoại kiếp, hai thành kiếp hoại kiếp, ba thành kiếp hoại kiếp, mười thành kiếp hoại kiếp nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này... còn những loại hữu tình kia lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy

chúng vẫn thường trú".

Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ hai, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận và chấp rằng, bản ngã và thế giới thường còn.

33. Trường hợp thứ ba, những Sa-môn hay Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường trú luận, và cho rằng bản ngã và thế giới là thường còn?

Này các Tỷ-kheo, ở đời này có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như mười thành kiếp hoại kiếp, hai mươi thành kiếp hoại kiếp, ba mươi thành kiếp hoại kiếp, bốn mươi thành kiếp hoại kiếp, năm mươi thành kiếp hoại kiếp; nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy, chết đi, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Từ chỗ ấy, chết đi, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế

này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ kia chết đi, tôi được sanh tại chỗ này". Như vậy người ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói: "Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá; còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy, chúng vẫn thường trú. Tại sao vậy? Vì rằng tôi nhớ nhiệt tâm... nên tâm nhập định như vậy. Khi tâm nhập định như vậy, tôi nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như mười thành kiếp, hoại kiếp... bốn mươi thành kiếp hoại kiếp". Nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi sống với tên như thế này... tôi được sanh tại chỗ này". Như vậy người ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói: "Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, trụ đá... còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển, luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú".

Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ ba, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới thường còn.

34. Trường hợp thứ tư, những Sa-môn, Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường trú luận, và chấp bản ngã và thế giới thường còn?

Này các Tỷ-kheo, ở đời có Sa-môn hay Bà-la-môn, là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ của suy luận, và sự tùy thuận theo thẩm sát, vị này tuyên bố như thế này: "Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá, còn những loại hữu tình kia thời lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường còn".

Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ tư, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn.

35. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn, với bốn luận chấp. Nếu có những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương Thường trú luận, chấp rằng: "Bản ngã và thế giới là thường còn", chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

36. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai biết như vậy, Ngài lại biết hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri

ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm chứng được tịch tịnh. Ngài như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ biết vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

37. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy, Như Lai đã thắng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

TỤNG PHẨM THỨ NHẤT

1. Này các Tỷ-kheo, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương **một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác**, với **bốn luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô

thường đối với một hạng hữu tình khác, với bốn luận chấp?

2. Nay các Tỷ-kheo, có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, thế giới này chuyển hoại. Trong khi thế giới chuyển hoại, các loại hữu tình phần lớn sanh qua cõi Àbhassara (Quang Âm thiên). Ở tại đây, những loại chúng sanh này do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy một thời gian khá dài.

3. Nay các Tỷ-kheo, có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, thế giới này chuyển thành. Trong khi thế giới này chuyển thành, Phạm cung được hiện ra, nhưng trống không. Lúc bấy giờ, một hữu tình, hoặc thọ mạng đã tận, hay phước báo đã tận, mạng chung từ Quang Âm thiên, sanh qua Phạm cung trống rỗng ấy. Vị ấy ở tại đây, do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy trong một thời gian khá dài.

4. Vị này, tại chỗ ấy, sau khi sống lâu một mình như vậy, khởi ý chán nản, không hoan hỷ và có kỳ vọng: "Mong sao có các loài hữu tình khác, cũng đến tại chỗ này!" Lúc bấy giờ, các loài hữu tình khác, hoặc

thọ mạng đã tận, hay phước báo đã tận, bị mệnh chung và từ thân Quang Âm thiên, sanh qua Phạm cung để làm bạn với vị hữu tình kia. Những loại hữu tình ở đây cũng do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy, trong một thời gian khá dài.

5. Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, vị hữu tình đầu tiên sanh qua nghĩ rằng: "Ta là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Những loài hữu tình ấy do chính ta sanh ra. Tại sao vậy? **Vì chính do ta khởi niệm:** Mong sao các loài hữu tình khác cũng đến tại chỗ này - Chính do sở nguyện của ta mà những loài hữu tình ấy đến tại chỗ này". Các loài hữu tình đến sau cũng nghĩ như thế này: "Vị ấy là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đáng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên này hóa sanh. Vì sao vậy? **Vì ta đã thấy vị này sanh trước ở đây rồi. Còn chúng ta thì sanh sau**".

6. Này các Tỷ-kheo, vị hữu tình sanh ra đầu tiên ấy

sống được lâu hơn, sắc tướng tốt đẹp hơn và được nhiều uy quyền hơn. Còn các loài hữu tình sanh sau thì sống ngắn hơn, sắc tướng ít tốt đẹp hơn và được ít quyền hơn. **Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình ấy, sau khi từ bỏ thân kia lại thác sanh đến cõi này. Khi đến cõi này, vị ấy xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.** Sau khi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ tới đời sống quá khứ ấy, chớ không nhớ xa hơn đời sống ấy. Vị ấy nói rằng: "Vị kia là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đáng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự Tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh. Vị ấy là thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh đến tại chỗ này. Chúng ta là vô thường, không kiên cố, yếu thọ và chịu sự biến dịch".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn

đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

7. Trường hợp thứ hai, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác?

Này các Tỷ-kheo, có những hạng chư Thiên gọi là Khiddāpadosikā (bị nhiễm hoặc bởi dục lạc). Những vị này sống lâu ngày, mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì sống lâu ngày, mê say trong hý tiểu dục lạc, nên bị thất niệm. Do thất niệm, các chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân thể của chúng.

8. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình kia khi thác sanh từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến chỗ này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống quá khứ ấy, chớ không nhớ xa hơn đời sống ấy.

9. Vị ấy nói rằng: "Những chư Thiên không bị nhiễm

hoặc bởi dục lạc, chúng sống lâu ngày không mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì sống lâu ngày không mê say trong hý tiểu dục lạc, nên không bị thất niệm. Nhờ không thất niệm, nên những chư Thiên ấy không thác sanh từ bỏ thân thể của chúng, sống thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta đã bị nhiễm hoặc bởi dục lạc, sống lâu ngày mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì chúng ta sống lâu ngày mê say trong hý tiểu dục lạc, nên bị thất niệm. Do thất niệm, chúng ta từ bỏ thân thể này, sống vô thường, không kiên cố, yếu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình, và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

10. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với một hạng hữu tình, và vô thường đối với một hạng hữu tình khác?

Này các Tỷ-kheo, có những hạng chư Thiên gọi là Manopadosikà (bị nhiễm hoặc bởi tâm trí). Chúng sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau. Vì sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của chúng oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí oán ghét lẫn nhau, nên thân chúng mệt mỏi, tâm chúng mệt mỏi. Các hạng chư Thiên ấy thác sanh từ bỏ thân thể này của chúng.

11. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong các vị hữu tình kia, khi thác sanh từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến cõi này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống quá khứ ấy, nhưng không nhớ xa hơn đời sống ấy.

12. Vị ấy nói rằng: "Những vị chư Thiên không bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, chúng sống lâu ngày không nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau. Vì sống lâu ngày không nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của chúng không oán ghét nhau. Vì tâm trí chúng không oán ghét nhau, nên thân chúng không mệt mỏi, tâm chúng không mệt mỏi. Những hàng chư Thiên ấy không thác sanh từ bỏ thân thể của chúng, sống

thường hằng kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi". Còn chúng ta bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, nên tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau, nên thân mệt mỏi và tâm mệt mỏi. Chúng ta thác sanh, từ bỏ thân này, sống vô thường không kiên cố, yếu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ ba, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

13. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

Này các Tỷ-kheo, có Sa-môn, hay Bà-la-môn là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ biện bác của suy luận và sự tùy thuộc theo thẩm sát, vị này tuyên bố như thế này: "Cái gọi là mắt, là tai, là mũi,

là lõi, là thân, cái bản ngã ấy vô thường, không kiên cố, không thường trú, bị chuyển biến. Cái gọi là tâm, là ý, là thức, cái bản ngã ấy là thường còn, bất biến, thường trú, không bị chuyển biến, thường hằng như vậy mãi mãi".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ tư, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình, và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

14. Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn, Bà-la-môn này chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn, chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

15. Này các Tỷ-kheo, Như Lai biết rằng: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy, Ngài

lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ biết vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

16. Này các Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên, **chấp thế giới là Hữu biên Vô biên** với **bốn luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp?

17. Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, **vị ấy sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là hữu biên**. Vị ấy nói rằng: "Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng chung

quanh. Vì sao vậy? Vì tôi, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi sống với tư tưởng thế giới là hữu biên. Do đó tôi biết rằng thế giới này là hữu biên, có một đường vòng chung quanh".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên và vô biên.

18. Trường hợp thứ hai, có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên và vô biên?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn, Bà-la-môn, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là vô biên. Vị ấy nói: "Thế giới này là vô biên, không có giới hạn". Những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng xung quanh", những vị ấy nói không đúng sự thật. Thế giới này là vô biên, không có giới hạn. Tại sao vậy? Vì tôi nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức

niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi sống với tư tưởng thế giới là vô biên. Do đó tôi biết: "Thế giới này là vô biên, không có giới hạn".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên.

19. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là hữu biên về phía trên, phía dưới và thế giới là Vô biên về phía bề ngang. Vị ấy nói: "Thế giới này là hữu biên và vô biên". Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng xung quanh, thì những vị ấy nói không đúng sự thật". Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này là vô biên không có giới hạn thì những vị ấy nói không đúng sự thật. Thế giới này vừa là hữu biên, vừa là vô biên. Tại sao vậy? Vì rằng, tôi nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ

không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi sống ở trong đời với tư tưởng, thế giới là hữu biên về phía trên, phía dưới, và thế giới là vô biên về phía bề ngang. Do vậy tôi biết: "Thế giới này vừa là hữu biên vừa là vô biên".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ ba, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên.

20. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ biện bác của suy luận và sự tùy thuận theo thẩm sát, vị này tuyên bố như sau: "Thế giới này không phải là hữu biên, cũng không phải là vô biên. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này là hữu biên có giới hạn xung quanh", những vị ấy nói không đúng sự thật. Lại những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này là vô biên không có giới hạn" những vị ấy cũng nói không đúng sự thật. Lại những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này vừa là hữu biên vừa là vô biên", những vị ấy cũng nói

không đúng sự thật. Thế giới này cũng không phải là hữu biên, cũng không phải là vô biên.

21. Đây các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này **chủ trương Hữu biên Vô biên luận với bốn luận chấp**. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên, chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

22. Đây các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những

pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

23. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn **chủ trương Ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uồn như con lươn với bốn luận chấp.** Và những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uồn như con lươn với bốn luận chấp?

24. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn không như thật biết "Đây là thiện" không như thật biết "Đây là bất thiện". Vị ấy nghĩ: Tôi không như thật biết: "Đây là thiện", không như thật biết: "Đây là bất thiện" và nếu tôi trả lời: "Đây là thiện" hoặc tôi trả lời: "Đây là bất thiện", thời dục, tham, sân hoặc hận, khởi lên nơi tôi. Nếu dục, tham, sân hoặc hận, khởi lên nơi tôi, như vậy tôi có thể bị sai lầm. Nếu tôi sai lầm thì tôi bị phiền muộn. Nếu tôi bị phiền muộn sẽ thành một chướng ngại cho tôi - Như vậy, vì sợ sai lầm, vì chán ghét sai lầm, nên vị ấy không trả lời: "Đây là thiện", cũng không trả lời: "Đây là bất thiện". Khi hỏi đến vấn đề này hay vấn

đề khác, vị ấy dùng lời ngụy biện trườn uốn như con lươn: "Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn.

25. Trường hợp thứ hai, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương Ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn? (1)

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn, không như thật biết "Đây là thiện", không như thật biết "Đây là bất thiện". Vị ấy nghĩ: Tôi không như thật biết: "Đây là thiện", không như thật biết: "Đây là bất thiện". Vì tôi không như thật biết: "Đây là thiện", không như thật biết "Đây là bất thiện". Và nếu tôi trả lời: "Đây là thiện" hoặc tôi trả lời: "Đây là bất thiện", thời dục, tham, sân hoặc hận, khởi lên nơi tôi. Nếu dục, tham, sân hoặc hận khởi lên nơi tôi, như vậy tôi có thể chấp thủ. Nếu tôi chấp thủ, thì tôi bị

phiền muộn. Nếu tôi bị phiền muộn, thời thành một chướng ngại cho tôi.

- Như vậy, vì sợ chấp thủ, vì chán ghét chấp thủ, nên vị ấy không trả lời: "Đây là thiện", cũng không trả lời: "Đây là bất thiện". Khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, vị ấy dùng lời ngụy biện trườn uốn như con lươn: "Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế". Nay các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận, khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn.

(1) Hỏi một đường đáp một ngã (trườn uốn như con lươn).

26. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn?

- Nay các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn không như thật biết "Đây là thiện", không như thật biết "Đây là bất thiện". Vị ấy nghĩ: Tôi không như

thật biết: "Đây là thiện", không như thật biết: "Đây là bất thiện". Vì tôi không như thật biết "Đây là thiện", không như thật biết "Đây là bất thiện" và nếu tôi trả lời: "Đây là thiện" hoặc trả lời: "Đây là bất thiện", có những Sa-môn, Bà-la-môn, bác học, tế nhị, nghị luận biện tài, biện bác như chia chẻ sợi tóc, những vị này đi chỗ này chỗ kia, như muốn đả phá các tà kiến với trí tuệ của chúng, chúng có thể đọ tài, chất vấn và cật nạn tôi. Nếu chúng đọ tài, chất vấn, cật nạn tôi, tôi có thể không giải đáp được cho chúng. Nếu tôi không giải đáp được cho chúng, thì tôi bị phiền muộn. Nếu tôi bị phiền muộn thì thành một chứng ngại cho tôi - Như vậy, vì sợ bị thử thách, vì chán ghét thử thách, nên vị ấy không trả lời: "Đây là thiện", cũng không trả lời: "Đây là bất thiện". Khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, vị ấy dùng lời nguy biện trườn uốn như con lươn: "Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế". - Đây các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ ba, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, chủ trương nguy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn.

27. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương nguy biện

luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn?

- Nay các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn, **Bà-la-môn đàn độn ngu si**. Vị này, vì đàn độn ngu si, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, liền dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn: "Anh hỏi tôi có một thế giới khác hay không?" Nếu tôi nghĩ "Có một thế giới khác", tôi có thể trả lời với anh: "Có một thế giới khác". Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế. Nếu anh hỏi tôi: "Không có một thế giới khác phải không?" Nếu tôi nghĩ: "Không có một thế giới khác", tôi có thể trả lời với anh: "Không có một thế giới khác". Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế. Nếu anh hỏi tôi "Không có một thế giới khác phải không?" (... như trên...) "Cũng có và cũng không có một thế giới khác?", "Cũng không có và cũng không không có một thế giới khác?", "Có loại hữu tình hóa sanh?", "Không có loại hữu tình hóa sanh?" , "Cũng có và cũng không có loại hữu tình hóa sanh?", "Cũng không có và cũng không không có loại hữu tình hóa sanh?", "Có kết quả dị thực của các nghiệp thiện và

ác?", "Không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện và ác?", "Cũng có và cũng không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện và ác?", "Cũng không có và cũng không không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện và ác?", "Như Lai có tồn tại sau khi chết?", "Như Lai không có tồn tại sau khi chết?", "Như Lai có và không có tồn tại sau khi chết?", "Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết?". Anh hỏi tôi như vậy. Nếu tôi nghĩ: "Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết". Tôi có thể trả lời: "Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết". Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế.

-Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ tư, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương nguy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn.

28. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương nguy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Nếu có những Sa-môn

hay Bà-la-môn nào chủ trương nguy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn, chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

29. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa. Và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, nay các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, nay các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

30. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn

chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với **hai luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh?

31. Nay các Tỷ-kheo, có những chư Thiên gọi là Vô tướng hữu tình. Khi một tướng niệm khởi lên, thời chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân chư Thiên của mình. Nay các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong loài hữu tình ấy, khi thác sanh từ bỏ thân chư Thiên ấy của mình, lại sanh đến cõi này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Vị ấy nhớ đến khi tướng niệm phát sanh, chớ không nhớ xa hơn nữa. Vị ấy nói: "Bản ngã và thế giới do vô nhân sanh. Tại sao vậy? Vì rằng tôi trước kia không có, nay tôi có. Từ nơi trạng thái không có, tôi trở thành loài hữu tình".

Nay các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh.

32. Trường hợp thứ hai, những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn là nhà biện luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ biện bác của suy luận và sự tùy thuận theo thẩm sát, vị ấy tuyên bố: "Bản ngã và thế giới vô nhân sanh".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh.

33. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh, chúng sẽ chấp cả hai luận chấp trên hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

34. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy, Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy.

Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

35. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn **luận bàn về quá khứ tối sơ**, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp trên. Này các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn hoặc Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác, chúng sẽ chấp cả **mười tám luận chấp** trên hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

36. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến cõi thú như vậy, sẽ tác thành những

định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa. Và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. **Và chính những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.**

37. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn **LUẬN BÀN VỀ TƯƠNG LAI**, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với **bốn mươi bốn luận chấp**. *Và những vị Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai đề xướng nhiều ý kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp?*

38. Nay các Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn **chủ trương hữu tướng sau khi chết, chấp bản ngã có tướng sau khi chết** với **mười sáu luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết, với mười sáu luận chấp?

- Những vị này chủ trương: "Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết có tướng".
- Chúng chủ trương: "Bản ngã có sắc và cũng không có sắc ...",
- "Bản ngã cũng không có sắc và cũng không không có sắc ...",
- "Bản ngã là hữu biên...",
- "Bản ngã là vô biên ...",
- "Bản ngã là hữu biên và vô biên",
- "Bản ngã cũng không hữu biên và cũng không vô biên ...",
- "Bản ngã là nhất tướng ...",
- "Bản ngã là dị tướng ...".
- "Bản ngã là thiếu tướng ...",
- "Bản ngã là vô lượng tướng ...",
- "Bản ngã là thuần lạc ...",

- "Bản ngã là thuần khổ ...",
- "Bản ngã là khổ lạc".
- Chúng chủ trương: "Bản ngã là không khổ không lạc, không có bệnh, sau khi chết có tướng".

39. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này chủ trương hữu tướng sau khi chết, chấp bản ngã có tướng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn này chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết, chúng sẽ chấp cả mười sáu luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

40. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy, Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, nay các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

→ Những pháp ấy, nay các Tỷ-kheo, là những pháp

sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý sông, té nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

TỤNG PHẨM THỨ HAI

1. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, **chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết** với **tám luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận chấp?

2. Những vị này chủ trương:

- "Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết không có tướng",
- "Bản ngã không có sắc ...",
- "Bản ngã có sắc và cũng không có sắc ...",

- "Bản ngã không có sắc và cũng không không có sắc ...",
- "Là hữu biên ...", "Là vô biên ...",
- "Là hữu biên và vô biên ...".
- Các vị này chấp bản ngã là phi hữu biên và phi vô biên, không có bệnh, sau khi chết không có tướng.

3. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này **chủ trương Vô tướng luận sau khi chết**, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với **tám luận chấp**.
 - Nay các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết, chúng sẽ chấp cả tám luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, **ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.**

4. Nay các Tỷ-kheo. Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly

của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

→ Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý sông, té nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy nhưng ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

5. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn **chủ trương Phi Hữu tướng Phi Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng** với **tám luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Phi Hữu tướng Phi Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng với tám luận chấp?

6. Những vị này chấp:

- "Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết phi hữu tướng phi vô tướng... ",
- "Bản ngã là vô sắc... ",
- "Bản ngã có sắc và cũng không có sắc... ",

- "Bản ngã là phi hữu sắc và cũng phi vô sắc... ",
- "Bản ngã là hữu biên... ",
- "Bản ngã là vô biên... ",
- "Bản ngã là hữu biên và vô biên... ".

7. Những vị này chấp rằng: **Bản ngã là phi hữu biên và cũng phi vô biên, không có bệnh**, sau khi chết phi hữu tướng phi vô tướng, với **tám luận chấp**. Nay các Tỷ-kheo, nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào, chủ trương phi hữu tướng phi vô tướng, chúng sẽ chấp cả tám luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

8. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến những cỗi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. **Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh.** Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vi ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, nay các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

→ Những pháp ấy, nay các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu,

vượt ngoài tầm của luận lý sông, té nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

9. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, **chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, sự tiêu thất, sự hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chấp trước sự đoạn diệt, sự tiêu thất, sự hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp?

10. Nay các Tỷ-kheo, có Sa-môn hoặc Bà-la-môn chủ trương lý thuyết và ý kiến: "Vì bản ngã này có sắc, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh ra, khi thân hoại bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã này như thế hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy một số người chủ trương sự đoạn diệt, sự tiêu thất và sự hủy hoại của loài hữu tình.

11. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn

diệt. Lại còn một bản ngã khác có thiên tánh, có sắc, thuộc dục giới, ăn các đồ ăn đoàn thực. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thể hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

12. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác có thiên tánh, có sắc, do ý tạo thành, mọi chi tiết tay chân lớn nhỏ đều đầy đủ, không khuyết một căn nào. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thể hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

13. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả sắc tướng, diệt trừ các tướng chống đối, không ức niệm

các dị tướng, nhận hiểu hư không là vô biên. - Đạt đến không vô biên xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thể hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

14. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả không vô biên xứ, nhận hiểu: Thức là vô biên. - Đạt đến Thức vô biên xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thể hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

15. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả Thức vô biên xứ, nhận hiểu: không có sở hữu. - Đạt đến Vô sở hữu xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy

khi thân hoại bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thể hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

16. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thể không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả Vô sở hữu xứ, nhận hiệu: Đây là tịch tịnh, đây là mỹ diệu. - Đạt đến Phi tướng Phi phi tướng xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thể hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

17. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, **chủ trương Đoạn diệt luận**, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu thất, hủy hoại của loài hữu tình với **bảy luận chấp**. Này các Tỷ-kheo, nếu có những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu thất, hủy hoại của loài hữu tình, chúng chấp cả bảy luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

18. Này các Tỷ-kheo. Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến những cỗi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy, Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

→ Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết: và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

19. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn **chủ trương HIỆN TẠI NIẾT BÀN LUẬN**, chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với **năm luân chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-

môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hiện tại Niết bàn luận, chấp sự tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp?

20. Nay các Tỷ-kheo, có Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương và quan niệm: "Khi nào bản ngã này tận hưởng, **sung mãn năm món dục lạc**, như thế bản ngã ấy đạt đến tối thượng Niết Bàn của loài hữu tình".

21. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng Niết Bàn. Vì có sao? Vì rằng tính của dục lạc và vô thường, khổ, biến dịch. Vì tánh của chúng là biến dịch, chuyển hóa, nên ưu, bi, khổ, muộn, não phát sanh. Khi nào bản ngã ấy ly các dục lạc, ly các ác pháp, đạt đến và an trú vào **đê nhất thiên**; thiên định này có tầm, có tứ, có hỷ và có lạc, do ly dục sanh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn". Như vậy có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình.

22. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn. Vì có sao? Vì ở đây thiên định ấy có tầm, có tứ nên gọi là thô tháo. Khi

nào bản ngã ấy có tầm và tứ, đạt đến và an trú **đệ nhị thiên**. Thiên định này nội tâm yên tĩnh, trí chuyên nhất cảnh, không tầm, không tứ, hỷ lạc do định sanh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn". Như vậy có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình.

23. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn. Vì có sao? Vì ở đây tâm trí có hỷ và bị kích động nên gọi là thô tháo. Khi nào bản ngã ấy không tham hỷ, trú xả, chánh niệm, chánh trí, thân hưởng lạc mà các bậc thánh gọi là Hỷ niệm lạc trú - đạt đến và an trú **đệ tam thiên**". Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn. Như vậy, có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết Bàn. Như vậy, có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình.

24. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết bàn. Vì có sao? Vì ở đây tâm thọ lạc nên gọi là thô tháo. Khi nào bản ngã ấy xả lạc và xả khổ, diệt trừ hỷ và ưu về trước, đạt đến và an trú vào **đệ tứ thiên**. Thiên này không khổ,

không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn". Như vậy có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình.

25. **Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương Hiện tại Niết-bàn luận, chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp.** Này các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương Hiện tại Niết-bàn luận, chấp sự tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình, những vị này sẽ chấp cả năm luận chấp trên, hay một trong năm luận chấp trên, ngoài ra không còn một luận chấp nào khác nữa.

26. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn không có chấp thủ.

→ Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp

sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý sông, té nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

27. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, sẽ đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác. Chúng sẽ chấp bốn mươi bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

28. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến những cỗi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của

chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

29. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy luận bàn về quá khứ tối sơ và luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với **sáu mươi hai luận chấp**. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác. Những vị ấy sẽ chấp sáu mươi hai luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

30. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến những cỗi thú như vậy, sẽ tác thành những định mệnh như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

31. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết, và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

32. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường trú với bốn luận chấp. **Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.**

33. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. **Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.**

34. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

35. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện truôn uôn như con lươn với bốn luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

36. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

37. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá

khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

38. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã có tướng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

39. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

40. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tướng Phi Vô tướng sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng sau khi chết với tám luận chấp. *Chủ trương ấy là kinh*

nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

41. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. *Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.*

42. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hiện tại Niết Bàn luận, chấp trước sự hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. *Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.*

43. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. *Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích*

thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

44. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. *Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.*

45. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường trú với bốn luận chấp. **Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).**

46. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. **Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).**

47. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

48. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uồn như con lươn với bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi là do sự xúc chạm (của các căn).

49. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

50. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y chỉ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

51. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã có tướng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

52. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

53. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tướng Phi Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

54. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Đoạn biệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

55. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hiện tại Niết bàn luận, chấp trước sự hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

56. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát

khởi do sự xúc chạm (của các căn).

57. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

58. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp. **Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.**

59. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới, là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

60. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế

giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

61. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uồn như con lươn với bốn luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

62. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

63. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y chỉ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

64. Đây các Tỷ-kheo , ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã có tướng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ

trương trên, nếu không có cảm xúc.

65. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

66. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tướng Phi Vô tướng sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng sau khi chết với tám luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

67. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương, trên, nếu không có cảm xúc.

68. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hiện tại Niết Bàn luận, chấp trước sự hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

69. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-

la-môn, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

70. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

71. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận; những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Ngụy biện luận; những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Vô nhân luận; những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết, những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô

tưởng luận sau khi chết; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tưởng Phi Vô tưởng sau khi chết; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Đoạn diệt luận; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương hiện tại Niết Bàn luận; những Sa-môn, Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ; những Sa-môn, Bà-la-môn luận bàn về tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ vào quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. **Tất cả những vị này có những cảm thọ (những chủ trương trên) do sự xúc chạm qua sáu xúc xứ.**

Do duyên với những cảm thọ mà tham ái phát khởi; do duyên tham ái, thủ phát khởi; do duyên thủ, hữu phát khởi; do duyên hữu, sanh phát khởi, do duyên sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não phát khởi. Nay các Tỷ-kheo, khi Tỷ-kheo như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu chỗ xuất xứ, vị ấy sẽ có một sự hiểu biết vượt ra ngoài những điều trên.

72. Nay các Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn nào luận bàn về quá khứ tối sơ, hay luận bàn về tương lai, hay luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ vào quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến

sai khác tất cả **những vị này đều bị bao trùm bởi lưới của sáu mươi hai luận chấp này, dầu chúng nhảy vọt lên, chúng vẫn bị hạn cuộc bao phủ ở nơi đây.**

Này các Tỷ-kheo, cũng ví như người đánh cá lành nghề hay người học đánh cá vung lưới trên mặt hồ nước nhỏ có mắt sít sao. Người ấy nghĩ: "Những con cá lớn ở trong hồ nước nhỏ này, tất cả chúng đều bị bao phủ trong tấm lưới này, dầu chúng có nhảy vọt lên, chúng vẫn bị hạn cuộc bao phủ ở nơi đây". Cũng như vậy này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào, luận bàn về quá khứ tối sơ, hay luận bàn về tương lai, hay luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác, tất cả những vị này đều bị bao phủ trong lưới của sáu mươi hai luận chấp này; dầu có nhảy vọt lên, những vị này vẫn bị hạn cuộc bao phủ ở nơi đây.

73. **Này các Tỷ-kheo, thân của Như Lai còn tồn tại, những cái khiến đưa đến đời sống khác đã bị chấm dứt. Khi thân của vị này còn tồn tại thời chư Thiên và loài Người còn có thể thấy thân ấy. Khi thân hoại mạng chung, thời chư Thiên và loài Người không thể thấy được.**

Này các Tỷ-kheo, như nhánh có một chùm xoài bị chặt đứt, tất cả trái xoài dính với nhánh ấy đều bị chung một số phận với nhánh kia. Cũng như vậy này các Tỷ-kheo, thân của Như Lai còn tồn tại, nhưng cái khiến đưa đến một đời sống khác đã bị chặt đứt. Khi thân của vị này còn tồn tại thời chư Thiên và loài Người có thể thấy thân ấy. Khi thân hoại mạng chung thời chư Thiên và loài Người không thể thấy được.

74. Khi nghe nói vậy, đại đức Ananda bạch đức Thế Tôn:

- Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn! Hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Pháp môn này gọi là gì, bạch Thế Tôn?

- Này Ananda, pháp môn này gọi là "Lợi Vông", hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "Pháp Vông", hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "Phạm Vông", hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "Kiếm Vông", hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "Vô thượng Chiến thắng", hãy như vậy mà phụng trì.

Thế Tôn thuyết như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi kinh này được truyền thuyết, một ngàn thế giới đều rung động.

177 Không thể thoái đoạ - Kinh KHÔNG THỂ RƠI XUỐNG – Tăng I, 623

KHÔNG THỂ RƠI XUỐNG – Tăng I, 623

1. - Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, **Tỷ-kheo không có thể bị thoái đoạ, vị ấy gần Niết-bàn**. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

- Đầy đủ giới,
- Hộ trì các căn,
- Biết tiết độ trong ăn uống,
- Chú tâm cảnh giác.

2. *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đầy đủ giới?* - Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có giới, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhất, chấp nhận và học tập trong các học pháp.

3. *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn?* - Ở đây, này các Tỷ-kheo, khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, làm cho nhãn

căn không được chế ngự, khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thật hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc... khi ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, làm cho ý căn không được chế ngự, khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thật hành sự hộ trì ý căn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hộ trì ý căn.

4. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo tiết độ trong ăn uống? - Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chon chánh giác sát thọ dụng món ăn khát thực, không phải vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được sống lâu và được bảo dưỡng, để thân này khỏi bị thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy, ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới, và ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an ổn." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là biết tiết độ trong ăn uống.

5. Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo chú tâm cảnh giác? - Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ban ngày đi kinh hành, hay trong lúc ngồi, tẩy sạch

tâm tư khỏi các pháp chương ngại. Ban đêm, canh một, vị ấy đi kinh hành hay trong lúc ngồi tẩy sạch tâm tư khỏi các pháp chương ngại. Ban đêm, canh giữa, vị ấy nằm dằng nằm con sư tử bên hông tay phải, một chân đặt trên chân kia, chánh niệm tỉnh giác, tâm nghĩ đến thức dậy lại. Ban đêm, canh cuối, vị ấy thức dậy đi kinh hành hay trong lúc ngồi, tẩy sạch tâm tư khỏi các pháp chương ngại.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không thể thoái đạo, tiến gần đến Niết-bàn.

*6. Tỷ-kheo an trú giới,
Sống chế ngự các căn,
Biết tiết độ ăn uống,
Và chú tâm cảnh giác,
Sống an trú như vậy,
Ngày đêm không mệt mỏi
Tu tập các thiện pháp,
Đạt an ổn ách nạn,
Ưa thích không phóng dật,
Thấy sợ hãi phóng dật,
Không có thể thoái đạo,
Tỷ-kheo gần Niết-bàn.*

178 Không thể tiến bộ - 10 pháp - Kinh CÂU HỎI VỀ CHÁNH TRÍ – Tăng IV, 454

CÂU HỎI VỀ CHÁNH TRÍ – Tăng IV, 454

(Tuyên bố chánh trí – vì tăng thượng mạn; Tôn giả Mahà Kassapa; sự kiện có xảy ra và không xảy ra; pháp đưa đến không thể lớn mạnh)

1. Một thời, Tôn giả Mahàkassapa ở tại Ràjagaha (Vương Xá), Trúc Lâm, tại vườn nuôi dưỡng các con sóc. Tại đây, Tôn giả Kassapa gọi các Tỷ-kheo:

- Này chư Hiền Tỷ-kheo

- Thừa vâng Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahàkassapa. Tôn giả Mahàkassapa nói như sau:

2. - Ở đây, này chư Hiền Tỷ-kheo nói lên chánh trí, nói rằng: "*Tôi biết rõ như sau: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". Như Lai hay đệ tử Như Lai là bậc Thánh hiền, thiện xảo trong thiên chúng, thiện xảo trong tâm người khác, thiện xảo*

trong hành tướng tâm người khác, thẩm vấn, gạn hỏi, thảo luận. Vị ấy khi bị Như Lai hay đệ tử Như Lai là những bậc hành thiện, thiện xảo trong thiện chứng, thiện xảo trong tâm người khác, thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, thẩm vấn, gạn hỏi, thảo luận, rơi vào trống không, rơi vào rồi ren, rơi vào bế tắc, rơi vào bất hạnh, rơi vào bế tắc và bất hạnh.

Như Lai hay đệ tử Như Lai, là những vị hành thiện... thiện xảo trong hành tướng tâm của người khác, với tâm của mình, tác ý đến tâm người ấy như sau: "Như thế nào, vị Tôn giả này nói lên chánh trí, nói rằng: "Tôi rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"". Như Lai hay đệ tử Như Lai, là những bậc hành thiện... thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, với tâm của mình, biết được tâm người ấy như sau:

"Tăng thượng mạn là Tôn giả này, xem tăng thượng mạn của mình như là sự thật, chưa chứng đạt tưởng rằng đã chứng đạt, chưa làm tưởng đã làm, chưa chứng đắc tưởng rằng đã chứng đắc, với tăng thượng mạn đã tuyên bố về chánh trí", nói rằng: "Tôi rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"".

Như Lai hay đệ tử Như Lai là những vị hành thiện... thiện xảo trong hành tướng tâm của người khác, với tâm của mình, tác ý đến tâm người ấy: *"Dựa trên gì, Tôn giả này tăng thượng mạn, xem tăng thượng mạn của mình như là sự thật, chưa chứng đạt tưởng rằng đã chứng đạt... chưa chứng đắc tưởng rằng đã chứng đắc, với tăng thượng mạn, đã tuyên bố về chánh trí", nói rằng: "Tôi rõ biết: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa"?* Như lai hay đệ tử Như Lai, là những vị hành thiện... thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, với tâm của mình, biết được tâm của người ấy: **"Nghe nhiều** là Tôn giả này, thọ trì điều đã nghe, cất chứa điều đã nghe. Những pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, tán thán đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn trong sạch, những pháp như vậy, vị ấy nghe nhiều, thọ trì điều được nghe, thọ trì đọc tụng bằng lời, với ý khéo quán sát, khéo thể nhập, với chánh kiến. Do vậy, Tôn giả này, tăng thượng mạn, xem tăng thượng mạn của mình như là sự thật, chưa chứng đạt tưởng rằng đã chứng đạt, chưa làm tưởng rằng đã làm, chưa chứng đắc tưởng rằng đã chứng đắc, với tăng thượng mạn, đã tuyên bố về chánh trí, nói rằng: "Tôi rõ biết: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa"".

Như Lai hay đệ tử Như Lai là những vị hành thiền... thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, như vậy với tâm của mình, biết rõ tâm của người ấy:

1. "**Tham** là Tôn giả này, sống nhiều với tâm bị tham chi phối, và bị tham chi phối nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.
2. **Sân** là vị Tôn giả này, sống nhiều với tâm bị sân chi phối...
3. **Hôn trầm thùy miên** là vị Tôn giả này và sống nhiều với tâm bị hôn trầm thùy miên chi phối, và bị hôn trầm thùy miên chi phối nghĩa là tổn giảm...
4. **Trao cử** là tôn giả này, và vị ấy sống nhiều với tâm bị trạo cử chi phối, và tâm bị trạo cử chi phối nghĩa là tổn giảm...
5. **Nghi** là vị Tôn giả này, sống nhiều với tâm bị nghi hoặc chi phối...
6. **Ưu thích công việc** là vị Tôn giả này, thích thú công việc, chuyên chú trong thích thú công việc, và ưa thích công việc nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.
7. **Ưu thích nói chuyện** là Tôn giả này, thích thú nói chuyện, chuyên chú trong thích thú nói chuyện, thích thú nói chuyện là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

8. Ưu thích ngũ ngũ là Tôn giả này, thích thú ngũ ngũ, và tánh thích thú ngũ ngũ nghĩa là tôn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.
9. Ưu thích hội chúng, là vị Tôn giả này, thích thú hội chúng, chuyên chú ưa thích hội chúng, ưa thích hội chúng có nghĩa là tôn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.
10. Thất niệm là vị Tôn giả này, đối với các Pháp cao thượng chỉ được phần nhỏ, dầu cho có chúng được thù thắng nhưng chỉ là phần nhỏ, lại đứng lại giữa đường; đứng lại giữa đường, có nghĩa là tôn giảm trong Pháp Luật do Như Lai thuyết giảng."

3. Tỷ-kheo ấy, này chư Hiền, không đoạn tận mười pháp này, sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, sự kiên này không xảy ra.

Tỷ-kheo ấy, này chư Hiền, đoạn tận mười pháp này, sẽ được tăng trưởng lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, sự kiên này có xảy ra.

179 Không thể tiến bộ - Kinh ÀNANDA – Tăng IV, 444

ÀNANDA – Tăng IV, 444

1. Rồi Tôn giả Ànanda đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn với Tôn giả Ànanda đang ngồi một bên:

2. - Này Ànanda:

1. Tỷ-kheo nào **không có lòng tin**, sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong pháp luật này, sự kiện này không xảy ra.
2. Tỷ-kheo nào **ác giới**...
3. ...**không nghe pháp**...
4. ...**khó nói**...
5. ...**làm bạn với ác**...
6. ...**biếng nhác**...
7. ...**thất niệm**...
8. ...**không biết đủ**...
9. ...**ác dục**...
10. Tỷ-kheo nào có **tà kiến** sẽ được tăng trưởng lớn mạnh, lớn rộng trong pháp luật này, sự kiện không xảy ra.

Này Ànanda, Tỷ-kheo nào thành tựu mười pháp này, sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này, sự kiện này không có xảy ra.

3. Này Ànanda:

1. Tỷ-kheo nào **có lòng tin**, sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này, **sự kiện này có xảy ra**,
2. Tỷ-kheo nào **có giới**...
3. ...**nghe pháp, thọ trì điều đã nghe**...
4. ...**để nói**...
5. ...**làm bạn với thiện**...
6. ...**tinh cần, tinh tấn**...
7. ...**trú niệm**...
8. ...**biết đủ**...
9. ...**ít dục**...
10. Tỷ-kheo nào **có chánh tri kiến**, sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này, sự kiện này có xảy ra.

Này Ànada, Tỷ-kheo nào thành tựu mười pháp này sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này, sự kiện này có xảy ra.

180 Không thể tu tập 4nx - Kinh QUÁN 1 – Tăng III, 270

QUÁN 1 – *Tăng III, 270*

1. - Không đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, **không có thể trú quán thân trên thân.**

2. Thế nào là sáu?

- Ưa thích công việc,
- Ưa thích nói chuyện,
- Ưa thích ngủ nghỉ,
- Ưa thích hội chúng,
- Không phòng hộ các căn,
- Không tiết độ trong ăn uống.

Này các Tỷ-kheo, không đoạn tận sáu pháp này, không thể trú quán thân.

3. Đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, có thể trú quán thân trên thân.

4. Thế nào là sáu?

- Ưa thích công việc, ưa thích nói chuyện, ưa thích ngủ nghỉ, ưa thích hội chúng, không phòng hộ các căn, không tiết độ trong ăn uống.

Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể trú quán thân trên thân.

QUÁN 2 – 271tc3

1. - Không đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, không có thể quán thân trên nội thân... trên ngoại thân... trên nội ngoại thân... trên các cảm thọ... trên các nội thọ... trên các ngoại thọ... trên các nội ngoại thọ... trên tâm... trên nội tâm... trên ngoại tâm... trên các nội ngoại tâm... trên các pháp... trên các nội pháp... trên các ngoại pháp... trên các nội ngoại pháp.

2. Thế nào là sáu?

- Ưa thích công việc,
- Ưa thích nói chuyện,
- Ưa thích ngủ nghỉ,
- Ưa thích hội chúng,
- Không phòng hộ các căn,
- Không tiết độ trong ăn uống.

Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể trú quán pháp trên nội ngoại pháp.

181 Không thể đo lường - Kinh MIGASALA – Tăng III, 110

MIGASALA – Tăng III, 110

1. Rồi Tôn giả Ānanda vào buổi sáng đắp y, cầm y vát, đi đến trú xứ của nữ tu sĩ Migasàlà; sau khi đến, ngồi trên ghế đã soạn sẵn, ngồi xuống một bên, nữ cư sĩ Migasàlà thưa với Tôn giả Ānanda:

2.- Như thế nào, thế nào, thưa Tôn giả Ānanda, cần phải hiểu pháp này do Thế Tôn tuyên thuyết (nói rằng): "Cả hai sống Phạm hạnh và sống không Phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai?" Puràna, thân phụ của con, thưa Tôn giả, sống Phạm hạnh, sống biệt lập, tránh xa dâm dục hạ liệt, khi mệnh chung được Thế Tôn trả lời: "Là bậc Dự lưu sanh với thân ở Tusitā (Đâu-suất)". Còn Isidatta, cậu của con, thưa Tôn giả, sống không Phạm hạnh, tự bằng lòng với vợ mình, sau khi mệnh chung được Thế Tôn trả lời: "Là bậc Dự lưu, sanh với thân ở Tusitā". Như thế nào, thế nào, thưa Tôn giả Ānanda, cần phải hiểu pháp này do Thế Tôn tuyên thuyết (nói rằng): "Cả hai sống Phạm hạnh và sống không Phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai?"

- *Này Chị, như vậy là câu trả lời của Thế Tôn.*

3. Tôn giả Ànanda sau khi nhận đồ ăn khát thực tại nhà của nữ cư sĩ Migasàlà, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi. Rồi Tôn giả Ànanda, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ànanda bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, vào buổi sáng con đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của nữ cư sĩ Migasàlà, sau khi đến, con ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Nữ cư sĩ Migasàlà đi đến con, sau khi đến, đánh lễ con rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn, nữ cư sĩ Migasàlà thưa với con: "Nhu thế nào, thế nào, thưa Tôn giả Ànanda, cần phải hiểu pháp này do Thế Tôn tuyên thuyết (nói rằng): "Cả hai sống Phạm hạnh và sống không Phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai". Puràna thân phụ con, thưa Tôn giả, sống Phạm hạnh, sống biệt lập, tránh xa dâm dục hạ liệt, khi mệnh chung, được Thế Tôn trả lời: "Là bậc Dự lưu, sanh với thân ở Tusità". Còn Isidatta, cậu của con, thưa Tôn giả, sống không Phạm hạnh, tự bằng lòng với vợ mình, sau khi mệnh chung, được Thế Tôn trả lời: "Là bậc Dự lưu, sanh với thân ở Tusità". Như thế nào, thế nào, thưa Tôn giả Ànanda, cần phải hiểu pháp này do Thế Tôn tuyên thuyết (nói rằng): " Cả hai sống Phạm hạnh và sống không Phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai"? "Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con nói

với nữ cư sĩ Migasàlà: "Này Chị, như vậy là câu trả lời của Thế Tôn".

- Nhưng này Ànanda, ai là nữ cư sĩ Migasàlà lại ngu si, kém thông minh, với thân như bà mẹ, với trí như bà mẹ, **để có thể hiểu biết sự thắng liệt giữa các người?**

❖ Này Ànanda, có sáu hạng người có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là sáu?

4.- Ở đây, này Ànanda, có người khéo tư chế ngự, dễ chung sống, các đồng Phạm hạnh hoan hỷ sống chung, nhưng nghe pháp không có tác động gì, học nhiều không có tác động gì, không thể nhập vào tri kiến, không chứng đắc thời giải thoát. Người ấy sau khi thân hoại mạng chung hướng về thối đạo, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đạo, không đi về thù thắng.

5. Ở đây, này Ànanda, có người khéo tư chế ngự, dễ chung sống, các đồng Phạm hạnh hoan hỷ sống chung. Vì ấy nghe Pháp có tác động, học nhiều có tác động, có thể nhập vào tri kiến, có chứng đắc thời giải thoát. Người ấy sau khi thân hoại mạng chung hướng về thù thắng, không hướng về thối đạo, chỉ đi đến thù thắng, không đi về thối đạo.

Ở đây, này Ànanda, những kẻ đo lường, đo lường như sau: "Những pháp ấy của vị này là như vậy, những pháp ấy của vị kia là như vậy; làm sao trong

những hạng người này, có người hạ liệt, có người là thắng diệu? Và do sự đo lường ấy, này Ànanda, đối với những người đo lường là không hạnh phúc, là đau khổ lâu dài.

Ở đây, này Ànanda, hạng người này, khéo tự chế ngự, dễ chung sống, các đồng Phạm hạnh hoan hỷ sống chung. Vị này nghe pháp có tác động, học nhiều có tác động, thể nhập được vào tri kiến, chứng được thời giải thoát. Hạng người này so với hạng người trước là tiến bộ hơn, là thắng diệu hơn. **Vì có sao? Vì dòng pháp đưa người này ra phía trước.** Nhưng ai ngoài Như Lai có thể biết được sự khác biệt? Do vậy, này Ànanda, chớ có là người đo lường các hạng người. Chớ có lấy sự đo lường của các hạng người. Này Ànanda, tự đào hố cho mình là người đi lấy sự đo lường của các hạng người. Chỉ có Ta, này Ananda, mới có thể lấy sự đo lường của các hạng người, hay là người như Ta.

6. Ở đây, này Ànanda, có hạng người đã chinh phục được phần nộ và kiêu mạn, nhưng thỉnh thoảng các tham pháp khởi lên; với người này, nghe pháp không có tác động, học nhiều không có tác động, không thể nhập tri kiến, không chứng được thời giải thoát. Hạng người này sau khi thân hoại mạng chung hướng về thối đạo, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đạo, không đi về thù thắng.

7. Ở đây, này Ànanda, có hạng người đã chinh phục được phần nô và kiêu mạn, nhưng thỉnh thoảng các tham pháp khởi lên; với người này, nghe pháp có tác động, học nhiều có tác động, có thể nhập tri kiến, có chứng được thời giải thoát. Người ấy sau khi thân hoại mạng chung hướng về thù thắng, không hướng về thối đạo, chỉ đi đến thù thắng, không đi đến thối đạo...

8. Nhưng ở đây, này Ànanda, có hạng người đã chinh phục được phần nô và kiêu mạn, nhưng thỉnh thoảng khẩu hành khởi lên; với người này, nghe pháp không có tác động, học nhiều không có tác động, không thể nhập tri kiến, không chứng được thời giải thoát. Hạng người này sau khi thân hoại mạng chung hướng về thối đạo, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đạo, không đi đến thù thắng.

9. Ở đây, này Ànanda, có hạng người đã chinh phục được phần nô và kiêu mạn, nhưng thỉnh thoảng khẩu hành khởi lên. Với người này, nghe pháp có tác động, học nhiều có tác động, có thể nhập tri kiến, chứng được thời giải thoát. Hạng người này sau khi thân hoại mạng chung hướng về thù thắng, không hướng về thối đạo, chỉ đi đến thù thắng, không đi đến thối đạo.

Ở đây, Này Ànanda, những kẻ đo lường đo lường như sau: "Những pháp ấy của vị này là như vậy;

những pháp ấy của vị kia là như vậy. Làm sao trong những hạng người là hạ liệt, có người là thắng diệu? "Và sự đo lường ấy, này Ànanda, đối với những người đo lường là không hạnh phúc, là đau khổ lâu dài.

Ở đây, này Ànanda, hạng người này khéo tự chế ngự, dễ chung sống, các đồng Phạm hạnh hoan hỷ sống chung. Vị này nghe pháp có tác động, học nhiều có tác động, thể nhập được vào tri kiến, chứng được thời giải thoát. Hạng người này, này Ànanda, so sánh với hạng người trước là tiến bộ hơn, là thắng diệu hơn.

Vì có sao? Vì dòng pháp đưa người này ra phía trước. Nhưng ai ngoài Như Lai có thể biết được sự khác biệt? Do vậy, này Ànanda, chớ có làm người đo lường các hạng người. Chớ có lấy sự đo lường của các hạng người. Này Ànanda, tự đào hố cho mình là người đi lấy sự đo lường của các hạng người. Chỉ có Ta, này Ànanda, mới có thể lấy sự đo lường của các hạng người này hay là người như Ta.

- Và này Ànanda, ai là nữ cư sĩ Migasàlà, lại ngu si, kém thông minh, với thân như bà mẹ, với trí như bà mẹ, để có thể biết sự thắng liệt giữa các người? Này Ànanda, có sáu hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời.

- Giới như thế nào, này Ànanda, Puràna được thành tựu, giới ấy Isidatta chưa thành tựu. Do vậy ở đây, Puràna có sanh thú khác với sanh thú của Isidatta.
- Tuệ như thế nào, này Ànanda, Isidatta được thành tựu, tuệ ấy Puràna chưa thành tựu. Do vậy ở đây, Isidatta có sanh thú khác với sanh thú của Puràna.
- ➔ Như vậy, này Ànanda, cả hai người này đều có thiếu sót một chi phần.

182 Không thể đạt được chánh định - Kinh THIỀN ĐỊNH – Tăng II, 531

THIỀN ĐỊNH – *Tăng II*, 531

1. - Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể đạt đến và an trú chánh định. Thế nào là năm?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo không kham nhẫn các sắc,
- Không kham nhẫn các tiếng,
- Không kham nhẫn các hương,
- Không kham nhẫn các vị,
- Không kham nhẫn các xúc.

Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể đạt đến và an trú chánh định.

3. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể đạt đến và an trú chánh định. Thế nào là năm?

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo kham nhẫn các sắc,
- Kham nhẫn các tiếng,
- Kham nhẫn các hương,

- Kham nhẫn các vị,
- Kham nhẫn các xúc.

Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể đạt đến và an trú chánh định.

183 Không thể đạt được sức mạnh trong thiền định - Kinh SỨC MẠNH – Tăng III, 237

SỨC MẠNH – Tăng III, 237

1. - Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể đạt được sức mạnh trong Thiền định.

Thế nào là sáu?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo không thiện xảo đạt được thiền định,
- Không thiện xảo an trú được Thiền định,
- Không thiện xảo xuất khỏi thiền định,
- Làm việc không chu toàn,
- Làm việc không kiên trì,
- Và làm việc không có lợi ích.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể đạt được sức mạnh trong Thiền định.

3. Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo có thể đạt được sức mạnh trong Thiền định. Thế nào là sáu?

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo thiện xảo đạt được Thiên định,
- Thiện xảo an trú được Thiên định,
- Thiện xảo xuất khỏi Thiên định,
- **Làm việc có chu toàn,**
- **Làm việc có kiên trì,**
- **Làm việc có lợi ích.**

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo có thể đạt được sức mạnh trong Thiên định.

184 Không thể đạt được địa vị chứng nhân - Kinh CHỨNG NHÂN – Tăng III, 235

CHỨNG NHÂN – Tăng III, 235

1- Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể đạt được địa vị chứng nhân, quả chứng này hay quả chứng khác, đều thuộc loại xứ nào.

Thế nào là sáu?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo không như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào thối đạo",
- Không như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào an trú",
- Không như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào thắng tiến hay thù thắng",
- Không như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào thể nhập",
- Làm việc không chu toàn
- Và làm việc không có lợi ích.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể đạt được địa vị một chứng nhân, quả chứng này hay quả chứng khác, đều thuộc loại xứ nào.

3. Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể đạt được địa vị chứng nhân, quả chứng này hay quả chứng khác, đều thuộc loại xứ nào.

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào thời đoạn",
- Như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào an trú",
- Như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào thắng tiến"
- Như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào thể nhập",
- **Làm việc có chu toàn,**
- **Làm việc có lợi ích.**

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể đạt được địa vị chứng nhân, quả chứng này hay quả chứng khác, đều thuộc loại xứ nào.

185 Không thể đạt đến tận cùng thế giới - Kinh ROHITASSA 1 – Tăng I, 641

ROHITASSA 1 – Tăng I, 641

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi Thiên tử Rohitassa sau khi đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng chiếu sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Rohitassa bạch Thế Tôn:

- Tại chỗ nào, bạch Thế Tôn, không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), chúng con có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới không?

- Này Hiền giả, **tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), Ta tuyên bố rằng không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới.**

2. - Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn; thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn; thật là khéo nói, bạch Thế Tôn, lời nói này của Thế Tôn: "*Tại chỗ nào không bị sanh,*

không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), Ta tuyên bố rằng không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới".

Thuở xưa, bạch Thế Tôn, con là vị ẩn sĩ tên là Rohitassa, con của Bhoja, có thần thông, đi được trên hư không. Tốc độ của con là như thế này, bạch Thế Tôn; ví dụ như một người bắn cung kiên cường, có huấn luyện, khéo tay, thuần thục, với một mũi tên nhẹ có thể dễ dàng bắn xuyên qua bóng một cây ta-la. Bước chân của con là như vậy, như từ khoảng cách từ biển Đông qua biển Tây. Với con, bạch Thế Tôn, thành tựu được với tốc độ như vậy, với bước chân như vậy, con khởi lên ý muốn như sau: "Với bước chân đi, ta sẽ đạt đến chỗ tận cùng của thế giới". Bạch Thế Tôn, trừ khi ăn uống nhai nhem, trừ khi đi đại tiện, tiểu tiện, trừ khi ngủ để lấy lại sức, dầu thọ đến 100 tuổi, dầu đã sống một trăm tuổi, dầu đi đến 100 năm, cũng không có thể đạt được tận cùng của thế giới, nhưng giữa đường con đã chết.

Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn; thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn; thật là khéo nói, bạch Thế Tôn, lời nói này của Thế Tôn: "Tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), Ta tuyên bố rằng

không đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới".

3. - Này Hiền giả, Ta tuyên bố rằng: "Tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới".

Nhưng này Hiền giả, trong cái thân dài độ mấy tấc này, với những **tưởng**, những **tư duy** của nó, Ta tuyên bố về thế giới, về thế giới tập khởi, về thế giới đoạn diệt, về con đường đưa đến thế giới đoạn diệt.

*4. Với đi, không bao giờ,
Đạt tận cùng thế giới.
Nếu không, không đạt được,
Chỗ tận cùng thế giới,
Thời không có giải thoát,
Ra khỏi ngoài khổ đau.*

*Do vậy, bậc có trí,
Hiểu biết rõ thế giới,
Đi tận cùng thế giới,
Với Phạm hạnh thành tựu,
Bậc đạt được an tịnh,
Biết tận cùng thế giới,
Không mong cầu đời này,*

Không mong cầu đời sau.

ROHITASSA 2 – Tăng I, 644

1. Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã qua, bảo các Tỷ-kheo:

- Đêm nay, này các Tỷ-kheo, Thiên tử Rohitassa, sau khi đêm đã gần tàn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến đánh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, này các Tỷ-kheo, thiên tử Rohitassa bạch với Ta:

"- Tại chỗ nào, bạch Thế Tôn, không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), chúng con có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới?"

Khi được nói vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói với Thiên tử Rohitassa như sau:

"- Này Hiền giả, tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), Ta tuyên bố rằng không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới".

Khi nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, Thiên tử Rohitassa nói với Ta như sau:

"- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn; thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn; thật khéo nói, bạch Thế Tôn, lời nói này của Thế Tôn: "tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), Ta tuyên bố rằng không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới!".

Thuở xưa, bạch Thế Tôn, con là vị ẩn sĩ tên là Rohitassa, con của Bhoja, có thần thông, đi được trên hư không. Tốc độ của con là như thế này, bạch Thế Tôn; ví dụ như một người bắn cung kiên cường, có huấn luyện, khéo tay, thuần thục, với một mũi tên nhẹ có thể dễ dàng bắn xuyên qua bóng một cây ta-la. Bước chân của con là như vậy, như từ khoảng cách từ biển Đông qua biển Tây. Với con, bạch Thế Tôn, thành tựu được với tốc độ như vậy, với bước chân như vậy, con khởi lên ý muốn như sau: "Với bước chân đi, ta sẽ đạt đến chỗ tận cùng của thế giới". Bạch Thế Tôn, trừ khi ăn uống nhai nhem, trừ khi đi đại tiện, tiểu tiện, trừ khi ngủ để lấy lại sức, dầu thọ đến 100 tuổi, dầu đã sống một trăm tuổi, dầu đi đến 100 năm, cũng không có thể đạt được tận cùng của thế giới, **nhưng giữa đường con đã chết.**

Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn; thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn; thật là khéo nói, bạch Thế Tôn, lời nói này của Thế Tôn: "Tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), Ta tuyên bố rằng không đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới".

Khi được nói vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói với Thiên tử Rohitassa:

"-Này Hiền giả, Ta tuyên bố rằng: "Tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới". Nhưng này Hiền giả, **trong cái thân dài độ mấy tấc này, với những tướng, những tư duy của nó, Ta tuyên bố về thế giới, về thế giới tập khởi, về thế giới đoạn diệt, về con đường đưa đến thế giới đoạn diệt.**

*2. Với đi, không bao giờ,
Đạt tận cùng thế giới.
Nếu không, không đạt được,
Chỗ tận cùng thế giới,
Thời không có giải thoát,
Ra khỏi ngoài khổ đau.*

*Do vậy, bậc có trí,
Hiểu biết rõ thế giới,
Đi tận cùng thế giới,
Với Phạm hạnh thành tựu,
Bậc đạt được an tịnh,
Biết tận cùng thế giới,
Không mong cầu đời này,
Không mong cầu đời sau.*

186 Không thể đền ơn hết cho 3 hạng người - Kinh NHIỀU LỢI ÍCH – Tăng I, 219

NHIỀU LỢI ÍCH – *Tăng I*, 219

- ❖ Có ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, làm nhiều lợi ích cho người khác. Thế nào là ba?
 - Do người nào, có người được quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, người ấy là hạng người làm lợi ích nhiều cho người kia. Đây là hạng người làm lợi ích nhiều cho người khác.
 - Lại nữa, này các Tỷ-kheo, do người nào, người khác rõ biết: "Đây là khổ", ... rõ biết: "Đây là con Đường đưa đến Khổ diệt", người ấy là hạng người làm lợi ích nhiều cho người kia. Đây là hạng người làm lợi ích nhiều cho người khác.
 - Lại nữa, này các Tỷ-kheo, do người nào, người khác đoạn trừ các lậu hoặc ngay trong hiện tại, với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Đây là hạng người làm lợi ích nhiều cho người khác.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, làm lợi ích nhiều cho người khác.

- ➔ *Ta nói rằng không có một người nào khác làm lợi ích nhiều hơn cho người bằng ba hạng người này.*
- ➔ *Ta nói rằng người này không thể khéo léo trả ơn cho ba hạng người kia, như đánh lễ, đứng dậy, chấp tay, hành động thân thiện, bố thí các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, thuốc trị bệnh ...*

187 Không trước sau mà cùng một lúc - Kinh NGƯỜI XỨNG ĐÁNG ĐƯỢC CUNG KÍNH – Tăng III, 482

NGƯỜI XỨNG ĐÁNG ĐƯỢC CUNG KÍNH – 482tc3Tăng III

1. - Nay các Tỷ-kheo, có bảy hạng người này, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời. Thế nào là bảy?

2. Ở đời, nay các Tỷ-kheo, có hạng người sống *tùy quán vô thường trên con mắt, tưởng vô thường, cảm thọ vô thường, trong tất cả thời, liên tục, không có gián đoạn, với tâm thắng giải, với tuệ thể nhập*. Vì vậy, *với sự đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát*. Nay các Tỷ-kheo, đây là hạng người thứ nhất đáng được cung kính ... là ruộng điền vô thượng ở đời.

3. Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, có hạng người sống tùy quán vô thường trên con mắt, tưởng vô thường, cảm thọ vô thường, trong tất cả thời, liên tục, không có gián đoạn, với tâm thắng giải, với tuệ thể nhập. Với vị ấy, *sự chấm dứt các lậu hoặc và sự chấm dứt sanh*

mang xảy đến một lần, không trước không sau. Đây các Tỷ-kheo, đây là hạng người thứ hai đáng được cung kính ... là phước điền vô thượng ở đời.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có hạng người sống tùy quán vô thường trên con mắt, tướng vô thường, cảm thọ vô thường, trong tất cả thời, liên tục, không có gián đoạn, với tâm thẳng giải, với tuệ thể nhập. Vi ấy sau khi diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Trung gian Bát-Niết-bàn.

... chứng được Tôn hạp Bát Niết-bàn

... chứng được Vô hành Bát-Niết-bàn

... chứng được Hữu hành Bát-Niết-bàn

... chứng được thượng lưu, đạt được Sắc cứu cánh.

Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người thứ bảy đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời.

Này các Tỷ-kheo, bảy hạng người này đáng được cung kính ... là ruộng phước vô thượng ở đời.

CÁC NGƯỜI KHÁC ĐÁNG ĐƯỢC CUNG KÍNH – 484tc3

1. - Nay các Tỷ-kheo, có bảy hạng người này, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời. Thế nào là bảy?

2. Ở đây, có hạng người sống tùy quán trên

... tùy quán khổ trên con mắt, tưởng khổ, cảm thọ khổ, trong tất cả thời, liên tục, không có gián đoạn, với tâm thẳng giải, với tuệ thể nhập. Vị ấy với sự đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, chứng ngộ...

... tùy quán vô ngã trên con mắt

... tùy quán diệt tận trên con mắt

... tùy quán hoại diệt trên con mắt

... tùy quán ly tham trên con mắt

... tùy quán đoạn diệt trên con mắt

... tùy quán từ bỏ trên con mắt

*... trên tai ... trên mũi ... trên lưỡi ... trên thân ...
trên ý*

Ở đây, có hạng người sống tùy quán ... *trên các sắc*
... trên các tiếng ... trên các hương ... trên các vị ...
trên các xúc ... trên các pháp

Ở đây, có hạng người sống tùy quán ... *trên nhãn*
thức ... trên thân thức ... trên ý thức

Ở đây, có hạng người sống tùy quán ... *trên nhãn xúc*
... trên nhĩ xúc ... trên tỷ xúc.. trên thiệt xúc ... trên
thân xúc ... trên ý xúc

Ở đây, có hạng người sống tùy quán ... *trên thọ do*
nhãn xúc sanh ... trên thọ do nhĩ xúc sanh ... trên thọ
do tỷ xúc sanh ... trên thọ do thiệt xúc sanh ... trên
thọ do thân xúc sanh ... trên thọ do ý xúc sanh

Ở đây, có hạng người sống tùy quán ... *trên sắc*
tưởng ... trên thanh tưởng ... trên hương tưởng ...
trên vị tưởng ... trên xúc tưởng ... trên pháp tưởng

Ở đây, có hạng người sống tùy quán ... *trên sắc tư*
... trên thanh tư ... trên hương tư ... trên vị tư ... trên
xúc tư ... trên pháp tư

Ở đây, có hạng người sống tùy quán ... *trên sắc ái* ...
trên thanh ái ... trên hương ái ... trên vị ái ... trên xúc
ái ... trên pháp ái

Ở đây, có hạng người sống tùy quán ... *trên sắc*
tâm... *trên thanh tâm ... trên hương tâm ... trên vị*
tâm ... trên xúc tâm ... trên pháp tâm

Ở đây, có hạng người sống tùy quán ... *trên sắc tứ*
... trên thanh tứ ... trên hương tứ ... trên vị tứ ... trên
xúc tứ ... trên pháp tứ

Ở đây, có hạng người sống tùy quán ... *trên sắc uẩn*
... trên thọ uẩn ... trên tưởng uẩn ... trên hành uẩn
... sống tùy quán vô thường trên thức uẩn

... sống tùy quán khổ...

... sống tùy quán vô ngã...

... sống tùy quán diệt tận...

... sống tùy quán hoại diệt...

... sống tùy quán ly tham...

... sống tùy quán đoạn diệt...

... sống tùy quán từ bỏ...

Ở đây, có hạng người sống tùy quán từ bỏ, tưởng từ bỏ, cảm thọ từ bỏ, trong tất cả thời, liên tục, không có gián đoạn, với tâm thẳng giải, với tuệ thể nhập. Vì vậy, với sự đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Đây các Tỷ-kheo, đây là hạng người thứ nhất đáng được cung kính ... là phước điền vô thượng ở đời.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có hạng người sống tùy quán từ bỏ, tưởng từ bỏ, cảm thọ từ bỏ, trong tất cả thời, liên tục, không có gián đoạn, với tâm thẳng giải, với tuệ thể nhập . Với vì vậy, *sự chấm dứt các lậu hoặc và sự chấm dứt sanh mạng xảy đến một lần, không trước không sau*. Đây các Tỷ-kheo, đây là hạng người thứ hai đáng được cung kính ... là phước điền vô thượng ở đời.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có hạng người sống tùy quán từ bỏ, tưởng từ bỏ, cảm thọ từ bỏ, trong tất cả thời, liên tục, không có gián đoạn, với tâm thẳng giải, với tuệ thể nhập. *Vì vậy sau khi diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Trung gian Bát-Niết-bàn*

... chứng được Tổn hại Bát Niết-bàn

... chứng được Vô hành Bát-Niết-bàn

... chúng được Hữu hành Bát-Niết-bàn

... chúng được thượng lưu, đạt được Sắc cứu cánh.

Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người thứ bảy đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời.

Này các Tỷ-kheo, bảy hạng người này đáng được cung kính ... là ruộng phước vô thượng ở đời.

188 Không trước sau mà cùng một lúc - Kinh KHÔNG THƯỜNG XUYÊN – Tăng III, 292

KHÔNG THƯỜNG XUYÊN –Tăng III, 292

1. - Có bảy hạng người này, này các Tỷ-kheo, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời.

2. Thế nào là bảy?

Ở đây, có hạng người sống: Tùy quán vô thường trong tất cả hành, Tưởng vô thường, Cảm thọ vô thường; trong tất cả thời, liên tục, không có gián đoạn, với tâm thẳng giải với tuệ thể nhập. *Vị ấy, với sự đoạn diệt các lậu hoặc...* sau khi chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người thứ nhất đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người sống tùy quán vô thường... với tuệ thể nhập. *Với vị ấy, sự chấm dứt các lậu hoặc và sự chấm dứt sinh mạng xảy đến một lần, không trước không sau*. Đây

là hạng người thứ hai, này các Tỷ-kheo... vô thượng ở đời.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người sống tùy quán vô thường... với tuệ thể nhập. *Vị ấy, sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, chứng được Trung gian Niết-bàn...*

...chứng được Tôn hạp Niết-bàn...

...chứng được Vô hành Niết-bàn...

...chứng được Hữu hành Niết-bàn...

...chứng được Thượng lưu, đạt được Sắc cứu cánh.

Đây là hạng người thứ bảy, này các Tỷ-kheo, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời.

Bảy hạng người này, này các Tỷ-kheo, đáng được cung kính... vô thượng ở đời.

KHỔ – VÔ NGÃ – TỊCH TỊNH – 293tc3

1. - Có bảy hạng người này, này các Tỷ-kheo, đáng được cung kính... ở đời. Thế nào là bảy?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người sống: tùy quán khổ trong tất cả các hành... sống tùy quán vô ngã trong tất cả các pháp... sống tùy quán lạc trong Niết-bàn, tưởng lạc, cảm thọ lạc trong tất cả thời, liên tục, không có gián đoạn, với tâm thẳng giải, với tuệ thể nhập. **Vì ấy với sự đoạn diệt các lậu hoặc...** sau khi chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Đây là hạng người thứ nhất đáng được cung kính... là ruộng phước vô thượng ở đời.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người sống tùy quán khổ trong tất cả hành... sống tùy quán vô ngã trong tất cả pháp... quán lạc trong Niết-bàn, tưởng lạc cảm thọ lạc, trong tất cả thời, liên tục, không có gián đoạn, với tâm thẳng giải, với tuệ thể nhập. **Với vì ấy, sự chấm dứt các lậu hoặc và sự chấm dứt sinh mạng xảy đến một lần, không trước không sau.** Đây là hạng người thứ hai đáng được cung kính... là ruộng phước vô thượng ở đời.

4. Lại nữa , này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người sống tùy quán... quán lạc trong Niết-bàn, tưởng lạc, cảm thọ lạc trong tất cả thời, liên tục, không có gián đoạn, với tâm thẳng giải, với tuệ thể nhập. **Vì ấy với sự đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, chứng được Trung gian Niết-bàn...,**

...chứng được Tồn hại Niết-bàn...

...chúng được Vô hành Niết-bàn...

...chúng được Hữu hành Niết-bàn...

....chúng được Thượng lưu, đạt được Sắc cứu cánh.

Đây là hạng người thứ bảy, này các Tỷ-kheo, đáng được cung kính... là ruộng phước vô thượng ở đời.

Này các Tỷ-kheo, đây là bảy hạng người ở đời đáng được cung kính... là ruộng phước vô thượng ở đời.

189 Không trả lời - TIỂU Kinh MALUNKYA – 63 Trung II, 193

TIỂU KINH MALUNKYA (**Malunkya sutam**)

– Bài kinh số 63 – Trung II, 193

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Savatthi, Jetavana, tại tịnh xá ông Anathapindika. Rồi Tôn giả Malunkyaputta, trong khi độc trú tịnh cư, khởi lên sự suy tư như sau: "Có một số vấn đề này, Thế Tôn không trả lời, bỏ một bên, loại bỏ ra:

- "Thế giới là thường còn,
- Thế giới là vô thường,
- Thế giới là hữu biên,
- Thế giới là vô biên;
- Sinh mạng này và thân này là một,
- Sinh mạng này và thân này là khác;
- Như Lai có tồn tại sau khi chết,

- Như Lai không có tồn tại sau khi chết,
- Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết.
- Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

Thế Tôn không trả lời cho ta những vấn đề ấy. Vì Thế Tôn không trả lời cho ta những vấn đề ấy, nên ta không được hài lòng, không được thỏa mãn. Vậy ta hãy đi đến Thế Tôn, và sẽ hỏi ý nghĩa này.

- **Nếu Thế Tôn trả lời cho ta:** "Thế giới là thường còn, thế giới là vô thường, thế giới là hữu biên, thế giới là vô biên; sinh mạng này và thân này là một, sinh mạng này và thân này là khác; Như Lai có tồn tại sau khi chết, Như Lai không có tồn tại sau khi chết; Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết, hay Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", **thời ta sẽ** sống Phạm hạnh dưới (sự chỉ dẫn của) Thế Tôn.
- **Còn nếu Thế Tôn không trả lời cho ta:** "Thế giới là thường còn, thế giới là vô thường... (như trên)... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", **thời ta sẽ bỏ học pháp và hoàn tục**".

Rồi Tôn giả Malunkyauputta vào buổi chiều, từ Thiền tịnh đứng dậy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Malunkyauputta bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi độc trú tịnh cư, con khởi lên ý nghĩ như sau: "Có một số vấn đề này, Thế Tôn không trả lời, bỏ một bên loại bỏ ra: "Thế giới là thường còn, thế giới là vô thường... (như trên)... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết". Thế Tôn không trả lời cho ta những vấn đề ấy. Vì Thế Tôn không trả lời cho ta những vấn đề ấy, nên ta không được hài lòng, không được thỏa mãn. Vậy ta hãy đi đến Thế Tôn và sẽ hỏi ý nghĩa này. Nếu Thế Tôn trả lời cho ta: "Thế giới là thường còn, thế giới là vô thường... (như trên)... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", thì ta sẽ sống Phạm hạnh dưới (sự chỉ dẫn của) Thế Tôn. Còn nếu Thế Tôn không trả lời cho ta: "Thế giới là thường còn, thế giới là vô thường... (như trên)... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", thì ta sẽ bỏ học pháp và hoàn tục".

Nếu Thế Tôn biết: "Thế giới là thường còn", Thế Tôn hãy trả lời cho con: "Thế giới là thường còn". Nếu Thế Tôn biết: "Thế giới là vô thường".

Thế Tôn hãy trả lời cho con: "Thế giới là vô thường". Nếu Thế Tôn không biết: "Thế giới là thường còn" hay "Thế giới là vô thường", thời không biết, không thấy, hãy thẳng thắn trả lời: "Ta không biết, Ta không thấy".

Nếu Thế Tôn biết: "Thế giới là hữu biên", Thế Tôn hãy trả lời cho con: "Thế giới là hữu biên". Nếu Thế Tôn biết: "Thế giới là vô biên", Thế Tôn hãy trả lời cho con: "Thế giới là vô biên". Nếu Thế Tôn không biết: "Thế giới là hữu biên" hay "Thế giới là vô biên," thời không biết, không thấy, hãy thẳng thắn trả lời: "Ta không biết, Ta không thấy".

Nếu Thế Tôn biết: "Sinh mạng này và thân này là một", Thế Tôn hãy trả lời cho con: "Sinh mạng này và thân này là một". Nếu Thế Tôn biết: "Sinh mạng này và thân này là khác," Thế Tôn hãy trả lời cho con: "Sinh mạng này và thân này là khác". Nếu Thế Tôn không biết: "Sinh mạng này và thân này là một" hay "Sinh mạng này và thân này là khác," thời không biết, không thấy, hãy thẳng thắn trả lời: "Ta không biết, Ta không thấy".

Nếu Thế Tôn biết: "N hư Lai có tồn tại sau khi chết", Thế Tôn hãy trả lời cho con: "N hư Lai có tồn tại sau khi chết". Nếu Thế Tôn biết: "N hư Lai không

có tồn tại sau khi chết", Thế Tôn hãy trả lời cho con: "N hư Lai không có tồn tại sau khi chết". Nếu Thế Tôn không biết: "N hư Lai có tồn tại sau khi chết," hay "N hư Lai không có tồn tại sau khi chết", thời không biết, không thấy, hãy thẳng thắn trả lời: "Ta không biết, Ta không thấy".

Nếu Thế Tôn biết: "N hư Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết", Thế Tôn hãy trả lời cho con: "N hư Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết", Thế Tôn hãy trả lời cho con: "N hư Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết". Nếu Thế Tôn không biết: "N hư Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết," hay "N hư Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", thời không biết, không thấy, hãy thẳng thắn trả lời: "Ta không biết, Ta không thấy".

– **Này Malunkya putta, Ta nào có nói với Ông:** "Này Malunkya putta, hãy đến và sống Phạm hạnh theo Ta, Ta sẽ trả lời cho Ông: "Thế giới là thường còn," hay "Thế giới là vô thường... (như trên)... N hư Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– **Hay Ông có nói với Ta như sau:** "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống Phạm hạnh theo Thế Tôn, nếu Thế

Tôn sẽ trả lời cho con: "Thế giới là thường còn" hay "Thế giới là vô thường... (như trên)... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết"?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Như vậy, này Malunkyaputta, **Ta không nói với Ông**: "Này Malunkyaputta, hãy đến và sống Phạm hạnh theo Ta và Ta sẽ trả lời cho Ông: "Thế giới là thường còn" hay "Thế giới là vô thường... (như trên)... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", **và Ông cũng không nói với Ta**: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống Phạm hạnh theo Thế Tôn nếu Thế Tôn sẽ trả lời cho con: "Thế giới là thường còn" hay "Thế giới là vô thường... (như trên)... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết". Sự tình là như vậy, thời này kẻ ngu kia, Ông là ai, và Ông phủ nhận cái gì?

Này Malunkyaputta, nếu có ai nói như sau: "Ta sẽ sống Phạm hạnh theo Thế Tôn khi nào Thế Tôn sẽ trả lời cho ta: "Thế giới là thường còn" hay "Thế giới là vô thường... (như trên)... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", thời này Malunkyaputta, **người ấy sẽ chết (và) vẫn không được Như Lai trả lời.**

Này Malunkyaputta, ví như một người bị mũi

tên bắn, mũi tên được tẩm thuốc độc rất dày. Bạn bè và bà con huyết thống của người ấy mời một vị y sĩ khoa mổ xẻ đến sẵn sóc. Nhưng người ấy lại nói:

- "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết được người đã bắn tôi thuộc giòng hoàng tộc, hay Bà-la-môn, hay buôn bán, hay người làm công".
- Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết được người đã bắn tôi tên là gì, tộc tánh là gì?"
- Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết được người đã bắn tôi là cao hay thấp, hay người bậc trung".
- Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết được người đã bắn tôi là da đen, da sẫm hay da vàng".
- Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết được người đã bắn tôi thuộc làng nào, thuộc thị trấn nào, thuộc thành phố nào".
- Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết cái cung mà tôi bị bắn, cái cung ấy thuộc loại cung thông

thường hay loại cung nỏ".

- Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết được dây cung mà tôi bị bắn, dây cung ấy làm bằng cây leo, hay cây lau, hay một thứ gân, hay một thứ dây gai, hay một thứ cây có nhựa".
- Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết cái tên mà tôi bị bắn, cái tên ấy thuộc một loại cây lau này hay cây lau khác".
- Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết cái tên mà tôi bị bắn, mũi tên ấy có kết lông gì, hoặc lông con kên, hoặc lông con cò, hoặc lông con ó, hoặc lông con công, hoặc lông một loại kết".
- Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết cái tên mà tôi bị bắn, cái tên ấy được cuốn (parikkhittam) bởi loại gân nào, hoặc là gân bò cái, hoặc là gân trâu, hoặc là gân nai, hoặc là gân lừa".
- Người ấy có thể nói như sau: "Tôi sẽ không rút mũi tên này ra khi nào tôi chưa biết cái tên mà tôi bị bắn, cái tên ấy thuộc loại tên nhọn, hay thuộc loại tên móc, hay thuộc loại tên như đầu sào, hay thuộc loại tên như răng bò, hay thuộc

loại tên như kềm gai".

- Này Malunkya-putta, người ấy sẽ chết và vẫn không được biết gì.

⇒ Cũng vậy, này Malunkya-putta, ai nói như sau: "Ta sẽ sống Phạm hạnh theo Thế Tôn khi nào Thế Tôn trả lời cho ta: "Thế giới là thường còn hay thế giới là vô thường... (như trên)... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", thời này Malunkya-putta, **người ấy sẽ chết (và) vẫn không được Như Lai trả lời.**

Này Malunkya-putta, **đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc với quan điểm** "Thế giới là thường còn". Này Malunkya-putta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc với quan điểm "Thế giới là vô thường". Này Malunkya-putta, dầu cho có quan điểm "Thế giới là thường còn", hay **dầu cho có quan điểm "Thế giới là vô thường", thời vẫn có sanh, có già, có chết, có sầu, bi, khổ, ưu, não, mà Ta giảng dạy sự đoạn trừ ngay trong hiện tại.**

Này Malunkya-putta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc với quan điểm "Thế giới là hữu biên". Này Malunkya-putta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc với quan điểm "Thế giới là vô biên". Này Malunkya-putta, dầu cho có quan

điểm "Thế giới là hữu biên", hay dầu cho có quan điểm "Thế giới là vô biên" thời vẫn có sanh, có già, có chết, có sầu, bi, khổ, ưu, não, mà Ta giảng dạy sự đoạn trừ ngay trong hiện tại.

Này Malunkya-putta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc quan điểm "Sinh mạng này và thân này là một". Này Malunkya-putta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc quan điểm "Sinh mạng này và thân này là khác". Này Malunkya-putta, dầu cho có quan điểm "Sinh mạng này và thân này là một", hay dầu cho có quan điểm "Sinh mạng này và thân này là khác", thời vẫn có sanh, có già, có chết, có sầu, bi, khổ, ưu, não mà Ta giảng dạy sự đoạn trừ ngay trong hiện tại.

Này Malunkya-putta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc quan điểm "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết". Này Malunkya-putta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc quan điểm "Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết". Này Malunkya-putta, dầu cho có quan điểm "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết" hay dầu cho có quan điểm "Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết," thời vẫn có sanh, có già, có chết, có sầu, bi, khổ, ưu, não mà Ta giảng dạy sự đoạn trừ ngay trong hiện tại.

Này Malunkyaputta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc vào quan điểm: "Nhu Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết". Này Malunkyaputta, đời sống Phạm hạnh không thể nói là tùy thuộc với quan điểm "Nhu Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết". Này Malunkyaputta, dầu cho có quan điểm "Nhu Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết", hay dầu cho có quan điểm: "Nhu Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", thời vẫn có sanh, có già, có chết, có sầu, bi, khổ, ưu, não mà Ta giảng dạy sự đoạn trừ ngay trong hiện tại".

❖ Do vậy, này Malunkyaputta, hãy thọ trì là không trả lời những gì Ta không trả lời. Hãy thọ trì là có trả lời những gì Ta có trả lời.

☞ *Và này Malunkyaputta, điều gì Ta không trả lời?*

- "Thế giới là thường còn", này Malunkyaputta là điều Ta không trả lời.
- "Thế giới là vô thường" là điều Ta không trả lời.
- "Thế giới là hữu biên" là điều Ta không trả lời.
- "Thế giới là vô biên" là điều Ta không trả lời.
- "Sinh mạng này và thân này là một" là điều Ta

không trả lời.

- "Sinh mạng này và thân này khác" là điều Ta không trả lời.
- "N hư Lai có tồn tại sau khi chết" là điều Ta không trả lời.
- "N hư Lai không có tồn tại sau khi chết" là điều Ta không trả lời.
- "N hư Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết" là điều Ta không trả lời.
- "N hư Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết" là điều Ta không trả lời.

☞ *Và này Malunkyaputta, vì sao điều ấy Ta không trả lời?*

- Này Malunkyaputta, **vì điều ấy không liên hệ đến mục đích**, điều ấy không phải là căn bản Phạm hạnh, điều ấy không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, cho nên điều ấy Ta không trả lời.

☞ *Và này Malunkyaputta, điều gì Ta trả lời?*

- "**Đây là khổ**", này Malunkyaputta **là điều Ta trả lời**".
- "Đây là khổ tập" là điều Ta trả lời.

- "Đây là khổ diệt" là điều Ta trả lời.
- "Đây là con đường đưa đến khổ diệt" là điều Ta trả lời.

☞ *Và này Malunkyaputta, vì sao điều ấy Ta trả lời?*

- Này Malunkyaputta, **vì điều ấy có liên hệ đến mục đích**, điều ấy là căn bản Phạm hạnh, điều ấy đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, vì vậy điều ấy Ta trả lời.

Do vậy, này Malunkyaputta, hãy thọ trì là không trả lời những điều Ta không trả lời. Hãy thọ trì là có trả lời những điều Ta có trả lời.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Malunkyaputta hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

190 Không trả lời - Vì sao Thế Tôn không trả lời - Kinh POTTHAPADA – 9 Trường I, 311

KINH POTTHAPADA – Bài kinh số 9 – Trường I, 311

1. Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở tại Sàvatthi (Xá-vệ), rừng Jetavana (Kỳ viên), vườn Anàthapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, du sĩ ngoại đạo Potthapada (Bồ-sá-bà-lâu) cùng với đại chúng du sĩ ngoại đạo khoảng ba trăm vị, ở tại vườn của hoàng hậu Mallika (Mạt-lê-viên) tên là Ekaśàlaka có hàng rào cây tinduka, một hội thảo trường luận bàn về chánh kiến, tà kiến.

2. Lúc bấy giờ Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y cầm bát vào Sàvatthi khát thực. Rồi Thế Tôn tự nghĩ: "Nay còn quá sớm để đi khát thực tại Sàvatthi, Ta hãy đi đến vườn của hoàng hậu Mallika tên là Ekaśàlaka, có hàng rào cây tinduka, một hội thảo trường luận bàn chánh kiến, tà kiến, để gặp du sĩ ngoại đạo Potthapàda". Và Thế Tôn đi đến vườn của hoàng hậu Mallika, tên là Ekaśàlaka, có hàng rào cây tinduka, một hội thảo trường luận về chánh kiến, tà kiến.

3. Lúc bảy giờ du sĩ ngoại đạo Potthapàda ngồi với đại chúng du sĩ ngoại đạo, đang ồn ào, la lối, lớn tiếng bàn luận những vấn đề phù phiếm như câu chuyện về vua chúa; câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần; câu chuyện về binh lính; các câu chuyện về hải hùng; câu chuyện về chiến tranh; câu chuyện về đồ ăn; câu chuyện về đồ uống; câu chuyện về đồ mặc; câu chuyện về giường nằm; câu chuyện về vòng hoa; câu chuyện về hương liệu; câu chuyện về bà con; câu chuyện về xe cộ; câu chuyện về làng xóm; câu chuyện về thị trấn; câu chuyện về thành phố; câu chuyện về quốc độ; câu chuyện về đàn bà; câu chuyện về đàn ông; câu chuyện về vị anh hùng; câu chuyện bên lề đường; câu chuyện tại chỗ lấy nước; câu chuyện về người đã chết; các câu chuyện tạp thoại; câu chuyện về hiện trạng của thế giới, hiện trạng của đại dương; câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu.

4. Du sĩ ngoại đạo Potthapàda thấy Thế Tôn từ xa đến, liền khuyến cáo chúng của mình: "Các Tôn giả hãy nhỏ tiếng, các Tôn giả hãy đừng làm ồn. Nay Samôn Gotama đang đến, Ngài ưa mến sự trầm lặng, vị Đại đức này tán thán sự trầm lặng. Nếu biết chúng này yên tịnh, Ngài có thể ghé đến đây". Nghe nói vậy, các du sĩ ngoại đạo liền im lặng.

5. Rồi Thế Tôn đến du sĩ ngoại đạo Potthapàda. Và du sĩ ngoại đạo Potthapàda bạch Thế Tôn: "Thiện lai Thế Tôn! Hoan nghênh Thế Tôn! Đã lâu Thế Tôn không quá bộ đến đây. Mời Thế Tôn ngồi. Đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn".

Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Du sĩ ngoại đạo Potthapàda lấy một ghế thấp khác và ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với du sĩ Potthapàda đã ngồi một bên: "Này Potthapàda, vấn đề gì các vị đang ngồi thảo luận? Vấn đề gì đang nói mà bị gián đoạn?"

6. Khi nghe nói vậy du sĩ ngoại đạo Potthapàda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, hãy gác một bên câu chuyện chúng tôi đang ngồi bàn luận, bạch Thế Tôn, lát nữa Thế Tôn nghe lại cũng không khó khăn gì. Bạch Thế Tôn, thuở xưa xưa lắm, nhiều vị Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo tụ họp, ngồi hội thảo trong giảng đường nêu lên vấn đề sự diệt tận các tầng thượng tướng. *"Này Tôn giả, tầng thượng tướng diệt tận như thế nào?"* Một vài vị trả lời: "Không nhân, không duyên, các tướng của con người sinh và diệt! Khi tướng sanh con người có tướng, khi tướng diệt con người không có tướng". Như vậy, một vài vị giải thích sự diệt tận các tầng thượng tướng.

Về vấn đề này, người khác lại nói như sau: "Các Tôn giả, sự kiện không phải như vậy. Nay Tôn giả, tưởng là tự ngã của con người, chính tưởng ấy đến và đi. Khi tưởng ấy đến thì con người có tưởng, khi tưởng ấy đi thì con người không có tưởng". Như vậy một vài vị giải thích sự diệt tận các tăng thượng tưởng.

Vấn đề này, người khác lại nói như sau: "Các Tôn giả, sự kiện không phải như vậy. Nay Tôn giả, có những Sa-môn, Bà-la-môn có đại thần thông và đại oai lực. Chính những vị này khiến tưởng nhập vào trong người và cũng kéo tưởng ra ngoài người ấy. Khi các vị này khiến tưởng nhập vào trong người, người ấy có tưởng, khi kéo tưởng ra ngoài, người ấy không có tưởng". Như vậy một vài vị giải thích sự diệt tận các tăng thượng tưởng.

Về vấn đề này, người khác lại nói như sau: "Các Tôn giả, sự kiện không phải như vậy. Nay Tôn giả, có những vị thiên thần có đại thần thông, có đại oai lực, chính những vị này khiến tưởng nhập vào trong người và kéo tưởng ra ngoài người ấy. Khi các vị này khiến tưởng nhập vào trong người, người ấy có tưởng, khi kéo tưởng ra ngoài, người ấy không có tưởng". Như vậy một vài vị giải thích sự diệt tận các tăng thượng tưởng. **Bạch Thế Tôn, lúc bấy giờ con**

tưởng niệm đến Thế Tôn: "Mong Thế Tôn có mặt ở đây! Mong Thiện thế có mặt ở đây! Ngài rất tinh thông những pháp này. Chắc chắn Thế Tôn biết rõ sự diệt tận các tầng thượng tưởng". *Bạch Thế Tôn, sự diệt tận các tầng thượng tưởng như thế nào?*

7. Nay Potthapàda, những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Không nhân, không duyên, các tưởng của con người sinh và diệt". Những vị này đã sai lạc ngay từ ban đầu. Vì sao vậy? Nay Potthapàda, **chính vì có nhân, có duyên, các tưởng của con người sinh và diệt. Chính do sự học tập, một loại tưởng sanh, chính do sự học tập, một loại tưởng diệt.**

Và Thế Tôn nói:

- **Sự học tập ấy là gì?** Nay Potthapàda, nay ở đời Như Lai xuất hiện, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri... (như kinh Sa-môn Quả số 40-43 trừ đoạn kết của mỗi đoạn) thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh, mạng sống trong sạch, giới hạnh đầy đủ, hộ trì các căn, chánh niệm tỉnh giác và biết tri túc. Nay Potthapàda, thế nào là Tỷ-kheo giới hạnh đầy đủ? Ở đây này Potthapàda, Tỷ-kheo từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong

giới luật ... (như kinh Sa-môn Quả số 43-62)... như dùng ảo thuật để yên ổn, để khỏi làm các điều đã hứa... ngăn ngừa công hiệu của thuốc. Còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng kẻ trên... như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

8. Nay Potthapàda, và như vậy Tỷ-kheo ấy nhờ đầy đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Nay Potthapàda, như một Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, đã hàng phục kẻ thù địch, không còn thấy sợ hãi từ chỗ nào nữa về phương diện thù địch. Cũng vậy, nay Potthapàda, Tỷ-kheo ấy nhờ đầy đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Vị ấy nhờ đầy đủ giới luật cao quý này, nên hưởng lạc thọ nội tâm không lỗi lầm. Như vậy, nay Potthapàda, Tỷ-kheo đầy đủ giới luật.

9. **Này Potthapàda, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn?** Nay Potthapàda, khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì con mắt không được chế ngự, khiến tham ái ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm

giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thiết hành sự hộ trì ý căn. Vì vậy, nhờ sự hộ trì cao quý các căn ấy, nên hưởng lạc thọ, nội tâm không lỗi lầm. Như vậy, này Potthapàda, Tỷ-kheo hộ trì các căn... (Như kinh Sa-môn Quả số 65-74)...

10. Khi quán tự thân đã xả ly năm triền cái ấy, hân hoan sanh; do hân hoan, nên hỷ sanh; do tâm hoan hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh. Tỷ-kheo, ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú **thiền thứ nhất**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh với tầm, với tứ. **Dục tướng xưa kia của vị ấy được diệt trừ, và khi tướng hỷ lạc vi diệu chân thật do ly dục sanh khởi lên, vị ấy có tướng hỷ lạc vi diệu chân thật, do ly dục sanh.** Như vậy do học tập, một tướng khởi lên, cũng do học tập, một tướng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: **"Đó là sự học tập Thế Tôn nói đến".**

11. Lại nữa, này Potthapàda, Tỷ-kheo diệt tầm, diệt tứ, chứng và trú **thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. **Tướng hỷ lạc vi diệu chơn thật do ly dục sanh xưa kia của vị ấy được diệt trừ. Và khi tướng hỷ lạc vi**

điều chơn thật do định sanh khởi lên, vị ấy có tướng hỷ lạc vi diệu chơn thật do định sanh. Như vậy do học tập, một tướng khởi lên, cũng do học tập một tướng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: **"Đó là sự học tập Thế Tôn nói đến"**.

12. "Lại nữa này Potthapàda, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là "Xả niệm lạc trú", chứng và trú **thiền thứ ba**. Tướng hỷ lạc chơn thật vi diệu do định sanh xưa kia của vị ấy được diệt trừ. Và khi **tướng xả lạc** vi diệu chơn thật khởi lên, vị ấy có tướng xả lạc vi diệu chơn thật. Như vậy do học tập, một tướng khởi lên và cũng do học tập, một tướng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: "Đó là sự học tập Thế Tôn nói đến".

13. Lại nữa này Potthapàda, Tỷ-kheo xả lạc, xả khổ, diệt hỷ, ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú thiền thứ tư không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như vậy xả lạc chơn thật vi diệu xưa kia của vị ấy được diệt trừ. Và khi **tướng xả lạc, xả khổ** vi diệu chơn thật khởi lên, vị ấy có tướng xả lạc, xả khổ vi diệu chơn thật. Như vậy do học tập một tướng khởi lên, cũng do học tập một tướng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: "Đó là sự học tập Thế Tôn nói đến".

14. Lại nữa này Potthapàda, với sự vượt thoát mọi

sắc tướng, với sự diệt trừ mọi chương ngại tướng, với sự không tác ý đối với dị tướng, Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Như vậy sắc tướng xưa kia của vị ấy được diệt trừ. Và khi tướng Không vô biên xứ vi diệu chơn thật khởi lên, vị ấy có tướng Không vô biên xứ vi diệu chơn thật. Như vậy do sự học tập, một tướng khởi lên, cũng do học tập một tướng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: "Đó là sự học tập Thế Tôn nói đến".

15. Lại nữa này Potthapàda, với sự vượt thoát mọi Không vô biên xứ, Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Thức là vô biên" chứng và trú Thức vô biên xứ. Như vậy tướng Không vô biên xứ vi diệu chơn thật xưa kia của vị ấy được diệt trừ, và khi tướng Thức vô biên xứ vi diệu chơn thật khởi lên, vị ấy có tướng Thức vô biên xứ vi diệu chơn thật. Như vậy do học tập, một tướng khởi lên, cũng do học tập, một tướng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: "Đó là sự học tập Thế Tôn nói đến".

16. Lại nữa này Potthapàda, với sự vượt thoát mọi Thức vô biên xứ, Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Không có vật gì" chứng và trú Vô sở hữu xứ. Như vậy tướng Thức vô biên xứ vi diệu chơn thật xưa kia của vị ấy được diệt trừ. Và khi tướng Vô sở hữu xứ vi diệu chơn thật khởi lên, vị ấy có tướng Vô sở hữu xứ vi diệu chơn thật. Như vậy do học tập, một tướng khởi lên,

cũng do học tập, một tướng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: "Đó là sự học tập Thế Tôn nói đến".

17. Lại nữa này Potthapàda, *khi Tỷ-kheo ở đây tự mình khởi tướng, vị này tiếp tục đi từ tướng này đến tướng khác cho đến tướng tột đỉnh. Và vị này khi đứng tại tướng tột đỉnh có thể nghĩ: "Tâm còn suy tướng có hại cho ta, tâm không suy tướng mới tốt cho ta. Nếu ta cứ tiếp tục suy tướng, khi những tướng này của ta diệt đi, các thô tướng khác lại khởi lên, ta hãy đừng có suy tướng". Do không có suy tướng, các tướng kia diệt tận và các thô tướng khác không khởi lên, vì ấy cảm thọ sự diệt tận.* Như vậy, này Potthapàda, là sự chứng đạt trí tuệ diệt trừ dần dần các tầng thượng tướng.

18. Này Potthapàda, người nghĩ thế nào? Trước đây người đã nghe sự chứng đạt trí tuệ diệt trừ dần dần các tầng thượng tướng này không?

- Bạch Thế Tôn, con không có nghe. Bạch Thế Tôn, nhưng nay con hiểu lời nói của Thế Tôn.

- Này Potthapàda, khi Tỷ-kheo ở đây tự mình khởi tướng, vị này tiếp tục đi từ tướng này đến tướng khác cho đến tướng tột đỉnh. Và vị này, khi đứng tại tướng tột đỉnh có thể nghĩ: "Tâm còn **suy tướng**, có hại cho ta, tâm không suy tướng mới tốt cho ta. Nếu

ta cứ tiếp tục suy tưởng khi những tưởng này của ta diệt đi, các thô tưởng khác lại khởi lên. Vậy ta hãy **đừng có suy tưởng**". Và vị này không có suy tưởng. Do không có suy tưởng, các tưởng kia diệt tận và các thô tưởng khác cũng không khởi lên. Vị ấy cảm thọ sự diệt tận. Như vậy này Potthapàda là sự chứng đạt trí tuệ diệt trừ dần dần các tầng thượng tưởng.

19. - *Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chỉ nói đến một tưởng tuyệt đỉnh hay nhiều tưởng tuyệt đỉnh?*

- Này Potthapàda, **Ta nói đến một tưởng tuyệt đỉnh và cũng nói đến nhiều tưởng tuyệt đỉnh.**

- *Bạch Thế Tôn, làm sao Thế Tôn nói đến một tưởng tuyệt đỉnh và cũng nói đến nhiều tưởng tuyệt đỉnh?*

- Này Potthapàda, tùy theo vị ấy cảm thọ sự diệt tận (của một tưởng) sau một tưởng khác, vị ấy đạt tới nhiều tuyệt đỉnh sai khác, cái này tiếp theo cái kia cho đến tuyệt đỉnh cuối cùng mà Ta nói đến nhiều tưởng tuyệt đỉnh. Này Potthapàda như vậy Ta nói đến một tưởng tuyệt đỉnh và cũng nói đến nhiều tưởng tuyệt đỉnh.

20. - *Bạch Thế Tôn, tưởng khởi trước, trí khởi sau; hay trí khởi trước tưởng khởi sau; hay tưởng và trí*

cùng khởi một lần không trước không sau?

- Nay Potthapàda, **tưởng khởi trước trí mới khởi sau, do tưởng sanh, trí mới sanh**. Vị ấy tuệ tri: "Do duyên tưởng, trí sanh ra nơi ta". Nay Potthapàda, với lời dạy này cần phải hiểu tưởng sanh trước trí sanh sau, tưởng sanh trí mới sanh.

21. - *Bạch Thế Tôn, tưởng có phải là tự ngã của con người hay tưởng khác, tự ngã khác?*

- Nay Potthapàda, người hiểu tự ngã như thế nào?

- *Bạch Thế Tôn, con hiểu tự ngã là thô phù, có sắc, do bốn đại hình thành, và do đoàn thực nuôi dưỡng.*

- Nay Potthapàda, **nếu tự ngã là thô phù, có sắc, do bốn đại hình thành và do đoàn thực nuôi dưỡng, như vậy này Potthapàda, tưởng khác và tự ngã khác**. Nay Potthapàda, với sự nhận thức này, cần phải hiểu, tưởng khác và tự ngã khác. Nay Potthapàda, giả sử tự ngã ấy là thô phù, có sắc, do bốn đại hình thành và do đoàn thực nuôi dưỡng, tuy vậy một vài tưởng khác của người ấy khởi lên, một vài tưởng khác diệt xuống. Nay Potthapàda, với sự nhận thức này cần phải hiểu tưởng khác, tự ngã khác.

22. - Bạch Thế Tôn, con hiểu tự ngã là do ý sở thành, đầy đủ mọi chi tiết lớn nhỏ, đầy đủ các căn.

- Nay Potthapàda, nếu tự ngã là do ý sở thành, đầy đủ mọi chi tiết lớn nhỏ, đầy đủ các căn, như vậy này Potthapàda, với sự nhận thức này, cần phải hiểu tướng khác, tự ngã khác. Nay Potthapàda, giả sử tự ngã ấy là do ý sở thành, đầy đủ mọi chi tiết lớn nhỏ, đầy đủ các căn, tuy vậy một vài tướng khác của người ấy khởi lên, một vài tướng khác diệt xuống. Nay Potthapàda, với sự nhận thức này, cần phải hiểu tướng khác, tự ngã khác.

- Bạch Thế Tôn, con hiểu tự ngã là vô sắc, do tướng sở thành.

23. - Nay Potthapàda, nếu tự ngã là vô sắc, do tướng sở thành, với sự nhận thức này Potthapàda, cần phải hiểu tướng khác, tự ngã khác. Nay Potthapàda, giả sử tự ngã là vô sắc, do tướng sở thành, tuy vậy, một vài tướng khác của người khởi lên, một vài tướng khác diệt xuống. Nay Potthapàda, với sự nhận thức này, cần phải hiểu tướng khác, tự ngã khác.

24. - Bạch Thế Tôn, con có thể hiểu được chăng "tướng là tự ngã của người" hay "tướng khác, tự ngã khác"?

- Nay Potthapàda, thật khó cho người biết được "tưởng là tự ngã của con người" hay "tưởng khác, tự ngã khác", vì người có dị kiến, có tin tưởng khác, có lý tưởng khác, có thiên tư khác, có hạnh nguyện khác.

25. - *Bạch Thế Tôn, nếu thật khó cho con biết được "tưởng là tự ngã của con người", hay "tưởng khác, tự ngã khác" vì con có dị kiến khác, có tin tưởng khác, có lý tưởng khác, có thiên tư khác, có hạnh nguyện khác, thời bạch Thế Tôn, thế giới có phải là thường còn không? Chỉ có quan niệm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?*

- Nay Potthapàda, **Ta không trả lời**: "Thế giới là thường còn, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

- *Bạch Thế Tôn, có phải thế giới là vô thường, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?*

- Nay Potthapàda, Ta không trả lời: "Thế giới là vô thường, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

- *Bạch Thế Tôn, có phải thế giới này là hữu biên, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra*

là mê muội không?

- Nay Potthapàda, Ta không trả lời: "Thế giới là hữu biên, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

- *Bạch Thế Tôn, có phải thế giới là vô biên, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?*

- Nay Potthapàda, Ta không trả lời: Thế giới là vô biên, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

26. - *Bạch Thế Tôn, có phải sinh mạng và thân thể là một, chỉ có quan điểm này là đúng sự thật, ngoài ra là mê muội không?*

- Nay Potthapàda, **Ta không trả lời**: "Thân thể và sinh mạng là một, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

- *Bạch Thế Tôn, có phải sinh mạng khác, thân thể khác? Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?*

- Nay Potthapàda, Ta không trả lời: "Sinh mạng khác, thân thể khác. Chỉ có quan điểm này là

đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

27. - *Bạch Thế Tôn, có phải Như Lai tồn tại sau khi chết? Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?*

- Nay Potthapàda, **Ta không trả lời**: "Như Lai tồn tại sau khi chết. Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

- *Bạch Thế Tôn, có phải Như Lai không tồn tại sau khi chết không? Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?*

- Nay Potthapàda, Ta không trả lời: "Như Lai không tồn tại sau khi chết. Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

- *Bạch Thế Tôn, có phải Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?*

- Nay Potthapàda, Ta không trả lời: "Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

- *Bạch Thế Tôn, có phải Như Lai không tồn tại và không tồn tại sau khi chết. Chỉ có quan*

điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?

- Nay Potthapàda, **Ta không trả lời:** "Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội".

28. - *Bạch Thế Tôn, vì sao Thế Tôn không trả lời?*

- Nay Potthapàda, **câu hỏi này không thuộc về đích giải thoát**, không thuộc về Pháp, không thuộc căn bản của phạm hạnh, không đưa đến yểm ly, đến ly tham, đến tịch diệt, đến tịch tịnh, đến thắng trí, đến giác ngộ, đến Niết bàn. Vì vậy, Ta không trả lời.

29. - *Bạch Thế Tôn, vậy Thế Tôn trả lời những gì?*

- Nay Potthapàda, **Ta trả lời: "Đây là khổ"**. Ta trả lời: "Đây là khổ tập". Ta trả lời: "Đây là khổ diệt". Ta trả lời: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt".

30. - *Bạch Thế Tôn, vì sao Thế Tôn trả lời?*

- Nay Potthapàda, câu hỏi này thuộc về đích giải thoát, thuộc về Pháp, thuộc căn bản của phạm hạnh, đưa đến yểm ly, đến ly tham, đến tịch diệt, đến

thắng trí, đến giác ngộ, đến Niết bàn. Vì vậy Ta trả lời.

- Bạch Thế Tôn, như vậy là phải. Bạch Thiện Thệ, như vậy là phải. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Ngài làm gì Ngài xem là phải làm.

Và Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

31. Thế Tôn rời khỏi chưa bao lâu, những du sĩ ngoại đạo ấy liền bao vây xung quanh du sĩ ngoại đạo Potthapàda và tuôn ra những lời nói mỉa mai gay gắt: *"Potthapàda này là như vậy, những gì Sa-môn Gotama nói đều được Potthapàda tán thành: "Bạch Thế Tôn, như vậy là phải. Bạch Thiện Thệ như vậy là phải". Chúng tôi không được biết Sa-môn Gotama đã thuyết trình dứt khoát những vấn đề sau đây: "Thế giới là thường còn", hay "Thế giới là vô thường", hay "Thế giới là hữu biên", hay "Thế giới là vô biên", hay "Sinh mạng và thân thể là một", hay "Sinh mạng khác, thân thể khác", "hay Như Lai có tồn tại sau khi chết" hay "Như Lai không tồn tại sau khi chết" hay "Như Lai tồn tại và cũng không tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không tồn tại và cũng không không tồn tại sau khi chết".*

Khi được nói vậy, du sĩ ngoại đạo Potthapàda nói với các du sĩ ngoại đạo kia:

- Nay các Tôn giả, tôi cũng không được biết Sa-môn Gotama đã thuyết trình dứt khoát những vấn đề sau đây: "Thế giới là thường còn", hay "Thế giới là vô thường", hay "Thế giới là hữu biên", hay "Thế giới là vô biên", hay "Sinh mạng và thân thể là một", hay "Sinh mạng khác, thân thể khác", hay "Như Lai có tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không có tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai có tồn tại và cũng không tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không có tồn tại và cũng không không tồn tại sau khi chết". **Sa-môn Gotama đã tuyên bố một phương pháp như thực, chơn chánh, chơn thật, dùng Pháp làm cơ bản, dùng Pháp làm quy tắc.** Và khi một vị tuyên bố một phương pháp như thực, chân chánh, chân thật, dùng Pháp làm cơ bản, dùng Pháp làm quy tắc thì làm sao một người hiểu biết như tôi lại không tán thành?

32. Hai ba ngày sau, Citta Hatthisàriputta và du sĩ ngoại đạo Potthapàda đi đến chỗ Thế Tôn. Khi đi đến nơi, Citta Hatthisàriputta đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên, còn du sĩ ngoại đạo Potthapàda, nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao với Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi một bên, du sĩ ngoại đạo Potthapàda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, khi Thế Tôn rời khỏi chưa bao lâu những du sĩ ngoại đạo liền bao vây xung

quanh con và tuôn ra những lời nói mỉa mai gay gắt: "Potthapàda này là như vậy. Những gì Sa-môn Gotama nói đều được Potthapàda tán thành: "Bạch Thế Tôn, như vậy là phải, Bạch Thiện Thệ như vậy là phải". Chúng tôi không được biết Sa-môn Gotama đã thuyết trình dứt khoát những vấn đề sau đây: "Thế giới là thường còn", hay "Thế giới là vô thường", hay "Thế giới là hữu biên", hay "Thế giới là vô biên", hay "Sinh mạng và thân thể là một", hay "Sinh mạng khác, thân thể khác", hay "Như Lai có tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai có tồn tại và cũng không tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không tồn tại và cũng không không tồn tại sau khi chết". Khi được nói vậy, con nói với các du sĩ ngoại đạo kia: "Này các Tôn giả, tôi cũng không được biết Sa-môn Gotama đã thuyết trình dứt khoát những vấn đề sau đây: "Thế giới là thường còn", hay "Thế giới là vô thường", hay "Thế giới là hữu biên", hay "Thế giới là vô biên", hay "Sinh mạng và thân thể là một", hay "Sinh mạng khác, thân thể khác" hay "Như Lai có tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không có tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai có tồn tại và cũng không tồn tại sau khi chết", hay "Như Lai không tồn tại và cũng không không tồn tại sau khi chết". Sa-môn Gotama đã tuyên bố một phương pháp như thực, chơn chánh, chơn thật, dùng Pháp làm cơ bản, dùng Pháp làm quy tắc.

Và khi một vị đã tuyên bố một phương pháp như thực, chơn chánh, chơn thật, dùng Pháp làm cơ bản, dùng Pháp làm quy tắc thì làm sao một người hiểu biết như tôi lại có thể không tán thành?".

33. - Nay Potthapàda, **những du sĩ ngoại đạo ấy là mù, không có mắt, chỉ có người là người có mắt độc nhất giữa chúng.** Nay Potthapàda, có những pháp được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách không dứt khoát. Nay Potthapàda, có những pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát.

Nay Potthapàda, **những pháp gì được Ta tuyên thuyết trình bày một cách không dứt khoát?**
"Thế giới là thường còn", nay Potthapàda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách không dứt khoát. "Thế giới là vô thường", nay Potthapàda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách không dứt khoát. "Thế giới là hữu biên", nay Potthapàda... "Thế giới là vô biên", nay Potthapàda... "Sinh mạng và thân thể là một", nay Potthapàda... "Sinh mạng khác, thân thể khác", nay Potthapàda... "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết", nay Potthapàda... "Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết", nay Potthapàda... "Nhu Lai có tồn tại và cũng không có tồn tại sau khi chết", nay Potthapàda ... "Nhu Lai không có tồn tại và cũng không không có tồn tại sau

khi chết", này Potthapàda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách không dứt khoát.

Này Potthapàda, vì sao những pháp ấy lại được Ta tuyên thuyết trình bày một cách không dứt khoát? Này Potthapàda, những pháp này không thuộc về đích giải thoát, không thuộc về pháp, không thuộc căn bản của phạm hạnh, không đưa đến yểm ly, đến ly dục, đến tịch diệt, đến tịch tịnh, đến thắng trí, đến giác ngộ, đến Niết- bàn. Vì vậy những pháp ấy được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách không dứt khoát.

Này Potthapàda, những pháp gì được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát? "Đây là khổ", này Potthapàda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát. "Đây là khổ tập", này Potthapàda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát. "Đây là khổ diệt", này Potthapàda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát. "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", này Potthapàda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách dứt khoát.

Này Potthapàda, vì sao những pháp ấy được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát? Này Potthapàda, những pháp ấy thuộc về đích giải thoát,

thuộc về Pháp, thuộc căn bản phạm hạnh, đưa đến yếm ly, đến ly dục, đến tịch diệt, đến tịch tịnh, đến thắng trí, đến giác ngộ, đến Niết-bàn. Vì vậy những pháp ấy được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát.

34. Nay Potthapàda, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: **"Sau khi chết, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh"**.

- Ta đến những vị ấy và hỏi: *"Có phải quý Đại đức có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: "Sau khi chết, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh".* Khi được Ta hỏi như vậy, những vị ấy công nhận là phải.
- Ta nói: *"Chư Đại đức có sống và đã biết đã thấy thế giới này là hoàn toàn hạnh phúc không?"*. Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không.
- Ta nói với các vị ấy: *"Vậy chư Đại đức có tự thân cảm biết hoàn toàn hạnh phúc trong một đêm hay trong một ngày, hay trong nửa đêm hay trong nửa ngày không?"*. Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không.

- Ta nói với các vị ấy: *"Chư Đại đức có biết một con đường nào, một phương pháp nào có thể đưa đến sự chứng ngộ một thế giới hoàn toàn hạnh phúc không?"* Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không?
- Ta nói với các vị ấy: *"Chư Đại đức có nghe tiếng nói của chư thiên, đã được sinh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc. "Này các vị, hãy cố gắng khéo thực hành. Này các vị hãy trực chứng một thế giới hoàn toàn hạnh phúc. Này các vị, chúng tôi đã thiết hành, đã sanh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc" không?"* Khi được hỏi vậy, các vị ấy không trả lời không.

Này Potthapàda, *người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Sa-môn, Bà-la-môn kia là không chánh xác hợp lý?*

35. Như có một người nói: "Tôi yêu và ái luyện một cô gái đẹp trong nước này". Có người hỏi: "Này bạn, cô gái đẹp ông yêu và ái luyện ấy, Ông có biết là người giai cấp nào, là Sát-đế-ly, hay Bà-la-môn, hay Phệ-xá, hay Thủ-đà?" Khi được hỏi vậy, người ấy trả lời không biết. Có người hỏi: "Này bạn, cô gái đẹp Ông yêu và ái luyện ấy, Ông có biết tên gì, lớn người, thấp người hay người bậc trung? Da đen sẫm, da

ngăm ngăm đen hay da hồng hào? Ở tại làng nào, hay thành phố nào?" Khi được hỏi vậy, người ấy trả lời không biết. Có người hỏi: *"Này bạn, như vậy có phải Ông đã yêu và ái luyến một người Ông không biết, Ông không thấy?"* Được hỏi vậy vị ấy trả lời phải. Này Potthapàda, người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của người kia là không chánh xác hợp lý?

- Vâng phải, bạch Thế Tôn! Sự kiện là như vậy, thời lời nói của người kia là không chánh xác, hợp lý.

36. - Như vậy này Potthapàda, những Sa-môn, Bà-la-môn có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: "Sau khi chết tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh", Ta đến những vị ấy và hỏi: "Có phải quý Đại đức có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: "Sau khi chết, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh". Khi được hỏi như vậy, những vị ấy công nhận là phải. Ta nói: "Chư Đại đức có sống và đã biết, đã thấy thế giới này là hoàn toàn hạnh phúc không?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không. Ta nói với các vị ấy: "Vậy chư Đại đức có tự nhận cảm biết hoàn toàn hạnh phúc trong một đêm hay trong một ngày, hay trong nửa đêm hay trong nửa ngày không?". Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là

không. Ta nói với các vị ấy: "Chư Đại đức có biết một con đường nào, một phương pháp nào đưa đến sự chứng ngộ một thế giới hoàn toàn hạnh phúc không?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không? Ta nói với các vị ấy: "Chư Đại đức có nghe tiếng nói của chư thiên đã được sinh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc: "Này các vị, hãy cố gắng thực hành! Này các vị, hãy trực chứng một thế giới hoàn toàn hạnh phúc! Này các vị, chúng tôi đã thực hành, đã sanh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc" không?". Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không. Này Potthapàda, người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Sa-môn, Bà-la-môn kia là không chánh xác, hợp lý?

- Vâng phải, bạch Thế Tôn sự kiện là như vậy, theo lời nói của người kia là không chánh xác, hợp lý.

37. - Này Potthapàda, như một người muốn xây tại ngã tư đường một cái thang để leo lên lầu. Có người hỏi: "Này bạn, Ông muốn xây một cái thang để leo lên lầu, vậy Ông có biết lầu ấy là về hướng Đông, hay về hướng Tây, hay về hướng Bắc, hay về hướng Nam? Nhà lầu ấy cao hay thấp, hay trung bình?" Được hỏi vậy, vị ấy trả lời không biết. Có người hỏi: ***"Này bạn, như vậy có phải, Ông xây một cái thang***

để leo lên một cái lầu mà Ông không biết, không thấy?" Được hỏi vậy, vị ấy trả lời phải. Này Potthapàda người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy thời có phải lời nói của người kia là không chánh xác, hợp lý?

- Vâng phải, bạch Thế Tôn! Sự kiện là như vậy, thời lời nói của người kia là không chánh xác, hợp lý.

38. - Như vậy này Potthapàda, những Sa-môn, Bà-la-môn có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: "Sau khi chết, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh". Ta đến những vị ấy và hỏi: "Có phải quý Đại đức có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: "Sau khi chết, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh". Khi được hỏi vậy, những vị ấy công nhận là phải. Ta nói "Chư Đại đức có sống và đã biết, đã thấy thế giới này là hoàn toàn hạnh phúc không?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không. Ta nói với các vị ấy: "Chư Đại đức có biết một con đường nào, một phương pháp nào có thể đưa đến sự chứng ngộ một thế giới hoàn toàn hạnh phúc không?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không. Ta nói với các vị ấy: "Vậy chư Đại đức có tự tâm cảm biết hoàn toàn hạnh phúc trong một đêm hay trong một ngày, hay trong nửa đêm hay trong nửa ngày không? Khi

được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không". Ta nói với các vị ấy: "Chư Đại đức có nghe tiếng nói của chư thiên đã được sinh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc". Nay các vị, hãy cố gắng thực hành! Nay các vị, hãy trực chứng một thế giới hoàn toàn hạnh phúc. Nay các vị, chúng tôi đã thực hành, đã sanh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc "không?" Khi được nói vậy, các vị ấy trả lời là không. Nay Potthapàda, người nghĩ như thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Sa-môn, Bà-la-môn, kia là không chánh xác, hợp lý?

- Vâng phải, bạch Thế Tôn! Sự kiện là như vậy, thời lời nói của người kia không chánh đáng, hợp lý.

39. - Nay Potthapàda, **có ba loại ngã chấp**: thô phù ngã chấp, ý sở thành ngã chấp, vô sắc ngã chấp.

- Nay Potthapàda, thế nào là thô phù ngã chấp?
Có sắc, do bốn đại hình thành, do đoàn thực nuôi dưỡng là thô phù ngã chấp.
- Thế nào ý sở thành ngã chấp? Có sắc, do ý sở thành, đầy đủ chi tiết lớn nhỏ, các căn đầy đủ, là ý sở thành ngã chấp.

- Thế nào là vô sắc ngã chấp? Không có sắc, do tướng sở thành là vô sắc ngã chấp.

40. Nay Potthapàda, **Ta thuyết pháp để diệt thô phù ngã chấp.** Nếu các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ, với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại. Nay Potthapàda, rất có thể các người nghĩ: "Các nhiễm pháp sẽ diệt trừ, các tịnh pháp sẽ tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại, tuy vậy đau khổ vẫn tồn tại". Nay Potthapàda, chớ có nghĩ như vậy. Khi nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại, thời hân hoan sanh, hoan hỷ, khinh an, chánh niệm, tỉnh giác và lạc trú sanh.

41. Nay Potthapàda, **Ta thuyết pháp cũng để diệt trừ ý sở thành ngã chấp.** Nếu các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại. Nay Potthapàda, rất có thể các người nghĩ: "Các nhiễm pháp sẽ diệt trừ, các tịnh pháp sẽ tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chứng

đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại, tuy vậy đau khổ vẫn tồn tại". Nay Potthapàda, chớ có nghĩ như vậy. Khi nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, khi ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại, thời hân hoan sanh, hoan hỷ, khinh an, chánh niệm tỉnh giác là lạc trú sanh.

42. Nay Potthapàda, **Ta thuyết pháp cũng để diệt trừ vô sắc ngã chấp**. Nếu các người thực hành theo pháp này, thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại. Nay Potthapàda, rất có thể các người nghĩ: "Các nhiễm pháp sẽ diệt trừ, các tịnh pháp sẽ tăng trưởng, ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại, tuy vậy đau khổ vẫn tồn tại". Nay Potthapàda, chớ có nghĩ như vậy. Khi nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại, thời hân hoan sanh, hoan hỷ, chánh niệm, tỉnh giác và lạc trú sanh.

43. Nay Potthapàda, **có những người ngoài hỏi chúng tôi**: "Này Hiền giả, thô phù ngã chấp ấy là gì mà Hiền giả thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực

hành theo pháp này thời nhiệm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại?"

Khi được chúng hỏi như vậy, chúng tôi trả lời "Này Hiền giả, chính thô phù ngã chấp ấy, chúng tôi thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này, thời nhiệm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại".

44. Này Potthapàda, có những người ngoài hỏi: "Này Hiền giả, ý sở thành ngã chấp ấy là gì mà Hiền giả thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này thời nhiệm pháp này được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại tự mình giác ngộ, với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại?"

Khi được hỏi vậy, chúng tôi trả lời: "Này Hiền giả, chính ý sở thành ngã chấp ấy chúng tôi thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thiết hành theo pháp này thời nhiệm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn

quảng đại".

45. Nay Potthapàda, có những người ngoài hỏi chúng tôi: "Này Hiền giả, vô sắc ngã chấp ấy là gì mà Hiền giả thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thiệt hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại?".

Khi được hỏi vậy, chúng tôi trả lời: "Này Hiền giả, chính vô sắc ngã chấp ấy, chúng tôi thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại".

Này Potthapàda, người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói ấy là chánh xác, hợp lý?

46. Nay Potthapàda, ví như một người xây một cái thang để leo lên lầu, từ dưới chân lầu ấy. Người ấy được hỏi: "Này bạn, Ông xây cái thang để leo lên lầu, cái lầu ấy về hướng Đông hay hướng Nam, hay hướng Tây, hay hướng Bắc? Nhà lầu ấy cao, hay thấp, hay trung bình? Nếu người ấy trả lời: "Này

Hiền giả, cái lầu mà tôi xây thang để leo lên chính tại dưới chân lầu này". Đây Potthapàda, người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy thời có phải lời nói ấy là chính xác, hợp chăng?

- Vâng phải, bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy thời lời nói của người kia là chánh xác, hợp lý!

47. - Như vậy, này Potthapàda, và có những người ngoài hỏi chúng tôi: "Đây Hiền giả, thô phù ngã chấp là gì?... Đây Hiền giả, ý sở thành ngã chấp là gì?... Đây Hiền giả, vô sắc ngã chấp ấy là gì mà Hiền giả thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này thời nhiệm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại?" Khi được hỏi vậy, chúng tôi trả lời: "Đây Hiền giả, chính vô sắc ngã chấp ấy mà chúng tôi thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này thời nhiệm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ với thắng trí chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn quảng đại".

- Đây Potthapàda, người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói ấy là chánh xác, hợp lý?

- Vâng phải, bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, thời

lời nói của người kia là chánh xác, hợp lý!

48. Khi nghe nói vậy, Citta Hatthisàriputta bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, trong khi có thô phù ngã chấp, phải chăng không có ý sở thành ngã chấp, không có vô sắc ngã chấp? Thô phù ngã chấp khi ấy thật có tồn tại.
- Bạch Thế Tôn, trong khi sở thành ngã chấp, phải chăng không có thô phù ngã chấp, không có vô sắc ngã chấp? Ý sở thành ngã chấp khi ấy thật có tồn tại.
- Bạch Thế Tôn, trong khi có vô sắc ngã chấp, phải chăng không có thô phù ngã chấp, không có ý sở thành ngã chấp? Vô sắc ngã chấp khi ấy thật có tồn tại.

49. - Nay Citta, trong khi có thô phù ngã chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc ý sở thành ngã chấp, không thuộc vô sắc ngã chấp, chính khi ấy thuộc thô phù ngã chấp.

Nay Citta, trong khi có ý sở thành ngã chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc thô phù ngã chấp, không thuộc vô sắc ngã chấp, chính khi ấy thuộc ý sở thành ngã chấp.

Này Citta, trong khi có vô sắc ngã chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc thô phù ngã chấp, không thuộc ý sở thành ngã chấp, chính khi ấy thuộc vô sắc ngã chấp.

Này Citta, nếu có người hỏi Người: "Người đã có tồn tại ở quá khứ hay không? Người sẽ tồn tại ở tương lai hay không? Người có tồn tại ở hiện tại không?" Này Citta, được hỏi vậy, người trả lời như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, nếu có người hỏi con: "Người đã có tồn tại ở quá khứ hay không? Người sẽ tồn tại ở tương lai hay không? Người có tồn tại ở hiện tại hay không?" Bạch Thế Tôn được hỏi vậy, con sẽ trả lời: "Tôi đã có tồn tại ở quá khứ, không phải không tồn tại; tôi sẽ tồn tại ở tương lai, không phải không không tồn tại; tôi tồn tại ở hiện tại, không phải không tồn tại". Bạch Thế Tôn, nếu được hỏi như vậy, con sẽ trả lời như vậy.

50. - Này Citta, nếu có người hỏi lại người: ***"Quá khứ ngã chấp mà Người đã có, có phải ngã chấp ấy đối với Người là thật có, ngã chấp tương lai, không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại? Tương lai ngã chấp mà Người sẽ có, có phải ngã chấp ấy đối với Người là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn***

tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại? Hiện tại ngã chấp mà Ngươi hiện có, có phải ngã chấp ấy đối với Ngươi là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp tương lai không tồn tại?" **Này Citta, được hỏi vậy, Ngươi trả lời thế nào?**

- Bạch Thế Tôn, nếu có người hỏi con: "Quá khứ ngã chấp mà Ngươi đã có, có phải ngã chấp ấy đối với Ngươi là thật có, ngã chấp tương lai không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại? Tương lai ngã chấp mà Ngươi sẽ có, có phải ngã chấp ấy đối với Ngươi là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại? Hiện tại ngã chấp mà Ngươi hiện có, có phải ngã chấp ấy đối với Ngươi là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp tương lai không tồn tại?" Bạch Thế Tôn, nếu được hỏi vậy, con sẽ trả lời: "Quá khứ ngã chấp mà tôi đã có, ngã chấp ấy đối với tôi là thật có, ngã chấp tương lai không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại? Tương lai ngã chấp mà tôi sẽ có, ngã chấp ấy đối với tôi là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại. Hiện tại ngã chấp mà tôi hiện có, ngã chấp ấy đối với tôi là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp tương lai không tồn tại". Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy, con sẽ trả lời như vậy.

51. - Như vậy này Citta, trong khi có thô phù ngã

chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc ý sở thành ngã chấp, không thuộc vô sắc ngã chấp, chính khi ấy thuộc thô phù ngã chấp. Nay Citta, trong khi có ý sở thành ngã chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc vô sắc ngã chấp, chính khi ấy thuộc ý sở thành ngã chấp. Nay Citta, trong khi có vô sắc ngã chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc thô phù ngã chấp, không thuộc ý sở thành ngã chấp, chính khi ấy thuộc vô sắc ngã chấp.

52. Nay Citta, ví như từ bò cái sanh ra sữa, từ sữa sinh ra lạc, từ lạc sanh ra sanh tô, từ sanh tô sanh ra thực tô, từ thực tô sanh ra đề hồ. **Khi thành sữa thời sữa ấy không thuộc lạc, không thuộc sanh tô, không thuộc thực tô, không thuộc đề hồ, chính khi ấy thuộc sữa; khi thành lạc... khi thành sanh tô... khi thành thực tô... khi thành đề hồ thời đề hồ không thuộc sữa, không thuộc lạc, không thuộc sanh tô, không thuộc thực tô, chính khi ấy thuộc đề hồ.**

53. Như vậy này Citta trong khi có thô phù ngã chấp... Nay Citta, trong khi có ý sở thành ngã chấp... Nay Citta, trong khi có vô sắc ngã chấp thời ngã chấp ấy không thuộc thô phù ngã chấp, không thuộc ý sở thành ngã chấp, chính khi ấy thuộc vô sắc ngã chấp. Nay Citta, **chúng chỉ là danh tự thể gian, ngôn ngữ thể gian, danh xưng thể gian, ký pháp thể gian. Như**

Lai dùng chúng nhưng không chấp trước chúng.

54. Được nghe nói vậy du sĩ ngoại đạo Potthapàda bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho những người lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

55. Và Citta Hatthisàriputta cũng bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người đi lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tăng. Mong Thế Tôn cho con được xuất gia với Thế Tôn,

mong cho con thọ đại giới.

56. Citta Hatthisàriputta được xuất gia với Thế Tôn và được thọ đại giới. Thọ đại giới không bao lâu, Đại đức Citta Hatthisàriputta ở một mình, an tịnh, không phóng dật, sống nhiệt tâm, cần mẫn. Và không bao lâu, vị này chứng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Đó là vô thượng phạm hạnh ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú: sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa. Đại đức Citta Hatthisàriputta hiểu biết như vậy.

Và đại đức Citta Hatthisàriputta trở thành một vị A-la-hán nữa.

191 Không trả lời - Vì sao Vị nghe nhiều không khởi lên nghi ngờ về... - Kinh KHÔNG TUYÊN BỐ – Tăng III, 368

KHÔNG TUYÊN BỐ – Tăng III, 368

1. Bây giờ một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, đối với Thánh đệ tử có nghe nhiều, nghi ngờ không khởi lên đối với những vấn đề không được tuyên bố?

2. - Nay Tỷ-kheo, **do kiến diệt**, với vị Thánh đệ tử có nghe nhiều, nghi ngờ không khởi lên đối với những vấn đề không được tuyên bố.

❖ "**Sau khi chết, Như Lai có tồn tại**", này Tỷ-kheo, là một tà kiến.

- "Sau khi chết, Như Lai không tồn tại", là một tà kiến.
- "Sau khi chết, Như Lai có tồn tại và không tồn tại", là một tà kiến.
- "Sau khi chết, Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại", là một tà kiến.

*Này Tỷ-kheo, kẻ phàm phu không có nghe nhiều, không tuệ tri **kiến**, không tuệ tri kiến tập khởi, không tuệ tri kiến đoạn diệt, không tuệ tri con đường đưa đến kiến đoạn diệt; kiến ấy của người ấy tăng trưởng. Người ấy không thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng: « Người ấy không thoát khỏi khổ ».*

*Này Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có nghe nhiều, tuệ tri **kiến**, tuệ tri kiến tập khởi, tuệ tri kiến đoạn diệt, tuệ tri con đường đưa đến kiến đoạn diệt; kiến của người ấy tiêu diệt. Người ấy giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng: "Người ấy thoát khỏi khổ".*

Này Tỷ-kheo, do biết vậy, do thấy vậy, vị Thánh đệ tử có nghe nhiều không có tuyên bố: "Sau khi chết, Như Lai có tồn tại", không có tuyên bố: "Sau khi chết, Như Lai không có tồn tại", không có tuyên bố: "Sau khi chết, Như Lai có tồn tại và không tồn tại", không có tuyên bố: "Sau khi chết, Như Lai không tồn tại và không không tồn tại".

Do biết vậy, do thấy vậy, này Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có nghe nhiều có một thái độ không tuyên bố đối với những vấn đề không được tuyên bố.

Do biết vậy, do thấy vậy, này Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử không có sợ hãi, không có rung động, không có chấn động, không rơi vào hoảng sợ đối với các vấn đề không được tuyên bố.

❖ *"Sau khi chết, Như Lai có tồn tại", này Tỷ-kheo, thuộc về khát ái, thuộc về tưởng, thuộc về tư duy, thuộc về lý luận, thuộc về chấp thủ, thuộc về truy hỏi.*

- "Sau khi chết, Như Lai không tồn tại", này Tỷ-kheo, thuộc về khát ái, thuộc về tưởng, thuộc về tư duy, thuộc về lý luận, thuộc về chấp thủ, thuộc về truy hỏi.
- "Sau khi chết, Như Lai có tồn tại và không tồn tại", này Tỷ-kheo, thuộc về khát ái, thuộc về tưởng, thuộc về tư duy, thuộc về lý luận, thuộc về chấp thủ, thuộc về truy hỏi.
- "Sau khi chết, Như Lai không tồn tại và không không tồn tại", này Tỷ-kheo, thuộc về khát ái, thuộc về tưởng, thuộc về tư duy, thuộc về lý luận, thuộc về chấp thủ, thuộc về truy hỏi.

Này Tỷ-kheo, kẻ phàm phu nghe ít, không tuệ tri truy hỏi, không tuệ tri truy hỏi tập khởi, không tuệ tri truy hỏi đoạn diệt, không tuệ tri con đường đưa đến truy hỏi đoạn diệt. Truy hỏi của người ấy tăng trưởng. Người ấy không giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu,

bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng: "Người ấy không thoát khỏi khổ".

Này Tỷ-kheo, Thánh đệ tử có nghe nhiều, tuệ tri truy hồi, tuệ tri truy hồi tập khởi, tuệ tri truy hồi đoạn diệt, tuệ tri con đường đi đến truy hồi đoạn diệt. Truy hồi của vị ấy tiêu diệt. Vị ấy giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng: "Người ấy thoát khỏi khổ".

Do biết vậy, do thấy vậy, này Tỷ-kheo, Thánh đệ tử nghe nhiều, không tuyên bố: "Sau khi chết, Như Lai có tồn tại", không tuyên bố: "Sau khi chết, Như Lai không tồn tại", không tuyên bố: "Sau khi chết, Như Lai có tồn tại và không tồn tại", không tuyên bố: "Sau khi chết, Như Lai không tồn tại và không không tồn tại".

Do biết vậy, do thấy vậy, này Tỷ-kheo, Thánh đệ tử không có sợ hãi, không có rung động, không có chấn động, không rơi vào hoảng sợ đối với các vấn đề không được tuyên bố.

Này các Tỷ-kheo, đây là nhơn, đây là duyên, đối với Thánh đệ tử có nghe nhiều, nghi ngờ không khởi lên đối với những vấn đề không được tuyên bố.

192 Không tán thán, không huỷ báng, mà đem đối chiếu - Kinh CĂN CỨ ĐỊA – Tăng II, 134

CĂN CỨ ĐỊA – *Tăng II, 134*

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Bhoganagara, tại điện Ānanda. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế tôn nói như sau:

- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về bốn đại căn cứ địa này. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế tôn nói như sau:

- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bốn đại căn cứ địa?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, **có Tỷ-kheo** nói như sau:
"Này Hiền giả, đối diện với Thế Tôn, tôi nghe như

vậy, đối diện với Thế Tôn, tôi lãnh thọ như vậy: « Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời của bậc Đạo Sư » ". Này các Tỷ-kheo, các Thầy không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy, không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu cần phải học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương xứng với Luật, thời các Thầy có thể kết luận: "**Chắc chắn những lời này không phải lời dạy của Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác và các Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm**". Này các Tỷ-kheo, các Thầy hãy từ bỏ chúng.

3. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo nói như sau: "Này Hiền giả, đối diện với Thế Tôn, tôi nghe như vậy, đối diện với Thế Tôn, tôi lãnh thọ như vậy: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời của bậc Đạo Sư"". Này các Tỷ-kheo, các Thầy không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy, không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu cần phải học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Nếu chúng phù hợp với Kinh, tương xứng với Luật, thời các Thầy có thể kết luận: "**Chắc chắn những lời này là lời dạy của Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác và các Tỷ-**

kheo ấy đã thọ giáo tốt đẹp". Đây các Tỷ-kheo, đây là đại căn cứ địa thứ nhất các Thầy cần phải thọ trì.

4. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo nói như sau: *"Tại trú xứ kia có Tăng chúng ở với vị thượng tọa, với vị thủ chúng. Đối diện với Tăng chúng, tôi nghe như vậy, đối diện với Tăng chúng, tôi lãnh thọ như vậy: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời của bậc Đạo Sư"."* Đây các Tỷ-kheo, các Thầy không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy, không tán thán, không hủy báng, mỗi chữ, mỗi câu cần phải học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương xứng với Luật, thời các Thầy có thể kết luận: *"Chắc chắn những lời này không phải lời dạy của Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác và các Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm"*. Đây các Tỷ-kheo, các Thầy hãy từ bỏ chúng.

5. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo nói như sau: *"Tại trú xứ kia có Tăng chúng ở với vị thượng tọa, với vị thủ chúng. Đối diện với Tăng chúng, tôi nghe như vậy, đối diện với Tăng chúng ấy, tôi lãnh thọ như vậy: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời của bậc Đạo Sư"."* Đây các Tỷ-kheo, các Thầy không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của

Tỷ-kheo ấy, không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu cần phải học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Nếu chúng phù hợp với Kinh, tương xứng với Luật, thời các Thầy có thể kết luận: *"Chắc chắn những lời này là lời dạy của Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác và các Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh"*. Nay các Tỷ-kheo, đây là đại căn cứ địa thứ hai các Thầy cần phải thọ trì.

6. Nhưng ở đây, nay các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nói như sau: *"Tại trú xứ kia **có nhiều Tỷ-kheo trưởng lão ở, những vị này là bậc nghe nhiều, được trao truyền kinh điển, trì Pháp, trì Luật, trì toát yếu. Đối diện với các trưởng lão ấy, tôi nghe như vậy, đối diện với các trưởng lão ấy, tôi lãnh thọ như vậy: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời của bậc Đạo Sư"**"*. Nay các Tỷ-kheo, các Thầy không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy, không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu cần phải học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương xứng với Luật, thời các Thầy có thể kết luận: *"Chắc chắn những lời này không phải lời dạy của Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác và các Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm"*. Nay các Tỷ-kheo, các Thầy hãy từ bỏ chúng.

7. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nói như sau: "*Tại trú xứ kia có nhiều Tỷ-kheo trưởng lão ở, những vị này là bậc nghe nhiều, được trao truyền kinh điển, trì Pháp, trì Luật, trì toát yếu. Đối diện với các trưởng lão ấy, tôi nghe như vậy, đối diện với các trưởng lão ấy, tôi lãnh thọ như vậy: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời của bậc Đạo Sư"*". Này các Tỷ-kheo, các Thầy không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy, không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu cần phải học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Nếu chúng phù hợp với Kinh, tương xứng với Luật, thời các Thầy có thể kết luận: "*Chắc chắn những lời này là lời dạy của Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác và các Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh*". Này các Tỷ-kheo, đây là đại căn cứ địa thứ ba các Thầy cần phải thọ trì.

8. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nói như sau: "*Tại trú xứ kia **có vị trưởng lão, vị này là bậc nghe nhiều, được trao truyền kinh điển, trì Pháp, trì Luật, trì toát yếu.** Đối diện với vị trưởng lão ấy, tôi nghe như vậy, đối diện với vị trưởng lão ấy, tôi lãnh thọ như vậy: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời của bậc Đạo Sư"*". Này các Tỷ-kheo, các Thầy không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy, không tán thán, không hủy báng.

mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu cần phải học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương xứng với Luật, thì các Thầy có thể kết luận: "*Chắc chắn những lời này **không** phải lời dạy của Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác và các Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm*". Nay các Tỷ-kheo, các Thầy hãy từ bỏ chúng.

9. Nhưng ở đây, nay các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nói như sau: "*Tại trú xứ kia có vị trưởng lão, vị này là bậc nghe nhiều, được trao truyền kinh điển, trì Pháp, trì Luật, trì toát yếu. Đối diện với vị trưởng lão ấy, tôi nghe như vậy, đối diện với vị trưởng lão ấy, tôi lãnh thọ như vậy: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời của bậc Đạo Sư"*". Nay các Tỷ-kheo, các Thầy không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy, không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu cần phải học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Nếu chúng phù hợp với Kinh, tương xứng với Luật, thì các Thầy có thể kết luận: "*Chắc chắn những lời này là lời dạy của Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác và các Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo **chơn chánh***". Nay các Tỷ-kheo, đây là đại căn cứ địa thứ tư các Thầy cần phải thọ trì.

Này các Tỷ-kheo, có bốn đại căn cứ địa này.

193 Không tâm giải thoát - Kinh Godatta – Tương IV, 464

Godatta – Tương IV, 464

- 1) Một thời Tôn giả Godatta trú ở Macchikàsanda, tại Ambàtavana.
- 2) Rồi gia chủ Citta đi đến Tôn giả Godatta; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Godatta rồi ngồi xuống một bên.
- 3) Tôn giả Godatta nói với gia chủ Citta đang ngồi một bên:

-- *Này Gia chủ, vô lượng tâm giải thoát, vô sở hữu tâm giải thoát, không tâm giải thoát, vô tướng tâm giải thoát, những pháp này là khác ngôn từ, hay đồng nghĩa chỉ khác ngôn từ?*

-- Bạch Thượng tọa, **có pháp môn, theo pháp môn ấy, các pháp này khác nghĩa, khác ngôn từ.** Bạch Thượng tọa, cũng **có pháp môn, theo pháp môn ấy, các pháp này đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ.**

- 4) -- Nhưng, này Gia chủ, pháp môn nào, theo pháp môn ấy, các pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ?

5) -- Ở đây, bạch Thượng tọa, Tỷ-kheo an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với **từ**; cũng vậy, phương thứ hai; cũng vậy, phương thứ ba; cũng vậy, phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại vô biên, không hận, không sân. Với tâm câu hữu với **bi**... với tâm câu hữu với **hỷ**... an trú biến mãn một phương với tâm câu hữu với **xả**; cũng vậy, phương thứ hai; cũng vậy, phương thứ ba; cũng vậy, phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại vô biên, không hận, không sân. Bạch Thượng tọa, đây gọi là vô lượng tâm giải thoát.

6) *Và bạch Thượng tọa, như thế nào là **vô sở hữu tâm giải thoát**?*

Ở đây, Tỷ-kheo vượt lên Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú **Vô sở hữu xứ**. Bạch Thượng tọa, đây gọi là vô sở hữu tâm giải thoát.

7) *Và bạch Thượng tọa, thế nào là **không tâm giải thoát**?*

Ở đây, bạch Thượng tọa, Tỷ-kheo đi đến rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến căn nhà trống và suy tư: "Cái này là trống không tự ngã hay ngã sở hữu". Bạch Thượng tọa, đây gọi là không tâm giải thoát.

8) *Và bạch Thượng tọa, thế nào là **vô tướng tâm giải thoát**?*

Ở đây, bạch Thượng tọa, Tỷ-kheo không tác ý tất cả tướng, chứng và trú Vô tướng tâm định. Bạch Thượng tọa, đây gọi là vô tướng tâm giải thoát.

9) Đây là pháp môn, bạch Thượng tọa, theo pháp môn ấy, các pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ.

10) *Và bạch Thượng tọa, pháp môn nào, theo pháp môn ấy, các pháp này là đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ?*

11) **Tham dục (ràga) làm sự đo lường, sân** làm sự đo lường, **si** làm sự đo lường. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, chúng bị đoạn tận, bị cắt tận gốc rễ, bị làm như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Bạch Thượng tọa, đối với các **vô lượng tâm giải thoát, bất động tâm giải thoát** được xem là tối thượng. Nhưng bất động tâm giải thoát này trống không,

không có tham; trông không, không có sân; trông không, không có si.

12) **Tham dục là một chương ngại, sân** là một chương ngại. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, chúng bị đoạn tận, bị cắt tận gốc rễ, bị làm như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Bạch Thượng tọa, **đối với các vô sở hữu tâm giải thoát, bất động tâm giải thoát được xem là tối thượng**. Nhưng bất động tâm giải thoát này được trông không, không có tham; trông không, không có sân; trông không, không có si.

13) **Tham dục tác thành tướng, sân** tác thành tướng, **si** tác thành tướng. Đối với Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, chúng bị đoạn tận, bị cắt đứt tận gốc rễ, bị làm như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Bạch Thượng tọa, **đối với các vô tướng tâm giải thoát, bất động tâm giải thoát được xem là tối thượng**. Nhưng bất động tâm giải thoát này trông không, không có tham; trông không, không có sân; trông không, không có si.

14) Đây là pháp môn, bạch Thượng tọa, do pháp môn ấy, các pháp này là đồng nghĩa chỉ khác ngôn từ.

194 Không tâm giải thoát - ĐẠI KINH PHƯƠNG QUẢNG - 43 Trung I, 639

ĐẠI KINH PHƯƠNG QUẢNG (Mahavedalla sutta)

– Bài kinh số 43 – Trung I, 639

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi, tại Jetavana, tịnh xá ông Anathapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahakotthita (Đại Câu-hy-la), vào buổi chiều, khi thiền định xong, đứng dậy, đi đến chỗ Tôn giả Sariputta ở, sau khi đến nói lên với Tôn giả Sariputta những lời chào đón, hỏi thăm xã giao rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahakotthita nói với Tôn giả Sariputta:

– *Này Hiền giả, liệt tuệ, liệt tuệ (Duppanna) được gọi là như vậy. Này Hiền giả, như thế nào được gọi là liệt tuệ?*

– Này Hiền giả, vì không tuệ tri, không tuệ tri (Nap-pajanati), này Hiền giả nên được gọi là liệt tuệ. Không tuệ tri gì? Không tuệ tri: đây là Khổ, không

tuệ tri: đây là Khổ tập, không tuệ tri: đây là Khổ diệt, không tuệ tri: đây là con đường đưa đến Khổ diệt. Vì không tuệ tri, không tuệ tri, này Hiền giả, nên được gọi là liệt tuệ.

– Lành thay, Hiền giả!

Tôn giả Mahakotthita hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Sariputta nói, rồi hỏi Tôn giả Sariputta một câu hỏi nữa:

– *Này Hiền giả, trí tuệ, trí tuệ được gọi là như vậy. Này Hiền giả, như thế nào là được gọi là trí tuệ?*

– **Vì có tuệ tri**, có tuệ tri, này Hiền giả, nên được gọi là trí tuệ. Có tuệ tri gì? Có tuệ tri: đây là Khổ, có tuệ tri: đây là Khổ tập, có tuệ tri: đây là Khổ diệt, có tuệ tri: đây là Con đường đưa đến Khổ diệt. Vì có tuệ tri, có tuệ tri, này Hiền giả, nên được gọi là trí tuệ.

– *Thức, thức, này Hiền giả, được gọi là như vậy, Này Hiền giả, như thế nào được gọi là thức?*

– Này Hiền giả, vì thức tri, thức tri, này Hiền giả nên được gọi là có thức. Thức tri gì? **Thức tri lạc, thức tri khổ, thức tri bất khổ bất lạc.** Vì thức tri, thức tri, này Hiền giả, nên được gọi là có thức.

– Nay Hiền giả, trí tuệ như vậy, thức như vậy, những pháp này được kết hợp hay không được kết hợp? Có thể chăng, nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần?

– Nay Hiền giả, trí tuệ như vậy, thức như vậy, những pháp này được kết hợp, không phải không kết hợp. Không có thể nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần. Nay Hiền giả, **điều gì tuệ tri được là thức tri được, điều gì thức tri được là tuệ tri được.** Do vậy, những pháp này được kết hợp, không phải không kết hợp, và không có thể nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần.

– Nay Hiền giả, trí tuệ như vậy, thức như vậy, thế nào là sự sai khác giữa những pháp được kết hợp, không phải không kết hợp này?

– Nay Hiền giả, Trí tuệ như vậy, thức như vậy, giữa những pháp được kết hợp, không phải không được kết hợp này, **trí tuệ cần phải được tu tập (Bhavetabba), còn thức cần phải được liễu tri (Parinneyyam)** như vậy là sự sai khác giữa những pháp này.

– Cảm thọ, cảm thọ, này Hiền giả, được gọi là như vậy. Nay Hiền giả, như thế nào được gọi là

cảm thọ?

– Nay Hiền giả, cảm thọ, cảm thọ (Vedeti), nên được gọi là cảm thọ. Và cảm thọ gì? Cảm thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ bất khổ bất lạc thọ. Nay Hiền giả, cảm thọ, cảm thọ, nên được gọi là cảm thọ.

– ***Này Hiền giả, tưởng, tưởng (Sanna) được gọi là như vậy. Nay Hiền giả, như thế nào được gọi là tưởng?***

– **Tưởng tri, tưởng tri (Sanjanati), này Hiền giả, nên được gọi là tưởng.** Và tưởng tri gì? Tưởng tri màu xanh, tưởng tri màu vàng, tưởng tri màu đỏ, tưởng tri màu trắng. Tưởng tri, tưởng tri, này Hiền giả, nên được gọi là tưởng.

– ***Này Hiền giả, thọ như vậy, tưởng như vậy, những pháp này được kết hợp hay không được kết hợp? Có thể chăng, nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần?***

– Nay Hiền giả, cảm thọ như vậy, tưởng như vậy, những pháp này được kết hợp, không phải không được kết hợp. Không có thể nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần. Nay Hiền giả, **điều gì cảm thọ được là tưởng tri được, điều gì tưởng tri được là cảm thọ**

được. Do vậy, những pháp này được kết hợp, không phải không được kết hợp, và không có thể nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần.

– Nay Hiền giả, ý thức thanh tịnh, không liên hệ đến năm căn có thể đưa đến gì?

– Nay Hiền giả, **ý thức thanh tịnh, không liên hệ đến năm căn, có thể đưa đến Hư không vô biên xứ; hư không là vô biên, có thể đưa đến Thức vô biên xứ; thức là vô biên, có thể đưa đến Vô sở hữu xứ, không có sự vật gì.**

– Nay Hiền giả, pháp gì đưa đến nhờ gì có thể tuệ tri được?

– Nay Hiền giả, **nhờ tuệ nhãn, pháp được đưa đến có thể tuệ tri.**

– Nay Hiền giả, trí tuệ có ý nghĩa gì?

– Nay Hiền giả, **trí tuệ có ý nghĩa là thắng tri (Abhinna), có nghĩa là liễu tri (Parinna), có nghĩa là đoạn tận (Pahana).**

– Nay Hiền giả, có bao nhiêu duyên khiến chánh tri kiến sanh khởi?

– Nay Hiền giả, có hai duyên khiến chánh tri kiến sanh khởi: Tiếng của người khác và như lý tác ý. Nay Hiền giả, do hai duyên này, chánh tri kiến sanh khởi.

– *Nay Hiền giả, chánh tri kiến phải được hỗ trợ bởi bao nhiêu chi phần để có tâm giải thoát quả, tâm giải thoát quả công đức, và tuệ giải thoát quả, tuệ giải thoát quả công đức?*

– Nay Hiền giả, chánh tri kiến phải được hỗ trợ bởi năm chi phần để có tâm giải thoát quả, tâm giải thoát quả công đức, tuệ giải thoát quả và tuệ giải thoát quả công đức. Ở đây, nay Hiền giả, **chánh tri kiến có giới hỗ trợ, có văn (Suta) hỗ trợ, có thảo luận hỗ trợ, có chỉ (Samatha) hỗ trợ, có quán (Samadhi) hỗ trợ.** Nay Hiền giả, chánh tri kiến được hỗ trợ bởi năm chi phần này để có tâm giải thoát quả, tâm giải thoát quả công đức, tuệ giải thoát quả và tuệ giải thoát quả công đức.

– *Nay Hiền giả, có bao nhiêu hữu (Bhava)?*

– Nay Hiền giả, có ba hữu: dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu.

– *Nay Hiền giả, như thế nào sự tái sanh trong tương lai được xảy ra?*

– Nay Hiền giả, bị vô minh ngăn che, bị tham ái trói buộc, các loài hữu tình thích thú chỗ này chỗ kia, như vậy, sự tái sinh trong tương lai được xảy ra.

– *Nay Hiền giả, như thế nào sự tái sinh trong tương lai không xảy ra?*

– Nay Hiền giả, vô minh được xả ly, minh khởi, tham ái được đoạn diệt, như vậy sự tái sinh trong tương lai không xảy ra.

– *Nay Hiền giả, thế nào là Thiền thứ nhất?*

– Ở đây, nay Hiền giả, vị Tỷ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Như vậy, nay Hiền giả, gọi là Thiền thứ nhất.

– *Nay Hiền giả, Thiền thứ nhất có bao nhiêu chi phần?*

– Nay Hiền giả, Thiền thứ nhất có năm chi phần. Ở đây, nay Hiền giả, Tỷ-kheo thành tựu Thiền thứ nhất, có tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm. Nay Hiền giả, Thiền thứ nhất có năm chi phần như vậy.

– *Nay Hiền giả, Thiền thứ nhất từ bỏ bao nhiêu chi phần và thành tựu bao nhiêu chi phần?*

– Nay Hiền giả, **Thiền thứ nhất từ bỏ năm chi phần và thành tựu năm chi phần**. Ở đây, nay Hiền giả, vị Tỷ-kheo thành tựu Thiền thứ nhất từ bỏ tham dục, từ bỏ sân, từ bỏ hôn trầm thụy miên, từ bỏ trạo hối, từ bỏ nghi, thành tựu tâm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm. Nay Hiền giả, như vậy Thiền thứ nhất từ bỏ năm chi phần, và thành tựu năm chi phần.

– *Nay Hiền giả, năm căn này, có cảnh giới khác nhau, có hành giới khác nhau, không có lẫn lộn cảnh giới, hành giới với nhau. Tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Nay Hiền giả, giữa năm căn này, có cảnh giới sai khác, có hành giới sai khác, không có thọ lãnh cảnh giới, hành giới lẫn nhau, cái gì làm sở y cho chúng, cái gì lãnh thọ cảnh giới, hành giới của chúng?*

– Nay Hiền giả, năm căn này, có cảnh giới sai khác, có hành giới sai khác, không có lãnh thọ cảnh giới, hành giới lẫn nhau, tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Nay Hiền giả, giữa năm căn này, có cảnh giới sai khác, có hành giới sai khác, không có lẫn lộn cảnh giới, hành giới với nhau, **ý làm sở y cho chúng, và ý lãnh thọ cảnh giới và hành giới của chúng**.

– *Nay Hiền giả, năm căn này là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Nay Hiền giả, năm căn này, do duyên gì*

mà chúng an trú?

– Nay Hiền giả, năm căn này là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Nay Hiền giả, năm căn này do duyên tuổi thọ (Ayu) mà chúng an trú.

– ***Này Hiền giả, tuổi thọ do duyên gì mà an trú?***

– Tuổi thọ do duyên hơi nóng mà an trú.

– ***Này Hiền giả, hơi nóng do duyên gì mà an trú?***

– Hơi nóng do duyên tuổi thọ mà an trú.

– Nay Hiền giả, nay chúng tôi được biết từ lời nói của Tôn giả Sariputta là tuổi thọ do duyên hơi nóng mà an trú. Nay chúng tôi lại được biết từ lời nói của Tôn giả Sariputta là hơi nóng do duyên tuổi thọ mà an trú. *Này Hiền giả, như thế nào, cần phải hiểu ý nghĩa lời nói này?*

– Nay Hiền giả, tôi sẽ cho một ví dụ. Nhờ ví dụ, ở đây, một số người có trí sẽ hiểu ý nghĩa lời nói. *Này Hiền giả, ví như khi một cây đèn dầu được thắp sáng, duyên tim đèn, ánh sáng được hiện ra, do duyên ánh sáng, tim đèn được thấy.* Cũng vậy này

Hiền giả, tuổi thọ do duyên hơi nóng mà an trú, và hơi nóng do duyên tuổi thọ mà an trú.

– *Này Hiền giả, những pháp thọ hành (Ayusankhara) này là những pháp được cảm thọ (Vedaniya) này, hay những pháp thọ hành này khác với những pháp được cảm thọ này?*

– Này Hiền giả, **những pháp thọ hành này không phải là những pháp được cảm thọ này**. Này Hiền giả, nếu những pháp thọ hành này là những pháp được cảm thọ này thì không thể nêu rõ sự xuất khởi của vị Tỷ-kheo đã thành tựu Diệt thọ tướng định. Này Hiền giả, vì rằng những pháp thọ hành khác, những pháp được cảm thọ khác nên có thể nêu rõ sự xuất khởi của vị Tỷ-kheo đã thành tựu Diệt thọ tướng định.

– *Này Hiền giả, đối với thân này, khi nào có bao nhiêu pháp được từ bỏ, thì thân này được nằm xuống, quăng đi, vất bỏ, như một khúc gỗ vô tri?*

– Này Hiền giả, đối với thân này, khi nào ba pháp được từ bỏ: **Tuổi thọ, hơi nóng và thức**, thì thân này nằm xuống, được quăng đi, vất bỏ như một khúc gỗ vô tri.

– *Này Hiền giả, có sự sai khác gì giữa vật chết, mạng chung này với vị Tỷ-kheo thành tựu Diệt thọ*

tướng định?

– Nay Hiền giả, vật chết, mạng chung này, thân hành của nó chấm dứt, dừng lại, khẩu hành chấm dứt, dừng lại, tâm hành chấm dứt, dừng lại, tuổi thọ diệt tận, hơi nóng tiêu diệt, các căn bị bại hoại. Còn vị Tỷ-kheo thành tựu Diệt thọ tướng định, thì thân hành của vị này được chấm dứt, được dừng lại, khẩu hành được chấm dứt, được dừng lại, tâm hành được chấm dứt, được dừng lại, nhưng tuổi thọ không diệt tận, hơi nóng không tiêu diệt, các căn được sáng suốt. Nay Hiền giả, như vậy là sự sai khác giữa vật chết, mạng chung này với vị Tỷ-kheo thành tựu Diệt thọ tướng định.

– Nay Hiền giả, có bao nhiêu duyên để chứng nhập tâm giải thoát bất khổ bất lạc?

– Nay Hiền giả, có bốn duyên để chứng nhập tâm giải thoát bất khổ bất lạc. Ở đây, nay Hiền giả, vị Tỷ-kheo xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Nay Hiền giả, do bốn duyên này mà chứng nhập tâm giải thoát bất khổ bất lạc.

– Nay Hiền giả, có bao nhiêu duyên để chứng nhập vô tướng tâm giải thoát?

– Nay Hiền giả, có hai duyên để chứng nhập vô tướng tâm giải thoát: không có tác ý nhất thiết tướng và tác ý vô tướng giới. Nay Hiền giả, do hai duyên này mà chứng nhập vô tướng tâm giải thoát.

– *Nay Hiền giả, có bao nhiêu duyên để an trú vô tướng tâm giải thoát?*

– Nay Hiền giả, có ba duyên để an trú vô tướng tâm giải thoát: không tác ý nhất thiết tướng, tác ý vô tướng giới, và một sự sửa soạn trước. Nay Hiền giả, do ba duyên này mà an trú vô tướng tâm giải thoát.

– *Nay Hiền giả, có bao nhiêu duyên để xuất khỏi vô tướng tâm giải thoát?*

– Nay Hiền giả, có hai duyên để xuất khỏi vô tướng tâm giải thoát: tác ý nhất thiết tướng và không tác ý vô tướng giới. Nay Hiền giả, do hai duyên này mà xuất khỏi vô tướng tâm giải thoát.

– *Nay Hiền giả, vô lượng tâm giải thoát này, vô sở hữu tâm giải thoát này, không tâm giải thoát này và vô tướng tâm giải thoát này, những pháp này nghĩa sai biệt và danh sai biệt, hay nghĩa đồng nhất và danh sai biệt?*

– Nay Hiền giả, vô lượng tâm giải thoát, vô sở hữu tâm giải thoát, không tâm giải thoát và vô tướng tâm giải thoát này, có một pháp môn, nay Hiền giả, do pháp môn này, các pháp ấy nghĩa sai biệt và danh sai biệt. Và nay Hiền giả, lại có một pháp môn, do pháp môn này, các pháp ấy có nghĩa đồng nhất và danh sai biệt.

Nay Hiền giả, thế nào là có pháp môn, do pháp môn này các pháp ấy có nghĩa sai khác và có danh sai khác?

Ở đây, nay Hiền giả, vị Tỷ-kheo an trú biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... an trú biến mãn một phương với tâm câu hữu với xả, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. *Như vậy, nay Hiền giả, gọi là vô lượng tâm giải*

thoát.

Và này Hiền giả, thế nào là **vô sở hữu tâm giải thoát**? Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì" chứng và trú Vô sở hữu xứ. Như vậy, này Hiền giả, gọi là Vô sở hữu tâm giải thoát.

Và này Hiền giả, thế nào là **không tâm giải thoát**? Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến chỗ nhà trống và suy nghĩ như sau: "Đây trống không, không có tư ngã hay không có ngã sở". Như vậy, này Hiền giả, gọi là không tâm giải thoát.

Và này Hiền giả, thế nào là **vô tướng tâm giải thoát**? Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo không tác ý với nhất thiết tướng, đạt và an trú vô tướng tâm định. Như vậy, này Hiền giả, gọi là vô tướng tâm giải thoát.

Như vậy là có pháp môn và do pháp môn này những pháp ấy nghĩa sai biệt và danh sai biệt.

Và này Hiền giả, thế nào là có pháp môn và do pháp môn này các pháp ấy có nghĩa đồng nhất nhưng danh sai biệt?

Tham, này Hiền giả, là nguyên nhân của hạn lượng; **sân** là nguyên nhân của hạn lượng; **si** là nguyên nhân của hạn lượng. Đối với vị Tỷ-kheo đã đoạn trừ các lậu hoặc và tham, sân, si này đã được chặt tận gốc như thân cây tala được chặt tận gốc, khiến chúng không thể tái sinh trong tương lai. Này Hiền giả, **khi nào các tâm giải thoát là vô lượng, thì bất động tâm giải thoát được gọi là tối thượng đối với các tâm giải thoát ấy, và bất động tâm giải thoát không có tham, không có sân, không có si.**

Tham, này Hiền giả, là một vật gì (chướng ngại), sân là một vật gì (chướng ngại), si là một vật gì (chướng ngại). Đối với vị Tỷ-kheo đã đoạn trừ các lậu hoặc, thì tham, sân, si này đã được chặt tận gốc, như thân cây tala được chặt tận gốc, khiến chúng không thể tái sinh trong tương lai. Này Hiền giả, **khi nào các tâm giải thoát là vô sở hữu, thì bất động tâm giải thoát được gọi là tối thượng đối với các tâm giải thoát ấy, và bất động tâm giải thoát ấy không có tham, không có sân, không có si.**

Tham, này Hiền giả, là nhân tạo ra tướng, sân là nhân tạo ra tướng, si là nhân tạo ra tướng. Đối với vị Tỷ-kheo đã đoạn trừ các lậu hoặc, thì tham, sân, si này được chặt tận gốc, như thân cây tala được chặt tận gốc, khiến chúng không thể tái sinh trong tương

lai. Nay Hiền giả, khi nào các tâm giải thoát là vô tướng, thì **bất động tâm giải thoát được gọi là tối thượng** đối với các tâm giải thoát ấy, và bất động tâm giải thoát này không có tham, không có sân, không có si.

Như vậy, nay Hiền giả, là pháp môn này, những pháp ấy là đồng nghĩa nhưng danh sai biệt.

Tôn giả Sariputta thuyết giảng như vậy. Tôn giả Mahakotthita hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Sariputta dạy.

195 Không tìm được dấu vết - Kinh VÍ DỤ CON RẮN – 22 Trung I, 295

KINH VÍ DỤ CON RẮN (*Alaggadupamasuttam*)

– Bài kinh số 22 – *Trung I*, 295

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, *Tỷ-kheo tên là Arittha*, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khởi lên ác tà kiến như sau: "*Theo như ta hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, khi thọ dụng những pháp được Thế Tôn gọi là chương ngại pháp, thật sự không có chương ngại gì*".

Một số đông Tỷ-kheo nghe như sau: "Tỷ-kheo tên Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như ta hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, khi thọ dụng những pháp được Thế Tôn gọi là chương ngại pháp, thật sự không có chương ngại gì". Rồi những Tỷ-kheo ấy đi đến chỗ Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khi đến xong, liền nói với Tỷ-kheo Arittha, xưa làm

nghe huấn luyện chim ưng như sau:

– Nay Hiền giả Arittha, có đúng sự thật rằng, Hiền giả khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu... thật sự không có chương ngại gì"?

– Thật sự là vậy, chư Hiền. Theo như tôi hiểu... không có chương ngại gì.

Rồi những Tỷ-kheo ấy muốn Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng từ bỏ ác tà kiến ấy, liền cất vấn, nạn vấn lý do, thảo luận:

- "Hiền giả Arittha, chớ nói như vậy, chớ xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không có nói như vậy. Hiền giả Arittha, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn thuyết chương đạo pháp. Và những ai thọ dụng chúng tự đủ bị chương ngại. Thế Tôn đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, náo nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như khúc xương... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như một miếng thịt... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như bó thuốc cỏ khô... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như hồ than hừng... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như cơn mộng... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như vật dụng cho mượn... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như trái cây... Thế Tôn đã thuyết các dục vọng được

ví như lò thít... Thế Tôn đã thuyết các dục vọng được ví như gậy nhọn... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như đầu rắn, vui ít khổ nhiều, náo nhiễu và do vậy, nguy hiểm càng nhiều hơn".

Tỷ-kheo Arittha xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, dầu được các Tỷ-kheo ấy cật vấn, chất vấn thảo luận, vẫn nói lên ác tà kiến ấy, cứng đầu, chấp chặt, nắm chặt tà kiến ấy: "Thật sự là vậy, theo như tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng... không có chương ngại gì".

Vì các Tỷ-kheo không thể làm cho Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, từ bỏ ác tà kiến ấy, nên họ đến chỗ Thế Tôn ở, khi đến xong, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, những Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng... không có chương ngại gì". Bạch Thế Tôn, chúng con nghe: "Tỷ-kheo tên Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng... không có chương ngại gì". Bạch Thế Tôn, rồi chúng con đi đến chỗ Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khi đến xong, liền nói với Tỷ-

kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng:

"– Này Hiền giả Arittha, có đúng sự thật chẳng? Hiền giả khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu... thật sự không có chương ngại gì".

Bạch Thế Tôn, khi nghe nói vậy, Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, nói với chúng con như sau:

"– Thật sự là vậy. Chư Hiền, theo như tôi hiểu... thật sự không có chương ngại gì.

Bạch Thế Tôn, chúng con muốn khiến Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, từ bỏ ác tà kiến ấy, liền cất ván, nạn ván lý do, thảo luận:

– "Hiền giả Arittha, chớ nói như vậy! Chớ xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không có nói như vậy, Hiền giả Arittha, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn, thuyết chương đạo pháp. Và những ai thọ dụng chúng, tự đủ bị chương ngại. Thế Tôn đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như khúc xương... Thế Tôn đã thuyết các dục được ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, não nhiều, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn.

Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, dầu được chúng con cất vắn, nạn vắn lý do, thảo luận, vẫn nói lên ác tà kiến ấy, cứng đầu, chấp chặt, nắm chặt tà kiến ấy: "Thật sự là vậy, theo tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng... không có chướng ngại gì". Bạch Thế Tôn, vì chúng con không thể làm cho Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, từ bỏ ác tà kiến ấy, nên chúng con đến hỏi Thế Tôn ý nghĩa này.

Rồi Thế Tôn cho gọi một Tỷ-kheo khác:

– Nay Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta gọi Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng rằng: "Hiền giả Arittha, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả".

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, đến chỗ Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, sau khi đến, liền nói với Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng:

– Hiền giả Arittha, bậc Đạo sư gọi Hiền giả.

– Thừa vâng, Hiền giả.

Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim

ung, đáp lời Tỷ-kheo ấy, đi đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ung, đang ngồi xuống một bên:

– *Này Arittha, có thật chẳng, Ông khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu... thật sự không có chướng ngại gì"?*

– Thật sự là vậy, bạch Thế Tôn. Theo như con hiểu, thật sự không có chướng ngại gì.

– *Này kẻ ngu si kia, sao Ông lại hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy? Này kẻ ngu si kia, có phải chẳng, Ta đã dùng nhiều pháp môn thuyết chướng đạo pháp. Và những ai thọ dụng chúng từ đủ bị chướng ngại?*

– *Ta đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, nã nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Ta đã thuyết các dục được ví như khúc xương... Ta đã thuyết các dục được ví như miếng thịt... được ví như bó thuốc cỏ khô... được ví như hố than hừng... được ví như cơn mộng... được ví như vật dụng cho mượn... được ví như trái cây... được ví như lò thịt... được ví như gậy nhọn... Ta đã thuyết các dục được ví như đầu rắn, vui ít, khổ*

nhieu, nảo nhieu, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn.

- Và này kẻ ngu si kia, không những Ông xuyên tạc Ta, vì Ông đã tự chấp thủ sai lạc, Ông tự phá hoại Ông và tạo nên nhiều tổn đức. Này kẻ ngu si kia, và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh và đau khổ lâu dài cho Ông.*

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Chư Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng này có thể khởi lên tia lửa sáng gì trong pháp luật này không?*

– Bạch Thế Tôn, làm sao có thể được! Không thể được, bạch Thế Tôn.

Được nói vậy, Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, im lặng, hổ thẹn, thụt vai, cúi đầu, lo âu, câm miệng. Rồi Thế Tôn, sau khi biết được Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng đang im lặng, hổ thẹn, thụt vai, cúi đầu, lo âu, câm miệng, bèn nói với Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng:

- Này kẻ ngu si kia, người ta sẽ được biết Ông*

qua ác tà kiến của chính Ông. Ở đây, Ta sẽ hỏi các Tỷ-kheo.

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Chư Tỷ-kheo, các Ông có hiểu pháp Ta thuyết giảng, giống như Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng này, không những đã xuyên tạc Ta vì đã tự chấp thủ sai lạc, mà còn tự phá hoại mình và gây nên nhiều tổn đức?

– Bạch Thế Tôn, không. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn thuyết chương đạo pháp; và những ai thọ dụng chúng, tự đủ bị chương ngại. Thế Tôn đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn, Thế Tôn đã thuyết các dục ví như khúc xương... (như trên)... Thế Tôn đã thuyết các dục ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, não nhiều và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn.

– Lành thay, chư Tỷ-kheo! Lành thay, chư Tỷ-kheo!

Các Ông hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy. Chư Tỷ-kheo, Ta đã dùng nhiều pháp môn thuyết chương đạo pháp, và những ai thọ dụng chúng, tự đủ bị chương ngại. Ta đã thuyết các dục vui ít, khổ

nhiều, nỗ nhiều, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Ta đã thuyết các dục ví như khúc xương... (như trên)... Ta đã thuyết các dục ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, nỗ nhiều, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Nhưng Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, không những xuyên tạc Ta vì đã tự chấp thủ sai lạc mà còn tự phá hoại mình và tạo nên nhiều tổn đức, *và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh, đau khổ lâu ngày cho kẻ ngu si ấy*. Thật sự, này các Tỷ-kheo, **sự kiện này không xảy ra, người ta có thể thọ dụng các dục ngoài các dục, ngoài các dục tưởng, ngoài các dục tâm.**

Chư Tỷ-kheo, ở đây có một số người ngu si học pháp, như Kinh, Ứng tụng, Giải thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị ngữ, Bồn sanh, Vị tăng hữu pháp, Phương quảng. *Sau khi học các pháp này, họ không quán sát ý nghĩa những pháp ấy với trí tuệ. Những pháp ấy, vì ý nghĩa không được trí tuệ quán sát, nên không trở thành rõ ràng. Họ học các pháp chỉ vì lợi ích, muốn chỉ trích người khác, chỉ vì lợi ích, muốn khoái khẩu biện luận, và họ không đạt được mục tiêu mà sự học pháp hướng đến. Những pháp ấy vì nắm giữ sai lạc nên đưa họ đến bất hạnh, đau khổ lâu dài. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì nắm giữ sai lạc các pháp.*

Chư Tỷ-kheo, ví như một người ưa muốn rắn nước, tìm cầu rắn nước, đi khắp chỗ để tìm rắn nước. Người đó thấy một con rắn nước lớn, và người đó bắt con rắn ấy ở lưng hay ở đuôi. Con rắn ấy có thể quay lại cắn người đó nơi tay, nơi cánh tay hay ở một phần nào khác của cơ thể, và người đó có thể do nhân này mà bị chết hay bị đau khổ gần như chết. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, vì nắm bắt con rắn một cách sai lạc. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, ở đây, một số người ngu si học pháp... Chư Tỷ-kheo, vì sự chấp thủ các pháp sai lạc.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, một số Thiện nam tử học pháp, như Kinh, Ứng tụng, Giải thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị ngữ, Bồn sanh, Vị tăng hữu pháp, Phương quảng. **Sau khi học các pháp này, họ quán sát ý nghĩa những pháp ấy với trí tuệ. Những pháp ấy, vì ý nghĩa được trí tuệ quán sát, nên trở thành rõ ràng. Họ học pháp không vì lợi ích, muốn chỉ trích người khác, không vì lợi ích, muốn khoái khẩu biện luận, và họ đạt được mục tiêu mà sự học pháp hướng đến. Những pháp ấy, vì khéo nắm giữ, nên đưa họ đến hạnh phúc, an lạc lâu dài. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì khéo nắm giữ các pháp.**

Chư Tỷ-kheo, ví như một người ưa muốn rắn nước, tìm cầu rắn nước đi khắp chỗ để tìm rắn nước.

Người đó thấy một con rắn nước lớn. Người đó có thể khéo đề con rắn nước với cây gậy có nạng. Sau khi khéo đề với cây gậy có nạng, người đó có thể khéo nắm giữ cổ rắn. Chư Tỷ-kheo, dầu cho con rắn nước ấy có thể cuốn thân nó xung quanh tay, hay cánh tay, hay một thân phần nào khác, người đó cũng không vì nhân duyên ấy đi đến chỗ chết hay đến sự đau khổ gần như chết. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, vì khéo nắm giữ con rắn nước vậy. Cũng vậy, chư Tỷ-kheo, ở đây, một số Thiện nam tử học pháp... chư Tỷ-kheo, vì khéo nắm giữ các pháp vậy. Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy hiểu rõ ý nghĩa lời Ta thuyết giảng và thọ trì như vậy. Nếu có ai không hiểu rõ ý nghĩa lời Ta thuyết giảng thì ở nơi đây, các Ông hãy hỏi Ta hay hỏi những bậc Tỷ-kheo trí thức.

Chư Tỷ-kheo, **Ta sẽ giảng pháp cho các Ông, ví như chiếc bè để vượt qua, không phải để nắm giữ lấy.** Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Những Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

– Này các Tỷ-kheo, ví như có người đang đi trên con đường lớn dài, đến một vùng nước rộng, bờ bên này nguy hiểm và hãi hùng, bờ bên kia an ổn và

không kinh hãi, nhưng không có thuyền để vượt qua hay không có cầu bắc qua từ bờ này đến bờ kia. Người đó tự suy nghĩ: *"Đây là vùng nước rộng, bờ bên này nguy hiểm và hãi hùng, bờ bên kia an ổn và không kinh hãi, nhưng không có thuyền để vượt qua hay không có cầu bắc qua từ bờ này đến bờ kia. Nay ta hãy thu góp cỏ, cây, nhánh, lá, cột lại thành chiếc bè, và dựa trên chiếc bè này, tinh tấn dùng tay chân, có thể vượt qua bờ bên kia một cách an toàn"*. Chư Tỷ-kheo, rồi người đó thu góp cỏ, cây, nhánh, lá cột lại thành chiếc bè, và nhờ chiếc bè này, tinh tấn dùng tay chân vượt qua bờ bên kia một cách an toàn. Khi qua bờ bên kia rồi, Người đó suy nghĩ: *"Chiếc bè này lợi ích nhiều cho ta, nhờ chiếc bè này, ta tinh tấn dùng tay chân để vượt qua bờ bên kia một cách an toàn. Nay ta hãy đội chiếc bè này trên đầu hay vác nó trên vai, và đi đến chỗ nào ta muốn"*. Chư Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Chư Tỷ-kheo, **nếu người đó làm như vậy, thì có làm đúng với sở dụng của chiếc bè chăng?**

– Bạch Thế Tôn, không.

– *Chư Tỷ-kheo, người đó phải làm thế nào cho đúng sở dụng của chiếc bè?* Ở đây, chư Tỷ-kheo, người đó sau khi vượt qua bờ bên kia, có thể suy nghĩ: *"Chiếc bè này lợi ích nhiều cho ta. Nhờ chiếc*

bè này, ta tinh tấn dùng tay chân **đã vượt qua** bờ bên kia một cách an toàn. Nay ta hãy kéo chiếc bè này lên trên bờ đất khô, hay nhận chìm xuống nước, và đi đến chỗ nào ta muốn". Chư Tỷ-kheo, làm như vậy, người đó làm đúng sử dụng chiếc bè ấy. Cũng vậy, này chư Tỷ-kheo, Ta thuyết pháp như chiếc bè để vượt qua, không phải để nắm giữ lấy. Chư Tỷ-kheo, các Ông cần hiểu ví dụ cái bè... **Chánh pháp còn phải bỏ đi, huống nữa là phi pháp.**

Này các Tỷ-kheo, có **sáu kiến xứ**. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có kẻ vô văn phạm phu, không đi đến yết kiến các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đi đến yết kiến các bậc Chơn nhơn, không thuần thực pháp các bậc Chơn nhơn, không tu tập pháp các bậc Chơn nhơn, xem **sắc** pháp: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", xem **cảm thọ**: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", xem **tưởng**: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", xem các **hành**: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi", xem cái gì **được thấy, được nghe, được cảm xúc, được ý thức, được đạt tới, được tìm cầu, được ý suy tư**: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái

này là tự ngã của tôi", và bất cứ kiến xứ nào đều nói rằng: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết, tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển, tôi sẽ, trú như thế này cho đến mãi mãi", xem như vậy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi".

Và này chư Tỷ-kheo, có vị Đa văn Thánh đệ tử đi đến yết kiến các bậc Thánh, thuần thực các pháp bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đi đến yết kiến các bậc Chơn nhơn, thuần thực pháp các bậc Chơn nhơn, tu tập pháp các bậc Chơn nhơn, xem sắc pháp: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", xem cảm thọ: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", xem tưởng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", xem các hành: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", xem cái gì được thấy, được nghe, được cảm xúc, được ý thức, được đạt tới, được tìm cầu, được ý suy tư: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", và bất cứ kiến xứ nào đều nói rằng: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển, tôi sẽ trú như thế này cho đến mãi mãi",

xem như vậy là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".
Vị này do quán sát như vậy, đối với sự vật chẳng thật có nên không có lo âu, phiền muộn.

Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn:

– Có thể có cái gì không thực có ở ngoài, có thể gây lo âu phiền muộn?

Thế Tôn đáp:

– Có thể có, này Tỷ-kheo, ở đây, có người nghĩ như sau: "Cái gì chắc chắn đã là của tôi, nay chắc chắn không còn là của tôi. Cái gì chắc chắn có thể là của tôi, chắc chắn tôi không được cái ấy". Người đó sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đấm ngực, đi đến bất tỉnh. Này Tỷ-kheo, như vậy, có cái không thực có ở ngoài, có thể gây lo âu, phiền muộn.

– Bạch Thế Tôn, có thể có cái gì không thực có ở ngoài, có thể không gây lo âu phiền muộn?

Thế Tôn đáp:

– Có thể có, này Tỷ-kheo, ở đây, này Tỷ-kheo, có người không nghĩ như sau: "Cái gì chắc chắn đã

là của tôi, nay chắc chắn không còn là của tôi. Cái gì chắc chắn có thể là của tôi, chắc chắn tôi không được cái ấy". Người đó không sầu muộn, than vãn, khóc lóc, không đắm ngực, không đi đến bất tỉnh. Như vậy, này Tỷ-kheo, có cái không thực có ở ngoài, không gây lo âu phiền muộn.

– Bạch Thế Tôn, có thể có cái gì không thực có ở trong có thể gây ra lo âu phiền muộn?

Thế Tôn đáp:

– Có thể có, này Tỷ-kheo, ở đây, này Tỷ-kheo, có người có (tà) kiến như sau: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết, tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú không biến chuyển. Tôi sẽ trú như thế này cho đến mãi mãi". Người này nghe Như Lai hay đệ tử Như Lai thuyết pháp để bạt trừ tất cả kiến xứ, cố chấp, thiên chấp, thiên kiến, tùy miên, sự tịnh chỉ mọi hành động, sự từ bỏ mọi sanh y, sự diệt trừ khát ái đưa đến ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Người đó có thể nghĩ như sau: "Chắc chắn ta sẽ bị đoạn diệt, chắc chắn ta sẽ bị hoại diệt, chắc chắn ta sẽ không tồn tại". Người đó sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đắm ngực, đi đến bất tỉnh. Này Tỷ-kheo, như vậy là có cái không thực có ở trong có thể gây ra lo âu phiền muộn.

– Bạch Thế Tôn, có thể có cái gì không thực có ở trong, không gây ra lo âu, phiền muộn?

Thế Tôn đáp:

– Có thể có, này Tỷ-kheo, ở đây, có người không có (tà) kiến như sau: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết, tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển, tôi sẽ trú như thế này cho đến mãi mãi". Người này nghe Như Lai hay đệ tử Như Lai thuyết pháp để bạt trừ tất cả kiến xứ, cố chấp, thiên chấp, thiên kiến, tùy miên, sự tịnh chi mọi hành động, sự từ bỏ mọi sanh y, sự diệt trừ khát ái để đưa đến ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Vị ấy không nghĩ như sau: "Chắc chắn ta sẽ bị đoạn diệt, chắc chắn ta sẽ bị hoại diệt, chắc chắn ta sẽ không tồn tại". Vị ấy không sầu muộn, than vãn, khóc lóc; vị ấy không đăm ngực, không đi đến bất tỉnh. Này các Tỷ-kheo, như vậy là có cái không thực có ở trong, không gây ra lo âu, phiền muộn.

*Này các Tỷ-kheo, các Ông có thể **nắm giữ một vật sở hữu** gì, và vật sở hữu được nắm giữ ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển, có thể trú như thế này mãi mãi không?*

Chư Tỷ-kheo, các Ông có thể thấy một vật sở hữu nào được nắm giữ và vật sở hữu được nắm giữ

ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chuyển biến, có thể trú như thế này mãi mãi không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy một vật sở hữu được nắm giữ nào, mà vật sở hữu được nắm giữ ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chuyển biến, có thể trú như thế này mãi mãi.

Này các Tỷ-kheo, các Ông có thể chấp thủ **Ngã luận thủ** nào mà Ngã luận thủ ấy được chấp thủ như vậy lại không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy Ngã luận thủ nào mà Ngã luận thủ ấy được chấp thủ như vậy lại không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

– Bạch Thế Tôn không.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy Ngã luận thủ nào mà Ngã luận thủ ấy được chấp thủ như vậy lại không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.

Này các Tỷ-kheo, các Ông có **kiến y** nào, mà kiến y ấy được y chỉ như vậy lại không khởi lên sầu,

bì, khổ, ưu, não không?

Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy kiến y nào, mà kiến y ấy được y chỉ như vậy lại không khởi lên sâu, bì, khổ, ưu, não không?

– Bạch Thế Tôn, không

– Lành thay, này các Tỷ-kheo! Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy một kiến y nào, mà kiến y ấy được y chỉ như vậy, lại không khởi lên sâu, bì, khổ, ưu, não.

Chư Tỷ-kheo, nếu có ngã thời có ngã sở thuộc của tôi không?

– Bạch Thế Tôn, có.

Chư Tỷ-kheo, nếu có ngã sở thuộc, thời có ngã của tôi không?

– Bạch Thế Tôn, có.

– Chư Tỷ-kheo, nếu ngã và ngã sở thuộc không thể được chấp nhận là thường còn, thường hằng, thì kiến xứ này: "Đây là thế giới, đây là tự ngã, sau khi chết tôi sẽ thành thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển tôi sẽ trú như thế này cho đến

mãi mãi". *Này các Tỷ-kheo, kiến xứ ấy là hoàn toàn, triệt để chẳng ngu si không?*

– Bạch Thế Tôn, làm sao có thể hoàn toàn, triệt để chẳng ngu si được!

– *Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?*

– Bạch Thế Tôn, vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Bạch Thế Tôn, khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thì có hợp lý chẳng khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Chư Tỷ-kheo, **cảm thọ** là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, là vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Bạch Thế Tôn, là khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại thì có hợp lý chăng khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi... tự ngã của tôi"?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Chư Tỷ-kheo, **tướng** là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, vô thường.

– Cái gì vô thường...?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Chư Tỷ-kheo, **các hành** là thường hay vô thường...

- Chư Tỷ-kheo, **thức** là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Bạch Thế Tôn, khổ.

– Cái gì vô thường, khổ thì có hợp lý chăng, khi chánh quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là

tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Do vậy, này các Tỷ-kheo, **bất cứ sắc pháp nào, quá khứ, tương lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả sắc pháp là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là của tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", cần phải như thật quán với chánh trí tuệ.** Bất cứ cảm thọ nào... Bất cứ tưởng nào... Bất cứ hành nào... Bất cứ thức nào, quá khứ, vị lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả thức là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi", cần phải như thật quán với chánh trí tuệ.

Chư Tỷ-kheo, nhờ thấy vậy, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tưởng, yếm ly đối với hành, yếm ly đối với thức. Do yếm ly nên ly tham. Do ly tham, nên được giải thoát. Trong sự giải thoát có trí khởi lên, biết được đã giải thoát. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lui tại đây với một đời sống khác".

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là vị đã vứt bỏ đi các chướng ngại vật, là vị đã lấp đầy các

thông hào, là vị đã nhổ lên cột trụ, là vị đã mở tung các lều khóa, là bậc Thánh đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ lụy.

Và thế nào là Tỷ-kheo *đã vất bỏ đi các chương ngại?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, là đã đoạn trừ **vô minh**, cắt tận gốc rễ, làm cho như cây ta-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sinh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã vất bỏ đi các chương ngại.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo *đã lấp đầy các thông hào?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ **tái sinh và sự luân chuyển sanh tử**, đã cắt tận gốc rễ, làm cho như cây ta-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sinh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã lấp đầy thông hào.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo *đã nhổ lên cột trụ?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ

khát ái, đã cắt tận gốc rễ, làm cho như cây ta-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sinh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã nhổ lên cột trụ.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo *đã mở tung các lều khóa?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ **năm hạ phần kiết sử**, đã cắt tận gốc rễ, làm cho như cây ta-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sinh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã mở tung các lều khóa.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo bậc Thánh, *đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ lụy?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ **ngã mạn**, đã cắt tận gốc rễ, làm cho như cây ta-la bị chặt đầu, khiến không thể tái sinh trong tương lai, không có khả năng sanh khởi. Chư Tỷ-kheo, như vậy là vị Tỷ-kheo bậc Thánh, đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ lụy.

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã giải thoát như vậy, thì chư Thiên ở Đệ thích Thiên giới, Phạm thiên giới, Sanh chủ giới sẽ **không tìm được dấu vết của Tỷ-**

kheo ấy, nếu nghĩ rằng: "Y ở đây, có thức của Như Lai". Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, **Ta nói ngay ở hiện tại, một Như Lai không thể tìm thấy dấu vết**".

Chư Tỷ-kheo, Ta nói như vậy, thuyết như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn **xuyên tạc** Ta một cách phi chơn, hồ đồ, hư vọng, không thực: "*Sa-môn Gotama chủ trương chủ nghĩa hư vô, đề cao đoạn diệt, hủy diệt, sự tiêu diệt các hữu tình*". Nhưng này các Tỷ-kheo, Ta không là như vậy, Ta không nói như vậy, Ta không như các Sa-môn, Bà-la-môn ấy đã xuyên tạc một cách phi chơn, hồ đồ, hư vọng, không thật: "*Sa-môn Gotama chủ trương chủ nghĩa hư vô, đề cao đoạn diệt, hủy diệt, sự tiêu diệt các hữu tình*". **Chư Tỷ-kheo, xưa cũng như nay, Ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ.**

– Chư Tỷ-kheo, nếu ở đây những người khác nhiếc mắng, phỉ báng, làm cho Như Lai tức giận, thì này các Tỷ-kheo, ở đây, Như Lai không có sân hận, không có bất mãn, tâm không phần nộ.

– Chư Tỷ-kheo, nếu ở đây, những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Như Lai, thì này các Tỷ-kheo, ở đây Như Lai không có hoan hỷ, sung sướng, Tâm không thích thú.

- Chư Tỷ-kheo, nếu những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Như Lai, thì này các Tỷ-kheo, ở đây Như Lai suy nghĩ: "**Đây là điều xưa kia đã từng biết rõ: ở đây là trách nhiệm Ta phải làm**".

⇒ Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác nhiếc mắng, phỉ báng, làm cho các Ông tức giận, ở đây các Ông chớ có sân hận, bất mãn, **tâm chớ khởi phần nộ**.

⇒ Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái cúng dường các Ông, thì ở đây, các Ông chớ có hoan hỷ, sung sướng, **tâm chớ sanh thích thú**.

⇒ Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác cung kính, tôn trọng, lễ bái cúng dường các Ông, thì ở đây, các Ông hãy suy nghĩ: "**Đây là điều xưa kia đã từng biết rõ, đây là những trách nhiệm ta phải làm**".

⇒ Do vậy, này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông, các Ông hãy từ bỏ. Các Ông từ bỏ, sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.

Chư Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông?

- Chư Tỷ-kheo, **sắc** không phải của các Ông, hãy từ bỏ sắc. Các Ông từ bỏ sắc sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.
- Chư Tỷ-kheo, **thọ** không phải của các Ông, hãy từ bỏ thọ. Các Ông từ bỏ thọ sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.
- Chư Tỷ-kheo, **tưởng** không phải của các Ông, hãy từ bỏ tưởng. Các Ông từ bỏ tưởng sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.
- Chư Tỷ-kheo, **các hành** không phải của các Ông, hãy từ bỏ các hành. Các Ông từ bỏ các hành sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.
- Chư Tỷ-kheo, **thức** không phải của các Ông, hãy từ bỏ thức. Các Ông từ bỏ thức sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.

Chư Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Trong rừng Jetavana này, nếu có người thâu lượm cỏ, cây, nhánh, lá rồi đốt hay làm với chúng tùy theo ý muốn. Các Ông có nghĩ chẳng? Người ấy thâu lượm chúng ta, đốt chúng ta hay làm với chúng ta tùy theo ý muốn?

– Bạch Thế Tôn, không. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, vì nó không phải tự ngã hay không phải sở thuộc của ngã.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cái gì không phải của các Ông, các Ông hãy từ bỏ. Các Ông từ bỏ sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông. Chư Tỷ-kheo, và cái gì không phải của các Ông? Chư Tỷ-kheo, sắc không phải của các Ông, hãy từ bỏ sắc. Các Ông từ bỏ sắc sẽ đưa lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông. Chư Tỷ-kheo, thọ... (như trên)... Chư Tỷ-kheo tưởng... (như trên)... Chư Tỷ-kheo, hành... Chư Tỷ-kheo, thức không phải của các Ông, hãy từ bỏ thức. Các Ông từ bỏ thức sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho các Ông.

Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng, làm cho tỏ lộ, làm cho khai thông, làm cho khai thị, được loại trừ các vải quần cũ.

➤ Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng, làm tỏ lộ, làm cho khai thông, làm cho khai thị, được loại trừ các vải quần cũ, nên những vị Tỷ-kheo, là **bậc A-la-hán**, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, việc nên làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, lý tưởng đã thành đạt, hữu kiết sử đã đoạn trừ, được giải thoát nhờ chánh trí, **vòng luân chuyển (sanh**

tử) của những vị này không thể chỉ bày. Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ.

- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng, được loại trừ các vãi quần cũ, nên những Tỷ-kheo nào đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, thì những vị này thành các **vị hóa sanh**, nhập diệt tại đây, không còn phải trở lui vào đời này nữa. Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ.
- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ, nên những Tỷ-kheo nào đã đoạn trừ ba kiết sử, đã làm cho muội lược tham sân si, thì tất cả những vị ấy thành **bậc Nhất lai**, chỉ đến đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau. Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ.
- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ, nên những Tỷ-kheo nào đoạn trừ ba kiết sử, thì tất cả những vị ấy trở thành **bậc Dư lưu**, không còn bị đọa lạc ác thú, quyết định hướng đến chánh giác. Chư Tỷ-kheo, như vậy, pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ các vãi quần cũ.

- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được ta khéo giảng... được loại trừ các vấp quẩn cũ, nên những Tỷ-kheo nào là những vị tùy pháp hành, tùy tín hành, thì tất cả những vị này **sẽ hướng về chánh giác**, chư Tỷ-kheo, như vậy pháp được Ta khéo giảng... được loại trừ khỏi các vấp quẩn cũ.
- Chư Tỷ-kheo, vì pháp được Ta khéo giảng, làm cho tỏ lộ, làm cho khai thông, làm cho khai thị, được loại trừ các vấp quẩn cũ, nên những vị nào **chỉ đủ lòng tin nơi Ta, chỉ đủ lòng thương mến đối với Ta, thì tất cả những vị ấy được hướng về chư Thiên.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Những Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

196 Không đáng quan tâm - Kinh KESI – Tăng II, 26

KESI – Tăng II, 26

1. Rồi Kesi, người đánh xe điều phục ngựa đi đến Thế tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế tôn nói với Kesi, người đánh xe điều phục ngựa đang ngồi một bên:

2. - *Này Kesi, Ông là người đánh xe điều phục ngựa, có chế ngự. Và này Kesi, Ông nhiếp phục ngựa như thế nào?*

- Bạch Thế tôn, con nhiếp phục ngựa đáng được điều phục với lời nói mềm mỏng; con nhiếp phục ngựa đáng được điều phục với lời thô ác; con nhiếp phục ngựa đáng được điều phục với lời nói mềm mỏng và thô ác.

- *Này Kesi, nếu con ngựa đáng được điều phục không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng, không chịu nhiếp phục với lời nói thô ác, không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng và thô ác, thời Ông làm gì với con ngựa ấy?*

- Bạch Thế Tôn, nếu con ngựa đáng được điều phục không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng, không chịu nhiếp phục với lời nói thô ác, không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng và thô ác của con, thời bạch Thế Tôn, con giết nó. Vì sao? Vì mong rằng nó không làm mất danh dự cho gia đình thầy của con!

Nhưng bạch Thế Tôn, Thế Tôn là bậc Vô thượng, đánh xe điều ngự những ai đáng được điều ngự, như thế nào Thế Tôn nhiếp phục những ai đáng được điều phục?

3 - *Này Kesi, Ta nhiếp phục người đáng được nhiếp phục với lời nói mềm mỏng, Ta nhiếp phục với lời nói cứng rắn, Ta nhiếp phục với lời nói vừa mềm mỏng, vừa cứng rắn.*

❖ *Tại đây, này Kesi, đây là với lời nói mềm mỏng:*

- Đây là **thân** làm thiện, đây là quả báo thân làm thiện.
- Đây là **lời** nói thiện, đây là quả báo lời nói thiện.
- Đây là **ý** nghĩ thiện, đây là quả báo ý nghĩ thiện.
- **Đây là chư thiên. Đây là loài Người.**

❖ *Tại đây, này Kesi, đây là với lời nói cứng rắn:*

- Đây là **thân** làm ác, đây là quả báo thân làm ác.
- Đây là **lời** nói ác, đây là quả báo lời nói ác.
- Đây là **ý** nghĩ ác, đây là quả báo ý nghĩ ác.
- Đây là địa ngục. Đây là loài bàng sanh. Đây là loại ngạ quỷ.

❖ *Tại đây, này Kesi, đây là lời nói vừa mềm mỏng vừa cứng rắn:*

- Đây là thân làm thiện, đây là quả báo thân làm thiện.
 - Đây là thân làm ác, đây là quả báo thân làm ác.
 - Đây là lời nói thiện, đây là quả báo lời nói thiện.
 - Đây là lời nói ác, đây là quả báo lời nói ác.
 - Đây là ý nghĩ thiện, đây là quả báo ý nghĩ thiện.
 - Đây là ý nghĩ ác, đây là quả báo ý nghĩ ác.
 - Đây là chư Thiên. Đây là loài Người.
 - Đây là địa ngục. Đây là loài bàng sanh. Đây là ngạ quỷ.
- *Bạch Thế Tôn, nếu người đáng được điều phục không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng của Thế Tôn, không chịu nhiếp phục với lời nói cứng rắn, không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng và cứng rắn, thời Thế Tôn làm gì với người ấy?*

- Nay Kesi, nếu người đáng được điều phục không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng của Ta, không chịu nhiếp phục với lời nói cứng rắn, không chịu nhiếp phục với lời nói vừa mềm mỏng vừa cứng rắn, nay Kesi, *thời Ta giết hại người ấy!*

4. - Nhưng bạch Thế Tôn, sát sanh không xứng đáng với Thế Tôn. Tuy vậy, Thế Tôn nói: "Nay Kesi, Ta giết hại người ấy".

- Thật vậy, nay Kesi, sát sanh không xứng đáng với Như Lai. Nhưng người đáng được điều phục ấy không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng, không chịu nhiếp phục với lời nói cứng rắn, không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng và cứng rắn, Như Lai nghĩ rằng người ấy không xứng đáng để được nói đến, để được giáo giới. Và các vị đồng Phạm hạnh có trí nghĩ rằng người ấy không xứng đáng để được nói đến, để được giáo giới. Bị giết hại, nay Kesi là con người này, trong giới luật của bậc Thánh, bị Như Lai nghĩ rằng không đáng được nói đến, không đáng được giáo giới, bị các vị đồng Phạm hạnh có trí nghĩ rằng không đáng được nói đến, không đáng được giáo giới.

- Bạch Thế Tôn, người ấy bị bậc Thiện Thệ giết hại là người nào bị Như Lai nghĩ rằng không xứng đáng được nói đến, không xứng đáng được giáo giới, bị

các vị đồng Phạm hạnh có trí nghĩ rằng không đáng được nói đến, không đáng được giáo giới. Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! ... bắt đầu từ nay, mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư sĩ, cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

197 Không được ái mộ - Kinh CÁC PHÁP KHÔNG ĐƯỢC ÁI MỘ 1 – Tăng III, 494

CÁC PHÁP KHÔNG ĐƯỢC ÁI MỘ 1 – Tăng III, 494

1. - Thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không được các đồng Phạm hạnh ái mộ, thích ý, kính trọng và bắt chước. Thế nào là tám?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

- Tán thán những người không được ái mộ,
- Chỉ trích những người được ái mộ,
- Ưu lợi dưỡng,
- Ưu được cung kính,
- Không có lòng xấu hổ,
- Không có sợ hãi,
- Ác dục
- Có tà kiến.

Thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không được các đồng Phạm hạnh ái mộ, thích ý, kính trọng và bắt chước.

3. Thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo được các đồng Phạm hạnh ái mộ, thích ý, kính trọng và bắt chước. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tám?

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

- Không tán thán những người không được ái mộ,
- Không chỉ trích những người được ái mộ,
- Không ưa lợi dưỡng,
- Không ưa được cung kính,
- Có lòng xấu hổ,
- Có sợ hãi,
- Ít dục
- Có chánh kiến.

Thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo được các đồng Phạm hạnh ái mộ, thích ý, cung kính và bắt chước.

CÁC PHÁP KHÔNG ĐƯỢC ÁI MỘ 2 – Tăng III,
495

1. - Thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không được các đồng Phạm hạnh ái mộ, thích ý, cung kính và bắt chước. Thế nào là tám?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

- *Ưa lợi dưỡng,*
- *Ưa cung kính,*
- *Ưa được tán thán,*
- *Không biết thời,*
- *Không biết vừa đủ,*
- *Không trong sạch,*
- *Nói nhiều,*
- *Mắng nhiếc quả trách đối với các đồng Phạm hạnh.*

Thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không được các đồng Phạm hạnh ái mộ, thích ý, kính trọng và bắt chước.

3. Thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo được các đồng Phạm hạnh ái mộ, thích ý, kính trọng và bắt chước. Thế nào là tám?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

- *Không ưa lợi dưỡng,*
- *Không ưa cung kính,*

- *Không ưa được tán thán,*
- *Biết thời,*
- *Biết vừa đủ,*
- *Trong sạch,*
- *Không nói nhiều,*
- *Không mắng nhiếc quở trách đối với các đồng Phạm hạnh.*

Thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo được các đồng Phạm hạnh ái mộ, thích ý, cung kính và bắt chước.

198 Không định, Vô tướng định, Vô nguyên định - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567

KINH PHÚNG TỤNG
– Bài kinh số 33 – Trường II, 567
(Trích đoạn)

1. Ba định:

- Hữu tâm hữu tứ định,
- Vô tâm hữu tứ định,
- Vô tâm vô tứ định.

2. Lại ba định khác:

- Không định, vô tướng định, vô nguyên định.

199 Không định, Vô tướng định, Vô nguyên định - Kinh ĐỊNH – Tăng I, 547

ĐỊNH – *Tăng I, 547*

❖ Để thắng tri tham ái, này các Tỷ-kheo, ba pháp cần phải tu tập. Thế nào là ba?

- **Không định,**
- **Vô tướng định,**
- **Vô nguyên định.**

Để thắng tri tham ái, này các Tỷ-kheo, ba pháp này cần phải tu tập.

Này các Tỷ-kheo, để biến tri, biến diệt, đoạn tận, diệt tận, trừ diệt, ly tham, đoạn diệt, trừ khử, từ bỏ tham, ba pháp này, này các Tỷ-kheo, cần phải tu tập.

Này các Tỷ-kheo, để biến tri, biến diệt, đoạn tận, diệt tận, trừ diệt, ly tham, đoạn diệt, trừ khử, từ bỏ sân ... từ bỏ si ... từ bỏ phần nộ ... từ bỏ hận ... từ bỏ giả dối ... từ bỏ não hại ... từ bỏ tật đố ... từ bỏ xan lẫn ... từ bỏ man trá ... từ bỏ phản bội ... từ bỏ ngoan cố ... từ bỏ bông bột nông nổi ... từ bỏ mạn, từ bỏ tăng thượng mạn ... từ bỏ kiêu ... từ bỏ phóng dật, ba pháp này, này các Tỷ-kheo, cần phải tu tập.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các vị Tỷ kheo ấy
hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

200 Không ưa thích các vị tu Thiền - Kinh MAHÀCUNDA – Tăng III, 124

MAHÀCUNDA – Tăng III, 124

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời, Tôn giả Mahàcunda trú ở Cetì, tại Sahajàti. Tại đây, Tôn giả Mahàcunda gọi các Tỷ-kheo:

- Này các Hiền giả Tỷ-kheo!

- Thừa Hiền giả!

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahàcunda. Tôn giả Mahàcunda nói như sau:

2. - Ở đây, này chư Hiền, *một số Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp không ưa thích các Tỷ-kheo tu Thiền*, nói như sau: "*Các người này nói: "Chúng tôi tu Thiền, chúng tôi tu Thiền". Họ tu Thiền, họ hành thiền. Những người này Thiền cái gì? Những người này Thiền có lợi ích gì? Những người này Thiền như thế nào?*" Ở đây, các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp không hoan hỷ, và các Tỷ-kheo tu Thiền cũng không hoan hỷ; hành động như vậy không đưa lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, không đưa lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài Người.

3. Ở đây, này chư hiền, *một số Tỷ-kheo tu thiền không ưa thích các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp*, nói như sau: "Các người này nói: "Chúng tôi chuyên tâm về pháp, chúng tôi huyết tâm về pháp". Họ tháo động, kiêu căng, dao động, lăm mồm, lăm miệng, lăm lời, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn thả lỏng. Những người này chuyên tâm về pháp cái gì? Những người này chuyên tâm về pháp có lợi ích gì? Những người này chuyên tâm về pháp như thế nào?". Ở đây, các Tỷ-kheo tu Thiền không có hoan hỷ, và các Tỷ-kheo chuyên tu về pháp cũng không hoan hỷ; hành động như vậy không đưa lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, không đưa lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài Người.

4. Nhưng ở đây, này chư Hiền, *có những Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp, chỉ tán thán các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp, không tán thán các Tỷ-kheo tu Thiền*. Và ở đây, các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp không được hoan hỷ; các Tỷ-kheo tu Thiền không được hoan hỷ. Sở hành như vậy không đưa lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, không đưa lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài Người

5 Nhưng ở đây, này chư Hiền, *có những Tỷ-kheo tu Thiền chỉ tán thán các Tỷ-kheo tu Thiền, không tán thán các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp*. Và ở đây, các

Tỷ-kheo tu Thiền không được hoan hỷ; các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp không được hoan hỷ. Sở hành như vậy không đưa lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, không đưa lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài người.

Do vậy, này chư Hiền, cần phải học tập như sau:

6. **"Chúng ta là những người chuyên tâm về pháp, chúng ta sẽ tán thán các Tỷ-kheo tu Thiền".**

Này chư Hiền, chư Hiền cần phải học tập như vậy. Vì có sao? Thật vậy, này chư Hiền, **các người vi diệu ấy khó tìm được ở đời, những người cảm giác bất tử giới với thân và an trú.**

Do vậy này chư Hiền, cần phải học tập như sau:

7. **"Chúng ta là những người tu thiền, chúng ta sẽ tán thán các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp".**

Này các chư Hiền, chư Hiền cần phải học tập như vậy. Vì có sao? Thật vậy, này chư Hiền, **các người vi diệu ấy khó tìm được ở đời, những người với trí tuệ thể nhập và thấy con đường thâm sâu hướng dẫn đến đích.**

201 Khả ái - Cái gì là khả ái ở đời Con mắt là khả ái... - Kinh Xúc Chạm Biết Rõ – Tương II, 191

Xúc Chạm – Biết Rõ – *Tương II, 191*

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Kuru, tại thị trấn dân chúng Kuru tên là Kammāsaddhamma.

2) Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo".

- Bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

3) Thế Tôn nói như sau:

- *Này các Tỷ-kheo, các Ông có nắm giữ với nội xúc hay không?*

4) Được nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con có nắm giữ, với nội xúc.

5) Này các Tỷ-kheo, nhưng Ông nắm giữ nội xúc như thế nào?

6) Tỷ-kheo ấy trả lời. Với câu trả lời, Tỷ-kheo ấy không làm tâm Thế Tôn thỏa mãn.

7) Khi được nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời. Bạch Thiện Thệ, nay đã đến thời Thế Tôn nói về nội xúc. Sau khi nghe, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

8) - Vậy này Ananda, hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ nói.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

9) Thế Tôn nói như sau:

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, *Tỷ-kheo trong khi nắm giữ nội xúc, nắm giữ nội xúc như sau: "Sự đau khổ đa loại, đa dạng này khởi lên ở đời với già chết; sự đau khổ này lấy cái gì làm nhân, hay lấy cái gì làm tập khởi, lấy cái gì làm tác sanh, lấy cái gì làm hiện hữu? Cái gì có mặt, già chết hiện hữu? Cái gì không có mặt, già chết không hiện hữu?"*.

Vị ấy nắm giữ nội xúc, biết như sau: *"Sự đau khổ đa loại, đa dạng này khởi lên ở đời với già chết. Sự đau khổ này lấy sanh y làm nhân, lấy sanh y làm tập khởi,*

*lấy sanh y làm tác sanh, lấy sanh y làm hiện hữu. Do sanh y có mặt, già chết hiện hữu. Do sanh y không có mặt, già chết không hiện hữu". Vị ấy biết già chết. Vị ấy biết già chết tập khởi. Vị ấy biết già chết đoạn diệt. Vị ấy biết con đường thích ứng đưa đến già chết đoạn diệt. Và nhờ thực hành như vậy, vị ấy trở thành một vị **tỳ pháp hành**.*

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo đã thực hành để tận khổ đau, để đoạn diệt già chết một cách hoàn toàn.

10) Vị ấy lại nắm giữ thêm nội xúc và nắm giữ như sau: "*Sanh y này lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm tác sanh, lấy gì làm hiện hữu? Cái gì có mặt, sanh y hiện hữu? Cái gì không có mặt, sanh y không hiện hữu?*". Vị ấy nắm giữ nội xúc, biết được như sau: "*Sanh y lấy ái làm nhân, lấy ái làm tập khởi, lấy ái làm tác sanh, lấy ái làm hiện hữu. Do ái có mặt, sanh y hiện hữu. Do ái không có mặt, sanh y không hiện hữu*". Vị ấy biết sanh y, biết sanh y tập khởi, biết sanh y đoạn diệt, và biết con đường thích ứng đưa đến sanh y đoạn diệt. Do thực hành như vậy, vị ấy được gọi là tỳ pháp hành.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo đã chơn chánh thực hành để tận diệt đau khổ và đoạn diệt sanh y một cách hoàn toàn.

11) Vị ấy lại nắm giữ thêm nội xúc và nắm giữ như sau: *"Nhưng ái này, khởi lên tại chỗ nào được khởi lên, an trú tại chỗ nào được an trú?"*. Vị ấy nắm giữ nội xúc, biết được như sau: *"Tất cả những gì ở đời khả ái, hấp dẫn, khởi lên; tại chỗ ấy, ái được sanh khởi; tại chỗ ấy, ái được an trú. Và cái gì ở đời khả ái, hấp dẫn? Con mắt ở đời là khả ái, hấp dẫn khởi lên; tại chỗ ấy, ái được sanh khởi; tại chỗ ấy ái được an trú"*.

12)... Lỗ tai ở đời là khả ái, hấp dẫn...

13)... Lỗ mũi ở đời là khả ái, hấp dẫn...

14)... Lưỡi ở đời là khả ái, hấp dẫn...

15)... Thân ở đời là khả ái, hấp dẫn...

16)... Ý ở đời là khả ái, hấp dẫn khởi lên; tại chỗ ấy, ái được sanh khởi; tại chỗ ấy, ái được an trú.

17) *Này các Tỷ-kheo, những ai trong quá khứ, là Sa-môn hay Bà-la-môn, thấy những gì ở đời khả ái, hấp dẫn là thường còn, thấy là lạc, thấy là vô bệnh, thấy là an ổn, thấy là tự ngã, những người ấy làm ái tăng trưởng.*

18)

- Những ai làm ái tăng trưởng, những người ấy làm sanh y tăng trưởng.
- Những ai làm sanh y tăng trưởng, những người ấy làm đau khổ tăng trưởng.
- Những ai làm đau khổ tăng trưởng, những người ấy không thể giải thoát sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não.

Ta nói rằng họ không thể giải thoát khỏi đau khổ.

19) Nay các Tỷ-kheo, những ai trong tương lai là Sa-môn hay Bà-la-môn thấy những gì ở đời khả ái, hấp dẫn là thường còn, thấy là lạc, thấy là tự ngã, thấy là vô bệnh, thấy là an ổn, những người ấy sẽ làm ái tăng trưởng.

20) Những ai làm ái tăng trưởng, những người ấy sẽ làm sanh y tăng trưởng. Những ai làm sanh y tăng trưởng, những người ấy sẽ làm đau khổ tăng trưởng. Những ai làm đau khổ tăng trưởng, những người ấy không thể giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói họ không có thể giải thoát khỏi đau khổ.

21) Nay các Tỷ-kheo, những ai trong hiện tại là Sa-môn hay Bà-la-môn thấy những gì ở đời khả ái, hấp dẫn là thường còn, thấy là lạc, thấy là tự ngã, thấy là

vô bệnh, thấy là an ổn, những người ấy làm ái tăng trưởng.

22) Những ai làm ái tăng trưởng, những người ấy làm sanh y tăng trưởng. Những ai làm sanh y tăng trưởng, những người ấy làm đau khổ tăng trưởng. Những ai làm đau khổ tăng trưởng, những người ấy không thể giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng họ không thể giải thoát khỏi đau khổ.

23) *Này các Tỷ-kheo, ví như một bình bằng đồng, đựng nước uống có sắc, có hương, có vị và nước uống ấy có pha thuốc độc. Rồi một người đi đến, bị nóng bức bách, bị nóng áp đảo, mệt mỏi, run rẩy, khát nước và có những người nói với người ấy như sau: "Này Bạn, bình đồng đựng nước uống này, có sắc, có hương, có vị, và bình nước uống ấy có pha thuốc độc. Nếu Bạn muốn, hãy uống. Trong khi uống, Bạn sẽ được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi uống, do nhân duyên ấy, Bạn có thể đi đến chết, hay đau khổ gần như chết". Người kia có thể uống bình nước bằng đồng ấy một cách hấp tấp không suy nghĩ, không từ bỏ. Người kia do nhân duyên ấy, có thể đi đến chết hay đau khổ gần như chết.*

24) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, những ai trong quá khứ, là Sa-môn hay Bà-la-môn, phạm vật gì khả ái hấp dẫn ở đời...

25)... Những ai trong tương lai...

26) Này các Tỷ-kheo, những ai trong hiện tại là Sa-môn hay Bà-la-môn, thấy những gì ở đời khả ái, hấp dẫn là thường còn, thấy là lạc, thấy là tự ngã, thấy là vô bệnh, thấy là an ổn, những người ấy làm ái tăng trưởng.

27) Những ai làm ái tăng trưởng, những người ấy làm sanh y tăng trưởng. Những ai làm sanh y tăng trưởng, những người ấy làm đau khổ tăng trưởng. Những ai làm đau khổ tăng trưởng, những người ấy không thể giải thoát khỏi sanh, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói họ không thể giải thoát khỏi đau khổ.

28) *Và này các Tỷ-kheo, những ai trong quá khứ là Sa-môn hay Bà-la-môn thấy những gì khả ái, hấp dẫn ở đời là vô thường, thấy là khổ, thấy là vô ngã, thấy là bệnh, thấy là đáng sợ hãi, những người ấy từ bỏ ái.*

- Những ai từ bỏ ái, những người ấy từ bỏ sanh y.

- *Những ai từ bỏ sanh y, những người ấy từ bỏ đau khổ.*
- *Những ai từ bỏ đau khổ, những người ấy đã được giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não.*

Ta nói rằng họ đã giải thoát khỏi đau khổ.

29) Và này các Tỷ-kheo, những ai trong tương lai là Sa-môn hay Bà-la-môn, thấy những gì khả ái, hấp dẫn ở đời là vô thường, thấy là khổ, thấy là vô ngã, thấy là bệnh, thấy là đáng sợ hãi, những người ấy sẽ từ bỏ ái.

30) Những ai từ bỏ ái, những người ấy từ bỏ sanh y...
Ta nói họ có thể giải thoát khỏi đau khổ.

31) Còn những ai, này các Tỷ-kheo, trong hiện tại là Sa-môn hay Bà-la-môn, thấy những gì khả ái, hấp dẫn ở đời là vô thường, thấy là khổ, thấy là vô ngã, thấy là bệnh, thấy là đáng sợ hãi, họ từ bỏ ái.

32) Những ai từ bỏ ái, những người ấy từ bỏ sanh y. Những ai từ bỏ sanh y, những người ấy từ bỏ đau khổ. Những ai từ bỏ đau khổ, những người ấy sẽ giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói họ sẽ giải thoát khỏi đau khổ.

33) Ví như, này các Tỷ-kheo, **một bình nước bằng đồng có sắc, có hương, có vị, nhưng bị pha thuốc độc.** Rồi có người đi đến, bị nóng bức bách, bị nóng áp đảo, mệt mỏi, run rẩy, khát nước. Có những người nói với người ấy: "Này Bạn, bình nước bằng đồng này có sắc, có hương, có vị, nhưng bình nước uống ấy bị pha thuốc độc. Nếu Bạn muốn, hãy uống. Trong khi uống, Bạn sẽ thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi uống, do nhân duyên ấy Bạn có thể đi đến chết, hay đau khổ gần như chết".

34) Và này các Tỷ-kheo, người ấy có thể suy nghĩ như sau: Ở đây, ta có thể nhiếp phục khát nước này với uống rượu, hay nhiếp phục với ăn sữa đông (sanh tô), hay nhiếp phục với ngậm muối, hay nhiếp phục với cháo chua. Nhưng ta không có thể uống thứ này, nó khiến ta phải bất hạnh, đau khổ lâu dài". **Người ấy sau khi suy nghĩ, không uống và từ bỏ thứ nước uống ấy. Do nhân duyên này, người ấy không đi đến chết, hay sự đau khổ gần như chết.**

35) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, những ai trong thời quá khứ là Sa-môn hay Bà-la-môn, thấy những gì khả ái hấp dẫn ở đời là vô thường, thấy là đau khổ, thấy là vô ngã, thấy là bệnh, thấy là đáng sợ hãi, họ đoạn trừ ái.

36) Những ai đoạn trừ ái, những người ấy đoạn trừ sanh y. Những ai đoạn trừ sanh y, những người ấy đoạn trừ đau khổ. Những ai đoạn trừ đau khổ, những người ấy được giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói họ được giải thoát khỏi đau khổ.

37-38) Nay các Tỷ-kheo, những ai trong tương lai...

39) Những ai trong thời hiện tại là Sa-môn hay Bà-la-môn, thấy những gì khả ái, hấp dẫn ở đời là vô thường, thấy là khổ, thấy là vô ngã, thấy là bệnh, thấy là đáng sợ hãi, họ từ bỏ ái.

40) Những ai từ bỏ ái, những người ấy từ bỏ sanh y. Những ai từ bỏ sanh y, những người ấy từ bỏ đau khổ. Những ai từ bỏ đau khổ, những người ấy được giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. **Ta nói rằng họ được giải thoát khỏi đau khổ.**

202 Khẩn cầu - Bờ bên kia, hãy lại đây - Kinh TEVIJJA – 13 Trường I, 401

KINH TEVIJJA (KINH TAM MINH)

– Bài kinh số 13 – Trường I, 401

1. Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn đang du hành ở Kosala (Câu-tát-la) cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị và đi đến một làng Bà-la-môn ở Kosala tên là Manasàkata. Tại đây, ở Manasàkata, Thế Tôn trú tại một vườn xoài trên bờ sông Aciravati (A-trí-la-phạt-đề), phía Bắc làng Manasàkata.
2. Lúc bấy giờ, nhiều Bà-la-môn trú danh, đại phú hào ở tại Manasàkata như Bà-la-môn Canki (Thường-già), Bà-la-môn Tàrukkha (Đa-lê-xa) Bà-la-môn Pokkharasàti (Phí-già-la-bà-la), Bà-la-môn Jànussoni (Sanh Lậu), Bà-la-môn Todeyya (Đạo-đề-da) và nhiều Bà-la-môn trú danh, đại phú hào khác.
3. Lúc bấy giờ, một cuộc nghị luận về chánh đạo và tà đạo khởi lên giữa Vāsettha (Bà-tát-sá) và Bhàradvāja (Bạt-la-đà-phạn-xà) trong khi đi bách bộ để tĩnh dưỡng, vừa đi vừa suy nghĩ tư duy.

4. Thanh niên Bà-la-môn Vàsettha nói:

- Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo. Đó là con đường do Bà-la-môn Pokkharasàti giảng dạy.

5. Thanh niên Bà-la-môn Bhàradvāja nói:

- Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo, đó là con đường do Bà-la-môn Tàrukkha giảng dạy.

6. Thanh niên Bà-la-môn Vàsettha không thể thuyết phục được thanh niên Bà-la-môn Bhàradvāja và thanh niên Bà-la-môn Bhàradvāja, cũng không thể thuyết phục được thanh niên Bà-la-môn Vàsettha.

7. Khi ấy thanh niên Bà-la-môn Vàsettha nói với thanh niên Bà-la-môn Bhàradvāja:

- Nay Bhàradvāja, Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca, nay trú ở Manasākata, tại một vườn xoài trên bờ sông Aciravati, phía Bắc làng Manasākata. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Gotama: "Ngài là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ,

Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn". Nay Bhàradvāja, hãy đến Sa-môn Gotama và hỏi Sa-môn Gotama về nghĩa lý này, và Sa-môn Gotama trả lời như thế nào, chúng ta sẽ như vậy thọ trì.

- Tôn giả, xin vâng!

Thanh niên Bà-la-môn Bhàradvāja trả lời với thanh niên Bà-la-môn Vāsettha.

8. Lúc bấy giờ hai thanh niên Bà-la-môn Vāsettha và Bhàradvāja đến Thế Tôn, khi đã đến liền nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao với Thế Tôn và ngồi xuống một bên, khi ngồi xuống một bên, thanh niên Bà-la-môn Vāsettha bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, một cuộc nghị luận về chánh đạo và tà đạo khởi lên giữa hai chúng tôi trong khi đi bách bộ để tĩnh dưỡng vừa đi vừa suy nghĩ, tư duy. Tôi nói như vậy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo, đó là con đường do Bà-la-môn Pokkharasāti giảng dạy". Thanh niên Bà-la-môn Bhàradvāja nói như vậy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo, đó là con đường do Bà-la-môn Tàrukka giảng dạy". Tôn giả

Gotama , đó là sự tranh luận, sự luận chấp, đó là sự bất đồng ý kiến.

9. Này Vasettha, Người nói như vậy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo. Đó là con đường do Bà-la-môn Pokkharasàti giảng dạy". Còn thanh niên Bà-la-môn Bhàradvāja nói như vậy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo, đó là con đường do Bà-la-môn Tàrukkha giảng dạy". Này Vasettha, ở nơi đây tranh biện về vấn đề gì, luận chấp về vấn đề gì và bất đồng ý kiến về vấn đề gì?

10. - Tôn giả Gotama, về vấn đề chánh đạo và tà đạo. Tôn giả Gotama, nhiều Bà-la-môn thuyết dạy nhiều con đường sai khác như các vị Bà-la-môn Addhàriyà, các vị Bà-la-môn Tittiriya, và các vị Bà-la-môn Chandokà, các vị Bà-la-môn Chandavà, các vị Bà-la-môn Brāhmacariyà - tất cả con đường này hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo. Tôn giả Gotama, như gần làng hay gần tri trấn có nhiều con đường sai khác, nhưng tất cả con đường này đều dẫn đến làng. Cũng vậy, Tôn giả Gotama, nhiều Bà-la-môn thuyết dạy nhiều con đường sai khác - như các Bà-la-môn

Addhariyà, các vị Bà-la-môn Tittiriya, các vị Bà-la-môn Chandokà, các vị Bà-la-môn Chandavà, các vị Bà-la-môn Bràhmacariyà. Tất cả con đường này hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo.

- Nay Vasettha, có phải Ngươi nói: "Chúng dẫn đến?"

- Tôn giả Gotama, vâng, tôi nói: "Chúng dẫn đến".

- Nay Vasettha, có phải Ngươi nói: "Chúng dẫn đến".

- Tôn giả Gotama, vâng, tôi nói: "Chúng dẫn đến".

- Nay Vasettha, có phải Ngươi nói: "Chúng dẫn đến".

- Tôn giả Gotama, vâng, tôi nói: "Chúng dẫn đến".

12. - Thế nào Vasettha? Có Bà-la-môn nào trong những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà tận mắt đã thấy Phạm thiên?

- Tôn giả Gotama, không có vị nào.

- Thế nào Vasettha? Có tôn sư nào của các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã tận mắt thấy Phạm thiên?

- Tôn giả Gotama, không có vị nào.

- Thế nào Vasettha? Có Bà-la-môn nào cho đến bảy đời tôn sư và đại tôn sư của những vị Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã tận mắt nhìn thấy Phạm thiên?

- Tôn giả Gotama, không có vị nào.

13. - Thế nào, này Vasettha. Những vị tu sĩ thời cổ trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia những thần chú được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh và ngày nay những vị Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà cũng hát lên, trì tụng và ngâm giảng như các vị Atthaka (A-sá-ca) Vàmaka (Bà-ma), Vàmadeva (Bà-ma-đề-bà), Angirasa (Ương-kỳ-sá), Bhàradvaja (Bạt-la-đà-phan-xà), Vasettha (Bà-tát-sá), Kassapa (Ca-diếp), Bhagu (Bà-cửu), những vị này có nói: "Chúng tôi biết, chúng tôi thấy chỗ ở Phạm thiên, chỗ đến Phạm thiên, chỗ đi Phạm thiên?"

- Tôn giả Gotama, không có vị nào.

14. - Này Vasettha, như vậy Người nói không có một Bà-la-môn nào trong những vị tinh thông ba tập Vedà đã tận mắt thấy Phạm thiên - không có một tôn sư nào của các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã

tận mắt thấy Phạm thiên, không có một đại tôn sư nào của các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà và đã tận mắt thấy Phạm thiên - không có một Bà-la-môn nào cho đến bảy đời đại tôn sư, tôn sư của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã tận mắt thấy Phạm thiên, trong những tu sĩ thời cổ, trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia những thần chú được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh và ngày nay những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà cũng hát lên, trì tụng và giảng dạy như các vị Atthaka, Vàmaka, Vàmadeva, Vessàmita, Yamataggi, Angirasa, Bhàradvāja, Vàsettha, Kassapa, Bhagu, không có một vị nào đã nói: "Chúng tôi biết, chúng tôi thấy Phạm thiên ở đâu, Phạm thiên từ đâu đến, Phạm thiên sẽ đi đâu". Như vậy các bà Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã nói: "Chúng tôi không biết, chúng tôi không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên, **nhưng chúng tôi thuyết dạy con đường ấy**: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo".

Này Vàsettha, Ngươi nghĩ thế nào? **Sự kiện là như vậy thời có phải lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chánh xác, hợp lý?**

- Tôn giả Gotama, sự kiện là như vậy thời lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chánh xác, hợp lý.

15. - Nay Vasettha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không biết, không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên mà thuyết dạy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo", thật không thể có sự kiện ấy. *Này Vasettha, ví như một chuỗi người mù ôm lưng nhau, người trước không thấy, người giữa cũng không thấy, người cuối cùng cũng không thấy.* Như vậy, nay Vasettha lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, người đầu không thấy, giữa cũng không thấy, người cuối cùng cũng không thấy, giống như lời nói mù quáng. Lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà như vậy là lời nói đáng chê cười, là lời nói suông, là lời nói không tưởng, là lời nói trống rỗng.

16. - Nay Vasettha, nhà Ngươi nghĩ thế nào? Các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà như phân đông nhiều người khác - có thể thấy mặt trăng, mặt trời không, trong khi các vị này cầu khẩn, tán thán, vừa đi xung quanh, vừa chấp tay và đánh lễ chỗ mặt trăng, mặt trời mọc và lặn?

- Thừa vâng, Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà như phần đông nhiều người khác có thể thấy mặt trăng, mặt trời, trong khi các vị này cầu khẩn, tán thán, vừa đi xung quanh, vừa chấp tay đánh lễ chỗ mặt trăng, mặt trời mọc và lặn.

17. - Này Vasettha, nhà Ngươi nghĩ thế nào? Các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà - như phần đông nhiều người khác thấy mặt trăng, mặt trời, trong khi các vị này cầu khẩn, tán thán, vừa đi xung quanh, vừa chấp tay và đánh lễ chỗ mặt trăng mặt trời mọc và lặn, những vị này có thể thuyết dạy con đường đưa đến sự cộng trú với mặt trăng mặt trời không? Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với mặt trăng, mặt trời cho những ai thực hành theo?

- Tôn giả Gotama, không thể được!

18. - Này Vasettha, Ngươi nói rằng các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà như phần đông nhiều người khác, thấy mặt trăng, mặt trời trong khi các vị này cầu khẩn tán thán, vừa đi xung quanh, vừa chấp tay và đánh lễ chỗ mặt trăng, mặt trời mọc và lặn, những vị này không có thể thuyết dạy con đường đưa đến sự cộng trú với mặt trăng mặt trời: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với mặt trăng, mặt trời cho những ai thực hành theo".

Người cũng nói các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các tôn sư, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các đại tôn sư các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các Bà-la-môn cho đến bảy đời đại tôn sư, tôn sư của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên. Người cũng nói trong những tu sĩ thời cổ trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, những vị sáng tác các thần chú, được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh và ngày nay những Bà-la-môn cũng hát lên, trì tụng và giảng dạy - như các vị Atthaka, Vàmaka, Vàmadeva, Vessàmitta, Yamataggi, Anigirasa, Bhàradvāja, Vàsettha, Kassapa, Bhagu, không có một vị nào đã nói: "Chúng tôi biết, chúng tôi thấy Phạm thiên ở đâu, Phạm thiên từ đâu đến, Phạm thiên sẽ đi đâu". Như vậy các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã nói: "Chúng tôi không biết, chúng tôi không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên, nhưng chúng tôi thuyết dạy con đường ấy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo". **Này Vàsettha, nhà Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chánh xác, hợp lý?"**

- Tôn giả Gotama, sự kiện là như vậy, thời lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chánh xác, hợp lý.

- Lành thay, này Vàsettha! Những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không biết, không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên mà thuyết dạy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo". **Thật không có sự kiện ấy.**

19. Này Vàsettha, như có người nói: "Tôi yêu và ái luyến một cô gái đẹp trong nước này". Có người hỏi: "Này bạn, cô gái đẹp mà Ông yêu và ái luyến ấy, Ông có biết là người giai cấp nào, là Sát-đế-ly, hay Bà-la-môn, hay Phệ-xá, hay Thủ-đà?" Khi được hỏi, người ấy trả lời không biết. Có người hỏi: "Này bạn, cô gái đẹp Ông yêu và ái luyến ấy, Ông có biết tên gì, họ gì, lớn người, thấp người hay người bậc trung? Da đen sẫm, da ngăm ngăm đen hay da hồng hào? Ở tại làng nào, ấp nào, hay thành phố nào?" Khi được hỏi vậy, người ấy trả lời không biết. Có người hỏi: "Này bạn, như vậy có phải Ông đã yêu và đã ái luyến một người Ông không biết, không thấy?" Được hỏi vậy, vị ấy trả lời phải. Này Vàsettha, Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của người kia là không chánh xác, hợp lý?

- Vâng phải, Tôn giả Gotama. Sự kiện là như vậy, thời lời nói của người kia không chánh xác, hợp lý.

20. - Cũng vậy, này Vàsettha, Người nói rằng các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các đại tôn sư các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các Bà-la-môn cho đến bảy đời đại tôn sư, tôn sư của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, không thể tận mắt thấy được Phạm thiên. Người cũng nói những tu sĩ thời cổ trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia các thần chú được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh và ngày nay những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà cũng hát lên, cũng trì tụng và giảng dạy như các vị Vàmaka, Vàmadeva, Vessàmitta, Yamataggi, Angirasa, Bhàradvāja, Vàsettha, Kassapa, Bhagu, không có một vị nào đã nói: "Chúng tôi biết, chúng tôi thấy Phạm thiên ở đâu, Phạm thiên từ đâu đến, Phạm thiên sẽ đi đâu". Như vậy các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã nói: "Chúng tôi không biết, chúng tôi không thấy con đường đưa đến sự cộng trú với Phạm thiên nhưng chúng tôi thuyết dạy con đường ấy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai

thực hành theo". *Này Vasettha, Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chánh xác, hợp lý?*

- Tôn giả Gotama, sự kiện là như vậy thời lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chánh xác, hợp lý.

- Lành thay, Vasettha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không biết, không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên mà thuyết dạy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo", thật không có sự kiện ấy.

21. Này Vasettha, như một người muốn xây tại ngã tư đường một cái thang để leo lên lầu. Có người hỏi: "Này bạn, Ông muốn xây một cái thang để leo lên lầu, vậy Ông có biết lầu ấy là về hướng Đông, hay về hướng Tây, hay về hướng Bắc, hay về hướng Nam? Nhà lầu ấy cao hay thấp, hay trung bình?". Được hỏi vậy, vị ấy trả lời không biết. Có người hỏi: "Này bạn, như vậy có phải Ông xây một cái thang để leo lên một cái lầu mà Ông không biết, không thấy?". Hỏi vậy, vị ấy trả lời phải. Này Vasettha, người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói

người kia không chánh xác, hợp lý?

- Vâng phải, bạch Thế Tôn. Sự kiện là như vậy thời lời nói của người kia là không chánh xác, hợp lý.

22. - Cũng vậy, này Vasettha. Người nói rằng các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các tôn sư các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các đại tôn sư các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên, các Bà-la-môn cho đến bảy đời đại tôn sư, tôn sư của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên. Người cũng nói trong những ẩn sĩ thời cổ trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia những thần chú được hát lên, được trì tụng, được bình tán và ngày nay những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà cũng hát lên, trì tụng và giảng dạy - như các vị Atthaka, Vamaka, Vàmadeva, Vessàmitta, Yamataggi, Angirasa, Bhàradvāja, Vasettha, Kassapa, Bhagu, không có một vị nào đã nói: "Chúng tôi biết, chúng tôi thấy Phạm thiên ở đâu, Phạm thiên từ đâu đến, Phạm thiên sẽ đi đâu?" Như vậy các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà đã nói: "Chúng tôi không biết, chúng tôi không thấy con đường đưa đến sự cộng trú

với Phạm thiên nhưng chúng tôi thuyết dạy con đường ấy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo". Nay Vasettha, người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy thời có phải lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chánh xác, hợp lý?

- Tôn giả Gotama, sự kiện là như vậy thời lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là không chính xác hợp lý.

23. - Lành thay, Vasettha. Những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không biết, không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên mà thuyết dạy: "Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo". Thật không có sự kiện ấy.

*24. Nay Vasettha, như sông Aciravati này, đầy tràn cho đến bờ khiến con qua có thể uống được. Có người đến, có sự việc bên bờ bên kia, tìm đến bờ bên kia, hướng đến bờ bên kia và muốn lội qua bờ bên kia. Người đứng bờ bên này kêu bờ bên kia và nói: "**Bờ bên kia, hãy lại đây! Bờ bên kia, hãy lại đây**". Nay Vasettha, Người nghĩ thế nào? **Có phải vì người kia kêu gọi bờ bên kia, vì cầu khẩn, vì hy vọng, vì***

tán thán mà bờ bên kia của sông Aciravati đến bờ bên này không?

- Tôn giả Gotama, không thể vậy.

25. - Cũng vậy, này Vasettha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, loại bỏ những pháp tác thành người Bà-la-môn, tuân theo những pháp không tác thành người Bà-la-môn, những vị này đã nói: "Chúng tôi cầu khấn Indra (Nhân-đà-la), chúng tôi cầu khấn Soma (Tô-ma), chúng tôi cầu khấn Vanena (Bà-lưu-va), chúng tôi cầu khấn Isàna (Y-sa-na), chúng tôi cầu khấn Pajàpati (Sanh chủ), chúng tôi cầu khấn Brahmà (Phạm thiên), chúng tôi cầu khấn Mahiddhi (Ma-hi-đề), chúng tôi cầu khấn Yama (Dạ-ma). *Này Vasettha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà ấy, loại bỏ những pháp tác thành người Bà-la-môn - vì kêu gọi, vì cầu khấn, vì hy vọng, vì tán thán, sau khi thân hoại mạng chung, những vị ấy sẽ cộng trú với Phạm thiên - Thật không có sự kiện ấy.*

26. - *Này Vasettha, như sông Aciravati này, đầy tràn cho đến bờ khiến con qua có thể uống được. Có người đến, có sự việc bên bờ bên kia, tiến đến bờ bên kia, hướng đến bờ bên kia, và muốn lợi qua bờ bên kia. Người này đứng bên bờ này kêu bờ bên kia và nói: "**Bờ bên kia hãy lại đây! Bờ bên kia hãy lại***

đây!" Đây Vasettha, Người nghĩ thế nào? Có phải vì người kia kêu gọi bờ bên kia, vì cầu khẩn, vì hy vọng, vì tán thán mà bờ bên kia của sông Aciravati đến bờ bên này không?

- Tôn giả Gotama, không thể vậy.

27. - Cũng vậy, này Vasettha, **có năm pháp khiến dục lạc tăng thịnh**. Năm pháp này được xem là sợi dây chuyền, sợi dây thắt trong giới luật của bậc Thánh. Thế nào là năm? Những sắc pháp do mắt cảm nhận khả ái, mỹ miều, thích thú, hấp dẫn, câu hữu với dục, ái lạc; những tiếng do tai cảm nhận... những hương do mũi cảm nhận... những vị do lưỡi cảm nhận.. những xúc do thân cảm nhận khả ái, mỹ miều, thích thú, hấp dẫn, câu hữu với dục lạc. Đây Vasettha, năm pháp khiến dục lạc tăng thịnh ấy, được xem là sợi dây chuyền, sợi dây thắt trong giới luật của bậc Thánh. Này Vasettha, năm pháp khiến dục lạc tăng thịnh ấy, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà chấp trước, mê đắm, bị trói buộc, không thấy nguy hiểm của chúng, không nhận thức sự không thoát ly của chúng, đã tận hưởng năm pháp ấy.

28. - Đây Vasettha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, loại bỏ những pháp tác thành người Bà-la-

môn, tuân theo những pháp không tác thành người Bà-la-môn, chấp trước, mê đắm, bị trói buộc, không thấy nguy hiểm của chúng, không nhận thức sự không thoát ly của chúng, tận hưởng chúng, bị trói buộc bởi sự trói buộc của dục lạc, sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên, thật không có sự kiện ấy.

29. - *Này Vàsettha, như sông Acivarati này, đầy tràn cho đến bờ khiến con qua có thể uống được. Có người đến, có sự việc bên bờ bên kia, tìm đến bờ bên kia, hướng đến bờ bên kia và muốn lội qua bờ bên kia. **Người này ở bên bờ này trùm đầu và nằm ngủ.** Này Vàsettha, nhà Người nghĩ thế nào? Người ấy có thể từ bên này của sông Aciravati đến bờ bên kia không?*

- Tôn giả Gotama, không có thể được.

30. - Cũng vậy, này Vàsettha, **có năm triền cái được gọi là chướng ngại**, cũng được gọi là triền cái, cũng được gọi là màn che, cũng được gọi là triền phược trong giới luật của bậc Thánh. Thế nào là năm? Dục cái, sân cái, hôn trầm thuy miên cái, trao hối cái, nghi cái. Này Vàsettha, năm triền cái này được gọi là chướng ngại, cũng được gọi là triền cái, cũng được gọi là màn che, cũng được gọi là triền phược. **Này**

Vàsettha, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, bị chướng ngại, bị triền phược, bị che đậy, bị trói buộc bởi năm triền cái này, **Này Vàsettha, thật vậy, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, loại bỏ những pháp tác thành người Bà-la-môn, tuân theo những pháp không tác thành người Bà-la-môn, bị chướng ngại, bị triền phược, bị che đậy, bị trói buộc bởi năm triền cái, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ cộng trú với Phạm thiên - Thật không thể có sự kiện ấy.**

31. Này Vàsettha, Người nghĩ thế nào? Người có nghe những Bà-la-môn niên cao lập trưởng, tôn sư và đại tôn sư cùng nhau nói chuyện không? **Phạm thiên có dục ái hay không dục ái?**

- Tôn giả Gotama, không có dục ái.

- Có hận tâm hay không hận tâm?

- Tôn giả Gotama, không có hận tâm.

- Có sân tâm hay không sân tâm?

- Tôn giả Gotama, không có sân tâm.

- Có nhiễm tâm hay không có nhiễm tâm?

- Tôn giả Gotama, không có nhiễm tâm.

- Có tự tại hay không có tự tại?

- Tôn giả Gotama, có tự tại.

32. - Nay Vasettha, Người nghĩ thế nào? **Các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà có dục ái hay không dục ái?**

- Tôn giả Gotama, có dục ái.

- Có hận tâm hay không hận tâm?

- Tôn giả Gotama, có hận tâm.

- Có sân tâm hay không có sân tâm?

- Tôn giả Gotama, có sân tâm.

- Có nhiễm tâm hay không có nhiễm tâm?

- Tôn giả Gotama, có nhiễm tâm.

- Có tự tại hay không có tự tại?

- Tôn giả Gotama, không có tự tại.

33. - Nay Vasettha, Người nói rằng các Bà-la-môn

tinh thông ba tập Vedà là có tham ái, Phạm thiên không có tham ái. **Giữa các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là có tham ái, với Phạm thiên không có tham ái, có thể có một sự cộng hành, cộng trú không?**

- Tôn giả Gotama, không thể có được.

34. - Lành thay, Vàsettha. Nay Vàsettha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà có dục ái ấy sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên - **Thật không thể có sự kiện ấy.**

35. - Nay Vàsettha, Người nói rằng các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà có hận tâm, Phạm thiên không có hận tâm... các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là có sân tâm, Phạm thiên không có sân tâm... các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà là có nhiễm tâm, Phạm thiên không có nhiễm tâm... các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà không có tự tại, Phạm thiên có tự tại. **Giữa các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà, không có tự tại với Phạm thiên có tự tại có thể có một sự cộng hành, cộng trú không?**

- Tôn giả Gotama, không thể có được.

36. - Lành thay, Vàsettha. Nay Vàsettha, những vị Bà-la-môn tinh thông ba tập Vedà sau khi thân hoại

mang chung sẽ cộng trú với Phạm thiên - **Thật không thể có sự kiện ấy.**

Này Vasettha, ở đời các Bà-la-môn đều có tinh thông ba tập Vedà, khi các vị này ngồi (với sự tự tín), thật sự đang chìm (trong bùn lầy), và khi đang chìm (trong bùn lầy) phải sống trong thất vọng, lầm tưởng rằng đã đến cảnh giới an lạc hơn. Do vậy đối với những Bà-la-môn tinh thông Vedà **sự tinh thông ấy được gọi là bãi sa mạc không có nước, sự tinh thông ấy cũng được gọi là rừng rậm không có đường lối, sự tinh thông ấy cũng được gọi là sự bất hạnh.**

37. Khi nghe vậy, thanh niên Bà-la-môn Vasettha bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, tôi có nghe nói Sa-môn Gotama biết con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

- Này Vasettha, Người nghĩ thế nào? Ở đây có người sinh trưởng ở Manasàkata, nhưng chưa bao giờ rời khỏi chỗ này. Có người hỏi con đường đưa đến Manasàkata. Này Vasettha, đối với người ấy đã sinh trưởng ở Manasàkata, chắc không có gì nghi ngờ hay khó khăn thì phải?

- Tôn giả Gotama, thật không có gì nghi ngờ hay khó

khăn. Vì có sao? Tôn giả Gotama, người ấy sinh trưởng ở Manasàkata đều biết rõ tất cả con đường đưa đến Manasàkata.

38. - Nay Vasettha, đối với người ấy đã sinh trưởng Manasàkata, còn có thể nghi ngờ và có khó khăn hỏi đến con đường đưa đến Manasàkata **nhưng đối với Như Lai thì không có nghi ngờ hay khó khăn gì khi hỏi đến Phạm thiên giới hay con đường đưa đến Phạm thiên giới! Nay Vasettha, Ta biết đến Phạm thiên, Phạm thiên giới và con đường đưa đến Phạm thiên giới.**

39. Khi nghe nói vậy, thanh niên Bà-la-môn Vasettha bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, tôi đã nghe: "Sa-môn Gotama, giảng dạy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên". Lành thay, nếu Sa-môn Gotama thuyết dạy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên! Mong Tôn giả Gotama tế độ chúng Bà-la-môn!

- Nay Vasettha, vậy hãy lắng nghe và khéo tác ý kỹ? Ta sẽ nói:

40. Nay Vasettha, nay ở đời đức Như Lai xuất hiện, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự

Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Đức Như Lai sau khi tự mình chứng ngộ với thượng trí, thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Người lại tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện đầy đủ văn nghĩa, Ngài truyền dạy phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh.

41. Người gia trưởng hay con vị gia trưởng, hay một người sinh ở giai cấp (hạ tiện) nào nghe pháp ấy. Sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tín ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tin ngưỡng ấy, vị này suy nghĩ: "Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình". Một thời gian sau, người ấy bỏ tài sản nhỏ hay bỏ tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, và xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

42. Khi đã xuất gia như vậy, vị ấy sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ

nhất, thọ lãnh và tu học trong giới pháp, thân nghiệp, ngữ nghiệp, thanh tịnh. Mạng sống trong sạch, giới hạnh đầy đủ, thủ hộ các căn, chánh niệm, tỉnh giác và biết tri túc.

43. Này Vasettha, thế nào là Tỷ-kheo giới hạnh cụ túc?

Ở đây, này Vasettha, Tỷ-kheo từ bỏ sát sinh, tránh xa sát sinh... (như kinh Sa-môn Quả, số 43 - 75) do lạc thọ, tâm được định tĩnh... (như kinh Sa-môn Quả số 75-98).

76. **Vị ấy an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ**, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

77. Này Vasettha, như người lực sĩ thôi tù và, khiến tiếng được nghe khắp bốn phương, không có gì khó khăn. Cũng vậy này Vasettha, đối với mọi hình thức của sự sống, không có ai là vị ấy bỏ qua hay bỏ sót mà không biến mãn với tâm giải thoát, câu hữu với từ. Này Vasettha, đó là con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

78. Lại nữa, này Vâsettha, vị Tỷ-kheo an trú, **biến mãn một phương với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... biến mãn một phương với tâm câu hữu với xả**, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

79. Này Vâsettha, như người lực sĩ thối tù và khiến tiếng được nghe khắp bốn phương, không có gì khó khăn, cũng vậy này Vâsettha, **đối với mọi hình thức của sự sống, không có ai là vị ấy bỏ qua hay bỏ sót mà không biến mãn với tâm giải thoát, cùng khởi với xả**. Này Vâsettha, đó là con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

80. Này Vâsettha, Người nghĩ thế nào? Tỷ-kheo an trú như vậy là có dục ái hay không dục ái?

- Tôn giả Gotama, không có dục ái.
- Có hận tâm hay không có hận tâm?
- Tôn giả Gotama, không có hận tâm.
- Có sân tâm hay không có sân tâm?

- Tôn giả Gotama, không có sân tâm.
- Có nhiễm tâm hay không có nhiễm tâm?
- Tôn giả Gotama, không có nhiễm tâm.
- Có tự tại hay không có tự tại?
- Tôn giả Gomata, có tự tại.

81. Nay Vasettha, Người nói Tỷ-kheo không có dục ái, Phạm thiên không có dục ái. Giữa Tỷ-kheo không có dục ái với Phạm thiên không có dục ái, có thể có một sự cộng hành, cộng trú không?

- Tôn giả Gotama, có thể có được.
- Lành thay, Vasettha. Nay Vasettha, Tỷ-kheo sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên. Thật có thể có sự kiện ấy.

Nay Vasettha, Người nói Tỷ-kheo không có hận tâm, Phạm thiên không có hận tâm... Tỷ-kheo không có nhiễm tâm, Phạm thiên không có nhiễm tâm. Tỷ-kheo có tự tại, Phạm Thiên có tự tại. Giữa Tỷ-kheo có tự tại với Phạm thiên có tự tại, có thể có một sự cộng hành, cộng trú không?

- Tôn giả Gotama, có thể có được.

- Lành thay, Vàsettha. Nay Vàsettha, Tỷ-kheo sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên. Sự kiện ấy thật có thể có.

82. Khi nghe nói vậy, hai thanh niên Bà-la-môn Vàsettha và Bharadvāja bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama,! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày. Và nay chúng con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận chúng con làm đệ tử; từ này trở đi cho đến mạng chung, chúng con trọn đời quy ngưỡng.

**203 Khẩn na la - Nguyên nhân không nói
lên tiếng người - Kinh PHẨM NGƯỜI
– Tăng I, 144**

PHẨM NGƯỜI – Tăng I, 144

9. Do thấy hai lý do này, này các Tỷ-kheo, các loài **Kimpurisa (phi nhân, khẩn-na-la)** không nói lên tiếng người. Thế nào là hai? "Chúng ta chớ có nói láo và chúng ta chớ có xuyên tạc người khác với điều không thật". Do thấy hai lý do này, này các Tỷ-kheo, các loài Kimpurisa không nói lên tiếng người.

204 Khổ hạnh của Đức Bồ-tát - ĐẠI KINH SACCAKA – 36 Trung I, 521

ĐẠI KINH SACCAKA (Mahasaccaka suttam)

– Bài kinh số 36 – *Trung I*, 521

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở tại Vesali, rừng Đại Lâm, tại giảng đường Trùng Các. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đắp y thật đầy đủ, cầm y bát, muốn vào Vesali để khát thực. Rồi Niganthaputta Saccaka tánh hay ngao du thiên hạ, trong khi đi khắp đó đây, đến tại Đại Lâm, giảng đường Trùng Các. Tôn giả Ananda thấy Niganthaputta Saccaka từ xa đi lại, liền bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Niganthaputta Saccaka đang đến, tánh ưa luận chiến, biện luận thiện xảo, được số đông tôn kính. Bạch Thế Tôn, vị này ưa chỉ trích Phật, ưa chỉ trích Pháp, ưa chỉ trích Tăng. Bạch Thế Tôn, tốt lành thay nếu Thế Tôn vì lòng từ mẫn ngồi lại một lát.

Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ ngồi đã soạn sẵn. Rồi Niganthaputta Saccaka đi đến chỗ Thế Tôn ở, nói lên những lời hỏi thăm, chúc tụng, xã giao với Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Niganthaputta Saccaka nói với Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, có một số Sa-môn, Bà-la-môn sống chuyên lo tu tập về thân, không tu tập về tâm. Tôn giả Gotama, những vị này cảm khổ thọ về thân. Sự tình này đã xảy ra, này Tôn giả Gotama, do cảm khổ về thân, chân sẽ bị tê liệt, quả tim có thể tức bễ, máu nóng có thể trào ra từ miệng, có thể bị điên cuồng loạn tâm. Tôn giả Gotama, sự tình này xảy ra đối với người mà tâm tùy thuộc thân, khi tâm chịu sự điều khiển của thân. Vì sao vậy? Vì tâm không được tu tập. Tôn giả Gotama, nhưng có một số Sa-môn, Bà-la-môn, sống chuyên lo tu tập về tâm, không tu tập về thân. Tôn giả Gotama, những vị này cảm khổ thọ về tâm. Sự tình này đã xảy ra, này Tôn giả Gotama; do cảm khổ thọ về tâm, chân sẽ bị tê liệt, quả tim có thể tức bễ, máu có thể trào ra từ miệng, có thể bị điên cuồng loạn tâm. Tôn giả Gotama, sự tình này xảy ra đối với người mà thân tùy thuộc tâm, khi thân chịu sự điều khiển của tâm. Vì sao vậy? Vì thân không được tu tập. Này Tôn giả Gotama, rồi tôi suy nghĩ: "Thật sự, Thanh văn đệ tử của Tôn giả Gotama sống chuyên lo tu tập về tâm không tu tập

về thân?"

– Nay Aggivessana, Ông nghe tu tập về thân như thế nào?

– Như Nanda Vaccha, Kisa Sankicca, Makhkàli Gosàla, những vị này, này Tôn giả Gotama, sống lỏa thể, sống phóng túng không theo lễ nghi, liếm tay cho sạch, đi khát thực không chịu bước tới, không nhận đồ ăn mang đến, không nhận đồ ăn đặc biệt nấu cho mình, không nhận mời đi ăn, không nhận đồ ăn từ nồi cháo, không nhận đồ ăn tại ngưỡng cửa, không nhận đồ ăn đặt giữa những cây gậy, không nhận đồ ăn đặt giữa những cội già gạo, không nhận đồ ăn từ hai người, không nhận đồ ăn từ người đàn bà có thai, không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang cho con bú, không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang giao cấu, không nhận đồ ăn tại chỗ có chó đứng, không nhận đồ ăn tại chỗ ruồi bu, không ăn cá thịt, không uống rượu nấu, rượu men, cháo trâu. Những vị ấy chỉ nhận ăn tại một nhà, chỉ nhận ăn một miếng, hay vị ấy chỉ nhận tại hai nhà, chỉ nhận ăn hai miếng, hay vị ấy chỉ nhận ăn tại bảy nhà, vị ấy chỉ nhận ăn bảy miếng. Vị ấy nuôi sống chỉ với một bát, nuôi sống chỉ với hai bát, nuôi sống chỉ với bảy bát. Vị ấy chỉ ăn một ngày một bữa, hai ngày một bữa, bảy ngày một bữa. Như vậy các vị ấy sống theo hạnh tiết chế ăn uống cho

đến nửa tháng mới ăn một lần.

– Này Aggivessana, họ có thể tự nuôi sống với mức độ như vậy chăng?

– Không phải vậy, này Tôn giả Gotama. **Thỉnh thoảng, này Tôn giả Gotama, họ ăn những món ăn thù thắng loại cứng**, họ ăn những món ăn thù thắng loại mềm, họ ném những vị ăn thù thắng, họ uống những đồ uống thù thắng. Họ nhờ các món ăn ấy gây dựng thân lực, làm cho thân to lớn, làm cho thân béo mập.

– Này Aggivessana, như vậy những gì ban đầu họ từ bỏ, về sau họ lại thọ dụng. Như vậy có tụ, có tán (có được, có mất) cho thân này. Này Aggivessana, Ông nghe tu tập về tâm như thế nào?

Niganthaputta Saccaka, được Thế Tôn hỏi tu tập về tâm, không có thể trả lời được. Rồi Thế Tôn nói với Niganthaputta Saccaka:

– Này Aggivessana, thân tu tập mà Ông vừa mới nói đầu tiên ấy **không phải là thân tu tập đúng pháp trong giới luật của bậc Thánh**. Này Aggivessana, Ông còn không hiểu thân tu tập, làm sao Ông có thể hiểu tâm tu tập.

Và này Aggivessana, như thế nào là thân không tu tập, tâm không tu tập; như thế nào là thân tu tập, tâm tu tập? Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Niganthaputta Saccaka trả lời Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

– Này Aggivessana, thế nào là **thân không** tu tập và thế nào là **tâm không** tu tập?

Ở đây, này Aggivessana, kẻ vô văn phạm phu khởi lên lạc thọ. Người này được cảm giác lạc thọ, liền tham đắm lạc thọ và rơi vào sự tham đắm lạc thọ. Nếu lạc thọ ấy bị diệt mất, do lạc thọ đoạn diệt, khởi lên khổ thọ. Người ấy, do cảm giác khổ thọ, nên sầu muộn, than van, khóc lóc, đập ngực, đưa đến bất tỉnh. Này Aggivessana, lạc thọ ấy khởi lên cho người kia, chỉ phôi tâm và an trú, do thân không tu tập. Khổ thọ ấy khởi lên chỉ phôi tâm và an trú, do tâm không tu tập.

Này Aggivessana, không luận người nào mà cả hai phương tiện đều có lạc thọ khởi lên, chỉ phôi tâm và an trú, do thân không tu tập; khổ thọ khởi lên, chỉ phôi tâm và an trú, do tâm không tu tập. Như vậy, này Aggivessana, người ấy là người có thân không

tu tập và tâm không tu tập.

Và này Aggivessana, thế nào là **thân tu tập và tâm tu tập**?

Ở đây, này Aggivessana, **lạc thọ** khởi lên cho vị Thánh đệ tử nghe nhiều. Vị này được cảm giác lạc thọ, nhưng **không** tham đắm lạc thọ, không rơi vào sự tham đắm lạc thọ. Nếu lạc thọ ấy bị diệt mất, do lạc thọ đoạn diệt, khởi lên khổ thọ, vị ấy cảm giác **khô thọ** nhưng không sầu muộn, than van, khóc lóc, đập ngực, đưa đến bất tỉnh. Này Aggivessana, **lạc thọ** ấy khởi lên cho vị kia, không chi phối tâm và không an trú, do **thân** có tu tập; **khô thọ** ấy khởi lên cho vị kia, không chi phối tâm và không an trú, do **tâm** có tu tập.

Này Aggivessana, không luận người nào mà cả hai phương tiện đều có lạc thọ khởi lên, không chi phối tâm và không an trú, do thân có tu tập; khô thọ khởi lên, không chi phối tâm và không an trú, do tâm có tu tập, như vậy này Aggivessana, người ấy là người có thân tu tập, có tâm tu tập.

– Như vậy, tôi có lòng tin tưởng với Tôn giả Gotama. Tôn giả Gotama là vị có thân tu tập và có tâm tu tập.

– Nay Aggivessana, **dầu cho lời nói của Ông có vẻ trịch thượng và khiêu khích, nhưng Ta sẽ trả lời cho Ông.** Nay Aggivessana, khi Ta cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình,... và lạc thọ thật sự khởi lên nơi Ta, chi phối tâm và an trú, hay khổ thọ thật sự khởi lên nơi Ta, chi phối tâm và an trú, sự tình như vậy không thể xảy ra.

– Phải chăng, một lạc thọ không khởi lên nơi Tôn giả Gotama một cách khiến cho lạc thọ ấy không thể chi phối tâm và an trú, phải chăng một khổ thọ khởi lên nơi Tôn giả Gotama một cách khiến cho khổ thọ ấy không thể chi phối tâm và an trú?

– Nay Aggivessana, sao có thể không như vậy được? Ở đây, này Aggivessana, trước khi Ta giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, khi còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: "Đời sống gia đình bị gò bó, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia như sống giữa hư không. Thật rất khó sống tại gia đình mà có thể sống hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh đời sống phạm hạnh thuần tịnh. Hãy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình". Rồi này Aggivessana, sau một thời gian, Ta trong khi còn niên thiếu, trẻ tuổi... (như kinh Thánh Cầu trang 366 đến trang 372, với này

Aggivessana thể cho này các Tỷ-kheo)... Và Ta, này Aggivessana, Ta ngồi xuống tại chỗ ấy và nghĩ rằng: "Thật đáng cố gắng tinh tấn ở nơi đây".

Rồi này Aggivessana, ba ví dụ khởi lên nơi Ta, vì diệu, từ trước chưa từng được nghe: Này Aggivessana, ví như có một khúc cây đâm ướm, đầy nhựa sống và đặt trong nước. Có một người đến, cầm dụng cụ làm lửa với ý nghĩ: "Ta sẽ nhen lửa, hơi nóng sẽ hiện ra". Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Người ấy lấy khúc cây đâm ướm, đầy nhựa sống đặt trong nước ấy, rồi cọ xát với dụng cụ làm lửa thì có thể nhen lửa, khiến lửa nóng hiện ra được không?

– Thưa không, Tôn giả Gotama. Vì sao vậy? Này Tôn giả Gotama, vì cành cây ấy đâm ướm, đầy nhựa sống lại bị ngâm trong nước, nên người ấy chỉ bị mệt nhọc và bực bội.

- Cũng vậy, này Aggivessana, những Sa-môn hay những Bà-la-môn sống không xả ly các dục về thân, những gì đối với chúng thuộc các dục như dục tham, dục ái, dục hôn ám, dục khát vọng, dục nhiệt nảo, về nội tâm chưa được khéo đoạn trừ, chưa được khéo làm cho nhẹ bớt, nếu những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn này thành linh cảm thọ những cảm giác chói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt, các vị ấy

không có thể chứng được tri kiến, vô thượng Chánh Đẳng Giác, và nếu những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn này không thành lĩnh cảm thọ những cảm giác chói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt, các vị ấy cũng không có thể chứng được tri kiến, vô thượng Chánh Đẳng Giác. Nay Aggivessana, đó là ví dụ thứ nhất, vi diệu, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên nơi Ta.

Này Aggivessana, rồi một ví dụ thứ hai, vi diệu, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên nơi Ta. Nay Aggivessana, ví như có một khúc cây đắm ướt, đầy nhựa sống, được vớt khỏi nước, được đặt trên đất khô. Có một người đến, cầm dụng cụ làm lửa với ý nghĩ: "Ta sẽ nhen lửa, hơi nóng sẽ hiện ra". Nay Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Người ấy lấy khúc cây đắm ướt, đầy nhựa sống, được vớt khỏi nước, được đặt trên đất khô ấy, rồi cọ xát với dụng cụ làm lửa, có thể nhen lửa, khiến hơi nóng hiện ra được không?

– Thưa không, Tôn giả Gotama. Vì sao vậy? Nay Tôn giả Gotama, vì khúc cây ấy đắm ướt, đầy nhựa sống, dầu được vớt khỏi nước, được đặt trên đất khô, nên người ấy chỉ bị mệt nhọc và bức bối.

– Cũng vậy, này Aggivessana, những Sa-môn

hay Bà-la-môn sống không xả ly các dục về thân, những gì đối với các vị ấy thuộc các dục như dục tham, dục ái, dục hôn ám, dục khát vọng, dục nhiệt nã, về nội tâm chưa được khéo đoạn trừ, chưa được khéo làm cho nhẹ bớt. Nếu những Tôn giả Sa-môn, hay Bà-la-môn này thành lĩnh cảm thọ những cảm giác chói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt, các vị ấy không có thể chứng được tri kiến, vô thượng Chánh Đẳng Giác. Và nếu những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn này không thành lĩnh cảm thọ những cảm giác chói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt, các vị ấy cũng không có thể chứng được tri kiến, vô thượng Chánh Đẳng Giác. Đây Aggivessana, đó là ví dụ thứ hai, vi diệu, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên nơi Ta.

Này Aggivessana, rồi một ví dụ thứ ba, vi diệu, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên nơi Ta. Đây Aggivessana, [ví như có một khúc cây khô, không nhựa, được vớt khỏi nước, được đặt trên đất khô](#). Có một người đến cầm dụng cụ làm lửa với ý nghĩ: "Ta sẽ nhen lửa, lửa nóng sẽ hiện ra". Đây Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Người ấy lấy khúc cây khô, không nhựa, được vớt khỏi nước, được đặt trên đất khô, rồi cọ xát với dụng cụ làm lửa, có thể nhen lửa, khiến nơi nóng hiện ra được không?

– Thừa được, Tôn giả Gotama. Vì sao vậy? Nay Tôn giả Gotama, vì khúc cây ấy khô, không nhựa, lại được vớt khỏi nước, được đặt trên đất khô.

– Cũng vậy, này Aggivessana, những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn sống xả ly các dục về thân, những gì đối với các vị ấy thuộc các dục, như dục tham, dục ái, dục hôn ám, dục khác vọng, dục nhiệt nảo, về nội tâm được khéo đoạn trừ. Nếu những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn này thành linh cảm thọ những cảm giác chói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt, các vị ấy có thể chứng được tri kiến vô thượng Chánh Đẳng Giác. Và nếu những Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn này không thành linh cảm thọ những cảm giác khổ đau, kịch liệt, khốc liệt, các vị này cũng có thể chứng được tri kiến vô thượng Chánh Đẳng Giác. Nay Aggivessana, đó là ví dụ thứ ba, vi diệu, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên nơi Ta.

Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ: *"Ta hãy nghiêng răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm!"* Nay Aggivessana, rồi Ta nghiêng răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm. *Khi Ta đang nghiêng răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm, mồ hôi thoát ra từ nơi nách của Ta.*

Này Aggivessana, như một người lực sĩ nắm lấy đầu một người ốm yếu hay nắm lấy vai, có thể chế ngự, nhiếp phục và đánh bại người ấy. Này Aggivessana, khi Ta đang nghiêng răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm, mồ hôi thoát ra từ nơi nách của Ta, này Aggivessana, **dầu cho Ta có chí tâm tinh cần, tinh tấn, tận lực, dầu cho niệm được an trú không dao động, nhưng thân của Ta vẫn bị khích động, không được khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn do tinh tấn chống lại khổ thọ ấy. Tuy vậy, này Aggivessana, khổ thọ ấy khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta.**

Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ như sau: **"Ta hãy tu Thiền nín thở"**. Và này Aggivessana, rồi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng và ngang qua mũi. Này Aggivessana, khi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng và ngang qua mũi, **thì một tiếng gió động kinh khủng thổi lên, ngang qua lỗ tai.** Này Aggivessana, ví như tiếng kinh khủng phát ra từ ống thổi bệ đang thổi của người thợ rèn. Cũng vậy này Aggivessana, khi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng và ngang qua mũi, thì một tiếng gió động kinh khủng thổi lên, ngang qua lỗ tai. Này Aggivessana, dầu cho Ta có chí tâm tinh cần, tinh tấn, tận lực, dầu cho niệm được an trú không dao

động, nhưng thân của Ta vẫn bị kích động, không được khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn do tinh tấn chống lại khổ thọ ấy. Tuy vậy này Aggivessana, khổ thọ ấy khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta.

Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Ta hãy tu Thiền nín thở". Và này Aggivessana, rồi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng, ngang qua mũi, và ngang qua tai. Này Aggivessana, khi Ta nín thở vô thở ra ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai, thì có ngọn gió kinh khủng thổi lên đầu nhói trong đầu Ta.

Này Aggivessana, ví như một người lực sĩ chém đầu một người khác với một thanh kiếm sắc, cũng vậy này Aggivessana, khi ta nín thở vô, thở ra, ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai, thì có ngọn gió kinh khủng thổi lên đầu nhói trong đầu Ta. Này Aggivessana, dầu cho Ta có chí tâm, tinh cần, tinh tấn, tận lực, dầu cho niệm được an trú không dao động, nhưng thân của Ta vẫn bị kích động, không được khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn, do tinh tấn chống lại khổ thọ ấy. Tuy vậy này Aggivessana, khổ thọ ấy khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta.

Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Ta hãy tu Thiền nín thở". Và này Aggivessana, rồi Ta nín thở vô, thở ra, ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai, Ta cảm giác đau đầu, một cách kinh khủng.

Này Aggivessana, ví như một người lực sĩ lấy một dây nịt bằng da cứng quấn tròn quanh đầu rồi xiết mạnh; cũng vậy, này Aggivessana, khi Ta nín thở vô, thở ra, ngang qua miệng, ngang qua mũi, và ngang qua tai, Ta cảm giác đau đầu một cách kinh khủng. Này Aggivessana, dầu cho Ta có chí tâm, tinh cần, tinh tấn tận lực, dầu cho niệm được an trú không dao động, nhưng thân của Ta vẫn bị kích động, không được khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn do tinh tấn chống lại khổ thọ ấy. Tuy vậy, này Aggivessana, khổ thọ ấy khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta.

Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Ta hãy tu Thiền nín thở". Và này Aggivessana, rồi Ta nín thở vô, thở ra, ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai. Này Aggivessana, khi Ta nín thở vô, thở ra, ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai, một ngọn gió kinh khủng cắt ngang bụng của Ta.

Này Aggivessana, ví như một người đồ tể thiện xảo hay đệ tử người đồ tể cắt ngang bụng với một con dao cắt thịt bò sắc bén. Cũng vậy, này Aggivessana, khi Ta nín thở vô, thở ra, ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai, một ngọn kinh khủng cắt ngang bụng của Ta. Này Aggivessana, dầu cho Ta có chí tâm, tinh cần, tinh tấn, tận lực, dầu cho niệm được an trú, không dao động nhưng thân của Ta vẫn bị khích động, không được khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn, do tinh tấn chống lại khổ thọ ấy. Tuy vậy này Aggivessana, khổ thọ ấy khởi lên nơi Ta, được tồn tại, nhưng không chi phối tâm Ta.

Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ như sau: "**Ta hãy tu Thiền nín thở**". Và này Aggivessana, rồi Ta nín thở vô, thở ra, ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai. Này Aggivessana, khi Ta nín thở vô, thở ra, ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai, **thì có một sức nóng kinh khủng khởi lên trong thân Ta.**

Này Aggivessana, ví như hai người lực sĩ sau khi nắm cánh tay một người yếu hơn, nường người ấy, đốt người ấy trên một hố than hồng. Cũng vậy, này Aggivessana, khi Ta nín thở vô, thở ra, ngang qua miệng, ngang qua mũi và ngang qua tai thì có

một sức nóng kinh khủng khởi lên trong thân Ta. Nay Aggivessana, dầu cho Ta có chí tâm, tinh cần, tinh tấn, tận lực, dầu cho niệm được an trú, không dao động, nhưng thân của Ta vẫn bị khích động, không được khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn, do tinh tấn chống lại khổ thọ ấy. Tuy vậy, nay Aggivessana, khổ thọ ấy khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta. Lại nữa, nay Aggivessana, chư Thiên thấy vậy nói như sau: "Sa-môn Gotama đã chết rồi". Một số chư Thiên nói như sau: "Sa-môn Gotama chưa chết, nhưng Sa-môn Gotama sắp sửa chết". Một số chư Thiên nói như sau: "Sa-môn Gotama chưa chết. Sa-môn Gotama, cũng không phải sắp chết. Sa-môn Gotama là bậc A-la-hán, đời sống của một A-la-hán là như vậy".

Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Ta **hãy hoàn toàn tuyệt thực**". Rồi nay Aggivessana, chư Thiên đến Ta và nói như sau: "*Này Thiện hữu, Hiền giả chó có hoàn toàn tuyệt thực. Này Thiện hữu, nếu Hiền giả có hoàn toàn tuyệt thực, chúng tôi sẽ đổ các món ăn chư Thiên ngang qua các lỗ chân lông cho Hiền giả, và nhờ vậy Hiền giả vẫn sống*". Rồi nay Aggivessana, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu Ta hoàn toàn tuyệt thực và chư Thiên này đổ các món ăn chư Thiên ngang qua các lỗ chân lông cho Ta và nhờ vậy Ta vẫn sống, thì như vậy Ta tự dối Ta". Nay

Aggivessana, Ta bác bỏ chư Thiên ấy và nói: "Nhu vậy là đủ".

Này Aggivessana, rồi Ta tự suy nghĩ như sau: "Ta hãy giảm thiểu tối đa ăn uống, ăn ít từng giọt một, như xúp đậu xanh, xúp đậu đen hay xúp đậu hột hay xúp đậu nhỏ". Và này Aggivessana, trong khi Ta giảm thiểu tối đa sự ăn uống, ăn từng giọt một, như xúp đậu xanh, xúp đậu đen hay xúp đậu hột hay xúp đậu nhỏ, thân của Ta trở thành hết sức gầy yếu.

- Vì Ta ăn quá ít, tay chân Ta trở thành như những gọng cỏ hay những đốt cây leo khô héo;
- Vì Ta ăn quá ít, bàn tròn của Ta trở thành như móng chân con lạc đà;
- Vì Ta ăn quá ít, xương sống phô bày của Ta giống như một chuỗi banh;
- Vì Ta ăn quá ít, các xương sườn gầy mòn của Ta giống như rui cột một nhà sàn hư nát;
- Vì Ta ăn quá ít, nên con người long lạnh của Ta nằm sâu thẳm trong lỗ con mắt, giống như ánh nước long lạnh nằm sâu thẳm trong một giếng nước thâm sâu;
- Vì Ta ăn quá ít, da đầu Ta trở thành nhăn nhu khô cằn như trái bí trắng và đắng bị cắt trước khi chín,

bị cơn gió nóng làm cho nhăn nhúm khô cằn.

- Đây Aggivessana, nếu Ta nghĩ: "Ta hãy rờ da bụng", thì chính xương sống bị Ta nắm lấy. Nếu Ta nghĩ: "Ta hãy rờ xương sống", thì chính da bụng bị Ta nắm lấy. Vì Ta ăn quá ít, nên đây Aggivessana, da bụng của Ta đến bám chặt xương sống.
- Đây Aggivessana, nếu Ta nghĩ: "Ta đi đại tiện, hay đi tiểu tiện" thì Ta ngã quỵ, úp mặt xuống đất, vì Ta ăn quá ít.
- Đây Aggivessana, nếu Ta muốn xoa dịu thân Ta, lấy tay xoa bóp chân tay, thì đây Aggivessana, trong khi Ta xoa bóp chân tay, các lông tóc hư mục rụng khỏi thân Ta, vì Ta ăn quá ít.
- Lại nữa, đây Aggivessana, có người thấy vậy nói như sau: "Sa-môn Gotama có da đen". Một số người nói như sau: "Sa-môn Gotama, da không đen, Sa-môn Gotama có da màu xám". Một số người nói như sau: "Sa-môn Gotama da không đen, da không xám." Một số người nói như sau: "Sa-môn Gotama da không đen, da không xám, Sa-môn Gotama có da màu vàng sẫm". Cho đến mức độ như vậy, đây Aggivessana, da của Ta vốn thanh tịnh, trong sáng bị hư hoại vì Ta ăn quá ít.

Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ như sau:

"Thuở xưa có những Sa-môn hay Bà-la-môn thành linh cảm thọ những cảm giác chói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt. Những sự đau khổ này là tối thượng, không thể có gì hơn nữa. Về tương lai, có những Sa-môn hay Bà-la-môn thành linh cảm thọ những cảm giác chói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt. Những sự đau khổ này là tối thượng không thể có gì hơn nữa. Trong hiện tại, có những Sa-môn hay Bà-la-môn thành linh cảm thọ những cảm giác chói đau, khổ đau, kịch liệt, khốc liệt. Những sự đau khổ này là tối thượng, không thể có gì hơn nữa. Nhưng Ta, với sự khổ hạnh khốc liệt như thế này, vẫn không chứng được pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Hay là có đạo lộ nào khác đưa đến giác ngộ?"

Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Ta biết, trong khi phụ thân Ta, thuộc giòng Sakka (Thích-ca) đang cày và Ta đang ngồi dưới bóng mát cây diêm-phù-đề (jambu), Ta ly dục, ly pháp bất thiện chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ". Khi an trú như vậy, Ta nghĩ: "Đạo lộ này có thể đưa đến giác ngộ chăng?" Và này Aggivessana, tiếp theo ý niệm ấy, ý thức này khởi lên nơi Ta: "Đây là đạo lộ đưa đến giác ngộ". Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ: "Ta có sợ chẳng lạc thọ này, một lạc thọ ly dục, ly pháp bất

thiện?" Nay Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ: "Ta không sợ lạc thọ này, một lạc thọ ly dục, ly pháp bất thiện."

Rồi nay Aggivessana, Ta suy nghĩ: "Nay thật không dễ gì chúng đạt lạc thọ ấy, với thân thể ốm yếu kinh khủng như thế này. Ta hãy ăn thô thực ăn cơm chua". Rồi nay Aggivessana, Ta ăn thô thực, ăn cơm chua. Nay Aggivessana, lúc bảy giờ, năm Tỷ-kheo đang hầu hạ Ta suy nghĩ: "Khi nào Sa-môn Gotama chúng pháp, vị ấy sẽ nói cho chúng ta biết". Nay Aggivessana, khi thấy Ta ăn thô thực, ăn cơm chua, các vị ấy chán ghét Ta, bỏ đi và nói: "Sa-môn Gotama nay sống đầy đủ vật chất, từ bỏ tinh tấn, trở lui đời sống sung túc".

- Và nay Aggivessana, sau khi ăn thô thực và được sức lực trở lại, Ta ly dục, ly pháp bất thiện, chúng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Nay Aggivessana, như vậy lạc thọ khởi lên nơi Ta được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta.
- Diệt tầm và tứ, chúng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Nay Aggivessana, như vậy lạc thọ khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta.

- Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Nay Aggivessana, như vậy lạc thọ khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta.
- Xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Nay Aggivessana, như vậy lạc thọ khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta.

Với tâm **định tĩnh, thuần tịnh trong sáng không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh** như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến **Túc mạng minh**. Ta nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Ta nhớ rằng: "Tại chỗ kia, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, Ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này". Như vậy Ta nhớ đến nhiều đời sống quá khứ

cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Đây Aggivessana, đó là minh thứ nhất Ta đã chứng được trong **đêm canh một**, vô minh diệt, minh sanh, ám diệt, ánh sáng sanh, do Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Như vậy, đây Aggivessana, lạc thọ sanh nơi Ta được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh trong sáng không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến **trí tuệ về sanh tử của chúng sanh**. Ta với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Ta biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh làm những ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những vị này sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, trên đời này. Như vậy Ta với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Ta biết rõ

rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Nay Aggivessana, đó là minh thứ hai Ta đã chứng được trong **đêm canh giữa**, vô minh diệt, minh sanh, ám diệt, ánh sáng sanh, do Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Như vậy, này Aggivessana, lạc thọ sanh nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến **Lậu tận trí**. Ta biết như thật: "Đây là Khổ", biết như thật: "Đây là Nguyên nhân của khổ", biết như thật: "Đây là sự Diệt khổ", biết như thật: "Đây là Con đường đưa đến diệt khổ", biết như thật: "Đây là những lậu hoặc", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của lậu hoặc", biết như thật: "Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc". Nhờ biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của Ta thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, Ta khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát" Ta đã biết: "Sanh đã diệt, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa". Nay Aggivessana, đó là minh thứ ba mà Ta đã chứng

được trong canh cuối, vô minh diệt, minh sanh, ám diệt, ánh sáng sanh, do Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần. Như vậy này Aggivessana, lạc thọ sanh nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta.

Này Aggivessana, Ta biết rằng khi Ta thuyết pháp cho đại chúng gồm hàng trăm người, mỗi người nghĩ như thế này về Ta: "*Đặc biệt cho ta, Sa-môn Gotama thuyết pháp*". Này Aggivessana, chớ có hiểu như vậy. Khi Như Lai thuyết pháp cho đại chúng, thì đó chỉ vì mục đích giảng dạy. Và Ta, này Aggivessana, **sau khi chấm dứt một buổi thuyết giảng như vậy, Ta an trú nội tâm, làm cho tịnh chỉ, làm cho nhất tâm, làm cho định tĩnh trên định tướng thứ nhất ấy, và như vậy Ta sống an trú, trường cửu, vĩnh viễn.**

– Như vậy, Tôn giả Gotama thật đáng tin cậy, vì Ngài là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Nhưng không biết Tôn giả Gotama có cho phép ngủ ban ngày không?

– Này Aggivessana, Ta có cho phép, vào cuối tháng hạ, sau khi khát thực về, sau khi xếp áo sanghati (đại y) thành bốn, chánh niệm tỉnh giác, Ta nằm xuống ngủ, nằm phía tay mặt.

– Nay Tôn giả Gotama, như vậy một số Sa-môn, Bà-la-môn gọi là an trú nơi si ám.

– Nay Aggivessana, như vậy không phải là si ám hay không si ám. Nay Aggivessana, như thế nào là si ám và như thế nào là không si ám? Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói.

– Thừa vâng, Tôn giả.

Niganthaputta Saccaka trả lời Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Đối với ai, các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, những lậu hoặc liên hệ đến phiền não, sanh khởi hậu hữu, đáng sợ hãi, liên hệ đến phiền não, sanh khởi hậu hữu, đáng sợ hãi, đưa đến quả khổ dị thực, hướng đến sanh, già, chết trong tương lai, vị ấy Ta gọi là còn si ám.

Nay Aggivessana, đối với ai các lậu hoặc đã được đoạn trừ, những lậu hoặc, đưa đến quả khổ dị thực, hướng đến sanh, già, chết trong tương lai, vị ấy Ta gọi là không si ám.

Nay Aggivessana, sự đoạn trừ lậu hoặc là không si ám.

Này Aggivessana, đối với Như Lai, các lậu hoặc đã được đoạn trừ, những lậu hoặc liên hệ đến phiền não, sanh khởi hậu hữu, đáng sợ hãi, đưa đến quả khổ dị thực, hướng đến sanh, già, chết trong tương lai, chúng bị cắt tận gốc, được làm như cây ta-la bị chặt đầu, khiến cho không thể tái sanh, không thể sanh lại trong tương lai.

Này Aggivessana, ví như cây ta-la bị chặt đứt đầu, không lớn lên; cũng vậy, này Aggivessana, đối với Như Lai, các lậu hoặc đã được đoạn trừ, những lậu hoặc liên hệ đến phiền não, sanh khởi hậu hữu, đáng sợ hãi, đưa đến quả khổ dị thực, hướng đến sanh, già, chết trong tương lai, chúng bị cắt tận gốc, được làm như cây ta-la bị chặt đầu, khiến cho không thể tái sanh, không thể sanh lại trong tương lai.

Khi được nghe nói vậy, Niganthaputta Saccaka bạch Thế Tôn:

– Thật kỳ diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Dầu cho Tôn giả Gotama bị chống đối một cách mỉa mai, dầu cho bị công kích với những lời lẽ buộc tội trong cuộc đối thoại, màu da Tôn giả vẫn sáng suốt, sắc mặt Tôn giả vẫn hoan hỷ, như một A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

Này Tôn giả Gotama, tôi xác nhận tôi cùng với

Purana Kassapa biện luận, vị này khi bị tôi dùng lời nói chất vấn, liền tránh né với một vấn đề khác, trả lời ra ngoài vấn đề, và tỏ lộ sự phẫn nộ, sân hận, tức tối. Còn Tôn giả Gotama, dầu bị chống đối một cách mỉa mai, dầu bị công kích với những lời lẽ buộc tội trong cuộc đối thoại, màu da Tôn giả vẫn sáng suốt, sắc mặt Tôn giả vẫn hoan hỷ như một A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Nay Tôn giả Gotama, tôi xác nhận tôi cùng với Makkhali Gosala... Ajita Kesakambala... Pakudha Kaccayana... Sanjaya Belatthiputta... cùng với Nigantha Nataputta biện luận, vị này khi bị tôi dùng lời nói chất vấn liền tránh né với một vấn đề khác, trả lời ra ngoài vấn đề và tỏ lộ sự phẫn nộ, sân hận và tức tối. Còn Tôn giả Gotama, dầu bị chống đối một cách mỉa mai, dầu bị công kích với những lời lẽ buộc tội, trong cuộc đối thoại, màu da Tôn giả vẫn sáng suốt, sắc mặt Tôn giả vẫn hoan hỷ như một A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Và nay Tôn giả Gotama, chúng tôi nay phải đi, chúng tôi có nhiều công việc, có nhiều việc phải làm.

– Nay Aggivessana, Ông hãy làm những gì Ông nghĩ là hợp thời.

Rồi Niganthaputta Saccaka hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn giảng, từ chỗ ngồi đứng dậy và từ biệt.

205 Khổ hạnh của Đức Bồ-tát - ĐẠI KINH SƯ TỬ HỒNG – 12 Trung I, 161

ĐẠI KINH SƯ TỬ HỒNG (Mahasihanada sutta)

– Bài kinh số 12 – Trung I, 161

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú tại Vesali (Tỳ-xá-ly), ở phía ngoài thành, trong một khu rừng phía Tây. Lúc bấy giờ, **Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi**, vừa mới từ bỏ Pháp luật này, nói lời nói như sau trong Hội chúng ở Vesali: "*Sa-môn Gotama không có pháp thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; Sa-môn Gotama thuyết pháp, pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành, tùy thuận trác nghiệm, và thuyết cho một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hướng thượng, có thể dẫn người thực hành diệt tận khổ đau*". Lúc ấy Tôn giả Sariputta vào buổi sáng, đắp y, cầm bát, vào thành Vesali để khát thực. Tôn giả Sariputta nghe Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi nói như sau trong Hội chúng ở Vesali: "Sa-môn Gotama không có pháp thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; Sa-môn

Gotama thuyết pháp, pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành, tùy thuận trắc nghiệm và thuyết pháp cho một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hướng thượng, có thể dẫn người thực hành diệt tận khổ đau".

Rồi Tôn giả Sariputta khát thực xong, sau khi ăn và đi khát thực trở về đến chỗ ở Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Sariputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi, vừa mới từ bỏ Pháp luật này, nói lời nói như sau trong Hội chúng Vesali: ""Sa-môn Gotama không có pháp thượng nhân... (như trên)... diệt tận khổ đau".

– Này Sariputta, Sunakkhatta phần nộ và ngu si, do phần nộ nên nói lên lời ấy. Này Sariputta, Ông ta nghĩ: "Ta sẽ nói xấu". Thế mà kẻ ngu Sunakkhatta lại nói lời tán thán Như Lai. *Này Sariputta, ai nói như sau là tán thán Như Lai: "Pháp ấy được thuyết giảng cho một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hướng dẫn người thực hành diệt tận khổ đau".*

– Này Sariputta, đối với Sunakkhatta ngu si kia, sẽ không có tùy pháp về Ta như sau: "*Đây là*

Như Lai, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn".

- Này Sariputta, đối với Sunakkhatta ngu si kia, sẽ không có tùy pháp này về Ta như sau: *"Đây là Thế Tôn, vị đã chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân, hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua thành, qua núi, như đi ngang hư không, độn thổ trời lên ngang qua đất liền như ở trong nước, đi trên nước không chìm như trên đất liền, ngồi kiết-già đi trên hư không như con chim; với bàn tay, chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy, có thể tự thân bay đến cõi Phạm Thiên".*
- Này Sariputta, đối với Sunakkhatta ngu si kia sẽ không có tùy pháp này về Ta như sau: *"Đây là Thế Tôn với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân có thể nghe hai loại tiếng chư Thiên và loài Người, xa và gần".*
- Này Sariputta, đối với Sunakkhatta ngu si kia sẽ không có tùy pháp này về Ta như sau: *"Đây là Thế Tôn, sau khi đi sâu vào tâm chúng sanh, tâm loài Người với tâm của mình, vị ấy biết được như sau: "Tâm có tham biết là tâm có tham. Hay tâm không tham biết là tâm không*

tham... tâm chuyên chú... tâm tán loạn... đại hành tâm... không phải đại hành tâm... tâm chưa vô thượng... tâm vô thượng... Tâm Thiền định... Tâm không Thiền định... tâm giải thoát... tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát". Vị ấy biết như vậy.

Này Sariputta, Như Lai có đầy đủ **mười Như Lai lực**, chính nhờ thành tựu mười lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu Vương, rống tiếng rống con sư tử trong các Hội chúng và chuyển Phạm luân. Thế nào là mười?

1. Ở đây, này Sariputta, Như Lai **như thật tuệ tri xứ là xứ, phi xứ là phi xứ** (**Tri thị xứ phi xứ lực**). Này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri xứ là xứ, phi xứ là phi xứ. Như vậy là Như Lai lực của Như Lai. Chính nhờ Như Lai lực này Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu Vương, rống lên tiếng rống con sư tử trong các Hội chúng, và chuyển Phạm luân.
2. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri **quả báo tùy thuộc sở do, tùy theo sở nhân của các hành nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại** (**Tri tam thế nghiệp báo lực**.) Này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.
3. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri **con đường đưa đến tất cả cảnh giới** (**Tri nhứt**

thiết đạo trí lực). Nay Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

4. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri thế giới với mọi cảnh giới, nhiều chủng loại, nhiều sai biệt (*Tri thế gian chủng chủng tánh lực*). Nay Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.
5. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri chí hướng sai biệt của các loại hữu tình (*Tri tha chúng sanh chủng chủng dụng lực*). Nay Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri ... chuyển Phạm luân.
6. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri những căn thương hạ của các loài hữu tình, loài Người (*Tri tha chúng sanh chư căn thương hạ lực*). Nay Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.
7. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi của các Thiền, chứng về Thiền, về giải thoát, về định (*Tri chư Thiền tam muội lực*). Nay Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.
8. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn

đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều thành hoại kiếp. Ngài nhớ rằng: "Tại chỗ kia, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, Ta được sanh ra chỗ nọ. Tại chỗ ấy, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, Ta được sanh ra ở đây". Như vậy, Như Lai nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Nay Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luận.

9. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai với **thiên nhãn** thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Như Lai tuệ tri rõ ràng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Các chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, về lời và về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Các chúng sanh này làm những thiện hạnh về

thân, về lời và về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi Trời, trên đời này. Như vậy, Như Lai với thiên nhân thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Như Lai tuệ tri rằng, chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Nay Sariputta, Như Lai như thật tuệ tri... (như trên)... và chuyển Phạm luân.

10. Lại nữa, này Sariputta, Như Lai nhờ **đoạn trừ các lậu hoặc** tự mình chứng tri, chứng ngộ, thành tựu và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Nay Sariputta, Như Lai nhờ đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính nhờ Như Lai lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Nguu Vương, rống tiếng rống con sư tử trong các Hội chúng và chuyển Phạm luân.

Này Sariputta, Như Lai có đầy đủ mười Như Lai lực. Chính nhờ thành tựu mười lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Nguu Vương, rống tiếng rống sư tử trong các Hội chúng và chuyển Phạm luân.

Này Sariputta, nếu ai biết Ta như vậy, thấy Ta như vậy mà còn nói: "*Sa-môn Gotama không có pháp Thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Sa-môn Gotama thuyết pháp, pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành, tùy thuận trắc nghiệm, thuyết pháp cho một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hướng thượng, có thể hướng dẫn người thực hành diệt tận khổ đau*". Này Sariputta, nếu người ấy không từ bỏ lời nói ấy; không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy; **người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên.**

Này Sariputta, như Tỷ-kheo thành tựu giới hạnh, thành tựu Thiền định, thành tựu trí tuệ có thể chứng được chánh trí ngay trong hiện tại. Này Sariputta, Ta nói như vậy là sự thành tựu như vậy. Nếu người ấy không từ bỏ lời nói ấy không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy; người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên.

Này Sariputta, có **bốn pháp vô sở úy** chính nhờ thành tựu bốn pháp này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu Vương, rống tiếng rống con sủ tử trong các Hội chúng và chuyển Phạm luân. Thế nào là bốn?

1. Này Sariputta, Ta thấy không có lý do gì, một Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm

thiên hay một ai ở đời có thể chỉ trích Ta đúng pháp rằng: *"Các pháp này chưa được chứng ngộ hoàn toàn, mà quý vị tự xưng đã chứng ngộ hoàn toàn"*. Nay Sariputta, vì Ta thấy không có lý do gì như vậy, nên Ta sống đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được vô úy.

2. Nay Sariputta, Ta thấy không có lý do gì... có thể chỉ trích Ta đúng pháp rằng: *"Các lậu hoặc này chưa được đoạn trừ mà quý vị tự xưng đã đoạn trừ"*. Nay Sariputta, vì Ta không thấy... đạt được vô úy.
3. Nay Sariputta, Ta thấy không có lý do gì... có thể chỉ trích Ta đúng pháp rằng: *"Những pháp này được gọi là các chướng ngại pháp khi được thực hành thời không có gì gọi là chướng ngại pháp cả"*. Nay Sariputta, vì Ta không thấy... đạt được vô úy.
4. Nay Sariputta, Ta thấy không có lý do gì một Samôn Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chỉ trích Ta đúng pháp rằng: *"Pháp do quý vị thuyết giảng không đưa đến mục tiêu đặc biệt, không có khả năng hướng thượng, không có thể dẫn người thực hành đến diệt tận khổ đau"*. Nay Sariputta, vì Ta thấy

không có lý do gì như vậy, nên Ta sống đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được vô úy.

Này Sariputta, có bốn pháp vô sở úy, chính nhờ thành tựu bốn pháp này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu Vương... chuyển Phạm luân. Này Sariputta, nếu ai biết Ta như vậy... người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên.

Này Sariputta, có **tám Hội chúng** này:

- Hội chúng Sát đế ly,
- Hội chúng Bà-la-môn,
- Hội chúng Gia chủ,
- Hội chúng Sa-môn,
- Hội chúng Tứ thiên vương,
- Hội chúng Tam thập tam thiên,
- Hội chúng Màra,
- Hội chúng Phạm thiên.

Này Sariputta, có tám Hội chúng này. Này Sariputta, Như Lai thành tựu bốn pháp vô sở úy như vậy, đến gần và vào tám Hội chúng này. Này Sariputta, Ta nhớ lại Ta đã đến hàng trăm Hội chúng Sát-đế-ly. Tuy vậy, trước khi Ta ngồi xuống tại chỗ ấy, trước khi Ta nói chuyện và trước khi Ta đàm

luận; này Sariputta, *Ta thấy không có lý do gì để nghĩ rằng: "Chắc chắn sự sợ hãi và run sợ sẽ đến ám ảnh Ta"*. Này Sariputta, vì Ta thấy không có lý do gì như vậy, nên Ta sống đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được vô úy.

Này Sariputta, Ta nhớ lại, Ta đã đến hàng trăm Hội chúng Bà-la-môn... (như trên)... Hội chúng Gia chủ... Hội chúng Sa-môn... Hội chúng Tứ thiên vương... Hội chúng Tam thập tam thiên... Hội chúng Màra... Hội chúng Phạm thiên. Tuy vậy, trước khi Ta ngồi xuống tại chỗ ấy, trước khi Ta nói chuyện và trước khi Ta đàm luận, này Sariputta, Ta thấy không có một lý do gì để nghĩ rằng: "Chắc chắn sự sợ hãi và run sợ sẽ đến ám ảnh Ta". Này Sariputta, vì Ta thấy không có lý do gì như vậy, nên Ta sống đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được vô úy. Này Sariputta, nếu ai biết Ta như vậy... người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục, như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên.

Này Sariputta, có **bốn loại sanh**. Thế nào là bốn? **Noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh**.

- Này Sariputta, thế nào là *noãn sanh*? Này Sariputta, những loại chúng sanh nào *phá vỏ trứng mà sanh*, này Sariputta như vậy gọi là

noãn sanh.

- Và này Sariputta, thế nào là thai sanh? Này Sariputta, những loại chúng sanh nào *phá màn da mỏng che chỗ kín mà sanh*, này Sariputta, như vậy gọi là thai sanh.
- Và này Sariputta, thế nào là thấp sanh? Này Sariputta, những loại chúng sanh nào *sanh ra từ cá thúi, từ xác chết thúi, từ cháo cơm thúi, hay trong hồ nước dơ hay trong ao nước nhớp*. Này Sariputta, như vậy gọi là thấp sanh.
- Và này Sariputta, thế nào là hóa sanh? Chư Thiên, các chúng sanh ở *địa ngục, một số thuộc loài người và một số thuộc đạo xứ*. Này Sariputta, như vậy gọi là hóa sanh.

Này Sariputta có bốn loại sanh như vậy. Này Sariputta, nếu ai biết Ta như vậy... người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục, như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên.

Này Sariputta, có **năm loại sanh thú này**. Thế nào là năm? Địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, loài Người, chư Thiên.

- Này Sariputta, **Ta tuệ tri địa ngục**, con đường đưa đến địa ngục và hành lộ đưa đến địa ngục. Tùy theo hạnh nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung,

phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, sự việc này ta cũng tuệ tri.

- Và này Sariputta, **Ta tuệ tri bằng sanh**, con đường đưa đến bằng sanh. Tùy theo hạnh nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào bằng sanh, sự việc này Ta cũng tuệ tri.
- Và này Sariputta, **Ta tuệ tri nga quý**, con đường đưa đến nga quý, và hành lộ đưa đến nga quý. Tùy theo hạnh nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào nga quý, sự việc này Ta cũng tuệ tri.
- Và này Sariputta, **Ta cũng tuệ tri loài Người**, con đường đưa đến thế giới loài Người và hành lộ đưa đến thế giới loài Người. Tùy theo hạnh nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào loài Người, sự việc này Ta cũng tuệ tri.
- Và này Sariputta, **Ta cũng tuệ tri chư Thiên**, con đường đưa đến Thiên giới và hành lộ đưa đến Thiên giới. Tùy theo hạnh nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện thú, Thiên giới, thế giới này, sự việc này Ta cũng tuệ tri.
- Và này Sariputta, **Ta cũng tuệ tri Niết-bàn**, con

đường đưa đến Niết-bàn và hành lộ đưa đến Niết-bàn. Tùy theo hành nghiệp, do đoạn trừ các lậu hoặc, sau khi tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, sự việc này, Ta cũng tuệ tri.

Này Sariputta, ở đây, **với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người:** "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục như vậy". Sau một thời gian, với thiên nhãn thanh tịnh, siêu nhân, Ta thấy người ấy, sau khi thân hoại mạng chung sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ, khốc liệt. **Này Sariputta, cũng như có một hố than sâu hơn thân người, đầy vun than hừng, không có lửa ngọn, không có khói, và một người đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi khô cổ, đắng họng, khát nước, và đi thẳng đến hố than ấy chỉ bằng một con đường. Một người có mắt thấy người ấy, có thể nói: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến hố than kia". Sau một thời gian, người ấy sẽ thấy người kia rơi vào hố than ấy và phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ, khốc liệt.** Này Sariputta, cũng vậy, ở đây với

tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục như vậy". Sau một thời gian, với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, Ta thấy người ấy sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ, khóc liệt.

Này Sariputta, ở đây với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người: *"Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào **bàng sanh**".* Sau một thời gian, với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, Ta thấy kẻ ấy sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào bàng sanh, phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ, khóc liệt. *Này Sariputta, cũng như có **một hố phân**, sâu hơn thân người, đầy những phản uế, và một người đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi, khô cổ, đắng họng, khát nước và đi thẳng đến hố phân ấy chỉ bằng một con đường. Một người có mắt thấy người ấy có thể nói: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy và bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến hố phân ấy".* Sau một thời gian, người ấy sẽ thấy người kia rơi vào hố phân ấy và phải cảm thọ những cảm

giác cực khổ, thống khổ, khốc liệt. Nay Sariputta, cũng vậy, ở đây với tâm của Ta... (như trên)... thống khổ, khốc liệt.

Nay Sariputta, ở đây với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người "*Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy... sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào ngạ quỷ, phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ, khốc liệt*". Nay Sariputta, cũng như có một cây sống trên miếng đất không bằng phẳng, với lá thừa thớt, với bóng che từng đám lưa thưa. Và một người đi đến bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi, khô cổ, đắng họng, khát nước và đi thẳng đến cây ấy chỉ bằng một con đường. Một người có mắt thấy người ấy có thể nói: "*Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy và bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến cây ấy*". Sau một thời gian, người ấy sẽ thấy người kia ngồi hay nằm dưới bóng cây ấy và phải cảm thọ những cảm giác cực khổ, thống khổ, khốc liệt. Nay Sariputta, cũng vậy ở đây với tâm của Ta... (như trên)... thống khổ, khốc liệt.

Nay Sariputta, ở đây với tâm của Ta, Ta biết tâm của một số người: "*Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy... sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào loài người*". Sau một thời gian... Ta thấy

người ấy sanh vào loài người, và cảm thọ được nhiều cảm giác lạc thọ. *Này Sariputta, cũng như có một cây sống trên miếng đất bằng phẳng với lá sum sê, với bóng cây râm rập. Và một người đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi, khô cổ, đắng họng, khát nước và đi thẳng đến cây ấy chỉ bằng một con đường. Một người có mắt thấy người ấy có thể nói: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ của người này như vậy và bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến cây ấy". Sau một thời gian, người ấy sẽ thấy người kia, ngồi hay nằm dưới bóng cây ấy và cảm thọ được nhiều cảm giác lạc thọ. Này Sariputta, cũng vậy, ở đây, với tâm của Ta... được nhiều cảm giác lạc thọ.*

Này Sariputta, ở đây với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy... sau khi thân hoại mạng chung sẽ *sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này*". Sau một thời gian... Ta thấy người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này và cảm thọ những cảm giác cực lạc. *Này Sariputta, giống như một ngôi lầu, có gác nhọn, có tô vôi cả trong lẫn ngoài, được che gió, có then chốt đóng lại và có các cửa sổ khép kín. Tại đây có một sàng tọa, trải nệm lông dài, trải nệm màu trắng, trải nệm bông có thêu hoa, trải nệm bằng da sơn dương gọi là kadali, có nệm với khuôn màu*

treo phía trên, có gói dài màu đỏ cả hai đầu. Và một người đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi, khô cổ, đắng họng, khát nước và đi thẳng đến ngôi lầu ấy. Một người có mắt thấy người ấy có thể nói: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, và bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến ngôi lầu ấy". Sau một thời gian, người ấy sẽ thấy người kia ngồi hay nằm trong ngôi lầu ấy, trong gác nhón ấy, trên sàng tọa ấy và cảm thọ được nhiều cảm thọ cực lạc. Nay Sariputta, cũng vậy, ở đây với tâm của Ta... được nhiều cảm giác lạc thọ.

Này Sariputta, ở đây với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát như vậy". Sau một thời gian, Ta thấy vị ấy đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, cảm thọ những cảm giác cực lạc. *Này Sariputta, giống như một hồ sen có nước trong, có nước ngọt, có nước mát, có nước trong sáng, có bờ hồ khéo sắp đặt, đẹp đẽ, và không xa hồ ấy có khu rừng rậm rạp. Một người đi đến, bị nóng bức áp đảo, bị nóng bức hành hạ, mệt mỏi, khô cổ, đắng họng, khát nước và đi*

thăng đến hồ sen ấy. Một người có mắt thấy người ấy có thể nói: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, và bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đi đến hồ sen ấy". Sau một thời gian, người ấy sẽ thấy người kia, sau khi tắm mình vào hồ sen ấy, sau khi tắm rửa, uống nước và làm cho dịu bớt mọi ưu tư, mệt mỏi, phiền não, sau khi ra khỏi hồ liền qua ngòi hay nằm trong rừng cây rậm rạp ấy và cảm thọ những cảm giác cực lạc. Cũng vậy, này Sariputta, ở đây với tâm của Ta, Ta tuệ tri tâm của một số người: "Hành nghiệp của người này như vậy, cử chỉ như vậy, bước vào đạo lộ như vậy, sẽ đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát như vậy". Sau một thời gian, Ta thấy vị ấy đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, cảm thọ những cảm giác cực lạc.

Này Sariputta, năm loại này là năm sanh thú. Này Sariputta, có ai biết Ta như vậy, thấy Ta như vậy, và nói: "Sa-môn Gotama không có pháp Thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Sa-môn Gotama thuyết pháp, pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận tác thành, tùy thuộc trắc nghiệm". Này Sariputta, nếu người ấy không từ bỏ

lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy, thì người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên. Nay Sariputta, Tỷ-kheo thành tựu giới hạnh, thành tựu thiền định, thành tựu trí tuệ, có thể chứng được chánh trí ngay trong hiện tại. Nay Sariputta, Ta nói như vậy là sự thành tựu như vậy. Nếu người ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không đoạn trừ tà kiến ấy, thì người ấy sẽ bị rơi vào địa ngục như một gánh nặng bị quăng bỏ một bên.

Nay Sariputta, **Ta thắng tri phạm hạnh, đầy đủ bốn hạnh:**

- Về khổ hạnh, Ta khổ hạnh đệ nhất;
- Về bản uế, Ta bản uế đệ nhất;
- Về yếm ly, Ta yếm ly đệ nhất;
- Về độc cư, Ta độc cư đệ nhất.

Nay Sariputta, ở đây, **khổ hạnh của Ta như sau:**

- Ta sống lỏa thể, phóng túng, không theo khuôn phép, liếm tay cho sạch, đi khát thực không chịu bước tới, không nhận đồ ăn mang đến, không nhận đồ ăn đặc biệt nấu cho mình, không nhận mời đi ăn, không nhận đồ ăn từ nơi nôi chảo, không nhận đồ ăn tại ngưỡng cửa, không nhận đồ ăn đặt giữa

những cây gậy, không nhận đồ ăn đặt giữa những cối giã gạo, không nhận đồ ăn từ hai người đang ăn, không nhận đồ ăn từ người đàn bà có thai, không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang cho con bú, không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang giao cấu, không nhận đồ ăn đi quyên, không nhận đồ ăn tại chỗ có chó đứng, không nhận đồ ăn tại chỗ có ruồi bu, không ăn cá, ăn thịt, không uống rượu nấu, rượu men.

- Ta chỉ nhận đồ ăn tại một nhà, chỉ nhận ăn một miếng, hay chỉ nhận ăn tại hai nhà, chỉ nhận ăn hai miếng, hay chỉ nhận ăn tại bảy nhà, chỉ nhận ăn bảy miếng.
- Ta nuôi sống chỉ với một chén, nuôi sống chỉ với hai chén, nuôi sống chỉ với bảy chén. Ta chỉ ăn một ngày một bữa, hai ngày một bữa, bảy ngày một bữa. Như vậy Ta sống theo hạnh tiết chế ăn uống cho đến nửa tháng mới ăn một lần. Ta chỉ ăn cỏ lúa để sống, lúa tặc, gạo lức, ăn hột cải nivara, ăn da vụn, ăn trấu, uống nước bột gạo, ăn bột vừng, ăn cỏ, ăn phân bò, ăn trái cây, ăn rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống.
- Ta mặc vải gai thô, mặc vải gai thô lẫn với các vải khác, mặc vải tấm liệm rồi quăng đi, mặc áo phẩn tảo y, mặc vỏ cây tititaka làm áo, mặc da con sơn dương đen, mặc áo bện từng mảnh da con sơn dương đen, mặc áo bằng cỏ cát tường, mặc áo vỏ

cây, mặc áo bằng tấm gỗ nhỏ, mặc áo bằng tóc
bện lại thành mền, mặc áo bằng đuôi ngựa bện lại,
mặc áo bằng lông cú.

- Ta sống nhờ râu tóc, Ta theo tập tục sống nhờ râu tóc,
- Ta theo hạnh thường đứng không dùng chỗ ngồi, Ta là người ngồi chỗ hỏ, sống tinh tấn theo hạnh ngồi chỗ hỏ.
- Ta dùng gai làm giường, thường ngủ nằm trên giường gai, sống dùng ván gỗ làm giường, sống nằm trên đất trần, thường nằm ngủ một bên hông, sống để bụi và nhóp che dịnh thân mình, sống và ngủ ngoài trời, theo hạnh bạ đâu nằm đấy,
- Sống ăn các ứ vật, sống không uống nước lạnh, theo hạnh không uống nước lạnh, sống một đêm tắm ba lần, theo hạnh xuống nước tắm.
- **Như vậy Ta sống theo hạnh hành hạ, dày vò thân thể theo nhiều cách.** Này Sariputta, như vậy là khổ hạnh của Ta.

Này Sariputta, ở đây **hạnh bản uế** của Ta như sau: Trên thân Ta, bụi bặm chất đầy trải nhiều năm tháng, đóng thành tấm, thành miếng. Như gốc cây tinduka bụi bặm chất đầy trải nhiều năm tháng, đóng thành tấm, thành miếng; cũng vậy, này Sariputta, trên thân Ta bụi bặm chất đầy trải nhiều năm tháng, đóng thành tấm, thành miếng. Này Sariputta, Ta

không nghĩ rằng: "Với tay của Ta, Ta hãy phỉ sạch bụi bặm này đi, hay những người khác với tay của họ hãy phỉ sạch bụi bặm này đi cho Ta". Này Sariputta, Ta không có nghĩ như vậy. Này Sariputta, như vậy là sự bần uế của Ta.

Này Sariputta, như thế này là **sự yểm ly** của Ta. Này Sariputta, tỉnh giấc, Ta đi tới; tỉnh giấc Ta đi lui, Ta an trú lòng từ cho đến trong một giọt nước với tâm tư: *"Mong rằng Ta không làm hại một chúng sanh nhỏ nào trong những ác đạo của họ!"* Này Sariputta, như vậy là sự yểm ly của Ta.

Này Sariputta, như thế này là **sự độc cư** của Ta. Này Sariputta, Ta đi sâu vào một khu rừng và an trú tại chỗ ấy. Khi Ta thấy người chăn bò, người mục súc, người cắt cỏ, người đốn củi hay người thợ rừng, Ta liền chạy từ rừng này qua rừng khác, từ lùm cây này qua lùm cây khác, từ thung lũng này qua thung lũng khác, từ đồi cao này qua đồi cao khác. Vì sao vậy? Ta nghĩ rằng: "Mong họ đừng thấy Ta, và mong Ta đừng thấy họ!" Này Sariputta, giống như một con thú rừng thấy người liền chạy từ rừng này qua rừng khác, từ lùm cây này qua lùm cây khác, từ thung lũng này qua thung lũng khác, từ đồi cao này qua đồi cao khác. Cũng vậy, này Sariputta, khi Ta thấy người chăn bò, người mục súc, người cắt cỏ, người đốn củi,

hay người tiều phu, Ta liền chạy từ rừng này qua rừng khác, từ lùm cây này qua lùm cây khác, từ thung lũng này qua thung lũng khác, từ đồi cao này qua đồi cao khác. Vì sao vậy? Ta nghĩ rằng: "Mong họ đừng thấy Ta, và mong Ta đừng thấy họ!" Này Sariputta, như vậy là hạnh độc cư của Ta.

Này Sariputta, rồi Ta bò bốn chân đến các chuồng bò, khi các con bò cái đã bỏ đi, khi các người chăn bò không có mặt, rồi Ta ăn phân các con bò con, các con bò còn trẻ, các con bò còn bú. Khi nước tiểu và phân của Ta còn tồn tại, Ta tự nuôi sống với các loại ấy. Này Sariputta, như vậy là **hạnh đại bất tịnh thực** của Ta.

Này Sariputta, Ta đi sâu vào một khu rừng rậm rạp kinh hoàng và an trú tại chỗ ấy. Này Sariputta, tại khu rừng rậm rạp kinh hoàng này, những ai còn tham ái đi vào khu rừng rậm rạp ấy, thời lông tóc người ấy dựng ngược. Này Sariputta, rồi Ta trong những đêm đông lạnh lẽo, giữa những ngày mỏng tằm, khi có tuyết rơi, trong những đêm như vậy, Ta sống giữa trời, và ban ngày sống trong khu rừng rậm rạp. Ta sống trong những ngày cuối tháng hè, ban ngày thì sống giữa trời, còn ban đêm trong khu rừng rậm rạp. Rồi này Sariputta, những bài kệ kỳ diệu từ trước chưa từng được nghe sau đây được khởi lên:

*Này bị thiêu đốt, bị buốt lạnh,
Cô độc sống trong rừng kinh
hoàng,
Trần truồng, Ta ngồi không lửa
ấm,
Ăn sữ, trong lý tưởng dăm chiêu.*

Này Sariputta, Ta nằm ngủ trong bãi tha ma, dựa trên một bộ xương. Này Sariputta, những đũa mục đồng đến gần Ta, khạc nhổ trên Ta, tiểu tiện trên Ta, rắc bụi trên Ta và lấy que đâm vào lỗ tai. Này Sariputta, và Ta biết Ta không khởi ác tâm đối với chúng. Này Sariputta, như vậy là **hạnh trú xả** của Ta.

Này Sariputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những thuyết như sau, có những kiến giải như sau: "*Sự thanh tịnh đạt được nhờ món ăn*". Họ nói: "Chúng ta sống nhờ trái táo", và họ ăn trái táo, họ ăn bột táo, họ uống nước trái táo dưới nhiều hình thức. Này Sariputta, Ta tự xưng **Ta sống chỉ ăn một trái táo**. Này Sariputta, có thể các Người nghĩ như sau: "Trái táo thời ấy to lớn". Này Sariputta, chớ có hiểu như vậy. Vì trái táo thời ấy giống với trái táo hiện tại. Này Sariputta, trong khi Ta sống chỉ ăn một trái táo, thân thể của Ta trở thành hết sức ốm yếu.

- Vì Ta ăn quá ít, **tay chân** Ta trở thành như những

cọng cỏ hay những đốt cây leo khô héo.

- Vì Ta ăn quá ít, **bàn trơn** của Ta trở thành như móng chân con lạc đà.
- Vì Ta ăn quá ít, các **xương sống** phô bày của Ta giống như một chuỗi banh.
- Vì Ta ăn quá ít, các **xương sườn** gây mòn của Ta giống như rui cột nhà sàn hư nát.
- Vì ta ăn quá ít, nên **con người** của Ta long lanh nằm sâu thẳm trong lỗ con mắt, giống như ánh nước long lanh nằm sâu thẳm trong một giếng nước thâm sâu.
- Vì Ta ăn quá ít, **da đầu** Ta trở thành nhăn nheo khô cằn như trái bí trắng và đắng bị cắt trước khi chín, bị cơn gió nóng làm cho nhăn nheo khô cằn.
- Nay Sariputta, nếu Ta nghĩ: "Ta hãy sờ da bụng" chính xương sống bị Ta nắm lấy. Nếu Ta nghĩ: "Ta hãy sờ xương sống", thì chính da bụng bị Ta nắm lấy. Vì Ta ăn quá ít, nên nay Sariputta, da bụng của Ta bám chặt xương sống.
- Nay Sariputta, nếu Ta nghĩ: "Ta đi đại tiện hay đi tiểu tiện", thì Ta ngã quỵ úp mặt xuống đất, vì Ta ăn quá ít.
- Nay Sariputta, nếu Ta muốn thoa dịu thân Ta, lấy

tay xoa bóp chân tay, thì này Sariputta, trong khi Ta lấy tay xoa bóp chân tay, các lông tóc hư mục rụng khỏi thân Ta, vì Ta ăn quá ít.

Này Sariputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: "*Sự thanh tịnh đạt được nhờ món ăn*". Họ nói: "Chúng ta sống nhờ đậu xanh... (như trên)... chúng ta sống nhờ vừng mè... (như trên)... chúng ta sống nhờ hạt gạo", và họ ăn hạt gạo, họ ăn hạt gạo nghiền thành bột, họ uống nước gạo, và họ ăn hạt gạo dưới nhiều hình thức. Này Sariputta, Ta tự xưng Ta sống chỉ ăn một hạt gạo. Này Sariputta, có thể các Người nghĩ như sau: "Hạt gạo thời ấy to lớn". Này Sariputta, chớ có hiểu như vậy. Vì hạt gạo thời ấy giống với hạt gạo hiện tại. Này Sariputta, trong khi **Ta chỉ sống ăn một hạt gạo**, thân thể của Ta trở thành hết sức ốm yếu. Vì Ta ăn quá ít, tay chân Ta trở thành như những cọng cỏ hay những đốt cây leo khô héo. Vì Ta ăn quá ít, bàn tròn của Ta trở thành như móng chân con lạc đà. Vì Ta ăn quá ít, xương sống phô bày của Ta giống như một chuỗi banh. Vì Ta ăn quá ít các xương sườn gầy mòn của Ta giống như rui cột của một nhà sàn hư nát. Vì Ta ăn quá ít, con người long lanh của Ta nằm sâu thẳm trong lỗ con mắt, giống như ánh nước long lanh nằm sâu thẳm trong một giếng nước thâm sâu. Vì Ta ăn quá ít, da đầu Ta trở thành nhăn nheo, khô cằn như trái bí trắng và

đang bị cắt trước khi chín, bị cơn gió nóng làm cho nhăn nheo, khô cằn. Nay Sariputta, nếu Ta nghĩ: "Ta hãy sờ da bụng", thì chính xương sống bị Ta nắm lấy. Nếu Ta nghĩ: "Ta hãy sờ xương sống", thì chính da bụng bị Ta nắm lấy. Vì Ta ăn quá ít, nên nay Sariputta, da bụng của Ta bám chặt xương sống. Nay Sariputta, nếu Ta nghĩ: "Ta đi đại tiện hay đi tiểu tiện", thì Ta ngã quỵ, úp mặt xuống đất, vì Ta ăn quá ít. Nay Sariputta, nếu Ta muốn xoa dịu thân Ta, lấy tay xoa bóp chân tay, thời nay Sariputta, trong khi Ta lấy tay xoa bóp chân tay, các lông tóc hư mục rụng khỏi thân Ta, vì Ta ăn quá ít. Nay Sariputta, **dầu Ta có theo cử chỉ như vậy, theo hành lộ như vậy, theo khổ hạnh như vậy, Ta cũng không chứng được các pháp thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Vì sao vậy? Vì với những phương tiện ấy, không chứng được pháp thượng nhân với Thánh trí tuệ. Chính Thánh trí tuệ này chứng được thuộc về bậc Thánh, có khả năng hưởng thượng, có thể dẫn người thực hành diệt tận khổ đau.**

Nay Sariputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: *"Sự thanh tịnh chứng đạt được nhờ luân hồi"*. Nay Sariputta, thật không dễ gì tìm được sự luân hồi mà xưa kia Ta không trải qua trong một thời gian khá dài, trừ phi với các vị **Tịnh cư thiên (Suddhavaśa)**.

Này Sariputta, nếu Ta luân hồi tại Tịnh cư thiên thì Ta đã không trở lại đời này nữa.

Này Sariputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: *"Sự thanh tịnh chứng đạt được nhờ sanh khởi"*. Này Sariputta, thật không dễ gì tìm được sự sanh khởi mà xưa kia Ta không trải qua trong một thời gian khá dài, trừ phi với các vị Tịnh cư thiên. Này Sariputta, nếu Ta sanh khởi tại Tịnh cư thiên, thì Ta đã không trở lại đời này nữa.

Này Sariputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: *"Sự thanh tịnh chứng đạt được nhờ an trú"*. Này Sariputta, thật không dễ gì tìm được sự an trú mà xưa kia Ta không trải qua trong một thời gian khá dài, trừ phi với các vị Tịnh cư thiên. Này Sariputta, nếu Ta an trú tại Tịnh cư thiên, thì Ta đã không trở lại đời này nữa.

Này Sariputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: *"Sự thanh tịnh chứng đạt được nhờ tế tự"*. Này Sariputta, thật không dễ gì tìm được sự tế tự mà xưa kia Ta không làm trong một thời gian khá dài khi Ta là vị vua Sát-đế-ly có làm lễ quán đảnh hay làm vị

Bà-la-môn giàu có.

Này Sariputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: *"Sự thanh tịnh chứng đạt được nhờ thờ lửa"*. Này Sariputta, thật không dễ gì tìm được sự thờ lửa mà xưa kia Ta không làm trong một thời gian khá dài, khi Ta là vị vua Sát-đế-ly có làm lễ quán đánh, hay làm vị Bà-la-môn giàu có.

Này Sariputta, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những chủ thuyết như sau, có những kiến giải như sau: *"Khi một thiếu niên còn trẻ tuổi, tóc đen nhánh, huyết khí sung mãn, trong tuổi thanh xuân, người ấy thành tựu trí tuệ biện tài tối thượng. Nhưng khi người ấy già cả, niên cao, lap lớn, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đi đến đoạn cuối cuộc đời, khi đã tám mươi, chín mươi hay một trăm tuổi, khi ấy trí tuệ biện tài tối thượng ấy bị đoạn trừ"*. *Này Sariputta, chớ có quan niệm như vậy*. Này Sariputta, nay Ta đã già, niên cao, lap lớn, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đi đến đoạn cuối cuộc đời, tuổi Ta nay đã đến tám mươi. Này Sariputta, ở đây Ta có bốn vị đệ tử, tuổi thọ đến một trăm, đã sống một trăm tuổi, thành tựu chánh niệm đệ nhất, thành tựu chuyên tâm đệ nhất, thành tựu tinh cần đệ nhất và đầy đủ trí tuệ biện tài tối thượng. *Này Sariputta, ví như một người bắn*

cung thiện xảo, có huấn luyện, khéo tay, thuần thực, với một mũi tên nhẹ, có thể dễ dàng bắn ngang qua bóng một cây ta-la. Cũng vậy, những vị này với chánh niệm đệ nhất như vậy, được thành tựu trí tuệ biện tài tối thượng như vậy, nếu những vị này hỏi Ta nhiều lần một câu hỏi về Bốn Niệm Xứ, và nếu Ta, được hỏi nhiều lần như vậy, phải giải thích cho họ hiểu và nếu họ được Ta giải thích như vậy, có thể hiểu như đã giải thích, và nếu họ không hỏi Ta về những vấn đề phụ thuộc và các vấn đề khác, trừ khi ăn, uống, nhai, ném, trừ khi đi đại tiện, tiểu tiện, trừ khi ngủ để lấy lại sức. *Này Sariputta, dầu vậy, sự thuyết pháp của Như Lai cũng chưa hoàn tất, sự giải thích cú pháp của Như Lai cũng chưa hoàn tất, sự trả lời các câu hỏi của Như Lai cũng chưa hoàn tất, khi mà bốn đệ tử của Ta, tuổi thọ đến một trăm tuổi, đã sống một trăm tuổi, đã từ trần sau một trăm tuổi.* *Này Sariputta, nếu Ông có gánh Ta trên giường đi chỗ này chỗ kia, thật sự trí tuệ biện tài của Như Lai không có gì thay đổi.*

Này Sariputta, những ai nói một cách chân chánh sẽ nói như sau: **"Một vị hữu tình không bị si chi phối, đã sanh ra ở đời vì lợi ích, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người"**. Vị ấy sẽ nói về Ta một cách chân chánh

như sau: "Một vị hữu tình không bị chi phối... (như trên)... chư Thiên và loài Người".

Lúc bấy giờ Tôn giả Nagasamala đứng sau lưng Thế Tôn và quạt cho Ngài! Tôn giả Nagasamala bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Sau khi nghe pháp môn này, lông tóc con dựng ngược. Bạch Thế Tôn, pháp môn này tên gọi là gì?

– Này Nagasamala, do vậy pháp môn này gọi là **pháp môn lông tóc dựng ngược**. Ông hãy như vậy thọ trì.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Nagasamala hoan hỷ, tín thọ lời dạy Thế Tôn.

206 Khởi nguyên của thế giới - Kinh BA LÊ – 24 Trường II, 269

KINH BA LÊ
– Bài kinh số 24 – Trường II, 269

1. Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở giữa bộ lạc Malla (Mạt la), tại Anupiya (A dật di), một thành của bộ lạc Mallà. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đắp y vào buổi sáng, cầm y bát vào thành Anupiya để khát thực. Rồi Thế Tôn tự nghĩ: "Thật là quá sớm để vào thành Anupiya khát thực. Ta hãy đến tịnh xá của du sĩ Bhaggava và thăm vị này." Thế Tôn liền đi đến tịnh xá du sĩ Bhaggava.

2. Rồi du sĩ Bhaggava bạch Thế Tôn:

- Thế Tôn hãy đến gần! Xin chào đón Thế Tôn. Đã lâu, Thế Tôn mới có dịp đến đây. Mời Thế Tôn ngồi, đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn!

Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, và du sĩ Bhaggava lấy một ghế ngồi khác thấp hơn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, du sĩ Bhaggava bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, ngày xưa và nhiều ngày xưa nữa, Sunakkhatta (Thiện Tinh) thuộc bộ lạc Licchavi (Ly xa tử) đến con và nói như sau: "Này Bhaggava, nay tôi từ bỏ Thế Tôn! Nay tôi không sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn nữa." Bạch Thế Tôn, sự việc có phải như Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi nói hay không?

- Này Bhaggava, sự việc thật như Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi đã nói:

3. Này Bhaggava, thuở xưa và rất xa xưa, Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi đến thăm Ta. Sau khi đến, đánh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Này Bhaggava, Sumakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi bạch với Ta: "Bạch Thế Tôn, nay con xin từ bỏ Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, nay con không sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn nữa."

Này Bhaggava, khi nghe nói vậy, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi:

"- Này Sunakkhatta, Ta có nói với Người: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây sống dưới sự chỉ dẫn của Ta" chẳng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Hay Người có nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn" chăng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Này Sunakkhatta, Ta không nói: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn của Ta", và Người cũng không nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn". **Này kẻ ngu kia, như vậy thời Người là ai và Ta là ai mà Người nói chuyện từ bỏ? Này kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của Người như vậy là thế nào!**

4. "- Bạch Thế Tôn, nhưng Thế Tôn không khiến cho con chúng được các pháp thượng nhân thần thông.

"- Này Sunakkhatta, Ta có nói với Người: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn của Ta! Ta sẽ khiến cho Người chúng được các pháp thượng nhân thần thông" chăng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Người có nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn. Thế Tôn sẽ khiến cho con chúng được các pháp thượng nhân thần thông"

chăng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Này Sunakkhatta, Ta không nói với Ngươi: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn chủ Ta, Ta sẽ khiến cho Ngươi chứng được các pháp thượng nhân thần thông; Ngươi cũng không nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn, và Thế Tôn sẽ khiến cho con chứng được các pháp thượng nhân thần thông." **Này kẻ ngu kia, như vậy thời Ngươi là ai và Ta là ai mà Ngươi nói chuyện từ bỏ.**

Này Sunakkhatta, **Ngươi nghĩ thế nào? Các pháp thượng nhân thần thông có thực hiện hay không thực hiện, nhưng mục đích mà Ta thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, có phải như vậy không?**

"- Bạch Thế Tôn, các pháp thượng nhân thần thông có thực hiện hay không thực hiện, nhưng mục đích mà Thế Tôn thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, chính thật là như vậy!

"- Này Sunakkhatta, các pháp thượng nhân thần thông có thực hiện hay không thực hiện, nhưng mục

đích mà Ta thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau. Này Sunakkhatta! như vậy thời các pháp thượng nhân thần thông là gì mà cần phải thực chứng? Này kẻ ngu kia, hãy thấy lỗi lầm của Người như vậy là như thế nào!

5. "- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không giải thích cho con khởi nguyên của thế giới.

"- Này Sunakkhatta, Ta có nói với Người: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn của Ta. Ta sẽ giải thích cho Người khởi nguyên của Thế giới" chẳng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Này Sunakkhatta, Người có nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn, rồi Thế Tôn sẽ giải thích cho con khởi nguyên của thế giới" chẳng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Này Sunakkhatta, như vậy Ta không nói với Người: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới

sự chỉ dẫn của Ta. Ta sẽ giải thích cho Người khởi nguyên của thế giới." Người cũng không nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn, rồi Thế Tôn sẽ giải thích cho con khởi nguyên của thế giới." Đây kẻ ngu kia, sự kiện là như vậy, thời Người là ai và Ta là ai mà Người nói chuyện từ bỏ?

Này Sunakkhatta, **Người nghĩ thế nào? Khởi nguyên của thế giới có giải thích hay không giải thích, nhưng mục đích mà Ta thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, có phải như vậy không?**

"- Bạch Thế Tôn, khởi nguyên của thế giới có giải thích hay không giải thích, mục đích mà Thế Tôn thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, chính thật là như vậy.

"- Này Sunakkhatta, khởi nguyên của thế giới có giải thích hay không giải thích, mục đích của Thế Tôn thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau. Này Sunakkhatta, **nư vậy thời giải thích về khởi nguyên thế giới có ích lợi gì cho Người?** Đây kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của Người như vậy là thế nào!

6. "- Này Sunakkhatta, dưới nhiều phương diện

Ngươi đã nói lời tán thán Ta tại làng Vajji: "Nhu vậy, Thế Tôn là bậc A la hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn." Này Sunakkhatta, như vậy dưới nhiều phương diện, Ngươi đã nói lời tán thán Ta tại làng Vajji.

"Này Sunakkhatta, dưới nhiều phương diện, Ngươi nói lời tán thán Pháp tại làng Vajji: "Chánh pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, thiết thực hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, chỉ người có trí mới thâm hiểu." Này Sunakkhatta, như vậy dưới nhiều phương diện, Ngươi tán thán Chánh pháp tại làng Vajji.

"Này Sunakkhatta, dưới nhiều phương diện, Ngươi đã tán thán Tăng tại làng Vajji: "Chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về chánh chơn, chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về Chánh trực, chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về khuôn phép, chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về chánh hạnh, tức là bốn đôi tám chúng. Chư Tăng đệ tử của Thế Tôn này đáng được kính trọng, đáng được cung kính, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay cúi chào, vì là phước điền tối thượng ở đời". Này Sunakkhatta, như vậy dưới nhiều phương diện, Ngươi tán thán Tăng tại làng Vajji.

"Này Sunakkhatta, Ta nói cho Ngươi biết; này Sunakkhatta Ta tin cho Ngươi biết; sẽ có lời luận bàn về Ngươi như sau: *"Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi không thể sống phạm hạnh dưới sự hướng dẫn của Sa môn Gotama. Vì không kham nổi, nên từ bỏ tu học trở về với đời sống thấp kém".* Này Sunakkhatta, sẽ có lời luận bàn về Ngươi như vậy.

Này Bhaggava, như vậy Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi dầu được Ta nói vậy, từ bỏ pháp luật này, như người phải rớt vào đọa xứ, địa ngục.

7. Này Bhaggava, một thời Ta ở bộ lạc Bumu, tại thị trấn của bộ lạc Bumu tên là Uttaraka. Này Bhaggava, rồi buổi sáng Ta đắp y, cầm y bát cùng với Sa di Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi theo sau, vào thị trấn Uttaraka khát thực. Lúc bấy giờ, **lỏa thể Korakkhattiya, tu theo hạnh chó** đi bốn chân, bò lết trên đất, lấy miệng mà ăn đồ cứng hay đồ ăn mềm.

Này Bahaggava, Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi thấy lỏa thể Korakkhattiya tu theo hạnh chó, đi bốn chân, bò lết trên đất, lấy miệng ăn đồ cứng hay đồ ăn mềm.

Này Bhaggava, **Ta biết được tâm tư của Sunakkhatta**

thuộc bộ lạc Licchavi với tâm tư của Ta và Ta nói với ông ta như sau:

"- Này kẻ ngu kia, có phải Người vẫn tự nhận Người là Thích Tử không?"

"- Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn lại nói: "Này kẻ ngu kia, có phải Người tự nhận Người là Thích Tử không"?"

"- Này Sunakkhatta, có phải Người, sau khi thấy lõa thể Korakkhattiya tu theo hạnh chó, đi bốn chân bò lét trên đất, lấy miệng mà ăn đồ ăn cứng hay đồ ăn mềm, liền suy nghĩ: "Thật tốt đẹp thay vị A la hán Sa môn đi bốn chân, bò lét trên đất, lấy miệng mà ăn đồ ăn cứng hay đồ ăn mềm"?"

"- Bạch Thế Tôn có vậy. Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn lại ganh ghét với một vị A la hán?"

"- Này kẻ ngu kia, **Ta đâu có ganh ghét với một vị A la hán? Chính Người tự sinh ác tà kiến ấy, hãy bỏ nó đi. Chớ để tự mình lâu ngày bị khổ đau thiệt hại.**

Này Sunakkhatta, lõa thể Korakkhattiya mà Người nghĩ là tốt đẹp, là vị Sa môn, sau bảy ngày sẽ bị trúng thực mà chết, sau khi chết sẽ tái sanh thuộc loại Kàlakanjā, một trong loại Asura thấp kém nhất.

Sau khi chết, nó sẽ bị quăng trong nghĩa địa đặt trên đồng cỏ Bìrana. Nay Sunakkhatta, nếu Người muốn, hãy đến hỏi loa thể Korakkhattiya như sau: "Này bạn Korakkhattiya, bạn có biết bạn thác sanh cảnh giới nào không?" Nay Sunakkhatta, sự kiện này có thể xảy ra, loa thể Korakkhatta ấy có thể trả lời với Người: "Này bạn Sunakkhatta, tôi biết cảnh giới thác sanh của tôi. Tôi sẽ thác sanh thuộc loại Kàlakanjā, một trong loại Asura thấp kém nhất".

8. Nay Bhaggava, Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi, đi đến loa thể Korakkhattiya và nói:

" - Này bạn Korakkhattiya, Sa-môn Gotama có nói như sau: "Loa thể Korakkhattiya sau bảy ngày trúng thực mà chết, sau khi chết sẽ tái sanh thuộc loại Kàlakanjā, một trong loại Asura thấp kém nhất. Sau khi chết, ông ta sẽ bị quăng trong nghĩa địa, đặt trên đồng cỏ Birana". Nay Bạn Korakkhattiya, vậy Bạn hãy ăn cho có tiết độ, vậy Bạn hãy uống cho có tiết độ, để lời nói của Sa môn Gotama trở thành nói láo."

Nay Bhaggava, vì không tin tưởng Như Lai, Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đếm từng ngày một cho đến bảy ngày. Nhưng nay Bhaggava, loa thể Korakkhattiya sau bảy ngày bị trúng thực mà chết. Sau khi chết, bị tái sanh thuộc loại Kàlakanjā, một

trong loại Asura thấp kém nhất. Sau khi chết, ông ta bị quăng trong nghĩa địa, đặt trên đồng cỏ Birana.

9. Nay Bhaggava, Sunakkhatta được nghe: "Lõa thể Korakkhattiya bị trúng thực chết, quăng trong nghĩa địa, đặt trên đồng cỏ Birana." Nay Bhaggava, Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi liền đi đến đồng cỏ Birana tại nghĩa địa, đến lõa thể Korakkhattiya, lấy tay đánh ba lần và hỏi:

"- Nay bạn Korakkhattiya, Bạn có biết cảnh giới thác sanh của Bạn không?"

Nay Bhaggava, lõa thể Korakkhattiya lấy tay xoa lưng và ngồi dậy:

"- Nay bạn Sunakkhatta, tôi biết cảnh giới thác sanh của tôi. Tôi thác sanh thuộc loại Kàlakanjā, một trong loại Asura thấp kém nhất." Sau khi nói xong, ông ta ngã ngựa xuống.

10. Nay Bhaggava, rồi Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đến Ta, đánh lễ và ngồi xuống một bên. Nay Bhaggava, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đang ngồi một bên:

"- Nay Sunakkhatta, Người nghĩ thế nào? Điều Ta nói với Người về lõa thể Korakkhattiya, có phải sự

việc xảy ra như Ta nói không, hay là khác?

"- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã nói với con lẽ lã thể Korakkhattiya như thế nào, sự việc xảy ra như Thế Tôn nói, không phải khác!

"- Này Sunakkhatta, Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện có phải không?

"- Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, chắc chắn là pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện.

"- Vậy này kẻ ngu kia, như vậy là pháp thượng nhân thần thông đã được Ta thực hiện, thế mà Người nói: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không thực hiện pháp thượng nhân thần thông cho con." Này kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của Người như vậy là thế nào!"

Này Bhaggava, như vậy Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi được Ta nói như vậy, từ bỏ pháp luật này, như người phải rơi vào đọa xứ, địa ngục.

11. Này Bhaggava, một thời, Ta trú tại Vesàli (Tỳ xá lý), rừng Đại Lâm, ở Trùng Các giảng đường. Lúc bấy giờ, **lã thể Kandaramasuka** ở tại Vesàli được

sự cúng dường tối thượng, được xưng danh tối thượng tại làng Vajji. **Vị này có phát nguyện tuân theo bảy giới hạnh:**

- "Trọn đời, ta theo hạnh lỏa thể, không mặc quần áo;
- Trọn đời, ta sống phạm hạnh, không có hành dâm;
- Trọn đời ta tự nuôi sống với rượu và thịt, không phải với cháo cơm;
- Ta không bao giờ đi quá tháp Udana phía Đông thành Vesàli;
- Ta không bao giờ đi quá tháp Gotamaka, phía Nam thành Vesàli;
- Ta không bao giờ đi quá tháp Sattamba, phía Tây thành Vesà;
- Ta không bao giờ đi quá tháp Bahuputta, phía Bắc thành Vesàli."

Vị này, nhờ tuân theo bảy giới hạnh này mà được sự cúng dường tối thượng, được danh xưng tối thượng tại làng Vajji.

12. Nay Bhaggava, rồi Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đi đến lỏa thể Kandaramasuka và hỏi câu

hỏi; lỏa thể Kandaramasuka khi bị hỏi như vậy, không theo dõi câu hỏi, vì không theo dõi, nên tỏ ra tức tối, giận dữ, phật ý. Nay Bhaggava, rồi Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi suy nghĩ: *"Chúng ta có thể trở thành chống đối vị A-la-hán Sa-môn tốt đẹp này. Hãy giữ đừng có gì xảy ra khiến chúng ta có thể bắt lợi đau khổ lâu đời."*

13. Nay Bhaggava, rồi Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đi đến Ta, đánh lễ và ngồi xuống một bên. Nay Bhaggava, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đang ngồi một bên:

- Nay kẻ ngu kia, Ngươi vẫn tự nhận Ngươi là Thích tử không?

- Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn lại nói với con như vậy: Nay kẻ ngu kia, Ngươi vẫn tự nhận Ngươi là Thích tử không?

- Nay Sunakkhatta, có phải Ngươi đã đi đến lỏa thể Kandaramasuka và hỏi câu hỏi? Lỏa thể Kandaramasuka khi được Ngươi hỏi như vậy, không theo dõi câu hỏi; vì không theo dõi nên tỏ ra tức tối, giận dữ, phật ý. Rồi tự nghĩ: "Chúng ta có thể trở thành chống đối vị A-la-hán, Sa-môn tốt đẹp này. Hãy giữ đừng có gì xảy ra khiến chúng ta có thể bắt lợi đau khổ lâu đời!"

- Bạch Thế Tôn có vậy. Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn lại ganh ghét với một vị A la hán?

- Nay kẻ ngu kia, **Ta đâu có ganh ghét với một vị A la hán! Chính Người tự sanh ác tà kiến ấy, hãy từ bỏ nó đi.** Chớ để mình lâu ngày bị thiệt hại đau khổ!

Này Sunakkhatta, lửa thể Kandaramasuka mà Người nghĩ là vị A la hán, là vị Sa môn tốt đẹp, không bao lâu sẽ sống mặc áo và lập gia đình, sẽ ăn cơm cháo, sẽ đi vượt quá các tháp ở Vesàli và sẽ chết mất hết cả danh xưng.

Này Bhaggava, lửa thể Kandaramasuka, không bao lâu sống mặc áo và lập gia đình, ăn dùng cơm cháo, đi vượt quá các tháp ở Vesàli và bị chết mất hết cả danh xưng.

14. Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi được nghe tin lửa thể Kandaramasuka không bao lâu sống mặc áo và lập gia đình, ăn dùng cơm cháo, đi vượt quá các tháp ở Vesàli và bị chết mất hết danh xưng. Này Bhaggava, rồi Sunakkhatta đi đến chỗ Ta ở, sau khi đến đánh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Này Bhaggava, và Ta nói với Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi đang ngồi một bên:

- Này Sunakkhatta, Người nghĩ thế nào? Điều Ta nói

với Người về lửa thể Kandaramasuka có phải sự việc xảy ra như Ta nói không, hay là khác?

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã nói với con về lửa thể Kandaramasuka như thế nào, sự việc xảy ra như Thế Tôn nói, không phải khác.

- Nay Sunakkhatta, Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải là pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện, có phải không?

- Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, chắc chắn là pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện.

- Vậy này kẻ ngu kia, như vậy là pháp thượng nhân thần thông đã được Ta thực hiện, thế mà Người nói: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không thực hiện pháp thượng nhân thần thông cho con." Nay kẻ ngu kia, hãy thấy rõ sự lỗi lầm của Người như vậy là như thế nào"!

Này Bhaggava, như vậy Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi được Ta nói như vậy, từ bỏ luật này, như người phải rơi vào đọa xứ địa ngục.

15. Nay Bhaggava, một thời Ta trú ở Vesàli, rừng

Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường. Lúc bấy giờ, **lỏa thể Patikaputta** sống ở Vesàli, được cúng dường tối thượng, được danh xưng tối thượng ở làng Vajji. Trong các buổi họp ở Vesàli, ông ta thường tuyên bố như sau:

"Sa môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí. Người có trí có thể trình bày pháp thượng nhân thần thông của mình, nhờ trí lực của mình. Nếu Sa môn Gotama chịu đi nửa đường, ta chịu đi nửa đường. Và hai chúng ta có thể thực hiện pháp thượng nhân thần thông ở tại đây. Nếu Sa môn Gotama thực hiện một pháp thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện hai pháp. Nếu Sa môn Gotama thực hiện bốn pháp thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện tám pháp. Như vậy Sa môn Gotama thực hiện bao nhiêu pháp thần thông thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần."

16. Nay Bhaggava, Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đã đến Ta, sau khi đến, đánh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi bạch với Ta:

"- Bạch Thế Tôn, hỏa thể Patikaputta (Ba kê tử) sống ở Vesàli, được cúng dường tối thượng, được danh xưng tối thượng ở làng Vajji. Trong buổi họp ở

Vesàli, thường tuyên bố như sau: "Sa môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí. Người có trí có thể trình bày pháp thượng nhân thần thông nhờ trí lực của mình. Nếu Sa môn Gotama chịu đi nửa đường, ta chịu đi nửa đường. Và hai chúng ta có thể thực hiện pháp thần thông ở tại đây. Nếu Sa môn Gotama có thể thực hiện một pháp thượng nhân thần thông... thì ta sẽ thực hiện gấp hai lần."

Này Bhaggava, khi nghe nói vậy, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi:

"- Này Sunakkhatta, lỏa thể Patikaputta không có thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ bỏ lời ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ta sẽ bị bể tan.

17. "- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thận trọng lời nói! Thiện Thế hãy thận trọng lời nói!

"- Này Sunakkhatta, tại sao Người lại nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thận trọng lời nói"?

"- Bạch Thế Tôn, lời nói này đã được Thế Tôn tuyên bố một cách cực đoan: "Lỏa thể Patikaputta không có thể đến gặp mặt Ta, nếu ông ấy không từ bỏ lời

nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp Ta mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu ông ấy sẽ bị bể tan"! Bạch Thế Tôn, **lõa thể Patikaputta có thể đến gặp mặt Thế Tôn với một hóa thân khác, và như vậy Thế Tôn trở thành nói không thật!**

18. "- Nay Sunakkhatta, **Như Lai có bao giờ nói lời nói nào có hai nghĩa không?**

"- Bạch Thế Tôn, có phải do tự tâm phán xét mà Thế Tôn đã được biết về Patikaputta: "Lõa thể Patikaputta không có thể đến gặp mặt Ta, nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan". Hay là có vị Thiên thần nào đã báo tin cho Như Lai biết: "Bạch Thế Tôn, lõa thể Patikaputta không có thể... đầu của ông ấy sẽ bị bể tan!"

"- Nay Sunakkhatta, chính tự tâm phán xét mà ta đã biết về lõa thể Patikaputta: "Lõa thể Patikaputta không có thể đến gặp mặt Ta... đầu của ông ấy sẽ bị bể tan." Và cũng có vị Thiên thần đã báo tin cho Ta biết: "Lõa thể Patikaputta không có thể đến gặp mặt

Thế Tôn... đầu ông ấy sẽ bị bể tan". **Vị tướng quân ở bộ lạc Licchavi tên là Ajita, khi mệnh chung vào ngày kia đã được sanh vào Tam thập tam thiên.** Rồi vị ấy đến bạch với Ta: "Bạch Thế Tôn, lừa thể Pàtikaputta không có tầm quý! Bạch Thế Tôn, lừa thể Pàtikaputta không nói sự thật! Bạch Thế Tôn, lừa thể Pàtikaputta đã nói về con, ở giữa làng Vajji như sau: *"Tướng quân ở bộ lạc Licchavi tên là Ajita sẽ thác sanh vào Đại địa ngục,"* **Bạch Thế Tôn, con không thác sanh vào Đại địa ngục, Bạch Thế Tôn, con được sanh vào cõi Tam thập tam thiên! Bạch Thế Tôn, lừa thể Pàtikaputta không có tầm quý.** Bạch Thế Tôn, lừa thể Pàtikaputta không nói sự thật! Bạch Thế Tôn, lừa thể Pàtikaputta không có thể đến gặp mặt Sa môn Gotama... đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

Này Sunakkhatta, như vậy chính tự tâm phán xét mà Ta biết về lừa thể Pàtikaputta. Lừa thể Pàtikaputta không có thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan. Và một vị thiên Thần đã báo tin cho ta biết: "Bạch Thế Tôn, lừa thể Pàtikaputta không có thể đến gặp mặt Thế Tôn nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông nghĩ rằng

ông ấy sẽ đến gặp mặt Thế Tôn mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

"Này Sunakkhatta, sau khi Ta đi khát thực ở Vesàli, ăn xong và khát thực trở về, Ta sẽ đến tại vườn Pàtikaputta để nghỉ trưa. Này Sunakkhatta, nếu Ngươi muốn, hãy tin cho ông ấy biết."

19. Này Bhaggava, rồi Ta đắp y vào buổi sáng, cầm y bát vào thành Vesàli để khát thực. Sau khi đi khát thực, ăn xong và đi khát thực trở về, Ta đi đến vườn của Pàtikaputta để nghỉ trưa. Này Bhaggava, Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi vội vàng vào thành Vesàli, đến những Licchava có danh tiếng và báo tin cho những vị ấy biết: "- Này Hiền giả, Thế Tôn sau khi khát thực, ăn xong và đi khát thực trở về, đã đi đến vườn của Pàtikaputta để nghỉ trưa! Mong quý vị hãy đến! Mong quý vị hãy đến! Sẽ có biểu diễn pháp thượng nhân thần thông giữa các vị Sa môn thiện xảo."

Này Bhaggava, các Licchavi có danh tiếng suy nghĩ như sau: "Sẽ có biểu diễn pháp thượng nhân thần thông giữa các vị Sa môn thiện xảo. Vậy chúng ta hãy đi đến đó."

Và chỗ nào có những Bà la môn có địa vị, những gia

chủ giàu sang, các Bà la môn, Bà la môn ngoại đạo có danh tiếng, ông ta đi đến các vị này và báo tin cho biết: "- Này Hiền giả, Thế Tôn sau khi đi khát thực, ăn xong và đi khát thực trở về, đã đi đến vườn của Pàtikaputta để nghỉ trưa. Mong quý vị hãy đến! Mong quý vị hãy đến! Sẽ có biểu diễn pháp thượng nhân thần thông giữa các vị Sa môn thiện xảo."

Này Bhaggava, các Sa môn, Bà la môn ngoại đạo có danh tiếng suy nghĩ: "Sẽ có biểu diễn pháp thượng nhân thần thông giữa các vị Sa môn thiện xảo. Vậy chúng ta hãy đi đến đó."

Này Bhaggava, rồi các Licchavi có danh tiếng, các Bà la môn có địa vị, các Gia chủ giàu sang, các Sa môn, Bà la môn ngoại đạo có danh tiếng cũng đi đến vườn của Pàtikaputta. Này Bhaggava, như vậy Hội chúng này lên đến hàng trăm hàng ngàn người.

20. Này Bhaggava, lỏa thể Pàtikaputta được nghe: "Các Licchavi danh tiếng đã đến, các Bà la môn có địa vị, các gia chủ giàu sang, các Sa môn, Bà la môn ngoại đạo có danh tiếng cũng đã đến, còn Sa môn Gotama thì ngồi nghỉ trưa tại vườn của ta." Khi nghe vậy ông ấy hoảng sợ, run rẩy, lông tóc dựng ngược. Này Bhaggava, **lỏa thể Pàtikaputta hoảng sợ, run rẩy, lông tóc dựng ngược, liền đi đến vườn các du sĩ**

Tindukkhànu.

Này Bhaggava, Hội chúng ấy được nghe: "Lỗa thể Pàtikaputta hoảng sợ, run rẩy, lông tóc dựng ngược đã đi đến vườn các du sĩ Tindukkhànu." Này Bhaggava, Hội chúng liền cho gọi một người và bảo:

"- Này bạn hãy đi đến vườn các du sĩ Tindukkhànu, gặp lỗa thể Pàtikaputta và nói như sau: "Này bạn Pàtikaputta hãy đến. Các Licchavi danh tiếng đã đến, các Bà la môn có địa vị, các Gia chủ giàu sang, các Sa môn, Bà la môn ngoại đạo có danh tiếng cũng đã đến. Sa môn Gotama đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Này Hiền giả Pàtikaputta, lời nói sau đây được Hiền giả nói tại Hội chúng ở Vesàli: "Sa môn là người có trí, ta cũng là người có trí. Người có trí có thể trình bày pháp thượng nhân thần thông nhờ trí lực của mình. Nếu Sa môn Gotama chịu đi nửa đường, ta chịu đi nửa đường. Và hai chúng ta có thể thực hiện pháp thượng nhân thần thông ở tại đây. Nếu Sa môn Gotama thực hiện một pháp thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện hai pháp. Nếu Sa môn Gotama thực hiện hai pháp thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện bốn pháp. Nếu Sa môn Gotama thực hiện bốn pháp thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện tám pháp. Như vậy Sa môn Gotama thực hiện bao nhiêu pháp thượng nhân thần

thông, thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần. "Này Hiền giả Pàtikaputta, hãy chịu đi nửa đường. Sa môn Gotama đã đi hết tất cả nửa đường rồi và đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả!".

21. Này Bhaggava, người ấy vâng theo lời Hội chúng ấy, đi đến vườn các du sĩ Tindukkhanu, gặp lõa thể Pàtikaputta, sau khi gặp xong, liền thưa:

"- Này bạn Pàtikaputta, hãy đi đến. Các Licchavi danh tiếng... Sa môn Gotama đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Này Hiền giả Pàtikaputta, lời nói sau được Hiền giả nói tại Hội chúng ở Vesàli: "Sa môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí... ta sẽ thực hiện gấp hai lần". Này Hiền giả Pàtikaputta, hãy chịu đi nửa đường, Sa môn Gotama đã đi hết tất cả nửa đường và ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả."

Này Bhaggava, khi nghe nói vậy, lõa thể Pàtikaputta trả lời:

"- Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến". Nhưng ông ấy như trườn bò qua lại tại chỗ, không thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi. Này Bhaggava, người ấy nói với lõa thể Pàtikaputta:

"- Này Hiền giả Pàtikaputta sao lại như vậy? Hình

như mộng của Hiền giả dính liền vào ghế, hay ghế dính liền vào mộng của Hiền giả?

"- Nay Bạn, tôi sẽ đến; nay Bạn, tôi sẽ đến." Tuy nói vậy nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi.

Này Bhaggava, được nói vậy, lỏa thể Pàtikaputta tuy nói: "Nay Bạn, tôi sẽ đến; nay Bạn, tôi sẽ đến"; nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ không có thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi.

22. Này Bhaggava, khi người ấy biết được lỏa thể Pàtikaputta này đã bị thảm bại, tuy nói: "Nay Bạn, tôi sẽ đến; nay Bạn, tôi sẽ đến", lại trườn bò qua lại tại chỗ, không thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi, liền đến Hội chúng ấy báo tin:

"- Lỏa thể Pàtikaputta đã thảm bại, tuy nói: "Nay Bạn, tôi sẽ đến; nay Bạn, tôi sẽ đến", lại trườn bò qua lại, không thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi."

Này Bhaggava, **khi nghe vậy Ta nói Hội chúng:**

"- Nay các Hiền giả, lỏa thể Pàtikaputta không có thể đến gặp mặt Ta, nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ

bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

II

1. Nay Bhaggava, một vị đại thần Licchavi, từ chỗ ngồi đứng dậy, nói với Hội chúng ấy:

"- Các Hiền giả hãy chờ một lát, để tôi đi, xem có thể đưa lửa thề Pàtikaputta đến Hội chúng này không?"

Này Bhaggava, rồi vị đại thần Licchavi ấy đi đến vườn các du sĩ Tindukkhànu, gặp mặt lửa thề Pàtikaputta và nói với ông ấy:

"- Nay bạn Pàtikaputta hãy đến! Các Licchavi danh tiếng đã đến, và các Bà la môn có địa vị, các Gia chủ giàu sang, các Sa môn, Ba la môn ngoại đạo có danh tiếng cũng đã đến; còn Sa môn Gotama đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Nay Hiền giả Pàtikaputta, Hiền giả đã tuyên bố giữa Hội chúng Vesàli: "Sa môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí... thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần". Nay Hiền giả Pàtikaputta, hãy chịu đi nửa đường. Sa môn

Gotama đã đi hết tất cả nửa đường rồi và đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Ngày Hiền giả Pàtikaputta, Sa môn Gotama đã nói với Hội chúng về Hiền giả như sau: "Lỏa thể Pàtikaputta không có thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy... ông ấy có thể đến gặp mặt Thế Tôn thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan". Ngày Hiền giả Pàtikaputta hãy đến! Nếu Hiền giả đến, chúng tôi sẽ làm cho Hiền giả thắng và làm cho Sa môn Gotama thất bại."

2. Ngày Bhaggava, khi được nghe nói vậy,ỏa thể Pàtikaputta, tuy nói: "Ngày Bạn, tôi sẽ đến; ngày Bạn, tôi sẽ đến", nhưng trườn bò qua lại tại chỗ không thể từ chỗ ngồi đứng dậy. Ngày Bhaggava, vị đại thần Licchavi liền nói vớiỏa thể Pàtikaputta:

"- Ngày Hiền giả Pàtikaputta, sao lại vậy? Hình như mông của Hiền giả dính liền vào ghế, hay ghế dính liền vào mông của Hiền giả. Tuy nói: "Ngày Bạn, tôi sẽ đến; ngày Bạn, tôi sẽ đến", nhưng Hiền giả trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Ngày Bhaggava, khi được nói vậy,ỏa thể Pàtikaputta tuy nói: "Ngày Bạn, tôi sẽ đến; ngày Bạn, tôi sẽ đến", nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy.

3. Nay Bhaggava, khi vị đại thần Licchavi biết được lỏa thể Pàtikaputta này đã bị thảm bại, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy, liền đến Hội chúng ấy báo tin:

"- Lỏa thể Pàtikaputta đã thảm bại, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Nay Bhaggava, khi nghe nói vậy, Ta nói với Hội chúng ấy:

"- Nay các Hiền giả, lỏa thể Pàtikaputta, nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy... thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan. Nếu quý vị Licchavi nghĩ rằng: "Chúng ta hãy cột lỏa thể Pàtikaputta với dây thùng, và dùng bò kéo ông ấy lại đây, Pàtikaputta sẽ bứt đứt dây thùng ấy. Lỏa thể Pàtikaputta không có thể, nếu không từ bỏ lời nói ấy..." Nếu ông ấy nghĩ rằng: "Ta không từ bỏ lời nói ấy...", thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

4. Nay Bhaggava, lúc ấy Jàliya, đệ tử của Dàrupatti, từ chỗ ngồi đứng dậy và nói với Hội chúng ấy:

"- Các Hiền giả hãy chờ một lát, để tôi đi xem có thể đưa lỏa thể Pàtikaputta đến Hội chúng này hay

không?"

Này Bhggava, rồi Jàliya, đệ tử của Dàrupatti đi đến vườn các du sĩ Tindukkhànu, gặp mặt Lỏa thê Pàtikaputta và nói với ông ấy:

"- Này bạn Pàtikaputta hãy đến. Các Licchavi danh tiếng đã đến... Sa môn Gotama nay đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Này Hiền giả Pàtikaputta, Hiền giả đã tuyên bố giữa Hội chúng Vesàli như sau: "Sa môn Gotama là người có trí... thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần." Này Hiền giả Pàtikaputta, hãy chịu đi nửa đường. Sa môn Gotama đã đi hết tất cả nửa đường rồi và đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Này Hiền giả Pàtikaputta, Sa môn Gotama đã nói với Hội chúng về Hiền giả như sau: "Lỏa thê Pàtikaputta nếu không từ bỏ lời nói ấy... Nếu ông ấy nghĩ rằng: "Ta không bỏ lời nói ấy... có thể đến gặp mặt Sa môn Gotama...", thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan". **Nếu quý vị Licchavi nghĩ rằng: "Chúng ta hãy cột Lỏa thê Pàtikaputta với dây thùng, và dùng bò kéo ông ấy lại đây", Pàtikaputta sẽ bứt đứt dây thùng ấy. Lỏa thê Pàtikaputta không có thể, nếu không từ bỏ lời nói ấy... đầu của ông ấy sẽ bị bể tan".**

Này Hiền giả Pàtikaputta hãy đến. **Nếu Hiền giả đến, chúng tôi sẽ làm cho Hiền giả thắng, và làm**

cho Sa môn Gotama thất bại."

5. Nay Bhaggava, khi được nghe nói vậy, lỏa thể Pàtikaputta, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy. Nay Bhaggava, Jàliya, đệ tử của Dàrupatti nói với lỏa thể Pàtikaputta:

"- Nay Hiền giả Pàtikaputta sao lại vậy? Hình như móng của Hiền giả dính liền vào ghế, hay ghế dính vào móng của Hiền giả. Tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng Hiền giả trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Nay Bhaggava, được nói vậy, lỏa thể Pàtikaputta, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng Hiền giả trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Nay Bhaggava, được nói vậy, lỏa thể Pàtikaputta, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", lại trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Nay Bhaggava, khi Jàliya, đệ tử của Dàrupatti biết được lỏa thể Pàtikaputta nay đã bị thảm bại, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", lại trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy,

liền nói với ông ấy:

"- Này Hiền giả Pàtikaputta, **thuở xưa con sư tử vua các loài thú** suy nghĩ: "Ta hãy y cứ vào một khu rừng để xây dựng sào huyệt. Sau khi xây dựng sào huyệt, vào buổi chiều ta sẽ ra khỏi sào huyệt, đuổi chân cho khỏe, rồi nhìn khắp bốn phương và ba lần rống tiếng rống con sư tử. Sau khi rống tiếng rống con sư tử, ta sẽ đi đến chỗ các thú qua lại, tìm giết những con thú tốt đẹp nhất, ăn các loại thịt mềm mại rồi trở về sào huyệt lại".

"Này Hiền giả, con sư tử ấy y cứ vào một khu rừng để xây dựng sào huyệt, vào buổi chiều ra khỏi sào huyệt, đuổi chân cho khỏe, rồi nhìn khắp bốn phương và ba lần rống tiếng rống con sư tử. Sau khi rống tiếng rống con sư tử, nó đi đến chỗ các thú qua lại, tìm giết những con thú tốt đẹp nhất, ăn các loại thịt mềm mại rồi trở về sào huyệt lại.

7. "Này Hiền giả Pàtikaputta, **có con chó rừng già kiêu ngạo và mạnh mẽ, thường sống bằng đồ ăn thừa của con sư tử, vua các loài thú. Con chó rừng ấy suy nghĩ: "Ta là ai, và con sư tử, vua các loài thú là ai? Ta hãy y cứ vào một khu rừng để xây dựng sào huyệt. Sau khi xây dựng sào huyệt, vào buổi chiều ta sẽ ra khỏi sào huyệt, đuổi chân cho khỏe, rồi nhìn khắp**

bốn phương và ba lần rống tiếng rống con sư tử. Sau khi rống tiếng rống con sư tử, ta sẽ đi đến chỗ các thú qua lại, tìm giết những con thú tốt đẹp nhất, ăn các loại thịt mềm mại, rồi trở về sào huyệt lại."

"Này Hiền giả, con chó rừng kia ý cứ vào một khu rừng để xây dựng sào huyệt, đuổi chân cho khỏe, rồi nhìn khắp bốn phương và định ba lần rống tiếng rống con sư tử. **Nhưng nó chỉ kêu lên tiếng loại chó rừng, tiếng sủa loại chó rừng. Ai có thể so sánh tiếng sủa con chó rừng đê tiện với tiếng rống con sư tử?**

"Cũng vậy, này Hiền giả Pàtikaputta, Hiền giả sống dựa trên uy tín của bậc Thiện Thệ, ăn uống đồ tàn thực của bậc Thiện Thệ, thế mà tự nghĩ có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác. Bọn Pàtikaputta đê tiện là ai, lại có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác?"

8. Này Bhaggava, Jàliya, đệ tử của Dàrupati dầu có dùng ví dụ ấy cũng không thể khiến lỏa thê Pàtikaputta rời khỏi chỗ ngồi, liền nói với ông ấy:

*Chó rừng nhìn tự thân,
Tự nghĩ là sư tử.
Nó sủa tiếng chó rừng,*

*Loại chó rùng dê tiện.
Chó rùng sủa là ai?
Ai rống tiếng sư tử?*

"Cũng vậy, này Hiền giả Pàtikaputta, Hiền giả sống dựa trên uy tín của bậc Thiện Thệ, ăn uống đồ tàn thực của bậc Thiện Thệ, thế mà nghĩ có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác. Bọn Pàtikaputta dê tiện là ai, lại có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác?"

10. Này Bhaggava, Jàliya, đệ tử của Dàrupatti, dầu có dùng ví dụ ấy cũng không có thể khiến lỏa thê Pàtikaputta rời khỏi chỗ ngồi, liền nói với ông ấy:

*Ăn cóc, chuột kho thóc,
Ăn xác quăng nghĩa địa,
Sống Đại lâm, Không lâm,
Tự nghĩ là vua thú.
Nó sủa tiếng chó rùng,
Loại chó rùng dê tiện.
Chó rùng sủa là ai?
Ai rống tiếng sư tử?*

"Cũng vậy này Hiền giả Pàtikaputta, Hiền giả sống dựa trên uy tín của bậc Thiện Thệ, ăn uống đồ tàn thực của bậc Thiện Thệ, thế mà tự nghĩ có thể trịch

thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác. Bọn Pàtikaputta đề tiện là ai, lại có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác?"

11. Nay Bhaggava, Jàliya, đệ tử của Dàrupatti, dầu có dùng ví dụ ấy, cũng không thể khiến lỏa thê Pàtikaputta rời khỏi chỗ ngồi, liền về Hội chúng ấy và báo tin:

"- Lỏa thê Pàtikaputta đã thảm bại, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

12. Nay Bhaggava, khi nghe nói vậy, **Ta nói với hội chúng ấy:**

"- Nay các Hiền giả, lỏa thê Pàtikaputta, nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thì không có thể đến gặp mặt Ta được. Nếu ông ấy nghĩ rằng: "Ta tuy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, có thể đến gặp mặt Sa môn Gotama được", thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan. **Nếu quý vị Licchavi nghĩ rằng: "Chúng ta hãy cột lỏa thê Pàtikaputta với dây thùng và dùng bò kéo ông ấy lại đây". Pàtikaputta sẽ bứt đứt dây thùng ấy. Lỏa thê Pàtikaputta không có thể**

không từ bỏ lời nói ấy... có thể đến gặp mặt Ta được. Nếu ông ấy nghĩ rằng: "Ta có thể không từ bỏ lời nói ấy... có thể đến gặp mặt Sa môn Gotama được", thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

13. Nay Bhaggava, rồi Ta giảng dạy cho hội chúng ấy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với bài thuyết pháp. Sau khi giảng dạy cho hội chúng ấy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với bài thuyết pháp, Ta khiến cho họ giải thoát đại kiết sử, cứu vớt tám vạn bốn ngàn chúng sanh thoát khỏi đại đọa xứ, Ta nhập thiền quang giới tam muội, bay lên hư không cao đến bảy cây ta la, phóng hào quang cao đến hơn bảy cây ta la, khiến cho cháy sáng, rực sáng và Ta hiện ra tại Trùng Các giảng đường ở Đại Lâm.

Này Bhaggava, rồi Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đến Ta, đánh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, này Bhaggava, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đang ngồi một bên:

"- Này Sunakkhatta, Ngươi nghĩ thế nào? Có phải điều Ta nói cho Ngươi về lửa thể Pàtikaputta, đã được thực hiện đúng như vậy, không có gì khác?"

"- Bạch Thế Tôn, điều Thế Tôn nói cho con về lửa

thể Pàtikaputta đã được thực hiện đúng như vậy, không có gì khác.

"- Nay Sunakkhatta, Ngươi nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thì có phải pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện hay không được thực hiện?"

"- Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, thì pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện, không phải không thực hiện."

- "Này kẻ ngu kia, như vậy là pháp thượng nhân thần thông đã được Ta thực hiện, thế mà Ngươi lại nói: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không thực hiện pháp thượng nhân thần thông." Này kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của Ngươi như vậy là như thế nào!"

Này Bhaggava, như vậy Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi dầu được Ta nói vậy, từ bỏ pháp luật này, như người phải rơi vào đọa xứ, địa ngục.

14. Nay Bhaggava, **Ta biết về khởi nguyên thế giới, Ta còn biết hơn thế nữa. Và khi Ta biết như vậy, Ta không có chấp trước. Vì không có chấp trước, Ta tự thân thấu hiểu được sự an tịnh ấy; chính nhờ chứng ngộ sự an tịnh này mà Như Lai không**

rơi vào lầm lỗi.

→ Nay Bhaggava, có những vị Sa môn, Bà la môn tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do Tự Tại thiên (Issara) tạo ra, do Phạm thiên (Brahma) tạo ra. Ta đến những vị ấy và nói:

"- Có phải chư Tôn giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do Tự tại thiên tạo ra, do Phạm thiên tạo ra?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy trả lời:

"- Vâng!"

Ta nói với quý vị ấy:

"- Sao chư Tôn giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do Tự tại thiên tạo ra, do Phạm thiên tạo ra?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy không thể trả lời được. **Không thể trả lời được, quý vị ấy hỏi lại Ta, và được hỏi vậy, Ta trả lời như sau:**

15. "- Chư Hiền giả, có một thời, đến một giai đoạn nào đó, sau một thời gian rất lâu, **thế giới này chuyển**

hoại. Trong khi thế giới chuyển hoại, phần lớn các loài hữu tình chuyển sanh qua **Àbhassara (Quang Âm thiên)** ở tại đây, những loài hữu tình nào do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy trong một thời gian khá dài.

Chư Hiền giả, có một thời, đến một giai đoạn nào đó, sau một thời gian rất lâu, thế giới này chuyển thành, Phạm cung được hiện ra nhưng trống không.

- Lúc bấy giờ, một loài hữu tình, hoặc thọ mạng đã tận, hay phước báo đã tận, mạng chung từ Quang Âm thiên sanh qua Phạm cung trống không ấy. Vị ấy ở tại đây, do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy trong một thời gian khá dài.
- Vị này, tại chỗ ấy, sau khi sống lâu một mình như vậy, khởi ý chán nản, không hoan hỷ và có kỳ vọng: "Mong sao có các loài hữu tình khác cũng đến tại chỗ này!"
- Lúc bấy giờ, các loài hữu tình khác, hoặc thọ mạng đã tận, hay phước báo đã tận, bị mệnh chung và từ thân Quang Âm thiên sanh qua

Phạm cung trống không để làm bạn với vị hữu tình kia. Các loại hữu tình này ở đây cũng có ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy trong một thời gian khá dài.

16. "Lúc bấy giờ, này các Hiền giả, **vị hữu tình sanh qua đầu tiên nghĩ rằng:** "Ta là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Những loài hữu tình ấy do chính ta hóa sanh. Tại sao vậy? Vì chính do ta khởi niệm: Mong sao các loài hữu tình khác cũng đến tại chỗ này! Chính do sở nguyện của ta mà những loại hữu tình ấy đến tại chỗ này".

Các loài hữu tình đến sau cùng nghĩ như thế này: "Vị ấy là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đáng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên này hoá sanh. Vì chúng ta thấy vị này sanh trước ở đây rồi, còn chúng ta thì sanh sau".

17. "Này các Hiền giả, vị hữu tình sanh ra đầu tiên ấy, sống được lâu hơn, sắc tướng tốt đẹp hơn, và được nhiều uy quyền hơn. Còn các loài hữu tình sanh sau thì sống ngắn hơn, sắc tướng ít tốt đẹp hơn, và được ít uy quyền hơn.

Này các Hiền giả, **sự tình này có thể xảy ra. Một trong các loài hữu tình ấy, sau khi từ bỏ thân kia lại thác sanh đến cõi này.** Khi đến cõi này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. **Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ tới đời sống ấy.** Vị ấy nói rằng: "*Vị kia là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đáng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng Tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh. Vị ấy là thường hằng, kiên cố, thường trú, không biến chuyển, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh đến tại chỗ này. Chúng ta là vô thường, không kiên cố, yếu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này!*"

Này các Hiền giả, như vậy quý vị tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do Tự Tại thiên tạo ra, là do Phạm thiên tạo ra...?"

Các vị ấy nói như sau: "- Này Tôn giả Gotama, chúng tôi có nghe đúng như Tôn giả Gotama nói: "

Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên thế giới... mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi."

18. Này Bhaggava:

→ Một số Sa môn, Bà la môn tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi dục lạc. Ta đến những vị ấy và nói:

"- Có phải chư Tôn giả tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc vì dục lạc?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy trả lời: "- Vâng."

Ta nói với quý vị ấy: "- Sao chư Hiền giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới truyền thống, là do nhiễm hoặc bởi dục lạc?"

Được Ta hỏi như vậy, quý vị ấy không thể trả lời được. Không thể trả lời được, quý vị ấy hỏi lại Ta, và được hỏi vậy, Ta trả lời như sau:

"- Này các Hiền giả, có những hạng **chư Thiên gọi là Khiddàpadosikà (bị nhiễm hoặc bởi dục lạc)**. Những vị này sống lâu ngày, mê say trong hý tiếu

dục lạc. Vì sống lâu ngày, mê say trong hý tiểu dục lạc, nên bị thất niệm. Do thất niệm, chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân thể của họ.

Sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình kia khi thác sanh, từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến chỗ này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống quá khứ ấy chớ không nhớ xa hơn đời sống ấy. Vị ấy nói: *"Những vị Thiên không bị nhiễm hoặc vì dục lạc, họ sống lâu ngày không mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì sống lâu ngày không mê say trong hý tiểu dục lạc, nên không bị thất niệm. Nhờ không thất niệm, nên Chư thiên ấy không thác sanh, không từ bỏ thân thể của họ, sống thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta đã bị nhiễm hoặc bởi dục lạc, sống lâu ngày mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì chúng ta sống lâu ngày mê say trong hý tiểu dục lạc nên bị thất niệm. Do thất niệm, chúng ta từ bỏ thân thể này, sống vô thường, không kiên cố, yếu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến chỗ này"*. Nay các Tôn giả, như vậy quý vị tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do

nhiễm hoặc vì dục lạc có phải không?"

Các vị ấy nói như sau:

"- Nay Tôn giả Gotama, chúng tôi có nghe đúng như Tôn giả Gotama đã nói: "...

Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên thế giới,...
mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi".

19.

→ **Này Bhaggava, một số Sa môn, Bà la môn tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi tâm trí. Ta đến những vị ấy và nói:**

"- Có phải chư Tôn giả tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi tâm trí?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy trả lời: - "Vâng".

Ta nói với quý vị ấy: "- Sao chư Tôn giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi tâm trí?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy không thể trả lời được. Không thể trả lời được, quý vị ấy hỏi lại Ta, và được

hỏi vậy, Ta trả lời như sau:

"- Chư Hiền giả, có những hạng **chư Thiên** gọi là **Manopadosikà (nhiễm hoặc bởi tâm trí)**. Họ sống lâu ngày, nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau. Vì sống lâu ngày, nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của họ oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí oán ghét lẫn nhau, nên thân họ mệt mỏi, tâm họ mệt mỏi. Các hạng chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân này của họ.

Các Hiền giả, sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình kia, khi thác sanh, từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến cõi này. Khi sanh đến cõi này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống ấy. Vị ấy nói rằng: "*Chư Thiên không bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, họ sống lâu ngày không bị nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của họ không oán ghét nhau. Vì tâm trí họ không oán ghét nhau, nên thân họ không mệt mỏi, tâm họ không mệt mỏi. Hạng chư Thiên ấy không thác sanh từ bỏ thân thể của họ, sống thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, nên tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau, nên thân mệt mỏi và tâm*

một mỗi. Chúng thác sanh, từ bỏ thân này, sống vô thường không kiên cố, yếu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này". Như vậy, này các Hiền giả, quý vị tuyên bố về khởi nguyên của thế giới theo truyền thống là do bị nhiễm hoặc bởi tâm trí."

Họ trả lời như sau:

"- Này Tôn giả Gotama, chúng tôi có nghe đúng như Tôn giả Gotama đã nói: "

Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên của thế giới... mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi."

20.

→ Này Bhaggava, một số Sa môn, Bà la môn tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô nhân sanh. Ta đến những vị ấy và nói:

"- Có phải chư Tôn giả tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô nhân sanh?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy trả lời: "- Vâng".

Ta nói với quý vị ấy: "- Sao chư Tôn giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô

nhân sanh?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy không thể trả lời được. Không thể trả lời được, quý vị ấy hỏi lại Ta, và được hỏi vậy, Ta trả lời như sau:

"- Chư Hiền giả, có những **chư Thiên gọi là Vô tướng hữu tình**. Khi một tướng niệm khởi lên, thời chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân chư Thiên của mình.

Chư Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra. Một trong loài hữu tình ấy, khi thác sanh, từ bỏ thân chư Thiên ấy của mình, lại sanh đến cõi này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhiệt tâm... **nên tâm nhập định**. Vị ấy nhớ đến khi tướng niệm phát sanh, chớ không nhớ xa hơn nữa. Vị ấy nói: "**Bản ngã về thế giới do vô nhân sanh. Tại sao vậy? Vì rằng: Tôi trước kia không có, nay có. Từ nơi trạng thái không có, tôi trở thành loại hữu tình**". Như vậy, này các Tôn giả, quý vị tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô nhân sanh có phải như vậy không?"

Họ trả lời: "- Này Hiền giả Gotama, chúng tôi có nghe đúng như Tôn giả Gotama đã nói: "

Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên thế giới, Ta còn biết hơn thế nữa. Và khi Ta biết như vậy, Ta không có chấp trước. Vì không chấp trước, Ta tự thân thấu hiểu được sự an tịnh ấy. Chính nhờ chứng ngộ sự an tịnh này mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi".

21. Này Bhaggava, Ta tuyên bố như vậy, Ta quan niệm như vậy. Nhưng một số Sa-môn, Bà-la-môn lại bài xích Ta một cách không thật, trống không, hư nguy, giả dối: "Sa môn Gotama và các vị Tỷ kheo là điên đảo. Sa môn Gotama đã tuyên bố: "*Khi một ai đạt đến thanh tịnh, giải thoát, khi ấy vị ấy biết mọi vật là bất tịnh*". Nhưng này Bhaggava, Ta không có nói như vậy: "*Khi một ai đạt đến thanh tịnh, giải thoát, khi ấy vị ấy biết mọi vật là bất tịnh*."

Này Bhaggava, *Ta nói như sau: "Khi một ai đạt đến thanh tịnh, giải thoát, khi ấy vị ấy biết mọi vật là thanh tịnh"*

- Bạch Thế Tôn, chính họ là điên đảo khi họ chỉ trích Thế Tôn và các Tỷ kheo là điên đảo. Con tin tưởng hoan hỷ đối với Thế Tôn khiến con tin rằng Thế Tôn có thể dạy cho con đến thanh tịnh giải thoát.

- Này Bhaggava, thật khó cho Người khi Người theo các kiến giải sai khác, kham nhẫn các sự việc sai

khác, theo dõi những mục tiêu sai khác, đeo đuổi những mục đích sai khác, được huấn luyện theo các phương pháp sai khác để có thể đạt được **thanh tịnh, giải thoát**. Nay Bhaggava, **hãy đặt nặng lòng tin ở nơi Ta, hãy khéo gìn giữ lòng tin tưởng ấy.**

- Bạch Thế Tôn, nếu thật khó cho con, khi con theo các kiến giải sai khác, kham nhẫn các sự việc sai khác, theo dõi những mục tiêu sai khác, đeo đuổi những mục đích sai khác, được huấn luyện theo các phương pháp sai khác, để có thể đạt được thanh tịnh giải thoát, thời Bạch Thế Tôn, **ít nhất con cũng đặt nặng lòng tin vào Thế Tôn, và con sẽ khéo gìn giữ lòng tin tưởng ấy.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, du sĩ Bhaggava hoan hỷ tín thọ lời dạy Thế Tôn.

207 Khởi nguyên của thế giới - Kinh KHỞI THẾ NHÂN BỒN – 27 Trường II, 387

KINH KHỞI THẾ NHÂN BỒN – Bài kinh số 27 – Trường II, 387

Như vậy tôi nghe:

1. Một thời Thế Tôn trú tại Sàvatthi (Xá vệ), Pubbàrama (Thành Tín Viên lâm), ở lầu của Migàramātu (Lộc Mẫu Giảng đường). Lúc bảy giờ, Vāsettha và Bhàradvāja sống giữa các vị Tỷ kheo và muốn trở thành Tỷ kheo. Thế Tôn vào buổi chiều, từ thiền tịnh khởi dậy, bước xuống khỏi lầu, đi qua lại giữa trời, dưới bóng ngôi lầu.

2. Vāsettha thấy Thế Tôn vào buổi chiều, từ thiền tịnh khởi dậy, bước xuống khỏi ngôi lầu, đi qua lại giữa trời, dưới bóng ngôi lầu. Thấy vậy Vāsettha nói với Bhàradvāja:

- Này bạn Bhàradvāja, Thế Tôn vào buổi chiều, từ thiền tịnh khởi dậy, bước xuống khỏi lầu, đi qua lại giữa trời, dưới bóng ngôi lầu. Này bạn Bhàradvāja,

chúng ta hãy đến yết kiến Thế Tôn. Rất có thể chúng ta được nghe thời pháp từ Thế Tôn.

- Thưa vâng, Hiền giả!

Bhàradvāja vâng theo lời Vāsettha. Rồi cả Vāsettha và Bhàradvāja cùng đến gần Thế Tôn, khi đến xong đánh lễ Ngài và đi theo sau lưng Thế Tôn, khi Ngài đang đi qua đi lại.

3. Rồi Thế Tôn nói với Vāsettha:

- Nay Vāsettha, Ngươi sanh trưởng là Bàlamôn và thuộc gia tộc Bàlamôn, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình từ gia tộc Bàlamôn. Nay Vāsettha, người Bàlamôn có chỉ trích Ngươi, phỉ báng Ngươi chăng?

- Bạch Thế Tôn, các vị Bàlamôn thật có chỉ trích chúng con, phỉ báng chúng con, với những lời phỉ báng thật chí tình, phỉ báng thật toàn diện, chớ không phải không toàn diện.

- Nay Vāsettha, các vị Bàlamôn dùng lời lẽ như thế nào để chỉ trích các Ngươi, phỉ báng các Ngươi, với những lời phỉ báng thật chí tình, phỉ báng thật toàn diện, chớ không phải không toàn diện?

- Bạch Thế Tôn, các vị Bà la môn đã nói như sau: "Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt. Chỉ có giai cấp Bà-la-môn là da trắng, giai cấp khác là da đen. Chỉ có Bà la môn là thuần túy, các giai cấp phi Bà la môn không phải như vậy. Chỉ có Bà la môn mới là con chính tông của Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự của Phạm thiên. Các Ngươi đã từ bỏ giai cấp tối thượng, cúi mình vào giai cấp hạ tiện - giai cấp các Sa môn trọc đầu, đê tiện, đen đui, giòng giống thuộc bàn chân. Làm vậy thật là không tốt, làm vậy thật là không hợp, khi các Ngươi từ bỏ giai cấp tối thượng, cúi mình vào giai cấp hạ tiện, giai cấp Bà la môn trọc đầu, đê tiện, đen đui, giòng giống thuộc bàn chân". Bạch Thế Tôn, như vậy các vị Bà la môn chỉ trích chúng con, phỉ báng chúng con, với những lời phỉ báng thật chí tình, phỉ báng thật toàn diện, chớ không phải không toàn diện.

4. - Nay Vasettha, **các người Bàlamôn thật đã quên quá khứ khi họ nói:** "Bà la môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ tiện. Chỉ có giai cấp Bà la môn là da trắng, giai cấp khác là da đen. Chỉ có Bà la môn là thuần túy, các giai cấp phi Bà la môn không phải như vậy. Chỉ có Bà la môn mới là con chính tông của Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, do Phạm

thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự của Phạm thiên".

Này Vasettha, các nữ Bà-la-môn, vợ của các Bà-la-môn được thấy là có kinh nguyệt, có mang thai, có sanh con, có cho con bú. Và những Bà-la-môn ấy chính do thai sanh lại nói rằng: "Bà-la-môn là giai cấp tối thượng... là con cháu thừa tự của Phạm thiên".

5. Này Vasettha, có bốn giai cấp: Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá và Sudda Thủ-đà-la.

— Này Vasettha, có người Sát-đế-ly sát sanh, lấy của không cho, có tà hạnh, nói láo, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tâm tham, có tâm sân, có tà kiến. Này Vasettha, những pháp ấy là bất thiện và được gọi là bất thiện; những pháp ấy là có tội và được gọi là có tội; những pháp ấy không nên hành trì và được gọi là các pháp không nên hành trì; những pháp ấy không xứng Thánh pháp và được gọi là không xứng Thánh pháp; những pháp ấy là hắc pháp và hắc báo; những pháp ấy bị người có trí quả trách. Ở đây, những pháp ấy được tìm thấy trong một số người Sát-đế-ly.

— Này Vasettha có người Bà-la-môn...

– Nay Vasettha có người Phệ xá...

– Nay Vasettha, có người Thủ đà la sát sanh... có tà kiến. Nay Vasettha, những pháp ấy là bất thiện và được gọi là bất thiện... là hắc pháp và hắc báo; những pháp ấy bị người có trí quả trách. Ở đây, những pháp ấy được tìm thấy trong một số người Thủ đà la.

6. Nay Vasettha:

– Có người Sát đế ly không sát sanh, không lấy của không cho, không có tà hạnh, không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói ác khẩu, không nói lời phù phiếm, không có tâm tham, không có tâm sân, có chánh kiến. Nay Vasettha, những pháp ấy là thiện và được gọi là thiện; những pháp ấy không có tội và được gọi là không có tội; những pháp ấy nên hành trì và được gọi là các pháp nên hành trì; những pháp ấy xứng Thánh pháp và được gọi là xứng Thánh pháp; những pháp ấy là bạch pháp và có bạch quả; những pháp ấy được người có trí tán thán. Ở đây, những pháp ấy được tìm thấy trong một số người Sát đế ly.

– Nay Vasettha, có người Bà la môn...

– Nay Vasettha, có người Phệ xá...

– Nay Vasettha, có người Thủ đà la không sát sanh... không có tham tâm, không có sân tâm, có chánh kiến. Nay Vasettha, những pháp ấy là thiện và được gọi là thiện; những pháp ấy không có tội và được gọi là không có tội; những pháp ấy nên hành trì và được gọi là các pháp nên hành trì; những pháp ấy xứng Thánh pháp và được gọi là xứng Thánh pháp; những pháp ấy là bạch pháp và có bạch quả; những pháp được người có trí tán thán. Ở đây, **những pháp ấy được tìm thấy trong một số người Thủ đà la.**

7. Nay Vasettha, **vì rằng cả hai pháp hắc và bạch được chỉ trích và được tán thán bởi những người có trí, đều có mặt lẫn lộn trong bốn giai cấp này, nên ở đây, những Bà la môn nào nói rằng:** "*Bà la môn là giai cấp tối thượng, các giai cấp khác là hạ liệt; chỉ có giai cấp Bà la môn là da trắng, giai cấp khác là da đen; chỉ có Bà la môn là thuần túy, các giai cấp phi Bà la môn không phải như vậy; chỉ có Bà la môn là con chính tông của Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự của Phạm thiên.*" **Các vị có trí không thể chấp nhận như vậy.** Tại sao vậy? Nay Vasettha, vì rằng nếu có ai trong bốn giai cấp là một

vị Tỷ kheo, **một vị A la hán**, các lậu hoặc đã được diệt tận, phạm hạnh đã thành, đã làm những việc phải làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt mục đích tối thượng, hữu kiết sử đã diệt, nhờ chánh trí đã được giải thoát, **vì ấy sẽ được xem là tối thượng so sánh với bốn giai cấp, vì xứng với Pháp, không phải không xứng với Pháp.** Nay Vasettha, **Pháp là tối thượng giữa các loài hữu tình, trong đời này và cả đời sau.**

8. Nay Vasettha, đây là một chứng minh điển hình để biết vì sao Pháp là tối thượng giữa các loài hữu tình, trong đời này và cả đời sau.

Nay Vasettha, vua Pasenadi (Ba tư nặc) nước Kosala biết rằng: "Sa môn Gotama xuất gia từ giòng họ liên hệ Sàkyà, tôn trọng, đánh lễ, đứng dậy, chấp tay và đối xử với vua Pasenadi nước Kosala rất lễ độ phải phép. Cũng vậy vua Pasenadi nước Kosala tôn trọng, đánh lễ, đứng dậy, chấp tay và đối xử với Như Lai rất lễ độ, phải phép, vì vua nghĩ: "Có phải Sa môn Gotama là thiện sanh? Còn ta không phải thiện sanh; Sa môn Gotama có hùng lực, ta không có hùng lực; Sa môn Gotama có dáng mặt đẹp đẽ, còn ta có dáng mặt thô xấu; Sa môn Gotama là vị có nhiều thế lực, còn ta ít có thế lực?" **Vì rằng vua Pasenadi nước Kosala tôn trọng Pháp, cung kính Pháp,**

đảnh lễ Pháp, cúng dường Pháp, kính lễ Pháp nên vua tôn trọng, đảnh lễ, đứng dậy, chấp tay và đối xử với Như Lai rất lễ độ, phải phép. Này Vasettha, với chứng minh điển hình này, cần hiểu như thế nào Pháp là tối thượng giữa các loài hữu tình, trong đời này và cả đời sau.

9. Này Vasettha, các Người, sanh sai biệt, danh sai biệt, tánh sai biệt, gia hệ sai biệt, đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nếu có ai hỏi: "Các vị là ai?", các Người cần trả lời: "**Chúng tôi là Sa môn, dưới sự lãnh đạo của Thích ca tử**".

➔ Này Vasettha, **ai có lòng tin Như Lai, lòng tin ấy được an trú, có căn để an trú và chắc chắn, một lòng tin không bị lôi kéo bởi** Sa môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay một vị nào ở trên đời, **vị ấy có thể nói: "Ta là con chính tông của Thế Tôn, sanh ra từ miệng, do Pháp sanh, do Pháp tạo ra, là con cháu thừa tự của Pháp."** Vì sao vậy? Này Vasettha, **vì là những chữ đồng nghĩa với Như Lai là Pháp thân, là Phạm thân, là Pháp thể, là Phạm thể.**

10. Này Vasettha, có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, thế giới này chuyển hoại. Trong khi thế giới chuyển hoại, các loại hữu

tình phần lớn **sinh qua cõi Àbhassara** (Quang Âm thiên). Ở tại đây, những loại chúng sanh này do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy một thời gian khá dài.

Này Vasettha, **có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, thế giới này chuyển thành.**

Trong khi thế giới này chuyển thành, một số lớn chúng sanh từ Quang Âm thiên **thác sanh qua tại đây.** Những chúng sanh này do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy một thời gia khá dài.

11. Này Vasettha, lúc bấy giờ:

- Vạn vật trở thành một thế giới toàn nước đen sẫm, một màu đen khiến mắt phải mù.
- Mặt trăng, mặt trời không hiện ra;
- Sao và chòm sao không hiện ra;
- Không có ngày đêm;
- Không có tháng và nửa tháng;
- Không có năm và thời tiết;
- Không có đàn bà, đàn ông.

- Các loài hữu tình chỉ được xem là loài hữu tình mà thôi.

Này Vasettha, đối với các loài hữu tình ấy, sau một thời gian rất lâu, vị đất tan ra trong nước. Như bọt nổi lên trên mặt cháo sữa nóng đang nguội dần, cũng vậy đất hiện ra. Đất này có màu sắc, có hương và có vị. Màu sắc của đất giống như đề hồ hay thuần túy như tô, vị của đất như mật ong thuần tịnh.

12. Này Vasettha, có loài hữu tình, có tánh tham, nói: "Kìa xem, vật này là gì vậy?", lấy ngón tay nếm vị của đất. Khi lấy ngón tay nếm vị của đất, vị ấy thấm vào thân và tham ái khởi lên. Này Vasettha, các loài hữu tình khác, theo gương hữu tình kia, lấy ngón tay nếm vị của đất.

- ⇒ Khi lấy ngón tay nếm vị của đất, vị ấy thấm vào thân và tham ái khởi lên. Rồi các hữu tình kia bắt đầu thương thức vị của đất, bằng cách bẻ từng cục đất với bàn tay nhỏ của họ, thời ánh sáng của họ biến mất.
- ⇒ Khi ánh sáng của họ biến mất, mặt trăng mặt trời hiện ra.
- ⇒ Khi mặt trăng, mặt trời hiện ra, thì sao và chòm sao hiện ra.

- ⇒ Khi sao và chòm sao hiện ra, ngày và đêm hiện ra.
- ⇒ Khi ngày và đêm hiện ra, thì nửa tháng và tháng hiện ra.
- ⇒ Khi nửa tháng và tháng hiện ra, thời tiết và năm hiện ra.
- ⇒ Như vậy, này Vasettha, thế giới này bắt đầu thành trở lại.

13. Này Vasettha, những hữu tình ấy, thưởng thức vị của đất, lấy đất làm chất ăn, lấy đất làm món ăn trong một thời gian khá lâu.

- Này Vasettha, vì các hữu tình ấy thưởng thức vị của đất, lấy đất làm chất ăn, lấy đất làm món ăn trong một thời gian khá lâu, thân của họ trở thành cứng rắn, và sắc đẹp của họ trở thành sai biệt. Có hạng hữu tình có sắc đẹp, có hạng hữu tình không có sắc đẹp.
- Ở đây các hữu tình có sắc đẹp khinh các hữu tình không có sắc đẹp: "Chúng ta có sắc đẹp hơn họ, họ không có sắc đẹp bằng chúng ta."
- Do họ kiêu mạn và kiêu ngạo về sắc đẹp của họ, vị của đất biến mất.
- Khi vị của đất biến mất, họ hội họp lại và kêu

than: "Ôi vị ngon! Ôi vị ngon!", như ngày nay, khi loài Người có được vị ngon liền nói: "Ôi vị ngon! Ôi vị ngon!" Như vậy họ theo văn tự truyền thống của thời xưa mà không biết ý nghĩa của nó.

14. Nay Vasettha, khi **vị đất** đã biến mất với các hữu tình ấy, thời một loại **nấm đất** hiện ra. Như hình con rắn, chúng hiện ra như vậy. Loại nấm ấy có sắc, có hương, có vị. Màu sắc của loại nấm này giống như đề hồ hay thuần túy như tô. Vị của đất như mật ong thuần tính.

Này Vasettha, những hữu tình ấy bắt đầu ăn thứ nấm đất. Họ thường thức nấm đất, lấy nấm đất làm chất ăn, lấy nấm đất làm món ăn trong một thời gian khá lâu.

Này Vasettha, vì các chúng sanh ấy thường thức nấm đất, lấy nấm đất làm chất ăn, lấy nấm đất làm món ăn trong một thời gian khá lâu, nên thân của họ trở thành cứng rắn hơn và sắc đẹp của chúng lại càng sai biệt. Có hạng hữu tình có sắc đẹp, có hạng hữu tình không có sắc đẹp. Ở đây các hữu tình có sắc đẹp khinh các hữu tình không có sắc đẹp: "Chúng ta có sắc đẹp hơn họ, họ không có sắc đẹp bằng chúng ta". Do họ kiêu mạn và kiêu ngạo về sắc đẹp của họ, nấm

đất biến mất.

Khi **nắm đất biến mất, cỏ và cây leo hiện ra**. Như loại cây tre, chúng hiện ra như vậy. Loại cây leo này có sắc, có hương, có vị. Màu sắc của loại cây này giống như đề hồ hay thuần túy như tô. Vị của loại cây leo này như mật ong thuần tịnh.

15. Nay Vasettha, các hữu tình này bắt đầu thưởng thức loại cây leo này. Chúng bắt đầu thưởng thức loại cây leo, lấy cây leo làm chất ăn, lấy cây leo làm món ăn trong một thời gian khá lâu.

Nay Vasettha, vì những hữu tình này bắt đầu thưởng thức loại cây leo, lấy cây leo làm chất ăn, lấy cây leo làm món ăn trong một thời gian khá lâu nên thân của họ trở thành cứng rắn hơn và sắp đẹp của họ lại càng sai biệt. Có hạng hữu tình có sắc đẹp, có hạng hữu tình không có sắc đẹp. Ở đây các hữu tình có sắc đẹp khinh các hữu tình không có sắc đẹp: "Chúng ta có sắc đẹp hơn họ, họ không có sắc đẹp bằng chúng ta."

Do họ kiêu mạn và kiêu ngạo về sắc đẹp của họ, cỏ và cây leo biến mất. Khi cỏ và cây leo biến mất, họ hội họp lại và kêu than: "Ôi, cái này thuộc của chúng ta! Ôi hại thay cho chúng ta, nay cỏ và cây leo đã biến đi!"; như ngày nay khi loài Người được hỏi cái gì làm cho đau khổ, bèn trả lời: "Ôi, cái này thuộc

của chúng ta! Ôi hại thay cho chúng ta!" Như vậy, họ theo văn tự truyền thống của thời xưa mà không biết ý nghĩa của nó.

16. Nay Vasettha, khi các loại cỏ, cây leo biến mất, thời **lúa xuất hiện** tại các khoảng trống, không có cám, không có vỏ, có mùi thơm và bột trơn nhẵn. Chỗ nào vào buổi chiều họ mang đi để ăn chiều, thời tại chỗ ấy, vào buổi sáng, lúa lại mọc lớn và chín. Chỗ nào vào buổi sáng, họ mang đi để ăn sáng, thời tại chỗ ấy, vào buổi chiều lúa lại mọc lớn và chín, không có gián đoạn. Nay Vasettha, những hữu tình ấy thường thức lúa mọc tại các khoảng trống, lấy lúa làm chất ăn, lấy lúa làm món ăn trong một thời gian khá lâu.

Nay Vasettha, vì các chúng sanh ấy thường thức lúa mọc tại khoảng trống, lấy lúa làm chất ăn, lấy lúa làm món ăn trong một thời gian khá lâu, thân hình của họ trở thành cứng rắn hơn và sắp đẹp của họ lại càng sai biệt. **Về phái nữ, nữ tánh xuất hiện; về phái nam, nam tánh xuất hiện.** Phái nữ nhìn phái nam hết sức kỹ lưỡng, phái nam nhìn phái nữ hết sức kỹ lưỡng. Vì họ nhìn nhau kỹ lưỡng như vậy nên tình dục khởi lên, ái luyện đối với thân thể bắt đầu. **Do sự ái luyện, họ làm các hạnh dâm.**

Này Vasettha, lúc bấy giờ những chúng sanh ấy thấy làm các hạnh dâm như vậy, người thì quăng bùn, người thì quăng tro, người thì quăng phân bò và nói: "Hãy chết đi, đồ ô uế! Hãy chết đi, đồ ô uế! Sao một loài hữu tình lại đối xử với một loài hữu tình khác như vậy?"; như ngày nay, tại một số quốc độ, khi một cô dâu được rước đi, có người quăng bùn, có người quăng tro, có người quăng phân bò. Như vậy, chúng theo văn tự truyền thống xưa mà không biết ý nghĩa của nó.

17. Này Vasettha, lúc bấy giờ việc làm được xem là phi pháp này được xem là đúng pháp. Này Vasettha, lúc bấy giờ các loài hữu tình ấy hành dâm không được phép vào làng hay xã ấp một tháng hay cả hai tháng. Vì những hữu tình ấy lúc bấy giờ chỉ trích mau chóng, vì hành động phi pháp, họ bắt đầu làm lâu, làm nhà để che dấu những hành động phi pháp của họ.

Này Vasettha, có loài hữu tình bản tánh biếng nhác tự nghĩ: "Sao ta lại tự làm ta mỗi một bằng cách đi tìm lúa buổi chiều cho buổi ăn chiều, buổi sáng cho buổi ăn sáng? Sao ta lại không tìm lúa một lần cho cả buổi ăn chiều và buổi ăn sáng?" Này Vasettha, loài hữu tình ấy tìm lúa một lần cho cả buổi ăn chiều, cả buổi ăn sáng. Một hữu tình khác đến vị hữu tình

này và nói:

- Nay Bạn, chúng ta hãy đi tìm lúa!

- Nay Bạn, tôi đã tìm lúa một lần, cả cho buổi chiều và buổi sáng.

Này Vasettha, vị này noi theo vị hữu tình kia, đi tìm lúa một lần đủ cho cả hai ngày.

- Nay Bạn, như vậy là tốt.

Này Vasettha, rồi một hữu tình khác đến vị hữu tình ấy và nói:

- Nay Bạn chúng ta hãy đi tìm lúa.

- Nay Bạn, tôi đã tìm lúa một lần đủ cho cả hai ngày rồi.

Này Vasettha, vị hữu tình này noi theo gương vị hữu tình kia, liền đi tìm lúa một lần đủ cho bốn ngày.

- Nay Bạn, như vậy là tốt.

Này Vasettha, một vị hữu tình khác lại đến vị hữu tình này và nói:

- Nay Bạn, chúng ta hữu đi tìm lúa!

- Nay Bạn, tôi đã tìm lúa một lần đủ cho cả bốn ngày!

Này Vasettha, vị hữu tình này noi theo gương vị hữu tình kia, liền đi tìm lúa một lần đủ cho tám ngày.

- Nay Bạn, như vậy là tốt.

Này Vasettha, những vị hữu tình kia, bắt đầu tích trữ lúa để ăn, và cầm bắt đầu bao bọc hạt gạo trơn nhẵn và vỏ lúa bao bọc hạt lúa; và các cây lúa bị cắt không lớn lên được; và như vậy có sự gián đoạn; và cây lúa mọc lên từng cụm, từng chùm.

18. Nay Vasettha, các loài hữu tình ấy hội họp lại và than phiền:

- Nay các Bạn, các ác pháp đã hiện ra giữa các loài hữu tình. Chúng ta trước kia do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy trong một thời gian khá dài. Đối với chúng ta, sau một thời gian khá dài, vị của đất hiện ra. Vị đất này có sắc, có hương và có vị. Chúng ta bắt đầu bẻ đất từng cục bằng tay để ăn vị đất. Vì bắt đầu bẻ đất bằng tay từng cục để ăn, nên hào quang biến mất. Vì hào quang biến mất nên mặt trời, mặt trăng hiện ra. Vì mặt

trăng, mặt trời hiện ra nên các sao và chòm sao hiện ra. Vì các sao và chòm sao hiện ra, nên đêm, ngày hiện ra. Vì đêm, ngày hiện ra, nên nửa tháng và tháng hiện ra. Vì nửa tháng và tháng hiện ra, nên thời tiết và năm hiện ra. Chúng ta thường thức vị đất, lấy vị đất làm chất ăn, lấy vị đất làm món ăn trong một thời gian khá dài. Khi ác bất thiện pháp khởi lên giữa chúng ta, vị đất biến mất. Vì vị đất biến mất, nên nắm đất hiện ra. Nắm đất này có sắc, có hương và có vị. Chúng ta bắt đầu thường thức nắm đất ấy, lấy nắm đất làm chất ăn, lấy nắm đất làm món ăn trong một thời gian khá dài. Vì các ác, bất thiện pháp này khởi lên giữa chúng ta nên nắm đất biến mất. Vì nắm đất biến mất, nên cỏ và cây leo hiện ra. Cỏ và cây leo này có sắc, có hương và có vị. Chúng ta bắt đầu thường thức cỏ và cây leo ấy, lấy cỏ và cây leo làm chất ăn, lấy cỏ và cây leo làm món ăn trong một thời gian khá dài. Vì các ác, bất thiện pháp này xảy ra giữa chúng ta nên cỏ và cây leo biến mất. Vì cỏ và cây leo biến mất, nên lúa mọc tại khoảng trống hiện ra, không có cám, không có vỏ, thuần tịnh, có mùi thơm và hột trơn nhẵn. Chỗ nào vào buổi chiều, chúng ta mang đi để ăn chiều, thời tại chỗ ấy vào buổi sáng lúa lại mọc lớn và chín. Chỗ nào vào buổi sáng, chúng ta mang đi để ăn sáng, thời tại chỗ ấy vào buổi chiều, lúa lại mọc lớn và chín, không có gián đoạn. Chúng ta thường thức lúa mọc tại khoảng

trồng, lấy lúa làm chất ăn, lấy lúa làm món ăn trong một thời gian khá dài. Vì các ác, bất thiện pháp ấy khởi lên giữa chúng ta, càm bắt đầu bọc hạt lúa trơn nhẵn và vỏ lúa bao bọc hạt lúa trơn nhẵn; và các cây lúa bị cắt không lớn lên được; và như vậy có sự gián đoạn. Và các cây lúa mọc lên từng cụm, từng chùm. Vậy nay, chúng ta hãy chia lúa và đắp đê làm bờ ruộng.

Này Vasettha, các loại hữu tình ấy phân chia lúa và đắp đê làm bờ ruộng.

19. Này Vasettha, có vị hữu tình, bản tánh biếng nhác, gìn giữ phần của mình, đánh cắp phần của người khác và thưởng thức phần ấy. Người ta bắt người ấy và nói:

- Này Ngươi, Ngươi đã làm ác pháp, gìn giữ phần của mình, đánh cắp phần không cho của người khác và thưởng thức phần ấy. Nhà Ngươi chó có làm như vậy nữa.

- Thưa Bạn, vâng!

Này Vasettha, người này vâng theo lời nói của những người ấy. Này Vasettha, một lần thứ hai... Này Vasettha một lần thứ ba, người này gìn giữ phần của mình, đánh cắp phần không cho của người khác và

thường thức phần ấy. Người ta bắt người này và nói:

- Nay Ngươi, Ngươi đã làm điều ác, vì Ngươi gìn giữ phần của mình, đánh cắp phần không cho của người khác và thường thức phần ấy... Ngươi chớ có làm như vậy nữa.

→ Có người đập anh ta bằng tay, có người đập anh ta bằng đá, có người đập anh ta bằng gậy. Nay Vasettha, bắt đầu như vậy, lấy của không cho xuất hiện, quở trách xuất hiện, nói láo xuất hiện, hình phạt đánh đập xuất hiện.

20. Nay Vasettha, những loài hữu tình ấy hội họp lại và than khóc:

- Nay Tôn giả, ác pháp đã khởi lên giữa các loài hữu tình, trong hình thức lấy của không cho xuất hiện, quở trách xuất hiện, nói láo xuất hiện, hình phạt xuất hiện. Chúng ta hãy đề cử một người. Người ấy sẽ tức giận khi đáng phải tức giận, khiển trách khi đáng phải khiển trách, hãy tàn xuất khi đáng phải tàn xuất. Chúng tôi sẽ dành cho Ngươi một phần lúa của chúng tôi.

- Xin vâng, các Tôn giả!

Nay Vasettha, vị hữu tình này vâng theo các vị hữu

tình kia, tức giận khi đáng tức giận, khiển trách khi đáng khiển trách, tấn xuất khi đáng tấn xuất. Và các vị hữu tình kia chia cho vị này một phần lúa.

21.

→ Đây Vasettha, *được lựa chọn bởi đại chúng*, tức là **Mahà-sammato**. Danh từ Mahà-sammato là danh từ đầu tiên được khởi lên.

→ Đây Vasettha, *"Vị chủ của ruộng vườn"* tức là **Khattiya**, là danh từ thứ hai được khởi lên".

→ *"Làm cho các người khác hoan hỷ bởi Pháp"*, tức là **Ràja** (vị vua). Ràja là danh từ thứ ba được khởi lên.

► Đây Vasettha, như vậy là sự khởi lên nguồn gốc giới vực xã hội của Khattiya theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguồn gốc của chúng ta ở giữa những loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác, **một cách đúng pháp tắc (dhamma)**, không phải phi pháp. Đây Vasettha, như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

22. Đây Vasettha, một số các vị hữu tình suy nghĩ:

- Nay các Tôn giả, các ác, bất thiện pháp đã hiện ra giữa các loại hữu tình, như lấy của không cho, khiếm trách, nói láo, hình phạt, tấn xuất. Chúng ta hãy loại bỏ các ác, bất thiện pháp.

Vác vị ấy **loại bỏ các ác, bất thiện pháp, tức là Bràhmanà (Bà-la-môn), và chữ Bràhmanà là danh từ đầu tiên được khởi lên.** Những vị này lập lên những chòi bằng lá tại các khu rừng và tu thiền trong những nhà chòi bằng lá ấy. Đối với họ, than đở được dập tắt, khói được tiêu tan, cối và chày rơi ngã nghiêng, buổi chiều lo buổi ăn chiều, buổi sáng lo buổi ăn sáng; họ đi vào làng, vào thị xã, vào kinh đô để khát thực. Khi họ xin được đồ ăn rồi, họ lại vào các chòi lá trong các khu rừng để tu thiền. Các người khác thấy vậy, nói như sau:

- Nay các Tôn giả, những loài hữu tình này lập lên những chòi bằng lá tại các khu rừng và tu thiền trong những chòi bằng lá ấy. Đối với họ, than đở được dập tắt, khói được tiêu tan, cối và chày rơi ngã nghiêng, buổi chiều lo ăn buổi ăn chiều, buổi sáng lo buổi ăn sáng; họ đi vào làng, vào thị xã, vào kinh đô để khát thực. Khi xin được đồ ăn rồi, họ lại vào các chòi lá trong khu rừng để tu thiền. Nay Vasettha, họ **"Jhàyanti", tu thiền, tức là họ suy tư Jhàyakà. Jahàyakà là danh từ thứ hai được khởi lên.**

23. Nay Vasettha, một số loài hữu tình này, không thể tu thiền trong các chòi bằng lá tại khu rừng, liền đi xuống xung quanh làng, xuống xung quanh thị xã để làm sách. Các người khác thấy vậy bèn nói:

"Này các Tôn giả, những loài hữu tình này, không thể tu thiền trong các chòi bằng lá tại khu rừng, đã đi xuống xung quanh làng, xuống xung quanh thị xã để làm sách. Nay những vị này không tu thiền.

Này Vasettha, "Nadānima Jhāyanti" tức là ajjhāyaka, và ajjāyakā là chữ thứ ba được khởi lên (Các vị lập lại các tập Vedā). Nay Vasettha, thời ấy họ thuộc hạ cấp. Nay họ xem là cao thượng nhất.

Như vậy, nay Vasettha là sự khởi lên nguồn gốc giới vực xã hội của các Bà-la-môn, theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguồn gốc của họ là ở giữa những loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác một cách đúng pháp tắc, không phải phi pháp. Nay Vasettha, như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

24. Nay Vasettha, một số loài hữu tình này, theo pháp dâm dục, thiết lập các nghề nghiệp sai khác (Vissuta). Nay Vasettha, những ai theo pháp dâm dục, thiết lập ra các nghề nghiệp sai khác, như vậy gọi là Vessā. Danh từ Vessā được khởi lên.

Như vậy, này Vàsettha là sự khởi lên nguồn gốc giới vực xã hội của các Vessà, theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguồn gốc của họ là ở giữa các loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác, một cách đúng pháp tắc, không phải phi pháp. Này Vàsettha, như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

25. Này Vàsettha, một số loài hữu tình còn lại lựa chọn săn bắn. Những ai sống săn bắn và theo các nghề hèn nhỏ, này Vàsettha, được gọi là Suddà. Và danh từ Suddsà được khởi lên.

Như vậy, này Vàsettha, là sự khởi lên nguồn gốc giới vực xã hội của các Suddà, theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguồn gốc của chúng là ở giữa các loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác, một cách đúng pháp tắc, không phải phi pháp. Này Vàsettha như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

26.

→ Này Vàsettha, một thời có vị Khattiya (Sát đế ly) tự trách pháp của mình, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Tôi sẽ sống làm người Sa môn".

- Vị Bà la môn, tự trách pháp của mình, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Tôi sẽ sống làm người Sa-môn".
- Vị Vessà, tự trách pháp của mình, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Tôi sẽ sống làm người Sa môn".
- Vị Suddà, tự trách pháp của mình, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Tôi sẽ sống làm người Sa môn".
- Nay Vàsettha, giai cấp Samana (Sa-môn) được khởi lên từ bốn giai cấp ấy. Nguồn gốc của Sa-môn là ở giữa các loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác, một cách đúng pháp tắc, không phải phi pháp. Nay Vàsettha, như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

27. Nay Vàsettha, vị Khattiya, làm tà hạnh về thân, làm tà hạnh về miệng, làm tà hạnh về ý, có tà kiến. Do tà kiến, tà nghiệp làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nay Vàsettha, vị Bà la môn... Nay Vàsettha, vị Vessà... Nay Vàsettha, vị Suddà làm tà hạnh về thân, làm tà hạnh về miệng, làm tà hạnh về ý, có tà kiến. Do tà kiến, tà nghiệp làm nhơn duyên,

sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

28. Nay Vàsettha, vị Khattiya làm chánh hạnh về thân, chánh hạnh về miệng, chánh hạnh về ý, có chánh kiến. Do chánh kiến, chánh nghiệp làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện thú, Thiên giới. Nay Vàsettha, vị Bà la môn... Nay Vàsettha, vị Vessà... Nay Vàsettha, vị Suddà làm chánh hạnh về thân, chánh hạnh về miệng, chánh hạnh về ý, có chánh kiến. Do chánh kiến, chánh nghiệp làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện thú, Thiên giới.

29. Nay Vàsettha, vị Khattiya, làm hai hạnh về thân, hai hạnh về miệng, hai hạnh về ý, có chánh kiến tà kiến lẫn lộn. Do chánh kiến tà kiến, chánh hạnh tà hạnh lẫn lộn làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, tho lãnh lạc và khổ thọ. Nay Vàsettha, vị Bà la môn... Nay Vàsettha, vị Vessà... Nay Vàsettha, vị Suddà, làm hai hạnh về thân, hai hạnh về miệng, hai hạnh về ý, có chánh kiến, có tà kiến lẫn lộn. Do chánh kiến tà kiến, chánh hạnh tà hạnh lẫn lộn làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, thọ lãnh lạc và khổ thọ.

30. Nay Vàsettha, vị Khattiya, chế ngự về thân, chế

ngự về miệng, chế ngự về ý, sau khi tu tập Bảy pháp Giác chi đã diệt trừ hoàn toàn (các ác pháp) ngay trong đời hiện tại. Nay Vasettha, vị Bà la môn... vị Vessà... Nay Vasettha vị Suddà, chế ngự về thân, chế ngự về miệng, chế ngự về ý, sau khi tu tập Bảy pháp Giác chi đã diệt trừ hoàn toàn (các ác pháp) ngay trong đời hiện tại.

31. Nay Vasettha, trong bốn giai cấp này, vị Tỷ kheo, là bậc A la hán, lậu hoặc đã diệt tận, việc phải làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, mục tiêu đã đạt tới, hữu kiết sử đã trừ diệt, chánh trí giải thoát. Vị ấy được gọi là tối thượng trong tất cả giai cấp, đúng với Chánh pháp, không phải phi pháp. Nay Vasettha, như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cho cả đời sau.

32. Nay Vasettha, bài kệ sau đây được Phạm thiên Sanamkumàra (Thường Đồng hình Phạm thiên) tuyên thuyết:

*Chúng sanh tin giai cấp,
Sát để ly tối thắng.
Ai đủ cả trí, đức,
Tối thắng giữa Nhân, Thiên.*

Nay Vasettha, bài kệ này được Phạm thiên

Sanamkumàra, khéo hát chớ không phải vụng hát, khéo nói chớ không phải vụng nói, đầy đủ ý nghĩa chớ không phải không đầy đủ, được Ta chấp nhận.

Này Vàsettha, Ta cũng nói như sau:

*Chúng sanh tin giai cấp,
Sát để ly tối thắng.
Ai đủ cả trí, đức,
Tối thắng giữa Nhân, Thiên.*

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Vàsettha và Bhàradvāja hoan hỷ tín thọ lời giảng Thế Tôn.

208 Khởi nguyên của thế giới - Kinh PHẠM VÕNG – 1 Trường I, 11

KINH PHẠM VÕNG – Bài kinh số 1 – Trường I, 11

1. Như vậy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn đang đi trên con đường giữa Ràjagaha (Vương Xá) và Nalandà cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Lúc bấy giờ có Suppiya du sĩ ngoại đạo cũng đi trên con đường giữa Ràjagaha và Nalandà cùng với đệ tử, thanh niên Brahmadata. Suppiya, du sĩ ngoại đạo dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng, còn đệ tử của du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadata, lại dùng vô số phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy cả hai thầy trò nói những lời hoàn toàn tương phản nhau trong khi đi sau lưng đức Phật và chúng Tỷ-kheo.

2. Rồi Thế Tôn đến nghỉ một đêm tại Ambalatthikà, nhà nghỉ mát của vua, cùng với chúng Tỷ-kheo. Suppiya, du sĩ ngoại đạo cũng đến nghỉ một đêm tại Ambalatthikà, nhà nghỉ mát của vua, cùng với đệ tử, thanh niên Brahmadata. Tại đây, du sĩ ngoại đạo

Suppiya cũng dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng, còn người đệ tử của du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadata, lại dùng vô số phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy cả hai thầy trò nói những lời tương phản nhau trong khi đi sau lưng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo.

3. Và khi đêm vừa mới tàn, một số lớn chư Tăng, sau khi thức dậy, đã ngồi họp tại một gian nhà hình tròn và câu chuyện sau đây được bàn đến giữa chư Tăng:

- Này các Hiền giả, thật kỳ diệu thay! Này các Hiền giả, thật hy hữu thay! Thế Tôn, đáng Toàn Tri, Toàn Kiến, đáng A-la-hán, bậc Chánh Đẳng Giác, đã thấu hiểu sự xu hướng sai khác của chúng sanh. Suppiya, kẻ du sĩ ngoại đạo này dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng. Còn đệ tử du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadata lại dùng vô số phương tiện, tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy cả hai thầy trò đã nói những lời hoàn toàn tương phản trong khi đi sau lưng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo.

4. Lúc bảy giờ Thế Tôn được biết câu chuyện đang bàn giữa chư Tăng, liền đến tại gian nhà hình tròn và ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi xuống,

Thế Tôn nói với các vị Tỷ-Kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, câu chuyện gì được bàn đến trong khi các người ngồi họp tại chỗ này? Vấn đề gì đã được bỏ dở chưa nói xong?

Nghe nói như vậy, các Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn! Tại đây, khi đêm vừa mới tàn, chúng con sau khi dậy, ngồi họp tại nơi gian nhà hình tròn và giữa chúng con, câu chuyện sau đây được bàn đến: "Này các Hiền giả, thật kỳ diệu thay! ... (xem số 3). . Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo". Bạch Thế Tôn, đó là câu chuyện đang bàn đến nửa chừng của chúng con khi Thế Tôn đến!

5. - Nay các Tỷ-kheo, nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, các người chớ có vì vậy sanh lòng công phần, tức tối, tâm sanh phiền muộn. Nay các Tỷ-kheo, nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, và nếu các người sanh lòng công phần, tức tối, tâm sanh phiền muộn, thời như vậy sẽ có hại cho các người. Nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, và nếu các người công phần và phiền muộn, thời các người có thể biết được lời nói của những kẻ ấy là đúng hay sai lạc chăng?

- Bạch Thế Tôn, không thể được!

- Nay các Tỷ-kheo, khi có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, các người phải nói rõ những điểm không đúng sự thật là không đúng sự thật: - "Nhu thế này, điểm này không đúng sự thật; như thế này, điểm này không chính xác; việc này không có giữa chúng tôi; việc này không xảy ra giữa chúng tôi".

6. Nay các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán Ta, tán thán Pháp, hay tán thán Tăng, thời các người không nên hoan hỷ, vui mừng, tâm không nên thích thú. Nay các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán ta, tán thán Pháp hay tán thán Tăng, mà nếu các người hoan hỷ, vui mừng và thích thú thời sẽ có hại cho các người. Nay các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán Ta, tán thán Pháp hay tán thán Tăng, thời các người hãy công nhận những gì đúng sự thật là đúng sự thật: "Nhu thế này, điểm này đúng sự thật, như thế này, điểm này chính xác, việc này có giữa chúng tôi, việc này đã xảy ra giữa chúng tôi".

7. Nay các Tỷ-kheo, thật chỉ thuộc các vấn đề không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phạm phụ tán thán Như Lai.

❖ *Nay các Tỷ-kheo, thế nào là những vấn đề*

không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phạm phư tán thán Như Lai?

8. Sa-môn Gotama từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. - Này các Tỷ-kheo, **đó là lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.**

- Sa-môn Gotama từ bỏ lấy của không cho, tránh xa sự lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, sự sống thanh tịnh không có trộm cướp. - Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.
- Sa-môn Gotama từ bỏ tà hạnh, tịnh tu phạm hạnh, sống giải thoát, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.

9. Sa-môn Gotama từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ nơi sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lừa gạt, không phản lại lời hứa đối với đời. Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.

- Sa-môn Gotama từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói

hai lưỡi; nghe điều gì ở chỗ này, không đi nói đến chỗ kia để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy Sa-môn Gotama sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ đã hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

- Nay các Tỷ-kheo, Sa-môn Gotama từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác, những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người, Sa-môn Gotama nói những lời như vậy. Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.
- Nay các Tỷ-kheo, Sa-môn Gotama từ bỏ lời nói ỷ ngữ, tránh xa lời nói ỷ ngữ, nói đúng thời, nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. - Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

10. Sa-môn Gotama không làm hại đến các hạt giống và các loại cây cỏ;

- Sa-môn Gotama dùng mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ không ăn ban đêm, từ bỏ không ăn phi thời.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không dùng giường cao và giường lớn.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận vàng và bạc.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận các hạt giống.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận thịt sống.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận đàn bà, con gái.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận nô tỳ gái và trai.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận cừu và dê.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận gia cầm và heo.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái.

- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận ruộng nương đất đai.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không phái người môi giới hoặc tự mình làm môi giới.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không buôn bán.
- Sa-môn Gotama từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường.
- Sa-môn Gotama từ bỏ các tà hạnh, như hối lộ, gian trá, lừa đảo.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá.
- - Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

Xong Tiêu giới.

11. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống làm hại các hạt giống và cây cối. Như các hạt giống từ rễ sanh, hạt giống từ ngành cây sanh, hạt giống từ đất sanh, hạt giống từ chiết cây sanh và thứ năm là hạt giống từ hạt giống sanh. Còn Sa-môn Gotama thì không làm hại hột giống hay cây cối nào. - Nay các

Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

12. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cất chứa và thọ hưởng các đồ vật. Như cất chứa các món ăn, cất chứa các đồ uống, cất chứa vải, cất chứa xe cộ, cất chứa các đồ nằm, cất chứa các hương liệu, cất chứa các mỹ vị. **Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không cất chứa các vật trên.** - Này các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

13. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống theo các du hí không chân chánh như múa, hát, nhạc, kịch, ngâm vịnh, nhịp tay, tung chú, đánh trống, diễn các tuồng thần tiên, mĩ võ, đấu voi, đấu ngựa, đấu trâu, đấu bò đực, đấu dê, đấu cừu, đấu gà, đấu chim cun cút, đấu gậy, đấu quyền, đấu vật, đánh giặc giả, dàn trận, thao dượt, diễn binh. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ các loại du hí không chân chánh như trên. - Này các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

14. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống đánh bài và theo các trò giải trí như cờ tám hình vuông, cờ mười hình vuông, cờ trên không, trò chơi

trên đất, chỉ bước vào những ô có quyền bước, trò chơi quăng thẻ rồi chụp nhưng không cho sụp đồng thẻ, chơi súc sắc, chơi khăng, lấy tay làm viết, chơi banh, chơi thổi kèn bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ, chơi đoán chữ viết thiếu trên không hay trên lưng, chơi đoán tư tưởng, chơi bắt chước bộ điệu. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ đánh bài và các loại giải trí như trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

15. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn sống dùng các giường cao và giường lớn như ghế bành, ghế dài, nệm trải giường bằng len, vải trải giường nhiều tấm nhiều màu, chăn len trắng, chăn len thêu bông, nệm bông, nệm thêu hình các con thú, mền bằng lông thú cả hai phía, mền bằng lông thú một phía, mền có đính ngọc, mền bằng lụa, tấm thảm lớn có thể chứa mười sáu người múa, nệm voi, nệm ngựa, nệm xe, nệm bằng da sơn dương khâu lại với nhau, nệm bằng da con sơn dương gọi là kadali, tấm khảm với lều che phía trên, ghế dài có đầu gối chân màu đỏ. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không dùng các giường cao và giường lớn như trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

16. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã

dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn sống dùng các đồ trang sức và mỹ phẩm. Như thoa dầu, đấm bóp, tắm, đập tay chân cho mềm dẻo, gương, kem đánh mặt, vòng hoa và phấn son, phấn mặt, sáp mặt, vòng tay, tóc giả trên đầu, gậy cầm tay, ống thuốc, guơm, **lọng**, dép thêu, khăn đầu, ngọc, **phát trần**, vải trắng có viền tua dài. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không dùng các loại trang sức và mỹ phẩm như trên. Nay các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

17. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống nói những câu chuyện vô ích, tầm thường như câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, các câu chuyện hời hợt, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về vải mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị tứ, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về đàn ông, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, câu chuyện về hiện trạng của thế giới, hiện

trạng của đại dương, câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu. Còn Sa-môn Gotama từ bỏ không nói những câu chuyện vô ích, tâm thường kể trên. -
Này các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

18. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống bàn luận tranh chấp, như nói: "Người không biết pháp và luật này, tôi biết pháp và luật này. Sao người có thể biết pháp và luật này? Người đã phạm vào tà kiến, tôi mới thật đúng chánh kiến; lời nói của tôi mới tương ưng, lời nói của người không tương ưng; lời nói của người không tương ưng, những điều đáng nói trước người lại nói sau, những điều đáng nói sau người lại nói trước, chủ kiến của người đã bị bài bác; câu nói của người đã bị thách đấu; người đã bị thuyết bại. Hãy đến mà giải vây lời nói ấy; nếu có thể được, gắng thoát ra khỏi lời bí". Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những cuộc biện luận tranh chấp đã kể trên. -
Này các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

19. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dẫu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cho đưa các tin tức, hoặc tự đứng làm môi giới, như cho các vua, cho các đại thần của vua, cho các vị Sát-

đề-ly, cho các vị Bà-la-môn, cho các gia chủ, cho các thanh niên và nói rằng: "Hãy đi đến chỗ ấy, hãy đi lại chỗ kia; mang cái này lại, đem cái này đến chỗ kia". Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không cho đưa các tin tức và tự đứng làm môi giới. Như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

20. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống lừa đảo, nói lời siểm nịnh, gợi ý, dèm pha, lấy lợi cầu lợi. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không lừa đảo và siểm nịnh như trên. Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

Xong Trung giới.

21. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà hạnh như xem tướng tay chân, chiêm tướng, triêu tướng, mộng tướng, thân tướng, dấu chuột cắn, té lửa, té muỗi, dùng miệng phun hột cải v. v... vào lửa, té vỏ lúa, té tấm, té gạo, té thực tô, té dầu, té máu, khoa xem chi tiết, khoa xem địa lý, khoa xem mộng, khoa cầu thần ban phước, khoa cầu ma quỷ, khoa dùng bùa chú khi ở trong nhà bằng đất, khoa rắn, khoa thuốc độc, khoa

bồ cạp, khoa chim, khoa chim quạ, khoa đoán số mạng, khoa ngựa tên bắn, khoa biết tiếng nói của chim. Còn Sa-môn Gotama thì tránh xa những tà hạnh kể trên. - Này các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

22. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn nuôi sống mình bằng những tà mạng như xem tướng các hòn ngọc, tướng que gậy, tướng áo quần, tướng gươm kiếm, tướng mũi tên, tướng cây cung, tướng vũ khí, tướng đàn bà, tướng đàn ông, tướng thiếu niên, tướng thiếu nữ, tướng đầy tớ nam, tướng đầy tớ nữ, tướng voi, tướng ngựa, tướng trâu, tướng bò đực, tướng bò cái, tướng dê, tướng cừu, tướng gia cầm, tướng chim cun cút, tướng con các kè, tướng vật tai dài, tướng ma, tướng thú vật. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những tà mạng kể trên. - Này các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

23. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước: Vua sẽ tiến quân, vua sẽ lui quân; vua bản xứ sẽ tấn công, vua ngoại bang sẽ triệt thoái; vua ngoại bang sẽ tấn công, vua bản xứ sẽ triệt thoái; vua bản xứ sẽ thắng trận, vua ngoại bang sẽ bại trận; vua ngoại bang sẽ

thắng trận, vua bản xứ sẽ bại trận. Như vậy sẽ có sự thắng trận cho phe bên này, sẽ có sự thất bại cho phe bên kia. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những tà mạng kể trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

24. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước sẽ có nguyệt thực, sẽ có nhật thực, sẽ có tinh thực; mặt trăng, mặt trời sẽ đi đúng chánh đạo, mặt trăng, mặt trời sẽ đi ngoài chánh đạo, các tinh tú sẽ đi đúng chánh đạo, các tinh tú sẽ đi ngoài chánh đạo, sẽ có sao băng, sẽ có lửa cháy các phương hướng, sẽ có động đất, sẽ có sấm trời, mặt trăng, mặt trời, các sao sẽ mọc, sẽ lặn, sẽ mờ, sẽ sáng, nguyệt thực sẽ có kết quả như thế này, nhật thực sẽ có kết quả như thế này, tinh thực sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, các tinh tú đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, sao băng sẽ có kết quả như thế này, lửa cháy các phương hướng sẽ có kết quả như thế này, động đất sẽ có những kết quả như thế này, sấm trời sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng, mặt trời, các sao mọc, lặn, mờ, sáng, sẽ có kết quả như thế này. Còn Sa-môn Gotama thì tránh xa, không tự nuôi

sống bằng những tà mạng kể trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

25. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước sẽ có nhiều mưa, sẽ có đại hạn, sẽ được mùa, sẽ mất mùa, sẽ được an ổn, sẽ có hiểm họa, sẽ có bệnh, sẽ không có bệnh, hay làm các nghề như đếm trên ngón tay, kế toán, cộng số lớn, làm thư, làm theo thế tình. Còn Sa-môn Gotama tránh xa các tà hạnh kể trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

26. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng. Như sắp đặt ngày lành để rước dâu hay rể, lựa ngày giờ tốt để hòa giải, lựa ngày giờ tốt để chia rẽ, lựa ngày giờ tốt để đòi nợ, lựa ngày giờ tốt để mượn hay tiêu tiền, dùng bùa chú để giúp người được may mắn, dùng bùa chú để khiến người bị rủi ro, dùng bùa chú để phá thai, dùng bùa chú làm cồng lười, dùng bùa chú khiến quai hàm không cử động, dùng bùa chú khiến cho người phải bỏ tay xuống, dùng bùa chú khiến cho tai bị điếc, hỏi gương soi, hỏi phù đồng, thiếu nữ, hỏi thiên thần để biết họa phước, thờ mặt trời, thờ đại địa, phun ra lửa, cầu Siri thần tài. Còn Sa-môn Gotama tránh xa các

tà mạng kể trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

27. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như dùng các ảo thuật để được yên ổn, để khỏi làm các điều đã hứa, để được che chở khi ở trong nhà đất, để dương được thịnh, để làm người liệt dương, để tìm đất tốt làm nhà, để cầu phúc cho nhà mới, lễ rửa miệng, lễ hy sinh, làm cho mưa, làm cho xỏ, bài tiết các nhơ bẩn về phía trên, bài tiết các nhơ bẩn về phía dưới, tẩy tịnh trong đầu, thoa dầu trong tai, nhỏ thuốc mắt, cho thuốc qua lỗ mũi, xúc thuốc mắt, thoa dầu cho mắt, chữa bệnh đau mắt, làm thầy thuốc mổ xẻ, chữa bệnh cho con nít, cho uống thuốc làm bằng các loại rễ cây, ngăn ngừa công hiệu của thuốc. Còn Sa-môn Gotama tránh xa các tà mạng kể trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

Nay các Tỷ-kheo, đây là những vấn đề không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phạm phu dùng để tán thán Như Lai.

Xong Đại giới.

28. Nay các Tỷ-kheo, lại có những pháp khác, sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị chỉ những người trí mới nhận hiểu. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

☐ Nay các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, không thể nhận hiểu bởi luận lý suông, tế nhị, chỉ những người trí mới có thể nhận hiểu. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết, và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến?

29. Nay các Tỷ-kheo có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, **chấp kiến về QUÁ KHỨ TỐI SƠ**, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều sở kiến sai khác, với mười tám luận chấp. Và y chỉ theo gì, căn cứ theo gì, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy luận bàn về phía quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng ra nhiều sở kiến sai khác với mười tám luận chấp?

30. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn,

chủ trương Thường trú luận, chấp rằng: "Bản ngã về thế giới là thường còn" với **bốn luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường trú luận, và chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp?

31. Nay các Tỷ-kheo, ở đời này có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định; khi tâm nhập định, vì ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, trăm đời, ngàn đời, trăm ngàn đời, vô số trăm đời, vô số ngàn đời, vô số trăm ngàn đời, nhớ rằng: "*Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ, khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ kia chết đi tôi được sanh tại chỗ này*". Như vậy người ấy nhớ nhiều đời quá khứ, với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói rằng: "Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá; còn những loại hữu tình kia thời lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường

trú. Tại sao vậy? Vì rằng tôi do nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm... còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú".

Này các Tỷ-kheo đó là lập trường thứ nhất, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số những vị Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, và chấp rằng bản ngã và thế giới là thường còn.

32. Trường hợp thứ hai, có những Sa-môn, Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường trú luận, và chấp rằng bản ngã và thế giới là thường còn?

Này các Tỷ-kheo, ở đời này có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định, khi tâm nhập định, vì ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như một thành kiếp hoại kiếp, hai thành kiếp hoại kiếp, ba thành kiếp hoại kiếp, mười thành kiếp hoại kiếp nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này... còn những loại hữu tình kia lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy

chúng vẫn thường trú".

Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ hai, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận và chấp rằng, bản ngã và thế giới thường còn.

33. Trường hợp thứ ba, những Sa-môn hay Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường trú luận, và cho rằng bản ngã và thế giới là thường còn?

Này các Tỷ-kheo, ở đời này có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như mười thành kiếp hoại kiếp, hai mươi thành kiếp hoại kiếp, ba mươi thành kiếp hoại kiếp, bốn mươi thành kiếp hoại kiếp, năm mươi thành kiếp hoại kiếp; nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy, chết đi, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Từ chỗ ấy, chết đi, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế

này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ kia chết đi, tôi được sanh tại chỗ này". Như vậy người ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói: "Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá; còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy, chúng vẫn thường trú. Tại sao vậy? Vì rằng tôi nhờ nhiệt tâm... nên tâm nhập định như vậy. Khi tâm nhập định như vậy, tôi nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như mười thành kiếp, hoại kiếp... bốn mươi thành kiếp hoại kiếp". Nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi sống với tên như thế này... tôi được sanh tại chỗ này". Như vậy người ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói: "Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, trụ đá... còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển, luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú".

Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ ba, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới thường còn.

34. Trường hợp thứ tư, những Sa-môn, Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường trú luận, và chấp bản ngã và thế giới thường còn?

Này các Tỷ-kheo, ở đời có Sa-môn hay Bà-la-môn, là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ của suy luận, và sự tùy thuận theo thẩm sát, vị này tuyên bố như thế này: "Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá, còn những loại hữu tình kia thời lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường còn".

Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ tư, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn.

35. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn, với bốn luận chấp. Nếu có những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương Thường trú luận, chấp rằng: "Bản ngã và thế giới là thường còn", chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

36. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai biết như vậy, Ngài lại biết hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri

ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm chứng được tịch tịnh. Ngài như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ biết vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

37. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy, Như Lai đã thắng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

TỤNG PHẨM THỨ NHẤT

1. Này các Tỷ-kheo, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương **một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác**, với **bốn luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô

thường đối với một hạng hữu tình khác, với bốn luận chấp?

2. Nay các Tỷ-kheo, có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, thế giới này chuyển hoại. Trong khi thế giới chuyển hoại, các loại hữu tình phần lớn sanh qua cõi Àbhassara (Quang Âm thiên). Ở tại đây, những loại chúng sanh này do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy một thời gian khá dài.

3. Nay các Tỷ-kheo, có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, thế giới này chuyển thành. Trong khi thế giới này chuyển thành, Phạm cung được hiện ra, nhưng trống không. Lúc bấy giờ, một hữu tình, hoặc thọ mạng đã tận, hay phước báo đã tận, mạng chung từ Quang Âm thiên, sanh qua Phạm cung trống rỗng ấy. Vị ấy ở tại đây, do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy trong một thời gian khá dài.

4. Vị này, tại chỗ ấy, sau khi sống lâu một mình như vậy, khởi ý chán nản, không hoan hỷ và có kỳ vọng: "Mong sao có các loài hữu tình khác, cũng đến tại chỗ này!" Lúc bấy giờ, các loài hữu tình khác, hoặc

thọ mạng đã tận, hay phước báo đã tận, bị mệnh chung và từ thân Quang Âm thiên, sanh qua Phạm cung để làm bạn với vị hữu tình kia. Những loại hữu tình ở đây cũng do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy, trong một thời gian khá dài.

5. Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, vị hữu tình đầu tiên sanh qua nghĩ rằng: "Ta là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Những loài hữu tình ấy do chính ta sanh ra. Tại sao vậy? **Vì chính do ta khởi niệm:** Mong sao các loài hữu tình khác cũng đến tại chỗ này - Chính do sở nguyện của ta mà những loài hữu tình ấy đến tại chỗ này". Các loài hữu tình đến sau cũng nghĩ như thế này: "Vị ấy là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đáng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên này hóa sanh. Vì sao vậy? **Vì ta đã thấy vị này sanh trước ở đây rồi. Còn chúng ta thì sanh sau**".

6. Này các Tỷ-kheo, vị hữu tình sanh ra đầu tiên ấy

sống được lâu hơn, sắc tướng tốt đẹp hơn và được nhiều uy quyền hơn. Còn các loài hữu tình sanh sau thì sống ngắn hơn, sắc tướng ít tốt đẹp hơn và được ít quyền hơn. **Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình ấy, sau khi từ bỏ thân kia lại thác sanh đến cõi này. Khi đến cõi này, vị ấy xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.** Sau khi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ tới đời sống quá khứ ấy, chớ không nhớ xa hơn đời sống ấy. Vị ấy nói rằng: "Vị kia là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đáng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự Tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh. Vị ấy là thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh đến tại chỗ này. Chúng ta là vô thường, không kiên cố, yếu thọ và chịu sự biến dịch".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn

đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

7. Trường hợp thứ hai, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác?

Này các Tỷ-kheo, có những hạng chư Thiên gọi là Khiddāpadosikā (bị nhiễm hoặc bởi dục lạc). Những vị này sống lâu ngày, mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì sống lâu ngày, mê say trong hý tiểu dục lạc, nên bị thất niệm. Do thất niệm, các chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân thể của chúng.

8. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình kia khi thác sanh từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến chỗ này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống quá khứ ấy, chớ không nhớ xa hơn đời sống ấy.

9. Vị ấy nói rằng: "Những chư Thiên không bị nhiễm

hoặc bởi dục lạc, chúng sống lâu ngày không mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì sống lâu ngày không mê say trong hý tiểu dục lạc, nên không bị thất niệm. Nhờ không thất niệm, nên những chư Thiên ấy không thác sanh từ bỏ thân thể của chúng, sống thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta đã bị nhiễm hoặc bởi dục lạc, sống lâu ngày mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì chúng ta sống lâu ngày mê say trong hý tiểu dục lạc, nên bị thất niệm. Do thất niệm, chúng ta từ bỏ thân thể này, sống vô thường, không kiên cố, yếu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình, và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

10. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với một hạng hữu tình, và vô thường đối với một hạng hữu tình khác?

Này các Tỷ-kheo, có những hạng chư Thiên gọi là Manopadosikà (bị nhiễm hoặc bởi tâm trí). Chúng sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau. Vì sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của chúng oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí oán ghét lẫn nhau, nên thân chúng mệt mỏi, tâm chúng mệt mỏi. Các hạng chư Thiên ấy thác sanh từ bỏ thân thể này của chúng.

11. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong các vị hữu tình kia, khi thác sanh từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến cõi này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống quá khứ ấy, nhưng không nhớ xa hơn đời sống ấy.

12. Vị ấy nói rằng: "Những vị chư Thiên không bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, chúng sống lâu ngày không nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau. Vì sống lâu ngày không nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của chúng không oán ghét nhau. Vì tâm trí chúng không oán ghét nhau, nên thân chúng không mệt mỏi, tâm chúng không mệt mỏi. Những hàng chư Thiên ấy không thác sanh từ bỏ thân thể của chúng, sống

thường hằng kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi". Còn chúng ta bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, nên tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau, nên thân mệt mỏi và tâm mệt mỏi. Chúng ta thác sanh, từ bỏ thân này, sống vô thường không kiên cố, yếu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ ba, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

13. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

Này các Tỷ-kheo, có Sa-môn, hay Bà-la-môn là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ biện bác của suy luận và sự tùy thuộc theo thẩm sát, vị này tuyên bố như thế này: "Cái gọi là mắt, là tai, là mũi,

là lõi, là thân, cái bản ngã ấy vô thường, không kiên cố, không thường trú, bị chuyển biến. Cái gọi là tâm, là ý, là thức, cái bản ngã ấy là thường còn, bất biến, thường trú, không bị chuyển biến, thường hằng như vậy mãi mãi".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ tư, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình, và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

14. Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn, Bà-la-môn này chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn, chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

15. Này các Tỷ-kheo, Như Lai biết rằng: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy, Ngài

lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ biết vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

16. Này các Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên, **chấp thế giới là Hữu biên Vô biên** với **bốn luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp?

17. Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, **vị ấy sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là hữu biên**. Vị ấy nói rằng: "Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng chung

quanh. Vì sao vậy? Vì tôi, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi sống với tư tưởng thế giới là hữu biên. Do đó tôi biết rằng thế giới này là hữu biên, có một đường vòng chung quanh".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên và vô biên.

18. Trường hợp thứ hai, có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên và vô biên?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn, Bà-la-môn, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là vô biên. Vị ấy nói: "Thế giới này là vô biên, không có giới hạn". Những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng xung quanh", những vị ấy nói không đúng sự thật. Thế giới này là vô biên, không có giới hạn. Tại sao vậy? Vì tôi nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức

niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi sống với tư tưởng thế giới là vô biên. Do đó tôi biết: "Thế giới này là vô biên, không có giới hạn".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên.

19. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là hữu biên về phía trên, phía dưới và thế giới là Vô biên về phía bề ngang. Vị ấy nói: "Thế giới này là hữu biên và vô biên". Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng xung quanh, thì những vị ấy nói không đúng sự thật". Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này là vô biên không có giới hạn thì những vị ấy nói không đúng sự thật. Thế giới này vừa là hữu biên, vừa là vô biên. Tại sao vậy? Vì rằng, tôi nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ

không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi sống ở trong đời với tư tưởng, thế giới là hữu biên về phía trên, phía dưới, và thế giới là vô biên về phía bề ngang. Do vậy tôi biết: "Thế giới này vừa là hữu biên vừa là vô biên".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ ba, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên.

20. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ biện bác của suy luận và sự tùy thuận theo thẩm sát, vị này tuyên bố như sau: "Thế giới này không phải là hữu biên, cũng không phải là vô biên. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này là hữu biên có giới hạn xung quanh", những vị ấy nói không đúng sự thật. Lại những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này là vô biên không có giới hạn" những vị ấy cũng nói không đúng sự thật. Lại những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này vừa là hữu biên vừa là vô biên", những vị ấy cũng nói

không đúng sự thật. Thế giới này cũng không phải là hữu biên, cũng không phải là vô biên.

21. Đây các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này **chủ trương Hữu biên Vô biên luận với bốn luận chấp**. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên, chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

22. Đây các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những

pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

23. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn **chủ trương Ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uồn như con lươn với bốn luận chấp.** Và những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uồn như con lươn với bốn luận chấp?

24. Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn không như thật biết "Đây là thiện" không như thật biết "Đây là bất thiện". Vị ấy nghĩ: Tôi không như thật biết: "Đây là thiện", không như thật biết: "Đây là bất thiện" và nếu tôi trả lời: "Đây là thiện" hoặc tôi trả lời: "Đây là bất thiện", thời dục, tham, sân hoặc hận, khởi lên nơi tôi. Nếu dục, tham, sân hoặc hận, khởi lên nơi tôi, như vậy tôi có thể bị sai lầm. Nếu tôi sai lầm thì tôi bị phiền muộn. Nếu tôi bị phiền muộn sẽ thành một chướng ngại cho tôi - Như vậy, vì sợ sai lầm, vì chán ghét sai lầm, nên vị ấy không trả lời: "Đây là thiện", cũng không trả lời: "Đây là bất thiện". Khi hỏi đến vấn đề này hay vấn

đề khác, vị ấy dùng lời ngụy biện trườn uốn như con lươn: "Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn.

25. Trường hợp thứ hai, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương Ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn? (1)

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn, không như thật biết "Đây là thiện", không như thật biết "Đây là bất thiện". Vị ấy nghĩ: Tôi không như thật biết: "Đây là thiện", không như thật biết: "Đây là bất thiện". Vì tôi không như thật biết: "Đây là thiện", không như thật biết "Đây là bất thiện". Và nếu tôi trả lời: "Đây là thiện" hoặc tôi trả lời: "Đây là bất thiện", thời dục, tham, sân hoặc hận, khởi lên nơi tôi. Nếu dục, tham, sân hoặc hận khởi lên nơi tôi, như vậy tôi có thể chấp thủ. Nếu tôi chấp thủ, thì tôi bị

phiền muộn. Nếu tôi bị phiền muộn, thời thành một chướng ngại cho tôi.

- Như vậy, vì sợ chấp thủ, vì chán ghét chấp thủ, nên vị ấy không trả lời: "Đây là thiện", cũng không trả lời: "Đây là bất thiện". Khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, vị ấy dùng lời ngụy biện trườn uốn như con lươn: "Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế". Nay các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận, khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn.

(1) Hỏi một đường đáp một ngã (trườn uốn như con lươn).

26. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn?

- Nay các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn không như thật biết "Đây là thiện", không như thật biết "Đây là bất thiện". Vị ấy nghĩ: Tôi không như

thật biết: "Đây là thiện", không như thật biết: "Đây là bất thiện". Vì tôi không như thật biết "Đây là thiện", không như thật biết "Đây là bất thiện" và nếu tôi trả lời: "Đây là thiện" hoặc trả lời: "Đây là bất thiện", có những Sa-môn, Bà-la-môn, bác học, tế nhị, nghị luận biện tài, biện bác như chia rẽ sợi tóc, những vị này đi chỗ này chỗ kia, như muốn đả phá các tà kiến với trí tuệ của chúng, chúng có thể đo tài, chất vấn và cật nạn tôi. **Nếu chúng đo tài, chất vấn, cật nạn tôi, tôi có thể không giải đáp được cho chúng.** Nếu tôi không giải đáp được cho chúng, thì tôi bị phiền muộn. Nếu tôi bị phiền muộn thì thành một chướng ngại cho tôi - Như vậy, vì sợ bị thử thách, vì chán ghét thử thách, nên vị ấy không trả lời: "Đây là thiện", cũng không trả lời: "Đây là bất thiện". Khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, vị ấy dùng lời nguy biện trườn uốn như con lươn: "Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế". - Đây các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ ba, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, chủ trương nguy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn.

27. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương nguy biện

luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn?

- Nay các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn, Bà-la-môn **đần độn ngu si**. Vị này, vì đần độn ngu si, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, liền dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn: "Anh hỏi tôi có một thế giới khác hay không?" Nếu tôi nghĩ "Có một thế giới khác", tôi có thể trả lời với anh: "Có một thế giới khác". Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế. Nếu anh hỏi tôi: "Không có một thế giới khác phải không?" Nếu tôi nghĩ: "Không có một thế giới khác", tôi có thể trả lời với anh: "Không có một thế giới khác". Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế. Nếu anh hỏi tôi "Không có một thế giới khác phải không?" (... như trên...) "Cũng có và cũng không có một thế giới khác?", "Cũng không có và cũng không không có một thế giới khác?", "Có loại hữu tình hóa sanh?", "Không có loại hữu tình hóa sanh?" , "Cũng có và cũng không có loại hữu tình hóa sanh?", "Cũng không có và cũng không không có loại hữu tình hóa sanh?", "Có kết quả dị thực của các nghiệp thiện và

ác?", "Không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện và ác?", "Cũng có và cũng không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện và ác?", "Cũng không có và cũng không không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện và ác?", "Như Lai có tồn tại sau khi chết?", "Như Lai không có tồn tại sau khi chết?", "Như Lai có và không có tồn tại sau khi chết?", "Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết?". Anh hỏi tôi như vậy. Nếu tôi nghĩ: "Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết". Tôi có thể trả lời: "Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết". Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế.

-Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ tư, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương nguy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn.

28. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương nguy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Nếu có những Sa-môn

hay Bà-la-môn nào chủ trương nguy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời nguy biện tròn uốn như con lươn, chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

29. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa. Và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, nay các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, nay các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

30. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn

chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với **hai luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh?

31. Nay các Tỷ-kheo, có những chư Thiên gọi là Vô tướng hữu tình. Khi một tướng niệm khởi lên, thời chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân chư Thiên của mình. Nay các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong loài hữu tình ấy, khi thác sanh từ bỏ thân chư Thiên ấy của mình, lại sanh đến cõi này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Vị ấy nhớ đến khi tướng niệm phát sanh, chớ không nhớ xa hơn nữa. Vị ấy nói: "Bản ngã và thế giới do vô nhân sanh. Tại sao vậy? Vì rằng tôi trước kia không có, nay tôi có. Từ nơi trạng thái không có, tôi trở thành loài hữu tình".

Nay các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh.

32. Trường hợp thứ hai, những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn là nhà biện luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ biện bác của suy luận và sự tùy thuận theo thẩm sát, vị ấy tuyên bố: "Bản ngã và thế giới vô nhân sanh".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh.

33. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh, chúng sẽ chấp cả hai luận chấp trên hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

34. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy, Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy.

Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

35. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn **luận bàn về quá khứ tối sơ**, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp trên. Này các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn hoặc Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác, chúng sẽ chấp cả **mười tám luận chấp** trên hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

36. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến cõi thú như vậy, sẽ tác thành những

định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa. Và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. **Và chính những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.**

37. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn **LUẬN BÀN VỀ TƯƠNG LAI**, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với **bốn mươi bốn luận chấp**. *Và những vị Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai đề xướng nhiều ý kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp?*

38. Nay các Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn **chủ trương hữu tướng sau khi chết, chấp bản ngã có tướng sau khi chết** với **mười sáu luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết, với mười sáu luận chấp?

- Những vị này chủ trương: "Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết có tướng".
- Chúng chủ trương: "Bản ngã có sắc và cũng không có sắc ...",
- "Bản ngã cũng không có sắc và cũng không không có sắc ...",
- "Bản ngã là hữu biên...",
- "Bản ngã là vô biên ...",
- "Bản ngã là hữu biên và vô biên",
- "Bản ngã cũng không hữu biên và cũng không vô biên ...",
- "Bản ngã là nhất tướng ...",
- "Bản ngã là dị tướng ...".
- "Bản ngã là thiếu tướng ...",
- "Bản ngã là vô lượng tướng ...",
- "Bản ngã là thuần lạc ...",

- "Bản ngã là thuần khổ ...",
- "Bản ngã là khổ lạc".
- Chúng chủ trương: "Bản ngã là không khổ không lạc, không có bệnh, sau khi chết có tướng".

39. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này chủ trương hữu tướng sau khi chết, chấp bản ngã có tướng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn này chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết, chúng sẽ chấp cả mười sáu luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

40. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy, Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, nay các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

→ Những pháp ấy, nay các Tỷ-kheo, là những pháp

sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý sông, té nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

TỤNG PHẨM THỨ HAI

1. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, **chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết** với tám luận chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận chấp?

2. Những vị này chủ trương:

- "Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết không có tướng",
- "Bản ngã không có sắc ...",
- "Bản ngã có sắc và cũng không có sắc ...",

- "Bản ngã không có sắc và cũng không không có sắc ...",
- "Là hữu biên ...", "Là vô biên ...",
- "Là hữu biên và vô biên ...".
- Các vị này chấp bản ngã là phi hữu biên và phi vô biên, không có bệnh, sau khi chết không có tướng.

3. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này **chủ trương Vô tướng luận sau khi chết**, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với **tám luận chấp**.
 - Nay các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết, chúng sẽ chấp cả tám luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, **ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.**

4. Nay các Tỷ-kheo. Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly

của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

→ Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý sông, té nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy nhưng ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

5. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn **chủ trương Phi Hữu tướng Phi Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng** với **tám luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Phi Hữu tướng Phi Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng với tám luận chấp?

6. Những vị này chấp:

- "Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết phi hữu tướng phi vô tướng... ",
- "Bản ngã là vô sắc... ",
- "Bản ngã có sắc và cũng không có sắc... ",

- "Bản ngã là phi hữu sắc và cũng phi vô sắc... ",
- "Bản ngã là hữu biên... ",
- "Bản ngã là vô biên... ",
- "Bản ngã là hữu biên và vô biên... ".

7. Những vị này chấp rằng: **Bản ngã là phi hữu biên và cũng phi vô biên, không có bệnh**, sau khi chết phi hữu tướng phi vô tướng, với **tám luận chấp**. Nay các Tỷ-kheo, nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào, chủ trương phi hữu tướng phi vô tướng, chúng sẽ chấp cả tám luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

8. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. **Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh.** Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vi ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, nay các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

→ Những pháp ấy, nay các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu,

vượt ngoài tầm của luận lý sông, té nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

9. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, **chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, sự tiêu thất, sự hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp.** Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chấp trước sự đoạn diệt, sự tiêu thất, sự hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp?

10. Này các Tỷ-kheo, có Sa-môn hoặc Bà-la-môn chủ trương lý thuyết và ý kiến: "Vì bản ngã này có sắc, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh ra, khi thân hoại bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã này như thế hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy một số người chủ trương sự đoạn diệt, sự tiêu thất và sự hủy hoại của loài hữu tình.

11. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn

diệt. Lại còn một bản ngã khác có thiên tánh, có sắc, thuộc dục giới, ăn các đồ ăn đoàn thực. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thể hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

12. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác có thiên tánh, có sắc, do ý tạo thành, mọi chi tiết tay chân lớn nhỏ đều đầy đủ, không khuyết một căn nào. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thể hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

13. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả sắc tướng, diệt trừ các tướng chống đối, không ức niệm

các dị tướng, nhận hiểu hư không là vô biên. - Đạt đến không vô biên xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thể hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

14. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả không vô biên xứ, nhận hiểu: Thức là vô biên. - Đạt đến Thức vô biên xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thể hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

15. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả Thức vô biên xứ, nhận hiểu: không có sở hữu. - Đạt đến Vô sở hữu xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy

khi thân hoại bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thể hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

16. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thể không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả Vô sở hữu xứ, nhận hiệu: Đây là tịch tịnh, đây là mỹ diệu. - Đạt đến Phi tướng Phi phi tướng xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thể hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

17. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, **chủ trương Đoạn diệt luận**, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu thất, hủy hoại của loài hữu tình với **bảy luận chấp**. Này các Tỷ-kheo, nếu có những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu thất, hủy hoại của loài hữu tình, chúng chấp cả bảy luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

18. Này các Tỷ-kheo. Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến những cỗi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy, Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

→ Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết: và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

19. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn **chủ trương HIỆN TẠI NIẾT BÀN LUẬN**, chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với **năm luân chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-

môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hiện tại Niết bàn luận, chấp sự tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp?

20. Nay các Tỷ-kheo, có Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương và quan niệm: "Khi nào bản ngã này tận hưởng, **sung mãn năm món dục lạc**, như thế bản ngã ấy đạt đến tối thượng Niết Bàn của loài hữu tình".

21. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng Niết Bàn. Vì có sao? Vì rằng tính của dục lạc và vô thường, khổ, biến dịch. Vì tánh của chúng là biến dịch, chuyển hóa, nên ưu, bi, khổ, muộn, não phát sanh. Khi nào bản ngã ấy ly các dục lạc, ly các ác pháp, đạt đến và an trú vào **đê nhất thiên**; thiên định này có tầm, có tứ, có hỷ và có lạc, do ly dục sanh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn". Như vậy có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình.

22. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn. Vì có sao? Vì ở đây thiên định ấy có tầm, có tứ nên gọi là thô tháo. Khi

nào bản ngã ấy có tầm và tứ, đạt đến và an trú **đệ nhị thiên**. Thiên định này nội tâm yên tĩnh, trí chuyên nhất cảnh, không tầm, không tứ, hỷ lạc do định sanh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn". Như vậy có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình.

23. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn. Vì có sao? Vì ở đây tâm trí có hỷ và bị kích động nên gọi là thô tháo. Khi nào bản ngã ấy không tham hỷ, trú xả, chánh niệm, chánh trí, thân hưởng lạc mà các bậc thánh gọi là Hỷ niệm lạc trú - đạt đến và an trú **đệ tam thiên**". Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn. Như vậy, có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết Bàn. Như vậy, có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình.

24. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết bàn. Vì có sao? Vì ở đây tâm thọ lạc nên gọi là thô tháo. Khi nào bản ngã ấy xả lạc và xả khổ, diệt trừ hỷ và ưu về trước, đạt đến và an trú vào **đệ tứ thiên**. Thiên này không khổ,

không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn". Như vậy có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình.

25. **Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương Hiện tại Niết-bàn luận, chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp.** Này các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương Hiện tại Niết-bàn luận, chấp sự tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình, những vị này sẽ chấp cả năm luận chấp trên, hay một trong năm luận chấp trên, ngoài ra không còn một luận chấp nào khác nữa.

26. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn không có chấp thủ.

→ Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp

sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý sông, té nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

27. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, sẽ đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác. Chúng sẽ chấp bốn mươi bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

28. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến những cỗi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của

chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

29. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy luận bàn về quá khứ tối sơ và luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với **sáu mươi hai luận chấp**. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác. Những vị ấy sẽ chấp sáu mươi hai luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

30. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến những cỗi thú như vậy, sẽ tác thành những định mệnh như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

31. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết, và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

32. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường trú với bốn luận chấp. **Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.**

33. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. **Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.**

34. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

35. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện truôn uôn như con lươn với bốn luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

36. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

37. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá

khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

38. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã có tướng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

39. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

40. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tướng Phi Vô tướng sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng sau khi chết với tám luận chấp. *Chủ trương ấy là kinh*

nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

41. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. *Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.*

42. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hiện tại Niết Bàn luận, chấp trước sự hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. *Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.*

43. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. *Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích*

thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

44. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. *Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.*

45. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường trú với bốn luận chấp. **Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).**

46. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. **Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).**

47. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

48. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uồn như con lươn với bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi là do sự xúc chạm (của các căn).

49. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

50. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y chỉ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

51. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã có tướng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

52. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

53. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tướng Phi Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

54. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Đoạn biệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

55. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hiện tại Niết bàn luận, chấp trước sự hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

56. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát

khởi do sự xúc chạm (của các căn).

57. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

58. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp. **Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.**

59. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới, là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

60. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế

giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

61. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uồn như con lươn với bốn luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

62. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

63. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y chỉ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

64. Đây các Tỷ-kheo , ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã có tướng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ

trương trên, nếu không có cảm xúc.

65. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

66. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tướng Phi Vô tướng sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng sau khi chết với tám luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

67. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương, trên, nếu không có cảm xúc.

68. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hiện tại Niết Bàn luận, chấp trước sự hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

69. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-

la-môn, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

70. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

71. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận; những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Ngụy biện luận; những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Vô nhân luận; những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu tưởng luận sau khi chết, những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô

tưởng luận sau khi chết; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tưởng Phi Vô tưởng sau khi chết; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Đoạn diệt luận; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương hiện tại Niết Bàn luận; những Sa-môn, Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ; những Sa-môn, Bà-la-môn luận bàn về tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ vào quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. **Tất cả những vị này có những cảm thọ (những chủ trương trên) do sự xúc chạm qua sáu xúc xứ.**

Do duyên với những cảm thọ mà tham ái phát khởi; do duyên tham ái, thủ phát khởi; do duyên thủ, hữu phát khởi; do duyên hữu, sanh phát khởi, do duyên sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não phát khởi. Nay các Tỷ-kheo, khi Tỷ-kheo như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu chỗ xuất xứ, vị ấy sẽ có một sự hiểu biết vượt ra ngoài những điều trên.

72. Nay các Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn nào luận bàn về quá khứ tối sơ, hay luận bàn về tương lai, hay luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ vào quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến

sai khác tất cả **những vị này đều bị bao trùm bởi lưới của sáu mươi hai luận chấp này, dầu chúng nhảy vọt lên, chúng vẫn bị hạn cuộc bao phủ ở nơi đây.**

Này các Tỷ-kheo, cũng ví như người đánh cá lành nghề hay người học đánh cá vung lưới trên mặt hồ nước nhỏ có mắt sít sao. Người ấy nghĩ: "Những con cá lớn ở trong hồ nước nhỏ này, tất cả chúng đều bị bao phủ trong tấm lưới này, dầu chúng có nhảy vọt lên, chúng vẫn bị hạn cuộc bao phủ ở nơi đây". Cũng như vậy này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào, luận bàn về quá khứ tối sơ, hay luận bàn về tương lai, hay luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác, tất cả những vị này đều bị bao phủ trong lưới của sáu mươi hai luận chấp này; dầu có nhảy vọt lên, những vị này vẫn bị hạn cuộc bao phủ ở nơi đây.

73. **Này các Tỷ-kheo, thân của Như Lai còn tồn tại, những cái khiến đưa đến đời sống khác đã bị chấm dứt. Khi thân của vị này còn tồn tại thời chư Thiên và loài Người còn có thể thấy thân ấy. Khi thân hoại mạng chung, thời chư Thiên và loài Người không thể thấy được.**

Này các Tỷ-kheo, như nhánh có một chùm xoài bị chặt đứt, tất cả trái xoài dính với nhánh ấy đều bị chung một số phận với nhánh kia. Cũng như vậy này các Tỷ-kheo, thân của Như Lai còn tồn tại, nhưng cái khiến đưa đến một đời sống khác đã bị chặt đứt. Khi thân của vị này còn tồn tại thời chư Thiên và loài Người có thể thấy thân ấy. Khi thân hoại mạng chung thời chư Thiên và loài Người không thể thấy được.

74. Khi nghe nói vậy, đại đức Ananda bạch đức Thế Tôn:

- Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn! Hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Pháp môn này gọi là gì, bạch Thế Tôn?

- Này Ananda, pháp môn này gọi là "Lợi Vông", hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "Pháp Vông", hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "Phạm Vông", hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "Kiếm Vông", hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "Vô thượng Chiến thắng", hãy như vậy mà phụng trì.

Thế Tôn thuyết như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi kinh này được truyền thuyết, một ngàn thế giới đều rung động.

209 Khởi tâm - Kinh SỰ THÙ DIỆU – Tăng III, 295

SỰ THÙ DIỆU – *Tăng III, 295*

1. - Nay các Tỷ-kheo, có bảy sự thù diệu này.
2. Thế nào là bảy?

Ở đây, nay các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo:

- Tha thiết **hành trì học pháp** và khát vọng hành trì học pháp trong tương lai.
- Tha thiết **quán Pháp** và khát vọng quán Pháp trong tương lai.
- Tha thiết **niếp phục lòng dục** và khát vọng nhiếp phục lòng dục trong tương lai.
- Tha thiết **Thiền tịnh** và khát vọng Thiền tịnh trong tương lai.
- Tha thiết **tinh cần** tinh tấn và khát vọng tinh cần tinh tấn trong tương lai.
- Tha thiết **niệm tuệ** và khát vọng niệm tuệ trong tương lai.
- Tha thiết **thể nhập tri kiến** và khát vọng thể nhập tri kiến trong tương lai.

Này các Tỷ-kheo, đây là bảy căn bản để được tán thán.

210 Khởi tâm tu như thế nào - Kinh ĐOẠN GIẢM – 8 Trung I, 97

KINH ĐOẠN GIẢM

(Sallekha sutta)

– Bài kinh số 8 – Trung I, 97

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bảy giờ, Tôn giả Mahacunda, vào buổi chiều từ chỗ độc cư Thiền tịnh đứng dậy, đến tại chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahacunda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có những loại sở kiến này khởi lên trên đời, hoặc liên hệ đến ngã luận, hoặc liên hệ đến thế giới luận. Bạch Thế Tôn, đối với một Tỷ-kheo, có tác ý ngay từ ban đầu, thời có thể đoạn trừ những sở kiến ấy hay không, có thể xả ly những sở kiến ấy hay không?

– Nay Cunda, những loại sở kiến này khởi lên

trên đời, hoặc liên hệ đến **ngã luận**, hoặc liên hệ đến **thế giới luận**, chỗ nào những **sở kiến** này tiềm ẩn, và chỗ nào những **sở kiến** này hiện hành, **chỉ có cách** như thật quán sát chúng với trí tuệ rằng: "**Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi**", có vậy thời có sự đoạn trừ những **sở kiến** ấy, có sự xả ly những **sở kiến** ấy.

- Đây Cunda, sự kiện này xảy ra khi ở đây một Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú **Thiền thứ nhất**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Vị ấy có thể nghĩ: "Ta sống với hạnh đoạn giảm". **Này Cunda, các (quả chứng) ấy không gọi là đoạn giảm trong giới luật của bậc Thánh. Chúng được gọi là hiện tại lạc trú trong giới luật của bậc Thánh.**
- Đây Cunda, sự kiện này xảy ra khi ở đây, một Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú **Thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Vị ấy có thể nghĩ: "Ta sống với hạnh đoạn giảm". Đây Cunda, các (quả chứng) ấy không gọi là đoạn giảm trong giới luật của bậc Thánh. Chúng được gọi là **hiện tại lạc trú** trong giới luật của bậc Thánh.
- Đây Cunda, sự kiện này xảy ra khi ở đây, một

Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú **Thiền thứ ba**. Vị ấy có thể nghĩ... (như trên)... *hiện tại lạc trú* trong giới của bậc Thánh.

- Nay Cunda, sự kiện này xảy ra, khi một Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú **Thiền thứ tư**, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Vị ấy có thể nghĩ: "Ta sống với hạnh đoạn giảm". Nay Cunda, các (quả chứng) ấy không gọi là đoạn giảm trong giới luật của bậc Thánh. Chúng được gọi là *hiện tại lạc trú* trong giới luật của bậc Thánh.

- ➔ Nay Cunda, sự kiện này xảy ra, khi một Tỷ-kheo vượt lên mọi sắc tướng, diệt trừ mọi chướng ngại tướng, không tác ý đối với dục tướng. Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú **Không vô biên xứ**. Vị ấy có thể tự nghĩ: "Ta sống với hạnh đoạn giảm". *Nay Cunda, các (quả chứng) ấy không gọi là đoạn giảm trong giới luật của bậc Thánh. Chúng được gọi là tịch tịnh trú trong giới luật của bậc Thánh.*

- ➔ Nay Cunda, sự kiện này xảy ra, khi một Tỷ-kheo vượt lên mọi Không vô biên xứ, nghĩ

rằng: "Thức là vô biên", chúng và trú **Thức vô biên xứ**. Vị ấy có thể nghĩ: "Ta sống với hạnh đoạn giảm". Nay Cunda... (như trên)... chúng được gọi là *tịch tịnh trú* trong giới luật của bậc Thánh.

- ➔ Nay Cunda, sự kiện này xảy ra, khi một Tỷ-kheo vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chúng và trú **Vô sở hữu xứ**. Vị ấy có thể nghĩ: "Ta sống với hạnh đoạn giảm". Nay Cunda... (như trên)... chúng được gọi là *tịch tịnh trú* trong giới luật của bậc Thánh.
- ➔ Nay Cunda, sự kiện này xảy ra, khi một Tỷ-kheo vượt lên mọi Vô sở hữu xứ, chúng và trú **Phi tướng phi phi tướng xứ**. Vị ấy có thể nghĩ: "Ta sống với hạnh đoạn giảm". Nay Cunda... (như trên)... chúng được gọi là *tịch tịnh trú* trong giới luật của bậc Thánh.

Này Cunda, ở đây đoạn giảm được các Người thực hiện khi các Người nghĩ:

1. *"Những kẻ khác có thể là những người làm hại, chúng ta ở đây không thể là những người làm hại", như vậy đoạn giảm được thực hiện.*

2. "Những kẻ khác có thể sát sanh, chúng ta ở đây sẽ từ bỏ sát sanh", như vậy đoạn giảm được thực hiện.
3. "Những kẻ khác có thể lấy của không cho, chúng ta ở đây sẽ từ bỏ lấy của không cho", như vậy đoạn giảm được thực hiện.
4. "Những kẻ khác có thể không phạm hạnh, chúng ta ở đây sẽ sống phạm hạnh", như vậy...
5. "Những kẻ khác có thể nói láo, chúng ta ở đây sẽ từ bỏ nói láo
6. "Những kẻ khác có thể nói hai lưỡi, chúng ta ở đây sẽ từ bỏ nói hai lưỡi",...
7. "Những kẻ khác có thể nói lời độc ác", chúng ta ở đây sẽ từ bỏ nói lời độc ác", ...
8. "Những kẻ khác có thể nói lời phù phiếm, chúng ta ở đây sẽ từ bỏ nói lời phù phiếm",...
9. "Những kẻ khác có thể tham dục, chúng ta ở đây không tham dục",...
10. "Những kẻ khác có thể có sân tâm, chúng ta ở đây sẽ không có sân tâm",...
11. "Những kẻ khác có thể có tà kiến, chúng ta ở đây sẽ có chánh kiến,...

12. "Những kẻ khác có thể có tà tư duy, chúng ta ở đây sẽ có chánh tư duy",...
13. "Những kẻ khác có thể có tà ngữ, chúng ta ở đây sẽ có chánh ngữ",...
14. "Những kẻ khác có thể có tà nghiệp, chúng ta ở đây sẽ có chánh nghiệp",...
15. "Những kẻ khác có thể có tà mạng, chúng ta ở đây sẽ có chánh mạng",...
16. "Những kẻ khác có thể có tà tinh tấn, chúng ta ở đây sẽ có chánh tinh tấn",...
17. "Những kẻ khác có thể có tà niệm, chúng ta ở đây sẽ có chánh niệm",...
18. "Những kẻ khác có thể có tà định, chúng ta ở đây sẽ có chánh định",...
19. "Những kẻ khác có thể có tà trí, chúng ta ở đây sẽ có chánh trí",...
20. "Những kẻ khác có thể có tà giải thoát, chúng ta ở đây sẽ có chánh giải thoát",...
21. "Những kẻ khác có thể bị hôn trầm thụy miên chi phối, chúng ta ở đây sẽ không có hôn trầm thụy miên chi phối",...
22. "Những kẻ khác có thể có trạo hối, chúng ta ở đây sẽ không có trạo hối",...

23. "Những kẻ khác có thể nghi hoặc, chúng ta ở đây sẽ trừ diệt nghi hoặc",...
24. "Những kẻ khác có thể phần nộ, chúng ta ở đây sẽ không có phần nộ",...
25. "Những kẻ khác có thể oán hận, chúng ta ở đây sẽ không có oán hận",...
26. "Những kẻ khác có thể hư nguy, chúng ta ở đây sẽ không hư nguy",...
27. "Những kẻ khác có thể não hại, chúng ta ở đây sẽ không não hại",...
28. "Những kẻ khác có thể tật đố, chúng ta ở đây sẽ không tật đố
29. "Những kẻ khác có thể xan tham, chúng ta ở đây sẽ không xan tham",...
30. "Những kẻ khác có thể man trá, chúng ta ở đây sẽ không man trá...
31. "Những kẻ khác có thể khi cuống, chúng ta ở đây sẽ không khi cuống",...
32. "Những kẻ khác có thể ngoan cố, chúng ta ở đây không thể ngoan cố",...
(như trên)... cấp tháo... mạn...
33. "Những kẻ khác có thể quá mạn, chúng ta ở đây sẽ không quá mạn",...

34. "Những kẻ khác có thể khó nói (nan thuyết), chúng ta ở đây sẽ dễ nói",...
35. "Những kẻ khác có thể là ác hữu, chúng ta ở đây sẽ là thiện hữu
36. "Những kẻ khác có thể phóng dật, chúng ta ở đây sẽ không phóng dật",... (như trên)...
37. "Những kẻ khác có thể là bất tín, chúng ta ở đây sẽ có tín tâm",...
38. "Những kẻ khác có thể không xấu hổ, chúng ta ở đây sẽ có xấu hổ",...
39. "Những kẻ khác có thể không sợ hãi, chúng ta ở đây sẽ có sợ hãi",...
40. "Những kẻ khác có thể nghe ít, chúng ta ở đây sẽ nghe nhiều"...
41. "Những kẻ khác có thể biếng nhác, chúng ta ở đây sẽ siêng năng...
42. "Những kẻ khác có thể thất niệm, chúng ta ở đây sẽ an trú niệm
43. "Những kẻ khác có thể liệt tuệ, chúng ta ở đây thành tựu tuệ
44. "Những kẻ khác có thể nhiễm thế tục, co hấp tư kiến, tánh khó hành xả, chúng ta ở đây sẽ không nhiễm thế tục, không có

*chấp tư kiến, tánh dễ hành xả" như vậy
đoạn giảm được thực hiện.*

*Này Cunda, Ta nói rằng sự khởi tâm rất có lợi
ích cho các thiện pháp, còn nói gì thân nghiệp, khẩu
nghiệp phù hợp (với tâm ý).*

Do vậy, này Cunda:

- "Những kẻ khác có thể làm hại, chúng ta ở đây sẽ không làm hại", *cần phải khởi tâm như vậy.*
- "Những kẻ khác có thể sát sanh, chúng ta ở đây sẽ từ bỏ sát sanh", cần phải khởi tâm như vậy
- ... (như trên)...
- "Những kẻ khác có thể nhiễm thế tục, co hấp tư kiến, tánh khó hành xả, chúng ta ở đây sẽ không nhiễm thế tục, không co hấp tư kiến, tánh dễ hành xả", cần phải phát tâm như vậy.

Này Cunda, giống như một con đường không bằng phẳng, có một con đường bằng phẳng khác đôi tri.

Này Cunda, giống như một bến nước không bằng phẳng, có một bến nước bằng phẳng khác đôi

Cũng vậy này Cunda:

- Đối với con người làm hại, có sự không làm hại *đối trị*.
- Đối với con người sát sanh, có từ bỏ sát sanh *đối trị*.
- Đối với con người lấy của không cho, có từ bỏ lấy của không cho *đối trị*...,
- ...không phạm hạnh, có phạm hạnh...;
- ...nói láo, có từ bỏ nói láo...;
- ...nói hai lưỡi, có từ bỏ nói hai lưỡi...;
- ...nói ác khẩu, có từ bỏ nói ác khẩu;
- ...nói phù phiếm, có từ bỏ nói phù phiếm...;
- ... tham dục, có không tham dục...;
- ... sân tâm, có không sân tâm...;
- ... tà kiến, có chánh kiến...;
- ... tà tư duy, có chánh tư duy...;
- ... tà ngữ, có chánh ngữ...;
- ... tà nghiệp, có chánh nghiệp...;
- ... tà mạng, có chánh mạng...;

- ... tà tình tấn, có chánh tình tấn...;
- ... tà niệm, có chánh niệm...;
- ... tà định, có chánh định...;
- ... tà trí, có chánh trí...;
- ... tà giải thoát, có chánh giải thoát...;
- ... bị hôn trầm thụy miên chi phối, có không bị hôn trầm thụy miên chi phối...;
- ... trạo hối, có không trạo hối...;
- ... nghi hoặc, có trừ diệt nghi hoặc...;...
phẫn nộ, có không phẫn nộ...;
- ... oán hận, có không oán hận...;
- ... hư nguy, có không hư nguy...;
- ... não hại, có không não hại...;
- ... tật đố, có không tật đố...;
- ... xan tham, có không xan tham...;
- ... mạn trá, có không mạn trá...;
- ... khi cuồng, có không khi cuồng...;
- ... ngoan cố, có không ngoan cố... cấp
tháo... mạn;
- ... quá mạn có không quá mạn...;
- ... khó thuyết, có không khó thuyết...;

- ... ác hữu, có thiện hữu...;
- ... phóng dật, có không phóng dật...;
- ... bất tín, có tín tâm...;
- ... không xấu hổ, có xấu hổ...;
- ... không sợ hãi, có sợ hãi...;
- ... nghe ít, có nghe nhiều...;
- ... biếng nhác, có siêng năng...;
- ... thất niệm, có an trú niệm...;
- ... liệt tuệ, có thành tựu tuệ...;
- đối với con người nhiễm thế tục, co hấp tư kiến, tánh khó hành xả, có không nhiễm thế tục, không co hấp tư kiến, tánh dễ hành xả đối trị.

Này Cunda, ví như các bất thiện pháp, tất cả đều hướng hạ, còn các thiện pháp, tất cả đều hướng thượng.

Cũng vậy, này Cunda:

- con người không làm hại, hướng thượng đối với người làm hại,
- con người từ bỏ sát sanh, hướng thượng đối với người sát sanh,

- con người từ bỏ lấy của không cho, hướng thượng đối với người lấy của không cho
- ... (như trên)...
- con người không nhiễm thế tục, không co hấp tư kiến, tánh dễ hành xả, hướng thượng đối với người nhiễm thế tục, co hấp tư kiến, tánh khó hành xả.

Này Cunda, con người tự mình bị rơi vào bùn lầy có thể kéo lên một người bị rơi vào bùn lầy, sự tình ấy không thể xảy ra.

Này Cunda, con người tự mình không rơi vào bùn lầy, có thể kéo lên một người bị rơi vào bùn lầy, sự tình ấy có thể xảy ra.

Này Cunda, con người tự mình không được nhiếp phục, không được huấn luyện, không được hoàn toàn giải thoát, tự mình có thể nhiếp phục, huấn luyện và hoàn toàn giải thoát người khác, sự tình ấy không xảy ra.

Một người được nhiếp phục, được huấn luyện, được hoàn toàn giải thoát, tự mình có thể nhiếp phục, huấn luyện, hoàn toàn giải thoát người khác, sự tình ấy xảy ra.

Cũng vậy, này Cunda:

- đối với người làm hại, không làm hại đưa đến hoàn toàn giải thoát;
- đối với con người sát sanh, từ bỏ sát sanh đưa đến hoàn toàn giải thoát;
- đối với con người lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho đưa đến hoàn toàn giải thoát;
- đối với con người không phạm hạnh, sống phạm hạnh...;
- đối với con người nói láo, từ bỏ nói láo...;
- đối với con người nói hai lưỡi, từ bỏ nói hai lưỡi...;
- đối với con người ác khẩu, từ bỏ nói ác khẩu...;
- đối với con người nói phù phiếm, từ bỏ nói phù phiếm...;
- đối với con người có tham dục, không tham dục...;
- đối với con người có sân tâm, không sân tâm...;
- đối với con người có tà kiến, chánh kiến...;
- đối với con người có tà tư duy, chánh tư duy...;

- *đối với con người có tà ngữ, chánh ngữ...;*
- *đối với con người có tà nghiệp, chánh nghiệp...;*
- *đối với con người có tà mạng, chánh mạng...;*
- *đối với con người có tà tinh tấn, chánh tinh tấn...;*
- *đối với con người có tà niệm, chánh niệm...;*
- *đối với con người có tà định, chánh định...;*
- *đối với con người có tà trí, chánh trí...;*
- *đối với con người có tà giải thoát, chánh giải thoát...;*
- *đối với con người bị hôn trầm thụy miên chi phối, không bị hôn trầm thụy miên chi phối...;*
- *đối với con người trạo hối, không trạo hối...;*
- *đối với con người nghi hoặc, không nghi hoặc...;*
- *đối với con người phẫn nộ, không phẫn nộ...;*

- đối với con người oán hận, không oán hận...;
- đối với con người hư nguy, không hư nguy...;
- đối với con người não hại, không não hại...;
- đối với con người tật đố, không tật đố...;
- đối với con người xan tham, không xan tham...;
- đối với con người man trá, không man trá...;
- đối với con người khi cưỡng, không khi cưỡng...;
- đối với con người ngoan cố, không ngoan cố... cấp tháo... mạn...;
- đối với con người quá mạn, không quá mạn...;
- đối với con người khó nói, dễ nói...;
- đối với con người ác hữu, thiện hữu...;
- đối với con người phóng dật, không phóng dật...;
- đối với con người bất tín, tín tâm...;
- đối với con người không xấu hổ, có xấu

hổ...;

- đối với con người không sợ hãi, có sợ hãi...;
- đối với con người nghe ít, nghe nhiều...;
- đối với con người biếng nhác, siêng năng...;
- đối với con người thất niệm, an trú niệm...;
- đối với con người liệt tuệ, thành tựu trí tuệ...;
- đối với con người nhiễm thế tục, co hấp tư kiến, tánh khó hành xả, không nhiễm thế tục, không co hấp tư kiến, tánh dễ hành xả, đưa đến hoàn toàn giải thoát.

Này Cunda, như vậy Ta đã giảng **PHÁP MÔN ĐOẠN GIẢM**, đã giảng **PHÁP MÔN KHỞI TÂM**, đã giảng **PHÁP MÔN ĐỐI TRỊ**, đã giảng **PHÁP MÔN HƯỚNG THUỢNG**, đã giảng **PHÁP MÔN GIẢI THOÁT HOÀN TOÀN**.

Này Cunda, những gì bậc Đạo Sư phải làm, vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng đệ tử, những việc ấy Ta đã làm, vì lòng thương tưởng cho các Người. Này Cunda, đây là những gốc cây, đây là những nhà không tịnh. Này Cunda, hãy Thiền định, chớ có phóng dật, chớ có hối tiếc về sau. Đó là lời giáo huấn

của Ta cho các Người.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Mahacunda hoan hỷ, tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

211 Khởi điểm của hữu ái không thể nêu rõ - Kinh HỮU ÁI – Tăng IV, 397

HỮU ÁI – Tăng IV, 397

1. - Nay các Tỷ-kheo, **khởi điểm đầu tiên của hữu ái không thể nêu rõ để có thể nói:** "Trước điểm này, hữu ái không có, rồi sau mới có". Như vậy, nay các Tỷ-kheo, lời này được nói đến.

Tuy vậy, sự việc này được nêu rõ: "Do duyên này, hữu ái có mặt". Nay các Tỷ kheo, Ta nói rằng hữu ái có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho hữu ái? Vô minh, cần phải trả lời như vậy.

Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng vô minh có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho vô minh? **Năm triền cái**, cần phải trả lời như vậy.

... (như kinh trước 61, chỉ thêm vào đoạn cuối số 3, câu như sau: "Năm triền cái được viên mãn thời làm viên mãn vô minh. Vô minh được viên mãn, thời làm viên mãn hữu ái".

Như vậy, đây là thức ăn của hữu ái, và như vậy là sự viên mãn. (Số 4, 5, 6 còn lại giống như kinh trước).

212 Khởi điểm của vô minh là không thể nêu rõ - Kinh VÔ MINH – Tăng IV, 391

VÔ MINH – Tăng IV, 391

1. - Nay các Tỷ-kheo, **khởi điểm đầu tiên của vô minh không thể nêu rõ để có thể nói: "Trước điểm này, vô minh không có, rồi sau mới có."** Như vậy, nay các Tỷ-kheo, lời này được nói đến.

Tuy vậy, sự việc này được nêu rõ: "Do duyên này, vô minh (có mặt)".

- Nay các Tỷ-kheo, **Ta nói rằng vô minh có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho vô minh? Năm triền cái**, cần phải trả lời như vậy.
- Nay các Tỷ-kheo, **Ta nói rằng năm triền cái có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho năm triền cái? Ba ác hành**, cần phải trả lời như vậy.
- Nay các Tỷ-kheo, **Ta nói rằng ba ác hành có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái**

gì là thức ăn cho ba ác hành? **Các căn không chế ngự**, cần phải trả lời như vậy.

- Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, các căn không chế ngự có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho các căn không chế ngự? **Không chánh niệm tỉnh giác**, cần phải trả lời như vậy.
- Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng không chánh niệm tỉnh giác có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho không chánh niệm tỉnh giác? **Phi như lý tác ý**, cần phải trả lời như vậy.
- Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng phi như lý tác ý có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho phi như lý tác ý? **Không có lòng tin**, cần phải trả lời như vậy.
- Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng không có lòng tin có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho không có lòng tin? **Không nghe diệu pháp**, cần phải trả lời như vậy.
- Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, không nghe diệu pháp có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho không nghe diệu pháp? **Không giao thiệp với bậc Chân nhân**, cần phải trả lời như vậy.

2. Như vậy, này các Tỷ-kheo:

1. **Không giao thiệp với bậc Chân nhân** được viên mãn, thời làm viên mãn **không có nghe điều pháp**.
2. Không có nghe điều pháp được viên mãn, thời làm viên mãn **không có lòng tin**.
3. Không có lòng tin được viên mãn, thời làm viên mãn **phi như lý tác ý**.
4. Phi như lý tác ý được viên mãn, thời làm viên mãn **không chánh niệm tỉnh giác**.
5. Không chánh niệm tỉnh giác được viên mãn, thời làm viên mãn các **căn không chế ngự**.
6. Các căn không chế ngự được viên mãn, thời làm viên mãn **ba ác hành**.
7. Ba ác hành được viên mãn, thời làm viên mãn **năm triền cái**.
8. Năm triền cái được viên mãn, thời làm viên mãn **vô minh**.

Như vậy, đây là thức ăn cho vô minh này, và như vậy là sự viên mãn.

3. Ví như, này các Tỷ-kheo, trên một ngọn núi có mưa rơi nặng hạt, nước mưa ấy chảy xuống theo sườn dốc; làm đầy các hang núi, các kẽ núi, các thung lũng; sau khi làm đầy các hang núi, các kẽ núi, các thung lũng, chúng làm đầy các hồ nhỏ. Sau khi làm

đầy các hồ nhỏ, chúng làm đầy các hồ lớn; sau khi làm đầy các hồ lớn, chúng làm đầy các sông nhỏ; sau khi làm đầy các sông nhỏ, chúng làm đầy các sông lớn; sau khi làm đầy các sông lớn, chúng làm đầy biển cả. Như vậy là thức ăn của biển lớn, của đại dương và như vậy là viên mãn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo:

1. Không giao thiệp với các bậc Chân nhân được viên mãn, thời làm viên mãn không có nghe diệu pháp.
2. Không có nghe diệu pháp được viên mãn, thời làm viên mãn không có lòng tin.
3. Không có lòng tin được viên mãn, thời làm viên mãn phi như lý tác ý.
4. Phi như lý tác ý được viên mãn, thời làm viên mãn không chánh niệm tỉnh giác.
5. Không chánh niệm tỉnh giác được viên mãn, thời làm viên mãn các căn không chế ngự.
6. Các căn không chế được viên mãn, thời làm viên mãn ba ác hành.
7. Ba ác hành được viên mãn, thời làm viên mãn năm triền cái.
8. Năm triền cái được viên mãn, thời viên mãn vô minh.

Như vậy, đây là thức ăn của vô minh, và như vậy là sự viên mãn.

4. Và này các Tỷ-kheo, **Ta nói Minh Giải thoát có thức ăn, không phải không có thức ăn.** Và cái gì là thức ăn cho minh giải thoát? **Bảy giác chi**, cần phải trả lời như vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng Bảy giác chi có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho bảy giác chi? **Bốn niệm xứ**, cần phải trả lời như vậy.

Này các Tỷ kheo, Ta nói rằng, Bốn niệm xứ có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho Bốn niệm xứ? **Ba thiện hành**, cần phải trả lời như vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói như rằng ba thiện hành có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho ba thiện hành? **Các căn được chế ngự**, cần phải trả lời như vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng các căn được chế ngự có thức ăn không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho các căn được chế ngự? **Chánh niệm tỉnh giác**, cần phải được như vậy.

Này các Tỷ-kheo, chánh niệm tỉnh giác có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho chánh niệm tỉnh giác? **Như lý tác ý**, cần phải trả lời như vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, như lý tác ý có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho như lý tác ý? **Lòng tin**, cần phải trả lời như vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói lòng tin có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho lòng tin? **Nghe diệu pháp**, cần phải trả lời như vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng nghe diệu pháp có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho nghe diệu pháp? **Giao thiệp với bậc Chân nhân**, cần phải trả lời như vậy.

5. Như vậy, này các Tỷ-kheo:

1. *Giao thiệp với bậc Chân nhân được viên mãn thời làm viên mãn nghe diệu pháp.*
2. *Nghe diệu pháp được viên mãn thời làm viên mãn lòng tin.*
3. *Lòng tin được viên mãn, thời làm viên mãn như lý tác ý.*
4. *Như lý tác ý được viên mãn, thời làm viên mãn chánh niệm tỉnh giác.*

5. *Chánh niệm tỉnh giác được viên mãn, thời làm viên mãn các căn được chế ngự.*
6. *Các căn được chế ngự được viên mãn, thời làm viên mãn ba thiện hành.*
7. *Ba thiện hành được viên mãn Bốn niệm xứ.*
8. *Bốn niệm xứ được viên mãn, thời làm viên mãn Bảy giác chi.*
9. *Bảy giác chi được viên mãn, thời làm viên mãn được giải thoát.*

Như vậy, đây là thức ăn của thức ăn của mình giải thoát, và như vậy là sự viên mãn.

Ví như, này các Tỷ-kheo, trên một ngọn núi có mưa rơi nặng hạt, nước mưa chảy xuống theo sườn dốc, làm đầy các hang núi, các kẽ núi, các thung lũng, chúng làm đầy các hồ nhỏ. Sau khi làm đầy các hồ nhỏ, chúng làm đầy các hồ lớn. Sau khi làm đầy các hồ lớn, chúng làm đầy các sông nhỏ. Sau khi làm đầy các sông nhỏ, chúng làm đầy các sông lớn. Sau khi làm đầy các sông lớn, chúng làm đầy biển cả. Như vậy, là thức ăn của biển lớn, của đại dương, và như vậy là sự viên mãn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo:

1. **Giao thiệp với bậc Chân nhân được viên mãn, thời làm viên mãn nghe điều pháp.**

2. Nghe diệu pháp được viên mãn, thời làm viên mãn lòng tin.
3. Lòng tin được viên mãn thời làm viên mãn như lý tác ý.
4. Như lý tác ý được viên mãn, thời làm viên mãn chánh niệm tỉnh giác.
5. Chánh niệm tỉnh giác được viên mãn, thời làm viên mãn các căn được chế ngự.
6. Các căn chế ngự được viên mãn, thời làm viên mãn ba thiện hành.
7. Ba thiện hành được viên mãn, thời làm viên mãn Bốn niệm xứ.
8. Bốn niệm xứ được viên mãn, thời làm viên mãn Bảy giác chi.
9. Bảy giác chi được viên mãn, thời làm viên mãn Minh Giải thoát.

Như vậy là thức ăn của minh giải thoát, và như vậy là viên mãn.

213 Kim cang - Bạc Lậu tận Tâm ví như kim cang - Kinh VẾT THƯƠNG LÀM MỦ – Tăng I, 220

VẾT THƯƠNG LÀM MỦ – Tăng I, 220

1. Có ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba?

- Hạng người với **tâm** ví dụ như vết thương,
- Với **tâm** ví dụ như chớp sáng,
- Với tâm ví dụ như kim cang.

2. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người với tâm ví dụ như vết thương?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người **phẫn nộ**, nhiều hiềm hận, dầu có bị nói chút ít, cũng tức tối phẫn nộ, sân hận, sùng sộ, biểu lộ sự phẫn nộ, sân hận và bực tức.
- Ví như một vết thương đang làm mủ, nếu bị cây gậy hay một mảnh sành đánh phải, liền chảy mủ nhiều hơn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có người phẫn nộ.....và bực tức. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người được ví dụ với vết thương đang làm mủ.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người với tâm được ví dụ như chớp sáng?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **như thật rõ biết: "Đây là khổ"**,... như thật rõ biết "Đây là con Đường đưa đến Khổ diệt".
- Ví như một người có mắt, thấy các sắc trong đêm tối mù mịt, khi có chớp sáng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có người thật rõ biết: "Đây là khổ", ... như thật rõ biết: "Đây là con Đường đưa đến Khổ diệt". Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là hạng người với tâm được ví như chớp sáng.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người với tâm được ví dụ như kim cang?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người, nhờ **đoạn tận các lậu hoặc**, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là hạng người, với tâm được ví dụ như kim cang.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

214 Kim chỉ nam trong mọi hành động - Kinh NÊN HÀNH TRÌ KHÔNG NÊN HÀNH TRÌ – 114 Trung III, 191

KINH NÊN HÀNH TRÌ KHÔNG NÊN HÀNH
TRÌ

(*Sevitabha-asevitabha suttam*)

– Bài kinh số 114 – Trung III, 191

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, Jetavana, tại tịnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo".

– "Bạch Thế Tôn". Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– "Này các Tỷ-kheo, **Ta sẽ giảng cho các Ông pháp môn về Nên hành trì, không nên hành trì. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ Ta sẽ giảng**"

– "Thưa vâng bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy

vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- Nay các Tỷ-kheo, Ta nói **thân hành có hai loại**: "Nên hành trì, không nên hành trì; và đây là sự tương đối giữa thân hành".
- Nay các Tỷ-kheo, Ta nói **khẩu hành** cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và đây là sự tương đối giữa khẩu hành".
- Nay các Tỷ-kheo, Ta nói **ý hành** cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và đây là sự tương đối giữa ý hành".
- Nay các Tỷ-kheo, Ta nói **tâm sanh** cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và đây là sự tương đối giữa tâm sanh".
- Nay các Tỷ-kheo, Ta nói **tướng đắc** cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và đây là sự tương đối giữa tướng đắc".
- **Kiến đắc**, này các Tỷ-kheo, Ta nói cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và đây là sự tương đối giữa kiến đắc (ditthipatilabha)".
- **Ngã tánh đắc**, này các Tỷ-kheo, Ta nói cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và đây là sự tương đối giữa ngã tánh đắc".

Được nghe nói vậy Tôn giả Sariputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, lời nói này được Thế Tôn nói lên vắn tắt, không giải nghĩa rộng rãi, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như sau:

❖ **Thân hành, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa thân hành". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên?**

– Bạch Thế Tôn, nếu một thân hành nào khi hành trì, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm, thân hành như vậy không nên hành trì.

– Bạch Thế Tôn, và một thân hành nào khi hành trì thời bất thiện pháp thối giảm, thiện pháp tăng trưởng, thân hành như vậy nên hành trì.

➡ **Bạch Thế Tôn, thân hành gì khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm?**

– Ở đây, bạch Thế Tôn, có người sát sanh, tàn nhẫn (?) tay lấm máu, tâm chuyên sát hại, đả

thương, tâm không từ bi đối với các loại hữu tình.

- Người này lấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng hoặc tại rừng núi, không cho người ấy, người ấy lấy trộm tài vật ấy.
- Người ấy sống tà hạnh trong các dục vọng, giao cấu các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã có chồng, được hình phạt gây gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa. Thân hành như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm.

➡ *Bạch Thế Tôn, thân hành gì khi hành trì thời bất thiện pháp thối giảm, thiện pháp tăng trưởng?*

- Ở đây, bạch Thế Tôn, có người từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình.
- Người ấy từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho; bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi, không cho người ấy, người ấy không lấy trộm tài vật ấy.

- Người ấy từ bỏ sống tà hạnh trong các dục vọng, không giao cấu với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã có chồng, được hình phạt gây gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa. Thân hành như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm các thiện pháp tăng trưởng.

Thân hành, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa thân hành". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy lời nói ấy được nói lên.

❖ ***Khẩu hành, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa khẩu hành". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên?***

Bạch Thế Tôn, một khẩu hành nào khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm, khẩu hành như vậy không nên hành trì. Bạch Thế Tôn và một khẩu hành nào khi hành trì bất thiện pháp thối giảm, thiện pháp tăng trưởng khẩu hành như vậy nên hành trì.

Bạch Thế Tôn, khẩu hành gì khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng, thiệp pháp thối giảm? Ở đây, bạch Thế Tôn, có người vọng ngữ, đến chỗ tập hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa vương tộc, khi bị dẫn xuất làm chứng và được hỏi: "Này Người kia, hãy nói những gì Ông biết". Dầu cho người ấy không biết, người ấy nói: "Tôi biết"; dầu cho người ấy biết, người ấy nói: "Tôi không biết" hay dầu cho người ấy không thấy, người ấy nói: "Tôi thấy" hay dầu cho người ấy thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy". Như vậy lời nói của người ấy trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc vì nguyên nhân tự kỷ, hoặc vì nguyên nhân tha nhân, hoặc vì nguyên nhân một vài quyền lợi gì. Và người ấy là người nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia, đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, người ấy ly gián những kẻ hòa hợp, hay xúi dục những kẻ ly gián, ưa thích phá hoại, vui thích phá hoại, thích thú phá hoại, nói những lời đưa đến phá hoại. Và người ấy là người nói lời thô ác. Bất cứ lời gì thô ác, tàn ác, khiến người đau khổ, khiến người tức giận, liên hệ đến phần nộ, không đưa đến Thiền định, người ấy nói những lời như vậy. Và người ấy nói những lời phù phiếm, nói phi thời, nói những lời phi chơn, nói những lời không lợi ích, nói những lời

phi pháp, nói những lời phi luật, nói những lời không đáng gìn giữ. Vì nói phi thời nên lời nói không có thuận lý, không có mạch lạc, hệ thống, không có lợi ích. Khẩu hành như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm.

Bạch Thế Tôn, khẩu hành gì khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng? Ở đây, bạch Thế Tôn, có người từ bỏ vọng ngữ, tránh xa vọng ngữ, đến chỗ tập hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa vương tộc, khi bị dẫn xuất làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì Ông biết". Nếu biết, người ấy nói: "Tôi biết" nếu không biết, người ấy nói: "Tôi không biết" hay nếu không thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy" nếu thấy, người ấy nói: "Tôi thấy". Như vậy lời nói của người ấy không trở thành cớ ý vọng ngữ, hoặc vì nguyên nhân tự kỷ, hoặc vì nguyên nhân tha nhân, hoặc vì nguyên nhân một vài quyền lợi gì. Từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đi đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia; như vậy, người ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ hòa hợp, ưa thích hòa hợp, vui thích hòa hợp, thích

thú hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác; như vậy người ấy nói những lời nói nhu hòa, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người. Từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm; người ấy nói đúng thời, nói những lời chơn thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về luật, nói những lời đáng được gìn giữ. Vì nói hợp thời, nên lời nói thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. Khẩu hành như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng.

Khẩu hành, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa khẩu hành". Thế Tôn đã nói như vậy, và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

❖ **Ý hành, này các Tỷ-kheo, Tôi nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa ý hành". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên?**

Bạch Thế Tôn, một ý hành nào khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, khẩu hành như vậy không nên hành trì. Bạch Thế Tôn, và một ý hành nào khi hành trì thời các bất

thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, ý hành như vậy nên hành trì.

Ý hành gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm? Ở đây, bạch Thế Tôn có người có tham ái, tham lam tài vật kẻ khác, nghĩ rằng: "Ôi, mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình!" Lại có người sân tâm, khởi lên hại ý, hại niệm như sau: "Mong rằng những loài hữu hình này bị giết, hay bị tàn sát, hay bị tiêu diệt hay bị làm hại, hay mong chúng không còn tồn tại". Ý hành như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm.

Ý hành gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng? Ở đây có người không có tham ái, không tham lam tài vật của kẻ khác, nghĩ rằng: "Ôi, mong rằng mọi tài vật của người khác không trở thành của mình!" Lại có người không có sân tâm, không khởi lên hại ý, hại niệm, nhưng nghĩ rằng: "Mong rằng những loài hữu tình này sống không thù hận, không oán thù, không nhiều loạn, được an lạc, lo nghĩ tự thân". Ý hành như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng.

Ý hành, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì và như vậy là sự tương đối giữa ý hành". Thế Tôn đã nói như vậy, và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

❖ ***Tâm sanh, này các Tỷ-kheo, tôi nói cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên?***

Bạch Thế Tôn, nếu một tâm sanh nào khi hành trì, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, tâm sanh như vậy không nên hành trì. Và một tâm sanh nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, tâm sanh như vậy nên hành trì.

Tâm sanh gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm? Ở đây, bạch Thế Tôn, có người có tham dục, sống với tâm câu hữu với tham dục; người ấy sân hận và sống với tâm câu hữu với sân hận; người ấy có hại tâm và sống với tâm câu hữu với hại tâm. Tâm sanh như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm. Tâm sanh gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì bất thiện pháp thối giảm, thiện pháp tăng trưởng? Ở đây, bạch Thế Tôn, có người không có

tham dục; sống với tâm không câu hữu với tham dục; người ấy không có sân hận và sống với tâm không câu hữu với sân hận; người ấy không có hại tâm và sống với tâm không câu hữu với hại tâm. Tâm sanh như vậy, bạch Thế Tôn, nếu hành trì thời bất thiện pháp thối giảm, thiện pháp tăng trưởng.

Tâm sanh, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa tâm sanh". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

❖ ***Tương đắc, này các Tỷ-kheo, tôi nói cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói vậy. Và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên?***

Một tương đắc nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, tương đắc như vậy không nên hành trì. Và một tương đắc nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, tương đắc như vậy nên hành trì.

Tương đắc gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm? Ở đây, bạch Thế Tôn, có người có tham dục sống với tương câu hữu với tham dục, người ấy có sân hận

sống với tướng câu hữu với sân hận, người ấy có hại tâm và sống với tướng câu hữu với hại tâm. Tướng đặc như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng, thiệp pháp thối giảm. Tướng đặc gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì, bất thiện pháp thối giảm, thiệp pháp tăng trưởng? Ở đây, bạch Thế Tôn, có người không có tham dục, sống với tướng không câu hữu với tham dục, người ấy không có sân hận và sống với tướng không câu hữu với sân hận, người ấy không có hại tâm và sống với tướng không câu hữu với hại tâm. Tướng đặc như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời bất thiện pháp thối giảm, thiện pháp tăng trưởng.

Tướng đặc, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa tướng đặc". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

❖ **Kiến đặc, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại: "Nên hành trì và không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa kiến đặc". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên?**

Một kiến đặc nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp

thối giảm, kiến đắc như vậy không nên hành trì. Và một kiến đắc nào khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, kiến đắc như vậy nên hành trì. Kiến đắc gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng; thiện pháp thối giảm? Ở đây, bạch Thế Tôn có người có (tà) kiến như sau: "Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thực các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có mẹ, không có cha, không có loại hóa sanh, ở đời không có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn, chánh hướng, chánh hạnh đã tự mình với thượng trí chứng tri, chứng đạt và an trú đời này, đời khác và truyền dạy lại". Kiến đắc như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm. Kiến đắc gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng?

Ở đây, bạch Thế Tôn, có người có (chánh) kiến như sau: "Có bố thí, có lễ hy sinh, có tế tự, có quả dị thực các nghiệp thiện ác, có đời này, có đời khác, có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh, ở đời có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh đã tự mình với thượng trí chứng tri, chứng đắc và an trú đời này, đời khác và truyền dạy lại". Kiến đắc như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện

pháp thôi giảm, các thiện pháp tăng trưởng.

Kiến đắc, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự sai trái về kiến đắc". Thế Tôn đã nói như vậy, và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

❖ *Ngã tánh đắc, này các Tỷ-kheo, tôi nói cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa ngã tánh". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên?*

Ngã tánh đắc nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thôi giảm, ngã tánh đắc như vậy không nên hành trì. Ngã tánh đắc nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thôi giảm, các thiện pháp tăng trưởng, ngã tánh đắc như vậy nên hành trì. Ngã tánh đắc gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thôi giảm? Ngã tánh đắc có hại, bạch Thế Tôn, vì sự không rốt ráo khi được sanh khởi, các bất thiện pháp phải tăng trưởng, các thiện pháp thôi giảm. Ngã tánh đắc vô hại, bạch Thế Tôn, vì sự rốt ráo khi được sanh khởi, các bất thiện pháp thôi giảm, các thiện pháp tăng trưởng.

Ngã tánh đặc, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự sai khác về ngã tánh đặc". Thế Tôn đã nói như vậy, và do duyên như vậy lời nói ấy được nói lên. Bạch Thế Tôn, lời nói mà được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa rộng rãi, con được hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.



Lành thay, lành thay, này Sariputta! Lành thay, này Sariputta! Lời nói này được Ta nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa rộng rãi, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

→ *Thân hành, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa thân hành". Ta đã nói như vậy và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên?*

Thân hành nào, này Sariputta, khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm, thân hành như vậy không nên hành trì. Và thân hành nào, này Sariputta, khi hành trì thời bất thiện pháp thối giảm, thiện pháp tăng trưởng, thân hành như vậy nên hành trì.

Thân hành gì, này Sariputta, khi hành trì bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm? Ở đây, này Sariputta, có người sát sanh, tàn nhẫn, tay lấm

máu, tâm chuyên sát hại đả thương, tâm không từ bi đối với các loại hữu tình. Người này lấy của không cho; bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng hoặc tại rừng núi không cho người ấy, người ấy lấy trộm tài vật ấy. Người ấy sống tà hạnh trong các dục vọng, giao cấu các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã có chồng, được hình phạt gây gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa. Thân hành như vậy, này Sariputta, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thoái giảm.

Thân hành gì, này Sariputta, khi hành trì thời các bất thiện pháp thoái giảm, các thiện pháp tăng trưởng? Ở đây, này Sariputta, có người từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Người ấy từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho; bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi không cho người ấy, người ấy không lấy trộm tài vật ấy. Người ấy từ bỏ sống theo tà hạnh trong các dục vọng, không giao cấu với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã có chồng, được hình phạt gây gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân

được trang sức bằng vòng hoa. Thân hành như vậy, này Sariputta, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng.

Thân hành, này các Tỷ-kheo, ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa thân hành". Ta đã nói như vậy và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

→ *Khẩu hành, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa khẩu hành". Ta đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên?*

Này Sariputta, khẩu hành nào khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, khẩu hành như vậy không nên hành trì. Và khẩu hành nào, này Sariputta, khi hành trì, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, khẩu hành như vậy nên hành trì.

Khẩu hành gì, này Sariputta, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm? Ở đây, này Sariputta, có người vọng ngữ đến chỗ tập hội... (như trên)

... (những thay đổi cần thiết cho đến đoạn ngã tánh đắc...)

"Ngã tánh đắc, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa ngã tánh đắc", Ta đã nói như vậy. Và do duyên như vậy lời nói ấy được nói lên.

☞ Này Sariputta, lời nói này được Ta nói một cách vắn tắt, cần phải hiểu một cách rộng rãi như vậy.

→ **Sắc** do mắt nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

→ **Tiếng** do tai nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

→ **Hương** do mũi nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì không nên hành trì".

→ **Vị** do lưỡi nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

→ **Xúc** do thân nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

→ **Pháp** do ý nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Sariputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, lời nói này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa rộng rãi, con

được hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như sau:

"Sắc do mắt nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên?

Sắc nào do mắt nhận thức bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, sắc do mắt nhận thức như vậy không nên hành trì. Sắc nào do mắt nhận thức, bạch Thế Tôn khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, sắc ấy do mắt nhận thức như vậy nên hành trì. "Sắc do mắt nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy lời nói ấy được nói lên.

"Tiếng do tai nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên? Tiếng nào do tai nhận thức bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, tiếng do tai nhận thức như vậy không nên hành trì. Tiếng nào do tai nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, tiếng do tai nhận

thức như vậy nên hành trì. "Tiếng do tai nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy lời nói ấy được nói lên.

"Hương do mũi nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên? Hương nào do mũi nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, hương do mũi nhận thức như vậy không nên hành trì. Hương nào do mũi nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, hương do mũi nhận thức như vậy nên hành trì: "Hương do mũi nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy lời nói ấy được nói lên.

"Vị do lưỡi nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên. Vị nào do lưỡi nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, vị do lưỡi nhận thức như vậy không nên hành trì. Vị nào do lưỡi nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm,

các thiện pháp tăng trưởng, vị do lỗi nhận thức như vậy nên hành trì. "Vị do lỗi nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy lời nói ấy được nói lên.

"Xúc do thân nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên? Xúc nào do thân nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, xúc do thân nhận thức như vậy không nên hành trì. Xúc nào do thân nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, xúc do thân nhận thức như vậy nên hành trì. "Xúc do thân nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy lời nói ấy được nói lên.

"Pháp do ý nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên? Pháp nào do ý nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, pháp do ý nhận thức như vậy không nên hành trì. Pháp nào do ý nhận thức, bạch Thế Tôn,

khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, pháp do ý nhận thức như vậy nên hành trì. Pháp do ý nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy lời nói ấy được nói lên.

Bạch Thế Tôn, lời nói này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa rộng rãi, con được hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

 ***Lành thay, lành thay, này Sariputta! Lành thay, này Sariputta! Lời nói này được Ta nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa rộng rãi, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.***

Sắc do mắt nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Lời nói như vậy được Ta nói lên. Và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên?... (như trên)... Pháp do ý nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Lời nói như vậy được Ta nói lên và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

Này Sariputta, lời nói này được Ta nói lên một cách vắn tắt, ý nghĩa lời nói ấy được hiểu một cách rộng rãi như vậy.

→ **Ý**, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

→ **Đồ ăn khát thực**, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

→ **Sàng tọa**, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

→ **Làng**, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

→ **Thị trấn**, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

→ **Đô thị**, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

→ **Quốc độ**, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

→ **Người** (Puggala), này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Sariputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, lời nói này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi, con được hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như sau:

"Ý, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành

trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên? Ý nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, ý như vậy không nên hành trì. Ý nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, ý như vậy nên hành trì. "Ý, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói lên như vậy. Và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

"Món ăn khát thực, này Sariputta, Ta nói có hai loại... do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên".

"Sàng tọa, này Sariputta, Ta nói có hai loại... do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên".

"Làng, này Sariputta, Ta nói có hai loại... do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên".

"Thị trấn, này Sariputta, Ta nói có hai loại... do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên".

"Đô thị, này Sariputta, Ta nói có hai loại... do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên".

"Quốc độ, này Sariputta, Ta nói có hai loại... do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên".

"Người, này Sariputta, Ta nói có hai loại... do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên".

Bạch Thế Tôn, lời nói này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải thích rộng rãi, con đã hiểu một cách rộng rãi như vậy.

– Lành thay, lành thay, này Sariputta! Lành thay, này Sariputta! Lời nói này được Ta nói lên vắn tắt, không giải thích rộng rãi, Ông đã hiểu một cách rộng rãi như vậy.

Y, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Ta đã nói lên như vậy. Và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên? Y nào, này Sariputta, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng... Do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

Đồ ăn khát thực, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Ta đã nói như vậy. Và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên?... Do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

Sàng tọa, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì"... (như trên)... Sàng tọa như vậy không nên hành trì. Sàng tọa như vậy nên hành trì.... (như trên)... Làng như vậy không nên hành trì ... (như trên) ... Làng như vậy nên hành trì...

(như trên).. Thị trấn như vậy không nên hành trì... (như trên)... Thị trấn như vậy nên hành trì.... (như trên).... Đô thị như vậy không nên hành trì... (như trên)... Đô thị như vậy nên hành trì... (như trên)... Quốc độ như vậy không nên hành trì ... (như trên) ... Quốc độ như vậy nên hành trì ... (như trên) ... Người, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì và không nên hành trì". Ta đã nói như vậy. Và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên? Người, này Sariputta... Do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

Này Sariputta, lời nói này được Ta nói vắn tắt, ý nghĩa (lời nói ấy) cần được hiểu một cách rộng rãi như vậy.

- Này Sariputta, nếu tất cả những vị Sát đế ly, đối với lời nói này được Ta nói vắn tắt, có thể hiểu ý nghĩa lời nói ấy một cách rộng rãi như vậy, tất cả những vị ấy sẽ được hưởng hạnh phúc, an lạc lâu dài.
- Này Sariputta, nếu tất cả những vị Bà-la-môn ..
- Nếu tất cả những vị Vessa...
- Này Sariputta, nếu tất cả những vị Thủ đà (Sudda), đối với lời nói này được Ta nói vắn tắt, có thể hiểu ý nghĩa lời nói ấy một cách

rộng rãi như vậy, tất cả những vị ấy sẽ được hưởng hạnh phúc an lạc lâu dài.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Sariputta hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

215 Kim xí điều - Kinh Tương Ưng Kim Xí Điều – Tương III, 399

Tương Ưng Kim Xí Điều – *Tương* III, 399

I. Chủng Loại – *Tương* III, 399

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- **Này các Tỷ-kheo, có bốn loại Kim xí điều về sanh chủng. Thế nào là bốn?**

- *Loại Kim xí điều từ **trứng** sanh,*
- *Loại Kim xí điều từ **thai** sanh,*
- *Loại Kim xí điều từ **ấm** ướt sanh,*
- *Loại Kim xí điều **hóa** sanh.*

Này các Tỷ-kheo, đây là bốn loại Kim xí điều.

II. Mang Đi – *Tương* III, 399

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- **Này các Tỷ-kheo, có bốn loại Kim xí điều về sanh chủng. Thế nào là bốn?**

- Loại Kim xí điều từ **trúng** sanh,
- Loại Kim xí điều từ **thai** sanh,
- Loại Kim xí điều từ **ấm** ướt sanh,
- Loại Kim xí điều **hóa** sanh.

Này các Tỷ-kheo, đây là bốn loại Kim xí điều.

4) Tại đây, này các Tỷ-kheo, các loại Kim xí điều từ **trúng** sanh chỉ mang đi các loại Nàga từ trúng sanh, **không** mang đi các loại Nàga từ thai sanh, từ ấm ướt sanh và hóa sanh.

5) Tại đây, này các Tỷ-kheo, các loại Kim xí điều từ **thai** sanh, mang đi các loại Nàga từ trúng sanh và các loại Nàga từ thai sanh, **không** mang đi các loại Nàga từ ấm ướt sanh và các loại hóa sanh.

6) Tại đây, này các Tỷ-kheo, các loại Kim xí điều từ **ấm** ướt sanh, mang đi các loại Nàga từ trúng sanh, các loại từ thai sanh và các loại từ ấm ướt sanh, **không** mang đi các loại Nàga hóa sanh.

7) Tại đây, này các Tỷ-kheo, các loại Kim xí điều **hóa** sanh, mang đi các loại Nàga từ trúng sanh, từ thai sanh, từ ấm ướt sanh và các loại hóa sanh.

8) Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là bốn loại Kim xí điều về sanh chủng.

III. Làm Hai Hạnh – Tương III, 400

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, một loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trùng sanh?

4) -- Ở đây, này Tỷ-kheo, có loại (chúng sanh) làm hai hạnh về thân, làm hai hạnh về lời nói, làm hai hạnh về ý. Chúng được nghe như sau: "*Loại Kim xí điều từ trùng sanh, có thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc*".

5) Chúng suy nghĩ như sau: "*Ôi mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta có thể được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trùng sanh!*" Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trùng sanh.

6) **Do nhân này, do duyên này**, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trứng sanh.

IV. Làm Hai Hạnh – Tương III, 401

*(Như kinh trước, chỉ thế vào các loại Kim xí điều từ thai sanh, từ **âm** uớt sanh và các loại hóa sanh).*

V. Ủng Hộ Bồ Thí – Tương III, 402

1-3) Nhân duyên ở Sàvathi...

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây một số (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trứng sanh?

4) -- **Tại đây, này Tỷ-kheo, có loại (chúng sanh) làm hai hạnh về thân, làm hai hạnh về lời nói, làm hai hạnh về ý. Chúng nghe nói như sau: "Các Kim xí điều từ trứng sanh được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, thọ hưởng nhiều lạc".**

5) Chúng suy nghĩ như sau: "*Ôi mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trứng sanh!*"

6) **Chúng bố thí đồ ăn.** Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trứng sanh.

Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trứng sanh.

Chúng **bố thí đồ uống...** Chúng **bố thí vải mặc...** Chúng **bố thí hương liệu xoa bóp...** Chúng **bố thí ngọa cụ...** Chúng **bố thí nhà cửa...** Chúng **bố thí đèn dầu.** Sau khi thân hoại mạng chung, chúng được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trứng sanh.

7) **Do nhân này, do duyên này,** này Tỷ-kheo, ở đây một loại (chúng sanh), sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với các Kim xí điều từ trứng sanh.

VI. Ủng Hộ Bố Thí (S.iii,248) – *Tương* III, 403

*(Như kinh trên, câu hỏi được đặt ra với ba loại Kim
xí điều còn lại và câu trả lời được nói lên theo mỗi
trường hợp).*

216 Kimbila - 5 nguyên nhân diệu pháp biến mất - Kinh KIMBILA – Tăng II, 707

KIMBILA – Tăng II, 707

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Kimbila, tại Veluvana. Rồi Tôn giả Kimbila đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả kimbila bạch Thế Tôn:

2. - *Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, sau khi Như Lai nhập diệt, Chánh pháp không được an trú lâu ngày?*

Ở đây, này Kimbila, khi Như Lai nhập diệt, Các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sống:

- Sống không tôn trọng, không vâng lời bậc Đạo sư,
- Sống không tôn trọng, không vâng lời Pháp,
- Sống không tôn trọng, không vâng lời chúng Tăng,
- Sống không tôn trọng, không vâng lời học pháp,
- Sống không tôn trọng, không vâng lời lẫn nhau.

Do nhân này, do duyên này, này Kimbila, khi Như Lai nhập diệt, diệu pháp không được an trú lâu ngày.

3. *Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, sau khi Như Lai nhập diệt, Chánh pháp được an trú lâu ngày?*

Ở đây, này Kimbila, khi Như Lai nhập diệt, Các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sống:

- Sống tôn trọng và vâng lời bậc Đạo sư,
- Sống tôn trọng và vâng lời Pháp,
- Sống tôn trọng và vâng lời chúng Tăng,
- Sống tôn trọng và vâng lời học pháp,
- Sống tôn trọng và vâng lời lẫn nhau.

Đây là nhân, đây là duyên, này Kimbila, khi Như Lai nhập diệt diệu pháp được tồn tại lâu dài.

217 Kimbila - 6 nguyên nhân diệu pháp biến mất - Kinh TÔN GIẢ KIMBILA – Tăng III, 97

TÔN GIẢ KIMBILA –Tăng III, 97

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở Kimbila, tại rừng Trúc. Rồi Tôn giả Kimbila đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Kimbila bạch Thế Tôn:

2. - *Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, sau khi Như Lai nhập diệt, diệu pháp không còn tồn tại lâu dài?*

3. - Ở đây, này Kimbila, khi Như Lai nhập diệt, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sống:

- *Sống không cung kính, không tùy thuận bậc Đạo Sư,*
- *Sống không cung kính, không tùy thuận Pháp;*
- *Sống không cung kính, không tùy thuận chúng Tăng*
- *Sống không cung kính, không tùy thuận học pháp;*

- *Sống không cung kính, không tùy thuận không phóng dật;*
- *Sống không cung kính, không tùy thuận tiếp đón.*

Này Kimbila, đây là nhân, đây là duyên khiến cho khi Như Lai nhập diệt, Diệu pháp không tồn tại lâu dài.

4. - *Do nhân gì, do duyên gì khi Như Lai nhập diệt, Diệu pháp được tồn tại lâu dài?*

5. Ở đây, này Kimbila, khi Thế Tôn nhập diệt, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ:

- *Sống cung kính tùy thuận bậc Đạo Sư;*
- *Sống cung kính tùy thuận Pháp;*
- *Sống cung kính tùy thuận chúng Tăng;*
- *Sống cung kính tùy thuận học pháp;*
- *Sống cung kính tùy thuận không phóng dật;*
- *Sống cung kính tùy thuận tiếp đón.*

Đây là nhân, đây là duyên, khi Như lai nhập diệt, Diệu pháp được tồn tại lâu dài

218 Kimbila - 7 nguyên nhân diệu pháp biến mất - Kinh KIMBILA – Tăng III, 394

KIMBILA –Tăng III, 394

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Kimbila, tại rừng Trúc. Rồi Tôn giả Kimbila đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Kimbila bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, khi Như Lai nhập diệt, diệu pháp không được tồn tại lâu dài?

- Ở đây, này Kimbila, khi Như Lai nhập diệt, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sống:

- Sống không cung kính, không tùy thuận bậc Đạo Sư.
- Sống không cung kính, không tùy thuận Pháp;
- Sống không cung kính, không tùy thuận chúng Tăng;
- Sống không cung kính, không tùy thuận học pháp,

- Sống không cung kính, không tùy thuận **Thiền định**;
- Sống không cung kính, không tùy thuận **không phóng dật**,
- Sống không cung kính, không tùy thuận **ngành đón**.

Này Kimbila, đây là nhân, đây là duyên, khi Như Lai nhập diệt, điều pháp không được tồn tại lâu dài.

2. - *Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, khi Như Lai nhập diệt, điều pháp được tồn tại lâu dài?*

- Ở đây, này Kimbila, khi Như Lai nhập diệt, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sống:

- Sống cung kính, tùy thuận bậc Đạo Sư,
- Sống cung kính tùy thuận Pháp;
- Sống cung kính tùy thuận học pháp;
- Sống cung kính tùy thuận Thiền định;
- Sống cung kính tùy thuận không phóng dật;
- Sống cung kính tùy thuận ngành đón.

Này Kimbila, đây là nhân, đây là duyên, khi Như Lai nhập diệt, điều pháp được tồn tại lâu dài.

219 Kinh Pháp Cú - Có pháp hơn bồ thí, Pháp ấy là Pháp cú - Kinh Lành Thay – Tương I, 49

Lành Thay – Tương I, 49

1) Ở Sàvatthi.

2) Rồi rất nhiều quần tiên Satullapa, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên.

3) Đứng một bên, một vị Thiên nói lên lời cảm hứng này trước mặt Thế Tôn:

*Lành thay sự bố thí!
Kính thưa bậc Tôn giả.
Vì xan tham, phóng dật,
Như vậy không bố thí,
Ai ước mong công đức,
Có trí nên bố thí.*

4) Rồi một vị Thiên khác nói lên lời cảm ứng này trước mặt Thế Tôn:

Lành thay sự bố thí,

*Kính thưa bậc Tôn giả!
Nhưng thật tốt lành thay,
Bố thí trong thiếu thốn!
Kẻ ít, vui san sẻ,
Kẻ nhiều khó, đem cho,
Bố thí từ kẻ khó,
Đong được ngàn đồng vàng.*

5) Rồi một vị Thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước mặt Thế Tôn:

*Lành thay sự bố thí,
Kính thưa bậc Tôn giả!
Nhưng thật tốt lành thay,
Bố thí trong thiếu thốn!*

*Lành thay sự bố thí,
Phát xuất từ lòng tin.
Bố thí và đánh nhau,
Được nói là bằng nhau,
Một số ít kẻ lành,
Thắng xa số đông người.
Ví dầu cho có ít,
Nhưng cho với lòng tin,
Do vậy được an lạc,
Vì lợi ích cho người.*

6) Rồi một vị Thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước mặt Thế Tôn:

*Lành thay sự bố thí,
Kính thưa bậc Tôn giả!
Nhưng thật tốt lành thay,
Bố thí trong thiếu thốn!*

*Lành thay sự bố thí,
Phát xuất từ lòng tin!
Lành thay sự bố thí,
Với tài sản hợp pháp!*

*Ai là người bố thí,
Với tàn sản hợp pháp,
Do nỗ lực tinh tấn,
Nhờ vậy thu hoạch được;*

*Vị ấy vượt dòng suối,
Thần chết Dạ-ma giới,
Sau khi chết được sanh,
Chỗ trú xứ chư Thiên.*

7) Rồi một vị Thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước mặt Thế Tôn:

*Lành thay sự bố thí,
Kính thưa bậc Tôn giả!*

*Nhưng thật tốt lành thay,
Bố thí trong thiếu thốn!*

*Lành thay sự bố thí,
Phát xuất từ lòng tin!
Lành thay sự bố thí,
Với tài sản hợp pháp!*

*Lành thay sự bố thí,
Có suy tư sáng suốt!
Bố thí có suy tư,
Bậc Thiện Thệ tán thán.
Bố thí cho những vị,
Đáng kính trọng ở đời,
Bố thí những vị ấy,
Được hưởng quả phước lớn,
Như hạt giống tốt đẹp,
Gieo vào ruộng tốt lành.*

8) Rồi một vị Thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước mặt Thế Tôn:

*Lành thay sự bố thí,
Kính thưa bậc Tôn giả!
Nhưng thật tốt lành thay,
Bố thí trong thiếu thốn!*

*Lành thay sự bố thí,
Phát xuất từ lòng tin!
Lành thay sự bố thí,
Với tài sản hợp pháp!*

*Lành thay sự bố thí,
Có suy tư sáng suốt!
Lành thay sự tự chế,
Đối với các chúng sanh!
Giữa chúng sanh hữu tình,
Ai sống không làm hại,
Sợ người khác chỉ trích,
Không làm ác, bất thiện,
Họ khen kẻ nhút nhát,
Nhưng chỉ trích người hùng,
Chính sợ bị chỉ trích,
Người lành không làm ác.*

9) Rồi một vị Thiên khác bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, giữa chúng con, lời nói ai được tốt lành?

-- Về vấn đề này, tất cả các Ông đều nói lên một cách tốt đẹp. Tuy vậy hãy nghe lời của Ta:

*Bố thí với lòng tin,
Được tán thán nhiều mặt,*

*Có pháp hơn bố thí,
Pháp ấy là **Pháp cú**.
Từ xưa, từ xa xưa,
Người lành, người chơn thiện,
Với trí tuệ sáng suốt,
Đạt đến cảnh Niết-bàn.*

220 Kinh Pháp Cú - Kể ấy Ta mới gọi, Chánh danh Balamon - Kinh VASETTHA – 98 Trung II, 775

KINH VASETTHA (Vasettha sutam)

– Bài kinh số 98 – Trung II, 775

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Icchanankala (Y-xa-năng-gia-la), tại khu rừng Icchanankala. Lúc bấy giờ có rất nhiều Bà-la-môn danh tiếng và giàu có trú tại Icchanankala như Bà-la-môn Canki, Bà-la-môn Tarukkha, Bà-la-môn Pokkharasati, Bà-la-môn Janussoni, Bà-la-môn Todeyya cùng rất nhiều Bà-la-môn danh tiếng và giàu có khác. Rồi trong khi các thanh niên Bà-la-môn Vasettha và Bharadvaja đang tản bộ du hành, câu chuyện sau đây được khởi lên: "Thế nào là một vị Bà-la-môn?"

Thanh niên Bharadvaja nói như sau:

– Nếu ai thiện sanh từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ, không bị

một vết nhơ nào, không bị một dèm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh, như vậy là làm một vị Bà-la-môn.

Thanh niên Vasettha nói như sau:

– Nếu ai có giới hạnh và thành tựu các cấm giới, như vậy là một vị Bà-la-môn.

Thanh niên Bà-la-môn Bharadvaja không thể thuyết phục thanh niên Bà-la-môn Vasettha, và thanh niên Bà-la-môn Vasettha không thể thuyết phục thanh niên Bharadvaja. Rồi thanh niên Bà-la-môn Vasettha nói với thanh niên Bà-la-môn Bharadvaja:

– Này Bharadvaja, Sa-môn Gotama này là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca, nay đang trú ở Icchanankala, tại khu rừng Icchanankala. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Gotama: "Đây là Thế Tôn... Phật, Thế Tôn". Này Tôn giả Bharadvaja, chúng ta hãy đến Sa-môn Gotama, sau khi đến hãy hỏi Tôn giả Gotama về nghĩa lý này, và Sa-môn Gotama trả lời như thế nào, chúng ta sẽ như vậy thọ trì.

– Thừa vâng.

Thanh niên Bà-la-môn Bharadvaja vâng đáp

thanh niên Vasettha. Rồi thanh niên Bà-la-môn Vasettha và Bharadvaja cùng đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thanh niên Bà-la-môn Vasettha dùng những bài kệ bạch Thế Tôn:

*Chúng con cả hai người,
Được tôn xưng, tự nhận,
Là những bậc thông thái
Cả ba tập Vệ-đà.
Con là đệ tử Ngài,
Pokkharasati,
Còn vị thanh niên này,
Đệ tử Tarukkha.
Ba Vệ-đà nói gì,
Chúng con đều thông đạt,
Văn cú và văn phạm,
Chúng con đều thấu hiểu,
Thuyết giảng và giải thích,
Thật giống bậc Đạo sư.
Tôn giả Gotama,
Giữa hai người chúng con
Có sự tranh luận này,
Về huyết thống thọ sanh.*

Bharadvaja nói:

*"Chính do sự thọ sanh".
Con nói: "Do hành động,
Mới thành Bà-la-môn".
Mong bậc có Pháp nhãn,
Hiếu cho là như vậy.
Cả hai người chúng con,
Không thể thuyết phục nhau.
Chúng con đến hỏi Ngài,
Bậc Chánh Giác tôn xưng.
Như trăng được tròn đầy,
Quần chúng đến chấp tay,
Đảnh lễ và chiêm ngưỡng.
Cũng vậy, ở trong đời,
Quần chúng đến đảnh lễ,
Gotama Tôn giả.
Chúng con đến hỏi Ngài,
Bậc Pháp nhãn thế gian,
Bà-la-môn do sanh,
Hay chính do hành động?
Chúng con không được biết,
Hãy nói chúng con biết.*

Đức Thế Tôn bèn nói:

*Này Ông Vasettha,
Ta trả lời cho Ông,
Thuận thứ và như thật,
Sự phân loại do sanh,*

*Của các loại hữu tình,
**Chính do sự sanh để,
Do sanh, có dị loại.***

*Hãy xem cỏ và cây,
Dầu chúng không nhận thức,
Chúng có tướng thọ sanh,
Do sanh, có dị loại.*

*Hãy xem loại côn trùng,
Bướm đêm, các loại kiến,
Chúng có tướng thọ sanh,
Do sanh, có dị loại.*

*Hãy xem loại bốn chân,
Loại nhỏ và loại lớn,
Chúng có tướng thọ sanh,
Do sanh, có dị loại.*

*Hãy xem loài bò sát,
Loại rắn, loại lươn dài,
Chúng có tướng thọ sanh,
Do sanh, có dị loại.*

*Hãy xem các loại cá,
Loại sinh sống trong nước,
Chúng có tướng thọ sanh,
Do sanh, có dị loại.*

Hãy xem các loại chim,

*Loại có cánh trên trời,
Chúng có tướng thọ sanh,
Do sanh, có dị loại.*

*Tùy theo sự thọ sanh,
Chúng có tướng tùy sanh.
Trong thế giới loài Người,
Tướng sanh không có nhiều,
Không ở đầu mái tóc,
Không ở tai, ở mắt,
Không ở miệng, ở mũi,
Không ở môi, ở mày,
Không ở cổ, ở nách,
Không ở bụng, ở lưng,
Không ở ngực, ở vú,
Không âm hộ, hành dâm.
Không ở tay, ở chân,
Không ở ngón, ở móng,
Không ở cổ chân, vế,
Không ở sắc, ở tiếng.
Không tướng, do tùy sanh,
Tùy sanh, loại sai khác.
**Trên tự thân con người,
Không có gì đặc biệt.
Chỉ tùy theo danh xưng,
Loài Người được kêu gọi.
Đối người tự sinh sống.***

*Chăn bò, lo ruộng đất,
Vasettha hãy biết,
Kẻ ấy là nông phu,
Không phải Bà-la-môn.*

*Ai sống theo nghề nghiệp,
Vasettha hãy biết,
Kẻ ấy là công thợ,
Không phải Bà-la-môn.*

*Ai sống nghề buôn bán,
Vasettha hãy biết,
Kẻ ấy là thương nhân,
Không phải Bà-la-môn.*

*Ai sống hầu hạ người,
Vasettha hãy biết,
Kẻ ấy là nô bộc,
Không phải Bà-la-môn.*

*Ai sống lấy của người,
Vasettha hãy biết,
Kẻ ấy là kẻ trộm,
Không phải Bà-la-môn.*

*Ai sống nghề cung tên,
Vasettha hãy biết,
Kẻ ấy là nhà binh,
Không phải Bà-la-môn.*

*Ai sống nghề tế tự,
Vasettha hãy biết,
Kẻ ấy là tế quan,
Không phải Bà-la-môn.*

*Ai sống giữa loài Người,
Thọ hưởng làng, quốc độ,
Vasettha hãy biết,
Kẻ ấy là vua chúa,
Không phải Bà-la-môn.*

***Và Ta không có gọi,
Kẻ ấy Bà-la-môn.
Chỉ vì do thọ sanh,
Dầu vị ấy cao sang,
Dầu vị ấy giàu có,
Nhưng còn ham thế lợi.***

***Không tham lam thế lợi,
Không chấp thủ sở hữu,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.***

***Vị đoạn tận kiết sử,
Không ai không sợ hãi,
Siêu việt mọi chấp trước,
Thoát ly các hệ phược,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.***

*Cắt dây thừng, dây ách,
Dây cương, cùng dây trói,
Quăng đi cây chấn ngang,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Bạc sáng suốt, giác ngộ,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Ai không lỗi, chịu đựng,
Nhiếp mạng cùng đánh trói,
Trang bị với nhân lực,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Không phản nộ, giữ luật,
Có giới hạnh không kiêu,
Nhiếp phục, thân tối hậu,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Như nước trên lá sen,
Hột cải trên đỉnh nhọn,
Không tham luyến dục vọng,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Ai biết ngay đời này
Khó vì ngã đoạn tận,
Gánh nặng được đặt xuống,
Xa lìa các hệ phược,*

*Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Tuệ thâm sâu, có trí
Thiện xảo đạo phi đạo,
Đích tối thượng đạt được,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Ai không còn liên hệ,
Cả tại gia, xuất gia,
Không nhà trú, thiếu dục,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Bỏ gậy đối chúng sanh,
Kẻ yếu cùng kẻ mạnh,
Không giết, không hại ai,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Giữa kẻ thù, không thù,
Giữa hung bạo, an tịnh,
Giữa chấp thủ, không chấp,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Dối, tham, sân, mạn, phú,
Ai bỏ rơi được chúng,
Như hột cải rơi khỏi.*

*Đầu nhọn của mũi kim,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Ai dạy thật nhỏ nhẹ,
Nói lên lời chơn thực,
Không xúc chạm một ai,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Dài ngắn hay lớn nhỏ,
Thanh tịnh hay bất tịnh,
Ở đời vật dài ngắn,
Lớn, nhỏ, tịnh, bất tịnh,
Không lấy vật không cho,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Với ai không tham cầu,
Đời này và đời sau,
Từ bỏ mọi tham cầu,
Đoạn rời mọi hệ phược,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Ai không có chấp tàng,
Với trí đoạn nghi hoặc,
Đạt nhập đáy bất tử.
Kẻ ấy Ta mới gọi,*

Chánh danh Bà-la-môn.

*Ở đời ai vượt khỏi,
Mọi buộc ràng thiện ác,
Không sâu, không bụi uế,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Ai không uế, thanh tịnh,
Không gợn, sáng như trăng,
Hy, hữu được đoạn trừ,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Ai vượt qua hiểm lộ,
Ác lộ, luân hồi, si,
Vượt khỏi, đến bờ kia,
Thiền tư, không dao động,
Đoạn trừ mọi nghi hoặc,
An tịnh, không chấp trước,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Ở đời, bỏ dục vọng,
Không nhà, sống xuất gia,
Đoạn trừ dục và hữu,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

Ở đời, bỏ tham ác,

*Không nhà, sống xuất gia,
Đoạn trừ ác và hữu,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Ai từ bỏ nhân ách,
Vượt qua cả thiên ách,
Đoạn trừ mọi ách nạn,
Thoát ly mọi hệ phược,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Từ bỏ lạc, bắt lạc,
Thanh lương, không y trú,
Chiến thắng mọi thế giới,
Bậc anh hùng dũng mãnh,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Ai biết thật hoàn toàn,
Sự sanh diệt chúng sanh,
Không tham trước, Thiện Thệ,
Giác ngộ, đạt chánh giác,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Không biết chỗ sở thủ,
Thiên, Nhân, Càn-thát-bà,
Lậu hoặc được đoạn trừ,*

*Bậc Ứng Cúng, La-Hán,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Ai không có chấp trước,
Đời trước, sau, đời này,
Không chấp, không sở hữu,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Nguru vương, bậc Tối thắng,
Anh hùng, bậc Đại sĩ,
Bậc Chinh phục, Bất động,
Tắm sạch, bậc Giác Ngộ,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

*Ai biết được đời trước,
Thấy được thiện, ác thú,
Đạt được sanh diệt đoạn,
Kẻ ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.*

***Điều thế giới cho gọi,
Là "tên" và "gia tộc",
Chỉ tục danh, thông danh,
Danh từ khởi nhiều chỗ.***

*Đã lâu đời chấp trước,
Tà kiến của kẻ ngu,*

*Kẻ ngu tự tuyên bố,
Bà-la-môn do sanh.*

*Không phải do sanh để,
Được gọi Bà-la-môn,
Không phải do sanh để,
Gọi phi Bà-la-môn.*

*Chính do sự hành động
Được gọi Bà-la-môn,
Chính do sự hành động
Gọi phi Bà-la-môn.*

*Hành động làm nông phu,
Hành động làm công thợ,
Hành động làm lái buôn,
Hành động làm nô bộc.
Hành động làm ăn trộm,
Hành động làm nhà binh.
Hành động làm tế quan,
Hành động làm vua chúa,
Kẻ trí thấy hành động,
Như thật là như vậy.*

*Thấy rõ lý duyên khởi,
Biết rõ nghiệp dị thực,
Do nghiệp, đời luân chuyển
Do nghiệp, người luân hồi.
Nghiệp trói buộc chúng sanh,*

Như trục xe quay bánh.

*Do khổ hạnh, Phạm hạnh,
Tiết chế và chế ngự,
Tác thành Bà-la-môn.*

*Bà-la-môn như vậy,
Mới thật là tối thượng,
Ba Vệ-đà thành tựu,
An tịnh, tái sanh đoạn,
Vesettha nên biết,
Kẻ ấy được Phạm thiên,
Được Thiên chủ Sakka,
Biết đến thật tường tận.*

Khi được nghe nói vậy, hai thanh niên Bà-la-môn Vasettha và Bharadvaja bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! ... chúng con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận chúng con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, chúng con trọn đời quy ngưỡng.

221 Kinh Pháp Cú - Thoát nạ quỷ nhờ nghe và hành trì Pháp Cú - Kinh Piyankara - Tương I, 462

Piyankara – *Tương I*, 462

- 1) Một thời Tôn giả Anuruddha trú ở Sàvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anàthapindika.
- 2) Lúc bảy giờ Tôn giả Anuruddha thức dậy khi đêm vừa mới sáng, đang tụng đọc **pháp cú**.
- 3) Một nữ Dạ-xoa, mẹ của Piyankara dỗ cho con nín như sau:

Này Piyankara,
Chớ có sanh tiếng động,
Vị Tỷ-kheo đang tụng,
Những lời về **pháp cú**.
Nếu chúng ta biết được,
Học được pháp cú này,
Rồi như pháp hành trì,
Chúng ta được lợi ích.

Không sát hại sanh vật,
Không cố ý nói láo,
Tự học tập **giới** luật,

Chúng ta thoát nợ quý.

222 Kinh Pháp cú - Chư Thiên thích nghe đọc tụng Pháp cú - Kinh Tụng Học Kinh Điền Hay Pháp – Tương I, 445

Tụng Học Kinh Điền Hay Pháp – *Tương I*, 445

- 1) Một thời, một Tỷ-kheo sống giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng.
- 2) Lúc bảy giờ, Tỷ-kheo ấy trước kia siêng năng **tụng kinh** rất nhiều, sau một thời gian, trở thành thụ động, im lặng, an phận.
- 3) Rồi **một vị Thiên** trú ở khu rừng ấy không được nghe pháp từ Tỷ-kheo ấy, liền đi đến vị ấy.
- 4) Sau khi đến, vị Thiên ấy nói lên những bài kệ cho Tỷ-kheo ấy:

Này Tỷ-kheo, sao Ông
Sống chung các Tỷ-kheo,
Lại không chịu tụng đọc,
*Các kinh điển **pháp cú**?*
Ai nghe thuyết Chánh pháp,
Tâm sanh được tịnh tín.
Và ngay đời hiện tại,
Được mọi người tán thán.

(Vị Tỷ-kheo):

5) *Trước kia đối pháp cú,
Ta tha thiết tìm hiểu,
Cho đến khi chứng được,
Quả vị **bác ly dục**;*

*Từ khi chứng ly dục,
Mọi thấy, nghe, xúc cảm,
Nhờ trí tuệ hiểu biết,
Đều được bỏ một bên.
Chính các bậc Hiền thiện,
Giảng dạy là như vậy.*

223 Kinh Pháp cú - Nó mắng tôi đánh tôi - Kinh TÙY PHIỀN NÃO – 128 Trung III, 379

KINH TÙY PHIỀN NÃO (Upakkilesa sutta)

– Bài kinh số 128 – Trung III, 379

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Kosambi (Kiều-thường-di), tại tịnh xá Ghosita (Cù-sur-la). Lúc bấy giờ các Tỷ-kheo ở Kosambi sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh nhau, đả thương nhau bằng những binh khí miệng lưỡi. Rồi một Tỷ-kheo đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, các Tỷ-kheo ở Kosambi, sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh nhau, đả thương nhau bằng những binh khí miệng lưỡi. Tốt lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn vì lòng từ mẫn, đến các Tỷ-kheo ấy.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Thế Tôn đi đến

các Tỷ-kheo ấy, sau khi đến liền nói với họ:

– Thôi vừa rồi, các Tỷ-kheo! Chớ có cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh nhau!

Khi nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn bậc Pháp Chủ, hãy dừng lại! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có nhọc lòng! Thế Tôn hãy an trú, chú tâm và hiện tại lạc trú! Vì rằng chúng con chịu trách nhiệm về sự cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh này.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy:

– Thôi vừa rồi, này các Tỷ-kheo! Chớ có cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh nhau.

Lần thứ hai Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn bậc Pháp Chủ hãy dừng lại! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có nhọc lòng! Thế Tôn hãy an trú, chú tâm và hiện tại lạc trú! Vì rằng chúng con chịu trách nhiệm về sự cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh này.

Lần thứ ba, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy:

– Thôi vừa rồi, này các Tỷ-kheo! Chớ có cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh nhau!

Lần thứ ba, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn bậc Pháp Chủ hãy dừng lại! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có nhọc lòng! Thế Tôn hãy an trú, chú tâm vào hiện tại lạc trú! Vì rằng chúng con chịu trách nhiệm về sự cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh này.

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát và đi vào Kosambi để khát thực. Sau khi đi khát thực ở Kosambi, ăn xong, trên con đường khi khát thực trở về, sau khi dọn dẹp chỗ nằm, lấy y bát, Ngài đứng và nói bài kệ:

*Giữa quần chúng la ó,
Không ai nghĩ mình ngu,
Giữa Tăng chúng phân ly
Có ai nghĩ hướng thượng?*

*Thất niệm kẻ trí nói,
Ba hoa trăm thứ chuyện,
Miệng há, nói thả dàn,
Dẫn đi đâu, ai biết?*

"Nó mắng tôi, đánh tôi!

*Nó hại tôi, cướp tôi!"
Ai ôm oán niệm ấy,
Hận thù không thể nguôi.*

*"Nó mắng tôi, đánh tôi!
Nó hại tôi, cướp tôi!"
Không ôm oán niệm ấy,
Hận thù sẽ tự nguôi.*

*Hận thù diệt hận thù,
Không đời nào diệt được,
Từ bi diệt hận thù,
Là định luật ngàn thu.*

*"Người khác không hiểu biết,
Ở đây ta bị diệt",
Nhưng ai hiểu điều này,
Nhờ vậy, tranh luận tiêu.*

*Kẻ chủ xướng hại mạng,
Cướp bò, ngựa tài sản,
Kẻ cướp đoạt quốc độ,
Họ còn biết đoàn kết,
Sao các Ông không vậy?*

*Nếu được bạn hiền trí,
Đồng hành, khéo an trú,*

*Đả thắng mọi hiểm nạn,
Sống hoan hỷ chánh niệm.*

*Nếu không bạn hiền trí,
Như vua bỏ quốc độ,
Cô độc như voi rừng.
Tốt hơn, sống một mình,
Không bè bạn kẻ ngu,
Cô độc không làm ác,
Nhàn hạ, như voi rừng.*

Rồi Thế Tôn đứng nói lên những câu kệ này, rồi đi đến làng Balakalonakara. Khi ấy, Tôn giả Bhagu sống ở trong làng Balakalonakara. Tôn giả Bhagu thấy Thế Tôn từ xa đi đến, liền sắp đặt chỗ ngồi và nước rửa chân. Thế Tôn ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn; sau khi ngồi, Ngài rửa chân. Tôn giả Bhagu đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Bhagu đang ngồi một bên:

– Này Tỷ-kheo, có được an lành không? Có được sống yên vui không? Đi khát thực, có khỏi mệt nhọc không?

– Bạch Thế Tôn, con được an lành. Bạch Thế Tôn, con sống yên vui. Bạch Thế Tôn, con đi khát thực khỏi có mệt nhọc.

Rồi Thế Tôn sau khi với thời thuyết pháp khích lệ Tôn giả Bhagu, làm cho hân hoan, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Pacinavamsadaya.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Anurudha (A-na-luật), Tôn giả Nandiya (Nan-đề) và Tôn giả Kimbila (Kim-ty-la) trú ở Pacinavamasadaya. Người giữ vườn thấy Thế Tôn từ xa đi đến, khi thấy vậy liền bạch Thế Tôn:

– Này Sa-môn, chớ có vào khu vườn này. Có ba Thiện gia nam tử, rất ái luyện tự ngã (attakamanipa) trú tại đây. Chớ có phiền nhiễu các vị ấy.

Tôn giả Anuruddha nghe người giữ khu vườn nói chuyện với Thế Tôn, liền nói với người giữ vườn:

– Này người Giữ vườn, chớ có ngăn chặn Thế Tôn! Thế Tôn bậc Đạo sư của chúng tôi đã đến.

Rồi Tôn giả Anuruddha đi đến Tôn giả Nandiya và Tôn giả Kimbila và nói:

– Chư Tôn giả hãy đến! Chư Tôn giả hãy đến! Thế Tôn, bậc Đạo sư của chúng ta đã đến.

Rồi Tôn giả Anuruddha, Tôn giả Nandiya và

Tôn giả Kimbila ra đón Thế Tôn, một người cầm y bát Thế Tôn, một người sửa soạn chỗ ngồi, một người đặt sẵn nước rửa chân. Thế Tôn ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn; sau khi ngồi, Thế Tôn rửa chân. Rồi các Tôn giả ấy đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Anuruddha đang ngồi xuống một bên:

– Nay các Anuruddha, các Ông có được an lành không? Có được sống yên vui không? Đi khát thực có khỏi mệt nhọc không?

– Bạch Thế Tôn, chúng con được an lành. Bạch Thế Tôn, chúng con sống yên vui. Bạch Thế Tôn, chúng con đi khát thực khỏi có mệt nhọc.

– Nay các Anuruddha, các Ông có sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, không có cãi nhau. Như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm không?

– Bạch Thế Tôn, thật sự chúng con sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, không có cãi nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm.

– Nay các Anuruddha, như thế nào các Ông sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm?

– Bạch Thế Tôn, ở đây chúng con nghe như sau: "Thật lợi ích thay cho ta! Thật khéo lợi ích thay cho ta, khi ta được sống với các đồng Phạm hạnh như vậy! Bạch Thế Tôn, do vậy đối với các vị đồng Phạm hạnh này, con khởi lên từ thân nghiệp, trước mặt và sau lưng; con khởi lên từ khẩu nghiệp, trước mặt và sau lưng, con khởi lên từ ý nghiệp, trước mặt và sau lưng. Bạch Thế Tôn do vậy chúng con nghĩ như sau: **"Ta hãy từ bỏ tâm của ta và sống thuận theo tâm của những Tôn giả này"**. Và bạch Thế Tôn, con từ bỏ tâm của con, và sống thuận theo tâm của những Tôn giả ấy. Bạch Thế Tôn, **chúng con tuy khác thân nhưng giống như đồng một tâm**.

Rồi Tôn giả Nandiya... (như trên)... Rồi Tôn giả Kimbila bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ở đây chúng con nghĩ như sau: "Thật lợi ích thay cho ta! Thật khéo lợi ích thay cho ta, khi ta được sống với các vị đồng Phạm hạnh như vậy!" Bạch Thế Tôn, do vậy đối với các vị đồng Phạm hạnh này, con khởi lên từ thân nghiệp, trước mặt và sau lưng; con khởi lên từ khẩu nghiệp, trước mặt và sau lưng, con khởi lên từ ý nghiệp, trước mặt và sau lưng. Bạch Thế Tôn, do vậy chúng con nghĩ như sau: "Ta hãy từ bỏ tâm của ta và sống thuận theo tâm của những Tôn giả này". Và bạch Thế Tôn, con

từ bỏ tâm của con và sống thuận theo tâm của những Tôn giả ấy. Bạch Thế Tôn, chúng con tuy khác thân nhưng giống như đồng một tâm.

Bạch Thế Tôn, như vậy chúng con sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm.

– *Lành thay, lành thay, này các Anuruddha! và này các Anuruddha, các Ông có sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần không?*

– Bạch Thế Tôn, thật sự chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– *Này các Anuruddha, như thế nào, các Ông sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần?*

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con, ai đi vào làng khát thực về trước, người ấy sắp đặt các chỗ ngồi, soạn sẵn nước uống, nước rửa chân, soạn sẵn một bát để bỏ đồ dư. Ai đi vào làng khát thực về sau, người ấy, còn đồ ăn để lại, nếu muốn thì ăn, nếu không muốn thì bỏ vào chỗ không có cỏ xanh hay đổ vào nước không có loài côn trùng. Người ấy xếp dọn lại các chỗ ngồi, cất đi nước uống, nước rửa chân, cất đi cái bát để bỏ đồ dư và quét sạch nhà ăn. Ai thấy ghè nước uống, ghè nước rửa chân, hay ghè

nước trong nhà cầu hết nước trống không, người ấy sẽ lo liệu (nước). Nếu làm không nổi với sức bàn tay của mình, người ấy dùng tay ra hiệu gọi người thứ hai: "Chúng ta hãy lo liệu (nước)". Dầu vậy, bạch Thế Tôn, chúng con không vì vậy gây ra tiếng động. Và đến ngày thứ năm, bạch Thế Tôn, suốt cả một đêm chúng con ngồi đàm luận về đạo pháp. Như vậy, bạch Thế Tôn, chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Lành thay, lành thay, này các Anuruddha! Này Anuruddha, các Ông sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, *các Ông có chứng được pháp thượng nhân tri kiến thù thắng, xứng đáng bậc Thánh, sống thoải mái an lạc không?*

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, chúng con nhân thấy được hào quang, cũng như sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Chúng con không được hiểu rõ tướng ấy là gì.

– Này các Anuruddha, tướng ấy các Ông cần phải hiểu rõ. Ta cũng vậy, này các Anuruddha, **trước khi giác ngộ**, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, còn là Bồ-tát, Ta nhận thấy hào quang và sự hiện khởi các

sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp.

Này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì hào quang biến mất đối với Ta, cùng với sự hiện khởi các sắc pháp". Này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Nghi hoặc** khởi lên nơi Ta. Vì có nghi hoặc nên định của Ta bị biến diệt; khi định biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta sẽ phải làm thế nào để nghi hoặc không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy được hào quang cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta, cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Do nhân gì, do duyên gì, hào quang biến mất nơi Ta, cùng với sự hiện khởi của các sắc pháp?**" Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Không tác ý** khởi lên nơi Ta Vì không có tác ý, nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm như thế nào để nghi hoặc và không tác ý không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng

dật.. (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Hôn trầm, thùy miên**, khởi lên nơi Ta. Vì có hôn trầm, thùy miên nên định của Ta bị biến diệt; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm như thế nào để nghỉ hoặc, không tác ý và hôn trầm, thùy miên không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật... (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Sự sợ hãi** khởi lên nơi Ta. Vì có sợ hãi, nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp". *Ví như, này các Anuruddha, một người đang đi trên con đường, có kẻ giết người nhảy đến (công kích) từ hai phía. Do nhân duyên từ hai phía, người ấy khởi lên sợ hãi.* Cũng vậy, này các Anuruddha, sợ hãi khởi lên nơi Ta. Vì có sợ hãi, nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc, không tác ý hôn trầm, thùy miên và sự sợ hãi không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật.. (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Sự phẩn chấn** (ubbilla) khởi lên nơi

Ta. Vì có sự phẩn chấn, nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. *Ví như, này các Anuruddha, một người đi tìm cửa miệng một kho tàng, và trong một lần tìm được nắm cửa miệng kho tàng, do nhân duyên này phẩn chấn khởi lên.* Cũng vậy, này các Anuruddha, phẩn chấn khởi lên nơi Ta. Vì có phẩn chấn nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm thế nào, để nghỉ hoặc, không tác ý, hôn trầm, thụy miên, sợ hãi và sự phẩn chấn không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật... (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Dâm ý** (duttthullam) khởi lên nơi Ta. Vì có dâm ý, nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc không tác ý, hôn trầm, thụy miên, sợ hãi, phẩn chấn, dâm ý không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật.... (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Sự tỉnh cần quá độ** khởi lên nơi Ta, và vì có tỉnh cần quá độ, nên định lực biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng

với sự hiện khởi các sắc pháp. *Ví như này các Anuruddha, một người với hai tay bắt nắm quá chặt một con chim cáy khiến con chim chết liền tại chỗ. Cũng vậy, này các Anuruddha, tinh cần quá độ khởi lên nơi Ta. Vì có tinh cần quá độ... cùng với sự hiện khởi các sắc pháp.* Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc, không tác ý, hôn trầm, thụy miên, sợ hãi, phẩn chấn, dâm ý, và tinh cần quá độ không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật... (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Tinh cần quá yếu đuối** khởi lên nơi Ta. Vì có tinh cần quá yếu đuối, nên định biến diệt nơi Ta; khi định biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. *Ví như này các Anuruddha, một người bắt một con chim cáy quá lỏng lẻo, con chim ấy bay khỏi hai tay của người ấy.* Cũng vậy, này các Anuruddha, ... (như trên)... cùng với sự hiện khởi các sắc pháp). Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc, không tác ý, hôn trầm, thụy miên, sợ hãi, phẩn chấn, dâm ý, tinh cần quá độ và tinh cần quá yếu đuối không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật ... (như trên) ... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Ái dục** khởi lên nơi Ta. Vì có ái dục..

với sự hiện khởi các sắc pháp... (như trên)... Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc, không tác ý... (như trên)... tinh cần quá yếu đuối và ái dục không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống... Rồi này các Anuruddha, Ta nghĩ như sau: "**Sai biệt tưởng** khởi lên nơi Ta... cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc... (như trên)... ái dục và sai biệt tưởng không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, và Ta nhận thấy được hào quang cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Những hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì, hào quang biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp?" Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Một trạng thái quá chú tâm vào các sắc pháp** khởi lên nơi Ta... cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm như thế nào để nghỉ hoặc.. (như trên)... các tưởng sai biệt và trạng thái quá chú tâm vào các sắc pháp không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, **sau khi biết được nghỉ hoặc là một phiên não của tâm,** Ta đoạn trừ nghỉ

hoặc, phiền não của tâm; sau khi biết được không tác ý là một phiền não của tâm, Ta đoạn trừ không tác ý, phiền não của tâm; sau khi biết được hôn trầm, thụy miên... sau khi biết được sợ hãi... sau khi biết được phân chân.... sau khi biết được dâm ý... sau khi biết được sự tinh cần quá độ... sau khi biết được sự tinh cần quá yếu đuối... sau khi biết được dục ái... sau khi biết được tướng sai biệt... sau khi biết được trạng thái quá chú tâm đến sắc pháp là một phiền não của tâm, Ta đoạn trừ trạng thái quá chú trọng vào các sắc pháp, một phiền não của tâm.

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy được hào quang nhưng Ta không thấy các sắc pháp cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày. Ta thấy các sắc pháp nhưng không nhận thấy hào quang. Về vấn đề này, này các Anuruddha, **Ta suy nghĩ như sau:** *"Do nhân gì, do duyên gì, Ta chỉ nhận thấy hào quang, nhưng không thấy sắc pháp: cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày?"* Ta chỉ thấy các sắc pháp nhưng không nhận thấy hào quang. Về vấn đề này, này các Anuruddha, **Ta suy nghĩ như sau:** *"Trong khi Ta không tác ý sắc tướng, nhưng có tác ý hào quang tướng, trong khi ấy ta nhận thấy hào quang, (nhưng) không thấy sắc pháp. Còn trong khi Ta không tác ý hào quang tướng (nhưng) tác ý sắc tướng; trong khi ấy Ta thấy các*

sắc pháp, (nhưng) không nhận thấy hào quang, cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy hào quang có hạn lượng và thấy được các sắc pháp có hạn lượng; nhận thấy hào quang vô lượng và nhận thấy được các sắc pháp vô lượng, cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày. Về vấn đề này, này các Anuruddha, **Ta suy nghĩ như sau**: "*Do nhân gì, do duyên gì, Ta nhận thấy hào quang có hạn lượng và thấy các sắc pháp có hạn lượng; nhận thấy hào quang vô lượng và thấy được các sắc pháp vô lượng, cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày?"* Về vấn đề này, này các Anuruddha, **Ta suy nghĩ như sau**: "*Khi nào định có hạn lượng, khi ấy mắt của Ta có hạn lượng; với con mắt có hạn lượng. Ta nhận thấy hào quang có hạn lượng và thấy sắc pháp có hạn lượng. Nhưng khi nào định của Ta không hạn lượng, trong khi ấy mắt của Ta thành vô lượng, và với con mắt vô lượng ấy, Ta nhận thấy hào quang vô lượng và thấy các sắc pháp vô lượng cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày".*

Này các Anuruddha, khi nào biết được nghi hoặc là một phiền não của tâm, thời nghi hoặc phiền não của tâm được đoạn trừ; khi nào biết được không tác ý là một phiền não của tâm, thời

không tác ý phiền não của tâm được đoạn trừ; khi nào biết được hôn trầm, thụy miên...; khi nào biết được sợ hãi...; khi nào biết được phân chấn...; khi nào biết được dâm ý...; khi nào biết được tinh cần quá độ...; khi nào biết được sự tinh cần quá yếu đuối...; khi nào biết được dục ái...; khi nào biết được tưởng sai biệt...; khi nào biết được trạng thái quá chú tâm đến các sắc pháp là một phiền não của tâm, thời trạng thái quá chú tâm đến các sắc pháp một phiền não của tâm được đoạn trừ.

Rồi này các Anuruddha, **Ta suy nghĩ như sau:**
"Những phiền não tâm của Ta đã được đoạn trừ. Nay Ta tu tập ba loại định". Rồi này các Anuruddha:

- Ta tu tập định có tâm, có tứ;
- Ta tu tập định không có tâm, chỉ có tứ;
- Ta tu tập định không tâm không tứ;
- Ta tu tập định có hỷ;
- Ta tu tập định không có hỷ;
- Ta tu tập định câu hữu với lạc;
- Ta tu tập định câu hữu với xả.

Này các Anuruddha, **khi nào Ta tu tập định có tâm, có tứ; khi nào Ta tu tập định không tâm chỉ có**

tứ; khi nào Ta tu tập định không có tâm, không có tứ; khi nào Ta tu tập định có hỷ; khi nào Ta tu tập định không có hỷ; khi nào Ta tu tập định câu hữu với xả, **thời tri kiến khởi lên nơi Ta:** *"Giải thoát của Ta là bất động, đây là đời sống cuối cùng của Ta, nay không còn hiện hữu".*

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Anuruddha hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy

224 Kinh Pháp cú - Nếu được bạn hiền trí - Kinh TÙY PHIỀN NÃO – 128 Trung III, 379

KINH TÙY PHIỀN NÃO (Upakkilesa sutta)

– Bài kinh số 128 – Trung III, 379

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Kosambi (Kiều-thường-di), tại tịnh xá Ghosita (Cù-sur-la). Lúc bấy giờ các Tỷ-kheo ở Kosambi sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh nhau, đả thương nhau bằng những binh khí miệng lưỡi. Rồi một Tỷ-kheo đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, các Tỷ-kheo ở Kosambi, sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh nhau, đả thương nhau bằng những binh khí miệng lưỡi. Tốt lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn vì lòng từ mẫn, đến các Tỷ-kheo ấy.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Thế Tôn đi đến

các Tỷ-kheo ấy, sau khi đến liền nói với họ:

– Thôi vừa rồi, các Tỷ-kheo! Chớ có cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh nhau!

Khi nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn bậc Pháp Chủ, hãy dừng lại! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có nhọc lòng! Thế Tôn hãy an trú, chú tâm và hiện tại lạc trú! Vì rằng chúng con chịu trách nhiệm về sự cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh này.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy:

– Thôi vừa rồi, này các Tỷ-kheo! Chớ có cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh nhau.

Lần thứ hai Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn bậc Pháp Chủ hãy dừng lại! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có nhọc lòng! Thế Tôn hãy an trú, chú tâm và hiện tại lạc trú! Vì rằng chúng con chịu trách nhiệm về sự cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh này.

Lần thứ ba, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy:

– Thôi vừa rồi, này các Tỷ-kheo! Chớ có cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh nhau!

Lần thứ ba, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn bậc Pháp Chủ hãy dừng lại! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có nhọc lòng! Thế Tôn hãy an trú, chú tâm vào hiện tại lạc trú! Vì rằng chúng con chịu trách nhiệm về sự cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh này.

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát và đi vào Kosambi để khát thực. Sau khi đi khát thực ở Kosambi, ăn xong, trên con đường khi khát thực trở về, sau khi dọn dẹp chỗ nằm, lấy y bát, Ngài đứng và nói bài kệ:

*Giữa quần chúng la ó,
Không ai nghĩ mình ngu,
Giữa Tăng chúng phân ly
Có ai nghĩ hướng thượng?*

*Thất niệm kẻ trí nói,
Ba hoa trăm thứ chuyện,
Miệng há, nói thả dàn,
Dẫn đi đâu, ai biết?*

"Nó mắng tôi, đánh tôi!"

*Nó hại tôi, cướp tôi!"
Ai ôm oán niệm ấy,
Hận thù không thể nguôi.*

*"Nó mắng tôi, đánh tôi!
Nó hại tôi, cướp tôi!"
Không ôm oán niệm ấy,
Hận thù sẽ tự nguôi.*

*Hận thù diệt hận thù,
Không đời nào diệt được,
Từ bi diệt hận thù,
Là định luật ngàn thu.*

*"Người khác không hiểu biết,
Ở đây ta bị diệt",
Nhưng ai hiểu điều này,
Nhờ vậy, tranh luận tiêu.*

*Kẻ chủ xướng hại mạng,
Cướp bò, ngựa tài sản,
Kẻ cướp đoạt quốc độ,
Họ còn biết đoàn kết,
Sao các Ông không vậy?*

*Nếu được bạn hiền trí,
Đồng hành, khéo an trú,*

*Đả thắng mọi hiểm nạn,
Sống hoan hỷ chánh niệm.*

*Nếu không bạn hiền trí,
Như vua bỏ quốc độ,
Cô độc như voi rừng.
Tốt hơn, sống một mình,
Không bè bạn kẻ ngu,
Cô độc không làm ác,
Nhàn hạ, như voi rừng.*

Rồi Thế Tôn đứng nói lên những câu kệ này, rồi đi đến làng Balakalonakara. Khi ấy, Tôn giả Bhagu sống ở trong làng Balakalonakara. Tôn giả Bhagu thấy Thế Tôn từ xa đi đến, liền sắp đặt chỗ ngồi và nước rửa chân. Thế Tôn ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn; sau khi ngồi, Ngài rửa chân. Tôn giả Bhagu đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Bhagu đang ngồi một bên:

– Này Tỷ-kheo, có được an lành không? Có được sống yên vui không? Đi khát thực, có khỏi mệt nhọc không?

– Bạch Thế Tôn, con được an lành. Bạch Thế Tôn, con sống yên vui. Bạch Thế Tôn, con đi khát thực khỏi có mệt nhọc.

Rồi Thế Tôn sau khi với thời thuyết pháp khích lệ Tôn giả Bhagu, làm cho hân hoan, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Pacinavamsadaya.

Lúc bảy giờ, Tôn giả Anurudha (A-na-luật), Tôn giả Nandiya (Nan-đề) và Tôn giả Kimbila (Kim-ty-la) trú ở Pacinavamasadaya. Người giữ vườn thấy Thế Tôn từ xa đi đến, khi thấy vậy liền bạch Thế Tôn:

– Này Sa-môn, chớ có vào khu vườn này. Có ba Thiện gia nam tử, rất ái luyện tự ngã (attakamanipa) trú tại đây. Chớ có phiền nhiễu các vị ấy.

Tôn giả Anuruddha nghe người giữ khu vườn nói chuyện với Thế Tôn, liền nói với người giữ vườn:

– Này người Giữ vườn, chớ có ngăn chặn Thế Tôn! Thế Tôn bậc Đạo sư của chúng tôi đã đến.

Rồi Tôn giả Anuruddha đi đến Tôn giả Nandiya và Tôn giả Kimbila và nói:

– Chư Tôn giả hãy đến! Chư Tôn giả hãy đến! Thế Tôn, bậc Đạo sư của chúng ta đã đến.

Rồi Tôn giả Anuruddha, Tôn giả Nandiya và

Tôn giả Kimbila ra đón Thế Tôn, một người cầm y bát Thế Tôn, một người sửa soạn chỗ ngồi, một người đặt sẵn nước rửa chân. Thế Tôn ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn; sau khi ngồi, Thế Tôn rửa chân. Rồi các Tôn giả ấy đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Anuruddha đang ngồi xuống một bên:

– *Này các Anuruddha, các Ông có được an lành không? Có được sống yên vui không? Đi khát thực có khỏi mệt nhọc không?*

– Bạch Thế Tôn, chúng con được an lành. Bạch Thế Tôn, chúng con sống yên vui. Bạch Thế Tôn, chúng con đi khát thực khỏi có mệt nhọc.

– *Này các Anuruddha, các Ông có sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, không có cãi nhau. Như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm không?*

– Bạch Thế Tôn, thật sự chúng con sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, không có cãi nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm.

– *Này các Anuruddha, như thế nào các Ông sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm?*

– Bạch Thế Tôn, ở đây chúng con nghe như sau: "Thật lợi ích thay cho ta! Thật khéo lợi ích thay cho ta, khi ta được sống với các đồng Phạm hạnh như vậy! Bạch Thế Tôn, do vậy đối với các vị đồng Phạm hạnh này, con khởi lên từ thân nghiệp, trước mặt và sau lưng; con khởi lên từ khẩu nghiệp, trước mặt và sau lưng, con khởi lên từ ý nghiệp, trước mặt và sau lưng. Bạch Thế Tôn do vậy chúng con nghĩ như sau: **"Ta hãy từ bỏ tâm của ta và sống thuận theo tâm của những Tôn giả này"**. Và bạch Thế Tôn, con từ bỏ tâm của con, và sống thuận theo tâm của những Tôn giả ấy. Bạch Thế Tôn, **chúng con tuy khác thân nhưng giống như đồng một tâm**.

Rồi Tôn giả Nandiya... (như trên)... Rồi Tôn giả Kimbila bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ở đây chúng con nghĩ như sau: "Thật lợi ích thay cho ta! Thật khéo lợi ích thay cho ta, khi ta được sống với các vị đồng Phạm hạnh như vậy!" Bạch Thế Tôn, do vậy đối với các vị đồng Phạm hạnh này, con khởi lên từ thân nghiệp, trước mặt và sau lưng; con khởi lên từ khẩu nghiệp, trước mặt và sau lưng, con khởi lên từ ý nghiệp, trước mặt và sau lưng. Bạch Thế Tôn, do vậy chúng con nghĩ như sau: "Ta hãy từ bỏ tâm của ta và sống thuận theo tâm của những Tôn giả này". Và bạch Thế Tôn, con

từ bỏ tâm của con và sống thuận theo tâm của những Tôn giả ấy. Bạch Thế Tôn, chúng con tuy khác thân nhưng giống như đồng một tâm.

Bạch Thế Tôn, như vậy chúng con sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm.

– *Lành thay, lành thay, này các Anuruddha! và này các Anuruddha, các Ông có sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần không?*

– Bạch Thế Tôn, thật sự chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– *Này các Anuruddha, như thế nào, các Ông sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần?*

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con, ai đi vào làng khát thực về trước, người ấy sắp đặt các chỗ ngồi, soạn sẵn nước uống, nước rửa chân, soạn sẵn một bát để bỏ đồ dư. Ai đi vào làng khát thực về sau, người ấy, còn đồ ăn để lại, nếu muốn thì ăn, nếu không muốn thì bỏ vào chỗ không có cỏ xanh hay đổ vào nước không có loài côn trùng. Người ấy xếp dọn lại các chỗ ngồi, cất đi nước uống, nước rửa chân, cất đi cái bát để bỏ đồ dư và quét sạch nhà ăn. Ai thấy ghè nước uống, ghè nước rửa chân, hay ghè

nước trong nhà cầu hết nước trống không, người ấy sẽ lo liệu (nước). Nếu làm không nổi với sức bàn tay của mình, người ấy dùng tay ra hiệu gọi người thứ hai: "Chúng ta hãy lo liệu (nước)". Dầu vậy, bạch Thế Tôn, chúng con không vì vậy gây ra tiếng động. Và đến ngày thứ năm, bạch Thế Tôn, suốt cả một đêm chúng con ngồi đàm luận về đạo pháp. Như vậy, bạch Thế Tôn, chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Lành thay, lành thay, này các Anurudda! Này Anuruddha, các Ông sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, *các Ông có chứng được pháp thượng nhân tri kiến thù thắng, xứng đáng bậc Thánh, sống thoải mái an lạc không?*

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, chúng con nhân thấy được hào quang, cũng như sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Chúng con không được hiểu rõ tướng ấy là gì.

– Này các Anuruddha, tướng ấy các Ông cần phải hiểu rõ. Ta cũng vậy, này các Anuruddha, **trước khi giấc ngủ**, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, còn là Bồ-tát, Ta nhận thấy hào quang và sự hiện khởi các

sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp.

Này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì hào quang biến mất đối với Ta, cùng với sự hiện khởi các sắc pháp". Này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Nghi hoặc** khởi lên nơi Ta. Vì có nghi hoặc nên định của Ta bị biến diệt; khi định biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta sẽ phải làm thế nào để nghi hoặc không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy được hào quang cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta, cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Do nhân gì, do duyên gì, hào quang biến mất nơi Ta, cùng với sự hiện khởi của các sắc pháp?**" Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Không tác ý** khởi lên nơi Ta Vì không có tác ý, nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm như thế nào để nghi hoặc và không tác ý không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng

dật.. (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Hôn trầm, thùy miên**, khởi lên nơi Ta. Vì có hôn trầm, thùy miên nên định của Ta bị biến diệt; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm như thế nào để nghỉ hoặc, không tác ý và hôn trầm, thùy miên không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật... (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Sự sợ hãi** khởi lên nơi Ta. Vì có sợ hãi, nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp". *Ví như, này các Anuruddha, một người đang đi trên con đường, có kẻ giết người nhảy đến (công kích) từ hai phía. Do nhân duyên từ hai phía, người ấy khởi lên sợ hãi.* Cũng vậy, này các Anuruddha, sợ hãi khởi lên nơi Ta. Vì có sợ hãi, nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc, không tác ý hôn trầm, thùy miên và sự sợ hãi không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật.. (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Sự phẩn chấn** (ubbilla) khởi lên nơi

Ta. Vì có sự phẩn chấn, nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. *Ví như, này các Anuruddha, một người đi tìm cửa miệng một kho tàng, và trong một lần tìm được nắm cửa miệng kho tàng, do nhân duyên này phẩn chấn khởi lên.* Cũng vậy, này các Anuruddha, phẩn chấn khởi lên nơi Ta. Vì có phẩn chấn nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm thế nào, để nghỉ hoặc, không tác ý, hôn trầm, thụy miên, sợ hãi và sự phẩn chấn không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật... (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Dâm ý** (duttullam) khởi lên nơi Ta. Vì có dâm ý, nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc không tác ý, hôn trầm, thụy miên, sợ hãi, phẩn chấn, dâm ý không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật.... (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Sự tỉnh cần quá độ** khởi lên nơi Ta, và vì có tỉnh cần quá độ, nên định lực biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng

với sự hiện khởi các sắc pháp. *Ví như này các Anuruddha, một người với hai tay bắt nắm quá chặt một con chim cáy khiến con chim chết liền tại chỗ. Cũng vậy, này các Anuruddha, tinh cần quá độ khởi lên nơi Ta. Vì có tinh cần quá độ... cùng với sự hiện khởi các sắc pháp.* Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc, không tác ý, hôn trầm, thụy miên, sợ hãi, phẩn chấn, dâm ý, và tinh cần quá độ không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật... (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Tinh cần quá yếu đuối** khởi lên nơi Ta. Vì có tinh cần quá yếu đuối, nên định biến diệt nơi Ta; khi định biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. *Ví như này các Anuruddha, một người bắt một con chim cáy quá lỏng lẻo, con chim ấy bay khỏi hai tay của người ấy.* Cũng vậy, này các Anuruddha, ... (như trên)... cùng với sự hiện khởi các sắc pháp). Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc, không tác ý, hôn trầm, thụy miên, sợ hãi, phẩn chấn, dâm ý, tinh cần quá độ và tinh cần quá yếu đuối không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật ... (như trên) ... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Ái dục** khởi lên nơi Ta. Vì có ái dục..

với sự hiện khởi các sắc pháp... (như trên)... Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc, không tác ý... (như trên)... tinh cần quá yếu đuối và ái dục không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống... Rồi này các Anuruddha, Ta nghĩ như sau: "**Sai biệt tưởng** khởi lên nơi Ta... cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc... (như trên)... ái dục và sai biệt tưởng không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, và Ta nhận thấy được hào quang cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Những hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì, hào quang biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp?" Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Một trạng thái quá chú tâm vào các sắc pháp** khởi lên nơi Ta... cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm như thế nào để nghỉ hoặc.. (như trên)... các tưởng sai biệt và trạng thái quá chú tâm vào các sắc pháp không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, **sau khi biết được nghỉ hoặc là một phiên não của tâm,** Ta đoạn trừ nghỉ

hoặc, phiền não của tâm; sau khi biết được không tác ý là một phiền não của tâm, Ta đoạn trừ không tác ý, phiền não của tâm; sau khi biết được hôn trầm, thụy miên... sau khi biết được sợ hãi... sau khi biết được phân chân.... sau khi biết được dâm ý... sau khi biết được sự tinh cần quá độ... sau khi biết được sự tinh cần quá yếu đuối... sau khi biết được dục ái... sau khi biết được tướng sai biệt... sau khi biết được trạng thái quá chú tâm đến sắc pháp là một phiền não của tâm, Ta đoạn trừ trạng thái quá chú trọng vào các sắc pháp, một phiền não của tâm.

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy được hào quang nhưng Ta không thấy các sắc pháp cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày. Ta thấy các sắc pháp nhưng không nhận thấy hào quang. Về vấn đề này, này các Anuruddha, **Ta suy nghĩ như sau:** *"Do nhân gì, do duyên gì, Ta chỉ nhận thấy hào quang, nhưng không thấy sắc pháp: cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày?"* Ta chỉ thấy các sắc pháp nhưng không nhận thấy hào quang. Về vấn đề này, này các Anuruddha, **Ta suy nghĩ như sau:** *"Trong khi Ta không tác ý sắc tướng, nhưng có tác ý hào quang tướng, trong khi ấy ta nhận thấy hào quang, (nhưng) không thấy sắc pháp. Còn trong khi Ta không tác ý hào quang tướng (nhưng) tác ý sắc tướng; trong khi ấy Ta thấy các*

sắc pháp, (nhưng) không nhận thấy hào quang, cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy hào quang có hạn lượng và thấy được các sắc pháp có hạn lượng; nhận thấy hào quang vô lượng và nhận thấy được các sắc pháp vô lượng, cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày. Về vấn đề này, này các Anuruddha, **Ta suy nghĩ như sau**: *"Do nhân gì, do duyên gì, Ta nhận thấy hào quang có hạn lượng và thấy các sắc pháp có hạn lượng; nhận thấy hào quang vô lượng và thấy được các sắc pháp vô lượng, cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày?"* Về vấn đề này, này các Anuruddha, **Ta suy nghĩ như sau**: *"Khi nào định có hạn lượng, khi ấy mắt của Ta có hạn lượng; với con mắt có hạn lượng. Ta nhận thấy hào quang có hạn lượng và thấy sắc pháp có hạn lượng. Nhưng khi nào định của Ta không hạn lượng, trong khi ấy mắt của Ta thành vô lượng, và với con mắt vô lượng ấy, Ta nhận thấy hào quang vô lượng và thấy các sắc pháp vô lượng cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày".*

Này các Anuruddha, khi nào biết được nghi hoặc là một phiền não của tâm, thời nghi hoặc phiền não của tâm được đoạn trừ; khi nào biết được không tác ý là một phiền não của tâm, thời

không tác ý phiền não của tâm được đoạn trừ; khi nào biết được hôn trầm, thụy miên...; khi nào biết được sợ hãi...; khi nào biết được phân chấn...; khi nào biết được dâm ý...; khi nào biết được tinh cần quá độ...; khi nào biết được sự tinh cần quá yếu đuối...; khi nào biết được dục ái...; khi nào biết được tưởng sai biệt...; khi nào biết được trạng thái quá chú tâm đến các sắc pháp là một phiền não của tâm, thời trạng thái quá chú tâm đến các sắc pháp một phiền não của tâm được đoạn trừ.

Rồi này các Anuruddha, **Ta suy nghĩ như sau:**
"Những phiền não tâm của Ta đã được đoạn trừ. Nay Ta tu tập ba loại định". Rồi này các Anuruddha:

- Ta tu tập định có tâm, có tứ;
- Ta tu tập định không có tâm, chỉ có tứ;
- Ta tu tập định không tâm không tứ;
- Ta tu tập định có hỷ;
- Ta tu tập định không có hỷ;
- Ta tu tập định câu hữu với lạc;
- Ta tu tập định câu hữu với xả.

Này các Anuruddha, **khi nào Ta tu tập định có tâm, có tứ; khi nào Ta tu tập định không tâm chỉ có**

tứ; khi nào Ta tu tập định không có tâm, không có tứ; khi nào Ta tu tập định có hỷ; khi nào Ta tu tập định không có hỷ; khi nào Ta tu tập định câu hữu với xả, **thời tri kiến khởi lên nơi Ta:** *"Giải thoát của Ta là bất động, đây là đời sống cuối cùng của Ta, nay không còn hiện hữu".*

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Anuruddha hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy

225 Kinh Pháp cú - Pháp cú là những lời chỉ dạy của Đức Phật - Kinh Vendu – Tương I, 120

Vendu – Tương I, 120

1) Đứng một bên, **Thiên tử Vendu** nói lên bài kệ này
trước mặt Thế Tôn:

*2) Hạnh phúc thay những người,
Sau khi hầu Thiện Thệ,
Tuân phụng lời Ngài dạy,
Tu học không phóng dật!*

*3) Thế Tôn nói: Vendu!
Những ai Thiên tu học,
Trong pháp cú Ta dạy,
Tinh cần, không phóng dật,
Đúng thời họ sẽ đi,
Thoát khỏi tay tử thần.*

226 Kinh Pháp cú - Thắng trận sanh thù oán - Kinh Hai Lời Nói Về Chiến Tranh – Tương I, 188

Hai Lời Nói Về Chiến Tranh – *Tương I*, 188

Trú ở Sàvatthi.

1) Vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha, triệu tập bốn binh chủng gây chiến với vua Pasenadi nước Kosala và tiến đánh Kàsi.

2) Vua Pasenadi nước Kosala được nghe: "Vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha triệu tập bốn binh chủng gây chiến với ta và tiến đánh Kàsi."

3) Rồi vua Pasenadi nước Kosala sau khi triệu tập bốn loại binh chủng dàn trận ở Kàsi, chống vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha.

4) Rồi vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha, tấn công vua Pasenadi nước Kosala. Trong cuộc chiến trận, vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha **chiến thắng vua Pasenadi** nước Kosala. Bị chiến bại, vua Pasenadi nước Kosala lui về tại kinh đô Sàvatthi.

5) Rồi một số Tỷ-kheo, vào buổi sáng đắp y, cầm bát, đi vào Sàvatthi để khát thực. Đi khát thực ở Sàvatthi xong, sau bữa ăn, trên con đường đi khát thực trở về, họ đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

6) - Ở đây, bạch Thế Tôn, vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng gây chiến với vua Pasenadi nước Kosala, tiến đánh Kàsi. Bạch Thế Tôn, vua Pasenadi nước Kosala được nghe: "Vua Ajàtasattu con bà Videhi nước Magadha gây chiến với ta, tiến đánh Kàsi". Rồi vua Pasenadi nước Kosala, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, dàn trận ở Kàsi chống vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha. Bạch Thế Tôn, rồi vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha và vua Pasenadi nước Kosala xáp chiến nhau. Trong cuộc chiến trận ấy, vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha chiến thắng vua Pasenadi nước Kosala. Bạch Thế Tôn, bị chiến bại, vua Pasenadi nước Kosala rút lui về kinh đô của mình là Sàvatthi.

7) Nay các Tỷ-kheo, vua Ajàtasattu, con bà Videbi nước Magadha là ác hữu, là ác bạn hữu, là ác giao du. Và nay các Tỷ-kheo, vua Pasenadi nước Kosala là thiện hữu, là thiện bạn hữu, là thiện giao du. Và nay

Tỷ-kheo, hôm nay, trong đêm này, vua Pasenadi nước Kosala **trải một đêm đau khổ của người bại trận.**

*Thắng trận sanh thù oán,
Bại trận nếm khổ đau,
Ai bỏ thắng, bỏ bại,
Tịch tịnh, hưởng an lạc.*

8) Rồi vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha triệu tập bốn loại binh chủng, gây chiến với vua Pasenadi nước Kosala và tiến đánh Kàsi.

9) Vua Pasenadi nước Kosala được nghe: "Vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, gây chiến ta và tiến đánh Kàsi."

10) Rồi vua Pasenadi nước Kosala, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, dàn trận ở Kàsi chống vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha.

11) Rồi vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha và vua Pasenadi nước Kosala xáp chiến với nhau. Trong cuộc chiến ấy, vua Pasenadi nước Kosala chiến thắng vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha và bắt sống vua ấy.

12) Rồi vua Pasenadi nước Kosala suy nghĩ như sau: "Tuy vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha làm hại ta, dầu ta không làm hại ai; nhưng vua ấy là cháu trai của ta. Vậy ta hãy tịch thu toàn bộ tượng binh, toàn bộ mã binh, toàn bộ xa binh, toàn bộ bộ binh của vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha và chỉ tha cho vua ấy mạng sống".

13) Rồi vua Pasenadi nước Kosala, sau khi tịch thu toàn bộ tượng binh... .. và chỉ tha cho vua ấy mạng sống.

14) Rồi một số lớn vị Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y, mang theo y bát và đi vào Sàvatthi để khát thực. Khát thực ở Sàvatthi xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, họ đi đến Thế Tôn sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

15) - Ở đây, bạch Thế Tôn, vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, gây chiến với vua Pasenadi nước Kosala và tiến đánh Kàsi. Bạch Thế Tôn, vua Pasenadi nước Kosala được nghe: "Vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, gây chiến với ta và tiến đánh Kàsi". Rồi bạch Thế Tôn, vua Pasendi nước Kosala, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, dàn trận chống vua Ajàtasattu, con

bà Videhi, nước Magadha. Rồi Bạch Thế Tôn ,vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha và vua Pasenadi nước Kosala xáp chiến với nhau. Trong cuộc chiến ấy, vua Pasenadi nước Kosala chiến thắng vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha và bắt sống vua ấy. Rồi vua Pasenadi nước Kosala suy nghĩ như sau: "Tuy vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha làm hại ta, dầu ta không làm hại ai; nhưng vua ấy là cháu trai của ta. Vậy ta hãy tịch thu toàn bộ tượng binh, toàn bộ mã binh, toàn bộ xa binh, toàn bộ bộ binh của vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha và chỉ tha cho vua ấy mạng sống." Rồi vua Pasenadi nước Kosala, sau khi tịch thu toàn bộ tượng binh, toàn bộ mã binh, toàn bộ xa binh, toàn bộ bộ binh của vua Ajàtasattu con bà Videhi nước Magadha, và tha cho vua ấy mạng sống.

16) Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu rõ ý nghĩa này ngay trong lúc ấy nói lên bài kệ:

*Vì nghĩ đến tư lợi,
Nên mới cướp hại người,
Khi người khác cướp hại,
Bị hại, lại hại người.
Người ngu nghĩ như vậy,
Khi ác chưa chín muồi,
Khi ác đã chín muồi,*

Người ngu chịu khổ đau.

Sát người, bị người sát,

Thắng người, bị người thắng,

Mắng người, người mắng lại,

Nã người, người nã lại,

Do nghiệp được diễn tiến,

Bị hại, lại hại người.

227 Kinh hay quá - Kinh Khổ Pháp – Tương IV, 306

Khổ Pháp – Tương IV, 306

1-2) ...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, khi nào một Tỷ-kheo như thật rõ biết *sự tập khởi, sự chấm dứt* của tất cả **khổ pháp**, khi ấy, các **dục được thấy**. Khi vị ấy thấy dục (kàmà), thời dục (kàmachanda), dục ái, dục mê, dục **niệt não đối với các dục không** có tùy miên nơi vị ấy. Như vậy, sở hành và sở trú của vị ấy được giác tri. Vì rằng, do sở hành như vậy, các tham ái, ưu, bi, các ác bất thiện pháp không có tồn chỉ.

4) *Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo như thật rõ biết sự tập khởi, và sự chấm dứt tất cả khổ pháp?*

- Đây là **sắc**, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt.
- Đây là **thọ**, đây là thọ tập khởi, đây là thọ đoạn diệt.
- Đây là **tưởng**, đây là tưởng tập khởi, đây là tưởng đoạn diệt.
- Đây là **các hành**, đây là các hành tập khởi... các hành đoạn diệt.

- Đây là **thức**, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật rõ biết sự tập khởi và sự đoạn diệt của tất cả khổ pháp.

5) *Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo thấy được các dục?*

*Khi các **dục được thấy**, thời dục, dục ái, dục mê, dục nhiệt não đối với các dục không có tùy miên.*

*Ví như, này các Tỷ-kheo, có một **hố than sâu hơn thân người**, đầy vun than hừng, không có ngọn, không có khói. Rồi có người đi đến, muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét bỏ khổ. Rồi hai người lục sĩ đến, kẹp người ấy vào trong các cánh tay, và kéo người ấy đến hố than hừng. Người ấy vật vã thân bên này, bên kia. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, người ấy được biết rằng: "Ta sẽ rơi vào trong hố than hừng này. Do nhân này, ta sẽ đi đến chết hay đau khổ gần như chết".*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **thấy các dục như hố than hừng và ai thấy được các dục, thời dục, dục ái, dục mê, dục nhiệt** não đối với các dục không có tùy miên.

6) *Thế nào, này các Tỷ-kheo, là sở hành và sở trú của Tỷ-kheo được giác tri?*

Vì rằng, do sở hành như vậy, các tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp không có tồn chỉ.

*Ví như, này các Tỷ-kheo, **một người đi vào một khu rừng đầy những gai góc**, trước mặt người ấy là gai, phía Tây... phía Bắc... phía Nam... người ấy là gai, phía dưới người ấy là gai, phía trên người ấy là gai. Chỗ nào người ấy đi tới hay chỗ nào người ấy đi lui, người ấy nghĩ: "Mong sao tôi chớ có bị vướng gai".*

*Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với **sự vật gì khả ái, khả lạc**, sự vật ấy được gọi là **gai** trong giới luật của bậc Thánh.*

7) *Sau khi biết vậy, này các Tỷ-kheo, hộ trì và không hộ trì cần phải được hiểu.*

8) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không hộ trì?*

*Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, thiên chấp các sắc khả ái, ghét bỏ các sắc không khả ái, sống với thân niệm không an trú, với **tâm nhỏ hẹp**. Vị ấy không như thật rõ biết **tâm** giải thoát, **tuệ** giải thoát. Chính ở nơi đây, các ác bất thiện pháp ấy khởi*

lên không được đoạn diệt không có dư tàn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không hộ trì.

9) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là được hộ trì?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, không thiên chấp các sắc khả ái, không ghét bỏ các sắc không khả ái, sống với thân niệm an trú, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính ở nơi đây, các ác bất thiện pháp ấy khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn.

... khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi mùi... khi lưỡi nếm vị...

... khi ý biết pháp, không thiên chấp các pháp khả ái, không ghét bỏ các pháp không khả ái, sống với thân niệm an trú, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính ở đây, các ác bất thiện pháp ấy khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là có hộ trì.

10) Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sở hành như vậy, sở trú như vậy, đôi lúc và đôi khi niệm bị thất thoát, khởi lên các ác bất thiện pháp, các ức niệm, ước vọng liên hệ đến kiết sử. Chậm chạp, này các Tỷ-kheo, là niệm được khởi lên. Mau lẹ, vị ấy từ bỏ (trạng thái ấy), gột sạch, chấm dứt, không cho hiện hữu.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người làm rơi hai hay ba giọt nước trên một nồi sắt được hơi nóng cả ngày. Chậm chạp, này các Tỷ-kheo, là sự rơi xuống của các giọt nước. Mau chóng, chúng đi đến đoạn diệt, hoại diệt.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy sở hành như vậy, sở trú như vậy, đôi lúc và đôi khi niệm bị thất thoát, khởi lên các ác bất thiện pháp, các ức niệm, ước vọng liên hệ đến kiết sử. Chậm chạp, này các Tỷ-kheo, là niệm được khởi lên. Mau lẹ, vị ấy từ bỏ (trạng thái ấy), gột sạch, chấm dứt, không cho hiện hữu.

11) Như vậy, này các Tỷ-kheo, sở hành như vậy, sở trú như vậy của Tỷ-kheo được giác tri. Do sở hành, sở trú như vậy, các tham ái, ưu, bi, các ác bất thiện pháp không có tồn chỉ.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy với sở hành như vậy, sở trú như vậy, nếu có quốc vương hay đại thần của vua, bạn bè, thân hữu hay bà con huyết thống đến dâng cúng tài sản và nói: *"Hãy đến đây, này Bạn! Sao lại để những y vàng ấy hành hạ Bạn? Sao lại sống với đầu trọc và bình bát? Hãy hoàn tục, thọ hưởng tài sản và làm các công đức"*. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy có sở hành như vậy, có sở trú như

vậy, sẽ từ bỏ học pháp và hoàn tục; sự việc như vậy không xảy ra.

12) *Ví như, này các Tỷ-kheo, **sông Hằng hướng về phía Đông**, xuôi về phía Đông, nghiêng nhập vào phía Đông. Rồi một đám dân chúng đông người đến với xuống, cuốc, giở và nói: "Chúng ta hãy làm cho sông Hằng này hướng về phía Tây, xuôi về phía Tây, nghiêng nhập vào phía Tây". Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, đám dân chúng đông người ấy có thể làm cho sông Hằng hướng về phía Tây, xuôi về phía Tây và nghiêng nhập vào phía Tây không?*

-- *Thưa không, bạch Thế Tôn.*

-- *Vì sao?*

-- *Vì sông Hằng này, bạch Thế Tôn, hướng về phía Đông, xuôi về phía Đông, nghiêng nhập vào phía Đông; không có để gì làm cho hướng về phía Tây, xuôi về phía Tây, nghiêng nhập vào phía Tây được. Chỉ có đám dân chúng đông người ấy chúc lấy một mối và thất vọng thôi.*

13) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy với sở hành như vậy, sở trú như vậy, nếu có quốc vương hay đại thần của vua, bạn bè, thân hữu, hay bà con huyết thống đến dâng cúng tài sản và nói: "*Hãy đến*

đây, này Bạn. Sao lại để những y vàng ấy hành hạ Bạn? Sao lại sống với đầu trọc và bình bát? Hãy hoàn tục, thọ hưởng tài sản và làm các công đức". Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy có sở hành như vậy, có sở trú như vậy, sẽ từ bỏ học pháp và hoàn tục; sự việc như vậy **không** xảy ra. **Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì tâm của vị ấy đã lâu ngày hướng về viễn ly, xuôi về viễn ly, nghiêng nhập vào viễn ly, do vậy sự hoàn tục không xảy ra.**

228 Kinh này hay quá - Kinh Khổ Pháp - Tương IV, 306

Khổ Pháp – Tương IV, 306

1-2) ...

3) -- Nay các Tỷ-kheo, khi nào một Tỷ-kheo như thật rõ biết *sự tập khởi, sự chấm dứt* của tất cả **khổ pháp**, khi ấy, các **dục được thấy**. Khi vị ấy thấy dục (kàmà), thời dục (kàmachanda), dục ái, dục mê, dục **niệt não đối với các dục** không có tùy miên nơi vị ấy. Như vậy, sở hành và sở trú của vị ấy được giác tri. Vì rằng, do sở hành như vậy, các tham ái, ưu, bi, các ác bất thiện pháp không có tồn chỉ.

4) *Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo như thật rõ biết sự tập khởi, và sự chấm dứt tất cả khổ pháp?*

- Đây là **sắc**, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt.
- Đây là **thọ**, đây là thọ tập khởi, đây là thọ đoạn diệt.
- Đây là **tưởng**, đây là tưởng tập khởi, đây là tưởng đoạn diệt.
- Đây là **các hành**, đây là các hành tập khởi... các hành đoạn diệt.

- Đây là **thức**, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật rõ biết sự tập khởi và sự đoạn diệt của tất cả khổ pháp.

5) *Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo thấy được các dục?*

*Khi các **dục được thấy**, thời dục, dục ái, dục mê, dục nhiệt não đối với các dục không có tùy miên.*

*Ví như, này các Tỷ-kheo, có một **hố than sâu hơn thân người**, đầy vun than hừng, không có ngọn, không có khói. Rồi có người đi đến, muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét bỏ khổ. Rồi hai người lục sĩ đến, kẹp người ấy vào trong các cánh tay, và kéo người ấy đến hố than hừng. Người ấy vật vã thân bên này, bên kia. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, người ấy được biết rằng: "Ta sẽ rơi vào trong hố than hừng này. Do nhân này, ta sẽ đi đến chết hay đau khổ gần như chết".*

*Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **thấy các dục như hố than hừng và ai thấy được các dục, thời dục, dục ái, dục mê, dục nhiệt** não đối với các dục không có tùy miên.*

6) *Thế nào, này các Tỷ-kheo, là sở hành và sở trú của Tỷ-kheo được giác tri?*

Vì rằng, do sở hành như vậy, các tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp không có tồn chỉ.

*Ví như, này các Tỷ-kheo, **một người đi vào một khu rừng đầy những gai góc**, trước mặt người ấy là gai, phía Tây... phía Bắc... phía Nam... người ấy là gai, phía dưới người ấy là gai, phía trên người ấy là gai. Chỗ nào người ấy đi tới hay chỗ nào người ấy đi lui, người ấy nghĩ: "Mong sao tôi chớ có bị vướng gai".*

*Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với **sự vật gì khả ái, khả lạc**, sự vật ấy được gọi là **gai** trong giới luật của bậc Thánh.*

7) *Sau khi biết vậy, này các Tỷ-kheo, hộ trì và không hộ trì cần phải được hiểu.*

8) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không hộ trì?*

*Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, thiên chấp các sắc khả ái, ghét bỏ các sắc không khả ái, sống với thân niệm không an trú, với **tâm nhỏ hẹp**. Vị ấy không như thật rõ biết **tâm** giải thoát, **tuệ** giải thoát. Chính ở nơi đây, các ác bất thiện pháp ấy khởi*

lên không được đoạn diệt không có dư tàn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không hộ trì.

9) Và này các Tỷ-kheo, thế nào là được hộ trì?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, không thiên chấp các sắc khả ái, không ghét bỏ các sắc không khả ái, sống với thân niệm an trú, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính ở nơi đây, các ác bất thiện pháp ấy khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn.

... khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi mùi... khi lưỡi nếm vị...

... khi ý biết pháp, không thiên chấp các pháp khả ái, không ghét bỏ các pháp không khả ái, sống với thân niệm an trú, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính ở đây, các ác bất thiện pháp ấy khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là có hộ trì.

10) Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sở hành như vậy, sở trú như vậy, đôi lúc và đôi khi niệm bị thất thoát, khởi lên các ác bất thiện pháp, các ức niệm, ước vọng liên hệ đến kiết sử. Chậm chạp, này các Tỷ-kheo, là niệm được khởi lên. Mau lẹ, vị ấy từ bỏ (trạng thái ấy), gột sạch, chấm dứt, không cho hiện hữu.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người làm rơi hai hay ba giọt nước trên một nồi sắt được hơi nóng cả ngày. Chậm chạp, này các Tỷ-kheo, là sự rơi xuống của các giọt nước. Mau chóng, chúng đi đến đoạn diệt, hoại diệt.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy sở hành như vậy, sở trú như vậy, đôi lúc và đôi khi niệm bị thất thoát, khởi lên các ác bất thiện pháp, các ức niệm, ước vọng liên hệ đến kiết sử. Chậm chạp, này các Tỷ-kheo, là niệm được khởi lên. Mau lẹ, vị ấy từ bỏ (trạng thái ấy), gột sạch, chấm dứt, không cho hiện hữu.

11) Như vậy, này các Tỷ-kheo, sở hành như vậy, sở trú như vậy của Tỷ-kheo được giác tri. Do sở hành, sở trú như vậy, các tham ái, ưu, bi, các ác bất thiện pháp không có tồn chỉ.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy với sở hành như vậy, sở trú như vậy, nếu có quốc vương hay đại thần của vua, bạn bè, thân hữu hay bà con huyết thống đến dâng cúng tài sản và nói: "*Hãy đến đây, này Bạn! Sao lại để những y vàng ấy hành hạ Bạn? Sao lại sống với đầu trọc và bình bát? Hãy hoàn tục, thọ hưởng tài sản và làm các công đức*". Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy có sở hành như vậy, có sở trú như

vậy, sẽ từ bỏ học pháp và hoàn tục; sự việc như vậy không xảy ra.

12) *Ví như, này các Tỷ-kheo, **sông Hằng hướng về phía Đông**, xuôi về phía Đông, nghiêng nhập vào phía Đông. Rồi một đám dân chúng đông người đến với xuống, cuốc, giở và nói: "Chúng ta hãy làm cho sông Hằng này hướng về phía Tây, xuôi về phía Tây, nghiêng nhập vào phía Tây". Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, đám dân chúng đông người ấy có thể làm cho sông Hằng hướng về phía Tây, xuôi về phía Tây và nghiêng nhập vào phía Tây không?*

-- *Thưa không, bạch Thế Tôn.*

-- *Vì sao?*

-- *Vì sông Hằng này, bạch Thế Tôn, hướng về phía Đông, xuôi về phía Đông, nghiêng nhập vào phía Đông; không có để gì làm cho hướng về phía Tây, xuôi về phía Tây, nghiêng nhập vào phía Tây được. Chỉ có đám dân chúng đông người ấy chúc lấy một mối và thất vọng thôi.*

13) -- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy với sở hành như vậy, sở trú như vậy, nếu có quốc vương hay đại thần của vua, bạn bè, thân hữu, hay bà con huyết thống đến dâng cúng tài sản và nói: "*Hãy đến*

đây, này Bạn. Sao lại để những y vàng ấy hành hạ Bạn? Sao lại sống với đầu trọc và bình bát? Hãy hoàn tục, thọ hưởng tài sản và làm các công đức". Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy có sở hành như vậy, có sở trú như vậy, sẽ từ bỏ học pháp và hoàn tục; sự việc như vậy **không** xảy ra. **Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì tâm của vi ấy đã lâu ngày hướng về viễn ly, xuôi về viễn ly, nghiêng nhập vào viễn ly, do vậy sự hoàn tục không xảy ra.**

229 Kinh thật hay Kinh giả - Kinh PHÁP TÓM TẮT – Tăng III, 660

PHÁP TÓM TẮT – Tăng III, 660

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesàli, tại Mahàvana, ở ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Mahàpajàpatì Gotamì đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Mahàpajàpatì Gotamì bạch Thế Tôn:

- Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, sau khi Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

2. - Này Gotamì, những pháp nào bà biết:

1. "Những pháp này đưa đến **tham dục**, không phải ly tham.
2. Đưa đến **hệ phược**, không đưa đến ly hệ phược.
3. Đưa đến **tích tập**, không đưa đến không tích tập.
4. Đưa đến **dục lớn**, không đưa đến ít dục.
5. Đưa đến **không biết đủ**, không đưa đến biết đủ.
6. Đưa đến **tụ hội**, không đưa đến nhàn tịnh.
7. Đưa đến **biếng nhác**, không đưa đến tinh tấn.

8. Đưa đến **khó nuôi dưỡng**, không đưa đến dễ nuôi dưỡng".

Này Gotamì, **hãy thọ trì nhưt hướng rằng**: "Đó là không phải Pháp, đó là không phải Luật, đó là không phải lời dạy của bậc Đạo sư".

3. Và này Gotamì, những pháp nào bà biết:

1. "Những pháp đưa đến **ly tham**, không đưa đến tham dục.
2. Đưa đến **ly hệ phược**, không đưa đến hệ phược.
3. Đưa đến **không tích tập**, không đưa đến tích tập.
4. Đưa đến **ít dục**, không đưa đến dục lớn.
5. Đưa đến **biết đủ**, không đưa đến không biết đủ.
6. Đưa đến **nhàn tịnh**, không đưa đến tụ hội.
7. Đưa đến **tinh tấn**, không đưa đến biếng nhác.
8. Đưa đến **dễ nuôi dưỡng**, không đưa đến khó nuôi dưỡng".

Này Gotamì, **hãy thọ trì nhưt hướng rằng**: "Đó là phải Pháp, đó là phải Luật, đó là lời dạy của bậc Đạo Sư".

230 Kinh thật hay Kinh giả - Kinh THÔNG DIỆP – Tăng III, 479

THÔNG DIỆP – Tăng III, 479

1. Rồi Tôn giả Upàli đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Upàli bạch Thế Tôn:

- Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy thuyết pháp cho con một cách vắn tắt, sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

2. - *Này Upàli, những pháp nào Thầy biết: "Những pháp này không đưa đến nhất hướng nhằm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn", thời này Upàli, Thầy cần phải nhất hướng thọ trì là: "Đây không phải Pháp, đây không phải Luật, đây không phải lời dạy Thế Tôn".*

Và này Upàli, những pháp nào Thầy biết: "Những pháp này đưa đến nhất hướng, nhằm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn", thời này Upàli, Thầy cần phải nhất hướng thọ trì là: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy Thế Tôn".

231 Kisàgotami - Đệ nhất Mang thô y - Kinh NỮ ĐỆ TỬ TỠ KHEO NI - Tăng I, 54

NỮ ĐỆ TỬ TỠ KHEO NI – *Tăng I, 54*

14. Trong các vị nữ đệ tử Tỳ-kheo-ni đã **lâu ngày** của Ta, tôi thắng là **Màhàpàjapatì Gotamì**.
15. Trong các vị... **đại trí tuệ**, tôi thắng là **Khemà**.
16. Trong các vị... **đầy đủ thần thông**, tôi thắng là **Uppalavannà**.
17. Trong các vị... **trì Luật**, tôi thắng là **Patàcàrà**.
18. Trong các vị... **thuyết pháp**, tôi thắng là **Dhammadinnà**.
19. Trong các vị... **tu Thiền**, tôi thắng là **Nandà**.
20. Trong các vị... **tinh cần tinh tấn**, tôi thắng là **Sonà**.
21. Trong các vị... có **thiên nhãn**, tôi thắng là **Sakulà**.
- 22.9. Trong các vị... có **thắng trí mau lẹ**, tôi thắng là **Bhaddà Kundalakesà**.

- 23.Trong các vị... **nhớ đến các thời quá khứ**, tôi thắng là **Bhaddà Kapilànà**.
- 24.Trong các vị... đã chứng đạt **đại thắng trí**, tôi thắng là **Bhaddà Kaccana**.
- 25.Trong các vị... **mang thô y**, tôi thắng là **Kisàgotami**.
- 26.Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta, đầy đủ **tin thắng giải**, này các Tỷ-kheo, tôi thắng là **Sigalàmàtā**.

232 Kiên trì - Kinh SỨC MẠNH – Tăng III, 237

SỨC MẠNH – Tăng III, 237

1. - Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể đạt được sức mạnh trong Thiền định.

Thế nào là sáu?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo không thiện xảo đạt được thiền định,
- Không thiện xảo an trú được Thiền định,
- Không thiện xảo xuất khỏi thiền định,
- Làm việc không chu toàn,
- Làm việc không kiên trì,
- Và làm việc không có lợi ích.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể đạt được sức mạnh trong Thiền định.

3. Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo có thể đạt được sức mạnh trong Thiền định. Thế nào là sáu?

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo thiện xảo đạt được Thiền định,

- Thiện xảo an trú được Thiền định,
- Thiện xảo xuất khỏi Thiền định,
- **Làm việc có chu toàn,**
- **Làm việc có kiên trì,**
- **Làm việc có lợi ích.**

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo có thể đạt được sức mạnh trong Thiền định.

233 Kiên trì khi hoạn nạn - Kinh TRƯỜNG HỢP – Tăng II, 177

TRƯỜNG HỢP – Tăng II, 177

1.- Nay các Tỷ-kheo, có bốn trường hợp này, cần phải được hiểu với bốn trường hợp. Thế nào là bốn?

- ⇒ Nay các Tỷ-kheo, *với cộng trú, thì giới cần phải được hiểu biết*, như vậy, trong một thời gian dài, không khác được, có tác ý, không có không tác ý, với trí tuệ, không phải với liệt tuệ.
- ⇒ Nay các Tỷ-kheo, *cùng với một nghề, thì thanh tịnh liêm khiết cần phải được hiểu biết*, như vậy, trong một thời gian dài, không thể khác được, có tác ý, không có không tác ý, với trí tuệ, không phải với liệt tuệ.
- ⇒ Nay các Tỷ-kheo, *trong những hoạn nạn, sức kiên trì cần phải được hiểu biết*, như vậy trong một thời gian dài ... với liệt tuệ.
- ⇒ Nay các Tỷ-kheo, *với đàm luận, thì trí tuệ cần phải được hiểu biết*, như vậy, trong một thời gian dài ... với liệt tuệ.

2. Nay các Tỷ-kheo, *với cộng trú, giới cần phải được hiểu biết*, như vậy, trong một thời gian dài, không khác được có tác ý, không có không tác ý, với trí tuệ,

không phải với liệt tuệ, như vậy được nói đến ... Do duyên gì được nói đến như vậy?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người do cộng trú với một người khác biết được như sau: *"Trong một thời gian dài, vị Tôn giả này làm giới bị bể vụn, làm giới bị cắt xén, làm giới bị vết nhơ, làm giới bị chấm, đen, làm việc không có liên tục, hạnh kiểm không có liên tục trong các giới. Ác giới là Tôn giả, Tôn giả này không giữ giới"*.
- Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, người này do cộng trú với người kia, biết như sau: *"Trong một thời gian dài, vị Tôn giả này không làm giới bị bể vụn, không làm giới bị cắt xén, không làm giới bị vết nhơ, không làm giới bị chấm đen, làm việc có liên tục, hạnh kiểm có liên tục trong các giới. Giữ giới là Tôn giả này, Tôn giả này không phải ác giới"*.

Này các Tỷ-kheo, với cộng trú giới cần phải được hiểu biết, như vậy, trong một thời gian dài, không khác được, có tác ý, không có không tác ý, với trí tuệ, không phải với liệt tuệ. Như vậy được nói đến, do duyên này được nói đến như vậy .

3. Này các Tỷ-kheo, **với cùng chung làm một nghề, thanh tịnh liêm khiết cần phải được hiểu biết.** *Như*

vậy trong một thời gian ... với liệt tuệ, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, một người cùng làm một nghề với một người khác, biết được như sau: *"Khác thay, vị Tôn giả này khi làm việc với một người; khác thay, với hai người; khác thay, với ba người; khác thay, với nhiều người, làm trái ngược là vị Tôn giả này, các sở hành trước khác với sở hành sau. Không thanh tịnh là sở hành của vị Tôn giả này."*
- Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, một người do cùng làm một nghề với một người khác, biết được như sau: *"Như thế nào, Tôn giả này khi làm việc với một người, như thế ấy với hai người, như thế ấy với ba người, như thế ấy với nhiều người, không làm trái ngược là vị Tôn giả này, các sở hành trước giống với sở hành sau. Thanh tịnh là sở hành của vị Tôn giả này."*

Này các Tỷ-kheo, với cùng chung làm một nghề, thanh tịnh liêm khiết cần phải được hiểu biết, như vậy trong một thời gian dài ... với liệt tuệ, như vậy được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy.

4. Này các Tỷ-kheo, **trong các hoạn nạn, sức kiên trì cần phải được hiểu biết.** Như vậy trong một thời

gian ... với liệt tuệ, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người cảm thọ bà con bị ách nạn, cảm thọ tài sản bị ách nạn, cảm thọ sức khỏe bị ách nạn, suy nghĩ như sau: "Bản chất như vậy là sự an trú thế giới này; Bản chất như vậy là bản tánh tự ngã có được này; Bản chất như vậy là sự an trú thế giới. Bản chất như vậy là có được bản tánh tự ngã. Tám thế giới pháp này vận chuyển thế giới, và thế giới vận chuyển tám pháp, tức là, *lợi và thất lợi, không danh tiếng và danh tiếng, chê và khen, lạc và khổ*". Người ấy, cảm thọ bà con bị ách nạn, cảm thọ tài sản bị ách nạn, cảm thọ sức khỏe bị ách nạn, **sầu muộn, than van, khóc lóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh.**
- Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có người cảm thọ bà con bị ách nạn, cảm thọ tài sản bị ách nạn, cảm thọ sức khỏe bị ách nạn, suy nghĩ như sau: "Bản chất như vậy là sự an trú thế giới ... lạc và khổ". Người ấy cảm thọ bà con bị ách nạn, cảm thọ tài sản bị ách nạn, cảm thọ sức khỏe bị ách nạn, **không sầu muộn, không than van, không khóc lóc, không đập ngực, không rơi vào bất tỉnh.**

Này các Tỷ-kheo, trong các hoạn nạn, sức mạnh kiên trì cần phải được hiểu biết. Như vậy trong một thời

gian dài ... với liệt tuệ, như vậy được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy.

5. Nay các Tỷ-kheo, **trong đàm luận, trí tuệ cần phải được hiểu biết**. Như vậy trong một thời gian ... với liệt tuệ, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

- Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có người, do đàm luận với một người khác, biết như vậy: *"Vị Tôn giả này, đối một câu hỏi như vậy, phản ứng là như vậy, giải đáp câu hỏi là như vậy, thời liệt tuệ là Tôn giả này, Tôn giả này không có trí tuệ. Vì sao? Vì Tôn giả này không nói lên câu nghĩa sâu sắc an tịnh, thù thắng, vượt ngoài lý luận suông, tế nhị, được người hiền trí cảm thọ. Còn về pháp, vị này thuyết giảng, vị ấy không có khả năng, hoặc tóm tắt, hoặc rộng rãi, nói lên ý nghĩa, thuyết giảng, trình bày, an lập, mở rộng, phân tích, phát lộ. Liệt tuệ là vị Tôn giả này, vị Tôn giả này không có trí tuệ"*. Ví như, nay các Tỷ-kheo, một người có mắt, đứng trên bờ một hồ nước, thấy một con cá nhỏ nổi lên, người ấy suy nghĩ như sau: *"Như vậy, con cá này nổi lên; như vậy, làm cho gọn sóng; như vậy là độ nhanh của nó. Nhỏ bé là con cá này, con cá này không lớn"*.

- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có người đàm luận với một người khác, biết như vậy: "*Vị Tôn giả này, đối một câu hỏi như vậy, phản ứng là như vậy, giải đáp câu hỏi là như vậy, thời có trí tuệ là Tôn giả này, Tôn giả này không phải là liệt tuệ. Vì sao? Vì Tôn giả này nói lên câu nghĩa sâu sắc an tịnh, thù thắng, vượt ngoài luận lý suông, tế nhị, được người hiền trí cảm thọ. Còn về pháp, vị này thuyết giảng, vị ấy có khả năng, hoặc tóm tắt, hoặc rộng rãi, nói lên ý nghĩa, thuyết giảng, trình bày, an lập, mở rộng, phân tích, phát lộ. Có trí tuệ là vị Tôn giả này, vị Tôn giả này không phải là liệt tuệ*". Ví như, này các Tỷ-kheo, một người có mắt, đứng trên bờ một hồ nước, thấy một con cá lớn nổi lên, người ấy suy nghĩ như sau: "Nhu vậy, con cá này nổi lên; như vậy, con cá này làm cho gợn sóng; như vậy là độ nhanh của nó. To lớn là con cá này, con cá này không nhỏ". Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có người đàm luận với một người khác, biết như vậy: "Vị Tôn giả này, đối một câu hỏi như vậy, phản ứng là như vậy, giải đáp câu hỏi là như vậy, thời có trí tuệ là Tôn giả này, Tôn giả này không phải là liệt tuệ. Vì sao? Vì Tôn giả này nói lên câu nghĩa sâu sắc an tịnh, thù thắng, vượt ngoài luận lý suông, tế nhị, được người hiền trí cảm thọ. Còn về pháp, vị này thuyết giảng, vị ấy có khả năng, hoặc tóm tắt, hoặc rộng rãi, nói lên

ý nghĩa, thuyết giảng, trình bày, an lập, mở rộng, phân tích, phát lộ. Có trí tuệ là vị Tôn giả này, vị Tôn giả này không phải là liệt tuệ"

Này các Tỷ-kheo, trong đàm luận, trí tuệ cần phải được hiểu biết. Như vậy trong một thời gian dài, không thể khác được, có tác ý, không phải không tác ý với trí tuệ, không phải với liệt tuệ, như vậy được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy.

Có bốn trường hợp này, này các Tỷ-kheo, cần phải được hiểu với bốn trường hợp này.

234 Kiến chí - Có Tuệ căn tăng thượng - Kinh CHỨNG THỰC VỚI THÂN – Tăng I, 210

CHỨNG THỰC VỚI THÂN – *Tăng I, 210*

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, tại Jetanava, vườn ông Anàthapindika. Rồi Tôn giả Savittha, Tôn giả Mahàkotthita đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả những lời chào đón hỏi thăm. Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Savittha đang ngồi xuống một bên:

- Có ba hạng người này, này Hiền giả Savittha, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba?
Thân chứng, kiến chí, tín giải. Ba hạng người này, này Hiền giả, có mặt, xuất hiện ở đời. **Trong ba hạng người này, này Hiền giả, hạng người nào Hiền giả chấp nhận là hy hữu hơn, là thù diệu hơn?**

- Có ba hạng người này, này Hiền giả Sàriputta, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Thân chứng, kiến chí, tín giải. Ba hạng người này, này Hiền giả, có mặt, xuất hiện ở đời. Trong ba hạng người này, thưa Hiền giả, hạng người **tín giải**, hạng người này, tôi chấp nhận là hy hữu hơn, là thù diệu

hơn. Vì có sao? Vì rằng, thừa Hiền giả, với hạng người này, **tín căn** được tăng thượng.

Rồi Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Mahàkotthita:

- Có ba hạng người này, này Hiền giả Kotthita, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Thân chúng, kiến chí, tín giải. Ba hạng người này, thừa Hiền giả, có mặt, xuất hiện ở đời. Trong ba hạng người này, hạng người nào, Hiền giả chấp nhận là hy hữu hơn, là thù diệu hơn?

- Có ba hạng người này, này Hiền giả Sàriputta, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Thân chúng, kiến chí, tín giải. Ba hạng người này, này Hiền giả, có mặt, xuất hiện ở đời. Trong ba hạng người này, thừa Hiền giả, hạng người **thân chúng**, hạng người này, tôi chấp nhận là hy hữu hơn, là thù diệu hơn. Vì có sao? Vì rằng, thừa Hiền giả, với hạng người này, **định căn** được tăng thượng.

Rồi Tôn giả Mahàkotthita thưa với Tôn giả Sàriputta:

- Có ba hạng người này, này Hiền giả Sàriputta, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Thân chúng, kiến chí, tín giải. Ba hạng người này, thừa Hiền giả, có mặt, xuất hiện ở đời. Trong ba hạng người này, này Hiền giả, hạng người nào Hiền giả chấp nhận là hy hữu hơn, là thù diệu hơn?

- Có ba hạng người này, này Hiền giả Kotthita, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba?

Thân chúng, kiến chí, tín giải. Ba hạng người này, này Hiền giả, có mặt, xuất hiện ở đời. Trong ba hạng người này, thừa Hiền giả, hạng người **kiến chí**, hạng người này, tôi chấp nhận là hy hữu hơn, là thù diệu hơn. Vì có sao? Vì rằng, thừa Hiền giả, với hạng người này, **tuệ căn** được tăng thượng.

Rồi Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Savittha và Tôn giả Mahàkotthita như sau:

- Thừa các Hiền giả, tất cả chúng ta đã trả lời, tùy theo biện tài của mình. Thừa các Hiền giả, chúng ta hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến chúng ta sẽ hỏi Thế Tôn về ý nghĩa này. Thế Tôn trả lời chúng ta như thế nào, chúng ta hãy như vậy thọ trì.

- Vâng, thừa Hiền giả.

Tôn giả Savittha và Tôn giả Mahàkotthita vâng đáp Tôn giả Sàriputta.

Rồi Tôn giả Sàriputta, Tôn giả Savittha và Tôn giả Mahàkotthita đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống, một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sàriputta thuật lại với Thế Tôn tất cả câu chuyện xảy ra với Tôn giả Savittha và Tôn giả Mahàkotthita.

- *Ở đây, này Sàriputta, thật không dễ gì để trả lời một chiều là hạng người này hy hữu hơn, thù diệu hơn trong ba hạng người kia. Sự kiện*

này xảy ra, này Sàriputta, là: *hạng người tín giải này là hạng người đang hướng đến A-la-hán*, hạng người thân chứng này là hạng người Nhất Lai hay Bất Lai, hạng người kiến chí này là hạng người Nhất Lai hay Bất Lai.

- Ở đây, này Sàriputta, thật không dễ gì để trả lời một chiều là hạng người này hy hữu hơn, thù diệu hơn trong ba hạng người kia. Sự kiện này xảy ra, này Sàriputta, là: *hạng người thân chứng này là hạng người đang hướng đến A-la-hán*, hạng người tín giải này là hạng người Nhất Lai hay Bất Lai, hạng người kiến chí này là hạng người Nhất Lai hay Bất Lai.
- Ở đây, này Sàriputta, thật không dễ gì để trả lời một chiều là hạng người này hy hữu hơn, thù diệu hơn trong ba hạng người kia. Sự kiện này xảy ra, này Sàriputta, là: *hạng người kiến chí này là hạng người đang hướng đến A-la-hán*, còn hạng người tín giải này là hạng người Nhất Lai hay Bất Lai, và hạng người thân chứng này là hạng người Nhất Lai hay Bất Lai.

Ở đây, này Sàriputta, thật không dễ gì để trả lời một chiều rằng hạng người này là hy hữu hơn và thù diệu hơn trong ba hạng người kia.

235 Kiến chí - Có dư y - Kinh TISSA – Tăng III, 379

TISSA –Tăng III, 379

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), tại núi Gijjihakuta (Linh Thứu). Bấy giờ có hai Thiên nhân sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Gijjihakuta, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Sau khi đứng một bên, một Thiên nhân bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, những Tỷ-kheo-ni này được giải thoát.

Thiên nhân khác bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, những Tỷ-kheo-ni này khéo giải thoát, không có dư y.

Các Thiên nhân ấy nói như vậy. Bạc Đạo Sư chấp nhận. Rồi các Thiên nhân ấy, sau khi được biết: "Bạc Đạo Sư đã chấp nhận", đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, rồi biến mất tại chỗ. Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã mãn, bảo các Tỷ-kheo:

- Đêm này, này các Tỷ-kheo, có hai Thiên nhân sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Gijjihakuta, đi đến Ta, sau khi đến, đánh lễ Ta rồi đứng một bên. Sau khi đứng một bên, một Thiên nhân bạch với Ta: "Bạch Thế Tôn, những Tỷ-kheo-ni này được giải thoát". Thiên nhân khác bạch với Ta: "bạch Thế Tôn, những Tỷ-kheo-ni này khéo giải thoát, không có dư y". Này các Tỷ-kheo, các Thiên nhân ấy nói như vậy. Sau khi nói như vậy, các Thiên nhân ấy đánh lễ Ta, thân bên hữu hướng về Ta, rồi biến mất tại chỗ.

2. Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahàmoggallàna ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu. Rồi Tôn giả Mahàmoggallàna suy nghĩ như sau: "Những Thiên nhân nào có trí như sau: "Có dư y là có dư y" hay "không có dư y là không có dư y"."

Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo tên là Tissa mạng chung không bao lâu và được sanh lên một Phạm thiên giới. Tại đây, họ được biết vị ấy là Phạm thiên Tissa, có đại thần lực, có đạt uy lực.

Rồi Tôn giả Mahàmoggallàna, như người lực sĩ đuổi cánh đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, biến mất ở Gijjihakuta và hiện ra ở Phạm thiên giới ấy. **Phạm thiên Tissa** thấy Tôn giả

Mahàmoggallàna từ xa đi đến, sau khi thấy, liền nói với Tôn giả Mahàmoggallàna:

- Hiền giả Moggallàna, hãy đến đây! Thiện lai Hiền giả Moggallàna! Đã lâu, Hiền giả Moggallàna mới tạo cơ hội này, tức là đến đây. Hãy ngồi, Hiền giả Moggallàna, đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn!

Tôn giả Mahàmoggallàna ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Phạm thiên Tissa đánh lễ Tôn giả Mahàmoggallàna rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Mahàmoggallàna nói với Phạm thiên Tissa đang ngồi xuống một bên:

- Những Thiên nhân nào có trí như sau: "Có dư y là có dư y" hay "không có dư y là không có dư y"?

- Thừa Hiền giả Moggallàna, Phạm chúng thiên có trí như sau: "Có dư y là có dư y" hay "không có dư y là không có dư y".

- Nay Tissa, có phải tất cả chư Thiên ở Phạm chúng thiên đều có trí như vậy: "Có dư y là có dư y" hay "không có dư y là không có dư y"?

3. - Thừa Hiền giả, không phải tất cả chư thiên ở Phạm chúng thiên đều có trí như vậy: "Có dư y là có dư y" hay "không có dư y là không có dư y".

- Thừa Hiền giả Moggallàna, những Thiên nhân nào ở Phạm chúng thiên *bằng lòng với tuổi thọ Phạm thiên, bằng lòng với dung sắc Phạm thiên, với an lạc Phạm thiên, với danh tiếng Phạm thiên, với uy quyền Phạm thiên, không như thật rõ biết sự xuất ly cao hơn trạng thái ấy*. Những vị ấy không có trí như sau: "Có dư y là có dư y" hay "không có dư y là không có dư y".
- Và thừa Hiền giả Moggallàna, những Thiên nhân nào ở Phạm chúng thiên, *không bằng lòng với tuổi thọ Phạm thiên, không bằng lòng với dung sắc Phạm thiên, với an lạc Phạm thiên, với danh tiếng Phạm thiên, với uy quyền Phạm thiên, như thật rõ biết sự xuất ly cao hơn trạng thái ấy*; những vị ấy có trí như sau: "Có dư y là có dư y" hay "không có dư y là không có dư y".

4. Ở đây, thừa Hiền giả Moggallàna, **Tỷ-kheo được giải thoát cả hai phần**. Chư Thiên ấy biết về vị ấy như sau: "*Tôn giả này được giải thoát cả hai phần*". Khi thân còn tồn tại, các Thiên nhân và loài Người không thấy được vị ấy. Như vậy, thừa Hiền giả Moggallàna, các Thiên nhân ấy, có trí như sau: "Không có dư y là không có dư y".

5. Nhưng ở đây, thừa Hiền giả Moggallàna, **Tỷ-kheo được tuệ giải thoát**, chư Thiên ấy biết về vị ấy như

sau: "*Tôn giả này được tuệ giải thoát*". Khi thân còn tồn tại, các Thiên nhân và loài Người thấy được vị ấy. Khi thân hoại, các Thiên nhân và loài Người không thấy được vị ấy. Như vậy, thừa Hiền giả Moggallàna, các Thiên nhân ấy có trí như sau: "Không có dư y là không có dư y".

6. Nhưng ở đây, thừa Hiền giả Moggallàna, **Tỷ-kheo thân chứng**, chư Thiên ấy biết về vị ấy như sau: "*Tôn giả này là vị thân chứng. Rất có thể Tôn giả này, do sử dụng các sàng tọa thích đáng, do thân cận các thiện bằng hữu, do chế ngự các căn, vị ấy có thể ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, mà các thiện nam tử vì mục đích ấy chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình*". Như vậy, thừa Hiền giả Moggallàna, các Thiên nhân ấy có trí như sau: "Có dư y là có dư y".

7. Nhưng ở đây, thừa Hiền giả Moggallàna, **Tỷ-kheo kiến chí... tín giải thoát... tùy pháp hành**. Chư Thiên ấy biết về vị ấy như sau: "*Tôn giả này là vị tùy pháp hành. Rất có thể Tôn giả này, do sử dụng các sàng tọa thích đáng, do thân cận các thiện bằng hữu, do chế ngự các căn, vị ấy có thể ngay trong hiện tại tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, mà các thiện nam tử vì*

mục đích ấy chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình". Như vậy, thưa Hiền giả Moggallàna, các Thiên nhân ấy có trí như sau: "Hay trong các vị có dư y, vị ấy là vị có dư y".

8. Rồi Tôn giả Moggallàna hoan hỷ tín thọ lời nói của Phạm thiên Tissa. Như một người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, Tôn giả biến mất ở Phạm thiên giới, hiện ra ở núi Gijjhakùta. Rồi Tôn giả, Mahàmoggallàna đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahàmoggallàna, đem câu chuyện nói với Phạm thiên Tissa như thế nào, tường thuật hết tất cả cho Thế Tôn nghe.

- Nhưng này Moggallàna, Phạm thiên Tissa không nói cho Thầy về hạng người vô tướng trú thứ bảy.

- Bạch Thế Tôn, nay là thời, bạch Thiện Thệ, nay là thời để Thế Tôn nói về người trú vô tướng trú bảy. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

- Này Moggallàna, hãy lắng nghe.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Mahàmoggallàna vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

9. - Ở đây, này Moggallàna, Tỷ-kheo không tác ý tất cả tướng, chứng đạt vô tướng tâm định và an trú. Các Thiên nhân ấy biết về vị ấy như sau: "*Tôn giả này, do không tác ý tất cả tướng, chứng đạt và an trú vô tướng tâm định. Rất có thể Tôn giả này do sử dụng các sàng tọa thích đáng, do thân cận các thiện bằng hữu, do chế ngự các căn, vị ấy có thể ngay trong hiện tại tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà các thiện nam tử vì mục đích ấy chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình*". Như vậy, này Moggallàna, các Thiên nhân ấy có trí ấy như sau: "Có dư y là có dư y".

236 Kiến đảo - Định nghĩa - Kinh KITAGIRI – 70 Trung II, 291

KINH KITAGIRI (Kitagiri sutam)

– Bài kinh số 70 – Trung II, 291

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn du hành ở Kasi cùng với đại chúng Tỷ-kheo. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, Ta ăn, từ bỏ ăn ban đêm. Này các Tỷ-kheo, do ăn, từ bỏ ăn ban đêm Ta cảm thấy ít bệnh, ít nã, khinh an, có sức lực và an trú.

- Này các Tỷ-kheo, hãy đến và ăn, từ bỏ ăn ban đêm. Này các Tỷ-kheo, do ăn, từ bỏ ăn ban đêm, các Ông sẽ cảm thấy ít bệnh, ít nã, khinh an, có sức lực và an trú.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn tiếp tục du hành ở Kasi và đến một thị trấn xứ Kasi

tên là Kitagiri. Rồi Thế Tôn ở tại Kitagiri, một thị trấn xứ Kasi. Lúc bấy giờ Tỷ-kheo Assaji và Punabbasuka đang ở Kitagiri. Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến chỗ Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka, sau khi đến, nói với Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka như sau:

– Chư Hiền, Thế Tôn ăn, từ bỏ ăn ban đêm. Cả chúng Tỷ-kheo cũng vậy. Do ăn, từ bỏ ăn ban đêm, các vị ấy cảm thấy ít bệnh, ít não, khinh an, có sức lực và an trú. Chư Hiền, hãy đến và ăn, từ bỏ ăn ban đêm. Chư Hiền, do ăn, từ bỏ ăn ban đêm, chư Hiền sẽ cảm thấy ít bệnh, ít não, khinh an, có sức lực và an trú.

Được nói vậy, Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka, nói với các Tỷ-kheo ấy:

– Chư Hiền, chúng tôi ăn chiều, ăn sáng, ăn ban ngày và ăn phi thời. Do chúng tôi ăn chiều, ăn sáng, ăn ban ngày và ăn phi thời, chúng tôi cảm thấy ít bệnh, ít não, khinh an, có sức lực và an trú. Sao chúng tôi lại bỏ hiện tại, chạy theo tương lai? Chúng tôi sẽ ăn chiều, ăn sáng, ăn ban ngày và ăn phi thời.

Vì các Tỷ-kheo ấy không thể làm cho Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka chấp thuận, nên các vị ấy đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế

Tôn, ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con đi đến chỗ các Tỷ-kheo Assaji và Punabbasuka, sau khi đến chúng con nói với Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka như sau: "Chư hiền, Thế Tôn ăn, từ bỏ ăn ban đêm... (như trên)... có sức lực và an trú". Bạch Thế Tôn, được nói vậy. Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka nói với chúng con như sau: "Chư Hiền, chúng tôi ăn chiều, ăn sáng, ăn ban ngày và ăn phi thời... (như trên)... chúng tôi sẽ ăn chiều, ăn sáng, ăn ban ngày và ăn phi thời". Bạch Thế Tôn, vì chúng con không thể làm cho Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka chấp thuận, nên chúng con trình sự việc này lên Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn bảo một Tỷ-kheo:

– Nay Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta, bảo Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka: "Bậc Đạo Sư cho gọi các Tôn giả".

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đến chỗ Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka, sau khi đến, nói với Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka:

– Bạc Đạo Sư cho gọi các Tôn giả.

– Thừa vâng, Hiền giả.

Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka vâng đáp Tỷ-kheo ấy, đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tỷ-kheo Assaji và Tỷ-kheo Punabbasuka đang ngồi một bên:

– Có thật chăng, này các Tỷ-kheo, một số đông Tỷ-kheo đến các Ông và nói như sau: "Chư Hiền, Thế Tôn ăn, từ bỏ ăn ban đêm, cả chúng Tỷ-kheo cũng vậy. Do ăn, từ bỏ ăn ban đêm, các vị ấy cảm thấy ít bệnh, ít não, khinh an, có sức lực và an trú. Chư Hiền, hãy đến và ăn, từ bỏ ăn ban đêm. Chư Hiền, do ăn, từ bỏ ăn ban đêm, chư Hiền sẽ cảm thấy ít bệnh, ít não, khinh an, có sức lực và an trú". Được nói vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông nói với các Tỷ-kheo ấy như sau: "Chư Hiền, chúng tôi ăn chiều, ăn sáng, ăn ban ngày và ăn phi thời. Do ăn chiều, ăn sáng, ăn ban ngày và ăn phi thời, chúng tôi cảm thấy ít bệnh, ít não, khinh an, có sức lực và an trú. Sao chúng tôi lại bỏ hiện tại, chạy theo tương lai? Chúng tôi sẽ ăn chiều, ăn sáng, ăn ban ngày và ăn phi thời"?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Nay các Tỷ-kheo, các Ông có hiểu pháp Ta dạy như sau: "Một cá nhân cảm thọ bất cứ cảm giác nào, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; đối với người ấy, các pháp bất thiện được đoạn diệt, các thiện pháp được tăng trưởng"?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Nay các Tỷ-kheo, các Ông có hiểu pháp Ta dạy như sau:

➔ Ở đây đối với một người, khi cảm thọ lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp được tăng trưởng, các thiện pháp bị đoạn diệt.

➔ Ở đây đối với một người, khi cảm thọ lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp bị đoạn diệt, các thiện pháp được tăng trưởng.

➔ Ở đây, đối với một người khi cảm thọ khổ thọ như vậy, các bất thiện pháp được tăng trưởng, các thiện pháp bị đoạn diệt.

➔ Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ khổ thọ như vậy, các bất thiện pháp bị đoạn trừ, các thiện pháp được tăng trưởng.

➔ Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ bất khổ bất lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp được tăng trưởng, các thiện pháp bị đoạn

diệt.

➔ Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ bất khổ bất lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp bị đoạn diệt, các thiện pháp được tăng trưởng?"

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo!

❖ Này các Tỷ-kheo, nếu sự việc này Ta không biết, không thấy, không giác, không chứng, không liễu giải với trí tuệ rằng: "Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp được tăng trưởng, các thiện pháp bị đoạn diệt", có thể chăng, này các Tỷ-kheo, không biết như vậy, Ta lại nói: "Hãy từ bỏ lạc thọ như vậy"? Và như vậy, này các Tỷ-kheo, là xứng đáng đối với Ta chăng?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Nhưng này các Tỷ-kheo, vì rằng sự việc này Ta biết, Ta thấy, Ta giác, Ta chứng, Ta liễu giải với trí tuệ rằng: "Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp được tăng trưởng, các thiện pháp bị đoạn diệt", do vậy Ta nói: **"Hãy từ**

bỏ lạc thọ như vậy".

- ❖ Nay các Tỷ-kheo, nếu sự việc này Ta không biết, không thấy, không giác, không chứng, không liễu giải với trí tuệ rằng: "*Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp bị đoạn diệt, các thiện pháp được tăng trưởng*", có thể chẳng, nay các Tỷ-kheo, không biết như vậy, Ta lại nói: "Hãy chứng và trú lạc thọ như vậy"? Và như vậy, nay các Tỷ-kheo, là xứng đáng đối với Ta chẳng?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Nhưng nay các Tỷ-kheo, vì sự việc này Ta biết, Ta thấy, Ta giác, Ta chứng, Ta liễu giải với trí tuệ rằng: "*Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ lạc thọ như vậy, các thiện pháp được tăng trưởng, các bất thiện pháp bị đoạn diệt*", do vậy Ta nói: **"Hãy chứng và trú lạc thọ như vậy"**.

- ❖ Nay các Tỷ-kheo, nếu sự việc này Ta không biết, không thấy, không giác, không chứng, không liễu giải với trí tuệ rằng: "*Ở đây, đối với một người khi cảm giác khổ thọ...*

... (như trên)...

❖ Nay các Tỷ-kheo, nếu sự việc này Ta không biết, không thấy, không giác, không chứng, không liễu giải với trí tuệ rằng: "Ở đây, đối với một người khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp được tăng trưởng, các thiện pháp bị đoạn diệt", có thể chăng, nay các Tỷ-kheo, không biết như vậy, Ta lại nói: **"Hãy từ bỏ bất khổ bất lạc thọ như vậy"**? Và như vậy, nay các Tỷ-kheo, là xứng đáng đối với Ta chăng?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Nhưng nay các Tỷ-kheo, vì rằng sự việc này Ta biết, Ta thấy, Ta giác, Ta chứng, Ta liễu giải với trí tuệ rằng: "Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ bất khổ bất lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp được tăng trưởng, các thiện pháp bị đoạn diệt", do vậy Ta nói: "Hãy từ bỏ bất khổ bất lạc thọ như vậy".

❖ Nay các Tỷ-kheo, nếu sự việc này Ta không biết, không thấy, không giác, không chứng, không liễu giải với trí tuệ rằng: "Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ bất khổ bất lạc thọ như vậy, các bất thiện pháp bị đoạn diệt, các thiện pháp được tăng trưởng", có thể chăng, nay các Tỷ-kheo, không biết như vậy,

Ta lại nói: "Hãy chứng và trú bất khổ bất lạc thọ như vậy"? Và như vậy, này các Tỷ-kheo là xứng đáng đối với Ta chăng?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Nhưng này các Tỷ-kheo, vì rằng sự việc này Ta biết, Ta thấy, Ta giác, Ta chứng, Ta liễu giải với trí tuệ rằng: "Ở đây, đối với một người, khi cảm thọ bất khổ bất lạc thọ như vậy, các thiện pháp được tăng trưởng, các bất thiện pháp bị đoạn diệt", do vậy Ta nói: **"Hãy chứng và trú bất khổ bất lạc thọ như vậy"**.

☞ Này các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng đối với tất cả Tỷ-kheo, có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.

☞ Này các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng đối với tất cả Tỷ-kheo không có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.

Này các Tỷ-kheo, đối với những *Tỷ-kheo là bậc A-la-hán*, các lậu hoặc đã đoạn tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt được lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí giải thoát; này các Tỷ-kheo, đối với những Tỷ-kheo như vậy, Ta nói rằng không có sự

việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy?
Vì sự việc ấy đã được các vị này làm, nhờ không phóng dật. Các vị này không thể trở thành phóng dật.

Và này các Tỷ-kheo, đối với các *Tỷ-kheo còn là các bậc hữu học*, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu sự vô thượng an ổn khỏi các triền ách; này các Tỷ-kheo, đối với những Tỷ-kheo như vậy, Ta nói rằng có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Dầu cho trong khi các bậc Tôn giả này thọ dụng các sàng tọa đúng pháp, thân cận các thiện hữu, chế ngự các căn, các vị ấy (cần phải) tự mình nhờ thượng trí chứng ngộ chứng đạt, và an trú ngay trong hiện tại mục đích vô thượng của Phạm hạnh, vì mục đích này, các Thiện gia nam tử chân chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Do vậy, này các Tỷ-kheo, đối với những Tỷ-kheo này, *vì thấy quả này của không phóng dật nên Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.*

❖ **Này các Tỷ-kheo có bảy hạng người sống trong đời này. Thế nào là bảy?**

1. *Bậc cầu phần giải thoát,*
2. *Bậc tuệ giải thoát,*
3. *Bậc thân chứng,*
4. *Bậc kiến đạo,*

5. Bạc tín giải thoát,
6. Bạc tùy pháp hành,
7. Bạc tùy tín hành.

☞ **Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc Câu Phần Giải Thoát?**

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người, **sau khi thân đã chứng đắc** các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp, và **sau khi đã thấy với trí tuệ, các lậu hoặc của vị này được đoạn trừ hoàn toàn**. Vị này, này các Tỷ-kheo, được gọi là hạng người câu phần giải thoát.
- Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói không có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Vì sự việc ấy đã được vị này làm, nhờ không phóng dật, vị ấy không có thể trở thành phóng dật.

☞ **Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc Tuệ Giải Thoát?**

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người, sau khi **thân không chứng đắc** các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp, và **sau khi đã thấy với trí tuệ, các lậu hoặc của vị này được**

đoạn trừ hoàn toàn. Vị này như vậy được gọi là bậc tuệ giải thoát.

- Nay các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói không có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Vì sự việc ấy đã được vị này làm, nhờ không phóng dật; vị ấy không có thể trở thành phóng dật.

☞ **Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc Thân Chứng?**

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sau khi **thân chứng đắc** các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp, và **sau khi đã thấy với trí tuệ, một số** lậu hoặc của vị này được đoạn trừ hoàn toàn. Vị này như vậy được gọi là bậc thân chứng.
- Nay các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Dầu cho trong khi Tôn giả này thọ dụng các sàng tọa đúng pháp, thân cận các thiện hữu, chế ngự các căn, vị này (cần phải) tự mình với thượng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại mục đích vô thượng của Phạm hạnh, vì mục đích này các Thiện gia nam tử đã chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình,

sống không gia đình.

⇒ Do vậy, này các Tỷ-kheo, vì thấy quả này của không phóng dật, nên đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.

☞ **Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc Kiến Đáo?**

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sau khi **tự thân không chứng đắc** các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp, và **sau khi đã thấy với trí tuệ**, **một số** lậu hoặc của vị này được đoạn trừ hoàn toàn; **và các pháp do Như Lai tuyên thuyết được vị này thấy một cách hoàn toàn với trí tuệ và thực hành một cách hoàn toàn**. Này các Tỷ-kheo, vị này được gọi là kiến đáo.
- Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Dầu cho trong khi Tôn giả này thọ dụng các sàng tọa đúng pháp sống không gia đình. *Do vậy này các Tỷ-kheo, vì thấy quả này của không phóng dật, nên đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.*

☞ **Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người Tín giải thoát?**

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người, sau khi **tự thân chứng đắc** các tịch tịnh giải thoát vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp, và **sau khi đã thấy** với trí tuệ, **một số** lậu hoặc của vị này được đoạn trừ một cách hoàn toàn; **và lòng tin của vị này đối với Như Lai đã được xác định, phát sanh từ căn đề, an trú**. Này các Tỷ kheo, vị này được gọi là bậc tín giải thoát.
- Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Dầu cho trong khi Tôn giả này thọ dụng các sàng tọa đúng pháp... ..sống không gia đình. *Do vậy, này các Tỷ-kheo, vì thấy quả này của không phóng dật, nên đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.*

☞ **Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người Tuỳ pháp hành?**

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sau khi tu thân không chứng đắc các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp, và **sau khi đã thấy** với trí tuệ, nhưng các lậu hoặc

không được đoạn trừ một cách hoàn toàn; và các pháp do Như Lai tuyên thuyết (chỉ) được vị này chấp nhận một cách vừa phải với trí tuệ, dầu cho vị này có những pháp như là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Đây các Tỷ-kheo, vị này được gọi là người tùy pháp hành.

- Đây các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Dầu cho trong khi Tôn giả này thọ dụng các sàng tọa đúng pháp... .. sống không gia đình. Do vậy, đây các Tỷ-kheo, vì thấy quả này của không phóng dật, nên đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.

☞ **Và đây các Tỷ-kheo, thế nào là người Tùy tín hành?**

- Ở đây, đây các Tỷ-kheo, có người sau khi tu thân không chứng đắc có tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp, và **sau khi đã thấy** với trí tuệ, nhưng các lậu hoặc không được đoạn trừ. Nhưng nếu vị này có đủ lòng tin và lòng thương Như Lai, thời vị này sẽ có những pháp như là tín căn, tấn căn, niệm

căn, định căn, tuệ căn. Nay các Tỷ-kheo, vị này được gọi là người tùy tín hành.

- Nay các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Dầu cho trong khi Tôn giả này thọ dụng các sàng tọa đúng pháp, thân cận các thiện hữu, chế ngự các căn, nhưng vị này (cần phải) tự mình với thượng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại mục đích vô thượng của Phạm hạnh, vì mục đích này các Thiện gia nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Do vậy, nay các Tỷ-kheo, vì thấy quả này của phóng dật, nên đối với Tỷ-kheo này, Ta nói có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật.

❖ **Nay các Tỷ-kheo, Ta không nói rằng trí tuệ được hoàn thành lập tức. Nhưng nay các Tỷ-kheo, trí tuệ được hoàn thành nhờ học từ từ, hành từ từ, thực tập từ từ.**

☞ **Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là trí tuệ được hoàn thành nhờ học từ từ, hành từ từ, thực tập từ từ?**

Ở đây, nay các Tỷ-kheo:

- một vị có lòng tin đi đến gần;
- sau khi đến gần, vị ấy tỏ sự kính lễ;
- sau khi tỏ sự kính lễ, vị ấy lóng tai;
- sau khi lóng tai, vị ấy nghe pháp;
- sau khi nghe pháp, vị ấy thọ trì pháp;
- vị ấy suy tư ý nghĩa các pháp được thọ trì;
- sau khi suy tư => ý nghĩa các pháp được chấp thuận;
- sau khi các pháp được chấp thuận => ước muốn sanh khởi;
- sau khi ước muốn sanh khởi => vị ấy nỗ lực;
- sau khi nỗ lực => vị ấy cân nhắc;
- sau khi cân nhắc => vị ấy tinh cần.
- Do tinh cần, vị ấy tự thân chứng được sự thật tối thượng, và với trí tuệ thể nhập sự thật ấy, vị ấy thấy.

Nhưng này các Tỷ-kheo:

- Nếu không có lòng tin ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự đến gần ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có tỏ sự kính lễ ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự lóng tai ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự nghe pháp ấy,

thời này Tỷ-kheo, không có sự thọ trì pháp ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự suy tư ý nghĩa ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự chấp thuận pháp ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự ước muốn ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự nỗ lực ấy, thời này các Tỷ-kheo, không có sự cân nhắc ấy, thời này các Tỷ-kheo không có sự tinh cần ấy.

- Nay các Tỷ kheo, ở đây, các Ông đã đi vào phi đạo. Nay các Tỷ-kheo, ở đây, các Ông đã đi vào tà đạo. Thật là quá xa, nay các Tỷ-kheo, **các kẻ ngu này đã đi ra ngoài pháp luật này.**

❖ Nay các Tỷ-kheo, **có sự thuyết trình gồm có bốn phần** (Catuppadam = Bốn cú) chính nhờ thuyết trình này người có trí, không bao lâu, nhờ tuệ biết được ý nghĩa. Ta sẽ đọc sự thuyết trình ấy lên cho các Ông, nay các Tỷ-kheo, các Ông nhờ Ta mà sẽ hiểu thuyết trình ấy.

– Bạch Thế Tôn, chúng con là ai có thể biết được pháp?

– Nay các Tỷ-kheo, cho đến một bậc Đạo sư sống quá trọng vọng tài vật, là vị thừa tự tài vật, và sống liên hệ với tài vật, thời sự mua may bán đất này

không xảy ra: "Chúng tôi sẽ làm việc này như vậy, và như vậy chúng tôi sẽ không làm việc này như vậy", huống nữa là Như Lai, này các Tỷ-kheo, là vị sống hoàn toàn không liên hệ với các tài vật.

- Này các Tỷ-kheo, đối với một đệ tử, có lòng tin giáo pháp bậc Đạo sư và sống thể nhập giáo pháp ấy, thời tùy pháp (anudhamma) được khởi lên: "Bậc Đạo sư là Thế Tôn, đệ tử là tôi. Thế Tôn biết, tôi không biết".
- Này các Tỷ-kheo, đến với một đệ tử, có lòng tin giáo pháp bậc Đạo sư và sống thể nhập giáo pháp ấy, thời giáo pháp bậc Đạo sư được hưng thịnh được nhiều sinh lực.
- Này các Tỷ-kheo, đối với đệ tử có lòng tin giáo pháp bậc Đạo Sư và sống thể nhập giáo pháp ấy, thời tùy pháp này được khởi lên: **"Dầu chỉ còn da, gân và xương, dầu thịt và máu trên thân bị khô héo, mong rằng sẽ có tinh tấn lực để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, nhờ trượng phu nhân nại, nhờ trượng phu tinh tấn, nhờ trượng phu cần đồng"**.
- Này các Tỷ-kheo, đối với một đệ tử có lòng tin giáo pháp bậc Đạo sư và sống thể nhập giáo pháp ấy, vị ấy sẽ chứng được một trong hai quả như sau: Chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu

có dư y, chứng quả Bất hoàn.

Thế Tôn thuyết như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ
tín thọ lời Thế Tôn dạy.

**237 Kiến đặc - Kinh NÊN HÀNH TRÌ
KHÔNG NÊN HÀNH TRÌ – 114
Trung III, 191**

**KINH NÊN HÀNH TRÌ KHÔNG NÊN HÀNH
TRÌ**

(Sevitabha-asevitabha sutta)

– Bài kinh số 114 – Trung III, 191

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, Jetavana, tại tịnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo".

– "Bạch Thế Tôn". Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– "Này các Tỷ-kheo, **Ta sẽ giảng cho các Ông pháp môn về Nên hành trì, không nên hành trì. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ Ta sẽ giảng**"

– "Thưa vâng bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy

vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- Nay các Tỷ-kheo, Ta nói **thân hành có hai loại**: "Nên hành trì, không nên hành trì; và đây là sự tương đối giữa thân hành".
- Nay các Tỷ-kheo, Ta nói **khẩu hành** cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và đây là sự tương đối giữa khẩu hành".
- Nay các Tỷ-kheo, Ta nói **ý hành** cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và đây là sự tương đối giữa ý hành".
- Nay các Tỷ-kheo, Ta nói **tâm sanh** cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và đây là sự tương đối giữa tâm sanh".
- Nay các Tỷ-kheo, Ta nói **tưởng đắc** cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và đây là sự tương đối giữa tưởng đắc".
- **Kiến đắc**, này các Tỷ-kheo, Ta nói cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và đây là sự tương đối giữa kiến đắc (ditthipatilabha)".
- **Ngã tánh đắc**, này các Tỷ-kheo, Ta nói cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và đây là sự tương đối giữa ngã tánh đắc".

Được nghe nói vậy Tôn giả Sariputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, lời nói này được Thế Tôn nói lên vắn tắt, không giải nghĩa rộng rãi, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như sau:

❖ **Thân hành, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa thân hành". Thế Tôn đã nói như vậy.** Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên?

– Bạch Thế Tôn, nếu một thân hành nào khi hành trì, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm, thân hành như vậy không nên hành trì.

– Bạch Thế Tôn, và một thân hành nào khi hành trì thời bất thiện pháp thối giảm, thiện pháp tăng trưởng, thân hành như vậy nên hành trì.

➡ **Bạch Thế Tôn, thân hành gì khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm?**

– Ở đây, bạch Thế Tôn, có người sát sanh, tàn nhẫn (?) tay lấm máu, tâm chuyên sát hại, đả

thương, tâm không từ bi đối với các loại hữu tình.

- Người này lấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng hoặc tại rừng núi, không cho người ấy, người ấy lấy trộm tài vật ấy.
- Người ấy sống tà hạnh trong các dục vọng, giao cấu các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã có chồng, được hình phạt gậy gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa. Thân hành như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thoái giảm.

➡ *Bạch Thế Tôn, thân hành gì khi hành trì thời bất thiện pháp thoái giảm, thiện pháp tăng trưởng?*

- Ở đây, bạch Thế Tôn, có người từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình.
- Người ấy từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho; bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi, không cho người ấy, người ấy không lấy trộm tài vật ấy.

- Người ấy từ bỏ sống tà hạnh trong các dục vọng, không giao cấu với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã có chồng, được hình phạt gây gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa. Thân hành như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm các thiện pháp tăng trưởng.

Thân hành, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa thân hành". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy lời nói ấy được nói lên.

❖ ***Khẩu hành, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa khẩu hành". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên?***

Bạch Thế Tôn, một khẩu hành nào khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm, khẩu hành như vậy không nên hành trì. Bạch Thế Tôn và một khẩu hành nào khi hành trì bất thiện pháp thối giảm, thiện pháp tăng trưởng khẩu hành như vậy nên hành trì.

Bạch Thế Tôn, khẩu hành gì khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng, thiệp pháp thối giảm? Ở đây, bạch Thế Tôn, có người vọng ngữ, đến chỗ tập hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa vương tộc, khi bị dẫn xuất làm chứng và được hỏi: "Này Người kia, hãy nói những gì Ông biết". Dầu cho người ấy không biết, người ấy nói: "Tôi biết"; dầu cho người ấy biết, người ấy nói: "Tôi không biết" hay dầu cho người ấy không thấy, người ấy nói: "Tôi thấy" hay dầu cho người ấy thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy". Như vậy lời nói của người ấy trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc vì nguyên nhân tự kỷ, hoặc vì nguyên nhân tha nhân, hoặc vì nguyên nhân một vài quyền lợi gì. Và người ấy là người nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia, đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, người ấy ly gián những kẻ hòa hợp, hay xúi dục những kẻ ly gián, ưa thích phá hoại, vui thích phá hoại, thích thú phá hoại, nói những lời đưa đến phá hoại. Và người ấy là người nói lời thô ác. Bất cứ lời gì thô ác, tàn ác, khiến người đau khổ, khiến người tức giận, liên hệ đến phần nộ, không đưa đến Thiền định, người ấy nói những lời như vậy. Và người ấy nói những lời phù phiếm, nói phi thời, nói những lời phi chơn, nói những lời không lợi ích, nói những lời

phi pháp, nói những lời phi luật, nói những lời không đáng gìn giữ. Vì nói phi thời nên lời nói không có thuận lý, không có mạch lạc, hệ thống, không có lợi ích. Khẩu hành như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm.

Bạch Thế Tôn, khẩu hành gì khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng? Ở đây, bạch Thế Tôn, có người từ bỏ vọng ngữ, tránh xa vọng ngữ, đến chỗ tập hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa vương tộc, khi bị dẫn xuất làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì Ông biết". Nếu biết, người ấy nói: "Tôi biết" nếu không biết, người ấy nói: "Tôi không biết" hay nếu không thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy" nếu thấy, người ấy nói: "Tôi thấy". Như vậy lời nói của người ấy không trở thành cớ ý vọng ngữ, hoặc vì nguyên nhân tự kỷ, hoặc vì nguyên nhân tha nhân, hoặc vì nguyên nhân một vài quyền lợi gì. Từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đi đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia; như vậy, người ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ hòa hợp, ưa thích hòa hợp, vui thích hòa hợp, thích

thú hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác; như vậy người ấy nói những lời nói nhu hòa, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người. Từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm; người ấy nói đúng thời, nói những lời chơn thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về luật, nói những lời đáng được gìn giữ. Vì nói hợp thời, nên lời nói thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. Khẩu hành như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng.

Khẩu hành, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa khẩu hành". Thế Tôn đã nói như vậy, và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

❖ ***Ý hành, này các Tỷ-kheo, Tôi nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa ý hành". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên?***

Bạch Thế Tôn, một ý hành nào khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, khẩu hành như vậy không nên hành trì. Bạch Thế Tôn, và một ý hành nào khi hành trì thời các bất

thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, ý hành như vậy nên hành trì.

Ý hành gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm? Ở đây, bạch Thế Tôn có người có tham ái, tham lam tài vật kẻ khác, nghĩ rằng: "Ôi, mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình!" Lại có người sân tâm, khởi lên hại ý, hại niệm như sau: "Mong rằng những loài hữu hình này bị giết, hay bị tàn sát, hay bị tiêu diệt hay bị làm hại, hay mong chúng không còn tồn tại". Ý hành như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm.

Ý hành gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng? Ở đây có người không có tham ái, không tham lam tài vật của kẻ khác, nghĩ rằng: "Ôi, mong rằng mọi tài vật của người khác không trở thành của mình!" Lại có người không có sân tâm, không khởi lên hại ý, hại niệm, nhưng nghĩ rằng: "Mong rằng những loài hữu tình này sống không thù hận, không oán thù, không nhiều loạn, được an lạc, lo nghĩ tự thân". Ý hành như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng.

Ý hành, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì và như vậy là sự tương đối giữa ý hành". Thế Tôn đã nói như vậy, và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

❖ *Tâm sanh, này các Tỷ-kheo, tôi nói cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên?*

Bạch Thế Tôn, nếu một tâm sanh nào khi hành trì, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, tâm sanh như vậy không nên hành trì. Và một tâm sanh nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, tâm sanh như vậy nên hành trì.

Tâm sanh gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm? Ở đây, bạch Thế Tôn, có người có tham dục, sống với tâm câu hữu với tham dục; người ấy sân hận và sống với tâm câu hữu với sân hận; người ấy có hại tâm và sống với tâm câu hữu với hại tâm. Tâm sanh như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm. Tâm sanh gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì bất thiện pháp thối giảm, thiện pháp tăng trưởng? Ở đây, bạch Thế Tôn, có người không có

tham dục; sống với tâm không câu hữu với tham dục; người ấy không có sân hận và sống với tâm không câu hữu với sân hận; người ấy không có hại tâm và sống với tâm không câu hữu với hại tâm. Tâm sanh như vậy, bạch Thế Tôn, nếu hành trì thời bất thiện pháp thối giảm, thiện pháp tăng trưởng.

Tâm sanh, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa tâm sanh". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

❖ ***Tương đắc, này các Tỷ-kheo, tôi nói cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói vậy. Và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên?***

Một tương đắc nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, tương đắc như vậy không nên hành trì. Và một tương đắc nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, tương đắc như vậy nên hành trì.

Tương đắc gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm? Ở đây, bạch Thế Tôn, có người có tham dục sống với tương câu hữu với tham dục, người ấy có sân hận

sống với tướng câu hữu với sân hận, người ấy có hại tâm và sống với tướng câu hữu với hại tâm. Tướng đặc như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng, thiệp pháp thối giảm. Tướng đặc gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì, bất thiện pháp thối giảm, thiệp pháp tăng trưởng? Ở đây, bạch Thế Tôn, có người không có tham dục, sống với tướng không câu hữu với tham dục, người ấy không có sân hận và sống với tướng không câu hữu với sân hận, người ấy không có hại tâm và sống với tướng không câu hữu với hại tâm. Tướng đặc như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời bất thiện pháp thối giảm, thiện pháp tăng trưởng.

Tướng đặc, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa tướng đặc". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

❖ **Kiến đặc, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại: "Nên hành trì và không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa kiến đặc". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên?**

Một kiến đặc nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp

thối giảm, kiến đắc như vậy không nên hành trì. Và một kiến đắc nào khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, kiến đắc như vậy nên hành trì. Kiến đắc gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng; thiện pháp thối giảm? Ở đây, bạch Thế Tôn có người có (tà) kiến như sau: "Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thực các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có mẹ, không có cha, không có loại hóa sanh, ở đời không có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn, chánh hướng, chánh hạnh đã tự mình với thượng trí chứng tri, chứng đạt và an trú đời này, đời khác và truyền dạy lại". Kiến đắc như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm. Kiến đắc gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng?

Ở đây, bạch Thế Tôn, có người có (chánh) kiến như sau: "Có bố thí, có lễ hy sinh, có tế tự, có quả dị thực các nghiệp thiện ác, có đời này, có đời khác, có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh, ở đời có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh đã tự mình với thượng trí chứng tri, chứng đắc và an trú đời này, đời khác và truyền dạy lại". Kiến đắc như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện

pháp thôi giảm, các thiện pháp tăng trưởng.

Kiến đắc, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự sai trái về kiến đắc". Thế Tôn đã nói như vậy, và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

❖ *Ngã tánh đắc, này các Tỷ-kheo, tôi nói cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa ngã tánh". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên?*

Ngã tánh đắc nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thôi giảm, ngã tánh đắc như vậy không nên hành trì. Ngã tánh đắc nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thôi giảm, các thiện pháp tăng trưởng, ngã tánh đắc như vậy nên hành trì. Ngã tánh đắc gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thôi giảm? Ngã tánh đắc có hại, bạch Thế Tôn, vì sự không rốt ráo khi được sanh khởi, các bất thiện pháp phải tăng trưởng, các thiện pháp thôi giảm. Ngã tánh đắc vô hại, bạch Thế Tôn, vì sự rốt ráo khi được sanh khởi, các bất thiện pháp thôi giảm, các thiện pháp tăng trưởng.

Ngã tánh đặc, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự sai khác về ngã tánh đặc". Thế Tôn đã nói như vậy, và do duyên như vậy lời nói ấy được nói lên. Bạch Thế Tôn, lời nói mà được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa rộng rãi, con được hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

 **Lành thay, lành thay, này Sariputta! Lành thay, này Sariputta! Lời nói này được Ta nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa rộng rãi, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.**

→ *Thân hành, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa thân hành". Ta đã nói như vậy và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên?*

Thân hành nào, này Sariputta, khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thoái giảm, thân hành như vậy không nên hành trì. Và thân hành nào, này Sariputta, khi hành trì thời bất thiện pháp thoái giảm, thiện pháp tăng trưởng, thân hành như vậy nên hành trì.

Thân hành gì, này Sariputta, khi hành trì bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thoái giảm? Ở đây, này Sariputta, có người sát sanh, tàn nhẫn, tay lấm

máu, tâm chuyên sát hại đả thương, tâm không từ bi đối với các loại hữu tình. Người này lấy của không cho; bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng hoặc tại rừng núi không cho người ấy, người ấy lấy trộm tài vật ấy. Người ấy sống tà hạnh trong các dục vọng, giao cấu các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã có chồng, được hình phạt gây gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa. Thân hành như vậy, này Sariputta, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thoái giảm.

Thân hành gì, này Sariputta, khi hành trì thời các bất thiện pháp thoái giảm, các thiện pháp tăng trưởng? Ở đây, này Sariputta, có người từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Người ấy từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho; bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi không cho người ấy, người ấy không lấy trộm tài vật ấy. Người ấy từ bỏ sống theo tà hạnh trong các dục vọng, không giao cấu với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã có chồng, được hình phạt gây gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân

được trang sức bằng vòng hoa. Thân hành như vậy, này Sariputta, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng.

Thân hành, này các Tỷ-kheo, ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa thân hành". Ta đã nói như vậy và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

→ *Khẩu hành, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa khẩu hành". Ta đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên?*

Này Sariputta, khẩu hành nào khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, khẩu hành như vậy không nên hành trì. Và khẩu hành nào, này Sariputta, khi hành trì, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, khẩu hành như vậy nên hành trì.

Khẩu hành gì, này Sariputta, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm? Ở đây, này Sariputta, có người vọng ngữ đến chỗ tập hội... (như trên)

... (những thay đổi cần thiết cho đến đoạn ngã tánh đặc...)

"Ngã tánh đắc, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa ngã tánh đắc", Ta đã nói như vậy. Và do duyên như vậy lời nói ấy được nói lên.

☞ Này Sariputta, lời nói này được Ta nói một cách vắn tắt, cần phải hiểu một cách rộng rãi như vậy.

→ **Sắc** do mắt nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

→ **Tiếng** do tai nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

→ **Hương** do mũi nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì không nên hành trì".

→ **Vị** do lưỡi nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

→ **Xúc** do thân nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

→ **Pháp** do ý nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Sariputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, lời nói này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa rộng rãi, con

được hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như sau:

"Sắc do mắt nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên?

Sắc nào do mắt nhận thức bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, sắc do mắt nhận thức như vậy không nên hành trì. Sắc nào do mắt nhận thức, bạch Thế Tôn khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, sắc ấy do mắt nhận thức như vậy nên hành trì. "Sắc do mắt nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy lời nói ấy được nói lên.

"Tiếng do tai nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên? Tiếng nào do tai nhận thức bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, tiếng do tai nhận thức như vậy không nên hành trì. Tiếng nào do tai nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, tiếng do tai nhận

thức như vậy nên hành trì. "Tiếng do tai nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy lời nói ấy được nói lên.

"Hương do mũi nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên? Hương nào do mũi nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, hương do mũi nhận thức như vậy không nên hành trì. Hương nào do mũi nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, hương do mũi nhận thức như vậy nên hành trì: "Hương do mũi nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy lời nói ấy được nói lên.

"Vị do lưỡi nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên. Vị nào do lưỡi nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, vị do lưỡi nhận thức như vậy không nên hành trì. Vị nào do lưỡi nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm,

các thiện pháp tăng trưởng, vị do lỗi nhận thức như vậy nên hành trì. "Vị do lỗi nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy lời nói ấy được nói lên.

"Xúc do thân nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên? Xúc nào do thân nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, xúc do thân nhận thức như vậy không nên hành trì. Xúc nào do thân nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, xúc do thân nhận thức như vậy nên hành trì. "Xúc do thân nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy lời nói ấy được nói lên.

"Pháp do ý nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên? Pháp nào do ý nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, pháp do ý nhận thức như vậy không nên hành trì. Pháp nào do ý nhận thức, bạch Thế Tôn,

khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, pháp do ý nhận thức như vậy nên hành trì. Pháp do ý nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy lời nói ấy được nói lên.

Bạch Thế Tôn, lời nói này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa rộng rãi, con được hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

 ***Lành thay, lành thay, này Sariputta! Lành thay, này Sariputta! Lời nói này được Ta nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa rộng rãi, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.***

Sắc do mắt nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Lời nói như vậy được Ta nói lên. Và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên?... (như trên)... Pháp do ý nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Lời nói như vậy được Ta nói lên và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

Này Sariputta, lời nói này được Ta nói lên một cách vắn tắt, ý nghĩa lời nói ấy được hiểu một cách rộng rãi như vậy.

→ **Ý**, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

→ **Đồ ăn khát thực**, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

→ **Sàng tọa**, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

→ **Làng**, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

→ **Thị trấn**, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

→ **Đô thị**, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

→ **Quốc độ**, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

→ **Người** (Puggala), này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Sariputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, lời nói này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi, con được hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như sau:

"Ý, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành

trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên? Ý nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, ý như vậy không nên hành trì. Ý nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, ý như vậy nên hành trì. "Ý, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói lên như vậy. Và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

"Món ăn khát thực, này Sariputta, Ta nói có hai loại... do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên".

"Sàng tọa, này Sariputta, Ta nói có hai loại... do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên".

"Làng, này Sariputta, Ta nói có hai loại... do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên".

"Thị trấn, này Sariputta, Ta nói có hai loại... do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên".

"Đô thị, này Sariputta, Ta nói có hai loại... do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên".

"Quốc độ, này Sariputta, Ta nói có hai loại... do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên".

"Người, này Sariputta, Ta nói có hai loại... do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên".

Bạch Thế Tôn, lời nói này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải thích rộng rãi, con đã hiểu một cách rộng rãi như vậy.

– Lành thay, lành thay, này Sariputta! Lành thay, này Sariputta! Lời nói này được Ta nói lên vắn tắt, không giải thích rộng rãi, Ông đã hiểu một cách rộng rãi như vậy.

Y, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Ta đã nói lên như vậy. Và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên? Y nào, này Sariputta, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng... Do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

Đồ ăn khát thực, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Ta đã nói như vậy. Và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên?... Do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

Sàng tọa, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì"... (như trên)... Sàng tọa như vậy không nên hành trì. Sàng tọa như vậy nên hành trì.... (như trên)... Làng như vậy không nên hành trì ... (như trên) ... Làng như vậy nên hành trì...

(như trên).. Thị trấn như vậy không nên hành trì...
(như trên)... Thị trấn như vậy nên hành trì.... (như
trên).... Đô thị như vậy không nên hành trì... (như
trên)... Đô thị như vậy nên hành trì... (như trên)...
Quốc độ như vậy không nên hành trì ... (như trên) ...
Quốc độ như vậy nên hành trì ... (như trên) ... Người,
này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì và
không nên hành trì". Ta đã nói như vậy. Và do duyên
gì, lời nói ấy được nói lên? Người, này Sariputta...
Do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

Này Sariputta, lời nói này được Ta nói vắn tắt,
ý nghĩa (lời nói ấy) cần được hiểu một cách rộng rãi
như vậy.

- Này Sariputta, nếu tất cả những vị Sát đế ly, đối với lời nói này được Ta nói vắn tắt, có thể hiểu ý nghĩa lời nói ấy một cách rộng rãi như vậy, tất cả những vị ấy sẽ được hưởng hạnh phúc, an lạc lâu dài.
- Này Sariputta, nếu tất cả những vị Bà-la-môn ..
- Nếu tất cả những vị Vessa...
- Này Sariputta, nếu tất cả những vị Thủ đà (Sudda), đối với lời nói này được Ta nói vắn tắt, có thể hiểu ý nghĩa lời nói ấy một cách

rộng rãi như vậy, tất cả những vị ấy sẽ được hưởng hạnh phúc an lạc lâu dài.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Sariputta hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

238 Kiến định - 4 loại kiến định - Kinh TỰ HOAN HỖ – 28 Trường II, 415

KINH TỰ HOAN HỖ
– Bài kinh số 28 – Trường II, 415

Như vậy tôi nghe.

1. Một thời, Thế Tôn ở tại Nàlandà, trong rừng Pàvārikambavana. Lúc bấy giờ, tôn giả Sàriputta đến tại chỗ Thế Tôn ở, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Khi ngồi xuống một bên, tôn giả Sàriputta bạch Thế Tôn!

- Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại, không thể có một vị Samôn, một vị Bàlamôn khác nào có thể vĩ đại hơn Thế Tôn, sáng suốt hơn Thế Tôn, về phương diện **giác ngộ**.

- **Này Sàriputta, lời nói của Ngươi thật là đại ngôn, thật là gan dạ, Ngươi thật là rống tiếng rống con sư tử khi Ngươi nói:** "Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại, không thể có một vị Samôn, một vị Bàlamôn nào có thể vĩ đại hơn Thế

Tôn, sáng suốt hơn Thế Tôn, về phương diện giác ngộ"

Này Sàriputta, có phải Ngươi đã được biết, trong **quá khứ**, các vị Alahán, Chánh Đẳng Giác, với tâm của Ngươi biết được tâm của tất cả các vị Thế Tôn - **giới đức** chư vị Thế Tôn là như vậy, **Pháp** là như vậy... **trí tuệ** là như vậy... **an trú** là như vậy... **giải thoát** chư vị Thế Tôn là như vậy?

- Bạch Thế Tôn, **không**!

- Này Sàriputta, có phải Ngươi đã được biết, trong **tương lai**, các vị Alahán, Chánh Đẳng Giác, với tâm của Ngươi biết được tâm của tất cả các vị Thế Tôn - **giới đức** chư vị Thế Tôn là như vậy, **Pháp** là như vậy... **trí tuệ** là như vậy... **an trú** là như vậy... **giải thoát** chư vị Thế Tôn là như vậy?

- Bạch Thế Tôn, **không**!

- Này Sàriputta, có phải Ngươi đã được biết, trong **hiện tại Ta** là vị Alahán, Chánh Đẳng Giác, với tâm của Ngươi biết được tâm của Thế Tôn - **giới đức** Thế Tôn là như vậy, **Pháp** là như vậy... **an trú** là như vậy... **giải thoát** Thế Tôn là như vậy?

- Bạch Thế Tôn, **không**!

- Nay Sàriputta, hãy xem! Người không có trí tuệ biết được tâm tư của chư vị Alahán, Chánh Đẳng Giác ở quá khứ, ở hiện tại và ở tương lai! **Vậy sao**, này Sàriputta, lời nói của Người tuyên bố thật là đại ngôn, thật là gan dạ, Người thật đã rống tiếng rống con sư tử khi Người nói: "Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại, không thể có một vị Samôn, vị Bàlamôn khác nào có thể vĩ đại hơn Thế Tôn, sáng suốt hơn Thế Tôn, về phương diện giác ngộ."

2. *Bạch Thế Tôn, con không có trí tuệ để được biết tâm tư của chư vị Alahán, Chánh Đẳng Giác trong quá khứ, hiện tại và vị lai. **Bạch Thế Tôn, nhưng con biết truyền thống về Chánh pháp.***

Bạch Thế Tôn, như vị vua có một thành trì ở biên cảnh, có hào lũy kiên cố, có thành quách tháp canh kiên cố và chỉ có một cửa thành ra vào. Cửa thành có vị giữ cửa thông minh, biệt tài và giàu kinh nghiệm, ngăn chặn những người lạ, chỉ cho vào những ai quen biết. Người này, trong khi đi tuần tiểu xung quanh thành, có thể không thấy hết các chấp nối và khe hở của tường, nhỏ cho đến một con mèo thể đi qua được. Nhưng người ấy chỉ cần biết rằng các sinh vật to lớn hơn muốn đi vào hay đi ra thành

này, tất cả đều phải đi vào hay đi ra cửa này.

Bạch Thế Tôn, cũng vậy con biết truyền thống về Chánh pháp.

- *Tất cả những vị Alahán, Chánh Đẳng Giác trong thời quá khứ, tất cả những bậc Thế Tôn này đã diệt trừ Năm Triền cái, những nhiễm tâm khiến trí tuệ yểu ớt, đã khéo an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, đã như thật tu hạnh Bảy Giác chi, đã chứng ngộ Vô thượng Chánh Đẳng Giác.*
- *Tất cả những vị Alahán, Chánh Đẳng Giác trong thời vị lai, tất cả những bậc Thế Tôn này sẽ diệt trừ Năm Triền cái, những nhiễm tâm khiến trí tuệ yếu ớt, sẽ khéo an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, sẽ như thật tu hạnh Bảy Giác chi và sẽ chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Giác.*
- *Bạch Thế Tôn, và nay Thế Tôn, bậc Alahán, Chánh Đẳng Giác đã diệt trừ Năm Triền cái, những nhiễm tâm khiến trí tuệ yếu ớt, đã khéo an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, đã như thật tu hạnh Bảy Giác chi, đã chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Giác.*

Và nay, ở đây, con một thời yết kiến Thế Tôn để nghe pháp. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuyết pháp cho con, mỗi pháp lại cao thượng, thâm thúy hơn pháp trước, **hắc pháp và bạch pháp** đều được đề cập, đối chiếu.

Bạch Thế Tôn, nờ Thế Tôn Thuyết pháp cho con, mỗi pháp lại cao thượng, thâm thúy hơn pháp trước, hắc pháp và bạch pháp đều được đề cập, đối chiếu như vậy, nên trong sự thâm hiểu Chánh pháp, một pháp được con thâm hiểu trọn vẹn, đó là lòng tin của con vào vị Bốn Sư - Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng và chúng Tăng đã khéo hành trì.

3. Bạch Thế Tôn, lại nữa, điểm này thật là vô thượng:
Thế Tôn thuyết pháp về các Thiện pháp.

Ở đây những **thiện pháp** là:

- **Bốn Niệm xứ,**
- **Bốn Chánh cần,**
- **Bốn Như ý túc,**
- **Năm Căn,**
- **Năm Lực,**
- **Bảy Giác chi,**

- ***Thánh đạo tám ngành.***

Bạch Thế Tôn, ở đây vị Tỷ kheo tận diệt các lậu hoặc, có thể tự mình chứng tri và chứng ngộ, đạt đến và an trú ngay trong hiện tại, Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát vô lậu này.

Bạch Thế Tôn, thật là vô thượng đối với các thiện pháp.

Tất cả điểm này, Thế Tôn đã biết và ngoài sự hiểu biết của Ngài, không có gì còn lại để hiểu biết hơn nữa. Không có một ai, một Samôn hay một Bàlamôn nào khác có thể chứng biết hơn Thế Tôn về vấn đề các thiện pháp.

4. Bạch Thế Tôn, lại nữa, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về sự trình bày các Nhập xứ.**

Bạch Thế Tôn, **sáu nội xứ và ngoại xứ**, tức là:

- Mắt và sắc,
- Tai và tiếng,
- Mũi và hương,
- Lưỡi và vị,
- Thân và xúc,

- Ý và pháp.

Bạch Thế Tôn, thật là vô thương về sự trình bày các Nhập xứ.

Tất cả điểm này, Thế Tôn đã biết và ngoài sự hiểu biết của Ngài, không có gì còn lại để hiểu biết hơn nữa. Không có một ai, một Samôn hay một Bàlamôn nào khác có thể chứng biết hơn Thế Tôn về vấn đề trình bày các Nhập xứ.

5. Bạch Thế Tôn, lại nữa, điểm này thật là vô thương:
Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Nhập thai.

Bạch Thế Tôn, có **bốn loại nhập thai:**

- Bạch Thế Tôn, ở đây, có loại không biết mình nhập bụng người mẹ, không biết mình trú trong bụng người mẹ và không biết mình ra khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai thứ *nhất*.
- Lại nữa bạch Thế Tôn, có loại biết mình nhập bụng người mẹ, nhưng không biết mình an trú trong bụng người mẹ và không biết mình ra khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai như *hai*.
- Lại nữa bạch Thế Tôn, có loại biết mình nhập bụng người mẹ, biết mình an trú trong bụng

người mẹ, và không biết mình ra khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai thứ *ba*.

- Lại nữa Bạch Thế Tôn, có loại biết mình nhập bụng người mẹ, biết mình an trú trong bụng người mẹ và biết mình ra khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai thứ *tư*.

Đây là bốn loại nhập thai. Bạch Thế Tôn, thật là vô thường về vấn đề nhập thai.

6. Bạch Thế Tôn, lại nữa, **điểm này thật là vô thường:**
Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề sai khác trong sự Ký tâm.

Bạch Thế Tôn có ***bốn loại ký tâm*** sai khác như thế này.

- Bạch Thế Tôn, có hạng **tự tỏ lộ bằng hình tướng**: "Ý của Ngươi là như thế này, ý của Ngươi là như vậy, tâm của Ngươi là như thế này. Nếu có tỏ lộ nhiều đi nữa, thì sự tỏ lộ là như vậy, không phải gì khác." Như vậy là loại ký tâm thứ *nhất*.
- Lại nữa bạch Thế Tôn, ở đây có loại không tự tỏ lộ bằng hình tướng, nhưng **tỏ lộ sau khi nghe tiếng phát ra bởi người, phi nhân, hay chư Thiên**: "Ý của Ngươi là như thế này, ý của

Người là như vậy, tâm của Người là như thế này. Nếu có tỏ lộ nhiều đi nữa, thì sự tỏ lộ là như vậy, không phải gì khác." Như vậy là loại ký tâm thứ *hai*.

- Lại nữa bạch Thế Tôn, ở đây có loại không tự tỏ lộ bằng hình tướng, cũng không tự tỏ lộ sau khi nghe tiếng phát ra bởi Người, phi nhân hay chư Thiên, mà **tự tỏ lộ sau khi nghe tiếng rõ ràng và hợp lý, phát ra từ sự suy tầm, tư duy:** "Ý của Người là như thế này, ý của Người là như vậy, tâm của Người là như thế này. Nếu có tỏ lộ nhiều đi nữa, thì sự tỏ lộ là như vậy, không phải gì khác." Như vậy là loại ký tâm thứ *ba*.
- Lại nữa bạch Thế Tôn, ở đây có loại không tự tỏ lộ bằng hình tướng, cũng không tự tỏ lộ sau khi nghe tiếng phát ra bởi người, phi nhân, hay chư Thiên, cũng không tự tỏ lộ, sau khi nghe tiếng rõ ràng và hợp lý, phát ra từ sự suy tầm và tư duy, **nhưng khi chúng được định, không tầm, không tứ, có thể biết được tâm người khác với tâm của mình:** "**Tùy ước nguyện hợp ý hành của Tôn giả này, vị này sẽ hướng tâm đến tâm này.** Nếu có tỏ lộ nhiều đi nữa, thì sự tỏ lộ là như vậy, không phải gì khác". Như vậy là loại ký tâm thứ *tư*.

Bạch Thế Tôn, thật là vô thượng về vấn đề ký tâm sai khác.

7. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Kiến định** (dassanasamāpatti).

Bạch Thế Tôn, có ***bốn loại kiến định*** như thế này:

- Ở đây bạch Thế Tôn, có vị Samôn hay Bàlamôn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Với tâm nhập định như vậy, vị ấy quan sát thân này, dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đỉnh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt: Trong thân này, đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, thận, tử, tim gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, phân, mật, đàm (niêm dịch), mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu. Như vậy là kiến định thứ *nhất*.
- Lại nữa bạch Thế Tôn, ở đây có vị Samôn hay Bàlamôn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Với tâm nhập định như vậy,

vị ấy quán sát thân này, dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đỉnh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt: Trong thân này, đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, thận, tủy, tim, gan, hành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, phân, mật, đàm (niêm dịch), mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mủ, nước ở khớp xương, nước tiểu. Hơn nữa, vị ấy quán sát bộ xương của người ấy còn liên kết với nhau, còn dính thịt, máu và da. Như vậy là kiến định thứ hai.

- Lại nữa bạch Thế Tôn,... vị ấy vượt qua sự quán sát bộ xương của người ấy còn liên kết với nhau, còn dính thịt, máu và da, quán sát giòng tâm thức của người ấy, không gián đoạn, như là an trú cả đời này và an trú cả đời sau. Như vậy là kiến định thứ ba.
- Lại nữa, bạch Thế Tôn,... Hơn nữa, vị ấy vượt qua sự quán sát bộ xương của người ấy còn liên kết với nhau, còn dính thịt, máu và da, quán sát giòng tâm thức của người ấy, không gián đoạn, như là không an trú cả đời này và cả đời sau. Như vậy là kiến định thứ tư.

Bạch Thế Tôn, thật là vô thượng về vấn đề kiến định.

8. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Phân loại các loại Người.**

Bạch Thế Tôn, có **bảy loại Người** như thế này:

- Câu giải thoát,
- Tuệ giải thoát,
- Thân chứng,
- Kiến chí,
- Tín thắng giải,
- Tùy pháp hành,
- Tùy tín hành.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề phân loại loài Người.

9. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Tinh cần.**

Bạch Thế Tôn có **Bảy Giác chi** như thế này:

- Niệm Giác chi,
- Trạch pháp Giác chi,
- Tinh tấn Giác chi,

- Hỷ Giác chi,
- Khinh an Giác chi,
- Định Giác chi,
- Xả Giác chi.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tôi thương về vấn đề tinh cần.

10. Lại nữa, bạch Thế Tôn, điểm này thật là vô thượng: **Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Tiến bộ trong sự tu hành** (Patipàda = đạo hành). Bạch Thế Tôn, có **bốn loại đạo hành** như thế này -

- Hành trì khổ chứng ngộ chậm,
- Hành trì khổ chứng ngộ mau,
- Hành trì lạc chứng ngộ chậm,
- Hành trì lạc chứng ngộ mau.

Bạch Thế Tôn, ở đây, thế này là hành trì khổ chứng ngộ chậm: Bạch Thế Tôn, sự hành trì cả hai phương diện đều được xem là hạ liệt, vừa khổ vừa chậm.

Bạch Thế Tôn, ở đây, thế này là hành trì khổ, chứng ngộ mau: Bạch Thế Tôn, sự hành trì này vì khổ nên được gọi là hạ liệt.

Bạch Thế Tôn, ở đây, thế này là hành trì lạc, chúng ngộ chậm: Bạch Thế Tôn, sự hành trì này vì chậm nên được gọi là hạ liệt.

Bạch Thế Tôn, ở đây, thế này là hành trì lạc chúng ngộ mau: Bạch Thế Tôn, sự hành trì này cả hai phương diện đều được xem là cao thượng, vừa lạc vừa mau.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề đạo hành (tiến bộ trên đường tu hành).

11. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Chánh hạnh trong ngôn ngữ.**

Bạch Thế Tôn, ở đây, một người không những không nói những lời liên hệ đến nói láo, mà cũng phải, trong khi tìm cách thắng cuộc, không dùng lời vu khống, lời ác khẩu và lời ly gián, trái lại nói lời từ hòa, sáng suốt, đáng được giữ gìn, và nói đúng thời.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về chánh hạnh trong ngôn ngữ.

12. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Giới hạnh của con người.**

Bạch Thế Tôn, ở đây, có người chân thật, thành tín, không dối trá, không lừa gạt, không gợi ý, không chiêm tướng, không lấy lợi câu lợi, hộ trì các căn, ăn uống tiết độ, hành động ôn hòa, luôn luôn cảnh giác, không chán nản, tinh cần, trầm tư, chánh niệm, ngôn từ lành lợi, hành vi gan dạ, chịu đựng, biết điều, không tham dục, tỉnh giác cẩn trọng.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề giới hạnh của con người.

13. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về Sự sai biệt trong sự giảng dạy.**

Bạch Thế Tôn, có **bốn loại giảng dạy.**

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự Chánh tư duy, biết người khác: Người này theo sự giảng dạy, hành trì như thế này, sẽ diệt trừ ba kiết sử, sẽ chứng **Dự lưu**, không còn bị đọa lạc, chắc chắn sẽ được giác ngộ.
- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy, biết người khác: Người này theo sự giảng dạy, hành trì như thế này, sẽ diệt trừ ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si, sẽ chứng **Nhất lai**, phải sanh đời này một lần nữa trước khi diệt tận

khô đau.

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy biết người khác: Người này theo sự giảng dạy, hành trì như thế này, sẽ **diệt trừ năm hạ phần kiết sử**, sẽ được hóa sanh và ở tại cảnh giới ấy nhập Niết bàn, không còn về lại đời này.
- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy biết người khác: Người này theo sự giảng dạy hành trì như thế này, sẽ **diệt trừ các lậu hoặc**, tự mình giác tri, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại, vô lậu Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề sai biệt trong sự giảng dạy.

14. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về Giải thoát trí của người khác.**

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự Chánh tư duy biết người khác: Người này diệt trừ ba kiết sử, sẽ chứng quả **Dự lưu**, không còn bị đọa lạc, nhất định sẽ được giác ngộ.
- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy biết được người khác: Người này sẽ diệt trừ ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si, sẽ

chúng quả **Nhất lai**, phải sanh đời này một lần nữa, sẽ diệt tận khổ đau.

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy biết được người khác: Người này **diệt trừ năm hạ phần kiết sử**, sẽ được hóa sanh, tự chỗ ấy nhập Niết bàn, không còn phải trở lại đời này.
- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy biết được người khác: Người này, **diệt trừ các lậu hoặc**, tự tri tự chứng, đạt đạo và an trú ngay trong đời hiện tại vô lậu Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tôi thượng về vấn đề giải thoát trí của người khác.

15. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Thường trú luận.**

Bạch Thế Tôn, có **ba loại Thường trú luận** như thế này.

- Bạch Thế Tôn ở đây có vị Sa môn hay Bà la môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định; khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như một đời, hai

đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, trăm đời, ngàn đời, trăm ngàn đời, vô số trăm đời, vô số ngàn đời, vô số trăm ngàn đời, nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi được sanh đến chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, tuổi thọ như thế này." Như vậy vị ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Vị ấy nói rằng: *"Trong thời quá khứ, tôi biết được thế giới là trong hoại kiếp hay thành hoại kiếp. Nhưng trong tương lai tôi không được biết thế giới là trong hoại kiếp hay thành kiếp. Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vĩnh chắc như đỉnh núi, như trụ đá. Còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển, luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú."* Đó là Thường trú luận thứ nhất.

- Lại nữa, bạch Thế Tôn, ở đây, có vị Sa môn hay Bà la môn nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như một thành kiếp hoại kiếp, hai thành kiếp hoại kiếp, ba thành kiếp hoại kiếp, bốn thành kiếp hoại kiếp

kiếp, năm thành kiếp hoại kiếp, mười thành kiếp hoại kiếp, nhớ rằng: *"Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại sanh tại chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ kia chết đi, tôi được sanh tại chỗ này."* Như vậy vị ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Vị ấy nói: *"Trong thời quá khứ, tôi biết được thế giới là trong hoại kiếp hay thành kiếp. Trong tương lai, tôi biết được thế giới sẽ là trong hoại kiếp hay thành kiếp. Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vĩnh chắc như đỉnh núi, như trụ đá, còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú."* Đó là Thường trú luận thứ hai.

- Lại nữa, bạch Thế Tôn, ở đây, vị Sa môn hay Bà la môn, nhờ nhất tâm... nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như mười thành kiếp hoại kiếp, hai mươi thành kiếp hoại kiếp, ba mươi thành kiếp hoại kiếp, bốn mươi thành kiếp hoại kiếp,

nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại được sanh tại chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này." Như vậy vị ấy nhớ nhiều đời quá khứ, với những đặc điểm và những chi tiết. Vị ấy nói: *"Trong thời quá khứ, tôi biết được thế giới là trong hoại kiếp hay thành kiếp. Trong tương lai, tôi biết được thế giới là trong hoại kiếp hay trong thành kiếp. Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vĩnh chắc như đỉnh núi, như trụ đá, còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sống lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú."* Đó là Thường trú luận thứ ba.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tôi thượng về vấn đề Thường trú luận.

16. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Túc mạng trí.** Bạch Thế Tôn, ở đây có vị Samôn hay Bàlamôn, nhờ nhất tâm... nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ như một

đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại kiếp thành kiếp. Nhớ rằng: *"Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại được sanh tại chỗ kia. Tại chỗ kia tôi đã sống với tâm như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại được sanh tại chỗ kia. Tại chỗ kia tôi đã sống với tâm như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này."* Như vậy, vị ấy nhớ nhiều đời quá khứ, với những đặc điểm và những chi tiết. Bạch Thế Tôn, có những chư Thiên, mà tuổi thọ không thể đếm được hay không thể tính được. Nhưng dưới bất cứ ngã thể nào được có trong quá khứ, hoặc có sắc hay không sắc, hoặc có tướng hay không tướng, hoặc phi tướng phi phi tướng, chúng nhớ đến đời quá khứ với các đặc điểm và chi tiết như vậy. Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề Túc mạng trí.

17. Lại nữa, bạch Thế Tôn, điểm này thật là vô

thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Sanh tử trí của các loài hữu tình. Ở đây, bạch Thế Tôn, có vị Sa môn hay Bà la môn, nhờ nhất tâm... nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ: "Này các Hiền giả, những chúng sanh làm những ác hạnh về thân, ngữ và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, ngữ và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo Chánh kiến, tạo các nghiệp theo Chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi Trời, trên đời này". Như vậy, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề Sanh tử trí của các loại hữu tình.

18. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Thần túc**

thông.

Bạch Thế Tôn, có **hai loại thần thông** như thế này.

- Bạch Thế Tôn, có loại thần thông hữu lậu, hữu dư y, được gọi là "không phải Thánh".
- Bạch Thế Tôn, có loại thần thông vô lậu, vô dư y, được gọi là "bậc Thánh".

*Bạch Thế Tôn, thế nào là loại **thần thông hữu lậu**, hữu dư y, được gọi là "không phải Thánh"?*

- Ở đây, bạch Thế Tôn, có vị Sa môn hay Bà la môn, nhờ nhất tâm, nhờ cần mẫn, nhờ bất phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy chứng được nhiều loại Thần túc thông sai khác. Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân. Hiện hình biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ trời lên ngang qua đất liền, như ở trong nước; đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngồi kiết già đi trên hư không như con chim, với bàn tay chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên. Bạch Thế Tôn, như vậy là thần thông hữu lậu, hữu dư y, được

gọi là "không phải Thánh ".

*Bạch Thế Tôn, thế nào là **thần thông vô lậu**, vô dư y, được gọi là "bậc Thánh?"*

- Ở đây, bạch Thế Tôn vị Tỷ kheo, nếu vị ấy muốn: "Đối với sự vật đối nghịch, ta sẽ an trú với tướng không đối nghịch", và ở đây vị ấy an trú với tướng không đối nghịch.
- Nếu vị ấy muốn: "Đối với sự vật không đối nghịch, ta sẽ an trú với tướng đối nghịch", và ở đây vị ấy an trú với tướng đối nghịch.
- Nếu vị ấy muốn: "Đối với sự vật đối nghịch và không đối nghịch, ta sẽ an trú với tướng không đối nghịch", và ở đây vị ấy an trú với tướng không đối nghịch.
- Nếu vị ấy muốn: "Đối với sự vật không đối nghịch và đối nghịch, ta sẽ an trú với tướng đối nghịch", và ở đây vị ấy an trú với tướng đối nghịch.
- Nếu vị ấy muốn: "Loại bỏ cả hai đối nghịch và không đối nghịch, ta sẽ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác", và ở đây vị ấy trú xả, chánh niệm, tỉnh giác.

Bạch Thế Tôn, như vậy là thần thông vô lậu, vô dư

y, và được gọi là "bậc Thánh".

Bậc Thế Tôn, như vậy là vô thượng về các loại Thần túc thông.

Tất cả điểm này, Thế Tôn đã biết, và ngoài sự hiểu biết của Ngài, không có gì còn lại để hiểu biết hơn nữa. Không có một ai, một Samôn hay Bàlamôn nào khác, có thể chứng biết hơn Thế Tôn về vấn đề các loại Thần túc thông.

19. Bậc Thế Tôn, những gì có thể đạt được bởi một thiện nam tử có lòng tin, có tinh tấn, có kiên trì bởi sự kiên trì của con người, bởi sự tinh tấn của con người, bởi sự tiến bộ của con người, bởi sự nhẫn nhục của con người, đều được Thế Tôn chứng đạt.

- Bậc Thế Tôn, Thế Tôn không có đam mê các dục lạc, dục lạc này là đê tiện, hèn hạ, thuộc phạm phu, không xứng bậc Thánh, không có lợi ích.
- Thế Tôn cũng không đam mê tu hành khổ hạnh, khổ hạnh này là khổ, không xứng bậc Thánh, không có lợi ích.

► Thế Tôn có thể đạt được nếu Ngài muốn, một cách dễ dàng, một cách đầy đủ, sự hạnh phúc ngay

trong hiện tại, do *bốn Thiền định* đem lại.

- Bạch Thế Tôn, nếu có ai hỏi con: "Này Hiền giả Sàriputta, trong thời quá khứ, có vị Samôn hay Bàlamôn nào còn lớn hơn, còn sáng suốt hơn Thế Tôn về vấn đề giác ngộ?" Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy, con trả lời không.
- Bạch Thế Tôn, nếu có ai hỏi con: "Này Hiền giả Sàriputta, trong thời vị lai, có vị Samôn hay Bàlamôn nào còn lớn hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về vấn đề giác ngộ?" Bạch Thế Tôn, được hỏi như vậy con trả lời không.
- Bạch Thế Tôn, nếu có ai hỏi con: "Này Hiền giả Sàriputta, trong thời quá khứ, có vị Samôn hay Bàlamôn nào có thể bằng Thế Tôn về vấn đề giác ngộ?" Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy con trả lời có.
- Bạch Thế Tôn, nếu có ai hỏi con: "Này Hiền giả Sàriputta, trong thời vị lai, có vị Samôn hay Bàlamôn nào có thể bằng Thế Tôn về vấn đề giác ngộ?" Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy con trả lời có.
- "Này Hiền giả Sàriputta, trong thời hiện tại, có

vị Samôn hay Bàlamôn nào có thể bằng Thế Tôn về vấn đề giác ngộ?" Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy con trả lời **không**.

➡ Bạch Thế Tôn, nếu có ai hỏi con: "Vì sao, Tôn giả Sàriputta một mặt thì xác nhận là có, một mặt xác nhận là không có?" Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy con sẽ trả lời:

- "Này Hiền giả, trước mặt Thế Tôn, tôi có nghe nói, từ nơi Ngài tôi có ghi nhận: "Trong thời quá khứ, có vị Alahán, Chánh Đẳng Giác bằng Ta về phương diện giác ngộ."
- Này Hiền giả trước mặt Thế Tôn tôi có nghe nói, từ nơi Ngài tôi có ghi nhận: "Trong thời vị lai, có các vị Alahán, Chánh Đẳng Giác bằng Ta về phương diện giác ngộ."
- Này Hiền giả, trước mặt Thế Tôn tôi có nghe nói từ nơi Ngài tôi có ghi nhận: "**Không** có trường hợp, không có sự kiện trong một thế giới, **hai vị** Alahán, Chánh Đẳng Giác cùng xuất hiện ở đời, không trước, không sau. Sự kiện như vậy không thể xảy ra".

Bạch Thế Tôn, có phải khi được hỏi và trả lời như

vậy, con đã nói lên đúng ý với Thế Tôn, không có sai lạc, không có hiểu lầm Thế Tôn? Có phải con đã trả lời thuận pháp, đúng pháp? Có phải không một đối phương hợp pháp nào có thể tìm ra lý do để chỉ trích phê bình?

- Nay Sàriputta, được hỏi và trả lời như vậy, Người đã nói lên đúng ý với Ta, không có sai lạc, không có hiểu lầm Ta. Người đã trả lời thuận pháp và đúng pháp. Không một đối phương hợp pháp nào có thể tìm ra lý do để chỉ trích, phê bình.

20. Được nghe nói vậy, Tôn giả Udàyi bạch Thế Tôn:

- Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn! Như Lai thiếu dục như vậy, tri túc như vậy, nghiêm túc như vậy; **trong khi Như Lai có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy, mà không tự mình tỏ lộ**. Bạch Thế Tôn, nếu có một du sĩ ngoại đạo nào, tự thấy mình chứng được đầu chỉ có một pháp, họ đã dương cò (giống trống) lên rồi.

Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn! Như Lai thiếu dục như vậy, tri túc như vậy, nghiêm túc như vậy; trong khi Như Lai có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy, mà không tự mình tỏ lộ.

- Hãy ghi nhận, này Udàyi! Như Lai thiếu dục như vậy, tri túc như vậy, nghiêm túc như vậy; trong khi Như Lai có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy, mà không tự mình tỏ lộ. Này Udàyi, nếu có một du sĩ ngoại đạo nào, tự thấy mình dầu chỉ có một pháp như vậy, họ đã dương cờ (giống trống) lên rồi. Này Udàyi hãy ghi nhận! Như Lai thiếu dục như vậy, tri túc như vậy, nghiêm túc như vậy; trong khi Như Lai có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy, mà không tự mình tỏ lộ.

21. Rồi Thế Tôn bảo tôn giả Sàriputta:

*- Vậy Sàriputta, Người phải luôn luôn thuyết pháp **phân biệt** này cho các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, các Nam cư sĩ và các Nữ cư sĩ. Này Sàriputta, nếu có những kẻ ngu nào còn nghi ngờ hay ngần ngại đối với Như Lai, nếu họ được nghe **pháp phân biệt** này, nghi ngờ hay ngần ngại của họ đối với Như Lai sẽ được diệt trừ.*

Như vậy, tôn giả Sàriputta nói lên lòng hoan hỷ của mình đối với Thế Tôn. Do vậy, danh từ "**Sam pasàdaniyam, Tự hoan hỷ**" được dùng cho câu trả lời này.

239 Kiếp - 4 vô lượng của kiếp - Kinh KIẾP – Tăng II, 85

KIẾP – Tăng II, 85

1. **Này các Tỷ-kheo, có bốn vô lượng của **kiếp** này.**
2. Thế nào là bốn?
 - **Khi kiếp chuyển thành**, này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì ước tính có bao nhiêu năm như vậy, có nhiều trăm năm như vậy, có nhiều ngàn năm như vậy, có nhiều trăm ngàn năm như vậy.
 - **Khi kiếp đã chuyển thành và dừng lại**, này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì ước tính có bao nhiêu năm như vậy...
 - **Khi kiếp chuyển hoại**, này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì ước tính có nhiều năm như vậy ...
 - **Khi kiếp đã chuyển hoại và dừng lại**, này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì ước tính có bao nhiêu năm như vậy, có nhiều trăm năm như vậy, có nhiều ngàn năm như vậy, có nhiều trăm ngàn năm như vậy.

Này các Tỷ-kheo, có bốn vô lượng của kiếp này.

240 Kiếp - Có bao nhiêu kiếp đã qua, đã vượt qua - Kinh Các Độ Tử – Tương II, 317

Các Độ Tử – Tương II, 317

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Có bao nhiêu kiếp, bạch Thế Tôn, đã đi qua, đã vượt qua?

4) - **Rất nhiều**, này các Tỷ-kheo, là những kiếp đã đi qua, đã vượt qua. Thật không dễ gì để có thể đếm chúng được là một vài kiếp, một vài trăm kiếp, một vài ngàn kiếp, một vài trăm ngàn kiếp.

5) - *Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể cho một ví dụ được không?*

6) - Có thể được, này các Tỷ-kheo. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có bốn vị đệ tử, tuổi thọ một trăm tuổi, sống đến một trăm năm. Cứ mỗi ngày họ nhớ đến trăm

ngàn kiếp, này các Tỷ-kheo, các kiếp được họ nhớ đến là vậy. Bốn đệ tử ấy tuổi thọ một trăm tuổi, sống đến một trăm năm, sau một trăm năm đi đến mệnh chung.

7) **Nhiều như vậy**, này các Tỷ-kheo, **là những kiếp đã đi qua, đã vượt qua**. Thật không dễ gì để có thể đếm chúng được, là một vài kiếp, một vài trăm kiếp, một vài ngàn kiếp, một vài trăm ngàn kiếp.

8) Vì sao? Vô thủy là luân hồi, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Như vậy, **đã lâu ngày**, này các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng **khổ**, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, và các **mộ** phần ngày một lớn lên. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các Ông nhàm chán, là vừa đủ để các Ông từ bỏ, là vừa đủ để các Ông giải thoát đối với tất cả các hành.

Sông Hằng – 319tu2

1) Ở Rājagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm).

2) Rồi một Bà-la-môn đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn:

- Có bao nhiêu kiếp, bạch Thế Tôn, đã đi qua, đã vượt qua?

4) - **Rất nhiều**, này Bà-la-môn, là những kiếp đã đi qua, đã vượt qua. Thật không dễ gì để có thể đếm chúng được, là một vài kiếp, một vài trăm kiếp, một vài ngàn kiếp, một vài trăm ngàn kiếp.

5) - *Tôn giả Gotama có thể cho một ví dụ được không?*

6) - Có thể được, này Bà-la-môn. Ví như, này Bà-la-môn, sông Hằng này từ chỗ nguồn bắt đầu đến chỗ nó chảy nhập vào biển. Số cát nằm ở giữa chặng ấy, thật không dễ gì để có thể đếm chúng được là một số hột cát, là số trăm hột cát, là số ngàn hột cát, là số trăm ngàn hột cát.

7) **Nhiều hơn vậy, này Bà-la-môn, là những kiếp đã đi qua, đã vượt qua.** Thật không dễ gì có thể đếm chúng được, là một số kiếp, một trăm kiếp, là một ngàn kiếp, là một số trăm ngàn kiếp.

8) **Vì sao? Vô thử là luân hồi này,** này Bà-la-môn, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển

luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

9) Như vậy, **đã lâu ngày**, này Bà-la-môn, các Ông chịu đựng khổ, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, và các mộ phần ngày một lớn lên. Cho đến như vậy, này Bà-la-môn, là vừa đủ để nhàm chán, là vừa đủ để từ bỏ, là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành.

10) Được nghe nói vậy, Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

241 Kiếp - Kinh TỪ 1 – Tăng II, 58

TỪ 1 – Tăng II, 58

1. - Có **bốn hạng người** này, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người với tâm cùng khởi với từ, biến mãn một phương rồi an trú; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư, như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới. Vị ấy an trú biến mãn với tâm cùng khởi với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

- Vị ấy nếm được vị ngọt của Thiên ấy, ái luyện Thiên ấy và do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phần lớn với Thiên ấy, không có thoái hạ; khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi **Phạm chúng Thiên**. *Một kiếp, này các Tỷ kheo, là tuổi thọ vô lượng của chư Thiên ở Phạm chúng Thiên.*

→ Tại đây, **kẻ phạm phu**, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên, đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến ngã quý.

→ Còn **đệ tử Như Lai**, tại đây, sau khi an trú cho đến hết ven tuổi thọ của chư Thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Nay các Tỷ-kheo, *đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.*

2. Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người với tâm cùng khởi với **bi** ... với tâm cùng khởi với **hỷ** ... với tâm cùng khởi với **xả**, biến mãn một phương rồi an trú; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư, như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thủy phương xứ, cùng khắp vô biên giới. Vị ấy an trú biến mãn với tâm cùng khởi với bi... với hỷ... với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

- Vị ấy nếm được vị ngọt của Thiên ấy, ái luyện Thiên ấy và do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phần lớn với Thiên ấy, không có thoái đạo; khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi **Quang âm Thiên**. ***Hai** kiếp, là thọ mạng của các chư Thiên ở Quang âm Thiên...*
- ... được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi **Biến tịnh Thiên**. ***Bốn** kiếp, là tuổi thọ vô lượng của chư Thiên ở Biến tịnh Thiên...*

- ... được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi **Quảng quả Thiên**. *Năm kiếp, là tuổi thọ vô lượng của chư Thiên ở cõi Quảng quả Thiên...*

→ Tại đây, **kẻ phạm phu**, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ của chư Thiên ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy, đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến ngã quý.

→ Còn **đệ tử Như Lai**, tại đây, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. *Này các Tỷ-kheo, đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phạm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.*

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời.

TỪ 2 – Tăng II, 61

1. **Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời.** Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người với tâm cùng khởi với từ, biến mãn một phương rồi an trú; cũng

vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư, như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới. Vị ấy an trú biến mãn với tâm cùng khởi với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Ở đây, về các pháp thuộc sắc, thuộc thọ, thuộc tưởng, thuộc hành, thuộc thức, vị ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là ung nhọt, là mũi tên, là bất hạnh, là bệnh hoạn, là hướng ngoại, là hoại diệt, là trống không, là vô ngã. Vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh công trú với chư Thiên ở **Tịnh cư Thiên**. Nay các Tỷ-kheo, sự sanh khởi này **không** có chung cùng các hàng phàm phu.

2. Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người với tâm cùng khởi với **bi** ... với tâm cùng khởi với **hỷ** ... với tâm cùng khởi với **xả**, biến mãn một phương rồi an trú; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư, như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới. Vị ấy an trú biến mãn với tâm cùng khởi với bi... với hỷ... với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Ở đây, về các pháp thuộc sắc, thuộc thọ, thuộc tưởng, thuộc hành, thuộc thức, vị ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là ung nhọt, là mũi tên, là bất hạnh, là bệnh hoạn, là hướng ngoại, là hoại diệt, là trống

không, là vô ngã. Vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh công trú với chư Thiên ở **Tịnh cư Thiên.** Nay các Tỷ-kheo, sự sanh khởi này **không** có chung cùng các hàng phàm phu.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người có mặt, hiện hữu ở đời.

242 Kiếp - Một kiếp dài như thế nào - Kinh Hộ Cải – Tương II, 316

Hộ Cải – Tương II, 316

1) Sàvatthi.

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Một kiếp, bạch Thế Tôn, dài như thế nào?

4) - **Thật dài**, này Tỷ-kheo, là một kiếp. Thật không dễ gì để có thể đếm là một vài năm, một vài trăm năm, một vài ngàn năm, hay một vài trăm ngàn năm.

5) - Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể cho một ví dụ được không?

6) - Có thể được, này Tỷ-kheo. Ví như, này Tỷ-kheo, có một thành bằng sắt, dài một do tuần, rộng một do tuần, cao một do tuần, chứa đầy hộ cải cao như chóp khăn đầu. Một người từ nơi chỗ ấy, sau mỗi trăm năm lấy ra một hộ cải. Này Tỷ-kheo, **đồng hộ cải ấy được làm như vậy, có thể đi đến đoạn tận, đoạn diệt mau hơn là một kiếp.**

7) **Như vậy dài, này Tỷ-kheo, là một kiếp.** Với những kiếp dài như vậy, hơn một kiếp đã qua, hơn một trăm kiếp đã qua, hơn một ngàn kiếp đã qua, hơn một trăm ngàn kiếp đã qua.

8) **Vì sao? Vô thử là luân hồi này,** này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Như vậy, **đã lâu ngày,** này các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng **khổ**, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, và các **mộ** phần ngày một lớn lên. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các Ông **nhàm chán**, là vừa đủ để các Ông từ bỏ, là vừa đủ để các Ông **giải thoát** đối với tất cả các **hành**.

243 Kiếp - Một kiếp dài như thế nào - Kinh Núi – Tương II, 315

Núi – Tương II, 315

1). .. Trú ở Sàvatthi.

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Một kiếp, bạch Thế Tôn, dài như thế nào?

4) - **Thật dài**, này Tỷ-kheo, là một kiếp. Thật không dễ gì có thể đếm là một vài năm, một vài trăm năm, một vài ngàn năm hay một vài trăm ngàn năm.

5) - *Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể cho một ví dụ được không?*

6) - Có thể được, này Tỷ-kheo. **Ví như, này Tỷ-kheo, có một hòn núi đá lớn, một do tuần bề dài, một do tuần bề rộng, một do tuần bề cao, không có khe hở, không có lỗ hổng, một tảng đá thuần đặc. Rồi một người đến, cứ sau một trăm năm lại lau hòn đá ấy một lần với tám vải kàsi. Này Tỷ-kheo, hòn núi đá**

lớn ấy được làm như vậy có thể đi đến đoan tận, đoan diệt mau hơn là một kiếp.

7) Như vậy dài, này các Tỷ-kheo, là một kiếp. Với những kiếp dài như vậy, này Tỷ-kheo, hơn một kiếp đã qua, hơn một trăm kiếp đã qua, hơn một ngàn kiếp đã qua, hơn một trăm ngàn kiếp đã qua.

8) Vì sao? Vô thường luân hồi này, này các Tỷ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Như vậy, **đã lâu ngày,** này các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng **khổ**, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, và các **mộ** phần ngày một lớn lên. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để các Ông **nhàm chán**, là vừa đủ để các Ông từ bỏ, là vừa đủ để các Ông **giải** thoát đối với tất cả các **hành**.

244 Kiếp - Thời kiếp giảm - Kinh ĐẠI BỒN – 14 Trường I, 431

KINH ĐẠI BỒN (MAHA PADANA SUTTA) – Bài kinh số 14 – Trường I, 431 I

1. Như vậy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở tại nước Sāvatthi (Xá-vệ) rừng Jeta (Kỳ-đà), vườn ông Anāthapindika (Cấp Cô Độc), trong am thất cây Kareri (Hoa Lâm). Lúc bảy giờ, số đông các Tỷ-kheo đi khát thực về, sau khi dùng bữa xong, cùng ngồi và tụ họp lại Hoa Lâm viên đường, pháp thoại thuộc về tiền thân được khởi lên: "Đây là tiền thân, đây là tiền thân".

2. Thế Tôn, với thiên nhĩ thanh tịnh vượt quá loài người nghe được câu chuyện này giữa các Tỷ-kheo. Rồi Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Hoa Lâm viên đường. Khi đến xong, Ngài ngồi trên ghế đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn hỏi các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, câu chuyện gì, các người đang ngồi bàn? Câu chuyện gì đã bị gián đoạn giữa các người?

Khi được nói vậy, những Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, chúng con đi khát thực về, sau khi dùng bữa xong, cùng ngồi và tụ họp tại Hoa Lâm viên đường, pháp thoại về tiền thân được khởi lên: "Đây là tiền thân, đây là tiền thân". Bạch Thế Tôn, đó là câu chuyện đang được bàn đến giữa chúng con thời Thế Tôn đến.

3. - Nay các Tỷ-kheo, các người có muốn nghe pháp thoại thuộc về tiền thân không?

- Bạch Thế Tôn, thật là đúng thời; bạch Thiện Thệ, thật là đúng thời để Thế Tôn giảng pháp thoại thuộc về tiền thân. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

- Vậy nay các Tỷ-kheo, các người hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

- Dạ vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo này đáp lời Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

4. - Nay các Tỷ-kheo, **chín mươi một kiếp** về trước, Thế Tôn Vipassī (Tỳ-bà-thi), bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.

- Nay các Tỷ-kheo, **ba mươi một kiếp** về trước, Thế Tôn Sikhĩ (Thi-khĩ) bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.
- Nay các Tỷ-kheo, **cũng trong ba mươi một kiếp ấy**, Thế Tôn Vessabhũ (Tỳ-xá-bà) bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.
- Nay các Tỷ-kheo **cũng trong hiện kiếp ấy**, Thế Tôn Kakusandha (Câu-lâu-tôn) bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.
- Nay các Tỷ-kheo, **cũng trong hiện kiếp ấy**, Thế Tôn Konāgamana (Câu-na-hàm) bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.
- Nay các Tỷ-kheo, **cũng trong hiện kiếp ấy**, Thế Tôn Kassapa (Ca-diếp) bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.
- Nay các Tỷ-kheo, **cũng trong hiện kiếp ấy**, nay Ta, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời.

5. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassĩ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác sanh thuộc **chủng tánh Sát-đế-lý**, sanh trong giai cấp Sát-đế-lý.

- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhĩ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thuộc **chủng tánh Sát-đế-lý**,

sinh trong giai cấp Sát-đế-ly.

- Đây các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thuộc chủng tánh Sát-đế-ly, sinh trong giai cấp Sát-đế-ly.
- Đây các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thuộc chủng tánh Bà-la-môn, sinh trong giai cấp Bà-la-môn .
- Đây các Tỷ-kheo, Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc chủng tánh Bà-la-môn, sinh trong giai cấp Bà-la-môn.
- Đây các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc chủng tánh Bà-la-môn, sinh trong giai cấp Bà-la-môn .
- Đây các Tỷ-kheo, nay Ta là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc chủng tánh Sát-đế-ly, sinh trong giai cấp Sát-đế-ly.

6. Đây các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondanna (Câu-ly-nhã).

- Đây các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondanna.

- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondanna.
- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kassapa.
- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Konagamara, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kassapa.
- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kassapa.
- Nay các Tỷ-kheo, nay Ta là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, thuộc **danh tánh Gotama (Cù-đàm)**.

7. Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassī bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, **tuổi thọ loài người là tám vạn năm.**

- Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là **bảy vạn năm.**
- Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn

Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là **sáu vạn năm**.

- Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là **bốn vạn năm**.
- Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ loài người là **ba vạn năm**.
- Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ của loài người là **hai vạn năm**.
- Nay các Tỷ-kheo, nay tuổi thọ của Ta không bao nhiêu, ít ỏi, tuổi thọ loài người khoảng **một trăm năm hay hơn một chút**.

8. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, **giác ngộ dưới gốc cây pātali** (bà-bà-la).

- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, **giác ngộ dưới gốc cây pundarika** (phân-đà-ly).
- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, **giác ngộ dưới gốc**

cây sirīsa (thi-lợi-sa).

- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Konākgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây udumbara (ô-tam-bà-la).
- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây nigrodha (ni-câu-luật-đà).
- Nay các Tỷ-kheo, nay Ta là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giác ngộ dưới gốc cây assattha (bát-đa-la).

9. Nay các Tỷ-kheo, **hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử** của Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tên là Khanda (Kiển-trà) và Tissa (Đề-xá).

- Nay các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tên là Abhibhū (A-tỳ-phù) và Sambhava (Tam-bà-bà).
- Nay các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tên là Sona (Phù-du) và Uttara (Uất-đa-la).
- Nay các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử

của Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Vidhūra (Tỳ-lâu) và Sanjīva (Tát-ni).

- Đây các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Bhiyyosa (Thư-bà-na) và Uttara (Uất-đa-la).
- Đây các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Tissa (Đề-xá) và Bhāradvāja (Bà-la-bà).
- Đây các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Ta là Sāriputta (Xá-lợi-phất) và Moggallāna (Mục-kiền-liên).

10. Đây các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội: một Tăng hội sáu mươi tám triệu Tỷ-kheo, một Tăng hội mười vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo. Đây các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassī bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lậu-tân.

- Đây các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng

hội: một Tăng hội mười vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội bảy vạn Tỷ-kheo. Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Sikhĩ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lưu tậ.

- Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vessabhũ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội: một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội bảy vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội sáu vạn Tỷ-kheo. Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vessabhũ, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lưu tậ.
- Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội bốn vạn Tỷ-kheo. Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lưu tậ.
- Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội ba vạn Tỷ-kheo. Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lưu tậ.

- Đây các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội hai vạn Tỷ-kheo. Đây các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có một Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc A-la-hán .
- Đây các Tỷ kheo, nay trong thời của Ta có một Tăng hội một ngàn hai trăm năm mươi Tỷ-kheo, tất cả đều là bậc Lưu tỳ.

11. Đây các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Asoka (A-dục), vị này là vị thị giả đệ nhất.

- Đây các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhī bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Khemankara (Nhân Hành), vị này là vị thị giả đệ nhất.
- Đây các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Upasannaka (Tịch Diệt) vị này là vị thị giả đệ nhất.
- Đây các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Buddhija (Thiện Giác), vị này là thị

giả đệ nhất.

- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Sotthija (An Hòa), vị này là vị thị giả đệ nhất.
- Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Kassapa bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Sabbamitta (Thiên Hữu), vị này là vị thị giả đệ nhất.
- Nay các Tỷ-kheo, nay Ta có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Ānanda (A-nan), vị này là vị thị giả đệ nhất.

12. Nay các Tỷ-kheo, phụ vương của Thế Tôn Vipassī bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Bandhumā (Bàn-đầu); mẫu hậu tên là Bandhumatī (Bàn-đầu-bà-đề). Kinh thành của vua Bandhumā tên là Bandhumatī.

- Nay các Tỷ-kheo, phụ vương Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Aruna (Minh Tướng); mẫu hậu tên là Pabhāvatī (Quang Huy); kinh thành của vua Aruna tên là Pabhāvatī.

- Nay các Tỷ-kheo, phụ vương Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Suppatīta (Thiện Đăng), mẫu hậu tên là Yasavati (Xứng Giới); kinh thành của vua Suppatita tên là Anopama (Vô Dụ).
- Nay các Tỷ-kheo, phụ thân Bà-la-môn của Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tên là Aggidatta (Tự Đắc); mẫu thân Bà-la-môn tên là Visākhā (Thiện Chi). Nay các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ vua trị vì tên là Khema (An Hòa); kinh thành vua Khema tên là Khemavatī (An Hòa).
- Nay các Tỷ-kheo, phụ thân Bà-la-môn của Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Yannadatta (Đạt Đức) mẫu thân Bà-la-môn tên là Uttarā (Thiện Thắng; Nay các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ, vua trị vì tên là Sobha (Thanh Tịnh); kinh thành của vua Sobha tên là Sobhavatī (Thanh Tịnh).
- Nay các Tỷ-kheo, phụ thân Bà-la-môn của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Brahmadatta (Phạm Thi) mẫu thân Bà-la-môn tên là Dhanavatī (Tài Chủ). Nay các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ vua trị vì tên là Kikī (Hấp Tỳ); kinh thành vua Kikī là Baranasī (Ba-la-

nại).

- Đây các Tỷ-kheo, nay phụ vương của Ta tên là Suddhodana (Tịnh Phạn); mẫu hậu của Ta tên là Mãyã (Ma-da); kinh thành tên là Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ).

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Giảng xong Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tịnh xá.

13. Thế Tôn đi ra chẳng bao lâu cuộc đàm thoại sau đây khởi lên giữa những Tỷ-kheo ấy:

- Đây các Hiền giả, thật hy hữu thay! **Này các liên giả, thật kỳ diệu thay, đại thần lực, đại oai lực của Như Lai!** Như Lai nhớ được chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh của những vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy".

Này các Hiền giả, quý vị nghĩ như thế nào? **Có phải**

Như Lai khéo chứng đạt pháp giới như vậy, và nhờ chứng đạt pháp giới này, Như Lai nhớ chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết Bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy? ***Hay là chư Thiên mách bảo Như Lai và nhờ sự mách bảo này***, Như Lai nhớ được các đức Phật quá khứ, các vị này đã nhập Niết bàn đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát như thế này?"

Như vậy là cuộc đàm thoại đang khởi lên giữa những Tỷ-kheo ấy.

14. Bảy giờ Thê Tôn, vào buổi chiều tối, sau khi xuất định, liền đến Hoa Lâm viên đường, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi xong, Thê Tôn nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, nay các Người ngồi luận bàn vấn đề gì? Đề tài gì đã được luận bàn giữa các Người?

Khi được hỏi vậy, các Tỷ-kheo ấy bạch Thê Tôn:

- Bạch Thê Tôn, Thê Tôn đi ra chẳng bao lâu, cuộc đàm thoại sau đây đã khởi lên giữa chúng con: "Này các Hiền giả, thật hy hữu thay! Này các hiền giả thật kỳ diệu thay đại thân lực, đại oai lực của Như Lai! Như Lai nhớ được chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết Bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh của những vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thê Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy". *Này các Hiền giả, quý vị nghĩ như thế nào? Có phải Như Lai khéo chứng đạt pháp giới như vậy, và nhờ chứng đạt pháp giới này,*

Như Lai nhớ chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy?" *Hay là chư Thiên mách bảo Như Lai và nhờ sự mách bảo này, Như Lai nhớ được các đức Phật quá khứ, các vị này đã nhập Niết bàn* đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát như thế này?" Bạch Thế Tôn, như vậy là vấn đề bàn luận giữa chúng con, khi Thế Tôn đến.

15. - Nay các Tỷ-kheo, **như vậy là pháp giới ấy được khéo chứng đạt bởi Như Lai, và nhờ chứng**

đạt pháp giới này, Như Lai nhớ được chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết Bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh của những vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy".

Này các Hiền giả, quý vị nghĩ như thế nào? Có phải Như Lai khéo chứng đạt pháp giới như vậy, và nhờ chứng đạt pháp giới này, Như Lai nhớ chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy".

Này các Tỷ-kheo, vậy hãy nghe và suy nghiệm kỹ,

Ta sẽ giảng.

- Thừa vâng, Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, Thế Tôn giảng như sau:

16. - Nay các Tỷ-kheo, **cách đây chín mươi một kiếp về trước**, Thế Tôn Vipassī bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc chủng tánh Sát-đế-ly, sanh trong giai cấp Sát-đế-ly. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondanna. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ đến tám vạn năm. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây Patali (Ba-ba-la). Nay các Tỷ-kheo, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Khanda (Kiển-trà) và Tissa (Đề-xá). Nay các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội: một Tăng hội sáu mươi tám vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội mười vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Asoka (A-dục), vị

này là vị thị giả đệ nhất. Đây các Tỷ-kheo, Phụ Vương Thế Tôn Tỷ-bà-thi, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Bandhumā (Bàn-đầu), mẫu hậu tên là Bandhumatī (Bàn-đầu-bà-đề), kinh thành của Bandhumā tên là Bandhumatī.

17. Đây các Tỷ-kheo, **pháp nhĩ là như vậy, Bô-tát Vipassī**, sau khi từ già cảnh giới Đâu-suất thiên, **chánh niệm tỉnh giác** nhập vào mẫu thai. Đây các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy.

Khi Bô-tát Vipassī từ già cảnh giới Đâu-suất thiên, chánh niệm tỉnh giác nhập vào mẫu thai, **khí ấy một hào quang vô lượng, thần diệu**, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có các thế giới ở trên chư Thiên, thế giới của các Ma vương và Phạm thiên và thế giới ở dưới gồm các vị Sa-môn, Bà-la-môn, các vị hoàng tử và dân chúng. (1). Cho đến các cảnh giới ở giữa các thế giới, không có nền tảng, tối tăm, u ám, những cảnh giới mà mặt trăng mặt trời với đại thần lực, đại oai đức như vậy cũng không thể chiếu thấu, trong những cảnh giới ấy một hào quang vô lượng, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra. Và các chúng sanh sống tại những chỗ ấy, nhờ hào quang ấy mới thấy nhau và nói: "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây". Và **mười ngàn thế giới** chuyển động, rung động, chuyển động

mạnh. Và hào quang vô lượng, thần diệu ấy, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra ở thế giới. Pháp nhĩ là như vậy.

(1) Sadevamanussaya. Có chỗ dịch: chư Thiên và loài người.

Này các Tỷ-kheo, **pháp nhĩ là như vậy**. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, **bốn vị Thiên tử** đứng canh gác bốn phương trời và nói: *"Không cho một ai, người hay không phải loài người, được hãm hại vị Bồ-tát. Pháp nhĩ là như vậy"*.

18. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, me vị Bồ-tát giữ giới một cách hõn nhiên, không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói láo, không uống các thứ rượu men, rượu nấu. Pháp nhĩ là như vậy.

19. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, me vị Bồ-tát không khởi dục tâm đối với một nam nhân nào, và không vi phạm tiết hạnh với bất kỳ người đàn ông nào dầu người này có tâm ái nhiễm đối với bà. Pháp nhĩ là gì vậy.

20. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, me vị Bồ-tát có được năm món dục lạc đầy đủ, tận hưởng, trọn hưởng năm món dục

lạc ấy. Pháp nhĩ là như vậy.

21. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, mẹ vị Bồ-tát không bị một bệnh tật gì. Bà sống với tâm hoan hỷ, với thân khoan khoái. Bà thấy trong bào thai của mình vị Bồ-tát đầy đủ mọi bộ phận và chân tay.

Này các Tỷ-kheo, ví như viên ngọc lưu ly, thanh tịnh, thuần nhất, có tám cạnh, khéo cắt, khéo giữa, trong sáng, không tỳ vết, hoàn hảo trong mọi phương diện. Rồi một sợi dây được xuyên qua viên ngọc ấy, dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng lợt. Nếu có người có mắt để viên ngọc trên bàn tay của mình, người ấy sẽ thấy rõ ràng: "Đây là viên ngọc lưu ly, thanh tịnh thuần nhất, có tám cạnh, khéo cắt khéo giữa, trong sáng, không tỳ vết, hoàn hảo trong mọi phương diện. Đây là sợi dây xuyên qua, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng lợt". Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, mẹ vị Bồ-tát không một bệnh tật gì. Bà sống với tâm hoan hỷ, với thân khoan khoái. Bà thấy trong bào thai của mình vị Bồ-tát đầy đủ mọi bộ phận và chân tay. Pháp nhĩ là như vậy.

22. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Sau khi sanh vị Bồ-tát bảy ngày, mẹ vị Bồ-tát mệnh chung

và sanh lên cảnh trời Đâu suất. Pháp nhĩ là như vậy.

23. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Trong khi các người đàn bà khác mang bầu thai trong bụng chín tháng hay mười tháng rồi mới sanh, mẹ vị Bồ-tát sanh vị Bồ-tát không phải như vậy. Me vị Bồ-tát mang vị Bồ-tát trong bụng mười tháng trời mới sanh. Pháp nhĩ là như vậy.

24. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Trong khi các người đàn bà khác, hoặc ngồi, hoặc nằm mà sanh con, mẹ vị Bồ-tát sanh vị Bồ-tát không phải như vậy. Me vị Bồ-tát đứng mà sanh vị Bồ-tát. Pháp nhĩ là như vậy.

25. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, chư Thiên đỡ lấy Ngài trước, sau mới đến loài người. Pháp nhĩ là như vậy.

26. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, vị Bồ-tát không đụng đến đất. Có bốn Thiên tử đỡ lấy Ngài, đặt Ngài trước bà mẹ và thưa: "Hoàng hậu hãy hoan hỷ. Hoàng hậu sanh một bậc vĩ nhân". Pháp nhĩ là như vậy.

27. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, Ngài sanh ra thanh tịnh, không bị nhiễm ô bởi nước nhót nào, không bị nhiễm

ô bởi loại mủ nào, không bị nhiễm ô bởi loại máu nào, không bị nhiễm ô bởi bất cứ vật bất tịnh nào, thanh tịnh, trong sạch. Pháp nhĩ là như vậy.

Này các Tỷ-kheo, như viên ngọc ma-ni bảo châu đặt trên một tấm vải Ba-la-nại. Hòn ngọc không làm nhiễm ô tấm vải Ba-la-nại, tấm vải Ba-la-nại cũng không làm nhiễm ô hòn ngọc. Vì sao vậy? Vì cả hai đều thanh tịnh. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, Ngài sanh ra thanh tịnh, không bị nhiễm ô bởi nước nhót nào, không bị nhiễm ô bởi loại mủ nào, không bị nhiễm ô bởi loại máu nào, không bị nhiễm ô bởi bất cứ sự vật bất tịnh nào, thanh tịnh, trong sạch. Pháp nhĩ là như vậy.

28. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, hai dòng nước từ hư không hiện ra, một dòng lạnh, một dòng nóng. Hai dòng nước ấy tắm rửa sạch sẽ cho vị Bồ-tát và cho bà mẹ. Pháp nhĩ là như vậy.

29. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Vì Bồ-tát khi sanh ra, Ngài đứng vững, thẳng bằng trên hai chân, mặt hướng phía Bắc, bước đi bảy bước, một long trắng được che trên. Ngài nhìn khắp cả mọi phương, lớn tiếng như con ngưu vương, thốt ra lời như sau: "Ta là bậc tối thượng ở trên đời! Ta

là bậc tối tôn ở trên đời. Ta là bậc cao nhất ở trên đời. Nay là đời sống cuối cùng, không còn phải tái sinh ở đời này nữa". Pháp nhĩ là như vậy.

30. Nay các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, khi ấy một hào quang vô lượng thần diệu, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có các thế giới trên chư Thiên, thế giới của các Ma vương và Phạm thiên, và thế giới ở dưới gồm các vị Sa-môn, Bà-la-môn, các vị hoàng tử và dân chúng. Cho đến các cảnh giới ở giữa các thế giới, không có nền tảng, tối tăm, u ám, những cảnh giới mà mặt trăng, mặt trời với đại thần lực, đại oai đức như vậy cũng không thể chiếu thấu, trong những cảnh giới ấy, một hào quang vô lượng, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra. Và các chúng sanh sống tại những chỗ ấy, nhờ hào quang ấy mới thấy nhau mà nói: "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây". Và mười ngàn thế giới chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và hào quang vô lượng thần diệu ấy thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra ở thế giới. Pháp nhĩ là như vậy.

31. Nay các Tỷ-kheo, **khi hoàng tử Vipassī sinh ra, vua Bandhumā được báo tin:** "Đại vương đã được sinh một hoàng tử". Nay các Tỷ-kheo, khi thấy hoàng tử xong, vua Bandhumā liền cho mời các vị

Bà-la-môn đoán tướng và nói: "Này các Hiền giả, hãy xem tướng cho Hoàng tử". Này các Tỷ-kheo, khi xem tướng Hoàng tử Vipassī xong, các vị Bà-la-môn đoán tướng tâu với vua Bandhumā: *"Đại vương hãy hân hoan; Đại vương đã sinh một bậc vĩ nhân! May mắn thay cho Đại vương, đại hạnh thay cho Đại vương đã được một Hoàng tử như vậy sanh trong gia đình. Tâu Đại vương, Hoàng tử này có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân. Ai có đủ ba mươi hai tướng tốt này sẽ chọn hai con đường này thôi, không có con đường nào khác. Nếu sống tại gia đình, vị này sẽ trở thành vua Chuyển luân Thánh vương, dùng chánh pháp trị nước, bình định bốn phương, đem lại an toàn cho quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu trở thành vật sở hữu của vị này, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, gia chủ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Vị này có đến hơn một ngàn thái tử, những bậc anh hùng, lực sĩ, chinh phục quân thù. Vị này chinh phục cõi đất này cho đến hải biên và trị nước với chánh pháp, không dùng trượng, không dùng đao. Nếu vị này từ bỏ gia đình, xuất gia sống không gia đình, vị này sẽ thành bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vén lui màn vô minh che đời".*

32. "Đại vương, ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân là gì mà Hoàng tử nếu đầy đủ những tướng tốt

này sẽ chọn đi hai con đường, không có con đường nào khác. Nếu sống tại gia đình, vị này sẽ trở thành vua Chuyển luân Thánh vương dùng chánh pháp trị nước, bình định bốn phương, đem lại an toàn cho quốc lộ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu trở thành vật sở hữu của vị này, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Vị này có đến hơn một ngàn thái tử, những bậc anh hùng, lực sĩ, chinh phục quân thù. Vị này chinh phục cõi đất này cho đến hải biên và trị nước với chánh pháp, không dùng trượng, không dùng đao. Nếu vị này từ bỏ gia đình, xuất gia sống không gia đình, vị này sẽ thành bậc A-la-hán. Chánh Đẳng Giác, vén lui màn vô minh che đời?

33. "Đại vương, Hoàng tử này có lòng bàn chân bằng phẳng, tướng này được xem là tướng tốt của bậc Đại nhân.
34. "Đại vương, dưới hai bàn chân của Hoàng tử này, có hiện ra hình bánh xe, với ngàn tám xe, với trục xe, vành xe, với các bộ phận hoàn toàn đầy đủ, tướng này được xem là tướng của bậc Đại nhân.
35. "Đại vương, Hoàng tử này có gót chân thon dài... (như trước)

36. "Đại vương, Hoàng tử này có ngón tay, ngón chân dài...
37. "Đại vương, Hoàng tử này có tay chân mềm mại...
38. "Đại vương, Hoàng tử này có tay chân có màn da lưới...
39. "Đại vương, Hoàng tử này có mắt cá tròn như con sò...
40. "Đại vương, Hoàng tử này có ống chân như con dê rừng...
41. "Đại vương, Hoàng tử này đứng thẳng, không co lưng xuống, có thể rời từ đầu gối với hai bàn tay...
42. "Đại vương, Hoàng tử này có tướng mã âm tàng...
43. "Đại vương, Hoàng tử này có màu da như đồng, màu sắc như vàng...
44. "Đại vương, Hoàng tử này có da trơn mượt khiến bụi không thể bám dính vào...
45. "Đại vương, Hoàng tử này có lông da mọc từ lông một, mỗi lỗ chân lông có một lông...

46. "Đại vương, Hoàng tử này có lông mọc xoáy tròn thẳng lên, mỗi sợi lông đều vậy, màu xanh đậm như thuốc bôi mắt, xoáy lên từng xoáy tròn nhỏ, và xoáy về hướng mặt...
47. "Đại vương, Hoàng tử này có thân hình cao thẳng...
48. "Đại vương, Hoàng tử này có bảy chỗ tròn đầy...
49. "Đại vương, Hoàng tử này có nửa thân trước như con sư tử...
50. "Đại vương, Hoàng tử này không có lỗm khuyết giữa hai vai...
51. "Đại vương, Hoàng tử này có thân thể cân đối như cây bàng (nigrodha: ni-câu-luật). Bề cao của thân ngang bằng bề dài của hai tay sải rộng, bề dài của hai tay sải rộng ngang bằng bề cao của thân...
52. "Đại vương, Hoàng tử này có bán thân trên vuông tròn...
53. "Đại vương, Hoàng tử này có vị giác hết sức sắc bén...
54. "Đại vương, Hoàng tử này có quai hàm như con

sư tử. .

55. "Đại vương, Hoàng tử này có bốn mươi răng...
56. "Đại vương, Hoàng tử này có răng đều đặn...
57. "Đại vương, Hoàng tử này có răng không khuyết hở...
58. "Đại vương, Hoàng tử này có răng cửa (thái xỉ) tron lảng...
59. "Đại vương, Hoàng tử này có tướng lưỡi rộng dài...
60. "Đại vương, Hoàng tử này có giọng nói tuyệt diệu như tiếng chim ca-lăng-tần-già (Karavika)...
61. "Đại vương, Hoàng tử này có hai mắt màu xanh đậm...
62. "Đại vương, Hoàng tử này có lông mi con bò cái...
63. "Đại vương, Hoàng tử này giữa hai lông mày, có sợi lông trắng mọc lên, mịn màng như bông nhẹ.
64. "Đại vương, Hoàng tử này có nhục kế trên đầu,

tướng này được xem là tướng tốt của bậc Đại nhân...

33. "Đại vương, Hoàng tử có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân, với ba mươi hai tướng tốt này, Hoàng tử sẽ chọn đi hai con đường, không có con đường nào khác. Nếu sống tại gia đình, Hoàng tử sẽ trở thành vua Chuyển luân Thánh vương, đem lại an toàn cho quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu trở thành sở hữu của Ngài, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, và thứ bảy là tướng quân báu. Vị này có đến hơn một ngàn thái tử, những bậc anh hùng, lực sĩ, chinh phục quân thù. Vị này chinh phục quả đất này cho đến hải biên và trị nước với chánh pháp, không dùng trượng, không dùng đao. Nếu Hoàng tử từ bỏ gia đình, xuất gia sống không gia đình, Hoàng tử sẽ thành bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vén lui màn vô minh che đời".

Này các Tỷ-kheo, Vua Bandhumã ra lệnh cúng dường các vị Bà-la-môn đoán tướng ấy, các áo vải mới và làm thỏa mãn mọi sự đòi hỏi ước muốn.

34. Này các Tỷ-kheo, rồi vua Bandhumã cho nuôi những người vú cho hoàng tử Vipassī. Người cho bú, người tắm, người lo bông ăm, người mang trên nách. Này các Tỷ-kheo, một lọng trắng ngày đêm được che

trên hoàng tử Vipassī, và lệnh được truyền ra: "Không được để lạnh hay nóng, cỏ, bụi, hay sương làm phiền hoàng tử". Hoàng tử Vipassī được mọi người âu yếm. Nay các Tỷ-kheo, cũng như hoa sen xanh, hoa sen hồng, hay hoa sen trắng được mọi người yêu thích. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassī được mọi người âu yếm, gần như được ẵm từ nách này qua nách người khác.

35. Nay các Tỷ-kheo, khi hoàng tử Vipassī được sinh ra, hoàng tử phát âm rất là tuyệt diệu, âm vận điều hòa, dịu ngọt và hấp dẫn. Nay các Tỷ-kheo, giống như con chim ca-lăng-tân-già sinh trong núi Hy-mã-lạp sơn, giọng chim rất là tuyệt diệu, âm vận điều hòa, dịu ngọt và hấp dẫn. Cũng vậy nay các Tỷ-kheo, Hoàng Tử Vipassī phát âm rất là tuyệt diệu, âm vận điều hòa, dịu ngọt và hấp dẫn.

36. Nay các Tỷ-kheo, khi hoàng tử Vipassī sanh ra, Thiên nhân hiện ra với Ngài, do nghiệp báo sanh, và nhờ Thiên nhân ấy, Ngài có thể nhìn khắp chung quanh đến một do tuần, ban ngày cũng như ban đêm.

37. Nay các Tỷ-kheo, khi hoàng tử Vipassī sanh ra, Ngài nhìn thẳng sự vật với cặp mắt không nhấp nháy, như hàng chur Thiên ở Tam thập tam thiên. Vì hoàng tử Vipassī nhìn không nhấp nháy, nên nay các Tỷ-

kheo, hoàng tử Vipassī được gọi tên là "**Vipassī Vipassī**", "**Vì đã nhìn thấy**". Nay các Tỷ-kheo, khi vua Bandhumā ngồi xử kiện, vua cho đặt hoàng tử Vipassī ngồi bên nách mình để xử kiện. Nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassī ngồi bên nách vua cha như vậy và chú tâm quan sát phương thức xử kiện đến nổi tự mình cũng có thể phán đoán xử kiện. Nay các Tỷ-kheo, do hoàng tử Vipassī "có thể quan sát và xử kiện đúng luật pháp" và danh từ "Vipassī Vipassī" càng được dùng để đặt tên cho Ngài.

38. Nay các Tỷ-kheo, **rồi vua Bandhumā cho xây dựng ba tòa lầu đài** cho hoàng tử Vipassī, một cho **mùa mưa**, một cho **mùa đông**, một cho **mùa lạnh**, và năm món dục lạc đều được chuẩn bị đầy đủ. Nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassī sống bốn tháng mưa trong lầu đài dành cho mùa mưa, được hầu hạ vui với các nữ nhạc sĩ, và không một lần nào, Ngài bước xuống khỏi lầu.

II

1. - Nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassī, sau thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, cho gọi người đánh xe: "Này khanh, hãy cho thắng các cỗ xe thù thắng, chúng ta sẽ đi đến vườn ngự uyển để xem phong cảnh" - "Thưa vâng, Hoàng Tử". Nay các Tỷ-

kheo, người đánh xe vâng lời hoàng tử Vipassì, cho thắng các cỗ xe thù thắng rồi bạch hoàng tử Vipassì: "Tâu Hoàng tử, các cỗ xe thù thắng đã thắng xong. Hãy làm những gì Hoàng tử xem là hợp thời".

Này các Tỷ-kheo, lúc bảy giờ hoàng tử Vipassì leo lên cỗ xe thù thắng và cùng với các cỗ xe thù thắng khác, tiến đến vườn ngự uyển.

2. Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì trên đường đi đến vườn ngự uyển, thấy một người già nua, lưng còm như nóc nhà, chống gậy, vừa đi vừa run rẩy, khổ não, không còn đâu là tuổi trẻ. Thấy vậy hoàng tử hỏi người đánh xe:

- *"Này khanh, người đó là ai vậy? Sao thân người đó không giống các người khác?"*
- "Tâu Hoàng tử, người đó là một người được gọi là già vậy".
- "Này khanh, sao người ấy được gọi là một người già?"
- "Tâu Hoàng tử, người ấy gọi là già vì nay người ấy sống không bao lâu nữa".
- "Này khanh, vậy rồi Ta có bị già không, một

người chưa qua tuổi già?"

- "Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta tất cả sẽ bị già nua, dầu chúng ta chưa qua tuổi già!"
- "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy là vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung".
- "Thưa vâng, Hoàng tử".

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng theo lời hoàng tử, cho đánh xe trở về cung. Này các Tỷ-kheo, **hoàng tử Vipassì về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ. "Sĩ nhục thay, cái gọi là sanh. Và ai sanh ra cũng phải già yếu như vậy!"**.

3. Này các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà cho gọi người đánh xe và hỏi: "Này khanh, Hoàng tử có vui vẻ không, tại vườn ngự uyển? "Này khanh, Hoàng tử có hoan hỷ không, tại vườn ngự uyển?"

- "Tâu Đại vương, Hoàng tử không có vui vẻ tại vườn ngự uyển. Tâu Đại vương, Hoàng tử không có hoan hỷ, tại vườn ngự uyển"

- "Này khanh, khi đến vườn ngự uyển, Hoàng tử đã thấy gì?"

- "Tâu đại vương, Hoàng tử trong khi đi đến vườn ngự uyển, thấy một người già nua, lưng còm như nóc nhà, chống gậy vừa đi vừa run rẩy, khổ não không còn đâu là tuổi trẻ. Thấy vậy, Hoàng tử hỏi con: "Này khanh, người đó là ai vậy? Sao tóc người đó không giống các người khác? Sao thân người đó không giống các người khác?" - "Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là vậy" - "Này khanh, sao người ấy được gọi là người già? - "Tâu Hoàng tử, người ấy gọi là già, vì nay người ấy sống không bao lâu nữa". - "Này khanh, vậy rồi Ta có phải bị già không, một người chưa qua tuổi già?" - "Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta tất cả sẽ bị già nua, dầu chúng ta chưa qua tuổi già" - "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung". - "Thưa vâng, Hoàng Tử!". Tâu Đại vương, con vâng lời Hoàng tử Vipassì, cho đánh xe trở về cung. Tâu Đại vương, Hoàng tử trở về cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ. "Sỉ nhục thay, cái gọi là sanh. Và ai sanh ra cũng phải già yếu như vậy".

4. Này các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà suy nghĩ: "**Không thể để** cho hoàng tử Vipassì từ chối không trị vì. Không thể để cho Hoàng tử Vipassì xuất gia. Không thể để cho lời của các vị Bà-la-môn đoán tướng trở thành sự thật".

Này các Tỷ-kheo, rồi vua Bandhumà lại sắp đặt cho hoàng tử Vipassì đầy đủ năm món dục lạc nhiều hơn nữa, để hoàng tử Vipassì có thể trị vì, để hoàng tử Vipassì khỏi phải xuất gia, để cho lời các vị Bà-la-môn đoán tướng không trúng sự thật. Và, này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì sống tận hưởng đầy đủ sung túc năm món dục lạc.

5. Này các Tỷ-kheo hoàng tử Vipassì, sau thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm cho gọi người đánh xe... (như trước).

6. Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì, khi đang đi đến vườn ngự uyển, **thấy một người bệnh hoạn, khổ não, nguy kịch**, bò lết trong tiểu tiện, đại tiện của mình, cần có người khác nâng đỡ, cần có người khác dìu dắt. Thấy vậy, hoàng tử hỏi người đánh xe:

- "Này khanh, người này đã làm gì, mà mắt của nó không giống mắt của những người khác, giọng nói của nó không giống giọng nói của những người khác?"
- "Tâu Hoàng tử, đó là một người được gọi là một người bệnh vậy".
- "Này khanh, sao người ấy được gọi là một

người bệnh?"

- "Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là một người bệnh vì người ấy chưa thoát khỏi căn bệnh của mình"
- "Này khanh, **vậy rồi ta có bị bệnh không, một người chưa bị bệnh?"**
- "Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, tất cả chúng ta sẽ bị bệnh tật, dầu chúng ta chưa bị bệnh tật".
- "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung".
- "Thưa vâng, Hoàng tử".

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng theo lời hoàng tử cho đánh xe trở về cung. Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: **"Sỉ nhục thay, cái gọi là sanh! Và ai sanh ra, cũng phải già, cũng phải bệnh!"**

7. Này các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà cho gọi người đánh xe và hỏi: "Này khanh, Hoàng tử có vui vẻ không tại vườn ngự uyển? Hoàng tử có hoan hỷ không tại vườn ngự uyển?" - "Tâu Đại vương, Hoàng

tử không có vui vẻ tại vườn ngự uyển. Tâu Đại vương, Hoàng tử không có hoan hỷ tại vườn ngự uyển" - "Này khanh, khi đi đến vườn ngự uyển, Hoàng tử đã thấy gì?" - "Tâu Đại vương, Hoàng tử trong khi đến vườn ngự uyển thấy một người bệnh hoạn, khổ não, nguy kịch, bò lết trong tiểu tiện, đại tiện của mình, cần có người khác nâng đỡ, cần có người khác dìu dắt. Thấy vậy, Hoàng tử hỏi con: "Này khanh, người đó đã làm gì mà mắt của nó không giống mắt của người khác, giọng nói của nó không giống giọng nói của những người khác?" - "Tâu Hoàng tử, đó là một người được gọi là một người bệnh vậy". - "Này khanh, sao người ấy được gọi là một người bệnh?" - "Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là người bệnh, vì người ấy chưa khỏi căn bệnh của mình!" - "Này khanh, vậy rồi ta có bị bệnh không, một người chưa bị bệnh?" - "Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, tất cả chúng ta sẽ bị bệnh tật, dầu chúng ta chưa bị bệnh tật". - "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy vừa rồi! Hãy cho đánh xe trở về cung". - "Thưa vâng, Hoàng tử". Con vâng theo lời Hoàng tử cho đánh xe trở về cung. Tâu Đại vương, Hoàng tử về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: "Sỉ nhục thay, cái gọi là sanh! Và ai sanh ra, cũng phải già, cũng phải bệnh!".

- Này các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà suy nghĩ:

"Không thể để" cho Hoàng tử Vipassì từ chối không trị vì! Không thể để cho Hoàng tử Vipassì xuất gia! Không thể để cho lời của các vị Bà-la-môn đoán tướng trở thành sự thật". Nay các Tỷ-kheo, rồi vua Bandhuma, lại sắp đặt cho hoàng tử Vipassì đầy đủ năm món dục lạc nhiều hơn nữa, để hoàng tử Vipassì có thể trị vì, để hoàng tử Vipassì không thể xuất gia, để cho lời các vị Bà-la-môn đoán tướng không trúng sự thật. Và nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì sống tận hưởng, đầy đủ, sung túc năm món dục lạc.

9. Nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì, sau thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, cho gọi người đánh xe: "Này khanh, hãy cho thắng các cỗ xe thù thắng, chúng ta sẽ đi đến vườn ngự uyển để xem phong cảnh". - "Thưa vâng, Hoàng tử".

Nay các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng lời hoàng tử Vipassì, cho thắng các cỗ xe thù thắng rồi bạch hoàng tử Vipassì: "Tâu hoàng tử, các cỗ xe thù thắng đã thắng xong. Hãy làm những gì Hoàng tử xem là hợp thời".

Nay các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ hoàng tử Vipassì leo lên cỗ xe thù thắng và cùng với các cỗ xe thù thắng khác, tiến đến vườn ngự uyển.

10. - Nay các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì trên đường

đi đến vườn ngự uyển, **thấy một số đông người, mặc sắc phục khác nhau, và đang dựng một dàn hỏa táng.** Thấy vậy, hoàng tử hỏi người đánh xe:

- "Này khanh, vì sao đám đông người ấy mặc sắc phục khác nhau và đang dựng một dàn hỏa táng?"
- "Tâu Hoàng tử, vì có một người vừa mới mệnh chung"
- "Này khanh, vậy người hãy đánh xe đến gần người vừa mới mệnh chung!"
- "Thưa vâng, tâu Hoàng tử."

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng theo lời hoàng tử, cho đánh xe đến người vừa mới mệnh chung. Này các Tỷ-kheo, khi thấy thân người chết, hoàng tử Vipassì hỏi:

- "Này khanh, sao người ấy được gọi là người đã chết?"
- "Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là người đã chết vì nay bà mẹ, ông cha, các người bà con ruột thịt khác không thấy người ấy nữa; và người ấy cũng không thấy bà mẹ, ông cha hay những người bà con ruột thịt khác!"

- "Này khanh, vậy Ta chưa chết, rồi có bị chết không? Phụ vương, Mẫu hậu hay những người bà con ruột thịt khác sẽ không thấy Ta chăng, và Ta sẽ không thấy Phụ vương, Mẫu hậu hay những bà con ruột thịt chăng?"
- "Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta tuy nay chưa chết nhưng rồi sẽ cũng bị chết. Phụ vương, Mẫu hậu hay các người bà con ruột thịt khác sẽ không thấy Hoàng Tử, và Hoàng tử sẽ không thấy Phụ vương, Mẫu hậu hay các người bà con ruột thịt khác".
- "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung".
- "Thưa vâng, Hoàng tử".

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng lời hoàng tử, cho đánh xe trở về cung. Này các Tỷ-kheo, **hoàng tử Vipassì về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: "Sĩ nhục thay cái gọi là sanh! Và ai sanh ra cũng phải già, cũng phải bệnh, cũng phải chết như vậy!"**.

11. Này các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà cho gọi người đánh xe và hỏi: "Này khanh, Hoàng tử có vui vẻ không, tại vườn ngự uyển? Hoàng tử có hoan hỷ

không, tại vườn ngự uyển?" - "Tâu Đại vương, Hoàng tử không có vui vẻ tại vườn ngự uyển. Hoàng tử không có hoan hỷ tại vườn ngự uyển". - "Này khanh đi đến vườn ngự uyển, Hoàng tử đã thấy gì?" - "Tâu Đại vương, Hoàng tử trong khi đang đi đến vườn ngự uyển, thấy một số đông người, mặc sắc phục khác nhau và đang dựng một dàn hỏa táng. Thấy vậy Hoàng tử hỏi con: "Này khanh, vì sao đám đông người ấy, mặc sắc phục khác nhau và đang dựng một dàn hỏa táng?" - "Tâu Hoàng tử, vì có một người mới mệnh chung". - "Này khanh, vậy người hãy đánh xe lại gần người vừa mới mệnh chung". - "Thưa vâng, tâu Hoàng tử". Con vâng theo lời Hoàng tử, cho đánh xe đến gần người vừa mới mệnh chung. Khi thấy thân chết, Hoàng tử hỏi con: "Này khanh, sao người ấy được gọi là người đã chết?" - "Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là người đã chết, vì nay bà mẹ, ông cha hay những bà con ruột thịt khác không thấy người ấy nữa! Và người ấy cũng không thấy bà mẹ, ông cha hay những người bà con ruột thịt khác". - "Này khanh, vậy Ta chưa chết rồi có bị chết không? Phụ vương, Mẫu hậu hay những người bà con ruột thịt khác sẽ không thấy Ta chăng? Và Ta sẽ không thấy Phụ vương, Mẫu hậu hay những người bà con ruột thịt khác chăng?" - "Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta tuy nay chưa chết nhưng rồi cũng sẽ bị chết. Phụ vương, Mẫu hậu hay những

người bà con ruột thịt khác sẽ không thấy hoàng tử, và hoàng tử sẽ không thấy Phụ vương, Mẫu hậu hay các người bà con ruột thịt khác" - "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung". - "Thưa vâng, Hoàng tử". Con vâng theo lời hoàng tử Vipassì cho đánh xe trở về cung. Hoàng tử về trong cung đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: "Sỉ nhục thay cái gọi là sanh! Và ai sanh ra cũng phải già, cũng phải bệnh, cũng phải chết như vậy!".

12. Nay các Tỷ-kheo, khi ấy vua Bandhumà suy nghĩ: "Không thể để cho hoàng tử Vipassì từ chối không trị vì! Không thể để cho hoàng tử Vipassì xuất gia. Không thể để cho lời các vị Bà-la-môn đoán tướng trở thành sự thật".

- Này các Tỷ-kheo, rồi vua Bandhumà lại sắp đặt cho hoàng tử Vipassì đầy đủ năm món dục lạc nhiều hơn nữa, để hoàng tử Vipassì có thể trị vì, để hoàng tử Vipassì không thể xuất gia, để cho lời các vị Bà-la-môn đoán tướng không đúng sự thật. Và này các Tỷ-kheo, Hoàng tử Vipassì sống tận hưởng, đầy đủ, sung túc năm món dục lạc.

13. Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì, sau thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm cho gọi

người đánh xe: "Này khanh, hãy cho thắng các cỗ xe thù thắng, chúng ta sẽ đi đến vườn ngự uyển để xem phong cảnh". - "Thưa vâng, Hoàng tử".

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng lời hoàng tử Vipassì, cho thắng các cỗ xe thù thắng rồi bạch hoàng tử Vipassì: "Tâu Hoàng tử, các cỗ xe thù thắng đã thắng xong. Hãy làm những gì Hoàng tử xem là hợp thời".

Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ hoàng tử Vipassì leo lên cỗ xe thù thắng và cùng với các cỗ xe thù thắng khác, tiến đến vườn ngự uyển.

14. Này các Tỷ-kheo, hoàng tử Vipassì trên đường đi đến ngự uyển thấy một vị xuất gia, đầu trơn, đắp áo cà sa. Thấy vậy, hoàng tử hỏi người đánh xe:

- "Này khanh, người này đã làm gì, mà đầu người ấy lại khác đầu của những người khác, và áo của người ấy cũng khác áo của những người khác?"
- "Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là người xuất gia!"
- "Này khanh, sao người ấy được gọi là người xuất gia?"

- "Tâu Hoàng tử, xuất gia nghĩa là khéo tu phạm hạnh, khéo tu tịnh hạnh, khéo hành thiện nghiệp, khéo hành công đức nghiệp, khéo giữ không hại chúng sanh, khéo có lòng từ đối với chúng sanh!"
- "Này khanh, hãy đánh xe đến gần vị xuất gia".
- "Thưa vâng, Hoàng tử".

Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng theo lời hoàng tử Vipassì, đánh xe đến gần người xuất gia. Này các Tỷ-kheo, rồi hoàng tử Vipassì hỏi vị xuất gia:

- "Thưa Hiền giả, Ngài đã làm gì, mà đầu của Ngài không giống những người khác, và áo của Ngài không giống các người khác?"
- "Thưa Hoàng tử, tôi là một người xuất gia!"
- "Thưa Hiền giả, thế nào gọi là người xuất gia?"
- "Thưa Hoàng tử, tôi là người được gọi là xuất gia, vì tôi khéo tu phạm hạnh, khéo tu tịnh hạnh, khéo hành thiện nghiệp, khéo hành công đức nghiệp, khéo giữ không hại chúng sanh, khéo có lòng từ đối với chúng sanh".
- "Thưa Hiền giả, lành thay hạnh xuất gia của

Ngài, lành thay khéo tu phạm hạnh, khéo tu tịnh hạnh, khéo hành thiện nghiệp, khéo hành công đức nghiệp, khéo giữ không hại chúng sanh, khéo có lòng từ đối với chúng sanh".

15. Này các Tỷ-kheo, rồi hoàng tử Vipassì bảo người đánh xe:

- "Này khanh, hãy lấy xe này và cho đánh xe về cung. Còn Ta ở nơi đây, sẽ cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình".

- "Thưa vâng, Hoàng tử".

Người đánh xe vâng lời hoàng tử Vipassì lấy xe và đánh xe về cung. Còn hoàng tử Vipassì, chính tại chỗ ấy, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

16. Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ, tại kinh đô Bandhumatì có một đại chúng tám vạn bốn ngàn người nghe tin: *"Hoàng tử Vipassì đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình"*. Khi nghe tin, các vị ấy suy nghĩ: *"Pháp luật như vậy không phải tầm thường, xuất gia như vậy không phải tầm thường, vì hoàng tử Vipassì trong pháp luật ấy đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất*

gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình". Nay hoàng tử Vipassì đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình tại sao chúng ta lại không?"

Này các Tỷ-kheo, rồi đại chúng tám vạn bốn ngàn người ấy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, dưới sự lãnh đạo của Bồ-tát Vipassì. Rồi Bồ-tát Vipassì cùng với đồ chúng, du hành, đi ngang qua những làng, thị xã và đô thị.

17. Này các Tỷ-kheo, **trong khi yên lặng tịnh cư, Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Sao Ta lại sống bị bao vây bởi đồ chúng này. Tốt hơn là Ta sống một mình, lánh xa đồ chúng này!"**

Này các Tỷ-kheo, sau một thời gian Bồ-tát Vipassì sống một mình, lánh xa đồ chúng, tám vạn bốn ngàn vị xuất gia này đi một ngả, Bồ-tát Vipassì đi một ngả.

18. Này các Tỷ-kheo, trong khi yên lặng tịnh cư tại chỗ thanh vắng, Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "**Thế giới này thật rơi vào cảnh khổ não, phải sanh rồi già, rồi chết, rồi từ bỏ thế giới này để tái sanh thế giới khác. Không một ai biết một con đường giải thoát khỏi sự đau khổ này, thoát khỏi già và chết**".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ:
"Cái gì có mặt, già chết mới có mặt? Do duyên gì, già chết sanh?". Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, **sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây**: "Do **sanh** có mặt, nên già, chết có mặt. Do duyên sanh, nên già chết sanh".

- Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ:
"Cái gì có mặt, sanh mới có mặt? Do duyên gì, sanh phát khởi?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, **sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sanh minh kiến sau đây**: "Do **hữu** có mặt nên sanh mới có mặt. Do duyên hữu, nên sanh phát khởi".
- Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ:
"Cái gì có mặt, hữu mới có mặt? Do duyên gì, hữu phát sanh?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **thủ** có mặt nên hữu mới có mặt. Do duyên thủ, hữu phát sanh".
- Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ:
"Cái gì có mặt, thủ mới có mặt? Do duyên gì, thủ phát sanh?". Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **ái** có mặt, thủ mới phát sanh".

- Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, ái mới có mặt. Do duyên gì, ái phát sanh?" Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **thọ** có mặt, ái mới có mặt. Do duyên thọ, ái phát sanh".
- Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, thọ mới có mặt. Do duyên gì, thọ mới phát sanh?" Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **xúc** có mặt, thọ mới có mặt. Do duyên xúc, thọ mới phát sanh".
- Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, xúc mới có mặt. Do duyên gì, xúc mới phát sanh?" Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **lục nhập** có mặt, xúc mới có mặt. Do duyên lục nhập, xúc mới phát sanh".
- Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, lục nhập mới có mặt. Do duyên gì, lục nhập mới phát sanh?" Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ pháp sanh minh kiến sau đây: "Do **danh**

sắc có mặt, lục nhập mới có mặt. Do duyên danh sắc, lục nhập mới phát sanh".

- Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, danh sắc mới có mặt? Do duyên gì, danh sắc mới phát sanh?" Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ pháp sanh minh kiến sau đây: "Do **thức** có mặt, danh sắc có mới có mặt. Do duyên thức, danh sắc mới phát sanh".
- Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì có mặt, thức mới có mặt. Do duyên gì, thức mới phát sanh?" Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ pháp sanh minh kiến sau đây: "Do **danh sắc** có mặt, thức mới có mặt. Do duyên danh sắc, thức mới phát sanh".

19. Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ như sau: **"Thức này xoay trở lui lại, từ nơi danh sắc, không vượt khỏi danh sắc. Chỉ như thế này, con người được sanh ra hay trở thành già, hay bị chết, hay từ biệt cõi này, hay sanh lại ở cõi khác, nghĩa là do duyên danh sắc, thức sanh; do duyên thức, danh sắc sanh; do duyên danh sắc, lục nhập sanh; do duyên lục nhập, xúc sanh; do duyên xúc, thọ sanh; do duyên thọ, ái sanh; do duyên ái, thủ**

sanh; do duyên thủ, hữu sanh; do duyên hữu, sanh sanh; do duyên sanh, lão, tử, sầu bi, khổ ưu não sanh. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này".

→ "Tập khởi, tập khởi". Nay các Tỷ-kheo, từ nơi Bồ-tát Vipassì, khởi sanh pháp nhân từ trước chưa từng được nghe, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, ánh sáng sanh.

20. Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: **"Do cái gì không có mặt, già chết không có mặt? Cái gì diệt, già chết diệt?"** Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, **sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây:** "Do **sanh** không có mặt, già chết không có mặt, do sanh diệt, già chết diệt".

Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, sanh không có mặt? Cái gì diệt, sanh diệt?" Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, **sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây:** "Do **hữu** không có mặt, sanh không có mặt, do hữu diệt, sanh diệt".

Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, hữu không có mặt? Cái gì diệt, hữu diệt?". Nay các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến

sau đây: "Do **thủ** không có mặt, hữu không có mặt, do thủ diệt, hữu diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, thủ không có mặt? Cái gì diệt, thủ diệt?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **ái** không có mặt, thủ không có mặt, do ái diệt, thủ diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, ái không có mặt? Cái gì diệt, ái diệt?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **tho** không có mặt, ái không có mặt, do thọ diệt, ái diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, thọ không có mặt? Cái gì diệt, thọ diệt?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **xúc** không có mặt, thọ không có mặt, do xúc diệt, thọ diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, xúc không có mặt? Cái gì diệt, xúc diệt?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến

sau đây: "Do **lục nhập** không có mặt, xúc không có mặt, do lục nhập diệt, xúc diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì có mặt, lục nhập không có mặt? Cái gì diệt, lục nhập diệt". Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do **đanh sắc** không có mặt, lục nhập không có mặt, do đanh sắc diệt, lục nhập diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, đanh sắc không có mặt? Cái gì diệt đanh sắc diệt?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ pháp sanh minh kiến sau đây: "Do **thức** không có mặt, đanh sắc không có mặt, do thức diệt, đanh sắc diệt".

Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "Cái gì không có mặt, thức không có mặt? Do cái gì diệt, thức diệt?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ pháp sanh minh kiến sau đây: "Do **đanh sắc** không có mặt, thức không có mặt, do đanh sắc diệt, thức diệt".

21. Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì suy nghĩ: "**Ôi, Ta đã chứng được con đường đưa đến Bồ-đề, nhờ pháp tu quán. Nghĩa là, do đanh sắc diệt, thức diệt; do thức diệt, đanh sắc diệt; do đanh sắc**

diệt, lục nhập diệt; do lục nhập diệt, xúc diệt; do xúc diệt, thọ diệt, do thọ diệt, ái diệt; do ái diệt, thủ diệt; do thủ diệt, hữu diệt; do hữu diệt, sanh diệt; do sanh diệt, già, chết, ưu, bi, khổ, sầu, não diệt. Như vậy, toàn bộ khổ uẩn diệt".

→ "Diệt, diệt". Đây các Tỷ-kheo, từ nơi Bồ-tát Vipassì, khởi sanh pháp nhãn từ trước chưa từng được nghe, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, ánh sáng sanh.

22. Đây các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassì, **sau một thời gian sống quán sự sanh diệt trong năm uẩn:**

"Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc diệt. Đây là thọ, đây là thọ tập khởi, đây là thọ diệt. Đây là tưởng, đây là tưởng tập khởi, đây là tưởng diệt. Đây là hành, đây là hành tập khởi, đây là hành diệt! Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức diệt".

Và đối với Ngài, sau khi **sống quán pháp sanh diệt trong năm thủ uẩn**, chẳng bao lâu các lậu hoặc được tiêu trừ và Ngài được giải thoát.

III.

1. Đây các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác liền suy nghĩ: "Nay Ta hãy thuyết pháp".

Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác suy nghĩ: "Pháp này do Ta chứng được, thật là sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, cao thượng, siêu lý luận, vi diệu, chỉ người trí mới hiểu thấu. Còn quần chúng này thì ưu ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục. Đối với quần chúng ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục, thật khó mà thấy được định lý ida-paccayata paticca samuppàda: **Y tánh duyên khởi pháp**; thật khó mà thấy được định lý tất cả hành là tịch tịnh, tất cả sanh y được trừ bỏ, ái được đoạn tận, ly dục, ái diệt, Niết-bàn. Nếu nay Ta thuyết pháp mà các người khác không hiểu Ta, thời như vậy thật khổ não cho Ta!"

2. Này các Tỷ-kheo, với Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, những bài kệ bất khả tư nghì, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên:

Sao nay Ta lại nói lên chánh pháp mà Ta đã chứng ngộ rất khó khăn.

Pháp này khó mà chứng ngộ với những ai bị tham sân chi phối.

Những ai bị ái nhiễm và vô minh bao phủ rất khó thấy pháp này.

Một pháp đi ngược dòng, vi diệu, thâm sâu, khó thấy, vi tế.

Này các Tỷ-kheo, với những lời như vậy, suy tư trên vấn đề, tâm của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, **hướng về vô vi, thụ động, không muốn thuyết pháp**. Khi bấy giờ, một trong các vị Đại Phạm thiên, khi biết được tư tưởng của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, nhờ tư tưởng của mình, liền suy nghĩ: **"Than ôi, thế giới sẽ bị tiêu diệt, thế giới sẽ bị hoại vong, nếu tâm của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, hướng về vô vi, thụ động, không muốn thuyết pháp!"**

3. Này các Tỷ-kheo, vị Đại Phạm thiên ấy, như một nhà lực sĩ đuổi thẳng cánh tay đã co lại, hay co lại cánh tay đuổi thẳng, cũng vậy vị ấy biến mất từ thế giới Phạm thiên và hiện ra trước mặt Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Này các Tỷ-kheo, rồi vị Đại Phạm thiên đáp thượng y trên một bên vai, quỳ đầu gối bên phải trên mặt đất, chấp tay hướng về Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác và bạch rằng: **"Bach Thế Tôn, hãy thuyết pháp! Bạch Thiên Thê, hãy thuyết pháp! Có những chúng sanh ít bị bụi trần che phủ sẽ bị nguy hại nếu không được nghe chánh pháp. (Nếu được nghe), những vị này có thể thâm hiểu chánh pháp".**

4. Này các Tỷ-kheo, được nghe nói vậy, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nói với vị

Đại Phạm thiên: "Này Phạm thiên, Ta đã suy nghĩ như sau: "Pháp này do Ta chứng được, thật là sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, cao thượng, siêu lý luận, vi diệu, chỉ có người trí mới hiểu thấu. Còn quần chúng này thì ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục. Đối với quần chúng ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục, thật khó mà thấy được định lý y tánh duyên khởi pháp; thật khó mà thấy được định lý tất cả hành là tịch tịnh, tất cả sanh y được trừ bỏ, ái được đoạn tận, ly dục, ái diệt, Niết-bàn. Nếu nay Ta thuyết pháp mà các người khác không hiểu Ta, thời như vậy thật mệt mỏi cho Ta, thời như vậy thật khổ não cho Ta". Này Phạm thiên, khi ấy những bài kệ bất khả tư nghì, từ trước chưa từng nghe khởi lên nơi Ta:

Sao nay Ta lại nói lên chánh pháp mà Ta đã chứng ngộ rất khó khăn?

Pháp này khó mà chứng ngộ với những ai bị tham sân chi phối.

Những ai bị ái nhiễm và vô minh bao phủ rất khó mà thấy được pháp này.

Một pháp đi ngược dòng, vi diệu, thâm sâu, khó thấy, vi tế.

Này Phạm thiên, với những lời như vậy, suy tư trên vấn đề, tâm của Ta hướng về vô vi thụ động,

không muốn thuyết pháp.

5. Này các Tỷ-kheo, lần thứ hai vị Đại Phạm thiên ấy... (như trên)...

6. Này các Tỷ-kheo, lần thứ ba, vị Đại Phạm thiên ấy bạch Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác: "Bạch Thế Tôn, hãy thuyết pháp! Bạch Thiện Thệ, hãy thuyết pháp! Có những chúng sanh ít bị bụi trần che phủ sẽ bị nguy hại nếu không được nghe chánh pháp, những vị này có thể thâm hiểu chánh pháp!"

Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác biết được lời khuyên thỉnh của vị Phạm Thiên, vì lòng từ bi đối với chúng sanh, nhìn đời với Phật nhãn. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nhìn đời với Phật nhãn, thấy có hạng chúng sanh nhiễm ít bụi đời, nhiễm nhiều bụi đời, có hạng lợi căn độn căn, có hạng tánh thuận tánh nghịch, có hạng dễ dạy khó dạy, và một số ít thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác và sự nguy hiểm của những hành động lỗi lầm.

Như trong hồ sen xanh, sen hồng hay sen trắng, có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, không

vượt lên khỏi mặt nước, được nuôi dưỡng dưới nước; có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước lớn lên dưới nước, sống vươn lên tới mặt nước, có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước lớn lên dưới nước vươn lên khỏi mặt nước, không bị nước làm đắm ướt. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, nhìn quanh thế giới với Phật nhãn. Ngài thấy có hạng chúng sanh nhiễm ít bụi đời, nhiễm nhiều bụi đời, có hạng lợi căn độn căn, có hạng tánh thuận tánh nghịch, có hạng dễ dạy khó dạy, một số ít thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác và sự nguy hiểm của những hành động lỗi lầm.

7. Rồi vị Đại Phạm thiên, với tâm mình biết được tâm tư của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, liền nói với Ngài, bài kệ sau đây:

Như con người đứng trên đỉnh núi nhìn quanh dân chúng phía dưới.

Cũng vậy Ngài Sumedha lên lầu chánh pháp, bậc biến nhãn, thoát ly sáu muộn.

Nhìn xuống quần chúng, âu lo sáu muộn bị sanh già áp bức.

Hãy đứng lên, bậc anh hùng, bậc chiến thắng

ở chiến trường!

Vị trưởng đoàn lễ khách, đáng thoát ly mọi nợ nần!

Thế Tôn hãy đi khắp thế giới hoằng dương chánh pháp.

Có người nhờ được nghe, sẽ thâm hiểu diệu nghĩa!

Này các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trả lời vị Đại Phạm thiên với bài kệ sau đây:

Cửa bất diệt đã được mở rộng,

Hỡi những ai được nghe, hãy từ bỏ tà kiến của mình.

Vì nghĩ đến mệt mỏi hoài công, này Phạm Thiên.

Ta không muốn giảng Chánh pháp vì diệu cho loài người!

Này các Tỷ-kheo, rồi vị Đại Phạm thiên với ý nghĩ: "Ta đã là người mở đường cho Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuyết pháp", rồi đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài và biến mất tại chỗ.

8. Nay các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác suy nghĩ: *"Ta thuyết pháp cho ai trước tiên? Ai sẽ mau hiểu chánh pháp này?"*

Nay các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác suy nghĩ: "Nay vương tử Khanda (Kiến-trà) và con vương sư Tissa (Đề-xá) trú ở kinh đô Bandhumatì (Bàn-đầu-bà-đề) là bậc tri thức đa văn, sáng suốt, đã từ lâu sống ít nhiễm ô bởi bụi đời. Nay ta hãy thuyết pháp cho vương tử Khanda và con vương sư Tissa trước tiên, hai vị này sẽ sớm thâm hiểu chánh pháp này".

Rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác như một nhà lực sĩ đuổi thẳng cánh tay đã co lại, hay co lại cánh tay đuổi thẳng, biến mất từ cây Bồ đề, hiện ra tại vườn Lộc Uyển Khenma, kinh đô Bhadhumatì.

9. Nay các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác gọi người giữ vườn:

- "Này bạn, hãy vào kinh đô Bandhumatì, nhắn với vương tử Khanda và con vương sư Tissa rằng Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã đến kinh đô Bandhumatì, hiện trú ở Lộc Uyển Khema và muốn gặp hai vị!"

- "Thưa vâng, bạch Thế Tôn".

Này các Tỷ-kheo, người giữ vườn vâng theo lời dạy của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vào kinh đô Bandhumatì và thưa với vương tử Khanda và con vương sư Tissa: "Thưa quý vị, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã đến kinh đô Bandhumatì và hiện ở Lộc Uyển Khema. Ngài muốn gặp quý vị!"

10. Này các Tỷ-kheo, Vương tử Khanda và con vương sư Tissa cho thắt những cỗ xe thù thắng, tự mình leo lên một cỗ xe thù thắng rồi cùng với các cỗ xe thù thắng khác, cho xe ra khỏi kinh thành Bandhumatì, đi đến Lộc Uyển Khema, đi xe cho đến chỗ còn đi xe được, rồi xuống xe đi bộ đến trước Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Khi đến nơi, hai vị này đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

11. Rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuần thữ thuyết pháp, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục vọng, và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết được tâm trí của hai vị này đã thuần thực, nhu thuận, thoát ly triền cái, cao thượng và an tịnh, Ngài bèn thuyết pháp thoại

mà được chư Phật đề cao, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như tấm vải thuần tịnh không có tý vết, rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy, vương tử Khanda và con vương sư Tissa, chính tại chỗ ngồi này chúng được Pháp nhãn xa trần ly cấu: **"Phàm pháp gì đã sanh rồi cũng phải diệt"**.

12. Hai vị này đã thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự, diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ người khác đối với đạo pháp của đức Bôn Sư, liền bạch Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác:

"Thật di diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Bạch Thế Tôn, nay chúng con quy y Thế Tôn và quy y Pháp. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được xuất gia với Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được thọ đại giới".

13. Nay các Tỷ-kheo, vương tử Khanda và con vương sư Tissa được xuất gia với Thế Tôn Vipassì,

bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, được thọ đại giới. Rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng dạy hai vị này, khuyến khích làm cho phân khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, nêu rõ sự nguy hiểm, sự ha liệt, sự nhiễm ô của các pháp hữu vi và sự lợi ích của Niết-bàn. Và hai vị nay nhờ Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng dạy, khuyến khích, làm cho phân khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, **không bao lâu tâm trí không còn chấp thủ, được giải thoát khỏi các lậu hoặc.**

14. Nay các Tỷ-kheo, trong khi kinh thành Bandhumatì có đại chúng khoảng tám vạn bốn ngàn vị được nghe: "Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã đến kinh thành Bandhumatì và ở tại Lộc Uyển Khema. Vương tử Khanda và con vương sư Tissa đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình với Thế Tôn, Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác".

Khi nghe vậy, các vị này tự nghĩ: "*Chắc chắn, pháp luật này không thể tâm thường, sự xuất gia này không thể tâm thường, vì vương tử Khanda và con vương sư Tissa đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vương tử Khanda và con vương sư Tissa đã cạo bỏ râu tóc,*

đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình với Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Tại sao chúng ta lại không làm vậy?"

Này các Tỷ-kheo, rồi đại chúng ấy gồm khoảng **tám vạn bốn ngàn** vị đi ra khỏi kinh thành Bandhumatì đến Lộc Uyển Khema, chỗ Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ở, Khi đến nơi, các vị này đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

15. Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác **thuận thứ thuyết pháp**, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục vọng và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết được tâm trí của các vị này đã thuận thực, nhu thuận, thoát ly triền cái, cao thượng và an tịnh, Ngài bèn thuyết pháp thoại mà chư Phật đã đề cao, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như tám vải thuận tịnh, không có tỳ vết rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy tám vạn bốn ngàn vị này, chính tại chỗ ngồi này, chúng được pháp nhãn xa trần ly cấu: "Phàm pháp gì đã sanh rồi cũng phải diệt".

16. Những vị này đã thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ người khác đối với đạo pháp của đức Bổn Sư, liền bạch Thế Tôn

Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác: "Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn, Như người dựng đứng lại, những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, nay chúng con quy y Thế Tôn và quy y Pháp. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được xuất gia với Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được thọ đại giới!".

17. Nay các Tỷ-kheo, tám vạn bốn ngàn vị này được xuất gia với Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, được thọ đại giới. Rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng dạy những vị này, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, nêu rõ sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của các pháp hữu vi và sự lợi ích của Niết Bàn. Và những vị này, nhờ Thế Tôn Vipassì bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng dạy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, không bao lâu tâm trí không còn chấp chủ, được giải thoát khỏi các lậu hoặc.

18. Nay các Tỷ-kheo, nay tám vạn bốn ngàn các vị

xuất gia từ trước, được nghe: "Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã đến kinh thành Bandhumatì, ở tại Lộc Uyển Khema và thuyết pháp". Nay các Tỷ-kheo, tám vạn bốn ngàn vị xuất gia này, đi đến Lộc Uyển Khema, chỗ Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ở. Khi đến nơi, các vị này đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên.

19. Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuận thứ thuyết pháp, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục vọng và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết được tâm trí của các vị này đã thuần thực, nhu thuận, thoát ly triền cái, cao thượng và an tịnh, Ngài bèn thuyết pháp thoại mà chư Phật đã đề cao, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như tám vải thuần tịnh, không có tỳ vết, rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy tám vạn bốn ngàn vị xuất gia này, chính tại chỗ ngồi này, chứng được pháp nhãn xa trần ly cấu: "Phàm pháp gì đã sanh ra rồi cũng phải diệt".

20. Những vị này đã thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ người khác đối với đạo pháp của đức Bổn Sư, liền bạch Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác: "Thật vi

diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, Bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Bạch Thế Tôn, nay chúng con quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y Tăng. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được xuất gia với Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được thọ đại giới!".

21. Nay các Tỷ-kheo, tám vạn bốn ngàn vị xuất gia với Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác được thọ đại giới. Rồi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng dạy những vị này, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, nêu rõ sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của các pháp hữu vi và sự lợi ích của Niết Bàn. Và những vị này nhờ Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác giảng dạy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, không bao lâu tâm trí không còn chấp chủ, được giải thoát khỏi các lậu hoặc.

22. Nay các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ đại chúng Tỷ-kheo khoảng **sáu trăm tám mươi vạn vị** trú tại kinh đô

Bandhumatì. Nay các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, trong khi yên lặng tịnh cư đã suy nghĩ như sau: "Nay đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị trú tại kinh thành Bandhumatì. Sao Ta lại không khuyến dạy các vị Tỷ-kheo ấy: "Này các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp, vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Nay các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa văn đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ đời sống phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe chánh pháp sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu chánh pháp. Cứ sáu năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bốn".

23. Nay các Tỷ-kheo, một vị Đại Phạm thiên khác, với tâm tư của mình biết được tâm tư của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Như một vị lực sĩ duỗi cánh tay co lại hay co lại cánh tay đã duỗi ra, vị này biến mất ở cõi Phạm thiên và hiện ra trước mặt Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Nay các Tỷ kheo, lúc bấy giờ vị Đại Phạm thiên, đắp thượng y trên một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh

Đẳng Giác và bạch Ngài:

- "Nhu vậy là phải, bạch Thế Tôn! Nhu vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy khuyên dạy đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị ở kinh đô Bandhumati: "Này các Tỷ-kheo hãy đi cùng khắp, vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa văn đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe chánh pháp sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu chánh pháp". Bạch Thế Tôn, chúng con sẽ làm như các vị Tỷ-kheo. Sau sáu năm, các vị này đến kinh đô Bandhumati để tụng đọc giới bốn".

Này các Tỷ-kheo, Đại Phạm thiên thuyết như vậy. Sau khi nói xong, vị này đánh lễ Thế Tôn Vipassi, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, lưng bên hữu hướng về Ngài và biến mất tại chỗ.

24. Này các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassi, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, vào buổi chiều xuất định

đứng dậy và nói với các vị Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, trong khi Ta yên lặng tịnh cư tại chỗ thanh vắng, ý nghĩ sau đây khởi lên: "Nay đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị trú tại kinh thành Bandhamatì. Sao Ta lại không khuyến dạy các Tỷ-kheo ấy: "Này các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa lý đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ đời sống phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe chánh pháp sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu chánh pháp. Cứ sau sáu năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumati để tụng đọc giới bốn".

25. Nay các Tỷ-kheo, một Đại Phạm thiên khác với tâm tư của mình, biết được tâm tư của Ta. Như một vị lực sĩ đuổi cánh tay đã co lại hay co lại cánh tay đã duỗi ra, vị này biến mất ở cõi Phạm thiên và hiện ra trước mắt Ta. Nay các Tỷ-kheo, vị Đại Phạm thiên, đắp thượng y trên một bên vai, chấp tay hướng đến Ta và bạch với ta: "Như vậy là phải, Bạch Thế Tôn! Như vậy là phải. Bạch Thiện Thệ! Bạch Thế

Tôn! Thế Tôn hãy khuyến dạy đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị ở kinh đô Bandhumatì: "Này các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp, vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa lý đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe chánh pháp, sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu chánh pháp. Bạch Thế Tôn, chúng con sẽ làm như các Tỷ-kheo. Sau sáu năm các vị này sẽ đến kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bốn". Này các Tỷ-kheo, vị Đại Phạm thiên thuyết như vậy. Sau khi nói xong, vị này đánh lễ Ta, lưng bên hữu hướng về Ta và biến mất tại chỗ.

26. Này các Tỷ-kheo, Ta khuyến dạy các người: "Này các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp, vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa lý đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ đời sống phạm

hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít
nhiễm bụi đời, nếu không được nghe giảng chánh
pháp sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu
chánh pháp. Cứ sau sáu năm, hãy đến tại kinh đô
Bandhumatì để tụng đọc giới bốn".

Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy, một phần lớn
trong ngày ấy đã lên đường đi khắp quốc độ.

27. Này các Tỷ-kheo, lúc bảy giờ tại Jambudīpa
(Diêm phù đề) có tám vạn bốn ngàn túc xá. **Khi một
năm vừa mãn, chư Thiên tuyên bố:** "Này Hiền giả,
một năm vừa mãn, nay còn lại năm năm. Sau năm
năm, hãy đến tại kinh đô Bandhamatì để tụng đọc
giới bốn!"

Hai năm đã mãn, chư Thiên tuyên bố: "Này Hiền giả,
hai năm vừa mãn, nay còn lại bốn năm. Sau bốn năm,
hãy đến tại kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới
bốn!"

Ba năm đã mãn, chư Thiên tuyên bố: "Này Hiền giả,
ba năm đã mãn, nay còn lại ba năm. Sau ba năm, hãy
đến tại kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bốn!"

Bốn năm đã mãn, chư Thiên tuyên bố: "Này Hiền
giả, bốn năm đã mãn, nay còn hai năm. Sau hai năm,
hãy đến kinh đô Bandhumatì để tụng đọc giới bốn!"

Năm năm đã mãn, chư Thiên tuyên bố: "Này Hiền giả, năm năm đã mãn, nay còn lại một năm. Sau một năm, hãy đến tại đô Bandhumati để tụng đọc giới bốn!"

Sáu năm đã mãn, chư Thiên tuyên bố: "Này Hiền giả, sáu năm đã mãn. Nay đã đến ngày đi đến kinh đô Bandhumati để tụng đọc giới bốn".

Này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy, một số vị với thần lực của mình, một số với thần lực của chư Thiên trong ngày ấy đã đi đến kinh đô Bandhumati để tụng đọc giới bốn.

28. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, giữa chúng Tỷ-kheo, tụng đọc giới bốn này:

"Chư Phật dạy Niết-bàn là đệ nhất.

"Nhẫn nhục, khổ hạnh, kham nhẫn, là đệ nhất.

"Người xuất gia hại người xuất gia khác.

"Hại người khác như vậy không xứng gọi là Sa-môn.

"Mọi điều ác không làm, hướng tâm các thiện nghiệp.

"Giữ tâm trí thanh tịnh, chính lời chư Phật dạy.

"Không chỉ trích, không đánh đập, giữ mình trong giới bổn.

"Ăn uống có tiết độ, ngủ nghỉ riêng một mình.

"Hướng tâm đến cao khiết, chính lời chư Phật dạy".

29. Nay các Tỷ-kheo, một thời ta ở tại Ukkhattha (Úc-Già La), trong rừng Subhaga, dưới gốc cây ta-la vương. Nay các Tỷ-kheo, trong khi Ta an lặng tịnh cư, tư tưởng sau đây khởi lên: "Có một trú xứ, một loại chúng sanh rất dễ đến mà Ta từ trước không đến ở trong một thời gian khá lâu! Đó là chư Thiên **Suddhàvāsa (Tịnh Cư thiên)**. Vậy nay Ta hãy đến chư Thiên ở **Tịnh Cư thiên!**".

Này các Tỷ-kheo, như một lực sĩ duỗi cánh tay đã co lại, hay co lại cánh tay đã duỗi ra, Ta biến mất ở Ukkattha, trong rừng Subhaga, dưới gốc cây Ta-La vương và hiện ra trước chư Thiên ở Tịnh Cư thiên. Trong đại chúng chư Thiên ấy một số vài ngàn chư Thiên đến chỗ Ta ở, đánh lễ Ta và đứng một bên, chư Thiên ấy đã nói với Ta như sau:

- "Này Hiền giả, nay đã được chín mươi một kiếp, từ khi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác sanh, thuộc chủng tánh Sát Đế Ly. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondanna (Câu-Ly-Nhã). Này Hiền giả, trong thời Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây Pàtali (Ba-ba-la). Này Hiền giả, hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tên là Khanda (Kiền-trà) và Tissa (Đề-xá). Này Hiền giả, trong thời Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có ba Tăng hội, một Tăng hội sáu trăm tám mươi vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội mười vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, có vị thị giả Tỷ-kheo tên Asoka (A-dục), vị này là vị thị giả đệ nhất. Này Hiền giả, phụ vương Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, tên là Bandhuma, mẫu hậu tên là Bandhumatì (Bàn-đầu-bà-đề). Kinh thành của vua Bandhuma tên là Bandhumatì. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất thế tục như thế này, xuất gia như thế

này, tinh tấn như thế này, giác ngộ như thế này, chuyển pháp luân như thế này. Này Hiền giả, **chúng con là những người đã tu phạm hạnh với Thế Tôn Vipassì**, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã diệt trừ dục vọng và đã sanh ra tại chỗ này".

30. Này các Tỷ-kheo, lại trong đại chúng chư Thiên ấy, một số vài ngàn chư Thiên...

... một số vài trăm chư Thiên đến chỗ Ta ở, đánh lễ Ta và đứng một bên. Này các Tỷ-kheo, sau khi đứng một bên, chư Thiên ấy đã nói với Ta:

- "Này Hiền giả, trong hiện kiếp này, Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nay ra đời. Này Hiền giả, Thế Tôn, thuộc chủng tánh Sát-đế-ly, thuộc gia tộc Sát-đế-ly. Này Hiền giả, Thế Tôn thuộc **danh tánh Gotama (Cù-đàm)**. Này Hiền giả, Thế Tôn tuổi thọ không bao nhiêu, ít ỏi, tuổi thọ loài người khoảng một trăm năm hay hơn một chút. Này Hiền giả, Thế Tôn giác ngộ dưới gốc cây assattha (bát-đa-la). Này Hiền giả, Thế Tôn có hai vị hiền sĩ, đệ nhất đệ tử tên là Sàriputta và Moggallàna (Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên). Này Hiền giả, Thế Tôn có một Tăng hội một ngàn hai trăm năm mươi

vị. Nay Hiền giả, Tăng hội này của Thế Tôn gồm toàn những vị đã diệt trừ lậu hoặc. Nay Hiền giả, Thế Tôn có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Ànanda (A-nan), vị này là thị giả đệ nhất. Nay Hiền giả, phụ vương của Thế Tôn tên là Suddhodana (Tịnh Phạn), Hoàng hậu là Màya (Ma-gia) kinh đô là Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ). Nay Hiền giả, Thế Tôn xuất thế tục như thế này, xuất gia như thế này, tinh tấn như thế này, giác ngộ như thế này, chuyển pháp luân như thế này. Nay Hiền giả, **chúng tôi là những người đã tu phạm hạnh với Thế Tôn**, đã diệt trừ dục vọng và đã sanh ra tại chỗ này".

31. Nay các Tỷ-kheo, rồi Ta cùng với **chư Thiên Avihà (Vô Nhiệt thiên)** đến **chư Thiên Atappà (Vô Phiền thiên)**. Nay các Tỷ-kheo, rồi cùng với chư Thiên Avihà và chư Thiên Atappà đến **chư Thiên Sudassà (Thiện Kiến thiên)**. Nay các Tỷ-kheo, rồi Ta cùng với chư Thiên Avihà, chư Thiên Atappà và chư Thiên Sudassà đến **chư Thiên Sudassi (Thiện Hiện thiên)**.

Nay các Tỷ-kheo, rồi Ta cùng với chư Thiên Avihà, chư Thiên Atappà, chư Thiên Sudassà và chư Thiên Sudassi đến **chư Thiên Akanitthà (Sắc Cứu Kính thiên)**. Nay các Tỷ-kheo, lại trong Đại chúng chư

Thiên ấy, một số vài ngàn chư Thiên đến chỗ Ta ở, đánh lễ Ta và đứng một bên. Nay các Tỷ-kheo, sau khi đứng một bên, chư Thiên ấy đã nói với Ta như sau: "Này Hiền giả, nay đã được chín mươi một kiếp, từ khi Thế Tôn Vipassì, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời... (như số 29)".

32. Nay các Tỷ-kheo, lại trong đại chúng chư Thiên ấy, một số vài ngàn chư Thiên (như trước) một số vài trăm chư Thiên đến chỗ Ta ở, đánh lễ Ta và đứng một bên. Nay các Tỷ-kheo, sau khi đứng một bên, chư Thiên ấy đã nói với Ta như sau: "Này Hiền giả, trong Hiền kiếp này đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nay ra đời... (như số 30)".

33. Nay các Tỷ-kheo, **như vậy Như Lai khéo chứng đạt pháp giới này, Như Lai nhớ chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết-bàn,** đã đoạn các chương đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn này, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, giới hạnh là như vậy, pháp hạnh là như vậy, tuệ hạnh là như vậy, trí hạnh là như vậy, giải thoát là như vậy".

Thế Tôn thuyết pháp như vậy. Các vị Tỷ-kheo ấy
hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

245 **Kiều-Trần-Như - Chắc chắn đã giác hiếu là... - Kinh Như Lai Thuyết 1 – Tương V, 610**

Như Lai Thuyết 1 – *Tương V*, 610

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Bārāṇasī, tại Isipatana, chỗ Vườn Nai.

2) Tại đây, Thế Tôn bảo chúng năm Tỷ-kheo:

-- Có hai cực đoan này, này các Tỷ-kheo, một người xuất gia không nên thực hành theo.

3) Thế nào là hai?

- Một là đắm say trong các dục (kāmesu), hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích.
- Hai là tự hành khổ mình, khổ đau, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích.
- Tránh xa hai cực đoan này, này các Tỷ-kheo, là **con đường Trung đạo**, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

4) *Và thế nào là con đường Trung đạo, này các Tỷ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn?*

Chính là con đường **Thánh đạo Tám ngành**, tức là: chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Đây là con đường trung đạo, này các Tỷ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

5) *Đây là Thánh đế về **Khổ**, này các Tỷ-kheo. Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ, oán gặp nhau là khổ, ái biệt ly là khổ, cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ.*

6) *Đây là Thánh đế về **Khổ tập**, này các Tỷ-kheo, chính là ái này đưa đến tái sanh, cấu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái.*

7) *Đây là Thánh đế về **Khổ diệt**, này các Tỷ-kheo, chính là ly tham, đoạn diệt, không có dư tàn khát ái*

ấy, sự quăng bỏ, từ bỏ, giải thoát, không có chấp trước.

8) Đây là Thánh đế về **Con Đường đưa đến Khổ diệt**, này các Tỷ-kheo, chính là con đường **Thánh đạo Tám ngành**, tức là chánh tri kiến... chánh định.

9) Này các Tỷ-kheo,

- Đây là Thánh đế về Khổ, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Khổ cần phải liễu tri, đối với các pháp, từ trước Ta chưa từng nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Khổ đã được liễu tri, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

10) Này các Tỷ-kheo,

- Đây là Thánh đế về Khổ tập, đối với các pháp, từ trước Ta chưa từng nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Khổ tập cần phải đoạn tận, đối với các pháp, từ trước Ta chưa từng nghe,

nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

- Đây là Thánh đế về Khổ tập đã được đoạn tận, đối với các pháp, từ trước Ta chưa từng nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

11) Nay các Tỷ-kheo,

- Đây là Thánh đế về **Khổ diệt**, đối với các pháp... quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Khổ diệt cần phải **chứng ngộ**, đối với các pháp... quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Khổ diệt đã được chứng ngộ, đối với các pháp... quang sanh.

12) Nay các Tỷ-kheo,

- Đây là Thánh đế về **Con Đường đưa đến khổ diệt**, đối với các pháp... quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt cần phải **tu tập**, đối với các pháp... quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt đã được tu tập, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

13) Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, trong **bốn Thánh đế** này, với ba chuyển và mười hai hành tướng như vậy, tri kiến như thật không khéo thanh tịnh ở nơi Ta; thời này các Tỷ-kheo, cho đến khi ấy, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta không chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh Đẳng Giác.

14) **Và cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, trong bốn Thánh đế này, với ba chuyển và mười hai hành tướng như vậy**, tri kiến như thật đã được khéo thanh tịnh ở nơi Ta; cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta mới chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh Đẳng Giác. Tri kiến khởi lên nơi Ta: *"Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa"*.

15) Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Chúng năm Tỷ-kheo hoan hỷ, tín thọ lời Phật dạy. Trong khi lời dạy này được tuyên bố, **Tôn giả Kondanna khởi lên pháp nhãn thanh tịnh, không cấu uế như sau: "*Phàm vật gì được tập khởi, tất cả pháp ấy cũng bị đoạn diệt*".**

16) Và khi **Pháp luân này** được Thế Tôn chuyển vận như vậy, chư Thiên cõi đất này lớn tiếng nói lên:

"Nay **vô thượng Pháp luân** này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư Tiên đạo xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận một Pháp luân chưa từng được ai chuyển vận, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, hay bất cứ một ai ở đời".

17) Sau khi được nghe tiếng chư Thiên ở cõi đất, Tứ đại Thiên vương thiên lên tiếng nói lên: "Nay vô thượng Pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư Tiên đạo xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận một Pháp luân chưa từng được ai chuyển vận, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay bất cứ một ai ở đời".

18) Sau khi được nghe tiếng của chư Thiên ở Tứ đại Thiên vương thiên, thời chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba...

.... chư Thiên Yà mà... chư Thiên Tusità... chư Hóa lạc thiên... chư Tha hóa tư tại thiên... chư Thiên ở Phạm thiên giới lớn tiếng nói lên: "Nay vô thượng Pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư Tiên đạo xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận... bất cứ một ai ở đời".

19) Như vậy, trong sát-na ấy, trong khoảnh khắc ấy, trong giây phút ấy, tiếng ấy lên đến Phạm thiên giới. Và mười ngàn thế giới chuyển động, rung động,

chuyển động mạnh. Và một hào quang vô lượng, quảng đại phát chiếu ra ở đời, vượt quá uy lực chư Thiên.

20) Rồi Thế Tôn thốt lên lời cảm hứng sau đây:
"Chắc chắn đã giác hiểu là Kondanna (Kiều-trần-như)! Chắc chắn đã giác hiểu là Kondanna!"

Như vậy Tôn giả Kondanna được tên là Annàta Kondanna (A-nhã Kiều-trần-như).

246 Kiện tụng - Kinh PHẨM NGƯỜI – Tăng I, 144

PHẨM NGƯỜI – Tăng I, 144

1.- Có hai hạng người này, *khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đưa lại hạnh phúc cho đa số*, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, đưa lại hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài Người. Thế nào là hai?

➔ *Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác và Chuyển Luân Vương.* Những người này, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đưa lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, đưa lại hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài Người.

2. Có hai hạng người này, khi xuất hiện ở đời, *là sự xuất hiện của những người vi diệu*. Thế nào là hai?

➔ Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác và Chuyển Luân Vương. Những người này, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, là sự xuất hiện của những người vi diệu.

3. Có hai hạng người khi mạng chung, *đưa lại thương tiếc cho đa số*. Thế nào là hai?

- ➔ Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác và Chuyển Luân Vương. Hai hạng người này khi mệnh chung, này các Tỷ-kheo, đưa lại thương tiếc cho đa số.

4. Hai hạng người này, *xứng đáng để xây tháp*. Thế nào là hai?

- ➔ Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác và Chuyển Luân Vương. Hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, xứng đáng để xây tháp.

5. *Có hai bậc Giác ngộ này*, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai?

- ➔ *Như Lai, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, và Độc Giác Phật.* Những vị này, này các Tỷ-kheo, là hai bậc Giác ngộ.

6. Hai (sanh) loại này, *không bị sét đánh làm cho sợ hãi*. Thế nào là hai?

- ➔ *Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc và con voi thuần chủng.* Hai (sanh) loại này, này các Tỷ-kheo, không bị sét đánh làm cho sợ hãi.

7. Hai (sanh) loại này, không bị sét đánh làm cho sợ hãi. Thế nào là hai?

- ➔ *Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc và con ngựa nòi giống tốt.* Hai (sanh) loại này, này các Tỷ-kheo, không bị sét đánh làm cho sợ hãi.

8. ... (như trên, chỉ thay vào Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc và con sư tử, vua các loài thú) ...

9. Do thấy hai lý do này, này các Tỷ-kheo, các loài **Kimpurisa (phi nhân, khẩn-na-la)** không nói lên tiếng người. Thế nào là hai? "Chúng ta chớ có nói láo và chúng ta chớ có xuyên tạc người khác với điều không thật". Do thấy hai lý do này, này các Tỷ-kheo, các loài Kimpurisa không nói lên tiếng người.

10. Có hai điều, này các Tỷ-kheo, người phụ nữ khi lâm chung chưa được thỏa mãn, chưa được vừa đủ. Thế nào là hai? Sự giao cấu và sanh con. Hai điều này, này các Tỷ-kheo, người phụ nữ khi lâm chung chưa được thỏa mãn, chưa được vừa đủ.

11. *Ta sẽ giảng cho các Thầy, về sự cộng trú của người bất thiện và sự cộng trú của người thiện*. Hãy nghe và khéo tác ý, ta sẽ nói.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế tôn nói như sau:

➡ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sự cộng trú của người bất thiện, và thế nào là người bất thiện cộng trú với nhau?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị trưởng lão Tỷ-kheo suy nghĩ như sau:

- "Mong rằng vị trưởng lão không nói với ta, vị trung niên không nói với ta, vị tân học không nói với ta, và ta cũng không nói với vị trưởng lão, ta cũng không nói với vị trung niên, ta cũng không nói với vị tân học!
- Nếu vị trưởng lão nói với ta, vị ấy nói với ta với ý muốn làm hại ta, không phải vì hạnh phúc cho ta. Ta hãy nói "không" với vị ấy, ta hãy làm cho vị ấy phật lòng, và nếu thấy vị ấy nói đúng, ta không có đáp ứng thích hợp.
- Nếu vị trung niên nói với ta....,
- Nếu vị tân học nói với ta, vị ấy nói với ta với ý muốn làm hại ta, không phải vì hạnh phúc cho ta. Ta hãy nói "không" với vị ấy, ta hãy làm cho vị ấy phật lòng, và nếu thấy vị ấy nói đúng, ta không có đáp ứng thích hợp".

Vị trung niên Tỷ-kheo suy nghĩ như sau ...

Vị tân học Tỷ-kheo suy nghĩ như sau

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự cộng trú của người bất thiện và như vậy là người bất thiện cộng trú với nhau.

➡ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sự cộng trú của người thiện và thế nào là người thiện cộng trú với nhau?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị trưởng lão Tỷ-kheo suy nghĩ như sau:

"Mong rằng vị trưởng lão nói với ta, vị trung niên nói với ta, vị tân học nói với ta, và ta cũng sẽ nói với vị trưởng lão, ta cũng sẽ nói với vị trung niên, ta cũng sẽ nói với vị tân học!

- Nếu vị trưởng lão nói với ta, vị ấy nói với ta với ý muốn hạnh phúc cho ta, không với ý muốn làm hại ta. Ta sẽ nói "lành thay" với vị ấy, ta sẽ không làm cho vị ấy phật lòng, và nếu thấy vị ấy nói đúng, ta có đáp ứng thích hợp.
- Nếu vị trung niên nói với ta, ...
- Nếu vị tân học nói với ta, vị ấy nói với ta với ý muốn hạnh phúc cho ta, không với ý muốn làm hại ta. Ta hãy nói "lành thay" với vị ấy, ta sẽ không làm cho vị ấy phật lòng, và nếu thấy vị ấy nói đúng, ta sẽ đáp ứng thích hợp".

Này các Tỷ-kheo, vị trung niên Tỷ-kheo suy nghĩ như sau ...

Này các Tỷ-kheo, vị tân học Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Mong rằng vị trưởng lão nói với ta, vị trung

niên nói với ta, vị tân học nói với ta....., và nếu thấy vị ấy nói đúng, ta sẽ đáp ứng thích hợp".

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự cộng trú của người thiện và như vậy là người thiện cộng trú với nhau.

12. Trong cuộc tránh tụng nào, này các Tỷ-kheo, cả hai phía *có lời qua tiếng lại, có những quan điểm ngoan cố, với tâm hiềm hận, ưu não, uất ức, nội tâm không an tịnh*, thời sự tránh tụng ấy, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng sẽ đưa đến kéo dài, gay gắt, thô bạo, và các Tỷ-kheo sẽ sống không an lạc.

Và này các Tỷ-kheo, trong cuộc tránh tụng nào, này các Tỷ-kheo, cả hai phía *có lời qua tiếng lại, có những quan điểm ngoan cố, với tâm hiềm hận, ưu não, uất ức, nhưng nội tâm được an tịnh*, thời sự tránh tụng ấy, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi rằng sẽ không kéo dài, không có gay gắt, không có thô bạo, và các Tỷ-kheo sẽ sống an lạc.

247 Kokàlika - Con người được sanh ra, Sanh với búa trong miệng - Kinh Kokàlika – Tương I, 329

Kokàlika – Tương I, 329

1) Tại Sàvatthi.

2) Rồi **Tỷ-kheo Kokàlika** đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo Kokàlika bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, Sàriputta và Moggallàna là hạng ác dục. Họ bị ác dục chi phối.

4) Khi được nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Tỷ-kheo Kokàlika:

- Nay Kokàlika, chớ có nói như vậy. Nay Kokàlika, chớ có nói như vậy. Nay Kokàlika, hãy đặt tin tưởng vào Sàriputta và Moggallàna. Sàriputta và Moggallàna thật là hòa ái.

5) Lần thứ hai, Tỷ-kheo Kokàlika bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, dầu Thế Tôn đáng tin tưởng, rất đáng tin cậy; nhưng Sàriputta và Moggallàna là hạng ác dục. Họ bị ác dục chi phối.

6) Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Tỷ-kheo Kokàlika:

-- Đây Kokàlika, chớ có nói như vậy. Đây Kokàlika, chớ có nói như vậy. Đây Kokàlika, hãy đặt tin tưởng vào Sàriputta và Moggallàna. Sàriputta và Moggallàna thật là hòa ái.

7) Lần thứ ba, Tỷ-kheo Kokàlika bạch Thế Tôn:

--.. Họ bị ác dục chi phối.

8) Lần thứ ba, Thế Tôn bảo Tỷ-kheo Kokàlika:

--.. Sariputta và Moggallàna thật là hòa ái.

9) Rồi Tỷ-kheo Kokàlika từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên phải hướng về Ngài, rồi ra đi.

10) Tỷ-kheo Kokàlika ra đi **không** được bao lâu, toàn thân mọc lên những mụn nhọt lớn bằng hột cải. Từ hột cải, chúng lớn lên bằng hột đậu xanh (mugga). Từ hột đậu xanh, chúng lớn lên bằng hột đậu lớn (kalàya). Từ hột đậu lớn, chúng lớn lên bằng rolatthi (hột cây jujube, cây táo?). Từ hột rolatthi, chúng lớn lên bằng hột kolama. Từ hột kolama,

chúng lớn lên bằng hột amala (a-ma-la quả). Từ quả amala, chúng lớn lên bằng quả beluva chưa chín. Từ quả beluva chưa chín, chúng lớn lên bằng quả billa. Từ hình lớn bằng quả billa, chúng nứt vỡ ra, chảy máu và mủ.

11) Rồi Tỷ-kheo Kokàlika do bệnh này bị mệnh chung. Bị mệnh chung, Tỷ-kheo Kokàlika sanh trong *địa ngục Sen hồng*, với tâm hận thù đối với Tôn giả Sàriputta và Moggallàna.

12) Rồi Phạm thiên Sahampati, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và đứng một bên.

13) Đứng một bên, Phạm thiên Sahampati bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokàlika đã mệnh chung. Bạch Thế Tôn, sau khi mệnh chung Tỷ-kheo Kokàlika phải sanh vào địa ngục Sen hồng với tâm hận thù đối với Tôn giả Sàriputta và Moggallàna.

14) Phạm thiên Sahampati nói như vậy. Sau khi nói xong, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ ấy.

15) Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã qua, liền bảo các Tỷ-kheo:

-- Này các Tỷ-kheo, hồi hôm, Phạm thiên Sahampati, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana đi đến Ta; sau khi đến, đánh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati bạch với Ta: "*Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokàlika đã mệnh chung. Và bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokàlika sau khi mệnh chung đã sanh vào địa ngục Sen hồng với tâm thù hận đối với Tôn giả Sàriputta và Moggallàna*". Này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati nói như vậy. Sau khi nói xong, đánh lễ Ta, thân phía hữu hướng về Ta, rồi biến mất tại chỗ.

16) Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, bao nhiêu lâu là tuổi thọ trong địa ngục Sen hồng?

17) -- Thật dài, này Tỷ-kheo, là tuổi thọ trong địa ngục Sen hồng. Không dễ gì tính được là bao nhiêu năm, bao nhiêu trăm năm, bao nhiêu ngàn năm, bao nhiêu trăm ngàn năm.

18) -- *Bạch Thế Tôn, có thể tính được chăng bằng một ví dụ?*

19) Thế Tôn đáp:

-- Có thể được, này Tỷ-kheo.

Này Tỷ-kheo, *ví như có một bao hạt mè, nặng hai mươi khàrika, theo đo lường ở nước Kosala. Ví dụ sau một trăm năm, một người lấy ra một lần một hạt mè.*

11. Này Tỷ-kheo, còn mau hơn là bao hạt mè, nặng hai mươi khàrika ấy, theo đo lường của nước Kosala, đi đến tiêu hao, đi đến hao mòn do phương tiện ấy, so sánh (với tuổi thọ) ở địa ngục **Abhuta**.
12. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục **Abhuta** bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Nirabbuta**.
13. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục **Nirabbuta** bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Ababa**.
14. Này-Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục **Ababa** bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Atata**.
15. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục **Atata** bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Ahaha**.
16. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục **Ahaha** bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Kumuda**.
17. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục **Kumuda** bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Sogandhika**.

18. Ngày Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Sogandhika bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Uppala (Sen xanh)**.
19. Ngày Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Uppala bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Pundarika (Sen trắng)**.
20. Ngày Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Sen trắng bằng một tuổi thọ ở địa ngục **Pudumà (Sen hồng)**.

Này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Kokàlika sanh tại địa ngục Sen hồng với tâm hận thù đối với tôn giả Sàriputta và Moggallàna.

20) Thế Tôn nói như vậy. Sau khi nói như vậy, bậc Thiện Thệ lại nói thêm:

*Phàm con người đã sanh,
Sanh với búa trong miệng,
Kẻ ngu khi nói bậy,
Tự chặt đứt lấy thân.*

*Ai khen kẻ làm bậy,
Ai chê người làm hay,
Tự nhen nhúm bất hạnh,
Do nơi miệng của mình,
Chính do bất hạnh ấy,
Nên không được an lạc.*

*Nhỏ thay bất hạnh này,
Trong canh bạc rủi may,
Bị tan hoang tài sản,
Trong giờ phút đỏ đen.*

*Lớn hơn sự bất hạnh,
Hơn mọi bất hạnh khác,
Do tự mình gây nên,
Cho tự ngã của mình.*

*Ai đối xử ác ý,
Vớ chur Phật, Thiện Thệ,
Phải trải qua thời gian,
Trăm ngàn nhiều hơn nữa,
Ba mươi sáu và năm,
Trải thời gian thật dài.
Ai với lời và ý,
Phỉ báng bậc Hiền Thánh,
Dùng ác tâm chống đối,
Sẽ sa đọa địa ngục.*

248 Kokàlika - Con người được sanh ra, Sanh với búa trong miệng - Kinh Tudu brahmà – Tương I, 327

Tudu brahmà – *Tương I*, 327

- 1) Tại Sàvatthi.
- 2) Lúc bảy giờ Tỷ-kheo Kokàlika bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.
- 3) Rồi **Bích-chi Phạm thiên Tudu** khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Tỷ-kheo Kokàlika.
- 4) Sau khi đến, vị ấy đứng trên hư không, và nói với Tỷ-kheo Kokàlika:

-- Nay Kokàlika, hãy đặt tin tưởng vào Sàriputta và Moggallàna. Sàriputta và Moggallàna thật là hòa nhã.
- 5) -- Ông là ai, này Hiền giả?
- 6) -- Ta là Bích-chi Phạm thiên Tudu.

7) -- *Này Hiền giả, phải chăng Ông đã được Thế Tôn nói là đã chứng quả **Bất lai**. Vậy Ông đến ở đời này làm gì? Ông có thấy lỗi lầm của Ông như thế nào?*

*Phàm con người đã sanh,
Sanh với **bú** trong miệng,
Kẻ ngu khi nói bậy,
Tự chặt đứt lấy thân.*

*Ai khen kẻ làm bậy,
Ai chê người làm hay,
Tự nhen nhúm bất hạnh,
Do chính miệng của mình;
Chính do bất hạnh ấy,
Nên không được an lạc,*

*Nhỏ thay bất hạnh này,
Trong canh bạc (rủi may),
Bị tan hoang tài sản,
Trong giờ phút đỏ đen!*

*Lớn hơn, sự bất hạnh,
Hơn mọi bất hạnh khác,
Do tự mình gây nên,
Cho tự ngã của mình!*

*Ai đối xử ác ý,
Với chư Phật, Thiện Thệ,
Phải trải qua thời gian,*

*Trăm ngàn, nhiều hơn nữa,
Ba mươi sáu và năm,
Trải thời gian thật dài.
Ai với lời và ý,
Phỉ báng bậc Hiền Thánh,
Dùng ác tâm chống đối,
Sẽ sa đọa địa ngục.*

249 Kokàlika - Con người được sanh ra, Sanh với búa trong miệng - Kinh TỖ KHEO KOKÀLIKA – Tăng IV, 467

TỖ KHEO KOKÀLIKA – *Tăng IV, 467*

1. Bấy giờ có Tỳ-kheo Kokàlika đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, **Tôn giả Kokàlika** bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Sàriputta và Moggallàna là ác dục, bị ác dục chinh phục.

- Này Kokàlika, chớ có nói vậy! Này Kokàlika, chớ có nói vậy. Này Kokàlika, tâm hãy tịnh tín đối với Sàriputta và Moggallàna. Hiền thiện là Sàriputta và Moggallàna.

Lần thứ hai, Tỳ-kheo Kokàlika bạch Thế Tôn: "*Bạch Thế Tôn, dầu Thế Tôn có lòng tin và tin tưởng, đối với con Sàriputta và Moggallàna là ác dục, bị ác dục chinh phục.*"

- Này Kokàlika, chớ có nói vậy! Này Kokàlika, chớ có nói vậy. Này Kokàlika, tâm hãy tịnh tín đối với Sàriputta và Moggallàna. Hiền thiện là Sàriputta và Moggallàna.

Lần thứ ba, Tỷ-kheo Kokàlika bạch Thế Tôn: ... Hiền thiện là Sàriputta và Moggallàna.

2. Rồi Tỷ-kheo Kokàlika từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Thế Tôn rồi đi ra.

Tỷ-kheo Kokàlika ra đi không bao lâu, toàn thân của Tỷ-kheo Kokàlika nổi lên **những mụn to bằng hạt cải**; sau khi lớn bằng hạt cải, chúng lớn lên bằng **hột đậu**; sau khi lớn lên bằng hột đậu, chúng lớn lên bằng **hạt đậu lớn**; sau khi lớn bằng hột đậu lớn, chúng lớn lên bằng **hòn sỏi**; sau khi lớn bằng hòn sỏi Kolatthi, chúng lớn lên bằng **hột táo**; sau khi lớn lên bằng hột táo, chúng lớn lên bằng **trái Àmala**, chúng lớn lên bằng **trái dừa** (trái vilva); sau khi lớn lên bằng trái dừa vilva, chúng lớn lên bằng **trái billa** (trái dừa đã chín); sau khi lớn lên bằng trái billa, **chúng bị phá vỡ, mủ và máu chảy ra**. Tại đây, nó nằm trên lá chuối, như con cá ăn phải đồ độc.

3. Lúc ấy có **độc giác Phạm thiên Tudu** đi đến Tỷ-kheo Kokàlika, sau khi đến, đứng trên hư không và nói với Tỷ-kheo Kokàlika:

- Này Kokàlika, hãy đặt tâm tịnh tín nơi Sàriputta và Moggallàna! Hiền thiện là Sàriputta và Moggallàna.

- Ông là ai?

- **Ta là độc giác Phạm thiên Tudu.**

- Thừa Hiền giả, có phải Hiền giả là người được Thế Tôn trả lời là đã **chứng Bất lai**? Sao người lại đến đây? Hãy xem như thế nào người đã lầm lạc trong vấn đề này.

Rồi độc giác Phạm thiên Tudu nói lên với Tỷ-kheo Kokàlika bài kệ này:

*-Con người được sanh ra,
Sanh với bú trong miệng,
Người ngu nói điều xấu,
Là tự chém vào mình.*

*-Ai khen người đáng chê,
Ai chê người đáng khen,
Đều chất chứa bất hạnh,
Do từ miệng tạo thành,
Và chính do bất hạnh,
Nên không được an lạc.*

*-Nhỏ thay, bất hạnh này,
Chính do cờ bạc sanh,
Khiến tài sản tiêu hao,*

-Bất hạnh này lớn hơn,

*Không những mất tất cả,
Lại mất cả tự mình,
Là người khởi ác ý
Đối với chư Thiện Thệ.*

*-Ai chỉ trích bậc Thánh,
Với lời, với ác ý,
Trải qua trăm ngàn thời,
Với ni-rab-bu-đa,
Còn thêm ba mươi sáu,
Với năm a-bu-đa,
Phải sanh vào địa ngục
Chịu khổ đau tại đây.*

4. Rồi Tỷ-kheo Kokàlika, do chứng bệnh ấy mệnh chung. Sau khi chết, Tỷ-kheo Kokàlika sanh vào địa ngục sen hồng vì tâm khởi ác ý đối với Sàriputta và Moggallàna.

Rồi Phạm thiên Sahampati, sau khi đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên, đứng một bên, Phạm thiên Sahampati bạch Thế Tôn: "*Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokàlika đã mệnh chung. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokàlika mệnh chung, phải sanh vào địa ngục sen hồng, vì tâm khởi ác ý đối với Sàriputta và Moggallàna*". Phạm thiên Sahampati nói như vậy. Nói như vậy xong, đánh lễ

Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Thế Tôn rồi biến mất tại chỗ.

5. Rồi Thế Tôn, sau khi đêm đã qua, bảo các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, đêm nay Phạm thiên Sahampati khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Ta; sau khi đến, đánh lễ Ta rồi đứng một bên, đứng một bên, này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati thưa với Ta: "*Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo, Kokàlika đã mệnh chung, phải sanh vào địa ngục sen hồng, vì tâm khởi ác ý đối với Sàripuuta và Moggallàna*". Nay các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati nói như vậy. Nói như vậy xong, đánh lễ Ta, thân phía hữu hướng về Ta rồi biến mất tại chỗ.

6. Khi nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, lâu dài bao nhiêu, là tuổi thọ ở địa ngục sen hồng?

- Nay Tỷ-kheo, tuổi thọ ở địa ngục sen hồng, rất khó mà tính được. Có chừng ấy năm, hay có chừng ấy trăm năm, hay có chừng ấy ngàn năm, hay có chừng ấy trăm ngàn năm.

- *Bạch Thế Tôn, có thể cho một ví dụ được chăng?*

- Có thể được, này Tỷ-kheo, một cỗ xe chở hai mươi cân kosala chở đầy hột mè. Rồi một người cứ sau một trăm năm, một trăm năm lấy lên một hột mè. Mau hơn này Tỷ-kheo là cỗ xe chở hai mươi cân kosala chở đầy hột mè, do phương pháp này, đi đến tận sạch, không còn gì nữa, cũng chưa đủ là **một Abbuda địa ngục**.

11. *Địa ngục **Abbuda**.*

12. *Ví như, hai mươi abbuda địa ngục là bằng một **Nirabbuda** địa ngục.*

13. *Ví như, hai mươi Nirabbuda địa ngục là bằng một **Ababà** địa ngục.*

14. *Ví như, hai mươi ababà địa ngục bằng một **Ahaha** địa ngục.*

15. *Ví như, hai mươi ahaha địa ngục là bằng một **Atato** địa ngục.*

16. *Ví như, hai mươi atato địa ngục bằng một **Kumodo** địa ngục.*

17. *Ví như, hai mươi kumodo địa ngục là bằng một **Sogandhika** địa ngục.*

18. *Ví như, hai mươi sogandhika địa ngục bằng một **Uppalako** địa ngục.*

19. *Ví như, hai mươi uppalako địa ngục bằng một **Pundarika** địa ngục.*

20. Ví như, hai mươi pundarika địa ngục bằng một **Paduma** địa ngục.

Này Tỷ kheo, Tỷ kheo Kokàlika phải sanh vào địa ngục Paduma (sen hồng), vì khởi lên ác ý đối với Sàriputta và Moggallàna.

Thế Tôn nói như vậy. Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*Con người được sanh ra
Sanh với búa trong miệng,
Người ngu nói điều xấu,
Là tự chém vào mình.*

*Ai khen người đáng chê,
Ai chê người đáng khen,
Đều chất chứa bất hạnh,
Do từ miệng tạo thành,
Và chính do bất hạnh,
Nên không được an lạc.*

*Nhỏ thay bất hạnh này,
Chính do cờ bạc sanh,
Khiến tài sản tiêu hao,*

*Bất hạnh này lớn hơn,
Không những mất tất cả,
Lại mất cả tự mình.*

*Là người khởi ác ý,
Đối với chư Thiện thế.*

*Ai chỉ trích bậc Thánh,
Vớ lời, vớ ác ý,
Trải qua trăm ngàn thời,
Vớ **Ni-rab-bu-da**,
Còn thêm ba mươi sáu,
Vớ năm **A-bu-đa**,
Phải sanh vào địa ngục,
Chịu khổ đau tại đấy.*

250 Kondanna - Chuyển Pháp Luân - Kinh Như Lai Thuyết 1 – Tương V, 610

Như Lai Thuyết 1 – *Tương V*, 610

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Bārāṇasī, tại Isipatana, chỗ Vườn Nai.

2) Tại đây, Thế Tôn bảo chúng năm Tỷ-kheo:

-- Có hai cực đoan này, này các Tỷ-kheo, một người xuất gia không nên thực hành theo. Thế nào là hai?

3) Một là đắm say trong các dục (kāmesu), hạ liệt, đê tiện, phạm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích. Hai là tự hành khổ mình, khổ đau, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích. Tránh xa hai cực đoan này, này các Tỷ-kheo, là **con đường Trung đạo**, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

4) *Và thế nào là con đường Trung đạo, này các Tỷ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác*

thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn?

Chính là con đường **Thánh đạo Tám ngành**, tức là: chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Đây là con đường trung đạo, này các Tỷ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

5) Đây là Thánh đế về **Khổ**, này các Tỷ-kheo. *Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ, oán gặp nhau là khổ, ái biệt ly là khổ, cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ.*

6) Đây là Thánh đế về **Khổ tập**, này các Tỷ-kheo, *chính là ái này đưa đến tái sanh, cấu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái.*

7) Đây là Thánh đế về **Khổ diệt**, này các Tỷ-kheo, *chính là ly tham, đoạn diệt, không có dư tàn khát ái ấy, sự quăng bỏ, từ bỏ, giải thoát, không có chấp trước.*

8) Đây là Thánh đế về **Con Đường đưa đến Khổ diệt**, này các Tỷ-kheo, chính là con đường **Thánh đạo Tám ngành**, tức là chánh tri kiến... chánh định.

9) Này các Tỷ-kheo,

- Đây là Thánh đế về Khổ, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Khổ cần phải liễu tri, đối với các pháp, từ trước Ta chưa từng nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Khổ đã được liễu tri, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

10) Này các Tỷ-kheo,

- Đây là Thánh đế về Khổ tập, đối với các pháp, từ trước Ta chưa từng nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Khổ tập cần phải đoạn tận, đối với các pháp, từ trước Ta chưa từng nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Khổ tập đã được đoạn tận, đối với các pháp, từ trước Ta chưa từng nghe,

nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

11) Nay các Tỷ-kheo,

- Đây là Thánh đế về **Khổ diệt**, đối với các pháp... quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Khổ diệt cần phải **chứng ngộ**, đối với các pháp... quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Khổ diệt đã được chứng ngộ, đối với các pháp... quang sanh.

12) Nay các Tỷ-kheo,

- Đây là Thánh đế về **Con Đường đưa đến khổ diệt**, đối với các pháp... quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt cần phải **tu tập**, đối với các pháp... quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt đã được tu tập, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

13) Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, trong **bốn Thánh đế** này, với ba chuyển và mười hai hành tướng như vậy, tri kiến như thật không khéo thanh tịnh ở nơi Ta; thời này các Tỷ-kheo, cho đến khi ấy,

trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta không chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh Đẳng Giác.

14) **Và cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, trong bốn Thánh đến này, với ba chuyển và mười hai hành tướng như vậy**, tri kiến như thật đã được khéo thanh tịnh ở nơi Ta; cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta mới chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh Đẳng Giác. Tri kiến khởi lên nơi Ta: *"Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa".*

15) Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Chúng năm Tỷ-kheo hoan hỷ, tín thọ lời Phật dạy. Trong khi lời dạy này được tuyên bố, **Tôn giả Kondanna** khởi lên pháp nhãn thanh tịnh, không cấu uế như sau: *"Phàm vật gì được tập khởi, tất cả pháp ấy cũng bị đoạn diệt".*

16) Và khi **Pháp luân này** được Thế Tôn chuyển vận như vậy, chư Thiên cõi đất này lớn tiếng nói lên: "Nay **vô thượng Pháp luân** này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư Tiên đạo xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận một Pháp luân chưa từng được ai chuyển vận,

Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, hay bất cứ một ai ở đời".

17) Sau khi được nghe tiếng chư Thiên ở cõi đất, Tứ đại Thiên vương thiên lên tiếng nói lên: "Nay vô thượng Pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư Tiên đạo xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận một Pháp luân chưa từng được ai chuyển vận, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay bất cứ một ai ở đời".

18) Sau khi được nghe tiếng của chư Thiên ở Tứ đại Thiên vương thiên, thời chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba...

.... chư Thiên Yà mà... chư Thiên Tusità... chư Hóa lạc thiên... chư Tha hóa tự tại thiên... chư Thiên ở Phạm thiên giới lớn tiếng nói lên: "Nay vô thượng Pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư Tiên đạo xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận... bất cứ một ai ở đời".

19) Như vậy, trong sát-na ấy, trong khoảnh khắc ấy, trong giây phút ấy, tiếng ấy lên đến Phạm thiên giới. Và mười ngàn thế giới chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và một hào quang vô lượng, quảng đại phát chiếu ra ở đời, vượt quá uy lực chư Thiên.

20) Rồi Thế Tôn thốt lên lời cảm hứng sau đây:
"Chắc chắn đã giác hiểu là Kondanna (Kiều-trần-như)! Chắc chắn đã giác hiểu là Kondanna!"

Như vậy Tôn giả Kondanna được tên là Annàta Kondanna (A-nhã Kiều-trần-như).

Như Lai Thuyết 2 – Tương V, 616

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo,

- *Thánh đế về **Khổ** này, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.*
- *Thánh đế về **Khổ cần phải liễu tri** này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước đến nay các Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh.*
- *Thánh đế về **Khổ đã được liễu tri** này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh.*

3) Này các Tỷ-kheo,

- *Thánh đế về **Khổ tập này**, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh.*
- *Thánh đế về Khổ tập cần phải đoạn diệt này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được nghe.... quang sanh.*
- *Thánh đế về Khổ tập đã được đoạn diệt này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh.*

4) Này các Tỷ-kheo,

- *Thánh đế về **Khổ diệt này**, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh.*
- *Thánh đế về Khổ diệt cần phải chứng ngộ này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh.*
- *Thánh đế về Khổ diệt đã được chứng ngộ này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh.*

5) Này các Tỷ-kheo,

- *Thánh đế về **Con Đường đưa đến Khổ diệt** này, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh.*

- *Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt cần phải tu tập này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh.*
- *Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt đã được tu tập này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.*

251 Kondanna - Chuyển Pháp Luân - Kinh Năm Vị – Tương III, 125

Năm Vị – Vô ngã tướng – *Tương III, 125*

1) Một thời Thế Tôn ở Bàrànasi (Ba-la-nại), tại Isipatana (Chư Tiên đạo xứ), vườn Lộc Uyển.

2) Ở đây Thế Tôn nói với đoàn năm vị Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo".

- "Thưa vâng bạch Thế Tôn".

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

3) - **Sắc**, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Này các Tỷ-kheo, nếu sắc là ngã, thì sắc không thể đi đến bệnh hoạn và có thể được các sắc như sau: "Mong rằng sắc của tôi là như thế này! Mong rằng sắc của tôi chẳng phải như thế này!"

4) Và này các Tỷ-kheo, vì sắc là vô ngã. Do vậy sắc đi đến bệnh hoạn, và không thể có được các sắc: "Mong rằng sắc của tôi như thế này! Mong rằng sắc của tôi chẳng phải như thế này!"

5) **Thọ**, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Này các Tỷ-kheo, nếu thọ là ngã, thời thọ không thể đi đến bệnh hoạn, và có thể được thọ như sau: " Mong rằng thọ của tôi như thế này! Mong rằng thọ của tôi chẳng phải như thế này! "

6) Và này các Tỷ-kheo, vì thọ là vô ngã. Do vậy, thọ đi đến bệnh hoạn, và không thể có được các thọ: " Mong rằng thọ của tôi như thế này! Mong rằng thọ của tôi chẳng phải như thế này! "

7) **Tưởng** là vô ngã...

8) Các **hành** là vô ngã, này các Tỷ-kheo, nếu các hành là ngã, thời các hành không thể đi đến bệnh hoạn và có thể được các hành như sau: "Mong rằng các hành của tôi như thế này! Mong rằng các hành của tôi chẳng phải như thế này!"

9) Và này các Tỷ-kheo, vì các hành là vô ngã. Do vậy, các hành đi đến bệnh hoạn, và không thể có được các hành: "Mong rằng các hành của tôi như thế này! Mong rằng các hành của tôi không phải như thế này!"

10) **Thức** là vô ngã, này các Tỷ-kheo, nếu thức là ngã, thời thức không thể đi đến bệnh hoạn, và có thể có được thức như sau: "Mong rằng thức của tôi như

thế này! Mong rằng thức của tôi chẳng phải như thế này!"

11) Và này các Tỷ-kheo, vì thức là vô ngã. Do vậy, thức đi đến bệnh hoạn, và không có thể có được thức: "Mong rằng thức của tôi như thế này! Mong rằng thức của tôi chẳng phải như thế này!"

12) *Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?*

- Là vô thường, bạch Thế Tôn!

- *Cái gì vô thường là khổ hay lạc?*

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

- *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?*

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

13-15) Thọ... Tưởng... Các hành...

16) Thức là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Là khô, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi quán cái ấy là: " Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi "?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

17) Do vậy, này các Tỷ-kheo, phàm **sắc** gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả sắc **cần phải như thật quán** với **chánh trí tuệ** như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

18) Phàm **thọ** gì...

19) Phàm **tưởng** gì...

20) Phàm các **hành** gì...

21) Phàm **thức** gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả thức cần phải như thật quán với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi ".

22) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly

đối với tướng, yếm y đối với các hành, yếm ly đối với thức. Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

23) Thế Tôn thuyết như vậy. Nhóm năm vị Tỷ-kheo hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi lời dạy này được nói lên, tâm của nhóm năm vị Tỷ-kheo được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

252 Kondanna - Kinh Kondanna Kiều Trần Như – Tương I, 425

Kondanna Kiều Trần Như – *Tương I*, 425

1) Một thời Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại Veluvanna (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Rồi Tôn giả Annàsi Kondanna, sau một thời gian khá dài, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, miệng hôn, tay xoa bóp chân Thế Tôn và nói lên tên của mình:

- Bạch Thế Tôn, con là Kondanna. Bạch Thiện Thệ, con là Kondanna.

3) Rồi Tôn giả Vangisa suy nghĩ: "Tôn giả Annàsi Kondanna này, sau một thời gian khá dài, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, miệng hôn, tay xoa bóp chân Thế Tôn và nói lên tên của mình: "Bạch Thế Tôn, con là Kondanna. Bạch Thiện Thệ, con là Kondanna". Vậy ta hãy ở trước mặt Thế Tôn, nói lên những bài kệ thích ứng tán thán Tôn giả Annàsi Kondanna".

4) Rồi Tôn giả Vangisa từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y về một bên vai, chấp tay hướng về Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, một vấn đề đến với con. Bạch Thiện Thệ, một vấn đề đến với con.

5) Thế Tôn đáp:

- Nay Vangisa, hãy nói lên vấn đề ấy!

6) Rồi Tôn giả Vangisa, trước mặt Thế Tôn, nói lên những bài kệ thích ứng tán thán Tôn giả Kondanna:

*Sau đức Phật hiện tại,
Trưởng lão được chánh giác,
Chính là Kondanna,
Nhiệt tâm và tinh cần,
Chứng được an lạc trú,
Sống viễn ly liên tục,
Thực hành lời Sư dạy.
Đệ tử chúng được gì,
Tất cả Ngài chứng được,
Nhờ tu học tinh tấn,
Đại uy lực Ba minh,
Thiện xảo tâm tư người.
Phật tử Kondanna,
Đảnh lễ chân Đạo Sư.*

253 Kumara Kassapa - Đệ nhất Thuyết giảng vì diệu - Kinh CÁC VỊ TỶ KHEO 3 - Tầng I, 51

CÁC VỊ TỶ KHEO 3 – *Tầng I*, 51

1. Trong các đệ tử Tỷ-kheo của Ta, ưa thích học tập, tôi thắng là **Ràhula**.
2. Trong các vị... xuất gia vì lòng tin, tôi thắng là **Ratthapàla**.
3. Trong các vị... đầu tiên nhận phiếu ăn cơm, tôi thắng là **Kunda Dhàna**.
4. Trong các vị... đầy đủ biện tài, tôi thắng là **Vangisa**.
5. Trong các vị... dễ mến toàn diện, tôi thắng là **Upasena Vangantaputta**.
6. Trong các vị... sửa soạn chỗ ngồi, chỗ nằm, tôi thắng là **Dabba Mallaputta**.
7. Trong các vị... được chư Thiên ái mộ, tôi thắng là **Pilindavaccha**.

8. Trong các vị... có thắng trí mau lẹ, tôi thắng là **Bàhiva Dàructriya**.
9. Trong các vị... thuyết giảng vi diệu, tôi thắng là **Kumara Kassapa**.
10. Trong các đệ tử Tỷ-kheo của Ta đạt được Vô ngại giải, này các Tỷ-kheo, tôi thắng là **Màhàkotthita**.

254 Kumarakassapa - Kinh GÒ MỐI - 23 Trung I, 323

KINH GÒ MỐI (Vammika sutta)

– Bài kinh số 23 – *Trung I*, 323

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi, tại Jetavana, vườn ông Anathapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Kumarakassapa trú tại Andhavana. Rồi một vị Thiên, đêm đã gần tàn, với hào quang rực rỡ chiếu sáng toàn thể Andhavana, đến chỗ Tôn giả Kumarakassapa ở, sau khi đến, bèn đứng một bên. Sau khi đứng một bên, vị Thiên ấy nói với Tôn giả Kumarakassapa:

- "Tỷ-kheo, Tỷ-kheo! Gò mối này ban đêm phun khói, ban ngày chiếu sáng. Một Bà-la-môn nói như sau: **"Này kẻ trí, hãy cầm gương và đào lên"**.

- Người có trí cầm gương đào lên, thấy một then cửa: "Thưa Tôn giả, một then cửa". Vị Bà-la-môn nói: "Này kẻ trí, hãy lấy then cửa lên, cầm

gươm đào thêm".

- Người có trí cầm gươm đào lên, thấy con nhái: "Thưa Tôn giả, một con nhái". Vị Bà-la-môn nói: "Này kẻ trí, hãy đem **con nhái** lên, cầm gươm đào thêm".
- Người có trí cầm gươm đào lên, thấy con đường hai ngã: "Thưa Tôn giả, một con đường hai ngã". Vị Bà-la-môn nói: "Này kẻ trí hãy lấy **con đường hai ngã** lên, cầm gươm đào thêm".
- Người có trí cầm gươm đào lên, thấy một đồ lọc sữa: "Thưa Tôn giả, một đồ lọc sữa". Vị Bà-la-môn nói: "Hãy lấy **đồ lọc sữa** lên, cầm gươm đào thêm".
- Người có trí cầm gươm đào lên, thấy một **con rùa**: "Thưa Tôn giả, một con rùa". Vị Bà-la-môn nói: "Này kẻ trí, hãy lấy con rùa lên, cầm gươm đào thêm".
- Người có trí cầm gươm đào lên, thấy một con dao phay: "Thưa Tôn giả, một con dao phay". Vị Bà-la-môn nói: "Này kẻ trí, hãy lấy **con dao phay** lên, cầm gươm đào thêm".
- Người có trí cầm gươm đào lên, thấy một miếng thịt: "Thưa Tôn giả một miếng thịt". Vị Bà-la-môn nói: "Này kẻ trí, hãy lấy **miếng thịt** lên, cầm gươm đào thêm".

- Người có trí cầm gương đào lên, thấy con rắn hổ: "Thưa Tôn giả, con rắn hổ". Vị Bà-la-môn nói: "Hãy để con rắn hổ yên, chớ đụng chạm con rắn hổ, hãy đánh lễ con rắn hổ".

Này Tỷ-kheo, hãy đến chỗ Thế Tôn ở và hỏi những câu hỏi ấy. Thế Tôn trả lời Tôn giả như thế nào, hãy như vậy thọ trì. Này Tỷ-kheo, Ta không thấy ai trên cõi đời, với chư Thiên, các Ma vương, với Phạm thiên, các chúng Sa-môn và Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người có thể hướng tâm để trả lời những câu hỏi ấy, trừ Như Lai, đệ tử Như Lai hay những ai đã được nghe hai vị này". Vị thiên ấy nói như vậy. Sau khi nói xong như vậy, vị ấy biến mất ở nơi đây.

Rồi Tôn giả Kumarakassapa, sau khi đêm ấy đã mãn, đến tại chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến xong, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Kumarakassapa bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, đêm nay, một vị Thiên, đêm đã gần tàn, với hào quang rực rỡ chiếu sáng toàn thể Andhavana, đến chỗ con ở, sau khi đến liền đứng một bên. Khi đứng một bên, vị Thiên ấy nói với con: "Tỷ-kheo, Tỷ-kheo! Gò mỗi này, ban đêm phun khói, ban ngày chiếu sáng. Một vị Bà-la-môn nói như

sau: "Này kẻ trí, hãy cầm gươm đào lên". Người có trí cầm gươm, đào lên thấy một then cửa... (như trên)... đệ tử Như Lai hay những ai đã được nghe hai vị này". Bạch Thế Tôn, vị Thiên ấy nói như vậy, nói xong liền biến mất tại chỗ ấy. Bạch Thế Tôn, gò mồi là gì, cái gì phun khói ban đêm, cái gì chiếu sáng ban ngày, ai là Bà-la-môn, ai là người có trí, cái gì là cây gươm, cái gì là đào lên, cái gì là then cửa, cái gì là con nhái, cái gì là con đường hai ngã, cái gì là đồ lọc sữa, cái gì là con rùa, cái gì là con dao phay, cái gì là miếng thịt, cái gì là con rắn hổ?

- Này Tỷ-kheo, **gò mồi** là đồng nghĩa với **cái thân do bốn đại thành**, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phần toái, đoạn tuyệt, hoại diệt.
- Này Tỷ-kheo, cái gì thuộc về công việc ban ngày, ban đêm suy tầm, suy nghĩ, như vậy là **ban đêm phun khói**.
- Này Tỷ-kheo, cái gì sau khi suy tầm, suy tư ban đêm, ban ngày đem ra thực hành, về thân, về lời nói, về ý, như vậy là **ban ngày chói sáng**.
- Này Tỷ-kheo, **Bà-la-môn** là đồng nghĩa với **Như Lai**, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.
- Này Tỷ-kheo, **người có trí** là đồng nghĩa với **Tỷ-kheo hữu học**.

- Nay Tỷ-kheo, **cái gươm** là đồng nghĩa với **trí tuệ** của bậc Thánh.
- Nay Tỷ-kheo, **đào lên** là đồng nghĩa với tinh tấn, **tinh cần**.
- Nay Tỷ-kheo, **cái then** cửa là đồng nghĩa với **vô minh**; đem then cửa lên là từ bỏ vô minh; này kẻ có trí, cầm gươm đào lên là ý nghĩa này.
- Nay Tỷ-kheo, **con nhái** là đồng nghĩa với **phần nộ hiềm hận**; đem con nhái lên là từ bỏ phần nộ hiềm hận; này kẻ có trí cầm gươm đào lên là ý nghĩa này.
- Nay Tỷ-kheo, **con đường hai ngã** là đồng nghĩa với **nghi hoặc**; đem con đường hai ngã lên là từ bỏ nghi hoặc; này kẻ có trí cầm gươm đào lên là ý nghĩa này.
- Nay Tỷ-kheo, **đồ lọc sữa** là đồng nghĩa với **năm triền cái**: dục tham triền cái, sân triền cái, hôn trầm thuy miên triền cái, trạo cử hối quá triền cái, nghi hoặc triền cái; đem bỏ đồ lọc sữa lên là từ bỏ năm triền cái; này kẻ có trí cầm gươm đào lên là ý nghĩa này.
- Nay Tỷ-kheo, **con rùa** là đồng nghĩa với **năm thủ uẩn**, tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn; đem con rùa lên là từ bỏ năm thủ uẩn; này kẻ có trí cầm

gươm đào lên là ý nghĩa này.

- Nay Tỷ-kheo, **con dao phay** là đồng nghĩa với **năm dục trưởng dưỡng**, tức là các sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... Các hương do mũi nhận thức... Các vị do lưỡi nhận thức... Các xúc do thân cảm xúc, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục hấp dẫn; lấy con dao phay lên là từ bỏ năm dục trưởng dưỡng; này kẻ có trí, cầm gươm đào lên là ý nghĩa này.
- Nay Tỷ-kheo, **miếng thịt** là đồng nghĩa với **hỷ tham**; lấy miếng thịt lên là từ bỏ hỷ tham; này kẻ có trí, cầm gươm đào lên là ý nghĩa này.
- Nay Tỷ-kheo, **con rắn hổ** là đồng nghĩa với **vị Tỷ-kheo đã diệt trừ các lậu hoặc**; hãy để con rắn hổ yên, chớ đụng chạm con rắn hổ, hãy đánh lễ con rắn hổ, là ý nghĩa này.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

255 Kunda Dhàna - Là vị đầu tiên nhận phiếu ăn cơm - Kinh CÁC VỊ TỶ KHEO 3 - Tăng I, 51

CÁC VỊ TỶ KHEO 3 – *Tăng I, 51*

11. Trong các đệ tử Tỷ-kheo của Ta, ưa thích học tập, tôi thắng là **Ràhula**.
12. Trong các vị... xuất gia vì lòng tin, tôi thắng là **Ratthapàla**.
13. Trong các vị... đầu tiên nhận phiếu ăn cơm, tôi thắng là **Kunda Dhàna**.
14. Trong các vị... đầy đủ biện tài, tôi thắng là **Vangisa**.
15. Trong các vị... dễ mến toàn diện, tôi thắng là **Upasena Vangantaputta**.
16. Trong các vị... sửa soạn chỗ ngồi, chỗ nằm, tôi thắng là **Dabba Mallaputta**.
17. Trong các vị... được chư Thiên ái mộ, tôi thắng là **Pilindavaccha**.

18. Trong các vị... có thắng trí mau lẹ, tối thắng là **Bàhiva Dàructriya**.
19. Trong các vị... thuyết giảng vi diệu, tối thắng là **Kumara Kassapa**.
20. Trong các đệ tử Tỷ-kheo của Ta đạt được Vô ngại giải, này các Tỷ-kheo, tối thắng là **Màhà-kotthita**.

256 Kàludàyì - Đệ nhất Làm các gia đình hoan hỷ - Kinh CÁC VỊ TỶ KHEO 4 - Tăng I, 52

CÁC VỊ TỶ KHEO 4 – *Tăng I, 52*

1. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta, được **nghe nhiều**, này các Tỷ-kheo, tối thắng là **Ànanda**.
2. Trong các vị... **đầy đủ ức niệm**, tối thắng là **Ànanda**.
3. Trong các vị... **đầy đủ cử chỉ tốt đẹp**, tối thắng là **Ànanda**.
4. Trong các vị... **đầy đủ sự kiên trì**, tối thắng là **Ànanda**.
1. 5. Trong các vị... **thị giả**, tối thắng là **Ànanda**.
5. Trong các vị... **có đại hội chúng**, tối thắng là **Uruvela Kassapa**.
6. Trong các vị... **làm cho các gia-đình hoan hỷ**, tối thắng là **Kàludàyì**.

7. Trong các vị... không có bệnh hoạn, tôi thắng là **Bakkula**.
8. Trong các vị... nhớ đến các đời sống quá khứ, tôi thắng là **Sobhita**.
9. Trong các vị... trì Luật, tôi thắng là **Upàli**.
10. Trong các vị... giáo giới Tỷ-kheo-ni, tôi thắng là **Nandaka**.
11. Trong các vị... hộ trì các căn môn,... tôi thắng là **Nanda**.
12. Trong các vị... thiện xảo về hỏa giới,... tôi thắng là **Sàgata**.
13. Trong các vị... giáo giới các Tỷ-kheo,... tôi thắng là **Màhakappina**.
14. Trong các vị... năng khởi biện tài,... tôi thắng là **Ràdha**.
15. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta mang thô y, này các Tỷ-kheo, tôi thắng là **Moghràjà**.

**257 Kàlì - Nữ cư sĩ tối thắng Có lòng tịnh
tín với lời nghe đồn - Kinh NỮ CƯ SĨ
- Tăng I, 56**

NỮ CƯ SĨ – Tăng I, 56

11. Trong các vị đệ tử nữ cư sĩ của Ta, này các Tỷ-kheo, người đi đến **quy y đầu tiên** là **Sujàtā Senànidhità**.
12. Trong các vị... **bồ thí**, tối thắng là **Visàkhā Migàramàtā**.
13. Trong các vị... **nghe nhiều**, tối thắng là **Khujjuttar**.
14. Trong các vị... **trú từ tâm**, tối thắng là **Sàmvàti**.
15. Trong các vị... **tu Thiền**, tối thắng là **Uttarā Nandamàtā**.
16. Trong các vị... **bồ thí các món ăn thượng vị**, tối thắng là **Suppavàsā Koliyadhita**.
17. Trong các vị... **săn sóc người bệnh**, tối thắng là nữ cư sĩ **Suppiyā**.

- 18.Trong các vị... có lòng tịnh tín bất động, tôi thắng là **Kàtiyàni**.
- 19.Trong các vị... nói chuyện một cách thân mật, tôi thắng là nữ gia chủ **Nakulamàtā**.
- 20.Trong các vị nữ cư sĩ đệ tử của Ta, này các Tỷ-kheo, có lòng tịnh tín đối với lời nghe đồn, tôi thắng là **Kālī**, nữ cư sĩ ở Kulagharikā.

**258 Kàtiyàni - Nữ cư sĩ đệ nhất Có lòng
tĩnh tín bất động - Kinh NỮ CƯ SĨ -
Tăng I, 56**

NỮ CƯ SĨ – Tăng I, 56

- 21.Trong các vị đệ tử nữ cư sĩ của Ta, này các Tỷ-kheo, người đi đến **quy y đầu tiên** là **Sujàtà Senànidhità**.
- 22.Trong các vị... **bồ thí**, tôi thắng là **Visàkhà Migàramàtà**.
- 23.Trong các vị... **nghe nhiều**, tôi thắng là **Khujjuttar**.
- 24.Trong các vị... **trú từ tâm**, tôi thắng là **Sàmàvati**.
- 25.Trong các vị... **tu Thiền**, tôi thắng là **Uttarà Nandamàtà**.
- 26.Trong các vị... **bồ thí các món ăn thượng vị**, tôi thắng là **Suppavàsà Koliyadhita**.
- 27.Trong các vị... **săn sóc người bệnh**, tôi thắng là nữ cư sĩ **Suppiyà**.

28. Trong các vị... có lòng tịnh tín bất động, tôi thắng là **Kàtiyàni**.
29. Trong các vị... nói chuyện một cách thân mật, tôi thắng là nữ gia chủ **Nakulamàtā**.
30. Trong các vị nữ cư sĩ đệ tử của Ta, này các Tỷ-kheo, có lòng tịnh tín đối với lời nghe đồn, tôi thắng là **Kālī**, nữ cư sĩ ở Kulagharikā.

259 Kinh Pháp - 8 Kinh Pháp - Kinh MAHÀPAJÀPATÌ GOTAMÌ – Tăng III, 649

MAHÀPAJÀPATÌ GOTAMÌ – *Tăng* III, 649

1. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, khu vườn Nigrodha. Rồi Mahàpajàpatì Gotamì đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Mahàpajàpatì Gotamì bạch Thế Tôn:

- Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

- Thôi vừa rồi, này Gotamì, chớ có ưa thích nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

2. Lần thứ hai, Mahàpajàpatì Gotamì bạch Thế Tôn:

- Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

- Thôi vừa rồi, này Gotamì, chớ có ưa thích nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

3. Lần thứ ba, Mahàpajàpatì Gotamì bạch Thế Tôn:

- Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

- Thôi vừa rồi, này Gotamì, chớ có ưa thích nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

Rồi Mahàpajàpatì Gotamì biết được: "Thế Tôn không chấp nhận cho nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng", liền khổ đau, sầu muộn, nước mắt đầy mặt, khóc than, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

4. Rồi Thế Tôn, sau khi ở Kapilavatthu cho đến khi vừa ý, rồi ra đi đến Vesàli, tiếp tục bộ hành rồi đến Vesàli.

Ở đấy, Thế Tôn ở Vesàli, tại Đại Lâm, ở ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Mahàpajàpatì Gotamì, với tóc cao sạch, đắp áo cà-sa, cùng với nhiều nữ nhân Sàkya ra

đi đến Vesàli, tiếp tục bồ hành và đến Vesàli, tại Đại Lâm, ở ngôi nhà có nóc nhọn.

Rồi Mahàpajàpatì Gotamì, với chân bị sưng, tay chân lấm bụi khổ đau, sầu muộn, nước mắt đầy mặt, khóc than, đứng ngoài cửa chính. Tôn giả Ànanda thấy Mahàpajàpatì Gotamì với chân bị sưng, tay chân lấm bụi khổ đau, sầu muộn, nước mắt đầy mặt, khóc than, đứng ngoài cửa chính, thấy vậy liền nói với Mahàpajàpatì Gotamì:

- Thưa Gotamì, vì sao lại đứng ở cửa với chân bị sưng, tay chân lấm bụi khổ đau, sầu muộn, nước mắt đầy mặt, khóc than như vậy?

- Thưa Tôn giả Ànanda, vì rằng Thế Tôn không chấp nhận cho nữ nhân xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết.

- Vậy thưa Gotamì, hãy đứng chờ ở đây, chờ cho đến khi tôi xin phép Thế Tôn để nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

5. Rồi Tôn giả Ànanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ànanda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, có Mahàpajàpatì Gotamì với chân bị sưng, tay chân lấm bụi khổ đau, sâu muộn, nước mắt đầy mặt, khóc than đứng ở ngoài cửa nói rằng: "Thế Tôn không chấp nhận cho nữ nhân xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng". Lành thay! Bạch Thế Tôn, nếu nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

- Thôi vừa rồi, này Ànanda, chớ có ưa thích nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

Lần thứ hai ... Lần thứ ba, Tôn giả Ànanda bạch Thế Tôn:

- Lành thay! Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn cho phép nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

- Thôi vừa rồi, này Ànanda, chớ có ưa thích nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

6. Rồi Tôn giả suy nghĩ như sau: "Thế Tôn không chấp nhận cho nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai

thuyết giảng. Vậy ta hay dùng phương pháp khác để xin Thế Tôn cho phép nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình ".

Rồi Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

- *Bạch Thế Tôn, không biết nữ nhân sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, có thể chứng được Dự lưu quả, Nhất lai quả, Bất lai quả hay A-la-hán quả không?*

- *Này Ānanda, sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, nữ nhân có thể chứng được Dự lưu quả, Nhất lai quả, Bất lai quả hay A-la-hán quả.*

- Bạch Thế Tôn, sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, nữ nhân có thể chứng được Dự lưu quả, Nhất lai quả, Bất lai quả hay A-la-hán quả. Lại nữa, bạch Thế Tôn, Mahàpajàpatì đã giúp đỡ Thế Tôn rất nhiều trong vai người dì, người vú, người kế mẫu, khi mẹ của Thế Tôn mệnh chung, lại cho Thế Tôn bú sữa. Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

7. - Nay Ànanda, nếu Mahàpajàpatì Gotamì chấp nhận **tám kính pháp**, thời Gotamì có thể được thọ cụ túc giới:

1. Dầu cho thọ đại giới một trăm năm, một Tỷ-kheo ni đối với một Tỷ-kheo mới thọ đại giới trong một ngày cũng phải đánh lễ, đứng dậy, chắp tay, xử sự đúng pháp. Pháp này sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.
2. Tỷ-kheo ni không có thể an cư mùa mưa tại chỗ không có Tỷ-kheo. Pháp này sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.
3. Nửa tháng một lần, Tỷ-kheo-ni cần phải thỉnh chúng Tỷ-kheo hỏi ngày trai giới và đến để thuyết giới. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.
4. Sau khi an cư mùa mưa xong, Tỷ-kheo-ni cần phải làm lễ Tư tứ trước hai Tăng chúng về ba vấn đề được thấy, được nghe và nghi. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.
5. Tỷ-kheo-ni phạm trong tội phải hành pháp pakkhamànattam (man-na-đoa) cho đến nửa tháng. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng,

đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.

6. Sau khi học tập sáu pháp trong hai năm, phải đến xin thọ cụ túc giới trước hai Tăng chúng. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.
7. Không vì duyên có gì, một Tỷ-kheo-ni có thể mắng nhiếc, chỉ trích một Tỷ-kheo. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.
8. Này Ànanda, bắt đầu từ hôm nay, có sự giáo giới phê bình giữa các Tỷ-kheo về Tỷ-kheo-ni, không có sự giáo giới phê bình giữa các Tỷ-kheo-ni về các Tỷ-kheo. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.

Này Ànanda, nếu Mahàpajàpatì Gotamì chấp nhận tám kính pháp này, thời cho phép Mahàpajàpatì Gotamì được thọ cụ túc giới.

8. Rồi Tôn giả Ànanda, sau khi học từ Thế Tôn tám trọng pháp này, rồi đi đến Mahàpajàpatì Gotamì, sau khi đến, nói với Mahàpajàpatì Gotamì:

- Nếu Mahàpajàpatì Gotamì chấp nhận tám kính pháp này, thời Gotamì sẽ được thọ cụ túc giới: "Dầu

cho thọ đại giới một trăm năm, một Tỷ-kheo-ni ... không có sự giáo giới phê bình giữa các Tỷ-kheo-ni về các Tỷ-kheo. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua". Nếu Gotamì chấp nhận tám trọng pháp này, thời Gotamì sẽ được thọ cụ túc giới.

- Thừa Tôn giả Ananda, ví như một người đàn bà hay một người đàn ông, còn đang tuổi trẻ, tánh ưa trang sức, sau khi gội đầu xong, sau khi được một vòng hoa sen xanh hay một vòng vũ quý hoa, hay một vòng thiên tư hoa (hay cự thắng hoa) dùng hai tay cầm lấy vòng hoa ấy và đặt lên đỉnh đầu. Cũng vậy, thừa Tôn giả, tôi xin chấp nhận tám kính pháp này, cho đến trọn đời không có vượt qua.

9. Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Mahàpajàpatì Gotamì đã chấp nhận tám kính pháp này, cho đến trọn đời không có vượt qua.

- Nay Ananda, nếu nữ nhân không được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, thời này Ananda, Phạm

hạnh được an trú lâu dài, và điều pháp được tồn tại đến một ngàn năm.

Vì rằng, này Ànanda, nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, nay này Ànanda, Phạm hạnh sẽ không được an trú lâu dài, thời này Ànanda, điều pháp được tồn tại năm trăm năm.

Ví như, này Ànanda, những gia đình có nhiều phụ nữ, ít đàn ông, thời những gia đình ấy rất dễ bị các đạo tặc, trộm cắp nào hại. Cũng vậy, này Ànanda, nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, nên Phạm hạnh sẽ không được an trú lâu dài.

Ví như, này Ànanda, khi nào một chứng bệnh được tên là "trắng như xương" rơi vào một ruộng lúa đã chín, thời ruộng lúa ấy không có an trú lâu dài. Cũng vậy, này Ànanda, khi nào nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, thời Phạm hạnh này không có an trú lâu dài.

Ví như, này Ànanda, khi nào một chứng bệnh được tên là "đỏ sét" rơi vào một ruộng mía đã chín, thời ruộng mía ấy không có an trú lâu dài. Cũng vậy, này Ànanda, khi nào nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia

đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, thời Phạm hạnh này không được an trú lâu dài.

Ví như, này Ānanda, một người vì nghĩ đến tương lai, xây dựng bờ đê cho một hồ nước lớn để nước không thể chảy qua. Cũng vậy, này Ānanda, vì nghĩ đến tương lai, Ta mới ban hành tám kính pháp này, cho các Tỷ-kheo-ni cho đến trọn đời không vượt qua.

260 Ký tâm - 4 loại ký tâm - Kinh TỰ HOAN HỖ – 28 Trường II, 415

KINH TỰ HOAN HỖ
– Bài kinh số 28 – Trường II, 415

Như vậy tôi nghe.

1. Một thời, Thế Tôn ở tại Nàlandà, trong rừng Pàvārikambavana. Lúc bấy giờ, tôn giả Sàriputta đến tại chỗ Thế Tôn ở, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Khi ngồi xuống một bên, tôn giả Sàriputta bạch Thế Tôn!

- Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại, không thể có một vị Samôn, một vị Bàlamôn khác nào có thể vĩ đại hơn Thế Tôn, sáng suốt hơn Thế Tôn, về phương diện **giác ngộ**.

- **Này Sàriputta, lời nói của Ngươi thật là đại ngôn, thật là gan dạ, Ngươi thật là rống tiếng rống con sư tử khi Ngươi nói:** "Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại, không thể có một vị Samôn, một vị Bàlamôn nào có thể vĩ đại hơn Thế

Tôn, sáng suốt hơn Thế Tôn, về phương diện giác ngộ"

Này Sàriputta, có phải Ngươi đã được biết, trong **quá khứ**, các vị Alahán, Chánh Đẳng Giác, với tâm của Ngươi biết được tâm của tất cả các vị Thế Tôn - **giới đức** chư vị Thế Tôn là như vậy, **Pháp** là như vậy... **trí tuệ** là như vậy... **an trú** là như vậy... **giải thoát** chư vị Thế Tôn là như vậy?

- Bạch Thế Tôn, **không**!

- Này Sàriputta, có phải Ngươi đã được biết, trong **tương lai**, các vị Alahán, Chánh Đẳng Giác, với tâm của Ngươi biết được tâm của tất cả các vị Thế Tôn - **giới đức** chư vị Thế Tôn là như vậy, **Pháp** là như vậy... **trí tuệ** là như vậy... **an trú** là như vậy... **giải thoát** chư vị Thế Tôn là như vậy?

- Bạch Thế Tôn, **không**!

- Này Sàriputta, có phải Ngươi đã được biết, trong **hiện tại Ta** là vị Alahán, Chánh Đẳng Giác, với tâm của Ngươi biết được tâm của Thế Tôn - **giới đức** Thế Tôn là như vậy, **Pháp** là như vậy... **an trú** là như vậy... **giải thoát** Thế Tôn là như vậy?

- Bạch Thế Tôn, **không**!

- Nay Sàriputta, hãy xem! Người không có trí tuệ biết được tâm tư của chư vị Alahán, Chánh Đẳng Giác ở quá khứ, ở hiện tại và ở tương lai! **Vậy sao**, này Sàriputta, lời nói của Người tuyên bố thật là đại ngôn, thật là gan dạ, Người thật đã rống tiếng rống con sư tử khi Người nói: "Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại, không thể có một vị Samôn, vị Bàlamôn khác nào có thể vĩ đại hơn Thế Tôn, sáng suốt hơn Thế Tôn, về phương diện giác ngộ."

2. *Bạch Thế Tôn, con không có trí tuệ để được biết tâm tư của chư vị Alahán, Chánh Đẳng Giác trong quá khứ, hiện tại và vị lai. **Bạch Thế Tôn, nhưng con biết truyền thống về Chánh pháp.***

Bạch Thế Tôn, như vị vua có một thành trì ở biên cảnh, có hào lũy kiên cố, có thành quách tháp canh kiên cố và chỉ có một cửa thành ra vào. Cửa thành có vị giữ cửa thông minh, biệt tài và giàu kinh nghiệm, ngăn chặn những người lạ, chỉ cho vào những ai quen biết. Người này, trong khi đi tuần tiểu xung quanh thành, có thể không thấy hết các chấp nối và khe hở của tường, nhỏ cho đến một con mèo thể đi qua được. Nhưng người ấy chỉ cần biết rằng các sinh vật to lớn hơn muốn đi vào hay đi ra thành

này, tất cả đều phải đi vào hay đi ra cửa này.

Bạch Thế Tôn, cũng vậy con biết truyền thống về Chánh pháp.

- *Tất cả những vị Alahán, Chánh Đẳng Giác trong thời quá khứ, tất cả những bậc Thế Tôn này đã diệt trừ Năm Triền cái, những nhiễm tâm khiến trí tuệ yểu ớt, đã khéo an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, đã như thật tu hạnh Bảy Giác chi, đã chứng ngộ Vô thượng Chánh Đẳng Giác.*
- *Tất cả những vị Alahán, Chánh Đẳng Giác trong thời vị lai, tất cả những bậc Thế Tôn này sẽ diệt trừ Năm Triền cái, những nhiễm tâm khiến trí tuệ yếu ớt, sẽ khéo an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, sẽ như thật tu hạnh Bảy Giác chi và sẽ chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Giác.*
- *Bạch Thế Tôn, và nay Thế Tôn, bậc Alahán, Chánh Đẳng Giác đã diệt trừ Năm Triền cái, những nhiễm tâm khiến trí tuệ yếu ớt, đã khéo an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, đã như thật tu hạnh Bảy Giác chi, đã chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Giác.*

Và nay, ở đây, con một thời yết kiến Thế Tôn để nghe pháp. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuyết pháp cho con, mỗi pháp lại cao thượng, thâm thúy hơn pháp trước, **hắc pháp và bạch pháp** đều được đề cập, đối chiếu.

Bạch Thế Tôn, nờ Thế Tôn Thuyết pháp cho con, mỗi pháp lại cao thượng, thâm thúy hơn pháp trước, hắc pháp và bạch pháp đều được đề cập, đối chiếu như vậy, nên trong sự thâm hiểu Chánh pháp, một pháp được con thâm hiểu trọn vẹn, đó là lòng tin của con vào vị Bốn Sư - Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng và chúng Tăng đã khéo hành trì.

3. Bạch Thế Tôn, lại nữa, điểm này thật là vô thượng:
Thế Tôn thuyết pháp về các Thiện pháp.

Ở đây những **thiện pháp** là:

- **Bốn Niệm xứ,**
- **Bốn Chánh cần,**
- **Bốn Như ý túc,**
- **Năm Căn,**
- **Năm Lực,**
- **Bảy Giác chi,**

- ***Thánh đạo tám ngành.***

Bạch Thế Tôn, ở đây vị Tỷ kheo tận diệt các lậu hoặc, có thể tự mình chứng tri và chứng ngộ, đạt đến và an trú ngay trong hiện tại, Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát vô lậu này.

Bạch Thế Tôn, thật là vô thượng đối với các thiện pháp.

Tất cả điểm này, Thế Tôn đã biết và ngoài sự hiểu biết của Ngài, không có gì còn lại để hiểu biết hơn nữa. Không có một ai, một Samôn hay một Bàlamôn nào khác có thể chứng biết hơn Thế Tôn về vấn đề các thiện pháp.

4. Bạch Thế Tôn, lại nữa, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về sự trình bày các Nhập xứ.**

Bạch Thế Tôn, **sáu nội xứ và ngoại xứ**, tức là:

- Mắt và sắc,
- Tai và tiếng,
- Mũi và hương,
- Lưỡi và vị,
- Thân và xúc,

- Ý và pháp.

Bạch Thế Tôn, thật là vô thương về sự trình bày các Nhập xứ.

Tất cả điểm này, Thế Tôn đã biết và ngoài sự hiểu biết của Ngài, không có gì còn lại để hiểu biết hơn nữa. Không có một ai, một Samôn hay một Bàlamôn nào khác có thể chứng biết hơn Thế Tôn về vấn đề trình bày các Nhập xứ.

5. Bạch Thế Tôn, lại nữa, điểm này thật là vô thương:
Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Nhập thai.

Bạch Thế Tôn, có ***bốn loại nhập thai***:

- Bạch Thế Tôn, ở đây, có loại không biết mình nhập bụng người mẹ, không biết mình trú trong bụng người mẹ và không biết mình ra khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai thứ *nhất*.
- Lại nữa bạch Thế Tôn, có loại biết mình nhập bụng người mẹ, nhưng không biết mình an trú trong bụng người mẹ và không biết mình ra khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai như *hai*.
- Lại nữa bạch Thế Tôn, có loại biết mình nhập bụng người mẹ, biết mình an trú trong bụng

người mẹ, và không biết mình ra khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai thứ *ba*.

- Lại nữa Bạch Thế Tôn, có loại biết mình nhập bụng người mẹ, biết mình an trú trong bụng người mẹ và biết mình ra khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai thứ *tư*.

Đây là bốn loại nhập thai. Bạch Thế Tôn, thật là vô thường về vấn đề nhập thai.

6. Bạch Thế Tôn, lại nữa, **điểm này thật là vô thường:**
Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề sai khác trong sự Ký tâm.

Bạch Thế Tôn có ***bốn loại ký tâm*** sai khác như thế này.

- Bạch Thế Tôn, có hạng **tự tỏ lộ bằng hình tướng**: "Ý của Ngươi là như thế này, ý của Ngươi là như vậy, tâm của Ngươi là như thế này. Nếu có tỏ lộ nhiều đi nữa, thì sự tỏ lộ là như vậy, không phải gì khác." Như vậy là loại ký tâm thứ *nhất*.
- Lại nữa bạch Thế Tôn, ở đây có loại không tự tỏ lộ bằng hình tướng, nhưng **tỏ lộ sau khi nghe tiếng phát ra bởi người, phi nhân, hay chư Thiên**: "Ý của Ngươi là như thế này, ý của

Người là như vậy, tâm của Người là như thế này. Nếu có tỏ lộ nhiều đi nữa, thì sự tỏ lộ là như vậy, không phải gì khác." Như vậy là loại ký tâm thứ *hai*.

- Lại nữa bạch Thế Tôn, ở đây có loại không tự tỏ lộ bằng hình tướng, cũng không tự tỏ lộ sau khi nghe tiếng phát ra bởi Người, phi nhân hay chư Thiên, mà **tự tỏ lộ sau khi nghe tiếng rõ ràng và hợp lý, phát ra từ sự suy tầm, tư duy:** "Ý của Người là như thế này, ý của Người là như vậy, tâm của Người là như thế này. Nếu có tỏ lộ nhiều đi nữa, thì sự tỏ lộ là như vậy, không phải gì khác." Như vậy là loại ký tâm thứ *ba*.
- Lại nữa bạch Thế Tôn, ở đây có loại không tự tỏ lộ bằng hình tướng, cũng không tự tỏ lộ sau khi nghe tiếng phát ra bởi người, phi nhân, hay chư Thiên, cũng không tự tỏ lộ, sau khi nghe tiếng rõ ràng và hợp lý, phát ra từ sự suy tầm và tư duy, **nhưng khi chúng được định, không tầm, không tứ, có thể biết được tâm người khác với tâm của mình:** "**Tùy ước nguyện hợp ý hành của Tôn giả này, vị này sẽ hướng tâm đến tâm này.** Nếu có tỏ lộ nhiều đi nữa, thì sự tỏ lộ là như vậy, không phải gì khác". Như vậy là loại ký tâm thứ *tư*.

Bạch Thế Tôn, thật là vô thượng về vấn đề ký tâm sai khác.

7. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Kiến định** (dassanasamāpatti).

Bạch Thế Tôn, có ***bốn loại kiến định*** như thế này:

- Ở đây bạch Thế Tôn, có vị Samôn hay Bàlamôn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Với tâm nhập định như vậy, vị ấy quan sát thân này, dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đỉnh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt: Trong thân này, đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, thận, tử, tim gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, phân, mật, đàm (niêm dịch), mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu. Như vậy là kiến định thứ *nhất*.
- Lại nữa bạch Thế Tôn, ở đây có vị Samôn hay Bàlamôn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Với tâm nhập định như vậy,

vị ấy quán sát thân này, dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đỉnh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt: Trong thân này, đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, thận, tủy, tim, gan, hành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, phân, mật, đàm (niêm dịch), mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mủ, nước ở khớp xương, nước tiểu. Hơn nữa, vị ấy quán sát bộ xương của người ấy còn liên kết với nhau, còn dính thịt, máu và da. Như vậy là kiến định thứ hai.

- Lại nữa bạch Thế Tôn,... vị ấy vượt qua sự quán sát bộ xương của người ấy còn liên kết với nhau, còn dính thịt, máu và da, quán sát giòng tâm thức của người ấy, không gián đoạn, như là an trú cả đời này và an trú cả đời sau. Như vậy là kiến định thứ ba.
- Lại nữa, bạch Thế Tôn,... Hơn nữa, vị ấy vượt qua sự quán sát bộ xương của người ấy còn liên kết với nhau, còn dính thịt, máu và da, quán sát giòng tâm thức của người ấy, không gián đoạn, như là không an trú cả đời này và cả đời sau. Như vậy là kiến định thứ tư.

Bạch Thế Tôn, thật là vô thượng về vấn đề kiến định.

8. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Phân loại các loại Người.**

Bạch Thế Tôn, có **bảy loại Người** như thế này:

- Câu giải thoát,
- Tuệ giải thoát,
- Thân chứng,
- Kiến chí,
- Tín thắng giải,
- Tùy pháp hành,
- Tùy tín hành.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề phân loại loài Người.

9. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Tinh cần.**

Bạch Thế Tôn có **Bảy Giác chi** như thế này:

- Niệm Giác chi,
- Trạch pháp Giác chi,
- Tinh tấn Giác chi,

- Hỷ Giác chi,
- Khinh an Giác chi,
- Định Giác chi,
- Xả Giác chi.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tôi thượng về vấn đề tinh cần.

10. Lại nữa, bạch Thế Tôn, điểm này thật là vô thượng: **Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Tiến bộ trong sự tu hành** (Patipàda = đạo hành). Bạch Thế Tôn, có **bốn loại đạo hành** như thế này -

- Hành trì khổ chứng ngộ chậm,
- Hành trì khổ chứng ngộ mau,
- Hành trì lạc chứng ngộ chậm,
- Hành trì lạc chứng ngộ mau.

Bạch Thế Tôn, ở đây, thế này là hành trì khổ chứng ngộ chậm: Bạch Thế Tôn, sự hành trì cả hai phương diện đều được xem là hạ liệt, vừa khổ vừa chậm.

Bạch Thế Tôn, ở đây, thế này là hành trì khổ, chứng ngộ mau: Bạch Thế Tôn, sự hành trì này vì khổ nên được gọi là hạ liệt.

Bạch Thế Tôn, ở đây, thế này là hành trì lạc, chúng ngộ chậm: Bạch Thế Tôn, sự hành trì này vì chậm nên được gọi là hạ liệt.

Bạch Thế Tôn, ở đây, thế này là hành trì lạc chúng ngộ mau: Bạch Thế Tôn, sự hành trì này cả hai phương diện đều được xem là cao thượng, vừa lạc vừa mau.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề đạo hành (tiến bộ trên đường tu hành).

11. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Chánh hạnh trong ngôn ngữ.**

Bạch Thế Tôn, ở đây, một người không những không nói những lời liên hệ đến nói láo, mà cũng phải, trong khi tìm cách thắng cuộc, không dùng lời vu khống, lời ác khẩu và lời ly gián, trái lại nói lời từ hòa, sáng suốt, đáng được giữ gìn, và nói đúng thời.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về chánh hạnh trong ngôn ngữ.

12. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Giới hạnh của con người.**

Bạch Thế Tôn, ở đây, có người chân thật, thành tín, không dối trá, không lừa gạt, không gợi ý, không chiêm tướng, không lấy lợi câu lợi, hộ trì các căn, ăn uống tiết độ, hành động ôn hòa, luôn luôn cảnh giác, không chán nản, tinh cần, trầm tư, chánh niệm, ngôn từ lành lợi, hành vi gan dạ, chịu đựng, biết điều, không tham dục, tỉnh giác cẩn trọng.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề giới hạnh của con người.

13. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về Sự sai biệt trong sự giảng dạy.**

Bạch Thế Tôn, có **bốn loại giảng dạy.**

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự Chánh tư duy, biết người khác: Người này theo sự giảng dạy, hành trì như thế này, sẽ diệt trừ ba kiết sử, sẽ chứng **Dự lưu**, không còn bị đọa lạc, chắc chắn sẽ được giác ngộ.
- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy, biết người khác: Người này theo sự giảng dạy, hành trì như thế này, sẽ diệt trừ ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si, sẽ chứng **Nhất lai**, phải sanh đời này một lần nữa trước khi diệt tận

khô đau.

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy biết người khác: Người này theo sự giảng dạy, hành trì như thế này, sẽ **diệt trừ năm hạ phần kiết sử**, sẽ được hóa sanh và ở tại cảnh giới ấy nhập Niết bàn, không còn về lại đời này.
- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy biết người khác: Người này theo sự giảng dạy hành trì như thế này, sẽ **diệt trừ các lậu hoặc**, tự mình giác tri, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại, vô lậu Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề sai biệt trong sự giảng dạy.

14. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về Giải thoát trí của người khác.**

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự Chánh tư duy biết người khác: Người này diệt trừ ba kiết sử, sẽ chứng quả **Dự lưu**, không còn bị đọa lạc, nhất định sẽ được giác ngộ.
- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy biết được người khác: Người này sẽ diệt trừ ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si, sẽ

chúng quả **Nhất lai**, phải sanh đời này một lần nữa, sẽ diệt tận khổ đau.

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy biết được người khác: Người này **diệt trừ năm hạ phần kiết sử**, sẽ được hóa sanh, tự chỗ ấy nhập Niết bàn, không còn phải trở lại đời này.
- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy biết được người khác: Người này, **diệt trừ các lậu hoặc**, tự tri tự chứng, đạt đạo và an trú ngay trong đời hiện tại vô lậu Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tôi thượng về vấn đề giải thoát trí của người khác.

15. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Thường trú luận.**

Bạch Thế Tôn, có **ba loại Thường trú luận** như thế này.

- Bạch Thế Tôn ở đây có vị Sa môn hay Bà la môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định; khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như một đời, hai

đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, trăm đời, ngàn đời, trăm ngàn đời, vô số trăm đời, vô số ngàn đời, vô số trăm ngàn đời, nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi được sanh đến chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, tuổi thọ như thế này." Như vậy vị ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Vị ấy nói rằng: *"Trong thời quá khứ, tôi biết được thế giới là trong hoại kiếp hay thành hoại kiếp. Nhưng trong tương lai tôi không được biết thế giới là trong hoại kiếp hay thành kiếp. Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vĩnh chắc như đỉnh núi, như trụ đá. Còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển, luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú."* Đó là Thường trú luận thứ nhất.

- Lại nữa, bạch Thế Tôn, ở đây, có vị Sa môn hay Bà la môn nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như một thành kiếp hoại kiếp, hai thành kiếp hoại kiếp, ba thành kiếp hoại kiếp, bốn thành kiếp hoại

kiếp, năm thành kiếp hoại kiếp, mười thành kiếp hoại kiếp, nhớ rằng: *"Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại sanh tại chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ kia chết đi, tôi được sanh tại chỗ này."* Như vậy vị ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Vị ấy nói: *"Trong thời quá khứ, tôi biết được thế giới là trong hoại kiếp hay thành kiếp. Trong tương lai, tôi biết được thế giới sẽ là trong hoại kiếp hay thành kiếp. Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vĩnh chắc như đỉnh núi, như trụ đá, còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú."* Đó là Thường trú luận thứ hai.

- Lại nữa, bạch Thế Tôn, ở đây, vị Sa môn hay Bà la môn, nhờ nhất tâm... nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như mười thành kiếp hoại kiếp, hai mươi thành kiếp hoại kiếp, ba mươi thành kiếp hoại kiếp, bốn mươi thành kiếp hoại kiếp,

nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại được sanh tại chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này." Như vậy vị ấy nhớ nhiều đời quá khứ, với những đặc điểm và những chi tiết. Vị ấy nói: *"Trong thời quá khứ, tôi biết được thế giới là trong hoại kiếp hay thành kiếp. Trong tương lai, tôi biết được thế giới là trong hoại kiếp hay trong thành kiếp. Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vĩnh chắc như đỉnh núi, như trụ đá, còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sống lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú."* Đó là Thường trú luận thứ ba.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tôi thượng về vấn đề Thường trú luận.

16. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Túc mạng trí.** Bạch Thế Tôn, ở đây có vị Samôn hay Bàlamôn, nhờ nhất tâm... nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ như một

đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại kiếp thành kiếp. Nhớ rằng: *"Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại được sanh tại chỗ kia. Tại chỗ kia tôi đã sống với tâm như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại được sanh tại chỗ kia. Tại chỗ kia tôi đã sống với tâm như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này."* Như vậy, vị ấy nhớ nhiều đời quá khứ, với những đặc điểm và những chi tiết. Bạch Thế Tôn, có những chư Thiên, mà tuổi thọ không thể đếm được hay không thể tính được. Nhưng dưới bất cứ ngã thể nào được có trong quá khứ, hoặc có sắc hay không sắc, hoặc có tướng hay không tướng, hoặc phi tướng phi phi tướng, chúng nhớ đến đời quá khứ với các đặc điểm và chi tiết như vậy. Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề Túc mạng trí.

17. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô**

thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Sanh tử trí của các loài hữu tình. Ở đây, bạch Thế Tôn, có vị Sa môn hay Bà la môn, nhờ nhất tâm... nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ: "Này các Hiền giả, những chúng sanh làm những ác hạnh về thân, ngữ và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, ngữ và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo Chánh kiến, tạo các nghiệp theo Chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi Trời, trên đời này". Như vậy, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề Sanh tử trí của các loại hữu tình.

18. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Thần túc**

thông.

Bạch Thế Tôn, có **hai loại thần thông** như thế này.

- Bạch Thế Tôn, có loại thần thông hữu lậu, hữu dư y, được gọi là "không phải Thánh".
- Bạch Thế Tôn, có loại thần thông vô lậu, vô dư y, được gọi là "bậc Thánh".

*Bạch Thế Tôn, thế nào là loại **thần thông hữu lậu**, hữu dư y, được gọi là "không phải Thánh"?*

- Ở đây, bạch Thế Tôn, có vị Sa môn hay Bà la môn, nhờ nhất tâm, nhờ cần mẫn, nhờ bất phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy chứng được nhiều loại Thần túc thông sai khác. Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân. Hiện hình biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ trời lên ngang qua đất liền, như ở trong nước; đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngồi kiết già đi trên hư không như con chim, với bàn tay chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên. Bạch Thế Tôn, như vậy là thần thông hữu lậu, hữu dư y, được

gọi là "không phải Thánh ".

*Bạch Thế Tôn, thế nào là **thần thông vô lậu**, vô dư y, được gọi là "bậc Thánh?"*

- Ở đây, bạch Thế Tôn vị Tỷ kheo, nếu vị ấy muốn: "Đối với sự vật đối nghịch, ta sẽ an trú với tướng không đối nghịch", và ở đây vị ấy an trú với tướng không đối nghịch.
- Nếu vị ấy muốn: "Đối với sự vật không đối nghịch, ta sẽ an trú với tướng đối nghịch", và ở đây vị ấy an trú với tướng đối nghịch.
- Nếu vị ấy muốn: "Đối với sự vật đối nghịch và không đối nghịch, ta sẽ an trú với tướng không đối nghịch", và ở đây vị ấy an trú với tướng không đối nghịch.
- Nếu vị ấy muốn: "Đối với sự vật không đối nghịch và đối nghịch, ta sẽ an trú với tướng đối nghịch", và ở đây vị ấy an trú với tướng đối nghịch.
- Nếu vị ấy muốn: "Loại bỏ cả hai đối nghịch và không đối nghịch, ta sẽ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác", và ở đây vị ấy trú xả, chánh niệm, tỉnh giác.

Bạch Thế Tôn, như vậy là thần thông vô lậu, vô dư

y, và được gọi là "bậc Thánh".

Bậc Thế Tôn, như vậy là vô thượng về các loại Thần túc thông.

Tất cả điểm này, Thế Tôn đã biết, và ngoài sự hiểu biết của Ngài, không có gì còn lại để hiểu biết hơn nữa. Không có một ai, một Samôn hay Bàlamôn nào khác, có thể chứng biết hơn Thế Tôn về vấn đề các loại Thần túc thông.

19. Bậc Thế Tôn, những gì có thể đạt được bởi một thiện nam tử có lòng tin, có tinh tấn, có kiên trì bởi sự kiên trì của con người, bởi sự tinh tấn của con người, bởi sự tiến bộ của con người, bởi sự nhẫn nhục của con người, đều được Thế Tôn chứng đạt.

- Bậc Thế Tôn, Thế Tôn không có đam mê các dục lạc, dục lạc này là dục tiền, dục hạ, thuộc phạm phu, không xứng bậc Thánh, không có lợi ích.
- Thế Tôn cũng không đam mê tu hành khổ hạnh, khổ hạnh này là khổ, không xứng bậc Thánh, không có lợi ích.

► Thế Tôn có thể đạt được nếu Ngài muốn, một cách dễ dàng, một cách đầy đủ, sự hạnh phúc ngay

trong hiện tại, do *bốn Thiền định* đem lại.

- Bạch Thế Tôn, nếu có ai hỏi con: "*Này Hiền giả Sàriputta, trong thời quá khứ, có vị Samôn hay Bàlamôn nào còn lớn hơn, còn sáng suốt hơn Thế Tôn về vấn đề giác ngộ?*" Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy, con trả lời không.
- Bạch Thế Tôn, nếu có ai hỏi con: "*Này Hiền giả Sàriputta, trong thời vị lai, có vị Samôn hay Bàlamôn nào còn lớn hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về vấn đề giác ngộ?*" Bạch Thế Tôn, được hỏi như vậy con trả lời không.
- Bạch Thế Tôn, nếu có ai hỏi con: "*Này Hiền giả Sàriputta, trong thời quá khứ, có vị Samôn hay Bàlamôn nào có thể bằng Thế Tôn về vấn đề giác ngộ?*" Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy con trả lời có.
- Bạch Thế Tôn, nếu có ai hỏi con: "*Này Hiền giả Sàriputta, trong thời vị lai, có vị Samôn hay Bàlamôn nào có thể bằng Thế Tôn về vấn đề giác ngộ?*" Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy con trả lời có.
- "*Này Hiền giả Sàriputta, trong thời hiện tại, có*

vị Samôn hay Bàlamôn nào có thể bằng Thế Tôn về vấn đề giác ngộ?" Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy con trả lời **không**.

➡ Bạch Thế Tôn, nếu có ai hỏi con: "Vì sao, Tôn giả Sàriputta một mặt thì xác nhận là có, một mặt xác nhận là không có?" Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy con sẽ trả lời:

- "Này Hiền giả, trước mặt Thế Tôn, tôi có nghe nói, từ nơi Ngài tôi có ghi nhận: "Trong thời quá khứ, có vị Alahán, Chánh Đẳng Giác bằng Ta về phương diện giác ngộ."
- Này Hiền giả trước mặt Thế Tôn tôi có nghe nói, từ nơi Ngài tôi có ghi nhận: "Trong thời vị lai, có các vị Alahán, Chánh Đẳng Giác bằng Ta về phương diện giác ngộ."
- Này Hiền giả, trước mặt Thế Tôn tôi có nghe nói từ nơi Ngài tôi có ghi nhận: "**Không** có trường hợp, không có sự kiện trong một thế giới, **hai vị** Alahán, Chánh Đẳng Giác cùng xuất hiện ở đời, không trước, không sau. Sự kiện như vậy **không** thể xảy ra".

Bạch Thế Tôn, có phải khi được hỏi và trả lời như

vậy, con đã nói lên đúng ý với Thế Tôn, không có sai lạc, không có hiểu lầm Thế Tôn? Có phải con đã trả lời thuận pháp, đúng pháp? Có phải không một đối phương hợp pháp nào có thể tìm ra lý do để chỉ trích phê bình?

- Nay Sàriputta, được hỏi và trả lời như vậy, Người đã nói lên đúng ý với Ta, không có sai lạc, không có hiểu lầm Ta. Người đã trả lời thuận pháp và đúng pháp. Không một đối phương hợp pháp nào có thể tìm ra lý do để chỉ trích, phê bình.

20. Được nghe nói vậy, Tôn giả Udàyi bạch Thế Tôn:

- Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn! Như Lai thiếu dục như vậy, tri túc như vậy, nghiêm túc như vậy; **trong khi Như Lai có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy, mà không tự mình tỏ lộ**. Bạch Thế Tôn, nếu có một du sĩ ngoại đạo nào, tự thấy mình chứng được đầu chỉ có một pháp, họ đã dương cò (giống trống) lên rồi.

Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn! Như Lai thiếu dục như vậy, tri túc như vậy, nghiêm túc như vậy; trong khi Như Lai có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy, mà không tự mình tỏ lộ.

- Hãy ghi nhận, này Udàyi! Như Lai thiếu dục như vậy, tri túc như vậy, nghiêm túc như vậy; trong khi Như Lai có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy, mà không tự mình tỏ lộ. Này Udàyi, nếu có một du sĩ ngoại đạo nào, tự thấy mình dầu chỉ có một pháp như vậy, họ đã dương cờ (giống trống) lên rồi. Này Udàyi hãy ghi nhận! Như Lai thiếu dục như vậy, tri túc như vậy, nghiêm túc như vậy; trong khi Như Lai có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy, mà không tự mình tỏ lộ.

21. Rồi Thế Tôn bảo tôn giả Sàriputta:

*- Vậy Sàriputta, Người phải luôn luôn thuyết pháp **phân biệt** này cho các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, các Nam cư sĩ và các Nữ cư sĩ. Này Sàriputta, nếu có những kẻ ngu nào còn nghi ngờ hay ngần ngại đối với Như Lai, nếu họ được nghe **pháp phân biệt** này, nghi ngờ hay ngần ngại của họ đối với Như Lai sẽ được diệt trừ.*

Như vậy, tôn giả Sàriputta nói lên lòng hoan hỷ của mình đối với Thế Tôn. Do vậy, danh từ "**Sam pasàdaniyam, Tự hoan hỷ**" được dùng cho câu trả lời này.

261 Kê ngu và người trí - Kinh HY CẦU – Tăng I, 163

HY CẦU – Tăng I, 163

1.- **Tỷ-kheo** có tín tâm, này các Tỷ-kheo, nếu hy cầu một cách chơn chánh, sẽ hy cầu như sau:

"Mong rằng ta sẽ như Sàriputta và Moggallàna". Đây là **cán cân**, này các Tỷ-kheo, đây là đồ đo lường đối với các đệ tử Tỷ-kheo của Ta, tức là Sàriputta và Moggallàna.

2. **Tỷ-kheo-ni** có tín tâm, này các Tỷ-kheo, nếu hy cầu một cách chơn chánh, sẽ hy cầu như sau:

"Mong rằng ta sẽ như Tỷ-kheo-ni Khemà và Uppalavannà". Đây là **cán cân**, này các Tỷ-kheo, đây là đồ đo lường đối với các đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta, tức là Tỷ-kheo-ni Khemà và Uppalavannà.

3. **Cư sĩ** có tín tâm, này các Tỷ-kheo, nếu hy cầu một cách chơn chánh, sẽ hy cầu như sau:

"Mong rằng ta sẽ như gia chủ Citta và Hatthaka ở Àlavì". Đây là **cán cân**, này các Tỷ-kheo, đây là đồ đo lường đối với các đệ tử cư sĩ của Ta, tức là gia chủ Citta và Hatthaka ở Àlavì.

4. **Nữ cư sĩ** có tín tâm, này các Tỷ-kheo, nếu hy cầu một cách chơn chánh, sẽ hy cầu như sau:

"Mong rằng ta sẽ như nữ cư sĩ **Khujjuttarà** và **Velukantakiyà**, mẹ của Nanda". Đây là cán cân, này các Tỷ-kheo, đây là đồ đo lường đối với các đệ tử nữ cư sĩ của Ta, tức là nữ cư sĩ Khujjuttarà và Velukantakiyà, mẹ của Nanda.

5. Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo, **kẻ ngu**, vụng về, không phải bậc Chân nhân, tự mình xử sự như một vật mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị kẻ trí quả trách và tạo nên nhiều vô phước. Thế nào là hai?

- **Không có suy tư, không thẩm sát, tán thán người không xứng đáng được tán thán, và chỉ trích người xứng đáng được tán thán.**

Do thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu, vụng về, không phải bậc Chân nhân, tự mình xử sự như một vật bị mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị kẻ trí quả trách và tạo nên nhiều vô phước.

☐ Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo, **bậc Hiền trí**, khôn khéo, bậc Chân nhân, tự mình xử sự không như một vật mất gốc, không bị thương tích, không phạm tội, không bị kẻ trí quả trách và tạo nên nhiều phước đức. Thế nào là hai?

- Sau khi suy tư và thâm sát, tán thán người đáng được tán thán, và chỉ trích người đáng bị chỉ trích.

Do thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo, bậc Hiền trí, khôn khéo, bậc Chân nhân, tự mình xử sự không như vật mất gốc, không bị thương tích, không phạm tội, không bị kẻ trí quở trách và tạo nên nhiều phước đức.

6. Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo, **kẻ ngu**, vụng về, không phải bậc Chân nhân, tự mình xử sự như một vật mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị kẻ trí quở trách và tạo nên nhiều vô phước. Thế nào là hai?

- Không suy tư, không thâm sát, tự cảm thấy tin tưởng đối với những chỗ không đáng tin tưởng, tự cảm thấy không tin tưởng đối với những chỗ đáng tin tưởng.

Do thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu, vụng về, không phải bậc Chân nhân, tự mình xử sự như một vật mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị kẻ trí quở trách và tạo nên nhiều vô phước.

☰ Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo, **bậc Hiền trí**, khôn khéo, bậc Chân nhân, tự mình xử sự không như một vật mất gốc, không bị thương

tích, không phạm tội, không bị kẻ trí quở trách và tạo nên nhiều phước đức. Thế nào là hai?

- Sau khi suy tư và thẩm sát, tự cảm thấy tin tưởng đối với những chỗ đáng tin tưởng, và tự cảm thấy không tin tưởng đối với những chỗ không đáng tin tưởng.

Do thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo, bậc hiền trí, khôn khéo, bậc Chân nhân, tự mình xử sự không như một vật mất gốc, không bị thương tích, không phạm tội, không bị kẻ trí quở trách và tạo nên nhiều phước đức.

7. Do **tà hạnh** đối với hai (hạng người) **kẻ ngu**, vụng về ... nhiều vô phước. Đối với hai hạng người nào?

- **Với mẹ và với cha.** Do tà hạnh đối với hai (hạng người) này, kẻ ngu, vụng về ... nhiều vô phước.

❖ Do **chánh hạnh** đối với hai (hạng người), **bậc hiền trí** ... nhiều phước đức. Đối với hai hạng người nào?

- **Với mẹ và với cha.** Do chánh hạnh đối với hai (hạng người) này, bậc hiền trí ... nhiều phước đức.
-

8. Do tà hạnh đối với hai (hạng người) **kẻ ngu**, vụng về ... nhiều vô phước. Đối với hai hạng người nào?

- **Với Như Lai và với đệ tử của Như Lai.** Do tà hạnh đối với hai (hạng người) này, kẻ ngu, vụng về ... nhiều vô phước.

❖ Do chánh hạnh đối với hai (hạng người), **bậc hiền trí** ... tạo nên nhiều phước đức. Đối với hai hạng người nào?

- **Với Như Lai và với đệ tử của Như Lai.** Do chánh hạnh đối với hai (hạng người) này, bậc hiền trí ... tạo nên nhiều phước đức.

9. Này các Tỷ-kheo, có hai pháp này. Thế nào là hai?

- **Thanh tịnh tự tâm**
- **Và không chấp thủ một cái gì ở đời.**

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai pháp.

10. Này các Tỷ-kheo, có hai pháp này. Thế nào là hai?

- **Phẫn nộ và hiềm hận.** Những pháp này, là hai pháp.

11. Này các Tỷ-kheo, có hai pháp này. Thế nào là hai?

- **Nhiếp phục phần nộ và nhiếp phục hiềm hận.**
Những pháp này, là hai pháp.

262 Kê ngu và người trí - Kinh HÀNH ĐỘNG – Tăng II, 297

HÀNH ĐỘNG – Tăng II, 297

1. - Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, kê ngu si, không thông minh, không là bậc Chân nhân, tự mình xử sự như kẻ bị mất gốc, không sinh lực, có tội, bị người trí quả trách, tạo nhiều vô phước. Thế nào là bốn?

- Với **thân** nghiệp có tội,
- Với **khâu** nghiệp có tội,
- Với **ý** nghiệp có tội,
- Với **tri kiến** có tội.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, kê ngu si, không thông minh, không là bậc Chân nhân, tự mình xử sự như kẻ bị mất gốc, không sinh lực, có tội, bị người trí quả trách, tạo nhiều vô phước.

2. Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, bậc Hiền trí, thông minh, là bậc Chân nhân, tự mình xử sự không như người mất gốc, có sinh lực, không có tội, không bị người trí quả trách, tạo nhiều phước đức. Thế nào là bốn?

- Với thân nghiệp không có tội,
- Với ngữ nghiệp không có tội,
- Với ý nghiệp không có tội,
- Với tri kiến không có tội.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, bậc Hiền trí, thông minh, là bậc Chân nhân, tự mình xử sự không như người mất gốc, có sinh lực, không có tội, không bị người trí quở trách, tạo nhiều phước đức.

263 Kẻ ngu và người trí - Kinh KỂ NGU – Tăng I, 155

KỂ NGU – Tăng I, 155

1.- Này các Tỷ-kheo, có hai loại kẻ ngu này. Thế nào là hai?

- Người mang gánh nặng chưa đến
- Và người không mang gánh nặng đã đến.

Hai người này, này các Tỷ-kheo, là hai kẻ ngu.

2. Này các Tỷ-kheo, có hai bậc hiền trí này. Thế nào là hai?

- Người mang gánh nặng đã đến
- Và người không mang gánh nặng chưa đến.

Hai người này, này các Tỷ-kheo, là hai bậc hiền trí.

3. Này các Tỷ-kheo, có hai loại kẻ ngu này. Thế nào là hai?

- Người tưởng là hợp pháp đối với việc không hợp pháp,
- Và người tưởng là không hợp pháp đối với việc hợp pháp.

Hai người này, này các Tỷ-kheo, là hai kẻ ngu.

4. Nay các Tỷ-kheo, có hai bậc hiền trí này. Thế nào là hai?

- Người tưởng là không hợp pháp đối với việc không hợp pháp,
- Và người tưởng là hợp pháp đối với việc hợp pháp.

Hai người này, này các Tỷ-kheo, là hai bậc hiền trí.

5. Nay các Tỷ-kheo, có hai loại kẻ ngu này. Thế nào là hai?

- Người tưởng là có phạm tội đối với việc không phạm tội,
- Và người tưởng là không phạm tội đối với việc có phạm tội.

Hai người này, này các Tỷ-kheo, là hai kẻ ngu.

6. Nay các Tỷ-kheo, có hai bậc hiền trí này. Thế nào là hai?

- Người tưởng là không phạm tội đối với việc không phạm tội,
- Và người tưởng là phạm tội đối với việc có phạm tội.

Hai người này, này các Tỷ-kheo, là hai bậc hiền trí.

7. Nay các Tỷ-kheo, có hai loại kẻ ngu này. Thế nào là hai?

- Người tưởng là đúng pháp đối với việc phi pháp,
- Và người tưởng là phi pháp đối với việc đúng pháp.

Hai người này, nay các Tỷ-kheo, là hai kẻ ngu.

8. Nay các Tỷ-kheo, có hai bậc hiền trí này. Thế nào là hai?

- Người tưởng là phi pháp đối với việc phi pháp,
- Và người tưởng là đúng pháp đối với việc đúng pháp.

Hai người này, nay các Tỷ-kheo, là hai bậc hiền trí.

9. Nay các Tỷ-kheo, có hai loại kẻ ngu này. Thế nào là hai?

- Người tưởng là đúng luật đối với việc phi luật,
- Và người tưởng là phi luật đối với việc đúng luật.

Hai người này, là hai kẻ ngu.

10. Nay các Tỷ-kheo, có hai bậc hiền trí này. Thế nào là hai?

- Người tưởng là phi luật đối với việc phi luật,

- Và người tưởng là đúng luật đối với việc đúng luật.

Hai người này, là hai bậc hiền trí.

11. Nay các Tỷ-kheo, trong hai hạng người này các lậu hoặc tăng trưởng. Trong hai hạng người nào?

- Người lo lắng những việc không đáng lo lắng,
- Và người không lo lắng những việc đáng lo lắng.

Trong hai hạng người này, các lậu hoặc tăng trưởng.

12. Nay các Tỷ-kheo, trong hai hạng người này các lậu hoặc không tăng trưởng. Trong hai hạng người nào?

- Người không lo lắng những việc không đáng lo lắng,
- Và người lo lắng những việc đáng lo lắng.

Trong hai hạng người này, các lậu hoặc không tăng trưởng.

13. Nay các Tỷ-kheo, trong hai hạng người này các lậu hoặc tăng trưởng. Trong hai hạng người nào?

- Người tưởng là đúng phép đối với việc không đúng phép,

- Và người tướng là **không đúng phép đối với việc đúng phép.**

Trong hai hạng người này, các lậu hoặc tăng trưởng.

14. Nay các Tỷ-kheo, trong hai hạng người này các lậu hoặc không tăng trưởng. Trong hai hạng người nào?

- Người tướng là đúng phép đối với việc đúng phép,
- Và người tướng là không đúng phép đối với việc không đúng phép.

Trong hai hạng người này, các lậu hoặc không tăng trưởng.

15. Nay các Tỷ-kheo, trong hai hạng người này các lậu hoặc tăng trưởng. Trong hai hạng người nào?

- Người tướng là **có phạm tội đối với việc không phạm tội,**
- Và người tướng là **không phạm tội đối với việc có phạm tội.**

Trong hai hạng người này, các lậu hoặc tăng trưởng.

16. Nay các Tỷ-kheo, trong hai hạng người này các lậu hoặc không tăng trưởng. Trong hai hạng người nào?

- Người tưởng là không phạm tội đối với việc không phạm tội,
- Và người tưởng là có phạm tội đối với việc có phạm tội.

Trong hai hạng người này, các lậu hoặc không tăng trưởng.

17. Nay các Tỷ-kheo, trong hai hạng người này các lậu hoặc tăng trưởng. Trong hai hạng người nào?

- Người tưởng là đúng pháp đối với việc phi pháp,
- Và người tưởng là phi pháp đối với việc đúng pháp.

Trong hai hạng người này, các lậu hoặc tăng trưởng.

18. Nay các Tỷ-kheo, trong hai hạng người này các lậu hoặc không tăng trưởng. Trong hai hạng người nào?

- Người tưởng là phi pháp đối với việc phi pháp,
- Và người tưởng là đúng pháp đối với việc đúng pháp.

Trong hai hạng người này, các lậu hoặc không tăng trưởng.

19. Nay các Tỷ-kheo, trong hai hạng người này các lậu hoặc tăng trưởng. Trong hai hạng người nào?

- Người tưởng là **đúng luật đối với việc phi luật,**
- Và người tưởng là **phi luật đối với việc đúng luật.**

Trong hai hạng người này, các lậu hoặc tăng trưởng.

20. Nay các Tỷ-kheo, trong hai hạng người này các lậu hoặc không tăng trưởng. Trong hai hạng người nào?

- Người tưởng là phi luật đối với việc phi luật,
- Và người tưởng là đúng luật đối với việc đúng luật.

Trong hai hạng người này, các lậu hoặc không tăng trưởng.

264 Kể ngu và người trí - Kinh ĐA GIỚI – 115 Trung III, 217

KINH ĐA GIỚI (Bahudhātuka suttaṃ)

– Bài kinh số 115 – Trung III, 217

Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tịnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo".

– "Bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- Phàm có những **sợ hãi** gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả những sợ hãi ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí (pandita).
- Phàm có những **thất vọng** gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả thất vọng ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí.

- Phàm có những **hoạn nạn** gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả hoạn nạn ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí.

Ví như, này các Tỷ-kheo, tia lửa từ ngôi nhà bằng cỏ, thiêu cháy ngôi nhà có lầu gác được trét trong trét ngoài, được che chở khỏi gió, có chốt khóa gài kỹ, có cửa sổ đóng kỹ.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những sợ hãi gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả những sợ hãi ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí; phàm có những thất vọng gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả những thất vọng ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí; phàm có những hoạn nạn gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả những hoạn nạn ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí.

Như vậy, này các Tỷ-kheo:

- Kẻ ngu đầy những sợ hãi, người hiền trí không có sợ hãi.
- Kẻ ngu đầy những thất vọng, người hiền trí không có thất vọng.
- Kẻ ngu đầy những hoạn nạn, người hiền trí

không có hoạn nạn.

Này các Tỷ-kheo:

- Không có sợ hãi cho người hiền trí,
- Không có thất vọng cho người hiền trí,
- Không có hoạn nạn cho người hiền trí.

→ Do vậy, này các Tỷ-kheo, "**Chúng tôi sẽ thành người hiền trí, biết suy tư tìm hiểu**", như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

– Đến mức độ nào, bạch Thế Tôn, là vừa đủ để nói: "*Tỷ-kheo là người hiền trí, biết suy tư tìm hiểu?*"

– Cho đến khi, này Ananda, Tỷ-kheo **thiên xảo về giới, thiên xảo về xứ, thiên xảo về duyên khởi và thiên xảo về xứ phi xứ** đến mức độ như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói: "*Tỷ-kheo là người hiền trí, biết suy tư tìm hiểu*".

❖ Đến mức độ nào, bạch Thế Tôn, là vừa đủ để nói: "*Tỷ-kheo thiên xảo về giới?*"

– Nay Ananda, có mười tám giới này: nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới; ý giới, pháp giới, ý thức giới. Nay Ananda, cho đến khi biết được, thấy được mười tám giới này, cho đến mức độ như vậy, nay Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

– Nhưng bạch Thế Tôn, có thể có pháp môn nào khác là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới?"

– Có thể có, nay Ananda. Nay Ananda có sáu giới này: địa giới, thủy giới, phong giới, hỏa giới, không giới, thức giới. Nay Ananda, cho đến khi biết được, thấy được sáu giới này, cho đến mức độ như vậy, nay Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

– Nhưng bạch Thế Tôn, có thể có pháp môn nào khác, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

– Có thể có, nay Ananda. Nay Ananda có sáu giới này: lạc giới, khô giới, hỷ giới, ưu giới, xả giới, vô minh giới. Nay Ananda, cho đến khi biết được, thấy được sáu giới này, cho đến mức độ như vậy nay Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

– Nhưng bạch Thế Tôn, có thể có pháp môn nào khác, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới?"

– Có thể có, này Ananda. Này Ananda, có sáu giới này: dục giới, ly dục giới, sân giới, vô sân giới, hai giới, bất hai giới. Này Ananda, cho đến khi biết được, thấy được sáu giới này, cho đến mức độ như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

– Nhưng bạch Thế Tôn, có thể có pháp môn nào khác, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới?"

– Có thể có, này Ananda. Này Ananda, có ba giới này: dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Này Ananda, cho đến khi biết được, thấy được ba giới này, cho đến mức độ như vậy này Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

– Nhưng bạch Thế Tôn, có thể có pháp môn nào khác, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới?"

– Có thể có, này Ananda. Này Ananda, có hai giới này: hữu vi giới và vô vi giới. Này Ananda, cho đến khi biết được, thấy được hai giới này, cho đến mức độ như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới"

❖ *Nhưng bạch Thế Tôn, cho đến mức độ nào là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về xứ?"*

– Nay Ananda, **có sáu nội xứ, ngoại xứ này: mắt và sắc**, tai và tiếng, mũi và hương, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp. Nay Ananda, cho đến khi biết được, thấy được sáu nội ngoại xứ này, cho đến mức độ như vậy, nay Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về xứ".

❖ *Nhưng bạch Thế Tôn, cho đến mức độ nào là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về duyên khởi?"*

– Ở đây, nay Ananda, Tỷ-kheo biết như sau: Nếu cái này có, cái kia có; do cái này sanh, cái kia sanh. Nếu cái này không có, cái kia không có; do cái này diệt, cái kia diệt. Tức là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; do duyên sanh lão tử, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như vậy, nay Ananda, là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Nhưng do sự diệt trừ, sự ly tham hoàn toàn của chính vô minh này, các hành diệt; do các hành diệt, thức diệt; do thức diệt, danh sắc diệt; do danh sắc

diệt, lục nhập diệt; do lục nhập diệt, xúc diệt; do xúc diệt, thọ diệt; do thọ diệt, ái diệt; do ái diệt, thủ diệt, do thủ diệt, hữu diệt; do hữu diệt, sanh diệt, do sanh diệt, lão tử, sầu, bi, khổ, ưu, não đoạn diệt. Như vậy là sự đoạn diệt hoàn toàn của khổ uẩn này. Cho đến như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về duyên khởi".

❖ *Nhưng cho đến mức độ nào, bạch Thế Tôn, là vừa đủ để nói: Tỷ-kheo thiện xảo về xứ phi xứ?*

- Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: khi một **người thành tựu (chánh) kiến** lại đi đến các hành (samkhara) và xem là thường còn. Sự kiện như vậy không xảy ra".
- Và vị ấy biết rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu: Khi một **người phạm phu** đi đến các hành và xem là thường còn. Sự hiện như vậy có xảy ra".
- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người thành tựu (chánh) kiến, lại có thể đi đến các hành với ý niệm lạc thọ. Sự kiện như vậy không có xảy ra".
- Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra,

có hiện hữu: Khi một người phạm phu đi đến các hành với ý niệm lạc thọ. Sự kiện như vậy có xảy ra".

- Vị ấy biết rằng: "*Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người nào thành tựu (chánh) kiến, lại có thể đi đến các pháp với ý niệm tư ngã. Sự kiện như vậy không có xảy ra*".
- Và vị ấy biết rằng: "*Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu: Khi một người phạm phu đi đến các pháp với ý niệm tư ngã. Sự kiện như vậy có xảy ra*".
- Vị ấy biết rõ rằng: "*Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: khi một người thành tựu (chánh) kiến, có thể giết sinh mạng người mẹ. Sự kiện như vậy không có xảy ra*".
- Và vị ấy biết rõ rằng: "*Sự kiện này có xảy ra: Khi một người phạm phu có thể giết sinh mạng người mẹ. Sự kiện như vậy có xảy ra*".
- Vị ấy biết rõ rằng: "*Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người thành tựu (chánh) kiến, có thể giết sinh mạng người cha... (như trên)... có thể giết sinh mạng A-la-hán. Sự kiện như vậy không xảy ra*".
- Vị ấy biết rõ rằng: "*Sự kiện này có xảy ra, có*

hiện hữu: Khi một người phạm phu có thể giết sinh mạng người cha... (như trên)... có thể giết sinh mạng A-la-hán. Sự kiện như vậy có xảy ra

- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người thành tựu (chánh) kiến có thể với ác tâm làm Như Lai chảy máu. Sự kiện như vậy không có xảy ra".
- Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một người phạm phu với ác tâm làm Như Lai chảy máu. Sự kiện như vậy có xảy ra".
- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người thành tựu (chánh) kiến có thể phá hòa hợp Tăng. Sự kiện như vậy không xảy ra".
- Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một người phạm phu có thể phá hòa hợp với Tăng. Sự kiện như vậy có xảy ra".
- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người thành tựu (chánh) kiến có thể đề cao một Đạo sư khác. Sự kiện như vậy không có xảy ra".
- Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một người phạm phu đề cao một Đạo sư

khác. Sự kiện như vậy có xảy ra".

- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi cùng trong một thế giới (lokadhatu), **hai A-la-hán Chánh Đẳng Giác** có thể xuất hiện (một lần) không trước không sau. *Sự kiện như vậy không có xảy ra*".
- Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi cùng trong một thế giới, **một A-la-hán Chánh Đẳng Giác** có thể xuất hiện. *Sự kiện như vậy có xảy ra*".
- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra: Khi cùng trong một thế giới **hai vua Chuyển luân** có thể xuất hiện (một lần), không trước không sau. Sự kiện như vậy không có xảy ra".
- Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi trong một thế giới, **một vị vua Chuyển luân** có thể xuất hiện. Sự kiện như vậy có xảy ra".
- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi **một nữ nhân có thể thành A-La-Hán Chánh Đẳng Giác. Sự kiện như vậy không có xảy ra**".
- Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra:

Khi một nam nhân có thể thành một A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Sự kiện như vậy có xảy ra."

- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một nữ nhân có thể thành Sakka (Đế -thích). Sự kiện như vậy không có xảy ra".
- Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu: Khi một nam nhân có thể trở thành Sakka. Sự kiện như vậy có xảy ra".
- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một nữ nhân có thể trở thành Ma vương. Sự kiện như vậy không có xảy ra".
- Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra khi một nam nhân trở thành một Ma vương. Sự kiện như vậy có xảy ra".
- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một nữ nhân có thể trở thành Phạm thiên. Sự kiện như vậy không có xảy ra".
- Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một nam nhân có thể trở thành Phạm thiên. Sự kiện này như vậy có xảy ra".

- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một thân ác hành có thể sanh ra quả báo khả ái, khả hỷ, khả lạc. Sự kiện này không có xảy ra".
- Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một thân ác hành có thể sanh ra quả báo không khả ái, không khả hỷ, không khả lạc. Sự kiện như vậy có xảy ra".
- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một khẩu ác hành... Khi một ý ác hành có thể sanh ra quả báo khả ái, khả hỷ, khả lạc. Sự kiện như vậy không có xảy ra".
- Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một ý ác hành có thể sanh ra quả báo không khả ái, không khả hỷ, không khả lạc. Sự kiện như vậy có xảy ra".
- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một thân thiện hành có thể sanh ra quả báo không khả ái, không khả hỷ, không khả lạc. Sự kiện như vậy không có xảy ra".
- Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một thân thiện hành có thể sanh ra quả báo khả ái, khả hỷ, khả lạc. Sự kiện như vậy

có xảy ra".

- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một khẩu thiện hành... một ý thiện hành có thể sanh ra quả báo không khả ái, không khả hỷ, không khả lạc. Sự kiện như vậy không có xảy ra".
- Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một ý thiện hành có thể sanh ra quả báo khả ái, khả hỷ, khả lạc. Sự kiện như vậy có xảy ra".
- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người hành trì thân ác hành, do thân thân ác hành ấy, do duyên thân ác hành ấy sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh thiên thú, thiên giới, cõi đời này. Sự kiện như vậy không có xảy ra".
- Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một người hành trì thân ác hành, do thân thân ác hành ấy, do duyên thân ác hành ấy, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Sự kiện này có xảy ra".
- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người hành

trì khẩu ác hành... hành trì ý ác hành, do nhân ý ác hành ấy, do duyên ý ác hành ấy, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Sự kiện như vậy không có xảy ra".

- Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra, khi một người hành trì khẩu ác hành... ý ác hành, sau khi thân hoại mạng chung có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Sự kiện như vậy có xảy ra".
- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người hành trì thân thiện hành, do nhân thân thiện hành ấy, do duyên thân thiện ấy, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Sự kiện như vậy không có xảy ra".
- Và vị ấy biết rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một người hành trì thân thiện hành, do nhân thân thiện hành ấy, do duyên thân thiện hành ấy, có thể sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Sự kiện như vậy có xảy ra".
- Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người hành trì khẩu thiện hành... hành trì ý thiện hành, do nhân ý thiện hành ấy, do duyên ý thiện

hành ấy, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Sự kiện như vậy không có xảy ra".

- Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu: Khi một người hành trì khẩu thiện hành... hành trì ý thiện hành, do nhân ý thiện hành ấy, do duyên ý thiện hành ấy, có thể sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Sự kiện như vậy có xảy ra".

Cho đến mức độ như vậy, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về xứ phi xứ".

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn pháp môn này có tên gì?

– Do vậy, này Ananda, Ông hãy thọ trì pháp môn này là **Đa giới**, hãy thọ trì pháp môn này là **Bốn chuyển** (Dhammada) hãy thọ trì pháp môn này là **Pháp kinh** (Dhammdasa), hãy thọ trì pháp môn này là **Trống bát tử**, hãy thọ trì pháp môn này là **Vô thượng chiến thắng**.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda

hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

265 Kê ngu và người trí - Kinh KHÔNG THIỆN – Tăng I, 537

KHÔNG THIỆN – *Tăng I, 537*

❖ Đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, tương xứng như vậy, **bị rơi vào địa ngục**. Thế nào là ba?

- Với **thân** không làm thiện,
- Với **lời** nói không thiện,
- Với **ý** nghĩ không thiện,

Đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, tương xứng như vậy, bị rơi vào địa ngục.

❖ Đầy đủ ba pháp, này các Tỷ-kheo, tương xứng như vậy, **được sanh lên cõi trời**. Thế nào là ba?

- Với thân làm thiện,
- Với lời nói thiện,
- Với ý nghĩ thiện,

Đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, tương xứng như vậy, được sanh lên cõi trời.

CÓ PHẠM TỘI – *Tăng I, 538*

❖ Đây đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, tương xứng như vậy, **bị rơi vào địa ngục**. Thế nào là ba?

- Với **thân** làm có tội,
- Với **lời** nói có tội,
- Với **ý** nghĩ có tội,

Đây đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, tương xứng như vậy, bị rơi vào địa ngục.

❖ Đây đủ ba pháp, này các Tỷ-kheo, tương xứng như vậy, **được sanh lên cõi trời**. Thế nào là ba?

- Với thân làm không có tội,
- Với lời nói không có tội,
- Với ý nghĩ không có tội,

Đây đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, tương xứng như vậy, sanh lên cõi Trời.

KHÔNG THĂNG BẰNG – *Tăng I, 538*

(Như kinh trên, chỉ khác là không thăng bằng và thăng bằng)

BẤT TỊNH – *Tăng I, 538*

(Như kinh trên, chỉ khác là bất tịnh và tịnh)

MẮT GỐC 1 – Tăng I, 538

❖ Đây đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu si, không thông minh, không phải bậc Chân nhân, tự mình xử sự như kẻ mất gốc, bị thương tích, có phạm tội, bị người trí quả trách, làm nhiều điều vô phước. Thế nào là ba?

- Với thân không làm thiện,
- Với lời nói không thiện,
- Với ý nghĩ không thiện,

Đây đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu si, không thông minh, không phải bậc Chân nhân, tự mình xử sự như kẻ mất gốc, bị thương tích, có phạm tội, bị người trí quả trách, làm nhiều điều vô phước.

❖ Đây đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, bậc Hiền sĩ thông minh, là bậc Chân nhân, không tự mình xử sự như kẻ mất gốc, không bị thương tích, không có phạm tội, không bị người trí quả trách, làm nhiều điều phước lành. Thế nào là ba?

- Với thân làm thiện,
- Với lời nói thiện,
- Với ý nghĩ thiện,

Đây đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, bậc Hiền sĩ thông minh, là bậc Chân nhân, không tự mình xử sự

như kẻ mất gốc, không bị thương tích, không có phạm tội, không bị người trí quở trách, làm nhiều điều phước lành.

MẤT GỐC 2 – *Tăng I, 540*

(Như kinh trên, chỉ khác là có phạm tội, không phạm tội) ...

MẤT GỐC 3 – *Tăng I, 540*

(Như kinh trên, chỉ khác là có thăng bằng, không thăng bằng) ...

MẤT GỐC 4 – *Tăng I, 540*

(Như kinh trên, chỉ khác là bất tịnh, và tịnh) ...

KÍNH LỄ – *Tăng I, 540*

❖ **Này các Tỷ-kheo, có ba loại kính lễ này.** Thế nào là ba?

- Với thân,

- Với lời nói,
- Với ý,

Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba loại kính lễ.

BUỔI SÁNG TỐT ĐẸP – Tăng I, 540

- ❖ *Các loại hữu tình nào, này các Tỷ-kheo, vào buổi sáng, thân làm việc thiện, nói lời nói thiện, ý nghĩ điều thiện, các loài hữu tình ấy, này các Tỷ-kheo, có một buổi sáng tốt đẹp.*
- ❖ *Các loại hữu tình nào, này các Tỷ-kheo, vào buổi trưa, thân làm việc thiện, nói lời nói thiện, ý nghĩ điều thiện, các loài hữu tình ấy, này các Tỷ-kheo, có một buổi trưa tốt đẹp.*
- ❖ *Các loại hữu tình nào, này các Tỷ-kheo, vào buổi chiều, thân làm việc thiện, nói lời nói thiện, ý nghĩ điều thiện, các loài hữu tình ấy, này các Tỷ-kheo, có một buổi chiều tốt đẹp.*

*Vàng sao lành, điều lành
 Rạng đông lành, dậy lành
 Sát-na lành, thời lành
 Cúng dường bậc Phạm hạnh
 Thân nghiệp chánh, lời chánh
 Ý nghiệp chánh, nguyện chánh
 Làm các điều chơn chánh*

*Được lợi ích chơn chánh
Thì được lợi an lạc
Lớn mạnh trong Phật giáo
Hãy không bệnh, an lạc
Cùng tất cả bà con.*

266 Kể đạo tặc hạ liệt - Kinh VÍ DỤ CÁI CỬA – 21 Trung I, 277

KINH VÍ DỤ CÁI CỬA (Kakacupamasutta)

– Bài kinh số 21 – *Trung I*, 277

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, Tôn giả Moliyaphagguna sống liên hệ với các Tỷ-kheo ni một cách quá độ. Tôn giả Moliyaphagguna sống liên hệ với các Tỷ-kheo-ni như sau: Nếu có Tỷ-kheo nào, trước mặt Tôn giả Moliyaphagguna nói xấu các Tỷ-kheo-ni ấy, Tôn giả Moliyaphagguna liền phẫn nộ, bất mãn, vắn tội ngay; nếu có Tỷ-kheo nào, trước mặt các Tỷ-kheo ni ấy, nói xấu Tôn giả Moliyaphagguna, các Tỷ-kheo ni ấy liền phẫn nộ, bất mãn, vắn tội ngay. Tôn giả Moliyaphagguna sống liên hệ với các Tỷ-kheo-ni như vậy. Có một Tỷ-kheo khác đi đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tôn giả Moliyaphagguna sống liên hệ với các Tỷ-kheo ni một cách quá độ. Bạch Thế Tôn, Tôn giả Moliyaphagguna sống liên hệ với các Tỷ-kheo-ni như sau: Nếu có Tỷ-kheo nào, trước mặt Tôn giả Moliyaphagguna nói xấu các Tỷ-kheo-ni ấy, Tôn giả Moliyaphagguna liền phẫn nộ, bất mãn và vắn tội ngay; nếu có Tỷ-kheo nào, trước mặt các Tỷ-kheo ni ấy, nói xấu Tôn giả Moliyaphagguna, các Tỷ-kheo-ni ấy liền phẫn nộ, bất mãn và vắn tội ngay. Bạch Thế Tôn, Tôn giả Moliyaphagguna sống liên hệ với các Tỷ-kheo-ni một cách quá độ như vậy.

Thế Tôn gọi một Tỷ-kheo khác và bảo:

– Này Tỷ-kheo, hãy đi, nhân danh Ta, cho gọi Tỷ-kheo Moliyaphagguna: "Hiền giả Phagguna bậc Đạo Sư gọi Hiền giả".

– Bạch Thế Tôn, vâng!

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến chỗ Tôn giả Moliyaphagguna, khi đến xong, liền thưa Tôn giả Moliyaphagguna:

– Hiền giả Moliyaphagguna, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả.

– Vâng, Hiền giả.

Tỷ-kheo Moliyaphagguna vâng đáp Tỷ-kheo ấy, đến chỗ Thế Tôn ở, khi đến xong, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Moliyaphagguna đang ngồi xuống một bên:

– Này Phagguna, *có đúng sự thật không, như lời người ta đồn là* Ông sống liên hệ với các Tỷ-kheo-ni một cách quá độ. Người ta đồn Ông sống liên hệ với các Tỷ-kheo-ni như sau: "Nếu Tỷ-kheo nào, trước mặt Ông nói xấu các Tỷ-kheo-ni ấy, Ông liền phần nộ, bất mãn, vẩn tội ngay; nếu Tỷ-kheo nào, trước mặt Tỷ-kheo-ni ấy, nói xấu Ông, các Tỷ-kheo-ni ấy liền phần nộ, bất mãn, vẩn tội ngay". *Này Phagguna, có phải Ông sống liên hệ với các Tỷ-kheo-ni như vậy?*

– Bạch Thế Tôn, có như vậy.

– Này Phagguna, có phải Ông là Thiện nam tử, vì lòng tin, đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Này Phagguna, thật không xứng đáng cho Ông, một Thiện nam tử, vì lòng tin đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, mà sống liên hệ với các Tỷ-kheo-ni một cách quá độ như vậy.

– Do vậy, này Phagguna, nếu có ai trước mặt Ông, **nói xấu** các Tỷ-kheo-ni ấy, này Phagguna, Ông phải từ bỏ những dục liên hệ đến thế tục, những tư duy liên hệ đến thế tục. Này Phagguna, Ông phải học tập như sau: *"Mong rằng tâm của ta sẽ không bị biến nhiễm! Mong rằng ta sẽ không nói những lời ác ngữ! Mong rằng ta sẽ sống với lòng lân mẫn, với tâm từ bi, không ôm lòng sân hận!"* Này Phagguna, Ông phải học tập như vậy.

– Do vậy, này Phagguna, nếu có ai trước mặt Ông, **lấy tay đánh** những Tỷ-kheo-ni ấy, lấy đất ném, lấy gậy đập, lấy gươm đánh, này Phagguna, Ông phải từ bỏ những dục... không ôm lòng sân hận. Này Phagguna, Ông phải học tập như vậy.

– Do vậy, này Phagguna, nếu có ai trước mặt Ông nói xấu (ai), này Phagguna, Ông phải từ bỏ những dục... không ôm lòng sân hận. Này Phagguna, Ông phải học tập như vậy.

– Do vậy, này Phagguna, nếu có ai trước mặt Ông lấy tay đánh, lấy đất ném, lấy gậy đập, lấy gươm đánh, này Phagguna, Ông phải từ bỏ những dục liên hệ đến thế tục, những tư duy liên hệ đến thế tục. Này Phagguna, Ông phải học tập như sau: *"Mong rằng tâm của ta sẽ không bị biến nhiễm!"*

Mong rằng ta sẽ không nói những lời ác ngữ!
Mong rằng ta sẽ sống với lòng lân mẫn, với tâm
từ bi, không ôm lòng sân hận!" Nay Phagguna,
Ông phải học tập như vậy.

Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

– Nay các Tỷ-kheo, một thời các Tỷ-kheo của
Ta có tâm rất thuần thực hoan hỷ. Nay các Tỷ-kheo,
ở đây, Ta bảo các Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, Ta theo
hạnh nhất tọa thực. Chư Tỷ-kheo, sống theo hạnh
nhất tọa thực, Ta cảm thấy **không bệnh tật, không
ôm đau, nhẹ nhàng, khang kiện và sảng khoái**.
Chư Tỷ-kheo, các Người hãy sống theo hạnh nhất
tọa thực. Chư Tỷ-kheo, các Người theo hạnh nhất tọa
thực thời các Người sẽ cảm thấy không bệnh tật,
không ôm đau, nhẹ nhàng, khang kiện và sảng khoái.
Chư Tỷ-kheo, Ta không cần phải giảng dạy gì cho
các Tỷ-kheo ấy; chư Tỷ-kheo, Ta chỉ cần khơi dậy
ức niệm nơi các Tỷ-kheo ấy.

*Chư Tỷ-kheo, ví như trên đất bằng, tại chỗ ngã
tư, có một chiếc xe đang đậu, thắng với ngựa hay, có
roi ngựa đặt ngang sẵn sàng. Có người mã thuật sư
thiện xảo, người đánh xe điều ngự các con ngựa
đáng được điều ngự, leo lên xe ấy, tay trái nắm lấy
dây cương, tay mặt cầm lấy roi ngựa, có thể đánh xe*

ngựa ấy đi tới đi lui, tại chỗ nào và như thế nào, theo ý mình muốn. Cũng vậy chư Tỷ-kheo, Ta không cần phải giảng dạy gì cho các Tỷ-kheo ấy; chư Tỷ-kheo, Ta chỉ cần khơi dậy ức niệm nơi các Tỷ-kheo ấy.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ bất thiện, hãy nỗ lực đối với các thiện pháp, như vậy các Người mới thành tựu sự trưởng thành, hưng thịnh, lớn mạnh trong pháp luật này. *Chư Tỷ-kheo, cũng như gần một thôn làng hay thị trấn nhỏ, có ngôi rừng cây tala lớn, ngôi rừng bị các cây leo y lan bao phủ. Có một người đến khu rừng này, muốn lợi ích cho ngôi rừng, muốn hạnh phúc, muốn an ổn khỏi các ách phược cho ngôi rừng. Người ấy chặt đứt các nhánh cây cong thiếu hẳn sinh lực, vát chúng ra khỏi ngôi rừng, dọn dẹp trong rừng sạch sẽ. Người ấy săn sóc kỹ lưỡng các nhánh cây tala thẳng thắn, khéo mọc. Chư Tỷ-kheo, sau một thời gian, ngôi rừng như vậy được trưởng thành, hưng thịnh, lớn mạnh.* Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, các Người hãy từ bỏ bất thiện, hãy nỗ lực đối với các thiện pháp, như vậy các Người mới thành tựu sự trưởng thành, hưng thịnh, lớn mạnh trong pháp luật này.

Chư Tỷ-kheo, thuở xưa, tại thành Savatthi này có **nữ gia chủ tên là Vedehika**. Chư Tỷ-kheo, tiếng đồn tốt đẹp sau đây được khởi lên về nữ gia chủ

Vedehika: "*Nữ gia chủ Vedehika là hiền thực, nữ gia chủ Vedehika là nhu thuận; nữ gia chủ Vedehika là ôn hòa*". Chư Tỷ-kheo, nữ gia chủ Vedehika có người *nữ tỳ tên là Kali*, người này khéo tay, siêng năng, và làm việc cẩn thận chu toàn. Chư Tỷ-kheo, nữ tỳ Kali khởi lên ý nghĩ: "Chủ của ta được tiếng đồn tốt đẹp khởi lên như sau: "*Nữ gia chủ Vedehika là hiền thực; nữ gia chủ Vedehika là nhu thuận; nữ gia chủ Vedehika là ôn hòa*". *Không biết nữ chủ của ta có nội sân mà không tỏ lộ hay không có nội sân, hay vì công việc ta-làm cẩn thận chu toàn nên nữ chủ ta có nội sân nhưng không tỏ lộ, không phải không có. Vậy ta hãy thử nữ chủ của ta!*" Chư Tỷ-kheo, rồi nữ tỳ Kali sáng ngày sau dậy thật trễ. Chư Tỷ-kheo, nữ gia chủ Vedehika nói với nữ tỳ Kali:

"— Này Kali!

"— Thưa Nữ chủ, có việc gì?

"— Sao hôm nay Ngươi dậy trễ vậy?

"— Thưa nữ chủ, có việc gì đâu?

"— Thật sự không có việc gì à? *Ác nữ tỳ kia, hôm nay Ngươi dậy trễ!*". Và nữ chủ phần nộ, bất mãn, trừng mắt.

Chư Tỷ-kheo, nữ tỳ Kali suy nghĩ: "Nữ chủ của ta thật sự có nội sân nhưng không tỏ lộ, không phải không có. Vì những công việc ta-làm cẩn thận chu toàn, nên nữ chủ của ta tuy có nội sân nhưng không tỏ lộ, không phải không có. Vậy Ta hãy thử thêm nữa nữ chủ của ta!" Chư Tỷ-kheo, rồi nữ tỳ Kali ngày sau lại dậy trễ hơn nữa. Chư Tỷ-kheo, nữ chủ Vedehika nói với nữ tỳ Kali:

"– Này Kali!

"– Thưa Nữ chủ, có việc gì?

"– Sao hôm nay Ngươi dậy trễ vậy?

"– Thưa Nữ chủ, có việc gì đâu?

"– Thật sự không có việc gì à? Ác nữ tỳ kia, hôm nay Ngươi dậy trễ!". **Và nữ chủ phần nộ, bất mãn, thốt lên những lời bất mãn.**

Chư Tỷ-kheo, nữ tỳ Kali suy nghĩ: "Nữ chủ của ta thật sự có nội sân nhưng không tỏ lộ, không phải không có. Vì những công việc ta-làm cẩn thận chu toàn nên nữ chủ của ta tuy có nội sân nhưng không tỏ lộ, không phải không có. Vậy ta hãy thử thêm nữa nữ chủ của ta!"

Chư Tỷ-kheo, rồi nữ tỳ Kali sáng hôm sau lại dậy trễ hơn nữa. Chư Tỷ-kheo, nữ chủ Vedehika nói với nữ tỳ Kali:

"– Này Kali!

"– Thưa Nữ chủ, có việc gì?

"– Sao hôm nay Ngươi dậy trễ vậy?

"– Thưa Nữ chủ, có việc gì đâu?

"– Thật sự không có việc gì à? Ác nữ tỳ kia, hôm nay Ngươi dậy trễ!". Rồi phẫn nộ, không hoan hỷ, nàng cầm cái then gài cửa, đánh một cú trên đầu nữ tỳ khiến bể đầu. Chư Tỷ-kheo, nữ tỳ Kali, với đầu bể máu chảy, liền đi kể lể với các nhà láng giềng:

"– Hãy xem việc làm của nữ chủ hiền thực! Hãy xem việc làm của nữ chủ nhu thuận! Hãy xem việc làm của nữ chủ ôn hòa! Sao nữ chủ nói với nữ tỳ độc nhất: "Hôm nay Ngươi dậy trễ", rồi phẫn nộ, bất mãn, nàng cầm then gài cửa, đánh tôi một cú trên đầu khiến bể đầu".

Chư Tỷ-kheo, sau một thời gian, tiếng đồn xấu sau đây được khởi lên về nữ chủ Vedehika: "Nữ chủ Vedehika là độc ác! Nữ chủ Vedehika là không nhu

thuận! Nữ chủ Vedehika là không ôn hòa!".

- Cũng vậy chư Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo hết sức hiền lành, hết sức nhu thuận, hết sức ôn hòa trong khi chưa bị những lời nói bất khả ý, xúc phạm. Và chư Tỷ-kheo, **chỉ khi nào** Tỷ-kheo bị những lời nói bất khả ý, xúc phạm, khi ấy vị ấy mới được xem là hiền lành, mới được xem là nhu thuận, mới được xem là ôn hòa.
- Chư Tỷ-kheo, **Ta không gọi một Tỷ-kheo là dễ nói, khi vị ấy dễ nói về các vật dụng như y áo, món ăn, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, khi vị ấy thành tựu được tánh dễ nói.** Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy khi không được các vật dụng như y áo, thức ăn, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, không còn là dễ nói, không còn thành tựu tánh dễ nói.
- Chư Tỷ-kheo, **Tỷ-kheo nào tôn trọng Pháp, cung kính Pháp, sùng kính Pháp trở thành dễ nói, thành tựu tánh dễ nói, vị ấy Ta mới gọi là dễ nói.** Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy suy nghĩ: "Chỉ vì tôn trọng Pháp, cung kính Pháp, sùng kính Pháp chúng ta sẽ trở thành dễ nói, thành tựu tánh dễ nói". Chư Tỷ-kheo, các Người phải học tập như vậy.

Chư Tỷ-kheo, có năm loại ngôn ngữ mà các Người có thể dùng khi nói với các người khác:

– *Đúng thời hay phi thời,*

– *Chơn thực hay không chơn thực,*

– *Nhu nhuyển hay thô bạo,*

– *Có lợi ích hay không lợi ích,*

– *Với từ tâm hay với sân tâm.*

– Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Người có thể nói đúng thời hay phi thời.

– Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Người có thể nói lời chơn thực hay nói lời không chơn thực.

– Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Người có thể nói lời nhu nhuyển hay nói lời thô bạo.

– Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Người có thể nói lời lợi ích hay nói lời không lợi ích.

– Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Người có thể nói với từ tâm hay với sân tâm.

Chư Tỷ-kheo, ở tại đây, các Người cần phải học tập như sau: *"Chúng ta sẽ giữ tâm của chúng ta không biến nhiễm, chúng ta sẽ không thốt ra những lời ác ngữ, chúng ta sẽ sống với lòng lân mẫn, với tâm từ bi, với nội tâm không sân hận. Chúng ta sẽ sống bao phủ người này với tâm câu hữu với từ. Và với người này là đối tượng, ta sống biến mãn cùng khắp thế giới với tâm câu hữu với từ, quảng đại vô biên, không hận, không sân"*. Chư Tỷ-kheo, như vậy các Người cần phải học tập.

Chư Tỷ-kheo, ví như một người đến, cầm xẻng và thùng, nói như sau: "Tôi sẽ làm cho đất lớn này không thành đất nữa", và người ấy đào chỗ này chỗ kia, rải đất chỗ này chỗ kia, nhỏ nước miếng chỗ này chỗ kia, đi tiểu tiện chỗ này chỗ kia, với ý nghĩ: "Người trở thành không phải đất, Người trở thành không phải đất". Chư Tỷ-kheo, nghĩ thế nào? Người ấy có thể làm cho đất lớn này trở thành không phải đất chăng?

– Bạch Thế Tôn, không. Vì sao vậy? Vì đất lớn này thâm sâu và vô lượng, không dễ gì khiến cho đất lớn này trở thành không phải đất, trước khi người ấy bị mệt mỏi và bị thất bại.

– Cũng vậy, này chư Tỷ-kheo, có năm loại ngôn

ngữ này mà các Ông có thể nói với người khác: "Đúng thời hay phi thời... hay với sân tâm". Các Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Ông có thể nói: "Đúng thời... hay với sân tâm". Các Tỷ-kheo, ở tại đây, các Ông cần phải học tập như sau: "Chúng ta sẽ giữ tâm của chúng ta không biến nhiễm; chúng ta sẽ không thốt ra những lời ác ngữ; chúng ta sẽ sống với lòng lân mẫn, với tâm từ bi, với nội tâm không sân hận; chúng ta sẽ sống biến mãn người này với tâm câu hữu với từ. Và với người này là đối tượng, ta sống biến mãn cùng khắp thế giới, với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân". Các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như vậy.

Chư Tỷ-kheo, ví như một người đến, cầm màu sơn, màu vàng, màu xanh sẫm hay màu đỏ tía. Người ấy có thể nói như sau: "Ta sẽ viết các hình sắc trên hư không này. Ta sẽ làm cho các hình sắc hiển hiện". Các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Người ấy có thể viết các hình sắc trên hư không và làm cho các hình sắc hiển hiện được không?

– Bạch Thế Tôn, không thể được. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, hư không là vô sắc, không thể thấy được. Ở đây, không dễ gì viết các hình sắc và làm hình sắc hiển hiện, trước khi người ấy bị mệt mỏi và bị thất bại.

– Cũng vậy, này Tỷ-kheo, có năm loại ngôn ngữ này mà các Ông có thể nói với người khác: "Đúng thời hay phi thời... hay với sân tâm... (như trên)... Và với người này là đối tượng, ta sống biến mãn cùng khắp thế giới với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân". Chư Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như vậy.

Chư Tỷ-kheo, ví như một người đến, cầm một bó cỏ khô đang cháy và nói như sau: "Ta với bó cỏ khô đang cháy này sẽ hâm nóng và đun sôi sông Hằng này". Chư Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Người ấy, với bó cỏ khô đang cháy có thể hâm nóng và đun sôi sông Hằng được không?

– Bạch Thế Tôn, không. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, vì sông Hằng thâm sâu và vô lượng, không dễ gì với bó cỏ khô đang cháy có thể hâm nóng và đun sôi sông Hằng được, trước khi người ấy mệt mỏi và bị thất bại.

– Cũng vậy, này chư Tỷ-kheo, có năm loại ngôn ngữ này mà các Ông có thể nói với các người khác: "Đúng thời hay phi thời... hay với sân tâm". Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Ông có thể nói: "Đúng thời... hay với sân tâm... (như trên)... Và với người này là đối tượng, ta sống biến mãn cùng khắp

thế giới với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân". Chư Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như vậy.

– Chư Tỷ-kheo, ví như một cái bị bằng da mèo, đã được thuộc chín, khéo thuộc, khéo thuộc cùng khắp, nhu nhuyễn, như bông, không còn tiếng xì tiếng xọp, và một người đến, cầm gậy hay cầm mả sành và nói như sau: "Ta sẽ lấy cái gậy hay với cái mả sành làm cho cái bị bằng da mèo này, đã được thuộc chín, khéo thuộc, khéo thuộc cùng khắp, nhu nhuyễn, như bông, không còn tiếng xì, tiếng xọp, phát ra tiếng xì, tiếng xọp". Chư Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Người ấy có thể, với cái gậy hay với cái mả sành làm cho cái bị bằng da mèo này đã được thuộc chín, khéo thuộc, khéo thuộc cùng khắp, nhu nhuyễn, như bông, không còn tiếng xì, tiếng xọp, phát ra tiếng xì, tiếng xọp được không?

– Bạch Thế Tôn, không. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, cái bị bằng da mèo này đã được thuộc chín, khéo thuộc, khéo thuộc cùng khắp, nhu nhuyễn, như bông, không còn tiếng xì, tiếng xọp, không dễ gì làm cho cái bị ấy phát ra tiếng xì, tiếng xọp được, trước khi người ấy bị mệt nhoài và bị thất bại.

– Cũng vậy, chư Tỷ-kheo, có năm loại ngôn ngữ

mà các Ông có thể dùng khi nói với các người khác: "Đúng thời hay phi thời, chơn thực, hay không chơn thực, nhu nhuỷ hay thô bạo, có lợi ích hay không lợi ích, với từ tâm hay với sân tâm". Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Ông có thể nói đúng thời hay phi thời. Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Ông có thể nói lời chơn thực hay nói lời không chơn thực. Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Ông có thể nói lời nhu nhuỷ hay nói lời thô bạo. Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Ông có thể nói lời lợi ích hay nói lời không lợi ích. Chư Tỷ-kheo, khi nói với các người khác, các Ông có thể nói với từ tâm hay với sân tâm. Chư Tỷ-kheo, ở tại đây, các Ông cần phải học tập như sau: "Chúng ta sẽ giữ tâm của chúng ta không biến nhiễm, chúng ta sẽ không thốt ra những lời ác ngữ; chúng ta sẽ sống với lòng lân mẫn, với tâm từ bi, với nội tâm không sân hận. Chúng ta sẽ sống biến mẫn người này với tâm câu hữu với từ. Và với người này là đối tượng, ta sống biến mẫn cùng khắp thế giới với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân" Chư Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như vậy.

Chư Tỷ-kheo, như những kẻ đạo tặc hạ liệt, dùng cửa hai lưỡi mà cửa tay, cửa chân; dầu vậy, nếu một ai ở đây khởi ý nhiễm loạn, người ấy do

vậy không phải là người thực hành giáo pháp của Ta.

Ở đây, chư Tỷ-kheo các Ông phải học tập như sau: "Chúng ta sẽ giữ tâm của chúng ta không biến nhiễm; chúng ta sẽ không thốt ra những lời ác ngữ; chúng ta sẽ sống với lòng lân mẫn, với tâm từ bi, với nội tâm không sân hận. Chúng ta sẽ sống bao phủ người này với tâm câu hữu với từ. Và với người này là đối tượng, ta sống biến mẫn cùng khắp thế giới với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân". Chư Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như vậy.

Và này chư Tỷ-kheo, nếu các Ông **luôn luôn suy tư lời dạy ví dụ cái cửa này**, thì này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy loại ngôn ngữ nào, dầu tế nhị hay thô bạo mà các Ông không kham nhẫn được chăng?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Chư Tỷ-kheo, do vậy, hãy luôn luôn suy tư lời dạy ví như cái cửa này, và các Ông sẽ được hạnh phúc an lạc lâu ngày.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

267 Kết luận một chiều - Kinh CANKI – 95 Trung II, 715

KINH CANKI (Canki sutam)

– Bài kinh số 95 – Trung II, 715

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn du hành trong nước Kosala cùng với Đại chúng Tỷ-kheo, và đi đến một làng Bà-la-môn của dân chúng Kosala, tên là Opasada. Thế Tôn trú tại Opasada, tại rừng chư Thiên (Devavana), rừng cây sala (salavana), phía Bắc làng Opasada. Lúc bấy giờ, **Bà-la-môn Canki trú ở Opasada**, một chỗ dân cư đông đúc, cây cỏ, ao nước, lúa gạo phì nhiêu, một vương địa do vua Pasenadi, vua nước Kosala cấp, một ân tứ của vua, một tịnh ấp. Các Bà-la-môn gia chủ ở Opasada được nghe: "Sa-môn Gotama... (như kinh Ratthapala, số 82, trang 497-498 thay chữ Thullakotthita bằng chữ Opasada)... được yết kiến một vị A-la-hán như vậy". Rồi các Bà-la-môn gia chủ ở Opasada, từng đoàn, từng đoàn lũ lượt đi ra khỏi Opasada và đi đến ngõ phía Bắc, rừng chư Thiên, rừng cây sala. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn

Canki đi lên trên lầu để nghỉ trưa. Bà-la-môn Canki thấy các Bà-la-môn gia chủ ở Opasada từng đoàn, từng đoàn lũ lượt đi ra khỏi Opasada và đi đến ngõ phía Bắc rừng chư Thiên, rừng cây sala. Thấy vậy, Bà-la-môn Canki bèn gọi người gác cửa:

– Này người Gác cửa, vì sao các Bà-la-môn gia chủ ở Opasada từng đoàn, từng đoàn lũ lượt đi ra khỏi Opasada và đi đến ngõ phía Bắc, rừng chư Thiên, rừng cây sala như vậy?

– Thưa Tôn giả Canki, có Sa-môn Gotama, dòng họ Thích-ca, xuất gia từ gia tộc Thích-ca đang du hành trong nước Kosala... (như kinh Ratthapala số 82, trang 497) Phật, Thế Tôn. Nay những người ấy đi đến yết kiến Tôn giả Gotama.

– Này người Gác cửa, hãy đi đến các Bà-la-môn gia chủ ở Opasada, khi đến nơi, hãy nói với những Bà-la-môn gia chủ: "Bà-la-môn Canki có nói: "Này các Hiền giả, hãy chờ đợi. Bà-la-môn Canki sẽ tự thân hành đến yết kiến Sa-môn Gotama".

Lúc bấy giờ, có khoảng năm trăm Bà-la-môn, từ nhiều địa phương khác nhau, đến tại Opasada vì một vài công vụ. Những Bà-la-môn nghe: "Bà-la-môn Canki sẽ đi yết kiến Sa-môn Gotama". Những Bà-la-môn ấy đến Bà-la-môn Canki, khi đến xong, liền

thưa với Bà-la-môn Canki:

– Có phải Tôn giả Canki sẽ đến yết kiến Sa-môn Gotama?

– Này các Hiền giả, đó là ý định của ta. Ta sẽ đến yết kiến Sa-môn Gotama.

– Tôn giả Canki, chớ có đến yết kiến Sa-môn Gotama. Thật không xứng đáng cho tôn giả Canki đến yết kiến Sa-môn Gotama; trái lại, thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến Tôn giả Canki. Lại nữa, Tôn giả Canki thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ không bị một vết nhơ nào, không bị một dèm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Vì Tôn giả Canki thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một chỉ trích nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Canki đến yết kiến Sa-môn Gotama; trái lại, thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến Bà-la-môn Canki.

Lại nữa, Tôn giả Canki là nhà giàu có, đại phú, sung túc... (như trên)... Lại nữa, Tôn giả Canki là nhà phúng tụng, nhà trì chú, thông hiểu ba tập Veda với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử

truyền thống là thứ năm, thông hiểu ngữ pháp và văn phạm, biện tài về Thuận thể luận và Đại nhân tướng. Tôn giả Canki đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng người, với màu da thù thắng, khôi ngô tuấn tú, cử chỉ trang nhã, dáng điệu cao thượng. Tôn giả Canki có giới hạnh, trưởng thành trong giới hạnh, thành tựu sự trưởng thành trong giới hạnh. Tôn giả Canki thiện ngôn, dùng lời thiện ngôn, nói lời tao nhã, ý nghĩa minh bạch, giọng nói không bập bẹ phều phào, giải thích nghĩa lý minh xác. Tôn giả Canki là bậc Tôn sư của hàng Tôn sư nhiều người, dạy ba trăm thanh niên Bà-la-môn tụng đọc chú thuật. Tôn giả Candi được vua Pasenadi xứ Kosala kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng. Tôn giả Canki được Bà-la-môn Pokkarasati kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng. Tôn giả Canki sống ở Opasada, một địa phương dân chúng đông đúc, cỏ cây, ao nước phì nhiêu, lúa gạo sung túc, một vương lãnh địa, một tịnh thí địa, một ân tứ của vua Pasenadi nước Kosala. Vì rằng Tôn giả Canki sống ở Opasada... (như trên)... Do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Canki đến yết kiến Sa-môn Gotama; trái lại, thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến Tôn giả Canki.

Nghe nói vậy, Bà-la-môn Canki nói với những vị Bà-la-môn ấy:

– Các Hiền giả hãy nghe ta giải thích, vì sao thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Sa-môn Gotama; trái lại, thật không xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến chúng ta.

- Nay các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một dèm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Do điểm này thật không xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến chúng ta, trái lại, thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Sa-môn Gotama.
- Nay các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia, từ bỏ rất nhiều vàng bạc, bỏ cả loại đang chôn dưới đất lẫn loại trên mặt đất.
- Nay các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama trong tuổi thanh niên, tóc còn đen nhánh, trong tuổi trẻ đẹp của thời niên thiếu, đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.
- Nay các Hiền giả, thật vậy Sa-môn Gotama, dầu song thân không đồng ý, khóc than, nước mắt thấm ướt cả mặt, vẫn cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.
- Nay các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama

đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người với màu da thù thắng, khôi ngô tuấn tú, cử chỉ trang nhã, dáng điệu cao thượng.

- Nay các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama có giới hạnh, gìn giữ giới hạnh của bậc Thánh, có thiện đức, đầy đủ thiện đức.
- Nay các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama thiện ngôn, dùng lời thiện ngôn, nói lời tao nhã, ý nghĩa minh bạch, giọng nói không bập bẹ, phều phào, giải thích nghĩa lý minh xác.
- Nay các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama là bậc Tôn sư các hàng Tôn sư của nhiều người.
- Nay các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama đã diệt trừ tham dục, đã diệt được mọi xao động của tâm.
- Nay các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama chủ trương về nghiệp, chủ trương về hành động, đặt trọng tâm vào chí thiện khi thuyết pháp với chúng Bà-la-môn.
- Nay các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia từ chủng tộc cao quý, từ dòng họ Sát-đế-ly thanh tịnh.
- Nay các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia từ chủng tộc khá giả, đại phú, tài sản sung mãn.

- Nay các Hiền giả, thật vậy, dân chúng băng ngàn vượt biển (băng qua nhiều địa phương, băng qua nhiều quốc độ) đến hỏi đạo Sa-môn Gotama.
- Nay các Hiền giả, thật vậy, có hàng ngàn Thiên nhân đến quy y Sa-môn Gotama.
- Nay các Hiền giả, thật vậy, tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: "Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn".
- Nay các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân.
- Nay các Hiền giả, thật vậy, vua Seniya Bimbisara nước Magadha, cùng với vương tử, cung phi, thị tòng đều quy y Sa-môn Gotama.
- Nay các Hiền giả, thật vậy, vua Pasenadi nước Kosala, cùng với vương tử, cung phi, thị tòng đều quy y Sa-môn Gotama.
- Nay các Hiền giả, thật vậy, Bà-la-môn Pokkharasati cùng với các con, vợ, thị giả đều quy y Sa-môn Gotama.
- Nay các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama đã đến Opasada, nay đang ở tại Opasada về phía

Bắc Opasada, trong rừng chư Thiên, rừng cây sala. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đến ruộng làng chúng ta đều là khách của chúng ta. Đối với khách, chúng ta phải kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng.

Này các Hiền giả, nay Sa-môn Gotama đã đến Opasada, hiện ở tại Opasada, về phía Bắc Opasada, trong rừng chư Thiên, rừng cây sala. Như vậy Sa-môn Gotama là khách của chúng ta. Và đã là khách, chúng ta phải kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng. Do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Gotama đến yết kiến chúng ta, trái lại, thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Tôn giả Gotama.

Này các Hiền giả, đó là những ưu điểm mà ta được biết về Tôn giả Gotama. Tôn giả Gotama không phải có chừng ấy ưu điểm mà thôi. Tôn giả Gotama có đến vô lượng ưu điểm.

Này các Hiền giả, chỉ với một ưu điểm thôi, thật không xứng đáng cho Tôn giả Gotama đến yết kiến chúng ta; thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Tôn giả Gotama. Vậy tất cả chúng ta hãy đi đến yết kiến Tôn giả Gotama.

Rồi Bà-la-môn Canki, cùng với đại chúng Bà-

la-môn đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những người chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.

Lúc bấy giờ Thế Tôn đang ngồi và nói lên với những Bà-la-môn trưởng thượng những lời thân hữu về vấn đề này, vấn đề khác. Khi ấy có thanh niên Bà-la-môn tên Kapathika, trẻ tuổi, đầu cao tọc, mới có mười sáu tuổi, từ khi sanh, thông hiểu ba tập Veda với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm, thông hiểu ngữ pháp và văn phạm, biệt tài về Thuận thế luận và Đại nhân tướng, thanh niên này đang ngồi giữa hội chúng ấy. Thanh niên này thỉnh thoảng cắt đứt cuộc đàm luận giữa Thế Tôn và các vị Bà-la-môn trưởng thượng. Rồi Thế Tôn khiển trách thanh niên Bà-la-môn Kapathika:

– Hiền giả Bharadvaja, chớ có cắt ngang cuộc đàm luận của các Bà-la-môn trưởng thượng. Hiền giả Bharadvaja hãy chờ cho đến khi câu chuyện chấm dứt.

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Canki bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, chớ có khiển trách thanh niên

Bà-la-môn Kapathika. Thanh niên Bà-la-môn Kapathika là Thiện nam tử. Thanh niên Bà-la-môn Kapathika là bậc đa văn. Thanh niên Bà-la-môn Kapathika phát ngôn thiện xảo. Và thanh niên Bà-la-môn Kapathika là bậc có trí. Và thanh niên Bà-la-môn Kapathika có thể đàm luận với Tôn giả Gotama trong vấn đề này.

Thế Tôn nghĩ như sau: "Thật sự thanh niên Bà-la-môn Kapathika này đã thông hiểu ba tập Veda, và các Bà-la-môn tôn trọng người này". Và thanh niên Bà-la-môn Kapathika nghĩ như sau: "*Khi nào Sa-môn Gotama lấy mắt nhìn con mắt ta, ta sẽ hỏi Sa-môn Gotama*".

Rồi Thế Tôn với tâm tư của mình biết được tâm tư của thanh niên Bà-la-môn Kapathika liền lấy mắt nhìn thanh niên Bà-la-môn Kapathika. Thanh niên Bà-la-môn Kapathika suy nghĩ: "Sa-môn Gotama chăm chú nhìn ta, vậy ta hãy hỏi Sa-môn Gotama một câu hỏi". Rồi thanh niên Bà-la-môn Kapathika bạch Thế Tôn:

— *Thưa Tôn giả Gotama, câu chú thuật (mantapadam) của các cổ Bà-la-môn y cứ tiếng đồn, truyền thống và Thánh tạng. Và ở đây, các vị Bà-la-môn chắc chắn đi đến kết luận: "Chỉ đây là sự thật,*

ngoài ra đều là sai lầm". Ở đây, Tôn giả Gotama đã nói gì?

– Nhưng này Bharadvaja, có một Bà-la-môn nào giữa các vị Bà-la-môn đã nói như sau: "Tôi biết việc này, tôi thấy việc này. Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm".

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Nhưng này Bharadvaja, có một vị Tôn sư nào của các vị Bà-la-môn, cho đến vị Tôn sư của các vị Tôn sư trở lui cho đến bảy đời, các vị Đại Tôn sư đã nói như sau: "Tôi biết việc này, tôi thấy việc này. Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm".?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Nhưng này Bharadvaja, thuở xưa những vị ân sĩ giữa các Bà-la-môn, những tác giả các chú thuật, những nhà tụng tán các chú thuật, đã hát, đã nói lên, đã sưu tầm những Thánh cú mà nay những Bà-la-môn hiện tại cũng hát lên, nói lên, đọc lên giống như các vị trước đã làm. Như là Atthaka, Vamaka, Vamadeva, Vessamitta, Yamataggi, Angirasa, Bharadvaja, Vasettha, Kassapa, Bhagu, những vị ấy đã nói như sau: "Tôi biết việc này, tôi thấy việc này. Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm".?

– Thừa không, Tôn giả Gotama.

– Như vậy này Bharadvaja, không có một Bà-la-môn nào nói như vậy với một Bà-la-môn: "Tôi biết việc này, tôi thấy việc này. Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm". Không có một vị Tôn sư nào của các vị Bà-la-môn, một vị Đại Tôn sư, cho đến bảy đời, vị Đại Tôn sư đã nói như sau: "Tôi biết việc này, tôi thấy việc này. Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm".

Thuở xưa những vị ẩn sĩ, giữa các Bà-la-môn, những tác giả các chú thuật, những nhà tụng tán các chú thuật, đã hát, đã nói lên, đã sưu tầm những Thánh cú và nay, những Bà-la-môn hiện tại cũng đã hát lên, nói lên giống như các vị trước đã làm. Như là Attaka, Vamaka, Vamadeva, Vessamitta, Yamataggi, Angirasa, Bharadvaja, Vasettha, Kassapa, Bhagu, những vị ấy không có nói như sau: "Chúng tôi biết việc này, chúng tôi thấy việc này. Chỉ có đây là sự thật, ngoài ta đều là sai lầm".

Ví như này, Bharadvaja, một chuỗi người mù ôm lưng nhau, người trước không thấy, người giữa cũng không thấy, người cuối cùng cũng không thấy.

Cũng vậy, này Bharadvaja. Ta nghĩ rằng, lời nói của các Bà-la-môn cũng giống như chuỗi người

mù: người trước không thấy, người giữa cũng không thấy, người cuối cùng cũng không thấy.

☞ *Này Bharadvaja, Ông nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, có phải lòng tin của các vị Bà-la-môn trở thành không có căn cứ?*

– Thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn không phải chỉ dựa trên lòng tin, các Bà-la-môn ở đây còn dựa trên điều nghe (tùy văn: anussava).

– Trước hết, này Bharadvaja, Ông đi đến lòng tin, nay Ông nói đến tùy văn.

➤ Này Bharadvaja, **năm pháp này có hai quả báo ngay trong hiện tại.** Thế nào là năm? Tín, tùy hỷ, tùy văn, cần nhắc suy tư các lý do, và chấp nhận quan điểm. Này Bharadvaja, năm pháp này có hai quả báo ngay trong hiện tại.

- Tuy vậy, này Bharadvaja, có điều được khéo tin tưởng, có thể là trống không, trống rỗng, hư vọng. Trái lại, có điều không được khéo tin tưởng, có thể là thật, chân, không thay đổi.

- Lại nữa này Bharadvaja, có điều được khéo tùy hỷ... (như trên)

- ... được khéo tùy văn... (như trên)

- ... được khéo cân nhắc suy tư... (như trên)
- ... được khéo chấp nhận có thể là trống không, trống rỗng, hư vọng. Trái lại, có điều không được khéo chấp nhận có thể là thật, chân, không thay đổi.

⇒ Hộ trì chân lý, này Bharadvaja không đủ để một người có trí đi đến kết luận một chiều là: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm"

❖ *Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cho đến mức độ nào là hộ trì chân lý? Cho đến mức độ nào, chân lý được hộ trì? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama về hộ trì chân lý.*

– Này Bharadvaja, nếu có người có lòng tin và nói: "Đây là lòng tin của tôi", người ấy hộ trì chân lý. Nhưng người ấy không đi đến kết luận một chiều: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm". Cho đến như vậy, này Bharadvaja, là sự hộ trì chân lý. Cho đến như vậy, chân lý được hộ trì. Và cho đến như vậy, chúng tôi chủ trương hộ trì chân lý. Nhưng ở đây, chưa phải là giác ngộ chân lý.

Này Bharadvaja, nếu có người có lòng tùy hỷ...

Này Bharadvaja, nếu có người có lòng tùy văn...

Này Bharadvaja, nếu có người có sự cân nhắc suy tư các lý do...

Này Bharadvaja, nếu có người chấp nhận một quan điểm và nói: "Đây là sự chấp nhận quan điểm của tôi", người ấy hộ trì chân lý. Nhưng người ấy không đi đến kết luận một chiều: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra là sai lầm". Cho đến như vậy, này Bharadvaja, là hộ trì chân lý. Cho đến như vậy, này Bharadvaja, chúng tôi chủ trương hộ trì và cho đến như vậy, này Bharadvaja, chúng tôi chủ trương hộ trì chân lý. Nhưng ở đây chưa phải sự giác ngộ chân lý.

– Cho đến như vậy, thưa Tôn giả Gotama là hộ trì chân lý. Cho đến như vậy, thưa Tôn giả Gotama, chân lý được hộ trì. Cho đến như vậy, thưa Tôn giả Gotama chúng con nhìn thấy hộ trì chân lý.

❖ *Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cho đến mức độ nào là giác ngộ chân lý? Cho đến mức độ nào chân lý được giác ngộ? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama về giác ngộ chân lý?*

– Ở đây, này Bharadvaja, Tỷ-kheo sống gần một làng hay một thị trấn. Một gia chủ hay con trai một gia chủ **đi đến vị ấy và tìm hiểu vị ấy trong ba pháp**, tức là tham pháp, sân pháp, si pháp.

Người này nghĩ rằng: "Không hiểu vị Tôn giả ấy có tham ái hay không", do những tham ái này, tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy," hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài". Trong khi xem xét vị ấy, người này biết như sau:

- "Vị Tôn giả ấy không có những tham pháp, do những tham pháp này tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy"; hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài.
- Thân hành của vị ấy là như vậy, khẩu hành là như vậy, là hành động của một người không có lòng tham.
- Còn Tôn giả ấy thuyết pháp, pháp ấy thâm sâu, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, thù thắng, vượt ngoài luận lý suông, tế nhị, được người trí chấp nhận; pháp ấy không thể do một người có lòng tham khéo giảng".

Sau khi xem xét vị ấy và thấy vị ấy trong sạch không có những tham pháp, người kia lại xem xét thêm vị ấy về các sân pháp: "Không hiểu vị Tôn giả

ấy có sân pháp hay không, do những sân pháp này, tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy", hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài". Trong khi xem xét vị ấy, người này biết như sau:

- "Tôn giả ấy không có những sân pháp, do những sân pháp này, tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy", hay xui khiến người khác có những hành động, khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài.
- Thân hành của vị ấy là như vậy, khẩu hành là như vậy, là hành động của một người không có lòng sân.
- Còn Tôn giả ấy thuyết pháp, pháp ấy thâm sâu, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, thù thắng, vượt ngoài luận lý suông, tế nhị, được người trí chấp nhận, pháp ấy không thể do một người có lòng sân khéo giảng".

Sau khi xem xét vị ấy và thấy vị ấy trong sạch, không có những sân pháp, người kia lại xem xét thêm vị ấy về các si pháp: "Không hiểu tôn giả ấy có si

pháp hay không, do những si pháp này, tâm của vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết, vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy", hay xui khiến người khác có hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài". Trong khi xem xét vị ấy, người này biết như sau:

- "Tôn giả ấy không có những si pháp, do những si pháp này, tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết, vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy, vẫn nói: "Tôi thấy", hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài.
- Thân hành của vị ấy là như vậy, khẩu hành là như vậy, là hành động của một người không có lòng si.
- Còn Tôn giả ấy thuyết pháp, pháp ấy thâm sâu, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, thù thắng, vượt ngoài luận lý suông, tế nhị, được người trí chấp nhận, pháp ấy không thể do một người có lòng si khéo giảng".

Sau khi xem xét vị ấy và thấy vị ấy trong sạch, không có những si pháp, người này sanh lòng tin đối với vị ấy.

- Với lòng tin sanh, người này đến gần,
- Khi đến gần liền thân cận giao thiệp,
- Do thân cận giao thiệp, nên lóng tai,
- Do lóng tai, người ấy nghe pháp,
- Sau khi nghe, liền thọ trì pháp,
- Rồi tìm hiểu ý nghĩa các pháp được thọ trì;
- Trong khi tìm hiểu ý nghĩa, các pháp được hoan hỷ chấp nhận;
- Khi các pháp được hoan hỷ chấp nhận, ước muốn sanh,
- Khi ước muốn sanh, liền cố gắng,
- Sau khi cố gắng liền cân nhắc,
- Sau khi cân nhắc, người ấy tinh cần.
- Trong khi tinh cần, người ấy tự thân chứng ngộ tối thượng chân lý, và khi thể nhập chân lý ấy với trí tuệ, người ấy thấy.

Cho đến mức độ này, này Bharadvaja là sự giác ngộ chân lý, cho đến mức độ này, chân lý được giác ngộ, và cho đến mức độ này, chúng tôi chủ trương sự giác ngộ chân lý, nhưng như vậy chưa phải là chứng đạt chân lý.

– Cho đến như vậy, thưa Tôn giả Gotama, là

giác ngộ chân lý, cho đến như vậy, chân lý được giác ngộ, và cho đến như vậy chúng con thấy giác ngộ chân lý.

❖ *Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cho đến mức độ nào là chúng đạt được chân lý, cho đến mức độ nào chân lý được chứng đạt. Chúng con hỏi Tôn giả Gotama về sự chứng đạt chân lý.*

– Này Bharadvaja, **chính nhờ luyện tập, tu tập và hành tập nhiều lần, chân lý mới được chứng đạt.** Cho đến như vậy, này Bharadvaja, là chúng đạt chân lý, cho đến như vậy, chân lý được chứng đạt, cho đến như vậy, chúng tôi chủ trương sự chứng đạt chân lý.

– Cho đến như vậy, thưa Tôn giả Gotama, là chúng đạt chân lý, cho đến như vậy chân lý được chứng đạt, và cho đến như vậy, chúng con thấy chúng đạt chân lý.

❖ *Nhưng trong sự chứng đạt chân lý, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự chứng đạt chân lý, pháp nào được hành trì nhiều?*

– Trong sự **chứng đạt chân lý**, này Bharadvaja, **tinh cần được hành trì nhiều.** Nếu không tinh cần (theo đuổi) chân lý thì không thể chứng đạt chân lý.

Nhưng nếu tinh cần thì chứng đạt được chân lý. Do vậy, trong sự chứng đạt chân lý, tinh cần được hành trì nhiều.

– Trong sự tinh cần, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự tinh cần, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong sự tinh cần, này Bharadvaja, sự cân nhắc được hành trì nhiều. Nếu không cân nhắc thì không thể tinh cần (theo đuổi) chân lý. Nếu có cân nhắc sẽ được tinh cần; do vậy, trong sự tinh cần, cân nhắc được hành trì nhiều.

– Trong sự cân nhắc, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự cân nhắc, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong sự cân nhắc, này Bharadvaja, cố gắng được hành trì nhiều. Nếu không cố gắng thì không thể cân nhắc. Nhưng nếu có cố gắng thì có cân nhắc; do vậy trong sự cân nhắc, thì cố gắng được hành trì nhiều.

– Trong sự cố gắng, Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả

Gotama, trong sự cố gắng, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong sự cố gắng này Bharadvaja, ước muốn được hành trì nhiều. Nếu ước muốn đối với chân lý ấy không khởi lên thì không có cố gắng. Vì ước muốn có khởi lên nên có cố gắng, do vậy, trong sự cố gắng, ước muốn được hành trì nhiều.

– *Trong ước muốn, thưa Tôn giả Gotama pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con muốn hỏi Tôn giả Gotama, trong ước muốn, pháp nào được hành trì nhiều.*

– Trong ước muốn, này Bharadvaja, hoan hỷ chấp nhận pháp được hành trì nhiều. Nếu không hoan hỷ chấp nhận pháp thì ước muốn không khởi lên. Vì có hoan hỷ chấp nhận pháp nên ước muốn khởi lên; do vậy, trong ước muốn, hoan hỷ chấp nhận pháp được hành trì nhiều.

– *Nhưng trong sự hoan hỷ chấp nhận pháp, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự hoan hỷ chấp nhận pháp, pháp nào được hành trì nhiều.*

– Trong sự hoan hỷ chấp nhận pháp, này Bharadvaja, tìm hiểu ý nghĩa được hành trì nhiều.

Nếu không tìm hiểu ý nghĩa thì không hoan hỷ chấp nhận pháp. Và vì có tìm hiểu ý nghĩa nên có sự chấp nhận pháp; do vậy, trong sự hoan hỷ chấp nhận pháp, tìm hiểu ý nghĩa được hành trì nhiều.

– *Nhưng trong sự tìm hiểu ý nghĩa, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự tìm hiểu ý nghĩa, pháp nào được hành trì nhiều.*

– Trong sự tìm hiểu ý nghĩa, này Bharadvaja, **thọ trì pháp** được hành trì nhiều. Nếu không có thọ trì pháp thì không tìm hiểu ý nghĩa. Và vì có thọ trì pháp, nên có tìm hiểu ý nghĩa; do vậy, trong sự tìm hiểu ý nghĩa, thọ trì pháp được hành trì nhiều.

– *Trong sự thọ trì pháp, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Trong sự thọ trì pháp, chúng con hỏi Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều.*

– Trong sự thọ trì pháp, này Bharadvaja, **nghe pháp** được hành trì nhiều. Nếu không nghe pháp thì không có thọ trì pháp. Và do có nghe pháp nên có thọ trì pháp; do vậy, trong sự thọ trì pháp, nghe pháp được hành trì nhiều.

– *Trong sự nghe pháp, thưa Tôn giả Gotama,*

pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự nghe pháp, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong sự nghe pháp, này Bharadvaja, **lóng tai** được hành trì nhiều. Nếu không có lông tai thì không có nghe pháp. Và vì có lông tai nên có nghe pháp; do vậy, trong sự nghe pháp, lông tai được hành trì nhiều.

– Trong sự lông tai, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự lông tai, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong sự lông tai, này Bharadvaja, **thân cận giao thiệp** được hành trì nhiều. Nếu không có thân cận giao thiệp thì không có lông tai. Vì có thân cận giao thiệp nên có lông tai; do vậy, trong sự lông tai, thân cận giao thiệp được hành trì nhiều.

– Trong sự thân cận giao thiệp, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự thân cận giao thiệp, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong sự thân cận giao thiệp, này Bharadvaja, **đi đến gần** được hành trì nhiều. Nếu không đi đến gần thì không có thân cận giao thiệp. Và vì có đi đến

gần nên có thân cận giao thiệp; do vậy, trong sự thân cận giao thiệp, đi đến gần được hành trì nhiều.

– Trong sự đi đến gần, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự đi đến gần, pháp nào được hành trì nhiều.

– Trong sự đi đến gần, này Bharadvaja, lòng tin được hành trì nhiều. Nếu lòng tin không sanh thì không đi đến gần. Và vì lòng tin không sanh nên có đi đến gần; do vậy, trong sự đi đến gần, lòng tin được hành trì nhiều.

– Chúng con đã hỏi Tôn giả Gotama về hộ trì chân lý. Tôn giả Gotama đã trả lời về hộ trì chân lý. Chúng con tùy hỷ và chấp nhận, và do vậy, chúng con hoan hỷ.

Chúng con đã hỏi Tôn giả Gotama về giác ngộ chân lý. Tôn giả Gotama đã trả lời về giác ngộ chân lý. Chúng con đã tùy hỷ và chấp nhận; do vậy, chúng con hoan hỷ.

Chúng con đã hỏi Tôn giả Gotama về chứng đạt chân lý. Tôn giả Gotama đã trả lời về chứng đạt chân lý. Chúng con tùy hỷ và chấp nhận; do vậy, chúng con hoan hỷ.

Trong sự chứng đạt chân lý, chúng con hỏi Tôn giả Gotama về pháp nào được hành trì nhiều. Trong sự chứng đạt chân lý, Tôn giả Gotama đã trả lời pháp nào được hành trì nhiều. Chúng con tùy hỷ và chấp nhận; do vậy, chúng con hoan hỷ.

Chúng con đã hỏi Tôn giả Gotama về bất cứ điều gì, Tôn giả Gotama đã trả lời các điều ấy. Chúng con tùy hỷ và chấp nhận; do vậy, chúng con hoan hỷ.

Thưa Tôn giả Gotama, xưa kia chúng con biết (sự phân biệt) như sau: "Và ai là những Sa-môn trọc đầu, tiện nô, hắc nô, sanh từ gót chân của Phạm thiên (?) và ai là những người hiểu biết Chánh Pháp". **Thật sự Tôn giả Gotama đã làm sống dậy nơi con lòng ái kính Sa-môn đối với các Sa-môn, lòng tin kính Sa-môn đối với các Sa-môn.**

Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! ... (như trên)... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

268 Kết quả thiết thực của người tu - Kinh SAMÔN QUẢ – 2 Trường I, 93

KINH SAMÔN QUẢ – Bài kinh số 2 – Trường I, 93

1. Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở tại Ràjagaha (Vương Xá) nơi vườn xoài của Jīvaka (Kỳ bà) Komàrabhacca, cùng với đại chúng Tỷ-kheo một nghìn hai trăm năm mươi vị. Lúc bấy giờ Ajàtasattu (A-Xà- Thế) con bà Videhi (Vi Đề Hi) vua xứ Magadha (Ma- Kiệt-Đà) nhân lễ Bố Tát vào ngày rằm tháng tư Komudi (cây súng) đang ngồi trên lầu cao trang nghiêm, chung quanh có nhiều đại thần hậu hạ. Lúc bấy giờ Ajàtasattu con bà Videhi, vua xứ Magadha, nhân ngày Bố-Tát cảm hứng nói rằng:

– "Thật khả ái thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng! Thật diễm lệ thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng! Thật mỹ miều thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng! Thật êm dịu thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng! Thật điềm lành thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng! Nay chúng ta nên đến chiêm bái vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, nhờ sự chiêm bái này tâm chúng ta được tịnh tín?".

Khi nghe nói vậy, một đại thần tâu với Ajàtasattu, con bà Videhi vua nước Magadha: "Tâu Đại vương, có Pùrana Kassapa (Phú-La-Ca-Điếp) là vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương đến chiêm bái Pùrana Kassapa này. Chiêm bái Pùrana Kassapa có thể khiến tâm Đại vương được tịnh tín". Khi nghe nói vậy Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha yên lặng không nói gì.

3. Lại một đại thần khác tâu với Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: "Tâu Đại vương, có Makkhali Gosala (Mặt-Già-Lê-Cù-Xá-Lợi) là vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương chiêm bái Makkhali Gosala này. Chiêm bái vị Makkhali Gosala có thể khiến tâm Đại vương được tịnh tín". Khi nghe nói vậy. Ajàtasattu, con bà Videhi vua nước Magadha yên lặng không nói gì.

4. Lại một đại thần khác tâu với Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: "Tâu Đại vương, có Ajita Kesakambali (A-Kỳ-Đa-Kỳ-Xá-Khâm-Bà-La)

là vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương đến chiêm bái Ajita Kesakambali này. Chiêm bái Ajita Kesakambali có thể khiến tâm Đại vương được tịnh tín". Khi nghe nói vậy, Ajàtasattu, còn bà Videhi, vua nước Magadha yên lặng không nói gì.

5. Lại một đại thần khác tâu với Ajàtasattu, con bà Videhi vua nước Magadha: "Tâu Đại vương, có Pakudha Kaccàyana (Bà-phù-đà Ca chiên nê) là vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương đến chiêm bái Pakudha Kaccàyana này. Chiêm bái Pakudha Kaccàyana này có thể khiến tâm Đại vương được tịnh tín". Khi nghe nói vậy. Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha yên lặng không nói gì.

6. Lại một đại thần khác tâu với Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: "Tâu Đại vương, có Sanjaya Belathiputta (Tán-nhã-di Tỳ-la-phê-phát) là vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có

tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương đến chiêm bái Sanjaya Belathiputta này. Chiêm bái Sanjaya Belathiputta này có thể khiến tâm Đại vương tịnh tín". Khi nghe nói vậy, Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha yên lặng không nói gì.

7. Lại một đại thần khác tâu với Ajàtasattu, còn bà Videhi, vua nước Magadha: "Tâu Đại vương, có Nigantha Nàtaputta (Ni kiêu-tử) là vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương đến chiêm bái Nigantha Nàtaputta này. Chiêm bái Nigantha Nàtaputta có thể khiến tâm Đại vương được tịnh tín". Khi nghe nói vậy, Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha yên lặng không nói gì.

8. Lúc bảy giờ Jivaka Komàrabhacca ngồi yên lặng cách Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha không xa bao nhiêu. Khi ấy Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, nói với Jivaka Komàrabhacca:

- Nay khanh Jivaka, sao người lại yên lặng như vậy?

- Tâu Đại vương, chính tại vườn xoài này của chúng con, có Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện đang trú ngụ với đại chúng Tỷ-kheo một nghìn hai trăm năm mươi vị. Thế Tôn Gotama có tiếng đồn tốt đẹp sau đây lan rộng: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn". Đại vương hãy đến chiêm bái Thế Tôn này. Rất có thể, nhờ chiêm bái Thế Tôn, tâm của Đại vương được tịnh tín.

- Vậy khanh Jivaka, hãy cho thắng kiệu voi.

- Vâng, tâu Đại vương.

9. Jivaka Komàrabhacca vâng theo lời dạy của Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, sai người thắng năm trăm con voi cái, và con vương tượng vua thường cỡi, rồi tâu với Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: "Tâu Đại vương, các kiệu voi đã sẵn sàng. Ngài hãy làm những gì Ngài xem là phải thời". Khi bấy giờ Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha biểu các cung phi leo lên năm trăm con voi cái mỗi người một con, còn mình thì leo lên vương tượng vua thường cỡi, xuất hành ra

khỏi Ràjagaha, dưới ánh sáng của các ngọn đuốc được cầm cao, với oai nghi của bậc đại vương, thẳng tiến đến vườn xoài của Jìvaka Komàrabhacca.

10. Khi Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha đi đến không xa vườn xoài, ngài bỗng sợ hãi, kinh hoàng, tóc dựng lên. Lúc bấy giờ Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha sợ hãi, kinh hoàng, tóc dựng lên, nói với Jìvaka Komàrabhacca:

- Này khanh Jivaka, người phản ta chăng? Này khanh Jivaka, người lường gạt ta chăng? Này khanh Jivaka, người nạp ta cho kẻ thù chăng? Tại sao trong một đại chúng lớn như thế này gần một nghìn hai trăm năm mươi vị, mà không có một tiếng đảnh hăng, không có một tiếng ho, không một tiếng ồn?

- Tâu Đại vương, thần không phản lại Ngài, thần không lường gạt Ngài, tâu Đại vương, thần không nạp Ngài cho kẻ thù, tâu Đại Vương, hãy đi thẳng tới; tâu Đại vương hãy đi thẳng tới. Tại chỗ kia trong căn nhà tròn chỗ có những ngọn đèn đang thắp sáng.

11. Lúc bấy giờ, Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha đi cho đến chỗ voi có thể đi được, rồi xuống voi đi đến cửa căn nhà tròn. Khi đến nơi liền nói với Jìvaka Komàrabhacca:

- Nay khanh Jivaka, Thế Tôn ở tại đâu?

- Tâu Đại vương, vị ấy là Thế Tôn. Tâu Đại vương, Thế Tôn ngồi dựa vào cột chính giữa, mặt hướng phía Nam, ngồi trước mặt chúng Tỷ-kheo.

12. Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha liền tiến đến chỗ Thế Tôn. Khi đến rồi, vua đứng một bên. Sau đi đứng một bên, Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha nhìn khắp chúng Tỷ-kheo đang yên lặng an tịnh như một hồ nước trong, cảm hứng nói rằng: "Mong hoàng tử Udàiyibhadda (Ưu-đà-di-bạt-đà) cũng được sự trầm lặng như sự trầm lặng của các vị Tỷ-kheo này vậy".

- Đại vương, hình như tâm trí của Đại vương nặng nhiều về tình thương thì phải?

- Bạch Thế Tôn, con thương hoàng tử Udàiyibhadda rất nhiều. Mong rằng hoàng tử Udàiyibhadda cũng được sự trầm lặng như sự trầm lặng của chúng Tỷ-kheo này vậy.

13. Lúc bấy giờ Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, đánh lễ Thế Tôn, chấp tay vái chào chúng Tỷ-kheo, và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con muốn hỏi Thế Tôn một vấn đề này, nếu Ngài cho phép con hỏi.

- Đại vương cứ hỏi tùy theo ý muốn của Đại vương.

14. Cũng như các công nghệ chức nghiệp này, như điều tượng sư, điều mã sư, xa thuật sư, quân thuật sư, quân kỳ binh, nguyên súy, chiến sĩ, thượng sĩ quan, thám tử, đồng sĩ can đảm như voi chúa, anh hùng, trang giáp binh, nô lệ xuất thân, hỏa đầu quân, thợ hớt tóc, người hầu tắm, thợ làm bánh, nhà làm vòng hoa, thợ giặt, thợ dệt, nhà làm thúng rỏ, thợ đồ gốm, nhà toán số, nhà ấn bản và các công nghệ chức nghiệp khác, chúng hưởng được kết quả thiết thực hiện tại công nghiệp chức nghiệp của chúng. Chúng giúp cho tự thân được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho vợ con được sống an lạc hạnh phúc. Chúng giúp cho cha mẹ được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho bạn bè được sống an lạc hạnh phúc. Chúng dâng các vật cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, sự cúng dường này có ảnh hưởng đến đời sau, liên hệ đến thiên giới, thợ hưởng phước báo an lạc, thác sanh lên cõi trời. **Bạch Đại đức, Ngài có thể chỉ cho rõ ràng kết quả thiết thực, hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?**

15. Nay Đại vương, Đại vương có nhớ đã hỏi câu hỏi

ấy với các vị Sa-môn, Bà-la-môn khác chăng?

- Bạch Ngài, con nhớ đã hỏi câu hỏi ấy với Sa-môn, Bà-la-môn khác.

- Nay Đại vương, hãy nói lại cho nghe, các vị ấy đã trả lời với Đại vương như thế nào, nếu Đại vương không thấy gì trở ngại.

- Bạch Đại đức, con không thấy gì trở ngại đối với đức Thế Tôn và các bậc như đức Thế Tôn.

- Vậy Đại vương hãy nói đi.

16. Bạch Đại đức, một thời con đến Pùrana Kassapa, khi đến nơi, con nói lên những lời đón chào, chúc tụng thân hữu và xã giao với Pùrana Kassapa và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Pùrana Kassapa: "Ngài Kassapa, cũng như các công nghệ, chức nghiệp này, như điều tượng sư, điều mã sư, xa thuật sư, cung thuật sư, quân kỳ binh, nguyên súy, chiến sĩ, thượng sĩ quan, thám tử, đồng sĩ can đảm như voi chúa, anh hùng, trang giáp binh, nô lệ xuất thân, hỏa đầu quân, thợ hớt tóc, người hầu tắm, thợ làm bánh, nhà làm vòng hoa, thợ giặt, thợ dệt, nhà làm thúng rỏ, thợ đồ gốm, nhà toán số, nhà ấn bản và các công nghệ chức nghiệp khác, chúng hưởng được kết quả thiết thực, hiện tại công nghệ

chức nghiệp của chúng. Chúng giúp cho tự thân được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho cha mẹ được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho vợ con được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho bạn bè được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng dâng các vật cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, sự cúng dường này có ảnh hưởng đến đời sau, liên hệ đến thiên giới, thọ hưởng phước báo an lạc, thác sanh lên cõi trời. Bạch Ngài, Ngài có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?"

17. Bạch Đại đức, khi nghe nói vậy, Pùrana Kassapa đã nói với con: "Này Đại vương, tự làm hay khiến người làm, chém giết hay khiến người chém giết, đốt nấu hay khiến người đốt nấu, gây phiền muộn hay khiến người gây phiền muộn, gây áo não hay khiến người gây áo não, tự mình gây sợ hãi hay khiến người gây sợ hãi, sát sanh, lấy của không cho, phá cửa nhà mà vào, cướp bóc, đánh cướp một nhà lẻ loi, chặn đường cướp giựt, tư thông vợ người, nói láo, hành động như vậy không có tội ác gì. Nếu lấy một bánh xe sắc bén giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất thành một đồng thịt, thành một chồng chít, cũng không vì vậy mà có tội ác, mà gây ra tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Nam sông Hằng giết hại, tàn sát, chém giết, khiến người chém giết, đốt nấu, khiến người đốt nấu, cũng không vì vậy mà có tội ác, mà

gây ra tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Bắc sông Hằng bỏ thí, khiến người bỏ thí, té lể, khiến người té lể, cũng không vì vậy mà có phước báo".

Bạch Đại đức, khi được hỏi về kết quả hiện tại thiết thực của hạnh Sa-môn, Pùrana Kassapa đã trả lời với **thuyết vô nghiệp**. Bạch Đại đức, cũng như hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít, hoặc hỏi về trái mít lại trả lời về trái xoài. Cũng vậy, Bạch Đại đức, khi được hỏi về kết quả hiện tại thiết thực của hạnh Sa-môn, Pùrana Kassapa đã trả lời với thuyết vô nghiệp, bạch Đại đức, con nghĩ: "Làm sao một người như con lại có thể làm một vị Sa-môn hay Bà-la-môn ở trong nước con không được vui lòng?" Vì vậy bạch Đại đức, con không tán thán, cũng không cật nạn lời nói của Pùrana Kassapa. Không tán thán, không cật nạn, dầu không mãn nguyện cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng như không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

19. Bạch Đại đức, một thời con đến Makkhali Gosàla (Mạt-già-lê-cù-xá-lợi). Khi đến nơi, con nói lên những lời đón chào tụng thân hữu và xã giao với Makkhali Gosàla và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Makkhali Gosàla: "Ngài Gosàla, cũng như các công kỹ nghệ chức nghiệp như điều tượng sư... (như trên)... Bạch Ngài,

Ngài có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?"

20. Bạch Đại đức, khi nghe nói vậy, Makkhali Gosàla đã nói với con: "Này Đại vương, không có nhơn, không có duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô; vô nhơn, vô duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô. Không có nhơn, không có duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh; vô nhơn, vô duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh. Không có tự tác, không có tha tác, không có nhơn tác, không có lực, không có tinh tấn, không có nhơn lực, không có sự cố gắng của người. Tất cả loài hữu tình, tất cả sanh vật, tất cả sinh loại, tất cả sinh mạng đều không tự tại, không lực, không tinh tấn. Chúng bị dắt dẫn, chi phối bởi định mệnh, bởi điều kiện bộ loại của chúng, bởi cá tánh của chúng. Chúng hưởng thọ khổ lạc, y theo sáu loại thác sanh của chúng. Có tất cả là một triệu bốn trăm ngàn chủng loại thác sanh, lại có thêm sáu ngàn và có thêm sáu trăm nữa. Có năm trăm loại nghiệp và có năm nghiệp (theo năm căn), lại có ba nghiệp (về thân, khẩu, ý) lại có toàn nghiệp (thân và khẩu) và bán nghiệp (ý), có sáu mươi hai đạo, sáu mươi hai trung kiếp, sáu giai cấp, tám nhân địa, bốn ngàn chín trăm sanh nghiệp, bốn ngàn chín trăm kẻ du hành, bốn ngàn chín trăm chỗ ở của loài Nàga, hai nghìn căn, ba nghìn cảnh địa ngục, ba mươi sáu trần giới, bảy

tướng thai, bảy vô tướng thai, bảy tiết thai (sinh từ đốt), bảy loài thiên, bảy loài người, bảy loài quỷ, bảy hồ nước, bảy pavutas (rừng hay hồ nhỏ) bảy trăm pavutas bảy vực thăm, bảy trăm papatas (vực thăm), bảy mộng, bảy trăm mộng, có tám trăm bốn mươi vạn đại kiếp, trong thời gian ấy kẻ ngu và người hiền sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ trừ tận khổ đau. Không có lời nguyện: với giới hạnh này, với kỷ luật này, với khổ hạnh này hay với phạm hạnh này, tôi sẽ làm cho chín muồi những nghiệp chưa được thuần thực, hoặc trừ diệt những nghiệp đã thuần thực bởi những nhân thọ liên tục, không thể đo lường khổ và lạc với những vật đo lường, trong khi luân hồi không có giảm tăng, không có thặng dư, thiếu thốn. Ví như một cuộn chỉ được tung ra sẽ được kéo dài đến mức độ nào đó. Cũng như vậy, kẻ ngu và người hiền sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ trừ tận khổ đau".

21. Bạch Đại đức, khi được con hỏi kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Makkhali Gosàla đã trả lời với **thuyết luân hồi tịnh hóa**. Bạch Đại đức, cũng như hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít, hoặc hỏi về trái mít lại trả lời về trái xoài. Cũng vậy, bạch Đại đức, khi được hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Makkhali Gosàla đã trả lời với thuyết luân hồi tịnh hóa. Bạch Đại đức, con liền nghĩ: "Làm sao một người như con, lại có thể làm một vị Sa-môn hay

Bà-la-môn ở trong nước con không được vui lòng?" Vì vậy, bạch Đại đức, con không tán thán cũng không cật nạn lời nói của Makkhali Gosàla; không tán thán, không cật nạn, dầu không mãn nguyện cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

22. Bạch Đại đức, một thời con đến Ajita Kesakambàli (A-kỳ-đa-xí-xá-khâm-bà-la) khi đến nơi con nói lên những lời đón chào, chúc tụng thân hữu và xã giao với Ajita Kesakambàli, và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Ajita Kesakambàla: "Ngài Ajita Kesakambàli, cũng như các công nghệ chức nghiệp như điều tượng sư... (như trên)... Bạch Ngài, Ngài có thể chỉ cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?"

23. Bạch Đại đức, khi được nói vậy, Ajita Kesakambàli đã nói với con: "Này Đại vương, không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thực các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có mẹ, không có cha, không có loại hóa sanh, ở đời không có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng tri giác ngộ đời này đời khác và truyền dạy lại. Con người này do bốn đại hợp thành, khi mệnh chung, địa đại trở về trả lại cho địa giới,

thủy đại trở về trả lại cho thủy giới, hỏa đại trở về trả lại cho hỏa giới, phong đại trở về trả lại cho phong giới, các căn nhập vào hư không. Bốn người gánh quan tài với người nằm trong quan tài là năm, gánh người chết mang đi đến chỗ hỏa táng, thốt ra những lời tán tụng, các xương trắng như màu bồ câu và những vật cúng dường trở thành tro bụi, chỉ có người ngu mới tán dương sự bố thí, lời nói của chúng trống không, giả dối, khi chúng chấp thuyết có sự sống. Kẻ ngu cũng như người hiền, sau khi thân hoại mạng chung sẽ đoạn diệt, tiêu thất, không còn tồn tại sau khi chết. "

24. Bạch Đại đức, khi được con hỏi kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Ajita Kesakambali đã trả lời với **thuyết đoạn diệt**. Bạch Đại đức, cũng như hỏi về trái mít lại trả lời về trái xoài, hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít. Cũng vậy, bạch Đại đức, khi được hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Ajita Kesakambali đã trả lời với thuyết đoạn diệt. Bạch Đại đức, con liền nghĩ: "Làm sao một người như con lại có thể làm một vị Sa-môn hay Bà-la-môn ở trong nước con không được vui lòng". Vì vậy bạch Đại đức, con không tán thán, cũng không cất nạn lời nói của Ajita Kesakambali. Không tán thán, không cất nạn, dầu không mãn nguyện cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng không bác bỏ,

con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

25. *Bạch Đại đức, một thời con đến Pakudha Kaccayana (Bà-phù-đả-ca-chiên-diên). Khi đến nơi con nói lên những lời đón chào, chúc tụng thân hữu và xã giao với Pakudha Kaccayana và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Pakudha Kaccayana: "Ngài Pakudha Kaccayana, cũng như các công nghệ chúc nghiệp, như điều tượng sư... (như trên)... Bạch Ngài, Ngài có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?"*

26. Bạch Đại đức, khi được nói vậy, Pakudha Kaccayana nói với con: "Này Đại vương, có bảy thân không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động không chuyển biến, không xâm lấn nhau. Chúng không ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau hoặc cả khổ và lạc. Bảy thân ấy là gì? Địa thân, thủy thân, hỏa thân, phong thân, khổ, lạc và thứ bảy là mạng. Bảy thân này không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động không chuyển biến, không xâm lấn, chúng không ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau, hoặc cả khổ và

lạc. Ở đây không có người giết hại, hoặc có người bị giết hại, người nghe hoặc người nói, người biết hoặc người khiến cho biết. Khi một ai dùng lưỡi kiếm sắc bén chém đầu, thời không có ai tước đoạt sanh mạng của ai cả, lưỡi kiếm chỉ rơi vào giữa bảy thân mà thôi".

27. Bạch Đại đức, khi được con hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Pakudha Kaccayana đã **trả lời một việc khác với một quan điểm khác**. Bạch Đại đức, cũng như hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít, hoặc hỏi về trái mít lại trả lời về trái xoài. Cũng vậy, Bạch Đại đức, khi được hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Pakudha Kaccayana đã trả lời một việc khác với một quan điểm khác. Bạch Đại đức, con liền nghĩ: "Làm sao một người như con lại có thể làm một vị Sa-môn, hay Bà-la-môn ở trong nước con không được vui lòng". Vì vậy, bạch Đại đức, con không tán thán, không cất nán, bỏ lời nói của Pakudha Kaccayana. Không tán thán, không cất nán, dầu không mãn nguyện, cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng không bác bỏ, con từ chỗ ngồi và đứng dậy ra về.

28. *Bạch Đại đức, một thời con đến Nigantha Nàtaputta (Ni-kiền-tử). Khi đến nơi, con nói lên những lời đón chào, chúc tụng thân hữu và xã giao*

với Nigantha Nàtaputta và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Nigantha Nàtaputta: "Ngài Aggivessana, các công nghệ chức nghiệp như điều tượng sư, ... (như trên) ... Bạch Ngài, Ngài có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn?"

29. Bạch Đại đức, khi được hỏi vậy, Nigantha Nàtaputta nói với con: "Này Đại vương, một người Nigantha (Ni kiên tử) sống chế ngự bởi bốn loại cảm giới. Này Đại vương, thế nào là một người Nigantha sống chế ngự bởi bốn loại cảm giới? Này Đại vương, một Nigantha sống gìn giữ đối với tất cả loại nước, gìn giữ đối với mọi ác pháp, sống tẩy sạch tất cả ác pháp và sống với ý chí gìn giữ đối với tất cả ác pháp. Này Đại vương, như vậy một Nigantha sống chế ngự bởi bốn loại cảm giới. Này Đại vương, vì một Nigantha sống chế ngự bởi bốn loại cảm giới, nên vị ấy được gọi là Gotatto (một vị đã đi đến đích), Yatatto (một vị đã điều phục tự tâm) và Thitatto (một vị đã an trú được tự tâm)".

30. Bạch Đại đức, khi được con hỏi đến kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Nigantha Nàtaputta đã trả lời với sự chế ngự bởi bốn loại cảm giới. Bạch Đại đức, cũng như hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít, hoặc hỏi về trái mít lại trả lời về trái xoài. Cũng

vậy, bạch Đại đức, khi được hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Nigantha Nàtaputta đã trả lời với sự chế ngự bởi bốn cảm giới. Bạch Đại đức, con liền nghĩ: "Làm sao một người như con lại có thể làm một vị Sa-môn hay Bà-la-môn ở trong nước con không được vui lòng". Vì vậy, bạch Đại đức, con không tán thán, cũng không cật nạn lời nói của Nigantha Nàtaputta. Không tán thán không cật nạn, dù không mãn nguyện, cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

31. Bạch Đại đức, một hôm con đến Sanjaya Belatthiputta (Tán-nhã-di-Tỳ-la-lê-phát). Khi đến nơi, con nói lên những lời đón chào chúc tụng thân hữu và xã giao với Sanjaya Belatthiputta và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Sanjaya Belatthiputta: "Ngài Sanjaya, các công nghệ chúc nghiệp như điều tượng sư... (như trên)... Bạch Ngài, Ngài có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?"

32. Bạch Đại đức, khi được nói vậy, Sanjaya Belatthiputta đã trả lời với con: "Nếu anh hỏi: "Có một thế giới khác hay không?" Nếu tôi nghĩ: "Có một thế giới khác", tôi có thể trả lời với anh: "Có một thế giới khác". Nhưng tôi không nói là như vậy, tôi

không nói là như kia, tôi không nói là khác như thế, tôi không nói là không phải thế, tôi không nói là không không phải thế. Nếu anh hỏi tôi: "Không có một thế giới khác phải không?... " (như trên)... (trang 27, đoạn 27)... Cũng có và cũng không có một thế giới khác... Cũng không có và cũng không không có một thế giới khác... Có loài hữu tình hóa sanh... Không có loài hữu tình hóa sanh... Cũng có và cũng không có loài hữu tình hóa sanh... Cũng không có và cũng không không có loài hữu tình hóa sanh... Có kết quả dị thực của những nghiệp thiện và ác... Không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện ác... Cũng có và cũng không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện ác... Cũng không có và cũng không không có kết quả dị thực của các nghiệp thiện ác... Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không có tồn tại sau khi chết... Như Lai không có và không không có tồn tại sau khi chết. Anh hỏi tôi như vậy. Nếu tôi nghĩ: Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết. Tôi có thể trả lời: Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết. Anh hỏi tôi như vậy. Nếu tôi nghĩ: Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết. Tôi có thể trả lời: Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết. Nhưng tôi không nói là như vậy, tôi không nói là như kia, tôi không nói là khác như thế, tôi không nói là không

phải thế, tôi không nói là không không phải thế".

33. Bạch Đại đức, khi được con hỏi kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Sanjaya Belatthiputta đã trả lời với **Nguy biên luận**. Bạch Đại đức, cũng như hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít , hoặc hỏi trái mít lại trả lời trái xoài. Cũng vậy, bạch Đại đức, khi được hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Sanjaya Belatthiputta đã trả lời với **Nguy biên luận**. Bạch Đại đức, con liền nghĩ: "Làm sao một người như con, lại có thể làm một vị Sa-môn hay Bà-la-môn ở trong nước con không được vui lòng". Vì vậy, Bạch Đại đức, con không tán thán cũng không cật nạn lời nói của Sanjaya Belatthiputta. Không tán thán, không cật nạn, dầu không mãn nguyện, cũng không thốt ra lời bất mãn. Không công nhận cũng không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

34. *Vậy nên bạch Đại đức, con cũng hỏi Thế Tôn. Bạch Đại đức, cũng như các công nghệ chức nghiệp. Như điều tượng sư, điều mã sư, xa thuật sư, cung thuật sư, quân kỳ binh, nguyên soái, chiến sĩ, thượng sĩ quan, thám tử, dũng sĩ can đảm như voi chúa, anh hùng, trang giáp binh, nô lệ xuất thân, hỏa đầu quân, thợ hót tóc, người hầu tắm, thợ làm bánh, nhà vòng hoa, thợ giặt, thợ dệt, nhà làm thúng rổ, thợ đồ gốm, nhà toán số, nhà ấn bản, các công nghệ chức nghiệp*

*khác. Chúng hưởng được kết quả thiết thực hiện tại công nghệ chức nghiệp của chúng. Chúng giúp cho tự thân được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho cha mẹ được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho vợ con được sống an lạc hạnh phúc. Chúng giúp cho bạn bè được sống an lạc hạnh phúc. Chúng dâng các vật cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, sự cúng dường này có ảnh hưởng đến đời sau, liên hệ đến thiên giới, thọ hưởng phước báo an lạc, thác sanh lên cõi trời. **Bạch Đại đức, Đại đức có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?***

- Đại vương có thể được. Nay Đại vương, ta sẽ hỏi Đại vương về vấn đề này. Đại vương hãy trả lời tùy theo ý muốn của Đại vương.

35. Đại vương nghĩ sao? Nếu Đại vương có một người nô bộc, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái, chú ý từng nét mặt (của Đại vương). Người ấy nghĩ: "Thật hy hữu thay! Thật kỳ diệu thay quả vị thác sanh của các công đức, quả dị thực của các công đức. Đức vua Ajàtasattu, con của bà Videhi của nước Magadha, là người, tôi đây là người. Vị vua Ajàtasattu con bà Videhi, của nước Magadha, sống tận hưởng đầy đủ năm món dục lạc, tôi nghĩ không

khác gì vị thiên thần, còn tôi là người nô bộc, làm mọi công việc, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái, chú ý từng nét mặt (của vua). Vậy ta hãy làm các công đức như vua kia, ta hãy cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà sa, từ bỏ gia đình xuất gia tu đạo". Và người nô lệ ấy, một thời khác, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia tu đạo. Sau khi xuất gia như vậy, người ấy sống chế ngự thân, sống chế ngự lời nói, sống chế ngự ý nghĩ, bằng lòng với nhu cầu tối thiểu về ăn uống, y áo, hoan hỷ sống an tịnh. Nếu những người của Đại vương đến tâu với Đại vương. "Đại vương có biết chăng? Có người nô bộc của Đại vương, làm mọi công việc, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái, chú ý từng nét mặt (của Đại vương). Tâu Đại vương, người ấy đã cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia tu đạo. Sau khi xuất gia như vậy, người ấy sống chế ngự thân, chế ngự lời nói, chế ngự ý nghĩ, bằng lòng với nhu cầu tối thiểu về ăn uống, y áo, hoan hỷ sống trong an tịnh". Nay Đại vương, Đại vương có nói như vậy chăng?: "Người ấy hãy lại với ta, hãy làm lại người nô bộc, làm mọi công việc, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái chú ý từng nét mặt".

36. – Bạch Đại đức, không như vậy. Trái lại chúng con kính lễ người ấy, đứng dậy trước người ấy, mời người ấy ngồi xuống ghế, cúng dường người ấy các dụng cụ như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, thuốc men trị bệnh và chúng con sẽ ra lệnh để bảo vệ, che chở người ấy đúng theo luật pháp.

- Nay Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu quả như vậy, thì đó có phải chẳng là kết quả thiết thực hiện tại hạnh Sa-môn?

- Bạch Đại đức, như vậy chính là kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn.

- Nay Đại vương đó là kết quả thiết thực hiện tại thứ nhất của hạnh Sa-môn mà Ta đã trình bày.

37. Bạch Đại đức, có thể cho biết một kết quả thiết thực hiện tại khác hơn nữa của hạnh Sa-môn?

- Nay Đại vương, có thể được. Nay Đại vương. Ta sẽ hỏi Đại vương về vấn đề này. Đại vương hãy trả lời tùy theo ý muốn của Đại vương. Đại vương nghĩ sao? Nếu Đại vương có một người nông phu, gia chủ, nạp thuế má, làm giàu công khó. Người ấy nghĩ: "Thật hy hữu thay! Thật kỳ diệu thay quả vị thác sanh của các công đức, quả vị thực của các công đức. Vị vua Ajàtasattu, con của bà Videhi, nước Magadha, là

người, tôi cũng là người. Vị vua Ajàtasattu, con bà Videhi nước Magadha, sống tận hưởng đầy đủ năm món dục lạc, tôi nghĩ không khác gì vị thiên thần. Còn tôi là người nông phu, gia chủ, nạp thuế má, làm giàu công khó. Vậy ta hãy làm các công đức như vua kia. Ta hãy cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia tu đạo". Và người nông phu ấy, một thời khác, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia tu đạo. Sau khi xuất gia như vậy, người ấy sống chế ngự thân, chế ngự lời nói, chế ngự ý nghĩ, bằng lòng với nhu cầu tối thiểu về ăn uống, y áo, hoan hỷ sống an tịnh. Nếu những người của Đại vương đến tâu với Đại vương: "Đại vương có biết chăng? Có người nông phu của Đại vương, người gia chủ, nạp thuế má, làm giàu công khó. Tâu Đại vương, người ấy đã cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia tu đạo. Sau khi xuất gia như vậy, người ấy sống chế ngự thân, chế ngự lời nói, chế ngự ý nghĩ, bằng lòng với nhu cầu tối thiểu về ăn uống, y áo, hoan hỷ sống an tịnh". Nay Đại vương, Đại vương có nói: "Người hãy đến lại với ta, hãy làm lại người nông phu, gia chủ, nạp thuế má, làm giàu công khó"?

38. Bạch Đại đức, không như vậy. Trái lại chúng con kính nể người ấy, đứng dậy trước người ấy, mời

người ấy ngồi xuống ghế, cúng dường người ấy các dụng cụ như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, thuốc men trị bệnh. Và chúng con sẽ ra lệnh để bảo vệ, che chở người ấy đúng theo luật pháp.

- Nay Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu quả như vậy thời đó có phải là kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?

- Bạch Đại đức, như vậy chính là kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn.

- Nay Đại vương, đó là kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, mà Ta trình bày.

39. Bạch Đại đức, có thể cho biết một kết quả thiết thực hiện tại khác nữa của hạnh Sa-môn, vi diệu hơn, thù thắng hơn những kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn vừa kể trên?

- Nay Đại vương có thể được. Nay Đại vương, hãy lắng tai nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

- Vâng, Đại đức. Vua Ajàtasattu con bà Videhi vua xứ Magadha trả lời Thế Tôn. Thế Tôn nói:

40. Nay Đại vương, nay ở đời, Như Lai xuất hiện là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc,

Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Như Lai sau khi riêng tự chứng ngộ với thượng trí, thế giới này với thiên giới, ma giới, phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên Nhơn, lại tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện đầy đủ văn nghĩa, Ngài truyền dạy phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh.

41. Người gia trưởng, hay con vị gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp (hạ tiện) nào nghe pháp ấy. Sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tín ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tín ngưỡng ấy, vị này suy nghĩ: **"Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình"**. Một thời gian sau, người ấy bỏ tài sản nhỏ hay tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, và xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

42. Khi đã xuất gia như vậy, vị ấy sống chế ngự với

sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và học tập trong giới học, thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh. Sanh hoạt trong sạch giới hạnh cụ túc, thủ hộ các căn, chánh niệm tỉnh giác, và biết tri túc.

43. Đại Vương! Thế nào là Tỷ-kheo giới hạnh cụ túc?

Ở đây, này Đại Vương, Tỷ-kheo từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến tất cả hạnh phúc của chúng sanh và loài hữu tình. **Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.**

Vị ấy từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp, như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

44. Tỷ-kheo từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ trên sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt, không phản lại đối với đời. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đến chỗ kia nói để sanh chia

rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy Tỷ-kheo ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, thoả mái trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác. Vị ấy nói những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về chánh pháp, nói những lời về luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

45. Vị ấy từ bỏ làm hại đến các hạt giống và các loại cây cỏ, dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm. Từ bỏ ăn phi thời. Từ bỏ đi xem múa, hát nhạc, diễn kịch. Từ bỏ trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Từ bỏ dùng giường cao và giường lớn. Từ bỏ nhận vàng và bạc. Từ bỏ nhận các

hạt sống. Từ bỏ nhận thịt sống. Từ bỏ nhận đàn bà con gái. Từ bỏ nhận nô tỳ gái và trai. Từ bỏ nhận cừu và dê. Từ bỏ nhận gia cầm và heo. Từ bỏ nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái. Từ bỏ nhận ruộng nương, đất đai. Từ bỏ nhận người môi giới hoặc tự mình làm môi giới. Từ bỏ buôn bán. Từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường. Từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo. Từ bỏ làm thương tổn, sát hại câu thúc, bứt đoạt, trộm cắp, cướp phá. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

46. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống làm hại các hạt giống và cây cối như hạt giống từ rễ sanh, hạt giống từ nhánh cây sanh, hạt giống từ đốt cây sanh, hạt giống từ chiết cây sanh, và thứ năm là hạt giống từ hạt giống sanh. Còn vị ấy thì không làm hại hạt giống hay cây cỏ nào. **Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.**

47. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cất chứa và thọ hưởng các đồ vật như cất chứa các món ăn, cất chứa các đồ uống, cất chứa vải, cất chứa xe cộ, cất chứa các đồ nằm, cất chứa các hương liệu, cất chứa các mỹ vị. Còn vị ấy thì từ bỏ cất chứa các vật trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới

luật.

48. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống theo các du hí không chơn chánh như múa, hát, nhạc kịch, ngâm vịnh, nhịp tay, tụng chú, đánh trống, diễn các tuồng thần tiên, mãi võ, đấu voi, đấu ngựa, đấu trâu, đấu bò đực, đấu dê, đấu cừu, đấu gà, đấu chim cun cút, đấu gậy, đấu quyền, đấu vật, đánh giặc giả, dàn trận, thao dượt, diễn binh. Còn vị ấy thì từ bỏ các du hí không chơn chánh như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

49. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống đánh bài và theo các trò giải trí. Như cờ tám hình vuông, cờ mười hình vuông, cờ trên không, trò chơi trên đất, chỉ bước vào những ô có quyền bước, trò chơi quăng thẻ rồi chụp nhưng không cho sụp đổ, chơi súc sắc, chơi khăng, lấy tay làm viết, chơi banh, chơi thổi kèn bằng lá, cày với chiếc cày giả, nhảy lộn nhào, chơi chong chóng, chơi với đồ chơi bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ, chơi đoán chữ viết thiết trên không hay trên lưng, chơi đoán tư tưởng, chơi bắt chước bộ điệu. Còn vị ấy thì từ bỏ đánh bài và các loại giải trí như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

50. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn sống dùng các giường cao và giường lớn như ghế bành, ghế trường kỷ, nệm trải giường bằng len, vải trải giường nhiều tấm nhiều màu, chăn len trắng, chăn len thêu bông, nệm bông, nệm thêu hình các con thú, mền bằng lông thú cả hai phía mền bằng lông thú một phía, mền có đính ngọc, mền bằng lụa, tấm khảm lớn có thể chứa mười sáu người múa, mền voi, mền ngựa, mền xe, mền bằng da sơn dương khâu lại với nhau, mền bằng da con sơn dương khâu lại gọi là Kadali, tấm thảm với lều che phía trên, ghế dài có gối đầu, gối chân màu đỏ. Còn vị ấy thì từ bỏ không dùng các giường cao và giường lớn như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

51. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn sống dùng các đồ trang sức và mỹ phẩm như thoa dầu, đắp bóp, tắm, đập tay chân cho mềm dẻo, gương kem đánh mặt, vòng hoa và phấn son, phấn mặt và sáp mặt, vòng tay tóc giả trên đầu, gậy cầm tay, ống thuốc, gương, lọng, dép thêu, khăn đầu, ngọc, phất trần, vải trắng có viền tua dài. Còn vị ấy thì không dùng các loại trang sức và mỹ phẩm như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

52. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn sống nói những câu chuyện vô ích tầm thường như câu chuyện nói về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, câu chuyện về hải hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về vải mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị tứ, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về đàn ông, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, các câu chuyện biến trạng của thế giới, câu chuyện về biến trạng của đại vương, câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu. Còn vị ấy thì từ bỏ nói những chuyện vô ích, tầm thường kể trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

53. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống bàn luận tranh chấp như nói: "Người không biết pháp và luật này, tôi biết pháp và luật này. Sao người có thể biết pháp và luật này? Người đã phạm vào tà kiến, tôi nói mới thật đúng chánh kiến. Lời tôi nói

mới tương ứng, lời nói của người không tương ứng. Những điều đáng nói trước, người lại nói sau. Những điều đáng nói sau người lại nói trước. Chủ kiến của người đã bị bài bác, câu nói của người đã bị thách đấu. Người đã bị thuyết bại. Hãy đến mà giải vây lời nói ấy. Nếu có thể được, gắng thoát ra khỏi lối bí". Còn vị ấy thì từ bỏ những cuộc biện luận, tranh chấp kể trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

54. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cho đưa các tin tức, hoặc tự đứng làm môi giới như cho các vua, các đại thần của vua, cho các vị Sát-đế-ly, cho các vị Bà-la-môn, cho các gia chủ cho các thanh niên và nói rằng: "Hãy đi đến chỗ ấy, hãy đi lại chỗ kia, mang cái này lại, đem cái này đến chỗ kia". Còn vị ấy thì từ bỏ đưa các tin tức và đứng làm môi giới. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

55. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống lừa đảo, nói lời siểm nịnh, gợi ý, dèm pha, câu lợi. Còn vị ấy thì từ bỏ nói lời lừa đảo và siểm nịnh như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

56. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà hạnh như xem tướng tay chân, chiêm tướng, triêu tướng, mộng tướng, thân tướng, dấu chuột cắn, tế lửa, tế ruộng, dùng miệng phun hạt cải v. v... vào lửa, tế vỏ lúa, tế tấm, tế gạo, tế thực tô, tế máu, khoa xem chi tiết, khoa xem địa lý, khoa xem mộng, khoa cầu thần ban phước, khoa cầu quỷ ma, khoa dùng bùa chú khi ở trong nhà bằng đất, khoa rắn, khoa thuốc độc, khoa bò cạp, khoa chim, khoa chim quạ, khoa đoán số mạng, khoa ngửa tên bắn, khoa biết tiếng nói của chim. Còn vị ấy thì tránh xa những tà hạnh kể trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

57. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như xem tướng các hòn ngọc, tướng que gậy, tướng áo quần, tướng gương kiếm, tướng mũi tên, tướng cây cung, tướng võ khí, tướng đàn bà, tướng đàn ông, tướng thiếu niên, tướng thiếu nữ, tướng đầy tớ nam, tướng đầy tớ nữ, tướng voi, tướng ngựa, tướng trâu, tướng bò đực, tướng bò cái, tướng dê, tướng cừu, tướng gia cầm, tướng chim cun cút, tướng con các kè, tướng vật tai dài, tướng ma, tướng thú vật. Còn vị ấy thì tránh xa những tà mạng kể trên. Như vậy là giới hạnh của vị

ấy trong giới luật.

58. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng, như đoán trước: "Vua sẽ tiến quân, vua sẽ lùi quân, vua bản xứ sẽ tấn công, vua ngoại bang sẽ triệt thối, vua bản xứ sẽ thắng trận, vua ngoại bang sẽ thắng trận, vua bản xứ sẽ bại trận. Như vậy sẽ có sự thắng trận cho phe bên này, sẽ có sự bại trận cho phe bên kia". Còn vị ấy thì từ bỏ những tà mạng kể trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

59. Trong khi có một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn nuôi sống bằng những tà mạng, như đoán trước: "Sẽ có nguyệt thực, sẽ có nhật thực, sẽ có tinh thực, mặt trăng, mặt trời sẽ đi đúng chánh đạo, mặt trăng mặt trời sẽ đi ngoài chánh đạo, sẽ có sao băng, các tinh tú sẽ đi đúng chánh đạo, các tinh tú sẽ đi ngoài chánh đạo, sẽ có sao băng, sẽ có lửa cháy các phương hướng, sẽ có động, sẽ có sấm trời, mặt trăng mặt trời các sao sẽ mọc, sẽ lặn, sẽ mờ, sẽ sáng, nguyệt thực sẽ có kết quả như thế này, nhật thực sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, các tinh tú đi

đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, các tinh tú đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, sao băng sẽ có kết quả như thế này, lửa cháy các phương sẽ có kết quả như thế này, động đất sẽ có kết quả như thế này, sấm trời sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời các sao mọc lặn sáng mờ sẽ có kết quả như thế này". Còn vị ấy thì tránh xa không tự nuôi sống bằng tà mạng kể trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

60. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng tà mạng, như đoán trước: "Sẽ có nhiều mưa, sẽ có đại hạn, sẽ được mùa, sẽ mất mùa, sẽ được an ổn, sẽ bị hiểm họa, sẽ có bệnh, sẽ không có bệnh, hay làm các nghề như đếm trên ngón tay, kế toán, cộng số lớn, làm thư, làm theo thế tình". Còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng kể trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

61. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng, như sắp đặt ngày lành để rước dâu hay rể về nhà, sắp đặt ngày lành để đưa dâu hay rể, lựa ngày giờ tốt để hòa giải, lựa ngày giờ tốt để chia rẽ, lựa ngày giờ tốt để đòi nợ, lựa ngày giờ tốt để cho mượn hay tiêu tiền, dùng bùa chú để

giúp người được may mắn, dùng bùa chú để khiến người bị rủi ro, dùng bùa chú để phá thai, dùng bùa chú làm cồng lười, dùng bùa chú khiến quai hàm không cử động, dùng bùa chú khiến người phải bỏ tay xuống, dùng bùa chú khiến tai bị điếc, hỏi gương soi, hỏi phù đồng thiếu nữ, hỏi thiên thần để biết họa phúc, thờ mặt trời, thờ đại địa, phun ra lửa, cầu Siri thần tài. Còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng kể trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

62. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng, như dùng các ảo thuật để được yên ổn, để khỏi làm các điều đã hứa, để được che chở khi ở trong nhà bằng đất, để dương được thịnh, để làm người liệt dương, để tìm đất tốt làm nhà, để cầu phúc cho nhà mới, lễ rửa miệng, lễ tắm, lễ hy sinh, làm cho mưa, làm cho xỏ, bài tiết các nhơ bẩn về phía trên, bài tiết các nhơ bẩn về phía dưới, tẩy tịnh trong đầu, thoa dầu trong tai, nhỏ thuốc mắt, cho thuốc qua lỗ mũi, xúc thuốc mắt, thoa dầu cho mắt, chữa bệnh cho mắt, làm thầy thuốc, mổ xẻ chữa bệnh cho con nít, cho thuốc uống bằng các loại rễ cây, ngăn ngừa công hiệu của thuốc. Còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng kể trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

63. Và như vậy, Đại vương, vị Tỷ-kheo ấy, nhờ đầy đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Đại vương, như một vị Sát đế lỵ đã làm lễ quán đảnh, đã hàng phục kẻ thù địch, không còn thấy sợ hãi từ chỗ nào nữa về phương diện thù địch. Cũng vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo ấy nhờ đầy đủ giới luật, nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Vị ấy nhờ đầy đủ giới luật cao quý này, nên hưởng lạc thọ, nội tâm không vẩn đục. Như vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo đầy đủ giới luật.

64. Đại vương, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn?

Này Đại vương, khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, khiến nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thiết hành sự hộ trì nhãn căn.

Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thiết

hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy, nhờ sự hộ trì cao quý các căn ấy, nên hưởng lạc thọ nội tâm, không vẩn đục. Như vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo hộ trì các căn.

65. Đại vương, thế nào là Tỷ-kheo chánh niệm tỉnh giác?

Đại vương, ở đây, Tỷ-kheo khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thọ dụng y đều tỉnh giác, khi ăn, uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác. Như vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo chánh niệm tỉnh giác.

66. Đại vương, thế nào là Tỷ-kheo biết đủ?

Ở đây Tỷ-kheo bằng lòng với tám y để che thân, với đồ ăn khát thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo (y và bình bát). Đại vương, cũng như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh; cũng vậy, Đại vương, vị Tỷ-kheo bằng lòng với tám y để che thân, với đồ ăn khát thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo. Như vậy, này Đại vương, là Tỷ-kheo biết đủ.

67. Vị ấy, với giới uân cao quý này, với sự hộ trì các

căn cao quý này, với chánh niệm tỉnh giác cao quý này, với hạnh biết đủ cao quý này, lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch, như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đồng rơm. Sau khi đi khất thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết già, lưng thẳng tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt.

68. Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái. Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm, thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm và thụy miên; với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm, thụy miên. Từ bỏ trạo cử hồi tiếc, vị ấy sống không trạo cử, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử, hồi tiếc. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

69. Nay Đại vương, như một người mắc nợ, liền làm các nghề nghiệp. Những nghề này được phát đạt, người ấy không những trả được nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng vợ. Người ấy nghĩ: "Ta trước kia mắc nợ nên làm các nghề nghiệp. Những nghề này được phát đạt, ta không những trả được nợ cũ, còn có tiền

đur để nuôi dưỡng vợ". Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

70. Nay Đại vương, như một người bị bệnh, đau đớn, trầm trọng, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu. Sau một thời gian người ấy khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục. Người ấy nghĩ: "Ta trước kia bị bệnh, đau đớn trầm trọng, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu. Nay ta khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục". Người ấy nhờ vậy được sung sướng hoan hỷ.

71. Nay Đại vương, như một người bị nhốt trong ngục. Người ấy sau một thời gian, được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, tài sản không bị giảm tổn. Người ấy nghĩ: "Ta trước kia bị nhốt trong ngục, nay ta được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, tài sản không bị giảm tổn". Người ấy nhờ vậy được sung sướng hoan hỷ.

72. Nay Đại vương, như một người nô lệ, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại. Người ấy, sau một thời gian, thoát khỏi cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, một người được giải thoát, được tự do đi lại. Người ấy nghĩ: "Ta trước kia bị cảnh nô lệ, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại. Nay ta thoát cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người

khác, một người được giải thoát, được tự do đi lại".
Người ấy nhờ vậy được sung sướng hoan hỷ.

73. Nay Đại vương, như một người giàu có, nhiều tài sản, đang đi qua bãi sa mạc, thiếu lương thực, đầy những nguy hiểm. Người ấy, sau một thời gian đã đi khỏi sa mạc, đến đầu làng vô sự, yên ổn, không có nguy hiểm. Người ấy nghĩ: "Ta trước kia giàu có, nhiều tài sản, đi qua bãi sa mạc thiếu lương thực, đầy những nguy hiểm. Nay ta đã đi qua khỏi bãi sa mạc ấy, đến đầu làng vô sự, yên ổn, không có nguy hiểm".
Người ấy nhờ vậy được sung sướng hoan hỷ.

74. Như vậy, nay Đại vương, Tỷ-kheo tự mình quán năm triền cái chưa xả ly, như món nợ, như bệnh hoạn, như ngục tù, như cảnh nô lệ, như con đường sa mạc. Nay Đại vương, cũng như không mắc nợ, như không bệnh tật, như được khỏi tù tội, như được tự do, như đất lành yên ổn, nay Đại vương, Tỷ-kheo quán năm triền cái khi diệt trừ chúng.

75. Khi quán tự thân đã xả ly năm triền cái ấy, hân hoan sanh; do hân hoan nên hỷ sanh; do tâm hoan hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh. Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp, chứng và trú thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm, với tứ. Tỷ-kheo

thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

76. *Này Đại vương, như một người hầu tắm lão luyện hay đệ tử người hầu tắm. Sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước, cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướt, trào trộn với nước ướt, thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước, nhưng không chảy thành giọt.* Cũng vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân hình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

➔ Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

77. Lại nữa, này Đại vương, Tỷ-kheo ấy diệt tâm và tứ, chứng và trú thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm Tỷ-kheo ấy thấm nhuần, tắm ướt làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần.

78. *Này Đại vương, ví như một hồ nước, nước từ trong dâng lên, phương Đông không có lỗ nước chảy ra, phương Tây không có lỗ nước chảy ra, phương Bắc không có lỗ nước chảy ra, phương Nam không có lỗ nước chảy ra, và thỉnh thoảng trời lại mưa lớn. Suối nước mát từ hồ nước ấy phun ra thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy hồ nước ấy, với nước mát lạnh, không một chỗ nào của hồ nước ấy không được nước mát lạnh thấm nhuần. Cũng vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo thấm nhuần tắm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân, không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần.*

➔ *Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.*

79. *Lại nữa, này Đại vương, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là "Xả niệm lạc trú", chứng và an trú thiền thứ ba. Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân, không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần.*

80. *Này Đại vương, ví như trong hồ sen xanh, hồ sen*

hồng, hồ sen trắng, có những sen xanh, sen hồng hay sen trắng. Những bông sen ấy sanh trong nước, lớn lên trong nước, không vượt khỏi nước, nuôi sống dưới nước, từ đầu ngọn cho đến gốc rễ đều thấm nhuần tấm ướt, đầy tràn thấu suốt bởi nước mát lạnh ấy, không một chỗ nào của toàn thể sen xanh, sen hồng hay sen trắng không được nước mát lạnh ấy thấm nhuần. Cũng vậy, này Đại vương Tỷ-kheo thấm nhuần, tấm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần.

→ Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

81. Lại nữa, này Đại vương, Tỷ-kheo, xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú vào thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Tỷ-kheo ấy thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần.

82. Này Đại vương, ví như một người ngồi, dùng tấm vải trắng trùm đầu, không một chỗ nào trên toàn

thân không được vải trắng ấy che giấu. Cũng vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh, trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần.

→ Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu, thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

83. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vì ấy biết: Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phán toái, đoạn tuyệt, hoại diệt, trong thân ấy thức ta lại nương tựa và bị trói buộc.

84. Này Đại vương, ví như một hòn lưu ly bảo châu, đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo dũa, khéo mài, sáng chói, không uế trước, đầy đủ tất cả mỹ tướng. Và một sợi giây được xuyên qua hòn ngọc ấy, sợi giây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt. Một người có mắt cầm hòn ngọc ấy trên tay sẽ thấy: Hòn lưu ly bảo châu này, đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo dũa, khéo mài, sáng chói,

không uế trước, đầy đủ tất cả mỹ tướng. Và sợi giây này được xuyên qua hòn ngọc ấy, sợi giây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt.

Cũng vậy, này Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy. Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phần toái, đoạn tuyệt, hoại diệt. Trong thân ấy thức ta lại nương tựa và bị trói buộc.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu và thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

85. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo **chú tâm, hướng tâm đến sự hóa hiện một thân do ý làm ra**. Vị ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý làm ra, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào.

86. Này Đại vương, ví như một người rút một cây lau ra ngoài vỏ. Người ấy nghĩ: Đây là vỏ, đây là cây

lau; vỏ khác, cây lau khác và cây lau từ vỏ rút ra. Này Đại vương, ví như một người rút thanh kiếm từ bao kiếm; thanh kiếm khác, bao kiếm khác, và thanh kiếm từ nơi bao kiếm rút ra. Này Đại vương, ví như một người lột xác một con rắn. Người ấy nghĩ: Đây là con rắn, đây là xác rắn, con rắn khác, xác rắn khác, và con rắn từ nơi xác rắn được lột ra.

Cũng vậy, này Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến sự hiện hóa một thân do ý làm ra. Vị ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý tạo thành, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

87. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo **dẫn tâm, hướng tâm đến các thần thông.** Vị ấy chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn

thỏ, trôi lên ngang qua đất liền, như ở trong nước; đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngồi kiết già đi trên hư không như con chim; với bàn tay, chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

88. Nay Đại vương, ví như một người thợ gốm khéo tay, hay chế tử người thợ gốm, với đất sét khéo nhồi nhuyễn, có thể làm các loại đồ gốm tùy theo sở thích. Nay Đại vương, ví như một người thợ ngà khéo tay, hay chế tử người thợ ngà, với ngà khéo đẽo dũa có thể làm các loại đồ ngà tùy theo sở thích. Nay Đại vương, ví như người thợ vàng khéo tay hay chế tử người thợ vàng, với vàng khéo tinh nhuyễn có thể làm cho các loại đồ vàng tùy theo sở thích.

Cũng vậy này Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm hướng tâm đến các thần thông. Vị ấy chứng được các thần thông một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi, như đi ngang qua hư không; độn thổ trôi lên, ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết già đi trên hư không như

con chim; với bàn tay chạm và sờ mặt trời và mặt trăng, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

Này Đại vương đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

89. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo **dẫn tâm, hướng tâm đến thiên nhĩ thông**. Tỷ-kheo với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân có thể nghe hai loại tiếng, chư Thiên và Ngươi, xa và gần.

90. Này Đại vương, ví như một người đang đi qua đường, nghe tiếng trống lớn, tiếng trống nhỏ, tiếng loa, tiếng xập xõa và tiếng kiếng. Người ấy nghĩ: "Đây là tiếng trống lớn, đây là tiếng trống nhỏ, đây là tiếng loa, tiếng xập xõa, tiếng kiếng".

Cũng vậy, này Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến thiên nhĩ thông. Tỷ-kheo với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng, chư Thiên và Ngươi, xa và gần.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

91. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo **dẫn tâm, hướng tâm đến tha tâm thông**. Tỷ-kheo sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài người với tâm của mình, vị ấy biết được như sau:

- Tâm có tham, biết là tâm có tham. Tâm không có tham, biết là tâm không có tham.
- Tâm có sân, biết là tâm có sân. Tâm không có sân, biết là tâm không có sân.
- Tâm có si, biết là tâm có si. Tâm không có si, biết là tâm không có si.
- Tâm chuyên chú, biết là tâm chuyên chú. Tâm tán loạn, biết là tâm tán loạn.
- Đại hành tâm, biết là đại hành tâm. Không phải đại hành tâm, biết không phải là đại hành tâm.
- Tâm chưa vô thượng, biết là tâm chưa vô thượng, Tâm vô thượng, biết là tâm vô thượng.

- Tâm thiền định, biết là tâm thiền định. Tâm không thiền định, biết là tâm không thiền định.
- Tâm giải thoát, biết là tâm giải thoát. Tâm không giải thoát, biết là tâm không giải thoát.

92. Nay Đại vương, ví như một người đàn bà, một người đàn ông, một thiếu niên trẻ hay một thanh niên ưa trang sức, nhìn mặt của mình trong tấm gương trong sạch, sáng suốt hay một chậu nước trong. Nếu mặt có tỳ vết, liền biết mặt có tỳ vết; nếu mặt không có tỳ vết, liền biết mặt không có tỳ vết.

Cũng vậy, nay Đại vương, với tâm định tĩnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến tha tâm thông. Tỷ-kheo sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của mọi người với tâm của mình, vị ấy biết được như sau:

- Tâm có tham, biết tâm có tham. Tâm không có tham, biết tâm không có tham.
- Tâm có sân biết tâm có sân. Tâm không có sân, biết tâm không có sân. .
- Tâm có si, biết tâm có si. Tâm không có si, biết

tâm không có si.

- Tâm chuyên chú, biết là tâm chuyên chú. Tâm tán loạn, biết là tâm tán loạn.
- Đại hành tâm, biết là đại hành tâm; không phải là đại hành tâm, biết không phải là đại hành tâm.
- Tâm chưa vô thượng, biết là tâm chưa vô thượng. Tâm vô thượng, biết là tâm vô thượng.
- Tâm thiền định, biết là tâm thiền định. Tâm không thiền định, biết là tâm không thiền định.
- Tâm giải thoát, biết là tâm giải thoát. Tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát.

93. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo **dẫn tâm, hướng tâm đến túc mạng minh**. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ

rằng: "Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây". Như vậy Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

94. Nay Đại vương, ví như một người đi từ làng mình đến làng khác, từ làng ấy đi đến một làng khác nữa, và từ làng này lại trở về làng của mình. Người ấy nghĩ: "Ta từ làng của mình đi đến làng kia, nơi đây ta đã đứng như thế này, đã ngồi như thế này, đã nói như thế này, đã yên lặng như thế này. Từ nơi làng nọ, ta đã trở về làng của ta".

Cũng vậy, này Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại

kiếp và thành kiếp. Vị ấy nhớ: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra chỗ nọ, tại đây, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây". Như vậy, Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

- Đây Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu, thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

95. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, **hướng tâm đến trí huệ về sanh tử của chúng sanh**. Vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng: "Đây các Hiền giả, những Tôn giả này làm những điều ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến.

Những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nay các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến, những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, trên đời này. Như vậy vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng.

96. - Nay Đại vương, ví như một tòa lầu có thượng đài, giữa ngã tư đường, một người có mắt đứng trên ấy, sẽ thấy những người đi vào nhà, đi từ nhà ra, đi qua lại trên đường, ngồi ở giữa ngã tư hay trên đài thượng. Người ấy nghĩ: "Những người này đi vào nhà, những người này đi từ nhà ra, những người này đi qua lại trên đường, những người này ngồi giữa ngã tư, trên đài thượng".

Cũng vậy, nay Đại vương với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, siêu

nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng: *Này các Hiền giả, những chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến, những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm các thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến, những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, trên đời này. Như vậy, với thiên nhân thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh, vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng. *Này Đại vương, đó là quả thiết thực, hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.**

97. "Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo **dẫn tâm, hướng tâm đến lậu tận trí**. Vị ấy biết như thật "đây là khổ", biết như thật "đây là nguyên nhân của khổ", biết như

thật "đây là khổ diệt", biết như thật "đây là con đường đưa đến khổ diệt", biết như thật "đây là những lậu hoặc", biết như thật "đây là nguyên nhân của lậu hoặc", biết như thật "đây là sự diệt trừ các lậu hoặc", biết như thật "đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc". Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: Ta đã giải thoát. Vị ấy biết: Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm; sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa.

98. - Nay Đại vương, ví như tại dãy núi lớn có một hồ nước, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Một người có mắt, đứng trên bờ sẽ thấy con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá bơi qua lại hay đứng một chỗ. Vị ấy nghĩ: "Đây là hồ nước thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Đây là những con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá đang bơi qua lại hay đứng yên một chỗ".

Cũng vậy, này Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy. Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến lậu tận trí. Vị ấy biết như thật: "Đây là khổ", biết như thật "đây là nguyên nhân

của khổ", biết như thật "đây là khổ diệt", biết như thật "đây là con đường đưa đến khổ diệt", biết như thật "đây là những lậu hoặc", biết như thật "đây là nguyên nhân của lậu hoặc", biết như thật "đây là sự diệt trừ các lậu hoặc", biết như thật "đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc". Nhờ hiểu biết như vậy, nhờ nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát, vị ấy biết: Sanh đã tận, phàm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm; sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

→ Này Đại vương, không có một quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn nào vi diệu và thù thắng hơn quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn này.

99. Được nghe nói vậy, Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha bạch Thế Tôn: "Thật là vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật là vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem

đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Và nay con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chúng, con trọn đời quy ngưỡng. Bạch Thế Tôn, con đã phạm một trọng tội. Vì ngu si, vì vô minh, vì bất thiện, con đã hại mạng phụ vương con, một vị vua chơn chánh, để đạt vương quyền. Mong Thế Tôn nhận cho con tội ấy là một tội để con ngăn chặn về tương lai".

100. Đại vương, thật là một trọng tội. Vì ngu si, vì vô minh, vì bất thiện, Đại vương đã hại mạng phụ vương, một vị vua chơn chánh, để đoạt vương quyền. Vì Đại vương đã thấy tội ấy là một tội, đã thú tội đúng với Chánh pháp, Ta nhận tội ấy cho Đại vương. Đó là một sự tiến bộ, này Đại vương, trong luật pháp của bậc Thánh, những ai thấy tội là tội, thú tội đúng với Chánh pháp, và ngăn chặn ở tương lai.

101. Được nghe nói vậy, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, nay chúng con phải cáo từ, chúng con có nhiều bồn phận, nhiều việc phải làm".

Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ ra là

phải thời.

Lúc bấy giờ, Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha hoan hỷ tán thán lời dạy của Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Thế Tôn và từ biệt.

102. Lúc bấy giờ, khi Ajàtasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha đi chưa bao lâu, Thế Tôn liền bảo các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, tâm vua ấy rất ăn năn, nay các Tỷ-kheo, tâm vua ấy rất hối lỗi. Nếu vua ấy không hại mạng vua cha, một vị vua rất chân chánh, thì tại ngay chỗ ngồi này, vua ấy đã chứng được pháp nhãn, không trần cấu, không ô uế.

Thế Tôn thuyết pháp như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

269 Kết tội ai - Kinh BUỘC TỘI – Tăng II, 627

BUỘC TỘI – Tăng II, 627

1. Tại đây, Tôn giả Sàriputta bảo các Tỷ-kheo:

- Nay các Hiền giả, khi Tỷ-kheo buộc tội muốn buộc tội người khác, hãy an trú nội tâm năm pháp rồi hãy buộc tội.

2. Thế nào là năm?

- "Tôi sẽ nói **đúng thời**, không phải phi thời";
- "Tôi sẽ nói **chơn thật**, không phải phi chơn";
- "Tôi sẽ nói **nhu hòa**, không phải thô bạo";
- "Tôi sẽ nói **liên hệ đến lợi ích**, không phải lời không liên hệ đến lợi ích";
- "Tôi sẽ nói với **từ tâm**, không phải sân tâm".

Này các Hiền giả, khi vị Tỷ-kheo buộc tội muốn buộc tội người khác, hãy an trú nội tâm năm pháp rồi hãy buộc tội.

3. Ở đây, này các Hiền giả, tôi thấy:

- Có người bị buộc tội phi thời, nhưng phản ứng không đúng thời;

- Có người bị buộc tội phi chơn và có phản ứng không chơn thực;
- Bị buộc tội thô bạo và có phản ứng không nhu hòa;
- Bị buộc tội không liên hệ đến lợi ích và có phản ứng không liên hệ đến lợi ích;
- Bị buộc tội với sân tâm và có phản ứng không có từ tâm.

4. Tỷ-kheo buộc tội phi pháp, có năm lý do không cần sắp đặt sám hối:

- "Tôn giả bị buộc tội phi thời, không đúng thời, như vậy vừa đủ để Tôn giả không sám hối";
- "Tôn giả bị buộc tội phi chơn, không phải chơn thực, như vậy vừa đủ để Tôn giả không sám hối";
- "Tôn giả bị buộc tội thô bạo, không có nhu hòa, như vậy vừa đủ để Tôn giả không sám hối";
- "Tôn giả bị buộc tội không liên hệ đến lợi ích, không phải liên hệ đến lợi ích, như vậy vừa đủ để Tôn giả không sám hối";
- "Tôn giả bị buộc tội với sân tâm, không với từ tâm, như vậy vừa đủ để Tôn giả không sám hối".

Tỷ-kheo bị buộc tội một cách phi pháp, có năm lý do này không cần phải sắp đặt sám hối.

5. Tỷ-kheo buộc tội phi pháp, có năm lý do cần sắp đặt sám hối:

- "Hiền giả đã buộc tội phi thời, không phải đúng thời, như vậy vừa đủ để Hiền giả sám hối";
- "Hiền giả đã buộc tội phi chơn, không phải chơn thực, như vậy vừa đủ để Hiền giả sám hối";
- "Hiền giả đã buộc tội thô bạo, không có nhu hòa, như vậy vừa đủ để Hiền giả sám hối";
- "Tôn giả đã buộc tội liên hệ đến không lợi ích, không phải liên hệ đến lợi ích, như vậy vừa đủ để Hiền giả sám hối";
- "Hiền giả đã buộc tội với sân tâm, không với từ tâm, như vậy vừa đủ để Hiền giả sám hối".

Tỷ-kheo buộc tội phi pháp, này các Hiền giả, có năm lý do này cần phải sắp đặt sám hối. Vì sao? Vì rằng nhờ vậy không một Tỷ-kheo nào khác nghĩ rằng có thể buộc tội phi chơn.

6. Ở đây, này các Hiền giả, tôi thấy:

- Có người bị buộc tội đúng thời, không phản ứng phi thời;
- Bị buộc tội chơn thực, không phản ứng phi chơn;
- Bị buộc tội nhu hòa, không phản ứng thô bạo;

- Bị buộc tội liên hệ đến lợi ích, không phản ứng không liên hệ đến lợi ích;
- Bị buộc tội với từ tâm, không phản ứng với sân tâm.

7. Tỷ-kheo bị buộc tội đúng pháp, có năm lý do cần phải sắp đặt sám hối:

- "Tôn giả bị buộc tội đúng thời, không phải phi thời, như vậy vừa đủ để Tôn giả sám hối";
- "Tôn giả bị buộc tội chơn thực, không phải phi thực, như vậy vừa đủ để Tôn giả sám hối";
- "Tôn giả bị buộc tội nhu hòa không thô bạo, như vậy vừa đủ để Tôn giả sám hối";
- "Tôn giả bị buộc tội liên hệ đến lợi ích, không phải liên hệ đến lợi ích, như vậy vừa đủ để Tôn giả sám hối";
- "Tôn giả bị buộc tội với từ tâm, không với sân tâm, như vậy vừa đủ để Tôn giả sám hối".

Tỷ-kheo bị buộc tội đúng pháp có năm lý do này, cần phải sắp đặt sám hối.

8. Tỷ-kheo buộc tội đúng pháp, có năm lý do để không phải sắp đặt sám hối:

- "Hiền giả buộc tội đúng thời, không phải phi thời, như vậy vừa đủ để Hiền giả không sám hối";
- "Hiền giả bị buộc tội chơn thực, không phải phi thực, như vậy vừa đủ để Hiền giả không sám hối";
- "Tôn giả bị buộc tội thô bạo, không có nhu hòa, như vậy vừa đủ để Tôn giả không sám hối";
- "Tôn giả bị buộc tội không liên hệ đến lợi ích, không phải liên hệ đến lợi ích, như vậy vừa đủ để Hiền giả không sám hối";
- "Hiền giả bị buộc tội với từ tâm, không với sân tâm, như vậy vừa đủ để Hiền giả không sám hối".

Này các Hiền giả, Tỷ-kheo buộc tội đúng pháp, do năm lý do này không cần phải sắp đặt sám hối. Vì sao? Vì nhờ vậy, các Tỷ-kheo khác nghĩ rằng buộc tội cần phải đúng pháp.

9. Người bị buộc tội, thưa các Hiền giả, cần phải an trú trong hai pháp: chơn thực và bất động. Này các Hiền giả, nếu các người khác buộc tội tôi, đúng thời hay phi thời, chơn thực hay phi chơn, nhu hòa hay thô bạo, liên hệ đến lợi ích hay không liên hệ đến lợi ích, với từ tâm hay với sân tâm, thì cần phải an trú trong hai pháp: Chơn thực và bất động. Nếu tôi biết:

"Pháp này có trong tôi", nếu tôi nghĩ là "có", tôi sẽ nói: "Pháp này có trong tôi". Nếu tôi biết: "Pháp này không có trong tôi", nếu tôi nghĩ là "không có", tôi sẽ nói: "Pháp này không có trong tôi".

10. Thế Tôn nói:

- Như vậy này Sàriputta, khi Thầy nói như vậy, ở đây có một số người ngu nào không có khả năng nắm được vấn đề?

11. - Bạch Thế Tôn, những người nào không có lòng tin, với mục đích mưu sống, không vì lòng tin xuất gia từ bỏ gia đình; những người xảo trá, lường gạt, hư ngụy, mất thẳng bằng, cao mạn, dao động, lắm lời, nói phô tạp nhạp, không hộ trì các căn, ăn uống không tiết độ, không chú tâm cảnh giác, thờ ơ với Sa-môn hạnh, không tôn kính học tập, sống quá đầy đủ, uể oải, đi đầu trong thói thất, từ bỏ gánh nặng, viễn ly, biếng nhác, tinh cần thấp kém, thất niệm, không tỉnh giác, không định tâm, tâm tán loạn, liệt tuệ, câm ngong; khi con nói như vậy, họ không có khả năng nắm được vấn đề.

Nhưng các thiện nam tử, bạch Thế Tôn, vì lòng tin xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, không xảo trá, lường gạt, không hư ngụy, không mất thẳng bằng, không cao mạn, không dao động, không lắm

lời, không nói tạp nhạp, hộ trì các căn, ăn uống có tiết độ, chú tâm cảnh giác, không thờ ơ với Sa-môn hạnh, tôn kính học tập, không sống quá đầy đủ, không uể oải, từ bỏ gánh nặng đọa lạc, đi đâu trong đời sống viễn ly, tinh cần tinh tấn, siêng năng, an trú chánh niệm tỉnh giác, định tĩnh, nhất tâm, có trí tuệ, không câng ngọng. Khi con nói như vậy, các vị này có khả năng nắm giữ vấn đề.

12. - Nay Sàriputta, các Thầy không vì lòng tin xuất gia từ bỏ gia đình... liệt tuệ, câng ngọng, hãy để họ một bên.

Nhưng này Sàriputta, những thiện nam tử, vì lòng tin xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình... không câng ngọng, hãy nói chuyện với họ. Hãy giáo giới các vị đồng Phạm hạnh, hãy giảng dạy, này Sàriputta, các vị đồng Phạm hạnh nghĩ rằng: **"Sau khi giúp ra khỏi phi diệu pháp, tôi an trú các vị đồng Phạm hạnh trong diệu pháp"**.

270 không nên đến gia đình này - Kinh GIA ĐÌNH – Tăng III, 287

GIA ĐÌNH – Tăng III, 287

1. - Nay các Tỷ-kheo, gia đình nào thành tựu bảy chi phần; nếu chưa đến thăm, thời không xứng đáng để đi đến, nếu đã đến thăm, thời không xứng đáng để ngồi xuống.

2. Thế nào là bảy?

- Không vui vẻ đứng dậy,
- Không vui vẻ chào đón,
- Không vui vẻ mời ngồi;
- Có chỗ ngồi đem giấu đi;
- Từ nhiều họ cho ít,
- Từ đồ thù thắng, họ cho đồ thô xấu;
- Họ cho không có kính trọng, không có kính lễ.

Nay các Tỷ-kheo, gia đình nào thành tựu bảy chi phần này; nếu chưa đến, thời không xứng đáng để đến; nếu đã đến, thời không xứng đáng để đến; nếu đã đến, thời không xứng đáng để ngồi xuống.

271 không đúng thời - Kinh KHÔNG PHẢI THỜI – Tăng III, 590

KHÔNG PHẢI THỜI – Tăng III, 590

1. - "Làm việc đúng thời là thế giới, làm việc đúng thời là thế giới ", này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phạm phu nói như vậy, nhưng vị ấy không biết đúng thời và phi thời.

Này các Tỷ-kheo, có tám phi thời, phi thời tiết cho đời sống Phạm hạnh.

Thế nào là tám?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Và pháp được giảng đưa đến an tịnh, đưa đến tịch tịnh, đưa đến giác ngộ, được bậc Thiện Thệ tuyên bố. Và người này lại bị sanh vào địa ngục. Này các Tỷ-kheo, đây là phi thời, phi thời tiết thứ nhất cho đời sống Phạm hạnh.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ... Phật, Thế

Tôn và pháp được giải đưa đến an tịnh, đưa đến tịch tịnh, đưa đến giác ngộ, được bậc Thiện Thệ tuyên bố. Và người này lại bị sanh vào loại bàng sanh ...

... người này lại bị sanh vào cõi nga quý ...

... người này lại bị sanh vào giữa chư Thiên có thọ mạng lâu dài ...

... người này lại bị sanh vào các biên địa, giữa những kẻ vô trí moi rờ, tại đây, không có hướng đi cho các Tỷ-kheo, các Tỷ kheo ni, cho các nam cư sĩ, nữ cư sĩ ...

... và người này được sanh vào chánh địa, nhưng lại có tà kiến, có tri kiến đảo ngược: "Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thực, các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có mẹ, không có cha, không có hóa sanh, ở đời không có những Sa-môn, những Bà-la-môn chánh hướng chánh hạnh, đã tự mình chứng tri giác ngộ ở đời này, đời khác và truyền dạy lại » ...

... và người này được sanh vào chánh địa, nhưng người ấy lại ác tuệ, si mê, căm điếc, không có thể hiểu rõ ý nghĩa của một lời nói khéo, nói hay, nói dõ.

Này các Tỷ-kheo, đây là phi thời, phi thời tiết thứ tám cho đời sống Phạm hạnh.

4. Này các Tỷ-kheo, có tám phi thời, phi thời tiết này cho đời sống Phạm hạnh.

5. Này các Tỷ-kheo, **chỉ có một chánh thời**, một chánh thời tiết này cho đời sống Phạm hạnh. Thế nào là một?

6. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Thế Tôn xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Và pháp được giảng đưa đến an tịnh, đưa đến tịch tịnh, đưa đến giác ngộ, được bậc Thiện Thệ tuyên bố. Và người này được sanh vào chánh địa, vị ấy có trí tuệ, không si mê, không câ mê, có thể hiểu rõ ý nghĩa của một lời nói khéo, nói hay, nói dõ. Này các Tỷ-kheo, đây là chánh thời, chánh thời tiết độc nhất cho đời sống Phạm hạnh.

*Ai được sanh làm người
Khi diệu pháp được giảng
Lại không nắm được thời
Họ vượt qua khỏi thời
Nhiều phi thời được nói
Làm chướng ngại con người*

Chỉ năm khi mười họa
Như Lai hiện ở đời
Được gặp mặt với Ngài
Rất khó được ở đời
Được sanh ra làm người
Và diệu pháp được giảng
Vừa đủ để tinh tấn
Với ai muốn lợi ích
So biết rõ diệu pháp
Lại để thời vượt qua!
Kẻ để thời gian qua
Sâu muộn tại địa ngục
Ở đây ai bỏ rơi
Quyết định tánh diệu pháp
Như kẻ buôn mất của
Sẽ sâu nã lâu ngày.
Người vô minh bao phủ
Vi phạm đến diệu pháp
Phải chịu đặng lâu ngày
Lưu chuyển trong sanh tử
Ai được sanh làm người
Trong thời pháp khéo giảng
Quá khứ, hiện, vị lai
Làm theo lời Đạo Sư
Nắm được thời ở đời
Cho vô thượng Phạm hạnh
Ai đã bước con đường

*Do Như Lai thuyết giảng
Những ai sống chế ngự
Do bậc pháp nhãn dạy
Như đã được thuyết giảng
Bậc Bà con mặt trời
Hãy sống thường chánh niệm
Hộ trì không tham dục
Chặt đứt mọi tùy miên
Không chạy theo ma giới
Các vị ấy ở đời
Đến được bờ bên kia
Và họ cũng đạt được
Các lậu hoặc đoạn tận.*